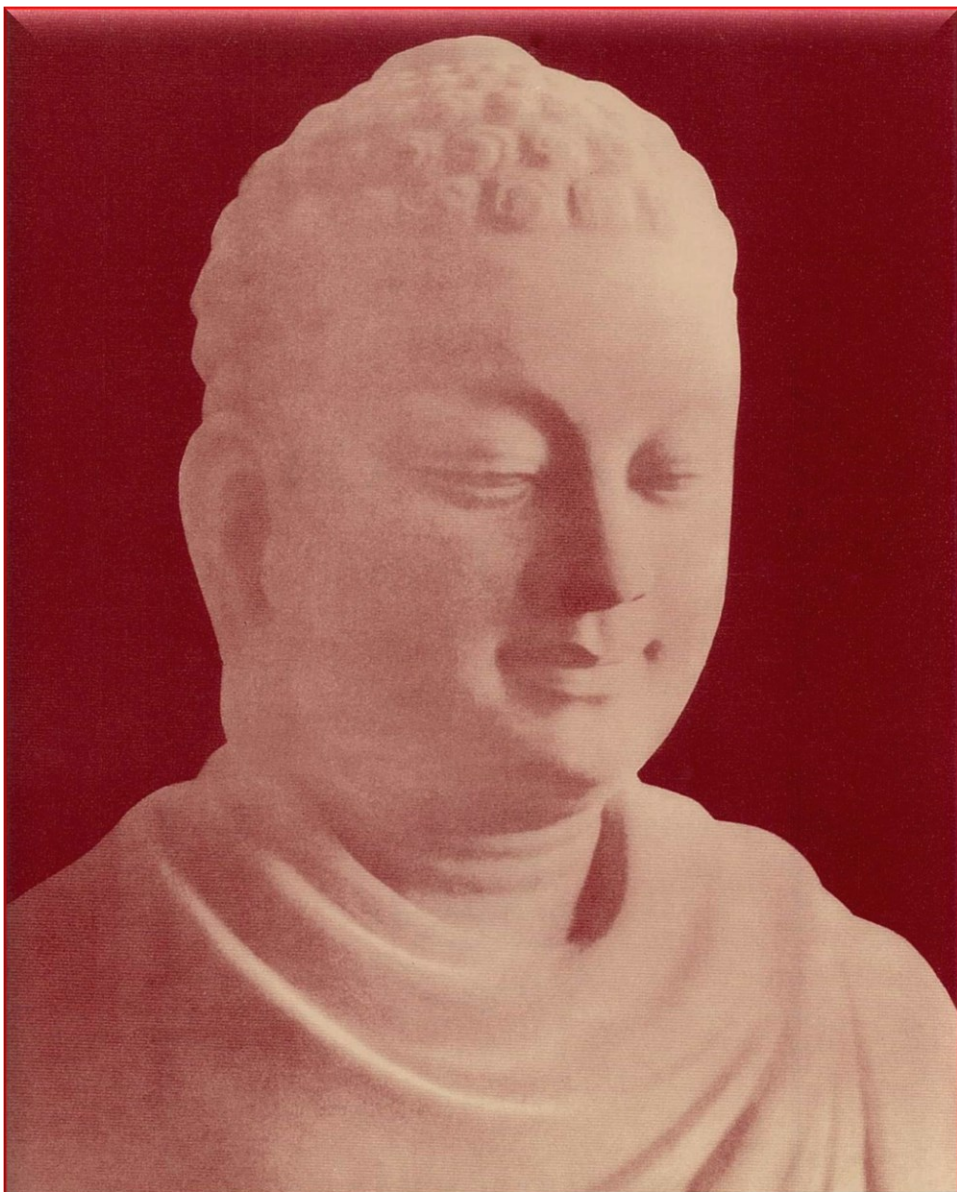


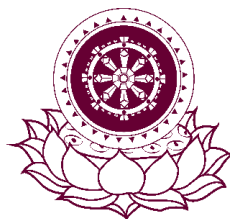


NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ SỬ TRUYỆN 9 – T187

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

BỘ SỬ TRUYỆN
IX



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

BỘ SỬ TRUYỆN
IX

SỐ 2066 → 2076

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LĨNH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

- 1. Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
- 2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
- 3. Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đẳng Tối Chánh Giác...
- 4. Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

- 1. Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ân quang, rừng Thi lợi...
- 2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
- 3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
- 4. Chủng loại:** chư Thiên
- 5. Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

- 1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
- 2. Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
- 3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
- 4. Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
- 5. Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ SỬ VỤNG 9 - T187

SỐ 2066.....	3
SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI	
ĐẠI ĐƯỜNG	3
QUYỂN THƯỢNG	3
QUYỂN HẠ.....	47
SỐ 2067.....	95
TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA	95
QUYỂN 1	95
ĐỒ TƯỢNG	95
QUYỂN 2	110
QUYỂN 3	138
QUYỂN 4	170
QUYỂN 5	185
QUYỂN 6	210
QUYỂN 7	247
QUYỂN 8	280
QUYỂN 9	325
QUYỂN 10	343
BÀI TỰA SỐ KINH PHÁP HOA CỦA NGÀI THIÊN THAI.	392
SỐ 2068.....	399
TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA	399
QUYỂN 1	399
I. BỘ LOẠI THÊM BỚT.	403
II. ẮN HIỀN KHÁC THỜI	408
III. NĂM THÁNG TRUYỀN DỊCH :	417
IV. CHI PHÁI BIỆT HÀNH :	433
V. LUẬN GIẢI THÍCH KHÁC NHAU	437
QUYỂN 2	440
VI. LỜI TỰA BIÊN TẬP CỦA CÁC PHÁP SƯ:	440
VII. GIẢNG GIẢI VỀ CẢM ỨNG (phần 1).....	460
QUYỂN 3	476
VII. KHÓA GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG (Phần 2)	476
VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 1).	492
QUYỂN 4	518

VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 2)	518
QUYỀN 5	562
VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 3)	562
QUYỀN 6	607
VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 4)	607
QUYỀN 7	654
IX. ĐỌC TỤNG DIỆT TỘI:.....	654
X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ: (Phần 1).....	675
QUYỀN 8	699
X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ (Phần 2).....	699
QUYỀN 9	745
XI. LỢI ÍCH CỦA VIỆC NGHE PHÁP VÀ PHỤ NÊU HIỆN BÁO CỦA VIỆC KHINH CHÊ	745
QUYỀN 10	788
XII- Y chánh cúng dường, có phụ thêm cúng dường pháp.....	788
SỐ 2069	827
TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ TÔNG THIÊN THAI.....	827
1. SƠ TỔ BỒ TÁT LONG THỌ	829
2. TỔ SƯ TÔN GIẢ BẮC TỀ	839
3. TỔ SƯ TÔN GIẢ NAM NHẠC:	840
4. TỔ SƯ ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ GIÁO CHỦ NÚI THIÊN THAI.....	853
5. TỔ SƯ TÔN GIẢ CHƯƠNG AN:	861
6. TỔ SƯ TÔN GIẢ PHÁP HOA	872
7. TỔ SƯ TÔN GIẢ THIÊN CUNG:	872
8. TỔ SƯ TÔN GIẢ TẢ KHÊ:.....	873
9. TỔ SƯ TÔN GIẢ KINH KHÊ :	879
TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ SƯ CỦA TÔNG THIÊN THAI.....	887
HÀNH TÍCH CỦA HÒA THƯỢNG ĐẠO THÚY	888
SỐ 2070	895
VĂNG SINH TÂY PHƯƠNG TỊNH-ĐỘ THỤY ỨNG TRUYỆN.....	895
SỐ 2071	931
TỊNH-ĐỘ VĂNG SINH TRUYỆN	931
QUYỀN THƯỢNG	935
QUYỀN TRUNG.....	970
QUYỀN HẠ.....	1012
SỐ 2072	1055
VĂNG SINH TẬP	1055
LỜI TỰA	1055

QUYỂN 1	1063
I- CÁC SA MÔN VẮNG SINH:	1063
QUYỂN 2	1122
II - HẠNG VUA QUAN VẮNG SINH.....	1122
III- CÁC XỬ SĨ VẮNG SINH:	1140
IV - CÁC NI VẮNG SINH:	1151
V. CÁC PHỤ NỮ VẮNG SINH:	1153
VI - NGƯỜI ÁC VẮNG SINH:	1168
VII - SỨC SINH VẮNG SINH:	1173
* PHẦN CHÉP THÊM:.....	1175
QUYỂN 3	1187
I- CÁC THÁNH ĐỒNG QUY:	1187
II - CÁC VIỆC CẢM ỨNG LÚC CÒN SỐNG:	1195
SỐ 2073.....	1205
HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ	1205
QUYỂN 1	1205
1. BỘ LOẠI:.....	1205
2. ẨN HIỂN:.....	1207
3. TRUYỀN DỊCH :	1209
4. CHI LƯU.....	1217
5. LUẬN THÍCH:.....	1223
QUYỂN 2	1231
6. GIẢNG GIẢI (Phần Thượng):	1231
QUYỂN 3	1250
6. GIẢNG GIẢI (Phần Hạ):	1250
QUYỂN 4	1267
7- PHÚNG TỤNG, gồm các vị sau:	1267
8. CHUYỂN ĐỌC, gồm các vị sau:	1279
QUYỂN 5	1296
9. THƯ TẢ: gồm các phần sau:	1296
10. TẬP THUẬT	1303
SỐ 2074.....	1311
TRUYỆN CẢM ỨNG VỀ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT H.NG.....	1311
SỐ 2075.....	1341
LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ	1341
SỐ 2076.....	1451
CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC	1451
QUYỂN 1	1451

A. NÊU DANH HIỆU BẢY ĐỨC PHẬT.....	1452
B. MƯƠI LĂM VỊ TỔ THIÊN TRÚC:.....	1459
QUYỀN 2	1485
QUYỀN 3	1517
QUYỀN 4	1552
QUYỀN 5	1620
QUYỀN 6	1677
THIÊN SƯ ĐẠO NHẤT Ở GIANG TÂY	1680
* Đệ tử nổi pháp ngài Mã Tổ đời thứ 2 của Hoài Nhượng	1684
QUYỀN 7	1708
* Đệ tử nổi pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng.....	1710
QUYỀN 8	1736
* Đệ tử nổi pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng.....	1738
QUYỀN 9	1775
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hoài Hải-Bách Trọng trước đây, đời thứ 3.	1778
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Tạng ở Tây Đường Kiền Châu trước đây.	1801
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc, Bồ Châu.	1801
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Như Hội ở chùa Đông thuộc Hồ Nam T.đây.	1802
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hoài Uẩn chùa Chương Kính ở, Kinh Triệu.	1802
QUYỀN 10	1826
* Thiền sư Hoài Nhượng ở - Đời thứ 3.	1831
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Phổ Nguyên Nam Tuyền ở Trì Châu.	1831
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Tề An ở Diêm Quan, Hàng Châu trước đây.	1859
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết trước đây.....	1861
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Như Mãn ở chùa Phật Quang, Lạc Kinh	1862
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai trước đây.....	1863
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Thụy ở chùa Vĩnh Thái trước đây.	1864
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, U Châu trước đây.	1865
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Viên Sướng ở núi Long Nha trước đây.	1867
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Trí Thường ở chùa Qui Tông trước đây.	1867
* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Trí Tạng ở chùa Hoa Nghiêm trước đây.....	1869



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 SỬ TRUYỆN VỀ
12 CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN
13 THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI ĐẠI
14 ĐƯỜNG

15 SỐ 2066

16 (QUYỂN THƯỢNG & HẠ)
17
18
19

20 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
21 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2066

SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG
ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI
ĐẠI ĐƯỜNG

*Sa-môn Nghĩa Tịnh từ Tây Vực trở về
ở thất-lợi-Phật Thệ vùng Nam Hải
soạn ký quy tự chỉ chùa Na-lan-đa.*

QUYỀN THUỢNG

Xét thấy vùng đất Thần Châu tự thuở xưa có những vị xem nhẹ mạng sống đi cầu pháp. Pháp Hiền sư khai sáng chỗ hoang sơ, Huyền Trang theo đó mở con đường chánh, băng đèo vượt biên thùy một mình cất bước, có những vị lội lặn sông này thác nọ, v.v... tất cả đều mang hoài bão đến Thánh địa chiêm bái. Cùng một tâm nguyện đền báo từ ân, thế nhưng đường xa lắm nạn, đảo châu báu càng xa. Những hạt mầm ươm thì nhiều vô số, nhưng kết thành quả thì lại rất ít. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lẽ các cảnh tượng mịt mờ,

1 sông núi nối liền chập chùng che khuất ánh
2 mặt trời, sóng cả chập chùng ngất trời. Một
3 thân một bóng vượt ra cửa ải, nấu thân nơi
4 đỉnh núi chót vót, vượt qua muôn sông, hoặc
5 có khi mấy ngày không ăn, không uống. Điều
6 này có thể nói rằng nỗi lo lắng làm tiêu tan
7 tinh thần, sự mệt nhọc làm mất thần sắc. Đến
8 nỗi người đi gần năm mươi vị mà người ở lại
9 chỉ có vài người. Nhưng nếu đến được hết
10 Tây Trúc thì Đại Đường sẽ không có chùa,
11 bản thân họ phiêu diêu tự tại, làm người
12 khách xa xăm, không trụ hẳn nơi nào, khiến
13 cho những kẻ lưu lạc ở yên một chỗ, thân
14 không an thì đạo làm sao hưng thịnh. Than
15 ôi! Quả thật đáng khen là những bậc có tâm
16 chí thành, mong rằng ghi chép lại danh thơm
17 này truyền bá cho đời sau, tạm y cứ vào
18 những điều thấy nghe này để chép về hành
19 trạng mà thôi. Ở trong đó thứ lớp, từng bậc
20 phần nhiều là theo niên đại xa gần và còn mất
21 của thời trước để đối chiếu trước sau.

22 Pháp sư Huyền Chiếu ở Thái Châu

23 Pháp sư Đạo Hy ở Tề Châu

24 Pháp sư Sư Tiên ở Tề Châu

1 Pháp sư A-ly-da-bạt-ma người Tân-la

2 Pháp sư Tuệ Nghiệp người Tân-la

3 Pháp sư Cầu Bồn người Tân-la

4 Pháp sư Huyền Thái ở Tân-la

5 Pháp sư Huyền Khác ở Tân-la.

6 Tân-la còn có hai pháp sư là Đổ-Hóa la,

7 Phật-đà Bạt-ma ở Đổ-hóa-la.

8 Pháp sư Đạo Phương ở Tinh Châu

9 Pháp sư Đạo Sanh ở Tinh Châu

10 Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu

11 Một vị đệ tử của ngài cũng ở đây.

12 Sư Mạt-đề-tăng-ha ở Kinh đô

13 Pháp sư Huyền Hội ở Kinh đô

14 Sư Chất-đa Bạt-ma

15 Hai người con của Nhữ mẫu công chúa

16 Thổ phiên

17 Pháp sư Long.

18 Pháp sư Minh Viễn ở Ích Châu

19 Luật sư Nghĩa Lãng ở Ích Châu

20 Một vị đệ tử của ngài.

21 Pháp sư Trí Ngạn ở Ích Châu

22 Luật sư Hội Ninh ở Ích Châu

- 1 Pháp sư Vận Kỳ ở Giao Châu
- 2 Sư Mộc-xoa đề-bà ở Giao Châu
- 3 Pháp sư Khuy Xung ở Giao Châu
- 4 Pháp sư Tuệ Diễm ở Giao Châu
- 5 Pháp sư Tín Trụ
- 6 Pháp sư Trí Hành ở Ái Châu
- 7 Thiền sư Đại Thừa Đăng ở Ái Châu
- 8 Sư Tăng-già Bạt-ma ở nước Khang
- 9 Hai vị tên Trí Ngạn, Bửu Ngạn ở Cao
- 10 Xương.
- 11 Pháp sư Đàm Nhuận ở Lạc Dương
- 12 Luận sư Nghĩa Huy ở Lạc Dương
- 13 Ba vị ở thời Đại Đường
- 14 Pháp sư Tuệ Luân ở Tân-la
- 15 Pháp sư Đạo Lâm ở Kinh Châu
- 16 Pháp sư Đàm Quang ở Kinh Châu
- 17 Một vị đời Đại Đường
- 18 Thiền sư Tuệ Mạng ở Kinh Châu
- 19 Luật sư Huyền Quý ở Nhuận Châu
- 20 Pháp Sư Thiện Hạnh ở Tấn Châu
- 21 Pháp sư Linh Vận ở Dự Chương
- 22 Thiền sư Tăng Triết ở Lễ Châu và hai vị

1 đệ tử.

2 Luật sư Trí Hoằng ở Lạc Dương
3 Thiền sư Vô Hành ở Kinh Châu
4 Thiền sư Pháp Chấn ở Kinh Châu
5 Thiền sư Thừa Ngộ ở Kinh Châu
6 Luật sư Thừa Như ở Lương Châu
7 Pháp sư Đại Luật ở Lễ Châu

8 Như trên tổng cộng có năm mươi sáu vị,
9 các vị trước phần nhiều bị thất lạc. Từ ngài
10 Nghĩa Tịnh trở đi có Pháp sư Vô Hành, sư
11 Đạo Lâm, sư Tuệ Luận, sư Tăng Triết, sư Trí
12 Hoằng. Tổng cộng gồm năm vị đã khuất
13 bóng vào những năm đầu và Thiền sư Vô
14 Hành quả trọng về Tây, đến nay không
15 biết mất ở đâu.

16
17 * *Pháp sư Huyền Chiếu:*

18 Ngài là người ở Tiên Chương, Thái Châu.
19 Tiếng Phạm là Bàn-ca-xá-mạt-đề, đời
20 Đường dịch là Chiếu Tuệ. Tổ tiên Ngài nối
21 nhau làm quan. Vào những năm còn ở độ tuổi
22 thiếu niên ngài đã từ quan thoát tục, đến tuổi
23 trưởng thành muốn đến lễ bái các Thánh tích.

1 Ngài vân du khắp vùng kinh đô học hỏi kinh
2 luận. Vào năm Trinh Quán ngài đến chùa Đại
3 Hưng Thánh của Pháp sư Huyền Chứng ở.
4 Lúc đầu học tiếng Phạm, rồi sau đó chống
5 tích về Tây để trở về Kỳ viên, từ giã kinh
6 thành vượt qua sa mạc, băng qua cửa ải, qua
7 Tuyết lãnh, súc miệng ở ao thơm để lắng tâm,
8 khế hợp với bốn thệ nguyện rộng lớn. Băng
9 qua Gò Thông mà tâm chí thành thệ độ ba
10 cõi, xuyên qua Tóc Lợi đến Đê-hóa-la, vượt
11 qua biên ải Hồ Cương xa xôi, đến nước Thổ
12 Phiên, được Công chúa Văn Thành tiễn đến
13 Bắc Thiên-trúc, rồi lần đến nước Xà-lan-đà,
14 lúc chưa đến thì trên lộ trình muôn dặm hiểm
15 trở kia có lần bị giặc bắt, những thương buôn
16 bàn tính đủ cách, rồi cùng nhau nương nhờ
17 oai thần các bậc Thánh minh, trong mộng
18 hiển rõ điềm ấy, tỉnh dậy thấy bọn giặc đã
19 ngủ hết, thế là họ cùng trốn ra khỏi vòng vây,
20 cuối cùng được thoát nạn. Ngài ở nước Xa-
21 lan-đà bốn năm, được vua nước này kính
22 trọng cúng dường. Ngài học kinh luật và
23 tiếng Phạm, khi đã thông hiểu đôi chút về
24 ngôn ngữ này rồi thì đi lần về miền Nam, đến

1 Mạc-ha Bồ-đề, lại trải qua bốn mùa hạ, tiếc
2 rằng mình sinh ra nhằm thời không gặp các
3 bậc Thánh, nhưng còn may mắn được chiêm
4 bái Thánh tích, kính ngưỡng chân dung Đức
5 Từ thị, một lòng tinh thành chẳng gì thay thế
6 được. Ngài miệt mài nghiên cứu Câu-xá và
7 hiểu được đối pháp, hai giáo thanh tượng,
8 luật nghi đã được tỏ rõ từ đây. Sau đó, ngài
9 đến chùa Na-lan-đa ở lại ba năm, học các
10 luận như: Trung, Bách, v.v... với Pháp sư
11 Thắng Quang, rồi lại đến thọ giáo bộ Du-già
12 Thập Thất Địa với Đại Đức Bảo Sư Tử.
13 Thiền môn định tĩnh, thấu tận bến bờ, nắm
14 hết yếu nghĩa, rồi đến phía Bắc của Cương-
15 già-hà được Quốc vương nước Thiêm Bộ
16 cúng dường, ở lại các chùa của những vị thân
17 tín trong ba năm. Sau đó vì sứ giả Vương
18 Huyền đời Đường mời Ngài trở về cố hương,
19 nên dâng biểu tâu rằng: ngài là người thật
20 đức, bèn mong vua hạ chỉ, rồi ông đến Tây
21 Thiên tìm Pháp sư Huyền Chiếu thỉnh ngài
22 về kinh. Trên đường về đến nước Nê-ba-la,
23 nhờ Quốc vương phái người đưa tiễn đến
24 Thổ-Phiên, ở đây ngài gặp lại Công chúa Văn

1 Thành, Công chúa rất mực tôn kính, cúng
2 dường thực phẩm để ngài trở về Trung quốc.
3 Thế rồi, ngài băng qua Tây Phiên để trở về
4 Đông Hạ. Tháng chín thì từ giã Thiêm Bộ,
5 tháng giêng thì đến Lạc Dương, trong vòng
6 năm tháng trải qua chặng đường muôn dặm.
7 Bảy giờ, vào giữa niên hiệu Lân Đức, vua xa
8 giá đến Đông Lạc, ngài đến yết kiến, nhận
9 sắc chỉ của vua nước mông đến nước Yết-
10 thấp-Di-la mời Trưởng lão Bà-la-môn Lô-ca-
11 dật-đa hội kiến với các Đại đức ở Lạc Dương,
12 luận bàn về cương yếu Phật pháp. Luật sư
13 Đạo, Pháp sư Quán, v.v... ở chùa Kính Ái.
14 Dịch bộ Tát-bà-đa và Nhiếp luật, không bao
15 lâu sau thì được sắc lệnh vội vã ra đi, không
16 được toại nguyện. Ngài đem các bản tiếng
17 Phạm về kinh đô, thế rồi lại băng qua sa mạc,
18 rồi trở về Thích Thạch, đường núi gập ghềnh
19 hiểm trở, lê thân chiếc bóng vượt qua các
20 hang hóc chập chùng, rồi lên thuyền phiêu
21 diêu trôi giạt, có lần suýt mất mạng, gặp giặc
22 Thổ-Phiên thoát khỏi được sống, gặp cướp
23 Hung nô chỉ may mắn thoát chết. Khi đi đến
24 biên giới Bắc Ấn thấy Sứ giả Đường dẫn Lô-

1 già-ích-đa đến để gặp mặt. Lô- ca-dật-đa lại
2 sai Huyền Chiếu và các Sứ giả đi về hướng
3 Tây Ấn đến nước La-trà lấy thuốc trường thọ.
4 Trên đường qua Phược-Kiệt-la, đến Nạp-bà-
5 tỳ-ha-la, nhìn thấy bồn tắm của Như Lai và
6 Thánh tích, rồi đến nước Ca-tát-thức lễ bái
7 xương đỉnh đầu của Như Lai, sắm đủ hương
8 hoa khấn bằng ngôn ngữ Ấn, quán xét tâm
9 thiện ác ở kiếp lai sinh, rồi đến nước Tín-độ
10 mới đến La-trà. Vua Mông lễ kính, tôn trọng,
11 nên ngài ở lại bốn năm, rồi tiếp tục đi về Nam
12 Thiên. Ngài muốn đem tất cả loại thuốc về
13 Đông Hạ, đến tòa Kim Cương, thì quay trở
14 lại gặp mặt ngài nghĩa Tịnh ở chùa Na-lan-
15 đà, thế là mãn nguyện bình sinh khế hợp với
16 Tổng hội ở Long Hoa. Nhưng vì đường xá xù
17 Nê-ba-la đến Thổ Phiên bị bít lấp không
18 thông, giữa đường về Ca-tát-thức bị tộc Đa-
19 thị bắt bớ nên khó lòng qua được. Ngài đành
20 gởi lòng về non Thửu, trầm tình chôn Trúc
21 viên. Tuy thường có hoài vọng truyền đăng
22 mà chưa thỏa lòng qua cố hương. Than ôi!
23 Vất vả cố công kiến thành mà việc lợi sinh
24 không toại lòng muốn bay cùng mây nhưng

1 cánh gãy ở Thiên Trúc, Ngài mắc phải bệnh
2 nặng và mất tại nước Am-ma-la-bạt miền
3 Trung Ấn, thọ trên sáu mươi tuổi (Đa-thị tức
4 là nước Đại Thực).

5 Thương rằng: Vĩ đại thay tráng sĩ là một
6 mầm non tài giỏi, trải bao gian nan, băng
7 ngàn vượt suối, vườn trúc diệu vợ, dốc lòng
8 kiến thành, khát tưởng thâm huyền, chỉ mong
9 giảng pháp, chí gởi độ sinh, than ôi không
10 toại. Xót thay không thành, trầm mình chôn
11 thân ở Luỡng Hà, dương danh ở Bát Thủy,
12 lạnh thay chọn cái chết. Bạc triết nhân thông
13 tuệ, chánh chân, Luỡng Hà tức Tây Hà, Bát
14 Thủy thuộc Kinh đô.

15 *** *Pháp sư Đạo Hy:***

16 Ngài là người Lịch Thành ở Tề Châu.
17 Tiếng phạn là Thất-lợi-đề- bà, đời Đường
18 dịch là Cát Tường Thiên. Ngài sinh ra trong
19 gia đình gia giáo, tổ tiên nhiều đời làm quan,
20 từ thuở còn thơ đã ảnh hưởng huyền môn,
21 tâm ý trong sạch, chí khí tiết tháo. Ngài đi
22 qua sa mạc mênh mông để tham quan Trung
23 thiên, vượt lên các đỉnh núi chót vót, trọng

1 pháp khinh thân, trên đường đến Thổ-phiên
2 thì gặp tai nạn. Sợ phạm giới nên ngài tạm
3 xả, đi đến Tây phương thì thọ lại Ngài chu du
4 khắp các nước rồi đến Mạc-ha Bồ-đề, vì
5 muốn chiêm ngưỡng hết Thánh tích nên ở lại
6 mấy năm, có lúc ở chùa Na-lan-đà, lúc thì trụ
7 tại Câu-thi-na. Vua Mông là Yêm-ma-la-bạt
8 hết sức cung kính, tiếp đãi rất hậu. Ngài học
9 kinh điển Đại thừa khi ở chùa Na-lan-đà,
10 chuyên nghiên cứu luật tạng ở chùa Du-bà-
11 bạn-na (tức là tên ngôi chùa chỗ Phật nhập
12 Niết-bàn). Đã học Thanh Minh lại thấu
13 cương mục, lời văn có tình mà chữ thảo chữ
14 triện rất khéo. Lúc ngài ở chùa Đại Giác làm
15 một bài Đường Bi. Ngài đem về Đường các
16 bộ kinh luận hơn bốn trăm quyển, đều xuất
17 xứ từ chùa Na-lan-đà. Chưa gặp được ngài
18 Tịnh ở Tây quốc nhưng ngài bị bệnh và mất
19 ở nước Am-ma-la-bạt, thọ hơn năm mươi
20 tuổi. Sau này nhân dịp hành hương thấy
21 phòng ở của Ngài, thương xót không nguôi,
22 bèn đề một bài thơ thất ngôn: "Gian khổ một
23 thân chẳng nản lòng, bốn ân ghi nhớ nguyện
24 lưu thông, vì đâu chưa thỏa tâm hoằng pháp,

1 bồng chốc không may gặp đường cùng".

2 * *Pháp sư Sư Tiên:*

3 Ngài là người ở Tề châu, giỏi chú thuật,
4 thông tiếng Phạm, theo ngài Huyền Chiêu từ
5 Bắc Thiên đến Tây Ấn-độ. Khi đến thành
6 Am- ma-la-phầu-bạt được sự cung kính của
7 quốc vương, đồng thời gặp Pháp sư Đạo Hy
8 ở chùa Cư Vương kể cho nghe mọi điều tốt
9 đẹp ở nước nhà, và cùng ở lại đó một mùa hạ
10 thì mắc bệnh rồi qua đời, thọ ba mươi lăm
11 tuổi.

12 * *A-nan-da-bạt-ma:*

13 Là người Tân la. Vào giữa niên hiệu
14 Trình Quán ngài đến Quảng Hiếp thuộc
15 Trường An (Quảng Hiếp là tên núi ở thành
16 vương). truy tìm chánh giáo, chiêm bái
17 Thánh tích, ở chùa Na- lan-đà tham học kinh
18 luận, sao chép các kinh. Nhưng đau đớn thay
19 tâm nguyện không thành, Ngài bèn ra xứ
20 Đông ở Kê Quý, mất ở Tây Duệ thuộc Long
21 Tuyền, thọ hơn bảy mươi tuổi.

22 Kê Quý, tiếng Phạm là Củ-củ-thác-y-
23 thuyết-la. Củ-củ-thác dịch là kê, Y-thuyết-la

1 dịch tức là nước Cao-ly. Tương truyền rằng:
2 Nước ấy kính thần gà mà tôn xưng như vậy,
3 cho nên lấy lông gà làm đồ trang sức đội trên
4 đầu. Chùa Na-lan-đà có cái ao tên là Long
5 Tuyền, ở phương Tây gọi Cao-ly là Củ-củ-
6 thác-y-thuyết-la.

7 *** *Pháp sư Tuệ Nghiệp:***

8 Ngài là người Tân-la, vào giữa niên hiệu
9 Trinh Quán ngài đến xứ Tây Vực, ở chùa Bồ-
10 đề chiêm bái Thánh tích, ở chùa Na-lan-đà
11 một thời gian lâu để thọ học. Ngài Nghĩa
12 Tịnh do đó xem xét lại bốn đời Đường, chợt
13 phát hiện có quyển luận đời Lương đoạn cuối
14 ghi: "Tăng xứ Tân-la là Tuệ nghiệp kính ghi
15 tại cội cây Phật xỉ. Tìm hỏi những vị Tăng
16 trong chùa thì họ bảo Ngài mất ở đây, thọ hơn
17 sáu mươi tuổi. Các bốn Phạm Ngài chép đều
18 ở chùa Na-lan-đà.

19 *** *Pháp sư Huyền Thái:***

20 Ngài là người Tân-la, tiếng Phạm là Tát-
21 bà-thận-nhã-đề-bà, đời Đường dịch là Nhất
22 Thiết Trí Thiên. Vào niên hiệu Vĩnh Huy
23 ngài lên đường đến Thổ-Phiên, băng qua Nê-

1 bà-la, đến Trung Ấn, chiêm lễ cội Bồ-đề và
2 xem xét tận tường các kinh điển, sau đó quay
3 về Đông Độ, trên đường đi đến Thổ Sơn Hòn,
4 gặp được ngài Đạo Hy, sau đó qua chùa Đại
5 Giác, rồi trở về Trung quốc, không rõ mất khi
6 nào ở đâu.

7 *** *Pháp sư Huyền Khác:***

8 Ngài là người Tân-la nào vào khoảng
9 niên hiệu Trinh Quán theo Pháp sư Huyền
10 Chiếu đến chùa Đại Giác, được sự lễ kính rồi
11 mắc bệnh qua đời, không rõ lúc mất được bao
12 nhiêu tuổi.

13 Lại có hai vị ở Tân-la, chẳng rõ tên húy
14 của hai vị, xuất phát từ Trường An đến Nam
15 Hải, dong thuyền qua nước Thất-lợi-phật-thệ
16 và Tây-bà-lỗ-sur, rồi bị bệnh và mất ở đó.

17 *** *Phật-đà-đạt-ma:***

18 Ngài là người xứ Đổ-hóa-tóc-lợi, thân
19 tướng phương phi, sức khỏe dồi dào, ngài
20 theo học Tiểu thừa. Có lần khát thực được ít,
21 do đó đổi học Đại thừa, bèn đến Thần Châu,
22 xuất gia ở Ích Phủ, tính thích giao du, đi khắp
23 vùng Cửu Châu. Sau đó, về Tây Thiên tham

1 bái Thánh tích, gặp ngài Nghĩa Tịnh ở chùa
2 Na-lan-đà, bèn chuyển về phương Bắc. Lúc
3 đó Ngài khoảng năm mươi tuổi.

4 * *Sư Đạo Phương:*

5 Ngài là người Tinh Châu, vượt qua các
6 vùng sa mạc đến Nê-ba-la và làm trụ trì chùa
7 Đại Giác mấy năm. Sau đó trở về Nê-ba-la
8 cho đến nay đã thiếu giới hạnh, lại không học
9 kinh sách, tuổi tác cũng đã lớn.

10 * *Pháp sư Đạo Sinh:*

11 Ngài là người Tinh Châu, tiếng Phạm là
12 Chiên-đạt-la-đề-bà, đời Đường dịch là
13 Nguyệt Thiên. Vào cuối niên hiệu Trinh
14 Quán ngài bắt đầu từ Thổ Phiên lên đường
15 đến Trung quốc. Đến chùa Bồ-đề ngài lạy
16 ngài Chế-đề-ngật làm thầy, học làm Đồng tử
17 ở chùa Na-lan-đà. Vua rất kính trọng. Phía
18 Đông chùa này cách mười hai dặm có một
19 ngôi chùa của vua, học toàn là Tiểu thừa,
20 Ngài bèn ở chùa ấy một thời gian khá lâu học
21 Tiểu thừa Ba tạng tinh thông chánh lý, rồi sau
22 đó mang rất nhiều kinh, tượng trở về bản
23 quốc. Trên đường đi đến nước Nê-ba-la bị

1 bệnh và qua đời ở đó. Lúc này có lẽ Ngài
2 cũng lớn tuổi rồi.

3 * *Thiền sư Thường Mãn:*

4 Ngài là người Tinh Châu, từ khi cạo tóc
5 xuất gia tập hạnh Sa-môn thường siêng năng
6 tụng niệm chẳng phút trễ lười, thường phát
7 đại nguyện sinh về Cực Lạc, thực hành các
8 tịnh nghiệp, xưng niệm danh hiệu Phật, nên
9 phước ấy sâu rộng khó thể biết hết. Sau đó
10 ngài đến Kinh Lạc cũng chuyên tâm hành trì
11 pháp môn này, lòng thành thâm cảm ứng.
12 Ngài bèn phát nguyện chép kinh Bát-nhã đủ
13 vạn quyển. Mong được đến phương Tây, lễ
14 bái Như Lai và chiêm ngưỡng Thánh tích,
15 đem phước lành này hồi hướng nguyện sinh.
16 Ngài bèn đến phủ thượng thư nhờ các châu
17 giáo hóa sao chép kinh Bát-nhã. Hơn nữa,
18 với lòng chí thành dù trời cũng cảm động,
19 cho nên được vua Mông trao cho sắc chỉ biên
20 chép. Giang Biểu, kính chép kinh Bát-nhã, để
21 báo ân sâu, khi tâm nguyện đã mãn, ngài bèn
22 lên đường đến bờ biển du thuyền đến miền
23 Nam nước Ha-lăng. Từ đây nương thuyền

1 đến nước Mạc-la-du. Lại từ nước này ngài
2 muốn đến Trung Thiên, nhưng thuyền của
3 thương buôn chở đồ quá nặng nên thuyền
4 nhỏ neo chưa bao xa thì gặp phải sóng to nổi
5 lên, chưa quá nửa ngày thì thuyền bị chìm.
6 Lúc sắp chìm, người lái buôn tranh nhau leo
7 xuống thuyền nhỏ, thuyền chủ là người có tín
8 tâm liền lớn tiếng gọi ngài xuống thuyền,
9 Ngài nói: Chiếc thuyền này chỉ chở được vài
10 người, tôi không xuống đâu. Đó đủ thấy ngài
11 là người xem thường mình, vì mọi người mà
12 thuận với tâm Bồ-đề, quên mình cứu người,
13 đó là hạnh của bậc đại sĩ. Thế rồi ngài xuống
14 hướng về phương Tây niệm danh hiệu Phật.
15 Trong phút giây niệm tương tục ấy, thuyền
16 và người chìm dần, khi tiếng dứt thì ngài
17 cũng quy Tây, thọ trên năm mươi tuổi. Ngài
18 có một người đệ tử, không biết là người xứ
19 nào, lúc thầy mất kêu khóc thảm thương,
20 cũng niệm Phật và tịch theo thầy, những
21 người được cứu về kể rõ chuyện này.

22 Thương rằng:

23 Thương thay vĩ nhân, quên mình vì
24 người, sáng như kính nước, quý gương xem

1 trọng, nhuộm mà không đen, mài mà không
2 mòn tiến thân vì Tuệ nghiệp, dưỡng trí thành
3 tiếng thơm. Lúc ở nước mình thì hành trì
4 pháp môn tự độ, khi đến nước khác thì gieo
5 nhân tha độ. Trong lúc cận kề bờ hiểm nạn,
6 lại quên thân mình mà cứu người, để lại
7 người đệ tử không nơi nương tựa, ông bèn
8 lao thân mình vào sóng cả để tìm lấy cái chết.
9 Tịnh nguyện đến An dưỡng mà lưu thần, đạo
10 tâm không mê mờ, đức ý vững chắc, ban bố
11 ánh sáng tình thương chói lọi, tận kiếp bụi
12 này vẫn càng ngày càng mới.

13 *** Mạc-để-tăng-ha:**

14 Đời Đường dịch là Sư Tử Tuệ, ngài là
15 người Kinh Triệu, họ là Hoàng Phổ, không
16 biết tên húy, cùng vân du với Sư Tiên, đến ở
17 chùa Tín Giả xứ Trung thiên, chưa giỏi tiếng
18 Phạm, cũng không hiểu kinh luận. Ngài
19 muốn trở về quê cũ, trên đường qua nước Nê-
20 ba-la bị bệnh và mất ở đó, thọ bốn mươi tuổi.

21 *** Pháp sư Huyền Hội:**

22 Ngài là người Kinh đô, con của An
23 Tướng Quân. Ngài từ Bắc Ấn đến nước Yết-

1 thấp-di-la, được quốc vương cho thưởng thức
2 cỡi voi của vua và tấu nhạc vua, hằng ngày
3 đến chùa Long Trì Sơn thọ vật cúng dường.
4 Chùa đó là nơi ở của năm trăm vị A-la-hán
5 thọ cúng. Chính là nơi mà Tôn giả A-nan-đà
6 sai Tôn giả Mạt-điền-địa hóa độ Long vương.
7 (Thất sai dịch là sở giáo hóa, cự dịch đệ tử
8 là sai).

9 Ngài lại khuyên vua nước này mở lòng ân
10 xá cho cả nước, có hơn ngàn tử tù ngài cũng
11 khuyên vua phóng thích. Ngài ra vào cung
12 vua cũng gần mấy năm. Sau đó, vì không vừa
13 lòng nên ngài bèn đi về phía Nam, đến chùa
14 Đại Giác lễ cây Bồ-đề, tham quan ao Mộc
15 Chân, leo lên đỉnh Linh Thứu, băng qua ngọn
16 Tôn Túc, thọ học với những bậc thông thái
17 tài giỏi kỹ nghệ. Tuy thời gian chẳng là bao
18 nhưng ngài thông suốt tiếng Phạm, lãnh thọ
19 ít kinh giáo rồi muốn trở về quê cũ, trên
20 đường đến nước Nê-ba-la chẳng may qua
21 đời, tuổi thọ chỉ quá lúc trưởng thành.

22 (Nước Nê-ba-la vốn có thuốc độc cho nên
23 người nào đến xứ đó phần nhiều là mất
24 mạng).

1 * Lại có một người cùng Sứ giả ở Bắc đạo
2 đến nước Phược-yết-la, xuất gia với sư Tiểu
3 thừa ở Tân tự tên là Chát-đa-bạt-ma. Sau này
4 đến lúc sắp thọ giới cụ túc thì không ăn ba
5 thứ tịnh nhục, thầy của ngài nói: Đức Đạo sư
6 khai cho năm thứ chánh, vốn đã không tội,
7 sao ông không ăn. Ngài đáp: Các kinh điển
8 Đại thừa có nêu đầy đủ, đó là thói quen cũ
9 không thể sửa được. Ngài nói: Ta y theo tánh
10 tạng luật có chế ra các khoa. Ông nêu ra
11 những điều chẳng phải chỗ học của ta, nếu
12 giữ những tư tưởng bất đồng thì ta chẳng phải
13 thầy ông. Thế là ngài đành vâng lời gạt lệ mà
14 ăn. Lúc mới thọ cụ túc ngài cũng hiểu biết sơ
15 qua tiếng Phạm rồi âm thầm lên đường về
16 phương Bắc, không rõ ngài đến đâu, nghe
17 đồn ngài làm tăng ở Bắc Thiên-trúc.

18 * Lại có hai người nước Nê-ba-la, là con
19 của Nhủ mẫu Công chúa Thổ-phiên, lúc đầu
20 cả hai cùng xuất gia, sau này một người hoàn
21 tục, người xưa ở chùa Thiên Vương rất giỏi
22 tiếng Phạm và sách Phạm, thọ ba mươi lăm
23 tuổi.

1 *** *Pháp sư Long:***

2 Không rõ ngài là người xứ nào, vào niên
3 hiệu Trinh Quán đi từ Bắc đạo, định đến Bắc
4 Ấn để tham hóa Trung Thiên, ngài tụng được
5 kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạm, sau đó đến
6 nước Kiện-đà-la bị bệnh và qua đời, tích này
7 là do các vị Tăng phương Bắc đến truyền như
8 vậy.

9 Như trên là hai mươi vị.

10 *** *Pháp Sư Minh Viễn:***

11 * Ngài là người ở Thanh Thành thuộc Ích
12 Châu, tiếng Phạm là Chấn-đa-đề-bà, đời
13 Đường dịch là Tư Thiên. Thuở nhỏ ngài vâng
14 theo lời răn dạy nên lớn lên càng cố gắng tu
15 trì, dung nghi nho nhã, bản chất thanh tú, rất
16 giỏi Trung luận, Bách luận, nghị luận về
17 Trang Chu. Ban đầu ngài đến Thất Trạch, sau
18 đó đến Tam Ngô, học lại các kinh luận cùng
19 với tu thiền, ở ẩn trên non Lô qua một mùa
20 hạ, ở đó ngài hết sức đau buồn cho chánh
21 giáo bị bại hoại, bèn chống tích về phương
22 Nam, đến Giao Chỉ rồi lên thuyền vượt sóng
23 cả đến nước Ha lã, sau đó đến châu Sư Tử,

1 được vua cung kính lễ ngộ. Ngài lên vào nội
2 các, lấy trộm răng Phật rồi mong về nước để
3 thiết lễ cúng dường, khi chiếc răng ấy đã vào
4 tay thì bèn bị đoạt lại, chí nguyện không
5 thành lại bị lăng nhục. Sư đi về phía Nam Ấn
6 Độ, truyền tin với người ở châu Sư Tử biết
7 rằng: mình đến chùa Đại Giác rồi bắt vô âm
8 tín, có lẽ ngài trên đường đi thì mất, chẳng rõ
9 bao nhiêu tuổi. Lính vệ ở châu Sư Tử canh
10 phòng răng Phật rất nghiêm ngặt, đặt trên gác
11 cao, đóng mấy lớp cửa, khóa chặt khur khur,
12 năm quan cùng giữ ấn niêm phong. Nếu mở
13 một cửa thì nó sẽ vang khắp cả thành quách.
14 Ngày nào cũng cúng dường hương hoa quanh
15 các, dốc lòng cầu thỉnh thì chiếc răng lộ trên
16 cánh hoa, hoặc hiện nhiều màu lạ, mọi người
17 ai cũng nhìn thấy. Tương truyền nếu Châu
18 này mất răng Phật thì đều bị La-sát ăn nuốt.
19 Vì thế họ canh giữ vật báu này rất nghiêm
20 ngặt. Cũng có lời truyền rằng: "Nếu không
21 giữ kỹ thì nó sẽ đến nước Chi-na". Đó là do
22 năng lực cảm ứng của bậc Thánh mà được
23 chứ không phải dùng sức người cưỡng đoạt
24 mà có.

1 * *Luật sư Nghĩa Lãng:*

2 Ngài là người ở Thành Đô thuộc Ích
3 Châu, thông thạo luật học, lại giỏi Du-già,
4 xuất phát từ Trường An đi đến Giang Hán,
5 Là người cùng Châu với ngài Trí Ngạn và
6 một người con tên là Nghĩa Huyền, vào độ
7 tuổi hai mươi đã thấu tột chánh lý, lại giỏi nội
8 điển mà nhất là văn chương. Vì muốn chiêm
9 bái Thánh tích nên cùng người em đi khắp
10 nơi, giúp đỡ lẫn nhau, rất thân nhau như cá
11 với nước. Khi đến Ô lô thì cả hai cùng lên
12 thuyền vượt trăm trượng, leo lên muôn nghìn
13 sóng cả, đến Phù Nam rồi dừng chân nghỉ ở
14 Lang-ca. Quốc vương Mông-lang ca tiếp đãi
15 theo lễ của thượng khách. Ngài Trí Ngạn bị
16 bệnh rồi mất ở đây. Ngài Nghĩa Lãng lại ôm
17 mối sầu tử biệt, thế rồi cùng người em lên
18 thuyền hướng về châu Sư Tử, phở cầu kinh
19 điển và đánh lễ rằm Phật, dần dần đến Tây
20 quốc, đó là tin truyền như vậy, cho đến nay
21 không biết rõ là ở nơi nào không thấy ở châu
22 Sư Tử cũng không có tin tức gì ở Trung Ấn,
23 có lẽ là ngài đã qua đời rồi, lúc đó ngài hơn
24 bốn mươi tuổi rồi.

1 *** Luật sư Hội Ninh:**

2 Ngài là người Thành Đô ở Ích Châu, bẩm
3 chí tiết tháo, ý muốn làm lợi ích rộng lớn, còn
4 nhỏ đã thông minh, trí tuệ, đến khi xuất gia
5 thì kính trọng diệu lý, Phật pháp như quý
6 hạnh châu trong bụi tóc, bỏ vinh hoa như cởi
7 dép, ngài thông thạo kinh luận và rất giỏi luật
8 tạng, chí muốn mở mang giáo pháp kết niệm
9 ở Tây phương. Vì thế vào niên hiệu Lân Đức,
10 ngài chống tích trượng về Nam Hải, theo
11 thuyền bến Ha- lãng Châu đứng lại đó ba
12 năm cùng các vị tăng đa văn ở nước Ha-lãng
13 như Na-bạt-đà-la. Từ kinh do ngài A-cấp-ma
14 dịch ra chuyện Như Lai Niết-bàn thiêu thân,
15 chuyện đó không liên quan nhiều đến kinh
16 Niết- bàn của Đại thừa. Nhưng kinh Niết-bàn
17 thuộc Đại thừa lúc ngài Nghĩa Tịnh ở Ấn-độ
18 đích mắt thấy và nói: Kinh đó gồm cả hai
19 mươi lăm ngàn bài tụng, dịch ra hơn sáu
20 mươi quyển, xem xét lại toàn bộ cũng không
21 thấy, chỉ được phẩm đầu là Đại Chúng Vấn,
22 hơn bốn ngàn bài tụng. Ngài Hội Ninh đã
23 dịch được bản của ngài A-cấp-ma, liền sai vị
24 tăng trẻ là Vận kỳ chuyển kinh về Giao phủ

1 đến trạm dịch kinh Triệu dâng biểu lên vua,
2 mong vua cho phép điều chưa nghe được
3 truyền bá cho tăng ở Đông Hạ. Vận Kỳ từ
4 Kinh Triệu trở về đến Giao Chỉ, báo cho đạo
5 tục biết vua Mông tặng cho mấy trăm xấp
6 lụa, rồi ngài lại đến nước Ha- lãng báo việc
7 Trí Hiền (Nhã-na-bạt-đạt-la) gặp gỡ Hội
8 Ninh. Bấy giờ Hội Ninh mới về Tây Trúc.
9 Mỗi khi ở đâu tôi đều hỏi thăm, nhưng tìm
10 khắp cả năm xứ Ấn cũng bắt thăm không dấu
11 vết. Y theo lẽ này cũng đủ biết ngài đã mất
12 rồi. Thương rằng: Ô hô! Ngài Hội Ninh vì
13 pháp mà đọc dịch, nói dịch được hai pho thì
14 trông về thiên đình: Trọn đời nương theo đạo
15 châu báu, tạm ở nơi hóa thành. Thân tuy hoại
16 diệt mà đạo tâm sáng ngời, thì dầu xa mà
17 cũng để lại tiếng thơm, đem tiên chí Bồ-tát
18 cùng mở mang, giúp hạnh cho hậu niệm.
19 Ngài thọ chừng ba mươi bốn, ba mươi lăm
20 tuổi.

21 *** *Sư Vận Kỳ***

22 Ngài là người Giao Châu, cùng đi khắp
23 nơi với sư Đàm Nhuận, nương ngài Trí Hiền

1 thọ giới cụ túc rồi trở về Nam Hải ở hơn mười
2 năm, rất giỏi âm vận xứ Côn Luân lại biết
3 tiếng Phạm. Sau đó, ngài hoàn tục ở nước
4 Thất-lợi-phật-thệ cho đến bây giờ. Chẳng lâu
5 sau ngài qua lại Hoàng-ba truyền kinh đế lý,
6 ban bố những điều chưa từng dạy người xứ
7 này, lúc đó khoảng bốn mươi tuổi.

8 *** *Mộc-xoa-đề-bà:***

9 Ngài là người Giao Châu, đời Đường
10 dịch là Giải Thoát Thiên, không rõ tên húy.
11 Ngài du thuyền về Nam Minh, đi khắp các
12 nước, đến chùa Đại Giác lễ bái các Thánh
13 tích rồi thị tịch tại chùa này, lúc đó khoảng
14 hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi.

15 *** *Pháp sư Khuy Xung:***

16 Ngài là người Giao Châu, tức đệ tử thọ
17 giáo của ngài Minh Viễn, tên tiếng Phạm là
18 Chát-đát-la-đề-bà. Ngài cùng Minh Viễn đi
19 thuyền đến Nam Hải, khi đến châu Sư Tử
20 hướng về Tây Ấn thì gặp sư Huyền Chiếu
21 cùng đến Trung Thổ. Vị này bẩm tánh thông
22 minh, tụng kinh bằng tiếng Phạm rất giỏi.
23 Ngài đến đâu cũng thường giảng nói kinh

1 pháp. Trước ngài lễ cội Bồ-đề, khi đến thành
2 Vương-xá bị bệnh ở Trúc Viên, trong khoảng
3 thời gian lâu sau thì mất, lúc đó khoảng ba
4 mươi tuổi.

5 *** *Sư Tuệ Diễm:***

6 Ngài là người Giao Châu, là đệ tử ngài
7 Trí Hạnh, theo thầy đến nước Tăng-Ha-la rồi
8 ở lại nước đó, chẳng biết còn hay mất.

9 *** *Pháp sư Tín Trụ:***

10 Không rõ người ở đâu, tiếng Phạm là
11 Thiết-thích-đà-bạt-ma, đời Đường dịch là
12 Tín Trụ. Ngài từ Bắc Đạo đến Tây Thiên sau
13 khi tham bái hết các Thánh tích thì về trụ
14 chùa Tín Giả, ở tầng trên của chùa xây một
15 căn gác bằng gạch và cúng cho ngài ở, đồng
16 thời cũng dùng ngọa cụ và các vật phẩm
17 khác. Sau đó bị bệnh mấy ngày, một đêm nọ
18 ngài bỗng nhiên nói rằng: Có vị Bồ-tát đuổi
19 tay rước. Nói đoạn, ngài ngồi thẳng chấp tay
20 thờ ra rồi mất, thọ ba mươi lăm tuổi.

21 *** *Pháp sư Trí Hạnh:***

22 Ngài là người Ái Châu, tiếng Phạm là

1 Bát-nhã đề-bà, đời Đường là Tuệ Thiên, ngài
2 lên thuyền đến Nam Hải đến Tây Thiên lễ bái
3 các tôn nghi, đến phía bắc Sông Hằng, ở chùa
4 Tín Giả, rồi mất ở đó, thọ năm mươi tuổi.

5 *** *Thiền sư Đại Thừa Đăng:***

6 Sư là người ở Ái Châu, tiếng Phạm là
7 Mạc-ha-dạ-na-bát-địa-dĩ- ba, đời Đường
8 dịch nghĩa Đại Thừa Đăng. Thuở nhỏ, Sư
9 theo cha mẹ đi thuyền đến nước Đổ-hòa-la-
10 bát-đề xuất gia, sau đó theo sứ Đường là Đàm
11 Tự trở về Kinh đô, trụ chùa Từ Ân, chính là
12 nơi Tam tạng Pháp sư Huyền Trang cư ngụ,
13 rồi mới thụ giới Cụ túc, thời gian ở kinh đô
14 chỉ mấy năm mà Sư thấu đạt mọi kinh sách.
15 Sau đó muốn chiêm bái Thánh tích, tính hợp
16 với cảnh Tây, thể chứa sự dung thứ, tánh hợp
17 với sự khiêm cung, giới pháp nằm lòng, thiền
18 cơ hợp ý. Sư cho rằng: Chìm vào hữu thì do
19 giả duyên, duyên không thì đọa vào hữu. Là
20 sinh thì nương vào trợ duyên, mà trợ duyên
21 thì trái ngược với đời sống. Thế rồi Sư dốc
22 chí vào Vương-xá thành, dồn tâm ở Trúc
23 viên, cầu mong dứt trừ tám nạn, mãi cầu bốn

1 luân. Sư bèn mang tượng Phật và kinh luận
2 vượt biển Nam về nước Sư Tử. Tham bái
3 rằng Phật, chiêm lễ hết mọi điều khác lạ, sau
4 đó đến Nam Ấn rồi trở về Đông Thiên, đến
5 nước Đam-ma-lập-đề. Lúc đến Hán Khẩu bị
6 giặc vây bức, thuyền vỡ chỉ còn lại thân
7 mạng, thế là Sư đành ở lại nước đó mười hai
8 năm. Trong thời gian này, Sư dùi mài tiếng
9 Phạm nên sở học rất giỏi tụng nhiều kinh như
10 Duyên Sanh v.v... và tu phước nghiệp. Nhân
11 lúc gặp được các người buôn nên Sư theo
12 ngài Nghĩa Tịnh đến Trung Ấn, đầu tiên đến
13 Na-lan-đà, kế là đến tòa Kim Cương, rồi trở
14 về Tỳ-xá-ly, sau cùng đến Câu-thi-na, đến đó
15 với ngài Vô Hành. Sư thường than rằng:
16 "Bốn nguyện hoằng pháp về lại Đông Hạ
17 cuối cùng không thành, thậm thoát tuổi đã già
18 suy, kiếp này tuy không thực hiện được bốn
19 hoài thì xin kiếp sau được toại ý này. Cho
20 nên, Sư thường thực hành các nghiệp lành
21 sanh lên cõi trời Đâu-suất để mong gặp ngài
22 Di-lặc. Hằng ngày Sư vẽ một hai cảnh Long
23 Hoa để tiêu khiển tâm ý. Sư là lớp kế ngài
24 Đạo Hạnh, đến ở phòng cũ của sư pháp lữ

1 cùng đi, Đạo Hy, lúc đó vị kia cũng thị tịch
2 rồi. Bản Hán vẫn còn, Phạm giáp còn bày,
3 thấy thế mà ngậm ngùi rơi lệ than thở. Ngày
4 xưa ở Trường An nay ở xứ người chỉ thấy tòa
5 không, thương rằng: Than ôi! Vua mất, năng
6 lực kia càng mạnh, kẻ sĩ truyền đăng bỗng
7 nhiên mất đi, Thần châu đứt ruột, Thánh cảnh
8 hồn bay, môn đồ buồn đau than khóc, áo não
9 chịu tang mà thương xót. Thiên sư ở chùa Bát
10 Niết-bàn thành Câu-thi đã viên tịch, lúc bấy
11 giờ tuổi đã hơn sáu mươi.

12 *** *Tăng-già-bạt-ma:***

13 Ngài là người nước Khang Cư, thuở nhỏ
14 vượt sa mạc, đi đến Kinh đô, bẩm chất kính
15 tin, giới hạnh trong sạch thường hành Bồ thí,
16 từ bi trong tâm ý. Vào niên hiệu Hiên Khánh,
17 ngài vâng chỉ cùng với sứ giả tham bái Tây
18 Thiên, đến trụ chùa Đại Giác, mở hội Vô Già
19 ở tòa Kim Cương, suốt bảy ngày bảy đêm
20 đèn đuốc sáng rực cả pháp hội, rồi lại ở dưới
21 gốc vô ưu trong nội viện Bình Đăng điêu
22 khắc tượng Phật và tượng Quán Thế Âm.
23 Người thời bấy giờ đều khen ngợi công đức

1 thật ít có. Sau đó, ngài trở về Đường triều, rồi
2 vâng chỉ qua Giao Chỉ hái thuốc, lúc bấy giờ
3 ở Giao Châu gặp năm mất mùa, nhân dân đói
4 khát, cho nên ngày nào ngài cũng tìm cách
5 cứu giúp kẻ nghèo khổ, nỗi đau trong lòng
6 không chịu được, phải rơi nước mắt. Người
7 thời bấy giờ gọi là Bô-tát Thường Đề, vừa bị
8 chút bệnh nhẹ chẳng bao lâu thì mất, thọ
9 ngoài sáu mươi tuổi.

10 * *Pháp sư Bỉ Ngạn, Pháp sư Trí*

11 *Ngạn:*

12 Hai vị này đều là người ở Cao Xương, lớn
13 lên ở Kinh đô và có chí hoằng truyền chánh
14 pháp quy tâm về thắng lý, sau đó đến giáo
15 hóa ở Trung Thiên, cùng Sứ giả Vương
16 Huyền Khuếch lên thuyền, ra đến giữa biển
17 bị bệnh và cả hai đều mất. Các bản Hán Du-
18 già và kinh luận khác mà hai Ngài mang theo
19 đều để lại nước Thất-lợi-phật-thệ.

20 * *Pháp sư Đàm Nhuận:*

21 Ngài là người Lạc Dương, giỏi chú thuật
22 và học các lý sâu mâu, thông hiểu luật tạng
23 và rất giỏi về thuốc, là người có dung nghi

1 minh mẫn, đường vệ. Sau đó, ngài đến giang
2 biểu để hóa đạo lợi sinh, rồi đi dần về phương
3 Nam đến Giao Chỉ, ở đó một thời gian, đạo
4 tục vùng này đều rất mực kính trọng. Thế rồi,
5 ngài theo thuyền về Nam, định đến Tây Ấn-
6 độ. Lúc đến nước Bột-bồn ở phía Bắc Ha-
7 lăng thì bị bệnh rồi mất, thọ ba mươi tuổi.

8 * ***Luận sư Nghĩa Huy***

9 Ngài là người Lạc Dương, bẩm tánh
10 thông minh, tư tưởng sâu sắc, lấy việc học
11 rộng làm bản hoài, tìm tòi chân lý làm nghĩa
12 vụ. Ngài y theo Nhiếp luận, Câu-xá, v.v... cố
13 gắng nghiên cứu. Nhưng vì nghĩa có nhiều
14 điểm dị đồng nên sinh tâm bất mãn, từ đó
15 muốn xem xét bản Phạm để tận mắt tìm ra
16 những điều mâu nhiệm, bèn chỉ tay về Trung
17 Thiên, lại nhìn về Đông Hạ, tiếc thay mang
18 sân tâm nguyện mà không đủ thán chí để
19 thực hiện. Khi đến nước Lang-ca-thú bị bệnh
20 rồi mất ở đó, thọ ba mươi tuổi.

21 * Lại có ba vị tăng đời Đường, từ Bắc
22 Đạo đến nước Ô-trường-na. tương truyền các
23 ngài về hướng chỗ thờ xương cốt đánh Phật

1 lễ bái, nay cũng chẳng biết còn mất. Tin này
2 do các vị Tăng từ Ô-trường qua nói như vậy.

3 Như vậy là bốn mươi vị

4 *** *Sư Tuệ Luân:***

5 Ngài là người Tân-la, tiếng Phạm là Bát-
6 nhã Bạt-ma, đời Đường dịch là Tuệ Thân,
7 xuất gia từ bốn quốc và có tâm lễ bái thánh
8 tích, lên thuyền đến Mân Việt rồi đi bộ đến
9 Trường An, vâng chỉ theo ngài Huyền Chiếu
10 làm thị giả để đi về phía Tây. Khi đặt chân
11 đến đất Ấn liền lễ bái các Thánh tích rồi về
12 chùa Tín Giả nước Yêm-ma-la-bạt khoảng
13 mười năm, gần chỗ ở có chùa tăng Đồ-hóa-
14 la về phía Bắc của phương Đông. Chùa này
15 vốn do người Đồ-hóa-la xây dựng cho các vị
16 tăng của nước mình ở. Chùa này có một tài
17 sản to lớn, các phẩm vật cúng dường không
18 thể nói hết, chùa có tên là Kiện-đà-la-son-trà.
19 Ngài Tuệ Luân ở đây nên rất giỏi tiếng Phạm
20 và thông thạo cả Câu-xá, cho đến nay vẫn
21 còn bốn mươi vị. Các vị Tăng từ phương Bắc
22 đến đều ở chùa này làm trụ trì. Ở phía Tây
23 chùa Đại Giác cũng có Quốc tự Ca-tát- thi.

1 Chùa này cũng rất giàu và có nhiều vị cao
2 tăng thạc đức, các vị đều tu học theo Tiểu
3 thừa, các vị Tăng phương Bắc đến cũng ở
4 chùa này, chùa tên là Lũ-nô-chiết-ly-đa, đời
5 Đường dịch là Đức Hạnh. Cách hai dặm về
6 hướng Đông Bắc chùa này cũng có ngôi chùa
7 tên là Quật-lục-ca, chính là ngôi chùa thuở
8 xưa do vua nước này xây dựng. Chùa tuy
9 nghèo nhưng các vị tăng đều là những người
10 có giới hạnh thanh nghiêm, gần đây vua Nhật
11 lại xây một ngôi chùa nữa ở bên cạnh chùa
12 này, mới vừa hoàn thành. Các vị tăng từ
13 phương Nam đến phần nhiều ở chùa này. Các
14 nơi đều cho nên nước họ được biết đến. Thần
15 Châu độc tôn một cõi, cho nên thường
16 thường gặp không ít khó khăn. Về phía Đông
17 chùa Na-lan-đa khoảng bốn mươi dặm, từ
18 Kinh-già-hà xuống đến chùa Mật-lật-tha-
19 bát-na, đời Đường dịch là chùa Lộc Viên.
20 Cách chùa này không xa có một ngôi chùa
21 cũ, chỉ còn ngói đá nền móng, tên là chùa
22 Chi-na. Các bô lão truyền rằng: Đó là ngôi
23 chùa do vua Thát-lợi-cấp-đa xây cho các vị
24 tăng nước Chi-na ở. (Chi-na tức Quảng châu,

1 Mạc-ha Chi-na tức kinh đô, cũng gọi là Đề-
2 bà-phật-đất-la, đời Đường dịch là Thiên tử).

3 Bấy giờ, có khoảng mười vị tăng đời
4 Đường, khởi hành từ đường Dương Đặc ở
5 Thục Xuyên. (Thục Xuyên cách chùa này
6 hơn ba trăm dặm). Các ngài hướng về phía
7 Ma-ha Bô-đề lễ bái. Vua thấy vậy rất kính
8 trọng bèn cúng dường khu đất ấy để làm chỗ
9 nghỉ ngơi, cấp cho một thôn lớn khoảng hai
10 mươi bốn sở. Sau này, các vị đều mất rồi thì
11 thôn này lại chia cho người khác. Hiện giờ,
12 có ba thôn nhập vào công quỹ chùa Lộc Viên.
13 Theo số lượng chùa, Chi-na đến nay có lẽ có
14 hơn năm trăm ngôi, hiện giờ đất ấy thuộc sở
15 hữu của vua Đông Ấn, vua này tên là Đề-bà-
16 bát-ma, ông thường nói rằng: Nếu có các vị
17 tăng từ chỗ vua Đường đến đây ta sẽ sửa sang
18 lại chùa này, lại còn phong cho các thôn,
19 không để cho thiếu thốn lương thực, quả thật
20 đáng khen. Nói rằng: Tuy có điền kinh lạ của
21 Tổ Hạc nhưng khó gặp phước vui, mà phải
22 để tâm nơi việc lợi ích, cứu giúp. Cầu thỉnh
23 hoằng pháp ở đây chẳng phải việc nhỏ. Chùa
24 Đại Giác ở tòa Kim Cương chính là do vua

1 nước Tăng- ha-la xây dựng. Các vị Tăng ở
2 châu Sư Tử trụ nơi đó từ lâu, phía Đông bắc
3 chùa Đại Giác khoảng bảy trăm dịch là chùa
4 Na-lan-đà, chính là do cổ vương Thất-lợi-
5 lạc-yết-la-thất-đề xây dựng cúng cho các vị
6 Sa- môn Bắc Ấn là Hạc-la-đỗ-bàn. Chùa này
7 mời đồ móng thì lấp lại, qua thời kỳ sau con
8 cháu của quốc vương nối nhau tạo lập hùng
9 vĩ, trong châu Thiệm bộ đương nhiên không
10 thêm bớt gì nữa, kiêu dáng, mẫu mã không
11 thể nói hết, chỉ có thể nêu lược những điểm
12 chung. Nhưng hình dáng chùa này vuông
13 như vức, bốn bên thẳng tắp, hiên dài có hành
14 lang bao quanh, đều bằng đá cao, ba tầng,
15 mỗi tầng cao hơn một trượng. Xà ngang vách
16 hiên vốn không có rui mè, mà nung gạch để
17 xây. Phía sau chùa thẳng tắp, tùy ý qua lại,
18 dãy tường sau phòng tức là mặt ngoài. Xây
19 từng lớp cao ngất ba, bốn trượng. Ở trên hình
20 dáng như đầu người, cao bằng thân người, có
21 chín phòng tầng. Trong mỗi phòng rộng
22 chừng trượng vuông. Mặt sau thông với cửa
23 sổ hướng ra mái hiên. Cửa tuy cao nhưng chỉ
24 lấp một tấm, đều cùng thấy nhau chứ không

1 cho phép gắ¹n rềm, ra ngoài xem thấy khắp
2 bốn mặt, đề² cùng xem xét cuộc sống của từng
3 người. Ở một đầu góc làm đường gác qua lại.
4 Bốn góc trên chùa đều xây điện đường, chùa
5 này toàn là những vị đại đức học rộng cư ngụ.
6 Cổng chùa nhìn về hướng Tây là lầu cao chọc
7 trời, điêu khắc chạm trổ các đường nét hoa
8 văn thật công phu, vốn không xây riêng.
9 Nhưng ra phía trước khoảng hai bước thì có
10 đặt bốn cột trụ, cổng ấy tuy không quá to lớn,
11 quý giá nhưng xây cất rất vững chắc. Mỗi khi
12 đến giờ ăn thì đóng kín cửa lại, đó là đề
13 phòng chuyện bất trắc của Thánh giáo ý. Đất
14 trong chùa rộng một bề ba mươi bước, lát
15 gạch nhỏ chừng bảy hoặc năm bước. Tất cả
16 các nơi như nóc nhà, trước hiên trong phòng
17 đều dùng đá cục lớn chừng bằng quả đào, quả
18 táo hòa với bùn non để trét lên, dùng đá vôi
19 trộn với chất nhót cây mè và dầu, cặn dầu, da
20 thú nát, tẩm chứa nhiều ngày trét bùn trên
21 gạch đất, phủ cỏ xanh lên khoảng ba mươi
22 mấy ngày, nhìn thấy khô thì lấy đá nhẵn mài
23 lên, sau đó lau chùi bằng nhựa đất đỏ hoặc
24 chu sa, đoạn dùng dầu đánh lên làm cho sáng

1 bóng như gương, điện đường thêm bậc tam
2 cấp đều làm như vậy. Hễ hoàn thành rồi thì
3 cho dù người ta dẫm đạp lên từ một, hai, ba
4 hay đến mười năm cũng không hề đổ nát, chứ
5 không giống như đá vôi hễ thấm nước thì liền
6 rã. Làm theo kiểu này có tất cả tám ngôi
7 chùa, phía trên đều bằng phẳng như có khuôn.
8 Dùng một hoặc vài căn phòng phía Đông để
9 thờ tôn tượng, hoặc có thể ở ngay chính giữa,
10 phía trước xây đài Quán Âm và điện Phật
11 riêng. Ở ngoài đại viện phía Tây chùa mới
12 xây một ngôi tháp lớn (Tốt-đồ-ba), xưa gọi là
13 tháp và các Chế-đề (xưa dịch là chi-đề) có cả
14 trăm ngôi, không thể kể xiết các Thánh tích
15 nối tiếp nhau. Vàng bạc lấp lánh thật không
16 thể tưởng tượng. Tất cả các tầng đồ đều sống
17 theo phép tắc, điều này có ghi đủ trong
18 Phương Lục và Ký Quy. Trong chùa chỉ tôn
19 bậc Thượng tọa lớn tuổi nhất làm tông chủ,
20 bất luận đức độ. Các chốt cửa đều đóng kín
21 và giao cho Thượng tọa. Chứ không giao cho
22 Tự chủ duy-na khác. Vì người xây chùa gọi
23 là chủ chùa, tiếng Phạm là Tỳ-ha-la-sa-nhị.
24 Những người thay phiên trị nhật, lo liệu mọi

1 việc trong chùa và thừa việc với Tăng gọi là
2 Tỳ-ha-la-ba-la, Hán dịch là hộ tự. Còn người
3 hô kiểng và giám thực gọi là yết-ma-đà-na,
4 dịch là Thọ sự. Còn duy-na là lược bớt.
5 Chúng tăng có việc thì nhóm chúng phân
6 việc để bảo họ giữ chùa, tuần hành thừa bạch
7 trước từng người, đều phải chấp tay trình bày
8 rõ việc kia. Nếu một người không bằng lòng
9 thì việc không được thành, hoàn toàn không
10 có pháp đánh kiên-chùy bình bạch trước
11 chúng. Nếu thấy không bằng lòng thì dùng
12 lời để hướng dẫn, chẳng có sự cưỡng ép làm
13 cho chúng thêm chán ghét, dù việc giữ kho
14 cũng phải trang nghiêm. Dù ba, hai người
15 cũng sai người y theo Thủ khổ chấp tay mà
16 bạch. Nếu hòa hợp đồng ý mới được tiêu
17 dùng mà không mắc lỗi tự tiện. Người không
18 bạch mà dùng riêng thì dù chỉ nửa thăng gạo
19 cũng đáng phạt tội tẩn xuất. Nếu một người
20 tự cho mình là người cũ, có quyền lạm dụng
21 vật của tăng chúng thì phải xử đoán việc này
22 giống như người không bạch với đại chúng,
23 gọi là Câu-la-bát-đề, dịch là gia chủ. Đây
24 chính là mụn nhọt trong Phật pháp, thần

1 người đều chán ghét. Mặc dù ở chùa có lợi
2 ích nhưng rốt cuộc mắc tội nặng hơn, người
3 trí nhất định không làm những việc này. Hơn
4 nữa, ngoại đạo trước kia có chín mươi sáu
5 thứ, nay chỉ còn hơn mười loại. Nếu có trai
6 hội nhóm họp, mỗi người tự ở chỗ mình,
7 không tranh thứ bậc với tăng ni. Pháp của họ
8 đã khác thì lý sẽ không đồng hành. Mỗi
9 người thực hành theo pháp mình và ngồi
10 không lẫn lộn. Chùa này đặt ra pháp lý hết
11 sức nghiêm ngặt. Mỗi nửa tháng sai người đi
12 xem xét các liêu để nhắc nhở điều chế. Tên
13 tuổi chúng tăng không ghép vào sổ sách của
14 vua, người nào phạm lỗi thì chúng tăng tự trị
15 phạt, vì những vị tăng này tự kính nể nhau.
16 Sự thọ dụng ở chùa tuy hẹp mà lợi ích rất
17 rộng, tôi nhớ lúc ở kinh thành có người vẽ
18 một ngôi chùa giống như Kỳ Hoàn, đều
19 không có căn cứ. Vì nghe những điều kỳ lạ
20 kia mà lược trình bày sơ qua thôi.

21 Lại nữa, ở Thiên-trúc có ngôi chùa lớn,
22 vua quan đều bảo đặt một đồng hồ nước, làm
23 như vậy nhằm phân biệt thời gian đêm ngày
24 dễ dàng. Y theo luật dạy, ban đêm chia làm

1 ba phần, đầu hôm và gần sáng phải thiền
2 tụng, còn nửa đêm thì tùy ý nghỉ ngơi.
3 Phương thức sử dụng đồng hồ nước đã có nói
4 trong bộ Ký Quy. Tuy trình bày về kiểu dáng
5 chùa nhưng sợ rằng ngay nơi việc ấy lại làm
6 chuyện này mà vẽ ra bức họa, mong rằng
7 khiến cho chính mắt nhìn thấy không bị dính
8 mắc. Nếu tấu thỉnh xây y như vậy thì Vương-
9 xá và Chi-na hoàn toàn như nhau. Bèn khen
10 rằng: Những điều tốt đẹp vẫn bày ra rất
11 nhiều, các vị tài giỏi xưa nay đã biết nhẫn
12 chịu sinh tử, đâu thể không đau lòng với cảnh
13 chùa như vậy.

14 Đây là kiêu Chùa Thất-lợi Na-lan-đà
15 Mạc-ha Tỳ-ha-la. Đời Đường dịch là Cát
16 Tường Thân Long Đại trụ xứ. Ở Tây Thiên
17 đều gọi vua chúa và quan lớn là đại tự xá.
18 Trước đều gọi là Thất-lợi, ý muốn lấy nghĩa
19 cát tường tôn quý, Na-lan-đà là tên loài rồng.
20 Gần đây có con rồng gọi là Na-già-lan-đà,
21 cho nên gọi theo đó. Tỳ-ha-la nghĩa là trụ xứ,
22 dịch là chùa, không phải dịch thẳng. Như
23 thấy một ngôi chùa thì bảy cái kia cũng giống
24 như vậy. Mặt trên bằng phẳng lưu thông

1 người qua lại, hễ thấy chùa như vậy phải nhìn
2 về hướng Nam, muốn cho đi ra cửa Tây mới
3 đúng, ở cửa Nam cách hai mươi bước có một
4 ngôi tháp. cao chừng trăm trượng, là chỗ
5 ngày xưa Đức Thế Tôn an cư trong ba tháng
6 hạ. Tiếng Phạm là Mộ-la-kiện-đà-câu-đề, đời
7 Đường dịch là Căn Bản Hương Điện. Bên
8 cạnh cách tường cửa Bắc khoảng năm mươi
9 bước lại có một ngôi tháp lớn, cao hơn như
10 vậy, ngôi tháp này do vua Ấu-nhật xây dựng,
11 đều làm bằng gạch, trang trí rất khéo léo,
12 giường vàng đất báu, cúng dường thật ít có.
13 Ở trong đó có tượng Như Lai xoay bánh xe
14 pháp. Về phía Tây Nam có ngôi tháp nhỏ, cao
15 hơn một trượng, là chỗ thừa hỏi về các chấp
16 trước của Bà-la-môn. Đời Đường dịch là
17 Tước-ly- phù-đồ, chính là ý này. Ở phía Tây
18 Căn Bản Điện có một cây Phật xỉ chẳng phải
19 dương chi, kể đến ở mé Tây có giới tràng,
20 vuông vức khoảng hơn một trượng, xung
21 quanh xây tường gạch, cao khoảng hai thước,
22 nền tòa trong tường cao khoảng năm tấc, ở
23 giữa có ngôi tháp nhỏ. Góc điện phía Đông
24 của giới tràng có nền nhà Phật đi kinh hành,

1 được làm bằng gạch, rộng chừng hai khuỷu
2 tay, dài mười bốn, mười lăm khuỷu, cao hơn
3 hai khuỷu. Ở trên làm bằng đá vôi trắng hình
4 hoa sen nở, cao chừng hai tấc, rộng một
5 thước. Có mười bốn, mười lăm biểu tượng
6 dấu chân Phật. Túc chùa này nhìn về phía
7 Nam là Vương-xá thành cách chừng ba mươi
8 dặm, Linh thú, Trúc Viên đều ở gần thành.
9 Phía Tây nam là chùa Đại Giác. Hướng Nam
10 là núi Tôn Túc, đều có bảy trạm, phía Bắc là
11 Phệ-xá-ly khoảng hai mươi lăm trạm dịch.
12 Phía Tây hướng về vườn Nai hơn hai mươi
13 sáu trạm dịch. Phía Đông là nước Chăm-ma-
14 lập-đề, có khoảng sáu, bảy mươi trạm dịch,
15 chính là cửa biển lên thuyền về Trung quốc.
16 Chúng tăng trong chùa này có ba ngàn năm
17 trăm vị, các thôn trang của chùa có hai trăm
18 lẻ một thôn, đều do vua chúa nhiều thế hệ sắc
19 chỉ những hộ trong thôn ấy cúng dường cho
20 chùa. (Một trạm Dịch tương đương với một
21 du-thiện-na). Long Trì, Quy Dục là cách xa
22 Thiên Tân, đường xa thăm thẳm nếu không
23 có ngựa thì không đi được. Đến nay những
24 điều đó chỉ là truyền thuyết chứ ít có thật, mô

1 hình tạo ra quy chế trình bày lò mờ, thuở xưa
2 cũng mờ hồ mờ mịt, dầu có xem xét cũng là
3 tưởng tượng, nếu Phật còn tại thế thì hết sức
4 thần dị.

5

6

7

8



1 SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG
2 ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP
3 THỜI ĐẠI ĐƯỜNG

4 QUYỂN HẠ

5 Quyển này có mười lăm người, hiệp chú và
6 lại xếp vào Truyện Nam Hải.

7 *Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh soạn.*

8 * *Pháp sư Đạo Lâm*

9 Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh
10 Châu, tiếng Phạm là La- bát-phả, đời Đường
11 gọi là Giới Quang. Vào độ tuổi hai mươi
12 thoát ly trần tục, khi đến tuổi trưởng thành thì
13 tìm cầu bạn tốt, thầy hiền để tìm chân lý,
14 nghiên cứu luật tạng nên giới châu được sáng
15 tỏ, tu thiền để lắng nước tâm, bảm tánh hiền
16 lương khí chất liêm khiết, gội dòng suối
17 trong để tiêu điều tâm chí, rửa nước suối
18 ngọc để nuôi dưỡng tánh linh, thường ngồi

1 thiên không nằm, ngày ăn một bữa. Sau đó,
2 buồn thương cho giáo pháp truyền sang
3 Đông Hải trong thời gian khá lâu mà Thiên
4 tông mới nhập, luật điển lại thiếu, ngài muốn
5 tìm về nguồn cội sâu xa ở Tây quốc, nên bèn
6 chống tích trượng vượt đường xa dong
7 thuyền về biển Nam, vượt qua Đồng Trụ để
8 đến Lang-ca, băng qua Ha-lăng rồi đến nước
9 Kinh Lỗa. Ngài đến đâu các quốc vương
10 cũng cung kính tiếp đãi rất nồng hậu, ân cần.
11 Trải qua mấy năm ngài đến nước Đam-ma-
12 lập-đê thuộc Đông Ấn, ở đó trong ba năm để
13 học tiếng Phạm. Lúc đó xả giới rồi thọ lại,
14 học Nhất thiết hữu bộ, chẳng những học luật
15 mà còn gồm cả định tuệ, có lúc cũng đam mê
16 chú tạng. Sau đó ngài tham quan xứ Trung
17 Thiên đánh lễ Thánh nghi Bồ-đề ở ngự tòa
18 kim cương, rồi lại đến chùa Na-lan-đà nghiên
19 cứu kinh luận Đại thừa, say mê Câu-xá. Suốt
20 mấy năm ngài đi hết các nơi như Thửu Lân,
21 Trượng Lâm, Sơn Viên, Hạc Thọ chiêm
22 ngưỡng tỉ mỉ từng nơi một, rồi lại đến các
23 nước thuộc miền Nam Thiên-trúc để tìm hiểu
24 sưu tầm huyền lý rồi về miền Tây Ấn nước

1 La-trà ở đó mấy năm, sau đó lập long đàn thọ
2 lại minh chú. Có lần ngài thử luận rằng: Minh
3 chú, tiếng Phạm là Tỳ-đệ-đà-la- tất-đặc-gia.

4 Tỳ-đệ dịch là minh chú,
5 Đà-la là trì, Tất-đặc-gia là tạng, hợp lại là
6 Trì minh chú tạng.

7 Tương truyền Minh chú tạng này trong
8 bản Phạm có mười muôn bài tụng, đời
9 Đường dịch thành ba trăm quyển, hiện giờ
10 tìm lại phần nhiều thất lạc, còn lại số ít. Lúc
11 bậc Đại thánh mất đi thì A-li-dã-na- già-hạt-
12 thọ-na tức Bồ-tát Long Thọ là người đặc biệt
13 tinh ròng tư tưởng này. Sau đó đệ tử Ngài là
14 Nan-đà thông minh học rộng thẩm xét pháp
15 yếu đó. Ngài ở lại Tây Ấn khoảng mười hai
16 năm, chuyên tâm trì chú liền có cảm ứng, mỗi
17 khi đến giờ ăn thì thức ăn từ trên hư không
18 rơi xuống. Ngài lại tụng chú cầu bình như ý,
19 chốc lát thì đạt được, cho nên ngài được sự
20 an vui trong chiếc bình, không vì chú hết thì
21 chiếc bình ấy sẽ bỏ đi, cho nên Pháp sư Nan-
22 đà sợ minh chú tản thất, bèn sưu tập thành
23 mười hai ngàn bài tụng, trở thành một pháp
24 sư nổi tiếng. Trong mỗi bài tụng, văn chú ẩn

1 ly hợp, dù nói đồng chữ đồng thật mà nghĩa
2 khác, dụng khác, vốn chẳng phải truyền nhau
3 bằng miệng nên không do giải ngộ thì cũng
4 vô phần. Sau đó Luận sư Trần-na thấy sự
5 biên soạn vô cùng công phu và rất khéo léo
6 của một bậc kỳ tài ấy bèn khen rằng: "Ta đâu
7 sánh được với bậc vĩ nhân ấy, quả là bậc hiền
8 chí ý sáng tỏ". Cho nên biết bậc Trí sĩ biết
9 được sự độ lượng của mình, kẻ ngu mê mờ
10 sự cạn sâu của người khác. Tạng chú này
11 chưa truyền bá, ở Đông Hạ. Vì vậy mà ngài
12 Đạo Lâm để tâm vào pháp nhiệm mầu này.
13 Cho nên tạng chú nói: "Lên cõi trời nhưng
14 rỗng sai khiến trăm thần, Đạo lợi sinh chỉ có
15 chú là thân thiết". Ngài Nghĩa Tịnh ở chùa
16 Na-lan-đà cũng nhiều lần vào đàn tràng chú
17 tâm vào pháp yếu này mà công phu ấy không
18 trọn vẹn, thế là đành dứt bỏ ý tưởng ấy mà
19 mở rộng sự thấy nghe, tạm nêu lên cương
20 mục. Ngài Đạo Lâm liền từ Tây Trúc về Bắc
21 Thiên tham quan Yết-thấp-di-la rồi đến nước
22 Ô-trường na. Tham quán thiên môn, suy tìm
23 Bát-nhã, sau đến nước Ca-tát-thí, lễ Ô-suất-
24 nị-sa (tức xương cốt của Phật). Từ đó về sau

1 chẳng biết ngài ở đâu. Ngài Nghĩa Tịnh về
2 nước Yết-trà ở Nam Hải có người rợ Hồ từ
3 phương Bắc đến nói có: gặp được hai vị Tăng
4 ở nước Hồ. Nghe nói trên đường bị giặc vây
5 nên trở lại Bắc Thiên Trúc, ngài thọ khoảng
6 hơn năm mươi tuổi.

7 * *Luật sư Đàm Quang:*

8 Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh
9 Châu, sau khi xuất gia thì vượt đường xa đến
10 Kinh đô. Ngài là đệ tử của Luật sư Thành, rất
11 giỏi biện luận, lời văn sâu sắc, học cả nội
12 ngoại điển, giới hạnh thanh bạch trang
13 nghiêm. Ngài đi về phương Nam, đến Bột
14 Hải để vọng lễ. Sư về Tây Thiên rồi đến nước
15 ha-lợi-lê-la ở miền Đông của Đông thiên.
16 Vào độ tuổi thành niên ngài ở đâu, hoàn toàn
17 không biết, có lẽ lưu lạc ở sông núi.

18 Lại có vị tăng nước Ha-lợi-kê-la, có
19 thuyết cho rằng: Đó là một vị tăng đời
20 Đường. Khoảng năm năm mươi tuổi, ngài
21 được vua kính trọng và bổ nhiệm trụ trì một
22 ngôi chùa. Sau đó, ngài mang nhiều kinh
23 tượng gấp rút ra đi về đến nước này, bị bệnh

1 nặng và chôn thân nơi xứ người.

2 *** *Thiền sư Tuệ Mạng:***

3 Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh
4 Châu, giới hạnh trong sạch, có hoài bão và
5 tiết tháo, học cả nội lẫn ngoại điển, chỉ đạo
6 chơi ở trời mây, khát ngưỡng nơi sông yên
7 bình để nêu tượng. Nhớ về vườn trúc để thỏa
8 lòng, ngài bơi thuyền đến Chiêm-ba thì gặp
9 phải sóng gió, nhiều lần chống chọi với gian
10 khô, sau đó đến Đồng Trụ ở Mã Vận, nghỉ ở
11 Thượng Cảnh rồi về Trung quốc.

12 *** *Luật sư Huyền Quý:***

13 Ngài là người Giang Ninh thuộc Nhuận
14 Châu, họ Hồ, thuộc dòng dõi tiếng tăm, là
15 con người văn võ song toàn, chuộng nhân
16 quý nghĩa, kính pháp trọng tăng, tiếp nối
17 hoằng truyền, tiếng tốt chẳng mất. Luật sư
18 xuất gia từ thuở ấu niên nên lớn lên rất được
19 kính ngưỡng trọng vọng, cho đến tuổi thọ
20 giới cụ tục thì lỗi lạc chẳng ai bằng, nghiên
21 cứu khắp các bộ luật và chuyên tu thiền tịch,
22 giới hạnh nghiêm mật, xem xét kinh điển Đại
23 thừa và suy cứu huyền lý, văn chương lưu

1 loát, thảo lệ rất khéo, chỉ có ba y che vai,
2 không đắp phủ cánh tay, chỉ lấy chéo y đắp
3 vai, vào chùa đi chân không, đi đường mới
4 mang dép. Cho dù người bấy giờ thấy thế chê
5 cười nhưng phẩm tiết thanh cao của ngài
6 không hề thay đổi, không nằm mà thường
7 ngồi, lưng chẳng dính chiếu mà ngủ yên, đi
8 khát thực, không qua cửa quán rượu. Người
9 lành đều yêu mến phong cách giản dị mà tri
10 thức sâu xa của ngài. Kẻ mê tối không thấy
11 được, cho rằng chân không dép thì đất mới
12 có thể thấm chân trần. Than ôi bọn người này
13 mê mờ chân lý, làm biển xanh dậy sóng chìm
14 đắm theo thói đời. Người tỉnh trong đời đâu
15 thể ở chung với kẻ say sưa vừa mới ở trong
16 cảnh giới siêu thoát liền khế hợp. Điều đó
17 làm cho con cháu ở Nam Thượng thương xót,
18 bạn bè ở Tam Kinh hết nơi bám víu. Thương
19 thay cho chí nguyện không thành việc truyền
20 pháp vẫn còn trong hoài bão chưa nêu cao
21 được tiết tháo cao quý. Khi ngài đến Quảng
22 châu thì bị bệnh phong, ngài bởi mắc phải
23 bệnh này nên không toại chí nguyện cao xa,
24 thế là ôm mối sầu hận chống tích về Ngô Sở,

1 lúc đó ngài khoảng hai mươi lăm, hai mươi
2 sáu tuổi.

3 Sau này, sư Tăng Triết đến Tây Trúc nói:
4 Người ấy đã mất nhưng mang chí nguyện
5 trong lòng. Than ôi! Thật bất hạnh. Đường
6 tốt nhiều nạn hiểm, chẳng phải luống sông,
7 thật muốn trở về đem tư lương Phật pháp để
8 mở mang nhưng hoài vọng không toại. Lại
9 muốn quay về để khỏi gian nguy thì lại luống
10 phí tác lòng với Long Thọ, bèn than rằng:
11 Người thanh khiết mất đi, ai sẽ kế thừa. Bất
12 hạnh cho người mạng ngắn, ô hô thương
13 thay. Gò cao chín nhận, một sọt là sạch. Tài
14 giỏi mà không thật, ô hô thương thay! Hiều
15 thì dễ được, hành cũng khó tìm, buồn thay!
16 Tuổi nhỏ mà nghiệp đức đều tu, ý niệm
17 truyền đăng đã hết! Mặc bệnh thì tình thâm.
18 Buồn thay trắng sãi, thương thay thân mất
19 nhưng chí nguyện truyền đăng của Sư vẫn
20 rực sáng, tồn tại ngàn năm.

21 Khi ấy ngài từ giã Quảng châu, lại vọng
22 về Quế Lâm, đi ở buồn thay, tự kể để tặng
23 cho Sư. Nêu tâm ở Phạm vũ, vận tượng vào
24 Tiên châu, mắc bệnh hiểm nghèo trái với

1 đồng hảo, trầm tình thì sự trở ngại như thoát
2 ra, lá rụng chột khó tụ. Tình lìa không thâu
3 lại được, biết ngày nào đến lại để thấy dòng
4 pháp tuôn

5 Trong niên hiệu Hàm Hanh năm đầu, tại
6 Tây kinh, ngài nghĩa Tịnh nghe tin lúc bấy
7 giờ Pháp Sư Xử Nhất ở tịnh bộ, Luận Sư
8 Hoằng Huy ở Lai Châu ba mươi hai vị Đại
9 đức cùng ngóng về Thửu Phong để nêu tâm
10 nơi đạo thọ. Nhưng mẫu thân của ngài Xử
11 Nhất đã lớn tuổi, đành ôm lòng luyến tiếc ở
12 Tịnh Xuyên. Sư Huy gặp ngài Huyền Chiêm
13 ở Giang Ninh, thế là chuyên tâm vào An
14 Dưỡng. Ngài Huyền Quý đến Quảng Phủ rồi
15 lại bị trái với nguyện ban đầu, đành phải đi
16 với tiểu tăng Thiện Hạnh ở Tấn châu. Bạn cũ
17 của Thần châu vốn đã tan rã nhiều nơi, Ấn-
18 độ thì mới biết, mờ mịt không hiểu, bấy giờ
19 ai nấy do dự khó định tôi bèn làm bốn câu
20 thơ để giải sầu. Thơ rằng:

21 *Tôi đi mấy muôn dặm*
22 *Chát chồng trăm mối sầu.*
23 *Ai bảo thân sáu thước*
24 *Một mình đến Ngũ thiên.*

1 Lời trên có lẽ vượt hơn thầy, bậc chí sĩ
2 tao nhẽ khó đổi thay, nhưng tiếc rằng mạng
3 ngắn đâu được lâu dài.

4 Lúc ấy, vào niên hiệu Hàm Hanh thứ 3,
5 Sư nhập hạ ở Dương phủ.

6 Đầu Thu bỗng gặp sứ quân Phùng Hiếu
7 Thuyên ở Cung Châu đến Quảng Châu và
8 cùng đi về Nam với thuyền chủ nước Ba-tư.
9 Rồi được sứ quân bảo đến Đồng Châu, lại
10 làm đàn chủ và em là sứ quân Hiếu Đản, sứ
11 quân Hiếu Chấn, quận quân họ Ninh, quận
12 quân họ Bành, v.v... cùng bà con đều được sự
13 ban tặng, tranh nhau tế dâng để xả xui, ngõ
14 hầu của Cấp-cô-độc không có sự trở ngại ở
15 đường biển thì cũng sợ có nguy hiểm trên
16 đường bộ. Dốc lòng ban ân tuệ, như người
17 thân, thuận theo tâm ban phát cho kẻ cô độc.
18 Cùng nhau quy y để đồng duyên thắng cảnh,
19 cho nên chí thành đánh lễ, có lẽ là công sức
20 của họ Phùng, vả lại pháp tục ở Lĩnh Nam đi
21 hay ở cùng một tâm trung thật, các bậc anh
22 tài ở phương Bắc đều ôm mối hận sống mà
23 phải chia lìa. Đến tháng 11 tôi nương Hiếu
24 Chấn quay về Phiên ngung, chỉ tay về vườn

1 Nai mà lòng dằng dặc, nhìn về núi Kê mà dạ
2 bồi hồi. Lúc ấy, trời đất bao la hướng về
3 phương Đông thì Bách Trượng đã theo hài.
4 Lìa lễ nghĩa mà sáng lập tiết tháo, bỏ huyền
5 tổ đơn phi, ngũ lưỡng xẻ dọc biển lớn, dường
6 như sóng núi vắt ngang biển. Khơi thông thác
7 cả, như sóng mây ngất trời, chưa được hai
8 tuần thì đã đến Phật Thệ. Ở lại đó một thời
9 gian khoảng sáu tháng học dần với các bậc
10 cao minh. Vua ban tặng cho những vật cần
11 dùng rồi tôi tiến về nước Mạc-la-du. (Nay là
12 Thất-lợi-phật-thệ). Lại ở đó hai tháng rồi
13 quay về Yết-trà. Đến tháng 12 tôi căng buồm
14 lên thuyền vua về Đông Thiên. Từ nước Yết-
15 trà đi về phương Bắc hơn mười ngày đến
16 nước lỏa thể, từ đó hướng về phía Đông
17 chừng một, hai dặm đường nữa. Chỉ thấy cây
18 Da tử, rừng Tần lang sâm uất đáng yêu.
19 Người ở xứ đó họ thấy thuyền đến bèn tranh
20 nhau đem cả trăm chiếc thuyền nhỏ để đón,
21 họ đều đem theo chuỗi Lang tử, bình trúc
22 đựng nước để trao đổi. Vật mà họ thích nhất
23 chỉ có sắt lớn bằng hai ngón tay, đôi được
24 năm hoặc mười cây long tử. Đàn ông thì trần

1 truồng, phụ nữ thì dùng miếng lá che thân.
2 Các người đi buôn mải cười rồi đưa áo quần
3 cho họ, nhưng họ khoát tay tỏ ý không cần.
4 Tin đồn nước này giáp với phía Tây nam
5 Thục Xuyên. Nước này vốn không sản xuất
6 sắt, cũng khan hiếm vàng bạc. Chỉ ăn quả
7 Lang tử và rễ chứ không có lúa gạo nhiều. Vì
8 thế họ rất quý Lô-a (tức là sắt). Người dân da
9 không đen, chiều cao trung bình. Họ đan giỏ
10 mây tròn rất đẹp, xứ khác không thể sánh
11 được, nếu không trao đổi thì họ sẽ bán tên
12 độc, người nào bị trúng thì không còn cách
13 nào chữa trị. Đến đây khoảng nửa tháng tôi
14 bắt đầu muốn đến Tây Bắc, đến nước Đam-
15 ma-lập-đê, là miền đông của Đông Ấn, cách
16 Mạc-ha Bồ-đê và Na-lan-đa hơn sáu mươi
17 trạm dịch. Ở đây lại được gặp các sư Đại
18 thừa. Ở đó một năm, học tiếng Phạm và
19 Thanh luận, rồi sau đó đi về phía Tây với sư
20 Đại Thừa Đăng và mấy trăm người đi buôn
21 đến Trung Thiên. Ở Mạc-ha Bồ-đê chừng
22 mười ngày rồi qua núi lớn trên con đường
23 hiểm nạn khó thông, phải nương nhiều người
24 chứ không thể đi một mình. Lúc ấy, gặp nạn

1 dịch, bị bệnh phong cùi, cầu những người đi
2 buôn cứu không kịp. Tuy cố gắng hết sức
3 mình đi chừng ba dặm nhưng tôi cũng hết
4 sức. Khi ấy có khoảng hai mươi vị Tăng chùa
5 Na-lan-đà cùng đi trước với tăng, Đại Thừa
6 Đăng chỉ còn tôi một mình một bóng trên
7 đường hiểm. Trời chạng vạng thì giặc núi kéo
8 đến, chúng giương cung la lớn bảo đến chỗ
9 chúng, trước hết chúng cởi áo trên rồi tụt y
10 dưới. Đây mang theo không có gì cũng tước
11 đoạt hết. Ngay lúc ấy tôi thật sự chán nản
12 nhân tình thế thái không còn tâm trí nào để lễ
13 bái tham kiến nữa. Thân thể không còn
14 nghiêm trang, cho nên không toại nguyện
15 xưa. Lại, tương truyền ở nước kia, nếu bắt
16 được người da trắng thì đem giết tế trời. Nghĩ
17 đến thuyết này tự nhiên lòng nghĩ mông lung,
18 bèn xuống vũng bùn nhuộm hết thân thể,
19 dùng lá cây che người rồi chống gậy đi chậm
20 chậm, ngày rồi đến đêm, đi mãi như thế mà
21 nơi tạm dừng chân vẫn còn xa. Đến canh hai
22 nửa đêm mới gặp bạn bè, nghe tiếng gọi lớn
23 ở ngoài thôn của ngài Đại Thừa Đăng, tôi bèn
24 vào đó, Thiên sư đưa cho chiếc áo, xuống ao

1 tắm gội sạch sẽ rồi mới vào thôn. Từ đây đi
2 về phía Bắc mấy ngày, trước hết đến Na-lan-
3 đà lễ tháp Căn Bản, kế là lên núi Kỳ-xà-quật
4 thăm chỗ cất y, sau đó đến chùa Đại Giác lễ
5 chân dung Phật, đạo tục ở núi Đông biểu tặng
6 lụa vải, tôi đem may theo lượng y ca-sa của
7 Như Lai, trình lên Phật rồi đắp mặc. Luật sư
8 Huyền ở Bộc Châu đem mấy muôn áo lụa
9 đem dâng lên Thiên sư Đạo An ở Tào Châu
10 để gởi lễ cúng tượng Bồ-đề. Thế rồi tôi năm
11 vóc lễ Phật một cách chí thành, trước hết vì
12 bốn ân ở Đông Hạ, cùng khắp pháp giới hàm
13 thức, nguyện gặp Đức Di-lặc trong hội Long
14 Hoa, đồng thời khế hội chân tông, đắc Vô
15 sinh nhẫn. Tiếp theo tôi lễ khắp các Thánh
16 tích và phương trượng, rồi đến Câu-thi-na,
17 hết sức kính phục ở đó, rồi vào vườn Nai qua
18 Kê lãnh. Cầu kinh tại chùa Na-lan-đà hơn
19 mười năm, vừa mới quay gót nói trở về nước
20 Đan-ma-lập-đề thì giữa đường gặp bọn giặc
21 cướp, chỉ tránh được họa đao búa, giữ được
22 mạng mong manh. Thế rồi lên thuyền đến
23 nước Yết-trà, đem theo hơn năm mươi tôi
24 vạn bài tụng trong Ba tạng bản Phạm, về

1 Trung quốc dịch khoảng một ngàn quyển,
2 nhưng bị kẹt lại ở Phật-thệ.

3 *** *Sư Thiện Hạnh:***

4 Sư là người Tấn Châu, thuở nhỏ từ già
5 quê hương tìm đạo ở Đông Sơn, lớn lên học
6 luật nghi và đề tâm nghiên cứu minh chú.
7 Tính ngài khiêm cung, từ tôn thương người,
8 là đệ tử ngài Nghĩa Tịnh. Sau đó, ngài theo
9 thầy đến Thất-Lợi-Phật-thệ và có tâm muốn
10 đến Trung Thổ, nhưng vì mắc phải bệnh nặng
11 không chữa được, nên đành quay về, lúc đó
12 ngài chừng ba mươi tuổi.

13 *** *Sư Linh Vận:***

14 Sư là người Tương Dương, tiếng Phạm là
15 Bát-nhã-đề-bà, chí khí ngay thẳng, có tâm
16 xuất tục. Ngài cùng đi tìm Thánh tích với
17 ngài Tăng Triết, vượt qua Nam Minh đến
18 Tây Thiên, lão luyện tiếng Phạm, có hoài bão
19 lợi sinh, đi đến đâu cũng được vua chúa cung
20 kính. Ngài ở chùa Na-lan-đa họa tượng Bồ-
21 đề và chân dung Bồ-tát Di-lặc, kích thước
22 bằng nhau, công phu khéo léo hơn người, rồi
23 đem về Trung quốc làm Phật sự, phiên dịch

1 Thánh giáo thật tài giỏi.

2 * *Thiền sư Tăng Triết:*

3 Ngài là người Lê Châu, thuở nhỏ khí tiết
4 cao vời, sớm nung huyền môn, và có căn cơ
5 giải ngộ, quả thật có sự màu nhiệm của quán
6 đảnh, bàn luận sắc bén, được đại chúng kính
7 phục, nghiên tâm nơi vườn luật, không chề
8 cả ruộng thiền. Hai môn Trung, Bách từ lâu
9 đã nắm giềng mối, hai sách Trang, Lưu đã
10 nắm lòng then chốt, muốn chiêm ngưỡng
11 Thánh tích nên lên thuyền đến Tây quốc. Lúc
12 đến Tây Thiên rồi ngài tùy duyên du hóa.
13 Đến lễ các nơi xong ngài quay về Đông Ấn,
14 đến nước Tam-ma-đán-thát, vua nước đó tên
15 là Hạt-la-đỗ-bạt-thát, vị vua này rất kính Tam
16 bảo, là vị Đại Ưu-bà-tắc, chí thành tin tưởng
17 rực sáng xưa nay. Mỗi ngày nắn tượng Thát-
18 mô-nê cả mười muôn pho, đọc Đại Bát-nhã
19 cả mười muôn bài tụng, đích thân dâng cúng
20 mười vạn bông tươi. Sửa soạn trai nghi thiết
21 lễ và người giúp đem tượng Quán Âm đặt
22 trên xa giá, cờ xí trống nhạc rền cả hư không,
23 tượng Phật tăng chúng dẫn đường phía trước,

1 vua đi phía sau. Tăng ni trong thành khoảng
2 bốn ngàn người, đều được sự cúng dường của
3 vua. Sáng nào cũng sai sứ vào chùa chấp tay
4 đứng trước phòng vấn an sức khỏe "Đại
5 vương kính thăm Pháp sư, v.v... đêm qua có
6 được an vui không".

7 Tăng đáp: "Mong cho Đại vương sống
8 lâu không bệnh, xã tắc an ninh", Sứ trở về
9 báo xong vua mới bàn việc nước, năm xứ
10 Thiên trúc có những vị đại đức trí Thắng-man
11 rộng biện tài, học hết mười tám bộ kinh,
12 thông giải năm minh đại luận đều nhóm họp
13 ở nước này, vì vua nước này nhân từ, tiếng
14 tăm vang khắp thiên hạ. Ngài Tăng Triết ở
15 trong chùa của vua này rất được sự đãi ngộ
16 đặc biệt, chú tâm vào bốn Phạm ngày ngày
17 tinh tấn, mai này không còn gặp nhau nữa.
18 Tương truyền ngài ở đây vào những năm bốn
19 mươi tuổi. Đệ tử Ngài là Huyền Du, là người
20 Cao-ly theo thầy xuất gia ở nước Sư Tử rồi ở
21 lại nước đó.

22 Như trên là năm mươi vị.

** Luật sư Trí Hoằng:*

Ngài là người Lạc dương, tức là cháu của Đại sứ Vương Huyền Sách đi sứ Tây Vực. Ở độ tuổi thanh xuân thì đã nhàm chán cuộc sống, nhàn nhã, ý xem thường cuộc sống sung túc mà mang hoài bão xuất du. Ngài bèn tìm đến núi Thiều Lâm, ăn mặc đơn giản, thích tụng đọc kinh điển, lại có tài văn chương. Sau đó, ngộ ra sự nhộn nhịp ồn ào nơi đô thị, mến cảnh thanh vắng của pháp môn, nên Sư bèn từ giã chốn Bát thủy mà đến Tam Ngô, bỏ quần là áo lụa, khoác áo nâu sồng. Thờ Thiền sư Tha làm thầy, lãnh thọ ân tuệ của thầy chẳng được bao lâu thì dường như huyền quan. Sư lại đến chỗ Thiền sư Nhân ở Trác Châu tụ lại thiền định. Gốc lành tuy đã trồng, nhưng cành nhánh chưa cao. Sư bèn đến Tương xuyên lên Hoàn Lãnh, đến Quế Lâm để tịnh niệm, đến U Tuyền để dưỡng tâm, lại trải qua mấy năm nương Thiền sư Tịch để y chỉ, tham quan cảnh kỳ vĩ của núi sông, thưởng thức vẻ thanh thoát của rừng núi bạt ngàn. Ngài bèn hươ bút vẽ lại những cảnh u lệ của núi rừng, bày tỏ nỗi lòng

1 viển du. Khi đã thưởng thức hết pháp tượng
2 vùng Tam Ngô, ngắm hết những tòa báu,
3 tham bái hết các thiện hữu ở Cửu Giang,
4 nghiên tâm lý mầu, nhưng đó là do gốc lành
5 đã trồng nhiều đời chứ không phải do sức cố
6 gắng của con người. Xuất thân từ trong phủ
7 nên muốn chiêm lễ ở Tây Vực, ngài may mắn
8 khế hợp với Thiền sư Vô Hành, đến hợp phở
9 lên thuyền, tiêu diêu giữa biển khơi, chẳng
10 may gặp gió nên trôi giạt đến Thượng Cảnh,
11 lại đến Giao Châu, ở đó một mùa hạ. Đến
12 cuối mùa đông năm đó ngài lại đến Thần
13 Loan ở Hải Tân. Theo thuyền về Nam, đến
14 nước Thất-lợi-phật-thệ. Tất cả lịch trình ngài
15 đi qua có chép rõ trong Tự Truyện của Thiền
16 sư Hành. Ngài đến chùa Đại Giác ở đó hai
17 năm, chiêm ngưỡng dung nhan một cách chí
18 thành cung kính, tụng đọc phạm bản bất kể
19 thấp ngày, rất giỏi Thanh luận, có tài về
20 Phạm thư, học luật nghi, tập đối pháp, đã
21 thông thạo luận Câu-xá lại giỏi Nhân Minh,
22 đọc tụng thông suốt kinh Đại thừa ở chùa Na-
23 lan-đà. Ở đạo tràng Tín Giả ngài chuyên tâm
24 nghiên cứu Tiểu thừa. Khi thành tựu danh

1 đức, ngài lại tắm mình trong luật nghi, cố
2 gắng siêng năng chẳng rời tác bóng, học các
3 kinh luật của Luật sư Đức Quang biên soạn.
4 Theo sự thấy nghe và học hỏi đó nên có một
5 công phu sâu dày, khéo gìn giữ giới luật
6 không hề thiếu phạm mảy may, thường ngồi
7 không nằm, biết đủ các thanh liêm, kính trên
8 nhường dưới và càng kính trọng các Trưởng
9 lão. Khi thì ngài đến non Thửu thành Vương-
10 xá, lại đến vườn Nai, rừng Kỳ thọ, am vườn,
11 núi hang ở Thiên Giaỉ tỏ bày tâm khát tưởng,
12 đồng thời khế hợp với nỗi lòng sâu kín. Mỗi
13 khi nhận y bát dư ngài thường nghĩ đến việc
14 giúp đỡ. Ở chùa Na-lan-đà ngài cúng dường
15 khắp. Ở thành Vương-xá đem bát cúng
16 dường thường trụ. Ngài ở lại Trung Ấn gần
17 tám năm. Sau đó, đến Bắc Thiên trúc, ở nước
18 Yết- thấp-di-la, muốn về quê cũ. Tương
19 truyền ngài làm bạn với Đạo Lâm, không biết
20 nay ngài ở đâu, nhưng công trình phiên dịch
21 của ngài thì thành tựu mỹ mãn.

22 * *Thiền sư Vô Hành:*

23 Sư là người Giang Lăng ở Kinh Châu,

1 tiếng Phạm là Bát-nhã-đề- bà, đời Đường
2 dịch là Tuệ Thiên, tánh tình phóng khoáng,
3 bẩm chất ôn hòa, ý chuộng nhân đức, chí
4 hướng nơi mây ngàn. Tuổi còn thơ bé mà đã
5 dẫn thân khắp sông núi. Khi đến tuổi trưởng
6 thành thì mong hoài bão chốn thiên lâm, lại
7 xót xa rơi lệ thương các ngư dân, thợ săn. Vứt
8 bỏ những vẻ đẹp ở chân vọng, dẹp trừ cảnh
9 hùng vĩ ở làng xóm đương thời đức hạnh xán
10 lạn, soi dòng Tam giang để bày vẽ duyên
11 dáng, gọt tướng ở suối thơm, tắm nước bảy
12 lòng mà tiêu diêu ở sông nước. Nhờ duyên
13 xưa mà cảm ứng qua hiện tiền, mong mỗi
14 pháp môn để tâm trọng lý mầu. May mắn gặp
15 năm người độ, nương ở các đạo tràng. Sau đó
16 mở ra để môn, thăm nhuần bạn pháp, thờ
17 Pháp sư Tuệ Anh chùa Đại Phước Điền làm
18 Ô-ba-đà-là (đời Đường dịch là Hòa-thượng
19 thân giáo sư). Đó chính là bậc thượng túc của
20 Pháp sư Cát tạng, có thể nói đó là bậc thạc
21 đức truyền đăng. Vốn dĩ đời không thiếu bậc
22 hiền tài, thế rồi Sư để tâm vào Bát-nhã,
23 nương chí chốn Thiên lâm, rời bỏ thế gian để
24 ngao du chốn sông núi. Mỗi khi bàn lý mầu

1 thì nêu bày những nghĩa lý sâu kín. Tuy tuổi
2 trẻ trung mà khát vọng phía trước cho đến lúc
3 thọ giới cụ túc cùng đàn với hơn hai mươi
4 người, tụng giới hợp ý lại rất lưu loát, đáng
5 được gọi là bậc thượng thủ, không ai sánh
6 bằng, sau đó ngài ẩn cư trong núi, đọc kinh
7 Pháp Hoa, không đầy một tháng thì hết cả
8 quyển (trọn bộ bảy quyển). Ngài khen rằng:
9 Nói về người tìm nôm là muốn được cá,
10 người cầu lời là muốn đạt nghĩa mầu, ta phải
11 tìm những bậc thầy giỏi để xem xét tâm thần,
12 khởi phát định môn để dứt phiền não. Thế là
13 ngài chống trượng đến Cửu giang và băng
14 qua Tam Việt, đến xứ Hoành khâu, rồi ở Kim
15 lăng, thả lòng chốn Tung Hoa, hét lớn nơi
16 Thiếu thất. Rửa chân nơi tám thủy, giữ áo
17 chốn Tam xuyên, ý muốn cầu thiện tri thức,
18 muốn phát huy định môn để về phương Bắc
19 tìm tòi những lẽ sâu mầu của thiền định với
20 ngài Trí Giả. Muốn mở mang giới học môn
21 nên quay về đông, nghiên tầm điển thuần túy
22 của giới với luật sư Đạo Tuyên, tham dự
23 những buổi giảng kinh luận mới cũ, khảo sát
24 những phép tắc từ xưa đến nay Mênh mông

1 thay sóng cả, muôn khoảnh cao ngất. Bờ bên
2 nghìn dặm làm bạn với ngài Trí Hoàng, lên
3 thuyền về đông một tháng đến nước Thất-lợi-
4 phật-thệ. Vị vua nước này kính trọng, tiếp đãi
5 nồng hậu hơn người thường, trái hoa vàng,
6 rải lúa vàng, cúng dường bốn thứ cần dùng,
7 năm canh thừa hỏi, gặp được bậc Đại tăng từ
8 chỗ vua Đường đến càng tỏ ra kính phục. Sau
9 đó ngài nương thuyền vua đến Châu Mạt-la-
10 du khoảng mười lăm ngày. Lại đi tiếp mười
11 lăm ngày nữa đến nước Yết-trà quốc. Đến
12 cuối đông thì quay thuyền trở về Tây, suốt ba
13 mươi ngày đến Na-già-bát-đàn-na, bởi
14 thuyền về châu Sư tử hai ngày, tham lễ rằng
15 Phật. Từ đây đi thuyền về đông một tháng
16 đến nước Ha-lợi-kê-la. Nước này thuộc ranh
17 giới phía đông của Đông Thiên-trúc, tức là
18 lãnh thổ của Châu Thiệm-bộ. Ngài dừng lại
19 đây một năm rồi đi lần về Đông Ấn, thường
20 theo ngài Trí Hoàng. Tại đây cách chùa Na-
21 lan-đa khoảng một trăm dặm đường. Khi
22 nghỉ ngơi xong lại đến chùa Đại Giác. Nhờ
23 quy chế quốc gia quy định ai vào chùa đều là
24 chủ nhân. Vì chủ nhân Tây quốc hơi khó

1 được. Nếu được chủ thì các việc khác đều
2 giống như vậy, làm khách chỉ ăn mà thôi. Sau
3 đó ngài về Na-lan-đà, nghe Du già, học
4 Trung quán, nghiên cứu Câu-xá, tham cầu
5 sách luật, lại ở chùa Yết-la-trà. Cách đây hai
6 dịch, xứ ấy có vị Pháp sư rất giỏi Nhân minh,
7 nhiều lần học giáo nghĩa của ngài Trần-na,
8 trên pháp tòa chẳng những thâm nhập cửa
9 huyền mà còn phá vỡ then chốt. Ngài thường
10 đi khát thực nuôi thân, ít muốn biết đủ, các
11 căn vượt thoát ngoài vật, thường nhân lúc
12 rảnh rỗi dịch kinh của ngài A-cấp-na, thuật
13 lại việc Như Lai Niết-bàn, lược làm ba
14 quyển, đã mang về Trung quốc, đó là xuất xứ
15 từ Nhất Thiết Hữu Bộ.

16 Nói về những điều trong đó thì chẳng
17 giống với điều mà ngài Hội Ninh đã dịch lời
18 mà ngài Vô Hành đã nói ngài muốn ở lại Tây
19 Thiên, còn đạo lại có ý ở Thần châu, muốn từ
20 Bắc Thiên trở về quê cũ. Ngày đó, ngài
21 Nghĩa Tịnh tiến nhau ở Na-lan-đà. Đi đến
22 phía Đông chừng sáu dặm thì mỗi người đều
23 mang mỗi sào chia biệt, cả hai đều mong gặp
24 lại. Hai người búi ngùi rơi lệ chia tay, lúc đó

1 năm mười sáu tuổi. Vả lại, bẩm tánh của ngài
2 chuộng khâm lễ, nên thường ví mình được
3 thấy cây giác mới nảy lộc, tắm gội ở Long
4 Trì, Trúc uyển vàng rực, bẻ hoa ở Linh Thứu.
5 Trong hai thời này đều là tiết hội lớn, không
6 gian gần nhau nên đạo tục đều thấy cây Bồ-
7 đề. Lại ở núi Linh Thứu vào lúc này có hoa
8 vàng lớn như bàn tay, thật giống màu vàng
9 người ta bẻ nó về dâng cúng, nên lúc này ở
10 núi Di phú tạm gọi nó là hoa xuân nữ. Có một
11 lúc cùng Thiền sư Vô hành dạo chơi ở Linh
12 Thứu, chiêm bái xong rồi nhìn về quan ải
13 không tả hết nỗi ngậm ngùi. Nghĩa Tịnh tôi
14 xin nói sơ về nỗi hoài cảm của mình như vậy.
15 Trong đoạn thơ có nhiều câu rằng:

16 *"Thăm qua đỉnh Kỳ sơn*
17 *Rơi lệ thành vua xưa*
18 *Muôn năm ao vẫn sạch*
19 *Nghìn năm rừng vẫn xanh*
20 *Phảng phất bóng in đường*
21 *Đạp qua bao núi lớn*
22 *Tiên đài bảy báu phai dấu cũ*
23 *Bốn màu hoa trời bật tiếng mưa*
24 *Hoa bay tiếc sinh ra thời muộn*

1 *Đã thương ở nhà lửa huyễn hóa*
2 *Vẫn than côi tạm đấm đất bằng*
3 *Cất bước trông biên ải*
4 *Tâm đạo trên sóng trào*
5 *Nau nấu bến tà dìm ba côi*
6 *Mờ mịt muôn phẩm chôn thật hình*
7 *Chỉ có Năng Nhân mới viên ngộ.*
8 *Quét trần lảng sóng mở đường*
9 *huyền.*
10 *Gặp thời đòi khát bỏ thân nước*
11 *Lại vì tìm thấy nên khéo thi*
12 *Giữ phao nổi hợp với giới châu.*
13 *Phòng giữ yếu tâm mặc áo nhần.*
14 *Ba kỳ chẳng mới lập hai thừa.*
15 *Cất bước quên mệt vượt chín số.*
16 *Định lảng sông xanh gọi não phiền*
17 *Trí bén chặt băng vỡ thành sương*
18 *Vô biên đại kiếp nguyện tu hết*
19 *Sáu thời chuyên tâm theo sáu độ*
20 *Độ có thực hành công đức sinh.*
21 *Sông Hằng quy tịnh về thường trụ*
22 *Kê lâm quyền xướng diễn công*
23 *xong*
24 *Thánh chúng truyện xưa còn vang*

1 *tiếng*
2 *Mật điển cung rồng giấu biển sâu*
3 *Lời vàng hang đá muôn nơi*
4 *nguồn*
5 *Từ đây dòng pháp chảy*
6 *Truyền cho muôn đời sau*
7 *Cát sông đỉnh tuyết quên đường tắt*
8 *Biển cả thác ghềnh loạn bến mê*
9 *Vào trong muôn chết cầu phần*
10 *sống.*
11 *Đứng vững đầu kim cũng chẳng*
12 *bằng*
13 *Buộc ngựa treo xe không sánh kịp*
14 *Chẳng màng đời này vui*
15 *Chẳng cầu đời sau sướng*
16 *Thệ bỏ thân nguy tìm thắng nghĩa*
17 *Chỉ mong khế hợp nguyện truyền*
18 *thừa*
19 *Khổ vẫn hát, chẳng than van*
20 *Dõi mắt trông về trời Đông*
21 *Thao thức luyện lưu nhị tính*
22 *Phương Tây Lộc Uyển cách tam*
23 *luân*
24 *Phương Bắc xá thành ao còn đó*

1 *Rừng núi trời Nam ai đoái trông*
2 *Năm núi xanh, trăm ao mát*
3 *Rực rỡ sắc hoa soi bốn phía*
4 *Ngòi ngòi gốc đạo chiếu ba xuân*
5 *Chân tính nhắm sơn A*
6 *Rao bước hướng Kỳ-đà*
7 *Nhìn đá xếp thành y của Phật*
8 *Lại thấy trời trao khắp muôn non*
9 *Lắng lòng nơi linh trấn*
10 *Muôn sông rộ hoa vàng*
11 *Đưa tay ngắt lấy*
12 *Hương tỏa thơm lừng*
13 *Điện đài bay lùì lại*
14 *Thêm đá bao bọc quanh*
15 *Ngõ hợp với sức thần*
16 *Đem phước mọn ấy tưới bến bờ*
17 *Mong cùng gặp ở Long Hoa hội.*
18 *Tại vương xá thành ở Tây vực, lòng nhớ*
19 *về chốn cũ, thơ rằng:*
20 *Buồn xa xích nhuyện*
21 *Tắc lòng luyến lưu*
22 *Non Lĩnh gió lạnh thổi*
23 *Sông Long nước ngược trôi*
24 *Vui với ngày qua sáng lại sáng*

1 chỉ, rồi lại đến Chiêm-ba, Thừa Ngộ lại chết,
2 người Chiêm ba đến truyền tin như vậy. Điều
3 này chưa rõ thật hư, nhưng Thừa Như nói
4 muốn quay về quê cũ. Dù không có kết quả
5 đích thực nhưng vẫn khen ngợi các đức tốt
6 đẹp của Ngài, vì sao đi ba mà chỉ còn lại một.

7 *** Pháp sư Đại Luật:**

8 Ngài là người Lễ châu, thuở nhỏ đã
9 nhiệm pháp môn, lớn lên lại tiết kiệm, có ý
10 tiết chế lòng tham muốn nên lấy việc khát
11 thực làm nhiệm vụ. Muốn lễ thánh tích nên
12 mong đến Vương thành. Ngài thường than
13 rằng Đức Phụ Thích-ca mình đã không gặp,
14 ngài Từ Thị ở cung trời phải khắc vào tâm ta,
15 vốn chẳng thấy được chân dung ở cây giác
16 thì phải chiêm lễ thánh tích ở sông Tường.

17 Đâu thể thâm tính ở sáu cảnh, khát tưởng
18 ở ba kỳ ư? Lúc bấy giờ, vào niên hiệu Vĩnh
19 Thuần năm thứ hai ngài chân tích về Nam
20 Hải, kết bạn với các lữ khách rất đông.
21 Nhưng đến nơi thì chỉ còn một mình tiên
22 bước. Thế rồi Sư đem kinh tượng theo sứ trên
23 đường về. Thuyền đi hơn một tháng thì đến

1 châu Thi-la-phật-thệ, dừng lại đó cũng nhiều
2 năm, thông hiểu ngôn ngữ ở Côn luân lại học
3 Phạm Thư. Thúc liễm thân tâm rồi thọ giới
4 cụ túc, ngài Nghĩa Tịnh gặp Sư ở đây, Sư bảo
5 Đại luật về Trung quốc, vọng thỉnh ân trời. Ở
6 phương Tây xa chùa, khi thấy lợi ích rộng
7 lớn, xem thường mạng mà lại sâu xa. Lúc đó
8 vào ngày 13 tháng 05 niên hiệu Thiên Thọ
9 năm thứ ba Sư theo thuyền về Trường an.
10 Nay phụ dịch Tạng Kinh Luận mười quyển,
11 Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, bốn
12 quyển, Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện
13 hai quyển.

14 **Khen rằng:** tuyệt thay ấu niên, mến pháp
15 tình vững, đã hết lòng ở Đông Hạ, lại thừa
16 hỏi chốn Tây Thiên, rồi quay về Thần châu,
17 hoằng pháp độ sinh, truyền bá mười pháp,
18 tuy xả bỏ huyễn thân mà chẳng mất.

19 Như trên là năm mươi sáu vị

20 Lại nói về Quy Nam Hải Truyện có bốn
21 thầy trò.

22 Luật sư Trinh Cố, tiếng Phạn là Bà-la-
23 cấp-đa, Hán dịch là Trinh Cố, là người ở
24 Vĩnh Xuyên đất Trịnh, họ Mạnh. Mới ở độ

1 tuổi khu ô mà đã ẩn cư trong từ môn, cho đến
2 những năm xế bóng vẫn thệ tâm trong vườn
3 Tuệ. Đến năm mười bốn đã trưởng thành,
4 biết rằng quyền thuộc ở đời khó bảo toàn, mà
5 pháp môn thì không biến diệt, bèn khởi ý
6 niệm đi khắp thắng cảnh, thế là Ngài đến chỗ
7 Pháp sư Viên chùa Đăng Từ ở Phiếm Thủy,
8 đều hầu gần bên thầy, ý muốn được thầy chỉ
9 dạy cương yếu kinh điển và đọc tụng Đại
10 thừa, cho đến lúc Sư ba mươi hai tuổi thì lên
11 đường du hóa. Sau đó, đến các chùa ở xứ
12 Tương châu như Lâm Lự để tìm thầy học
13 đạo. Muốn đề tâm hết vào thiên học, tự nghĩ
14 giáo kiếm chưa trọn, khó phân biệt được lẽ
15 chân ngụy, cho nên Sư lên đường về Đông
16 Ngụy nghiên tầm Duy thức, rồi lại đến An
17 châu chỗ Thiền sư Đại Du tử học Phương
18 Đăng, chưa đầy mấy tuần thì tường màu hiện
19 tiền, rồi lại đến Tương châu, đi khắp núi
20 sông, tìm thiện tri thức, mong học những
21 điều chưa hay biết. Rồi lại đến Tương châu
22 gặp Thiền sư Thiện Đạo thọ đà thắng hạnh
23 Di-đà. Lúc bấy giờ muốn vứt bỏ thân này ở
24 uế độ, ngộ theo chốn rừng thom An Dưỡng.

1 Lại nghĩ chỉ mình ta an mà thương cho hạnh
2 Đại sĩ, do thức biến ra đâu chẳng phải Tịnh
3 độ. Bèn đến chỗ Thiên sư Trừng chùa Khôi
4 giác ở Hiện sơn, mong Ngài dạy nửa chữ để
5 hiểu được lời hoàn khí. Thiên sư liền tinh
6 nghiên luật điển, đảm nhiệm lời căn dặn về
7 năm đức của Thế Tôn đòi mài kinh luận, phải
8 giữ gìn bốn y cho đời sau, thiền định sâu dày,
9 tắm nước tám giải được thấm nhuần, hương
10 gươm tuệ tận núi cao, hành sáu độ được
11 thông thạo, chẳng lẫn với năm trần, chín não
12 chẳng nhiều, ngoài thoát bốn dòng, trong
13 lắng ba định, pháp tục kính phục, tôn làm bậc
14 thượng thủ, rất mong được luận chỉ, gọi về
15 Thần độ, ở chùa Đông nước Ngụy thuộc số
16 người học rộng. Lúc ấy, Sư trên hai mươi
17 tuổi, thọ giới cụ túc với Thiên sư. Mới trải
18 qua một thời gian đã thông đạt yếu cương
19 giới luật. lại về chỗ Luật sư Tú An châu ba
20 năm tận tâm học văn sao của Luật sư Đạo
21 Tuyên, có thể gọi là Văn tuyệt Ô-ba-ly. Tóm
22 thâu các cương yếu trong năm chương, thọ
23 giai tỷ xá nữ, thấy suốt các then chốt của bảy
24 tụ. Luật dạy năm hạ được đi các nơi, chưa đủ

1 tuổi mà đã sớm khế hội, mười hạ là y chỉ,
2 chưa tròn tuổi mà đã tài năng. Luật sư Tú ở
3 quận Thục được tôn là bậc Thượng túc của
4 Luật sư, khi ngài thọ giới túc vấn ở Thục
5 Xuyên. Ngài học luật với Hòa-thượng bốn
6 năm, sau đó đến Trường an, chỗ luật sư Đạo
7 Tuyên đề y chỉ, đề tâm trong bình sữa. Nếu
8 ẩm nga thì khéo biết tinh, thô, tận bình nước
9 trí, bằng với diệu tri của hoan hỷ, lần lượt trải
10 qua mười sáu năm không là hàm trượng,
11 nghiên cứu tận cùng các bộ, tìm hiểu các triết
12 gia, xếp các số của Luật sư thành tông bốn,
13 sau đó từ giã Tam dương đến Bát thủy, rồi lại
14 về Hoàng châu báo ân đối với người đã sinh
15 ra mình. Sau đến An châu mở mang luật giáo,
16 Thứ sử của các vua đều tôn kính vâng mệnh
17 Sư cho nên luật nói: nếu có Luật sư ở chung
18 với mình thì chẳng khác ở chùa Thập lực, lúc
19 đó trên bảy mươi tuổi Sư mới thị tịch, giới
20 hạnh thanh bạch, tai mắt minh mẫn. Ô hô!
21 Thời đại có người là cột trụ, là mặt trời Phật.
22 Nói tiếp chẳng dứt, nổi gót kể truyền. Quả
23 thật đáng gọi là châu báu đất Hán, ngọc quý
24 xứ thần linh, quy ở Xuyên khác mà cùng my,

1 càn quế nhánh lan dầu khác tiết mà vẫn
2 cùng hương thơm. Luật sư Cố đã thông đạt
3 luật điển, lại tinh tường kinh luận. Lại còn
4 tụng Pháp Hoa, Duy ma một ngàn biến, tám
5 tâm nối tiếp, niệm niệm hằng giữ. Ba nghiệp
6 theo nhau, bốn nghi không thiếu, lại đến
7 Tương châu ở chỗ Hòa-thượng, nghe lại Tô-
8 đất-la, tìm hiểu Đối Pháp tạng. Lại thông chỗ
9 sâu kín tiết nhất y châu, ngôi thành hóa hiện
10 là nơi dừng nghỉ, cuối cùng phải đến đảo
11 châu báu, cho nên sự rời Tương châu đến Lô
12 sơn, kính mến sự thanh thoát của bậc thượng
13 đức, ở lại Đông lâm để nêu chí. Sau đó Sư có
14 ý muốn đến châu Sư tử, đánh lễ rằng Phật,
15 chiêm bái các thánh tích. Vào những năm
16 tuổi về chiều Sư bèn dời về Quê lâm đi khắp
17 pháp đồ thỉnh Sư khai thị luật học. Lúc ấy
18 thuộc đời Đại Đường, thánh chủ thiên hạ là
19 phải đặt ở thầy, các nơi, rồi dần đến những
20 chốn hang động thanh vắng, đồng chuyên
21 phó cảm. Sau đó, đến Quảng phủ ở Phiên
22 Vạn. Muốn khiến mặt trời trí tuệ sáng thêm,
23 truyền pháp dài hơn mà uy nghi chính là luật.
24 Sư cũng được chúng tôn kính và thỉnh dạy.

1 Sư giảng Tỳ-nại-da ở đạo tràng Tam tạng
2 suốt trong chín hạ, cuối cùng hoàn thành bảy
3 thiên. Sư khéo giáo dưỡng pháp đồ, giỏi
4 khuyến khích người đời. Bấy giờ, chùa chế
5 Chỉ cung thỉnh xà-lê, mỗi lần ở pháp tòa đích
6 thân khuyến khích. Có thể nói một cách chân
7 thật là khéo dẫn dắt cứu giúp cùng khắp quên
8 đi sự lao nhọc, xà-lê là đồng chân xuất gia,
9 hạnh cao cả tinh tiết, hơn bảy mươi tuổi mà
10 luôn kính Năm thiên, người có phước sẽ gặp
11 bậc thượng trí, quả thật chính là ao thiên
12 mệnh mộng dẫn ra biển pháp, lại cùng chung
13 sống mồi. Non tưởng vời vợi, núi tuệ chót
14 vót, thấu hiểu góc huyền, khéo ngộ nguồn
15 tâm. Tuy thông suốt các pháp thế vốn không
16 nhưng công dụng lợi sinh phải chứa nhóm
17 phước hữu vi, làm bến đò vô thượng. Nên
18 thường viết tạng kinh, hay rộng lòng bố thí.
19 Quả thật cũng là người mà tất cả đều biết,
20 ứng vật cảm sinh, khuyến khích mọi người
21 để tâm vào tạng luật. Luật sư Cố ở cùng khắp
22 mà lại muốn đến Giáp sơn, ngõ hầu nương
23 dưới rừng thông, rút cuộc gởi chí chốn sâu
24 xa. Chủ chùa Mông khiêm rất trọng tâm

1 khách, chủ chùa chính là bậc đạo cao nên
2 hiểu biết rộng, thể bao gồm sự nhân đức.
3 Cùng kết bạn bốn biển, chẳng hề ba triều,
4 khuất mình tôn người dùng tâm khiêm hạ là
5 chính. Luật sư Cố muốn dứt tướng ở sơn
6 môn, có hoài bão muốn tạo một hành lang
7 thẳng tắp suốt đường vượt bậc chánh tà
8 phương tiện tạo ra núi sông, hy vọng đông
9 tám giải trong xanh, bên cạnh mở ra cảnh
10 giới mong muốn mở mang phương quy vào
11 bảy nhóm, lại muốn ở mặt sau giới tràng tạo
12 một thiền khám, lập đạo tràng Phương Đăng
13 tu Tam-muội Pháp Hoa. Công tuy chưa hoàn
14 mãn nhưng lòng đã quyết, nghi quỹ đã ban
15 bố, cương mục đã hưng long, lại thường than
16 rằng: trước không gặp cha lành, sau chưa
17 thấy Từ tôn, ở đời sau biết làm sao khởi hạnh,
18 đã chìm trong vực không hữu, lại trù trù ở
19 cửa đa sư, ngài Nghĩa Tịnh ở cửa sông Phật-
20 thệ lên thuyền mang sách về Quảng châu.
21 Ngài tìm giấy đen để viết kinh Phạm, đồng
22 thời mượn người viết. Lúc ấy, người đi buôn
23 gặp gió thuận liền căng buồm nhổ neo đến
24 tìm chỗ ở nhưng hết lối. Điều đó đủ biết do

1 tài năng tô điểm chẳng phải do người mưu
2 tính như thế, rồi vào ngày 20 tháng 07 niên
3 hiệu Vĩnh Xương niên hiệu Ngai đèn Quảng
4 Phủ, gặp lại đạo tục. Lúc ấy, chúng ở chùa
5 Chế Chỉ khen rằng: bốn hạnh đi Tây đã được
6 hoàn mãn về ở Nam hải bốn kinh vẫn thiếu.
7 Tam tạng mà Sư đem về hơn năm mươi
8 muôn bài, đều ở Phật-thệ, cuối cùng phải trở
9 qua mới đó đã hơn ba mươi năm. Năm tháng
10 trôi mãi, thời gian không ngừng, thành thân
11 xác khó giữ, giọt sương mai bỗng chốc
12 không biết rơi về đâu. Kinh điển đã là yếu
13 môn, ai có khả năng cùng đến đó đem về.
14 Tùy theo các kinh sách được dịch, tùy theo
15 điều lãnh thọ phải có người này, chúng đều
16 bảo rằng: cách đây không xa có vị tăng hiệu
17 là Trinh Cố, nghiên tầm luật giáo đã lâu, chứa
18 nhóm sự tinh thành rất sớm, phải tìm được
19 người như vậy kể hết bạn pháp. Tôi mới nghe
20 lời này dường như nhĩ hợp cầu tâm. Thế là
21 tôi trang bị đủ hành lý lên đường. Luật sư Cố
22 mở ra xem thử liền có ý đi chung. Thí như
23 người tài giỏi ở Liêu thành bắn một phát, hạ
24 được ba tướng, một bài kệ nhỏ của Tuyết Sơn

1 thôi thúc chí sâu của Đại Ân, Sư liền đến các
2 nơi thanh vắng chốn rừng lâm, chắt cánh tay
3 trước động đá, vén y trong chùa Chế Chỉ, vừa
4 khởi niệm thì liền hợp ý với lòng thương vật,
5 khi vừa cúi lạy thì đã khế hợp với hoài vọng
6 ngày xưa. Tuy lúc bình thường chưa gặp mặt
7 nhưng quả thật thâm hợp với nguyện xưa,
8 cùng bên nhau thâm đàm luận bàn hành sự,
9 Luật sư Cố đáp rằng: Đạo muốn hợp chẳng
10 thể trung gian mà phải tự thân, thời sắp đến
11 mà cầu ngưỡng thì không thể, ngưỡng mong
12 cùng nhau mơ mang ba tạng, giúp một ngọn
13 đuốc thành nghìn đèn. Thế rồi Sư trở lại Giáp
14 Sơn nói lời chia tay với chủ chùa Khiêm. Chủ
15 chùa vẫn tùy cơ mà làm, không hề lưu luyến.
16 Sư kể sự cảm hoài đều giúp cho sự tùy hỷ,
17 không nghĩ đến việc thiếu thốn của mình, chỉ
18 chuyên tâm giúp ích cho người. Đó là tư
19 lương để khiến không thiếu hụt. Khi đến
20 Quảng phủ thì tăng ni, Cư sĩ cúng dường
21 phẩm vật cho Sư. Vào ngày 01 tháng 11 năm
22 đó Sư theo thuyền đến phiến vạn lên thuyền
23 về Chiêm-ba rồi tiến thẳng đến Phật-thệ, xây
24 nấc thang để nuôi dưỡng, chứa đựng sinh

1 linh, vì muốn làm mũi thuyền giữa biển. Tình
2 yêu con người được thuận duyên, ngõ hầu
3 không phé bỏ ở đường dài, lúc đó Sư bốn
4 mười tuổi.

5 **Khen rằng:** Bạc thí gieo nghiệp, vốn từ
6 nhân trước, tuổi thơ tâm hồn nhiên, chỉ có
7 phước báo làm thân, chí cầu người hơn mình,
8 ý nương những bậc trí tuệ nhân từ, chẳng
9 phải hương thơm trong việc lợi thì chắc thật
10 yêu những thứ quý báu, thọ trì diệu điển,
11 trình minh cố ý, đại thiện đôn tâm, lỗi nhỏ đã
12 hết lòng có tâm thoát đục, không cầu vinh
13 hoa. Nếu ở trong thời chẳng thiếu một sợi
14 lông. Cùng vượt Tận định thì chẳng phí chút
15 hương sắc, giả từ bể vinh hoa, độc hành trên
16 Hán âm tìm bậc hiền triết làm nghĩa vụ. Tìm
17 hiểu luật giáo, hiểu hết cương lĩnh, càng đi
18 vào chỗ sâu kín. Rất muốn đến chỗ cây giác,
19 bèn nương lê ở Quế Lâm, thoải lòng nơi hang
20 Giáp, đặc chí chốn Quảng xuyên. Sau đó tìm
21 hết những văn xưa ở Đông Hạ, rồi lại muốn
22 thỉnh tân giáo ở Nam thiên, hy vọng mở
23 mang những điều chưa khai mở, truyền bá
24 những pháp chưa được truyền. Đáng mừng

1 thay, người tráng sĩ này, có thể quên mình vì
2 người, vì muốn tìm bạn tốt mà lặn lội đến
3 Kim châu, khéo giữ gìn giới hạnh, tìm bạn tốt
4 là để nâng đỡ nhau, dìu dắt lẫn nhau, chỉ
5 mong đạt được nguyện vọng truyền đăng,
6 cũng không thẹn sinh ra vào thời đại muôn
7 màng, đã đến Phật-thệ thì khế hợp nguyện
8 xưa, được nghe các pháp chưa nghe, được
9 xem những cảnh chưa thấy. Hễ dịch được
10 bao nhiêu thì thọ trì bấy nhiêu, thấu suốt sự
11 thông bát, mới thấy mới biết, tỏ tường việc
12 khai chế, học rộng hiểu sâu, thường khuyến
13 khích người sơ tâm, lòng thường khiêm
14 cung, chẳng sợ số chết, chỉ ngại chúng nhiều
15 thì sự việc loạn, bèn tìm nơi vắng vẻ để giúp
16 nhau. Dù một ngọn đuốc cũng thuận gió thì
17 đến như nghìn ngọn đèn cũng chẳng bằng
18 được.

19 Lại nữa, Sư có một người đệ tử họ Mạnh,
20 tiếng Phạm là Tăng-già- Đề-bà, tổ tiên Sư
21 vốn ở miền Bắc. Vì việc quan nên đến ở Lĩnh
22 ngoại, vợ con Sư ở Quảng phủ, Sư có tâm
23 mến pháp nên bỏ nhà tìm thầy học đạo. Mặc
24 dù tuổi mới trưởng thành nhưng chí nguyện

1 muốn đi khắp nơi mở mang Phật pháp, tham
2 kiến sư chủ, có ý, hoàng pháp tâm liền theo
3 hạnh, từ già cha mẹ, lưu lạc trên biển đến
4 nước Phật-thệ, hiểu tiếng Côn luân, lại học
5 Phạm thư, đọc hệ luận câu xá. Tuy nhờ vào
6 Nhất lạc mà mong mỏi ở nghìn dặm, thường
7 siêng năng suy nghĩ chín chắn, hy vọng
8 nương theo dấu mà sinh cỏ non, còn làm thị
9 giả để công hiến cho sự nghiệp phiên dịch,
10 thọ bảy mươi tuổi.

11 *** Tỳ-kheo Đạo Hoằng:**

12 Tiếng Phạm là Phật-đà-Đề-bà (đời
13 Đường dịch là Giác Thiên) là người xứ Ung
14 Khâu ở Biện châu, họ Cạn, cha Sư vốn làm
15 người đi buôn nên về phương Nam, đi mãi
16 đến Tam giang rồi vượt qua Ngũ lĩnh. Sau
17 đó đến Thiều bộ rồi đến Giáp sơn, nhìn thấy
18 vẻ thanh hư của hang động, ngắm nhìn cảnh
19 vắng lặng của sông nước. Gặp thiện tri thức
20 khoác áo nâu sòng. Bảy giờ, Đạo Hoằng tuổi
21 còn nhỏ, đảm nhiệm gia phong nên phiêu bạt
22 đó đây, theo thầy đến Quế lâm để định tượng,
23 sang U quyền để lắng tâm. Cha là Thiên sư

1 Đại Cầm nên Sư bèn đến chỗ Thiên sư tịch
2 học, bí tâm quan, trải qua thời gian không lâu
3 lại thông thạo nghĩa yếu, Sư trở về Giáp cốc.
4 Đạo Hoằng theo cha cũng xuất gia luôn. Khi
5 năm lên hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc,
6 qua lại Quảng phủ, ra vào Sơn môn. Tuy tuổi
7 tác chưa cao mà chí khí cao khiết. Khi nghe
8 ngài Nghĩa Tịnh đến phó hội ở đạo tràng
9 Trạng nghiêm, hỏi thăm thì biết chỗ Sư ở là
10 Chế Chỉ, vừa đến kính lễ thì biết đã khế hợp
11 với tâm hạnh. Lại nghĩ đến bèn bờ sinh tử quả
12 thật không luận đến tánh mạng, nghe nói
13 ngọn sóng ngút trời, xem như ao nhỏ, nhìn
14 thấy cá hình nằm ngang giữa biển, cứ cho nó
15 đồng như lươn trạch, muốn tìm đến nơi xa
16 xăm nói lời từ biệt với sơn đình, cùng về Phủ
17 hạ với sư Trinh Cố. Sau đó trọn chí ở Nam
18 hải, rồi cùng nhau đến Kim châu sao chép Ba
19 tạng, công đức bao trùm cả ngàn năm, căn trí
20 sáng suốt, bẩm tánh ôn hòa, rất khéo thảo lệ,
21 lại thông thạo Lão Trang. Thê hội được thiên
22 hoang đường của Tề vật, biết được thuyết vu
23 vơ của chỉ mã, không nhờ sông mà qua được,
24 lâm vào cảnh đáng sợ mà khéo ứng biến, tuy

1 công phu chưa hợp với di chiếu nhưng cuối
2 cùng có đức của người xuất chúng, người
3 xuất chúng đâu nói gì việc cầu pháp quên
4 thân, không nói vui mà thực sự được vui,
5 không hề gần gũi mà trở nên gần gũi. Hy
6 vọng tất cả sinh linh cũng giống như mình,
7 đâu như con chó Tài Sô mà hành nhân. Khi
8 đến Phật-thệ thì dốc lòng nghiên cứu luật
9 tạng. Hễ được dịch bao nhiêu thì ghi bấy
10 nhiêu, truyền đăng làm kỳ vọng. Trau dồi
11 làm cho hạt ngọc quý rực bóng, cầu sự viên
12 thành của vắng lặng.

13 Bỏ bao chương nạn ở bờ sinh, rốt cuộc sự
14 nghiệp lớn của ta được thành tựu là nhờ vị Sư
15 này. Lành thay người đã nhổ sạch gốc mê ở
16 dòng sinh tử để đạt được cội phước vô lượng.
17 Năm đó Sư hai mươi ba tuổi.

18 *** Tỳ-kheo Pháp Lãng:**

19 Tiếng Phạm là Đạt-ma-Đề-bà, đời Đường
20 dịch là Pháp Thiên. Sư là người Tương
21 dương ở Tương châu, ở chùa Linh Tập, Sư
22 tên là An Thật, sinh ra trong một gia đình gia
23 giáo lễ nghi, dòng dõi nhiều đời làm quan.

1 Xuất gia từ thuở ấu niên siêng năng tu hành.
2 Sau đó từ giả quê hương đến Lĩnh nam. Ngài
3 Nghĩa Tịnh đến Phiên ngung báo cho biết
4 hành lý. Tuy sở học chưa cao nhưng rất sâu
5 sắc.

6 Ý muốn theo Ngài đến Thượng hải, đi
7 hơn một tháng thì đến Phật-thệ, đi đến rồi
8 cũng tu hạnh nghiệp này. Sớm tối chuyên
9 tâm, học bí điển Nhân Minh. Sớm hôm tinh
10 tấn nghe tông mầu của Câu-xá, chẳng bao lâu
11 một đợt đã nghiêng, há chẳng sụp của ngọn
12 Ba tạng đã thuần thành, phát thảo thành năm
13 thiên, chẳng nề mệt nhọc, tánh thức thông
14 minh. Lại nữa, chí nguyện muốn hoằng pháp,
15 sao chép luôn không biết mệt mỏi, khát thực
16 để nuôi thân, và chỉ có ba y bên mình. Vai
17 trần chân đất, tôn tu thượng nghi. Tuy chưa
18 thành giác lập nhưng rốt cuộc có công nang
19 chùy. Nói về bạn bè đồ chúng ai cũng muốn
20 mong mỗi niềm vui cho riêng mình nhưng
21 với Sư thì chuyên tâm ở việc lợi sinh làm vui.
22 Kính cần đâu mới chuyên tâm ở lý mầu. Nếu
23 phát triển rộng rãi lòng thương người thì
24 mong sáng tỏ ở Từ thị, lúc ấy Sư hai mươi tư

1 tuổi.

2 Bốn người cùng đi với nhau như ngài
3 Trinh Cố, v.v... sau đó, theo thuyền cùng đến
4 Phật-thệ, học kinh ba năm, Phạm Hán dần
5 thông, Pháp Lăng phải trở về nước Ha-lăng,
6 ở đó một mùa hạ mắc bệnh rồi qua đời. Tiếc
7 thay sự nghiệp tu hành, tiếc ở Phật-thệ không
8 trở về thiên ngộ, chỉ có Trinh Cố, Đạo Hoàng
9 đi với nhau trở về Quảng phủ, vị nào cũng ở
10 đó một thời gian khá lâu. Ngài Trinh Cố
11 giảng bảy luật giáo ở đạo tràng Tam Tạng,
12 chưa đầy ba năm thì bị bệnh rồi mất. Đạo
13 Hoàng một mình trở về Lĩnh Nam. Than ôi!
14 Bốn người cũng phiêu bạc trên sóng nước, cố
15 gắng tha thiết muốn tắt ngọn đuốc pháp
16 nhưng ai ngờ nghiệp lực lại ngăn, thường bị
17 trở ngại sự đi ở, mỗi lần nhớ đến thương xót
18 khôn cùng. Điều đó đủ biết như kỳ lân khó
19 thành mà hiếm mệnh dễ mất. Tất cả ruộng
20 phước đều ban bố, pháp hội đầu tiên của
21 Long hoa cùng thoát khỏi trần lao.



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9

10
11 **TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ**
12 **KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA**

13 **SỐ 2067**

14 **(QUYỂN 1 → 10)**
15
16
17

18 **HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC**
19 **LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN**
20

SỐ 2067

**TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ
KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA**

Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.

QUYỂN 1

ĐỒ TƯỢNG

Trong bản châu bảo tháp ở Chùa Kỳ-hoàn thuộc tây vực nói kinh tượng này.

- Ở Tây vực trước kia từng nói pháp và tượng vàng

- Núi Linh Thứu ở Tây vực nói kinh và tượng này

- Thích Huệ Hào đời Tống vẽ núi Linh Thứu

*** Thái Tổ Hậu Ngụy vẽ họa đồ núi Kỳ-xà-quật.**

- Phu nhân Tấn Ân xây đài Pháp Hoa.

- Tạ Tiệp Dư đời Tống xây chùa Pháp

1 Hoa.

2 - Thái thường Khanh Trịnh Quỳnh đời
3 Hậu Ngụy xây giảng đường Pháp Hoa.

4 - Thích Tuệ Lực đời Tấn xây tháp Đa
5 Bảo.

6 - Lưu Phật Ai đời Tống xây chùa Đa Bảo,
7 tháp Đa Bảo

8 - Xá nhân Từ Nghiêm đời Tề xây tháp đá
9 Đa Bảo.

10 - Thích Pháp Thành chùa Chân ngộ đời
11 Đường tạo tháp Đa bảo, Pháp Hoa và đài
12 Pháp Hoa.

13 - Quốc tử Tế tửu Tiêu Cảnh đời Đường
14 xây tháp Đa Bảo.

15 - Thái hậu Lộ Chiêu đời Tống đúc tượng
16 Phổ Hiền.

17 - Thích Đạo Uông đời Tống lập đàn Phổ
18 Hiền.

19 - Thích Tăng Bao đời Tống lập trai đàn
20 Phổ Hiền.

21 * ***Khảo xét bản đồ Kỳ hoàn có ghi***
22 ***rằng:***

23 Tầng trên của lầu đông trước điện Phật,

1 có pho tượng bằng bạc, giữa tượng có lầu
 2 quán bảy báu, trong lầu quán có ao báu, hoa
 3 báu. Trên hoa có tượng bạch ngọc. Trong đoá
 4 sen trong ao có tháp bạc, ở giữa tháp có tháp
 5 châu báu, trong tháp có hai tượng Thích-ca
 6 và Đa Bảo, thuyết hội thứ bảy của kinh Pháp
 7 Hoa.

8 Lại nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sự
 9 đồng với Hoa Nghiêm, được nói trong hội
 10 Bát-nhã-đa nhưng bốn đã dịch thời nay tương
 11 đương với hội thứ ba.

12 Lại nói: Năm tầng bốn đài của hai lớp
 13 điện.

14 Tầng trên có châu phệ-ma-ni, hạt châu
 15 này ở thời quá khứ chư Phật có nói Pháp Hoa
 16 trong đó, ba biên Tịnh độ hiện đủ trong kinh.

17 * *Xét thư truyện Tây Vực.*

18 Ở nước Ma-kiệt-đa Trung Thiên-trúc
 19 phía đông sông Hằng có tòa thành cũ, chu vi
 20 hơn bảy mươi dặm, từ lâu đã hoang phế, vẫn
 21 còn nền móng. Vào thời con người thọ vô
 22 lượng tuổi tòa thành ấy tên là Câu-tô-ma-bồ-
 23 tu-la, đời Đường dịch là cung thành Hương

1 hoa. Đến thời tuổi thọ con người mấy nghìn,
2 lại gọi là thành Ba-thác-ly-tử, chính là Ba-
3 liên-phát-ba. Cách thành này về phía Tây
4 nam hơn bốn trăm dặm, vượt qua sông Ba-
5 ni-liên-thiên, đến thành Già-da. Hơn hai
6 mươi dặm về phía Tây nam của thành này là
7 đến cội Bồ-đề, tòa Kim Cương, v.v..., phía
8 đông cội Bồ-đề qua con sông lớn vào đồng
9 hoang Đại lâm, đi hơn một trăm dặm về phía
10 Đông bắc của ngọn núi này thì đến núi kê
11 Túc, từ núi kê Túc đi hơn trăm dặm về phía
12 Đông bắc thì đến Đại sơn. Từ Đại Sơn đi về
13 phía Đông hơn sáu mươi dặm đến cung thành
14 Thượng mao, thành này nằm giữa nước Ma-
15 kiệt-đà, cho nên nó là kinh đô của các bậc
16 Tiên vương. Phần nhiều phát ra mùi hương
17 Mao cho nên lấy đó gọi tên. Xung quanh núi
18 Sùng là vùng ngoại ô, phía Tây giáp với
19 đường tắt, phía bắc là cửa núi. Chu vi hơn
20 một trăm tám mươi dặm, là rừng cây sum
21 suê, đều có màu vàng. Ban đầu vua Tần Bà-
22 sa-la đóng đô ở đây, dân chúng sống trong
23 thành thường gặp hỏa tai, nên họ oán thán,
24 không thể ở yên. Do đó vua ra lệnh trong

1 nước nếu ai không cẩn thận thì đưa họ vào
2 rừng lạnh, rừng lạnh chính là chỗ bỏ xác chết.
3 Người đời thường gọi đó là nơi chẳng lành,
4 chẳng bao lâu thì trong cung vua bị hỏa hoạn
5 trước, vua bảo các quan: "Phải dời đô thôi",
6 bèn sai Thái tử đi xem xét trong nước, đích
7 thân vua ra Mao thành về phía Tây bắc chừng
8 bốn năm dặm, đóng quân ở đó. Bấy giờ, vua
9 Phệ-xá-ly nghe vua Tần-bà-sa-la đi ra ở
10 ngoài rừng lạnh, ông bèn triệu tập binh lính
11 muốn giao chiến nhưng rốt cuộc không
12 thành. Cẩn thần tâu lên, vua bèn cho xây
13 thành ấp, vì trước vua ở nơi này, nên gọi là
14 thành Vương xá. Quan lại dân chúng đều dời
15 về ở đây. Có thuyết nói là do vua Xà-thế lập,
16 đến vua Vô-ưu dời đô về Ba-phệ-xá, cúng
17 thành Vương xá cho Bà-la-môn. Nay trong
18 thành này không còn dân chúng, chỉ còn gần
19 một ngàn nhà Bà-la-môn mà thôi. Phía Đông
20 bắc của Mao thành khoảng bốn mươi lăm
21 dặm là đến núi Kỳ-xà-quật, đời Đường dịch
22 là Thửu Đầu, cũng dịch là Thửu Phong. Tiếp
23 về phía Bắc nổi lên một ngọn, chim thừ ở
24 đó, giống như một cái đài cao, bầu trời xanh

1 trong rục rờ, đậm nhạt rõ rệt. Như Lai ngự ở
2 đời, suốt năm mươi năm phần nhiều ở ngọn
3 núi này, nói rộng pháp mầu, tức là chỗ nói
4 kinh này. Cho nên Phật nói kinh thường ở núi
5 Linh Thứu và các trụ xứ khác. Lúc Phật ở
6 đời, vua Tần-bà-sa-la vì muốn nghe pháp nên
7 phát động dân chúng từ chân núi đến đỉnh
8 núi, vượt hang leo núi, xếp đá làm thêm ba
9 cấp, rộng hơn mười bước, dài năm sáu dặm.
10 Giữa đường có hai ngôi tháp nhỏ, một gọi là
11 hạ thừa, tức là vua từ đây tiến lên, một gọi là
12 thối phạm, tức gọi tắt là người phạm, không
13 được đi chung. Trên đỉnh núi chiều đông tây
14 dài, chiều nam bắc hẹp, giáp ranh với sườn
15 núi phía Tây hiện có ngôi nhà xây dựng cao
16 rộng, phía Đông có cửa Như Lai thuở xưa nói
17 pháp trong đó, nay làm một pho tượng nói
18 pháp, kích cỡ bằng thân Phật, Sa-môn Huyền
19 Trang đời Đường, họ Trần người ở Lạc
20 Dương xuất gia từ thuở nhỏ, bẩm chất thông
21 minh, là bậc thầy tài giỏi, thấu tột chân
22 thuyên, cho rằng người leo lên cây thì biết rõ
23 được chiều cao của nó, người lội qua sông thì
24 biết sự cạn sâu của nó. Thế rồi, Sư xả thân ở

1 Tây Vực xa thăm, đặt chí trong diệu lý u
2 huyền, vào niên hiệu Trinh Quán năm đầu
3 ngài bắt đầu đi về phía Tây, cả đi lẫn về mười
4 bảy năm, các kinh luận Sư thỉnh được ghi đủ
5 trong biệt ký. Ở nước Trung Thiên-trúc kia
6 Sư thỉnh được tượng vàng toàn thân Phật
7 đang nói kinh Pháp Hoa ở núi Linh thú, ²
8 nước Ma-kiệt- đà. Từ đế tượng lên đến hào
9 quang cao ba thước. Sắc tướng tuyệt đỉnh,
10 công phu tuyệt diệu, chiêm ngưỡng đánh lễ
11 quả thật gấp bội. Sau đến ở đó, mô tả không
12 hết.

13 Niên hiệu Cảnh Bình năm đầu đời Tống,
14 Sa-môn Bạch Tuệ cao ở chùa Ngõa Quan xây
15 chùa Linh Ân, có Sa-môn Thích Huệ Hào trí
16 tuệ thông thái, tư chất tuyệt luân, bức tranh
17 núi Linh thú ở trong đó, kỳ diệu vô cùng,
18 mới trông tưởng thật, cảnh chim muông
19 trong rừng núi đó, hình dáng tám bộ trời rồng
20 chưa triều đại nào có. Bắt đầu từ đây sau khi
21 xây xong, cả nước đều đến tham quan. Đời
22 sau, xây điện thờ đều lấy mẫu của Sư làm
23 kiểu, phía Đông tây của chùa này dài ba mươi
24 tám trượng, phía Nam bắc dài bốn mươi bốn

1 trượng bốn thước.

2 + Thái tổ Đạo Chánh Hoàng đế Thác Bạc
3 Khuê đời Hậu Ngụy, niên hiệu Thiên Hưng
4 năm đầu, xây một bức họa núi Kỳ-xà-quật và
5 trang sức rất nhiều, chỗ nào cũng trợn vện.

6 + Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ bảy đời
7 Tấn, phu nhân Ân của Vương Kinh Châu xây
8 chùa Đông Thanh Viên, trong chùa xây một
9 đài Pháp Hoa.

10 + Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười
11 lăm đời Tống, Tạ Tiệp Dư ở huyện Mạt lãng
12 xây chùa Pháp Hoa.

13 + Cung hầu Trịnh Quỳnh, Thái Thường
14 khanh đời hậu ngụy cất chùa Tịnh vực, xây
15 giảng đường Pháp Hoa.

16 + Niên hiệu Hưng Minh năm thứ hai đời
17 Tấn, Sa-môn Tuệ Lực ở chùa Ngõa quan xây
18 một ngôi tháp Đa bảo bằng đá.

19 + Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ năm đời
20 Tống có người ở Bành thành tên là Lưu Phật
21 Ái xây chùa Đa bảo và một ngôi tháp Đa bảo
22 ở Kiến Khang.

23 + Niên hiệu Kiến Nguyên năm đầu đời

1 nhà Tề, Thứ sử Hồ Hải Chi ở Dự châu xây
2 chùa Pháp âm ở Chung sơn, xá nhân Từ
3 Nghiễm Trợ xây một ngôi tháp Đa bảo.

4 + Sa-môn Pháp Thành chùa Ngộ Chân
5 núi ngọc ở lam điền đời Đường, xuất gia từ
6 lúc nhỏ, lên núi ở cách tuyệt với đời, trì tụng
7 kinh này cả vạn lần, y theo kinh xây một ngôi
8 tháp Đa bảo, một giảng đường Pháp Hoa,
9 một lầu đài Pháp Hoa. Trên đài để kinh, lễ
10 sám xung quanh. Lại xây một thiền thất, nhập
11 định trong đó, thật nhiều điều kỳ dị, có ghi
12 đủ trong hậu truyện.

13 + Quốc tử Tế tửu Tiêu Cảnh đời Đường,
14 người ở Lan Lăng, là huyền tôn của vua
15 Lương là con thứ năm của Lương Vương Vị,
16 khi nhà Lương diệt vong, ông đến nhà Tùy,
17 em gái làm Hoàng hậu của vua, Dương Đế.
18 Ông sinh ra trong gia đình quý tộc và kính tin
19 Phật pháp.

20 Vào niên hiệu Đại nghiệp, tự tụng kinh
21 Pháp Hoa, y theo văn kinh khắc một ngôi
22 tháp Đa bảo bằng gỗ đàn hương, cao khoảng
23 ba trượng và khắc một pho tượng Phật Đa
24 bảo bằng gỗ, suốt mấy năm vẫn chưa xong,

1 ảnh của Sư là Tử Thuyền ở nhà, sáng dậy
2 chợt thấy trong cỏ ở trước viện có ngôi tháp
3 bằng gỗ chiên đàn, phía dưới có một tượng
4 Phật bằng đá nung, bức tượng được làm rất
5 đặc biệt, dung nhan kiểu Phạm rất uy
6 nghiêm, mắt Ngài trong suốt được làm bằng
7 bạc, con ngươi lóng lánh như người sống, Tử
8 Thuyền rất kinh ngạc liền về báo cho Cảnh
9 hay, Cảnh thấy thế rất đổi vui mừng, ông đem
10 đó về thử đặt tháp Đa bảo lên, thì rất tương
11 xứng. Vì làm như cũ tuy màu gỗ ít sáng
12 nhưng bóng tháp càng màu nhiệm hơn. Ông
13 thỉnh tượng Phật để vào tháp cũng vừa vặn
14 như cũ. Tiêu Cảnh rất vui mừng và khen rằng
15 đó là do lòng chí thành mà cảm ứng nên,
16 Chiếc y đắp trên pho tượng này có hơn cả
17 trăm viên xá-lợi. Con gái của Cảnh tên Ni
18 tuổi còn nhỏ nghĩ rằng xá-lợi lấy chùy đập
19 không bẻ nên thử lấy ba mươi hạt để trên đá
20 lấy búa đập. Xá lợi văng tứ tung hoàn toàn
21 không bẻ. Cô gái bèn nhặt lại chỉ được ba bốn
22 viên, số còn lại không thấy đâu cả, chợt
23 hoảng sợ về báo cho Tiêu Cảnh biết, ông đến
24 chỗ ngôi tháp xem thì xá lợi vẫn như trước.

1 Tiêu Cảnh từ đây ngày nào cũng tụng một
2 biến kinh Pháp Hoa cho đến cuối đời.

3 Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười
4 hai ông bị bệnh, Tiêu hậu và con cháu đến
5 thăm, ai ông cũng bảo đốt hương và sau đó
6 nói lời từ biệt với họ. Chỉ giữ lại người em là
7 Tống Công Vũ và người con gái là Ny, ông
8 bảo họ đốt nhang tụng kinh Pháp Hoa, lát sau
9 ông bảo con gái rằng: Cha sắp đi, Bồ-tát Phổ
10 Hiền đến đón cha ở Đông viện, con hãy qua
11 đó rước. Cô y theo lời thì ông bảo viện này
12 không sạch, ngài không chịu đến, ta sẽ qua
13 đó, các người ở lại mạnh khỏe, nhân đó từ
14 biệt Vũ. Ông ngồi dậy rồi quỳ xuống chấp tay
15 hướng thẳng về phương Tây, chốc lát ngưng
16 thở, ông để lại di chúc là chỉ chở một chiếc
17 xe, dùng y phục liệm, phu nhân không được
18 tống táng, không được cúng mặn, đào huyết
19 để chôn quan tài. Quan quân trong triều đều
20 khen Ngài là bậc thông ngộ, người trong
21 cung thực hành theo lời dạy. Thuở xưa, đại sĩ
22 Biện Cát, thần lực vô biên, hiện thân cỡi voi
23 đầu đàn chứng minh kinh Pháp Hoa. Đây có
24 lẽ là điềm quyền ứng của Tiên Phật, hoặc là

1 sự thù hóa của bậc Bồ xú, Thất địa chẳng
2 lường, Nhị thừa không nghĩ đến được, nói về
3 thân diệu sắc đã là bậc tổ đạo. Tượng vẽ tinh
4 xảo, người tin sẽ được cảm ứng. Xem hình là
5 để thần ngộ, nhân Tích mà quán Bỏn, vui
6 mừng khi thấy tướng báu rồi dùng đó để
7 khuyên dẫn kẻ mê.

8 + Thái hậu Lộ Chiêu của Tống Sùng
9 Hiến, gieo nhân lành từ nhiều kiếp, sánh
10 duyên trong hoàng gia. Thuở nhỏ đã xem sự
11 tôn quý là huyền mộng, coi những thứ quý
12 báu là bụi trần để tâm đến việc mở mang
13 chánh pháp, mô tả pháp thân. Vào niên hiệu
14 Đại Minh, năm thứ tư, bà bảo Tỳ-kheo Đàm
15 Tiêu chùa Bạch Mã đúc một pho tượng Phổ
16 Hiền toàn thân cỡi voi trắng, sáu chiếc ngà
17 trắng nhỏ, bảy chi tròn trịa, tạo vẻ hùng tráng,
18 đúc kiểu trang nghiêm, đúc sánh với luyện
19 đồng phết bằng gang chảy. Tượng vàng tím
20 của Bồ-tát và hình bạc trắng sáng lóa của voi
21 đầu đàn. Chói lợi rực rỡ, dáng như bay lên
22 mây, quả là dấu vết quý giá của việc Phật, là
23 chân quy của tháp miếu, nguyện rộng lớn
24 không cùng tận, tu phước không mỗi một.

1 Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ tám, lại xây
2 một ngôi chùa Phổ Hiền, cực kỳ tráng lệ,
3 dáng vẻ trang nghiêm.

4 * Thích Đạo Quýnh là người ở Hiếu Đào
5 thuộc phù phong, Sư vốn họ Mã, học nghiệp
6 thuần túy, nổi tiếng lúc còn nhỏ, ban đầu xuất
7 gia làm đệ tử ngài Đạo Ý. Sư thích tụng Pháp
8 Hoa, chỉ dốc lòng vào việc này. Vào tháng
9 chín niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai, vì
10 người lập trai đàn Phổ Hiền ở Lạc Dương,
11 thế rồi sắp xếp dọn dẹp trong ngoài thanh
12 tịnh, tượng trang nghiêm tốt lành, chí thành
13 chí kính, đạo tục hơn bốn mươi người suốt
14 trong bảy ngày, lúc đang thọ trai chợt có một
15 người mặc áo kép quần cụt cỡi ngựa vào
16 trước trai đường, xuống ngựa lễ Phật. Ngài
17 nói: Thường nhân không được vào lễ, người
18 này lên ngựa tuốt roi biến mất, rồi lại thấy
19 ánh sáng đỏ lóe trên hư không phút chốc
20 bỗng tắt mất. Tháng 12, năm Nguyên Gia thứ
21 3, trong đêm sắp hoàn mãn ở trong một ngôi
22 nhà của Cư sĩ, ngài lại lập một trai đàn Phổ
23 Hiền, đêm sắp xong có hai vị Sa-môn ăn mặc
24 như người đời đi thẳng vào lễ Phật. Chúng

1 tăng cho là dung tăng (tăng tâm thường)
2 không chịu tiếp đón, hỏi qua loa về quê quán.
3 Vị ấy đáp: ở trước thôn này, lúc ấy trong số
4 những người tại gia như Trương Đạo biết rõ
5 nên rất kính phục, dốc lòng lễ bái, vị Sa-môn
6 ra khỏi cửa đi chừng mấy mươi bước thì chợt
7 bay thẳng lên hư không, tìm hiểu vị tăng này
8 chẳng biết lai lịch.

9 Sau đó, Sư cùng với bốn người bạn học
10 đi về phương Nam, đến Lạc dương, xem xét
11 phong tục trong đêm lên thuyền qua sông,
12 giữa sông thuyền vỡ, ba người chìm xuống
13 sông chết. Sư trở về chí thành niệm Quán
14 Âm, chợt tỉnh thấy dưới chân có một vật tự
15 trời lên rồi thấy ánh sáng đỏ hiện phía trước,
16 Sư theo ánh sáng ấy bơi lên bờ. Sư đến Nghiệp
17 đô, ở chùa Nam Nhàn, thường lấy bát-chu
18 tam muội làm sự nghiệp, một lần Sư ngồi
19 thiền nửa đêm, bỗng thấy bốn người đi xe
20 đến phòng bảo Sư lên thuyền. Trong bất giác
21 ngài thấy mình ở giữa Thảm Kiều thuộc
22 Quận Lăng. Thấy một người ngồi trên chiếc
23 giường, ở giữa đường có mấy trăm thị giả,
24 thấy Sư đến họ ngạc nhiên đứng dậy nói:

1 "người ngồi thiền", nhân đó nói với người
2 xung quanh rằng: Chỉ muốn biết chỗ ở mà
3 thôi, đâu dám phiền đến Pháp sư, thế rồi họ
4 lễ bái và từ biệt. Hai người tiễn Sư về chùa,
5 gõ cửa giây lát mới mở khi vào chùa thấy cửa
6 phòng vẫn đóng, mọi người không ai đoán
7 được việc gì. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm
8 thứ hai mươi đời Tống, Sư cùng Lâm Xuyên
9 Khang, Vương Nghĩa Khánh đến Quảng
10 Lăng rồi qua đời ở đó.

11 * Thích Tăng Bào người ở Kinh Triệu,
12 thuở nhỏ ở Quan Trung học với ngài La-thập.
13 Vào giữa niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, Sư đến
14 phương Bắc, rồi lần đến tỉnh xá Hoành sơn.
15 Ở đó, Sư lập trai đàn Phổ Hiền ba mươi một
16 ngày, sám hối đến ngày mười bảy thì thấy
17 một con hạc trắng bay đến đậu trước tòa Phổ
18 Hiền, vào đó hành hương xong mới đi, đến
19 ngày hai mươi một lại thấy bốn người mặc áo
20 vàng nhiều tháp mấy vòng rồi biến mất.

21

22

23



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn

QUYỂN 2 PHIÊN DỊCH

Dịch kinh Chân Ngụy, gồm mười bốn vị, chân mười, ngụy bốn. Dịch luận hai vị.

+ Ngoại Quốc thích Chánh Vô Úy đời Ngụy (kinh Pháp Hoa Tam- muội sáu quyển, cũng là một bốn thêm chữ Chánh).

+ Thích Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng, đời Tấn (kinh Thánh Pháp Hoa, mười quyển, cũng giải thích riêng phẩm Phổ Môn trong kinh Quán Thế Âm).

+ Thích Ha Chi ở Tây Vực đời Đông Tấn (kinh phẩm Phổ Môn).

+ Thích Chi Đạo Căn đời Đông Tấn (Kinh Phương Đẳng Pháp Hoa, năm quyển).

1 + Thích Đồng Thọ ở Thiên Trúc đời
2 Ngụy Tần (kinh Diệu Pháp Liên Hoa một bộ
3 bảy quyển).

4 + Thích Trí Nghiêm ở Cảnh Châu đời
5 Tống (kinh Pháp Hoa Tam- muội một
6 quyển).

7 + Em của Hà Tây vương kinh Thanh ở
8 Bắc Lương đời Tống (kinh Quán Thế Âm).

9 + Thích Pháp Hiền chùa Thượng Lâm đời
10 Tề (Đề-Bà-Đạt-Đa phẩm kinh Diệu Pháp
11 Liên Hoa).

12 + Thích Đức Chí ở Tây Vực đời Tùy, kê
13 trùng tụng trong Phổ Môn phẩm, Diệu Pháp
14 Liên Hoa kinh.

15 + Thích Pháp Mật ở Tây Vực đời Đường
16 (Dược Thảo Dụ Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa
17 kinh, thêm năm tờ các Chú đều khác).

18 + Cánh Lăng vương Tiêu Tử Lương đời
19 Tề (Sao Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Sao Pháp
20 Hoa Dược vương kinh).

21 + Con gái của Đại học Bác sĩ Giang Bật
22 đời Lương (một quyển kinh Pháp Hoa).

23 Hai kinh dưới đây chẳng phải chánh kinh.

1 + Hai bản cũ mất tên người dịch (Pháp
2 Hoa Quang Thụy Bồ-Tát Hiện Thọ Kinh).

3 + Phí Trường Phòng đời Tùy Chú thích
4 Ngụy Kinh (Diệu Pháp Liên Hoa Độ Lượng
5 Thiên Địa kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Biến Di
6 Kinh).

7 Hai kinh trên đây nghi là ngụy.

8 + Sa-Môn Đạo Hy người Tây Vực đời
9 Hậu Ngụy (Diệu Pháp Liên Hoa Kinh luận,
10 hai quyển).

11 + Sa-Môn Bảo Ý người Trung Thiên
12 Trúc đời Hậu Ngụy (Diệu Pháp Liên Hoa
13 Kinh luận, một quyển).

14 - Pháp Hoa Tam-muội, sáu quyển (một
15 quyển thêm chữ Chánh). Sa-môn ngoại quốc
16 Chi Cương Lương Tiếp, đời Ngụy dịch là
17 chính vô úy. Vào tháng 07 niên hiệu Cam Lộ
18 năm đầu, Khanh Công Thế Ngụy Cao Quý,
19 Sư ở Giao châu dịch, Sa-môn Đạo Hình ghi
20 chép,

21 không có biệt quảng truyện, kinh mục
22 như vậy.

23 * *Kinh Chánh Pháp Hoa, mười*

quyển.

* Sa-môn Trúc Đàm-ma-la-sát, Hán dịch là Pháp Hộ, tổ tiên của Sư là người Nguyệt Thị, Sư vốn họ Chi, nhà ở quận Đôn Hoàng. Năm lên tám xuất gia, thờ Sa-môn nước ngoài hiệu Trúc Cao Tọa làm thầy, một ngày tụng cả muôn lời kinh, đọc đến đâu nhớ đến đó, thiên tánh thuần hòa, bản chất chăm chỉ, siêng năng hiếu học, muôn dặm tìm thầy, thể rồi tham khảo sáu kinh, thông thạo bảy tịch. Mặc dù sự đời có lắm chuyện khen chê nhưng Sư không hề để ý. Lúc ấy là vào thời Tấn Vũ, chùa chiền tượng đài tuy hưng thịnh ở Kinh Ấp nhưng giáo nghĩa sau này của Phương đẳng thì lại mờ nhạt. Ngài Pháp Hộ buồn bã phát giận, chí vốn muốn mở mang đạo cả, bèn theo thầy đến Tây Vực, đi qua các nước, ngôn ngữ khác nhau, ba mươi sáu loại sách nào cũng vậy, Sư đều học hết, thông suốt ngữ nghĩa trong sách cổ, âm nghĩa chữ viết loại nào cũng biết. Sư mang rất nhiều kinh Phạm trở về Trung Hạ, từ Đôn hoàng đến Trường an, dọc đường truyền dịch, viết thành văn đời Tấn, Sư dịch các bản như hiện

1 kiếp chánh Pháp Hoa, v.v... một trăm sáu
2 mươi lăm bộ, dốc lòng làm việc, chỉ lấy việc
3 hoằng pháp làm sự nghiệp, trọn đời phiên
4 dịch, không hề tỏ vẻ mệt mỏi. Kinh pháp sở
5 dĩ được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc là
6 nhờ công lao của Sư. Vào ngày 10 tháng 08
7 niên hiệu Đại Khang năm thứ bảy, đời Tây
8 Tấn, tay Sư cầm bốn Phạm, miệng đọc hai
9 mươi bảy phẩm kinh trước, các Ưu-bà-tắc
10 Nhiếp Thừa Viễn, Trương Sĩ Minh Trương
11 Trọng Cải, cùng nhau ghi chép, đến ngày
12 mồng 2 tháng 9 mới xong.

13 Sa-môn Trúc Lực người Thiên-trúc, Cư
14 sĩ Bạch Nguyên Tín nước Quy-tư cùng nhau
15 tham khảo hiệu đính. Vào ngay mồng 06
16 tháng 02 niên hiệu Nguyên Gia năm đầu thì
17 sửa lại.

18 Lại, vào niên hiệu Nguyên Khang năm
19 đầu, Tôn Bá Hổ, Ngu Thế Nhã ở Trường an
20 viết đến ngày 13 tháng 04 mới xong. Sau đó,
21 ngài Pháp Hộ lập chùa ở ngoài Thanh môn
22 Trường an, chuyên tinh hành đạo, lúc bấy giờ
23 đức hóa khắp nơi, tiếng tăm vang xa tận bốn
24 phương.

1 Tăng đồ cả mấy nghìn người, đều tôn
2 sùng Sư. Lúc đó, Sư khoảng bảy mươi tám
3 tuổi, cùng với môn đồ tị nạn xuống miền
4 đông, đến Thăng Trì, bị bệnh rồi mất.

5 Kinh Phổ Môn Phẩm, kinh Quan Thế
6 Âm, hai kinh này cũng do Sa-môn Pháp Hộ
7 trích riêng.

8 Kinh Phổ Môn Phẩm Sa-môn Kỳ-đà-mật
9 người Tây Vực thời Đông Tấn, đời Tấn cho
10 là Ha-chi-dịch, cùng với Pháp Hộ dịch, ý này
11 phần lớn giống nhau.

12 Kinh Phương Đẳng Pháp Hoa, năm
13 quyển

14 Sa-môn Chi Đạo Căn dịch vào niên hiệu
15 Hàm Khang năm đầu vua Thành Đế đời
16 Đông Tấn.

17 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một bộ bảy
18 quyển của Sa-môn Cưu-ma-La-thập, Hán
19 dịch là Đồng Thọ, Sư là người Thiên-trúc.
20 Gia thế thuộc quốc tướng, ông nội ngài La-
21 thập là Đạt-đa, là bậc đại thần của quốc gia,
22 cha là Cưu-ma-la-viêm có khí tiết, tránh địa
23 vị khanh tướng để xuất gia, đi về phía đông
24 đến Thông Lãnh. Vua nước Quy-tư nghe ông

1 bỏ vinh hoa để xuất gia nên rất mực cung
2 kính và yêu mến, đích thân ra khỏi thành đón
3 rước, thỉnh về làm Quốc sư. Em gái vua lúc
4 đó vừa hai mươi tuổi, thông minh tài giỏi.
5 Trong cơ thể cô có nốt ruồi son, theo phép là
6 sinh ra quý tử thông minh. Các nước tranh
7 nhau đánh hôn nhưng cô không bằng lòng,
8 cho đến khi gặp Cru-ma-la-viêm thì cô muốn
9 thành thân với ông. Vua bèn ép gả cho ông,
10 chẳng bao lâu thì mang thai ngài La-thập.
11 Khi Sư ở trong thai, người mẹ sáng suốt lạnh
12 lợi gấp bội, nghe chùa Tước-lê có rất nhiều
13 bậc đại đức, lại có những vị tăng đặc đạo, bà
14 liền cùng với các nữ trong vương tộc và
15 những vị ni đức hạnh hằng ngày thiết trai
16 cúng dường, thưa hỏi nghe pháp. Mẹ Sư
17 bỗng nhiên thông thạo tiếng Thiên-trúc,
18 những lời vặn hỏi bà đều hiểu một cách thấu
19 suốt, mọi người ai cũng khen ngợi, có vị La
20 hán Đạt-ma-cù- sa nói: Bào thai này nhất
21 định là trí tử, nói rằng Xá-lợi-phất khi ở thai
22 mẹ cũng vậy. Sau khi sinh ra La-thập, lại
23 quên đi những lời nói trước, chẳng bao lâu
24 mẹ Sư muốn xuất gia, chuyên tâm tu đạo

1 chứng được Sơ quả. Khi Sư lên bảy tuổi cũng
2 xuất gia theo mẹ, theo thầy học kinh, một
3 ngày tụng cả ngàn bài kệ, bài kệ ấy có ba
4 mươi hai chữ, tổng cộng ba muôn hai ngàn
5 câu. Tụng qua A-tỳ-đàm thì thầy liền chỉ bày
6 nghĩa ấy, Sư thông suốt ngay. Bảy giờ, theo
7 thầy đi khắp các nước, tìm học tất cả kinh
8 giáo, vừa nghe thì lãnh thọ ngay, thấu suốt
9 mọi góc cạnh, đồng thời nghiên cứu các kinh
10 sách ngoại đạo. Sau đó mẹ Sư bảo rằng:
11 Nghĩa lý sâu mầu trong Phương đẳng phải
12 mở rộng kinh chân, truyền về phương Đông
13 chỉ nhờ công sức của con. Thế là Sư đành từ
14 biệt mẹ. Lúc đó vào tháng giêng niên hiệu
15 Kiến Nguyên năm thứ ba mươi vua Phù
16 Kiên, Thái sư tâu rằng: Có một ngôi sao ở
17 ngoài biên thủy, chắc chắn nơi đó có vị Đại
18 đức tài ba sắp đến Trung quốc, Phù Kiên nói:
19 Trẫm nghe ở Tây Vực có ngài Cưu-ma-la-
20 thập, bèn sai sứ đến cầu nhưng khi Sứ chưa
21 tới nơi thì vua đã băng, cho đến tháng 09 niên
22 hiệu Hoảng Thỉ năm thứ ba vua Diêu Hưng
23 Hậu đời Tân thĩnh ngài gặp Diêu Hưng, vua
24 đãi ngài bằng lễ của Quốc sư rất kính trọng

1 và kính mến, dùng những lời khiêm cung để
2 tiếp chuyện với Sư, thế là Sư ở đây đến trọn
3 đời, khám phá những điều bí ẩn đến tột cùng,
4 vì sự nghiệp hoằng pháp Sư không bao giờ
5 cảm thấy mệt mỏi. Từ đó đại pháp bao trùm
6 cả phương Đông. Ban đầu là Hán Minh Đế,
7 lần lượt đến Ngụy Tấn, kinh luận nhiều dân,
8 xuất phát từ Thiên trúc phân nhiều văn tự
9 nghĩa cách. Vua Diêu Hưng thuở nhỏ ít tôn
10 sùng Tam Bảo, quyết chí giảng tập, khi ngài
11 Cưu-ma-la-thập đến ở đây, ông thỉnh Sư vào
12 ở lầu Tây Minh và vườn Tiêu dao dịch các
13 bộ kinh. Ngài La-thập vốn thông thạo nhiều
14 âm tụng, có thể chuyển sang tiếng Hán, âm
15 dịch lưu loát, xem hết những bản cũ, nghĩa
16 rất lộn xộn, điều này là do các vị tiền bối làm
17 mất ý chí, không dính dáng tới bốn Phạm,
18 Diêu Hưng mời Sa-môn Tăng Khế, Tăng
19 Diên, Pháp Khâm, Đạo Lưu, Đạo Hằng,
20 Tăng Duệ, Tăng Triệu, v.v... hơn tám trăm
21 vị, tham vấn ý kiến ngài La-thập. Vào mùa
22 hạ niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ hai ở đại tự
23 Trường an, lại nhóm họp hơn hai ngàn vị Sa-
24 môn nghĩa học ở bốn phương, dịch ra kinh

1 này. Lại nữa, du nghi luận của Pháp sư Huệ
2 Duệ nói: Chánh bản Pháp Hoa ở nước Vu-
3 điền, phát huy rộng lớn, vụt lóe lên hư không
4 mà được truyền đến đây. Tư Lệ hiệu úy tả
5 tướng quân an thành Hầu Diêu Sùng, nghi
6 vận huyền môn, muốn làm gương cho đời.
7 Chuyên chú kinh bày để sao chép lại lưu
8 hành đến nay. Lại nữa, Tỳ-kheo Bôi Độ
9 chẳng biết người xứ nào ở Bành Thành nghe
10 ngài La-thập ở Trường Am, bèn than rằng:
11 Ta và vị này xa cách đã ba trăm năm, biên
12 biệt chẳng hẹn ngày gặp lại, chỉ mong gặp
13 nhau ở kiếp sau thôi. Lúc ngài La-thập chưa
14 tịch, cảm thấy bốn đại không khỏe, Sư tụng
15 ba biến thần chú, và bảo các vị đệ tử nước
16 ngoài tụng theo, để tự cứu, lúc đó lại cảm
17 thấy mệt mỏi, Sư từ biệt chúng tăng và nói:
18 Nhờ pháp mà chúng ta gặp nhau, quả là chưa
19 hết lòng, đành hẹn gặp kiếp sau, những lời
20 nói trong cơn xúc động, Sư cho rằng mình
21 mộng muội, lầm lẫn trong truyền dịch, nếu
22 những tác phẩm mình dịch không sai lầm thì
23 xin cho sau khi hỏa táng lưỡi sẽ không hoại.
24 Lúc đó vào ngày 20 tháng 08 niên hiệu

1 Hoảng Thỉ năm mười một đời Ngụy Tần. Sur
2 tịch ở Trường An, năm ấy nhằm niên hiệu
3 Nghĩa Hy năm thứ năm đời Tấn. Ở vườn Tiêu
4 dao y theo phép tắc nước ngoài mà hỏa táng,
5 khi củi tắt hình tan nhưng lưỡi Ngải vẫn còn
6 nguyên.

7 * Kinh Pháp Hoa Tam-muội, một quyển
8 của Sa-môn Trí Nghiêm, Sur là người châu
9 Tây Lương, xuất gia năm hai mươi tuổi, lại
10 nổi tiếng là người tinh tấn siêng năng, tu hành
11 giản dị, ăn mặc thô sơ. Thường muốn tìm
12 hiểu các bậc danh sư, tham vấn các nghĩa sâu
13 trong kinh điển, nên sư bèn sang Tây Vực,
14 đến nước Kế-tân, vào tinh xá Ma-thiên-đà-la
15 bẩm thọ thiên pháp với Tỳ-kheo Phật-đà-
16 tiên, tu tập ba năm công phu vượt cả mười
17 năm, Phật-đà-tiên thấy pháp thiên của mình
18 có người nối nên rất yêu kính người đệ tử
19 này.

20 Tăng tục ở nước kia nghe vậy rất vui
21 mừng và khen rằng: "Đất Tần có Sa-môn cầu
22 đạo", từ đó mới không xem thường dân Tần
23 nữa, mà kính tiếp người phương xa này. Lúc
24 ấy, có Tỳ-kheo Phật-đà-bạt-đà cũng là một

1 Thiên sư nổi tiếng ở nước kia. Ngài Trí
2 Nghiêm liền thỉnh Thiên sư về Trung quốc,
3 vì muốn truyền pháp ở Trung thổ, Bạt-đà vui
4 mừng vì lòng chí thành ấy nên chấp nhận lời
5 thỉnh cầu, cả hai bèn cùng đi về Đông, rồi
6 băng qua những đường đèo hiểm trở, đến
7 Quan trung. Sư thường theo Bạt-đà trụ chùa
8 lớn Trường An, một thời gian không lâu sau,
9 Bạt-đà ngang ngược bị tăng chúng nhà Tần
10 tấn xuất. Trí Nghiêm cũng phân tán, về
11 nương ở tinh xá Sơn Đông, ngồi thiền tụng
12 kinh, siêng năng tu học. Cáo niên hiệu Nghĩa
13 Hy năm ba mươi đời Tống Vũ Đế chinh Tây
14 sát phạt Trường An, thắng trận quay về Sơn
15 đông, lúc bảy giờ Thỉ Hưng Công Vương
16 Khôi, hộ giá đi khắp vùng Sơn Xuyên đến
17 tinh xá ngài Trí Nghiêm ở. Thấy ngài ở
18 chung với ba vị tăng, người nào cũng đang
19 ngồi trên tòa tọa thiền miên mật, vương khôi
20 đến một lát lâu cũng không hay, ông bèn
21 búng ngón tay, ba người mở mắt, lát sau thì
22 nhắm lại, không nói năng gì tới ông, trong
23 tâm ông cảm thấy lạ lùng, bèn hỏi thăm các
24 vị Trưởng lão, họ đều nói ba vị tăng này ẩn

1 cư thiên định là những vị Pháp sư thanh
2 thoát. Ông quay về tâu với Tống Vũ đến
3 thỉnh về kinh đô, nhưng các Ngài chẳng chịu
4 đi. Ông cố thỉnh nhiều lần nên các ngài chấp
5 thuận, hai vị kia đi theo ngài Trí Nghiêm.
6 Vương Khôi là người đạo hạnh sâu sắc nên
7 được phụng sự ba ngài rất nồng hậu, ân cần.
8 Về đến Kinh đô ở chùa Thi Hưng, Trí
9 Nghiêm là người thích thanh vắng, xa lánh
10 mọi sự trần, Vương Khôi ra ngoài vùng ngoại
11 ô phía Đông lập một ngôi tinh xá tức là chùa
12 Chỉ Viên.

13 Trí nghiêm trước trở về Tây Vực, các
14 kinh luận mà Sư đem theo chưa dịch kịp, đến
15 niên hiệu Nguyên Gia năm thứ tư, bèn cùng
16 Sa-môn Bảo Đàm dịch ra các kinh trước. Trí
17 Nghiêm là người sống giản dị thanh bần,
18 nhận được vật gì thì cúng dường bố thí vật
19 ấy. Thuở nhỏ đã đi khắp nơi, không mang
20 theo vật gì, tánh vốn khiêm tốn không thích
21 khoa trương, cho nên mặc dù nhiều hạnh tốt
22 mà ở đời không được lưu truyền hết. Thuở
23 Sư chưa xuất gia đã thọ năm giới mà lại
24 khuyết phạm, sau này xuất gia thọ giới cụ

1 túc, thường nghĩ mình không đặc giới, mỗi
2 khi nghĩ đến đều lo sợ, nhiều năm thiền quán
3 mà không thể liễu ngộ. Bèn lên thuyền vượt
4 biển đến Thiên-trúc, tham vấn các bậc lão túc
5 thông đạt, gặp được Tỳ-kheo La hán, trình
6 bày hết sự nghi ngờ trước, La hán không giải
7 trừ được mà bảo Sư nhập định lên cõi trời
8 Đâu-suất thưa hỏi ngài Di-lặc. Ngài Di-lặc
9 bảo là đặc giới. Trí Nghiêm vô cùng vui
10 mừng, thế rồi quay về bằng đường bộ, đến
11 nước Kế-tân không bệnh mà mất. Lúc ấy, Sư
12 bảy mươi tám tuổi, theo phép của nước kia,
13 chỗ thiêu thân của phàm thánh khác nhau.
14 Ngài Trí Nghiêm tuy giới hạnh cao minh mà
15 công hạnh chưa rõ nên dờn thi thể Sư về phần
16 mộ của Phạm tăng, nhưng không nhắc lên nỗi
17 bèn đổi về phía phần mộ của thánh tăng thì
18 nhẹ như gió. Đệ tử của ngài là Trí Vũ, Trí
19 Viễn cũng từ phương Tây đến trình bày rõ về
20 điềm lành này. Rồi cả hai trở về nước ngoài.
21 Từ đó suy ra ngài Trí Nghiêm quả thật là
22 người đặc đạo.

1 *** *Kinh Quán Thế Âm.***

2 Vào thời Tấn Hiếu đế, Bắc Lương Hà Tây
3 vương Thư Cừ Mông Tôn có người em họ là
4 An Dương Hầu Kinh Thanh, khi vận nhà
5 Lương hết, bị Nguyên Ngụy tiêu diệt, Kinh
6 Thanh vội chạy về Nam lánh nạn ở Kiến
7 Khang, quyết chí ở lại đây suốt đời, không
8 giao thiệp với đời, thường đi khắp chốn chùa
9 tháp, làm một Cư sĩ thông dong, không vợ
10 con, nhằm chán danh lợi, ung dung với các
11 bạn pháp, giảng nói chánh pháp, vì thế đạo
12 tục đều cung kính ông dịch ra bộ kinh này.

13 *** *Phẩm Đề-bà-đạt-đa trong kinh Diệu***
14 ***Pháp Liên Hoa.***

15 Sa-môn Pháp Hiền họ Từ, là người ở
16 Diên Thủy thuộc Tây hải. Trước theo người
17 cậu đến Lương châu mới xuất ra. Đến niên
18 hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu mới
19 xuống Kinh đô, ở chùa Định lâm thượng,
20 chuyên tâm học kinh luật, chí nghiệp mạnh
21 mẽ, giỏi giang mọi việc. Chúng tăng bàn tính
22 với nhau về việc sửa sang chùa viện, trước
23 kia Sư nghe Mạnh Công từ phương Tây về

1 kể rõ mọi điều kinh lạ, Sư muốn quên thân
 2 để được tham bái các thánh tích đó, nên vào
 3 niên hiệu Nguyên Huy năm thứ ba đời Tống,
 4 Sư lên đường đến Kim lăng, tây du Ba Thục
 5 lên đường đến Hà Nam. Đường sá ngoằn
 6 ngoèo, khi đến Vu-điền thì muốn qua Thông
 7 Lãnh, đường núi gập ghềnh hiểm trở bèn trở
 8 lại Vu-điền để quay về. Nhận được phẩm
 9 kinh này quay về, trên đường đi có nhiều việc
 10 hiểm trở đều ghi đủ trong ấy. Vào giữa niên
 11 hiệu Vĩnh Minh đời Tề Vũ Đế Sư gặp Tam
 12 tạng Pháp sư Đạt-ma-ma-đề người nước
 13 ngoài (đời Tề dịch vị này là Pháp Ý), trụ chùa
 14 Ngõa quan ở Lương châu dịch ra phẩm này.
 15 Pháp Hiến lúc bấy giờ làm Tăng chủ, vào
 16 cuối niên hiệu Kiến Vũ thì Sư thị tịch, thọ
 17 bảy mươi lăm tuổi.

18 * *Kệ tụng lại trong Phẩm Phổ Môn của*
 19 *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.*

20 Sa-môn Xà-na-quật-đa: Đời Tùy dịch là
 21 Đức chí, Sư là người nước Bắc Hiên Đậu-
 22 kiện-đà-la, đời Tùy dịch là nước Hương
 23 Hành. Quật-đa có năm anh em mà Sư là con
 24 út trong gia đình, nhờ đã trồng cội đức từ

1 nhiều kiếp, nên sớm phát đạo tâm. Từ thuở
2 thơ ấu đã phát nguyện xuất gia. Cha mẹ hiểu
3 rõ tâm tư nguyện vọng của con mình nên
4 không trái ý. Trong nước có ngôi chùa tên là
5 Đại lâm, Sư bèn đến đó nương ở để mang
6 được độ thoát. Quật-đa sau khi xuất gia hiểu
7 kính chuyên thành, thọ học nhiều năm, chỉ
8 quy thông quán. Năm hai mươi bảy tuổi theo
9 thầy hoàng pháp. Vào niên hiệu Vũ Thành
10 năm đầu, Chu Minh Đế đến Trường an trụ
11 chùa Thảo Đường, thầy trò du hóa khi tâm
12 nguyện đã thỏa bèn lên đàn thọ giới cụ túc.
13 Gặp lúc Triệu vương tự là Văn Hiêm trấn thủ
14 đất Thục lại thỉnh Sư cùng đi. Sư ở đó ba
15 năm, làm chức Tăng chủ ở Ích Châu. Ở chùa
16 Long Uyên, dịch ra các bài hệ trước, Sa-môn
17 Viên Minh ghi chép, vào thời suy hoại, tượng
18 giáo không mở mang, năm chúng bỗng chốc
19 giống như kẻ tục, Vũ Đế lễ Sư, hạ lệnh đưa
20 về cung ban thưởng nhiều tước lộc, bắt Sư
21 mặc y phục nhà Nho, Sư khẳng khẳng giữ
22 vững lập trường, thà chết không sợ, vua cảm
23 mến hạnh cao khiết của Sư, thương xót mà
24 thả về, trên đường ra khỏi Lộ châu về hướng

1 Bắc đến Đột-quyết. Sư đây một thời gian đến
2 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ năm, có
3 khoảng trên ba mươi vị ở chùa Đại hưng
4 Thiện, như Sa-môn Đàm Diên cũng đang
5 phiên dịch, nhưng âm nghĩa không thông,
6 nghe tin ngài Quật-đa ở miền Bắc bèn dâng
7 sớ xin vua hạ chỉ thỉnh ngài về, vua chuẩn
8 tấu, sai người đến thỉnh Quật-đa. Đường về
9 Tây đã bật nên Sư đành lưu lại mười năm,
10 hiểu thấu sự đời muốn gặp lại Tam bảo, bỗng
11 nghe tin từ xa đến thỉnh, Sư vui mừng và
12 nguyện tiếp đơn. Thế là theo sứ về nước, bảy
13 giờ, vua Văn Đế đang tuần hành ở Lạc
14 Dương. Sư đến đó yết kiến, Thiên tử rất vui
15 mừng ban thưởng và thăm hỏi nhiều việc.
16 Khi chưa về đến Kinh đô, theo lệnh phiên
17 dịch, Sư cùng các Sa-môn Tăng Hưu, Pháp
18 Sán dịch ra các bộ kinh, Tùy Đăng Vương
19 theo thọ giới pháp, kính thờ làm thầy. Vì
20 nhiệm sự trần nên trôi giạt về phía Đông. Lại
21 ở Âu môn, đại thanh tải lộ, thân tâm đều cứu
22 giúp, làm lợi ích rất nhiều, đến niên hiệu
23 Khai Hoàng năm thứ mười theo luật vô
24 thường mà ra đi, lúc đó Sư khoảng bảy mươi

1 tám tuổi.

2 *** Phẩm Được Thảo Dụ Trong Kinh**
3 **Diệu Pháp Liên Hoa thêm năm trang**
4 **các bài chú.**

5 Sa-môn Đạt-ma-cấp-đa, đời Tùy dịch là
6 Pháp Mật là người nước Nam Hiền Đậu-la-
7 la, thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi. Họ Tệ-tà-ca-
8 la, Hán dịch là Hồ Thi, gia đình có năm anh
9 em, Sư là trưởng tử, cha mẹ lưu luyến không
10 cho phép xuất gia, nhưng Sư rất mến một
11 pháp môn, rất muốn ly tục. Năm hai mươi ba
12 tuổi Sư đến miền trung Hiền Đậu mới được
13 xuất gia. Sau khi Cấp-đa thọ giới cụ túc được
14 ba năm bèn tìm thầy học đạo, những gì Sư
15 học được như nhòm khe cửa, thế rồi Sư đi
16 khắp các nước Đại Tiểu thừa, đến các chùa
17 tăng học hỏi nên kiến thức gấp bội. Sau đó
18 nghe tin ở đại quốc Chi-na, Tam bảo hưng
19 thịnh nên cũng quyết tâm đi với bạn đến đây,
20 khi đã đến Y Ngô ở lại đó một năm thì gặp
21 nạn bèn lánh về Tây Nam, đường đi toàn sỏi
22 đá, sa mạc, nước cỏ khan hiếm. Hai người
23 bạn nhìn nhau nghĩ không thể bỏ mạng ở đây,

1 cho nên tạm để các kinh luận đang mang
2 theo, qua bên đường leo lên núi tìm nước,
3 mong được thoát chết. Tìm đã không gặp lại
4 thêm một mối, Sư chuyên tâm tụng chú Quán
5 Âm. Đêm đó, mưa rơi xuống, thân tâm sáng
6 khoái ngái bèn tìm đường cũ trở về, nhưng
7 nhìn khắp bốn bề vẫn mờ mịt, vì đã lạc
8 đường, tiến lùi đều khó bèn đi đại về phía
9 trước. Đi đến Trảo châu mới biết là con
10 đường rẽ của Bắc lộ, Cấp-đa từ xa đã kính
11 mến Trung Hoa, nên lặn lội nhiều năm mới
12 gặp được bạn đồng hành. Có người ở lại, có
13 người mất tích, ngoảnh lại chỉ còn một thân
14 đi đến xứ này. Lắng lòng suy gẫm, buồn vui
15 lẫn lộn, nhờ ơn thánh chỉ mới vào kinh thành,
16 ở trong ngôi chùa tiếng tăm được cúng dường
17 nồng hậu. Lúc đó, vào tháng 10 niên hiệu
18 Khai Hoàng năm thứ mười, Sư đến đây ở
19 chưa bao lâu mà tiếng Hoa đã hơi thông. Lại
20 vâng sắc chỉ được mời phiên dịch. Sư ở chùa
21 Hưng Thiện cầm bản gốc dịch qua dịch lại,
22 sáng tỏ và rất xác thật những chỗ rườm rà.
23 Các bộ phận Đại Tiểu thừa mà Sư đã tụng
24 đều tinh thông chỗ then chốt, và giải thích,

1 mở mang rộng rãi những ý chỉ sâu mầu.
2 Những vị cự học ở xứ này nhờ đó mà dần
3 dần thoát khỏi mối nghi, Dương Đế định dời
4 độ về phương Nam, càng tỏ vẻ kính trọng và
5 tiếp đãi nồng hậu, đối với Phật pháp càng
6 được sự tôn kính. Vua hạ chiếu xây một quán
7 dịch kinh trong vườn Thượng lâm ở Nam tân
8 thuộc Lạc thủy, chiêu vời những vị tài giỏi
9 để chuyên truyền bá Phật pháp. Vua liền hạ
10 lệnh trưng thỉnh Cấp-đa và các học sĩ chuẩn
11 bị phiên dịch, Sa-môn Bản tông dịch thêm
12 phẩm trước, đến Vũ Đức năm thứ hai, Sư mất
13 ở Lạc nội.

14 * Sao Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

15 * Sao Pháp Hoa Dược Vương kinh.

16 Nam Tề Tư Đồ Cảnh Lăng Vương vẫn
17 tuyên công tiêu tử lương, tôn sùng đạo Phật
18 thấu đạt giáo nghĩa, chú thích kinh luận, sao
19 lược từ, lý, đóng đường tà, mở nẻo chánh,
20 khai rộng Nhất thừa và phát huy bảy chúng,
21 đời gọi là Bút Hải. Lúc ấy, hiệu là Trí Sơn
22 hoặc thông mộng độc tôn, được tôn xưng là
23 Thiên Vương, hoặc truyền bá kinh chú,
24 truyền phép mầu của Thần độ, đức của Sư

1 khó tả hết, phải tìm hiểu mới biết.

2 Sao Lược Tiên Kinh để sắp đặt thứ lớp
3 kinh Pháp Hoa (một quyển).

4 Con gái của Tiến sĩ Lương Thái Học tên
5 Giang Mật, thuở nhỏ xuất gia, hiệu là Tăng
6 Pháp. Năm lên tám, chín có lúc nhắm mắt
7 tỉnh tọa, đọc tụng bộ kinh trên, tăng tục xứ
8 Dương châu đều gọi là Thần thọ, Phí Trường
9 Phòng nói: Nghiệm trong kinh luận thì lẽ này
10 là hiển nhiên, người này do túc duyên cảm
11 nên chẳng liên quan đến việc thần trao. Lại y
12 cứ theo ngoại điển, phu tử có nói sinh ra đã
13 biết là thứ. Điều này nói về đời này khi sinh
14 ra đã mê muộn chuyện quá khứ. Nếu không
15 như vậy thì làm sao nói rõ được thánh hiền
16 trong ngoài, sâu cạn ở quá khứ, hiện tại. Cho
17 nên Cao Tăng truyện nói: Thích Đàm Đế họ
18 Khang, tổ tiên Sư là người Khang Cư. Vào
19 thời Hán Linh Đế dời về ở Trung quốc, vào
20 cuối thời Hiến Đế loạn lạc, lại dời về ở Ngô
21 Hưng. Cha ngài là Điều, từng làm biệt giá ở
22 Ký châu, mẹ Sư họ Hoàng, ban ngày nằm
23 ngủ mộng thấy một vị tăng đến gọi bà là mẹ,
24 gởi cho một cây phát trần và một tấm thiếc

1 chẵn sách. Bà Hoàng tỉnh giấc thấy hai vật
2 vẫn còn nguyên, điều bí mật kinh lạ. Do đó
3 mang thai và sinh ra Sư, khi Sư lên năm tuổi,
4 mẹ lấy hai vật báu đó đưa cho Sư, Sư nói: Vật
5 này vua Tần ban cho con.

6 Mẹ hỏi: Con để đâu? Đáp: Không nhớ.

7 Đến năm mười tuổi thì xuất gia, sở học
8 không do thầy dạy, bản tánh tự phát ngộ. Sau
9 đó theo cha đến phiên Đặng, bỗng gặp đạo
10 nhân Tăng Hoạch ở Quan Trung, ngài liền
11 gọi: Lược ơi!.

12 Tăng Hoạch nói: Chú nhỏ sao dám gọi
13 tên bậc lão túc này.

14 Ngài Đàm Đế nói: Lúc nãy bắt giác kêu
15 như vậy là vì xưa kia ông là Sa-di đệ tử của
16 tôi, thuở xưa ngài hái rau cho chúng tăng bị
17 heo rừng cắn làm tổn thương, nay nhớ lại
18 bỗng nhiên tôi gọi lớn. Tăng Hoạch đã từng
19 làm đệ tử Pháp sư Hoàng Giác và hái rau cho
20 chúng tăng bị heo rừng cắn làm tổn thương,
21 nhưng Tăng Hoạch chẳng nhớ mảy may nào.
22 Thế là ông tìm đến hỏi cha Đàm Đế, cha Sư
23 kể rõ đầu đuôi sự việc đồng thời đưa phát trần
24 và hai thỏi sắt. Tăng Hoạch nhận ra ngay việc

1 này rồi khóc than: Pháp sư Hoằng Giác là
2 Tiên sư của Lược, thầy đã từng giảng kinh
3 Pháp Hoa cho vua Diêu Trành, bản đạo là
4 người phụ giảng, vua Diêu Trành tặng cho
5 thầy hai vật này, nay lại gặp nó ở đây, tính lại
6 lúc thầy xả báo thân cũng chính là ngày gởi
7 vật này, rồi nhớ lại lúc hái rau, ông càng buồn
8 bã. Sau đó Đàm Đế đi học trong ngoài xem
9 qua liền nhớ rõ. Đến lúc về già, Sư về ở chùa
10 trên núi Hồ khâu nước Ngô, giảng lễ, dịch,
11 Xuân Thu mỗi sách bảy lần; Pháp Hoa, Đại
12 phẩm, Duy-ma mỗi thứ mười lăm lần, lại có
13 tài văn chương, nên gom lại sáu quyển, vẫn
14 còn lưu hành ở đời. Sư tịch năm sáu mươi
15 tuổi, vào niên hiệu Nguyên Gia năm cuối đời
16 Tống, Phí Trường Phòng nói:

17 Tăng Hoạch là đệ tử của Pháp sư Hoằng
18 Giác, thầy trò đều lỗi lạc, tiếng tăm vang cả
19 hai đời, Tần vật của ngài chỉ có ba y, cũng
20 đâu ngại hạn chỉ có vật chấn sách và phát
21 trần, gởi lại kỷ vật xưa, cho đến khi thần thức
22 thác sinh thì hai vật này lại được theo nhau
23 đến, vật vượt ngoài sự chất ngại của thần
24 thức, chất ngại của thân vẫn còn theo mãi,

1 huống chỉ pháp năng biết ở trong tâm mà
2 không nhớ nghĩ. Cho nên gương chiếu thì
3 càng sáng, dao chặt thì càng bén, nước mắt
4 chứa thành biển, bụi trần nhóm thành núi, đời
5 đời huân tập thì càng thêm sâu, kiếp kiếp học
6 hỏi thì càng rộng lớn.

7 Gần nhất là ánh trăng mới mọc, cuối cùng
8 là trăng rằm, bỏ thân người rồi lại được thân
9 người, tức là lần lượt sinh ra chuyện ấy. Nhớ
10 chứ không hề quên quả là thần thông. Nhắm
11 mắt tĩnh tọa, tự xét mình người nữ yếu đuối
12 mà đọc tụng liên tục, há chẳng phải thân
13 trước đã huân tập mà lại bảo là thần trao, sao
14 lại ngu xuẩn, mê mờ đạo trí tuệ như vậy.

15 * Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-Tát Hiện
16 Thọ kinh. Xuất xứ từ Cổ lục và Cựu lục, mất
17 tên người dịch.

18 * Diệu Pháp Liên Hoa Độ Lượng Thiên
19 Địa kinh.

20 * Diệu Pháp Liên Hoa Thiên Địa Biến Di
21 kinh.

22 Hai kinh này theo Tam Bảo lục chú của
23 Phí Trường Phòng là ngụy.

1 Diêu Pháp Liên Hoa Kinh luận, hai
2 quyển.

3 Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người Tây Vực,
4 đời Ngụy dịch là Đạo Hy, là người bắc Thiên
5 Trúc, thông thạo Ba tạng, khéo nhập tổng trì,
6 chí đặt vào việc hoằng pháp, mở rộng sự thấy
7 nghe cho chúng sinh. Sư bèn băng đèo vượt
8 thác đến Thông lãnh vào đầu niên hiệu Vĩnh
9 Bình đời Ngụy, Sư đến Đông Hạ, Hoàng đế
10 Tuyên Vũ hạ lệnh cho người thỉnh Sư vào
11 cung, tiếp đãi ân cần, cho Sư ở chùa lớn Vĩnh
12 Ninh, cung cấp bốn thứ cần dùng, hơn bảy
13 trăm Phạn tăng. Vua sắc lệnh ngài Lưu-chi
14 làm chủ trì trong hội phiên dịch, dịch bộ luận
15 trước, Sa-môn Đàm Lâm biên soạn. Trong
16 phòng của ngài Lưu-chi kinh luận bốn Phạm
17 có thể cả vạn cuốn, những bản Sư mới dịch
18 bản thảo biên soạn đầy cả một phòng mà tuệ
19 giải của Sư cũng tương đương với Lặc-na,
20 thần ngộ thông minh, thạo tiếng địa phương,
21 giỏi cả chú thuật, chẳng ai thua ai. Có lần Sư
22 ngồi bên miệng giếng, tắm gội thân thể, trong
23 giếng hết nước, đệ tử chưa đến không có
24 người múc nước, Sư liền bỏ nhành liễu, tạm

1 rảy vào trong giếng, lẳng lặng trì chú, mới
2 được mấy biến thì dòng nước vọt lên, đến nỗi
3 tràn cả giếng. Sư liền dùng bát múc tắm, vị
4 tăng bên cạnh thấy rõ việc đó, chẳng đoán
5 được phép thần của Sư. Chi nói: Đây chính
6 là pháp thuật, người nước ngoài ai cũng làm,
7 còn người xứ này không học, đây chính là ý
8 Thánh.

9 * Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luận, một
10 quyển, của ngài Tăng Lạc-na-ma-đề người
11 Trung Thiên-trúc, đời Ngụy dịch là Bảo ý.
12 Văn chương dồi dào, lý sự đều thông, tụng cả
13 ức bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, rất
14 thông thạo thiên pháp, ý muốn đi khắp nơi
15 giáo hóa. Vào niên hiệu Chánh Thi năm thứ
16 năm, ban đầu Sư đến Lạc-ba cùng Bồ-đề-
17 lưu-chi ở nội điện Lạc Dương phiên dịch.
18 Sau đó, mỗi vị đều theo thầy học, không cùng
19 tham học, vua y theo sự hưng thịnh của việc
20 hoằng pháp, lược trình bày chỗ khúc mắc,
21 bèn hạ lệnh mỗi nơi mời dịch, dịch xong thì
22 cùng tham khảo hiệu đính, trong đó chỗ nào
23 ản khuất tối nghĩa hoặc có những điểm khác
24 nhau thì cùng nhau sửa. Lạc-na dịch xong,

1 Thị trung Từ Quang biên chép, sau đó Sư
2 được vua thỉnh giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc
3 ở trên pháp tòa bồ đề nhiên thác hóa, các vị
4 tăng phụ giảng cũng mất theo một lúc, cả
5 nước Ngụy hay tin không ai là không khen
6 ngợi.

7

8

9



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.

QUYỂN 3

GIẢI THÍCH

- Thích Cát Tạng chùa Nhật Nghiêm ở
Kinh Đô đời Đường.

- Thích Quán Đảnh chùa U Thê ở núi
Nguư Đầu đời Đường.

- Thích Pháp Dung chùa U Thê ở núi
Nguư Đầu đời Đường.

- Thích Trí Diễm chùa núi Vũ Khâu đời
Đường.

- Thích Trí Bạt chùa Già-xà ở Tương
Dương đời Đường.

- Thích Tuệ Viễn chùa Ngộ Chân ở núi
Lam Điền đời Đường.

- Thích Trí Thông ở núi Nguư đầu đời

1 Đường.

2 - Tả Bộc Xạ Tổng quốc công Tiêu Vũ đời
3 Đường.

4 - Thích Tuệ Mân núi Hải Ngu đời Đường
5 (Đàm Huyền Phụ).

6 - Thích Duyên Quang, nước Tân-la đời
7 Đường.

8 - Thích Đàm Bích chùa Lưu Thủy ở Tô
9 Châu đời Đường.

10 - Thích Trí Nghiễm chùa Giới Nghiệp ở
11 Đồng Châu đời Đường. Còn có ba mươi ba
12 vị, chép ở phía sau, cũng có soạn sớ.

13
14 *****

15 * *Thích Cát Tạng:*

16 Sư vốn họ An, người nước An-tức, dòng
17 họ lánh nạn dời về Nam Hải, do đó dựng nhà
18 giữa Giao - Quảng. Sau đó, dời về Kim lăng
19 rồi sinh ra Sư. Lúc Sư còn nhỏ, được cha dẫn
20 đến tham kiến ngài Chân Đế xin Sư đặt tên,
21 do đó đặt tên là Cát Tạng. Sau đó, cha dắt đến
22 chỗ Pháp sư Đạo Lăng ở chùa vua nghe
23 giảng. Ngài nghe tới đâu hiểu rõ tới đó, thông

1 ngộ như trời phú. Năm lên bảy tuổi, Sư đến
2 chùa ngài Đạo Lãng xuất gia, nắm bắt hết
3 những then chốt, ngày càng sâu sắc, hễ học
4 hỏi được những gì đều thông đạt yếu chỉ,
5 luận nạn nêu ra thì không ai sánh bằng, ngôn
6 từ sắc sảo đầy sức thuyết phục. Năm lên
7 mười chín tuổi, ở trong chúng giảng nói lại,
8 biện từ trôi chảy, ý tứ sâu sắc, đối đáp thỏa
9 đáng, quả thật tuyệt vời. Tiếng tăm Sư vang
10 khắp vùng Dương ấp, sau khi thọ giới cụ túc
11 tiếng tăm càng cao hơn. Cuối niên hiệu Khai
12 Hoàng, Dương đế lập bốn đạo hoàng ở Tấn
13 Phiên, do quốc ty cung cấp. Vì ngài Cát Tạng
14 là bậc biện giải thông suốt, nên được mời vào
15 Tuệ Nhật, thờ phụng đầy đủ, ưu ái khác
16 thường. Vua lại xây chùa Nhật Nghiêm ở
17 Kinh đô, đặc biệt thỉnh Sư về đó ở. Sư được
18 dân chúng ở Kinh đô kính chuộng nên khéo
19 giảng lại Pháp Hoa, chính vì sự thuận lợi đó
20 nên Sư có dịp mở mang. Vào niên hiệu Đại
21 Nghị năm đầu Sư viết hai ngàn bộ Pháp
22 Hoa. Vận nhà Tùy hết, Sư đúc hai mươi lăm
23 pho tượng, bỏ căn phòng đã xây dựng, đến
24 ở một am tranh nhỏ bé. Sớm tối Sư siêng

1 năng, cố gắng sám hối, rồi lại đúc một tượng
2 Phổ Hiền đặt riêng trong thất để hằng ngày
3 ngồi thiền trước tượng, quán kỹ thật tướng,
4 cứ thế nhiều năm không hề thay đổi, cho đến
5 lúc mất. Tuổi tác Sư lúc này suy yếu dần, lại
6 thêm bệnh hoạn, vua sắc ban thuốc hay, sai
7 sứ đến thăm viếng luôn và tỏ vẻ rất ân cần.
8 Nhưng vì Đại pháp, Sư cũng quá lao nhọc.
9 Một hôm, sư tắm gội sạch sẽ mặc y phục mới,
10 đốt hương, rồi bảo họ niệm danh hiệu Phật.
11 Sư ngồi quán tưởng, như lộ nét vui, sắp đến
12 giờ trai đường thì lặng lẽ ra đi, thọ bảy mươi
13 lăm tuổi, nhằm tháng 05 niên hiệu Vũ Đức
14 năm thứ sáu. Theo di chiếu thì để lộ hình thể
15 mà sắc càng tươi tắn, vua hạ chiếu cho người
16 phúng viếng, và đem về Nam sơn an trí khám
17 thờ bằng. Tất cả những lần Sư giảng Pháp
18 Hoa gồm ba trăm lần, cũng sáng tác huyền số
19 đến bây giờ vẫn thịnh hành ở đời. Cho đến
20 lúc sắp mất Sư có soạn một bài luận "Không
21 sợ chết", rồi ném bút mà thị tịch.

22 * *Thích Quán Đảnh:*

23 Tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở xứ

1 Nghĩa hưng thuộc Thường châu. Tổ tiên Sur
2 lánh nạn về Đông Âu, từ đó không trở lại
3 nữa, nay là Chương an ở Lâm hải. Cha mất
4 sớm, mẹ một mình nuôi con, khi Sur mới sinh
5 được ba tháng, bà mẹ muốn đặt tên con, suy
6 nghĩ về về đủ loại nhưng không biết đặt tên
7 gì. Ban đêm bà niệm danh hiệu Phật pháp
8 tăng, Sur cũng niệm theo, tiếng tăm rõ ràng
9 mọi người ai cũng kinh ngạc. Do đó bà đến
10 thưa với Pháp sư Tuệ Cực chùa Nhiếp Tĩnh.
11 Pháp Sư nghe vậy rất vui và khen rằng: Đứa
12 trẻ này là người phi phạm, bèn đặt tên là phi
13 phạm. Năm lên bảy tuổi lại đến làm đệ tử
14 ngài Tuệ Cực, văn từ ngày càng tiến bộ, các
15 nhà huyền Nho đều nể phục. Sur là người
16 thanh tao, phong nhã, tài giỏi, khéo léo nên
17 nổi tiếng ở đương thời. Năm lên hai mươi
18 tuổi thọ giới cụ túc, phước đức viên mãn. Sur
19 càng suy nghĩ về chỗ ở cho mình, nên từ lúc
20 thầy qua đời, Sur lên Thiên Thai học pháp
21 thiền định, vì có chỗ chưa thấu nên theo ngài
22 Tri Giả về Đông, ở Thai Nhạc. Vào những
23 năm cuối đời ra khỏi tinh xá, xúng tằm khai
24 giảng Pháp Hoa, phá vỡ giỏ lưới, đuổi theo

1 dầu mây, cùng nhau suốt vó, gom giở thành
2 nhóm. Có Pháp sư Cát Tạng nhập thất ở
3 Hưng Hoàng, Sư rất vui mừng, kết bạn với
4 nhau rồi một mình về Triết Đông, nghe tin
5 tinh xá xứng tâm, đạo rất hưng thịnh, nhưng
6 ý chưa quyết. Sư tìm nghĩa ký đọc xem chỗ
7 sâu cạn, mới thấu rõ thân tâm, say sưa nghiên
8 cứu. Do đó phế bỏ hội giảng, giải tán thỉnh
9 chúng, đến ở Thiên Thai, bảm thọ Pháp Hoa,
10 phát nguyện mở mang. Đến năm bảy mươi
11 tuổi, ngài Trí Giả hiện bệnh, sớm hôm hầu
12 hạ, hết lòng lo lắng, cho đến khi thầy diệt độ,
13 Sư đích thân kế thừa di chỉ, và lãnh thọ các
14 sách vở và tín vật của thầy để lại. Than khóc
15 quỳ dâng lại cho Tấn Vương, Tấn Vương cúi
16 đầu đánh lễ nhận các di vật. Niên hiệu Nhân
17 Thọ năm thứ hai vua ban lệnh rằng: Thiền sư
18 là bậc cao túc của Đại sư giao phó pháp môn,
19 nay lại sai sứ đến thỉnh cầu, mong nhờ ân
20 huệ, và sớ kinh Pháp Hoa. Sư theo sứ về kinh,
21 chờ đợi lai nghi, viết không hết lời. Sư ôm
22 bát quả tích cát bước vào cung. Hoàng
23 Dương ba mùa hạ, càng khiến vua yêu kính,
24 mỗi lần gặp điều sâu mầu đều đến trình bày

1 thừa hỏi. Sư đối đáp thích hợp với các nghi
2 vấn, xuyên suốt hết sách vở. Sau đó, sai
3 người thân tín tiễn Sư về chùa.

4 Có lần, người trong thôn Pháp long cách
5 núi hơn ba mươi dặm, bị bệnh không cứu
6 khỏi, điều trị đủ cách vẫn không bớt, con ông
7 vội chạy vào núi cầu cứu, Sư chuyên tụng
8 Pháp Hoa, đốt hương chiên đàn, người bệnh
9 tuy ở xa nhưng vẫn ngửi thấy mùi hương lúa,
10 liền được bình phục. Lại, lãnh địa Lạc An
11 Nam gọi là An châu, xứ ấy cây xanh suối
12 biếc, mạch nước ẩn ngầm, đường đi khó
13 thông, Sư thích du ngoạn cảnh ấy và ngoảnh
14 lại phát thệ rằng: Nếu khiến cho vùng đất này
15 bằng phẳng, thì sau này ta sẽ trở lại giảng
16 kinh, chưa được mấy tuần thì cát trắng trơn
17 khắp, bằng như gương ngọc. Sư nhờ sự linh
18 thông mà hiển hiện. không trái nguyện xưa
19 nên vẫn giảng Pháp Hoa, để đền đáp linh ý.
20 Từ khi Sư thọ nghiệp ở Thiên Thai, lại bầm
21 đạo ở Hoành Nhạc, chiêm nghiệm ba đời,
22 tông quy chẳng hai, hoặc quán hoặc giảng
23 cũng thường nương theo ý chỉ Pháp Hoa, cho
24 đến nói về pháp môn đốn chỉ quán, bốn niệm,

1 v.v... cũng rất nhiều lần. Và lại, biện tài của
2 Trí Giả tuôn trào như mây mưa, hoặc giống
3 như lưới trời chớt tuôn anh lạc, nghe bất cứ
4 pháp nào cũng lãnh hội được, và duy nhất
5 một mình Quán Đảnh ghi riêng về ý chỉ của
6 ngài Trí Giả, rồi tự soạn nghĩa ký và các đề
7 mục của tạp văn, tất cả đều khắc vào bia đá.
8 Vào ngày mồng 07 tháng 08 niên hiệu Trinh
9 Quán năm thứ sáu, Sư mất trong tầng phòng
10 chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi hai tuổi. Ban
11 đầu thị hiện ít bệnh nhẹ, không kể được liệu
12 mà trong thất có mùi thơm lạ. Lúc sắp qua
13 đời, Sư bảo đệ tử rằng: Kinh Di-lặc nói: Lúc
14 Phật sắp diệt độ, khói hương như mây, ông
15 hãy đốt nhiều hương, ta sắp độ đây. Do đó
16 mà nêu rõ lời di giới, lời lẽ sâu sắc, ý tứ thâm
17 mật, lúc này môn nhân pháp hữu chiêm
18 ngưỡng rơi lệ. Bỗng nhiên Sư ngồi lên chấp
19 tay như có vẻ cung kính xưng ba lần danh
20 hiệu Nam mô A-di-đà Phật, rồi nghiêng
21 mình nằm xuống, sắc mặt tươi tỉnh, lẳng lặng
22 thác hóa. Toàn thân mềm mại, đỉnh đầu còn
23 ấm cả ngày. Có một người bạn đồng học là
24 Trí Hy là bậc chí sĩ thanh cao, ngài mất niên

1 hiệu Trinh Quán năm đầu. Trước lúc qua đời,
2 Sư nói: Ta sinh lên cõi trời Đâu-suất, thấy
3 Tiên sư Trí Giả xếp vào hàng tòa báu, tòa nào
4 cũng có người, chỉ còn một tòa trống bảo
5 rằng sáu năm sau, Pháp sư Quán Đảnh lên
6 đây nói pháp đốt hương, nghiêm lại nghĩa đó
7 tức là ngài Di-lặc đến rước. Tính năm tháng,
8 luận thời gian, xét thấy lời ngài Trí Hy không
9 sai lầm. Vào ngày 09 tháng ấy nhập tháp Sư
10 tại chùa Chí Tướng ở Nam sơn.

11 *** Thích Pháp Dung:**

12 Ngài thuộc họ Vĩ, người Tân Đình ở Diên
13 lăng thuộc Chu Dương. Thuở nhỏ đã thông
14 minh không chịu khổ nhọc, tánh tình thẳng
15 thẳng. Tham khảo nhiều kinh sử. Năm hai
16 mươi tuổi xuất gia lìa tục, ẩn cư trong núi
17 rừng, quả hạnh trang lên đường tìm thấy,
18 ngàn dặm không ngại, sau đó nương Pháp sư
19 Đại Minh ở chùa Phong lạc núi đệ sơn, nghe
20 giảng Tam luận và các bộ kinh như Hoa
21 Nghiêm Đại phẩm, Đại Tập, Duy-ma, Pháp
22 Hoa, v.v... Nương theo vị thầy này học tập
23 nhiều năm thấu đạt chỗ sâu xa của kinh điển,

1 mặc dầu ở trong chúng đã lâu nhưng chưa ai
2 biết nhiều khi ngài Đại Minh thị tịch, ngài
3 tiếp tục tham học với Pháp sư Thúy ở Cổ
4 quan. Bấy giờ, dưới pháp tòa của Pháp sư
5 Tăng Nhận, pháp lũ đông như cây rừng, ai
6 cũng tranh nhau biện vấn, lời lẽ sắc bén như
7 tên đao, nhưng riêng Pháp Dung che giấu sở
8 trường của mình, thâm tưởng ở trong lòng,
9 đến lúc rảnh rỗi thư giãn, Sư mới trình lên
10 những nghi vấn của mình. Lời lẽ sắc bén,
11 nghĩa lý sâu xa, đều là những điều mà người
12 chưa từng nghe, ngạc nhiên và thán phục, rất
13 mực kính trọng. Rồi thâm nói với người khác
14 rằng: Vị sư này, về sau chắc chắn sẽ thực
15 hành tám không trong Phật pháp. Nhưng theo
16 quy luật vô thường không được sự cho phép
17 của thời gian. Sau này có Pháp sư Khoáng
18 chùa Vĩnh An niên hiệu Vĩnh Gia, pháp sư
19 Mãn chùa Nhất âm ở cõi kê. Pháp sư Mãn
20 chùa Định lâm ở chung sơn và Nghĩa Hải
21 đương thời. Ngài Pháp Dung đi khắp các
22 pháp tòa, vui vẻ tự được. Sau đó, trở về chùa
23 U thê núi Ngưu đầu ở Chu Dương cát một
24 ngôi thất riêng, để tinh tu nghiệp cũ. Bạn học

1 xa gần cùng nhau quy về nương tựa. Sư ở
2 trước hang động giảng một bộ kinh Pháp
3 Hoa, bảy giờ vào tháng thanh đông, tuyết
4 đóng đầy cây cối nhưng chỗ Sư giảng bỗng
5 nở ba đóa hoa sen vàng óng, chúng hội kinh
6 ngạc khen là việc chưa từng có. khi văn kinh
7 vừa giảng xong thì hoa cũng biến mất. Lại có
8 một con nai, thường đến nghe pháp đúng giờ,
9 khi pháp ngưng giảng thì cũng không thấy
10 đến nữa. Những môn nhân phát tâm đều lấy
11 Pháp Hoa làm việc chánh, sau đó không biết
12 Sư mất ở đâu.

13 *** Thích Trí Diễm:**

14 Sư họ Chu, người ở Ngô quận, ông nội
15 Sư tên là Hiến, làm chức Lương viên ngoại
16 tán kỵ thị lang. Cha Sư tên Mân, là phụng
17 trần triều thỉnh. Mẹ Sư họ Trương, lúc mới
18 mang thai Sư nằm mộng thấy lên ngôi tháp
19 cao, ngôi trên bánh xe pháp. Khi sinh ra Sư
20 có nhiều điềm khác thường hơn các trẻ khác,
21 năm lên tám thì xuất gia, thờ Pháp sư Cừ ở
22 chùa Thông Huyền làm thầy. Sau đó, tham
23 cứu các kinh, vượt hơn các bậc tiền bối. Niên

1 hiệu Chí Đức năm thứ ba đời Trần, Kiến
2 Nhân Vương Tề, trăm sự trăm tòa tranh nhau
3 biện vấn, lúc ấy Sư mới hai mươi hai tuổi, có
4 tư chất của bậc anh tài trẻ tuổi, mà mang dáng
5 dấp thần dị của người hoàng thông. Cơ biện
6 ngang dọc mọi người ai cũng kính phục. Lúc
7 đó, Tùy Dương Đế ở Phiên cũng rất kính
8 trọng, khi nhà Đại Đường tóm thâu thiên hạ
9 thì Sư bèn trở về chùa núi Vũ Khâu, ngoài
10 việc giảng dạy tu niệm còn thực hành sám
11 Pháp Hoa, Phổ Hiền, v.v... và tụng Pháp Hoa
12 hơn ba ngàn biến, cảm ứng thắm phù hợp,
13 điềm lành chẳng phải một, lư trầm chưa đốt
14 mà tự bốc khói thơm, tịch quán vừa hết, lại
15 chiêm nước đầy. Vào tháng 10 niên hiệu
16 Trinh Quán năm thứ tám Sư mất tại chùa trên
17 núi, thọ bảy mươi tuổi. Sư giảng Pháp Hoa
18 hơn ba mươi lần.

19 **** Thích Trí Bạt:***

20 Ngài họ Trương, người ở Tương Dương,
21 thuở nhỏ đã có sẵn tư chất thanh ngộ, kính
22 mến Phật pháp, sáu tuổi xuất gia, ban đầu làm
23 đệ tử của sư Nhuận. Vị này vốn có tề khí nên

1 bèn dắt Sư gởi cho Pháp sư Triết, Pháp sư
2 Triết cũng là bậc cao tăng ở Tương châu, có
3 ghi đủ trong biệt truyện. Lúc mới tụng Pháp
4 Hoa mỗi ngày thuộc năm trang, các lý nhiệm
5 màu trong kinh, Sư cũng hiểu được quy độ,
6 chỉ có đại ý của chư Phật xuất thế trải qua
7 khoảng thời gian thì mỗi vị một cách không
8 hoằng không thông, Sư đảm nhiệm chức y tri
9 khai ngộ người mê. Nhân lúc Pháp sư Cát
10 Tạng bậc thượng đức ở Đê kinh, là bậc khuôn
11 phép tiêu biểu cho bốn biển, là người thầy
12 sáng của Ba thừa, Sư bèn tìm đến vâng chỉ,
13 thành tâm dốc lòng, hai bên đầu đuôi bảo
14 phải thuật lại. Lời cô vũ của những vị tài giỏi,
15 nên nói một cách rành rọt, trôi chảy. Ngài Cát
16 Tạng đích thân lên tòa, những lời Trí Bạt hỏi
17 như Nhất thừa là mây, bèn phân làm ba, cũng
18 gọi Nhứt thừa là mưa, chia làm ba giọt mưa,
19 chúng không dám đáp. Cát Tạng nói: Câu hỏi
20 này của Bạt, ý nghĩa rất sâu. Sư giao phó đại
21 pháp cho ông, rồi bảo ông phải giữ gìn. Sau
22 đó, Trí Bạt chống tích về Tương Dương ở
23 chùa Già-xà, luôn ở Thường tế giảng kinh
24 Pháp Hoa, nêu riêng Ngũ Thiên. Vào ngày

1 17 tháng 09 niên hiệu Trinh Quán năm thứ
2 mười bốn, Sư ở nhà Trương Công Anh là
3 Thanh Tín Sĩ túc tập thụ nghĩa, khai tụng Pháp
4 Hoa xong, bèn nói nay ta từ biệt các Đại đức,
5 Đàn-việt ở trong xóm này. Lúc đó, mọi người
6 không đoán được lời Sư nói. Thế là Sư thúc
7 thủ thân tâm, mọi người tưởng người nhập
8 định, bèn đến xem thử thì Sư đã tịch rồi. Tăng
9 tục chung cảnh thương tiếc bi ai. Nhưng diện
10 mạo của Sư như còn sống, lại ngồi sừng
11 sững. Tương Vương đích thân đến phúng
12 viếng lễ bái, đốt hương cúng dường, tặng hơn
13 một trăm món đồ, phần mộ cấp cho trên năm
14 ngàn người tế lễ. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

15 *** Thích Tuệ Viễn:**

16 Ngài họ Đỗ, người ở Kinh Triệu. Thuở
17 nhỏ đã không thích chơi đùa, lại kính mến
18 Phật pháp. Mới mười tuổi đã đến chỗ Pháp
19 sư Cát Tạng xuất gia. Khi thọ giới cụ túc, học
20 rộng hiểu nhiều, giảng kinh Pháp Hoa, tự tay
21 viết chương sớ, đến lúc về già, từ già cảnh
22 đời vào ở Lam cốc, sống trong cảnh thanh
23 nhàn, vui đạo hơn mười năm. Vào niên hiệu

1 Trình Quán năm thứ mười chín Sư đang nhập
2 hạ ở chùa, lúc đó gặp mùa hạn hán Sư bèn
3 giảng Pháp Hoa để cầu mưa, xa gần nghe vậy
4 mây mù kéo đến, thường thấy hai ông lão
5 đúng giờ đến ngồi, chẳng phải người quen
6 cũ, ngài Tuệ Viễn im lặng ghi, trầm tư kết
7 vấn, lúc chưa khởi phát đã giảng đến phẩm
8 Dược Thảo Dụ, trời đổ mưa lớn thấm ướt
9 khắp nơi. Từ đó hai ông lão ba ngày rồi
10 không đến nữa. Sau đó, cả hai chống gậy đến,
11 ngài Tuệ Viễn ngạc nhiên hỏi, họ bèn rụt rè
12 đáp: Đệ tử là rồng, nhờ ơn Pháp sư giảng
13 phẩm Thí Dụ để mở cửa phương tiện cho nên
14 đáp đền ân đức đó bằng cách làm mưa.
15 Nhưng lúc chưa cảm ứng, con lại tư tiện sái
16 nước, vì vậy bị Long vương đánh bằng roi.
17 Ngài Tuệ Viễn đáp ba y để hộ niệm thêm thì
18 lúc ấy gió thoảng nhẹ khắp thân Sư, nhưng
19 Sư vốn có tánh khiêm tốn, cho nên tuy gặp
20 sa-di cũng xuống ngựa để hỏi thăm, người
21 kia đáp: Tợ như áo nhuộm, tiên thánh cùng
22 tòa, thầy trò kính nhau nay thành chánh học,
23 phận làm học trò đâu dám không tôn. Ngài
24 Tuệ Viễn thường tụng Pháp Hoa, luôn hiện

1 điều kính cảm. Có khi không châm dầu đốt
2 đèn cả mấy ngày mà vẫn sáng trưng. Sau đó,
3 Sư nhuộm bệnh mấy ngày rồi mất, thọ năm
4 mươi một tuổi, lúc đó vào tháng 07 niên hiệu
5 Trinh Quán thứ hai mươi một.

6 *** Thích Trí Thông:**

7 Ngài họ Trần, ở Tứ châu, xuất gia năm
8 tám tuổi, làm đệ tử Pháp sư Chánh Đạo. Sau
9 đó, tụng và giảng kinh Pháp Hoa ở núi Ngưu
10 đầu, khéo giữ giới luật, hành trì giới luật rất
11 tinh chuyên, hàng phục già trẻ, trai gái tâu
12 chương đều phải nhờ Sư. Xa gần nể sợ, chùa
13 viện khi hoàn thành chỉ có Sư ở đầu tiên, cả
14 chúng nể sợ. Sư không chứa của riêng,
15 thường có đôi ngỗng đứng giờ đến nghe
16 giảng.

17 Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phát ra
18 ánh sáng. Đến ngày 30 tháng 10 niên hiệu
19 Trinh Quán năm thứ hai mươi ba, Sư bảo
20 chúng: Ta xây chùa này (sơn tự) đã sử dụng
21 một muôn quan tiền, tiếc rằng chưa chu tất,
22 nay lại vĩnh biệt, nói xong thì mất, thọ bảy
23 mươi bảy tuổi. Bấy giờ, toàn tăng phòng,

1 điện đường đều rung chuyển, cây cối hoa cỏ
2 chợt biến thành màu trắng, trải qua một bữa
3 ăn thì mới trở lại trạng thái cũ.

4 **** Tử Bộc Xạ tổng Quốc Công Tiêu***
5 ***Vũ.***

6 Tự là Thời Phụ, người ở Lam lăng, ông
7 nội là Cao tổ Lương Vũ Đế, cha là Minh Đế.
8 Ông rất kính tin kinh điển, dẹp bỏ ngoại điển.
9 Lúc ở trong yến tiệc cũng thường bảo người
10 khác đem thức ăn chay cho ông. Lại tặng cho
11 Vương Bao một bộ kinh Đại phẩm viết tay,
12 một bộ cà-sa sơn nạp. Tuy ông tuy đảm
13 nhiệm chức vụ tham quốc nhưng không hề
14 bỏ bê việc tụng niệm, viết mười quyển Pháp
15 Hoa nghĩa ký. Lúc đó, ở trong phủ Đế giảng
16 cho con cháu nghe, ngày chú thích xong,
17 mộng thấy tháp Phật Đa bảo chói lòa giữa hư
18 không. Do đó gọi những người thợ khéo léo
19 làm ngôi tháp màu này. Vào tháng 06 niên
20 hiệu Trinh Quán năm hai mươi hai ông mất
21 ở cung Ngọc Hoa. Trước lúc qua đời, ông có
22 di chúc rằng: y phục và đạo cụ của ta đều biếu
23 hết cho chùa Tân Lương. Yết-ma như vật của

1 chúng tăng, chiếc sơn nạp của vua ban và thọ
2 bi nạp của Cao Tổ, cùng với thiết như ý, khúc
3 kỷ, phát trần, lò hương, chậu rửa, bình khắc
4 bằng ngọc, mã não châu, mũ quan, khí phục,
5 đều nhập vào của thường trụ, cùng đường
6 mãi mãi.

7 *** Thích Tuệ Mân:**

8 Ngài là người Hà Đông, bản tánh ngay
9 thẳng, phẩm hạnh hơn người. Xuất gia năm
10 chín tuổi, tinh tấn tu hành, tụng kinh Pháp
11 Hoa, ngày tháng trôi qua chẳng bao lâu sau
12 Sư đi tham học khắp các vị danh sư, truy cứu
13 đủ lý mâu.

14 Năm lên mười bảy, nhận thỉnh về quê, ở
15 chùa Quang Hưng, giảng kinh Pháp Hoa,
16 thính chúng đông nghẹt, hiện rõ nhiều điềm
17 lành, phút chốc hương thơm đặc biệt kết tụ
18 trên hư không. Sau khi Sư thọ cụ túc, càng
19 thêm tinh tấn, mười bảy năm không ra khỏi
20 chùa, từ trước đến nay thường sống đạm bạc,
21 mặc vải thô sơ, ăn rau cải để sống. Em của
22 Sư là Khánh đã dứt bật sự chế nhạo. Sư nói:
23 "Được như vậy mới khiến cho bầy thú không

1 loạn, đám chim không nhiều". Vào đầu đời
2 Đường, Sư lại vượt biển đến ẩn cư ở Ngu sơn
3 hơn hai mươi năm. Môn nhân từ các nơi xa
4 xôi đến thọ giáo thường có trên trăm người.
5 Sư cho rằng đất này phải trồng cây, bèn khích
6 lệ mọi người trồng mấy mươi muôn gốc để
7 đem lại công đức chung cho Tam bảo mai
8 sau. Vào thuở trung niên Sư ở miền Nam,
9 trong một ngôi am tranh riêng, lúc đó có hai
10 chú thỏ và một con hổ đến ở bên cạnh, chúng
11 quanh quẩn trong ngoài nhưng không làm tổn
12 hại nhau, đến nỗi cảm thú thần kỳ thỉnh Sư
13 trao giới. Thuật lại những sự tích của Sư quả
14 thật không thể nói hết. Vũ Dương Công Lý
15 Thế Gia là Đô đốc ở Tô châu và Thứ sử
16 Giang Vương lần lượt thỉnh nhiều lần, Sư cố
17 từ chối không nhận. Vào ngày 11 tháng 08
18 niên hiệu Trinh Quán năm cuối, Sư mất tại
19 chỗ ở ẩn, thọ bảy mươi bảy tuổi, ba ngày
20 trước lúc qua đời, mùi thơm lạ bay khắp
21 chùa. Cả chúng ngạc nhiên hỏi: Sư đáp, hôm
22 sau ta sẽ đi, sống chết là lẽ thường của con
23 người, gởi thân nơi trần thế hoàn toàn như đi
24 trên mây. Đừng bao giờ khóc lóc, mỗi người

1 hãy nhớ đến vô thường, mau cầu diệt độ, tang
2 lễ xong thì chôn cất theo nghi lễ thông
3 thường của luật. Bia ký trang trí thì đừng bao
4 giờ làm, hãy y theo lời dặn này thì ta đây
5 chẳng cần nói gì nữa. Điều này cho thấy đến
6 lúc qua đời Sư vẫn định tĩnh vô cùng, có thể
7 gọi là một con người kiên trinh.

8 *** Thích Đàm Bảo:**

9 Không biết Sư ở đâu, từ lúc cạo tóc hủy
10 hình thì giới luật không thiếu khuyết, thường
11 giảng kinh Quán Thế Âm, dắt dẫn đạo tục và
12 âm thanh Sư rất thanh thoát, đặc biệt hơn
13 người. Khi lên cao tụng kinh âm hưởng vang
14 xa đến ba mươi dặm.

15 *** Thích Duyên Quang:**

16 Sư là người nước Tân-la, tổ tiên Sư thuộc
17 con cháu của Tam Hàn. Theo Lương viên
18 chức đồ nói: "Nước Tân-la, Ngụy dịch là Tư
19 Lô, Tống dịch là Tân-la, vốn là nước của
20 Đông Di Thần Hàn". Ngài sinh ra trong một
21 gia đình danh gia vọng tộc, đời trước đã gieo
22 trồng tín tâm trong sáng nên sớm gặp duyên
23 lành. Xuất gia mặc pháp phục từ thuở còn

1 thơ, siêng năng tu tập, hiểu biết hơn người,
2 nhớ rõ từng mục kinh, ngộ được sự vận hành
3 của tâm, nhưng vì sinh ra ở biên địa, Phật
4 pháp chưa được lưu thông. Bấy giờ, vào giữa
5 niên hiệu Nhân Thọ đời Tùy, Sư lên đường
6 đến nước Ngô gặp Trí Giả hoàng dương kinh
7 điển, Sư hầu cận sớm hôm, nên hạnh giải đều
8 thấu đạt. Trong mấy năm chuyên tinh bỗng
9 nhiên đại ngộ. Trí Giả bảo Sư đăng đàn giảng
10 kinh Pháp Hoa, những vị tài giỏi đều thần
11 phục. Sau đó, Sư ở riêng trong viện Thiên
12 Thai, càng tiến tu thêm diệu quán, chợt thấy
13 mấy vị bảo rằng Thiên-đế thỉnh giảng, Sư im
14 lặng bằng lòng. Thế là bỗng nhiên dứt thở,
15 trải qua mấy ngày nhan sắc vẫn như thường,
16 vẫn quay về bốn thức, chẳng bao lâu công
17 việc hoàn thành họ đưa Sư về nước cùng với
18 mấy mươi người đi trên chiếc thuyền lớn,
19 đến giữa biển bỗng nhiên thuyền không chạy,
20 thấy một người cưỡi ngựa lướt sóng đến,
21 đứng trước thuyền nói: Thần biển thỉnh sư
22 tạm vào cung giảng pháp.

23 Sư nói: Thân bản đạo nguyện làm lợi ích
24 cho muôn sinh, thuyền và bạn đồng hành

1 chẳng biết làm thế nào.

2 Người ấy nói: Những người đồng hành và
3 thuyền mong Sư chớ lo.

4 Thế là cả chúng xuống thuyền. Đi được
5 mấy bước, chỉ thấy một con đường cái bằng
6 phẳng, hoa thơm nở bên đường. Thần biển
7 dắt theo trăm người hầu đến đón Sư vào
8 cung, châu ngọc sáng loáng, chói lòa cả mắt.
9 Sư nhân đó giảng cho họ nghe một biến kinh
10 Pháp Hoa, họ cúng dường Sư châu báu, rồi
11 tiễn Sư lên thuyền.

12 Khi Sư trở về chốn cũ thường giảng nói
13 kinh này mở rộng cửa pháp, quả thật công
14 phu. Lại vì từ nhỏ Sư đã tụng trì mỗi ngày
15 hơn một biến cho đến khi mãn báo thân, vẫn
16 không bỏ bên việc này. Vào năm sắp tám
17 mươi tuổi Sư mất tại chùa Sư đang ở. Thân
18 xác tuy đã hết nhưng cuống lưỡi Sư vẫn còn.
19 Cả nước biết tin này đều khen là việc chưa
20 từng có. Sư có hai người em gái cũng là Phật
21 tử thuần thành, thân xá-lợi và lưỡi đem về
22 thờ. Cô thường nghe lưỡi kia tự tụng Pháp
23 Hoa, một cô không biết nơi nào giảng pháp
24 Hoa, nhân đó hỏi thì lưỡi Sư đều giảng cho

1 nghe.

2 Có vị tăng Liên Nghĩa người Tân-la, năm
3 đó vừa đúng tám mươi tuổi, mặc áo thô sơ,
4 ngày ăn một bữa, khổ hạnh hơn người, cùng
5 ở chung với tôi kể lại chuyện này, nên tôi
6 chép ra đây.

7 *** Thích Huyền Bích:**

8 Chẳng rõ Sư họ gì, là người huyện Ngô ở
9 Tô châu. Thuở nhỏ, Sư xuất gia ở chùa Lưu
10 thủy, ham học hỏi, không biết mệt mỏi,
11 thường đến những hang động để tĩnh tâm
12 quán sát, không bận tâm đến việc đời, thú dữ
13 răn độc, yêu tinh ác tặc, thường gặp vô số
14 nhưng chúng chưa bao giờ ngỗ ngược mà lại
15 sống rất có tình. Sư thường ngồi trên một
16 chiếc giường đóng bốn tác, không hề có mảy
17 bụi nhưng Sư chẳng bao giờ nằm. Thường
18 giảng Trung, Bách, nhập nhị môn, nhiếp Đại
19 thừa và các kinh như Hoa Nghiêm, Niết-bàn,
20 Pháp Hoa, v.v... Người hơn hai mươi châu
21 đều đến nghe pháp. Có lần Sư giảng kinh
22 Pháp Hoa chợt thấy một con chim sẻ, bay từ
23 bên ngoài vào xuống ao dưới chánh điện,

1 ngậm nước rưới đất ba lần từ tòa của thánh
2 tăng đến bên điện Phật, rồi đứng im ở đó mãi
3 đến lúc giảng xong mới bay đi. Cứ như vậy
4 suốt một năm, sau đó mới đến ở luôn. Mỗi
5 khi Sư thượng đường thì nó vỗ cánh dẫn
6 đường, khi Sư xuống tòa thì nó nghiêng mình
7 đi theo. Có lúc Pháp sư bảo múa thì nó liền
8 lượn cánh kéo chân xoay mình quay đầu,
9 chột bay chột liệng lúc đến lúc lui, biến đổi
10 tuyệt diệu, khó thể nói hết. Hai năm như vậy
11 quanh quẩn không bay đi đâu, kẻ sĩ văn
12 chương ở mấy châu đều là người tài giỏi mà
13 cũng cùng nhau ca ngợi nó. Sau đó, Thứ sử
14 Giang Vương muốn đến chùa. Trưởng sử Tư
15 Mã báo người đến báo cho Pháp sư. Pháp sư
16 nói: Được. Rồi vẫn ngồi thiền như thường lệ,
17 khi Vương đến cổng chùa, Trưởng Sử tự báo,
18 Sư nói biết rồi vẫn ngồi yên như thường,
19 Vương trách sao Sư không đến đón rước rồi
20 quay ngựa ra về. Đến canh một đêm hôm đó,
21 Vương gọi toàn thể tăng chúng vì nước hành
22 đạo, chư tăng đều nhóm họp chỗ Vương,
23 Vương nổi giận lộ ra nét mặt, sai Trưởng Sử
24 đi ngàn dặm gọi Pháp sư, Pháp sư bảo: Vua

1 vì nước mà truyền kinh, tâm phải hết sức tôn
2 trọng, nếu tâm chưa thanh tịnh mà đến đón
3 tăng. Đại phu khinh mạn không kính Tam
4 bảo, truyền kinh như vậy cũng chỉ phí sức mà
5 thôi, vua ra lệnh trong phủ đem tất cả rượu
6 thịt, năm thứ rau cay đồ bỏ hết, rưới nước
7 thơm lau chùi. Bần đạo lại phải tắm gội sạch
8 sẽ rồi mới chuyển kinh được. Ông hãy đi đi,
9 hôm sau hãy đến. Vương rất giận, bèn sai
10 người đến gọi Pháp sư, Sư vẫn ngồi như cũ,
11 không hề tỏ vẻ sợ hãi, đến ngày hôm sau mới
12 đến chỗ Vương ở. Vương hỏi chư tăng:
13 Huyền Bích là người nào? họ đều nói: Ngài
14 là bậc cao tăng hành thiền. Vương hiểu chút
15 ít rồi sai người mời vào, ông đặt một tòa cao
16 sai ba bốn cô gái đẹp hầu cận ở bên, ngài
17 Huyền Bích nói năng qua loa rồi lễ Phật lên
18 tòa ngồi kiết già, thu thân nhập định suốt bảy
19 ngày, áo trên thân dính đầy bụi nhưng Sư
20 không hề dao động. Vua bèn phát tâm lạnh
21 rất mạnh, ông hỏi chúng tăng: Phải làm sao
22 để Sư xuất định. Tăng nói: Cúng dường âm
23 nhạc. Vương bèn sai người hầu tấu suốt nửa
24 ngày, Sư mới xả định, ông và phu nhân thỉnh

1 Sư đề sám hối, thọ giới. Đem tất cả chồn chó,
 2 chim chóc phổng sanh, Sư khuyên Vương
 3 tụng Tâm kinh Bát-nhã. Vương y theo lời
 4 khuyên ngày nào cũng tụng, sau đó xả bỏ hết
 5 mọi thứ trang sức để đền đáp ân đức của thầy,
 6 Sư không nhận vật nào cả mà bảo Vương bố
 7 thí. Từ ngày đó trở đi ngày trai nào ông cũng
 8 đến chùa, thưa hỏi các yếu chỉ sâu màu tiếng
 9 tăm của công việc hoằng hóa vang khắp xa
 10 gần, việc này xảy ra vào giữa niên hiệu Trinh
 11 Quán, sau đó chẳng biết Sư mất ở đâu.

12 *** Thích Trí Nghiễm:**

13 Sư họ Nghiễm, người Đồng châu. Thuở
 14 nhỏ đã có sẵn tính hiếu học, thanh tao, chân
 15 chất hơn người khác, hành động cứng rắn,
 16 ngay thật đúng theo phép tắc. Khi lên mười
 17 hai, mười ba tuổi tình cờ gặp vị tăng người
 18 Ấn-độ, thế là Sư được xuất gia và được thầy
 19 dạy dỗ, nuôi dưỡng. Sư ở chùa Giới Nghiệp
 20 huyện Triều áp. Thế rồi sau đó đi khắp nơi
 21 tìm thầy học Huyền giáo. Nhiếp luận, Duy
 22 thức, Bát-nhã, Duy ma và Pháp Hoa v.v...
 23 đều thông suốt đến ý chỉ sâu xa, tột cùng ý

1 nghĩa của nó. Lại thêm vào đó là học văn
2 chương thể tục rất giỏi Lão Trang, lão luyện
3 huyền tình, xuất phát từ trí óc. Chưa đầy mấy
4 năm đã lên làm Pháp tướng. Ngoài những lúc
5 giảng nói Sư lại chuyên tâm vào diệu quán,
6 thường ngồi không nằm, cứ làm như vậy,
7 trong phòng chỉ có một chiếc giường, không
8 có vật gì khác, quả thật đáng gọi là Pháp sư
9 thanh thoát, ngôn hành tuyệt đỉnh. Niên hiệu
10 Hiền Khánh năm thứ ba, tăng ni Phật tử
11 huyện Tiên chương ở Thái Châu thỉnh Sư về
12 trụ chùa Linh Tiên, giảng kinh Pháp Hoa. Sư
13 ở chùa Tăng, Hoàn Hương ở trong phòng.
14 Đầu hôm lấy kinh Pháp Hoa lật ra để trên
15 bàn, vừa muốn tìm đọc. Bấy giờ, Hoàn
16 Hương cùng ba người thị giả đều ở chỗ mình.
17 Sư đốt nhang chưa xong chợt thấy trong chữ
18 Phật trên bìa kinh hiện ra ba viên xá-lợi năm
19 màu sáng rực, lan tỏa khắp quyền kinh, lẫn
20 tới lẫn lui không ngừng. Hoàn Hương đi khắp
21 chùa báo cho chúng tăng biết để họ đến lễ
22 bái, mọi người ai cũng muốn thâm lấy xá lợi,
23 xá lợi hút vào trong chữ Phật, tăng chúng lễ
24 bái buồn khóc, đốt nhang phát nguyện thì lại

1 thấy chân dung, xá-lợi vẫn từ chữ Phật tuôn
2 ra, biến hiện không ngừng. Trong khoảnh
3 khắc thì theo nhau ẩn mất vào trong chữ Phật.
4 Kinh Pháp Hoa mà Sư giảng hơn mấy mươi
5 biến, cảm kinh hiện điềm lành khó có thể nói
6 hết. Đó chính là diệu hạnh cao tột, siêu tuyệt
7 hơn bình thường. Có lần Sư và chúng tăng đi
8 đến bờ ao, chư tăng khoát nước rửa ráy. Sư
9 dừng lại nói: Nếu vật của người khác, không
10 cho thì không được lấy, nước ao của người
11 khác đâu được lấy trộm. Lại có lần ngay bữa
12 thọ thực trong mùa hạ, có con ruồi bay vào
13 bình bát, Sư từ từ dùng ngón tay đưa nó vào
14 vách tường. Có người hỏi lý do, Sư đáp: Học
15 đạo phải thực hành vô úy thí. Từ đó, Sư
16 thường tới lui giảng đạo, đi khắp mấy châu,
17 Sư thường lặng lẽ ôm bát quảy y ra đi. Tuy
18 có hương hoa cờ phướn long báu trống nhạc
19 đờn ca, xe ngựa dậy đất trời, người người đón
20 rước khắp thành quách biên ải, nhưng Sư vẫn
21 thản nhiên không đoái hoài. Sư vẫn thường
22 xem nhẹ nơi mình ở, bao nhiêu ân huệ lợi
23 dưỡng Sư cũng chẳng màng. Vậy mà Sư ở
24 nơi nào cũng thực hành pháp bố thí, nhận đủ

1 ba y cho đến cuối đời vẫn không thay đổi.
2 Vật gì không bền thì không bỏ, chỉ còn chút
3 ít thôi. Ý này chính là vật quá tẻ thì sẽ vứt bỏ,
4 hạnh nghiệp vững chắc như xưa. Một ngày
5 trước lúc qua đời, Sư đi tuần hành khắp nơi,
6 các pháp hữu quan biết từ già từng người, rồi
7 một hôm, Sư rưới nước quét sân chùa, ngồi
8 thẳng nhập định, tắt cả môn đồ, Sư đều bảo
9 họ niệm Phật. Rồi ngay trong định mà thị
10 tịch, bấy giờ, Sư hơn sáu mươi tuổi, đạo tục
11 thương tiếc than khóc bi ai. Ngày cử hành
12 tang lễ họ mặc đồ trắng đi theo sau các vị đệ
13 tử để lễ bái, có hơn muôn người. Lúc đó,
14 bỗng nhiên có mùi thơm lạ xông lên khắp
15 viện suốt hơn bảy ngày, cho đến khi nhập
16 tháp, Sư mới biết Ngài mất đã mấy năm mà
17 lưỡi vẫn không hoại, râu tóc dài thêm hai tấc,
18 nhan sắc như cũ, các bậc trí thức cho là người
19 đắc đạo.

20 + Trúc Pháp Thâm ở núi Diệm đông
21 ngưỡng đời Tấn.

22 + Trúc Pháp Sùng ở núi Diệm cát hiện đời
23 Tấn.

24 + Trúc Pháp Khoáng ở núi Trầm thanh

1 đời Tấn.

2 + Thích Tuệ Viễn chùa Đông lâm ở
3 khuông sơn đời Tấn.

4 + Thích Tuệ Trí chùa Long khai ở đất
5 Thục đời Tấn.

6 + Thích Đạo Dung ở quận Bành thành đời
7 Tấn.

8 + Thích Đàm Ảnh ở Trường an đời Tấn
9 (sớ có bốn quyển).

10 + Thích Đàm Đế ở núi Hồ khâu đời Tống,
11 Ngô.

12 + Thích Tuệ Lượng chùa Hà viên ở kinh
13 đô đời Tống.

14 + Thích Tăng Cảnh chùa Định Lâm hạ
15 đời Tống.

16 + Thích Đàm Cơ chùa Gia tường ở cõi kê
17 đời Tống.

18 + Thích Đạo Từ ở Dự châu đời Tống.

19 + Thích Đạo Đăng ở Tế châu đời Tề
20 Ngụy.

21 + Thích Hoằng Sung chùa Tương cung ở
22 Kinh đô đời Tề.

23 + Thích Tăng Tuệ chùa Trúc lâm ở kinh

1 châu đời Tề, Thích Pháp Long ở Lư sơn đời
2 Tề.

3 + Thích Bảo Lượng chùa Linh Muội ở
4 Kinh đô đời Lương.

5 + Thích Pháp Thông chùa Định Lâm
6 thượng đời Lương.

7 + Thích Trí Tạng chùa Khai Thiện ở
8 Chung sơn đời Lương.

9 + Thích Pháp Dũng chùa Đại Thiên
10 Chúng ở dương đô đời Trần.

11 + Thích Bảo Quỳnh chùa Bành thành ở
12 Dương đô đời Trần.

13 + Thích Bảo Hào chùa Quang Hưng ở
14 Đồng châu đời Chu.

15 + Thích Đạo Trang trụ đạo tràng Tuệ
16 Nhật ở đông đô đời Tùy (Có số 3 quyển).

17 + Thích Tuệ Bất chùa An Quốc ở Thường
18 châu đời Tùy.

19 + Thích Trí Tụ ở núi Hồ khâu, quận Ngô
20 đời Tùy.

21 + Thích Trí Châu ở đạo tràng Nhân Hiếu
22 thuộc Đan Dương đời Tùy.

23 + Thích Trí Thác chùa Đại Lâm ở Lư sơn

1 thuộc Cửu Giang đời Tùy.

2 + Thích Hoảng Tôn chùa Đại Hưng Thiện
3 ở Kinh đô đời Tùy.

4 + Thích Linh Tạng chùa Đại Hưng Thiện
5 ở Kinh đô đời Tùy (còn giảng Quán Âm một
6 ngày hai lần).

7 + Thích Tuệ Hải chùa An Lạc ở Giang đô
8 đời Tùy.

9 + Thích Tuệ Tĩnh chùa Kỳ Quốc ở Kinh
10 đô đời Đường (có số 10 quyển).

11 + Thích Tăng Phụng chùa Định Thủy ở
12 Kinh đô đời Đường.

13 + Thích Tuệ Quân chùa Thông huyền ở
14 Kinh đô đời Đường.

15 Như trên đều là những vị không chuyên
16 nghiệp nên chỉ nêu ra đề mục. Đồng thời ở
17 trong các bộ khác cũng có nói, nên biết rằng
18 các vị cao tăng này tiếng thơm không bao giờ
19 mất.



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn

QUYỂN 4

TU QUÁN

- Thích Tuệ Tư ở núi Nam Nhạc đời Trần.
- Thích Trí Khải núi Thiên Thai đời Tùy.
- Thích Trí Tào núi Thiên Thai đời Đường.

** Thích Tuệ tư:*

Sư họ Lý, người Vũ Tân, thuở nhỏ đã tràn đầy lòng thương yêu dung thứ, tiếng tăm vang khắp cung đình. Sư nhiều lần mộng thấy vị tăng Ấn-độ khuyên xuất gia, giật mình thức giấc ngộ được điềm lành này bèn từ giã cha mẹ nhập đạo. Những ngôi chùa Sư ở chẳng phải chốn tôi luyện tinh thần, nên mới cảm ứng thấy vị thần Tăng bảo nên trì

1 trai giới, vâng giữ niêm mật, ngày chỉ ăn một
2 bữa không thọ cúng riêng, tuyệt giao mọi sự
3 mời thỉnh. Năm ba mươi tuổi có lần Sư vào
4 một con rạch khô nước, lập chí tụng Pháp
5 Hoa, tụng mới phân nửa, thấy một dòng nước
6 ngầm tuôn ra, thấm nhuần khắp nơi, lụt cả
7 giường Sư ngồi đến nửa thân. Lát sau thì
8 khắp thân phù thũng không thể cử động
9 được, Sư bèn lập thệ rằng: Nếu tôi chắc chắn
10 có duyên với kinh này, nước sẽ làm tiêu diệt,
11 bệnh cũng sẽ thuyên giảm. Nếu không có
12 duyên, thì nước có đầy thân ngay trong đêm
13 này nước sẽ rút hết, thân bệnh cũng khỏi. Sư
14 bèn ở đây mười năm, định tâm tụng kinh bèn
15 thấy Đức Thích-ca, Di-lặc đến nói pháp. Lúc
16 ấy Sư thấy núi đồi nơi gần xa không cao thấp,
17 hoặc nhiếp niệm tụng kinh, các phẩm trong
18 bảy quyển chữ nghĩa từng hàng từng câu rõ
19 ràng trước mắt. Sau đó Sư dời về ở núi Đào
20 Khâu, tụng kinh trước núi, cây rừng vô số,
21 dân chúng chặt phá nên họ bị bệnh cùi, cầu
22 Sư trị thì bớt hẳn. Sư ở đó một mùa hạ thực
23 hành Pháp Hoa sám, chỉ kinh hành và ngồi
24 chứ không hề nằm. Mãn hạ, Sư than rằng: Ta

1 vất vả suốt mùa hạ mà chẳng được ích gì".
2 Sư vừa muốn thả lỏng thân tựa người vào ghế
3 dây, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Tâm ý bừng sáng,
4 chứng nhập pháp môn nhưng chưa dám tự
5 tin, Sư tụng thử Luận Đại Trí Độ quyển đầu,
6 tâm bèn tỉnh ngộ, hoàn toàn không quên mất,
7 đồng thời hiểu được ý chỉ ngay trong lời văn.
8 Cứ như vậy Sư tụng suốt một trăm quyển,
9 tụng đến đâu nhớ tới đó, thấu tỏ nghĩa lý. Từ
10 đó về sau ngoài việc tụng niệm Sư thường
11 giảng Thích luận và kinh Pháp Hoa. Sư biết
12 vận mệnh nước Tề hết nên qua nước Trần,
13 sau đó vào dưới ngọn Hoa Cái thuộc Hoành
14 Nhạc, xây chùa để hành đạo, ban đầu thấy
15 một người bắt chim, đào đất bỏ, Sư bèn đến
16 đó hỏi rằng: Đào cạn cạn thôi đừng làm tổn
17 thương xương sọ của ta, khi ông ta đào chưa
18 sâu chợt gặp một khúc xương trắng, người
19 này ngạc nhiên bèn hết lời hỏi thăm Sư, Sư
20 đáp: Ta đã hai đời sống ở dưới ngọn núi này
21 tụng kinh Pháp Hoa, xả thân ở nơi này, hài
22 cốt thân trước cũng đã tiêu vong, đời nay
23 người thấy chính là thân thứ hai. Am tranh ta
24 đã bị người rợ thiêu đốt nên khiến ông ta bị

1 bệnh ung nhọt. Ông hết lòng khẩn cầu sám
2 hối và xây am tranh khác, ta ở trong ấy trì
3 kinh như cũ, cho nên người kia mau chóng
4 bình phục". Sư lại mộng thấy một vị tăng Ấn-
5 độ biến hiện mấy trăm hình dạng kỳ lạ, ngồi
6 trên đó bảo rằng: Người trước thọ giới, chẳng
7 có gì cao quý hơn luật nghi, đã gặp chúng
8 tăng thanh tịnh phải nên lập đàn cầu kinh. Sư
9 tăng gần ba mươi hai người thêm pháp Yết
10 ma, khi thọ giới cụ túc xong rồi Sư chợt thức
11 giấc mới biết mình thọ trong mộng. Từ đó về
12 sau Sư càng siêng năng hơn. Nhờ sự khổ
13 hạnh này mà được thấy việc hành đạo trong
14 ba đời. Lại mộng thấy Bồ-tát Di-lặc, Phật Di-
15 đà nói pháp khai ngộ. Cho nên Sư tạc hai pho
16 tượng cúng dường. Sư lại mộng đi theo ngài
17 Di-lặc và các quyến thuộc đến hội Long Hoa,
18 lòng tự nghĩ rằng: Ta ở trong thời mạt pháp
19 của Đức Thích-ca thọ trì Pháp Hoa, nay gặp
20 đáng Từ Tôn, nên Sư cảm thương buồn khóc,
21 bỗng nhiên tỉnh ngộ, càng thêm tinh tấn. Sư
22 lại được đạo tục cúng dường nên tạo Pháp
23 Hoa chữ vàng bảo bồi lưu ly, trang nghiêm
24 sáng chói, công đức rộng lớn, phát tâm cao

1 xa, lại giảng kinh này tùy theo văn mà soạn
2 sách. Sau đó, sai học sĩ Trí Khải thay ngài
3 giảng kinh Kim Cương, đến chỗ nhất tâm đủ
4 muôn hạnh Trí Khải có hơi nghi, Tuệ Tư giải
5 thích rằng: Điều ông nghi chính là ý thứ lớp
6 trong Đại phẩm thôi, chưa phải là diệu chỉ
7 viên đôn của Pháp Hoa. Xưa, trong một mùa
8 hạ ta khổ luyện ý này, sau một đêm nhất niệm
9 các pháp chợt phát, ta đã thân chứng, nên ông
10 đừng nhọc công nghi ngờ làm gì". Trí Khải
11 bèn bảm thọ hành pháp của Pháp Hoa hai
12 mươi một cảnh giới khó nói rõ hết. Mỗi năm
13 Trần chủ ba lần đến thăm hỏi, cúng dường vô
14 số. Sư nói pháp gấp bội, thần dị khó lường,
15 hoặc hiện lớn nhỏ, hoặc ẩn giấu thân, hoặc
16 hương sắc kỳ lạ, diễm lành hiện rõ. Lúc ấy
17 qua đời, Sư từ trên đỉnh xuống đạo tràng giữa
18 núi, nhóm họp các học đồ nói pháp liên tiếp
19 mấy ngày. Tha thiết quở trách, người nghe
20 chạnh lòng, rồi bảo mọi người rằng: Nếu có
21 mười người không tiếc thân mạng, thường tu
22 Tam-muội Pháp Hoa, sám hối phương đẳng,
23 thường ngồi thiền và kinh hành, muốn thứ gì
24 ta đều cấp cho, nhất định phải có lợi ích. Nếu

1 không có người như vậy ta sẽ đi xa, khổ hạnh
2 khó lắm!" cuộc không có người đáp, do đó
3 mà cả chúng đều nhiếp niệm, chẳng bao lâu
4 sau thì Sư mất, ai nấy đều ngửi thấy mùi
5 hương lạ tỏa khắp phòng, đỉnh nóng thân nhẹ
6 nhan sắc như thường. Lúc đó vào ngày 22
7 tháng 06 niên hiệu Thái Kiến năm thứ chín
8 đời Trần. Thọ sáu mươi tư tuổi. Nhưng thân
9 tướng vẫn sừng sững, khéo tự giữ vững,
10 không nghiêng không lệch, bước đi như trâu,
11 mắt nhìn như voi. Trên đỉnh Sư có nhục kế,
12 tướng rất trang nghiêm, người thấy đều hồi
13 tâm, bất giác phủ phục. Vả lại, tánh của
14 những bậc tri thức soi chiếu thâm phục, ý tứ
15 trong lời, phương tiện dặt dẵn, thực hành đại
16 từ bi, giữ giới Bồ-tát, chí như bông tơ, da là
17 thứ làm tổn hại sinh linh, cho nên pháp phục
18 của chúng tăng là phải sử dụng vải bố. Trời
19 lạnh thì mặc áo dày để tránh gió sương. Từ
20 khi Phật pháp truyền bá sang đây hơn sáu
21 trăm năm chỉ có Nam Nhạc Từ Hành đáng
22 quy về. Sư soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn hai
23 quyển, Vô Trách Hạnh Môn hai quyển,
24 Thích Luận Huyền Tùy Tự Ý, An Lạc Hạnh,

1 Thứ Độ Thiên Yếu, Tam Trí Quán, cả thảy
2 năm bộ, mỗi bộ một quyển, đều lưu hành ở
3 đời.

4 * *Thích Trí Khải.*

5 Sur tự là Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh
6 Châu. Từ khi nhà Tấn dời đô, gia đình Sur ở
7 Hoa Dung thuộc Kinh châu, tức là người con
8 thứ hai của Lương tán kỵ Ích dương công
9 Trần Khởi Tổ, mẹ Sur họ Từ mộng thấy khói
10 hương năm màu, quanh quần bên người, bà
11 muốn gạt ra nhưng nghe người ta nói rằng đó
12 là nhân duyên đời trước, gởi gắm để hoàng
13 đạo, phước đức tự đến, làm sao bỏ đi được.
14 Bài lại mộng thấy nuốt một con chuột trắng
15 cứ đôi ba lần như vậy, bà sợ hãi nên bói thử,
16 Sur nói điềm này là rồng trắng, cho đến đêm
17 sinh Sur trong phòng sáng ngời. Hai đêm liên
18 tiếp ánh sáng mới tắt, trong ngoài ai nấy đều
19 vui mừng bày lễ vật cúng tế, nhưng lửa tắt
20 nước lạnh việc không thành, chợt có hai vị
21 tăng gõ cửa nói: Lành thay! đứa bé đã huân
22 tập công đức chắc chán sẽ xuất gia, nói xong
23 liền biến mất, khách khứa ai cũng ngạc

1 nhiên. Khi đưa bé nằm thì chấp tay, ngồi thì
2 quay mặt về phía Nam cho đến lúc tuổi đã
3 lớn rồi mà miệng vẫn không quên ăn, thấy
4 tượng Phật thì liền lễ, gặp tăng thì kính. Bảy
5 tuổi lại thích đến chùa, chư tăng ngạc nhiên
6 về việc ấy, khẩu truyền Phổ Môn, vừa nghe
7 qua đã thuộc. Năm mười tám tuổi Sư đến cầu
8 Sa-môn Pháp Chử chùa Quá Nguyên ở
9 Tương châu để xuất gia. Từ đó Sư ở ẩn trong
10 núi Đại Hiền tụng kinh Pháp Hoa và Vô
11 lượng nghĩa Phổ Hiền Quán, chưa được hai
12 tuần thì hoàn tất ba bộ, Sư lại đến chỗ Thiền
13 sư Tuệ Tư núi Đại tô ở quang châu thọ học
14 chỉ quán. Tuệ Tư học đạo với sư Tụ, sư Tụ
15 lại thọ pháp với sư Tối, ba vị này đều không
16 thể suy lường được. Tuệ Tư thường khen
17 rằng: Thuở xưa, ta ở Linh sơn, cùng nghe
18 Pháp Hoa, tức duyên theo nhau nay lại gặp
19 nhau". Tuệ tư, liền lập đạo tràng Phổ Hiền để
20 nói bốn hạnh an lạc. Trí Khải bắt đầu ở núi
21 này, thực hành Tam-muội Pháp Hoa, mới
22 qua một đêm tụng đến phẩm Dược Vương,
23 tâm duyên khổ hạnh, đến câu "chân tinh tấn"
24 giải ngộ liền phát thấy mình và ngài Tuệ Tư

1 ở cõi bảy báu núi Linh Thứu nghe Phật nói
2 pháp. Cho nên Tuệ Tư nói: Chẳng phải ông
3 thì không thể cảm, không phải ta thì không ai
4 biết, đây là phương tiện trước của Tam-muội
5 Pháp Hoa, rồi Sư vào núi Bạch sa ở thần châu
6 cũng nhập quán như trước, có vài điều nghi
7 ngờ trong kinh, bèn thấy Tuệ Tư đến âm
8 thầm giải thích, sau này Sư thường nhờ người
9 giảng thế, người nghe rất khâm phục, rồi Sư
10 đến Thiên Thai, ở trên ngọn Hoa đỉnh phía
11 bắc chùa tu hạnh đầu-đà. Chợt một luồng gió
12 lớn bật cả gốc cây, sấm chớp rền vang, quỷ
13 my cả ngàn đám, thân cao trăm trượng,
14 miệng hét toáng lên, thật đáng kinh sợ nhưng
15 Sư vẫn dần lòng chịu đựng, tự nhiên lặng
16 mát. Sư lại bị cơn bệnh làm bức não thân tâm
17 như bị lửa đốt, Sư lại thấy cha mẹ qua đời,
18 nằm trên đầu gối mình, than khổ cầu cứu, Sư
19 lại nương vào Pháp Mẫn, không hề lay động
20 tâm vững như núi, vì vậy mà khiến cho hai
21 duyên này nhẹ cảm ứng liền diệt. Bỗng nhiên
22 Sư thấy vị thần tăng Tây Vực đến bảo rằng:
23 Sư ngăn địch thắng oán là người dũng. Đoạn
24 này văn dài, chỉ nêu sơ lược. Từ đó về sau Sư

1 mở rộng thiên tuệ, người học đông như cây
2 rừng, những bậc tài giỏi đương thường, cùng
3 kính phục ngài, hậu phi của đế chủ hai thời
4 đại Trần, Tùy đều thọ giới quy y, cúng thí rất
5 hậu. Sau đó đến chùa Thạch Thành, ở trước
6 Phật lúc sắp chịu báo, Sư đặt sàng tòa ngay
7 vách phía đông, mặt quay về phương Tây,
8 xưng Phật A-di-đà, Bát-nhã, Quán Âm, lúc
9 ấy có người muốn đem thuốc dăng cho Sư.
10 Sư đáp: Thuốc có công năng trừ bệnh để sống
11 lại những năm tàn ư? Bệnh không hợp với
12 thân thì thuốc làm sao chữa được, thời gian
13 không hợp với tâm thì thuốc đâu thể giữ được
14 thân, trí sáng hơn mặt trời, còn muốn nghe gì
15 nữa trong luận Quán tâm đâu không nói thế.
16 Thuộc luận Quán tâm nói đâu biết được đạo,
17 thuốc thang lằng xằng, làm phiền nhiều
18 người khác, ta sống bị khí độc làm mệt nhọc,
19 chết thì vui vẻ như được nghỉ ngơi, tình đời
20 như vậy, không gì đáng khen. Sư bèn bảo
21 xướng đề kinh Pháp Hoa. Sư tán dẫn rằng:
22 Cha mẹ pháp môn, tuệ giải từ đó sinh, bốn
23 tích rộng lớn, mầu nhiệm khó lường, ngưng
24 đàn dứt dây, kể từ nay. Rồi đòi nước nóng

1 thơm súc miệng nói mười như, bốn bất sinh,
2 mười pháp giới, ba quán, bốn giáo, bốn vô
3 lượng, sáu độ, v.v... có người hỏi phẩm vị
4 của ngài. Ngài đáp: Các ông làm biếng gieo
5 trồng giống lành, lại hỏi công đức của người
6 khác, như người chỉ hỏi lỗ thủng, tìm đường,
7 v.v... ta không lãnh chúng thì sẽ thanh tịnh
8 sáu căn, vì người tổn mình chỉ được Ngũ
9 phẩm nội vị. Rồi lại bảo Duy-na mạng người
10 sắp mất, nghe tiếng đánh chuông, càn chánh
11 niệm sâu, việc mặc tang phục khóc lóc của
12 thế gian đều không nên làm, hãy nên im lặng,
13 ta sắp đi đây. Nói xong, Sư ngồi ngay ngắn
14 như nhập định, Sư mất trước bức tượng đá
15 lớn ở núi Thiên Thai thọ sáu mươi bảy tuổi.
16 Hôm đó là ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khai
17 Hoàng năm thứ mười bảy. Khi Sư thị tịch,
18 môn đồ y theo di chúc làm lễ an táng. Vào
19 những năm cuối niên hiệu Nhân Thọ về
20 trước, chợt chống tích mặc áo như lúc còn
21 sống, thấy bảy lần giáng xuống chùa trên núi,
22 một lần vào tháp Phật, hỏi thăm đệ tử rằng:
23 "Ta vẫn làm nghiệp xưa, các ông có an ổn
24 không?" Cả chúng đều thấy, bị kính hỏi

1 thăm, lát sau thì ỉn mất. Sư soạn Pháp Hoa
2 số chỉ quán môn, tu thiền pháp, v.v... mỗi
3 loại mấy mươi quyển. Trí Khải là bậc khuôn
4 phép cho đông tây, giáo hóa muôn dặm, các
5 ngôi chùa lớn mà Sư xây dựng có đến ba
6 mươi lăm ngôi, độ tăng chúng có hơn bốn
7 ngàn người, viết kinh một trăm mười lăm
8 tạng, tượng họa bằng kim đàn khoảng mười
9 vạn bức. Người đạo, kẻ tục hơn năm mươi
10 châu đều thọ giới Bồ-tát, không thể chép hết,
11 học sĩ truyền pháp ba mươi hai người, học sĩ
12 tu thiền ở khắp Giang Hán, không thể kể xiết,
13 Sa-môn Quán Đỉnh hầu hạ nhiều năm, nói về
14 hàng trạng sư dài hơn hai mươi trang.

15 * **Thích Trí Tảo:**

16 Sư họ Trương, người ở Thanh Hà. Từ khi
17 nhà Tấn thay ngôi, gia đình Sư ngụ ở Lâm
18 Hải, ông nội là Nguyên Tú làm Lương
19 Thương bộ thị lang, giữ chức Nội sử ở Lâm
20 hải, cha ngài là Văn Hoàn là binh tướng quân
21 của nhà Trần. Trí Tảo từ khi học Kinh miệng
22 không nói dối, thân không làm việc gì để thẹn
23 với người, bà con hàng xóm rất mực yêu

1 kính.

2 Năm mười bảy tuổi, cha mẹ qua đời, Sư
3 bèn vào trụ chùa An ninh, cầu Pháp sư Tuệ
4 Bằng làm thầy. Từ xa nghe tin Trí Giả là bậc
5 siêu quần xuất chúng là bậc thầy dẫn đường
6 tốt cho thế đạo, Sư liền lên thuyền đến thẳng
7 Đài tự, lay trí giả thọ học. Trí Giả bảo ngài
8 sám hồi Pháp Hoa. Trong đêm đầu của bảy
9 ngày thứ hai Sư trở về giường thiền vừa
10 muốn an tọa thì thấy con rồng chín đầu, từ
11 đất vọt lên bay thẳng lên hư không, sáng mai
12 thức dậy Sư đến thưa hỏi ngài Trí Giả. Ngài
13 nói: Đây là biểu tượng cho chúng sinh trong
14 chín cõi, nghe kinh Pháp Hoa ở đời sau phá
15 vô minh địa, chứng nhập pháp tánh không.
16 Lại vào niên hiệu Chí Đức năm thứ tư đời
17 Trần, Vương Bá Trí ở Vĩnh Dương soạn Mục
18 Tiên Đô đến thỉnh ngài Trí Giả vào ở trong
19 trấn. Trí Tảo theo thầy thọ thỉnh cùng đến Kê
20 sơn, ở hết chín tuần rồi từ giả Vương về chùa
21 Bảo lâm trên núi, thực hành Tam-muội Pháp
22 Hoa. Trong đêm đầu dường như có người lay
23 cánh cửa. Trí Tảo liền hỏi: Người là ai mà
24 đêm đến lay cửa? Nó liền đáp lớn: Tôi đến

1 đây để xem đèn thôi. Cứ đôi ba lần hỏi đáp
2 như vậy. Ở trong chùa xưa trước đây có
3 Thiền sư Huệ Thành là bậc Đại Đức cao tăng.
4 Trong đêm nghe đủ việc đó bèn bảo các đệ
5 tử rằng: Trong thiền thất kia trước đây có một
6 con ác quỷ lớn, nay nghe tiếng này chắc chắn
7 có con quỷ đến bắt người. Khi trời sắp sáng,
8 sư Huệ Thành gõ cửa gọi Sư, Sư chưa kịp trả
9 lời thì Sư liền dạo quanh thiền đường hô
10 rằng: Khổ thay, khổ thay! Người này tiêu rồi.
11 Sư Trí Tảo liền mở cửa có ý hỏi. Sư đáp:
12 Ngài vẫn còn đây ư? Tôi cứ tưởng đêm qua
13 quỷ hại ngài rồi. Cho nên mới than như vậy.
14 Sư Thành tâu việc này lên vua, vua sai mấy
15 mươi người cầm gậy ủng hộ. Trí Tảo bảo họ
16 là mạng do nghiệp, đâu cần đề phòng, mong
17 các vị dẫn lính về thành tâu lại với nhà vua
18 như vậy. Người canh phòng đi rồi, qua đêm
19 thứ hai quỷ kia lại vào thiền đường, nện
20 tường đập cột, đi vòng quanh đông tây.
21 Trong thiền đường lúc ấy có sáu ngọn đèn,
22 ngài Trí Tảo bèn tắt năm ngọn chỉ chừa lại
23 một, Ngài hành đạo ngồi thiền tụng kinh,
24 thản nhiên không sợ. Trong hai mươi một

1 ngày sự việc cứ xảy ra như thế, khi ngài hành
2 pháp gần xong thấy một đồng tử mặc áo xanh
3 khen là lành thay, nói xong liền biến mất. Sư
4 tuy gặp hai việc này nhưng trong lòng không
5 chút buồn vui. Vào niên hiệu Đại nghiệp năm
6 đầu đời Tùy, vua xa giá đến Giang đô, Trí
7 Tảo được tăng sai đến tham bái, rồi dẫn vào
8 nội điện. Từ xa vua nhìn thấy Trí Tảo, bèn
9 nhường tòa bảo người mời ngồi, hỏi thăm đủ
10 thứ chuyện rồi sai thông sự xá nhân Lư
11 Chánh Phương tiễn Sư về núi, rồi vì ngài Trí
12 Giả thiết trai cúng dường cả ngàn vị tăng, độ
13 bốn mươi chín người xuất gia, cúng dường
14 vật dụng cho chùa ba ngàn thạch hai mươi
15 loại gạo và hương tô, v.v... Trước sau trải
16 qua tám lần. Khi vào tham kiến Thiên tử cả
17 hai đều rất vui thích, vua cúng dường rất hậu.
18 Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai
19 Sư mất tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-Môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.

QUYỂN 5

DI THÂN

- Thích Tuệ Thiệu chùa Chiêu đề đời
Tống.

- Thích Tăng Du ở Lô Sơn đời Tống.

- Thích Tuệ Ích chùa Trúc lâm đời Tống.

- Thích Tăng Minh chùa Thạch môn đời
Lương.

- Thích Đạo Độ ở núi Nhã-da đời Lương.

- Thích Tăng Ngạn chùa Đại thừa ở Ích
châu đời Chu.

- Thích Pháp Sung chùa Hóa thành ở Lô
sơn đời Tùy.

- Gia nhân của Thứ sử Tương Vương ở
Ky Châu đời Đường.

1 - Tỳ muội Tỳ-kheo-ni ở Linh châu đời
2 Đường.

3 - Thích Hội Thông, Báo Lâm cốc ở Ung
4 châu đời Đường.

5 - Thích Đàm Du núi Nguyệt lãnh ở
6 Tương châu đời Đường (Luận sư Hộ chùa
7 Tây Minh).

8
9 *****

10 *** Thích Tuệ Thiệu:**

11 Không rõ họ Sư. Lúc còn nhỏ mẹ cho ăn
12 cá thịt Sư nôn ói hết, chỉ ăn rau xanh. Năm
13 lên tám tuổi Sư xuất gia làm đệ tử ngài Tăng
14 Yếu, tinh tấn không mệt mỏi, khổ hạnh miên
15 mật. Sau đó, theo thầy đến chùa Chiêu-đề ở
16 Lâm xuyên. Ở đó Sư có mật ý muốn thiêu
17 thân, thường thuê người đôn củi, chất ở động
18 đá Đông sơn cao mấy trượng, đặt một cái
19 khám ở giữa vừa đủ để ngồi, rồi Sư trở về
20 chùa từ già thầy, thầy Sư hết lời khuyên can
21 nhưng không được. Vào niên hiệu Nguyên
22 Gia năm thứ hai mươi tám, Sư lập đại hội Bát
23 quan trai ở Đông sơn, đồng thời đề cáo biệt

1 người thân. Hôm ấy, dân chúng cả vùng tranh
2 nhau nhóm họp về, xe cộ vô số, đồng thời
3 đem vô số châu báu đến cúng dường. Đến
4 đêm hành đạo đầu tiên, Tuệ Thiệu tự hành
5 hương, khi hành hương xong, Sư cầm đuốc
6 đốt củi vào giữa đồng củi ngồi tụng phẩm
7 Dược Vương Bồ Đề Sư, mọi người không ai
8 thấy, Sư đạt ngộ rồi thị tịch. Mọi người lễ bái
9 chưa xong, cùng kéo đến thấy đồng củi bốc
10 cháy mà tiếng tụng kinh vẫn chưa dứt, lửa
11 cháy lên tới trán, Sư xướng câu nhất tâm, nói
12 xong thì im lặng, đại chúng thấy một ngôi sao
13 lớn như mặt trăng hạ thẳng xuống đám khói,
14 lát sau bay lên trời. Khi ấy, người thấy đều
15 cho rằng các vị trời trên cõi trời đến rước Sư.
16 Ba ngày sau, đồng củi mới tàn, lúc sắp qua
17 đời Sư bảo bạn đồng học rằng: Chỗ ta thiêu
18 thân sẽ mọc cây ngô đồng, đừng nên đốn nó.
19 Sau đó ba ngày sẽ ra quả, bây giờ là năm hai
20 mươi tám ngài Tăng Yếu là thầy của Tuệ
21 Thiệu, cùng là bậc tăng thánh, có nhiều đức
22 độ. Năm một trăm sáu mươi tuổi ngài mất ở
23 chùa.

*** Thích Tăng Du:**

Sư họ Chu, người ở Dư hàng thuộc Ngô Hưng. Năm hai mươi tuổi xuất gia, bản tánh thuần hậu, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm Sư cùng các bạn đồng học như Đàm Uẩn, Tuệ Quang, v.v... ở Nam lãnh Lô Sơn cùng nhau xây tinh xá tên là Chiêu Ân. Ngài Tăng Du thường cho rằng vì thâm tâm kết lụy ở ba đường, tình rồi cũng sẽ dứt, thân cũng sẽ hoại, mà dấu vết của Dục Vương đâu có gì gọi là xa.

Sau đó Sư thường phát thệ muốn thiêu thân. Vào ngày 03 tháng 06 niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai đời Tống, Sư chắt củi thành đống, đồng thời thỉnh chúng tăng thiết trai để cáo biệt. Ngày đó, mây mù phủ kín, dường như sắp mưa. Tăng Du phát thệ rằng: Nếu chí nguyện của tôi rõ ràng thì mong trời trong sáng, nếu không cảm thì sẽ mưa xuống, khiến cho bốn chúng ở đây biết rõ được là có sự thần ứng. Nói xong, trời mây quang đãng. Đến gần sáng đêm đầu Sư vào trong khóm củi chấp tay ngồi thẳng, tụng phẩm Dục Vương, lửa cháy bốc đến thân, Sư vẫn chấp

1 tay trang nghiêm. Đạo tục biết vậy vội vã
 2 chạy lên núi, đồng thời cúi đầu làm lễ,
 3 nguyện kết nhân duyên. Lát sau thấy khí đỏ
 4 vụt lên hư không, hồi lâu mới hết. Bấy giờ,
 5 Sư bốn mươi bốn tuổi, mười bốn ngày sau
 6 trong phòng Sư mọc hai cây ngô đồng, thân
 7 nhánh sum suê, kích thước như nhau, cao
 8 thẳng chót vót, nó trở thành cái cây kỳ lạ. Kẻ
 9 thức giả cho rằng đó là cây báu bà-la, tiêu
 10 biểu cho tướng Niết-bàn của ngài Tăng Du,
 11 cho nên y cứ bằng chứng này mà gọi ngài là
 12 song đồng Sa- môn. Trương Biện ở quận Ngô
 13 là Trưởng sử Bình nam chính mắt trông thấy
 14 việc này, nên dùng lời ca tụng:

15 *"Huyền cơ thăm thăm*
 16 *Chỉ đạo mênh mông*
 17 *Ra sống vào chết*
 18 *Ai là báu mầu*
 19 *Từ xưa Dược Vương*
 20 *Giáo hóa tuyệt luân*
 21 *Xưa nghe thuyết ấy*
 22 *Nay thấy người này*
 23 *Sa-môn tài giỏi*
 24 *Tuệ định tâm vững*

1 *Thần ngưng khí rạng*
2 *Hiện tích song thọ*
3 *Đức ngài đáng ưa*
4 *Nên soạn văn này*
5 *Để chan rải khắp"*

6 *** Thích Tuệ Ích:**

7 Ngài là người Quảng lăng, xuất gia từ lúc
8 nhỏ, theo thầy đến ở Thọ xuân. Vào giữa niên
9 hiệu Hiếu Kiến đời Tống Sư đến Kinh đô, trụ
10 chùa Trúc Lâm, siêng năng khổ hạnh, thệ
11 muốn thiêu thân. Mọi người hay tin này, có
12 kẻ chê bai, có người khen ngợi. Đến niên
13 hiệu Đại Minh năm thứ tư Sư bắt đầu nhịn
14 cơm, chỉ ăn một hạt và đến năm thứ sáu lại
15 nghỉ ăn mè mà chỉ ăn dầu bơ, có khi lại bỏ
16 dầu bơ chỉ uống hương hoàn. Tuy bốn đại
17 yếu ớt nhưng tinh thần rất rắn rỏi. Hiếu Vũ
18 càng tỏ lòng cung kính mến mộ, đến thăm hỏi
19 hết lòng, sai đại tể Giang Hạ là Vương Nghĩa
20 Cung đến chùa khuyên can Sư Tuệ Ích nhưng
21 chí nguyện không dời. Đến ngày mùng 08
22 tháng 04 niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy,
23 lúc sắp thiêu thân Sư bèn đặt một vạc dầu ở

1 phía Nam núi Chung. Sáng hôm đó Sư lên xe
2 ngựa nhờ người dắt đến. Từ chùa đến núi. Vì
3 Đế Vương là chỗ nương tựa của muôn dân,
4 là chỗ cậy nhờ của Tam bảo, mà tự thân vào
5 đài, đến cổng Vân long không thể bước
6 xuống, bảo người vào thưa: Đạo nhân Tuệ
7 Ích sắp sẽ thiêu thân nay đến cổng cáo từ, rất
8 mong Phật pháp hưng long. Vua nghe vậy
9 biến sắc, liền bước ra cổng Vân long. Sư thấy
10 vua bèn giao phó Phật pháp rồi mới từ giã ra
11 đi, vua cũng theo đến, Vương tôn, phi hậu
12 đạo tục, thứ dân bao quanh hang núi, họ vút
13 áo bỏ của quý nhiều không kể hết. Ngài vào
14 trong đỉnh ngồi trên chiếc giường nhỏ, dùng
15 kiếp bói tự buộc, ở trên thêm một cái mũ dài
16 rót dầu vào đó, rồi bắt đầu châm lửa. Vua bảo
17 Đại Tể đến chỗ vạc thỉnh dụ rằng: Đạo hạnh
18 nhiều cửa phương tiện, đâu cần phải dùng
19 cách hủy thân mạng, mong Sư suy nghĩ kỹ về
20 con đường khác. Nhưng ý Sư quá vững,
21 không hề hối tiếc, bèn đáp rằng: Thân mạng
22 bèo bọt này có gì đáng giữ lại, tâm trời ý
23 thánh chẳng phải là mình, mong vua độ cho
24 hai mươi người xuất gia, vua hạ chỉ bằng

1 lòng. Sư tự tay cầm đuốc để đốt nón, nón
2 cháy mới quăng đuốc, Sư chấp tay tụng phẩm
3 Dược Vương, lửa cháy đến mí mắt tiếng tụng
4 kinh vẫn còn rõ ràng, cháy đến mắt thì mới
5 lặng dần. Sang hèn đều than khóc, tiếng vang
6 khắp hang sâu, ai cũng nhất tâm niệm Phật,
7 đau xót gạt lệ. Lửa cháy đến sáng hôm sau
8 mới tắt. Lúc ấy vua nghe tiếng kèn sáo vang
9 lên giữa hư không, mùi thơm bông sơ ngào
10 ngạt. Đêm đó, mộng thấy ngài Tuệ Ích công
11 trượng đến thăm, rồi phó chúc Phật pháp cho
12 vua. Hôm sau, vua lập hội đề độ người, bảo
13 trai chủ xưởng bạch trình bày rõ sự việc, chỗ
14 ngài đốt thân vua cho xây nhà Dược Vương
15 để ghi nhớ việc xưa.

16 *** Thích Tăng Minh:**

17 Không rõ họ tên Sư, giới phẩm trong
18 sạch, tu hạnh đầu-đà, ở núi Sơn môn, huyện
19 Chiêu Nghĩa thuộc Hào châu. Sau đó Sư lên
20 đỉnh núi xếp đá xây cung trời Di-lặc và tượng
21 Di-lặc, thường tụng kinh Pháp Hoa, ngâm
22 câu diệu chỉ. Mỗi lần tụng trì thường nghe
23 giữa hư không có tiếng búng ngón tay và

1 xưng tiếng lành thay, đến giữa niên hiệu
2 Thiên Giám, Sư bèn tấu trình lên vua Lương
3 Vũ đề thiêu thân, vua do dự nhiều lần mới
4 chuẩn tấu lời thỉnh cầu kia. Sư bèn ở trên tảng
5 đá vuông trước cung Di-lặc, theo chí nguyện
6 trước thiêu toàn thân. Khi thiêu xong thì tảng
7 đá vuông bốn, năm thước bỗng nhiên lún
8 thành ao, trong hai đêm liền, hoa nở trong ao,
9 tươi đẹp rực rỡ. Ai uống nước ao này thì các
10 bệnh đều hết. Người sau lấy tro đã đốt tạo
11 thành pho tượng Sư. Lại khắc một tượng gỗ
12 nhỏ thiêu lại tượng tro, lấy tro trét lên tượng
13 gỗ, người nào dính chất dơ bẩn thì tượng liền
14 dời đi. Chỗ Sư hành đạo đều nở hoa tươi, lớn
15 như lê táo, hơn trăm ngàn đóa. Hiện rõ trên
16 tháp để tiêu biểu cho việc đó.

17 Lại có một tín sĩ ở huyện Bình lục Giao
18 châu, lạc mất tên họ, nhờ tụng Pháp Hoa và
19 kính ngưỡng tích Dục Vương, sau khi thiêu
20 thân thì đất ấy có nổi lên con rồng hình dạng
21 giống như người. Người cha đến đó đào lên
22 thì thấy một pho tượng toàn thân màu vàng,
23 kích thước bằng thân người, dường như
24 muốn phát ra ánh sáng rồi chợt biến mất.

1 *** Thích Đạo Độ:**

2 Sur là người Bình Dương, họ Lưu, kinh
3 hành nhập định trong núi Sùng Cao. Vào
4 niên hiệu Thiên Giám năm đầu Sur mới đến
5 đất Lương, ở chùa Định Lâm, Chung sơn tu
6 thiền. Các pháp quán tưởng của Sur đều muốn
7 đem lại lợi ích cứu khổ ban vui, luôn thực
8 hành từ bi, thành Khang Vương ở nước
9 Lương, Trung Liệt Vương ở Bà dương đều
10 bái phục Thiền sư, thọ trì giới cấm. Niên hiệu
11 Thiên Giám năm thứ mười bảy, Thiền sư tự
12 soạn một trăm bộ Pháp Hoa, sớm tối tụng
13 phẩm Dược Vương. Sau đó Sur ở Giác điện
14 chùa Hoa lâm, khởi tấu lên vua Lương Vũ Đế
15 rằng: Thân là cây độc, thật đáng đốt bỏ, tôi
16 nhàm chán hình hài này đã từ lâu rồi, nguyện
17 cùng Bồ-tát Hỷ Kiến cùng dường chư Phật,
18 sắc chỉ đáp rằng: Nhất định muốn làm lợi ích
19 chúng sinh thì phải tùy duyên tu đạo, nếu
20 thân mạng gặp vô thường thì bỏ vào rừng thi-
21 đà thí cho chim chóc muông thú, nhờ đó đàn
22 độ viên mãn, cũng là nghiệp thiện, thi thể tám
23 muôn vi trùng còn không cho thiêu đốt,
24 chẳng phải việc nên làm.

1 Lại vâng chỉ đáp rằng: Tâm này của Đạo
2 Độ không thể tự định đoạt, đã mong sắc chỉ
3 thì đành phải vâng hành. Vào ngày mùng 03
4 tháng 08 niên hiệu Phổ Thông năm thứ bảy
5 Sư đến Đông châu, đến chùa Hà lệnh núi
6 Nhã-da lập một thiền thất, thường nói một
7 mình rằng: Việc nên làm nhất định sẽ rõ ráo,
8 cũng đâu cần lo nghĩ gì nữa. Thế là Sư bèn
9 chắt củi dần dần, rồi bắt đầu bót ăn. Vào ngày
10 03 tháng 11 năm đó, chuông tự reo giữa hư
11 không, chúng tăng ngạc nhiên lo sợ, không
12 lường được sự tướng thế nào, vào ngày 08
13 tháng ấy chuông lại tự kêu. Ngày 23 Sư bèn
14 thỉnh một trăm vị tăng đến núi hành đạo,
15 khắp nơi quy về đông, có hơn ba trăm người,
16 ngày đó họ cũng xin thọ giới hơn một trăm
17 bảy mươi người. Sư tự nói: Đạo Độ là kẻ
18 phạm phu, vô minh sâu nặng, chỉ có tịnh giới
19 của Bồ-tát kính cần ban cho đại chúng để kết
20 duyên lành. Từ đó trở đi Sư bắt đầu nhịn ăn,
21 chỉ dùng bình tắm để múc nước, trong ngày
22 uống một thăng đến sáng ngày 23 cả chùa
23 đều đến thăm Sư, bình phát ra ánh sáng năm
24 màu rực rỡ, tạp khí mịt mờ, đến sáng ngày 29

1 có mấy vị tăng gồm chủ chùa, v.v... cùng lên
2 thiên thất, từ xa nhìn thấy khám ánh sáng đỏ
3 chiếu ra ngoài. Xế chiều hôm đó chợt có bầy
4 chim năm, sáu trăm con cùng đậu trên một
5 cây, chốc lát mới bay đi, đầu canh hai đêm
6 ấy cả chùa tỏa ra ánh sáng nhiều màu, chói
7 lọi phòng ốc, đến giữa canh năm nghe tiếng
8 lửa kêu rã rã trên đỉnh núi, họ ngạc nhiên
9 đến xem, thấy Thiền sư chấp tay ngồi trong
10 lửa, thọ sáu mươi sáu tuổi. Thứ sử Vũ Lăng
11 Vương bèn sai người dọn quét sạch sẽ khu
12 đất ấy để xây tháp. Sau đó, nghe trên đỉnh núi
13 có tiếng khánh đá, tiếng thật trong suốt, đúng
14 ngay chỗ trước đây Sư thiêu thân có cây thị
15 lớn chết khô hơn mười năm, khi Thiền sư vào
16 núi thường ngồi dưới gốc cây này, mùa xuân
17 năm sau bỗng nhiên đâm chồi nảy lộc, khi
18 mới về phương Đông bảo đệ tử Đạo Ân rằng:
19 Ta ngàn năm may mắn gặp được Pháp
20 vương, nay làm thân viễn du, chẳng biết ngày
21 nào mới gặp được. Có thọ trì bát sắt thì nên
22 dâng riêng. Đệ tử Đạo Ân nghe vậy liền dâng
23 bát sắt. Vua có sắc dụ rằng: Tâm lực của
24 Thiền sư rất quyết đoán, sẽ làm được việc

1 khó làm, còn hy vọng mở mang rộng khắp,
2 lợi ích bốn loài, mà bỗng thác sinh qua đời
3 khác, thật đáng tiếc. Ngài dõi theo dấu vết Hỉ
4 Kiến, cần phải mắt thấy rõ ràng, từ đây mà
5 suy thì thật đáng vui mừng.

6 *** Thích Tăng Ngạn:**

7 Sư là người Bôn Nhượng, tuy ở Di tục
8 nhưng tâm mến mộ Hoa phong, oai dung
9 đoan nghiêm, cử chỉ nhàn nhã lại thêm thành
10 tựu tánh giới, không làm những việc tàn
11 nhẫn. Dân tộc Nhượng phần nhiều sống ở
12 miền núi, họ thích đi săn bắn, suốt ngày lưới
13 cá bắt thú. Nhưng riêng Tăng Ngạn thì
14 khoan tay không làm, cha và anh trai
15 thường tức giận và mắng là kẻ nhút nhát, Sư
16 bèn gắng gượng vác dao gậy đi nhưng mỗi
17 lần thấy bầy dê giương cung bắn thì mũi tên
18 phốt qua gần lông, con thú bị chết mà không
19 chút thương tích. Cha và anh tuy thấy nhưng
20 cũng không chút cảm ngộ, Sư biết rằng mình
21 không thể cảm hóa được họ, cho nên từ giã
22 ra đi. Sư đến Ích châu nương Hòa thượng
23 Sung làm thầy, sau khi xuất gia dốc chí siêng

1 năng, thân không mặc y dài, bát không để
2 thức ăn dư. Thường tụng kinh Pháp Hoa đến
3 phẩm Dược Vương Bồ-tát, thấy ngài thiêu
4 thân cúng dường Phật, đốt ngón tay để truyền
5 bá kinh điển, suy nghĩ lời này rồi khởi phát
6 thệ nguyện bèn đốt một ngón tay tạo kinh
7 Pháp Hoa, khi Sư sắp đốt người xem thấy vậy
8 ai cũng ghen ngào. Sau đó, xây cất điện tháp
9 nối tiếp hành lang tăng phòng, hẹn ngày thiêu
10 thân sẽ mở mang phước này. Lúc ấy, Chu
11 Triệu Vương vén màn ở Ích quận, an ủi, dạy
12 bảo môn chúng dứt bỏ việc loạn phiền, lại
13 thêm kính mến Tam bảo, ủng hộ bốn y. Ngài
14 Tăng Ngạn bẩm tấu việc này với- vua, vua
15 bèn chuẩn tấu, hẹn ngày cáo tấu, xa gần đều
16 biết, củi đốt chất thành đồng, dầu thơm rưới
17 khắp, ngày đó vua đích thân dẫn quan liêu
18 đến tham lễ, Trí Ngạn tay cầm lò hương,
19 chân bước vào đồng củi, ngồi ngay thẳng trên
20 đó, bảo bốn chúng rằng tâm mình thường
21 nghĩ đến việc lợi ích chúng sinh, ý chẳng
22 tham cầu, nay bỏ thân như uế này để kiến lập
23 Tịnh độ, nếu lời này không luống, thì sẽ thể
24 hiện bằng "nhục tâm", thệ xong thì thấy lửa

1 phát ra. Ngồi thẳng tưng kinh, tiếng tụng rõ
 2 ràng, lửa cháy đến mặt tiếng ấy mới dứt. Bấy
 3 giờ, trời tuôn mưa hoa rưới khắp thành ấy.
 4 Xa gần đều than khóc, già trẻ buồn thương,
 5 sản thí trân uý, vàng ngọc như núi đều đem
 6 vào chùa đủ sửa sang điện đường, khi thân
 7 đốt hết thì trái tim vẫn còn. Đây há chẳng
 8 phải Bồ-tát chứng vị bất thối, cho nên lời thệ
 9 không hề sai lầm hay sao? Vua thấy quả tim,
 10 phủ phục than khóc Bồ-tát bậc thánh vĩnh
 11 biệt từ đây, thẳng thốt đau xót, mãi mất đi
 12 chỗ nương tựa. Bấy giờ, mọi người đều gọi
 13 là Bồ-tát Tăng Ngạn. Vua bùng trái tim về
 14 cho xây một ngôi tháp sớm chiều lễ bái, cúng
 15 dường luôn luôn.

16 *** Thích Pháp Sung:**

17 Sư họ Tất, người Cửu giang, thường tụng
 18 Pháp Hoa thông suốt khắp những chỗ khó
 19 nhớ. Đồng thời rất thích xây dựng chùa viện,
 20 có hy vọng muốn làm trụ trì. Sau đó, đến
 21 chùa Hóa Thành trên nửa đỉnh núi Lô sơn tu
 22 thiền. Vốn chẳng phải việc tăng thì không hề
 23 làm, Sư thường khuyên chúng tăng không

1 cho người nữ vào chùa. Trên là tôn thương
2 sự mở rộng giáo hóa của Phật, dưới bị sự
3 gièm pha của người đời. Nhưng ở đời cơ
4 nghiệp sâu nặng, có kẻ không nghe lời Sư
5 thường than rằng: sinh nhằm thời không gặp
6 Phật là tội duyên, không thực hành chánh
7 giáo, nghĩa đã mất sớm đâu lo gì học sĩ các
8 nơi không giữ giới ư! Sư bèn đứng trên đỉnh
9 núi Hương lư này mà nhảy xuống, thệ tan
10 xương nát thịt để sinh Tịnh độ, Sư ở trong hư
11 không, đầu bỗng ngược lên, dần dần rơi
12 xuống hang sâu, không tổn thương mảy lông,
13 chúng tăng trong chùa chẳng hề hay biết. Sau
14 đó, có người lên đỉnh núi nhìn xuống vực sâu
15 hơn ngàn nhẵn, nghe có tiếng người nói, bèn
16 tìm đến thì gặp Sư. Thân mạng vẫn còn, cho
17 nên miệng vẫn luôn tụng kinh, rước trở về
18 chùa, từ đó chúng tăng cảm nhận được lời răn
19 bi thiết của Sư nên không giao tiếp với người
20 nữ nữa. Sáu năm sau Sư mới thị tịch, lúc bấy
21 giờ thuộc mùa nắng nóng mà thân Sư không
22 hôi thối. Lúc đó, vào cuối niên hiệu Khai
23 Hoàng đời Tùy.

1 * **Thích Đại Chí:**

2 Ngài họ Cố, người ở Sơn âm thuộc Cối
3 kê, phát tâm xuất gia thờ ngài Trí Giả làm
4 thầy. Sư có dáng chững chạc cao ráo nên
5 được gọi là Đại Chí, lấy việc tu thiền làm bản
6 sự. Khổ hạnh tự chuyên, tiếng tăm vang khắp
7 bốn phương, không tạo mà tự thành, giọng
8 nói thanh thoát, tướng mạo oai nghiêm. Cho
9 nên người thấy đều ưa thích, biết ngài là bậc
10 phi phạm. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ
11 mười Sư đến Lô nhạc ở chùa Phong đỉnh,
12 không làm tôi tớ cho công danh, không dưng
13 vào hàng ngũ tăng đoàn mà chuyên tụng
14 Pháp Hoa, ung dung nhàn nhã, vô cùng rõ
15 ràng, khiến cho người nghe đều quên đi sự
16 mệt mỏi. Sau đó, Sư ở phía nam ngọn Cam
17 lộ núi Hoa sơn, lập đạo tràng Tĩnh quán, tu
18 hạnh Đầu-đà. Chỉ một thân một mình mà
19 không lánh hổ báo, nghe có thú dữ thường
20 đến đó nhưng chúng không ăn thịt, gạo thóc
21 trên núi đã hết Sư thường bỏ ăn cả ngày, chỉ
22 dùng bánh hoặc hoa quả để duy trì mạng sống
23 mà thôi, người ngoài thấy không kham nổi sự
24 khốn khổ này nhưng Sư vẫn an nhàn, nhan

1 sắc không đổi. Suốt bảy năm mà sự nghiệp
2 thiền pháp không bỏ dở. Vào lúc lớn tuổi, Sư
3 về trụ chùa Phước lâm ở Bắc sơn, từng vứt
4 bỏ đại nghiệp, lưu lạc ẩn dật, buồn đau cho
5 pháp Phật suy đồi, đến thẳng ở đây, rồi thay
6 sắc phục hủy hình, đầu đội hiệu kinh, thân
7 mặc vải thô, ở trong Phật đường than khóc
8 vang dậy, ba ngày ba đêm không chịu nín,
9 tăng chúng an ủi. Sư nói ta đau buồn đời
10 nghiệp ác này mới khóc như vậy, cho nên
11 muốn hủy hình hài này để thấp sáng chánh
12 giáo, bèn qua Đông đô dâng biểu: Mong bệ
13 hạ mở mang Tam bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay
14 ở Sùng nhạc để báo đền ân nước. Vua bèn
15 chuẩn tấu, ra lệnh lập một trai đàn, bảy chúng
16 nhóm họp. Đại Chí ba ngày không ăn, rồi leo
17 lên gác lớn đốt sắt đỏ rực để đốt cánh tay, khi
18 nó sém đen lại dùng dao cắt đứt, thịt đứt lộ
19 xương ra lại đốt xương khiến nó sém đen rồi
20 gói lại đem đốt, ánh sáng sáng rực khắp hang
21 động. Bấy giờ, mọi người thấy sự khô hạnh
22 của Sư đều đau đến thấu xương, không đứng
23 yên được, còn Sư mặc dầu đốt tay đau đớn
24 nhưng sắc từ không biến, vẫn vui tươi như

1 trước. Lúc đó, có khi tụng pháp cú, khi khen
2 ngợi công đức Phật, nói pháp cho đại chúng
3 nghe, tiếng không dứt, khi đốt cháy hết cánh
4 tay Sư lại xuống gác, nhập định bảy ngày rồi
5 thị tịch trong tư thế kiết già, thọ bốn mươi ba
6 tuổi. Từ lúc Sư bắt đầu xuất gia cho đến khi
7 thị tịch, phong cách như thông trúc, đông hạ
8 một kiểu áo, không mặc bông tơ lụa là, áo vải
9 thô sơ, thường làm như vậy, thân hình trắng
10 trẻo, môi đỏ như son, quần mặc phủ nửa ống
11 quyển, chân mang dép cỏ bồ, lời nói sang
12 sảng, điều hòa gió mây. Có người không biết
13 cảm thấy lạ lùng đến chỗ vị này. Sư chau mày
14 nói rằng: Ta là tiểu đạo nhân Đại Chí chùa
15 Phước lâm ở Lô sơn thuộc Cửu giang đây.
16 Lại có tài văn chương trau chuốt, lời lẽ sắc
17 bén, nên soạn văn thệ nguyện hơn bảy mươi
18 tờ. Ý muốn kết làm thiện tri thức với các
19 chúng sinh. Tăng chúng có người ngang
20 bướng khó kính tin mà khi thấy lời thệ này
21 thì đều gạt lệ. Ngày nay ở phong đỉnh của Lô
22 sơn này mỗi khi đến cuối năm thì thấy chư
23 tăng các chùa nhóm họp lại ở chung một
24 đêm, đọc lời sám nguyện này để làm gương

1 cho đạo tục, điều đó khiến cho mọi người ai
2 cũng chua xót.

3 * *Tướng Vương Gia:*

4 Có một gia nhân giữ chiếc Bộ khúc,
5 không rõ tên họ, khi ông lên tám chín tuổi đã
6 thọ trì kinh Pháp Hoa, đêm ngày đọc tụng,
7 quên ăn bỏ ngủ. Vương Gia bảy giờ trên
8 nhậm Kỵ châu, Bộ Khúc bèn tình nguyện
9 thiêu thân, có cô con gái nên gả cho vương,
10 vương rất yêu mến. Cô ta trình bày sự việc
11 với vương thuận ý, Bộ Khúc bèn ở trong núi
12 tắm gội sạch sẽ và dọn dẹp tươm tất đàn tràng
13 rồi tự thiêu thân. Trải qua cả tháng cô gái ấy
14 bảo người thâu nhặt tro cốt của cha, xương
15 thịt đều rã mà chỉ còn sót lại một cái lưỡi
16 trong tro, sắc thịt tươi hồng, giống như lúc
17 còn sống. Con rể của vua là Vĩ Trung thấy
18 vậy rất ngậm ngùi và báo với vương đích
19 thân đến xem cúng dường rất ân trọng, sau
20 đó mấy năm mà chiếc lưỡi không hề thay đổi.

21 Tỳ-kheo-ni ở Kinh châu có hai chị em,
22 mất tên húy, họ cùng tụng kinh Pháp Hoa, rất
23 nhàm chán hình hài này nên cả hai đều muốn

1 xả thân, tiết chế ăn mặc, càng thêm khổ hạnh.
2 Sử dụng các thứ dầu thơm dần dần bớt ăn
3 cơm gạo, sau đó dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn
4 hương mật, tinh tấn vượt bậc, thần trí trong
5 sáng, đi khắp nơi từ già đạo tục hẹn ngày
6 thieu thân. Thế là vào đêm mùng 08 tháng 02
7 niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, cô đắp hai
8 ụ đất, cao giữa đường lớn ở Kinh châu, bèn
9 lấy dây thừng quấn từ thân đến đỉnh đầu, chỉ
10 chừa hai mắt, mọi người kéo lại đông nghet,
11 ca tán hết lời, hai cô đều tụng Pháp Hoa đến
12 phẩm Dược Vương, cô chị lấy lửa châm lên
13 đỉnh đầu cô em trước, rồi cô em lấy lửa châm
14 lên cô chị. Hai ngọn đuốc trong đêm nhất thời
15 vụt sáng, lửa cháy xuống đến mắt, tiếng tụng
16 kinh vẫn còn lạnh lạnh, khi xuống dần đến
17 mũi và miệng thì mới dứt bật.

18 Đến sáng hôm sau hai thi thể còn ngồi
19 sừng sững, phúc chốc lửa tắt xương cốt tan
20 rã, nhưng hai cái lưỡi vẫn còn, cả chúng đều
21 khen ngợi, họ bèn xây một ngôi tháp cao.

22 Gần phía tây của thành Châu có một thư
23 sinh, năm đó khoảng hai mươi tư, hai mươi
24 lăm tuổi tụng kinh Pháp Hoa nguyện đốt thân

1 cúng dường, bèn gom mấy bó củi đem phơi
2 cho khô, có người hỏi lý do thì giấu không
3 nói, nửa đêm hôm sau bèn đốt lửa tự thiêu,
4 cho đến khi đến khi có người đến cứu, lửa
5 cháy mạnh quá nên đã chết, họ bèn dục thêm
6 củi cho thân cháy hết, nhạc trời hương lạ,
7 thơm ngát, ai cũng phát đại tín tâm.

8 *** Thích Hội Thông:**

9 Người ở Túc xuyên thuộc Vạn niên nư
10 ở Ung Châu. Thuở nhỏ ưa thích đạo kiếm,
11 vân du nơi sông núi, tinh ròng giới hạnh và
12 lấy đó để tu tập. Sau vào động chước Lâm ở
13 Chung Nam, ẩn cư nơi đó để chuyên tu, tụng
14 kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương liền
15 muốn bỏ thân này, thế rồi Sư một mình chất
16 củi khô thề sẽ thực hành. Vào một đêm thanh
17 vắng cuối niên hiệu Trinh Quán, Sư chất củi
18 trong rừng thành cái khảm, tụng đến phẩm
19 Dược Vương thì châm lửa, gió dữ bộc phát,
20 khói lửa ngùn ngụt, Sư vẫn ngồi bất động,
21 tiếng tụng kinh như cũ, có người nhìn thấy
22 hướng Tây nam có ánh sáng trắng rực rỡ,
23 tuôn vào đồng lửa, thân mới ngã xuống, đến

1 sáng thì lửa trên thân đều tắt. Mọi người tìm
2 nhật di cốt rồi xây một ngôi tháp trắng để
3 khắc ghi sử truyện này.

4 * *Thích Đàm Du:*

5 Sư họ Trương, người ở Hứa châu. Sau đó,
6 du học ở Tương dương, rồi bỗng sinh ý tưởng
7 chán nản nhàm lìa. Nhân gặp Thiền sư Vô
8 Hành và Thiền sư Trị ở núi Nguyệt Lãnh mà
9 xuất gia tu đạo, chuyên tụng kinh Pháp Hoa.
10 Lúc tụng kinh Sư lập một tịnh tràng vuông
11 mấy thước, treo hai mươi một tám phướn, đốt
12 hương rải hoa, sau đó mới tụng, lấy đó làm
13 chuẩn. Sau ở núi Hiện muốn tụng kinh Pháp
14 Hoa, nhiều lần cảm trong mộng thấy có
15 người bảo tụng các bài kệ cho đến khi chuyển
16 sang kinh thì rõ ràng phù hợp với văn kinh.
17 Sau đó nghe ở chùa Trường sa có một thụ
18 tượng bay lên do vua A-dục ra, tạo thật nhiều
19 kỳ tích, nếu không xem thường thân mạng để
20 phục vụ cho đạo thì không làm sao khế hợp
21 với điềm này. Sư nghĩ đến cảnh Dược Vương
22 thiêu thân cúng dường này. Vào niên hiệu
23 Càn phong năm đầu Sư đến chỗ tượng kia,

1 liền thành phát nguyện. Nguyện không có
2 chướng duyên, liền nghe trước điện có tiếng
3 búng ngón tay, lúc đó mây mù vẩn vũ suốt cả
4 tuần. Người xung quanh xú đó sợ rằng có
5 điều gì xảy đến, Sư nói: ở đây hiện điềm lành,
6 chắc chắn sẽ gặp kết quả tốt không nghi ngờ.
7 Vừa đến đêm 15 tháng 02 ngày Đại thanh
8 minh, trăng sáng ngời. Sư dùng sáp bồ tự tay,
9 đốt cả đỉnh đầu, nguyện được đốt lâu cùng
10 đường lâu, không muốn chết sớm. Khi lửa
11 cháy đến cổ tay sắc mặt vẫn không thay đổi,
12 lửa cháy đến chân mày vẫn nói pháp như lúc
13 đầu, tâm tràn đầy vui vẻ, mắt chăm chú nhìn
14 thụy tượng, đem ánh sáng cùng đường
15 nguyện được thấy Đức Phật Nhật Nguyệt
16 tịnh minh Đức, mọi người hỏi có nóng
17 không? Sư đáp: Tâm như kim cương, không
18 hề lui sụt, thật quá sáng khoải chẳng chút đau
19 khổ. Lát sau lửa bốc lên ngọn ngút, cháy
20 khắp trên dưới. Lại ở trong lửa báo hỷ niệm
21 Phật, lúc lửa mới phát tăng chúng đều sợ hãi,
22 sợ không còn di thể, chẳng biết tướng thiêu,
23 xin để lại một vật để nghiệm làm chứng răn
24 dạy chúng sinh, cho đến lúc lửa khói tiêu tan

1 chỉ còn lại xương sọ. Sáng sớm hôm sau, cả
2 châu nhón nháo chạy đến, quan liêu cũng
3 đông đủ, đánh lễ xung quanh, khen ngợi công
4 đức ấy rồi thỉnh về, mới vào cổng chùa thì
5 xương sọ tự vỡ vụn, hơn mười người có tín
6 tâm cầu thỉnh xá lợi trước kinh cốt, lần lượt
7 rơi xuống tám viên xá lợi, chìm nổi tùy ý,
8 cảm tâm phát ứng. Bảy giờ, thu nhặt tro tàn
9 còn lại chôn ở trong chùa, thường có điềm
10 ứng là tiếng khảy ngón tay.

11 Gần đó, chùa Tây Minh có Sa-môn Hộ
12 Luận, ban đầu tụng Pháp Hoa, hết một quyển
13 bèn đốt một ngón tay, đến hết tám quyển thì
14 đốt tám ngón tay, vị này mặc dù không xả
15 thân mạng nhưng cũng được xếp vào hàng Di
16 thân.

17

18

19



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-Môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn

QUYỀN 6

TRÌ TỤNG (Phần 1)

- Văn Hoàng đế thời Tây Ngụy.
- Sa-môn ở núi người nước ngoài.
- Thích Bảo Trang đạo tràng Mạt lãng đời Tấn.
- Thích Pháp Tướng ở Sơn cư đời Đông Tấn.
- Thích Tăng Sinh chùa Tam Hiền đời Tấn.
- Thích Pháp Tông ở Pháp Hoa đài đời Tống.
- Thích Phổ Minh ở Cao Dật đời Tống.
- Thích Tuệ Quả ở chùa Ngõa quan đời Tống.

1 - Thích Đạo Thọ ở chùa Kỳ Hoàn đời
2 Tống.

3 - Thích Tăng Dục ở chùa Pháp Hoa đời
4 Tống.

5 - Thích Tuệ Tấn ở chùa Cao Tọa đời Tề.

6 - Thích Hoằng Minh ở chùa Bá Lâm đời
7 Tề.

8 - Thích Tuệ Dục ở chùa Linh Căn đời Tề.

9 - Thích Siêu Biện ở chùa Định Lâm
10 thượng đời Tề.

11 - Thích Pháp Tuệ ở chùa núi Thiên trụ đời
12 Tề.

13 - Bà họ Phí, vợ của La dử đời Tề.

14 - Sa-di ở chùa Quận Đông đời Tề.

15 - Thích Tịnh Kiến ở núi Sùng đời Hậu
16 Ngụy.

17 - Thích Bạt Trừng đời Hậu Ngụy.

18 - Ngự sử Trung Thừa Lục Tái đời Hậu
19 Ngụy.

20 - Thích Tuệ Quán ở chùa Nam Giản đời
21 Lương.

22 - Thái thú Vương Yêm ở Tân an đời
23 Lương.

- 1 - Thích Tăng Thiên ở Côi kê đòi Lương.
2 - Thích Thông Tử ở chùa Tề Ninh đòi
3 Lương.
4 - Thích Tuệ Độ ở Dư Hàng đòi Lương.
5 - Thích Tăng Hoan ở chùa Trị Thành đòi
6 Lương.
7 - Thích Tăng Định ở chùa Thiên Chúng
8 đòi Lương.
9 - Thích Trí Đăng ở núi Khuông đòi
10 Lương.
11 - Sa-môn Chánh Tắc Du Phương đòi
12 Lương.
13 - Tiên sinh Dữu Tiên Thương Hành đòi
14 Lương.
15 - Thích Bảo Quyết ở núi Khuông đòi
16 Lương (lại có thêm vị tăng ở chùa Ngũ Hiệp,
17 có thêm vị tăng ở Ứng châu).
18 - Thích Chí Trạm ở chùa Hàm Thảo đòi
19 Lương.
20 - Bằng Pháp, Tuệ đòi Lương gặp vị tăng
21 ở côi âm.

22
23 *****

1

2

3

4

5

6

7

8

9

* Văn Hoàng đề đời Tây Ngụy hủ là Bảo
ngự bốn phương mà giúp chư Tử, ở ngôi cao
đề hộ Chánh đạo, mặc áo châu ở thứ phẩm,
chỉ bày giếng trong ở cao nguyên, xây dựng
Già-lam, chuyên trì tịnh giới, vào nhà Như
Lai, một mình ở đến già, thường tụng kinh
Pháp Hoa, để làm tịnh nghiệp lâu dài.

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

* Xưa có chùa núi Ngoại Quốc, có vị Tỳ-
kheo nhỏ tuổi, thường tụng kinh Pháp Hoa,
thường đi kinh hành ngoài chùa. Gặp cô gái
La- sát, dáng vẻ rất đẹp, đến khuấy nhiễu Tỳ-
kheo này, vị Tỳ-kheo bị mê hoặc, bèn tư
thông với con quỷ. Tư thông xong, tinh thần
hoảng hốt, không hay biết, con quỷ cũng vị
Tỳ-kheo muốn bay về chỗ ở của mình để ăn
thịt Tỳ-kheo. Vào đầu hôm, nó bay qua một
Tăng-già-lam, vị Tỳ- kheo ở trên con quỷ,
nghe trong Già lam có tiếng tụng kinh Pháp
Hoa, do đó hơi tỉnh ngộ, nhớ lại các tập khí
của mình, bèn tụng thầm, quỷ cảm thấy nặng
dần, sắp sa xuống đất, nó cố bay lên nhưng
không thể thắng được, quỷ bỏ vị Tỳ-kheo ra

1 đi. Vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi khi thức dậy, nghe
2 có tiếng chuông, liền theo tiếng chuông đến
3 chùa, gõ cửa xin vào trình bày đủ các việc
4 trên. Tính ra, Sư đi xa làng đã hơn hai ngàn
5 dặm. Chư tăng nói người này phạm tội trọng,
6 không được ở chung. Có một vị Thượng tọa
7 nói: Bị thần quỷ làm mê hoặc, chẳng phải tự
8 tâm, đã được thoát khỏi, hiểu rõ được oai lực
9 của kinh, có thể được ở lại chùa, liền cho vị
10 Tỳ-kheo sám hối, về sau, Sư gặp lại người
11 trong làng cũ nên xin về lại Chùa Ngoại Quốc
12

13 * **Thích Bảo Trang:** Còn gọi là Pháp
14 Trang, họ Thân, người ở Hoài nam. Trong
15 niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, năm ấy mới
16 mười tuổi theo Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn,
17 làm đệ tử, từ nhỏ lấy việc siêng năng khổ
18 nhọc làm mục tiêu. Đầu niên hiệu Nguyên
19 Gia, Sư ở chùa Đạo tràng Châu Lăng, hạnh
20 nghiệp tinh chuyên, thường tụng kinh Pháp
21 Hoa. Mỗi khi tụng y phục thường sạch sẽ
22 ngồi tòa riêng, đốt hương chấp tay, quán
23 tưởng về Linh Sơn, sau đó từ từ phát ra âm
24 thanh nhẹ nhàng, cho đến hết câu văn. Bữa

1 nọ tụng nửa chừng ở trong phòng, Pháp
2 Trang nghe trước cửa như có tiếng binh
3 trượng, quả thật là Thiên thần đến nghe. Đầu
4 niên hiệu Đại Minh đời Tống, Sư qua đời tại
5 chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi.

6
7 * **Thích Pháp Tướng:** Không biết họ Sư,
8 tự nói là người Hà nam. Khoảng niên hiệu
9 nghĩa Hy đời Đông Tấn, bỗng ngộ vô
10 thường, vượt thế tục ở ẩn trong hang núi. Đi
11 ở vô định, rộng không cỗi u nhàn, bất ngờ
12 hiểu rõ được chấp trước, tụng kinh Pháp Hoa
13 ngày đêm không mỏi mệt. Sư đi qua miếu
14 Thái sơn, chiều tối ngủ ở miếu gần nhà dân.
15 Ban đêm dậy tụng kinh, bỗng nghe tiếng gõ
16 cửa, bảy giờ Sư ra xem, thấy có một người
17 mặc áo đen đội mũo Quang Võ, thấy ngài rất
18 cung kính nói rằng: Đây là Phủ Quân Thái
19 Sơn, nghe sư tụng kinh, nên đến nghe, đệ tử
20 ở trong miếu, nằm trong một cái hòm bằng
21 đá, có nhiều tài vật, đem cúng dường Sư, Sư
22 nên mở lấy. Nắp đá ấy nặng hơn ngàn cân,
23 không người nào nhích nổi, Sư thử mở, bỗng
24 nhiên mở ra, thế là lấy được một trăm tám

lụa, hơn trăm quan tiền, đem bố thí cho người
nghèo. Sau đến Giang nam, ở chùa Việt
Thành bỗng nhiên thôi chí, buông lung vô độ.
Bấy giờ, tướng quân Tư Mã Diêm trấn nhậm
phía Bắc, tánh ác vô đạo, mời Sư uống rượu
có độc, vừa uống khoảng ba chung thân sắc
bất biến, diêm tĩnh không rối loạn, ông Diêm
rất lấy làm lạ, hỏi then hỏi hận, sau càng thêm
cúng dường.

*** Thích Tăng Sinh:** Họ Viên, người ở
Thục quận, xuất gia lúc nhỏ, do tu khô hạnh
nên được mọi người khen ngợi, Tống Phong
Thành Đô mời Sư trụ trì chùa Tam Hiền, tụng
kinh Pháp Hoa tu tập thiền định, thường ở
trong núi tụng kinh, có khi hổ đến quỳ ở
trước, nghe tụng xong đi ngay. Sau đó, mỗi
khi Sư tụng, liền thấy có bốn người theo hầu
hai bên. Tuổi tuy già yếu, nhưng Sư luôn tinh
tấn. Sau Sư bị bệnh nhẹ, liền bảo người hầu
"ta sắp đi, sau khi ta chết nên làm lễ thiêu
thân, các đệ tử y theo lời di chúc của Sư".

*** Thích Pháp Tông:** Người Lâm hải,

1 không biết họ. Lúc nhỏ Sư thích săn bắn,
2 thường làm gươm giáo, bắn trúng nai mang
3 thai, nai mẹ ngậm tên mà vẫn liếm con, Pháp
4 Tông bèn tỉnh ngộ, biết các loài đều tham
5 sống, thương con là có tình thức giống nhau,
6 bèn bỏ cung chày tên, xuất gia tu đạo, thường
7 phân ra giúp đỡ, khát thực ngày ăn một bữa,
8 siêng năng khổ nhọc tu tập ngày sáu thời, để
9 sám hối tội đời trước, tụng kinh Pháp Hoa,
10 Duy-ma thường lên đài tụng ngâm, âm vang
11 xa bốn phương. Các bậc sĩ thứ đến bảm thọ
12 quy giới hơn ba ngàn người, bèn khai thác
13 chỗ ở để làm tinh xá. Do đó đặt tên là đài
14 Pháp Hoa, sau không biết được Sư mất ở đâu.

15

16 * **Thích Phổ Minh:** Họ Trương, người ở
17 Lâm Vĩ, xuất gia lúc nhỏ, bảm tánh điềm
18 đạm, mắt nhìn không quá một bước. Ăn uống
19 đạm bạc mặc áo vải, lấy sám tụng làm sự
20 nghiệp, ba y và giường dây không hề rời
21 thân, nếu muốn nghỉ ngơi, trong khi ngồi lợi
22 dụng ngủ, tụng hai kinh Pháp Hoa và Duy-
23 ma-cật. Đến lúc tụng có y khác, tòa khác,
24 chưa từng lẫn lộn y phục dơ. Mỗi khi tụng

1 đến phẩm Khuyển Phát, liền thấy Đức Phổ
2 Hiền cỡi voi đứng trước mặt. Khi tụng kinh
3 Duy-ma-cật cũng nghe âm nhạc giữa hư
4 không, lại có thần chú hay, những người
5 được cứu chữa đều lành. Có Vương Đạo
6 Chân người trong làng, vợ bệnh mời ngài
7 Phổ Minh vào cửa, người vợ liền chết giấc,
8 bỗng thấy một vật giống như con chồn, dài
9 hơn mấy thước từ hang chó đi ra, do đây mà
10 lành bệnh, ngài Phổ Minh thường đi bên
11 miếu nước, thấy cúng tự bảo rằng: Thần thấy
12 họ đều bỏ chạy, sau bị bệnh, ngồi ngay đốt
13 hương, bất giác qua đời, lúc đó vào khoảng
14 niên hiệu Hiếu Kiến đời Tống, thọ tám mươi
15 năm tuổi.

16

17 * **Thích Tuệ Quả:** Người Dự châu, còn
18 nhỏ ăn uống đậm bạc, cực khổ nuôi thân. Đầu
19 đời Tống Sư đến Kinh đô, trụ chùa Ngõa
20 cung. Tụng kinh Pháp Hoa, Thập địa, Sư ở
21 trước nhà xí, thấy một con quỉ rất cung kính,
22 ngài Tuệ Quả nói rằng: Xưa vì chúng tăng
23 mà Duy-ma, còn nhỏ làm không đúng pháp,
24 đọa làm quỉ ăn phân trong nhà xí, Pháp sư

1 đức hạnh cao minh, lại thành ý, xin tìm
2 phương tiện cứu giúp. Quỷ lại nói rằng: Xưa
3 có ba ngàn đồng tiền, chôn dưới gốc cây
4 bông, xin lấy làm phước. Ngài Tuệ Quả bảo
5 chúng tăng đào lên quả thật có ba ngàn đồng
6 tiền, lấy in cho ông một bộ Pháp Hoa và lập
7 trung hội. Sau năm mộng thấy quỷ này nói
8 rằng, đã được đời tốt hơn ngày trước.
9 Ngài Tuệ Quả qua đời vào niên hiệu Đại
10 Thủy năm thứ sáu đời Tống, thọ bảy mươi
11 sáu tuổi.

12
13 * **Thích Đạo Thọ:** Không rõ người xứ
14 nào, bẩm tánh Sư hào nhĩ diêm tĩnh, được
15 khen là hiếu kính, thọ năm giới không hề
16 phạm. Vào niên hiệu Nguyên Gia, Sư để tang
17 cha, do đó bị bệnh, bản thân không có đau
18 khổ nào bằng, chỉ còn bộ xương gầy yếu, trải
19 qua năm tháng, chữa trị nhiều cách không
20 lành, nguyện lành bệnh xuất gia. Sau khi lập
21 nguyện, dần dần được bình phục, đúng như
22 nguyện xuất gia ở chùa Kỳ hoàn, tinh tấn
23 vượt bậc, tụng kinh Pháp Hoa cả ba ngàn
24 biến, thường thấy diêm lành, ánh sáng. Đêm

1 mừng bảy, tháng chín niên hiệu Nguyên Gia
2 năm thứ mười sáu, Sư thấy lọng báu giữa hư
3 không, rũ che trên Sư, sau không biết Sư mất
4 ở đâu.

5
6 * **Thích Tăng Dục:** Người ở xứ Dư hàng
7 thuộc Ngô hưng, còn nhỏ đã tín tâm ngộ đạo,
8 sớm có tiết tháo vượt trần. Mới xuất gia, ở Lô
9 Sơn, theo ngài Tuệ Viễn tu học, siêng năng
10 tu khổ hạnh, thấy người đồng môn sư thường
11 tụng một bộ Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nghĩa
12 Hy năm thứ mười ba đời Tấn, Sư cùng các
13 bạn đồng chí đến Cối Kê, thường đi thăm núi
14 sông, đến nước Tần nhìn về Tây bắc, thấy
15 năm ngọn núi liền nhau, có hình dạng núi
16 Kỳ-xà-quật, bèn kết cỏ thành am, đặt tên là
17 tinh xá Pháp Hoa. Ăn uống đạm bạc, hơn ba
18 mươi năm. Qua đời vào niên hiệu Nguyên
19 Gia năm thứ hai mươi bảy đời Tống, thọ bảy
20 mươi tuổi.

21
22 * **Thích Tuệ Tấn:** Họ Diêu, người ở xứ
23 Ngô Hưng, còn nhỏ đã hùng mạnh, bản tánh
24 thích dao du hiệp sĩ. Năm mười ba tuổi bỗng

1 nhiên tâm ngộ tự khai mở, Sư bèn xuất gia
2 tại chùa Cao tòa ở Kinh đô, ăn uống đạm bạc,
3 phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa, dụng tâm
4 siêng năng khổ nhọc. Một hôm, cầm quyển
5 kinh liền phát bệnh, Sư bèn phát nguyện,
6 nguyện viết một trăm bộ Pháp Hoa, để sám
7 hối nghiệp chướng đời trước, Sư chưa góp
8 được một ngàn sáu trăm tiền, lúc bảy giờ có
9 giặc cướp đến, hỏi ngài Tuệ Tấn: Có tài vật
10 gì không? Sư đáp: Chỉ có tiền in kinh ở chỗ
11 Phật, bọn giặc nghe Sư nói then thùng mà đi,
12 thế là Sư nhóm họp tín thí, đem tiền in chép
13 thành kinh, đủ một trăm bộ. Sau khi thành
14 kinh rồi, bệnh cũng bớt dần, nhân đó tụng
15 một bộ kinh Pháp Hoa, ý nguyện đã mãn, Sư
16 càng dốc sức bền chắc, thường khác với các
17 phước nghiệp, nguyện sinh về cõi An Dưỡng
18 (bỗng chốc giữa hư không có tiếng rằng
19 "nguyện ông đã đầy đủ, quyết được sinh về
20 Tây phương").

21 Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba đời
22 Tề, Sư không bệnh mà qua đời, thọ tám mươi
23 lăm tuổi.

24 Chùa Long Hoa ở Kinh đô, lại có Thích

1 Tăng Niệm, Sư thường tụng kinh Pháp Hoa,
2 ở ẩn trong thế tục ăn uống đạm bạc.

3
4 * **Thích Hoằng Minh:** Họ Doanh, người
5 ở Sơn âm thuộc Côi kê. Xuất gia lúc nhỏ, cố
6 gắng giữ tiết tháo, trụ chùa Vân môn ở Sơn
7 lâm, tụng kinh Pháp Hoa, tu tập thiền định,
8 tinh tấn lễ sám, sáu thời không nghỉ. Thường
9 mỗi sáng thì bình nước tự đầy, chứng thật là
10 các vị đồng tử cõi trời cung cấp cho Sư.

11 Ngài Hoằng Minh thường ngồi thiền ở
12 Vân môn, hỏ vào trong nhà, ngài Hoằng
13 Minh nép phục ở trước giường, thấy ngài
14 Hoằng Minh đoan nhiên bất động, nó nằm
15 giây lâu rồi mới đi. Lại có một lúc, thấy một
16 đứa trẻ, đến nghe Hoằng Minh tụng kinh, Sư
17 hỏi "ngươi ở đâu".

18 Đứa trẻ thưa: Lúc xưa làm Sa-di ở chùa
19 này, ăn trộm thức ăn, nay đọa vào nhà xí,
20 nghe đạo nghiệp của Thượng nhân, nên đến
21 nghe tụng, xin lập phương tiện để trách khỏi
22 lụy. Sư liền nói pháp khuyến hóa, hiểu biết
23 lãnh ngộ. Sau Sư nhập định tại núi Thạch Lão
24 ở Vĩnh hưng. Lại có Sơn tinh đến khuấy

1 nhiều Sư, Sư bắt được, dùng dây trói, quở lay
2 tạ cầu tha tội, nói không dám đến nữa, Sư bèn
3 thả, bèn đi mất tích.

4 Trong niên hiệu Nguyên Gia có Quận thú
5 Bình Xương là Mạnh Khải, quý trọng khí tiết
6 của Sư, muốn Sư ra Tân an, ở tinh xá Đạo
7 Thọ. Sau đến Giang tề thuộc Tế dương, ở ấp
8 Vĩnh Hưng lập chùa Chiêu huyền, lại mời Sư
9 đến ở. Cuối đời Đại Minh, có Đào Lý Đồng
10 Thị lại lập chùa ở thôn Bá lâm để Sư ở, muốn
11 Sư ở lại, dạy bảo thiên giới, môn đồ sắp thành
12 hàng.

13 Và niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tư đời
14 Tề. Sư qua đời tại chùa Bà lâm, tuổi thọ tám
15 mươi tư.

16
17 * **Thích Tuệ Dur:** Người ở Huỳnh Long,
18 đến Dương châu, trụ chùa Linh Căn, lúc nhỏ
19 rất ham học, tham học khắp các thầy, giỏi về
20 bàn luận, mỗi khi nghe bình luận nhân vật,
21 liền bịt tai không nghe. Hoặc có khi dùng lời
22 lạ hỏi ngăn, tiêu chuẩn y bát, ngày dùng một
23 bữa nuôi thân, siêng năng tiết độ, lấy cứu khổ
24 làm trước. Tụng kinh Pháp Hoa, lại tu tập

1 thiền định, Sư tinh chuyên ngũ môn (Tổng
 2 chương Phật thể môn, khai trì huệ môn, hiển
 3 bất tư nghi môn, chư pháp chánh tánh môn,
 4 liễu vô dị tự tánh vô ngại giải thoát môn).
 5 Thấy có ba người đến gõ cửa đều y mao sạch
 6 sẽ, tay cầm lọng hoa. Tuệ Dự hỏi: "tìm ai".
 7 Đáp rằng: Pháp sư sẽ chết, nên đến đón rước.
 8 Tuệ Dự nói: Còn chút việc chưa xong, có thể
 9 kéo dài thêm một năm được không? Ba
 10 người nói: "được?". Sang năm tròn một năm
 11 Sư qua đời, năm ấy là niên hiệu Vĩnh Minh
 12 năm thứ bảy đời Tề, Sư thọ năm mươi bảy
 13 tuổi.

14

15 * **Thích Siêu Biện:** Họ Trương, người
 16 Đôn Hoàng, còn nhỏ mà thần thái tỉnh ngộ tự
 17 phát, tiết tháo thâm trầm. Sư thường tụng
 18 kinh Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã. Sau trở
 19 lại Kinh đô, trụ chùa Định lâm thượng ở nơi
 20 vắng vẻ dày công tu dưỡng trọn đời. Ngài ở
 21 chùa tụng kinh Pháp Hoa, quy định ngày một
 22 biến, tâm nghe miệng họa theo. Ngoài ra, Sư
 23 còn lay ngàn Đức Phật, tính hơn một trăm
 24 năm mươi muôn lay. Chân không ra khỏi

1 cửa, hơn ba mươi năm. Vào niên hiệu Vĩnh
 2 Minh năm thứ mười đời Tề, Sư qua đời trụ
 3 chùa núi, thọ bảy mươi ba tuổi, mai táng ở
 4 phía Nam chùa. Sa-môn Tăng Hựu, làm bia
 5 mộ thờ Sư, Lưu Tiệp ở Đông quản soạn văn.

6
 7 * **Thích Pháp Tuệ:** Sư họ Hạ Hầu mà có
 8 chí tinh tấn, hành luật rất nghiêm. Cuối Tống
 9 Đại Minh, Sư đến phía đông Vũ Huyệt. Ẩn
 10 cư trụ chùa núi Thiên Trụ, một ngày tụng một
 11 bộ Pháp Hoa, Sư ăn uống đạm bạc, mặc y
 12 phục vải thô. Chí Sư khinh xuất người ngoài,
 13 ở trên gác không xuống, hơn ba mươi năm,
 14 Vương Hầu dừng xe lễ bái ở phòng rồi trở về.
 15 Chỉ có ông Ngung ở Nam Chu, do tin hiểu
 16 rất sâu, đặc biệt khế hợp với sư. Bảy giờ, có
 17 người mến mộ đều trông mong lễ bái. Hoặc
 18 nhân ông Ngung đề ý, lúc bảy giờ có một
 19 người thấy vào niên hiệu Khiển Võ năm thứ
 20 hai đời Tề, Sư qua đời tại chùa núi, thọ tám
 21 mươi lăm tuổi.

22
 23 * **Thanh tín nữ:** Họ Phí, người ở Ninh
 24 thực, thanh tín nữ Phí Duyệt Thứ Sử Ninh

1 Châu đời Tống, tín nữ là vợ La Dữ. Còn nhỏ
2 mà lòng kính tin, tụng kinh Pháp Hoa mấy
3 năm, rất siêng năng không mỗi mệ. Sau
4 bỗng bị bệnh, găng sức đau đớn, cả môn đồ
5 hoảng sợ, dặn dò mọi người. Họ Phí tâm
6 nghĩ. Ta siêng năng khổ nhọc tụng kinh, phải
7 có sự phù hộ, để không như thế, đưa đến cái
8 chết, rồi nằm ngủ, ăn xong, như ngủ như
9 mộng, thấy Phật trong cửa sổ trao tay, dùng
10 tay xoa tim người, bệnh liền thuyên giảm,
11 nam nữ tới tở trong nhà, đều thấy ánh sáng
12 vàng, cũng ngửi thấy mùi thơm lạ. La Dữ
13 theo em, từ Vương Diễm ngoại tộc từng là
14 phu nhân của Phi Âm Tổ Thượng thư Trung
15 bình lang. Sau đó bớt bệnh trước giường,
16 cũng đủ nghe thấy, phát khởi đại tâm tin ngộ,
17 chí thành đến trọn đời, thường đem diễm lành
18 này khuyến hóa con cháu.

19
20 * **Sư Thích:** Mất tên họ Sư, Sư trụ chùa
21 Đông quận đời Tần. Có một Sa-di, tụng kinh
22 Pháp Hoa rất lanh lợi. Chỉ đến phẩm Dược
23 Thảo dụ, bỏ sót hai chữ ái Đãi, như vậy đến
24 cả ngàn lần. Sư quả trách rằng: Ông tụng một

1 bộ kinh, thuộc lâu như thế, há không để ý nhớ
2 hai chữ ấy sao? Những tối đó Sư nằm mộng
3 thấy một vị tăng, bảo rằng: "Ông không nên
4 trách vị Sa-di này, Sa-di đó đời trước ở chùa
5 bên thôn phía đông, làm Ưu-bà-di, vốn tụng
6 được một bộ kinh Pháp Hoa, nhưng khi tụng
7 kinh Pháp Hoa ấy, đương lúc đến phẩm Dược
8 Thảo Dụ, có con cá trắng ăn mất hai chữ "ái
9 đãi", lúc đó kinh không có hai chữ này, vì
10 việc ấy đến đời nay mới được thọ thân, mà
11 tập khí chưa thành. Sư tên Mỗ ấy, kinh cũng
12 thấy còn, có lẽ người không tin, nên đến xem
13 xét. Sư sáng hôm sau đến thôn ấy, hỏi thăm
14 nhà này, nói xong hỏi người chủ rằng: "có
15 chỗ cúng dường chăng?" Người chủ đáp
16 rằng: "có". Sư hỏi: "nơi đó có kinh sách
17 không?". Người chủ đáp: "có một bộ kinh
18 Pháp Hoa". Sư lấy xem, thì phẩm Dược Thảo
19 dụ quả thật thiếu hai chữ. Sư lại hỏi: "người
20 con lớn không có vợ, ở đời trì kinh Pháp Hoa,
21 tính năm Sư chết đến nay đã được mười bảy
22 năm. Quả thật năm giờ tháng thai giống với
23 Sa-di đây. Từ đó về sau lần lần biến đổi theo
24 năm tháng, mới được thuần thực, nhưng

1 không biết nơi Sư qua đời.

2
3 * *Sư Thích Tịnh Kiến*: Không biết Sư
4 người ở xứ nào, Sư xuất gia lúc nhỏ. Phần
5 nhiều là ở Sùng cao và núi Long môn. Sư
6 tụng kinh Pháp Hoa đến mười ba ngàn biến,
7 trong tâm chuyên tu diệu quán, thâm nhập
8 pháp thiền, đã tụng trì lâu ngày, sức khỏe mỗi
9 mệt. Hơn hai mươi năm sau, bỗng nghe phía
10 Bắc của chỗ ở, có các trẻ nhỏ, nói chuyện ồn
11 ào làm Sư bức bội. Sư cảm thấy phiền muộn,
12 cũng không biết các đứa trẻ từ đâu đến. Bấy
13 giờ, có một ông già tóc bạc, mặc áo trắng,
14 thường đến thăm hỏi rằng: "bốn đại của
15 Thiền sư thế nào?". Sư đáp: "dần dần cảm
16 thấy mỗi mệt, lại không biết ở chỗ nào, có rất
17 nhiều đứa trẻ, hàng ngày làm bức bội, lại
18 không thể chịu được". Ông già nói, Sư đến
19 ngồi chỗ bọn nó cười giỡn, đợi chúng cởi áo
20 xuống nước tắm gội, thì Sư ẵm một đứa trẻ
21 lại chỗ áo. Nếu nó đến lấy, thì cẩn thận đừng
22 cho. Nếu nó mắng Sư, Sư dè dặt chờ đáp lại.
23 Đệ tử tự đến nói chuyện, Sư thấy chúng liền
24 đi theo, Lão Tông nói chuyện, đến đợi chúng.

1 Các trẻ nhỏ, quả nhiên chúng cởi áo xuống
 2 ao tắm gội, Sư bèn ẵm được một đứa trẻ lại
 3 phòng đề y phục, đứa trẻ tìm rồi xin y phục
 4 lại. Sư nhớ lời Lão Tông dặn, nhứt quyết
 5 không cho lấy lại y phục, đứa trẻ liền nói lời
 6 ác, hủy báng Thiền sư, nói đến Tổ tông, sư
 7 cũng không đáp lại. Lão Tông tóc bạc tìm
 8 đến bảo đứa trẻ rằng: Người hãy vào trong
 9 bụng Sư, đứa trẻ mới đầu không chịu nghe
 10 theo, Lão Tông ép đuổi mấy lần, mới chịu
 11 vào trong bụng Sư, nó ẩn trong bụng. Lão
 12 Tông hỏi Sư: "Bốn đại của Sư như thế nào?"
 13 Sư nói: Khí lực tốt hơn trước. Lão Tông sắp
 14 đi, nói: "từ nay về sau, thể lực ông khỏe mạnh
 15 hơn, thiền tụng gấp mấy lần". Có người hiểu
 16 biết nói đương lúc đó là Bồ-tát Phổ Hiền,
 17 thần núi sai các loại có thuốc, biến thành trẻ
 18 nhỏ, sai nó ở trong bụng Sư, trừ hết tật bệnh,
 19 Sư thanh tịnh, tức Sư dạy trao pháp thiền cho
 20 Thiền sư Mạc. Sau không biết nơi Sư qua
 21 đời.

22

23 * **Thích Bạt Trừng:** Sư xuất gia lúc nhỏ,
 24 tinh thần ám độn, mà ăn chay trường đạm

1 bạc. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư phát tâm thọ
2 giới cụ túc, tụng kinh Pháp Hoa, nguyện sinh
3 về Tây phương, ngày tụng một hàng hoặc
4 nửa bài kệ, hoặc đều không tụng được. Năm
5 tám mươi tuổi sư mới thông suốt. Sau nhân
6 lúc ngủ nghỉ, nằm mộng thấy một người võ
7 quan mặc áo châu, tay cầm sớ thỉnh, khai thị
8 cho Bạt Trùng rằng: "Thiên Chủ Đế-thích,
9 sai đến kính thỉnh". Sư Bạt Trùng đáp: "Bần
10 đạo nguyện sinh về Tây phương, vả lại trời
11 Đao-lợi, tuy là nơi cao quý, nhưng không
12 xứng với sở nguyện của bần đạo. Người mặc
13 áo châu liền đi ngay, khi thức dậy, Sư gọi các
14 đệ tử, kể hết việc mộng ấy.

15 Ngày mai lại nằm mộng thấy ngôi tháp
16 bảy tầng, sư Bạt Trùng ở trên tầng thứ năm,
17 nhìn về Tây phương, thấy dây báu làm thêm
18 đường, không có bờ mé, có hai thần Kim
19 Cương cầm chày đứng ở hai bên. Có mấy
20 đồng tử áo xanh, cầm phất màu trắng, quét
21 dọn thêm đường này. Sư hỏi Đồng tử: "đây
22 là chỗ nào?". Đồng Tử đáp: "đây là dây báu
23 thêm đường của Tây phương, đến đón rước
24 Pháp sư Bạt Trùng. Pháp sư thức dậy, kể lại

việc này, bảo các đệ tử rằng: Các người đổi lấy ba y sáu vật của ta, cúng một bữa trai tăng. Các đệ tử y theo lời mua sắm, trước khi trai tăng hỏi đại chúng: "có thấy ngàn Đức Phật đến hay chẳng?" Đại chúng bảo "không thấy", Sư lại hỏi "có nghe mùi thơm rất lạ chẳng? Đại chúng nói: "nghe". Thọ trai xong, tắm gội cạo tóc, ngồi ngay chánh niệm rồi vắng sanh.

Vào thời Hậu Ngụy, Thái tử đảm nhiệm chức vụ Trung Thứ tử ngự sử Trung Thừa, người họ Ngô, là Trưởng sử Vương Nghĩa Chân Hạnh quán Đại đô đốc Hàm Dương Tổng Võ. Sau ẩn luôn cả hiển hách, do đó tức là Sĩ Ngụy, ông có tài điều khắc và khéo nói đùa, mà tánh ưa thích vắng lặng yên tịnh, thường lấy Phật pháp làm ý chỉ, thường tụng các kinh, khen ngợi chân lý nhiệm mầu. Ông chuyên tinh đến cuối đời, chữ kinh phát ra ánh sáng, tụng kinh Pháp Hoa, đồng cảm được xá lợi.

*** Thích Tuệ Quán:** Không biết Sư người ở xứ nào, lưu lạc cư trú ở Huyền Tân, nghe

1 Pháp sư Tiên ở chùa Nam Giải giảng, Sư rất
2 tâm đắc. Sau bỗng bị bệnh nặng, đến khi bớt
3 bệnh tự cố gắng tụng kinh Pháp Hoa, dốc
4 lòng sám hối, tinh thành đã thấu suốt, khoát
5 nhiên tiêu thực, do đó lấy kinh Pháp Hoa làm
6 sự nghiệp. Vua Vương Võ mời Sư vào điện
7 Thọ Quang, không được giảng bên ngoài, do
8 đó biết làm ra nghĩa, ý nghĩa lời nói cung
9 thương, lời lẽ bao gồm dồi dào. Thế tử Tiêu
10 Khuyên Ngô Bình, đến Phiên Châu Linh
11 Nam mời sư đến đó, giảng rộng kinh Pháp
12 Hoa, người đạo kẻ tục đến quy y, hằng ngày
13 hiện nhiều điềm lành, sau không biết Sư qua
14 đời ở đâu.

15

16 * **Vương Yêm:** Tự Công Viễn, người ở
17 Lâm Tổ thuộc Lang Da, Tổ Phổ là Thượng
18 thư Tả Nghiệp Tả, cha họ Lâm, làm chức Tư
19 đồ Tư Trưởng Sử. Trưởng Công Chủ đã sinh
20 ra ông, ông làm quan đến chức Huỳnh môn
21 Lang Tân An Thái thú, ông chuyên tâm với
22 Phật đạo, sớm chiều không biếng nhác, trì
23 tụng kinh Pháp Hoa nhiều năm. Đệ Cố thứ
24 tám của ông, cũng ăn chay, tụng kinh Pháp

1 Hoa. Vương yêm chết, báo mộng cho ông Đệ
2 Cổ rằng: "Ta được sinh về Tây phương, cõi
3 nước Vô Lượng Thọ, thai sinh ở trong hoa
4 sen cánh bằng sắt, hết năm trăm năm mới
5 được ra khỏi thai thấy Phật. Vì tụng kinh
6 Pháp Hoa siêng năng nên được sinh về Tây
7 phương. Nhưng do ngu si đa nghi, nên chịu
8 thai sinh này, thế rồi từ biệt. Báo ứng trên ông
9 nên biết, tụng kinh chớ biếng nhác.

10
11 * **Thích Tăng Thiên:** Người ở Cối kê, lúc
12 nhỏ học rộng, phần nhiều được thông suốt,
13 thường ngày giảng nói, trước tác các kinh sớ,
14 nghĩa lý rất tinh sâu. Tụng kinh Pháp Hoa
15 hơn năm mươi năm. Vào ngày 27 tháng 09
16 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tư vua Lương
17 Minh, gần sáng Sư nằm mộng thấy Bồ-tát
18 Phổ Hiền cười voi trắng, từ phương Đông
19 đến, tay cầm vật trắng chỉ trên đánh Sư, lúc
20 đó Sư biết là ngài Phổ Hiền, trong tâm rất
21 vui, chỉ có miệng xưng Nam-mô Phổ Hiền
22 Bồ-tát, Sư chưa kịp thi lễ, liền thức giấc. Sau
23 không biết Sư qua đời ở đâu.

1 * **Thích Thông Tử:** Không biết Sư người
2 ở đâu, xuất gia lúc nhỏ, trụ chùa Tề Ninh.
3 Vốn thân thiết với Pháp sư Nhẫn ở chùa Kiến
4 Sơ, nghe nghĩa linh diệu rất có ý tứ, Sư tụng
5 một bộ kinh Pháp Hoa, không chấp hạnh nhỏ.
6 Ở Kinh đô bị bệnh dịch, Sư bị bệnh và qua
7 đời. Sư Nhẫn đến thăm, bảo rằng: "nơi thọ
8 sinh xin ông báo cho biết". Sư Thông Tử nói:
9 "Từ trước đến nay thường than thở việc này,
10 nay nhân thiện ác, quyết phải báo cho ông".
11 Được hai năm sau, không rõ được báo ứng.
12 Đến niên hiệu Triều Chánh năm thứ ba, sư
13 Nhẫn đến nhà nọ, thì người nhà đều vào núi
14 hết. Sư Nhẫn ở nhà giữ phòng, trong lúc sư
15 Nhẫn dựa bàn, trong đó lò mờ thấy ông
16 Thông đến, nói rằng: Lúc sắp qua đời có để
17 lại bài văn, đã lâu rồi muốn báo cho ông,
18 nhưng sự duyên không khai mở được, nên
19 nay mới biết rõ, nay tôi làm quan nhỏ ở Thái
20 sơn, cũng không khổ lắm. Sư Nhẫn nói: Lúc
21 bình thường ông tụng kinh nghe giảng, là
22 người có đức hạnh, tại sao mắc quả báo này.
23 Thông Tử đáp: do tôi làm biếng nên mắc quả
24 báo này, nếu không như vậy, thì đâu có mắc

1 quả báo như ngày nay, nói xong rồi đi. Sư
2 Nhân do đó càng cố gắng tinh tấn, nhiều hơn
3 ngày thường.

4
5 * **Thích Tuệ Độ:** Sư người ở Ngô Hưng,
6 theo học với luật sư Biện ở chùa Phụng
7 Thành, có Sư giỏi về luật, tinh thông nghĩa
8 lớn ăn chay trường đạm bạc. Sư thường tụng
9 kinh Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã. Bỗng
10 nhiên bệnh nặng qua đời, năm ngày sau sống
11 lại, Sư tự nói là thấy vua Diêm-la mặc trang
12 phục áo mũ quan, như vua ngày nay, cũng có
13 thị vệ như vậy. Lúc đầu dáng mạo ôn hòa nhã
14 nhặn, cũng phán việc người tội, lại rất tức
15 giận, râu mặt chuyển động khác thường, hỏi
16 xét, có những nghiệp gì? Tôi đáp: Tụng kinh
17 Pháp Hoa. Vua nhún vai rồi búng ngón tay,
18 hỏi tiếp: Tụng thêm kinh gì? Tôi đáp: Tụng
19 Kim Cương Bát- nhã. Vua càng thêm sợ hãi
20 cung kính, mời tôi ra giường vàng, và cho
21 ngồi. Vua thỉnh tôi tụng xong một biến nói:
22 Công đức này không thể nghĩ bàn, Pháp sư
23 chưa hết tuổi thọ, cũng nhờ thần lực của kinh
24 thọ trì, còn kéo dài thêm hai niên kỷ. Sau quả

1 nhiên được hai mươi bốn năm. Sư mất vào
2 niên hiệu Nguyên Gia vua Văn Đế đời Trần,
3 thọ hơn bảy mươi tuổi.

4
5 * **Thích Tăng Hoan:** Không rõ Sư họ gì,
6 Sư xuất gia tại chùa Trị Thành ở Kim lăng.
7 Sư bị bệnh, kém sức khỏe, cho đến dốc lòng
8 sám hối ở dưới tháp, thỉnh cầu tha thiết, tụng
9 kinh Pháp Hoa không ngừng. Thời gian lúc
10 nhỏ sức khỏe đầy đủ. Trước tháp của chùa có
11 hai sư tử bằng đá, thân hình rất lớn nặng, sư
12 Tăng Hoan bỗng nhiên dùng hai cánh tay,
13 mỗi cánh tay xuyên dưới bụng sư tử, đỡ lên
14 vai rồi đi, đi khoảng mười dặm, mà không
15 biết mỏi mệt. Lương Cao Tổ nghe việc đó mà
16 kinh hãi. Vua bèn ra lệnh cho Sư hoàn tục,
17 sai đi chinh phạt phía Bắc mà qua đời.

18
19 * **Thích Tăng Định:** Không biết Sư
20 người ở đâu, Sư tu tại chùa thiên Chúng ở
21 Giang dương, mỗi ngày tụng một bộ kinh
22 Pháp Hoa, tiếng và âm vận rất hay, Sư không
23 cẩn thận đối với tiết tháo, lưu lạc buông lung
24 theo trần tục, nhưng Sư thường cảm được các

1 đồng tử cõi trời, cung cấp hầu hạ, có khi nằm
2 say sưa, pháp y lìa thân, rồi tự nhiên xếp gập
3 lại, được đem để ngay ngắn, thay y phục dơ,
4 chưa rửa giặt giũ, thì mặc lại. Lâu ngày có
5 mùi hương tinh khiết, hoặc bình nước tự đầy,
6 hoặc đất thường được quét sạch. Sư say sưa
7 miệng hay khạc nhổ, khi tỉnh rượu thấy đồng
8 tử cõi trời đứng trước mặt, khắp thân Sư dính
9 chất khạc nhổ, tự Sư hạ mình xét lại, noi theo
10 giới luật tu hành, sau không biết Sư qua đời
11 ở đâu.

12
13 * **Thích Trí Đăng:** Không biết người ở
14 xứ nào, còn nhỏ đã có tâm đạo đức. Sư ở đạo
15 tràng Đại lâm núi Khuông, tụng kinh Pháp
16 Hoa, trong ba năm sớm tối không dừng, về
17 sau quán tưởng, bỗng thấy giữa hư không có
18 điện bạc, ở ngay trên đầu Sư. Như vậy trải
19 qua ba năm, điện bạc càng gần, đến trên đánh
20 Sư, như vậy trải qua thời gian lâu, thì thấy
21 điện bạc bèn biến thành điện vàng, lần lần
22 gần sát, rồi vào trong phòng, mở mắt nhắm
23 mắt thường ở trước giường. Qua hồi lâu sư
24 thử niệm khinh thân vào trong điện, lại thấy

1 mình ngồi ở điện, rất vui thích thoả mái, rồi
2 khởi ý muốn đứng dậy đi ra, liền trở lại
3 giường của mình. Trải qua thử nghiệm như
4 vậy mấy mươi lần, càng dốc lòng tin. Sư đã
5 tu hành nhiều năm, các nơi xa gần khen ngợi
6 truyền nhau, mọi người đến cầu thọ quy giới,
7 người khâm phục ngày càng đông. Nhưng Sư
8 chỉ ưa thích nơi vắng vẻ, nhàm chán không
9 khí ồn ào, Sư cầu thỉnh khắp nơi, nhưng
10 không ai có thể hướng dẫn được. Sau nhân
11 lúc vua Phổ An, từ Ung Châu trở về Dương
12 Tô, nhiều ngày những người dốc lòng tin cầu
13 thỉnh quan tước cùng nhau hướng về đạo.
14 Vua nói: Nếu Pháp sư không nén lòng xét lại,
15 đệ tử sẽ đứng mãi, suốt ngày cũng không ăn
16 ngủ. Vua tha thiết cầu thỉnh, người đạo kẻ tục
17 áp Quách đều hết lòng khẩn thiết muốn Sư ở
18 lại. Thế là Sư thuận theo tâm chúng sinh. Từ
19 đó về sau những người trong áp Quách tin
20 theo, cùng vua đến gặp Sư, vua lập tức trình
21 đúng cách lễ của một người đệ tử. Kế đó
22 những người đạo tục trong áp Quách, cần bàn
23 thọ giới. Sư nói: Ban ngày nói chuyện ồn ào,
24 phần nhiều tâm bị tán loạn, hãy để ban đêm,

1 do đó mọi người hết lòng mong đợi, đến tối
2 nhóm ở trong chùa. Sư đi ra ngồi trước sân
3 tối, không cho thắp đèn, đại chúng đã nhóm
4 họp, chấp tay nhất tâm. Sư liền nói giỏi tướng
5 cho đến thọ giới quy y chánh pháp, thì từ
6 giọng nói phát ra ánh sáng, soi khắp đại
7 chúng. Đại chúng thấy ánh sáng, vui buồn lẫn
8 lộn, tranh nhau lễ bái, âm thanh ồn náo không
9 thể thọ giới được. Sư im lặng không nói, ánh
10 sáng không phát ra nữa. Bản thân muốn thọ
11 giới Bồ-tát, không kỳ hạn lễ ánh sáng. Nay
12 thấy ánh sáng này tranh nhau lễ, mà phế bỏ
13 thọ giới hay sao? Trong giới bốn nói: ánh
14 sáng của giới từ miệng phát ra, đây là chứng
15 minh cho giới tướng, chẳng phải là thật thể
16 của giới. Sư bắt đầu muốn trao giới lại, thì
17 đại chúng lại đứng dậy lễ bái ồn ào lộn xộn,
18 lại nói giới tiếp không được. Sư ngăn lại, dạy
19 phải yên lặng lắng nghe. Nhưng càng ồn ào
20 hơn, qua đêm suốt sáng, người trong thành
21 thị truyền nhau rồi đến xem nên không thọ
22 giới được. Ngày mai Sư liền trở về núi, lại
23 thấy điện vàng, do đó bèn đến các bạn đồng
24 hành, nói lại những việc Sư đã thấy. Sư lên

1 điện rồi không trở ra nữa, mấy ngày sau thì
2 qua đời.

3
4 * **Thích Chánh Tắc:** Không rõ Sư thuộc
5 xứ nào, vì đời trước có gieo trồng nhân tốt,
6 nên sớm có lòng tin ngộ. Sau khi đi tu, Sư
7 thường tụng kinh Pháp Hoa, Sư thường cùng
8 với Pháp sư Tổ chùa Trại Thành đồng ở một
9 mùa hạ. Pháp sư Tổ lúc đương giảng kinh
10 Pháp Hoa, ban đêm phải xem kinh mà đèn bị
11 tắt, muốn ra ngoài lấy lửa, nghe Sư Chánh
12 Tắc tụng kinh Pháp Hoa, âm vận rất lớn, Sư
13 Tổ hỏi có ý hiềm nghi, Sư muốn qua nói với
14 Sư Chánh Tắc, Sư mở cửa vén rèm định đi
15 ra, bèn thấy người và ngựa đứng đầy chùa,
16 họ mặc giáp cầm giáo, hoặc ngồi hoặc đứng,
17 đến phòng Chánh Tắc xem. Pháp sư Tổ bèn
18 không dám ra lại, phải trở về chỗ cũ. Trong
19 chốc lát tiếng tụng kinh ngừng, Pháp sư Tổ
20 lại vén rèm nhìn vẫn thấy vẫn người và ngựa,
21 đứng giữa hư không, nên suy ra mà biết đây
22 là thiên thần đến nghe. Hôm sau Pháp sư Tổ
23 đến hỏi. Sư Chánh Tắc nói: Đêm qua tôi tụng
24 kinh, bất giác âm thanh lớn, chỉ làm cho vui

1 thích. Pháp sư Tổ về sau thường khen ngợi
2 người tán tụng, người nghe càng thêm dốc
3 lòng tin.

4
5 * **Dữu sẵn:** Tự là Ngạn Bảo, người ở Tản
6 đà, Tổ tiên ông là đại phu nhà Chu. Sau đời
7 sau Tổ Hãm, là Tán Kỵ Thường Thị Toại
8 Xương Huyện Hầu đời Tấn. Tổ Toản Chi, tự
9 Đạo Lập, là An Tây tham Quân. Thúc Phụ tự
10 Đạo Mậu là Thừa tướng tham Quân. Dữu Sẵn
11 lúc nhỏ siêng học võ nghệ, lớn lên tinh thông
12 thuần thục. Ông giỏi về kinh sử bói toán, cơ
13 bản của sách tính toán tài tình, họa vẽ khéo
14 léo, chẳng có điều gì không thông suốt, rất ưa
15 thích suôi đá, trí nhớ thứ lớp không quên, nhà
16 ông có mười mẫu ruộng, núi ao cả phân nửa,
17 đệ tử ở các thành, phần nhiều là Thái ấp, đã
18 thường thi đậu, đều là do đây, không lo lắng
19 sản nghiệp, y thực thô sơ đạm bạc. Ông
20 thường gặp lửa, dừng lại đưa ra mấy sọt sách,
21 lại ngồi trên ao, vì có người đem lửa đến hỏi:
22 Ông đáp: "chỉ sợ đốt cây trúc". Ông từ ruộng
23 lầy trở về nhà, chở năm trăm hộc gạo, có
24 người gởi chở ba mươi hộc, đã đến Hàng

1 châu. Người ấy nói: Ông có ba mươi học, tôi
2 có một trăm năm mươi học. Ông Sần im lặng
3 hồi lâu, đều không noi một lời, theo chỗ để
4 gạo đó mà lấy, ông cũng không nói. Có người
5 nghi là người ở gần khéo về trộm. Ông Sần
6 bèn y cứ theo đó mà hạch tội, mọi việc đều
7 được khâm phục. Ông thương xót, dùng sách
8 viết gán nợ hai mươi muôn tiền, cho học trò
9 giả làm kẻ trộm, những người thân thích đến
10 xin đền bù thế, người bị tội kia được thả, rất
11 cảm ơn ông. Ông nói: Ta thương người trong
12 thiên hạ vô tội, vốn không mong ông báo đáp
13 cảm ơn. Bình thường hằng ngày chẳng có nơi
14 nào không đi đạo như Liễu Uẩn Hà đông,
15 Vương tú Lang da, Tiêu dinh Tào Lang lẳng,
16 và Tương khâm thượng muốn kết giao với
17 họ. Ông Sần không để ý, thờ dài với gió mây,
18 ông nghiên cứu then chốt có không, từ đó cho
19 mình tự đầy đủ, đi qua nước Lương, nước
20 Phổ hết mười năm. Vua phía Đông sông
21 Tương ở nước Phiên, thọ ký cho Tham Quân
22 cái thất. Trong nhà lập đạo tràng, đi lễ sám
23 chung quanh, ngày đêm sáu thời không nghỉ,
24 tụng kinh Pháp Hoa, ngày đêm một quyển.

Hơn ba mươi năm sau, trong khoảng mấy
đêm có vị đạo nhân, tự xưng là Nguyễn Công
dung mạo phi phạm, nghe tụng kinh khen
ngợi, gọi ông Săn là Thượng Hành tiên sinh,
vị đạo nhân trao hương cho ông Săn rồi đi.
Vào ngày 11 tháng 03 niên hiệu Đại Thông
năm thứ tư đời Trung Nguyên, trong lúc nằm
bỗng nhiên ông nói: Nguyễn Công lại đến,
ngay lúc đó ông cũng không đau buồn, nhan
sắc không thay đổi, nói xong ông qua đời, thọ
bảy mươi tám tuổi. Sửa vườn nhà thành chùa,
gọi là Thượng Hành. Họ thường cho rằng:
Trong thế kỷ Đế Vương nhờ xem xét lại,
soạn lại lịch sử đế vương hai mươi quyển, kể
là Quách Phác Chu dịch Tân Lâm hai mươi
quyển, Giang Lăng ký một quyển.

*** Thích Bảo Quyết:** Sư là đệ tử của
Trương Hiếu Tú. Sư xuất gia tại chùa
Khuông Sơn. Sư tụng kinh Pháp Hoa, rất
thông suốt, mà không thể thâm nhập được
thân miệng. Vua Thiệu Lăng nước Lương
chê Sư, đến tối vua sai hai người âm thầm
đến giết Sư. Đương lúc sư nằm ngủ trên

1 giường, bỗng nằm mộng thấy có bốn người
2 đến trước giường, lay tay Sư nói: "Vua Thiệu
3 Lăng sai người đến giết Sư, ông làm sao ngủ
4 yên được, do đó Sư kinh hoảng thức giấc,
5 liền đứng dậy đến phía sau mở cửa, biết trước
6 nhà có tiếng người, tâm Sư càng hoảng sợ, ra
7 đến sau phòng, thì có ao nước, vì chưa từng
8 lội xuống, nên không lường được sâu cạn.
9 Trong lúc hoảng hốt, Sư bỗng thấy một chiếc
10 thuyền có hai người chèo sào đợi, Sư bèn
11 xuống thuyền, đến bờ kia rồi, liền thấy vua
12 Thiệu Lăng sai hai người đến đã ở bên ao,
13 nhưng ngại vì dòng nước không qua được,
14 Sư từ đó về sau hết lòng đọc tụng, Sư khéo
15 phân tích khế hợp, mọi người noi theo, người
16 đương thời gọi Sư là Lô Sơn Sát Khế.

17

18 * **Thích Chí Trạng:** Sư ở sơn trang thuộc
19 Tề châu, là đệ tử của cháu Lăng Công. Sư lập
20 hạnh thuần hậu, xét việc ít nói, dùng lòng
21 nhân cứu giúp làm chánh. Sư thường dạo
22 chơi với các cầm thú, các loài thú cũng không
23 làm loạn. Sư trụ chùa Hàm Thảo trong hang
24 sâu núi Nhân đầu. Chùa xây dựng vào thời

1 Cầu-na-bạt-ma đời Tống. Sư đọc tụng Pháp
2 Hoa làm sự nghiệp. Đến ngày sắp qua đời,
3 Sa-môn Bảo Chí tâu vua Lương Võ rằng: Có
4 người ở huyện Sơn Trang phía Bắc, nay ở
5 chùa Hàm Thảo, là bậc thánh tăng chứng quả
6 Tu-đà-hoàn, nay nhập Niết-bàn, người đạo
7 kẻ tục ở Dương đô, nghe Bảo Chí nói việc
8 ấy, mọi người đều từ xa lễ bái Sư nên về việc
9 qua đời của Sư, yên lặng không có nào loạn,
10 Sư an nhiên tắt hơi, hai tay mỗi tay duỗi một
11 ngón. Có vị tăng ở Tây Thiên-trúc, giải thích
12 rằng: Nếu ngài chứng quả thứ hai thì duỗi hai
13 ngón tay, thì suy ra ngài Chí Trạm chứng Sơ
14 quả, an táng Sư ở núi Nhân Đầu, xây tháp thờ
15 Sư bằng đá vôi bùn đất, chim thú không dám
16 làm dơ uế lăng. Nay lăng tháp vẫn còn.

17 Lại có vị tăng ở chùa Ngũ hâu ở Phạm
18 Dương, mất tên Sư. Sư thường tụng kinh
19 Pháp Hoa, lúc Sư mới mất, tần liệm tạm thời,
20 sau an táng nơi khác, hài cốt Sư khô ráo,
21 cuống lưỡi không vừa nát.

22 Ở Ứng châu, có vị tăng cũng tụng kinh
23 Pháp Hoa, Sư ở ẩn trong núi Bạch lộc, Sư
24 cảm hóa một đồng tử thường đến hầu hạ, đến

1 lúc chết an táng thi hài Sư dưới vách núi, hài
2 cốt Sư đều khô mục, nhưng cuống lưỡi còn
3 nguyên.

4 Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ tư đời
5 Lương. Vua Trương Đông, hiệu là Thừa
6 Thánh, sai tăng Biện Vương Đại Úy, chinh
7 phạt Hàu Cảnh, kể là ở Nam Lăng, Tăng Biện
8 sai Bằng Pháp Tuệ đến Giang Bắc đốc quân
9 giúp đỡ, thì Pháp Tuệ chết. Năm ngày sau,
10 Pháp Tuệ sống lại, nói rằng: Tôi đến chỗ vua
11 Diêm-la, thấy dưới bệ có một vị tăng, vua
12 trước hỏi vị tăng rằng: Lúc còn sống ông làm
13 nghề gì? Vị tăng đáp: Tôi tụng kinh Pháp
14 Hoa, vua sai người lấy tòa cao, tòa ấy rất đẹp,
15 vị tăng đó lên tòa, tụng được bốn tờ kinh, vua
16 đứng dậy đến trước tòa, đánh lễ ba lạy, vua
17 sai người đưa vị tăng lên.



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam cốc Tuệ Trường soạn.

QUYỂN 7

TRÌ TỤNG (Phần 2)

Vị tăng ở Đông lâm chùa Linh nam thời
Bắc Tề.

Dạo núi đào đất ở Tinh Châu Thời Bắc
Tề được cuống lưỡi.

Thích Đạo Thọ ở đánh núi Thọ môn đời
Bắc Tề.

Thích Linh phẩm đời Bắc Tề (phụ Lão
của Sư).

Thích Pháp Ái ở Tăng đô thuộc Giao
châu đời Trần.

Thích Pháp Tuệ ở chùa Khúc Thủy thuộc
Thọ xuân đời Trần
(phụ thêm Hoa Thủ Ni, và Đông xà-lê).

1 Chương thị, vợ Quang Lộc Đại phu Trần
2 Lãng đời Tùy.

3 Thích Tăng Sinh chùa Linh Nham ở Tề
4 châu đời Tùy.

5 Cư sĩ Phạm Hạnh Vương ở Lang Da đời
6 Tùy.

7 Thích Tuệ Hướng ở huyện Giang đô đời
8 Tùy. (phụ Ni Pháp Nhuận).

9 Thích Bảo Thông ở Cao mang đời Tùy.

10 Thích Tăng Anh chùa Vĩnh tề ở Giang
11 Dương đời Tùy.

12 Thanh tín sĩ Lục Thuần đời Tùy.

13 Thích Pháp Lăng ở chùa Tịnh đạo đời
14 Tùy.

15 Thích Tuệ Bân ở đạo tràng Thiên tư đời
16 Tùy.

17 Thích Tuệ Giai ở chùa Trường lạc đời
18 Tùy.

19 Thích Trí Việt ở núi Thiên Thai đời Tùy.

20 Thần Dị tăng Thích Tăng Lăng Ngạc
21 Châu đời Tùy.

22 Thích Huyền Tú chùa Tùy hóa ở Huỳnh
23 châu đời Tùy.

1 Thích Tuệ Trĩ ở Thỉ Dụ đời Tùy.

2 Thích Trí Nghiệp chùa Trường lạc ở
3 Dương châu đời Tùy.

4 Cao Thủ Tiết ở Tinh châu đời Tùy.

5
6 * Vào thời vua Cao Tề có vị tăng, mất tên
7 Sư. Sư ở Đông lâm chùa Linh nham, tụng
8 kinh Pháp Hoa, thường ngày rất tinh tấn chí
9 thành tha thiết, trong tâm lúc nào cũng biểu
10 lộ sự trong sạch thanh tịnh. Đốt hương lễ
11 Phật, để cầu chứng nghiệm. Lúc đầu có con
12 rắn lớn và các loài chim trĩ, hươu nai, đều đến
13 đứng nghe, chúng nghe tụng xong rồi đi, lúc
14 ấy thần núi đem thức ăn đến cúng dường. Sau
15 bỗng thấy ánh sáng, từ núi phía đông chiếu
16 xuống, có Đại Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà,
17 đại chúng vây quanh, thẳng đến trước vị Đại
18 Bồ-tát, chúng tăng hướng về ánh sáng lễ bái,
19 thân tâm rất vui mừng. Nghĩa nghi thiếu văn,
20 Sư bèn giải thích cho họ hiểu, còn các chúng
21 chỉ nghe mùi hương lạ, hồi lâu mới tan.

22 * Vào thời vua Văn Thành Tề đời Tề, ở
23 phía đông Tinh châu thấy bên núi có người
24 đào đất, thấy được một chỗ đất, màu của đất

1 vàng nhạt cùng với núi bên cạnh có điềm lạ,
2 tìm thấy một vật giống như hai môi người,
3 không ai hiểu được việc ấy. Có Sa-môn Đại
4 Thống Pháp tâu lên vua rằng: Đây là người
5 trì kinh Pháp Hoa, nên được quả báo sáu căn
6 không hư hoại, tụng đã ngàn lần, nên suy
7 niệm việc ấy. Bèn bảo Nhân Cao Trân của
8 nhà Lạc Trung Thư rằng: "ông là người có
9 lòng tin với Phật pháp, tự đến xem xét, chắc
10 có linh nghiệm lạ, bèn dời đôi chỗ làm nơi
11 thanh tịnh, thiết trai cúng dường. Ông Trân
12 vâng bèn đến chỗ ấy, nhóm họp các Sa-môn
13 trì Pháp Hoa, đốt nhang thiết trai cúng
14 dường. Các vị Sa-môn đi nhiều quanh mà
15 chú nguyện rằng: Niên đại Bồ-tát Niết-bàn
16 đã xa, tượng pháp lưu hành, người phụng trì
17 không làm, thỉnh Bồ-tát hiện tại cảm ứng.
18 Các vị vừa mới nói ra tiếng, thì môi lưỡi của
19 các vị này, đồng thời cử động, tuy không có
20 tiếng vang, mà giống như đọc tụng, mọi
21 người đồng thấy, khắp mình nổi ốc. Ông
22 Trân nghe thấy hiện tượng trên bèn ra lệnh
23 dời đôi kho thạch hàm, làm tháp và phòng
24 thất v.v...

1
2 * **Thích Đạo Thọ:** Sư người ở Thạch
3 nhàn thuộc Thọ xuân, ăn chay trường đạm
4 bạc, Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một
5 bộ, thiền định thông suốt. Khắp nơi xa gần
6 đều nể phục cung kính, Sư trụ chùa Sơn đánh
7 ở Thọ môn. Bảy giờ, ở xóm làng, có nhà cúng
8 dường, Sư đến nhà đó xin y thực, mục đích
9 là chuyển nguy ách của họ, là đem các vật ấy
10 đi luôn, thì tại chương đời chuyển, nếu để lại
11 các vật ấy, thì tai họa không dứt được.

12 Có người họ Trịnh, thỉnh Sư Đạo Thọ thọ
13 trai. Khi tụng kinh vừa xong, ngồi thẳng suy
14 nghĩ, Sư bỗng nói: "suy ra biết tướng ông
15 không tốt, tôi thấy một quan tài, phá chỗ ấy
16 mà vào, rồi từ chỗ đó mà sinh. Thế là cả nhà
17 lần lượt đến hỏi, đều nói là sai. Có người vợ
18 mới rất nhỏ nói: "có phải là ông chăng?" Sư
19 Đạo Thọ nói "Người nên khéo dụng tâm, lúc
20 nhỏ người này vì sinh mà chết. Lại đồng thời,
21 các ni ở chùa Trịnh, cùng học kinh, Sư Đạo
22 Thọ đến xem, đến Sa-di, Sư nhìn nghiêm
23 nghị bảo rằng: Ông phải sám hối. Hơn hai
24 năm đứa trẻ bị bệnh nặng muốn xin con

1 đường sống, nhưng quả nhiên như lời nói của
2 Sư, dự ký suy nghiệm nhiều việc, năm hơn
3 chín mươi tuổi thì qua đời, tức là trong niên
4 hiệu Thiên Bảo.

5
6 * **Thích Linh Phẩm:** Không rõ người xứ
7 nào, Sư hiểu biết thông suốt, minh mẫn,
8 thường tụng kinh Pháp Hoa. Lúc đầu, Sư
9 tụng kinh xong, lại bị bệnh nặng, có Sư kể lại
10 rằng: "Ông Phẩm nghe thọ trì Pháp Hoa,
11 được sáu căn thanh tịnh, vì sao ông Phẩm
12 tụng kinh mà mắc bệnh này". Sư ấy nói rằng:
13 "khi ông tụng kinh, hoặc không rửa tay, hoặc
14 lật che, thoát để chân phía sau, thoát đầu để
15 trên đầu giường". Sư nói với Linh Phẩm. Đây
16 là thiên thần hộ pháp quả phạt ông, ông
17 không quan tâm đến kinh nên không có đức
18 cảm hóa, ông nên sám hối. Sư Linh Phẩm
19 làm cái hòm bằng gỗ trắng, Sư tụng kinh đội
20 trên đầu, đi kinh hành trong chánh điện, trừ
21 khi đại tiểu tiện và ăn uống, tự nhấn đầu bị
22 chảy máu, tự trách lỗi mình. Thực hành như
23 vậy suốt ba năm, đến canh năm gần sáng, có
24 người gõ cửa điện Phật, kêu sư Linh Phẩm

1 mở cửa, sư Ph²ẩm ban đầu không chịu và nói:
 2 Đây là người tội, làm sao có sự rảnh rỗi mà
 3 mở cửa cho ông, người kia gọi Linh Ph²ẩm
 4 không thôi. Sư Linh Ph²ẩm bèn mở cửa cho
 5 người kia, thì thấy một ông lão râu tóc trắng
 6 xóa, tay cầm một tích trượng, liền đánh sư
 7 Ph²ẩm liên tục và nói: Từ nay trở đi ông còn
 8 dám khinh lờn kinh Pháp Hoa nữa không?
 9 Đang lúc sư Ph²ẩm bị đánh thì vết thương trên
 10 thân lành đi, và bốn đại bình phục. Sáng hôm
 11 sau thấy trước điện Phật, có dấu chân voi,
 12 mới biết ông lão này là Bồ- tát Phổ Hiền, đến
 13 trừ tội cho Sư. Từ đó về sau Sư sám hối sửa
 14 đổi, siêng năng tụng tập. Sau không biết nơi
 15 Sư qua đời.

16 Lại tiếp theo đó có Lão Củ Sư, cũng lấy
 17 kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp tu hành, khi trì
 18 tụng Củ Sư, cảm thấy trong miệng có vị ngọt
 19 la, ở đời chẳng có được, cho nên Sư tụng kinh
 20 Pháp Hoa không ngừng nghỉ.

21
 22 * *Thích Pháp Ái*: Sư ở xứ Trường sa,
 23 xuất gia từ nhỏ, Sư không thể ăn chay đạm
 24 bạc khổ hạnh, tụng kinh Pháp Hoa rất thông

1 suốt và nghe Tam luận.

2 Vào đời Tùy, ở Giao chỉ thuộc Tấn chinh
3 gặp lúc người Giao chỉ phản loạn, Sư Pháp
4 Ái trốn đi. Bỗng nhiên bị năm tên giặc bắt
5 được, để Sư ngồi một chỗ, chúng nói rằng:
6 Đợi ta ăn xong, giết tên đạo nhân này. Pháp
7 Ái bèn thấy bên đường có một cây giáo, Sư
8 ôm đem ra ngoài, đi thẳng về phía Bắc, gặp
9 một cây đại thọ, đứng núp bên cây. Bọn giặc
10 ăn xong đứng dậy, từ xa thấy giống như ngài
11 Pháp Ái, rồi tiến đến chỗ Sư, khi đến gần thì
12 không thấy, chúng tự bảo nhau rằng: Người
13 đi đến từ xa thấy giống như đạo nhân, sao đến
14 không thấy, đúng là ông ta đi rồi.

15 Pháp Ái một lòng cầm giáo không dám
16 cử động, bọn giặc quay đầu lại nhìn từ xa,
17 dường như có người nhìn chăm chú, bỗng nói
18 rằng: Đạo nhân đã đi rồi, bọn giặc cùng nhau
19 đuổi theo. Sư đi về hướng Bắc, đến một rừng
20 gai, liền nhảy vào rừng gai trốn, bèn gắp hai
21 con hổ ôm nhau ngủ, hổ thấy Sư đến, đều
22 ngẩng đầu nhìn, Sư càng hoảng sợ, miệng
23 nói: "hai vị Đàn-việt, bản đạo bị giặc đuổi,
24 vội nhảy vào chỗ của Đàn-việt, xin kịp thời

1 đến cứu giúp". Hai con hồ lập tức ra ngoài
2 rống lên kinh động, bọn giặc liền chạy lùi. Sư
3 lại đi về hướng Bắc, hồ đi theo, đến bên một
4 con sông thấy người, đem vài miếng thức ăn
5 uống trao cho Sư, Sư nhận rồi ăn, thức ăn ấy
6 chính là gạo rang cao, mùi vị rất ngon, Sư
7 liền qua sông Châu, thì hồ bỏ đi, Sư ở lại
8 Thượng châu, lại gặp hai người, cũng đồng ở
9 trọ, thiết đãi món ngon tuyệt vời, đến sáng
10 mới từ biệt, người khách lại dặn rằng: "chỉ
11 nên đi về hướng bắc, bản thân mới được
12 thoát, Sư bèn đi về hướng bắc hơn ba mươi
13 dặm, gặp lại bạn cũ, cũng đang chạy giặc,
14 gặp nhau vui mừng, mới được thoát khỏi. Từ
15 đó về sau, người đạo kẻ tục đều nói về sự tích
16 Ngài, không biết Sư qua đời ở đâu.

17

18 * **Thích Pháp Tuệ:** Không biết họ Sư, Sư
19 xuất gia trụ chùa Khúc Thủy ở Thọ xuân,
20 chay trường đạm bạc, Sư không nhận của bố
21 thí, không tham không sân, tâm hạnh giọng
22 tốt, y phục bằng vải thô, không ở phòng nhà
23 chỉ có giường dây, Sư ở dưới hành lang, mỗi
24 ngày tụng một bộ kinh Pháp Hoa. Lúc tụng,

miệng Sư có ánh sáng, người đến xem đều thấy chiếu ở mái hiên. Sư qua đời năm bảy mươi tuổi, tức vào thời Trần Tuyên.

*** Tỳ-kheo-ni Hoa Thủ:** Lại có Tỳ-kheo-ni Hoa Thủ ở huyện Cao du, cô tụng kinh Pháp Hoa, vừa xong quyển một, thì trên ngón tay phải, liền mọc một bông hoa, hình dáng giống như rau củ ấu, cô tụng năm quyển như vậy, thì trên năm móng tay, mọc ra năm bông hoa. Kế tụng quyển thứ sáu, thứ bảy thì trong bàn tay mọc hai hoa, hình dáng lớn như trước, người ở đó nhân việc ấy gọi là ni Hoa Thủ, ni Hoa Thủ cũng không thể khổ hạnh được. Võ Đế đời Trần, triệu kiến xem việc ấy, sau không biết cô qua đời ở đâu.

Lại ở chùa Trường can có vị Đông Xà-lê, tụng kinh Pháp Hoa, rất có tiết hạnh. Khi Sư tụng bình thường có điều lạ, như bình nước mùa hạ thì lạnh mùa đông thì ấm, là thường hầu Sư như vậy.

*** Thanh tín nữ:** Họ Chương, vợ của Trần Lang Phu Thạch Quang Lục đời Tùy. Tín nữ

1 tụng kinh Pháp Hoa, thường sám hối cho bốn
2 đại đã suy kém, không thể tụng lâu. Bỗng
3 nhiên tín nữ nằm mộng thấy vị tăng, cầm một
4 bát thuốc màu vàng, đến trước cô trao cho và
5 bảo uống, trải qua thời gian ngắn, vì đau
6 bụng nên cảm thấy lo sợ, bụng đau quá, liền
7 sai Kiều Lăng đến, Cô bảo rằng: Người đời
8 nói, nếu nằm mộng thấy đạo nhân, phần
9 nhiều là quý. Nay nằm mộng thấy uống thuốc
10 của đạo nhân, tức là uống thuốc quý, chắc
11 chắn sẽ chết, nói xong bảo Lăng tránh đi.
12 Trong chốc lát tín nữ đi kiết ly, thuận là sắc
13 huân, giống như nằm mộng đã thấy. Khi đi
14 kiết xong, thì các bệnh đều lành, từ đó về sau
15 thân thể khỏe mạnh, thường hay đọc tụng,
16 ngày đêm một quyển, không còn cực khổ
17 nữa.

18
19 * **Thích Tăng Sinh:** Không biết Sư họ gì,
20 là người ở Vệ châu. Đến niên hiệu Khai
21 Hoàng năm thứ sáu Sư đến Tê Châu, người
22 xứ ấy nhà không có chỗ ở nhất định, chỉ có
23 đất Già-lam, bất luận là tăng hay tục, vẫn ở
24 trong đó, khát thực tụng kinh, thời hạn đủ

1 một biển, sau đó mới dời đi nơi khác. Năm
2 ấy, Sư đến đạo tràng núi Bảo linh nham, ở
3 trong Lan-nhã, Sư chỉ trì tụng kinh. Đêm ấy,
4 Thần núi dẫn mấy mươi người đến nghe. Sư
5 hỏi: Thần Đàn-việt ở đâu? Thần đáp: "đệ tử
6 là thần núi phía bắc, thần ở đây đã hơn ba
7 trăm năm rồi, nay nghe Pháp sư tụng kinh
8 nên đến nghe kinh", cúi phục nghe Sư tụng
9 kinh, hồi lâu mới đi, từ đó về sau thường lệ
10 như vậy. Về sau, Sư đến Tương châu, dựng
11 lập tạng kinh, một tháng mười ngày mới
12 xong.

13 Ý Sư muốn đốt đèn trong mắt để cúng
14 dường mà Sư không thể tự móc mắt được, Sư
15 bèn mua một con dao dài năm, sáu tấc và một
16 quan tiền, Sư vào núi tìm thợ săn. Thợ săn
17 nói: Không cần tiền của Sư, chỉ cho đệ tử con
18 dao ấy, người thợ săn liền móc mắt Sư, thân
19 thể Sư máu ứ xanh, rồi sau đó mới tỉnh lại,
20 Sư tỉnh lại nói với thợ săn rằng: Hãy đem lửa
21 đến đốt mắt này. Thợ săn đem lửa đến đốt
22 mắt. Sau đó Sư trở về chùa Pháp tạng ở
23 Tương châu, đốt đèn cúng dường, tụng kinh
24 không nghỉ, nếu mọi người ai muốn thỉnh xá-

1 lợi của Sư, tạm thời phải thúc liêm thân tâm,
2 đợi xuống năm, ba hoặc thời gian bảy ngày
3 nhiếp niệm, liền chứa đủ mấy trăm, đạo tục
4 xa gần, rất kính mến Sư, Sư qua đời vào niên
5 hiệu Khai Hoàng năm thứ bảy.

6
7 * **Thanh Tín Sĩ họ Vương:** Ông là người
8 có phạm hạnh, người ở xứ Lâm nghi thuộc
9 Lang gia. Ông bị mù hai mắt từ nhỏ, người
10 mẹ rất từ bi, ông tụng kinh Pháp Hoa đến
11 mười ba năm, tụng rất thông suốt, ngày đêm
12 tụng tập, rất đổi chuyên tâm, tụng được một
13 muôn bảy ngàn lần, mắt tuy không thấy, mà
14 đi lại, không cần người dẫn đường, ông tự
15 biết hăm hở, có thể dệt chiếu đan giỏ, may
16 áo, viết số, còn hơn người có mắt. Mọi người
17 nghi ông có biệt tài, ông trì trai ăn uống đạm
18 bạc, trọn đời không cưới vợ, ông qua đời vào
19 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ sáu, thọ bảy
20 mươi tuổi. Tử thi ông bỏ ngoài đồng cỏ, loài
21 chim thú không dám đến gần. Thịt đã tiêu
22 hết, chỉ còn lại xương trắng, lưỡi vuông ra
23 khỏi miệng, dài hơn một thước, màu sắc như
24 hoa sen. Em ông là Tuệ Nghĩa lấy hòm gạch

1 đựng xương cốt ông, lâu ngày mà vẫn không
2 nát rã.

3
4 * **Thích Tuệ Hương:** Sư họ Lưu, người
5 ở xứ Bành Thành. Sư rất có đạo đức, hiểu
6 biết mọi mặt, suy xét sự việc, chỉ tụng kinh
7 Pháp Hoa. Sư đến huyện Giang đô ở nhờ
8 đình làng cũ. Đến năm một trăm lẻ hai tuổi,
9 Sư không có bệnh tật mà bỗng nhiên bảo
10 rằng: Bần đạo sẽ đi, rồi Sư từ biệt cùng Đàn-
11 việt, sau đó ngồi thẳng mà qua đời. Người ở
12 trong thôn đưa Sư vào rừng, chưa dám mai
13 táng, bảy ngày sau tử thi tự nhiên nằm ngửa,
14 ban đầu duỗi thẳng, sau co lại rồi chấp tay,
15 vẫn không hư rã, càng lâu chỉ khô ráo mà
16 thôi. Người trong thôn chôn cất Sư bên hang
17 núi, người tiều phu bấy giờ nghe tiếng tụng
18 kinh, chẳng biết Sư ở chỗ nào. Có Nguyên
19 Khác Tư Mã Triệu phủ Tổng quản Dương
20 Châu, nhân đi qua mộ, thấy một cộng hoa sen
21 mọc từ đất lên, ông lấy làm lạ hỏi thăm,
22 người trong thôn nói: Là mộ của Sư Tuệ
23 Hương, vị Tăng này lúc còn sống, chuyên
24 tụng kinh Pháp Hoa nên có được điều ấy, Tư

1 Mã bèn cho đào lên thì thấy đúng như vậy,
2 chỉ còn xương trắng, trong miệng lưỡi Sư vẫn
3 còn như cũ, đỏ hồng mềm mại, không bị biến
4 hoại, từ cuống lưỡi này mọc lên hoa sen. Do
5 đó ông tâu lên vua, nêu bày sự linh nghiệm
6 của Sư. Sau đó, xây tháp bảy tầng thờ Sư,
7 hiện nay tháp vẫn còn.

8
9 * **Tỳ-kheo-ni Pháp Nhuận:** Cô họ Trần,
10 người ở Đơn Dương, trụ chùa Tam-muội,
11 tụng kinh Pháp Hoa, rất có đạo hạnh. Sau khi
12 cô chết, tử thi được bỏ trong rừng, bổ thí cho
13 trùng thú. Qua một trăm ngày chim thú mới
14 ăn hết, chỉ còn lưỡi và tim, vẫn còn y nguyên,
15 lưỡi cô cũng màu đỏ, còn tim hơi có màu đen,
16 con em cả nhà lên chôn cất xây tháp thờ.

17
18 * **Thích Bảo Thông:** Không biết họ,
19 người ở nước Vu. Sư không hiểu biết gì, chỉ
20 tụng kinh Pháp Hoa đến quyển bảy, tụng mấy
21 biến chú bỗng thấy quỷ vật. Có vợ nhà họ
22 Triệu ở thôn Dương Kiều, vì thần của thôn
23 này làm ma, Bảo Thông phải đến nhà thần,
24 vị thần bèn đứng dậy đón rước mời ngồi. Sư

1 Thông bảo thần rằng: Người ở gần thôn nên
2 làm lợi ích, tại sao làm vợ người khác? Thần
3 đáp rằng: Chẳng phải lỗi của đệ tử, đây là do
4 các người dưới, vì trị bệnh liền sai sứ nhỏ,
5 kêu ma thần đến trước đình, phạt một trăm
6 giọt máu, vợ họ Triệu nhờ đó được khỏi
7 bệnh. Sư Bảo Thông nói: Thần ở thôn Bạch
8 lộ kia có quan hệ với đây không? Thần đáp:
9 Cũng có quan hệ.

10 Bảo Thông nói: Thôn ấy có vợ nhà họ
11 Hác, bị thần ở thôn kia bắt làm ma, có thể sai
12 khiến được chăng? Thần nói: Được. Liền kêu
13 thần ở thôn Bạch lộ, cũng phạt một trăm giọt
14 máu, vợ nhà họ Hác sẽ lành. Sau đó vợ họ
15 Triệu bệnh cũ tái phát, ngâm nga nói rằng:
16 Người chủ bảo Thông, Thông đến đây liền
17 thấy ở trước và thần bị phạt, ở bên người
18 bệnh. Bảo Thông nói: Trước nói rồi đi luôn,
19 nay vì sao đến đây, nay ta sẽ tụng chú. Thần
20 bèn cúi đầu cầu xin được trở về, không nhọc
21 Sư tụng chú, vị thần bèn đi xa, nhờ đó vợ họ
22 Triệu lành bệnh hẳn.

23
24 * *Thích Tăng Anh*: Không rõ họ, Sư ở

1 xứ Quán, xuất gia từ nhỏ, trụ chùa Vĩnh tề ở
 2 Giang Dương. Sư tụng kinh Pháp Hoa cho
 3 đến tuổi già, tụ tập không ngừng. Sư ở gần
 4 phòng một Pháp sư, Pháp sư đó thường chê
 5 Sư tụng kinh lớn tiếng, Pháp sư ấy tạm ngừng
 6 công việc đến xem Tăng Anh tụng kinh, nhờ
 7 Khiên Sư đến can ngăn, nhưng mở cửa từ xa
 8 nhìn thấy trước phòng Tăng Anh có mấy
 9 ngàn người, thân mặc áo giáp đồng sắt, cầm
 10 cung mang gậy, cung tay quỳ gối, lắng nghe
 11 tụng kinh. Khiên Sư liền trở về phòng, sáng
 12 hôm sau đến chỗ Pháp sư, kể lại việc đêm qua
 13 đã thấy, cùng đến sám hối tội chê bai, Tăng
 14 Anh nói nếu hễ thường đến nghe thì thường
 15 nghe trước sau, giống như có tiếng giáp,
 16 trượng. Sư mất tại chùa, vào khoảng niên
 17 hiệu Khai Hoàng.

18
 19 * **Thanh Tín Sĩ Lục Thuần:** Người nước
 20 Ngô, mỗi ngày tụng một bộ kinh Pháp Hoa.
 21 Lục Thuần ăn chay trường đơn sơ đạm bạc.
 22 Vào tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp năm
 23 thứ hai, ông bị bệnh rất nặng. Hơn mười ngày
 24 sau ông nằm ngửa nhìn khắp phòng không

1 chộp mắt. Bấy giờ có vị tri thức tên Duệ Sư,
2 vì đến thăm bệnh, ông Duệ hỏi: Sư thấy gì?
3 Lục Thuần trả lời: Đức Phật thọ ký cho Lục
4 Thuần sẽ sinh lên cõi trời Diêm-ma, nay tôi
5 thấy điện đường ở cung trời ấy, cây rừng
6 cổng thành, đồ chúng các vị trời đến xem trời
7 nhạc không mỗi một, bốn ngày sau thì qua
8 đời.

9
10 * **Thích Pháp Lãng:** Sư họ Trương,
11 người ở Võ thành thuộc Hà bắc. Sư xuất gia
12 từ nhỏ, chuyên tu trau dồi đức hạnh, trụ chùa
13 Tịnh đạo ở Nam sơn quận Bành Thành. Lúc
14 còn làm Sa-di Sư tụng kinh Pháp Hoa, từ nhỏ
15 đến già tụng tập không biếng nhác. Đến năm
16 năm mươi ba tuổi, Sư qua đời vào niên hiệu
17 Khai Hoàng năm mười ba, được bảy ngày Sư
18 thấy vua Diêm-la, trước vua có sáu vị đạo
19 nhân. Đầu tiên vua hỏi một vị tăng: Tu được
20 nghiệp gì?

21 Vị đầu tiên đáp: Tụng kinh Duy ma.

22 Vua nói: Đứng về phía nam.

23 Vua hỏi vị thứ hai: Ông tu đức hạnh gì?

1 Vị thứ hai đáp: Tụng kinh

2 Niết-bàn mười quyển.

3 Vua nói: Cũng đứng về phía nam.

4 Vua hỏi vị tăng thứ ba: Ông tu đức nghiệp
5 gì?

6 Vị thứ ba đáp: Tôi tụng kinh Kim Quang
7 Minh.

8 Vua nói: Cũng đứng về phía nam.

9 Vua hỏi vị tăng thứ tư: Ông tu hạnh
10 nghiệp gì?

11 Vị thứ tư trả lời: Giảng kinh Niết-bàn.

12 Vua nói: Đứng về phía Tây.

13 Vua lại hỏi vị thứ năm: Ông tu hạnh
14 nghiệp gì?

15 Vị thứ năm trả lời: Giảng luận Thập địa.

16 Vua cau mày nói: Đứng qua phía Bắc.

17 Vua lại hỏi vị tăng thứ sáu là Pháp Lãng:
18 Ông tu hạnh nghiệp gì? Pháp Lãng đáp: Tụng
19 kinh Pháp Hoa. Vua nói: Đứng qua phía
20 Đông. Hỏi sáu vị tăng xong, vua sai người
21 đứng ở phía Bắc đến đường địa ngục, người
22 đứng ở phía Tây đến đường súc sinh, sai ba
23 vị tăng đứng phía Nam đến đường người.

1 Vua bảo ba vị đến ba đường ấy: Đi không
2 được trở về. Kế bảo Pháp Lăng đến đường
3 trời, cho thấy chỗ sinh của mình, và có thể
4 cho về nhà, ban cho tuổi thọ tám mươi lăm
5 tuổi. Pháp Lăng từ cõi trời trở về bỗng nhiên
6 sống lại, thấy trên vai trái mình lơ mờ có chữ
7 đỏ, thành chữ "bát thập ngũ tuế". (Tám mươi
8 lăm tuổi)

9
10 *** Thích Huệ Ân:**

11 Sư họ Hồ, xuất gia tại đạo tràng Thiên Cư
12 ở Dự Chương. Sau Sư thờ Trí Khải tông
13 Thiên thai làm thầy. Sư xin xuất gia, ăn chay
14 trường đạm bạc, chuyên ròng khổ hạnh, Sư ở
15 ẩn trên núi Vu, bắt đứt mọi người, tụng kinh
16 Pháp Hoa, khi vừa tụng kinh xong Sư liền đốt
17 ngón tay thứ tư bàn tay trái để cúng dường.
18 Cứ như thế thời hạn mỗi ngày ba lần, từ đây
19 đến nhiều năm thường có hương thơm lạ
20 xông lên ngào ngạt trong phòng nhà. Lại
21 nghe tiếng búng ngón tay cảm động đến
22 những người ở gần. Vào tháng 08 niên hiệu
23 Đại Nghiệp năm thứ tám Sư qua đời, thọ bốn

1 mười bốn tuổi. Trước khi chưa mất, Sư thấy
2 vị thần hiện thân cao mấy trượng, vị thần làm
3 lễ Sư, khen ngợi công đức trì kinh, đó nói:

4 *"Pháp sư sẽ đi,*
5 *Xin nguyện được theo hầu".*

6 Kể đó, ở chùa có vị tăng tên Trí Hải,
7 người có thật hạnh, nằm mộng thấy Pháp sư
8 nói:

9 *"Nay sinh lên cõi trời Đâu-suất*
10 *Tiếp nhận không theo.*
11 *Lại giờ đây từ biệt*
12 *Khuyên ông hết lòng trì tụng.*
13 *Giúp họ hành đạo".*

14 Khi Sư qua đời, thân hình cao lớn, còn
15 hơn lúc sống, các những y phục cũ chỉ bằng
16 một phần ba thân, mọi người lấy làm lạ,
17 không rõ lý do. Sư để lại lời di chúc, bố thí
18 thân cho chúng sinh. Có vị tăng Khải đồng
19 học tán thành ý chí của Sư, thấu lấy hải cốt
20 xây phần mộ ở Tỉnh Nham Sở Hồng Thi Đà.

21 *** Thích Tuệ Giai:**

22 Sư họ Lưu, người ở Hải Lăng. Sư xuất gia
23 năm chín tuổi, làm đệ tử Pháp sư Doanh chùa

1 Trường lạc ở quận Giang Đô. Đến năm mười
2 bảy tuổi, mới tụng kinh Pháp Hoa, mười tám
3 tuổi Sư lại thay đổi chỉ tụng quyển thứ tư đến
4 phẩm Hiện Bửu Tháp, từ phẩm Hiện Bửu
5 Tháp về sau chưa tụng. Đến năm hai mươi
6 hai tuổi Sư bị bệnh, lúc đó rất nặng, chỉ còn
7 nhất tâm niệm Quán Thế Âm và Đại Thế Chí
8 cho đến những việc tụng kinh, xin cứu nguy
9 ách. Sư nằm mộng bỗng thấy có một người,
10 đến tìm Tuệ Giai và Trí Đạt ở cùng chùa, dẫn
11 đi qua núi hiểm, giẫm đạp cỏ cây, giầy lát đến
12 một nơi, như ngày nay là Phủ Tự hàng tường
13 nhà phòng ốc hành lang còn rõ ràng, vệ binh
14 sắp hàng đông đúc, cầm nắm binh khí. Sư
15 vào cửa, từ xa trông thấy một người đội mũ
16 ô sa, mặc áo trắng, râu mặt rất đẹp, ngồi trên
17 sánh nói: Ta là vua Diêm-la, bên cạnh Diêm-
18 la không có người hầu, đây là tìm bắt người,
19 người đưa văn thư mở ra trước bàn vua, vua
20 liên phán hai người như Tuệ Giai, v.v... làm
21 thị vệ. Sư Tuệ Giai nói: Xin tụng kinh Pháp
22 Hoa, còn nửa quyển chưa tụng xong, và công
23 đức chưa đủ, cho nên không mãn nguyện.
24 Vua lại phán thả Tuệ Giai, từ xa trông thấy

1 chữ "thả" rõ ràng, vua liền kêu người tìm đến
2 chỗ Tuệ Giai cởi áo, lại kêu được một người
3 nữa đầu có sừng, tướng trạng giống như quỷ
4 tốt, tay cầm roi dài, đánh người này, Tuệ Giai
5 kinh sợ kêu Quán Thế Âm, Di-lặc. Trong
6 chốc lát bèn thấy một vị tăng tay Ấn-độ cầm
7 nhánh dương, lại có thêm một người thế tục,
8 như tượng Duy-ma-cật ngày nay, tay cầm
9 nước đồng sa-la, vị tăng này cầm nhánh
10 dương phát vào Tuệ Giai, lấy nước đưa cho
11 Tuệ Giai súc miệng, và hỏi: Ông bị bệnh mấy
12 ngày rồi. Tuệ Giai đáp: Năm ngày rồi. Vị
13 tăng nói: sáu ngày sẽ lành. Đến sáng hôm sau
14 thì trong mũi Tuệ Giai chảy máu, liền tỉnh
15 lại. Khi Tuệ Giai lành bệnh, biết tụng kinh
16 dừng nghỉ bị thiếu sót nên nhiễm bệnh, đầu
17 cuối là bảy ngày, nhưng mạng sống lại qua
18 được, Tuệ Giai bình phục như cũ. Từ đó về
19 sau Sư bỏ hết thân mạng của cải, đúc các
20 tượng Di-đà, Quán Âm, Thế chí. Lại in các
21 kinh như Pháp Hoa Tư Ích. hơn hai mươi bộ.
22 Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm mười hai Sư
23 bốn mươi ba tuổi, sau không biết Sư qua đời
24 ở đâu.

*** Thích Trí Việt:**

Sư họ Trịnh, Sư xuất gia từ nhỏ, sớm là trần tục. Sau đến Kim lăng, lại gặp Trí giả. Ở đầu thành phía bắc, Trí giả trao cho Sư pháp Thiên, Sư hiểu sâu năm môn thông suốt sáu diệu, tụng kinh Pháp Hoa có hơn muôn lần. Bình nước của Sư thường tự đầy, là nhờ năng lực tụng kinh như vậy. Đồ chúng theo học tuy đông, mà rất yên ổn. Sư đến tỉnh xá núi Hải lộ, nổi tiếng là có sự linh nghiệm lạ, Trí giả thường làm cho ảnh hưởng dấu vết về sau. Một chúng ở núi Thiên Thai, đây đâu lệ thuộc. Vào ngày 23 tháng 11 niên hiệu đại nghiệp năm mười hai, Sư bị bệnh suốt mười ngày, nằm nghiêng bên phải mà qua đời, thọ bảy mươi bốn tuổi, ngày lâm chung núi lở động đất, mọi người trong nước đều thấy nghe.

*** Thích Tăng Lãng:**

Sư còn tên khác là Pháp Lãng, họ Hứa, người ở Nam Dương, hơn hai mươi tuổi muốn xuất gia, chuẩn bị xuất gia thì vợ ngăn không cho, phần nhiều là ở Ngạch châu, hình

1 đáng khác thế tục, Sư có tướng kỳ lạ, ăn uống
2 đồng với thế tục, bị người đương thời coi
3 thường, Sư nuôi một con khỉ, một con chó,
4 thân hình vĩ đại, lông đều màu vàng đỏ,
5 chúng không quen với người khác, chỉ gần
6 gũi sư, ngày đêm theo Sư, không hề xa rời.
7 Đến giờ ăn, Sư lấy bát gỗ cho nó ăn, Pháp
8 Lãng ăn rồi, thức ăn còn dư cho chúng ăn, ăn
9 cùng chén của Sư, ăn xong khỉ lấy chén đội
10 đầu, cõi lên lưng chó, đi trước Pháp Lãng.
11 Nếu có người cướp đoạt thì chúng cắn, sư
12 Pháp Lãng mặc tình cho chó dạo chơi, đại
13 khái là nó chơi không có chừng hạn.

14 Cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đến ngoài
15 Giang lĩnh. Y phục Sư thô xấu, oai nghi vượt
16 hơn thứ lớp, Sư chống gậy đi bộ, để hộ dưỡng
17 sinh mạng. Bấy giờ, Sư tụng đọc các kinh,
18 nhưng chuyên về Pháp Hoa làm chí nghiệp,
19 giọng tụng của Sư nhạt nhẽo. Sư bèn giữ lòng
20 trong sạch phát nguyện tụng Pháp Hoa, mỗi
21 khi ngồi tụng là bảy quyển. Như vậy không
22 bao lâu, thì âm vận của Sư hài hòa thỏa thích,
23 hoặc như đàn thổi sáo, hoặc giống như gió
24 sấm, tha hồi trầm bổng, câu văn rõ ràng, mà

1 môi mép chẳng động, chỉ chuyển động trong
2 cổ họng, người ở gần bên đến xem, thấy nghe
3 đều lấy làm lạ, tiếng tụng lấy số bảy làm kỳ
4 hạn, cho đến bảy mươi, bảy trăm, bảy ngàn,
5 bảy muôn. Nhưng cánh tay, bàn chân và
6 móng tay, co rút ở bụng, giống như rùa ẩn
7 giấu thân mình. Bấy giờ, có những người
8 đồng với Sư chứa góp thịt, hoặc đến tiệc
9 rượu, mọi người tiếp đãi ăn uống, mà Sư
10 nhâm nhi thịt heo, thật không ngờ được, nên
11 ở đời nói rằng:

12 "Pháp Hoa Lăng, đồng thời co rút năm
13 chỗ, thịt heo đầy miệng bụng. Có khi lại đi
14 ngượng dòng sông, khoanh tay trên thuyền,
15 khỉ chó ở bên, đều không vào bờ, chỉ cột mái
16 chè, tùy ý ở đi. Tuy coi thường trái phép
17 sóng gió, mà trong nháy mắt dừng lại, lại đến
18 nơi ở.

19 Cuối niên hiệu Đại Nghiệp, vẫn chưa ra
20 khỏi trần tục, mà miệng Sư chỉ nói giặc, sáng
21 chiều không ngừng. Các quan sợ Sư mê hoặc
22 mọi người, nên bèn bắt nhốt rồi giết. Ở Pháp
23 lâm thuộc Tương dương, Sư thông thả giao
24 du, dạo đi rất xa, nhân việc ấy mà kể lại.

*** Thích Huyền Trí:**

Không rõ họ và quê quán, Sư xuất gia từ nhỏ, trụ chùa Tùy hóa ở Huỳnh châu, tánh tình chân thật, ôn hòa khiêm cung, lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm chí nghiệp, Sư thường cảm được những điều mầu nhiệm kỳ lạ, nhưng Sư không cho là kỳ lạ. Bấy giờ, vào giữa mùa hè oi bức, các bạn Sư muốn mát mẻ, bèn mời Sư đến, vì muốn chuyện trò vui vẻ nên mọi người đến trước cửa phòng, nhưng thấy vũ vệ nghiêm túc, người ngựa vĩ đại, sợ hãi rồi bảo mọi người cùng đến xem, vẫn như lúc đầu chẳng khác. Lại đến cửa sau, đồ chúng càng đông, nhìn lên hư không đông đúc không có chỗ hở, phần đông là cỡi voi ngựa, giống như các loài quý thần, mới biết Sư cảm hóa được người bạn trở lại chỗ cũ. Sáng hôm sau, họ hô then từ biệt, các bạn bè bèn hết nghi ngờ.

Sư Huyền Trí chuyên tu nghiệp, cuối đời Tùy qua đời tại chùa.

*** Thích Tuệ Trĩ:**

Không rõ họ, Sư là người ở xứ Thỉ Hưng,

1 xuất gia từ nhỏ, siêng năng tụng tập, tụng
2 kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến. Vào năm
3 hai mươi ba tuổi, Sư đang nghe luật, bỗng bị
4 bệnh. Suốt mấy tuần Sư nằm mộng thấy có
5 người dẫn đến một Viện, màu đỏ nhạt giống
6 như nhà quan, Sư vào cửa liền thấy quý nhân,
7 thân hình cao tám chín thước, thân mặc áo
8 bào màu xanh sẫm ánh đỏ, đội mũ ô-sa và
9 nói rằng: Đây là vua Diêm-la. Vua hỏi: Sư
10 làm hạnh nghiệp gì? Sư đáp: Từ nhỏ đến giờ
11 tụng kinh Pháp Hoa. Vua Diêm-la nói: Hãy
12 tụng đi. Sư liền lên một tòa cao xoay mặt về
13 hướng Tây, tụng kinh Pháp Hoa đến quyển
14 hai, đến giữa phẩm Thí Dụ nói: Thí như
15 Trưởng giả có một ngôi nhà lớn ở trong đó.
16 Vua liền đứng dậy nói: "Pháp sư về đi", vua
17 Diêm-la sai hai người tiễn Sư, là một người
18 họ Trần, một người không nhớ họ, tiễn ra đến
19 bên đường, dẫn Sư vào một rừng gai, chặt
20 thân Sư làm hai khúc, mỗi người nắm một
21 khúc xuống sông rửa, rồi quăng qua bờ bên
22 kia, do đó Sư liền thức giấc, bệnh cũng giảm
23 nhẹ, mấy ngày sau thì bình phục, có thể đọc
24 tụng. Lại vào năm Sư năm mươi lăm tuổi,

1 thân lại bị bệnh, nằm mộng thấy đứng trên
2 tháp của chùa Quả Tâm. Ở Thỉ Hưng có
3 người xô Sư xuống và nói: Cho ông sống hơn
4 tám mươi tuổi mới qua đời, do đó Sư lành
5 bệnh. Đến niên hiệu đại nghiệp năm mười ba
6 Sư tám mươi hai tuổi, sau đó không biết nơi
7 Sư qua đời.

8 *** Thích Trí Nghiệp:**

9 Sư họ Dương, xuất gia từ nhỏ, trụ chùa
10 Trường lạc ở Dương châu, chuyên tinh giới
11 nghiệp, tụng kinh Pháp Hoa, câu văn thông
12 suốt, giống như rót nước vào bình. Cuối đời
13 Tùy, Vũ Văn Hóa đến ở Dương châu làm
14 phản, giết vua Dương Đế ở cung Vi. Bảy giờ,
15 thiên hạ bị tan rã, trăm họ đói khát, người ở
16 trong cảnh sóng gió tán loạn, một thúng gạo
17 một muôn tiền. Bảy giờ ở Biệt viện, trong
18 một thất nhỏ, chuyên tụng không ngừng, bị
19 chết đói trong phòng, không người chôn cất.
20 Ngôi nhà này bị sụp, hài cốt Sư bị chôn dưới
21 đồng đồ nát.

22 Đến đầu niên hiệu Nghĩa Ninh, sau khi
23 bình định thiên hạ, chỗ đất ấy bỗng mọc lên

1 một cọng hoa sen, hoa nở màu sáng tươi đẹp
2 khác thường. Mọi người lấy làm lạ, chẳng
3 biết lý do. Bấy giờ, ở chùa có vị tăng kỳ đức
4 chứng ngộ nói rằng: Đất này đã có một vị
5 tăng, chuyên tụng kinh Pháp Hoa, lúc ấy đất
6 nước ở vào thời ly loạn nên chết trong ngôi
7 nhà này, không có người chôn cất, hài cốt vùi
8 lấp ở đây, ắt là điềm linh ứng của vị tăng, bèn
9 cho tìm đào gốc hoa, quả nhiên đào được hài
10 cốt, hoa sen xanh, ấy chính là từ trong xương
11 sọ dưới cuống lưỡi vừa nát, cuốn lưỡi như
12 còn sống, đều không hư rã, mọi người trong
13 chùa bèn đem cuốn lưỡi và hoa lên giảng
14 đường, đánh chuông nhóm chúng để tụng
15 Pháp Hoa. Cuống lưỡi ấy nghe kinh, cũng có
16 thể cử động. Người đạo kẻ tục nghe việc ấy
17 đến xem rất đông đúc, chẳng ai không thán
18 phục, và phát tâm cao siêu.

19 Người ở Tinh châu đời Tùy, tên là Cao
20 Thủ Tiết, gia đình một đời tin thờ, mà Thủ
21 Tiết rất tinh nghiêm. Đến lúc Thủ Tiết mười
22 sáu, mười bảy tuổi đi đến Đại đô, đi đường
23 gặp vị Sa-môn, Sư khoảng sáu mươi tuổi, tự
24 xưng là Hải Vân, sư Hải Vân nói chuyện với

1 Thủ Tiết, do đó Sư Hải Vân nói: Con tụng
2 kinh được không? Thủ Tiết thưa: Tâm con rất
3 chí thành. sư Hải Vân dẫn Thủ Tiết đến núi
4 Ngũ đài, đến một chỗ, thấy ba ngôi nhà tranh,
5 vừa chưa được một người, Thủ Tiết ở trong
6 đó, sư Hải Vân dạy tụng kinh Pháp Hoa rồi
7 đi khát thực, cho Thủ Tiết y thực. Tiết thường
8 thấy vị tăng Ấn-độ đến, nói cười với Sư Hải
9 Vân, rồi đi về phía sau. Sư Hải Vân liền hỏi
10 Thủ Tiết rằng: Ông có biết hướng đi của vị
11 tăng Ấn-độ hay không? Thủ Tiết thưa:
12 Không biết. Sư Hải Vân giống như nói đùa
13 rằng: Đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thủ Tiết
14 tuy nhiều lần được nói cho nghe việc này,
15 nhưng chưa ngộ được ý chỉ ấy. Sau, bỗng
16 nhiên Sư sai Thủ Tiết xuống núi, vào thôn lấy
17 đồ, nhưng Sư dạy rằng: Người nữ là cội gốc
18 của các điều ác, phá hoại đạo Bồ-đề, phá
19 thành Niết-bàn, ông vào trong nhân gian,
20 phải rất cẩn thận, Thủ Tiết cung kính vâng
21 dạ, nghe theo lời dạy xuống núi. Giữa đường
22 gặp một cô gái nữ, khoảng mười bốn - mười
23 lăm tuổi, mặc y phục đẹp, dung mạo thanh
24 nhã diễm lệ, cỡi một con ngựa trắng, đi thẳng

1 đến trước Thủ Tiết, cuối đầu nói với Thủ Tiết
2 rằng: Thân bị bệnh gấp cần phải xuống ngựa,
3 mà ngựa ưa nhảy nhót, tôi ngăn nó không
4 được, xin ông dìu giúp đỡ, để cứu mạng hèn
5 mọn này. Thủ Tiết bèn nhớ lời Sư dạy, rút
6 cuộc ông không quay đầu nhìn lại. Cô gái
7 cũng đi theo mấy dặm, nói lời hết sức tha
8 thiết. Thủ Tiết vẫn giữ chí như ban đầu, bỗng
9 nhiên cô gái biến mất. Thủ Tiết trở về chỗ cũ,
10 trình bày lại việc ấy. Sư nói rằng: Ông thật là
11 trượng phu, mặc dù như vậy, nhưng đây là
12 Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thủ Tiết cũng chưa
13 tỉnh ngộ được. Sư cũng nói đùa như vậy. Rồi
14 ông ở đây tụng kinh, suốt trong ba năm, một
15 bộ Pháp Hoa rất được tinh thuần.

16 Sau đó, ông nghe ở Trường An độ người,
17 tâm mong được cạo tóc, phương tiện sám tổi,
18 thưa Sư muốn đi. Sư nói: Ông tụng được kinh
19 Pháp Hoa, có hạt giống Đại thừa nay đã
20 thành tựu, ông muốn đi thì phải theo thầy tốt,
21 một phen từ biệt này, khó gặp lại nhau, ông
22 đến kinh đô nên ở đạo tràng Thiên định, y chỉ
23 Thiên sư Ngọa Luân. Thủ Tiết đến kinh đô
24 xin xuất gia, mà không được toại nguyện, bèn

1 đến chỗ Sư Ngọa Luân. Sư Luân hỏi: Ông từ
2 đâu đến? Thủ Tiết thưa: Từ Ngũ Đài đến,
3 Hòa- thượng bảo con làm đệ tử Sư. Sư Luận
4 nói: Hòa-thượng tên gì? Thủ Tiết thưa: Tên
5 Hải Vân. Sư Luận kinh ngạc nói: Núi Ngũ
6 Đài là chỗ ở của ngài Văn-thù, Tỳ-kheo Hải
7 Vân tức đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa
8 Nghiêm, là Đại thiện tri thức thứ ba, tại sao
9 ông bỏ chánh nhân này, ngàn kiếp muôn
10 kiếp, không thể nào được gặp lại lần nữa, sao
11 sai lầm như vậy. Thủ Tiết mới biết xưa nay,
12 tiếc là không nát thân, ngu tình quyến luyến,
13 cũng mong gặp lại. Thủ Tiết bèn từ biệt Sư
14 Ngọa Luân trở về, bốn ba ngày đêm, về đến
15 chỗ cũ, thì không còn thấy như xưa nữa.



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam cốt Tuệ Tường soạn.

QUYỂN 8

TRÌ TỤNG (Phần 3)

Thích Tuệ Siêu ở chùa Ngộ Chân núi
Lam Điền đời Đường
(phụ Thiện Tư).

Trường Vi Trọng Khuê ở Mông-dương
đời Đường.

Tả Giám Môn Hiệu úy Lý Sơn Long đời
Đường.

Thích Tuệ Hiên ở nước Bá Tế đời Đường.

Thích Pháp Trí ở ẩn đời Đường.

Thích Di Tục ở Cao dật Ung Châu đời
Đường.

Thích Pháp Hỷ ở Cao dật núi Ly đời
Đường.

1 Thích Đạo Quỳnh trụ chùa Lâm Huyền ở
2 Kim lăng đời Đường.

3 Thích Trí Hữu trụ chùa Bảo Vân ở Ung
4 Châu đời Đường.

5 Thích Pháp Thành trụ chùa Ngộ chân ở
6 núi Lam Điền đời Đường (phụ Dương Nan
7 Cáp).

8 Thích Trí Thông trụ chùa Thê hà ở núi
9 Nhiếp đời Đường.

10 Triệt Thiên sư ở xứ Hàng châu đời Đường
11 dạy người bị bệnh hủi.

12 Sử Ha Thệ ở làng Phước thủy Tây nam
13 Kinh thành đời Đường
14 (phụ thêm Thích Đạo Chánh).

15 Thích Huyền Chân trụ chùa Vĩnh phước
16 ở Đề châu đời Đường.

17 Thích Chánh Tắc ở Cao dật đời Đường.

18 Âm Minh Quán người ở Đơn dương đời
19 Đường.

20 Tạ Trí Tạng ở Lam điền thuộc Ung Châu
21 đời Đường.

22 Thích Tuệ Tân ở núi Thần Cao dật đời
23 Đường.

1 Thích Đạo Tiến ở chùa Biện Tài xứ Tây
2 kinh đời Đường

3 (phụ thêm Hồng Xán).

4 Quan đạo sĩ Sử ở Ung Châu đời Đường
5 (phụ thêm con gái họ Quyền ở Tần châu).

6 Thị nữ người Đột Quyết của nhà Tả Tiêu
7 Cơ Thôi Nghĩa Khởi đời Đường.

8 Thích Vạn Trường trụ chùa Hưng Thiện
9 ở xứ Tây Kinh đời Đường
10 (Đạo Nghệ ở Dương châu).

11 Thích Trí Tạng trụ chùa Tịnh Anh ở xứ
12 Tây kinh đời Đường.

13 Thích Hoằng Chiếu ở xứ Ung châu, Cao
14 dật đời Đường

15 (phụ thêm Lý Tín).

16 Tỳ-kheo-ni ở xứ Tô châu, huyện Côn sơn
17 đời Đường.

18 Lại có hai mươi tám người ghi chép tên ở
19 sau.

20

21

22 * **Thích Tuệ Siêu:** Sư họ Phạm, người ở
23 xứ Kiến nguyên thuộc Đôn dương, lúc nhỏ

1 đã có suy tính xa, bầm tánh ôn hòa nhã nhặn
2 sáng suốt, trầm tĩnh có ý tưởng xuất trần. Sư
3 thâm nghiên cứu cùng tột để thành ý nguyện,
4 tụng kinh Pháp Hoa làm việc tu trì. Bây giờ,
5 núi Đại tô ở Quang châu có Thiên sư Tuệ Tư,
6 khéo ngộ nghĩa Nhất thừa, hiểu rõ được diệu
7 chỉ tam quán. Sư Tuệ Siêu nghe những việc
8 ấy liền cùng với các vị Trí Giả Thiên Thai,
9 Tiên Thành Tuệ Mạng, khế hợp kết nhân
10 lành, các Sư nhiều năm tìm đến. Thiên sư
11 Tuệ Tư thường bảo mọi người rằng: Ông
12 Siêu đáng được là người nhận. Pháp sư Tịnh
13 Nghiệp ở Côi Kê, xem quả ở Lam cốc, khâm
14 phục đạo đức của ông Siêu, đích thân Pháp
15 sư đến mời thỉnh, hai Sư cùng ở ẩn tám năm,
16 thường siêng năng tu sáu độ, hơn nữa phép
17 tắc thường rất nghiêm ngặt.

18 Có Sa-môn Cầm Lặc cùng Tuệ Siêu ở ẩn
19 trong lò gạch, suốt trong ba năm. Thời gian
20 sau Sư rũ áo ra đi, Sư Tuệ Siêu bảo chủ lò
21 gạch rằng: Bản đạo ở trong lò gạch tụng kinh
22 Pháp Hoa, đã hơn ngàn biến, hãy quét dọn
23 rẫy nước cúng dường, chớ dùng nữa. Người
24 chủ không tin, vẫn sửa lại chỗ cũ để nung

1 gạch, chỗ ấy bèn biến thành hình hoa sen, cây
2 xung quanh bốn vách, mọi người xa gần đều
3 thấy, thán phục diễm lạ. Sư thường ở chùa
4 tụng kinh, có một con thú dữ, đến nghe Sư
5 tụng kinh, đều được thọ giới quy y, chúng
6 chấp tay thăm hỏi, giống như con chó trong
7 nhà. Sư Tuệ Siêu nói: Đàn-việt muốn đi,
8 chúng liền y theo lời nói mà trở về. Đức hạnh
9 của Sư cảm ứng được chốn u minh, khó ghi
10 chép hết. Sau Sư bị bệnh, đệ tử quỳ khóc hỏi
11 thăm. Sư trả lời: Đây là lẽ thường của ta, sống
12 lâu chẳng mừng, chiều chết không lo. Sư bèn
13 ngồi xoay mặt về hướng Tây nói:

14 *"Đệ nhất nghĩa không.*
15 *Bồ đề nhiên lâu dài"*

16 Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, tức ngày 06
17 tháng 12 niên hiệu Võ Đức năm thứ năm.

18 Sư năm lên chín tuổi đã hiểu đạo, liền
19 tụng kinh Pháp Hoa, tổng cộng hơn năm
20 mươi năm, đến hai mươi ngàn biến.

21 Sư có người đệ tử tên là Tuệ Tư, cũng
22 tụng Pháp Hoa, hơn vạn lần, ngày Sư qua
23 đời, có tràng hoa âm nhạc, bay tới tập òn ào
24 giữa hư không. Tăng chúng ở chùa, đều thấy

1 nghe. Sư lại tự thấy đài hoa đến đón rước. Sư
2 đứng chấp tay đoan an nhiên qua đời, mọi
3 người xa gần đến xem như bức tường ngăn
4 chặn. Sư không cho chôn cất để bố thí các
5 loài cầm thú.

6
7 * *Thanh tín sĩ Vi Trọng Khuê*: Ông là
8 người ở Lâm ngang, bẩm tánh ông rất hiếu
9 kính, được xóm làng cung kính. Năm mười
10 bảy tuổi ông biểu hiện các việc rất kỳ lạ, là
11 người đứng đầu ở Mông dương.

12 Cha ông là Liêm, làm quan ở quận Tư
13 Dương, đã nhiều lần xin về hưu dưỡng già.

14 Vào niên hiệu Võ Đức, cha bị bệnh, ông
15 không ra làm quan mà chỉ hết lòng hiếu
16 dưỡng, sau đó người cha qua đời, ông già từ
17 vợ con, dựng lều tranh bên mộ cha ở đến già.
18 Ông rất tin Phật giáo, tụng kinh Pháp Hoa,
19 ban ngày ông cuốc đất đắp mộ, ban đêm thì
20 chuyên tụng Pháp Hoa, chí thành không mỗi
21 một. Được năm tháng thì có thú dữ, ban đêm
22 đến trước lều tranh, ngồi xồm lên mà nghe
23 kinh, hồi lâu mà nó không đi. Trọng Khuê
24 trong chánh niệm nói rằng "xin mãnh thú

1 đừng làm bức xúc tôi". Mãnh thú liền đứng
2 dậy đi, sáng hôm sau thấy xung quanh mộ
3 mọc cỏ chi, có bảy mươi ba cọng ở ngay
4 trước mộ, sắp hàng thứ lớp, giống như người
5 trồng, mỗi cọng đều đỏ thắm cánh màu tím,
6 đường kính cánh hai tấc, màu sáng khác
7 thường. Xóm giềng báo việc ấy với quan ở
8 Châu huyện.

9 Bảy giờ, có Tân Xuân Xương làm Thứ
10 sử, Thẩm Dụ là Biệt giá, cùng đến chỗ mộ
11 cúng tế, bỗng có một con chim giống như con
12 vịt ngậm hai con cá, mỗi con dài hơn một
13 thước, bay đến đậu ở trước Quan Xương, để
14 cá ở dưới đất rồi đi. Quan Xương, v.v... rất
15 thán phục, hái cỏ chi rồi phong tước, tâu
16 chiếu tuyên dương. Sau không biết nơi ông
17 qua đời.

18
19 * *Thanh tín sĩ Lý Sơn Long*: Sơn Long
20 người ở Bằng Dục. Vào khoảng niên hiệu Võ
21 Đức, ông làm chức Tả giám môn hiệu úy.
22 Bỗng bị bệnh nặng chết, nhưng trên ngực
23 không lạnh. Người nhà chưa dỡ tân liệm, đến
24 ngày thứ bảy thì sống lại. Ông tự nói rằng:

1 Khi sắp chết bị quan ở địa phủ bắt, đến sảnh
2 của một quan Tào, rất hoành tráng, sân ấy
3 cũng rộng, trong sân có mấy ngàn người tù,
4 hoặc gông cùm, hoặc xiềng xích, đều đứng
5 giữa sân. Người sứ dẫn Sơn Long vào sảnh,
6 thấy một vị quan lớn ngồi trên giường cao,
7 có người hầu như vua. Sơn Long hỏi sứ giả:
8 Đây là quan sứ gì? Sứ giả đáp: Là vua. Sơn
9 Long đến dưới bệ, vua hỏi: Lúc còn sống ông
10 làm phước nghiệp gì? Sơn Long đáp: Người
11 trong làng thường lập trai giáng, thường hay
12 bố thí các vật. Vua lại hỏi: Bản thân ông làm
13 phước nghiệp gì? Sơn Long thưa: Tụng kinh
14 Pháp Hoa hai quyển. Vua nói: Hãy lên bệ
15 sảnh. Sơn Long bước lên bệ sảnh, giữa Đông
16 bắc có một tòa cao như tòa giảng. Vua chỉ tòa
17 bảo Sơn Long rằng: Hãy lên tòa này tụng
18 kinh. Sơn Long vâng lời đến chỗ tòa, vua
19 đứng dậy nói: Mời Pháp sư lên tòa. Sơn Long
20 lên tòa rồi, vua bèn đến ngồi cạnh tòa. Sơn
21 Long tụng: "Diệu pháp Liên Hoa kinh phẩm
22 tựa thứ nhất". Vua nói rằng: Xin Pháp sư
23 dừng lại. Sơn Long liền xuống tòa đến đứng
24 dưới bệ, nhìn người tù trong sân đã chết,

1 không còn một người. Vua bảo Sơn Long:
2 Phước của ông tưng kinh, chẳng những lợi
3 mình mà còn giúp cho những người tù trong
4 sân đều nghe kinh được thoát, hà không tốt
5 hay sao? Nay thả ông về lại. Sơn Long lễ bái
6 từ biệt, đi được vài mươi bước thì thấy ba
7 người đến bảo Sơn Long rằng: Vua thả ông
8 đi, xin hãy cầu thả một số chúng tôi. Sơn
9 Long chưa kịp nói, thì quan lại bảo Sơn Long
10 rằng: Vua thả ông, không phải nhờ họ, nhưng
11 ba người ấy là trước ghi chép vua sai người.
12 Sơn Long nghe hoảng sợ, ta lỗi ba người
13 rằng: Kẻ ngu không biết ông, xin đến nhà hãy
14 chuẩn bị đủ đồ vật, nhưng tôi không biết đưa
15 đi ở nơi nào. Ba người nói rằng: Đưa ở bên
16 sông. Sơn Long nghe theo rồi từ biệt về nhà,
17 thấy người nhà đang than khóc chuẩn bị tẩn
18 liệm. Sơn Long về đến bên xác chết, xác chết
19 liền sống lại. Sau đó, Sơn Long cắt làm tiền
20 lụa, rượu và thức ăn, đưa đến bên sông, bỗng
21 thấy ba người từ tạ, hồ thẹn cảm ơn, nói xong
22 thì biến mất.

23

24 * *Thích Tuệ Hiển*: Sư người ở nước Bá

1 Tề, xuất gia từ nhỏ, dốc lòng tinh chuyên, lấy
 2 việc tụng kinh Pháp Hoa làm tu nghiệp. Sư
 3 cầu phước thỉnh nguyện, được toại nguyện
 4 rất nhiều, nghe giảng Tam luận, lại theo nghe
 5 thọ pháp. Sư càng mệt mỏi, càng thêm suy
 6 nghĩ cố gắng. Ban đầu Sư trụ chùa Tu Đức ở
 7 Bắc bộ thuộc bốn quốc. Khi chúng đông thì
 8 giảng, không còn tụng suông, khắp nơi nghe
 9 tiếng tăm, đến núi ồn ào liên tục. Sư lại đến
 10 núi Đạt noa ở phương nam, núi cao chót vót,
 11 vách núi lại vững chắc, dầu có người đến
 12 thăm, phải trèo lên rất gian nan nguy hiểm. Sư
 13 Tuệ Hiển tĩnh tọa trong núi, chuyên tu như
 14 cũ. Sư qua đời ở đó, các bạn đồng học khiêng
 15 tử thi Sư để trong hang đá, hỏ ăn hết thân thể,
 16 chỉ còn lại xương sọ và lưỡi. Ba ngày sau,
 17 lưỡi Sư càng đỏ hồng, mềm mại hơn lúc bình
 18 thường. Sau đó mới biến sang màu tím, cứng
 19 như đá, mọi người lấy làm lạ mà tôn kính,
 20 thờ trong tháp đá. Bảy giờ, Sư năm mươi tám
 21 tuổi, vào niên hiệu Trinh Quán năm đầu.

22

23 * **Thích Pháp Trí:** Sư người ở Tuyên
 24 Thành, xuất gia từ nhỏ, tinh tấn siêng năng

1 khô² nhọc giới hạnh. Sư không tham gia việc
2 thế tục, ở trong núi rừng, chí cầu thanh tịnh,
3 tụng bộ kinh Pháp Hoa, không hề biếng nhác,
4 âm vận trong suốt, câu chữ rõ ràng. Sư
5 thường ngày xướng tụng, mọi người đều
6 thích nghe. Người đương thời gọi là Trí Pháp
7 Hoa. Đầu niên hiệu Trinh Quán, Sư trụ chùa
8 Định lâm trên núi Tương.

9 Một đêm, tụng đến phẩm Bảo Tháp, lúc
10 ấy mưa gió tối tăm mù mịt, sấm sét rất to. Sư
11 tụng niệm không ngừng, chúng tăng ở các
12 phòng, đều ra ngoài xem sấm chớp, mỗi khi
13 ánh chớp lác lên thì thấy một tháp báu ở giữa
14 hư không, có đại chúng đi nhiễu xung quanh.
15 Chúng tăng trong chùa kinh lạ, đều cùng
16 nhau ra xem, đến lúc mưa tạnh thì không hiện
17 nữa, chúng tăng đều khen ngợi, biết là do
18 người trì kinh cảm ứng được.

19
20 * **Thích Di Tục:** Không biết Sư người ở
21 xứ nào, vào đầu nhà Đường, Sư đến nhà
22 Đương Lục ở làng Nam mỹ tuyên, huyện Lễ
23 tuyên ở Ung Châu người trong trấn thường
24 được cúng dường, Sư thanh liêm, ít ham

1 muốn, chỉ tụng kinh Pháp Hoa làm sự
2 nghiệp, ngày đêm liên tục, cho đến mấy ngàn
3 biến.

4 Vào đầu niên hiệu Trinh Quán, vì bệnh
5 sắp chết, Sư di chúc người bạn là Tuệ Quách
6 rằng: Tôi tụng kinh ý thường mong linh
7 nghiệm, do lúc bình thường tôi tin hướng
8 thiện, nếu khi chết đi, không cần để lộ hình
9 hài, chôn được mười năm, thì hãy đào lên,
10 nếu cuống lười tan rã thì biết không duy trì
11 được, nếu như còn sống thì hãy bảo người
12 đào kẻ tục, vì tôi xây tháp để chỉ bày điều linh
13 cảm. Sư nói xong thì qua đời.

14 Tuệ Quách y theo lời chôn cất Sư. Đến
15 niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một,
16 Tuệ Quách cùng các bạn cũ, đến đào mộ Sư,
17 thân thịt đều tiêu hết, chỉ có cuống lười
18 không vỡ nát. Các nam nữ cả huyện đều
19 kính mến, lưu truyền trì tụng, lại càng hơn
20 nhiều lần. Tuệ Quách bèn lấy hòm đựng
21 cuống lười ấy, rồi xây tháp gạch thờ ở Nam
22 ngạn thuộc Tam cốc ở phía bắc thôn Dương
23 Lục. Những người hiểu biết đều tôn kính,
24 càng thêm dốc lòng tin ngưỡng.

1
2 * **Thích Pháp Hỷ:** Sư họ Lý, người ở xứ
3 Tương Dương, xuất gia năm bảy tuổi, thờ
4 Thiền sư Hạo làm thầy. Sư làm Sa-di chùa
5 núi Thanh Khê ở Kinh châu, có hơn bốn mươi
6 vị tăng, đích thân Sư làm việc hầu hạ, ban
7 ngày thì thổi nấu, ban đêm thì tụng tập kinh
8 điển, ở núi không có đèn đuốc, đốt củi khô
9 làm ánh sáng. Thời khóa mỗi đêm Sư tụng
10 thuộc một tờ, như vậy nhiều thời gian, các
11 nhân duyên đã thông suốt. Tuy Sư học các
12 kinh bộ, mà chỉ lấy Pháp Hoa làm y cứ. Sư
13 thường tranh thủ thời gian trong lúc ăn và
14 nghỉ, tụng hết một quyển, còn bao nhiêu thời
15 gian thì trước là thiền định, niệm Phật. Vừa
16 có tâm lơ mơ thì liền ôn cái cũ. Hơn nữa, Sư
17 Hạo qua đời mà ý Sư muốn linh hồn chôn u
18 minh được thanh thản, nguyện tụng ngàn
19 biển Pháp Hoa, do đó không ở phòng cũ, mà
20 đi nhiều quanh tháp, thực hành hai oai nghi
21 đi và ngồi, Sư lập thế hết bản nguyện, đủ số
22 tám trăm, tinh tấn cố gắng, thức khuya dậy
23 sớm, giữ tâm không tán loạn, biết chuyển đổi
24 thân thể khỏe mạnh. Chúng tăng cùng chùa,

1 thấy xa giá trâu trắng, đem xe báu vào trong
2 phòng Sư, chúng tăng thì theo đến xem, rõ
3 ràng không có tụng kinh, mới biết Sư cảm
4 hóa được đến chốn u minh, những điều Sư
5 làm đều khế hợp với giáo môn.

6 Niên hiệu Võ Đức năm thứ tư, Tiêu Vũ
7 mời Sư trụ trì chùa Tâm Lương, sau Sư về ở
8 ẩn ở đất Ly, dưỡng già. Sư tìm cách chữa các
9 bệnh trong bụng. Sư bắt luận khách hay bạn
10 thân, đều chu cấp thăm hỏi, đích thân Sư
11 chữa bệnh, đến nỗi Sư ói ra phân tiểu, máu
12 mủ, Sư đều đến nơi ói mửa không màng dơ
13 bẩn, hèn hạ, trong lòng càng thêm vui thích,
14 cho đó là việc bình thường.

15 Mùa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ
16 sáu, vết thương của Sư bị nhiễm trùng nhẹ,
17 tự biết sống không được bao lâu, thầy thuốc
18 cố gắng chữa, nhưng Sư không chịu uống
19 thuốc. Đến ngày 12 tháng 10 Sư bảo các đệ
20 tử:

21 "Vô thường đến Chớ khuấy nhiễu ồn ào.
22 Phải im lặng thiên định, ta biết giờ đi, chớ
23 cho người khác biết".

24 Sư liền vào phòng, thường nói ba cõi hư

1 không chỉ là nhất tâm. Đại chúng bỗng nghe
2 rừng phía Bắc có tiếng động xe âm nhạc, do
3 đó Sư bảo chúng:

4 "Quả bảo thế gian, đã bỏ lâu rồi, tại sao
5 sinh ở chỗ vui, rốt ráo lại ràng buộc".

6 Nói xong, Sư nhập định, trong chốc lát
7 tiếng Sư dứt, đầy các mùi hương thơm, suốt
8 đầu canh năm, Sư ngồi thẳng mà qua đời, Sư
9 thọ tám mươi một tuổi, hình sắc tươi sáng,
10 như thường ở trong định.

11

12 * **Thích Đạo Quỳnh:** Sư họ Trương,
13 không biết người xứ nào. Vào niên hiệu
14 Trinh Quán khoảng năm thứ sáu, thứ bảy, Sư
15 trụ chùa Thê Huyền ở Kim lăng, không
16 chuyên các hạnh nghiệp khác mà chỉ chuyên
17 tụng kinh Pháp Hoa, âm vận của Sư thanh
18 nhã, mọi người đều thích nghe. Sư cùng Sa-
19 môn tự là Pháp Mẫn ở chung phòng.

20 Cứ vào lúc gần sáng, thì Sư ngồi thẳng
21 tụng kinh, Sư Pháp Mẫn ở giường bên, cời
22 đàn mà ngủ, thân thể Pháp Mẫn rất khỏe
23 mạnh. Lúc mới đến không bị bệnh, bỗng
24 nhiên Pháp Mẫn từ trên giường ngủ lăn

1 xuống đất, như có sức người lôi kéo, bị đánh
2 bằng gậy, phải cầu xin tha cho, những việc
3 như vậy chẳng phải một.

4 Đạo Quỳnh thấy hoảng sợ kêu la thất
5 thanh, cả chùa kinh hoảng chạy ra, cho là thú
6 dữ. Trong chốc lát thấy báo tượng của ông
7 Quỳnh mới đầu cùng đợi xem, thấy đánh đập
8 Pháp Mãn không thôi, qua một ngày sau, dần
9 dần tỉnh lại, nhưng đã mất bốn tâm. Đạo
10 Quỳnh hỏi lý do. Pháp Mãn đáp: Thấy có
11 thần quỷ tức giận quở trách vì ở trần nằm
12 ngửa, không cung kính kinh điển.

13
14 * **Thích Trí Hữu:** Người ở Tương châu,
15 không rõ xuất thân từ dòng họ nào, còn nhỏ
16 Sư đã trai giới nghiêm túc, Sư thường tĩnh
17 tọa không xen vào các việc trần, lúc còn trẻ
18 đã lìa tục, yêu thích kinh điển. Sư tụng trì
19 ngày đêm, không hề bỏ một ngày. Khi đến
20 nước Trần, Sư trụ chùa Bảo Vân ở huyện Hoa
21 Nguyên. Tuy từ Nam sang Bắc, nhưng việc
22 tụng niệm không thiếu. Lúc Sư tụng kinh,
23 khói hương không dứt, tính đã được bốn
24 mươi hai năm, tính theo thứ lớp gần năm

1 muôn biên. Bình đựng nước tắm, thường tự
2 đây.

3 Niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám, Sư
4 không bệnh ngồi tĩnh tọa mà qua đời ở chùa,
5 thọ bảy mươi hai tuổi. Ngày Sư sắp qua đời,
6 có nhạc trời đến đón, nhà cửa ở giữa hư
7 không, nghe tiếng nhạc hồi lâu, lại có mùi
8 thơm như mây, lan khắp nhà cửa, mọi người
9 trong ấy không thấy nhau, một hồi lâu mới
10 dứt. Đệ tử Đức Tạng và nhân sĩ thứ trong
11 làng có hơn ngàn người, sau đó dời quan tài
12 về Am ở phía Đông nam, ngồi dưới gốc cây,
13 qua đêm đến xem không biết Sư ở đâu.

14
15 * **Thích Pháp Thành:** Sư họ Phàn, người
16 ở Vạn niên thuộc Ứng châu, xuất gia từ nhỏ,
17 Sư làm đệ tử Thần tăng Tăng Hòa, ngài Tăng
18 Hòa đặc biệt có cái gương soi, nên biết Sư
19 có danh khí. Bèn bảo Sư đến Thiền sư Tương
20 ở chùa Thiền Lâm tu theo thiền định, chưa
21 đầy mấy năm, Sư thăng đường giảng nghĩa
22 sâu kín. Sau Sư gặp ngài Siêu Công, ở ẩn
23 Lam cốc. Sư Pháp Thành thỉnh dạy dỗ, siêng
24 năng không biếng nhác, tuy tuệ giải thông

1 suốt, nhưng Sư lấy việc đọc tụng kinh Pháp
2 Hoa làm tu nghiệp, tâm sức thường mỗi mệt,
3 thì sẽ bỏ thọ trì, nên sự hành đạo theo Quán
4 Âm để thăm cầu cứu giúp. Đủ hai mươi một
5 ngày, Sư ở trước Phật, bỗng thấy một người
6 cao lớn mặc áo trắng, cầm một bình thuốc,
7 đưa cho Sư uống, từ đó về sau tâm lực khỏe
8 mạnh hơn lúc bình thường. Sư đọc tụng
9 không ngừng, mỗi mùa hạ hơn năm trăm
10 biến, sáu ngày trai thêm bảy biến, nếu muốn
11 hơn số này cũng không bị mệt mỏi. Tính
12 khoảng mười năm, sẽ hơn muôn lần, Sư
13 thường nghe trên hư không trời nhạc, sắt đá
14 vang rền, đến khi tiếng tụng kinh vang khắp
15 thì mới dứt. Lại có một Thanh Tín Sĩ ở trong
16 thôn, thường cúng dường Sư Pháp Thánh.
17 Trong gia đình bỗng bị bệnh nặng, kẻ lớn
18 người nhỏ hơn mười người, đều rất nguy
19 kịch. Thanh Tín lo sợ, xin Sư Pháp Thành
20 cứu giúp, Sư bèn dẫn đến giảng đường Pháp
21 Hoa trước hai bức tranh vẽ hai vị thần, Sư chỉ
22 và nói rằng: Đàn-việt đây tín tâm chân thật,
23 mà gia đình bị bệnh nặng, ông hãy theo tôi
24 chữa bệnh cho họ. Người kia liền trở về,

1 những người bệnh đều thấy hai vị thần, dùng
2 tay vỗ về, liền đó thuyên giảm.

3 Lại có người hung ác muốn lén hại sư
4 Pháp Thành, ban đêm người ấy đến chỗ Sư,
5 thấy trong cửa lửa dữ cháy đỏ, người ấy hồ
6 thẹn hỏi hận trở về.

7 Cuối mùa hạ an cư niên hiệu Trinh Quán
8 năm thứ mười bốn, bỗng nhiên Sư bị bệnh,
9 tự biết mình sắp đi, Sư nguyện sinh lên cõi
10 trời Đâu-suất, sau đó Sư tắm gội, chí thành
11 ước hẹn, đến cuối tháng, Sư bảo rằng: Muốn
12 đi thì thẳng vào, cần gì đờn ca? Sư ngó lại thị
13 giả, bảo: Có đồng tử đón rước ta, hiện ở ngoài
14 cửa, ta sắp đi rồi.

15 "Chánh giới Đức Như Lai Khuyến khích
16 mọi người tu. Sau này không hối hận".

17 Sư nói xong, trong miệng phát ra ánh
18 sáng, chói rực cả phòng, lại nghe có mùi
19 thơm lạ phảng phất. Mọi người thấy Sư ngồi
20 thẳng an nhiên, bất giác qua đời. Sư thọ bảy
21 mươi tám tuổi.

22 Vào tháng bảy niên hiệu Trinh Quán năm
23 thứ mười bốn, có người Dương Nan tục sĩ
24 đến, là người ở bốn huyện. Ông còn nhỏ mà

1 tánh tình ngay thẳng, không giao du với các
 2 việc phạm tục, khi tuổi trưởng thành, mới cầu
 3 kinh điển pháp mầu. Ông nghe Sư Pháp
 4 Thành có đạo hạnh, bèn cầu Sư làm thầy. Sư
 5 trao cho ông kinh Pháp Hoa, trong khoảng
 6 mấy tháng, ông đều tụng thông suốt, cố gắng
 7 tinh chuyên luyện tập, sớm tối quên mỗi mệt.
 8 Tuy làm việc theo chúng mà tiếng tụng kinh
 9 không ngừng. Sau đó, ông không bệnh mà an
 10 nhiên qua đời. Khi hỏa thiêu, xương sọ và
 11 cuống lười vẫn còn, do đó Sư Pháp Thành
 12 đem cát, đựng trong hòm đá, thờ trong giảng
 13 đường Pháp Hoa. Bảy giờ, tín đồ càng thêm
 14 cúng dường, và thường nghe tiếng tụng kinh
 15 trong hòm, hòm đá lay động, lời và câu rõ
 16 ràng, người nghe kinh sợ, và biết đó là do
 17 năng lực thọ trì.

18
 19 * **Thích Trí Thông:** Không rõ Sư người
 20 ở đâu, thường tụng kinh Pháp Hoa, nghe
 21 giảng Tam luận. Sau thời Trần Bình, Sư đến
 22 Giang Châu, trụ chùa An lạc ở Dương châu.
 23 Thời Đại nghiệp đã suy tàn, Sư nghĩ rốt cuộc
 24 không có phương kế, nên ở ẩn trong Giang

1 địch, tụng kinh Pháp Hoa, cảm hóa được bốn
2 con hồ vầy quanh nghe Sư tụng kinh. Sư nhin
3 ăn mười ngày, mới đầu không đói khát, Sư
4 bảo hồ rằng: Mạng ta trong chốc lát, ngươi
5 hãy nên ăn thịt đi, con hồ bỗng làm theo lời
6 Sư, tự nhiên trên hư không nói có tiếng
7 "không có việc ấy". Bỗng thấy một ông lão
8 khoảng tám mươi tuổi, dẫn theo một con
9 thuyền, ông lão đến chỗ sư Trí Thông nói: Sư
10 muốn qua sông, trụ ở Thê Hà, thì nên lên
11 thuyền. Bốn con hồ đồng thời rơi nước mắt.
12 Sư Trí Thông nói với ông lão: Cứu nguy cứu
13 nạn, đang còn ngày nay, nên đón bốn con hồ,
14 bèn đi nhanh đến Nam ngạn. Rồi thuyền và
15 người không biết ở đâu. Sư Trí Thông dẫn
16 bốn con hồ đồng đến phía Tây tháp xá-lợi
17 Thê Hà, ngồi thiền kinh hành, thệ không nằm
18 ngủ, đồ chúng của Sư hơn tám mươi người,
19 đều không ra khỏi viện, nếu có việc dữ, thì
20 một con hồ vào chùa lớn tiếng báo cho chúng
21 biết, nhờ đó mà họ sợ và biết được. Đến ngày
22 mùng 08 tháng 04 niên hiệu Trinh Quán năm
23 thứ hai mươi bảy, khi tiểu thực xong, đến
24 Hung hoàng Chỉ quán, lễ ảnh tượng Đại sư,

1 rồi trở về phòng, ngồi an nhiên mà qua đời,
2 có mùi thơm lạ đầy khắp. Có nước Quách ở
3 Đơn Dương, người đạo kẻ tục, thọ giới hơn
4 ba ngàn người, chạy lên núi, buồn khóc thảm
5 thiết ở rừng hoang, lúc bảy giờ Sư thọ chín
6 mươi chín tuổi.

7
8 * **Thích Tăng Triệt:** Không rõ Sư người
9 ở đâu, trụ chùa Hãm tuyên ở núi Nam cô
10 thuộc Hàng châu, Sư thường tiếp xúc với
11 những người bệnh hủi, dẫn họ vào núi để đào
12 hang lỗ cho họ ăn, cho tụng kinh Pháp Hoa.
13 Người bệnh hủi vốn không biết chữ, lại thêm
14 ngu dốt, mỗi câu phải dạy họ, Sư không hề
15 mỏi mệt, tụng kinh đến phân nửa, họ nằm
16 mộng thấy có người dạy, từ đó về sau có chút
17 ít sáng suốt, họ tụng được quyển năm, sáu
18 các mục ghi, cảm thấy lần lần lành bệnh.
19 Tụng một bộ xong rồi, râu tóc bình phục,
20 màu da như thường. Nên trong kinh nói:
21 Thuộc hay chữa bệnh, đây quả thật là ứng
22 nghiệm.

23
24 * **Thanh tín sĩ sử Ha Thệ:** Ha Thệ ở làng

1 Phong cốc thuộc Tây nam kinh thành, lúc
2 nhỏ ông đã có tâm lành, Ha Thệ thường tụng
3 kinh Pháp Hoa, thực hành hạnh an vui, từ bi
4 ở trong tâm, không chứa sản phẩm chăn nuôi,
5 tất cả là hư huyễn, danh tiếng thấm nhuần
6 lệnh sử, qua lại kinh thành, tụng kinh Pháp
7 Hoa làm tu nghiệp, e rằng đi đường người
8 gặp biết ông, mọi người thăm hỏi, lại bỏ việc
9 đọc tụng, cho nên ông luôn đi đường tắt. Sư
10 tụng nhỏ tiếng, diện mạo vui vẻ, duyên niệm
11 nối nhau, đến khi qua đời, cảm thấy có mùi
12 thơm lạ đầy khắp làng. Mười năm sau, người
13 vợ đào ra, chỉ còn cuống lưỡi tươi đẹp, còn
14 bao nhiêu điều vừa nát, vì diêm lạ ấy nên tôi
15 đặc biệt nêu ở đây.

16 Lại có Thích Đạo Chánh, là vị tăng trụ
17 chùa Bạch mã ở Kim lăng, là vị Tăng tụng
18 kinh Pháp Hoa, sau khi Sư chết, hỏa táng thi
19 hài, ở trong đó, có một cuống lưỡi, y nguyên
20 không nát rữa, người đạo kẻ tục đều khen
21 ngợi thần phục.

22

23 * *Thích Huyền Chân*: Sư họ Bằng,
24 người ở Thọ Xuân, xuất gia từ nhỏ. Sư đến

1 Dương thổ, trụ chùa Vĩnh phước, tụng một
2 bộ kinh Pháp Hoa, không lúc nào biếng nhác,
3 dừng nghỉ.

4 Bảy giờ, vào đêm trăng mùa Thu, Sư
5 đang trì tụng kinh Pháp Hoa mới đến nửa
6 quyền bảy thì phòng bên cạnh có một vị Sa-
7 môn bỗng nhiên đứng, giống như ở cạnh
8 giường, Sư bèn thấy giữa sân có bóng người
9 to lớn, Sư ngẩng đầu nhìn bốn phía, liền nhìn
10 giữa hư không, có một vị thần, đứng sừng
11 sững, vị Sa-môn này đứng yên một chỗ
12 chiêm ngưỡng, không hề dời bước, đứng hồi
13 lâu, văn kinh cũng tụng vang, vị thần bỗng
14 biến mất. Chúng tăng từ đây về sau học tụng
15 thọ trì không biếng nhác.

16
17 * **Thích Chánh Tắc:** Sư họ Trương, xuất
18 gia từ nhỏ, không phạm việc ăn mặn, hơn
19 năm mươi tuổi mà giới hạnh không thiếu. Sư
20 tụng kinh Pháp Hoa, câu văn thông suốt,
21 ngày đêm tụng niệm, miệng không hề ngừng
22 nghỉ. Người đương thời gọi Sư là Tắc Pháp
23 Hoa. Nhà Chủ Uẩn rất kính tin, ở trong nhà,
24 làm riêng một viện, lập Phật đường phòng

1 tăng. Sư Pháp Tắc do các việc nên ra khỏi
2 thành, liền ở trong nhà ấy, bỗng Sư bị bệnh
3 nặng, và qua đời tại nhà ông Chử Uẩn. Sư
4 qua đời thì đưa về lại chùa, khi đưa sư Pháp
5 Tắc đi rồi, thì chỗ phòng ngủ của Sư có mùi
6 thơm lạ dày đặc, bảy ngày sau mới hết, mùi
7 thơm đó rất ngào ngạt, qua hai ngày sau, thì
8 hơi đó mới dứt, gia đình Chử Uẩn đến bên
9 mộ thì thấy sư Pháp Tắc vừa tỉnh lại. Sư bảo
10 các đệ tử rằng: Ta đến một nơi thấy cung điện
11 cao đẹp tráng lệ, bảy báu trang nghiêm, cây
12 báu ao vàng rất kỳ lạ, cũng không thể đem
13 việc thế gian sánh được. Lại thấy có vô lượng
14 các bậc thánh tăng, thật vui sướng không thể
15 nói hết, sau trải qua sự tín túc rồi mới dứt, Sư
16 thọ hơn bảy mươi tuổi.

17

18 * *Thanh Tín Sĩ Âm minh Quán:* Ông
19 người ở thôn Tiểu trâu thuộc Đơn dương,
20 xuất gia từ nhỏ, không làm những hạnh khác,
21 mà chỉ tụng kinh Pháp Hoa, sau đó ông hoàn
22 tục có vợ con, gia đình làm nghề nông, bị
23 quan sai khiến, cuộc sống phải cố gắng làm
24 mà gia nghiệp vẫn rất nghèo, áo cơm không

1 đủ, nhưng miệng thường tụng kinh, không hề
2 tạm dừng, chỉ trừ các việc ăn ngủ, tiểu tiện,
3 theo lệnh quan tư nhân, ông đều không bỏ
4 tụng.

5 Sau đó, giữa đêm bỗng nghe giữa hư
6 không có người kêu Âm Minh Quán Âm
7 Minh Quán rất rõ ràng, Âm Quán đứng dậy
8 đáp dạ. Người trong hư không lại nói rằng:
9 Ông đứng dậy theo ta, ta cho ông vàng bạc
10 của báu, của báu ở đầu phía Đông Nam điện
11 của thôn, dưới cây đại huỳnh liên ông hãy
12 đến đó lấy. Minh Quán ôm lòng vui thích,
13 liền đứng dậy kêu vợ con đi, cầm đuốc và
14 cuộc xẻng cùng vào trong vườn, người con
15 thấy cha đi đến còn nghi ngờ hỏi hạn, người
16 con nói: Làm sao bỗng nhiên nửa đêm lấy
17 được vàng, hay cha bị điên cuồng. Người cha
18 cố đi và đến dưới gốc cây đào, rõ ràng là
19 không thấy vàng, người con lại ngăn cha, một
20 lát sau nghe trên hư không có tiếng nói rằng:
21 Nên đến gần phía trước hơn, người cha y theo
22 lời nói đi đến đào lấy, quả nhiên có vàng, nhờ
23 đó gia nghiệp được phát triển, lại có nạn đói
24 rét nghèo khổ giữa đường, trong thôn xóm,

lấy làm lạ cho ông được điều lạ thường, vì có người nghi, ông Quán bèn đến trình bày đủ mọi việc với cha già, rồi càng siêng năng tụng tập.

*** Thanh Tín Sĩ Tạ Trí Tạng:** Ông là người ở Lâm điền thuộc Ứng châu. Tuy ông ở điền gia, mà thường giữ năm giới, nhân duyên không lâu ông đến huyện hạ, thấy trong chùa có vị Sa-môn giảng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Công đức Trì kinh thứ sáu nói về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, ông bèn phát tâm quy y, tụng trì hết quyển sáu, trừ khi có nhân sự, thì không hề dừng nghỉ. Tâm ông nguyện càng tinh tấn tụng thêm quyển khác. Đã ở xa đồng ruộng, lại không có giáo thọ, mới định bỏ nhà tìm thầy, thì nghiệp nhà lại phải phế bỏ, ngày đêm ông Quán nghĩ mong gặp được minh sư. Mấy năm sau, bỗng gặp vị tăng người Bà-la-môn đến kêu cửa Trí Tạng, hỏi Trí Tạng: Ông có thức ăn không, xin cho tôi một bữa trai ngọ. Trí Tạng vui mừng thưa: Trong nhà có sẵn, liền sắm đủ cơm rau đúng như pháp cúng dường, vị tăng

1 ăn xong, bảo Trí Tạng rằng: Nếu ông muốn
2 thọ trì kinh Pháp Hoa hãy đem bồn đến. Trí
3 Tạng vui mừng, quả thật được sở nguyện, Trí
4 Tạng liền trao cho vị tăng quyền kinh, vừa từ
5 nghe thọ, lại không quên sót, khi thọ kinh
6 xong, bỗng nhiên không thấy vị tăng. Trí
7 Tạng trong lòng suy nghĩ rất buồn rầu, hối
8 hận vì không biết đó là vị thần, khi Sư đi rồi,
9 chỉ nghe mùi thơm lạ, mấy ngày mà không
10 tan.

11
12 * **Thích Tuệ Tân:** Ông họ Tiền, không
13 biết người ở đâu, xuất gia từ nhỏ, chuyên tu
14 thiền quán ở ngọn Lô khuông sơn. Ông
15 thường đi thăm mà miệng luôn tụng kinh
16 pháp không ngừng, sớm chiều trừ khi ăn ngủ,
17 không hề tạm nghỉ. Khi Sư tụng xong, phải
18 đi bộ vài bước, rảy nước quét sạch sẽ.

19 Đến giờ lượm hoa, Sư trang hoàng rất
20 trang nghiêm, ở chính giữa khoảng năm - sáu
21 tấc, treo cò đốt hương, lập riêng một cái tòa.
22 Sư đắp y mới, lễ Phật mười phương, chấp tay
23 ngồi thẳng rồi mới tụng, tụng đủ muôn biến,
24 bỗng mang máng như mây mù. Bên trong

1 thấy ba lần thay đổi, thành tám phương có
2 cây báu tòa báu, có chư Phật Bồ-tát lơ mờ
3 hiện ra trước mắt, đến một muôn năm ngàn
4 lần, thì rõ ràng thấy đủ, sau đó không biết nơi
5 Sư qua đời.

6
7 * **Thích Đạo Tiến:** Không rõ Sư họ gì, là
8 người ở Kinh châu. Giới nghiệp rất siêng
9 năng. Sư thường tụng kinh, thân mặc vải bố,
10 ngày ăn một bữa, nhưng hầu như sức của Sư
11 vẫn hơn người.

12 Sau đó, Sư đến Quan Phục, ở đó mời Sư
13 ở lại với luật sư Đạo Tuyên, Sư thăm hỏi và
14 muốn cầu được pháp yếu, cố gắng lựa chọn
15 bậc tiền hiền, sau nhân đó hỏi rộng về diệu
16 luật, Sư ở lại chùa Biện Tài. Bỗng nhiên thân
17 bị ngất xỉu, suốt mấy ngày. Sư thấy bị Minh
18 Quan tra hỏi ghi chép, đem đến trước vua.
19 Vua nói: Sư tụng kinh Pháp Hoa hành luật
20 thanh tịnh, được sinh lên cõi trời thứ tư, là
21 nơi của các bậc từ tôn. Các vua quan minh
22 đạo thừa: Đệ tử thân tội ác, e không gặp lại
23 Sư, cho nên muốn gặp Sư, nguyện xin cứu
24 giúp. Đạo Sán tạm thời sống lại, đến chư tăng

1 trình bày đủ mọi việc, nói xong Sư qua đời.

2 Lại có Thích Hồng Xáng Sư cũng tụng
3 kinh Pháp Hoa, lại có vị thần ở chùa Sơn
4 thần, thường qua lại lễ bái, v.v...

5 Sử Sùng, người ở Giao nam thuộc
6 Trường an, ông còn nhỏ đã có tâm với đạo,
7 nhưng đã dự vào cuộc Hoàng Cân, ở Huyền
8 đô quán. Sau ông bỗng phát tâm, tụng kinh
9 Pháp Hoa, mỗi ngày một quyển, ông lập
10 tượng Phật riêng, lễ sám sáu thời, thường bị
11 các đạo ganh ghét, do đây ông trở về tục,
12 càng chuyên tinh phùng tụng, sau ông bị
13 bệnh nặng và chết, bảy giờ là giữa mùa hạ,
14 nhưng không có chút biến hoại, chỉ nghe mùi
15 thơm, bà con ông kính cẩn lập bàn thờ ở gần
16 bên, thường nghe mùi thơm. Sau qua hơn
17 một năm, gân thịt đều rã hết, chỉ còn lại
18 cuống lưỡi, màu sắc cũng như người thường
19 chẳng khác. Có người nghi sợ, bèn lấy lửa
20 thiêu thì nó không biến hoại, búa chặt không
21 đứt, các nơi xa gần thấy nghe, càng kính tin
22 hơn.

23 Ở Tân châu có con gái họ Quyền thường
24 tụng kinh Pháp Hoa, sau khi chết hơn mười

1 năm, nhà cô định thay đổi nơi an táng, nhưng
2 cả nhà thấy xương thịt của cô, đều tiêu tan
3 hết, chỉ còn cuống lười vẫn như còn sống.

4 * *Tả Tiêu Cơ Thôi Nghĩa Khởi:*

5 Nhà Nghĩa Khởi có một thị nữ người Đột-
6 quyết, vốn không biết chữ. Vào giữa niên
7 hiệu Tân Đức bị bệnh chết, qua một đêm thấy
8 một vị tăng Ấn-độ, Đột-quyết cầu xin, vị tăng
9 dùng gỗ tích trượng lên đánh Đột-quyết, dạy
10 tụng một bộ kinh Pháp Hoa, bằng tiếng
11 Phạm, đến gần sáng Đột-quyết sống lại, tự kê
12 lại các việc ấy, mọi người không tin, Đột-
13 quyết bảo Nghĩa Khởi, Nghĩa Khởi đọc thử,
14 Đột-quyết lại tụng kinh như nước chảy, gia
15 đình liền thính vị tăng Tây Vực đến, nghe thị
16 nữ đọc tụng kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối,
17 ngôn từ âm thanh thông suốt và chính xác,
18 không sót một chữ.

19 Người thời bấy giờ đem tâu với vua Tần
20 Châu. Vua nói: Minh Đạo như thế, há không
21 tin hay sao? Triều thần đương thời chẳng ai
22 không biết.

1 * *Thích Vạn Tường*: Sư họ Đỗ, người ở
2 Vạn niên thuộc Ứng châu, từ nhỏ Sư đã chọn
3 lựa khắp các thầy danh đức. Về giới luật sư
4 quý trọng như châu báu và thông suốt, biển
5 học sâu rộng, Sư thường tụng kinh pháp và
6 hiểu hết được nghĩa lý. Mỗi khi giảng hơn
7 mười lần dùng phước tuệ để giúp nhau, lòng
8 từ rộng rãi tánh tình nhu hòa, Sư dùng
9 phương tiện khéo léo và dùng công phu để
10 dạy dỗ, khuyên răn mọi người.

11 Do chánh điện chùa Hưng Thiện bỗng
12 nhiên bị hỏa tai cháy sạch, thay nhau xây lại
13 nhiều lần mới hoàn thành, Sư có năng lực
14 như vậy. Sư cho khắc bộ kinh Pháp Hoa vào
15 đá ở phía Bắc của chánh điện, rất trang
16 nghiêm hùng vĩ, thật xứng với kỳ công tuyệt
17 tác.

18 Sư thường tụng kinh trong am tranh,
19 thình lình có con chim trĩ màu trắng bay đến
20 nép mình bên Sư, Sư đưa tay bắt lấy, nó
21 không hề sợ sệt và theo Sư ra vào, ở đó hơn
22 mười ngày.

23 Lại có cây ở phía sau phòng và khám thờ
24 tượng bằng đồng mạ vàng, nhưng Sư không

1 làm sao đến chỗ đó được, đồng thời có đôi
2 chim tước màu xanh đứng hầu hai bên tượng.
3 Sau đó, Sư thâu lấy được tượng, thì bỗng
4 nhiên đôi chim bay đi, hoặc có khi lửa tro
5 trong lò tự nhiên bay ra. Có khi trong đám cỏ
6 sau giường nằm thường thoảng ra mùi thơm
7 lạ.

8 Một hôm, Sư tĩnh tọa đến nửa đêm thì
9 bỗng nhiên dường như chiêm bao, thấy có
10 khoảng ngàn ngôi sao sáng trên bầu trời về
11 hướng Tây bắc. Nhìn một lúc lâu thì biến
12 thành tháp báu cao rộng trang nghiêm, trông
13 từ xa không thấy ranh giới, lại thấy bảy ngôi
14 sao mọc hướng Đông bắc, lớn hơn tám
15 thước, chưa kịp nhìn hết toàn bộ thì thấy bảy
16 vị Phật từ trong ngôi sao bước ra, dung nghi
17 đẹp đẽ vàng rực tự nhiên.

18 Sư thường cầu nguyện thấy được bảy vị
19 Phật và tháp Phật Đa Bảo, trong lúc chiêm
20 bao buồn vui lẫn lộn, Sư lễ bái khen ngợi,
21 trong lúc Sư chọn còn thiếu, một điều nhỏ
22 cũng không mất. Mỗi lần tụng hơn bốn ngàn
23 biến. Khi sắp qua đời Sư bảo môn nhân như
24 Nhã Thăng, v.v... xưng danh hiệu Bồ-tát Phổ

1 Hiền, lát sau Sư tự nói: "Bồ-tát Phổ Hiền
2 đến", rồi nằm nghiêng bên phải thị tịch tại
3 chùa Hưng Thiện, thọ bảy mươi bốn tuổi.

4 Có vị tăng tên Đạo Nghệ trụ chùa Lâu
5 Linh ở Dương châu, thường tụng kinh này
6 (Pháp Hoa), mỗi khi tụng đến phẩm "Hiện
7 Bảo Tháp" thì nghe trên hư không có mười
8 mấy tiếng búng ngón tay. Từ đó, về sau Sư
9 tinh tấn tụng gấp đôi lúc bình thường.

10
11 * **Thích Trí Tạng:** Ngài Thích Trí Tạng
12 họ Phí, vốn là người ở Hạ châu. Xuất gia từ
13 thuở nhỏ, trụ chùa Đại Hưng Thiện, mỗi khi
14 tụng kinh Pháp Hoa tiếng hùng hồn thanh
15 cao, khiến mọi người rất thích nghe. Sư tụng
16 rất nhiều, lấy một ngàn biến làm mốc, nên
17 thường mệt tim ói ra máu qua mấy ngày liền.

18 Có vị Tăng Lý Mộ cũng ở trong chùa bảo
19 Sư: Tôi nghe có bài thuốc gia truyền. Khi mệt
20 tim lấy ít nước tiểu hòa với bột thành hồ,
21 uống sẽ lành. Sư trả lời: Tôi thề trong một
22 ngàn lần cũng không lấy vật dơ bẩn để xông
23 ướp vào kinh, dù cho đó là vị thuốc hay,
24 nhưng hoàn toàn trái với chú nguyện đời

1 trước. Đoạn Sư bèn quét dọn lau chùi phòng
2 xá sạch sẽ, đặt bộ kinh lên bàn, đốt hương đi
3 nhiễu xung quanh, rồi lễ lạy rất thành khẩn.
4 Tối hôm đó, bỗng nhiên dường như nằm
5 mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ lấy nước
6 hòa với bột thành hồ, trao cho Sư bảo uống.
7 Sư bèn bung lấy uống, chưa được phân nửa
8 thì liền tỉnh giấc, lúc ấy tâm lực cũng khỏe
9 lên gấp bội lúc bình thường, sau Sư thông
10 suốt kinh điển hơn xưa.

11 Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ chín,
12 một hôm có vị tăng ở Hạ châu là Pháp sư
13 Thạch, nghe danh sư Trí Tạng tụng kinh bèn
14 dâng cúng cho Sư ba cân bơ, để cúng dường
15 đầy đủ, Sư chứa nhóm một món đồ. Ngày
16 đầu Sư lấy muống bằng đồng múc ở chính
17 giữa khoảng bằng trái đào, sáng hôm sau Sư
18 đến múc tiếp bèn lấy bơ hòa lẫn và đông lại
19 như dầu cũ lúc chưa múc. Do đó, từ mùa hạ
20 cho đến mùa đông ngày nào Sư cũng lấy
21 dùng nhưng vẫn y nguyên lại như cũ. Trong
22 tâm rất vui, ngộ được vị đề hồ, từ đó đề ra ý
23 kiến đến tháng tám, phân chia bơ lúc trước
24 cho chúng tăng cùng ở chùa.

1 Thiên sư Linh Khanh Âm được nghe nói
2 âm thanh đó và mỗi khi Sư ngửi thấy mùi
3 hương là nghe tiếng búng ngón tay, thường
4 được người khuấy mắt, gọi bảo ngồi dậy, rồi
5 từ đầu đến cuối tụng một mạch hơn một
6 muôn biến. Nhưng vì cụ túc còn thiếu kém
7 nên chẳng được thâm ngộ, Sư biết điều đó
8 nên rất tiếc.

9 Vào ngày 23 tháng 11 niên hiệu Nghi
10 Phụng năm thứ ba, Sư thị tịch tại chùa Tịnh
11 ảnh, thọ tám mươi tám tuổi.

12
13 * **Thích Hoằng Chiếu:** Thích Hoằng
14 Chiếu họ Cao, người ở huyện Cao Lăng, làm
15 quan ở Ứng châu. Ông nội là người có đức
16 hạnh, danh tiếng ở đời, làm chức quan nhỏ ở
17 Bạc. Mẹ họ Trương tên Trâm Anh, người dân
18 tộc Mậu.

19 Sư từ thuở bé đặc biệt đã có lòng tin sâu
20 sắc, thái độ khác thường, tự nhiên cao
21 thượng, Sư không bao giờ ném mùi vị hôi dơ,
22 cũng chẳng thích xem trò vui chơi, để ý việc
23 trần tục tại gia, tâm muốn xuất tục. Năm hai
24 mươi tuổi, Sư theo hai vị thầy luật sư Thành

1 và thiền sư Cơ được cạo tóc, học theo hạnh
2 của hai vị danh đức nổi tiếng ở ấp kinh, là
3 bậc thượng thủ, nhân tài mẫu mực, vui vẻ
4 thuận hứa. Do đó, Sư tụng kinh Pháp Hoa
5 mấy tháng liền, mà tính tình ưa thích nơi
6 vắng lặng, không vui với cảnh ồn náo. Sau
7 đó Sư chọn đất ở Chung nam, xây dựng một
8 cái cốc tránh những vương bận ở thế gian,
9 nương ngọn núi gần tảng đá và thệ tụng kinh
10 một ngàn biến với tâm trong sáng như sương,
11 âm vận tụng rất hay, du dương theo gió. Cảm
12 ứng rất nhiều, người khuất mặt thậm đến
13 giúp đỡ, bảo vệ. Hoặc việc công, tư, khó
14 khăn lo lắng, kẻ đạo người tục vương vịu
15 nhau, liền có con đại trùng kêu lên. Có người
16 thường đến thăm hỏi.

17 Một hôm, bỗng nhiên tuyết rơi xuống dày
18 đặc, bột chỉ còn khoảng một tháng nhưng ăn
19 dùng hơn hai mươi ngày vẫn chưa hết. Chỉ
20 do ở lâu nơi này. Người ta nghe thấy nên
21 thường đến cúng thí rất nồng hậu. Sư cho
22 rằng như thế là tổn da hại tủy, bèn cho bạn
23 thân tín, rời dời đến trụ Hàn sơn ở phía Tây
24 nam huyện Ngạc. Lại tu theo nguyện xưa,

1 đường đi rất hiểm trở dài xa hơn một trăm
2 dặm, lại đều thuộc nơi thuận lợi nhưng không
3 quen thuộc. Trước kia không có dấu vết
4 nhưng thường có người mang thức ăn đến
5 cúng, sau đó có người đến thăm viếng nhưng
6 chẳng biết tung tích.

7 Một hôm, Nhị Đức và một cư sĩ đều kết
8 am tranh, ở chỗ đó tự nhiên mọc lên ngôi sao
9 sáng rỡ. Đồng thời Sư thấy một con rắn dài
10 cả trăm thước, vằn vện năm màu, đầu cao
11 hơn một trượng, bò thẳng đến chỗ am, cúi
12 đầu thấp xuống lắng nghe Sư tụng kinh. Ban
13 đầu, Sư hoảng sợ, run lập cập, không dám
14 nhìn nó, Sư nhắm mắt tịnh tâm tụng kinh, âm
15 thanh thường dừng, dần dần do lý cách tình,
16 hơi được thấm nhuần. Do đó, khởi tâm từ bi,
17 phát nguyện rộng lớn, chấp tay rơi lệ, thu âm
18 thanh đến trọn bộ, con rắn từ từ bò ra. Từ đó
19 về sau bò đến nhiều lần không thôi.

20 Sư mặc dù biết nó không hại, nhưng sợ
21 mùi tanh hôi và hình dáng xấu xí của nó, ban
22 đầu Sư lấy gậy đưa tay nó liền bò đi, sau đó
23 Sư bảo Cư sĩ đuổi nó đi, ông ta bèn lấy dây
24 cột vào cổ, dẫn đến nghiệp sâu nặng cột vào

1 một cây cổ thụ.

2 Tối hôm đó, Sư và Cư sĩ mộng thấy một
3 người nữ ôm mặt khóc lóc đến trước Sư thưa:
4 Đệ tử là thần nữ ở núi này, tánh rất thích nghe
5 pháp, thường dùng hình dạng dơ xấu can
6 phạm đột nhập vào pháp chúng, nay bị đuổi
7 đi, và cột vào gốc cây, từ biệt đi xa Sư, nên
8 không được nghe tụng kinh Đại thừa, do lỗi
9 này nên lấy làm tiếc.

10 Sư và Cư sĩ đều tự tỉnh giấc, lần lượt gạn
11 hỏi nhau thì thấy các điềm mộng giống nhau,
12 nên nghi đã gây ra cái chết của con rắn, bèn
13 thấp đuốc đến xem, quả thật việc xảy ra đúng
14 như vậy. Cư sĩ kêu gào, khóc lóc đập đầu
15 xuống đất thành tâm sám hối, tạ lỗi rồi đi đến
16 chỗ xác chết của con rắn cùng nhau tụng
17 kinh. Lại muốn thiết trai thỉnh một ngàn vị
18 tăng, bèn ở bên am được mấy cái bánh bằng
19 bạc, nên xuống núi mở hội vừa đúng, được
20 chu toàn đầy đủ.

21 Một hôm, Sư đến một thân nọ, có người
22 phụ nữ nghèo họ Lưu, thỉnh Sư ở lại để cúng
23 dường. Sư mở lòng thương ở lại bảy ngày,
24 vật thực của cô ta hết sạch, Sư liền muốn đi.

1 Tín nữ hết lòng thỉnh Sư ở lại nhưng lại
2 không còn của cải, đồ vật, bèn cắt tóc đổi lấy
3 thức ăn cúng dường Sư trong bảy ngày, Sư
4 lại muốn đi. Cô gái nghèo khóc lóc cố giữ Sư
5 ở lại, do đó dừng lại không đi. Số tiền Tín nữ
6 bán tóc đã dùng hết rồi, cô ta lo buồn thấu
7 xương chẳng biết lấy đâu ra của để cúng
8 dường Sư, thỉnh linh cô ta lấy tay xoa đầu
9 cảm thấy tóc mọc ra như cũ, ngạc nhiên vui
10 mừng khôn xuể, cô ta bèn cắt tóc đem bán lại
11 kéo dài thêm được bảy ngày nữa, tóc mọc dài
12 ra như trước, qua ba lần cắt như thế. Sư cảm
13 thấy ở lại đã lâu sinh ra sự phiền tôn càng
14 nhiều, nên đắp y mang bình bát quyết định
15 không chịu ở lại, Tín nữ bèn đánh lễ và trình
16 bày đầy đủ sự việc.

17 Sư nghe lời nói ấy ghen ngào không nói
18 được, thương tiếc thâm trách bản thân được
19 lòng tốt như thế, thế mãi mãi trong sạch như
20 trước kia. Lại đến núi Tô Ti ở Đồng châu lại
21 tu tập như thường. Thời gian sau bỗng nhiên
22 Sư không bệnh mà chết tại nhà ở trong núi.
23 Cho nên bốn chúng ở chùa Cam Tuyền nhóm
24 lửa thiêu Sư, sau khi cháy hết chỉ còn lại cái

1 lưỡi đỏ tươi như lúc chưa thiêu.

2 Bấy giờ, vị trụ trì chùa Khánh Thiện ở
3 huyện Hàn Thành do đó đồn khắp nhân gian,
4 mọi người không tin có chuyện đó. Bèn cùng
5 chúng tăng trong chùa các cư sĩ và người thế
6 tục có hơn năm trăm người, chở mấy xe củi
7 đốt lại mười lần nhưng màu sắc vẫn như cũ
8 không thay đổi, mọi người đều sấm hối và rất
9 kính phục. Chiếc lưỡi đó được đựng trong
10 một cái hộp thom và được lưu truyền cúng
11 dường.

12
13 * *Lý tín:* Không rõ người ở đâu có tiết
14 tháo cao khiết thường giao du với Sư Hoàng
15 Chiếu nắng mưa có nhau. Sau khi Hoàng
16 Chiếu mất ông ngậm ngùi nhưng không đưa
17 tiền mà xếp hành lý về Nam, siêng tu thiền
18 quán.

19
20 * *Tỳ-kheo-ni:* Không biết tên họ, là
21 người ở huyện Côn sơn thuộc Tô châu. Từ
22 thưở nhỏ cô đã vào đạo và thường tụng kinh
23 Pháp Hoa, mỗi ngày tụng hai biến, trải qua
24 hơn hai mươi năm, vị Ni này dung mạo rất

1 xinh đẹp, người nào thấy rồi cũng nhớ nhung
2 lưu luyến.

3 Đến niên hiệu Vĩnh Xương năm đầu,
4 quan huyện họ Chu, sanh khởi tâm ác ngang
5 nhiên đồ tội, nhưng tâm ý cô không phục
6 tùng theo. Họ Chu bèn nảo loạn đại chúng
7 trong chùa, phá phách làm tổn hại của thường
8 trụ. Vị Ni không biết tính sao cho thoát được
9 cảnh khổ này, tay cầm cuốn kinh bảo: Kinh
10 Pháp Hoa này, sao chẳng linh nghiệm gì hết.
11 Nói xong, cô liền đắp tịnh y vào điện Phật
12 đốt hương phát nguyện.

13 Sau đó, quan huyện giả mượn lý do khác
14 đến ngủ nhờ, trong lòng có ý khác lạ, bèn đến
15 phòng Cô Ni. Lúc đang chuẩn bị đi thì bỗng
16 nhiên cảm thấy nửa thân đau nhức cực kỳ,
17 nam căn liền rơi rụng, toàn thân toát mồ hôi,
18 liền phát bệnh hủi, lông mi râu tóc đồng thời
19 đều rụng sạch. Quan huyện đau buồn sám
20 hối, hối hận vô cùng, nhưng cuối cùng chẳng
21 thuyên giảm.

22 Thích Pháp Tự ở núi Thạch thất đời Tấn
23 Thục.

24 Thích Tăng Ân Giang Lăng đời Tống.

1 Thích Đạo Vinh chùa Nhuận Tâm ở kinh
2 đô đời Tống.

3 Thích Tăng Tuân ở Cao Xương đời Tống.

4 Thích Tuệ Khánh ở non Lư sơn đời Tống.

5 Thích Pháp Trang chùa Đạo Tràng ở
6 Kinh đô đời Tống.

7 Thích Tăng Phú chùa Bành thành ở Kinh
8 đô đời Tống.

9 Thích Pháp Quĩ chùa Chỉ viên ở Kinh đô
10 đời Tống.

11 Thích Tăng Phiên chùa Linh thứu ở kinh
12 đô đời Tề.

13 Thích Pháp Ngộ ở núi Xương Phàn đời
14 Tề.

15 Thích Tăng Hâu ở Hậu Cương thuộc kinh
16 đô đời Tề.

17 Thích Tuệ Ôn, chùa Phổ Hoàng ở kinh đô
18 đời Tề.

19 Thích Tuệ Thắng chùa Diên Hiền ở
20 Chung Sơn đời Lương.

21 Thích Ngạn Tông ở Phiên kinh quán
22 thuộc Đông đô đời Tùy

23 (thường tụng bốn tiếng Phạm).

1 Thích Tuệ Viễn chùa Tịnh ảnh ở Kinh đô
2 đời Tùy.

3 Thích Tăng Chiếu chùa Đơn lĩnh ở Thái
4 sơn đời Ngụy.

5 Thích Đại Chí ở Cửu giang thuộc Lư sơn
6 đời Tùy.

7 Thích Phổ Tế ở núi Chung nam đời Tùy.

8 Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở
9 Đông đô đời Tùy.

10 Thích Đàm Tuân chùa núi Bách Viêm ở
11 Hoài châu đời Tùy.

12 Thích Huệ Di chùa Thanh Thiên ở kinh
13 đô đời Đường.

14 Thích Tuệ Quận trụ chùa Sùng nghĩa ở
15 Kinh đô đời Đường.

16 Thích Tăng Minh trụ chùa Quốc Thanh ở
17 non Thiên Thai đời Đường.

18 Thích Tri Mạng ở Ngụy Trịnh đời
19 Đường.

20 Thích Tuệ Viễn ở Đại Nguyên đời
21 Đường.

22 Thích Thiện Tuệ chùa Tân Lương ở Ly
23 sơn đời Đường.

1 Thích Thiện Nhân chùa Đại Trang
2 Nghiêm ở Kinh đô đời Đường.

3 Thích Tào (không rõ tên) chùa Thanh
4 thiền ở Kinh đô đời Đường.

5

6



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn

QUYỂN 9 CHUYỂN ĐỌC

Tỳ-kheo chôn Lan nhã ở nước ngoài.
Cao Tông Minh Hoàng đế ở nước Tề.
Lương Trung Tông Nguyên Hoàng đế
đời Lương.

Thích Trí Viễn chùa Tổ ở Cái châu đời
Tống.

Châu Thứ sử Hạc Ngạn Vũ đời Tùy,
Ngụy.

Ba Châu Thứ sử Tô Trường Thiếp đời
Đường.

Lưu Hoảng Nhân huyện lệnh Gia Hưng ở
Tô châu đời Đường.

Sa-di nước Tân-la đời Đường.

1 Ông lão họ Tân ở Trịnh Châu, đời Đường
2 Cáp Xu ở chùa Thạch bích thuộc Tinh
3 châu đời Đường.

4 Thích Pháp Mãn chùa Bạch mã ở Lạc
5 dương đời Đường.

6 Lưu Thời ở huyện Vạn Niên thuộc Ung
7 Châu đời Đường.

8 Theo luận Đại Trí Độ: Thuở xưa, ở một
9 nước nọ có vị Tỳ-kheo ở chốn A-lan-nhã
10 thường đọc tụng kinh Đại thừa. Quốc vương
11 nước ấy thường cạo trái tóc thỉnh Ngài đạp
12 lên mà đi qua. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo
13 bèn bảo nhà vua: Vị Ma-hoa-lư này tụng kinh
14 không nhiều, tại sao bệ hạ lại cúng dường
15 trọng hậu như thế.

16 Vua bảo: Một hôm, vào nửa đêm ta muốn
17 gặp vị Tỳ-kheo này, bèn đi đến chỗ Ngài,
18 thấy vị Tỳ-kheo đang ở trong hang tụng kinh
19 Pháp Hoa, lại thấy có một người ánh sáng
20 vàng rực cõi voi trắng chấp tay đứng cúng
21 dường ta đi tới, quay thân lại liền biến mất,
22 không xuất hiện nữa. Ta bèn hỏi: Đại đức vì
23 sao tôi đến thì người có ánh sáng biến mất?

1 Tỳ-kheo đáp: Vị này chính là Bồ-tát Biên
2 Cát, tự phát nguyện nếu có người nào tụng
3 kinh Pháp Hoa, ta sẽ cỡi voi trắng đến dạy
4 bảo dẫn dắt. Vì ta tụng kinh Pháp Hoa nên
5 ngài Biên Kiết tự đến. Biên Kiết tức là ngài
6 Phổ Hiền.

7 - Tề Cao Tông Minh Hoàng đế: Húy
8 Loan, tự Cảnh Tê, tập trung tư tưởng tỉnh
9 giác, đã lâu suy nghĩa ở Kỳ sơn. Rơi một
10 trận mưa thấm nhuần chúng sinh trong ba cõi
11 muôn vật.

12 Kiến tạo ngàn tượng vàng, viết tất cả
13 kinh, trì sáu tịnh trai, thường tụng kinh Bát-
14 nhã, xây chùa quy y, chiêu vời thiên tăng,
15 thường tụng kinh Pháp Hoa, chịu đựng thời
16 tiết lạnh nóng.

17 - Lương Trung Tông Nguyên Hoàng đế,
18 húy Dịch, tự Thê Thành. Chứa nhóm việc
19 lành làm niềm vui, gia đình có truyền thống
20 về hạnh chí đức. Phụng thờ nhân tốt đời
21 trước, có lòng tin sâu sắc, xây dựng hai ngôi
22 chùa. Thiên Cư và Thiên Cung cúng dường
23 cho một ngàn vị tăng, ở giảng nói Luận
24 Thành Thật, học A-tỳ-đàm. Học tập bói toán

1 với Diễm Sư, ở vị Trí Thượng tự tay họa
2 tượng thánh và chép một ngàn danh hiệu
3 Phật, tụng chú Dược sư, lại siêng năng cầu
4 đến đảo châu báu, đánh lễ thọ trì kệ châu,
5 chuyển sang đọc kinh Pháp Hoa, lấy làm
6 nhiệm vụ thường ngày.

7 - Thích Trí Đạt là vị tăng trụ chùa Ích ở
8 châu Tổ, đức hạnh Sư rất được truyền tụng,
9 lưu danh ở thế tục. Sư rất giỏi về kinh điển,
10 bấy giờ Sư tụng kinh Pháp Hoa suốt hai mươi
11 ba năm. Vào tháng 06, niên hiệu Nguyên Hy
12 năm thứ ba đời Tống Sư bệnh và thị tịch.

13 Thân ốm nóng không hết, bèn kéo dài hai
14 ngày, hơi thở vào dần dần trở lại đến sáng
15 ngày thứ ba mới nói được. Sư tự nói: Lúc ta
16 bắt đầu mê mệt thấy có hai người đều mặc
17 khố vải màu vàng, một người đứng ngoài
18 cửa, còn một người đứng ngay trước giường,
19 bảo rằng: Thượng nhân nên đi, hãy bước
20 xuống đất.

21 Sư đáp: Bần đạo thân thể yếu ớt, không
22 thể bước đi được. Người này lại nói có thể đi
23 kiệu, hãy đưa kiệu đến. Sư liền lên kiệu, ý
24 thức bỗng nhiên không còn thấy mọi người

1 trong nhà, đến khi lên kiệu mắt nhìn bốn
2 phương rất rõ ràng, chỉ thấy cánh đồng hoang
3 vu, đường đi rất gian nan nguy hiểm, chỉ bày
4 con đường lên nhẹ bước theo sau, hại người
5 kia đuổi theo, không được nghỉ ngơi. Đến
6 một lâu son tường cửa rất đẹp. Sư vào đến
7 dưới nhà thì trên nhà có một quý nhân. Chu
8 Trách chuyên ngồi trên giường, dung mạo rất
9 trang nghiêm, nhìn rất oai vệ, có khoảng một
10 trăm binh lính thị vệ đứng hầu hai bên, đều
11 mặc áo đỏ, đứng xếp thẳng hàng rất oai
12 nghiêm.

13 Quý nhân thấy Sư bèn sửa lại dụng nghi,
14 ngồi ngay thẳng bảo rằng: Người xuất gia, tại
15 sao để có nhiều tội lỗi như thế?

16 Đạt đáp: Từ khi biết được đến nay, chẳng
17 nhớ đã gây ra tội gì? Hỏi: Tụng giới mấy lần
18 rồi?

19 Đáp: Khi mới thọ giới cụ túc, thật ra
20 thường tụng giới, sau này bèn phế bỏ, hay
21 giảng việc hằng ngày, ngày càng khinh lờn.
22 Cho nên đối với việc tụng giới lúc đó có thiếu
23 sót.

24 Hỏi: Sa-môn mà không tụng giới, việc

1 này rất phi pháp, nhưng hãy tụng kinh đi.

2 Đạt liền tụng kinh Pháp Hoa ba lần thì
3 bảo dừng lại, quý nhân đã sai người ghi chép
4 tội.

5 Đạt rằng: Đáng tống đến chỗ ác, đừng để
6 khổ lắm.

7 Hai người dẫn Đạt đi mấy mươi dặm, hơi
8 nghe tiếng âm âm sang sang phá tan vọt lên
9 trời, mà đường phía trước càng tối. Lần lượt
10 đến một cửa cao mấy mươi trượng, màu rất
11 đen chắc, che cửa sắt, bức tường cũng giống
12 như thế. Trong tâm Đạt nghĩ trong kinh nói
13 địa ngục đúng là ở đây rồi, bèn kinh hoàng
14 sợ hãi, hồi hận lúc ở đời không tu hạnh
15 nghiệp, bây giờ phải vào cửa này. Tiếng yếu
16 dân thì thay đổi hình trạng, lâu lắm nghe
17 được sự im lặng mới biết là âm vang do
18 người này đang kêu gào. Trong cửa càng tối
19 chẳng thấy gì cả, lúc đó có ánh sáng của ngọn
20 lửa chột tắt chột đỏ, thấy mấy người cầm
21 đinh ba đâm vào người đó, máu chảy như
22 suối tuôn. Người đó thuở xưa chính là bá mẫu
23 của Đạt, kia đây gặp nhau ý muốn nói chuyện
24 với nhau nhưng có người vội kéo ra chỗ khác,

1 chẳng rảnh nói được. Vào cửa khoảng hai
2 trăm bước thấy có một vật hình dáng như mề
3 thùy, có thể cao hơn trượng, hai người bắt
4 Đạt quăng lên trên thùy, trong đó có lửa, đốt
5 cháy nát thân thể Đạt, nửa thân đều cháy rã,
6 đau đớn không chịu nổi. Từ trên thùy rớt
7 xuống đất bất tỉnh, lát sau hai người lại dắt
8 Đạt đi, thấy có hơn mười chảo dùng chĩa ba
9 đâm vào thân, hoặc có người vịn chảo bước
10 ra thì hai mắt đột nhiên nổ tung, lưỡi dài ra
11 hơn một thước, thịt nát rã hết mà vẫn chưa
12 chết. Các chảo đều đầy người tội, chỉ còn một
13 cái còn trống, hai người bảo Đạt: Thượng
14 nhân ngay lập tức sẽ bị rơi vào chảo này. Đạt
15 nghe nói, can đảm quỳ xuống đất, bèn van
16 xin: May mắn cho bản đạo một lát lễ Phật,
17 liền dốc lòng cúi đầu nguyện thoát khỏi cảnh
18 khổ này, thành khẩn hối hận dốc lòng, hình
19 trạng địa ngục trong khoảng bữa ăn liền nhìn
20 sang bốn bên, chẳng thấy gì nữa, chỉ thấy cây
21 cối tươi tốt bằng nguyên, phong cảnh xanh
22 mát sáng sủa. Mà hai người vẫn dẫn Đạt đi
23 đến dưới một căn lầu, hình dáng lầu cao mà
24 nhỏ, trên có người quyết đoán đang ung dung

1 ngôi bảo Đạt: Sa-môn chịu quả báo nhẹ, đâu
2 nên vui mừng, Đạt ở dưới lầu, bỗng nhiên
3 chẳng biết gì nữa, tỉnh giấc trở lại thân bình
4 thường.

5 - Bác Lãng Hạc Sản Võ, vào niên hiệu
6 Khai Hoàng đời Tùy, làm chức Thứ sử ở Hàn
7 châu đời Ngụy, nhân dịp đi bộ đến một ấp
8 vừa vui mừng vừa ngạc nhiên, bảo người tùy
9 tùng: Thuở xưa, ta từng làm vợ một người ở
10 trong ấp này, nay vẫn biết chỗ ở của gia đình
11 đó, bèn cỡi ngựa chạy vào ngõ đi tắt trong
12 làng, quẹo qua đường cong, đến một gia
13 đình. Đầu tiên vào nhà, lên nhà trên, nhìn trên
14 tường phía đông cách đất sáu, bảy thước có
15 chỗ cao lớn, bèn bảo chủ nhân: Ngày xưa, ta
16 đọc kinh Pháp Hoa và giấu cây trầm vàng
17 ngũ hâu trong bức tường này, chỗ cao này là
18 đúng rồi. Một tờ sau cùng cuối kinh Pháp
19 Hoa quyển bảy bị lửa cháy mất văn tự, đến
20 nay mỗi lần ta đọc kinh này, tới cuối quyển
21 bảy đều quên mất không thể nhớ được.

22 Do đó bảo tùy tùng đục tường phía Đông
23 quả nhiên lấy ra được hòm đựng kinh, khi mở
24 nắp hòm ra ở cuối quyển bảy của kinh Pháp

1 Hoa và cây trâm vàng đúng như lời ông ta đã
2 nói.

3 Chủ nhân than khóc thưa rằng: Vợ tôi đã
4 mất rồi nhưng lúc còn sống, thường ngày đọc
5 kinh này, cây trâm vàng cũng là vật của vợ
6 tôi. Nàng do sinh sản mà chết, bèn mất đi
7 nguyên nhân, chẳng cho rằng khiến ông mới
8 biết được chỗ ở.

9 Sản Võ bèn chỉ cội cây trước sân nói: Lúc
10 ta sắp sinh tự cạo tóc trên đầu để vào trong
11 hốc cây này. Thử bảo người tìm trong cây
12 xem có không? Quả nhiên tìm được búi tóc.
13 Lúc ấy, chủ nhân mừng mừng tủi tủi. Sản Võ
14 lưu lại y vật và ban cho chủ nhân rất trọng
15 hậu rồi ra đi.

16 - Tô Trường chưa ai biết được nơi cư trú
17 quê quán của ông ta, vào niên hiệu Vũ Đức
18 làm chức sứ giả ở Đô thủy, ra làm Thứ sử ở
19 ấp châu, dẫn theo số người trong cả nhà đi
20 nhậm chức. Qua sông Hỷ lăng, lúc ra giữa
21 dòng sông, sóng gió nổi lên, thuyền bị chìm
22 có hơn sáu mươi người nam nữ, cả thuyền
23 đều bị chết chìm, chỉ có một mình nàng
24 thường ngày tụng kinh Pháp Hoa, nước đã

1 vào trong thuyền, đầu nàng vẫn đội thùng
2 kinh, thệ đều cùng nhau chết chìm. Khi
3 thuyền đã bị đắm mà nàng vẫn không chìm,
4 theo sóng trong chốc lát trôi giạt vào bờ, nàng
5 bèn đội hòm kinh bước lên bờ, khi mở ra xem
6 kinh trong đó vẫn không bị ướt bản.

7 Sau đó nàng được một người ở Dương
8 châu cưới làm vợ, từ đó nàng càng dốc lòng
9 tin hơn nữa.

10 - Lưu Hoảng Nhân, năm mười tám tuổi
11 nhận học sinh ở Quốc tử cùng mười người
12 đồng học. Ở chỗ tướng sự, tìm cầu tướng
13 lành dữ. Thầy bói tướng đều khắc định thời
14 gian giàu sang nghèo hèn và số năm thọ
15 mạng, báo cho Hoảng Nhân. Đến năm năm
16 mười một tuổi và ngày 11 tháng 04 năm đó
17 chắc chắn phải chết.

18 Năm ấy, Hoảng Nhân ở huyện Linh ở gia
19 hưng thuộc Tô châu. Trong số đó có chín
20 người đều chịu họa phước không sai, đúng
21 như lời thầy tướng đã nói. Và Hoảng Nhân
22 mười tám năm đã đến sự lành dữ đều chiêm
23 nghiệm, đến nay đúng năm mười một tuổi.
24 Tự nghĩ đã đến lúc phải chết, bèn đến Tô

1 châu nói lời từ biệt với các quan liêu.

2 Lúc ấy, Hàn Vương Nguyên Gia làm Thứ
3 sử ở Tô châu, hỏi ông lý do, Hoàng trình bày
4 đầu đuôi câu chuyện. Vương dạy nên tu
5 phước. Đến ngày 08 tháng 04 Nhân bị một
6 cơn bệnh rất nặng, Vương thỉnh tăng ni các
7 chùa chuyển giùm Hoàng Nhân một ngàn
8 biển kinh Pháp Hoa và lại tụng cầu cho
9 Hoàng Nhân một trăm biển, lúc đó toàn thân
10 ông mồ hôi toát ra như mưa, bệnh cũng lành
11 hẳn, bình phục lại như thường, tin tưởng biết
12 rằng năng lực phước đức thật không thể nghĩ
13 lường.

14 - Có một vị tăng già mất họ tên đã hơn
15 tám mươi tuổi ở góc Tây Nam thị trấn Trịnh
16 châu. Ông thường thọ trì kinh Pháp Hoa,
17 chuyên tâm thanh tịnh từ ba mươi năm nay,
18 tụng kinh mỗi đêm, ban đêm nhìn sáng như
19 ban ngày chẳng cần đèn đuốc. Nếu ông
20 buông quyển kinh ra thì sẽ thấy tối như
21 thường, chẳng thấy vật gì cả.

22 - Nước Tân-la có người tên Kim Quả
23 Nghi, sinh được một người con trai, từ nhỏ
24 cậu đã được xuất gia và ưa đọc kinh Pháp

1 Hoa, đến quyển hai làm lộn cháy mất một
2 chữ. Năm lên mười tám tuổi thành lĩnh bị chết
3 yếu, đầu thai sinh chỗ khác trong nhà Kim
4 Quả Nghị, cũng được xuất gia và cũng thích
5 đọc kinh Pháp Hoa, đến quyển hai mỗi một
6 chữ vừa hỏi đã quên.

7 Một hôm, nằm mộng thấy có người bảo
8 "Tiểu sư đời trước, sinh trong gia đình Kim
9 Quả Nghị tại một làng kia, cũng được xuất
10 gia, lúc sống ở chỗ đó đọc tụng kinh Pháp
11 Hoa làm đốt một chữ. Do đó đời nay theo đó
12 mà quên mất, kinh xưa hiện nay vẫn còn, Sư
13 đi đến đó xem thử.

14 Bây giờ, Tiểu Sư đi đến làng ấy tìm kiếm,
15 quả nhiên có một gia đình đúng như trong
16 giấc mộng. Nhờ hỏi giùm nhà ở của cha mẹ
17 đời trước, y theo đó muốn biết, bèn tìm hỏi
18 thăm bộ kinh thuở xưa, mới thấy quyển hai
19 thật đúng có cháy một chữ.

20 Tiểu sư và cha mẹ đời trước mừng mừng
21 tủi tủi, cả hai gia đình bèn kết tình thân, kia
22 đây không hai. Đương lúc lời bàn đến tại
23 Châu huyện. Châu huyện tâu lên triều đình,
24 cả nước truyền nhau bài vịnh đến nay vẫn

1 còn, năm ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán.

2 - Có một lão tăng, không biết họ tên, Sư
3 trụ chùa Thạch Tường ở Tinh châu, lấy việc
4 tu thiền quán làm sự nghiệp.

5 Cuối niên hiệu Trinh Quán, trên cây cột
6 trong phòng có đôi chim bồ câu. Lão Sư
7 thường cho chúng thức ăn dư, sau đó mặc dù
8 chúng từ từ lớn, lông cánh mọc chưa đủ mà
9 chúng đã học bay, cả hai chú chim đều rơi
10 xuống đất chết. Vị tăng thấy vậy bèn chôn
11 xác chúng và tụng kinh cho nó trong một tuần
12 lễ. Một đêm, vị Sư nằm chiêm bao thấy có
13 hai đứa trẻ đến báo: Chúng con vì đời trước
14 có tạo ít tội nên thọ làm thân chim bồ câu,
15 đến nghe Sư tụng kinh Pháp Hoa và Kim
16 Cương Bát-nhã. Nay đã được làm thân
17 người, hiện giờ chúng con đang sống trong
18 một gia đình ở làng nọ, cách chùa hơn mười
19 dặm, đầu thai làm con trai, đã được hơn mười
20 tháng rồi, hiện đang sắp chào đời.

21 Vị tăng theo điềm báo bèn đi tìm và gặp
22 được gia đình này, có một phụ nữ sinh đôi
23 hai bé trai vừa đủ một tháng tuổi, vị tăng gọi
24 hai đứa trẻ: "bồ câu con", cả hai đứa bé đồng

1 thanh đáp: dạ, sau tiếng "dạ" ấy, đến lúc
2 chúng hơn một tuổi mới biết nói.

3 - Thích Pháp Nhãn họ Cao, Cao Khỏa
4 Tăng Tôn làm Tề quốc công nước Tùy, tên
5 tự là Lập Kính, còn gọi là Nguyên Thích.

6 Khi chưa xuất gia, vào niên hiệu Trinh
7 Quán cùng người anh là Lập Giám học kinh
8 Pháp Hoa, Bất nhĩ ở chùa Hóa Độ với vị tăng
9 tên Minh Tạng Xứ, dường như khá thông
10 thạo hiểu rõ. Sau đó Kính bỏ phế việc học và
11 thói quen đó.

12 Vào niên hiệu Long Sóc năm thứ nhất,
13 khi ra trận từ xa trở về, tháng giêng năm thứ
14 ba đến đài để xem kỳ công thắng trận, lúc từ
15 cửa Thuận Nghĩa đi ra có hai người cỡi ngựa
16 đuổi theo quát: "nay bắt ngựa rồi".

17 Kính hỏi: Ông là ai?

18 Đáp: Ta là sứ giả của vua Diêm-la, đuổi
19 theo để bắt ông.

20 Kính kinh hoàng sợ hãi, bèn cỡi ngựa
21 chạy ra, muốn vào chùa Phổ Quang, sứ giả
22 bảo: Mau vào chặn cửa chùa đừng để cho nó
23 vào được sẽ tẩu thoát. Cho đến khi tới cổng

1 chùa mới thấy một người cỡi ngựa đứng chắn
2 ngang cửa. Kính lại chạy về hướng Tây định
3 vào chùa Khai Thiện, cả hai cùng cỡi ngựa
4 vào cổng, lúc ấy Kính sợ gặp nhau bèn theo
5 đó tẩu thoát, định trở về nhà mình, nhà ở phía
6 Đông chùa Hóa độ. Vì sợ đường xa bèn
7 muốn vào làng có suối nước ngọt, nhưng
8 ngay lúc đó một người đã đứng ở phía trước,
9 còn người kia dùng nắm tay nắm Kính, quý
10 liền té xuống ngựa, sau đó quý nói: Người
11 này rất nguy hiểm, mau kéo xuống, lôi đầu
12 tóc, liền bị kéo tóc, như dao cắt thân thể.

13 Lại có một người mặc áo đỏ cỡi ngựa
14 trắng. Dùng tay đâm vào ngực Kính, ngay tức
15 khắc Kính rơi xuống ngựa ngã lăn ra đất, hồi
16 lâu mới tỉnh lại, như ngồi trong đá sương mù.
17 Người nhà đưa kiệu trở lại, đến chỗ Hiếu Tô
18 bảo: Thấy rõ vua Diêm-la. Vua hỏi: Vì sao
19 ông lấy trộm trái cây của chúng tăng? Vì sao
20 nói dối của Tam bảo? Bèn y tội trạng, không
21 dám nói làm lộn. Vua phán: Tội ăn trộm trái
22 cây phải nuốt bốn trăm năm mươi viên, sắt
23 nóng và chịu bốn năm như vậy mới hết. Còn
24 tội nói dối Tam bảo phải kéo lưỡi ra cày, do

1 đó bảo đưa lưỡi và kéo ra. Liền tỉnh lại và
2 trong nháy mắt thấy một người đầu có hai
3 sừng, cây gậy bằng một hoàn sắt trói tay chân
4 Kính lại và ra lệnh phải nuốt tất cả viên sắt
5 nóng. Người đứng bên chẳng thấy viên sắt,
6 chỉ thấy Kính há miệng trợn mắt, toàn thân
7 đỏ chói, hơi nóng xông lên cổ họng, nung nấu
8 khó đến gần, trải qua một ngày, mới tỉnh dậy,
9 nói: Đã được một năm rồi, nuốt hơn một trăm
10 viên sắt, cái khổ đó không thể lường, qua bốn
11 ngày như vậy, nuốt hết viên sắt, ngay tức
12 khắc chính là hai chùa Hội xương và Hóa độ,
13 đầu thành sám hối đến ngày mùng 03 tháng
14 03 lại sai sứ giả đến bắt đem đến trước vua,
15 vua hỏi:

16 Ông phỉ báng Tam bảo, tội ấy phải kéo
17 lưỡi ra cày.

18 Kính lại thấy hai người dùng kiềm kéo
19 lưỡi ra dường như dài cả mấy trăm thước. Rồi
20 thấy hai người, mỗi người cầm một lưỡi cày
21 đột nhiên cày trên lưỡi, chánh án tra xét lại
22 bảo rằng: Ông thường tụng kinh Pháp Hoa,
23 Kim cương Bát-nhã, nhờ đó mà được sống
24 lại. chính thân ông nhìn thấy trên lưỡi mình

1 các chỗ như dao cắt, vì đọc hai bộ kinh cho
2 lưỡi không đứt.

3 Sau đó, Kính nghĩ muốn nói sợ kinh
4 hoàng than khóc, do đó bèn xuất gia pháp
5 danh Pháp Tạng, tinh tấn cố gắng gấp bội hơn
6 lúc thường, và trụ chùa Bạch Mã ở Đông đô,
7 không biết mất lúc nào.

8 - Lưu Thời người ở phường Bình Khang,
9 huyện Vạn niên, đất Ung châu. Vào tháng 06
10 niên hiệu Vĩnh Long năm thứ hai ông bị bệnh
11 hai ngày và chết, kéo dài sáu ngày, hơi ấm
12 chỉ còn trên ngực. Cả nhà đã chọn ngày tẩm
13 liệm, nhưng chưa dám mặc áo liệm, đến sáng
14 ngày thứ bảy bỗng nhiên sống lại nói rằng:
15 Lúc đó ta bị một người dẫn vào ngôi thành
16 lớn, có cung điện lầu quán tráng lệ lạ thường,
17 thấy vua Diêm-la, vua bảo: Người hãy ghi lại
18 đầy đủ các công đức lúc còn sống.

19 Ta bèn đáp: Lúc còn sống chỉ tụng được
20 hai quyển kinh Pháp Hoa, ngoài ra không có
21 công đức gì cả. Vua bèn ghép vào tội án
22 nghiệp rồi cân nhắc: Hai quyển kinh Pháp
23 Hoa nặng hơn tội án. Diêm-la tra xét tội án
24 phán rằng: Người này lẽ ra được sống tới

1 chín mươi tuổi và bảo quan xử án: "Tại sao
2 người bắt lầm người này tội lỗi quá lớn, nên
3 thả ông ta trở về".

4 Nhờ đó mà ông sống lại, trải qua khoảng
5 hai mươi ngày mỗi một mới lành hẳn. Sau đó
6 bèn thọ giới, chẳng dám uống rượu ăn thịt
7 nữa, tạo kinh Pháp Hoa chữ vàng hằng cúng
8 dường đầy đủ.



TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn

QUYỂN 10 BIÊN CHÉP

* Thái Tổ Cao Hoàng Đế đời Tề.
Cánh Lăng Văn Tuyên Vương và Thế tử
đời Tề.

Cổ đệ tử Thích Đạo Siêu đời Bắc Tề.
Ni Luyện Hạnh ở Hà đông đời Tùy.
Cha con Tử Nghiêm Cung ở Dương Châu
đời Tùy.

Khách Tăng Cứu bạn đồng học đời Tùy.

Em của không Đậu kháng đời Tùy.

Mã Hành người ở Bối châu đời Đường.

Thích Đàm Vận ở núi Tỳ Can đời Đường.

Kinh Cô Nguyên Quỹ ở Ba Tây đời

1 Đường.

2 Diêu Trí ở Lạc châu đời Đường.

3 Trần Pháp Tạng người ở Ung Châu đời
4 Đường.

5 Cha con Tả bộc xạ Tiêu Võ đời Đường.

6 Thích Trí Diệp ở chùa Hoằng Phước đời
7 Đường.

8 Hà Huyền Linh người ở Lạc châu đời
9 Đường.

10 Lưu Lão ở huyện lương Nhữ châu đời
11 Đường.

12 Họ Từ ở Lam Điền đời Đường.

13 Họ Ngô ở lang Tương đời Đường.

14 Thích Huyền Tế chùa Ngô Chân đời
15 Đường.

16 *****

17 * **Thái tổ Cao Hoàng đế:** Họ Tiêu, húy là
18 Đạo Thành, tự là Thiệu Bá. Tư tưởng rất vui
19 với chân thừa, tâm ở nơi đất báu. Từ lâu ông
20 đã mau chóng ra khỏi nhà lửa thế tục, vượt
21 hóa thành mà thẳng đến, độ tăng xây chùa,
22 mở rộng cửa phước thiện, đúc tượng trì kinh,
23 thường tu phước nghiệp.

1 Mỗi khi đến ngày rằm tháng bảy, khắp
2 các chùa đều mang bốn sành đến cúng dường
3 ba trăm vị tăng. Ngày rằm và mồng một vua
4 ra lệnh trong nước không cho sát sinh. Còn
5 lúc rảnh rỗi muôn việc vua tự tay chép kinh
6 Pháp Hoa, trang nghiêm tài giỏi lạ thường,
7 thường siêng cúng dường.

8
9 * **Tiêu Tử Lương:** Người ở Nam Lan
10 Lăng, được phong làm Cánh Lăng vương.
11 Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy đời Tề,
12 Chí Thượng đem bốn ngàn đồng tiền đến chỗ
13 Cánh Lăng Vương tổ chức Bát quan trai. Tâu
14 với nhà vua: Hãy thỉnh vị Vân Phó, đây là
15 người chân chánh xuất gia. Vua liền thỉnh
16 Phó làm vị Thiện trị thức, cùng ông ấn tống
17 một ngàn bộ kinh Pháp Hoa.

18 - Vương nằm mộng thấy một người hỏi
19 rằng:

20 Có muốn được phước hay không?

21 - Vương đáp: Muốn.

22 - Người ấy liền chỉ công đức trong nước.

23 - Vương lặn xuống nước mò được một

1 quyển kinh Pháp Hoa, cảm thấy tâm vui
mừng khôn xiết, là tượng trưng cho bên trong
đã tắm gội sạch sẽ và tự tay chép một bộ kinh
Pháp Hoa, một bộ kinh Quán Thế Âm.

Thế tử Ba Lăng Vương cũng tự tay chép
một bộ kinh Pháp Hoa.

Phó lại nằm mộng thấy một người cỡi
ngựa trắng ở trên hư không từ hướng Đông
đi tới trao cho Phó phước làm tin.

Đến cuối tháng tư niên hiệu Vĩnh Minh
năm thứ mười một, lại mộng thấy một người
đem tới một quyển kinh và nói rằng: Có chỗ
sai. Sáng mai gặp được bộ kinh Pháp Hoa,
mở ra xem thử, bèn thấy ở phẩm Thọ Lượng
quyển năm có một câu sai "Nhất trần Nhất
kiếp". Lúc ấy thu gom mấy mươi bộ kinh đều
không có câu này. Liền nói suy ra nghĩa
chính là chỗ cùng tốt của kinh Pháp Hoa. Về
sau mỗi lần Sư soạn kinh văn đều có con
chim sẻ trắng bay liệng để ứng với điềm lành
đó, về sau chẳng biết Phó mất lúc nào.

*** Thích Đạo Siêu:** Chẳng biết người ở
đâu. Sư xuất gia trụ ở chùa núi, quận Tề, sư

1 lập hạnh thanh khiết, có người đệ tử tên xong,
2 năm mươi lăm tuổi tụng kinh Pháp Hoa được
3 một quyển, thỉnh linh bị bệnh mà mất.

4 Người đệ tử này vì có tánh siêng năng học
5 tập và có thần thái, có tâm nhân hiếu thiên
6 phú, được thầy rất yêu mến. Từ lúc đệ tử mất
7 về sau sớm chiều thương nhớ. Cách quận Tề
8 không xa có miếu Thái sơn, Đạo Siêu trong
9 tâm nghĩ rằng: "Ta thường nghe nói người
10 chết, thần minh chắc chắn phải đi ngang qua
11 chỗ Phủ quân Thái Sơn, rồi mới được thọ
12 sinh. U minh tuy cách trở nhưng có thành
13 khẩn sẽ có cảm ứng, ta thử hỏi quân Thái
14 Sơn, có khi biết được đệ tử sinh ở đâu. Do đó
15 cảm tích tượng đi về sơn miếu, bày tỏ rõ
16 ràng ý nghĩ của mình, ba lần cáo thần.

17 Chủ cây bồng nhiên trả lời:

18 - Pháp sư giới hạnh đã tinh nghiêm thành
19 kính, tâm càng kính trọng, sư hỏi việc gì, đâu
20 dám không báo cho sư biết. Thần cây liền
21 truyền lệnh cho thị thần một cây bảo gọi
22 người chủ đến hỏi lý do. Thị thần đi vào
23 phòng hai gian ở phía Đông, vào trong nhà
24 gọi một người ra. Phủ Quân liền hỏi: Đệ tử

1 quên tên nay ở đâu?

2 - Người này đáp: Còn bị ràng buộc trong
3 đây, chưa được thọ sinh.

4 Đạo Siêu vẫn xin được gặp nhau, Phủ
5 Quân liền bảo đi theo người này đến phòng
6 hai gian ở phía Đông cách nhau khoảng hơn
7 mười bước, liền gặp đệ tử, hình mạo, y phục
8 vẫn rõ ràng như lúc còn sống. Thầy trò cảm
9 động mà khóc, giây lâu thầy hỏi: Quả báo
10 khổ vui như thế nào?

11 - Đệ tử đáp: Hiện nay vẫn còn bị trói
12 buộc, cũng không có khổ vui, nhưng thọ sinh
13 thì chưa quyết định, mau mau phải làm công
14 đức để cứu giúp, nếu không có gốc lành, e sẽ
15 đọa vào chỗ xấu ác.

16 - Sư hỏi: Làm phước lành gì để được
17 trang nghiêm?

18 - Đệ tử đáp: Xin thầy tạo cho con một bộ
19 kinh Pháp Hoa và cúng dường trai tăng một
20 trăm vị.

21 - Sư nói: Việc này thầy làm được. Sau đó
22 từ biệt đệ tử, lại gặp Phủ Quân, Phủ Quân hỏi
23 gặp làm gì? Sư kể lại những việc cần làm như

1 thiết trai, tạo kinh, v.v...

2 - Phủ Quân khuyên: Chôn u minh cái lớn
3 lao là phải có công đức, sư nên mau về lo sắm
4 cho xong, rồi đến gặp.

5 Sư nhân đó trở về bốn tự, liền chuẩn bị
6 giấy bút thuê người chép kinh, đồng thời thiết
7 trai cúng dường, khi công đức đã làm xong,
8 sư trở lại chỗ miếu gặp Phủ Quân, kể lại
9 những điều tu phước đã hoàn tất, đến tìm đệ
10 tử. Phủ Quân lại ra lệnh cho Thị thần gọi
11 người chủ trước kia, người chủ đến, Phủ
12 Quân liền hỏi: Đệ tử của sư có còn ở đó
13 chẳng?

14 - Người ấy đáp: Đã sinh về chỗ tốt đẹp
15 rồi.

16 - Sư hỏi: Thọ sinh như thế nào?

17 - Người ấy đáp: Người viết kinh, viết chữ
18 đầu tiên là chữ Diệu, nhưng mới viết xong bộ
19 nữ, chưa kịp viết chữ thiếu, ngay lúc đó
20 người kia đã thọ sinh.

21 - Sư lại hỏi: Hiện nay sinh ở đâu?

22 - Vị thần đáp: Sinh vào gia đình Vương
23 Võ ở quận Tề. Đợi đến lúc người đó được

1 hai, ba tuổi, sẽ đến đó hỏi thăm, tìm kiếm.
2 Siêu ghi nhớ lời vị thần dặn dò, rồi từ biệt
3 Phủ Quân ra về.

4 Ba năm sau, Siêu bèn đến nhà họ Vương,
5 hỏi: Đàn-việt có trẻ nhỏ không? Bần đạo
6 muốn gặp nó.

7 Gia đình này giàu có lại có tâm kính tin
8 Tam bảo, nhưng xưa nay không có con xa
9 gần ai cũng biết. Sau này mới có được một
10 mụn con, bà con thân sơ cũng không báo tin
11 cho biết, Vương quân từ chối kiêng kỵ chẳng
12 nói có con.

13 - Siêu nói: Là đệ tử của bần đạo, đời nay
14 sinh vào nhà đàn-việt, đã được ba năm rồi, vì
15 sao không báo cho nhau biết. Do đó kể lại
16 nguyên nhân đầu đuôi câu chuyện của Phủ
17 Quân ở núi Thái báo tin cho biết.

18 Người mẹ của đứa bé đang ở trong phòng
19 nghe được, bảo với cha bé: Pháp sư linh cảm
20 như thế, làm gì phải giấu giếm, bèn ẵm đứa
21 bé ra để ngoài ngạch cửa, cách Siêu mấy
22 trượng, từ xa chạy thẳng đến ôm chầm lấy sư
23 khóc kể hồi lâu và nói khi lớn tuổi sẽ xuất
24 gia.

1 Sau đó, trở lại làm đệ tử của sư, tức là vào
2 niên hiệu Khai Hoàn thứ mười lăm. Và từ đó
3 cũng chẳng biết thầy trò sống được bao nhiêu
4 năm và mất lúc nào?

5
6 * *Tỳ-kheo-ni Luyện Hạnh*: Người ở Hà
7 Đông. Chẳng biết tên thật của Ni sư, chỉ thấy
8 khổ hạnh khí tiết chuyên tâm, siêng năng
9 sách tấn, không biếng nhác nên người đời gọi
10 là Luyện, do đó mà có tên là Luyện Hạnh.

11 Ni sư thường tụng kinh Pháp Hoa, chí
12 nguyện muốn sao chép, bèn hỏi thăm một
13 người thợ viết về số tiền, trị giá để trả công
14 gấp đôi. Ni sư bèn cất tịnh thất riêng, thờ bên
15 trong rất trang nghiêm. Trải qua một thời
16 gian sống trong đó. Mỗi khi thức dậy liền tắm
17 gội, đốt hương xông y vẫn ở trong thất viết
18 kinh. Đến đôi đục một lỗ tường để thông ra
19 ngoài rồi đặt thêm một ống trúc và bảo người
20 viết kinh mỗi khi muốn thở ra, liền ngậm ống
21 trúc khiến cho hơi thở theo ống trúc bay ra
22 phía ngoài tường. Chép tám năm mới xong
23 bảy quyển kinh, cúng dường rất trang nghiêm
24 tôn trọng, hết lòng cung kính.

1 Lúc ấy, có vị tăng tên Pháp Đoan ở Long
2 Môn thường nhóm họp đại chúng giảng kinh
3 Pháp Hoa, bèn đem bộ kinh với tinh thần
4 định lực của vị ni này bảo mọi người hãy
5 thỉnh xem. Ni sư cố từ chối không cho. Pháp
6 Đoan trách ni sư như vậy là không được, bèn
7 tự tay trao cho mọi người và Đoan cùng họ
8 mở ra xem chỉ thấy giấy vàng, rõ ràng không
9 có chữ nào cả, mở các quyển còn lại tất cả
10 đều như vậy, mọi người đều hồ thẹn và kinh
11 hãi liền đưa trả lại cho ni sư.

12 Ni sư buồn khóc nhận lấy, trở về dùng
13 nước thơm rửa hòm kinh và tắm gội sạch sẽ,
14 đánh lễ đội trên đầu, rồi nhiều Phật hành đạo,
15 suốt bảy ngày đêm chẳng lúc nào nghỉ ngơi,
16 xong rồi mở kinh ra xem thấy vẫn tự vẫn như
17 cũ, v.v...

18

19 * **Nghiêm Cung:** Tự là Cận Thê, vốn là
20 người ở Tuyên Châu, gia đình rất giàu, của
21 cải dồi dào mà lại chẳng có anh em. Cha mẹ
22 rất thương yêu Cung, chẳng bao giờ nói lời
23 trái ý cha mẹ.

24 Vào niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời

1 Trần, lúc ấy Cung đã hai mươi tuổi, xin cha
2 mẹ cho năm muôn đồng, đến chợ Dương
3 Châu mua đồ vật, cha mẹ đồng ý cho. Cung
4 chèo thuyền mang tiền đi Dương Châu, đi
5 được mấy mươi dặm thì gặp một chiếc
6 thuyền chở con ba ba sắp đem ra chợ bán,
7 Cung hỏi thăm mới biết và nghĩ con ba ba
8 này sắp chết, do đó xin chuộc bằng tiền.

9 - Chủ ba ba nói: Con ba ba của tôi rất lớn,
10 riêng một con đã đáng giá ngàn đồng tiền.

11 - Cung hỏi: Có mấy con?

12 - Đáp: Có năm mươi con.

13 - Cung: Tôi chỉ có đúng năm muôn tiền,
14 xin chuộc nó được không?

15 - Chủ ba ba vui vẻ nhận tiền và trao ba ba
16 cho Cung rồi đi. Cung đem hết ba ba thả
17 xuống sông rồi chèo thuyền thẳng đến
18 Dương Châu. Người chủ ba ba khi bán xong
19 từ biệt Cung đi được hơn mười dặm biển thì
20 bị chìm thuyền chết.

21 Ngày hôm đó, cha mẹ Cung ở nhà, lúc
22 hoàng hôn có năm mươi vị khách áo đen đến
23 cửa xin ở trọ một đêm và trao cho cha mẹ

1 Cung năm muôn tiền, nói: Con của ông ở
2 Dương Châu nhờ đem số tiền này về, xin ông
3 bà y lời dặn mà nhận tiền.

4 Cha mẹ Cung lấy làm lạ và ngạc nhiên
5 nghi rằng Cung đã chết, cố gạn hỏi, khách
6 đáp: Con ông không hề gì, chỉ vì chẳng cần
7 số tiền này cho nên gởi đem về giùm mà thôi,
8 cha Cung nhận tiền và nhớ là số tiền cũ đều
9 bị thấm ướt. Khách ở lại, sau khi dùng cơm
10 xong họ nghỉ ngơi, đến sáng hôm sau, thì từ
11 giã ra đi.

12 Hơn một tháng sau, Cung trở về nhà, cha
13 mẹ rất vui mừng và hỏi lý do tại sao gởi tiền
14 về.

15 - Cung nói: Không có việc đó.

16 - Cha mẹ tả lại hình dáng của khách và
17 ngày tháng giao tiền, đúng y ngày mà Cung
18 chuộc các con ba ba. Do đó, mới biết được
19 năm mươi vị khách đều là các con ba ba được
20 chuộc, cha con kinh hãi tự trách. Từ đó, cả
21 nhà ở Dương Châu siêng năng chuyên làm
22 việc phước và thường tụng kinh Pháp Hoa.
23 Khi tụng đến phẩm "Hiện Bảo Tháp" thì
24 ngưng lại khen ngợi: Trong một ngôi tháp mà

1 có hai Đức Như Lai, phân thân chư Phật số
2 đó chẳng ít, như vậy tại sao nay ta không gặp
3 được một vị Phật nào! Cảm khái hồi lâu.

4 Đêm đó, bỗng nhiên nằm mộng thấy có
5 một vị tăng Ấn-độ tự xưng là Pháp Thoát,
6 bảo Cung rằng: Nếu viết kinh này và làm
7 Phật sự giảng nói, thì muốn thấy chư Phật,
8 việc này đều sẽ được. Do đó, Cung chép một
9 trăm bộ kinh Pháp Hoa, trong thời gian chưa
10 lâu thành linh bị bệnh nặng, Cung thệ tạo một
11 ngàn bộ và giảng năm trăm biến. Do đó, mở
12 rộng phòng ốc làm nhà để kinh cho trang
13 nghiêm thanh tịnh, thường có mấy mươi
14 người viết kinh được cung cấp rất trọng hậu.
15 Cho nên người đạo kẻ tục ở Dương Châu
16 cùng nhau tôn sùng và cung kính đặt cho hiệu
17 là Nghiêm Pháp Hoa, căn bệnh đó cũng đã
18 lành, chí nguyện càng xứng đáng.

19 Có một lần nọ, Cung ở phía Bắc của nhà
20 chứa kinh gặp một vị tăng rất kỳ lạ, khoảng
21 tám mươi tuổi đến bảo Cung: Nghe nói ông
22 viết kinh, xin thỉnh một bộ, lại nói chưa có
23 phẩm "Đề-bà-đạt-đa", phẩm này có thể để
24 sau phẩm "Hiện Bảo Tháp" được chăng? Bần

1 đạo từ nước Quy-tu đến, nay phải đi núi La-
2 phù được một bộ kinh, xin đội theo, nhưng
3 xin để lại một túi vàng nặng ba mươi cân để
4 chép kinh Pháp Hoa. Trong mùa hạ đến sẽ
5 gởi vật tới. Lại dặn: Thấy chú trong phẩm
6 "Phổ Hiền" thiếu một câu nên tìm chép vào
7 cho đủ, nói xong liền lui ra.

8 Cung tìm ở sau quyển xem mà chẳng biết
9 ở chỗ nào. Sau đó có Thiền sư Bảo Cung ở
10 chùa Thê Hà đưa tới khoảng năm mươi
11 quyển kinh Pháp Hoa, đã rách nát lẫn lộn bảo
12 Cung phải làm lại, sắp xếp hoàn chỉnh và
13 định lưu thông. Có một quyển thứ bảy là do
14 Tống Ý đã viết vào niên hiệu thứ hai mươi
15 chín đời Tống, tra trong chú Phổ Hiền quả
16 thật thiếu ba chữ "Bà-la-đế" là câu thứ mười
17 sáu, từ đó về sau viết kinh vẫn y theo đó cho
18 là đã đầy đủ. Cung có một người bà con quan
19 biết vay một muôn tiền viết kinh, Cung
20 chẳng được đã trao cho họ, người vay nhận
21 tiền dùng thuyền chở về, đến giữa đường
22 thuyền chòng chành mãi đến khi số tiền được
23 vay đó rơi xuống nước mà thuyền và người
24 không bị chìm.

1 Hôm đó, cung vào kho thấy có một muôn
2 tiền bị ướt như mới lấy từ dưới nước lên,
3 Cung rất lấy làm lạ. Sau này gặp người vay
4 tiền mới biết tiền ướt là của người vay.

5 Đến mùa hạ năm sau có người tên Hầu
6 Chí ở Lư Giang từ huyện Bà Dương đến hồ
7 Cung Đình, thỉnh linh gặp trận bão, phần lớn
8 chủ và khách đều bị đắm thuyền, chỉ có một
9 mình người chủ là ở trên thuyền, như được ai
10 cầm tay dẫn dắt. Khi sóng gió đã hết, từ xa đi
11 đến chỗ miếu, thấy có một vị thần thân cao
12 hai trượng mặc áo giáp mang kiếm, một
13 người hỏi Chí: Lúc bình thường đã gây ra tội
14 gì, phải ghi chép tất cả cho thành thật. Chí
15 đều trình bày thành thật không giấu giếm.

16 Lại hỏi: Có biết Nghiêm Cung in kinh
17 Pháp Hoa ở Dương Châu hay không? Ta nay
18 muốn gởi một muôn tiền vào công đức đó,
19 người hãy trao lại giúp ta, nói rồi liền biến
20 mất.

21 Chí chẳng biết số tiền đó ở chỗ nào ra, chỉ
22 nhớ họ tên người gởi tiền là Nghiêm Cung.
23 Vẫn thuận buồm xuôi gió, đi chỉ hai ngày thì
24 đến huyện Đường Đò, khi thuyền vừa cập

1 bến bỗng nhiên có một người tự xưng họ Hứa
2 đến tìm Hầu Chí bảo: Ngày tôi còn sống ở
3 trần thế có ở Cối Kê, đến chợ mua của ông
4 bốn xấp vải gấm, còn dư một ít nay muốn trả
5 lại ông, bèn để lại một muôn tiền ép Chí phải
6 nhận lấy. Chí nghĩ có sự liên quan giao thiệp
7 nhưng không nhớ dư bao nhiêu, người ấy để
8 lại tiền rồi bỏ đi, nên không biết chỗ đó, trong
9 lòng Chí mới hiểu ra vị thần đó và người giao
10 tiền này là một.

11 Khi đến huyện Giang Ninh, hỏi thăm
12 Cung để giao số tiền và trình bày đầu đuôi
13 việc trên, Cung vui mừng gấp bội, càng gia
14 công tinh tấn, bèn phát nguyện tạo ba ngàn
15 bộ và giảng một ngàn lần.

16 Sau có người tên Lý Trạm ở Giang Hạ
17 thỉnh một bộ kinh đem về quê cúng dường,
18 đến Tam Sơn gặp bão nên thuyền bị trôi dạt
19 và chìm, bản thân Trạm cũng bị lênh đênh
20 trên mặt nước suốt năm ngày, dân ở phường
21 Tân Lâm bỗng nhiên nhìn thấy trên mặt
22 nước, có mấy mươi con quạ cùng cắp một vật
23 mà ánh sáng chiếu ra như mặt trời, theo dòng
24 nước trôi xuống. Vì thế, dùng thuyền trông

1 to hơn đề ra vớt, vớt được một cái hòm sơn.
2 Khi lên bờ mở ra xem thấy không có một
3 quyển kinh nào bị ướt cả, mọi người trong
4 phùng đem lên cho thứ sử Trương Hy. Sau
5 khi Hy đã xem xét xong mới biết chính là
6 kinh của Nghiêm Cung viết và giao trả lại
7 nhà Cung, khi xem xét lại chính là bộ kinh
8 Lý Trạng đã thỉnh.

9 Lại có người ở phủ Tề Vương quên mất
10 họ tên, thỉnh một bộ kinh đem về nhà, khi qua
11 sông gặp gió thuyền bị chìm, tiền của tài vật
12 đều mất hết, chỉ có ông ta và một hòm kinh
13 Pháp Hoa là còn, theo cơn sóng trôi lên
14 đênh trên sông nửa ngày. Dường như có ai
15 giữ gìn, sau người ta vớt lên được và xem xét
16 chẳng có một quyển nào bị hư hoại, thấm ướt,
17 bèn giao lại cho gia đình Cung. Sau khi xem
18 xét biết được là bộ kinh do người ở phủ Tề
19 Vương đã thỉnh.

20 Một hôm, Cung ra chợ mua giấy, gặp lúc
21 thiếu tiền, chợt gặp một người cầm ba ngàn
22 đồng tiền trao cho Cung và nói: Giúp ông
23 mua giấy bút, nói xong thì người đó biến mất.
24 Những chuyện như thế chẳng những xảy ra

1 một lần mà rất nhiều lần.

2 Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy,
3 Cung mất, con cháu truyền nhau sự nghiệp
4 của ông.

5 Thời Tùy, Lý có giặc trộm đến Giang Đô,
6 đều bảo nhau chớ vào làng của Nghiêm Pháp
7 Hoa, nhờ vậy mà người cả làng hoàn toàn
8 được bình yên. Tính ra Cung chép tất cả hơn
9 hai ngàn năm trăm bộ kinh Pháp Hoa.

10
11 * *Có một người họ Thích:* Không rõ tên
12 gì, vào niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, vị ấy
13 đến một cái miếu ở Thái Sơn xin nghỉ trọ qua
14 đêm. Người giữ miếu bảo: Ở đây không có
15 nhà riêng, chỉ ở dưới gian chánh giữa thờ
16 thần miếu là có thể nghỉ được, nhưng người
17 đến ở trọ này đều bị chết. Vị tăng nói: Không
18 sao! Khiến bất đắc dĩ phải cho. Sau đó trải
19 giường ở sau gian chánh, ban đêm vị tăng
20 đến ngồi ngay thẳng tụng kinh. Khoảng canh
21 một thì nghe trong phòng có tiếng vòng ngọc
22 bội, giây lát vị thần xuất hiện đánh lễ vị tăng.

23 - Vị tăng hỏi: Nghe nói người nào đến đây
24 ngủ trọ đều bị chết, có phải đàn-việt làm hại

1 chăng? Xin được che chở.

2 - Thần đáp: Gặp lúc giờ chết của họ sắp
3 đến, nghe tiếng đệ tử, do đó bản thân họ sợ
4 hãi mà chết, chẳng phải đệ tử giết. Xin thầy
5 chớ lo ngại, vị tăng mời ngồi, nói chuyện như
6 người, lát sau vị tăng hỏi: Theo truyền thuyết
7 dân gian nói án quỷ Thái Sơn là có hay
8 chăng?

9 - Thần đáp: Đệ tử phước mỏng nên có,
10 đâu muốn thấy người mất trước ư!

11 - Tăng: Ta có hai người bạn đồng là học
12 tăng đã mất trước đây, xin cho ta gặp họ.
13 Thần hỏi họ tên gì và cho biết một người đã
14 thọ sinh ở dương gian, còn một người hiện
15 đang còn ở trong địa ngục, tội nặng không
16 thể gọi đến đây được, cùng thầy đi tới đó mới
17 gặp được.

18 - Tăng rất vừa lòng, do đó cùng đứng dậy
19 mở cửa ra, đi đến một nơi không xa lắm, thấy
20 nhiều gian ngục ánh sáng lửa rất mạnh. Thần
21 dẫn vị tăng vào một ngôi nhà, từ xa đã nhìn
22 thấy một người đang ở trong lửa kêu gào
23 không thể tả xiết, hình dáng thay đổi chẳng
24 thể nhận biết, mà máu thịt đỏ như ngọn đuốc

1 và hôi thúi, khiến cho người rất thương tâm.
2 Thần thưa: "Ở đây". Thầy có muốn nhìn lại
3 chẳng? Vị tăng buồn rầu đau xót xin trở ra.
4 Trong chốc lát liền đến miếu, lại cùng ngồi
5 với vị thần, nhân đó hỏi: Ta muốn cứu bạn
6 đồng học có cách nào chẳng? Thần thưa: Có
7 thể được, nên vì người tội chép kinh Pháp
8 Hoa sẽ khỏi nạn ngay.

9 Trời sắp sáng vị thần từ giã tăng vào nhà.
10 Sáng ra người giữ miếu thấy vị tăng không
11 chết lầy làm quái lạ. Vị tăng do đó kê lại câu
12 chuyện vừa rồi và liền vì bạn chép một bộ
13 kinh Pháp Hoa rất trang nghiêm vừa hoàn tất,
14 lại đem bộ kinh đến chỗ miếu và ngủ qua
15 đêm. Tối hôm đó, vị thần xuất hiện như lúc
16 trước, vui vẻ lễ lạy và hỏi thăm mục đích của
17 thầy đến đây.

18 - Vị tăng dùng câu chuyện đó trả lời, thần
19 đáp: Đệ tử biết rồi. Thầy vì bạn chép kinh,
20 lúc mới chép được đề mục, thì người kia liền
21 thoát khỏi địa ngục, đã thọ sinh lâu rồi, hiện
22 giờ không còn ở trong địa ngục nữa. Nhưng
23 chỗ này không được sạch sẽ, chẳng nên để
24 kinh, xin thầy hãy đem bộ kinh này về chùa.

1 Nói chuyện đã lâu trời sắp sáng, thần từ biệt
2 thầy mà vào. Vị tăng đưa bộ kinh về để ở
3 chùa.

4 - Tư Không Trần Dung Công Đậu Kháng,
5 sớm đã ra làm quan, túc duyên biết được đảo
6 châu báu. Tuy quý trọng vô cùng nhưng vẫn
7 vui lòng giúp đỡ, mà lắng tâm nơi Diệu giác,
8 bèn xả tịnh tài để xây dựng chùa Tĩnh Pháp,
9 thay nhau trang nghiêm đem cái đẹp về cõi
10 trời.

11 Người em tên Liêm của ông bị nạn hành
12 quá độ về sắc dục, chí vô cùng nơi đường ác,
13 kình vì cha đã chết là An Phong Công, mẹ đã
14 chết là Công Chúa Thành An, còn ông thì tôn
15 kính viết hai bộ kinh Pháp Hoa và Kim
16 Cương Bát-nhã, là khéo suy tư tinh thần,
17 chôn u tình độc ngộ. Mỗi khi hoa sen sắp nở,
18 ông tắm gội thân thể y áo sạch sẽ trắng như
19 tuyết, đích thân xuống ao hái hoa và lá sen
20 trắng phơi khô rồi ép làm giấy. Trang trí đạo
21 tràng, đích thân viết chép, chính tim lấy máu
22 làm mực. Việc này cứu giúp mọi người xưa
23 nay, thiên ý phần đông báo điềm lành.

24 Mà người em ganh ghét làm tổn hại ngăn

1 cấm, cần mật không cho truyền ra bên ngoài,
2 khiến cho đời sau không nghe biết đến, thật
3 là đáng tiếc! Bộ kinh đó được giữ gìn như
4 một kho báu, hiện nay vẫn còn.

5
6 * **Mã Hành:** Người ở sông Lạc thuộc Cụ
7 Châu, cha mẹ đều đã mất, bèn dựng túp lều
8 tranh ở bên mộ và xây mộ lớn thành ba ngôi,
9 đều đích thân ông vác đất, đến ba năm mới
10 hoàn thành, cảnh trí vừa cao vừa dốc, ai thấy
11 cũng đều thán phục. Mỗi khi nghỉ lại đêm
12 trong túp lều, thường có con rắn trắng lớn bò
13 lên nằm trên nóc lều, thông đầu xuống sát
14 cửa. Nếu muốn ra vào con rắn liền thụt đầu
15 lại để tránh đường đi, nó hay làm như thế,
16 nên chẳng ai dám đến xâm hại ông, đáng vẻ
17 như giữ gìn bảo vệ ông.

18 Sau đó, có một con chó sói màu trắng
19 cũng thường hay qua lại nằm bên túp lều.
20 Đến khi xây dựng ngôi mộ hoàn tất, thì ông
21 lại suy nghĩ: Mặc dù ta vì cha mẹ đã xây dựng
22 xong ngôi mộ này, nhưng chưa vì vong linh
23 cha mẹ mà tu tạo công đức. Do đó phát
24 nguyện chép kinh Pháp Hoa để giúp cho linh

1 hồn có lối thoát, bèn ở chỗ sạch bên ngôi mộ
2 rưới nước thơm dưới đất và chọn lấy hạt
3 giống tốt gieo vào đó. Khi nó nảy mầm lớn
4 lên, ông cũng thường dùng nước thơm để
5 tưới tắm, nuôi dưỡng. Cho đến khi mọc lớn
6 lên thành cây cổ thụ, ông bóc lấy vỏ cây theo
7 đúng phương pháp chế tạo thành giấy, cũng
8 hòa nước thơm với bùn xây một căn phòng ở
9 bên mộ và mời một thư sinh đến chép kinh,
10 giữ gìn sạch sẽ ăn chay, mỗi khi ra vào đều
11 thay đổi y phục. Vẫn cúng dường bốn thứ
12 (thuốc men, cơm nước, áo quần, giường
13 nệm), chẳng để thiếu thốn.

14 Lúc kinh chép xong, nhưng chưa có trang
15 nghiêm bèn bọc trong ba lớp giấy đặt trên
16 tường trong phòng nhỏ. Nửa đêm hôm đó
17 thình lình trời mưa to gió lớn kéo dài đến
18 sáng. Phòng trên bị mưa gió làm hư hoại, cỏ
19 cây đều bay sạch, đất bùn sâu xuống mấy
20 thước, chỗ để kinh cũng mất. Qua hai ngày
21 sau nước đã cạn, nhặt được quyển kinh đã
22 viết nằm dưới nước. Chỉ ướt một lớp giấy ở
23 trên, đến lớp thứ hai sạch sẽ khô ráo chẳng
24 có chỗ nào bị rách ướt dơ bẩn.

1 Lúc mới mất bộ kinh này, ông kêu gào
2 buồn rầu áo nảo, ngày đêm khóc lóc thương
3 tiếc, đến lúc tìm được quyển kinh vẫn còn
4 nguyên như cũ, ông vui mừng khôn xiết, như
5 được vật báu chưa từng có, thường cúng
6 dường để được trang nghiêm thành tựu.

7
8 * **Thích Đàm Vận:** Người ở Định Châu,
9 đã bảy mươi tuổi, vào cuối đời Tùy bị sơ tán
10 loạn lạc, nên Sư ẩn tu trong núi Tỳ Can ở Ly
11 Thạch và thường tụng kinh Pháp Hoa, lại
12 muốn chép bộ kinh này nhưng chẳng có
13 người cùng chí nguyện. Nuôi dưỡng chí
14 nguyện một năm như thế, bỗng nhiên có một
15 thư sinh chẳng biết từ đâu đến nói rằng: Lòng
16 con thanh tịnh có thể cùng Thầy làm việc đó.

17 Vì thế, sáng mai ăn cơm xong vào tắm
18 rửa, mặc y phục sạch sẽ, thọ giới bát quan
19 trai, ngậm dầu thơm đốt hương, lặng lẽ an
20 nhiên mà ghi chép đến chiều mới được ra,
21 đến hôm sau cũng làm như thế và không hề
22 nói mỗi mệt. Cho đến khi kinh được chép
23 xong, đúng như pháp mà đích thân thờ
24 phụng, lúc đưa ra cửa như vậy cũng không

1 được nhìn thấy, cho đến khi trang hoàng
2 đúng pháp như hình vuông. Thì vẫn mới
3 được thọ trì, đọc tụng, mỗi lần một biến, đầu
4 tiên dùng nước thơm rửa tay, không được phế
5 bỏ chút nào.

6 Sau này gặp giặc Hồ, bèn dựng kinh trong
7 một cái rương để trên núi cao. Qua một năm
8 nạn giặc được yên, sư bèn tìm mà chẳng thấy,
9 kiếm khắp nơi mới tìm thấy ở dưới ngọn núi,
10 cái rương bị cũ mục hư nát, nhưng kinh vẫn
11 còn mới đẹp.

12
13 * **Linh Hồ Nguyên Quỳ:** Là người kính
14 tin Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa và
15 kinh Kim Cương Bát-nhã.

16 Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm,
17 ông làm chức Huyện lệnh phía Tây áp Long
18 Châu, không tự xem xét, phải nhờ Thiền sư
19 Đương Thô Nguyên xem xét giùm. Sư
20 Nguyên bèn ở tại chùa đúng như pháp thanh
21 tịnh chép kinh xong. Đến mùa Thu trở về chỗ
22 Kỳ Châu Trang, viết được kinh ở lại nhà
23 Trang và năm ngàn đồng Lão Tử, cùng ở một
24 chỗ. Thành linh bị lửa bên ngoài thiêu đốt, cả

nhà bị che phủ, ngay tức khắc tro mênh
mông, mọi người thay nhau dọn sạch tro tìm
lấy cuốn kinh bằng đồng mạ vàng. Đã dọn
sạch sẽ bên ngoài, các bộ kinh trong đó vẫn
nguyên vẹn như cũ, màu vàng chẳng thay
đổi, chỉ có cái rương đã cháy thành tro. Sau
lại tìm Lão Tử thì cũng đã hóa thành tro. Cả
làng than thở lấy làm lạ, khen ngợi vịnh
thành bài thơ:

*"Kim Cương Bát-nhã một quyển
Tên đề đã bị cháy đen
Hỏi ra mới biết lý do,
Chính lúc đầu tiên đề kinh
Người đó vì viết mau gấp
Chẳng được thanh tịnh cho lắm
Biết ngay lúc ông lập đề
Do đó đã bị đốt cháy".*

Quỹ lúc đó nhậm chức ở Bằng Vực, nghe
nói rất kinh ngạc vui mừng, càng tăng thêm
lòng tin.

*** Trương Vạn Phước:** Vào giữa niên
hiệu Trinh Quán, làm Thứ sử từ Tấn Châu
đổi lên thành Thứ sử Lạc Châu, vì ông ta rất

1 dữ dẫn hung ác, không thể nào có tâm kính
2 tin. Lúc đầu đến chỗ nhậm chức, hỏi thăm
3 xung quanh xem bên trong chúng tăng có đức
4 hạnh gì?

5 Mọi người trả lời: Ở Quách Hạ có một vị
6 ni tên Diệu Trí rất tinh tấn, lại viết một bộ
7 kinh Pháp Hoa và thọ trì cúng dường đúng
8 pháp. Nhờ nhân duyên như vậy mà cả làng
9 được vinh sự thơm lây.

10 Lúc ấy, Phước hỏi loại kinh này cần dùng
11 bao nhiêu vật dụng để tạo thành.

12 Đáp: Thấy ni sư này dùng một ngàn trăm
13 năm đoạn vật.

14 Vạn Phước rất kinh ngạc, hỏi: Kinh Hạ
15 rất giỏi tự tay viết, chép xong một bộ chỉ có
16 thể tốn đúng bảy, tám đoạn, vì sao lại dùng
17 nhiều vật đến như thế? Thử mượn quyển kinh
18 ấy đến cho tôi xem. Ni sư nghe nói Thứ sử
19 xin kinh bèn từ chối không cho, vì sợ ông ấy
20 giữ gìn không được sạch sẽ, lại chưa có chay
21 tịnh.

22 Vạn Phước nghe nói nổi giận lại sai người
23 đến, ni sư không dám giữ lại, liền trao nước
24 nóng thơm cho sứ tắm gội và mặc áo mới, khi

1 mặc xong mới giao kinh cho.

2 Khi Vạn Phước đã được quyển kinh rồi,
3 chẳng chịu rửa tay bèn giở kinh ra xem, bên
4 trong quyển kinh giấy vàng hoàn toàn chẳng
5 có một chữ nào. Vạn Phước nổi cơn thịnh nộ
6 quát mắng: Con mẹ yêu quái già này, không
7 thể nào chịu nổi, liền ra lệnh cho người hầu
8 bắt ni tới. Sứ giả đến báo cho ni biết, trên
9 kinh của sư chẳng có chữ nào, làm cho sư
10 quân nổi giận bảo tôi đến bắt ni sư về.

11 Vị ni sư rất lo sợ, chẳng biết lý do gì, toát
12 mồ hôi ướt đầm cả thân, liền theo sứ về phủ.
13 Khi đến chỗ bức tường chắn vào nha môn của
14 Thứ sử, Ni sư thấy hai vị thần Kim cương tay
15 cầm chày gỗ hình như đang trao cho ni sư, ni
16 sư liền cảm thấy an tâm, đi thẳng đến trước
17 mặt Thứ sử. Còn bộ kinh đó ở giữa hư không
18 hóa thành chữ vàng, Thứ sử thấy ni sư đến
19 đồng thời nhìn thấy hai vị thần Kim cương
20 và bộ kinh chữ vàng ở trên hư không, cảm
21 giác rất kinh hãi sợ sệt bèn đứng dậy chạy
22 vào phía sau sảnh đường, kêu gào khóc lóc
23 thảm thiết tạ tội, xin lễ bái sám hối và hồi tâm
24 kính tin, rồi phát nguyện sẽ viết một ngàn bộ

1 kinh Pháp Hoa. Lưu hành khắp mười
2 phương, cúng dường, nhưng bản thân vẫn thọ
3 trì chẳng dám biếng nhác. Bèn hỏi ni thứ lớp
4 tạo tác kinh như thế nào?

5 Ni đáp: Lúc muốn làm kinh, trước phải
6 trồng cây ngũ cốc trong núi, thường dùng
7 nước thơm tưới bón, để cho thấm nhuần sinh
8 trưởng. Sau khi đã thành cây to, chuẩn bị
9 dùng nước thơm hòa bùn xây phòng giấy,
10 phòng giấy xây xong mới bóc vỏ cây, mời
11 thợ giỏi đúng như pháp lấy nước sạch để tạo
12 thành giấy, tức phải tìm tòi hỏi thăm mới có
13 thể giữ cho kinh sạch đẹp, bất luận công vụng
14 về và quý tốn tiền bạc, trải qua ba năm mới
15 tìm được người như vậy.

16 Sau này có một nhân sĩ ở Giang Nam ứng
17 mộng tìm đến làm người viết sách, thư sinh
18 đó ở trong nhà kinh, lại dùng nước sạch hòa
19 với bùn, thanh tịnh xây cất phòng. Khi phòng
20 đã xây xong, thư sinh mặc y phục mới sạch,
21 trước khi chưa viết kinh chuẩn bị giữ gìn trai
22 giới thanh tịnh trong bốn mươi chín ngày.
23 Mỗi lần ra vào xong đều thay đổi y phục, tắm
24 gội sạch sẽ, xong mới đến viết.

1 Lúc viết, ni sư tay bưng lư hương quỳ gối
2 cúng dường trước kinh, thư sinh nghỉ viết thì
3 ni mới nghỉ. Nếu ban đêm thư sinh nghỉ thì
4 ni cũng thức một mình đốt hương đi nhiều
5 xung quanh, như thế chẳng thiếu sót. Khi
6 kinh chép xong và được sửa chữa trang
7 hoàng, ni sư bèn may áo bốn màu cho tăng
8 ni, nam nữ mỗi thứ một bộ, để mỗi khi có
9 người đến mượn kinh, hoặc đọc hoặc tụng tại
10 chỗ, người viết kinh chuẩn bị sạch sẽ trong
11 bảy ngày, phải mặc áo mới, rồi mới trao kinh
12 cho. Cung kính như thế thường chẳng để
13 thiếu sót, mọi người gần xa ai cũng tôn sùng
14 kính ngưỡng. Lợi ích rất lớn, nhờ nhân duyên
15 này mà Thứ sử quy hướng, người người đều
16 lấy kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp.

17
18 * *Trần Pháp Tạng*: Người ở Phách
19 Khúc, huyện Vạn Niên đất Ung Châu, bản
20 thân làm nghề cung cấp các cỗ tiệc. Vào niên
21 hiệu Trinh Quán năm thứ mười tám, ông ở
22 Thượng Phiên, Lạc Châu, sau khi người vợ
23 qua đời bèn rời Hạ Phiên đi hỏi đạo, cách
24 thôn cũ khoảng hơn mười dặm. Giữa đường

1 gặp người vợ đã mất, cô ta nói: Nay tôi chết
2 rồi, đã được mấy ngày. Trong chốc lát Tạng
3 chợt thấy tám, chín nhà như nhà người
4 nghèo. Tạng ngồi trong một gian phòng lợp
5 cỏ tranh. Lát sau vợ ông bị gọi dắt đi Tạng
6 theo sau xem thử, thấy vợ ông bị ngu đầu
7 ngực tốt dùng xoa sát xâu lại, bỏ vào vạc
8 nước sôi, thịt xương tan nát, rút cây trâm ra
9 thì sống lại, làm bảy lần như vậy rồi, thả lại
10 cho gặp nhau, hình dung rất xấu xí. Bảo với
11 Tạng: Tôi làm vợ sau cho ông, người phụ nữ
12 trước tự chết chẳng phải thiếp hại, trong áo
13 xiêm của chàng có năm trăm đồng và trong
14 nhà có một con trâu, cộng lại có thể được một
15 ngàn năm trăm đồng. Đến nhà Ý-a-bà, cố
16 gắng vì thiếp, viết kinh Pháp Hoa cho thiếp
17 được thoát cảnh khổ này. Dem những lời nói
18 này của thiếp đến xin hỏi ý kiến A-ba.

19 Tạng trở về bàn bạc với mẹ bán trâu hợp
20 lại đúng y một ngàn năm trăm đồng, liền gọi
21 người viết kinh đến và mua giấy. Khi viết
22 xong Tạng lại tìm đến chỗ ở của vợ, ông mới
23 gõ cửa thì từ trong nhà vọng ra tiếng trả lời:
24 Người vợ mới của ông, hôm qua lúc ông

1 đang mua giấy cô ấy liền sinh lên cõi trời
2 ngay tức khắc. Ông rất kinh ngạc và vui
3 mừng, càng tăng thêm lòng tin, nên phụng
4 thờ rất chí thành, mỗi khi được tài lợi thường
5 đem mua giấy chép kinh Pháp Hoa.

6 Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười
7 chín ông xây chùa Hưng Thiện, giúp quan
8 hành đạo, đầy đủ cho chư tăng.

9
10 * *Tiêu Vũ Tông*: Quốc Công Tả Bộc Xạ
11 là người rất tôn sùng Phật pháp, bèn ở ranh
12 giới huyện Lam Điền, ở Ứng Châu, xây dựng
13 ngôi Già-lam. Mời Đại đức bốn thứ cúng
14 dường, tâu lên xin đặt hiệu chùa. Ông đặt tên
15 chùa là Tân Lương. Võ tuy rất quý trọng
16 nhân thần. Địa vị đã lên chức quan Thái phụ,
17 nhưng thường trì trai giữ giới và tụng kinh
18 Pháp Hoa mỗi ngày một thời, được Sơn Nạp
19 cho đắp ca-sa, ở trong tinh xá hành đạo, sám
20 hối lễ bái. Ăn uống giống như chư tăng và
21 ngôi ở cuối sau Sa-di. Xả bỏ châu báu tiền
22 của lo các việc giấy mực để chép một ngàn
23 bộ kinh Pháp Hoa. Được cùng tột nghĩa lý
24 màu nhiệm, khi viết chép kinh sách thanh

1 tịnh đốt hương thơm khiết.

2 Nếu có người muốn thọ trì phải hết lòng
3 thỉnh ba lần, mới được trao kinh cho. Ở ngoài
4 cửa chánh giữa đặt một hòn đá vuông màu
5 xanh, mỗi khi người đến thỉnh kinh phải
6 đứng trên hòn đá này. Võ đích thân bưng
7 hòm kinh đội trên đầu và trao cho người đó.
8 Tất cả những người đến thỉnh kinh Võ đều
9 ghi rõ họ tên và mỗi ngày lạy một lần, Võ rất
10 kính pháp trọng người như vậy.

11 Trong Phật đường nhà của Võ, một hôm
12 xá-lợi hiện đầy khắp, mọi người chia nhau
13 thỉnh về cúng dường, bỗng nhiên tự biết mất,
14 xá-lợi trở về lại nhà của Võ, triều đình và
15 dân gian ở kinh đô đều biết cả. Tử Duệ được
16 phong Tương Thành Công chức phụ Mã Đô
17 Úy (một chức quan đời Hán), nối tiếp chức
18 tước của cha là Tổng Công. Diệu nghiệp
19 Trinh quán vốn làm quan nhưng tính điềm
20 đạm quả quyết, có đại lượng.

21 Khéo viết chữ lệ bức hoành chùa Tân
22 Lương là chứng tích kia. Xây dựng đại
23 tượng, điện Phật, lại chép một ngàn bộ kinh
24 Pháp Hoa, thường làm lợi ích cho phủ

1 Trường Lại.

2 Trong Châu có ao cá nhiều đến mấy
3 muôn con, các quan liêu trong phủ thường
4 hay bắt lấy. Nhuệ vốn có lòng nhân từ bảo
5 các quan: Thân Cá tuy hèn, nhưng hình mạng
6 đều đồng nhau, nó cũng đau xót tâm can, vì
7 ngon miệng no bụng ta thật không nỡ làm
8 như vậy. Nhuệ nay thường hay mua chuộc để
9 thả và xin các ông hãy nghe theo, ân huệ giáo
10 hóa đã ban hành ai mà chẳng mến phục vui
11 vẻ nghe theo.

12 Các chùa nếu có thuyết giảng ông liền
13 đến nghe, theo chúng tăng cuốc đất, tăng
14 muốn thiết sàng, nhưng không chịu nhận
15 tiền. Kế đến là còn làm Thứ sử ở Lợi Châu.
16 Kỷ phủ pháp Tào và tụng kinh Pháp Hoa, lúc
17 ấy giảng về nghĩa số của cha Võ.

18
19 * **Thích Trí Hoa:** Người ở Giang Châu,
20 ban đầu xuất gia trụ chùa Tây Lâm ở Lô Sơn.
21 Tánh tình Sư cao thượng, nói năng nhã nhặn
22 rộng lượng, khác phong cách bên ngoài hữu
23 vật, dung mạo rất đẹp, công phu chuyên đọc
24 kinh, tiếng tụng từng âm vận thanh nhã thông

1 suốt, tụng mấy quyển cũng không thấy mệt.

2 Đời Tùy, Sư đến Nhật Nghiêm, nhà
3 đường mời trụ chùa Hoằng Phước, pháp tịch
4 ở kinh đô, tiếp vũ liên hoàn, không có người,
5 ai cũng gởi cho Sư, tuy làm quan Hàn lâm coi
6 việc viết chép, nhưng lại rất thích Phước
7 Môn, mỗi ngày tự sách tấn mình phải viết
8 năm trang giấy kinh Pháp Hoa. Đã lớn tuổi
9 nhưng sự nghiệp tu hành không biếng nhác,
10 được ngoại lợi liền chép kinh Pháp Hoa, tự
11 tay sư viết được hơn hai ngàn bộ. Ngày qua
12 đời ngồi xếp bằng trên giường thị tịch, có
13 mùi thơm đầy khắp nhà, thọ tám mươi tuổi.

14
15 * *Người Lạc Dương đất Lạc Châu, tên*
16 *Hà Huyền Linh:* Niên hiệu Long Sóc, qua
17 đời ở kinh đô. Khi xuống âm ty được cho làm
18 Chủ bạ, (coi về sổ sách). Niên hiệu Lân Đức,
19 có người cùng làng với Linh sau khi chết
20 xuống âm phủ, hai người gặp nhau. Linh hỏi
21 người làng: Vì sao ông xuống đây?

22 - Đáp: Bị đuổi đến đây.

23 - Linh: Ta thấy án chủ giữ ông lại, oan
24 uổng lắm, hãy thả ông trở về đi.

1 Lúc người trong làng từ biệt, Linh sắp đi
2 ra mới nhìn thấy một lão già cùng thôn hỏi
3 người cùng làng: Ông đến đây sao không
4 xem chỗ tôi chịu tội? Liền thấy vạc nước sôi
5 sùng sục đang nấu người tội. Bà lão bảo: Ông
6 về nên báo cho chồng tôi hãy vì tôi mà viết
7 một bộ kinh Pháp Hoa, nhờ vậy mới thoát
8 được cảnh này, mười ngày sau ông hãy đến
9 báo cho tôi biết tại thôn Nam Thủy Đầu.

10 Lát sau, người trong làng tỉnh lại, liền gọi
11 chồng bà và kể lại câu chuyện rồi bảo chép
12 kinh. Ông ấy mau đi mua giấy trao cho người
13 mượn viết giùm. Người trong làng đến ngày
14 đã hẹn trước đó đi tới bên nước thấy một bà
15 lão khác nói với người trong làng: Ông có
16 phải là người được dặn viết lúc trước không?

17 - Người trong làng đáp: Đúng vậy.

18 - Bà lão nói: Người phụ nữ trước kia,
19 ngày chồng ba mua giấy mực ngay hôm đó
20 bà được sinh lên cõi trời rồi. Cho nên không
21 chờ đến ngày nay hẹn để gặp ông được, nên
22 dặn tôi báo cho ông biết, nói xong liền biến
23 mất.

24 * *Ranh giới của huyện Lam Điền: Ở*

1 Ứng Châu, có một thôn nọ tự nhiên đất sụp
2 xuống sâu hơn trăm thước. Chỗ đất sụp đó
3 đúng ngay phòng thờ Phật, trong nhà ông họ
4 Từ có một bộ kinh Pháp Hoa. Chuyện này là
5 do ông Từ thường hay thọ trì cúng dường nên
6 ở chỗ đất sụp đó chính là một trụ đất, nhờ
7 phòng thờ Phật này chống cao được cả làng
8 cuối cùng không bị sụp lở. Mọi người thấy
9 vậy đều lấy làm quái lạ, đồng thời đứng pháp
10 sao chép để truyền bá.

11

12 * *Vào niên hiệu Nghi Phụng*: phía Bắc
13 huyện Lương ở Nhữ Châu, có một người con
14 traí họ Lưu ở thôn Lương, không biết tên.
15 Đầu tiên vì đi chinh phạt phương Đông đánh
16 nước Cao-ly. Bị bắt làm tỳ tớ giữ ngựa bên
17 bờ biển phía Đông xa xôi.

18 Năm ngũ thường thấy một vị tăng gọi
19 xuống biển và từ biển trở về nhà, chiêm bao
20 như vậy chẳng phải một lần. Con của bà họ
21 Lưu tự suy nghĩ: Trôi giạt cùng với chết
22 chẳng khác gì, luôn luôn cảm được giấc
23 mộng này. Lao thân xuống nước ở ven biển
24 và ôm được một bó cỏ cúc, theo cơn sóng trôi

1 theo dòng nước. Nổi lên bờ phía Tây, khi lên
2 được bờ đi hơn một dặm lại nghĩ: Bó cỏ này
3 đã cứu được thân mạng ta, bèn quay trở lại
4 mở bó cỏ ra phơi, thì thấy trong đó có kinh
5 Pháp Hoa quyển sáu. Liền đem về nhà, cha
6 là ông Lưu, trước do ông mất tích ở vùng
7 biên giới, vì cầu nguyện cho ông nên người
8 con chép một bộ kinh Pháp Hoa, viết chép rất
9 thanh tịnh, mỗi việc nghiêm túc sạch sẽ.

10 Khi thấy đứa con trở về lòng buồn lo liền
11 hết, nhưng lấy làm lạ hỏi lý do. Lưu Tử kể lại
12 tất cả câu chuyện xảy ra trước đó, cha con
13 cùng nhau vào tỉnh xá mở hòm kinh ra xem
14 mới thấy thiếu quyển sáu. Nghiệm lại đứa
15 con ông lúc ở ngoài biển được quyển kinh mà
16 người cha vì con mình đã chép. Các phần của
17 quyển kinh đầy đủ, giấy mực giống nhau, kia
18 đây chẳng khác, rõ ràng phù hợp. Từ đó, cha
19 con dốc lòng tin Tam bảo, giữ giới hạnh tinh
20 nghiêm.

21
22 * **Tướng Lang họ Ngô:** không nhớ tên,
23 lúc đi chinh phạt phía Đông nước Cao-ly, thì
24 phá được thành Mã ấy, đốt cháy cửa nhà cho

1 đến chùa viện tinh xá. Ở ngoài thành nhìn
2 thấy khói mây bay thẳng lên, trong đó có một
3 vật như khí hư, bay lên cao rồi biến mất vào
4 đám mây. Giây lát nhẹ nhàng rớt xuống đám
5 cỏ phía Đông thành. Lang tướng Ngô phi
6 ngựa đến coi thử thì thấy một cuốn sách màu
7 vàng rớt trên mặt đất, bèn lượm lên xem thử,
8 đấy chính là kinh Pháp Hoa quyển bảy.

9 Vì thế, ông đem về doanh trại, ban đêm
10 để trên nóc doanh trại, bỗng nhiên trời mưa
11 to. Đến sáng hôm sau lấy xuống chẳng có
12 một chỗ nào bị thấm ướt cả. Sau đó, ông đem
13 về kinh đô để trụ nhà bạn cũ tướng quân Lý
14 Ích Thường ở phường Tĩnh An. Vui mừng
15 thiết trai thỉnh Sa-môn Vạn Tướng Huyền
16 Tế ở chùa Hưng Thiện. Sư đích thân xem
17 cuốn kinh và tụng một biến.

18 Ông Ngô hứa đưa vào nội cung, đồng thời
19 vì đó viết chép kinh tịnh nghiệp đúng pháp
20 mới hoàn thành, cho nên đặc biệt nói lên
21 diễm lành cao quý, sẽ ngộ được các Phẩm.

22
23 * *Thích Huyền Tế*: Còn gọi là Tĩnh Vụ,
24 họ Lưu, người ở Lý Nam. Ông cố nội làm

1 Thứ sử ở Kỳ Châu đời Đường, ông nội là
2 Đĩnh làm Quả Nghi ở phủ Tuyên Phạm đời
3 Tùy, đồng thời bản thân là hình tượng của
4 quốc gia, văn võ gồm cứu giúp, sớm ngộ
5 được huyền châu, rất tinh thông đạo Phật.
6 Người cha thông thạo thuật tu Nho từ lâu, hồi
7 tích hoành môn, không cạnh tranh với trần
8 thế ồn náo, chẳng buồn việc triều chính thành
9 thị. Thông theo để giao tế làm gương cho
10 người, tinh thần rất minh mẫn, thích danh khí
11 kia do đó xả bỏ xuất gia. Cho nên vừa lên
12 thập nhị phẩm liền trông mong lạc thái, vì thế
13 tắm gội ở dòng pháp, tắm gội chân hóa, chỗ
14 thâm nhập rất sâu. Và sau khi thọ giới cụ túc,
15 hạnh kiểm chuyên tinh, kính trọng pháp nghi.
16 Năm ba mươi hai tuổi được cử làm Duy ra
17 chùa Hưng Thiện, nhưng chẳng thích việc
18 đó. Tánh ưa ở nơi sơn thủy, tư duy sâu xa chỗ
19 u nhàn vắng lặng, do tuổi đều hưởng phúc
20 trời, nhờ tích ngộ chân, nên tụng tập kinh
21 Pháp Hoa, Bát-nhã để làm nhiệm vụ hằng
22 ngày.

23 Ban đầu tụng kinh Pháp Hoa đủ hai ngàn
24 biến, nằm mộng thấy lên một đại diện, bốn

1 mặt chánh điện đều có tượng Phật, ánh sáng
2 chiếu soi. Trong núi có khám thờ tượng đều
3 là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, đi vòng quanh
4 đánh lễ, cảm động hồi lâu bèn thấy bình lưu
5 ly đựng một viên xá-lợi, dùng tay nhặt lấy,
6 cảnh giác rõ ràng, tụng đủ năm ngàn biến.
7 Lúc ấy, ban ngày đang ngồi bông nhiên mộng
8 thấy trong hư không có mấy trăm khám thờ
9 Bồ-tát Quán Thế Âm, dùng tay với lên vịn từ
10 từ cảm thấy đi đến. Lại thấy trong hư không
11 có vô số hạt châu vàng từ trên lăn xuống
12 thành dòng ánh sáng rất đẹp. Tề dùng miệng
13 hứng lấy khắp thân tâm rất vui mừng, qua hai
14 ngày không ăn dường như cảm thấy no, từ đó
15 thân tâm được an vui, trì kinh không bỏ một
16 việc làm phước nào.

17 Trong một ngày đêm năm lần tụng, đến
18 chín ngàn biến.

19 Lúc ấy, ở trong viện Bắc Lĩnh, góc vuông
20 cảnh Tượng thành linh có con chim lạ, hình
21 dáng như chim phỉ thúy, ngực màu trắng,
22 toàn thân màu vàng, mép màu đen, chân màu
23 đỏ. Từ ngoài sa vào thẳng trong lòng, do đó
24 Tượng mang đến trước tượng Phật, nó liền

1 bay lên cây hoa, ngậm hộp hương kinh cách
2 bay rải khắp nơi, hoặc dùng thức ăn hoa quả
3 cho nó cũng không ăn, chỉ gặp hương sập
4 thường dùng miệng hút. Ban ngày liền nhẹ
5 nhàng sang gia đình Tể, đêm ngủ trong nhà
6 nghỉ, qua bảy ngày bảy đêm tự nhiên bay đi.

7 Bỗng nhiên lại mộng thấy một người cao
8 bảy, tám thước dung mạo xinh đẹp giống
9 hình tượng bện tơ, từ lưng xuống trang
10 nghiêm, màu sắc đẹp đẽ. Lúc ấy, Tể hoan hỷ
11 đánh lễ hiệu là Bồ-tát Quán Thế Âm, tức y
12 cứ vào Bồ-tát, nâng chân Ngài, miệng xưng
13 danh hiệu Đại bi, bèn trông mong được vô vê
14 an ủi sờ đầu. Thường trở lại mấy lần, Tể dùng
15 tay vịn theo, cổ họng nghẹn ngào giây lát liền
16 tỉnh ngộ. Hoặc ngày đêm ngủ nghỉ lúc tụng
17 sập hết liền nghe tiếng chuông, khánh để răn
18 nhắc nhau. Những điều linh ứng đó là do tụng
19 kinh Pháp Hoa một muôn hai ngàn biến, Kim
20 Cương Bát-nhã một muôn biến, trong đó
21 niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, tụng chú
22 diệt tội tùy tâm.

23 Theo Công cách y cứ nhau hơn trước, có
24 thanh tín sĩ, bí thư tỉnh so sánh Thư Lang Lưu

1 Huyền rằng An đứng đầu dân tộc Phiệt có tài
2 hoa xuất sắc, thân phù hợp cửa Phật, rong
3 ruổi theo pháp bảo, cùng Tể sớm quen biết
4 quen lời, càng hẹn tạo phước thanh tịnh.

5 Niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai,
6 nương nhờ viện của Thiền sư Tự Cơ, ở trong
7 thất đọc kinh, tượng trưng sự trong sạch như
8 tuyết. Bột thơm sơn quét, treo phướn rải hoa,
9 mấy lớp bảo vệ sạch, khéo léo khiến thư sinh
10 thực hành đúng, mỗi lần vào phải tắm mặc áo
11 mới sạch, đốt hương ngậm chắt thơm, chỉ
12 thành viết rõ ràng. Tể đích thân giúp đỡ, vâng
13 giữ tất cả, sớm tối không nghỉ.

14 Lúc đầu chép kinh Pháp Hoa chưa đầy
15 một trang giấy, ngay đêm đó chiêm bao thấy
16 vị tăng trao cho diệu hương. Lại nghe bên
17 trong hoa đàn trước nhà kinh có tiếng lễ sám
18 mấy lay, lấy làm lạ đến xem thì thấy im lặng
19 chẳng có người hoặc vật gì. Chính vì không
20 ngủ ngồi một mình trang nghiêm bỗng nhiên
21 nghe tiếng chuông vang trong hư không. Khi
22 viết đến quyển hai, ngay buổi sáng hôm đó,
23 thấy một vị tăng Bà-la-môn vào nhà kinh,
24 nghi dung rất khác thường, đứng chấp tay hồi

1 lâu. Viết đến đầu quyển Kim Cương Bát-nhã,
2 đúng lúc ấy mộng ánh sáng trên ngực ông
3 mênh mông như cái bát. Viết đến quyển hai
4 tới ngũ nhãn tiền thì bút nghiên phát ra ánh
5 sáng đều màu vàng, chính lúc đó đặc biệt sợ
6 hãi bèn định tâm viết, ánh sáng đó đầu tiên
7 phát ra ở chữ "đề" đỏ rực sáng như ánh đuốc.

8 Bồ-tát nhiều đời cũng như thế, nếu làm
9 được như vậy thì nói ta sẽ diệt độ vô lượng
10 chúng sinh. Gồm mười tám lời nói là diệt.
11 Đến quyển ba, trên trục của bốn kinh đó lại
12 phát ra ánh sáng chiếu xa hơn hai thước,
13 chiếu thẳng vào mé cửa sổ. Lúc ấy, Tể và
14 Pháp sư Hiền Thủ Hoa Nghiêm và có hơn
15 mười người tận mắt nhìn thấy bèn bảo nhau:
16 Chúng ta tu học vào thời mạt pháp cách Phật
17 rất xa, nay chép tôn kinh bỗng nhiên được
18 báo tướng linh hiển, sao không đối với bậc
19 Hong liệt xây tháp thờ để bày tỏ tâm chí
20 thành? ngay lúc đó bắt đầu cho đến cuối cùng
21 tâm thanh tịnh, việc sạch sẽ, rất cẩn thận chỗ
22 đó mà cất một ngôi nhà để cúng dường toàn
23 thân và kinh mãi mãi. Vào ngày 26 tháng 07
24 đều xả y bát, để trước phòng kinh đốt hương

1 rải hoa cùng lập thệ nguyện rộng lớn, cho đến
2 tháng ba năm sau, đạo - tục mấy mươi vị một
3 đêm hành đạo, trừ nền mới xây ở phòng cũ,
4 bảo bốn vị tín sĩ ăn chay tắm gội mặc y mới
5 sạch, chur tăng dùng hoa hương, âm nhạc chí
6 thành cúng dường. Hướng dẫn bốn vị này lập
7 ra quy cũ cách thức, vác đũa đều rải hoa thơm.
8 Lúc ấy, những người mê tối đều phát đạo
9 tâm.

10 Sau đó, có Sa-môn Chí Khoáng ở chùa
11 Văn Lễ đích thân làm việc xây dựng, vừa
12 đánh đục vừa xưng danh hiệu Phật, còn thanh
13 tín sĩ chỉ trai giới và vận chuyển đất mà thôi.
14 Khi đã xong nền, thường nghe tiếng lễ Phật,
15 tụng kinh.

16 Tháng mười năm ấy, ở ngọn núi phía Bắc
17 xây tịnh thất riêng để kinh trong ngoài trang
18 nghiêm, mời thợ tin thành khéo léo dùng gỗ
19 ngâm nước thơm, để làm cán búa, nghe tiếng
20 hồng chung dưới nhà trống của Tế.

21 Dạ-xoa mộng thấy tràng hoa và hai vị
22 thần cao hơn một thước đang đứng chỗ làm,
23 còn người lên Mao Phổ Đạt ở huyện Di, chọn
24 lựa cửa cây trụ nhà ở trong tán cốc. Thấy độc

1 nhất một cây thông vọt lên trên ngọn núi cao
2 cách nước rất xa, cho nên người thợ chặt bỏ
3 đi. Người đã chặt cây này chẳng ngày nào mà
4 không bị ngã, nhánh cây cắm xuống chỗ nào
5 thì đất chỗ ấy vọt lên một vòi nước, thành
6 suối, người thợ dùng để chữa bệnh đói, bằng
7 thành mười cây trụ. Nhà đó, còn thêm chạm
8 khắc và trang trí, ngay ngày chưa hoàn tất,
9 mà từ xa cúi đầu, lễ chân kinh và đặt tên là
10 Thiện Pháp.

11 Ngoài ra còn đợi công trình hoàn tất, để
12 gọi lại cho người có năng lực. Tế cách biệt ở
13 nơi xa tại Lâm Tuyền tu hơn ba mươi năm,
14 sau bệnh sốt rét thường tái phát, đến lúc
15 không thể cứu chữa được nữa, Sư thị tịch tại
16 hõm đá, thọ sáu mươi bảy tuổi, nhằm ngày
17 mừng một tháng ba niên hiệu Thần Long, kẻ
18 đạo người tục nghe tin rất kính tiếc, đau
19 buồn. Tính tình Sư nhu hòa, có tâm từ bi chất
20 phác, rộng lòng cứu giúp, chẳng vào nơi chợ
21 búa ồn náo ràng buộc, không đến chùa ni. Lại
22 siêng năng tu hành phước thiện, lao nhọc
23 chẳng than mệt mỏi. Ngoài việc lễ tụng, gần
24 như chẳng có lúc nào rảnh rỗi, còn như việc

1 tiếp khách, đối đáp với quan liêu thì xét căn
2 cơ mỗi người mà ứng đáp cho phù hợp hoàn
3 cảnh, lời nói và hành động chẳng phân biệt,
4 chúng đều suy tôn, cho nên, Lại bộ thị lang
5 Lưu Huyền Đình, Binh bộ thị lang Lưu
6 Huyền Cơ, Ngõ bộ thị lang Trung Từ Chiêu,
7 Cao sĩ Hứa Nhân Tắc... rất khâm phục thái
8 độ khiêm nhã của Sư, tôn trọng sự nghiệp lớn
9 lao của Sư, cùng kết giao làm khách ngoại
10 trần để qua lại giao tiếp. Huyện lệnh Lam
11 Điền có Trịnh Nam Kim một lời nói chứa
12 đựng hết, dốc hết nỗi lòng, sáng tác phù hợp,
13 và kính trọng đạo phong nên có lời khen: "Tề
14 Công điền đạm, vô vi vô dục, tiếp vật dùng
15 lòng từ, đối với thân tri túc, mùa xuân cây
16 được sum suê, mùa thu đầm nước càng xanh,
17 tốt đẹp thay bậc Thượng sĩ! Như vàng như
18 ngọc, Sư là bậc Thánh hiền được cúng kính
19 như vậy.

20 Truyện về mở rộng và khen ngợi kinh
21 Pháp Hoa, bắt đầu từ đời Đông Tấn đến cuối
22 cùng là đời Đường, lý luận về người học kinh
23 Pháp Hoa được linh ứng như thể có chép đầy
24 đủ trong đó. Như vậy mới đáng gọi là "một

1 việc nhân duyên lớn" làm lợi ích cho chúng
2 sinh, giúp cho chúng sinh không bị rơi
3 xuống, nhưng nay ra biển Đông chỉ được một
4 bó cỏ, niên kỷ càng xa, bút tích sai lầm rất
5 nhiều, luống xét cùng nghĩa lý về bệnh sai
6 lầm kia, tuy chẳng thông minh sáng suốt,
7 nhưng so sánh chuyện phải quấy là chỉ muốn
8 lưu thông rộng rãi, vì vậy mới khắc bản, ngõ
9 hầu cho các vị giở ra xem coi để "khai thị ngộ
10 nhập tri kiến Phật".

11 Viết xong nhằm ngày 27 mùa Xuân năm
12 Ất mùi, niên hiệu Thiên Khánh năm thứ năm
13 tại điện Minh Khánh, tại Thích Viện ở Nội
14 Tĩnh.

15 Trụ trì chùa Hoằng Hóa núi Nghĩa Long
16 nước Cao-ly, Đông Hải, xét lý trí, soi tịnh
17 quang ở Trung Khổng Nhạc, Tăng thống
18 pháp ấn, ban hiệu Sa-môn Đức Duyên Khâm
19 Hiệu Văn Lâm Lang Tư Tể.

20 Thừa Đồng, Chánh lý, Đường dực thơ.

21 Ngày mồng tám tháng bảy niên hiệu Bảo
22 An năm thứ nhất nước Đại Nhật Bản, ở phủ
23 Đại Tể, Pháp sư Khuyển Tuấn Nguyên ghi
24 chép xong. Tô Cảnh người nước Tống từ

1 nước Cao-ly vượt biển mang theo Thánh giáo
2 đến Trung quốc mới có truyện Pháp Hoa này,
3 nhưng để lại hai cuốn để viết chép. Bán Tăng
4 Giác Thọ ghi.

5 -----

PHỤ LỤC

BÀI TỰA SỞ KINH PHÁP HOA CỦA NGÀI THIÊN THAI.

Sa-môn Thần Huýnh ở Cảnh Trung soạn.

Tựa rằng: Chí lý vô danh (chỗ lý cùng tột thì chẳng có tên gọi) tên gọi được truyền bá khắp trong thiên hạ. Chân thừa bất động, nhưng rung chuyển trong ba cõi. Chứng lý tức sự mà chẳng động, Tát-đàn tùy duyên giáo hóa chúng sinh, chẳng mưu cầu dắt dẫn, công há chẳng lớn lao hay sao?

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, từ Thế tôn xuất thế vì một việc nhân duyên lớn đã nói ra. Nhưng cở thuốc chẳng đồng nên sự thọ lãnh thâm nhuần thành ra khác nhau, căn cơ chẳng phải một vì thế bảm thọ giáo pháp không giống nhau. Cho nên, Đức Phật lập nhiều phương tiện xoay bánh xe pháp, nói pháp Bốn Đế tại vườn Nai. Còn hiển thật thì tại non Linh Thứu, ba lần chuyển biến nói về Tịnh độ ý chỉ sâu xa, lời nói rõ ràng. Bạc Nhân tôn đạo cao, hiển bày nguồn gốc sâu xa thọ lượng để hiệu dấu vết gần nơi Già-da.

1 Thôi gió mưa đánh trống pháp giảng nói, bỏ
2 xưa nói phương tiện, khai thị ngộ nhập nay,
3 được cá quên nôm, được của báu trong nhà.
4 Bồ-tát như cát bụi, thêm đạo bớt chúng sinh,
5 Thanh văn nơi am tranh bỏ Tiểu hướng Đại.

6 Bồ-tát Dược Vương đốt cánh tay để cúng
7 dường Phật Đa Bảo hiện toàn thân chứng
8 minh rất sâu xa mẫu nhiệm, cùng tốt viên
9 mãn, không thể luận bàn.

10 Có Đại sư Thiên Thai hiệu Trí Khải, thuở
11 xưa ở trước Đức Như Lai đích thân nghe kinh
12 này, ở địa vị Ngũ phẩm, âm thanh rung
13 chuyển cả hai triều đại. Chẳng qua nơi đạo
14 tràng mà thấu hiểu Phật thừa, nhờ sức Đà-la-
15 ni nhạo thuyết vô cùng, thường ở nơi điện
16 Thái Cực của Trần chủ giảng kinh Nhân
17 Vương, Bát-nhã cho vua nghe, để vương quý
18 gồi, trăm quan vỗ tay. Vả lại, như đã giải
19 thích về quán tâm mẫu nhiệm là có không,
20 lấy chân tánh làm phép tắc mượn sự giúp đỡ
21 chiếu soi để thành thấu suốt, trình bày tên gọi
22 thuyên tông, khác hơn người xưa, năm nghĩa
23 là then chốt chân lý đều giữ gìn Thánh giáo.

24 Từ khi ngài Trí Giả hoằng pháp hơn ba

1 mười năm, chỉ có lời sớ Duy-ma, đòi Tùy
2 vâng chiếu theo sắc lệnh của Dương Đế mà
3 chọn huyền văn này. Gần đây, có Pháp sư
4 Quán Đảnh ghi riêng hợp thành hai mươi
5 quyển, không phải người trí thì không trao,
6 lời nói này đã đầy đủ.

7 Và sau khi Phật diệt độ hơn một trăm
8 năm, đến giữa niên hiệu Thiên Bảo đòi
9 Đường, nhằm năm Mậu Tý, có Hòa-thượng
10 Lãng trụ chùa Thanh Thái ở quận Đông
11 Dương, là tai mắt của pháp môn, là giếng mối
12 của chánh pháp, pháp và giới đều thông, bao
13 gồm cả trong ngoài. Được món đồ quý báu
14 của Mãn Từ, ngôi trong động đá của Không
15 Sinh. Mỗi khi giảng trao cho người học thăm
16 khen rằng: Quán về nghĩa thú đó khế hợp sâu
17 xa với Phật thừa, tìm xem văn thể thì có khi
18 chẳng đúng thứ lớp. Hoặc văn liên tục mà
19 nghĩa đứt quãng, hoặc văn sau nghĩa trước,
20 hoặc trước văn xuôi đã mở bày chương đó,
21 hoặc từ sau mà nói lại trực tiếp nghĩa ấy, hoặc
22 trong bài kệ nêu số đó trước, hoặc sau không
23 theo thứ lớp của tên kia, nhưng ý thánh khó
24 lường, chỉ mong có niềm tin là được rồi.

1 Nay vì thính chúng nhiều lần khuyên
2 thỉnh: Bậc thượng căn dễ tỏ ngộ, chọn lấy
3 điều hay không mê muội, bậc trung hạ căn
4 theo văn mất ý chỉ. Nếu theo thứ lớp so sánh,
5 điều này thì lợi ích rất rộng lớn. Hòa thượng
6 hai ba phen do dự, sự bất đắc dĩ, bèn chuyên
7 niệm Đại sư cầu ngài che chở có được chăng!
8 Vì thế mà cảm ứng được giấc mộng, mới bắt
9 đầu có điều lệ thường hằng. Vì cũng tùy tình
10 lập phương tiện, lượng xét chẳng phải cầu thả
11 tìm cầu chỗ đồng khác, nên có sự thêm bớt
12 trong đó.

13 Trông mong các người học sau này hiểu
14 được nguyên ý đó, suy tìm lãnh hội ý chỉ
15 lượm vàng bỏ sỏi, nói pháp chân thật chẳng
16 phải luống dối, trợ giúp mở ra cánh cửa rộng
17 lớn cho cơ phong mẫu nhiệm, làm hoàn bị
18 cho kinh tạng thì trăm giới ngàn như, rõ ràng
19 phù hợp nhau. Hóa thành bảo sở đều đích
20 thân làm cầu bến, nhờ sự hết lòng của Đức
21 Di-lặc, theo trí vốn sẵn của ngài Văn-thù,
22 giúp cho phát đủ sáu trí. Khen xuân thu một
23 lời nói, Thần Huýnh, v.v... đồng thời lựa
24 chọn tổng hợp văn xưa. Để lý khinh an,

1 không đâu chẳng phải là chỗ Phật Không
2 Vương, cùng nhau phát tâm, mười sáu vị Sa-
3 di đều thay nhau giảng nói, dụi mắt hoa đốm,
4 thấy mặt trời trừ bệnh dưỡng châu. Thật tình
5 then với ngòi bút của Nhạn môn, sao chẳng
6 đoái đến sự sâu xa của Long Khoảnh, ngõ
7 hầu chọn lấy bậc cao đức, tắm trong dòng
8 nước đạo mà thấy được cội nguồn.



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10
11

12 TRUYỆN KÝ VỀ KINH
13 PHÁP HOA
14 SỐ 2068

15 (QUYỂN 1 → 10)
16
17
18
19

20 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
21 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

1

2

SỐ 2068

3

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

4

Tăng Tường soạn tập

5

QUYỂN 1

6

Kính lay Đạo Sư thầy trời người

7

Ba thân một thể Đức Thích-ca

8

Ba đời năm Phật trong chương

9

môn

10

Ra đời, để giảng nói Nhất thừa.

11

Phật Đa Bảo chứng minh Pháp

12

Hoa

13

Các Như Lai phân thân mười

14

phương

15

Cho đến hư không, biến pháp giới

16

Thường Thế tôn hùng và phân

17

thân.

18

Kính lay Pháp Bảo Diệu Liên Hoa

19

Tám vạn mười hai các Thánh giáo

1 Chư Phật hộ niệm Tạng báu lớn
 2 Lợi lạc không ngần, khó lường xiết
 3 Quy mạng Văn-thù và Di-lặc...
 4 Tám vạn Bồ-tát, Pháp Vương tử
 5 Các Bồ-tát Đại Thiên vọt lên
 6 Tám mươi vạn ức Na-do-tha
 7 Diệu Âm, Quán Âm và Phổ Hiền...
 8 Chúng Bồ-tát phát nguyện hoằng
 9 kinh
 10 Mãn phần năm mắt đều soi đời
 11 Hiện khắp sắc thân đồng với trần
 12 Thu Tử, Ca-diếp, Mục-kiền-liên
 13 v.v...
 14 Muôn ức Thanh văn thật Phật tử
 15 Cõi này xứ nọ chẳng thể lường
 16 Quyền thật tất cả nhận độ sinh.
 17 Con soạn kinh điển thành Hộ pháp
 18 Xót thương che chở giúp oai linh
 19 Đền pháp không dứt chiếu đêm dài
 20 Người mê nhờ đây được tuệ Phật.
 21 Thích Tôn dạy răn thời mạt pháp
 22 Người nghe Pháp Hoa sinh tùy hỷ
 23 Tội chướng ba đời đều tiêu sạch
 24 Ba đời quyết định vào chánh vị

1 *Mong cho pháp mầu ở đời lâu*
 2 *Truyền khắp mười phương các cõi*
 3 *nước*
 4 *Những ai đồng gặp sinh mừng may*
 5 *Đời đời thường nghe, tu hành theo.*
 6 *Cho đến thấy nghe khen hoặc chê*
 7 *Thuận nghịch đều chứng Vô Sinh*
 8 *nhân*
 9 *Lời thô tiếng diệu về một nghĩa*
 10 *Không cùng chống trái đến mé*
 11 *chân.*

12 Nhân lành vốn đã gieo trồng, nhân mầu
 13 đến nay phát khởi, lưu thông pháp Nhất thừa,
 14 tán vịnh chân văn, mắt thấy sự chẳng thấy,
 15 tai nghe điều chưa nghe. Xưa kia, khởi đầu
 16 từ đời Diêu Tần thừa hỏi Đạo, đến thời Tiên
 17 Đường chúng ta đây có được thiên hạ, lợi ích
 18 lưu thông, đời trước không có, cảm ứng
 19 không mưu, chẳng thể tính toán mà lường
 20 biết được. Diệu lợi bất động cũng là mực
 21 thước chuẩn xác biết được, nay hãy soạn tập
 22 những điều mắt thấy tai nghe, cố động khích
 23 lệ tín tâm của hàng hậu bối. Nay chia ra mười
 24 hai phần, phân làm mười quyển, như bộ loại

1 Ẩn hiển, chi phái truyền dịch, luận thích tựa
2 kinh, giảng giải phúng tụng, chuyển đọc biên
3 chép, thấy nghe cúng dường, v.v... mỗi loại
4 lược dẫn năm ba bài, sắp xếp phân loại. Văn
5 từ chân chất mà quê kệch, muốn giúp cho ai
6 thấy nghe dễ tỏ ngộ sự rộng mà thật, khiến
7 người sau truyền bá tin tâm. Lại tham tâm
8 được những bản, chế soạn các tông ký
9 truyện, v.v... vừa mới vừa cũ, ghi chép mà
10 lưu xuất ra. Về sau, cứ tìm có được thì sắp
11 xếp, nếu lại thấy thì sắp xếp tiếp, giữ lấy pháp
12 mẫu chân văn, lưu thông không cùng, trước
13 nêu bày về chương mục, phần sau tùy gom
14 chép mà thôi.

15 1. Bộ loại thêm bớt

16 2. Ẩn hiển khác thời

17 3. Niên đại truyền dịch

18 4. Chi phái biệt hành

19 5. Luận thích khác nhau

20 6. Lời tựa biên tập của các Pháp sư.

21 7. Giảng giải cảm ứng

22 8. Phúng tụng thắng ích

23 9. Tụng đọc diệt tội

1 10. Biên chép cứu khổ

2 11. Lợi ích theo nghe

3 12. Y chánh cúng dường.

5 I. BỘ LOẠI THÊM BỐT.

6 Phàm bộ loại có thêm bớt bởi có rộng
7 lược, tuy có thêm bớt mà chẳng mất cái lợi
8 ngầm hiển. Lược chia thành bảy cách:

9 1/ Kinh pháp của một hội dùng làm một
10 bộ, như kinh Thập Địa, v.v...

11 2/ Kinh pháp nhiều hội cùng làm một bộ,
12 như kinh Hoa Nghiêm, v.v...

13 3/ Phần đầu của kinh dùng làm một bộ,
14 như kinh Nê-hoàn sáu quyển, v.v...

15 4/ Đầy đủ hai phần làm thành một bộ, như
16 kinh Đại Niết-bàn, v.v...

17 5/ Lược Bốn làm thành một bộ, như kinh
18 Tiểu Phẩm, v.v...

19 6/ Quảng Bốn làm thành một bộ, như
20 kinh Đại Phẩm, v.v...

21 7/ Một phẩm làm một bộ, như kinh Quán
22 Âm.

1 Nay ở đây, kinh Pháp Hoa so với trên là
 2 thuộc bốn đầy đủ, nếu theo Bốn Phạm thì
 3 Văn lẽ ra là lược nói. Vì sao? Vì kinh này là
 4 ba thân một thể, năng sở lặng nói. Trong Phổ
 5 Hiền Quán nói rằng: "Phật Thích-ca Mâu-ni
 6 tên là Tỳ-lô-giá-na Biến Nhất thiết xứ, chỗ ở
 7 của Phật tên là Thường tịch Quang, là chỗ
 8 kiến lập bốn pháp Ba-la-mật. Đấng Pháp
 9 Vương mở vận ở kinh Vô Lượng Nghĩa, sau
 10 đó vào Định Nghĩa Xứ, hiện điềm tướng đặc
 11 biệt, sinh khởi sự ân trọng của Đại chúng,
 12 cùng tám vạn vị Đại sĩ như ngài Văn-thù
 13 v.v..., vạn ức các Đại Thanh văn Xá-lợi-phất
 14 v.v..., tám vị Long vương, bốn vị Khẩn-na-
 15 la, Càn-thát-bà, A-tu-la, v.v... sáu tầng trời
 16 cõi Dục, Tứ thiên, vạn ức vua Chuyển luân,
 17 Quốc vương, Vương tử, Quốc nữ, các hàng
 18 thứ dân, số đông không thể nói, không thể
 19 lường về hội chúng. Phật vì đó mà giảng
 20 nói... bắt đầu từ "Như thị" (như vậy) đến cuối
 21 cùng là "nhi khứ" (mà đi), đều là pháp mâu,
 22 mỗi chữ đều diệu. Mỗi từ, mỗi câu không gì
 23 chẳng phải pháp giới.

24 Mỗi chữ, mỗi chấm không gì chẳng phải

1 là Phật. Trên thâu cùng công đức của Xá-na,
2 dưới chảm tận y báo chánh báo ở A-tỳ. Thế
3 đầy đủ mẫu nhiệm không thể nghĩ bàn. Đó
4 mới là viên mãn Tu-đa-la cam lồ pháp bảo.

5 Ở phương Tây truyền rằng: Văn của tám
6 năm kiết tập ở Linh sơn, nên phô bày ở thành
7 dài rộng một do tuần. Nếu kiết tập hết cả thì
8 không nơi nào dung chứa hết. Vô lượng vô
9 biên chúng Hải hội, giúp họ khai mở, chánh
10 thuyết lãnh hội, thuật thành thọ ký, vui mừng
11 nói kệ tụng ở cõi này và phương khác, khen
12 ngợi chư Phật và phát nguyện. Trong mỗi
13 phẩm có vô lượng vô biên chữ nghĩa thành
14 tựu. Như Phật nói kinh Pháp Hoa, số bài kệ
15 nhiều như cát sông Hằng. Đức Phật Tú
16 Vương Trí nói kệ như Chân-ca-la, Tần-bà-la,
17 A-sơ-bà, v.v... Đức Phật Oai Âm Vương nói
18 hai mươi ngàn vạn ức bài kệ. Phật nay cũng
19 vậy, Phân-đà-lợi cũng nói là nói số bài kệ.
20 Bảy giờ, có ngôi tháp bằng bảy báu vọt hiện
21 ra trước. Từ tháp báu về trước, có số bài kệ
22 vô lượng. Lại vọt hiện ra các chúng, dùng các
23 pháp khen ngợi của Bồ-tát mà khen ngợi
24 Phật, ngàn thế giới bụi trần số các bài kệ tán,

1 ai biết được số lượng kệ ấy!

2 Tam tạng Pháp sư Giác Ái nói rằng: Ở
3 Tây phương truyền rằng Đức Phật giảng nói
4 kinh Pháp Hoa thật không thể nói. Trong mỗi
5 phẩm có nhiều câu kệ. Lấy núi Tu-di mà làm
6 bút, lấy nước biển lớn làm mực cũng không
7 thể cùng tận. Đức Phật thường ở tại núi Linh
8 thúu cùng với chúng Đại Bồ-tát và các Thanh
9 văn vây quanh mà nói pháp, trời người đông
10 đầy, khắp cả trước sau, không có dừng nghỉ.
11 Chỉ có năng lực vô tận tổng trì mới gìn giữ
12 được, chẳng bút mực nào ghi hết nổi. Chỉ y
13 cứ vào một thời kỳ cơ cảm, tám năm kết làm
14 một bộ, tuy lược kết tập nhưng số lượng cả
15 một do tuần, tụng bốn rất lược mà đầy vuông
16 cả trọng thất, trong hai mươi tám phẩm đầy
17 đủ đại cương.

18 Lại, như Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói
19 rằng: Trong Tây Vực truyện ký ghi: Bồ-tát
20 Long Thọ đi trên biển, xuống cung rồng thấy
21 kinh Pháp Hoa Bình Đăng Ma-ha-diễn này
22 có Đại thiên thế giới vi trần số kệ, bốn thiên
23 hạ vi trần số phẩm, ghi chép đầy đủ diễm
24 tướng đặc biệt, hỏi đáp lớp lớp qua lại. Cõi

1 nước ở phương Đông cũng như các phương
2 Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới đều hiện
3 trong tướng ánh sáng. Lại có hai vạn ức Đức
4 Phật Nhiên Đăng, mỗi vị đều giảng nói nghi
5 thức kinh Pháp Hoa, khen ngợi trí tuệ, việc
6 nhân duyên lớn của chư Phật ba đời mười
7 phương, giáo hóa hạng người Ba thừa khai
8 ngộ Nhất thừa. Các Bồ-tát Thanh văn, các
9 bốn duyên được thọ ký, Phật nói tự lãnh hội,
10 từng tiết vô tận, lắm lớp chẳng thể nói, từ cõi
11 nước này cho đến phương khác phát nguyện
12 mở rộng thọ trì, nhảy vọt ra khen ngợi ngôn
13 từ phương tiện sau khi thành quả ở mười
14 phương đến dự hội, v.v... mọi sự đầy đủ như
15 trong khoa mục ẩn hiển. Hiện nay, truyền bá
16 tại Trường An có bốn bản khác nhau: 1/ Có
17 năm ngàn kệ tụng, do Chánh Vô Úy truyền
18 dịch. 2/ Sáu ngàn năm trăm kệ tụng, do Trúc-
19 Pháp-hộ truyền dịch. 3/ Sáu ngàn kệ tụng, do
20 Cưu-ma-la-thập truyền dịch. 4/ Sáu ngàn hai
21 trăm kệ tụng, do Xà-na-quật-đa truyền dịch.
22 Trong đó ba bản ghi chép bằng lá Đa-la, chỉ
23 một bản của ngài La-thập thì chép bằng lụa
24 trắng.

1 Ở xứ này (Trung Hoa) hiện truyền còn có
 2 số kệ tụng thêm bớt, còn kinh ở phương Tây
 3 làm sao lường biết. Nhưng truyền thuyết là
 4 theo Bốn Phạm văn chỉ có hai mươi tám
 5 phẩm, trước phần văn đều không có đề mục,
 6 chỉ ghi là "Tất-đàm", Hán dịch nghĩa là "Cát
 7 Pháp", cũng dịch là "Thành tựu", không
 8 thành lập tên, đều ở cuối phẩm cuối kinh mà
 9 sau trở lại đầu. Đó là do người phiên dịch
 10 kinh y theo phương thức của Trung quốc,
 11 muốn khiến cho nhờ danh tự chẳng đồng, bàn
 12 nghị về bộ loại, chỉ gìn giữ phần nhiều bốn
 13 chỉ hai mươi bảy phẩm. Tên đặt ở cuối, thiếu
 14 tên phẩm "Đề Bà". Đó là sự bất đồng như
 15 trong phần khoa mục truyền dịch ở sau. Hoặc
 16 chia phẩm ấy thành bộ, như trong phần "chi
 17 phái biệt hành" ở sau, nói về rộng lược ở khí,
 18 bộ loại có thêm bớt nhưng đại nghĩa của Bốn
 19 pháp không thiếu.

20

21 II. ĂN HIỂN KHÁC THỜI .

22 Nếu theo kinh "Văn-thù-sư-lợi Bát-niết-
 23 bàn" thì sau khi Phật (Thích-ca Mâu-ni) thị

1 tịch bốn trăm năm mươi năm, Bồ-tát Văn-
 2 thù- sư-lợi vẫn còn ở thế gian này. Nếu theo
 3 luận Đại Trí Độ thì: "Các kinh điển Đại Thừa
 4 đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi kiết tập". Nếu
 5 theo "Tập Pháp Truyện" thì có ba vị A-nan:
 6 "A-nan", Hán dịch là "Hoan Hỷ" thì trì tạng
 7 Thanh văn. "A-nan Bát-đà", Hán dịch là
 8 "Hoan Hỷ Hiền" trì tạng Độc giác, và "A-nan
 9 Ca-la", Hán dịch là "Hoan Hỷ Hải". A-nan
 10 lên tòa, chúng sinh có ba điều nghi ngờ: Một
 11 là nghi Phật từ đại bi Niết- bàn khởi giảng nói
 12 Diệu pháp; hai là nghi còn có chư Phật ở các
 13 phương khác đến thế giới này mà giảng nói
 14 pháp; ba là nghi A-nan chuyển thân thành
 15 Phật, vì chúng sinh mà giảng pháp. Nay hiện
 16 bày pháp sở thuyết như thế. Tôi (A-nan) xưa
 17 hầu Phật, suốt hai mươi lăm năm gần gũi
 18 từng được nghe, chẳng phải Phật đã thị tịch
 19 mà còn nói pháp, chẳng phải chư Phật ở
 20 phương khác đến, và cũng chẳng phải chuyển
 21 thân thành Phật, nên ở đầu trong các kinh đều
 22 đặt hai chữ "Ngã Văn" (Tôi nghe).

23 Theo Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói
 24 rằng: "Vi Tế luật nói "lúc A-nan lên tòa kết

1 tập pháp tạng, thân như chư Phật, đầy đủ các
2 tướng tốt, đến lúc xuống tòa thì trở lại
3 nguyên hình như cũ". Vì quyền hành có đủ
4 ba đức, cùng truyền lớn nhỏ, kinh này là do
5 A-nan Hải kết tập, như Đức Phật giảng nói
6 kinh Bồ-tát Văn-thù ở trước tòa xướng đề
7 mục, A-nan lên tòa thuật lại mà kết tập, nên
8 các luận Đại Trí Độ v.v... y theo đó mà nói
9 Bồ-tát Văn-thù kết tập các kinh điển Đại
10 thừa, kết tập đầy đủ rồi ghi vào lá Văn Tâm,
11 cất giữ trong hang Bảo Diệp, trời người, rồng
12 thần, vua quan, đại chúng đua nhau đến cúng
13 dường. Khi Đức Phật diệt độ, các bậc Hiền
14 thành cũng ản theo, như voi đầu đàn đi trước,
15 voi con cũng theo sau. Chín mươi lăm Dị đạo
16 rồi ben dấy khởi, mười tám tiểu Đạo chuyên
17 tôn sùng tiểu điển, còn kinh giáo Đại thừa
18 phần nhiều ản mất chẳng lưu hành ở đời.
19 Kinh này sau khi đã kết tập, ản tàng không
20 lưu hành.

21 Ở phương Tây có tương truyền trong núi
22 Đại tuyết có ngôi tháp báu cất giữ kinh Pháp
23 Hoa bản Phạm. Cụ thể như Tam tạng Pháp
24 sư Chân Đế nói rằng: "Trong Tây Vực

1 Truyện Ký nói: Sau Phật nhập Niết-bàn gần
2 năm trăm, có một vị Tỷ-kheo rất thấu hiểu
3 kinh điển Đại thừa, chứng đạt Vô sinh, đi
4 khắp nơi tìm cầu kinh sâu mầu, đến núi tuyết,
5 mở cửa tháp báu, bày xem các Phạm giáp
6 (kinh điển bốn Phạm), và giữ gìn thọ trì. Đến
7 đầu 600 năm, sau Phật nhập Niết-bàn, trong
8 nước Nam Thiên Trúc (Nam Ấn-độ) có một
9 người thuộc chủng tộc Phạm chí thông hiểu
10 bốn bộ Vệ-đà, Đại nghĩa Ngũ Minh, mười
11 tám dị kinh, nổi tiếng khắp năm xứ Ấn-độ,
12 riêng một mình rảo bước khắp các nước, tên
13 là Long Thọ. Sau đó, Ngài bỏ tà về chánh,
14 xuất gia thọ giới Cụ túc. Trong chín mươi
15 ngày tụng đọc thâm Ba tạng, đã tìm cầu kinh
16 pháp sâu mầu mà không đâu có được, bèn
17 vào trong tháp ở núi Tuyết. Vị Tỷ-kheo ấy
18 trao bản Phạm kinh này cho Long Thọ. Ngài
19 Long Thọ nhận đọc vui mừng, biết được thật
20 nghĩa, đi khắp các nước rộng tìm cầu các
21 kinh điển khác, tìm khắp Diêm-phù-đề mà
22 không nơi nào có được, nên ngồi một mình ở
23 tịnh thất, trong phòng thủy tinh tư duy về
24 việc ấy. Vua rồng ở dưới biển lớn thấy vậy

1 thương xót nên dẫn xuống biển lớn. Ở trong
2 cung điện phát ra bảy hộp báu, đem các kinh
3 Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, v.v...
4 Các kinh Phương Đẳng nghĩa lý sâu mầu như
5 Thái Vân, Hoa Thủ, Ban Chu, v.v... và các
6 pháp mầu mà trao cho. Ngài Long Thọ nhận
7 lấy xem đọc trong chín mươi ngày, tâm thức
8 thấm đượm sâu, rất được thật lợi. Long
9 vương biết được tâm ấy nên hỏi rằng: "Đọc
10 kinh hết chưa?"

11 Ngài Long Thọ nói: "Kinh trong các hộp
12 của ông có nhiều vô lượng, dù suốt kiếp cũng
13 không thể hết. Các kinh tôi đã đọc qua ở đây
14 nhiều gấp mười lần so với kinh ở Diêm-phù-
15 đề".

16 Long vương nói: "Như trong cung ta đây
17 nói có kinh điển, các xứ so sánh đây chẳng
18 thể tính biết, mỗi thứ nhiều như số bụi không
19 ngần không ngại, không thể nghĩ bàn".

20 Long Thọ nói rằng: "Xin được kinh sâu
21 mầu này đem về cõi Diêm-phù-đề, mở mang
22 Phật pháp, nhiếp phục ngoại đạo". Long
23 vương nói: "Trong cung ta đây có kinh "Hoa
24 Nghiêm Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát" gồm

1 ba bản: Bản thượng có số bài tụng nhiều như
2 số bụi của mười ba thế giới, số phẩm nhiều
3 như bụi của bốn thiên hạ; Bản Trung có bốn
4 trăm chín mươi tám ngàn tám trăm (498.800)
5 kệ tụng, một ngàn hai trăm (1.200) phẩm.
6 Bản Hạ có mười muôn kệ tụng, ba mươi
7 phẩm. Kinh "Pháp Hoa Bình Đẳng Đại Hội"
8 có số kệ tụng nhiều như bụi của mười thế
9 giới, không thể nói hết số phẩm. Ngoài ra,
10 còn có các kinh điển khác rất nhiều rộng".

11 Ngài Long Thọ nói: "Tôi thấy Diệu Điền
12 không thể nghĩ bàn, phải làm sao để mở
13 mang truyền bá?"

14 Long vương nói: "hai bản Thượng và
15 Trung của kinh Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát,
16 người ở Diêm-phù-đề chẳng thể thọ trì được,
17 nên không thể truyền cho, kinh Pháp Hoa sâu
18 màu thì bản lược ở Diêm-phù-đề, bản Quảng
19 đều cất ở trong cung ta đây".

20 Long vương bèn trao cho kinh Hoa
21 Nghiêm bản Hạ và một rương các kinh khác.
22 Ngài Long Thọ đã có được một rương, bèn
23 nhập sâu vào pháp Vô sinh. Sau khi trở về
24 lại, ngài ở tại Nam Thiên Trúc, mở mang

1 Phật giáo, nhiếp phục ngoại Đạo, giảng rộng
2 các pháp Đại thừa, soạn ba bộ Đại luận, ngàn
3 bộ Biệt Luận. Trong Đại luận phần nhiều dẫn
4 nêu ở các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa để
5 giải thích yếu chỉ sâu mầu, v.v... Nếu theo
6 truyện ký ấy thì đã có Đại bản, đều được cất
7 giữ ở Long cung, ẩn kín chẳng truyền bá.

8 Theo Tây Vực Chí chép: "Trong cung
9 vua nước Vu-điền có kinh Pháp Hoa bản
10 Phạm, tất cả có sáu ngàn năm trăm kệ tụng.
11 Đi về phía Đông nam hơn hai ngàn dặm có
12 nước tên là Già-câu-bàn, vua nước đó nhiều
13 đời kính trọng giáo pháp Đại thừa. Các bậc
14 danh tăng ở nước khác vào nước đó, đều thử
15 xem sự nhận biết của họ, nếu vị nào học theo
16 giáo nghĩa Tiểu thừa thì đưa đi không lưu giữ
17 lại. Còn vị nào học pháp Đại thừa thì giữ lại
18 để cúng dường. Trong cung vua có năm bộ
19 kinh lớn như Hoa Nghiêm Đại Tập, Ma-ha
20 Bát-nhã, Pháp Hoa và Đại Niết-bàn, cùng
21 mười vạn bài kệ tụng, đích thân vua tự thọ
22 trì. Đến gần, nắm lấy chốt then cửa, chuyên
23 đọc thì mở, cúng dường hương hoa. Lại theo
24 hướng Đông nam đi hơn hai mươi dặm có

1 một ngọn núi cao vợi rất hiểm trở, trên đỉnh
2 núi có hang đá, miệng núi nhỏ hẹp nhưng bên
3 trong rộng thoáng. Trong đó có các kinh Hoa
4 Nghiêm, Đại Tập, Phương Đẳng, Bảo Tích,
5 Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợi-phất Đà-la-
6 ni. Hoa-tụ-đà-la-ni, Đô-tát-la, Ma-ha Bát-
7 nhã, Đại Vân, Pháp Hoa, v.v... tất cả mười
8 hai bộ, đều có mười bài kệ tụng. Theo pháp
9 luật nước đó truyền rằng phải thường canh
10 phòng gìn giữ". Lại nói: "Trong cung vua
11 nước Kê-tân có kinh Pháp Hoa gồm sáu ngàn
12 bài kệ tụng, v.v...".

13 Nay ở đây suy ra, khi Đức Phật còn trụ ở
14 đời, tương đương với năm thứ 45 tức năm Ất
15 sử đến năm thứ 52 năm Nhâm thân đời vua
16 Mục Vương (Cư Mãn) thời Tây Chu ở Trung
17 Hoa, Ngài nói kinh Pháp Hoa, rồi nhập Niết-
18 bàn. Sau khi Đức Phật viên tịch suốt hơn
19 ngàn năm đều không lưu hành. Mãi đến 1230
20 năm, tức niên hiệu Chánh Nguyên năm đầu
21 là năm Giáp tuất (254) dưới thời Phế Đế (Cao
22 Quý Lang Công - Tào Mao) nhà Tiền Ngụy,
23 mới truyền năm trăm bài kệ tụng đến đặt tại
24 quán ở Giao Châu. Đến thời Tây Tấn, Diêu

1 Tần mới mang đến xứ này, truyền bá mà
2 phiên dịch. Nên phải biết y cứ cơ duyên có
3 thuần thực, chưa thuần thực, ẩn hiển khác
4 thời. Nếu theo "Trụ Pháp ký" thì lúc sắp nhập
5 Niết-bàn. Đức Phật phó chúc giáo pháp Vô
6 thượng cho mười sáu vị Đại A-la-hán và
7 quyền thuộc, đồng thời che chở giữ gìn chẳng
8 để dứt mất, mười sáu vị A-la-hán giữ gìn
9 chánh pháp làm lợi ích cho loài hữu tình. Đến
10 lúc ở châu này (Diêm-phù-đề), tuổi thọ con
11 người chỉ còn mười tuổi thì Phật pháp dần
12 dứt mất. Về sau, lúc tuổi thọ con người tăng
13 dần lên đến bốn vạn năm, thì các vị A-la-hán
14 ấy đều lại trong loài người để hiển bày giảng
15 nói chánh pháp. Cho đến lúc con người sống
16 thọ đến sáu vạn năm, chánh pháp Vô thượng
17 lưu hành ở thế gian, hưng thịnh không dừng
18 nghỉ. Đến lúc con người sống thọ bảy vạn
19 năm thì chánh pháp Vô thượng hoàn toàn dứt
20 mất. Nhưng kinh này vẫn lưu thông, phần
21 nhiều ở khắp thời mạt pháp. Nên trong văn
22 kinh các chỗ có nói: Trong thời mạt pháp ở
23 năm trăm năm sau, như lúc gặp người nào
24 được kinh này thì quên cả ngủ nghỉ và ăn

uống, chớ để thời gian luống qua.

III. NĂM THÁNG TRUYỀN DỊCH :

Xét theo "mục lục các kinh", v.v... thì năm tháng phiên dịch kinh Pháp Hoa lược có sáu thời như sau:

1/ Sau Đức Phật nhập Niết-bàn 1.230 năm, vào thời Tiền Ngụy, niên hiệu Cam Lộ thứ nhất (256) tức năm Ất Hợi(1) tương đương niên hiệu Ngũ Phụng năm thứ hai thời Đông Ngô, ngày mùng 07 tháng 07, do Sa-môn Chi-Cương-lương tiếp người nước ngoài, Hán dịch âm đúng là "vô úy", phiên dịch tại thành Giao Châu, và do Sa-môn Đạo Hình ghi chép, dịch thành sáu quyển và đề tên là "kinh Pháp Hoa Tam-muội".

2/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1240 năm, vào thời Tây Tấn, niên hiệu Thái Thủy năm thứ nhất (265) tức năm Ất Dậu, do Sa-môn Đàm-ma-la-sát, người nước Nguyệt Chi, Hán dịch là Pháp Hộ. Ngài vốn họ Chi, đến Tây Vực, hiểu thông ngôn ngữ và sách của cả ba mươi sáu nước, từ Thiên-trúc mang kinh này bằng

1 bản Phạm đến và dịch thành sáu quyển, đề
2 tên là "kinh Tát Vân Phân-đà-lợi Pháp Hoa".

3 3/ Đến niên hiệu Thái Khương thứ 7, tức
4 năm Bính Ngọ (286) thời Tây Tấn, ngài Pháp
5 Hộ lại dịch rộng thành mười quyển, đề tên là
6 "kinh Chánh Pháp Hoa". Đến ngày 28 tháng
7 08 niên hiệu Vĩnh Hy thứ nhất (290) thời Tây
8 Tấn, Tỳ-kheo Khương-na-luật ghi chép xong
9 tại Lạc Dương. Khi đó cùng với Tỳ kheo Giới
10 tiết, Ưu-bà-tắc Trương Quý Bác, Đồng Cảnh
11 Huyền, Lưu Trường, Võ Trường Văn, v.v...
12 tay cầm bản kinh đến Bạch Mã Dung, trình
13 ngài Pháp Hộ, ngài so sánh xưa nay, giảng ra
14 nghĩa sâu. Đến ngày 14 tháng 9 thiết trai
15 cúng dường. Ở chùa Đông Ngưu lập Đại hội
16 bố thí, giảng tụng kinh ấy suốt ngày suốt
17 đêm, không ai chẳng vui mừng khen ngợi,
18 xong rồi hiệu đính lại.

19 4/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.284 năm,
20 vào thời Đông Tấn, cuối niên hiệu Hàm
21 Khương thứ nhất, tức năm Ất mùi (335), do
22 Sa-môn Chi Đạo Lâm phiên dịch thành sáu
23 quyển, đề tên là "kinh Phương Đẳng Pháp
24 Hoa".

1 5/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.353 năm,
2 vào niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ bảy, tức
3 năm Giáp Thìn (404) thời Diêu Tần, Sa-môn
4 Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ,
5 người xứ Thiên-trúc đến vườn Tiêu Dao ở
6 Trường An, dịch thành bảy quyển hoặc tám
7 quyển, đề là "kinh Diệu Pháp Liên Hoa",
8 ngài La-thập và ngài Pháp Hộ cách nhau gần
9 trăm năm.

10 6/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.550 năm,
11 vào niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất, tức
12 năm Tân Dậu (601) đời Tùy, do Sa-môn Cấp-
13 đa Quật-đa ở chùa Đại Hưng Thiện, dịch
14 thành bảy quyển, đề là "kinh Thiêm Phẩm
15 Pháp Hoa". Trong lời tựa kinh chép: "Xét về
16 hai bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập và ngài
17 Pháp Hộ, chưa hẳn từ một bản mà dịch ra.
18 Bản dịch của ngài Pháp Hộ dường như từ văn
19 kinh của lá đa-la. Bản dịch của ngài Cưu-ma-
20 la-thập dường như từ văn ngữ của nước Quy-
21 tur. Trong đó, ngài Pháp Hộ dịch thiếu phần
22 kệ trong phẩm Phổ Môn, còn bản ngài Cưu-
23 ma-la-thập dịch thì thiếu một nửa phẩm
24 Dược Thảo Dụ, phần đầu của hai phẩm Phú-

1 lâu-na và Pháp sư, v.v... Phẩm Đề-bà-đạt-đa,
 2 kệ tụng của phẩm Phổ Môn. Ngài Cưu-ma-
 3 la-thập lại dời phẩm chúc lụy đặt ở trước
 4 phẩm Dược Vương, hai bản Đà-la-ni đều đặt
 5 sau phẩm Phổ Môn, trong đó sự đồng khác
 6 nói không thể hết".

7 Theo sự thỉnh cầu của Sa-môn Thượng
 8 Hạnh ở chùa Phổ Diệu, bèn cùng hai Tam
 9 tạng Pháp sư Cấp-Đa và Quật-Đa ở chùa Đại
 10 Hưng Thiện xem xét văn, lại từ bản La-đa-la
 11 về phần đầu của hai phẩm Phú- lâu-na và
 12 Pháp sư, v.v... xét ở bản vẫn còn thiếu, trong
 13 phẩm Dược Thảo Dụ lại còn hơn một nửa,
 14 phẩm Đề-bà-đạt-đa lại đặt chung vào phẩm
 15 Hiện Bảo Tháp, còn phẩm Chúc Lụy ở sau
 16 phẩm Đà-la-ni Thần Lực đem trở lại kết
 17 thành đặt ở cuối kinh, ngàn vạn ức kệ tụng,
 18 nghĩa mầu khó cùng tận. Lúc xem xét lại,
 19 lược theo ba thể lệ:

20 1/ Dời đổi vị trí phẩm, như phẩm Đà-la-
 21 ni, Thần Lực, Chúc Lụy, v.v...;

22 2/ Thêm văn, như một nửa phẩm Dược
 23 Thảo Dụ, và kệ tụng của phẩm Phổ Môn,
 24 v.v...;

1 3/ Sửa đổi lời, như hai phẩm chú, v.v...
2 Ngoài ra, các văn từ đều y theo bản dịch của
3 ngài Cưu-ma-la-thập, không sửa đổi gì.

4 Trong bản dịch thứ sáu có ba điểm còn và
5 ba điểm mất, trong ba điểm còn thì diệu bản
6 rất dài, Phổ Hiền mộng trao cho dấu chấm
7 phẩy, không có văn nghĩa sai lầm. Nam Sơn
8 hỏi vị trời rằng: "Kinh điển của một đời Tam
9 tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch, mãi
10 đến nay vẫn còn như mới, thọ trì càng hưng
11 thịnh. Vì sao?"

12 Đáp rằng: "Vị người đó (= tức La-thập)
13 thông minh, khéo thấu hiểu giáo pháp Đại
14 thừa, trở xuống đến các ông đều là vật báu
15 của một đời người sau. Sáng rực ở trước, về
16 sau không còn nữa, nên ngài La-thập dịch
17 kinh lấy sự Ngộ Đạt làm đầu, được Phật dự
18 ghi chứng đạt ngôi vị cao quý ở Tam Hiền,
19 tự tay lưu xuất kinh điển, đến nay vẫn hưng
20 thịnh đọc tụng không suy giảm. Nên mình
21 cảm giáng hiện qua nhiều đời lại càng mới,
22 lấy đó mà chứng lượng, rất hợp với yếu chỉ
23 kinh pháp. Lại được Văn-thù cầm tay trao
24 cho người thời nay không dám tin chắc, bởi

1 đó là việc vượt ngoài thói thường, lẽ đâu đem
2 cái biết hạn hẹp của mình mà xét được ư?,
3 chóng quên Huyền giáo, thật không đủ để dự
4 xen lời". Trên đây hoàn toàn y theo Tăng
5 truyện và Biệt truyện kinh lục, v.v...

6 Nay nói lược về Phả Chí ngài Cưu-ma-la-
7 thập, Ngài vốn là người Thiên-trúc, gia đình
8 nhiều đời làm tướng quốc. Cha ngài tên là
9 Cưu- ma-la-viêm, thông minh rất có chí tiết
10 tốt đẹp, sắp nối tiếp ngôi vị làm tướng bèn từ
11 già mà đi xuất gia, theo hướng Đông đến
12 thông lãnh. Vua nước Quy-tư nghe La-Viêm
13 từ bỏ vinh hạnh, rất đổi kính mến, thỉnh làm
14 Quốc sư. Vua có một người em gái mới hai
15 mười tuổi, rất tài giỏi thông minh, mọi việc
16 qua mắt thì đều làm được, chỉ nghe qua một
17 lần thì nói lại được. Lại trên thân cô có nốt
18 ruồi son, theo tướng pháp thì sẽ sinh con trí
19 tuệ, các nước đến cầu hôn nhưng cô chẳng hề
20 chấp thuận. Đến lúc thấy La-Viêm, dục tâm
21 liền dậy khởi, vội lấy làm vợ, trải qua thời
22 gian lâu mà không mang thai. Vua đến hỏi
23 em gái rằng: "Chồng em có thuật gì vậy?"
24 Đáp rằng: "Lúc hành dục, ông ấy đọc tụng

1 một bài kệ "Ở thế giới như hư không, dường
2 hoa sen không dính nước". Do năng lực của
3 bài kệ ấy". Vua nói: "Em nên tỏ vẻ yêu kiều".
4 Sau đó khi đã mang thai, ngài (Cưu-ma-la-
5 thập) ở trong bào thai thì cha mẹ có năng lực
6 tuệ giải gấp bội lúc thường. Có vị La-hán tên
7 là Đạt-ma-Cù-sa nói rằng: "Đây là mang thai
8 người con có trí tuệ" La hán lại nói cho Cô
9 nghe về việc ngài Xá-lợi-phất lúc ở trong thai
10 mẹ. Đến khi sinh Ngài, mẹ Ngài lại quên hết
11 mọi điều nói trước. Mẹ ngài xuất gia thọ học,
12 chứng được Sơ quả.

13 Năm bảy tuổi, ngài xuất gia, theo thầy thọ
14 học kinh, thường ngày tụng ngàn bài kệ, mỗi
15 bài kệ có ba mươi hai chữ, như vậy có tất cả
16 ba mươi hai ngàn lời, liền tự thông đạt, không
17 có điều sâu mâu nào chẳng thỏa lòng. Năm
18 chín tuổi, Ngài theo mẹ vượt qua sông Tân-
19 đầu, đến nước Kế-tân, gặp Sa-môn Bàn-đầu-
20 đạt-đa, tức em họ của vua, là người tài minh
21 bác thức, thông đạt Ba tạng chín bộ, nổi tiếng
22 khắp các nước, xa gần đều tôn thờ làm thầy.
23 Ngài đến, liền phụng thờ như bậc thầy, theo
24 thọ học Ba tạng và Trung A-hàm, Trường A-

1 hàm, có đến bốn trăm muôn lời. Vua mời
2 Ngài vào cung, nhóm họp các Luận sư ngoại
3 đạo, cùng nhau luận nghị, Ngài thừa những
4 yếu điểm mà bắt bẻ. Núi đen đã nghiêng đổ,
5 ánh mặt trời tròn sáng, vua đem vật thượng
6 cúng của nước ngoài mà dâng cúng lên Ngài.
7 Ngài ở tại chùa Tăng thì vua sai năm vị Đại
8 tăng và mười vị Sa-di trông coi quét tước.
9 Ngài được tôn sùng rất mực như thế. Năm
10 mười hai tuổi, mẹ Ngài lại dẫn Ngài về lại
11 nước Quy-tu, các nước đều đem tước lộc tốt
12 đẹp đến viếng thăm, Ngài chẳng hề đoái hoài
13 nhận lấy.

14 Sau đó, mẹ ngài lại dẫn ngài qua nước
15 Nguyệt-Chi, đến núi phía Bắc nước đó, có vị
16 A-la-hán thấy ngài bèn lấy làm lạ, nói với mẹ
17 Ngài rằng: "Phải thường gìn giữ lấy, đến năm
18 ba mươi lăm tuổi mà không bị hủy phá giới
19 phẩm thì sẽ làm sáng ngời lớn mạnh Phật
20 pháp, độ vô số người, quyết sẽ hưng hóa
21 đồng như Tôn giả Ưu-bà-quật-đa không
22 khác!" Ngài đến nước Sa-lặc, đội lấy bình bát
23 của Đức Phật lên đầu, tùy tâm khởi niệm, liền
24 có sự nhẹ nặng. Ngài ở nước Sa-lặc một năm,

1 tụng đọc thông luận A-tỳ-đàm và Thập Nhị
2 Môn, v.v... Có vị Sa-môn mới ba tuổi Hạ tên
3 là Hỷ Kiến nói với vua nước đó rằng: "Vị Sa-
4 di này, thật không thể xem thường, vua nên
5 mời khai giảng pháp môn, có hai điều lợi:
6 một là các Sa-môn ở trong nước ta hổ thẹn
7 bởi không sánh bằng vị Sa-di ấy, sẽ thấy có
8 sự cố gắng lớn mạnh và hai là vua nước Quy-
9 tư sẽ cho là "Cưu-ma-la-thập là người xuất
10 phát từ nước ta, do em gái ta sinh ra, mà vua
11 nước kia (Sa-lặc) tôn kính đó, tức là tôn kính
12 ta" nên chắc chắn sẽ trở lại giao hảo". Vua
13 bèn chấp thuận, liền mở đại hội, thỉnh Ngài
14 lên tòa cao giảng pháp. Vua nước Quy-tư quả
15 nhiên sai sứ trở lại, đối đáp rất thân hảo.
16 Nhân những lúc rảnh rỗi giảng pháp, ngài
17 mới tìm phỏng kinh sách ngoại Đạo, thông
18 hiểu bốn bộ Vệ-đà cùng mười tám Đại kinh
19 và luận Ngũ Minh, v.v...

20 Bấy giờ, có Vương tử Thảo Xa và Vương
21 tử Tham Quân hai anh em giao phó nước nhà
22 cho người, theo làm Sa-môn. Người anh tự là
23 Tu-lợi-da-bạt-đà, người em hiệu là Tu-lợi-
24 da-tô-ma, chuyên dùng giáo pháp Đại thừa

1 để giáo hóa, đặc biệt là mở rộng kinh Pháp
2 Hoa, người anh cùng các người học chung
3 Thầy, Ngài (La-thập) cũng tôn sùng kính
4 phụng. Bạt-đà vì Ngài mà giảng cho kinh A-
5 nậu-đạt, ngài nghe yếu chỉ pháp "không" bèn
6 lấy làm lạ mà tỏ ngộ, mới biết Lý có chỗ quy
7 về, bèn chuyên về kinh giáo Phương Đẳng,
8 mới than rằng: "Xưa, ta học pháp Tiểu thừa,
9 như người không biết vàng lấy đồng thau làm
10 vật báu!" Nhân đó tìm cầu rộng yếu nghĩa,
11 ngài đi khắp các nước của xứ Ấn Độ, tụng
12 đọc các kinh điển Đại thừa như Pháp Hoa,
13 Đại Phẩm, Thủ- lãng-nghiêm, v.v... thọ học
14 các bộ Trung luận, Bách luận, luận Thập nhị
15 môn, luận Đại Trí Độ, v.v... các vị nghĩa học
16 ở các nước đều phục ứng mà giúp đỡ. Ngài
17 lại theo mẹ trở về nước Ôn-túc, tức thuộc
18 biên giới ở phía Bắc nước Quy-tư. Bấy giờ
19 có một vị Đạo sĩ tiếng tăm vang khắp các
20 nước, Ngài dùng hai nghĩa cùng kiểm lường
21 về Tông của Đạo sĩ, từ đó tiếng tăm Ngài
22 vang khắp các nước, vẻ vang lan tỏa khắp hải
23 ngoại. Vua nước Quy-tư đích thân đến mời
24 Ngài về nước, giảng rộng các kinh, các vị

1 theo học khắp bốn phương xa, không ai
2 chống lại được, mẹ ngài đã chứng đắc Nhị
3 Quả, có khuynh hướng muốn già từ để sang
4 Thiên-trúc, nên nói với vua rằng: "Nước của
5 anh sắp suy, nay tôi xin từ già từ đây!". Đến
6 Thiên-trúc, mẹ ngài bèn chứng đắc Tam quả.
7 Lúc sắp sửa đi, nói với Ngài rằng: "Các kinh
8 Pháp Hoa, Phương Đẳng, Ma- ha Bát-nhã là
9 giáo điển sâu mầu, nên mở rộng ở Trung
10 quốc, truyền bá đến Đông độ, việc ấy chỉ có
11 năng lực của con làm được, nhưng đôi với tự
12 thân thì có điều bất lời. Con thấy thế nào?"
13 Ngài thưa mẹ rằng: "Đạo của bậc Đại sĩ là
14 quên mình để lợi người. nếu làm cho Đại
15 pháp truyền bá, thì sẽ khai ngộ được những
16 người mê muội, dù thân phải chịu khổ nơi
17 vạc sôi lửa đỏ, cũng không lấy làm tiếc!"

18 Từ đó, Ngài ở lại tại chùa Tân, sau đó ở
19 trong cung cũ bên cạnh chùa mới được, tỏa
20 phát ánh sáng, trú hàng phục ma trời. Ngài
21 dừng ở ba năm đọc tụng rộng các kinh điển
22 Đại thừa, thấu suốt Bí tạng yếu chỉ sâu mầu.
23 Vua tạo tòa Sư tử bằng vàng, dùng nệm gấm
24 của Đại Tàn để trải lên, mời Ngài lên ngồi

1 giảng pháp, Ngài bảo: "Thầy ta Bàn-đầu-đạt-
2 đa còn chưa tỏ ngộ pháp Đại thừa, nên muốn
3 cùng sang để chuyển hóa, không thể dừng ở
4 đây". Bỗng chốc ngài Bàn-đầu-đạt-đa chẳng
5 quản từ xa mà đến hai bậc Thánh lại cùng
6 thấu tỏ nghĩa không của đại thừa. Được hơn
7 một tháng, mới tin phục, nên ngài Bàn-đầu-
8 đạt-đa than rằng: "Hòa-thượng (tức chỉ La-
9 thập) là bậc Thầy về giáo pháp Đại thừa của
10 tôi. Tôi là thầy về giáo điển Tiểu thừa của
11 Hòa-thượng!" Các nước Tây Vực đều phục
12 sức thần tuấn của ngài. Mỗi lúc Ngài giảng
13 nói, các vua đều quỳ thẳng bên cạnh tòa,
14 thỉnh ngài bước lên. Ngài được trọng quý đến
15 như thế, Đạo ngài đã lưu tỏa ở Tây Vực, tiếng
16 tăm vang vọng Đông xuyên.

17 Bảy giờ, Phù Kiên lần ngôi, hiệu là Quan
18 Trung, có Tiền Bộ Vương và em của Quy Tư
19 Vương đệ đều đến ra mắt. Phù Kiên nói rằng:
20 "Ở Tây Vực phần nhiều hay sinh ra các thứ
21 lạ quý, nên xin binh lính sang bình định để
22 lấy". Đến tháng giêng năm Đinh Sửu (377)
23 tức niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ mười ba
24 đời Phù Kiên, quan Thái sử tâu rằng: "Có

1 ngôi sao sáng xuất hiện ở đồng hoang của
2 nước ngoài, sẽ có bậc đại đức trí nhân đến
3 giúp Trung quốc".

4 Phù Kiên nói rằng: "Trẫm nghe ở Tây
5 Vực có Sa-môn Cưu-ma-la-thập, ở Tương
6 Châu có Sa-môn Đạo An, há chẳng phải đó
7 ư?"

8 Kiên liền sai Sứ tìm cầu. Đến tháng 9 niên
9 hiệu Kiến Nguyên năm thứ mười tám (382),
10 Phù Kiên sai Lã Quang, v.v... dẫn bảy muôn
11 binh lính theo hướng Tây đi đánh các nước
12 Quy-tư, Ô-Kỳ, Lã Quang bắt được Ngải,
13 chưa lường biết được trí lượng của Ngải, thấy
14 ngải tuổi trẻ bèn cho là người phàm thường,
15 mà đùa bỡn, cưỡng bức ngải lấy Vương nữ
16 nước Quy-tư làm vợ. Ngải không chịu,
17 khước từ, đành chịu rất mực kham khổ. Lã
18 Quang trở về giữa đường, đóng quân dưới
19 chân núi, tướng sĩ đều ngơi nghỉ. Ngải bảo:
20 "Không thể dừng nghỉ ở đây, sẽ gặp phải
21 khôn đồn, nên dời quân lên trên gò núi". Lã
22 Quang không nghe lời can ngăn của Ngải,
23 quả nhiên đến đêm hôm đó, mưa lớn tuôn đổ
24 nước ngập sâu đến vài trượng, chết cả hàng

1 ngàn người, Lã Quang mới thâm lấy làm lạ.
2 Không bao lâu, Lã Quang qua đời, con của
3 Lã Quang là Lã Thiệu nối ngôi được vài ngày
4 thì con thứ của Lã Quang là Lã Toản giết Lã
5 Thiệu tự lên ngôi, xưng là nguyên Hàm Ninh,
6 đánh cờ với Ngải, đùa vui, Lã Toản nói:
7 "Chặt đầu Hồ Nô". Ngải bảo: "Không thể
8 chặt đầu Hồ Nô mà trái lại Hồ Nô sắp chém
9 lấy đầu người". Lời nói ấy của Ngải rất có ý
10 chỉ, vì em của Lã Quang là Lã Bảo, có người
11 con là Lã Siêu. Lã Siêu thuở nhỏ tự là Hồ Nô,
12 về sau quả nhiên Lã Siêu (Hồ Nô) giết Lã
13 Toản, khi ấy mọi người mới nghiệm ứng về
14 lời của Ngải. Ngải dừng ở nhiều năm mà cha
15 con Lã Quang không hoằng bá truyền Đạo
16 pháp nên Ngải cũng chẳng nhờ đâu tuyên hóa
17 được. Và Phù Kiên cũng đã qua đời, không
18 được gặp được Ngải! Đến thời đại Diêu
19 Trành, mọi người trong dòng họ Lã cho ngải
20 là người có trí tuệ mưu kế, lắm sự thông hiểu,
21 sợ sẽ làm tham mưu cho Diêu Trành, nên
22 không chấp thuận để ngải đi về phương
23 Đông. Đến lúc Diêu Trành qua đời, con là
24 Diêu Hưng lên nối ngôi, lại sai sứ đôn đốc

1 thỉnh Ngài.

2 Đến tháng 03 niên hiệu Hoằng Thỉ năm
3 thứ 3 (400), có cây Liên lý sinh tỏa rộng ở
4 trước sân. Trong vườn Tiêu Dao, cây hành
5 bổng biến thành cây kiệu, Diêu Trành cho đó
6 là điềm lành, nghĩa là có người trí sẽ đến.
7 Sang tháng 05 đánh Lã Long, mới được rước
8 Ngài vào quan nội. Ngày 20 tháng 12 năm
9 đó, Ngài vào đến Trường An, Diêu Hưng
10 dùng lễ của Quốc sư để tiếp đãi Ngài, bèn
11 thỉnh ngài vào lầu Tây Minh và vườn Tiêu
12 Dao, dịch các kinh. Các Sa-môn Tăng
13 Hoạch, Tăng Duệ, Tăng Triệu, v.v... có hơn
14 tám trăm vị đều thưa hỏi, thọ học yếu pháp
15 từ Ngài. Khi đã dịch ra kinh Đại Phẩm. Ngài
16 cầm bản kinh tiếng nước Hồ, Diêu Hưng cầm
17 bản kinh văn xưa cùng so với bản kinh văn
18 mới dịch ấy. Diêu Hưng đã ôm ấp ứng
19 nghiệm rất tôn kính Phật pháp, từng đến
20 trong chùa Thảo Đường thiết hội cúng dường
21 ba ngàn vị tăng, cùng ngài tham định các
22 kinh mới cũ.

23 Đến mùa Đông niên hiệu Hoằng Thỉ năm
24 thứ bảy (404), ngài dịch kinh Pháp Hoa, Diêu

1 Hưng cầm bản kinh do ngài Pháp Hộ dịch để
2 so sánh nhau. Ngài đọc bản tiếng Phạm, các
3 Sa-môn Tăng Duệ v.v... ghi chép. Đến phẩm
4 "Ngũ Bách Độ Tử Thọ Ký", Ngài nói: "Xưa
5 kia, Pháp sư Pháp Hộ dịch là "Trời thấy
6 người, người thấy trời". Văn từ đó rất hợp
7 nghĩa với Tây Vực, chỉ tại lời hơi quá chất".
8 Ngài Tăng Duệ liền nói rằng: "Há chẳng phải
9 người và trời cùng giao tiếp, hai bên được
10 thấy nhau ư?" Ngài rất vui mừng! Kinh luận
11 do ngài dịch có tất cả chín mươi tám bộ, bốn
12 trăm hai mươi lăm quyển, soạn thuật An Lạc
13 Độ Nghĩa kinh, Sinh Nhân truyện, Bồ-đề
14 Tâm Nghĩa v.v... Từ khi Phật pháp truyền bá
15 đến phương Đông mãi đến nay, được mở
16 mang giáo hóa nhuần khắp, phần nhiều là do
17 công sức của Ngài! Truyền rằng: ngài là hóa
18 thân của Bồ-tát Văn-thù- sư-lợi, xưa kia ở tại
19 núi Linh thú vì chứng mà phát khởi, nên
20 ngày nay dịch kinh, như lúc cầm bút thì từ
21 bút phát ra ánh sáng. Trong ánh sáng đó hoặc
22 có lúc hiện thân Bồ-tát Văn-thù, hoặc hiện
23 thân Phật, bốn vị Thiên vương che chở.
24 Trong đó, thường nghe theo thân, v.v...

1 Tôi (Tăng Tường) thấy Bản hạnh của
2 Ngài thật là bậc Đại thánh, cũng ở địa vị Tam
3 hiền. Các kinh luật do ngài dịch ra, cảm
4 thông thật có lý do.

6 IV. CHI PHÁI BIỆT HÀNH :

7 Theo kinh lục nói rằng: "Chi phái lưu
8 hành riêng về kinh Pháp Hoa, số lượng ở
9 phương Tây có bao nhiêu, riêng ở Đông độ
10 truyền bá còn ít. Tương truyền ở phương
11 Tây, kinh Pháp Hoa bản Phạm nêu bày khắp
12 cả một do-tuần, tương ứng với Biệt hành
13 cũng đều như thế, v.v... Nay từ khi truyền bá
14 ở xứ này, có kinh Vô Lượng Nghĩa một
15 quyển, ở đây gọi là "phần tựa". Niên hiệu
16 Kiến Nguyên năm thứ 2 (480) thời Nam Tề,
17 do Sa-môn Đàm-ma-da-xá, Hán dịch là Pháp
18 Sinh Xứng, người ở xứ Thiên Trúc tự tay
19 dịch ra. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba
20 (485) thời Nam Tề, người được truyền nhận
21 là Sa-môn Tuệ Biểu mang đến Dương Đô,
22 biên chép truyền bá, có ẩn sĩ Lưu Cầu, người
23 ở xứ kinh châu đang trụ tại núi Võ Đang soạn

lời tựa kinh này.

Có kinh Quán Phổ Hiền Hạnh Pháp kết sau cùng. Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) đời Tiền Tống, do ngài Đàm-ma-mật-đa, còn gọi là Đàm-ma-mật-đa; Hán dịch là Pháp Tú, người nước Kế-tân dịch tại Dương Đô. Về sau, Tam tạng Pháp sư Chân Đế soạn biệt ký, lưu hành ở đời.

Như nói về biệt hành thì kinh "Phật đi Tam xa hoán Tử" một quyển, do ngài Chi Khiêm dịch đời Ngụy, là đồng bản với phẩm "Thí dụ" trong đại bộ.

Kinh Quán Thế Âm một quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào niên hiệu Vĩnh Gia năm thứ hai (308) đời Tây Tấn. Kinh Phổ Môn Phẩm một quyển, do Sa-môn Kỳ-đa-mật dịch vào đời Đông Tấn. Kinh Quán Thế Âm một quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch tại vườn Tiêu Dao vào thời Diêu Tần. Kinh Quán Thế Âm một quyển, do An Dương Hào Kinh Thanh dịch tại Cao Xương vào đời Tiền Tống. "Phổ Môn Trùng tụng kệ" một quyển, do Sa-môn Xà-na-quật-đa người nước Kiền-đà ở Bắc Thiên-trúc đến trụ chùa Long Tuyền

ở Ích Châu, cùng với Lương Tiêu Vương Vũ Văn dịch dưới thời vua Võ Đế (Tiêu Diễn, 502-550) đời Nam Lương. Năm bản kinh này là đồng bản Phạm với phẩm "Phổ Môn" trong Đại bộ. Lại có kinh "Phổ Môn Phẩm" một quyển gồm mười lăm trang giấy là đồng bản Phạm với hội Văn-thù trong kinh Đại Bảo Tích, chẳng phải trích riêng từ kinh Pháp Hoa.

"Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa" một quyển, do ngài La-thập dịch, người ở cung Trường An, trừ biệt hành trong Đại bộ. "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa" một quyển, do Sa-môn Chân Đế đời Trần, tu bổ bản dịch của ngài La-thập và nhuận sắc thêm. Lại có đồng phẩm một quyển, trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) đời Nam Tề, do Sa-môn Pháp Hiến từ nước Vu-điền có được bản Phạm, cùng ngài Bảo Ý dịch ra tại chùa Ngõa Quan ở Dương Đô, ba bản trên đây đồng với một phẩm trong Đại bộ.

Kinh "Pháp Hoa Quang Thụ, Bồ-tát Hiện Thụ" ba quyển, do Sa-môn Chi-

1 Cương-lương dịch tại Giao Châu, đồng với
2 phẩm Tựa và phẩm Thọ Lượng trong Đại Bộ.

3 Sáu bài thần chú của Dược Vương Bồ-tát
4 v.v... trong kinh Pháp Hoa, vào khoảng niên
5 hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường,
6 do Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch. Các
7 phẩm này phần nhiều mất bản. Chỉ có "phẩm
8 Phổ Môn" do ngài Cưu-ma-la-thập dịch được
9 riêng lưu hành khắp bốn biển. Vì sao? Vì có
10 ngài Đàm-ma-la-sám; Hán dịch là Pháp
11 Phong, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người xứ
12 Trung Ấn Độ, cũng còn gọi ngài là Bồ-tát
13 Ba-lặc, Ngài lấy việc hoằng hóa làm chí
14 nguyện, đến Thông lãnh, vừa đến Hà Tây, Hà
15 Tây Vương là Thư Cừ Mông vốn là người
16 biết quy mạng chánh pháp, do bị tật bệnh nên
17 nói với Bồ-tát. Ngài Pháp Phong liền nói:
18 "Bồ-tát Quán Thế Âm rất có duyên với cõi
19 nước này". Bèn bảo tụng niệm, và bệnh khổ
20 được tiêu trừ, do đó truyền riêng cho một
21 phẩm lưu thông ngoài Đại bộ.

22 Lại có kinh Pháp Hoa Tam-muội không
23 phải là biệt sinh của chi phái. Lại có kinh Tát
24 Vân Phân-đà-lợi có hai phẩm Bảo Tháp và

Đề-bà gồm một quyển, ít phân hiện hành ở thế gian và người đời không thọ trì, theo kinh lục xưa ghi chú là do ngài Pháp Hộ dịch, còn theo kinh lục bản Tiên Đường thì thấy mất tên người dịch. Lại còn có kinh Cao Vương Quán Thế Âm tuy rất có minh cảm, nhưng không nhân truyền dịch, không đủ để xác quyết là chi phái, cũng chẳng phải là biệt sinh.

V. LUẬN GIẢI THÍCH KHÁC NHAU

Theo Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói rằng: "Ở phương Tây truyền rằng, giảng nói Đại giáo Pháp Hoa, lưu bố khắp năm xứ Ấn Độ, tạo "Ưu- ba-đề-xá", chú thích văn nghĩa ấy có hơn năm mươi nhà. Đến cuối năm trăm năm sau Phật diệt độ, Bồ-tát Long Thọ soạn "luận Pháp Hoa". Đến đầu 600 năm sau Phật diệt độ, Bồ-tát Kiên Ý soạn Thích Luận, đều chưa truyền đến Trung quốc, nên chẳng lường biết về chỉ quy như thế nào? Đến 900 năm sau Phật diệt độ, tại nước Đại Phu thuộc Bắc Thiên-trúc, có vị Quốc sư tên là Bà-tẩu-bàn-đậu; Hán dịch là Thiên Thân, con của

1 Kiêu-thi-ca thuộc chủng tộc Bà-la-môn cũng
2 soạn luận Pháp Hoa, chia làm sáu mươi bốn
3 tiết pháp môn, giải thích đại nghĩa ấy. Có Sa-
4 môn Lạc-na-ma-đề; Hán dịch là Bảo Ý, ngài
5 là người xứ Trung Ấn-độ, là người học thức
6 tài giỏi, thông hết lý sự, lại hiểu rành Ba tạng,
7 tụng thông một ức bài kệ; mỗi bài kệ có ba
8 mươi hai chữ, ngài vân du hoàng hóa. Vào
9 niên hiệu Chánh Thi năm thứ năm (508) dưới
10 thời vua Tuyên Võ Đế đời Bắc Ngụy, Sư đến
11 Lạc ấp, dịch luận Pháp Hoa, một quyển, do
12 Thị Trung Thôi Quang và Sa-môn Tăng
13 Lãng, v.v... ghi chép, đang ngày dịch kinh, ở
14 trong điện Lạc Dương có Sa-môn Bồ-đề-lưu-
15 chi truyền bản, Sa-môn Lạc-na-phiên-đa
16 tham chiếu sau đó. Tam đức bèn vâng theo
17 lời ngài Bồ-đề-lưu-chi, đều truyền theo thầy
18 mà tu học, chẳng cần thưa hỏi. Vua lấy sự
19 hưng thịnh của việc Hoằng Pháp, lược trình
20 bày khúc tụng, ban sắc ở ba nơi, đều dịch
21 xong mới dự tham cùng xem xét mọi sự ỉn
22 mất trong đó, có sự khác nhau, câu văn thì có
23 khi khác, người sau mới hợp lại, cùng thành
24 bộ chung. Lại nữa, Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi;

1 Hán dịch là Đạo Hy, Tân dịch là Giác Ái,
2 ngài là người xứ Bắc Ấn-độ, rất tinh thông
3 Ba tạng, khéo vào Tổng Trì, chí ý chuyên
4 việc hoằng pháp, truyền bá rộng mọi sự thấy
5 nghe, bèn men đường đi đêm, xa đến Thông
6 Tả. Lúc đó là khoảng niên hiệu Vĩnh Bình
7 (508-512) đời Bắc Ngụy. Sau, ngài trụ chùa
8 Vĩnh Ninh, Tuyên Võ đế thường cúng dường
9 tiếp đãi rất lễ hậu, có bảy trăm vị Phạm tăng,
10 vua cung cấp đủ khắp, ban sắc chọn ngài Bồ-
11 đề-lưu-chi làm Chủ tọa trong việc phiên dịch
12 kinh điển. Ngài dịch lại thành hai quyển, ngài
13 Đàm Hưu ghi chép và soạn lời tựa, với tựa đề
14 là "Diệu Pháp Liên Hoa kinh Ưu-ba-đề-xá,
15 mở đầu có văn tụng" Quy kính đại đồng tiêu
16 dị với bản dịch của ngài Bảo Chí, tựa đề của
17 bản văn ấy cũng là Pháp Hoa kinh Ưu-ba-đề-
18 xá mà không có văn tụng "Quy mạng". Ở
19 Trung hoa cũng có soạn luận, như Huyền
20 Luận của ngài Cát Tạng đời Hồ, v.v... chẳng
21 thể nêu thuật đầy đủ hết.



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 2

Trong quyển 2, có hai phần:

VI. LỜI TỰA BIÊN TẬP CỦA CÁC PHÁP SƯ:

Lời tựa của Pháp sư Tuệ Quán

Hậu tựa của Pháp sư Tăng Duệ

Lời tựa của Pháp sư Tuệ Viễn

Hậu Ký dịch kinh

Lời tựa thêm phẩm

Lời tựa kinh Vô Lượng

Nghĩa Lời ghi về Chánh Pháp Hoa.

1. Lời tựa Pháp Hoa Tông Yếu do Thích Tuệ Quán soạn.

Bản tể vắng lặng thì thần căn ngưng nhất,

1 vừa động lìa thuần, thì tinh thô bày khác. Do
2 đó, tâm ý dong ruổi, tướng trần đua rong, che
3 mờ có cạn sâu thì tối sáng khác gương. Vì
4 thế, từ lúc đầu, Đức Thích Tôn thành Phật
5 đến lúc giảng nói kinh này, nên ban đầu ứng
6 theo vật mà mở luật, ba thừa lưu hóa riêng
7 chẳng phải chân, thì đến thời kỳ cuối cùng có
8 hội tụ. Hội tụ phải là đồng nguồn, nên thừa
9 ấy chỉ có một, chỉ một thừa tối thượng, nghĩa
10 đó là pháp mâu, có bài tụng rằng:

11 *"Thừa ấy mâu nhiệm*
12 *Thanh tịnh bậc nhất*
13 *Ở nơi thế gian*
14 *Chẳng gì hơn được".*

15 Diệu thì không thể nói ra rõ được, phải
16 phỏng theo đó là có hình tượng. Vẻ đẹp của
17 hình tượng thì hoa sen là bậc nhất. Hoa sen
18 đẹp nhất thì hoa sen trắng là hơn hết, khéo
19 dùng phương pháp mà vì nói, nên dùng hoa
20 sen trắng ví dụ. Nhờ đó mà sáng tỏ ý kinh,
21 mở toang sự mờ tối, không thể dùng ngôn
22 ngữ cùng cực, ấy là nguyên do để giải thích
23 lý do Quyền ứng, Thông ngự đến cùng cực
24 không thể dùng đến sâu kín, mở thật đề hiển

1 bày Tông Trí, Quyền ứng đã sáng tỏ thì tâm
 2 hạn cục tự diệt, Tông Trí đã hiển bày thì chân
 3 ngộ tự sinh. Nên khiến trăm dòng đều rót, ba
 4 thừa đồng sang, ba đồng sang đó hội thành
 5 một, đó là đầu tiên của Thừa. Giác tuệ thành
 6 mãn, đó là hưng thịnh của Thừa, và dứt cảnh
 7 lắng tâm, đó là chung cùng của Thừa. Tuy
 8 lấy muôn pháp làm thừa, nhưng gần đó có
 9 chủ, nên Tông yếu đó thì Tuệ gồm thâu tên
 10 ấy, nên kinh lấy Chân tuệ làm thể, Diệu Nhất
 11 làm tên, vì thế, huyền ân của Đức Thích-ca
 12 lúc mới phát khen ngợi trí Phật sâu mầu, Phật
 13 Đa Bảo ngợi khen tốt lành, khen ngợi Đại
 14 Tuệ bình đẳng, nên có bài tụng rằng:

15 *"Vì nói trí tuệ Phật*
 16 *Chư Phật hiện ở đời*
 17 *Chỉ một sự thật này*
 18 *Nếu hai, chẳng phải chân".*

19 Vậy thì, Phật tuệ chỉ một chân thật, thể
 20 của thừa thành, thì diệu đạt viên mãn, hoa nở
 21 tốt đẹp. Tuy nương tựa hoa để phô bày mầu
 22 nhiệm, nói huyền biểu lộ hình tượng thì gọi
 23 đó là Diệu, mà thể bất dứt tinh thô, nên lại có
 24 bài tụng rằng:

1 *"Pháp ấy chẳng thể bày*
2 *Lời lẽ đều vắng bật".*

3 Hàng Nhị thừa do đó mà dứt tư lự, chỗ
4 diễn bày vì thế mà sạch bụi nhơ, chỉ có Phật
5 và Phật mới rốt cùng, nên vô lượng Đức Như
6 Lai cảm lời ít có mà nhóm hội, các bậc Thánh
7 đã qua đời, bày dư linh mà hiện chứng, tin sự
8 sâu mầu của Phật pháp, cảnh mầu của cùng
9 thần. Đó là nghĩa vị của kinh này. Quán thiếu
10 hành tập ngôn từ của Quy nhất, trưởng thành
11 vị cốt yếu mà hội thông. Nhưng nghĩ tưởng
12 càng chuyên cần thì u chỉ càng trầm lắng,
13 không đâu chẳng hiện diện nơi Linh Thứu, vì
14 xa tưởng văn từ, câu cú mà càng thêm nhớ
15 nghĩ, lường lý do nói năng, sai bản là làm văn
16 trái chánh.

17 Có Pháp sư Cưu-ma-la-thập người nước
18 ngoài, là người tài giỏi trí sáng vượt xa, kỳ
19 ngộ vượt trội ngoài trời. Lượng như biển sâu,
20 biện tuôn như ngọc tan, kế tiếp dấu vết dòng
21 họ Thích để nối liền khuôn phép, cầm nắm
22 lửa thần để mỗi đuốc sương, buộc giềng mối
23 suy đòi sắp dứt, không cùng nổi trôi đến đã
24 đắm chìm, ngời sáng đèn tuệ nơi đây, lại tỏ

1 rạng ở cảnh ấy. Vào mùa hạ niên hiệu Hoảng
2 Thỉ thứ 08 (405), tại chùa lớn ở Trường An,
3 nhóm họp các vị Sa-môn nghĩa học ở khắp
4 bốn phương có hơn ba ngàn vị, dịch lại kinh
5 này cùng chúng nghiên cứu tường tận. Pháp
6 sư La-thập tự tay cầm bản kinh tiếng nước
7 Hồ, miệng đọc dịch thành tiếng Hán đời Tần
8 với phép tắc theo phương ngôn mà hướng về
9 chẳng trái bản, tức lợi ích của văn từ đã quá
10 hơn một nửa. Tuy mây đen đã vén sạch màn
11 che chở, dương cảnh đều tỏ rạng, cũng chưa
12 đủ thí dụ. Pháp sư La-thập còn nói: "Ngôn
13 ngữ hiện mà nghĩa lý trầm lắng, sự tuy gần
14 mà ý chỉ cao xa". Lại nữa giải thích sự ẩn mật
15 nằm ngoài văn từ, nên tham cầu sâu sắc. Tuy
16 cánh cửa tâm tối chưa mở nhưng đã nắm bắt
17 được cửa ngõ.

18 Thượng thiện đượm nhuần bình đẳng,
19 linh dịch chuộng quân bằng, do đó, kính cảm
20 sự chúc lụy, cúi đầu cảm khái với điều chưa
21 nghe nên tham cứu bày thuật yếu chỉ, truyền
22 bá cho những người chưa nghe, ngõ hầu bánh
23 xe chánh pháp xoay chuyển xa, đến chỗ chưa
24 từng đến, mười phương đều tỏ ngộ, rốt cùng

1 thấu đạt, thỏa thích với Nhất thừa, nên kính
2 cẩn đề lời tựa này. (Xuất Tam tạng Ký Tập
3 quyển 8).

4 ***2. Hậu tựa kinh Pháp Hoa do Pháp sư*** 5 ***Tăng Duệ soạn:***

6 Kinh Pháp Hoa là bí tạng của chư Phật, là
7 thật thể của các kinh. Dùng hoa mà đặt tên là
8 soi chiếu cội gốc. Gọi phân-đà-lợi (sen trắng)
9 là khen ngợi sự hưng thịnh. Điều nêu bày đã
10 cao mà ý chỉ ấy lại rất uyển nhã. Nếu chẳng
11 từ những vị Đạt thức truyền trao thì ít người
12 đạt được môn nhân đó. Sự tốt đẹp của trăm
13 thứ cây cối cỏ thuốc là cội gốc của muôn vật
14 báu. Tám vạn bốn ngàn pháp tạng là nguồn
15 của Đạo quả. Trong tất cả các loài hoa thì hoa
16 sen là loại hoa đẹp nhất. Chưa nở thì gọi là
17 Quật-ma-la, nở mà sắp tàn gọi là Ca-ma-la,
18 khoảng giữa thời gian đó, đang lúc tươi tốt
19 đẹp xinh thì gọi là phân-đà-lợi. Chưa nở bày
20 dụ cho hai đạo, sắp tàn dụ cho Nê-hoàn, đang
21 lúc tốt tươi ngời sáng thì dụ cho khế kinh này.
22 Còn các kinh Bát-nhã, v.v... sâu xa vô cùng
23 nên Đạo lấy đó mà kết quy. Đại nghĩa là
24 không gì chẳng bao gồm, thừa tức lấy đó mà

1 cứu giúp. Nhưng đại lược đó đều vì thích
2 hóa. Vì gốc của cửa ngõ ứng hóa không thể
3 không dùng sự khéo léo làm dụng. Sự khéo
4 léo ấy vì chuyển hóa, ngộ vật tuy rộng, mà
5 đối với thật thể chẳng đủ, đều thuộc về Pháp
6 Hoa, hẳn là rất đúng. Tìm xét về yếu chỉ sâu
7 màu thì to lớn, rộng sâu, lại gồm cả rất xa,
8 chẳng nhọc nói thật kết quy về cội gốc, rốt
9 cùng chắc chắn là khác đường mà thôi! Ấy
10 mới thật là lý của bậc chánh giác bao gồm
11 xưa nay v.v...

12 Phật có thọ mạng vô lượng, mãi trọn kiếp
13 vẫn chưa đủ để nói về sự lâu dài đó, phân
14 thân vô số muôn hình chưa đủ để khác cái thể
15 ấy, nhưng thọ lượng chắc chắn chẳng phải số,
16 phân thân sáng tỏ sự là không thật. Phổ Hiền
17 hiện bày sự không thành ấy. Phật Đa Bảo
18 chiếu soi sự chẳng diệt đó. Xa tít cao huyền,
19 xưa vì mong nay, thì muôn đời đồng với một
20 ngày, tức trăm hoa nhờ ngộ huyền thì muôn
21 đường không khác vết. Như vậy, thì đời đời
22 chưa đủ để mong ở hiện tại, trọn tĩnh lặng
23 cũng chưa thể nói sự lặng diệt kia. Tìm xét
24 về tông nhiệm màu vì đã dứt bật thì mất công

1 đổi với vốn không, bắt dẫn dây tâm ở Tam-
2 muội thì quên mong đến Nhị địa.

3 Kinh này truyền bá đến Trung hoa, tuy đã
4 trải qua trăm năm, người dịch lầm mờ bên bờ
5 hư rộng, cửa linh chẳng vì đó mà mở. Người
6 đàm phán trái với chuẩn cách, dấu vết sâu ít
7 được giẫm bước, nhọc lại tìm cầu, nghiên
8 cứu đến bạc đầu, đều chưa có người nhìn
9 được cửa ấy. Dưới đời Tần, Tư Đồ Hiệu Úy
10 Tả Quân An Thành Hầu Diêu Tung phỏng
11 vận cửa huyền, gá tâm ngoài đời, chú thật
12 pháp điển ấy, tin đạt đến sâu xa. Mỗi lúc tư
13 duy suy tìm về văn ấy, nhận biết sâu sự lầm
14 mất của người dịch. Đã gặp được Pháp sư
15 Cưu-ma-la-thập, vì đó mà truyền trao ghi
16 chép, góp đại quy thân ấy, như vạch nhiều
17 lớp mây đen, giẫm đạp lên đỉnh Côn Luân
18 cao mà cúi xuống nhìn. Bảy giờ, những vị
19 nghe thọ lãnh hội, chư tăng có hơn tám trăm
20 vị đều là những vị tài giỏi khắp nơi, là những
21 vị tài giỏi một thời!

22 Niên hiệu Hoàng Thi năm thứ 8 (405) tức
23 năm Ất Tỵ (Đồng như trước)

3. Lời tựa kinh Pháp Hoa, do Thích Tuệ Viễn soạn:

Tôi (Tuệ Viễn) thường thấy Tạng kinh, dưới đời Tùy, Sa-môn Pháp Kinh soạn Chúng Kinh Mục Lục quyển sáu chép: "Lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa" một quyển, do Sa-môn Tuệ Viễn soạn, hoặc như trong Xuất Tam tạng ký quyển 12 chép: "Lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa" do Thích Tuệ Viễn v.v... này chẳng thấy ghi chép văn tự!

4. Hậu Ký Phiên Dịch kinh Pháp Hoa, do Thích Tăng Triệu ghi:

Mùa Hạ niên hiệu Hoảng Thỉ thứ 8 (405), Sa-môn Tam tạng Pháp sư Kỳ-bà Cưu-ma-la-thập; Hán dịch là Đông Thọ, người nước Thiên- trúc trụ chùa Thảo Đường ở Trường An cùng các Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, v.v... hơn tám trăm vị, cùng các vị nghĩa học tài giỏi ở khắp bốn phương có hơn hai ngàn vị cùng dịch lại kinh này. Đại chúng cùng tham cứu tường tận. Pháp sư La-thập tự tay cầm bản kinh tiếng Phạm, miệng đọc dịch thành ngôn ngữ Trung

1 hoa đời Tần. Diêu Hưng tự cầm bản kinh
2 dịch xưa để so sánh, hiệu đính với bản Tân
3 dịch. Văn nghĩa đều thông, diệu lý viên
4 thông. Diêu Hưng hỏi Pháp sư La-thập rằng:
5 "Tôi xem bản dịch hai mươi tám phẩm này.
6 Văn nghĩa sáng đẹp, tông thể tự rõ bày, chợt
7 xem bản kinh do Pháp sư Pháp Hộ dịch, gọi
8 phẩm tựa là phẩm Quang Thụy, phần cuối
9 của phẩm Dược Thảo dụ càng hơn nửa phẩm,
10 tựa đề phẩm Hóa Thành Dụ lại qua phẩm
11 xưa. Phần đầu của phẩm Phú-lâu-na và Pháp
12 sư, văn từ lại thêm số trang, thiếu phần kê
13 tụng trong phẩm Phổ Môn, phẩm Chúc Lụy
14 lại xếp ở cuối cùng, không biết yếu chỉ kết
15 quy việc ấy như thế nào".

16 Pháp sư La-thập bảo rằng: "lành thay
17 minh chúa, tiếp nối đèn pháp đốt cháy lâu
18 dài, thấu hiểu đêm tối cảnh mờ, tự chẳng sinh
19 ra nghi ngờ, ai tỏ rõ yếu chỉ sâu xa, khám xét
20 bản Phạm xưa rõ ràng như thế! Xưa, khi tôi
21 ở Thiên-trúc, đi khắp năm xứ Ấn-độ tìm cầu
22 giáo điển Đại thừa, gặp được Đại sư Tu-lợi-
23 da-tô-ma, bần thộ nghĩa lý, ân cần giao phó
24 bản Phạm và bảo rằng: "Mặt trời Phật ở

1 phương Tây lắng dần để lại ánh sáng, sắp soi
 2 chiếu về hướng Đông bắc. Pháp điện ấy rất
 3 có duyên với xứ Đông bắc, ông phải cẩn
 4 trọng mà mở mang truyền bá!". Xưa kia,
 5 Luận sư Bà-tâu-bàn-đậu soạn Ưu-ba-đề-xá,
 6 đó là chánh bản, chẳng bỏ câu kệ trong đó,
 7 chẳng bỏ văn thật trong đó. Tôi vội vàng lãnh
 8 thọ mang pháp đến đây. Nay mọi sự truyền
 9 bá rất có lý do, giải thích tông chỉ, chẳng
 10 đường đồng khác, họ Lã sợ thánh chỉ, đợi
 11 thăm có được chẳng. Mong cảm tốt lành
 12 xứng đáng cùng khắp, rất hợp với ý chỉ Phật.
 13 Đây đủ vì thích nghĩa". Diêu Hưng mở tan sự
 14 mờ tối, các vị Nghĩa học phục ứng, bỏ bản
 15 cựu dịch, thọ trì theo Tân văn. Lại tra xét trao
 16 truyền, nay nhân nơi giảng hội, lược ghi lại
 17 lý do, mong các vị Hậu Hiền ở các nơi, chẳng
 18 lầm sự sai sót ấy. Các nơi được lưu hành, đều
 19 được cảm ứng!

20 **5. Lời tựa Thêm phẩm Pháp Hoa:**

21 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là chỉ quy
 22 của pháp Nhị thừa khai tỏ Nhất thừa. Đức
 23 Thích Tôn giảng thân ở cõi đời năm trước,
 24 dùng pháp ba thừa để mở đạo. Quyền trí

1 chẳng thể nghĩ bàn, từ bi khó cùng cực.
2 Trước bày ra dấu vết của hóa thành, sau nên
3 chỉ chỗ vốn buộc hạt châu. Xe tuy có khác
4 mà hai thật không sai, đem chánh pháp mà
5 ghi danh, dùng con thật mà trao ngôi vị, đồng
6 vào pháp tánh, kết quy ở đây.

7 Xưa, ở Đôn Hoàng có Sa-môn Trúc Pháp
8 Hộ vào đời Tây Tấn dịch kinh Chánh Pháp
9 Hoa. Đến đời Hậu Tần, Diêu Hưng lại thỉnh
10 Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch kinh Diệu
11 Pháp Liên Hoa. Xét hai bản dịch trên chắc
12 chắn chẳng phải từ một bản gốc. Bản dịch
13 của Pháp sư Pháp Hộ dường như từ bản lá
14 đa-la, bản dịch của Pháp sư La-thập dường
15 như từ văn nước Quy-tur. Tôi kiểm xét về
16 kinh tạng, xem đọc cả hai bản. Bản lá đa-la
17 thì phù hợp với bản dịch kinh Chánh Pháp
18 Hoa. Bản văn nước Quy-tur thì xứng đồng
19 bản dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bản ngài
20 Pháp Hộ còn có chỗ sót. Bản ngài La-thập
21 sao không sai sót. Và sự thiếu sót trong bản
22 dịch của ngài Pháp Hộ là phần kệ tụng của
23 phẩm Phổ Môn. Còn bản dịch của ngài La-
24 thập thì thiếu nửa phẩm Dược Thảo Dụ. Phần

1 đầu hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp Sư, Phẩm
 2 Đề-đà, phần kệ của phẩm Phổ Môn. Ngài La-
 3 thập lại đặt phẩm Chúc Lụy trước phẩm
 4 Dược Vương, hai bản Đà-la-ni đều đặt sau
 5 phẩm Phổ môn. Trong hai bản dịch đó, các
 6 điểm đồng khác nói không thể hết được.
 7 Phẩm Đề- bà-đạt-đà và phần kệ phẩm Phổ
 8 Môn, các vị tiên hiền tiếp tục dịch ra để bổ
 9 khuyết mà lưu hành.

10 Tôi kính ngưỡng di phong, hiến chương
 11 thành khuôn phép, vào niên hiệu Nhân Thọ
 12 thứ nhất (601) đời Tùy, tức năm Tân Dậu,
 13 nhân sự thỉnh mời của Sa-môn Thượng Hạnh
 14 chùa Phổ Diệu, bèn cùng hai vị Tam tạng
 15 Pháp sư Quật-đa và Cấp-Đa trụ chùa Đại
 16 Hưng Thiện, xem xét lại bản kinh trên lá đa-
 17 la của Thiên-trúc, thì phần đầu của hai phẩm
 18 Phú-lâu-na và Pháp sư, xét lại bản còn thiếu
 19 ở phẩm Dược Thảo Dụ lại hơn phân nửa.
 20 Phẩm Đề-bà-bạt- đa cùng đặt chung vào
 21 phẩm Hiện Bảo Tháp, phẩm Đà-la-ni đặt sau
 22 phẩm Thần Lực, và phẩm Chúc Lụy kết quy
 23 ở cuối cùng, câu chữ khác nhau, rất đáng phải
 24 cải chánh, nếu có người bày tìm, mong chớ

1 nghi hoặc. Tuy ngàn vạn ức kệ mà nghĩa mầu
 2 khó cùng tận, và hai mươi bảy phẩm trong
 3 bản văn, lại đủ điều nguyện bốn biện phạm
 4 từ, khắp địa vực của thân châu. Bí giáo Nhất
 5 thừa khai ngộ căn cơ trong thời tượng pháp
 6 nhờ việc ghi chép phiên dịch, kính ghi lời
 7 tựa.

8 ***6. Lời tựa kinh Vô Lượng nghĩa do ân***
 9 ***sĩ Lưu Cầu người ở xứ Kinh Châu***
 10 ***soạn:***

11 Kinh Vô lượng Nghĩa này chỉ lấy một
 12 pháp vô tướng dạy khắp chúng sanh, với hàm
 13 nghĩa vô cùng vô tận, không có hạn lượng,
 14 nên có tên là Vô lượng. Chúng sanh trong ba
 15 cõi tùy nghiệp lưu chuyển, bậc Chánh giác
 16 chỉ đạo ứng cơ liền thông. Người lưu chuyển
 17 sinh diệt ắt trầm luân trong thống khổ mà ít
 18 được an vui, nên gõ cánh cửa cảm ứng.
 19 Thánh nhân tùy thuận thị hiện, đó là ban tâm
 20 bi mà vận dụng tâm từ, là cơ cảm cứu thế. Do
 21 căn tính khác nhau, giáo pháp sai biệt nên
 22 phân thành bảy giai vị. Một là vì Tôn giả Ưu-
 23 ba-ly thuyết năm giới, đây là căn lành của
 24 trời người. Hai là chuyển pháp luân Tứ thánh

1 để cho năm tỳ-kheo như Kiều-trần-như v.v...
2 đây là trao cho họ giáo pháp Nhị thừa. Ba là
3 giảng nói mười hai nhân duyên cho hàng
4 trung căn, đây là trao cho họ giáo pháp
5 Duyên giác thừa. Bốn là giảng sáu ba-la-mật
6 cho hàng thượng căn, nghĩa là trao cho họ
7 pháp Đại thừa, dung thông giáo pháp, dẫn dắt
8 quần nghi. Năm là thuyết kinh Vô lượng
9 nghĩa, nêu bày phẩm vị chứng đạo sai khác,
10 nhưng lại nói chưa từng diễn bày pháp chân
11 thật, khiến họ phát thiện tâm cầu thật đạo, lấy
12 đây để khai mở mới đạo Nhất thừa. Sáu là
13 giảng nói Pháp Hoa, dùng Nhất thừa phủ
14 nhận Tam thừa, tùy thuận nhưng chúng sanh
15 phát tâm cầu thật đạo, đây gọi là bỏ đường
16 lối thi thiết quyền hiện. Bảy là dù khai Quyền
17 nhưng hiển thật, vẫn che đậy chánh nghĩa của
18 thường trụ, nhập Niết-bàn ở Song lâm nhằm
19 xiển dương diệu âm nhiệm mầu của Ngã tịnh.

20 Từ xưa, pháp môn dù nhiều, nhưng tổng
21 quy lại không ngoài ở đây bởi muôn tiếng
22 không ngoài năm âm, trăm họ đều trong sáu
23 nhà. Kinh vô lượng Nghĩa dù thuộc Pháp
24 Hoa bộ, nhưng ở trung Hoa chưa thấy nói đến

1 thuyết này. Mỗi khi lên tòa giảng, ai cũng
2 canh cánh trong lòng mong được thấy bản
3 văn này. Có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ
4 Đang vốn dòng dõi họ Khương, cháu của
5 Ngụy đế Diêu Lược. Ngày mất nước, ngài bị
6 quân Tấn là Hà Đạm bắt. Chỉ mới mấy tuổi,
7 ngài đã tỏ ra rất thông minh, Đạm đặt tên tự
8 cho ngài là Minh Linh, nhận làm con nuôi.
9 Không bao lâu, ngài bỏ tục xuất gia, cần khổ
10 cầu đạo, đi khắp Nam bắc, chẳng ngại gian
11 lao. Vào năm Kiến nguyên thứ 3 đời Tề
12 (481), ngài lại đi du phương tham học, tìm
13 cầu bí nghĩa, đến tận vùng Lĩnh Nam. Tại
14 chùa triều Đình ở Quảng Châu, ngài gặp
15 Thiên Trúc Sa-môn Đàm-ma- đà-da-xá tay
16 viết chữ Phạn, miệng đọc chữ Hán, đang
17 muốn truyền lại bộ kinh này nhưng chưa biết
18 trao cho ai. Tuệ Biểu liền ân cần cầu thỉnh,
19 tâm ý rất chí thành, trải qua cả tháng mới
20 được một bản, liền đem về phương Bắc, lên
21 núi Võ Đang. Đến ngày 18 tháng 9 năm Vĩnh
22 Minh thứ 3 (486) ngài thỉnh kinh xuống núi,
23 nhờ hiệu đính và khắc bản lưu hành. Tôi gặp
24 bản kinh văn, lòng mừng khôn xiết, thốt

1 không ra lời, tay chân lóng ngóng. Tôi chân
2 thành thỉnh ngài ở lại. Ngài có nhã ý cho khắc
3 bản, tôi kính ghi lời tựa rằng:

4 Từ khi chánh giáo ứng thế đã khác thế
5 tục, đạo mâu cứu vật ứng cảm nên thành
6 khác. Từ Huyền Phố về Đông gọi lại Thái
7 nhất, từ Kế Tân về Tây gọi là Chánh học. Các
8 nước phía Đông làm sáng tỏ sự thịnh suy
9 trong vòng trăm năm, các nước phía Tây biện
10 rõ thiện ác trong vòng ba đời. Tư tưởng Vô
11 vi và hạnh tu pháp không chỉ là một. Người
12 muốn tu Vô vi đã không có mảy may đắc
13 pháp Vô, thì người tu pháp không lẽ nào lại
14 thấy có nhập không! Nhưng với người tìm
15 cầu Phật pháp, hoặc cho là ngộ lý thì tiêm tu,
16 hoặc bảo rằng nhập không thì đốn ngộ. Xin
17 hãy bàn xem, bởi lý u huyền nằm cả trong đó.

18 Người lập Tiêm pháp thì cho rằng muôn
19 vật thành tựu đều có từng giai đoạn, lớp bằng
20 cứng bắt nguồn từ nhiều lớp sương, vách cao
21 được hình thành từ nhiều lớp đất. Người học
22 thể nhập pháp không, vẫn chưa khế hợp hoàn
23 toàn, giống như đốn cây, cách một tấc thì mất
24 một tấc, cách một thước thì mất một thước,

1 dần dần lên được Tam không, lẽ nào chẳng
2 phải là Tiệm? Người lập Đốn pháp, các thiện
3 công đức mà họ có được đâu không phải do
4 quán sát pháp tánh. Pháp tánh tùy thuận theo
5 duyên, chẳng phải có mà cũng chẳng phải
6 không. Dứt bất niệm lự với chẳng có chẳng
7 không thì lý chiếu mới đồng nhất, đây gọi là
8 Giải không. Nếu còn đặt tâm trong chẳng có
9 chẳng không thì cảnh và trí là hai, chưa thoát
10 khỏi lý có. Những mối phiền não ẩn tàng
11 trong lý có, không phải là không có cơ duyên
12 gọi sạch. Đứng về lý không mà luận tâm thì
13 rõ ràng vẫn chưa có công năng thể nhập lý
14 tánh. Thế nên, một khi nói chứng La-hán chỉ
15 ngay trong một niệm, biện vô sinh thì suốt cả
16 ngày, đó chỉ là lời khuyến dụ, không phải là
17 lời thật. Thể chứng lý màu chẳng phải Tiệm,
18 lý vốn là như thế, nhưng đã phân hai đường,
19 hai ý khác nhau, phải bỏ một chọn một chứ
20 đừng cho lý này đúng, lý kia sai.

21 Người tìm được diệu chỉ này khởi nguyên
22 từ ngài Chi An. Khi bàn về lý vô sinh, ngài
23 cho hàng Thất trụ đã đầy đủ đạo tuệ, hàng
24 Thập trụ thì phương tiện muôn hướng, dấu

1 tích tuy khác nhưng nói và chiếu là một. Khi
2 luận về các pháp quán khác, thì ngài cho rằng
3 tam thừa là tên gọi tạm để chỉ cho người mới
4 được chút phần, định tuệ mới là lời thật để
5 chỉ cho người thành tựu viên mãn. Đó gọi là
6 mới tìm cầu thì tùy căn tánh mà có ba, thể
7 nhập và thông đạt thì định tuệ không hai.
8 Phẩm Thí Dụ ghi: "Nạn lớn chảy tràn, liền
9 không có ba, đường hiểm đã dứt, giáo hóa
10 liền hết", nghĩa là nói một nhưng mà có ba,
11 chứ không phải rõ ràng có ba sự đạt ngộ.

12 Sinh công cho rằng, đạo phẩm phải nói
13 đến Niết-bàn, chứ không phải tên gọi la hán;
14 Lục độ phải nói đến Phật chứ không gọi là
15 Thọ Vương. Trở lại ví dụ đốn cây, cây còn
16 cho nên mới còn tác thước để tiến dần; chứng
17 đắc Vô sinh thì do sinh đã tận nên trí chiếu ắt
18 đốn. Tên gọi và giáo nghĩa Tam thừa đều lấy
19 "sinh hết trí dứt, bỏ Có vào không" làm đạo,
20 quyết không được nhận Thật tướng của nó từ
21 tướng trạng bên ngoài.

22 Kinh Vô Lượng Nghĩa này cũng lấy Vô
23 tướng làm gốc, nếu số chứng quả thật khác
24 nhau thì đâu thể gọi là Vô tướng; nếu nhập

1 và chiếu ắt đồng thì đâu thể nói là có Tiệm.
2 Chẳng phải Tiệm mà gọi là Tiệm, đó là giáo
3 nghĩa bí mật nhiệm mầu.

4 Phật cũng dạy: "Nắm bàn tay không để
5 dụ trẻ con, hãy lấy đó mà độ chúng sanh".
6 Lời thôi lời té, nói ít nói đủ, hãy đạt ý quên
7 lời. Đón nghĩa mở bày tạm nêu đại ý, người
8 luận bàn hãy khéo chọn lựa!

9
10 ***7. Ghi về kinh Chánh Pháp Hoa xuất***
11 ***xứ từ Kinh Hậu Ký:***

12 Ngày mồng 10 tháng 08 niên hiệu Thái
13 Khang thứ 8 (287) đời Tây Tấn, ở Đôn
14 Hoàng, Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người xứ
15 Nguyệt-Chi, chẳng hết sự thông minh mà trụ
16 ở tâm, nhưng dụng của lãnh thọ dễ còn, công
17 của nghĩ nhớ bàn khó nắm bắt. Nếu tự chẳng
18 phải Bát-nhã soi sáng, văn tuệ tổng trì, khắc
19 in nơi tư phủ làm sao có thể khiến có ngộ mà
20 chẳng sót nơi thân, hội mà không mờ tối hay
21 sao? Nên giấy mực dùng để ghi ngôn từ
22 ngoài văn, mượn chúng nghe để nhóm họp
23 thành sự. Kể phiên mà chẳng đơn giản thì sót

sự ấy vậy, kẻ chất phác mà chẳng khoa trương, là trọng ý ấy. Chỉ bày màu nhiệm ấy mà tao nhã, bàn nói rộng mà tối tăm, tự chẳng ghi chép, làm sao có thể hơn ư? Vì thế liền ở nơi trường giảng, sớ giải lấy làm ký, mong các bậc hiền giả thôi soi xét, chẳng lỗi phiên đó mà không cốt yếu!

VII. GIẢNG GIẢI VỀ CẢM ỨNG (phần 1)

Thích Tăng Duệ đời Đông Tấn

Thích Đạo Sinh ở kinh đô, đời Đông Tấn

Thích Đàm Đế đời Tiền Tống

Thích Tăng Đạo đời Tiền Tống

Thích Tăng Ấn đời Nam Tề

Thích Pháp Vân đời Nam Lương

Thích Tăng Mãn đời Nam Lương

Thích Trí Khải đời nhà Tùy

Thích Cát Tạng đời Tiền Đường.

1. Thích Tăng Duệ ở Trường An đời Đông Tấn:

1 Thích Tăng Duệ là người xứ Trường An,
2 quận Ngụy. Năm mười tám tuổi, Sư mới
3 nương theo Pháp sư Tăng Hiền làm đệ tử.
4 Năm hai mươi hai tuổi, Sư thông hiểu nhiều
5 kinh luận. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư đi khắp
6 các bang, ở các nơi thuyết giảng, Sư từng
7 than: "Kinh Pháp tuy thiếu, chỉ đủ để giải
8 thích nhân quả. Thiền pháp chưa truyền đến
9 không có chốn đặt để tâm!" về sau, khi ngài
10 La-thập đến, do đó Sư thỉnh cầu truyền ra
11 "Thiền Pháp Yếu" ba quyển. Đêm ngày tu
12 tập, Sư tinh luyện năm môn. Từ đó, tiếng tăm
13 Sư vang tỏa khắp, xa gần mọi người đều quy
14 hướng về đức hạnh của Sư!

15 Các kinh điển do ngài La-thập dịch, Sư
16 đều tham chánh. Xưa, ngài Pháp Hộ dịch
17 kinh Chánh Pháp Hoa, trong phẩm "Thọ
18 Quyết" nói rằng: "Người thấy trời, trời thấy
19 người". Ngài La-thập bảo: "Đến đây mới nói,
20 lời này khác với Tây Vực mà nghĩa thì đồng,
21 chỉ bởi lời hơi quá chất". Sư liền nói rằng:
22 "Há chẳng là người và trời giao tiếp nhau, hai
23 bên cùng thấy nhau ư?". Ngài La-thập vui
24 mừng bảo: "Thật đúng vậy!". Sư có những vị

1 lãnh hội nêu xuất đại loại đều như vậy. Ngài
2 La- thập ngợi khen rằng: "Ta truyền dịch các
3 kinh luận mà gặp được ông, thật không hề
4 tiếc nuôi!" La-thập bảo Sư giảng kinh Pháp
5 Hoa mười tám phẩm, khai mở làm nên chín
6 về là: Một là vết mờ tối cùng gỗ với bậc
7 Thánh, tức là phẩm Tựa. Hai là vật giẫm trải
8 qua giáo kết quy về chân, là người Thượng
9 căn. Ba là vết dấy khởi loại trầm lắng và sáng
10 tỏ là người Trung căn. Bốn là thuật bày thâu
11 cùng thông đạt đến xưa là bốn vị Đại đệ tử
12 lãnh giải. Năm là vết làm sáng tỏ nhân để tiến
13 đến ngộ là vì người Hạ căn mà làm hóa thành
14 và thọ ký. Sáu là vết dương hạnh cuối cùng,
15 tức là phẩm Pháp sư. Bảy là Vết gốc tích
16 không sinh, tức là phẩm Đa Bảo, nghĩa là
17 Phật Đa Bảo là Bản, Phật Thích-ca là Tích.
18 Phật xưa hiện toàn thân, Phật nay bày nhân
19 xưa, đã chẳng diệt, Tích đâu có sinh, Bốn tích
20 tuy khác, chẳng thể nghĩ bàn là một. Tám là
21 Vết nêu bày nhân để chứng nghiệm quả, tức
22 các phẩm Đồng Xuất, Thọ Lượng, v.v... Chín
23 là Vết khen ngợi sự cứu giúp dài xa, tức từ
24 phẩm Tùy Hỷ đến hết kinh. Đã mở ra chín

1 vết, do đó ngài lên tòa cao giải thích, hoa rơi
2 như mưa, trời đất đều cảm động. Ngài La-
3 thập khen ngợi rằng: "Mặt trời Phật trở lại soi
4 sáng trong thế gian, mây tà tự cuốn mất". Đại
5 chúng đều gọi Sư là "Cửu Triệt Pháp sư".
6 (Xuất xứ từ Quan Trung Biệt Lục và Truyện)

7 **2. Thích Đạo Sinh chùa Long Quang ở** 8 **kinh đô đời Đông Tấn:**

9 Thích Đạo Sinh, vốn họ Ngụy, người xứ
10 Cự Lộc, đến ngụ ở tại Bành Thành. Gia đình
11 Sư vốn dòng tộc làm quan, cha sư làm chức
12 Quảng thích lệnh, khắp trong xóm làng đều
13 gọi là người tốt. Sư tuy còn bé mà đã thông
14 minh dĩnh ngộ, cao siêu như thần. Thân phụ
15 Sư biết Sư chẳng phải phàm khí, nên quý
16 mến mà lấy làm lạ. Sau, gặp được Pháp sư
17 Thái, Sư xin thọ nghiệp. Đến tuổi chí học, Sư
18 liền lên tòa giảng, nhả nập văn ngôn từ trong
19 sáng như châu ngọc. Sư lại theo thọ học với
20 Pháp sư Cửu-ma-la-thập, Tăng chúng ở
21 Quan Trung đều gọi Sư là Thần Ngộ. Sư
22 chuyên giảng kinh Pháp Hoa, Sư có soạn
23 Nghĩa số hai quyển. Mỗi lần lên tòa giảng thì
24 mùi thơm lạ tỏa ngát, điềm tượng tốt lành che

phủ rất nhiều. (Xuất xứ từ Cao Tăng truyện và văn ở sau lời tựa Nghĩa Sớ).

3. Thích Đàm Đế ở Hồ Khâu thuộc Ngô quận đời Tiền Tống:

Thích Đàm Đế, họ Khương. Tổ tiên Sư vốn là người nước Khương Cư, vào thời vua Hán Linh đế (Lưu Hoàn 168-189) thì dời đến ở Trung quốc. Đến cuối thời vua Hiến đế (Lưu Hiệp 190-220), gặp phải tao loạn nên lại dời đến ở Ngô Hưng. Thân mẫu Sư là người họ Hoàng, ban ngày nằm ngủ mộng thấy có một vị tăng đến gọi Hoàng là mẹ, gởi lại một phát trần và hai vật: Cái chỏ sắt và cục đèn sách. Đến lúc thức giấc thấy hai vật đó ở bên mình và do đó mang thai, sinh ra Sư. Năm mười tuổi, Sư xuất gia, tập học chẳng phải theo thầy, tự tỏ ngộ thiên phát. Sau, vì Diêu Trành mà Sư giảng kinh Pháp Hoa. Bần đạo làm Đô giảng. Về sau nữa, Sư đến chùa Hồ Khâu ở Ngô Hưng giảng kinh Pháp Hoa năm mươi biến. Đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) đời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi. (Xuất xứ từ Lương Cao Tăng Truyện).

4. Thích Tăng Đạo trụ chùa Danh Giả ở Thọ Xuân, đời Tiền Tống:

Thích Tăng Đạo, là người xứ Kinh Triệu, năm mười tuổi xuất gia, theo thầy thọ học. Thầy trao cho kinh Quán Thế Âm, Sư đọc xong, trở lại hỏi thầy rằng: "Trước kinh này có bao nhiêu quyển?".

Thầy muốn thử Sư, nên bảo: "Chỉ có một kinh ấy thôi!"

Sư nói: "Mới đầu kinh nói" Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý, v.v... "nên biết là phần trước phải có các việc gì".

Thầy rất vui lòng, bèn trao cho Sư trọn một bộ kinh Pháp Hoa. Từ đó, suốt đêm ngày Sư xem tìm hiểu sơ về văn nghĩa. Vì nghèo khó không dầu đốt đèn, Sư bèn tự hái lượm củi nhóm đốt để tự soi sáng. Đến năm mười tám tuổi, Sư đọc tụng rộng, phần nhiều làm Đô giảng. Sư chỉ lấy việc giảng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp mà thôi. (Xuất xứ Giảng ký, nay truyện không thấy nói giảng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp).

5. Thích Tăng Ấn chùa Trung Hưng ở

kinh đô, đời Nam Tề:

Thích Tăng Ấn, họ Chu, người ở xứ Thọ Xuân. Sư tìm đến Lô Sơn, theo Sa-môn Tuệ Long thọ học kinh Pháp Hoa. Ngài Tuệ Long cũng là người nổi tiếng ở đương thời, chuyên truyền bá tông chỉ kinh Pháp Hoa. Sư riêng nghiên cứu, tham học thấu suốt, vượt ngoài mới lạ. Từ đó, theo hướng Đông, Sư đến kinh đô, dừng trụ tại chùa Trung Hưng. Trong khoảng niên hiệu Đại Minh (457-465) đời Tiền Tống, Trung Quân Hà điếm mời chư Tăng nhóm họp, thỉnh Sư làm pháp tượng, thỉnh chúng có hơn bảy trăm người. Tuy học qua nhiều kinh, nhưng Sư chỉ nhờ kinh Pháp Hoa mà nổi tiếng. Sư giảng kinh Pháp Hoa hai trăm năm mươi hai biến. Đến niên hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ nhất (499) đời Nam Tề, Sư thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện và Biệt truyện, v.v...).

6. Thích Pháp Vân trụ chùa Quang

Trạch ở Dương Đô, đời Nam Lương:

Thích Pháp Vân, họ Chu, người ở Dương

1 Tiện, thuộc Nghĩa Hưng. Lúc đầu, mới sinh
2 Sư, thấy có hơi mây khắp phòng nhà, do đó
3 mà đặt tên Sư là "Vân", cũng chợt có một con
4 rùa màng ba quyển sách đến, có khắc lời
5 minh rằng: "Vân đây, giảng kinh Pháp Hoa
6 Nghĩa Sớ do Phật Tỳ-bà-thi nói ra, nay gửi
7 cho Vân, v.v..."

8 Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, lại được pháp
9 danh là "Pháp Vân", Sư theo Thầy trụ tại
10 chùa Trang Nghiêm. Năm mười ba tuổi, Sư
11 mới đến thọ học, mãi đến năm Sư ba mươi
12 tuổi, vào đầu mùa hạ niên hiệu Kiến Võ thứ
13 4 (497) đời Nam Tề, tại chùa Diệu Âm, Sư
14 khai giảng lời tựa của hai bộ kinh Pháp Hoa
15 và Tịnh Danh. Sư giảng kinh rất màu nhiệm,
16 kiệt xuất ở đương thời, Sư mới sang U Nham,
17 một mình giảng kinh ấy, dựng đá làm người,
18 lấy lá thông làm phát trần, tự xưng tự dẫn
19 gồm thông cả nạn giải, do đó nổi tiếng khắp
20 triều đại Nam Lương tiếp tục vẫn còn nghe.
21 Văn sớ của Sư rất nhiều, trước sau ngời ánh,
22 Sư y cứ giảng tụng có cản trở thường công,
23 Sư từng ở tại một ngôi chùa, giảng xong kinh
24 này, bỗng chiêm cảm hoa trời tượng trạng như

1 tuyệt bay, như mây đầy giữa hư không mà rơi
2 xuống, kéo vào trong phòng nhà, rồi bay
3 bổng lên giữa hư không chẳng rơi, khi Sư
4 giảng xong mới tan.

5 Có Thần tăng Bảo Chí là bậc Đạo vượt
6 phương ngoại, ít ai có được tình thức như thế,
7 cùng Sư rất kính mến nhau, gọi Sư là "Pháp
8 sư Đại Lâm". Mỗi lúc đến phòng Sư, thường
9 ở lại vài hôm và thường nói: "Muốn hiểu
10 được tiếng rống của sư tử, xin Pháp sư hãy
11 giảng nói cho nghe!" Sư liền giảng giải, ngài
12 Bảo Chí bèn búng ngón tay khen ngợi rằng:
13 "Mầu nhiệm thay! Mầu nhiệm thay!". Viên
14 Ngang ở quận Nghi Trần nói rằng: "Có vị
15 tăng thường cúng dường, học kinh Pháp Hoa
16 với Sa-môn Pháp Vân, ngày đêm phát
17 nguyện, mong thành tựu tuệ giải". Bỗng cảm
18 mộng có vị tăng lạ đến bảo rằng: "Vào thời
19 Đức Phật Nhiên Đăng, Pháp sư Pháp Vân đã
20 từng giảng kinh này, đâu ai có khả năng
21 chống lại!"

22 Vua Võ đế (Tiêu Diễn 502-550) đời Nam
23 Lương, muốn cầu mưa, ngài Chí Công bảo
24 rằng: "Sa-môn Pháp Vân có khả năng làm

1 mưa, nếu cần thì nên cầu thỉnh nhờ Sư". Sư
2 mở trường giảng, vừa đến phẩm Dược thảo
3 Dự, mưa ấy cùng khắp, bốn phương đều có
4 cảm. Lại có lần nơi giảng hội, có người đưa
5 tiền dâng cúng, mộng thấy Đại Bồ-tát Văn-
6 thù-sư-lợi giảng kinh trên tòa cao, sau khi
7 tỉnh giấc, tìm hỏi, mới hay là ở trường giảng
8 của Sư, việc này có nói đủ trong ký văn. (xuất
9 xứ từ biệt ký).

10 **7. Thích Tăng Mãn thời Nam Lương:**

11 Thích Tăng Mãn, là người thời Nam
12 lương, từ thuở bé Sư đã thông minh, chỉ ăn
13 rau quả, khổ hạnh tiết thực. Sư thông hiểu
14 nhiều kinh luận, riêng đặt tâm chí vào kinh
15 Pháp Hoa, Sư giảng kinh đến cả trăm biến,
16 người nghe tuôn nước mắt. Mỗi lúc giảng
17 đến phẩm Dược Vương, Sư than: "Sinh tử
18 trôi lăn không cùng, ai có thể vì pháp mà
19 (không) tiếc thân mình!". Sư lại đến quận
20 Trường Sa, phát nguyện thiêu thân để cúng
21 dường kinh, từ trên trời tuôn rải mưa vi diệu,
22 trong than lửa mọc ra hoa sen, suốt ba ngày,
23 không héo rơi. Mọi người nghe thấy đều vừa
24 buồn vừa vui.

8. Thích Trí Khải chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, đời Tùy:

Thích Trí Khải, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Mẹ sư họ Từ, mộng thấy có mây năm màu vây quần quanh bụng, muốn phải bỏ đi, bỗng nghe có tiếng người bảo rằng: "Bởi nhân duyên đời trước nên đến nương gá!". Đến đêm sinh Sư, có rất nhiều điềm lành. Năm bảy tuổi, Sư đọc tụng phẩm Phổ Môn. Ngoài ra, không cần thầy chỉ dạy mà Sư tự thông rành. Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia, năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Ở ẩn tại núi Đại Hiền, Sư tụng đọc kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Nghĩa và kinh Phổ Hiền Quán, chưa đầy hai tuần mà ba bộ kinh đều hoàn tất.

Sư lại đến chỗ Thiên sư Tuệ Tư núi Đại Tô ở Quang Châu để thọ học. Ngài Tuệ Tư khen: "Xưa kia ở núi Linh Thửu Đồng cùng nghe kinh Pháp Hoa, duyên xưa đưa đây nay gặp lại nhau." và liền chỉ bày cho ngài pháp hạnh Phổ Hiền, và nói cho nghe bốn pháp An lạc hạnh. Sư ở tại núi đó, hành trì Tam-muội Pháp Hoa, vừa mới qua ba đêm, tụng đến

1 phẩm Dược Vương, tâm duyên khổ hạnh,
2 đến câu "tinh tấn chân thật", giải ngộ bèn
3 phát, thấy cùng ngài Tuệ Tư ở tại núi Linh
4 thúu, cõi Tịnh độ toàn bảy báu, có tám vạn vị
5 Bồ-tát, mười hai ngàn vị Đại Thanh Văn,
6 cùng nghe Đức Phật giảng pháp, nên ngài
7 Tuệ Tư nói rằng: "Nếu chẳng phải ông thì
8 không có cảm. Nếu chẳng phải tôi thì không
9 thể bàn. Đó là tiền phương tiện của Tam-
10 muội Pháp Hoa!" (Luật sư Đạo Tuyên hỏi vị
11 trời rằng: "Ở nước Trần có Sa-môn Tuệ Tư,
12 ở nước Tùy có Sa- môn Trí Khải là các bậc
13 Thần Đức vượt hơn người thường, xưa kia ở
14 tại núi Linh Thúu đồng nghe kinh Pháp Hoa,
15 chẳng hay xưa ấy là ai? Có hợp ý Phật giảng
16 kinh hay không?"

17 Đáp rằng: "Đều là những bậc Đại sĩ du
18 phương, vốn là các vị cổ Phật. Sa-môn Tuệ
19 Tư là Quán Thế Âm trong phẩm Phổ Môn nói
20 về lợi ấy. Sa-môn Trí Khải là Dược Vương
21 khi vua Nhật Nguyệt Tịnh Minh hiện hữu ở
22 đời, ngài xả thí thân mình để cúng dường
23 chánh pháp, Đức Phật Thích-ca ở tại núi Linh
24 Thúu, phó thác pháp mầu. Chỉ một phẩm

1 Dục vương nói về sự tu hành của Ngài
2 chẳng phải chỉ mới ngày nay mở mang
3 truyền bá kinh, mà ở lâu xa sau khi các vị
4 Phật diệt độ, giảng nói kinh Pháp Hoa, ngoài
5 Đức Phật ở kiếp quá khứ xuất hiện nơi đời,
6 ba Đức Phật trong kiếp Hiền xuất hiện ở đời,
7 đồng với ngày nay rất hợp ý chỉ của Phật".
8 Sư nhập quán thấy kinh mà có điều nghi ngờ,
9 liền thấy ngài Tuệ Tư đi lại, vạch bày giải
10 thích cho. Lại nữa, ngài Tuệ Tư bảo Sư rằng:
11 "Đối với nước Trần, ông rất có duyên, đến đó
12 sẽ làm được việc ích lợi!".

13 Khi ngài Tuệ Tư đã đến Nam Nhạc thì Sư
14 bèn đến Kim Lăng trụ chùa Ngõa Quan tám
15 năm, giảng kinh Pháp Hoa. Các vị Đại đức ở
16 đời Trần đời Lương đều đến thưa hỏi điều lợi
17 ích. Các bậc Vương hầu vào những lúc rảnh
18 việc triều chính đều đến dự pháp hội. Mới
19 đầu, Sư khai giảng phẩm tựa đến cuối phần
20 hỏi đáp của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cả một
21 chúng hội tại núi Linh Thụ hiện hữu giữa
22 hư không, bỗng nhiên có năm ba người thấy
23 trời rải hoa thơm như mưa, màu sắc trắng
24 sạch, có hơn ba mươi cánh, từng sánh lá nổi

1 tiếp nhau liên tục giữa hư không chẳng rơi
2 lạc, dài hơn một thước, giống như lá sen. Sư
3 giảng đến phẩm Bảo Tháp, trong thính chúng
4 có người mộng thấy chùa Ngõa Quan, ba lần
5 biến thành Tịnh độ, phân thân khắp cả tám
6 phương, hoặc thấy tướng Bồ-tát Phổ Hiền từ
7 xa đến. Các hàng phàm mê nói nín càng đông
8 đúc và không thể ghi hết.

9 Lại nữa, ngài tự chích máu nơi thân mình
10 viết kinh mà giảng, hiện thân cát tại giảng
11 đường chân thân ở chùa Quốc Thanh, cây cỏ
12 khắp bốn phía gần đó đều hướng về giảng
13 đường mà cúi đầu. Sau, Sư đến chỗ tôn tượng
14 Đức Di-lặc ở chùa Thạch Thành phát nguyện
15 mà thị tịch. Sau khi Sư thị tịch, môn nhân của
16 Sư là Sa-môn Quán Đảnh mộng thấy Sư ở tại
17 nội viện cung trời Đâu-suất. (Xuất xứ từ Biệt
18 ký).

19 ***9. Thích Cát Tạng chùa Diên Hưng ở*** 20 ***kinh đô, đời Tiền Đường:***

21 Thích Cát Tạng, họ An, vốn là người
22 nước An-tức. Ông nội Sư lánh nạn oán cừu
23 nên dời đến ở Nam Hải, do đó gia đình Sư

1 bèn ở khoảng giữa Giao Châu và Quảng
2 Châu. Sau đó, gia đình lại dời đến ở Kim
3 Lăng thì sinh Sư.

4 Khi đang tuổi ấu thơ, cha Sư dẫn đến chỗ
5 Sa-môn Chân Đế và xin đặt tên cho Sư. Ngài
6 Chân Đế hỏi về sự nghĩ nhớ thật đáng là Cát
7 Tạng, do đó bèn gọi tên Sư là Cát Tạng.

8 Gia đình Sư trải qua nhiều đời kính thờ
9 Phật, không thờ gì khác. Về sau, cha Sư cũng
10 xuất gia, pháp danh là Đạo Lượng, rất siêng
11 năng tự nỗ lực, khổ tiết khác thường, chỉ
12 chuyên đi khất thực và nghe giảng pháp, lấy
13 đó làm hạnh nghiệp thường. Đạo Lượng dẫn
14 Sư đến nghe Pháp sư Đạo Lăng ở chùa Hưng
15 Hoàng giảng pháp, hễ nghe thì liền lãnh giải,
16 tỏ ngộ Thiên Chân. Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ
17 Pháp sư Đạo Lăng xin xuất gia, tham học đạo
18 Huyền, ngày một đổi mới, thấu đạt sâu mầu.
19 Mọi điều Sư thừa hỏi đều khéo đạt chỉ quy,
20 rộng đủ lắm điều đặc biệt. Đến năm mười
21 chín tuổi, ở giữa đại chúng Sư đáp thuật, biện
22 luận bén nhọn vượt xa, đương thời Ngạn
23 Xước có lời khen ngợi Sư. Tiếng tăm sư vang
24 khắp ấp Dương, khi đã thọ giới Cụ túc, tiếng

1 tăm Sư lại càng cao, Trần Quế Dương vương
2 kính trọng phong thái của Sư nhả tuôn nghĩa
3 chỉ. Sư bèn theo hướng Đông đi đến Tần
4 vọng dừng tại chùa Gia Tường, vẫn như
5 thường giảng nói dẫn dắt, đến tìm cầu học hỏi
6 Đạo có hơn ngàn người. Chí Sư chuyên ở
7 việc truyền đăng, xoay bánh xe chánh pháp
8 liên tục.

9 Về sau, khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp
10 (605) đời Tùy, Sư viết hai ngàn bộ kinh Pháp
11 Hoa, lại mở giảng hội, giảng hơn ba trăm lần,
12 có soạn Huyền số hưng thịnh truyền bá ở
13 đời. Khi sắp thị tịch, Sư soạn luận Tử Bất Bối
14 (chết không sợ) bút vừa rời khỏi tay thì Sư
15 thị tịch. (Xuất xứ Tục Cao Tăng Truyện).



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 3

Trong quyển 3, có hai phần:

VII. KHÓA GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG (Phần 2)

1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc Thanh
thời Tiền Đường.

2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở Kinh
đô, thời Tiền Đường.

3. Pháp sư Thích Tăng Long.

4. Thích Khuy Cơ chùa Đại Từ Ân, thời
Tiền Đường.

5. Thích Huyền Lãng ở Tả Khê, thời Tiền
Đường.

6. Thích Tuệ Minh, thời Tiền Đường.

7. Thích Trí Nhân, thời Tiền Đường.

8. Thích Chí Thật, thời Tiền Đường.

1 9. Thích Đạo Ngang ở Tượng Châu.

2 10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam.

3
4 **1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc**
5 **Thanh thời Tiền Đường:**

6 Thích Quán Đảnh tự là Pháp Vân, họ
7 Ngô, người xứ Nghĩa Hưng ở Thường Châu,
8 ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, từ đó
9 chẳng trở về, nay thuộc xứ Chương An, Lâm
10 Hải. Cha Sư sớm qua đời, nên mẹ Sư lo chăm
11 sóc nuôi con. Vừa được ba tháng tuổi, ban
12 đêm bà niệm danh hiệu Phật pháp Tăng, Sư
13 học nói theo, lời câu đều rõ ràng. Mọi người
14 đều lấy làm kinh lạ, do đó trình báo với Pháp
15 sư Tuệ Chứng chùa Nhiếp Tĩnh. Ngài Tuệ
16 Chứng nghe, khen rằng: "Người con ấy thật
17 là phi phạm!" liền lấy chữ "Phi phạm" mà đặt
18 tên tự cho Sư. Đến năm bảy tuổi, Sư trở lại
19 xin làm đệ tử Sa-môn Tuệ Chứng, lần lượt
20 rồi tấn đàn thọ giới Cụ túc, Sư vâng giữ luật
21 nghi.

22 Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một
23 (591) đời Tùy, Tấn Vương đang trấn tại

1 Dương Châu, thường theo Sa-môn Trí Giả.
 2 Sư đến dừng tại Bang Câu, trụ chùa Thiên
 3 Chúng, làm Thủ tòa, thường ngày tìm xét
 4 thuyết cầu, bổng chốc Sư theo Sa-môn Trí
 5 Giả đi theo hướng Đông trở về Thai nhạc. Về
 6 sau, Sư lại ra ở tinh xá Xứng Tâm, khai giảng
 7 kinh Pháp Hoa. Trời rải hoa như mưa, hình
 8 dáng như hoa sen, như tuyết rơi xuống, có
 9 mùi thơm rất lạ, vượt hơn Lãng Long Cơ
 10 (Huyền Lăng, Tăng Long, Khuy Cơ) lại hơn
 11 cả Vân Ân Lưu (Pháp Vân, Tăng Ân, Lưu?).
 12 Các đệ tử cao túc của Sa-môn Trí Giả ghi
 13 chép đầy đủ các Huyền văn, Chỉ quán, v.v...
 14 do Sư giảng nói. Phạm giáo tích của Thiên
 15 Thai được lưu hóa ở nhân gian, mà ở Tây
 16 Vực thỉnh cầu phiên dịch, ở Đông Hạ được
 17 lợi ích đều là do năng lực của Sư. (Xuất xứ
 18 từ Tục Cao Tăng truyện, Biệt truyện và
 19 Giảng pháp ký).

20 ***2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở***
 21 ***Kinh đô, thời Tiền Đường:***

22 Thích Tuệ Như, trụ chùa Chân Tịnh,
 23 siêng năng khổ hạnh ngồi thiền nhập định lấy
 24 làm việc thường.

1 Trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-617)
2 đời Tùy, ngoài những lúc ngồi thiền rảnh rỗi,
3 Sư tu hạnh Pháp Hoa. Sau khi giảng hội đã
4 tan, Sư bèn nhập định suốt bảy ngày đêm
5 không lay động. Đại chúng đều kinh lạ. Qua
6 bảy ngày, Sư mở mắt gào khóc, lệ đổ như
7 mưa, đại chúng vô cùng quái lạ, hỏi lý do, Sư
8 bảo: "Lửa thiêu đốt chân, đau khổ không chịu
9 nổi".

10 Liên bảo người xem chân thấy vết thương
11 lửa đốt sâu thành huyết.

12 Đại chúng lại hỏi Sư: "Vì sao bị vết
13 thương như thế?".

14 Sư đáp: "Có một vị minh quan đem đến
15 một phong thư, tự xưng là Sứ giả của vua
16 Diêm-la, liền mở thư đọc, lời trạng viết rằng:
17 "Sư (tức chỉ Tuệ Như) có được giới châu
18 thanh tịnh cao vời. Xà bỏ ba cấp tà thuyết của
19 Thiên sư Tín, nương theo kinh Pháp Hoa,
20 khai mở giảng nói làm thuyền bè vượt qua
21 biển khổ, xin rủ lòng thương xót!". Và bị vua
22 Diêm-la thỉnh suốt bảy ngày giảng kinh Pháp
23 Hoa, có vô số người tội gieo trồng nhân
24 duyên với Phật pháp. Vua Diêm-la vô cùng

1 vui mừng, đem ba mươi xấp lụa vàng dâng
2 cúng cho tôi. Đến lúc giãng tan, vua Diêm-la
3 hỏi: "Có muốn được thấy tiên vong tri thức
4 chẳng?" Tôi đáp: "Muốn được thấy cha
5 mẹ?". Vua Diêm-la liền sai gọi một người.
6 Tôi chỉ thấy một con rùa đi đến đưa lưỡi liềm
7 dưới chân tôi, trong ánh mắt rơi lệ mà bỏ đi.
8 Có một người nói: "Bởi tội quá nặng không
9 thể kêu gọi, nên bò đến gặp". Sứ giả lại dẫn
10 tôi đến cửa ngục, cửa ngục đóng kín rất chặt.
11 Sứ giả gọi người giữ cửa, có một người đáp,
12 bỗng nhiên lánh sang một bên, chẳng đứng
13 ngay cửa, tôi vừa mới nhích mình thì cửa liền
14 mở. Có ngọn lửa lớn từ cửa hực ra như sắt
15 nung, lửa liền bám vào chân tôi. Tôi phải bỏ,
16 đưa mắt nhìn vào cửa thì cửa đã đóng chặt,
17 không thấy được nên đi. Tôi trở lại chỗ vua
18 Diêm-la, nói rõ đầu đuôi sự việc. Vua Diêm-
19 la bảo: "Địa ngục là như thế, nếu chẳng phải
20 năng lực của kinh Pháp Hoa thì không thể
21 cứu giúp. Nếu muốn cứu giúp, thì phải giãng
22 tụng Diệu pháp". Sự việc như thế, nay tôi
23 thấy nghe, giác ngộ mà thôi!" Đại chúng
24 đồng nghe mà buồn vui lẫn lộn. (Xuất xứ

1 "Minh Chí ký", trong "Minh Báo ký" tuy có
2 nói về việc này, nhưng không nói là giảng
3 kinh Pháp Hoa, phải biết đó là sự nghe khác
4 nhau của người ghi lại).

5 ***3. Pháp sư Thích Tăng Long:***

6 Pháp sư Thích Tăng Long, không rõ
7 người xứ nào. Trong niên hiệu Trinh Quán
8 (627-650) thời Tiền Đường, Sư đi theo
9 hướng Bắc mà đến Bắc Ấn-độ, muốn khuyên
10 hóa, nên Sư bèn ở lại Trung Ấn-độ, tụng đọc
11 được kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạm, Sư
12 đến nước Kiền-đà-la, tự mở giảng, hội khắp
13 bốn phía mây tụ nhiên nhóm đến, cả muôn
14 quận, sao cùng hướng về. Sau Sư bị bệnh
15 cảm mà chết, ba ngày sau sống lại bảo rằng:
16 "Tôi bị vua Diêm-la hỏi: "Đạo nhân có công
17 đức gì?".

18 Tôi đáp: "Tôi tụng được kinh Pháp Hoa,
19 tự khai mở giảng hội, khuyên hóa chúng
20 sinh".

21 Vua bảo: "Đọc tụng là chân thật, còn
22 giảng nói là phù hư, tùy tình mà phân biệt,
23 đâu có công đức cao quý". Tôi đáp: "Đọc

1 tụng chuyên tự giảng nói thí tuệ lợi vật là bốn
2 hoai của các vị Bồ-tát, đâu phải phù hư
3 không có công đức?".

4 Vua Diêm-la hoan hỷ từ tòa mà xuống,
5 quỳ thẳng nói: "Lành thay! Lành thay! Xin
6 mời lên tòa giảng nói nghĩa ấy". Tôi liền lên
7 tòa, xướng lớn đề kinh và giảng nghĩa, các
8 người tội trong sảnh nghe lọt tiếng tôi giảng
9 vào tai, thì lìa khổ được vui, gông cùm tự cởi
10 mở, hoặc sinh lên cõi trời người. Vua Diêm-
11 la nói: "Thôi thôi! Mạng ông chưa hết, nên
12 trở lại bốn thân".

13 Tôi liền theo đường trở về, được sống lại.
14 Nên biết pháp mầu là hạnh quan trọng của
15 trời người, là đường thẳng đến Bồ-đề,
16 chuyên tâm chuyên hành chớ nên lười
17 biếng". Mọi người nghe nói đều rơi lệ, càng
18 sinh tâm ân trọng. Những người nghe thấy
19 đều bỏ Tiểu theo Đại. Chư tăng ở phương
20 Bắc đến truyền nói như thế. (Xuất xứ từ Cứu
21 Pháp Tập Lục, và trong Đường Tăng truyện
22 tuy có ghi sự duyên của Sư, mà việc ấy chẳng
23 thấy nêu, nên nay y cứ theo Quảng Văn mà
24 thôi).

4. Thích Khuy Cơ ở chùa Đại Từ Ân, thời Tiền Đường:

Thích Đại Thừa Cơ, Sư học khắp giáo nghĩa Đại thừa, là đệ tử Thượng túc của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Trong ba ngàn môn đồ, bảy mươi vị Đạt nhân, bốn người thượng thủ (môn nhân đệ tử ngài Huyền Trang) thì Sư là người tài giỏi hơn cả. Mẹ Sư mộng thấy một người vòng tay cầm chuỗi ngọc như ý đến xin nương gá vào thai, nói xong bèn vào miệng, liền có thai. Lúc mới sinh ra Sư có vàng mây màu tím như lọng che phủ ở trên. Năm chín tuổi Sư xuất gia, năm mười bảy tuổi Sư giao thiệp với Truy Lâm, riêng kính thờ minh chiếu của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, làm môn nhân phiên dịch kinh điển. Phần nhiều đều do Sư ghi chép. Sư tự soạn giải kinh luận một trăm bản. Văn mới như hoa ngọc thạch truyền ở Đông Hạ, pháp tướng Đại thừa lại soi chiếu khắp pháp giới, thật là do công sức của Sư. Như trong đêm tối tăm, răng ngà tỏa phát ánh sáng. Sư soạn giải ra kinh luận. Giữa lúc giao du, bàn nói lần lượt mở rộng, các Đạo tục nhân những

1 lúc rảnh khóa thỉnh mời Sư giảng kinh Pháp
 2 Hoa. Sư mới tự gom nhặt tâm văn, ban đêm
 3 soạn thuật, sáng sớm bàn giảng. Các điềm
 4 tướng đặc biệt thường ứng hiện. Có người
 5 mộng thấy trang nghiêm cõi Phật, khắp trong
 6 chư Phật đều đến nói ngài là Pháp sư, đó là
 7 lúc Sư soạn sớ giải phẩm Bảo Tháp. Giảng
 8 xong và soạn sớ hoàn tất, Sư làm một bài kệ
 9 rằng:

10 *"Đã xét lý yếu hạnh các kinh*
 11 *Lược tán nghĩa chân pháp*
 12 *Nhất thừa Nói làm hợp thật, ban*
 13 *chúng sinh*
 14 *Mong cùng chóng thành quả Vô*
 15 *Thượng".*

16 Hoặc Hiền sĩ trong mộng thấy Sư dùng
 17 bài kệ này khen ngợi Nhất thừa đã đến ngàn
 18 Đức Phật diệt độ, vì nguyện sinh lên cõi trời
 19 Đâu-suất thờ phụng Đức Từ Thị (Trích từ
 20 Tân Lục).

21 **5. Thích Huyền Lãng ở Tả Khê, thời** 22 **Tiền Đường:**

23 Thích Huyền Lãng, tự là Tuệ Minh, Sư

1 vốn họ Phó, người ở đất Bắc, nghe luận pháp
2 Chỉ quán của Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên
3 Thai, một Phật pháp ấy phát nguồn từ Tôn
4 giả Long Thọ, khoảng giữa kế thừa ngài
5 Hành Tư, tìm xét nguồn pháp, Sư trụ chùa
6 Thanh Thái, là bậc cao tuổi của pháp môn, là
7 mắt chân của chánh pháp, chuyên việc giảng
8 nói Phật thừa. Mỗi lúc đến nơi giảng hội, mở
9 bày văn cú im lặng mà than rằng: "Xét về
10 nghĩa thú cao vợi, khế hợp Phật thừa, tìm về
11 văn thể có chẳng thứ lớp, Thánh ý thật khó
12 lường, chỉ kính ngưỡng mà tin!". Vì các thánh
13 chúng thường khuyên thỉnh Sư rằng: "Bậc
14 Thượng căn dễ ngộ, hàng Trung hạ mất ý chỉ,
15 mong rủ lòng che chở, mở ích lợi nhiều", Sư
16 lại đôi ba phen tính lường, chuyên tâm nghĩ
17 đến thầy mình, mong cầu được gia bị, bỗng
18 mộng thấy thần tăng lấy tay chỉ, Sư liền kinh
19 hoảng, khải biện vô ngại, giảng nói như nước
20 chảy, hiển thông ký thuyết chẳng đều khởi
21 hết. Thần tăng bảo: "Ông ở chỗ Đức Phật
22 Không Vương đồng nghe pháp điển ấy, ngày
23 nay tại núi Linh Thụ đồng làm thánh chúng.
24 Vốn gieo trồng nhân xưa, giúp quạt thổi gió

1 huyền, lại càng thêm bén nhọn, thuận tình đồ
 2 chúng ba căn đều lợi ích, thấm đượm rất
 3 nhiều". Nhân điều cảm trong mộng, Sư mới
 4 bắt đầu tùy thuận căn cơ. Sư giảng kinh Pháp
 5 Hoa được cảm ứng như thế! (Tân Lục).

6 ***6. Thích Tuệ Minh, thời Tiền Đường:***

7 Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ
 8 nào, họ là gì. Phong thái khuôn phép của Sư
 9 nhàn thoảng, thông minh học rộng, tỏ ngộ
 10 Phật thừa, lấy làm quy thú. Sư chuyên giảng
 11 kinh Pháp Hoa, thiên có riêng đoán, cùng
 12 tụng giải nói. Có một thời gian Sư vào trong
 13 núi sâu, ngồi trong động đá giảng kinh, có
 14 mấy đàn khỉ vượn đến nghe pháp, chim lạ,
 15 voi hổ đến nằm trước động, nghe pháp ăn trái
 16 cây, suốt ba tháng. Sau đó, giữa đêm ở phía
 17 trên động có ánh sáng chiếu soi dần gần đến
 18 hang, đó là người cõi trời đến tự nói rằng:
 19 "Tôi là kẻ già xấu lại mất mù ở trong đàn khỉ
 20 vượn, nhờ nghe Sư giảng nên khi qua đời
 21 được sinh lên cõi trời Đao-lợi, thân cũ tôi
 22 chết nằm ở phía Đông nam, cách thất ngoài
 23 bảy mươi bước, được sinh lên cõi trời hưởng
 24 thọ an vui không dứt, nghĩ nhớ ân thầy nên

1 đến nghe giảng, giảng hiện đến hang đá này,
2 nguyện ưa muốn nghe giảng nói pháp màu".

3 Sư hỏi: "Sắp phải giảng như thế nào?", vị
4 trời ấy nói: "Tôi vội vàng muốn trở lên cõi
5 trời. Thầy nên chia một bộ kinh thành tám
6 phần mà giảng".

7 Sư bảo: "Kinh đang hành trì chỉ có bảy
8 quyển sắp thành bảy tòa, làm sao giảng thành
9 tám được?".

10 Vị trời ấy nói: "Kinh Pháp Hoa là Đức
11 Phật giảng nói tám năm. Nếu nay y theo tám
12 năm để giảng thì quả thật là dài, nên thích
13 khai lập tám tòa, y theo tám năm giảng nói,
14 xứng hợp với ý chỉ của Phật".

15 Sư chấp thuận, chia bảy quyển thành tám
16 pho, vì trời mà khai giảng tám lần. Khi giảng
17 xong, trời rất vui mừng, dùng tám hạt ngọc
18 quý cúng dường Sư và nói bài kệ rằng:

19 *"Thích Tôn diệt độ đã lâu xa*
20 *Giáo pháp truyền bá, bị khó khăn*
21 *Tuy gặp hiểu nghĩa cũng là khó*
22 *Tuy hiểu, mà giảng lại khó hơn,*
23 *Nếu nghe một câu kệ pháp ấy*
24 *Chỉ trong chốc lát không nghi báng*

*Nghiệp chương ba đời đều tiêu
sạch
Tự nhiên thành Phật, đạo không
nghĩ".*

Và lại nói: "Nay tôi theo nghe giảng, xả bỏ thân súc sanh được sinh lên cõi trời thứ hai trong cõi Dục, oai quang vượt hơn các vị sinh lên cõi trời trước kia, lợi ích tốt đẹp thật khó nghĩ bàn, không thể nói hết!". Vị trời ấy nói bài kệ và lời ấy xong, bèn trở về cõi trời. Sư ghi lại việc ấy vào động đá, rồi không biết Sư đến ở xứ nào. Động đá và lời ghi ký ấy đến nay hiện vẫn còn. (Tôn Lục).

7. Thích Trí Nhân ở thời Tiền Đường:

Thích Trí Nhân, họ Giả, người ở xứ Lô Phiền, thuộc Nhạn môn, là con cháu đời thứ năm trong dòng họ của Viễn Công, gia đình bị họa yếu từ bởi tâm bệnh, Sư được ngoại nuôi dưỡng. Đến năm mười tuổi, Sư xuất gia, thần tánh thông minh, thiên cơ dĩnh ngộ, Sư theo thầy hỏi Đạo, thọ kinh Pháp Hoa, tinh thông nghĩa sâu. Sư giảng kinh đến một trăm năm mươi biến, chim bồ câu vào phòng mà

1 nghe giảng, heo nai đến gần bên cạnh mà
2 chẳng đi. Mới đầu Sư đều giảng một bộ, Sư
3 mộng thấy một vị tăng Ấn-độ bảo rằng: "Ông
4 giảng hay khéo!". Vị tăng ấy cho Sư giảng
5 quyền riêng, do đó Sư bèn giảng quyền riêng,
6 lại mộng thấy vị tăng ấy bảo: "Giảng quyền
7 riêng rất xứng đáng, trước phải soạn nghĩa
8 sớ". Do đó, Sư bèn soạn nghĩa sớ, liền phát
9 nguyện rằng: "Tôi giảng nghĩa sớ nếu không
10 trái với ý Phật, xin đốt sớ để làm ứng
11 nghiệm", bèn gom củi đốt, bỏ sớ vào lửa,
12 bỗng có mưa nhỏ, lửa tắt mất mà sớ không bị
13 cháy. Mọi người thấy nghe đều khen là kỳ lạ.
14 Người đến nghe Sư giảng đông không kể
15 xiết.

16 **8. Thích Chí Thật thời Tiền Đường:**

17 Thích Chí Thật, họ Vệ, người ở xứ Phù
18 Liễn thuộc Thường Sơn, là cháu của Sa-môn
19 Đạo An. Năm bảy tuổi, Sư đọc sách, xem lại
20 đã thuộc lòng, không cần đến lần thứ ba. Sư đi
21 khắp các danh sơn hỏi Đạo. Năm mười bảy
22 tuổi, Sư xuất gia, học nghiệp thanh cao, nhằm
23 chán việc đời vô thường, bèn lánh chúng vào
24 ở trong núi đầm, lấy cỏ dựng am, giảng kinh

1 Pháp Hoa, trời rải hoa đẹp như mưa, Sư kinh
 2 hãi cho là ma biến hiện, bèn nghỉ giảng, trở
 3 về nhập chúng, mộng cảm vị thần Dạ-xoa
 4 kính pháp đến nói rằng: "Ông chớ nên biếng
 5 lười phế bỏ, đó là trời rải hoa. Công đức trên
 6 hết trong các thứ công đức, không gì hơn
 7 khuyên người nghe pháp. Đức Phật khen
 8 năm mươi pháp tùy hỷ, đâu ở nơi Đạo biếng
 9 lười". Sư cố gắng giảng kinh đến trăm biến.
 10 Ở nơi huyện gần đó có một vị Ấn sĩ tên Lâm
 11 đang lúc nằm ngủ bỗng thấy quan lính
 12 đội khăn màu đỏ rượt đuổi. Lâm bèn chạy
 13 vào trong giảng đường của Sư để trốn. Quân
 14 lính vội đuổi ra ngoài cửa giảng đường, gọi
 15 Lâm bảo rằng: "Người đã vào nơi giảng hội,
 16 ta thả người đó!". Lâm thức giấc, buồn vui
 17 lẫn lộn, nên đến chỗ Sư, kể lại đầy đủ việc
 18 đó, mọi người đều khâm phục Sư. (Tân Lục).

19 ***9. Thích Đạo Ngang ở chùa núi Hàn***
 20 ***Lăng ở Tương Châu:***

21 Thích Đạo Ngang, giảng kinh Pháp Hoa
 22 ở Tương Châu, thấy các thứ âm nhạc từ giữa
 23 hư không bảo rằng: "Đây là trời Đâu-suất
 24 cùng đến đón rước!". Sư bảo rằng: "Cõi trời

1 là gốc sinh tử, từ trước đến nay chẳng mong
2 sinh về đó, chỉ nhớ nghĩ Tây phương thôi!".
3 Nói xong, Sư liền thấy ở phương Tây có các
4 thứ kỹ nhạc xoay chuyển đến đón rước Sư
5 nói: "Tin đến không được ở lâu". Nói xong
6 lò hương lạ rơi vào tay, Sư bèn ở trên tòa cao,
7 ngồi thẳng mà ngài thị tịch.

8 ***10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam:***

9 Thích Chí Viễn họ Tống, người ở xứ
10 Giang Nam, sớm phải chịu tang cha, một
11 mình Sư nuôi dưỡng mẹ, luôn làm vừa lòng
12 mẹ, sớm tối không trái. Sư có được thiên tánh
13 thông minh, đỉnh ngộ kinh Pháp Hoa. Năm
14 mười tám tuổi, Sư thừa mẹ xin xuất gia, theo
15 thầy thọ học, kính lễ thờ thầy, khổ nhọc
16 không trái. Sư chuyên hạnh nghiệp giảng
17 kinh Pháp Hoa, giải thích giáo nghĩa viên
18 đôn của Thiên Thai. Sư phát nguyện rằng:
19 "Nếu sự giải thích của tôi không trái ý Phật
20 thì xin cho trời đất có cảm động". Sư nói dứt
21 lời trời liền rải hoa như mưa, đất rung chuyển
22 như sấm sét. Sư siêng năng tinh tấn suốt hai
23 mươi năm, chăm chăm chẳng phể bỏ giảng
24 hội. Đến lúc qua đời, Sư bảo đệ tử rằng: "Có

hai mươi lăm vị Thánh đến đón rước vãng
sinh về Tịnh độ!"

VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 1).

1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam nhạc,
đời Tùy.

2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam Nhạc,
đời Trần.

3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở núi
Thiên Thai, đời Tùy

4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở Hà
Đông, đời Tùy.

5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở tại
Đài Châu, thời Tiền Đường.

6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi
Thiên Thai, thời Tiền Đường.

7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung
Châu, thời Tiền Đường.

8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, Kinh
đô, đời Trần.

9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong thuộc
Nam Nhạc, thời Tiền Đường.

1 10. Quốc Sư Thích Tuệ trụ ở Nam Nhạc,
2 đời Tùy.

3 11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-la,
4 đời Tùy.

5 12. Thích Thiện Nghĩa chùa Chân Ngộ ở
6 núi Chung Nam, đời Đường

7 13. Thích Hoằng Cảnh chùa Ngọc Tuyền
8 ở Phú Dương, đời Tiền Đường.

9 ***1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam***
10 ***nhạc, đời Trần:***

11 Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở xứ Võ Tân
12 thuộc Hạng Thành. Thuở nhỏ, nhân mộng
13 thấy có một vị tăng Ấn-độ khuyên Sư vào
14 Phật Đạo, lại mộng thấy có vài vị tăng dạy
15 răn trai giới, nên mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa,
16 chẳng nhận cúng dường riêng. Bảy giờ, thấy
17 trong bè bạn tụng kinh Pháp Hoa, trong tâm
18 tình Sư rất thích, vì từ trước chưa hề tụng
19 đọc. Một hôm, Sư theo người bạn ấy mượn
20 kinh và ra ngoài gò mả trông, tự đọc, không
21 có người dạy trao, Sư buồn khóc ngày đêm.
22 Lại nữa, gò mả chẳng phải là chỗ của người
23 ở, nên Sư lo sợ chẳng chỉ một vài việc, bèn

1 dòi đến nường nấu ở cỗ thành, đục hang mà
 2 ở, ban ngày đi khát thực, tối đến chẳng nằm
 3 ngủ, nhìn kinh mà rơi lệ, đánh lễ không
 4 ngưng nghỉ. Mùa Hạ năm đó mưa nhiều, đất
 5 hang thấm hơi nước, khắp thân thể Sư sưng
 6 bầm, đi đứng không được, mà tâm đối trước
 7 kinh sức lực càng mạnh mẽ, bỗng cảm thấy
 8 tiêu diệt tất cả, thân trở lại bình phục như cũ.
 9 Sư mộng thấy Đại Bồ-tát Phổ Hiền cười voi
 10 trắng sáu ngà đến xoa đánh đầu rồi đi. Với
 11 một bộ kinh Pháp Hoa, Sư chưa từng nhận
 12 biết văn từ, tự nhiên hiểu suốt. Ngay chỗ
 13 được xoa tự nhiên nổi lên như nhục kế. Suốt
 14 trong mười năm, Sư tụng kinh Pháp Hoa, lời
 15 tiếng không ngưng nghỉ, lại tỏ ngộ pháp môn
 16 Đại Thừa Tam-muội Pháp Hoa. Thấu tỏ mọi
 17 cảnh giới, địa vị thành đạt đến sáu căn thanh
 18 tịnh. (Xuất xứ trong truyện).

19 **2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam** 20 **Nhạc, đời Trần:**

21 Thích Đại Thiện là môn nhân của Thiên
 22 sư Tuệ Tư, Sư trụ chùa Bát-nhã ở Nam Nhạc,
 23 chuyên tụng kinh Pháp Hoa, cứ ba ngày xong
 24 một bộ, kiêm tu sám pháp Phổ Hiền, bảy

1 ngày hoa rơi, Sư lại nhập Tam- muội Từ Bi,
2 khiến bảy nai trong cả nước đều đến thân
3 gần.

4 **3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở**
5 **núi Thiên Thai, đời Tùy:**

6 Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam
7 Dương. Thuở thiếu thời, Sư có chí khí muốn
8 xa lìa trần tục, người cha cầu hôn cho Sư, bèn
9 tìm phương tiện dứt bỏ. Đến lúc trưởng thành
10 thì Sư khôi ngô, khỏe mạnh, thẳng thắng.
11 Bảy giờ, Lạc Dương Điện hạ đang thống ngự
12 tại Kinh châu, muốn cất nhắc Sư lên chức vị
13 cao nhất, nhưng đó chẳng phải điều ước
14 muốn của Sư, tâm tình Sư chỉ muốn được
15 xuất gia. Vua cảm mến sự thành khẩn ấy, do
16 đó Sư được toại tâm nguyện xưa.

17 Khi đã xuống tóc, Sư đi khắp nơi hỏi đạo,
18 bèn đến Kim Lăng, liền gặp Sa-môn Trí Giả,
19 nên liền đánh lễ xin thọ học. Ngài Trí Giả
20 trao cho thiên pháp, Sư bèn thâu đạt vào năm
21 môn, thông cùng sáu Diệu, giới hạnh trong
22 sạch, luật nghi thuần túy Sư lại thỉnh tụng
23 kinh Pháp Hoa có hơn ngàn biến, bình nước

1 tự đây, đó là do năng lực của kinh. Học chúng
2 của ngài Trí Giả tuy đông đảo, mà Sư rất
3 xứng đáng được đứng đầu. Ở Lâm Hải có
4 tỉnh xá Phú Sơn, do một vị Tăng Ấn-độ xây
5 dựng có rất nhiều việc linh dị, ngài Trí Giả
6 có đến đó, nên bảo Sư hãy làm ảnh hưởng
7 đến xứ đó. Sau khi ngài Trí Giả thị tịch, cả
8 một chúng ở núi Thiên thai đều giao phó cho
9 Sư. Suốt thời gian hai mươi năm Sư ngài
10 chăm chăm khéo dẫn dắt, không trái với lời
11 phó chúc, làm nơi nương tựa của hai chúng,
12 làm chỗ quy hướng của bốn bộ. Thân tướng
13 Sư cao lớn, đức hạnh cảm đến vật tình, rất có
14 nơi cấp dẫn. Thường năm đến ngày húy nhật
15 Sa-môn Trí Giả, vua Vạn đế (Dương Khiêm
16 581-605) đời Tùy, ban sắc thiết trai cúng
17 dường ngàn vị Tăng quan. Ngài đem các thứ
18 y bát còn lại sung cúng vào Đại thí. Ngày
19 Hiến hậu qua đời, vua Văn đế thiết trai cúng
20 dường cầu nguyện, mỗi lần như thế có được
21 trăm vật, Sư chẳng hề lưu giữ một vật gì. Thứ
22 Sử Hoạt Châu là Trịnh Từ Bách, Trần tướng
23 là Dương Hải Dương Thần Quý vốn là thầy
24 bạn nghĩa nặng, đãi ngộ chẳng xem thường

1 đổi với Sư.

2 Đến ngày 23 tháng 11 niên hiệu Đại
3 Nghị thứ 12 (616) đời Tùy, Sư bị bệnh,
4 suốt ngày mười ngày, Sư nằm nghiêng phía
5 bên phải, thị tịch tại phòng cũ chùa Quốc
6 Thanh, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư
7 sắp tịch, núi đổ đất động, các hàng tăng tục
8 khắp trong khu vực đều nghe thấy. Về môn
9 nhân của ngài Trí Giả rất đông, ở đây chỉ nêu
10 vài ba vị như vậy. (Xuất xứ từ tục Cao Tăng
11 Truyện quyển 17).

12 Tôi riêng nghĩ Sư là người được thầy trao
13 truyền sau cùng, do đó các bản xưa có lắm
14 nhiều lầm, ghi chép truyện người khác, nên
15 nay tôi cắt bỏ phần đó, phụ vào cạnh bản
16 truyện để chỉ bày cho người đời sau. Trong
17 Thống Kỷ quyển 9 chép: "Sa-môn Pháp
18 Ngạn vốn họ Trương, người ở xứ Thanh Hà.
19 Niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy (575) đời
20 Trần, theo hầu Đại sư Trí giả ở núi Thiên
21 Thai và được trao truyền yếu chỉ Thiên-na,
22 Sư chuyên tĩnh lặng an tọa giữa núi rừng,
23 không ở trong phòng nhà, thường nhập định
24 suốt bảy ngày mới xả. Đại sư Trí Giả dự

1 chứng cho rằng: "Như điều ông nói thật là
 2 tướng Quán thứ hai trong quán Bối xả". Thần
 3 núi có mấy lần đến khuấy nhiễu để thử, mà
 4 Sư vẫn điềm nhiên không lay động, chuyên
 5 tu thiền pháp hơn ba mươi năm thường ngồi
 6 chẳng nằm. Đến cuối tháng 2 niên hiệu Đại
 7 Nghiệp thứ 7 (611) đời Tùy, Sư ngồi kiết già
 8 mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh".

9 ***4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở*** 10 ***Hà Đông, đời Tùy:***

11 Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y
 12 Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh mà Sư đã
 13 biết kính tin, vui sùng Phật đạo, tuổi vừa đi
 14 học, Sư bèn muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm
 15 lạ bèn chấp thuận. Năm mười tuổi, Sư theo
 16 thầy xuống tóc tu trì giới hạnh, ca vịnh lời
 17 pháp, tụng thông kinh Pháp Hoa, ngày đêm
 18 không ngưng nghỉ, ngài tụng yếu kệ tán Phật
 19 trong các kinh có hơn ba ngàn chương. Suốt
 20 năm mười năm, Sư không hề nói lời mệt
 21 nhọc. Đến ngày 24 tháng 10 niên hiệu Đại
 22 Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư bị bệnh và
 23 thị tịch tại chùa núi, hưởng thọ sáu mươi bốn
 24 tuổi.

1 Mới đầu, trước lúc chưa thị tịch vài ngày,
2 Sư không được khỏe. Vị Duy-na hô chuông
3 mà dùi cầm tự gãy, mọi người cùng bàn tán
4 cho sư không qua khỏi bệnh. Sư nghe thế,
5 bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-
6 di-đà và kinh Pháp Hoa, Sư xoay tâm nhiếp
7 niệm, nguyện sinh về Tịnh độ Tây phương.
8 Đến chiều Sư mới mở mắt, nhìn thẳng giây
9 lâu chẳng động, tướng trạng như có thấy điều
10 gì, vị Thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương,
11 vẫn đứng lặng lẽ, một lát mới thôi. Sư bèn
12 búng ngón tay bảo rằng: "Không thể nghĩ
13 bàn!". Có người hỏi lý do, Sư bảo: "Thấy cò
14 báu lọng hoa, tháp miếu trang nghiêm". Đầu
15 hôm, Sư lại xoay đầu nhìn bảo rằng: "Mới
16 thấy ngọc sáng, bây giờ ở đâu?". Lại hỏi: "Có
17 việc gì đốt đèn sáng rực thế?". Đại chúng bèn
18 che đèn cho tối. Chỉ phút chốc Sư lại bảo:
19 "Lửa sáng vì sao càng lớn mạnh vậy?". Vì
20 trong phòng Sư lúc ấy mờ tối, mọi người bèn
21 chấp tay, đến lúc sáng sớm, Sư bảo: "Tôi sinh
22 về Tịnh độ!" thế rồi Sư dứt hơi thị tịch. Núi
23 đất lay động, cửa song vách xé, đàn chim trĩ
24 kinh sợ kêu vang, chẳng phải tiếng thường

1 nghe. Trong chùa có Sa-môn Đạo Tuệ, chưa
2 sáng đang ngủ, đến lúc tỉnh giấc ra tựa vào
3 lan can nhìn xuống, bảo rằng: "Nếu Thiên sư
4 (tức Trí Thông) thị tịch chắc hẳn là sinh về
5 Tịnh độ. Vì sao biết? Vì trong lúc đang ngủ
6 thấy trên đỉnh núi phía Tây đều là lầu các
7 điện đường nương giữa hư không mà đi". Nói
8 xong, mới biết là Sư đã thị tịch.

9 Lại nữa, Cái Mẫu họ Vương, từ lâu dốc
10 tín thuần kính Tam Bảo, đọc tụng các kinh,
11 lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm
12 chánh. Đến tháng 02 niên hiệu Trinh Quán
13 năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường,
14 đến lúc sắp xả bỏ báo mạng lại càng siêng
15 năng chí kính, thấy hoa sen màu xanh đầy
16 khắp vườn nhà. Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát
17 Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng một lúc
18 đồng đến. Cái cùng với người cháu là Tiết
19 Đại Hưng cùng gần gũi nghe kể lại, mà Tiết
20 Đại Hưng thấy có Đức Phật thân hình rất cao
21 lớn và Bồ-tát lâu sau mới biến mất. Đó đều
22 là những việc gần đây, nên truyền thật lục.
23 (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện quyển 18).

5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở Thai Châu, thời Tiền Đường:

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên, gia đình Sư đời trước do làm quan nên đến ngụ tại Mân Việt. Từ thuở nhỏ Sư đã khác hẳn đồng bạn, tuổi trẻ mà nghĩ vượt ngoài mọi vật. Thấy mọi sự già bệnh chết, mà Sư thấu hiểu được cuộc đời nổi trôi nguy ách, tự xét sự hôn trầm, xót thương bao kẻ chìm đắm, lại càng nhàm lìa như bị kẻ thù rượt đuổi.

Sư phát thệ nguyện muốn vượt thoát trần lao, tìm khắp các thắng cảnh, cúi nghe Đại sư Trí Giả trình bày chí khí nơi núi Thiên Thai, an tọa thiền pháp tại chùa Phật Lũng, sách tấn dạy răn kẻ lâm đường mê, vì đời mà làm bền bờ dẫn dắt, tâm thành Sư vội kính ngưỡng, bốn ba vượt xa ngàn dặm. Đến năm hai mươi tuổi, Sư mới được toại nguyện. Vừa một lần được gặp liền định vị Thầy trò. Khi luật nghi đã đầy đủ, Sư lại bảm thọ thiền quyết tu thêm tịch định. Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa như cứu lửa đang cháy trên đầu. Tâm ngựa hơi điều thuận, tan động bớt lo toan. Sư vâng

1 mạng di chỉ thường ở nơi Đạo tràng tu thiền
2 chùa Phật Lũng. Những người ưa thích pháp
3 tam-muội đều cùng quy ngưỡng. Nhưng lúc
4 rảnh rồi việc thiền tọa, Sư lại chỉ huy xây
5 dựng Già-lam, điện đường, phòng nhà đều
6 trang nghiêm. Chỉ còn lại kinh đài chưa xây
7 dựng, Sư muốn nhóm công thợ để làm, có
8 ngọn núi Hương Lô, núi hang hiểm trở, rừng
9 cây đẹp lạ, nhưng vị Thần ở đó rất linh
10 nghiệm, từ xưa đến nay, không ai dám nhìn
11 ngọn và sườn núi ấy, hướng chỉ giẫm đạp lên
12 mà tìm chặt. Bấy giờ, Đại chúng bàn với
13 nhau rằng: "Ngày nay đã vì tạo dựng kinh
14 Đài cúng dường Pháp Bảo, chỉ chuộng lấy
15 tinh hoa, đâu thể làm cho xong mà thôi, trên
16 đỉnh núi Hương Lô có loại gỗ sinh bách, là
17 thứ gỗ tốt trong các loại gỗ, hãy lấy đó để
18 sung vào cúng dường". Luận bàn xong, thưa
19 hỏi ý kiến Sư, trình bày cụ thể sự việc như
20 trên. Ngưng giây lát, Sư đáp rằng: "Thần
21 nuôi tiếc giữ gìn, chúng ta không nên vội
22 vàng". Trong chúng không ai dám nói lại lời
23 nào, mới tự trở về lại chỗ riêng mình. Đêm
24 đó, Sư mộng thấy có người đưa sớ đến nói

1 rằng: "Với cây sinh bách trên đỉnh núi Hương
2 Lô, đều xin xả thí cung cấp vào việc xây
3 dựng kinh đài". Đã cảm thâm chỉ bày, Sư liền
4 dẫn lượt chuẩn bị mọi thứ vật thực công cụ,
5 phân bổ người thợ vào núi để chọn tìm chặt.
6 Vị thị giả hỏi rằng: "Hôm qua không chấp
7 thuận, vì sao nay đi chặt lấy như vậy?". Sư
8 đáp: "Hôm qua là do người khác, hôm nay là
9 do ta, chỉ lấy không nhọc khổ, ắt chẳng sai
10 lầm". Mọi người theo lời Sư đến tìm chặt cây
11 gỗ không gặp phải trở ngại.

12 Xưa, Tiên sư Trí giả có dạy rằng:
13 "Khuyên hóa muôn dân từ bến bãi núi Thiên
14 Thai cho đến tận bờ biển, những nơi nào có
15 sông rạch, khe suối đều xả thí làm ao hồ
16 phóng sinh, chấm dứt hẳn việc vớt bắt". Đến
17 đời Tùy cũng như thế, mọi sự đều qua sắc
18 ban. Khi nhà Tùy đã mất, các hàng hậu sinh
19 trong trăm họ có lắm kẻ làm ác, đem nhau đặt
20 đăng đỏ, vớt bắt khắp cùng các sông suối,
21 nên loài thủy tộc bị yếu tử thương vong
22 không nơi mách cáo, mới cùng đánh lễ Sư,
23 đến chỗ khám thờ Tiên sư Trí Giả đốt hương
24 chú nguyện. Đang có một người đánh cá thấy

1 một vị tăng đứng trên Đăng, trong ý cho là ắt
2 sẽ bị rơi xuống nước, nên đem thuyền đến
3 muốn cứu, vừa đến nơi thì không thấy nữa.
4 Do đó mà ở các Đăng đó đều không bắt được
5 cá, mọi người lần lượt mách bảo nên cùng
6 nhau bỏ ác làm lành, dứt được việc vớt bắt
7 chài lưới.

8 Bấy giờ, Sư có vị đệ tử là Sa-môn Đạo
9 Tuyên đang ở tại phòng tụng kinh Pháp Hoa,
10 tự nhiên Sư đến gọi, bảo rằng: "Chiều nay sẽ
11 có khách tăng đến". Nói xong, bèn nhìn
12 xuống dưới cửa, bỗng thấy một vị tăng thuần
13 mặc áo nạp, ôm bình bát, cầm tích trượng,
14 hình tượng thần thái rất sáng sủa, dáng vẻ
15 khác người thường, từ ngoài đi đến, cùng đi
16 qua hơn hai mươi bước mới vào nhà phía
17 Đông, bèn biến mất. Bỗng chốc liền nghe ở
18 núi phía Đông có tiếng chuông Đồng ngân
19 vang rung chuyển cả hang núi. Sư bèn nói:
20 Ôi! Tôi...!". Chưa đầy vài ngày sau, Sư bảo
21 các đệ tử rằng: "Mạng sống của tôi không còn
22 bao lâu nữa, hãy cho nước ấm mùi thơm để
23 tắm gội". Sư nói xong, từ trong núi các loài
24 chim thú hình sắc khác lạ chưa hề trông thấy

1 đua nhau cùng nhóm tụ bên cạnh phòng Sư,
2 trải dài dưới đất, bay nhảy trên hư không,
3 buồn kêu ai oán, qua ngày hôm sau mới bay
4 đi hết. Đến tối 17 tháng 12, Sư kiết già ngồi
5 thẳng, cầm râu chuỗi như ý mà giảng pháp,
6 từ lý sâu xa. Lúc giảng xong, Sư bảo đệ tử
7 rằng: "Tôi cùng các ông may mắn được gặp,
8 nay đây phải vĩnh biệt, không hẹn gặp lại!".
9 Nói xong, Sư im lặng không có tiếng động
10 gì, giây lâu. Các đệ tử gào khóc, Sư lại mở
11 mắt bảo rằng: "Con người có sinh phải có tử,
12 muôn vật có đều phải có cuối, tướng thế gian
13 là như thế, đâu có gì đáng buồn khóc! Nay ra
14 đi, các ông chớ làm náo loạn đến tôi". Sư lại
15 bảo rằng: "Từ lúc tôi tu thiền tụng kinh cho
16 đến nay là đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng
17 dính chiếu. Tôi chẳng trái phụ tín thí, không
18 mắc nợ hương hỏa. Các ông muốn được gặp
19 lại tôi, mỗi người nên siêng năng sách tấn
20 hành Đạo, để có đủ năng lực, không trái phụ
21 người!", các đệ tử do đó hỏi Sư rằng: "Chẳng
22 hay Hòa-thượng sẽ sinh về đâu?". Sư đáp:
23 Như chỗ tôi mộng thấy thì quả báo sẽ sinh về
24 cõi trời Đâu-suất, nơi cung điện màu xanh, ở

1 phía Tây bắc của cõi trời, thấy Đại sư Trí Giả,
2 chung quanh có các hàng người, trời đều ngồi
3 trên tòa báu, chỉ riêng có một tòa để trống
4 chưa có người, tôi hỏi lý do thì được trả lời
5 là Sa-môn Quán Đảnh sẽ lên tòa đó để giảng
6 pháp.

7 Đến sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các
8 đệ tử rằng: "Các ông phải sớm lo thiết trai,
9 mạng sống của tôi chỉ trong chốc lát". Ngày
10 đó, có người trong thôn lên núi thăm bệnh
11 Sư, dùng bữa xong xin từ giã trở về, Sư bảo;
12 Đã khổ nhọc từ xa đến, nên dừng lại trong
13 thời gian ngắn, đợi bần đạo đi trước đã!".
14 Người ấy không hiểu ý, cố từ chối chẳng
15 dừng ở. Đang lúc đó, bầu trời trong sáng
16 không chút mây che mờ, Sư bảo với người
17 đến thăm bệnh ấy rằng: "Đã không dừng ở lại
18 thì nên mau đi đi, vì mưa sẽ ngập đường".
19 Người ấy vừa đi chỉ chốc lát, bỗng nhiên mưa
20 đổ như trút. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.
21 Lúc đó vào giờ ngọ ngày 18 tháng 12 niên
22 hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời
23 Tiền Đường, Sư ngồi kiết già, thẳng thẳng
24 nghiêm nhiên, hơi khí ngưng dứt, mọi người

dùng bông tơ để thử thì như Sư đang nhập định, do đó mà chẳng trở lại. Bảy giờ giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả đại chúng đều được nghe giây lâu mới dứt. Để qua mấy ngày mới đưa nhục thân Sư vào trong khám đá, nhan sắc vẫn tươi tắn, tay chân mềm mại, chẳng khác lúc còn sống. Nơi tôn trí phần khám của Sư ở trước khám của Tiên sư Trí Giả cách hơn hai trăm bước.

6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:

Thích Trí Tảo, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Vào đời Tấn, gia đình Sư dời đến ngụ ở Lâm Hải. Ông nội Sư tên là Nguyên Tú, làm thương bộ thị lang đời Lương, rồi tiếp nhận Lâm Hải nội sử, cha Sư tên là Văn Hoài làm Trung bình tướng quân đời Trần.

Năm Sư thọ học kinh Pháp Hoa, miệng không nói lời luống dối, mọi việc làm không hổ thẹn với người. Bà con thân thuộc xóm làng gần gũi đều kính mến. Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, chịu tang buồn vừa mãn, Sư bị bệnh, kéo dài nhiều năm

1 tháng, thầy thuốc hết phương cứu chữa. Nhân
2 trong đêm vắng, Sư nương gậy nhọc nhằn
3 kéo thân bệnh ra đến giữa sân, ngược mặt
4 nhìn ánh trăng mà nằm, dốc lòng chuyên
5 niệm Bồ-tát Nguyệt Quang, cúi mong đại bi
6 cứu giúp nỗi khổ bệnh trầm kha của con. Sư
7 buộc niệm như thế trải qua tuần đầu. Vào nửa
8 đêm, mộng thấy một người hình sắc khác
9 thường từ hướng Đông đi đến bảo Sư rằng:
10 "Ta đến đây chữa bệnh cho Sư", liền đưa
11 miệng kề vào thân Sư, lần lượt hút nhả. Suốt
12 ba đêm liền như thế, nhờ vậy mà bệnh được
13 lành, Sư biết Tam bảo thật là nơi đáng để
14 mình nương tựa hầu cứu khổ, bèn muốn lìa
15 tục, đến chùa An Tĩnh xin làm đệ tử Pháp sư
16 Tuệ Bằng.

17 Nghe Đại sư Trí Giả là bậc Đạo hạnh,
18 pháp tắc vượt hẳn mọi người, vì đời mà dẫn
19 dắt tốt đẹp, Sư bèn nương thuyền bông bênh
20 thẳng đến núi Thiên Thai, phủ phục cầu xin
21 thọ học. Ngài Trí Giả bảo Sư sám hối theo
22 Pháp Hoa sám pháp và tụng kinh. Đến tuần
23 thứ hai, vừa mới đêm đầu tiên lễ sám xong,
24 Sư trở về lại ghé ngồi thiền, như muốn an tọa,

1 bỗng thấy có chín con rồng từ đất vọt ra vượt
2 thẳng lên hư không. Sáng sớm, Sư đem việc
3 ấy thưa hỏi. Ngài Trí Giả bảo rằng: "Đó là
4 biểu tượng của chúng sinh trong chín đường
5 nghe kinh Pháp Hoa ở đời tương lai sẽ phá
6 trừ vô minh trú địa, vào pháp tánh không".

7 Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ 4 (586)
8 đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trông
9 coi ở Tiên đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ
10 đang trấn nhậm, Sư theo thầy đến núi Côi Kê
11 thọ thỉnh. Sau chín tuần xong Pháp sự, Sư
12 bèn từ biệt Vương Bá Trí đến ở chùa núi Bảo
13 Lâm, hành trì Tam-muội Pháp Hoa. Đầu tiên
14 là ngày thứ nhất, như có người đến lay động
15 cánh cửa. Sư hỏi: "Người là ai mà nửa đêm
16 đến đây lay cửa như thế?". Liền có tiếng đáp
17 lớn rằng: "Ta đến trông đèn". Ba phen hỏi
18 đáp như thế. Trong chùa đó vốn trước có Đại
19 đức Thiền sư Tuệ Thành, ban đêm nghe rõ
20 việc đó, bảo Sư đệ tử rằng: "Ở trong ngôi
21 chùa đó từ trước đến giờ có con Đại ác quỷ,
22 nay nghe tiếng ấy, chắc là Quỷ đến lấy mạng
23 người!". Đến lúc trời gần sáng, Thiền sư Tuệ
24 Thành gõ cửa gọi. Sư chưa kịp trả lời, thì

1 Thiên sư Tuệ Thành đi nhiều quanh ngôi nhà
2 đó xưng rằng: "Khổ thay! Khổ thay! Người
3 ấy chết rồi...!". Sư liền mở cửa hỏi: đáp rằng:
4 Sư vẫn còn sống, tôi nghĩ rằng đêm qua quý
5 đã hại mạng ông, cho nên than như thế. Thiên
6 sư Tuệ Thành đem việc ấy nói với Vương Bá
7 Trí, Vương Bá Trí bèn sai vài mươi người
8 cầm gậy đến phòng hộ. Sư bảo các người đến
9 phòng hộ rằng: "Mạng là do nghiệp, đâu phải
10 do sự phòng hộ mà thêm được ư? Xin các
11 nhân giả hãy cùng nhau trở lại thành báo với
12 Vương Bá Trí như thế!". Khi các người đến
13 phòng hộ đã đi, vào đêm thứ hai, quý vào
14 thẳng trong phòng, vác chày vò đập tường
15 vách, đánh cột nhà khắp cùng Đông Tây.
16 Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm
17 ngọn chỉ để lại một ngọn mà hành Đạo, ngồi
18 thiền, tụng kinh, thản nhiên không khiếp sợ.
19 Đến tuần thất thứ ba, mọi việc thường như
20 thế. Sư hành pháp sắp mãn, thấy một đồng tử
21 mặc áo xanh đến khen rằng "Lành thay!".
22 Nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai việc như
23 thế mà tâm Sư không lo sợ hay mừng vui.

24 Lại nhân có duyên sự, Sư phải đến Cối

1 Kê, trên đường từ Huyện Diêm, Sư vào thôn
2 Hiếu Hạnh khát thực, người chủ làm nấu nắm
3 độc cúng dường, Sư dùng bữa xong, theo
4 đường đi thẳng tới. Sau đó, người chủ dùng
5 thức ăn còn lại, tất cả đều bị khốn khổ kiệt ly
6 sắp chết. Có người ở gần đó thấy như thế, liền
7 mang thuốc tìm đuổi theo Sư, đi hơn mười
8 dặm mới kịp, thấy Sư vẫn khoan thai bước đi
9 không việc gì. Sư hỏi: "Có việc gì mà tìm
10 tôi?". Người ấy trình bày đầy đủ việc trên, Sư
11 cười, bảo: "Bần đạo không sao, hãy vất bỏ
12 thuốc đi mà trở về, khỏi cần phải đuổi tìm".
13 Lấy đó mà nghiệm biết do Đạo lực huân tu
14 nên độc không thể làm thương tổn.

15 Sư trở về núi, vì Đại sư Trí Giả, thiết trai
16 cúng dường ngàn vị Tăng, độ bốn mươi chín
17 người xuất gia, cúng thí vào chùa hai ngàn
18 đoạn vật, ba ngàn thạch gạo và hương, dầu
19 bơ, v.v... Lại xây dựng tường đất chung
20 quanh bốn phía vườn chùa. Lại vì Đại sư Trí
21 Giả thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng, độ
22 một trăm người xuất gia, cúng thí vào chùa
23 một ngàn đoạn vật, cúng dường trai tăng mỗi
24 vị một xấp lụa quỳên. Đến năm thứ bảy, Sư

lại sang quận Trác, tham nhọc tạ từ xa lại, cúng thí chùa năm trăm đoạn vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ đưa về lại chùa. Sư đã qua lại tám lần tham kiến Thiên tử vua đều được vui mừng, cung cấp rất nồng hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, hưởng thọ tuổi tám mươi ba tuổi.

7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm lên bảy tuổi, Sư xuất gia, thọ Thiền sư Hạo làm thầy. Thiền sư Hạo là bậc Đạo tổ ôn hòa thuần thiện rất nổi tiếng. Cùng đồng bạn sau đến ở chùa Thiên Định, ngay đêm trước lúc thị tịch, vách tường của căn phòng tự nhiên bị sụp đổ ra ngoài, Thiền sư Hạo bảo: "Y Báo đã trái, tôi sắp chấm dứt cuộc đời!". Liền đó ngồi thẳng nhắm mắt, như có sở duyên, bèn im lặng mà thị tịch, mới đầu ai hay biết.

Vì Sư (Pháp Hỷ) rất có cung cách, theo

1 hầu trải qua nhiều năm, còn Thiên sư Hạo
2 chuyên tu định nghiệp, không hề dạy răn, chỉ
3 xem lượng mà biết người, xét có đạt của Sư
4 sự việc có vượt tu tập ở trước, chẳng sửa đổi
5 mà tự thành, cung kính cảnh hạnh, chỉ đức là
6 giúp. Tại chùa núi Thanh Khê ở Kinh Châu,
7 chư tăng có bốn mươi vị, chỉ riêng mình ngài
8 là Sa-di nên phải lo mọi việc hầu hạ, ban
9 ngày thì nấu thổi củi đun, ban đêm thì tụng
10 tập kinh điển, ở núi không có đun, phải đốt
11 củi để lấy ánh sáng. Mỗi đêm tự theo thời
12 khóa phải tụng thuộc một trang kinh. Cứ như
13 thế trải qua thời gian lâu dài nên sở duyên
14 thông lợi, tuy học các kinh bộ loại, mà Sư
15 riêng lấy kinh Pháp Hoa làm chánh, thường
16 nhân giữa khoảng thời gian ăn ngủ, Sư tụng
17 gồm một quyển, ngoài ra thì chuyên lấy
18 Thiền nghiệp buộc niệm ở trước, vừa mới có
19 tâm hôn trầm, thì liền trở lại ôn cũ.

20 Khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605)
21 đời Tùy, vua Văn đế (Dương Khiêm) ban sắc
22 thỉnh mời Sư vào kinh đô trụ chùa Thiền
23 định. Lễ cúng rất lớn, mà Sư hành tiết kiệm
24 làm đầu, tiếp dẫn vồ về đồng thường, khiêm

1 hư thành đức, bèn cảm có xá-lợi rằng Phật.
2 Vua rất mực tôn kính, tôn trí trên đài báu, đặt
3 đề trên phòng nhà, khôi báu tràn mắt. Nếu
4 không phải người có đức hạnh thì chẳng thể
5 biết, Đại chúng vì sự hành giải ngầm thông u
6 vi từng giảng hiện của Sư, nên đem Đạo tràng
7 giao phó ủy thác cho Sư trông coi. Sư bèn
8 làm giềng mỗi cúng dường ngày đêm tiếp
9 thừa kinh ngưỡng. Lại vì Thiên sư Hạo đã thị
10 tịch, trong ý Sư muốn linh hồn ở chốn u minh
11 được thanh thản, phát nguyện trì tụng ngàn
12 biến kinh Pháp Hoa, do đó liền chẳng ở yên
13 trong phòng cũ, chỉ thường nhiễu quanh chùa
14 tháp, với hai oai nghi đi và ngồi, thề tròn đầy
15 bản nguyện. Đến lúc đủ số tám trăm quyển,
16 tình thức Sư càng chuyên cần hôm sớm, buộc
17 tâm chẳng tan, bèn cảm thấy thân mình
18 chuyển thành mạnh khỏe, chư tăng đồng ở
19 trong chùa thấy giá xe báu trâu trắng đi vào
20 phòng Sư, nhưng truy tìm xét xem thì không
21 hề thấy dấu vết manh mối, mới biết đó là do
22 cảm bởi u thông, thông suốt giáo môn mà
23 sớm tự giữ tạo dựng và bảo vệ từ lúc mới đầu.
24 Các nơi có người bệnh khổ, bất luận là khách

1 mới cũ, đều chu cấp đầy đủ hỏi han, đích thân
2 Sư lo liệu cho, còn việc tiểu đãi huyết nồng
3 đồ tháo, Sư đều đến quét dọn. Nhưng sự khổ
4 của bệnh hoạn, là chỗ đều khinh thường của
5 người đời, mà Sư đều không nhòm góm, tâm
6 tình gấp bội vui mừng, lấy làm việc thường.
7 (Ba duyên trên đây đều xuất xứ tục Cao Tăng
8 Truyện quyển 19).

9 ***8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, đời*** 10 ***Trần:***

11 Thích Tuệ Thành, là môn nhân của Thiền
12 sư Tuệ Tư, Sư tu thiền định, tụng kinh Pháp
13 Hoa, chứng đắc "Tam-muội Nhất thiết chủng
14 sinh ngữ ngôn", trì đứng trên sông, đi trên
15 nước như đi trên đất liền.

16 ***9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong,*** 17 ***thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường:***

18 Thích Tuệ Dũng, kính thờ Thiền sư Đại
19 Thiệt, trọn một đời nương nấu nơi chốn núi
20 rừng, hơn sáu mươi năm tụng trì kinh Pháp
21 Hoa, vào được Tam-muội Hỏa quang.

22 ***10. Quốc sư Thích Tuệ Điều ở Nam*** 23 ***Nhạc, đời Tùy:***

1 Thích Tuệ Điều là môn nhân của Thiền
2 sư Trí Khải, tụng kinh Hoa Nghiêm sáu mươi
3 quyển, tụng kinh Pháp Hoa vạn biến, chiêu
4 cảm thần núi đến thêm hương, rải hoa.

5 ***11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-***
6 ***la, đời Tùy:***

7 Thích Duyên Quang, là môn nhân của
8 Đại sư Trí Giả, chuyên tụng kinh Pháp Hoa
9 lấy làm chánh, chiêu cảm vua trời xuống đón
10 rước, cung rồng mời thỉnh giảng. Sau khi thị
11 tịch, chiếc lưỡi màu đỏ đẹp như hoa sen
12 hồng.

13 ***12. Thích Thiện Nghĩa ở chùa Chân***
14 ***Ngô, đời Đường:***

15 Thiền sư Thích Thiện Nghĩa là môn nhân
16 của Sa-môn Tuệ Siêu. Sư trì tụng kinh Pháp
17 Hoa một vạn biến, ngoài việc bình nước
18 thường đầy, còn được nhìn thấy Đài vàng,
19 nghe nhạc trời. Sư chấp tay đứng yên mà thị
20 tịch.

21 ***13. Thích Hoảng Cảnh trụ chùa Ngọc***
22 ***Tuyền, ở phủ Dương, đời Tiền***
23 ***Đường:***

Thích Hoàng Cảnh là môn nhân của Sa-
môn Đạo Tổ, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp
Hoa, được Bồ-tát Phổ Hiền đến trao truyền
cho dấu chấm phẩy, đồng tử cõi trời ngậm
đến kính hâu, đầy đủ như truyền thuyết.

6

7

1

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 4

VIII. PHÚNG TUNG THẮNG ÍCH (Phần 2)

1. Thích Đàm Thúy
2. Trúc Pháp Thuận
3. Thích Tăng Sinh
4. Thích Pháp Tông
5. Thích Đạo Huýnh
6. Thích Tuệ Khánh
7. Thích Phổ Minh
8. Thích Pháp Trang
9. Thích Tuệ Quả
10. Thích Tuệ Tấn
11. Thích Hoằng Minh
12. Thích Tuệ Dự

- 1 13. Thích Siêu Biện
- 2 14. Thích Pháp Tuệ
- 3 15. Thích Tăng Hầu
- 4 16. Thích Chí Trạm
- 5 17. Vị Tăng ở chùa Ngũ Hầu
- 6 18. Thích Pháp Thường
- 7 19. Chiếc lưỡi tụng kinh
- 8 20. Thích Tuệ Siêu
- 9 21. Thích Tuệ Hiển
- 10 22. Thích Thiện Tuệ
- 11 23. Thích Tuệ Đạt
- 12 24. Thích Pháp Thành
- 13 25. Thích Tuệ Thuyên
- 14 26. Đàm Vô Kiệt
- 15 27. Thích Pháp Tự
- 16 28. Thích Tăng Dục
- 17 29. Thích Trí Thông
- 18 30. Thích Trí Nghi.

19 ***1. Thích Đàm Thúy: Chùa Bạch Mã ở***
20 ***Hà Âm, đời Tấn.***

21 Thích Đàm Thúy, không rõ người xứ nào,
22 xuất gia từ thuở thiếu thời, tại chùa Bạch Mã

1 ở Hà Âm, ăn dùng rau trái, mặc áo vải bố, trì
2 tụng kinh Pháp Hoa thường một ngày một
3 đêm là một biến. Sư lại tinh thông thấu đạt ý
4 chỉ của kinh, giảng nói cho người nghe, từng
5 ở trong đêm, bỗng nghe có tiếng gõ cửa và
6 nói rằng: "Muốn thỉnh Pháp sư nói pháp chín
7 tuần (ba tháng)". Sư không chấp thuận. Vì cớ
8 nài thỉnh nên Sư mới đến đó, Sư như đang
9 ngủ nhưng đều nhận biết, thân bèn đến trong
10 đền thờ thần ở làng Bạch Mã, cùng theo có
11 một vị đệ tử. Từ đó thường ngày thăm sang,
12 không ai hay biết. Về sau, có vị Tăng ở chùa
13 đi ngang qua miếu, thấy có hai tòa cao, Sư
14 ngồi ở tòa phía Bắc, đệ tử ngồi ở tòa phía
15 Nam, và như có tiếng đọc tụng giảng nói, lại
16 ngửi có mùi thơm lạ. Từ đó, các người tục
17 rao truyền cho nhau, đều bảo là thần dị. Đến
18 măn mùa Hạ, thần cúng thí một con ngựa
19 trắng, năm con dê trắng, chín mươi xấp lụa.
20 Chú nguyện xong, từ đó mới dứt. Về sau,
21 không biết Sư như thế nào! (Cao Tăng truyện
22 quyển 12 nói tụng kinh Pháp Hoa là đồng
23 bản, linh dị đều đồng, đã xét văn ấy).

24 ***2. Trúc Pháp Thuận chùa Hiền Nghĩa***

ở Sơn Âm, đời Tấn:

Trúc Pháp Thuần, không rõ Sư người xứ nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Hiền Nghĩa, ở Sơn Âm, hành khổ hạnh, rất có đức, khéo trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn và kinh Cổ Duy-ma. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hưng (402-405) đời Đông Tấn, vì chùa mà lên Lan Chử mua nhà cũ, chiều tối trở về đang đi trong hồ, gặp phải gió bão mà thuyền lại nhỏ, Sư chỉ nhất tâm nương vào Bồ-tát Quán Thế Âm, miệng tụng phẩm Phổ Môn không ngưng, bỗng chốc thấy một chiếc thuyền lớn đi lại, do đó mà được thoát khỏi, khi đã đến bờ, hỏi ra thuyền không có chủ, rồi chỉ trong khoảnh khắc chiếc thuyền cũng biến mất, các Đạo tục đều khen ngợi là thần cảm. Về sau, không biết Sư như thế nào.

3. Thích Tăng Sinh trụ chùa Tam Hiền ở Tấn Thục:

Thích Tăng Sinh, họ Viên, người ở đất Ty, thuộc quận Thục, xuất gia từ thuở thiếu thời, Sư chuyên hành khổ hạnh rất được khen ngợi. Tống Phong v.v... ở thành Đô thỉnh Sư

1 làm chủ chùa Tam Hiền. Ngày đêm Sư trì
2 tụng kinh Pháp Hoa kiêm thực hành Thiền
3 định. Ở trong núi, Sư tụng kinh Pháp Hoa có
4 hồ đến ngồi xỏm trước mặt, tụng kinh xong
5 mới đi. Sau, mỗi khi đến lúc Sư phúng tụng,
6 ngâm vịnh liền thấy chung quanh có bốn
7 người làm hậu vệ. Đến lúc tuổi tuy già suy,
8 mà tâm thành tha thiết Sư càng mạnh mẽ.
9 Sau, bị bệnh nhẹ, Sư bảo thị giả rằng: "Đồng
10 tử cõi trời đã đến rước, ông nên nương theo
11 năng lực tụng kinh, sẽ được sinh lên cõi trời
12 Đâu-suất, kỳ hạn đã đến, ta sắp đi. Sau khi ta
13 qua đời, nên đem thiêu, nếu ở chỗ thiêu mọc
14 lên hoa sen màu xanh thì lấy đó làm ứng
15 nghiệm". Đệ tử vâng theo di mạng, thiêu
16 nhục thân Sư, thật đúng như lời Sư nói, mọi
17 người đều rơi lệ lấy làm lạ.

18 ***4. Thích Pháp Tông trụ Pháp Hoa đài***
19 ***ở đất Diệm, đời Tiền Tống:***

20 Thích Pháp Tông là người xứ Lâm Hải.
21 Thuở thiếu thời, Sư khéo săn bắn, ở đất Diệm
22 có bắn một con nai chữa, nai bị sảy thai, nai
23 mẹ ngậm chịu tên bắn, còn đến chỗ đất dùng
24 lưỡi liếm thân con mình, Sư mới hồi ngộ,

1 nhận biết tham sống và thương con là chỗ
2 đồng nhau của loài có tình thức. Từ đó, Sư
3 tước cung bẻ tên, xuất gia học Đạo. Thường
4 hành khát thực để tự nuôi sống, thọ trì pháp
5 mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Mỗi ngày sáu thời
6 sám hối tội lỗi xưa. Sư trì tụng kinh Pháp Hoa
7 và kinh Duy-ma, có lên trên đài phúng tụng
8 ngâm vịnh, tiếng vang nghe xe khắp bốn
9 phương. Các hàng sĩ thứ bần thọ quy giới từ
10 Sư có hơn ba ngàn người. sư bèn mở rộng
11 nâng thoáng chỗ ở dùng làm tinh xá, nhân đó
12 lấy làm chỗ để tụng kinh, nên xưng gọi "Pháp
13 Hoa đài". Thường vào lúc giữa trưa có ánh
14 sáng lạ, và giữa đêm tối mà giống như ban
15 ngày, mọi người đều lấy làm lạ. Về sau,
16 không ai biết được Sư thế nào. Đài chùa hiện
17 vẫn còn, nếu người bị bệnh đến dừng nghỉ
18 qua đêm trong đó, cầu niệm liền lành bệnh.

19 ***5. Thích Đạo Huýnh chùa Nam Giản ở***
20 ***kinh đô, thời Tiền Tống:***

21 Thích Đạo Huýnh, họ Mã, người ở xứ
22 Phù Phong. Khi mới xuất gia, Sư làm đệ tử
23 Sa-môn Đạo Ý. Ngài Đạo Ý bị bệnh, bảo Sư
24 cùng tất cả bốn người đến Hoắc Sơn ở Hà

1 Nam đề tìm nắm vú chuông. Vào hang núi
2 được vài dặm, phải giẫm đạp trèo cây qua
3 khe nước, ba người bị chìm chết, và bó đuốc
4 cũng tắt nhưng Sư không có cách cứu. Sư
5 vốn trì tụng kinh Pháp Hoa, chỉ nương tựa
6 chí thành với hạnh nghiệp ấy, lại còn xưng
7 niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ
8 trong chốc lát thấy có ánh sáng như lửa đom
9 đóm, Sư cố đuổi theo mà không kịp, do đó
10 bèn được ra khỏi hang. Từ đó, Sư càng tấn tu
11 thiền, tiết hạnh ngày càng đổi mới, có bày
12 qua vài lần trai hội Phổ Hiền và đều có điềm
13 lành, hoặc thấy có vị Phạm tăng vào ngôi,
14 hoặc thấy có người cưỡi ngựa đến, đều chưa
15 kịp nói năng đã vội biến mất. Sau cùng đồng
16 bạn tất cả bốn người theo hướng Nam đi đến
17 thượng kinh, trông xem phong hóa. Ban đêm
18 nương tựa tảng băng mà qua sông, giữa
19 đường tảng băng vỡ, ba người chết đuối. Sư
20 lại chí thành quy hướng Bồ-tát Quán Thế
21 Âm, tụng kinh Pháp Hoa. Mới cảm thấy dưới
22 chân như có vật tự nghiêng lệch. Lại thấy ánh
23 sáng màu đỏ ở trước, bèn nương ánh sáng lên
24 bờ mà về lại Kinh đô Sư trụ tại chùa Nam

Giản, thường lấy pháp Ban Chu làm hạnh nghiệp. Trong đêm, Sư tụng kinh rồi nhập thiền, bỗng thấy có bốn người cưỡi xe đến phòng, gọi Sư lên xe chở đi. Bỗng nhiên Sư tự không hay biết thì thấy thân mình đã ở Thành đô phía sau Trầm Kiều, thấy có một người ngồi trên giường người Hồ ngay giữa đường và có đến vài trăm người hầu, thấy Sư họ bèn kinh hãi đứng dậy nói rằng: "Đây là chỗ ngồi của Thiên nhân". Người ấy lại nhân đó bảo với mọi người chung quanh rằng: "Lúc này đã biết chỗ rồi đâu dám làm lao nhọc Pháp sư?". Khi đó, bèn lễ bái từ biệt, bảo người đưa Sư trở về lại, vào chùa gõ cửa, giây lâu mới mở, vào chùa thấy các phòng đều đóng kín, đại chúng đều chẳng lường biết điều ấy.

Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi (443) đời Tiên Tống, Lâm Xuyên Khương vương Nghĩa Khánh mời Sư đến Quảng Lăng, và Sư thị tịch tại đó.

6. Thích Tuệ Khánh ở Lô Sơn, đời tiền Tống:

1 Thích Tuệ Khánh là người xứ Quảng
2 Lăng, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ tại chùa
3 Lô Sơn, học thông kinh luật, thanh tịnh
4 nghiêm khiết rất có giới hạnh. Ngài trì tụng
5 các kinh Pháp Hoa, Thập Địa, v.v... mỗi đêm
6 ngâm tụng, thường nghe trong bóng tối có
7 tiếng búng ngón tay khen ngợi rằng: "Ông
8 phúng tụng kinh Pháp Hoa, chúng tôi v.v...
9 rất lấy làm vui mừng, quyết định sẽ thành
10 Phật đạo, xin nguyện cứ tụng đừng ngưng
11 nghỉ!". Có lần trong cơn sấm sét nhỏ lại gặp
12 sóng gió nên thuyền bè sắp bị đắm, Sư chỉ trì
13 tụng kinh Pháp Hoa không nghỉ, có cảm giác
14 thuyền đang ở trong sóng mà như có người
15 dẫn kéo, thoáng chốc đến được bờ. Từ đó Sư
16 càng dốc lòng siêng năng. Đến cuối niên hiệu
17 Nguyên Gia (454) thời Tiền Tống, Sư thị
18 tịch, hưởng thọ sáu mươi hai tuổi, có mùi
19 thơm lạ tỏa khắp phòng. Có tiếng nhạc nghe
20 văng vẳng giữa hư không. Mọi người đều cho
21 là do năng lực tụng kinh sẽ được Thánh
22 chúng ở cảnh Tịnh độ đến rước.

23 ***7. Thích Phổ Minh ở Lâm Truy, thời***
24 ***Tiền Tống:***

1 Thích Phổ Minh, họ Trương, người ở xứ
2 Lâm Truy, xuất gia từ thuở thiếu thời, bảm
3 tánh thanh thuần, Sư chỉ ăn dùng rau quả mặc
4 áo vải bố, lấy sự sám tụng làm chánh nghiệp.
5 Sư trì tụng hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma.
6 Thường đến lúc phúng tụng thì Sư có y phục,
7 giường ghế riêng biệt, không hề lẫn lộn ướ
8 tạp. Mỗi lúc tụng đến phẩm Khuyến Phát, thì
9 liền thấy Bồ-tát Phổ Hiền cười voi đứng
10 trước mặt, Sư tụng kinh Duy-ma cũng nghe
11 giữa hư không có tiếng xướng nhạc. Sư lại
12 giới về thần chú, cứu hộ đều lành. Có Vương
13 Đạo Chân, người ở trong làng có người vợ bị
14 bệnh nên đến thỉnh Sư tới nhà chú nguyện,
15 Sư vừa vào đến cửa thì người vợ liền chết
16 ngất, trong chốc lát thấy có một vật giống
17 như con chồn thân dài mấy thước từ hang chó
18 đi ra, do đó mà lành bệnh. Sư thường đi
19 ngang qua đền thờ bên cạnh bờ sông, Thầy
20 đồng cốt tự bảo: "Thần thấy ngài đều tuôn
21 chạy". Sư thị tịch lúc tám mươi lăm tuổi.

22 **8. Thích Pháp Trang trụ chùa Đạo**
23 **tràng ở kinh đô, thời Tiền Tống:**

24 Thích Pháp Trang, họ Thân, người ở xứ

1 Hoài Nam. Năm mười tuổi, Sư xuất gia làm
 2 đệ tử Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô Sơn. Thuở thiếu
 3 thời, Sư khổ tiết nổi tiếng. Về sau, Sư vào
 4 Quan Trung, theo Sa-môn Tăng Tuệ để thọ
 5 học, khoảng đầu niên hiệu Nguyên Gia (424)
 6 thời Tiền Tống, Sư ra kinh Đô, trụ tại chùa
 7 Đạo tràng, tánh Sư nhất định thuần tố, mỗi
 8 ngày chỉ ăn một bữa trưa mà thôi. Sư trì tụng
 9 các kinh Đại Niết-bàn, Pháp Hoa, Tịnh Danh.
 10 Mỗi lúc cuối đêm Sư tụng kinh Pháp Hoa,
 11 các phòng ở gần thường nghe trước phòng Sư
 12 như có tiếng các thứ binh trượng vũ vệ, thật
 13 là trời thần đến nghe tụng kinh, cảm hóa như
 14 thế chẳng phải chỉ một lần. Đến niên hiệu Đại
 15 Minh năm thứ nhất (457) đời Tiền Tống, Sư
 16 thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi.

17 ***9. Thích Tuệ Quả trụ chùa Ngõa Quan***
 18 ***ở Đông Đô, đời Tiền Tống:***

19 Thích Tuệ Quả là người ở xứ Dự Châu.
 20 Thuở thiếu thời, Sư thường lấy rau trái khổ
 21 tiết tự làm hạnh nghiệp. Khoảng đầu thời
 22 Tiền Tống (420) Sư đến kinh đô trụ chùa
 23 Ngõa Quan, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp
 24 Hoa và Thập Địa, chỗ nhà xí, thấy một con

1 quỷ đến kính lễ Sư và thưa rằng: "Xưa tôi làm
2 Duy-na trong tăng chúng, có chút việc không
3 đúng như pháp, nên bị đọa vào loài quỷ ăn
4 phân. Pháp sư là bậc đức hạnh trình thuần cao
5 minh, lại lấy từ bi làm ý chí, xin hãy dùng
6 phương tiện để cứu giúp!". Quỷ lại nói: "Xưa
7 có ba ngàn quan tiền chôn ở dưới rễ cây thị,
8 xin hãy lấy đó làm việc phước". Sư liền bảo
9 chúng Tăng đào lên, quả nhiên có được ba
10 ngàn quan tiền, Sư tu tạo cho một bộ kinh
11 Pháp Hoa và lập trai hội cúng dường. Sau, Sư
12 mộng thấy con quỷ ấy đến báo là đã được cải
13 sinh rất tốt đẹp hơn xưa. Do năng lực trì tụng
14 mà Sư có được chút năng lực thần thông. Đến
15 niên hiệu Thái Thi thứ 6 (471) thời Tiền
16 Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu
17 tuổi.

18 ***10. Thích Tuệ Tấn chùa Cao Tọa ở***
19 ***kinh đô, thời Nam Tề:***

20 Thích Tuệ Tấn họ Diêu, người ở xứ Ngô
21 Hưng. Thuở thiếu thời, Sư mạnh mẽ, mặc
22 tánh du hiệp. Năm bốn mươi tuổi, Sư bỗng
23 nhiên tỏ ngộ, tâm tự khai mở, bèn lìa thế tục,
24 đến ở chùa Cao Tọa ở kinh đô, ăn dùng rau

1 quả, vận mặc thuần tố, phát thệ trì tụng kinh
2 Pháp Hoa, dụng tâm rất khổ nhọc, hễ cầm
3 quyển kinh thì liền bị bệnh. Sư bèn phát
4 nguyện tu tạo một trăm bộ kinh Pháp Hoa để
5 sám hối nghiệp chướng xưa. Lúc đầu, Sư để
6 dành được một ngàn sáu trăm đồng tiền, khi
7 ấy có bọn giặc cướp đến chỗ Sư, hỏi rằng:
8 "Có vật gì không?". Sư đáp: "Chỉ có tiền tạo
9 kinh để ở chỗ Phật". Bọn giặc cướp nghe thế,
10 tự nhiên bỏ đi. Từ đó, Sư nhóm họp các tín
11 thí quyên tiền tu tạo thành kinh đủ số trăm
12 bộ. Sau khi kinh hoàn thành, bệnh Sư cũng
13 được bớt. Sư trì tụng một bộ kinh Pháp Hoa,
14 được vượt quá tình nguyện. Tình nguyện đã
15 mãn, Sư càng mài giũa tiết tháo thêm vững
16 chắc. Sư thường hồi hướng các phước
17 nghiệp, nguyện sinh về cõi An Dưỡng. Trước
18 lúc qua đời một thời gian ngắn bỗng nghe
19 trên hư không có tiếng bảo rằng: "Tâm
20 nguyện ông đã đầy đủ, sẽ được vãng sinh về
21 Tây phương!". Đến niên hiệu Vĩnh Minh
22 năm thứ ba (485) thời Nam Tề, Sư thị tịch,
23 thọ tám mươi lăm tuổi.

24 ***11. Thích Hoằng Minh trụ chùa Bách***

Lâm ở Vĩnh Hưng thời Nam Tề:

Thích Hoằng Minh, họ Doanh, người ở xứ Sơn Âm, thuộc Cối Kê.

Xuất gia từ thuở thiếu thời, trình khổ rất có giới hạnh tiết tháo. Sư trụ chùa Nhận Môn ở Sơn Âm, trì tụng kinh Pháp Hoa, tu tập thiền định, siêng năng lễ sám, ngày đêm sáu thời không ngưng nghỉ. Mỗi sáng sớm thì bình nước tự đầy, thật do các đồng tử cõi trời cung cấp. Sư có trụ chùa Vân Môn, ngồi thiền tụng kinh, thấy một đứa trẻ đến nghe tụng kinh, Sư hỏi: "Ông là người ở đâu?" Đứa bé đáp: "Tôi là một Sa-di trước kia ở chùa này, vì lén trộm các vật ăn uống của chư Tăng nên nay đọa trong nhà xí. Nghe thượng nhân là người rất có Đạo nghiệp, nên đến nghe tụng kinh, xin giúp cho phương tiện để được thoát khỏi khổ lụy!". Sư liền nói pháp khuyên hóa, lãnh ngộ thấu hiểu rồi biến mất. Lại có con hổ đến, vào trong phòng Sư nằm trước giường, nhìn Sư và nghe kinh, Sư vẫn an nhiên không lay động, lâu sau hổ bèn bỏ đi. Về sau, tại hàng núi Thạch Mỗ ở Vĩnh Hưng, Sư nhập định, lại có sơn tinh đến nhiễu

1 loạn. Sư túm được, bèn dùng dây lưng trói
 2 lại, Quỷ cầu xin được mở trói, nói rằng: "Về
 3 sau không dám trở lại". Sư bèn mở cho, từ đó
 4 dứt bật dấu vết. Sư thị tịch vào khoảng niên
 5 hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề.

6 ***12. Thích Tuệ Dự trụ chùa Linh Căn ở***
 7 ***kinh đô, thời Nam Tề:***

8 Thích Tuệ Dự, là người xứ Hoàng Long,
 9 đi đến kinh đô, thừa hổng hỏi khắp các bậc
 10 thầy, khéo bàn luận, giỏi phong nghi. Mỗi lúc
 11 nghe chuyện tốt xấu của người vật, Sư liền
 12 bịt tai không nghe, hoặc có lúc dùng lời khác
 13 nghe thôi. Bình bát, pháp y thuần tồ, Sư bảo
 14 mỗi ngày ăn một bữa, sau giữa trưa thì tự dứt,
 15 siêng năng nêu tiết, lấy việc cứu khổ làm đầu.
 16 Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Niết-bàn,
 17 v.v... lại tu tập thiền nghiệp, hiểu rành về năm
 18 môn. Có lần Sư đang ngủ thấy có ba người
 19 đến gõ cửa đều mặc áo đội mũ mới sạch,
 20 cầm lọng hoa. Sư hỏi: "Đến tìm ai?".

21 Ba người đáp rằng: "Pháp sư sắp qua đời
 22 nên đến rước!".

23 Sư bảo: "Có việc nhỏ chưa hoàn tất, có

1 thể thư thả thêm cho một năm nữa được
2 chẳng?".

3 Ba người đáp: "được!".

4 Đến năm sau, lúc mãn kỳ hạn, Sư thi tịch,
5 hưởng thọ năm mươi bảy tuổi. Lúc đó là niên
6 hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy thời Nam Tề
7 (494).

8 ***13. Thích Siêu Biện trụ chùa Định***
9 ***Lâm ở kinh đô, thời Nam Tề:***

10 Thích Siêu Biện, họ Trương, người ở xứ
11 Đôn Hoàng. Từ thuở nhỏ, Sư đã có thần ngộ
12 riêng phát, tiết tháo lắng sâu, trì tụng kinh
13 Pháp Hoa, kinh Kim Cương Bát-nhã. Nghe ở
14 kinh đô đang hưng thịnh mở mang Phật
15 pháp, Sư bèn vượt đến bắt đầu từ đường Tây
16 Hà rồi qua Ba Sở, đến Kiến Nghiệp, vòng
17 quanh theo hướng Đông đến Ngô Việt, ngắm
18 nhìn núi sông. Sư trụ lại chùa Thành Bàng, ở
19 Sơn Âm, sau đó một thời gian ngắn về lại
20 kinh đô, Sư trụ tại chùa Định Lâm, nhàn cư
21 dưỡng tổ đến trọn đời. Tại Sơn môn, Sư trì
22 tụng kinh Pháp Hoa, hạn định một ngày một
23 biến, tâm nhanh nhẹn miệng lướt theo,

1 thường có thừa sức. Sư đánh lễ ngàn Đức
2 Phật, có hơn một trăm năm mươi vạn bái,
3 chân không bước ra khỏi cửa hơn ba mươi
4 năm. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười
5 (492) thời Nam Tề, Sư thị tịch tại chùa
6 núi, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi, môn nhân
7 an táng ở phía Nam chùa. Có Sa-môn Tăng
8 Hựu tạo lập bia mộ thờ Sư, dựng ở phía
9 Đông, do Hiên Lưu Hiệp soạn văn.

10 ***14. Thích Pháp Tuệ chùa Thiên Trú ở*** 11 ***Sơn Âm, thời Nam Tề:***

12 Thích Pháp Tuệ, họ Hạ Hầu. Thuở thiếu
13 thời Sư đã nắm vững chí khí, tinh khổ hành
14 luật, trang nghiêm như băng tuyết, khoảng
15 cuối niên hiệu Đại Minh (465) thời Tiền
16 Tống, Sư đi về hướng Đông, đến Võ huyệt,
17 ẩn cư tại chùa núi Thiên Trú, trì tụng một bộ
18 kinh Pháp Hoa, chỉ ăn dùng rau quả, mặc áo
19 vải bố, chí khí đam mê vượt hơn mọi người,
20 ở trên gác hơn ba mươi năm chẳng bước chân
21 xuống. Các bậc Vương hầu đến dừng xa giá
22 chỉ kính vái ngoài phòng rồi trở về. Chỉ có
23 Chu Ngung người ở Nhữ Nam rất có sự tin

hiều sâu xa nên đặc biệt được tiếp xúc. Bấy giờ, hoặc có người kính mến Đức hạnh mong cầu lễ bái hoặc nhờ ngung giới thiệu mới được gặp. Đến niên hiệu Kiến Võ năm thứ hai (495) thời Nam Tề Sư thị tịch, hưởng thọ tám mươi lăm tuổi.

**15. Thích Tăng Hâu ở Hậu Cương
thuộc kinh đô, thời Nam Tề:**

Thích Tăng Hâu, họ Cung, người ở phía Tây Lương Châu. Năm mười tám tuổi, Sư chỉ ăn dùng rau trái lễ sám, đến khi thọ giới Cụ túc, Sư đi khắp khuyến hóa. Khoảng đầu niên hiệu Hiếu Kiến (454) thời Tiền Tống, Sư đến kinh đô, trì tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma v.v... thường cứ hai ngày một biến, cứ như thế hơn sáu mươi năm. Tiêu Tuệ Khai đến đất Thục, thỉnh Sư cùng đi. Về sau, Tuệ Khai và Nghĩa Gia mắc tội trở về lại cửa cung, Sư mới về lại kinh đô, đến Hậu Cương xây dựng động đá làm chỗ an thiền. Từ khi thọ giới Sa-di về sau đến lúc xả bỏ thân mạng, với các thứ cá thịt tanh nồng, Sư không hề để vào miệng. Bóng chân hơi nghiêng lệch, liền sửa lại ngay ngắn mà qua. Đến niên hiệu Vĩnh

1 Minh năm thứ nhất (483) thời Nam Tề, Sư
 2 cảm thấy trong người không được khỏe, đến
 3 giữa trưa, không thể ăn, Sư bèn xin nước súc
 4 miệng, rồi chấp tay thị tịch, hưởng thọ tám
 5 mươi chín tuổi (mười bốn duyên trên đều
 6 xuất xứ từ Lương Cao Tăng Truyện quyển 12
 7 và ở Nội Điển Lục quyển 10, v.v...)

8 ***16. Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm***
 9 ***Thảo, ở núi Nhân Đầu, thuộc Thái***
 10 ***Nhạc, thời Bắc Ngụy:***

11 Thích Chí Trạm, người ở xứ Sơn Nhâm,
 12 thuộc Tề Châu, là đệ tử Tăng Tôn của Lăng
 13 Công. Sư lập hạnh thuần hậu, xét viết ít nói,
 14 lấy sự nhân từ cứu giúp làm chuyên. Mỗi lúc
 15 đến chỗ các loài cầm thú mà chúng nó chẳng
 16 lìa đàn tán loạn. Sư ở chùa Hàm Thảo trong
 17 hang sâu ở núi Nhân Đầu. Chùa đó do Sa-
 18 môn Cầu-na-bạt-ma xây dựng. Sư đọc tụng
 19 kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường.
 20 Đến ngày sắp thị tịch, ở Nam Lương có Sa-
 21 môn Bảo Chí tâu với vua Võ Đế (Tiêu Diễn
 22 502-550) rằng: "Có vị Thánh Tăng Tu-đà-
 23 hoàn ở chùa Hàm Thảo vốn người ở huyện
 24 Sơn Nhâm đất Bắc hôm nay nhập Niết-bàn!".

1 Các Đạo tục ở Dương Đô nghe lời báo của
2 ngài Bảo Chí đều từ xa xoay về hướng Bắc
3 mà lễ bái, tức lúc Sư thị tịch vậy. Sư thị tịch
4 mà không có các ưu não, đoan nhiên an tọa
5 và lắng dân hơi thở, hai bàn tay mỗi bên duỗi
6 một ngón. Có vị Sa-môn người Thiên trúc
7 giải thích rằng: "Nếu người chứng đắc Nhị
8 quả thì duỗi hai ngón tay. Lấy đó mà nghiệm
9 biết là Sư chứng đắc sơ quả". Bèn đón rước
10 an táng tại núi Nhân Đầu, xây tháp mà tôn trí,
11 dùng đá than bùn để bồi đắp, các loài chim
12 thú không dám đến giẫm đạp ô uế, đến nay
13 hiện vẫn còn. (Xuất xứ từ tục Cao Tăng
14 Truyện quyển 28).

15 ***17. Sa-môn trụ chùa Ngũ Hâu ở Phạm***
16 ***Dương:***

17 Sa-môn ở chùa Ngũ Hâu, bị mất tên, cũng
18 không biết Sư là người xứ nào! Sư tinh tấn
19 khổ tiết, thường trì tụng kinh Pháp Hoa làm
20 chánh nghiệp, ngoài ra không có chí nguyện
21 nào khác. Đến lúc già suy, Sư thị tịch tại
22 chùa. Lúc Sư mới thị tịch, các đệ tử đưa nhục
23 thân an táng dưới cội Bồ-đề, về sau mới cải
24 táng, hài cốt đều vỡ nát, chỉ chiếc lưỡi vẫn

1 còn không rã mục, mọi người đều cho là
2 "Nhờ trì tụng kinh Pháp Hoa nên chiếc lười
3 không hư hoại".
4

5 ***18. Thích Pháp Thường ở Ung Châu:***

6 Thích Pháp Thường, chuyên chú nhất
7 tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, chẳng vui thích
8 chốn nhân gian, Sư thường đi khắp nơi rừng
9 núi, bèn đến ẩn cư ở núi Bạch Lộc, ngày đêm
10 thường trì tụng kinh điển, chiêu cảm có một
11 đồng tử thường đến cung cấp các thứ bánh,
12 cơm, v.v... tự nhiên mà có. Đến lúc Sư thị
13 tịch, có mây màu tím bủa khắp núi, có mùi
14 thơm lạ tỏa ngát cùng khắp. Môn nhân rước
15 nhục thân Sư tôn trí dưới hang núi, trải qua
16 nhiều năm, hài cốt đều vừa nát, chỉ còn chiếc
17 lười vẫn tươi hồng như cũ, mọi người trông
18 thấy đều tùy hỷ.

19 ***19. Chiếc lười tụng kinh ở Tinh châu,*** 20 ***thời Bắc Tề:***

21 Dưới thời Võ Thành đế (Cao Chạm 561-
22 565) đời Bắc Tề, bên cạnh núi Đông Khán ở
23 Tinh châu, có người đào đất thấy một chỗ đất

1 màu vàng nhạt, cùng những người chung
2 quanh đều lấy làm lạ, sau đó lại thấy một vật
3 hình dáng như hai môi người, trong đó có
4 một chiếc lưỡi màu hồng đỏ tươi đẹp, bèn
5 đem việc ấy tâu trình. Vua Võ Thành Đế hỏi
6 các vị Đạo nhân nhưng chẳng người nào biết.
7 Có Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng tâu
8 rằng: "Đó là người vì kinh Pháp Hoa, có
9 được quả báo sáu căn không hư hoại như thế,
10 tụng đủ số ngàn biến sẽ có ứng nghiệm như
11 vậy!". Vua bèn ban sắc bảo Trung thư xá
12 nhân Cao Trân rằng: "Ông là người có tín
13 hướng, nên đến xem, nếu có linh dị thì nên
14 rước về tôn trí ở chỗ thanh tịnh trang nghiêm
15 để thiết trai cúng dường!". Cao Trân vâng sắc
16 ban, liền đến đó, nhóm họp các vị Sa-môn
17 thường trì tụng kinh Pháp Hoa tay bưng lò
18 hương, thiết trai đi nhiều quanh mà chú
19 nguyện rằng: "Bồ-tát nhập Niết-bàn năm
20 tháng đã lâu xa, lưu hành trong thời tượng
21 pháp, vâng phụng không sai lầm, xin nên
22 hiện điềm cảm ứng". Vừa phát lời như thế,
23 môi lưỡi ấy cùng lúc máy động, tuy không
24 phát ra tiếng mà tương tự như đang tụng đọc.

1 Các người đồng thấy không ai chẳng nổi ốc
2 khắp mình. Cao Trân dâng trạng văn tấu
3 trình, vua ban chiếu sai làm hộp đá đặt vào
4 đó và dời đến sơn thất.

5 ***20. Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ,***
6 ***ở Lam Cốc, núi Chung Nam, thời***
7 ***Tiền Đường:***

8 Thích Tuệ Siêu, họ Phiêm, người ở xứ
9 Kiến Nguyên, thuộc Đan Dương, bẩm chất
10 Sư ôn hòa rộng thoáng, lập tánh hoài nhân.
11 Đến tuổi đôi mươi, sư nhàm chán thế tục, tự
12 xuất gia. Sau đó, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa.
13 Nghe Thiền sư Tuệ Tư núi Đại Tô ở Quang
14 châu, là bậc tổ ngộ Nhất thừa, khéo suốt
15 thông Ba quán, Sư bèn cùng Sa-môn Trí Giả
16 ở núi Thiên Thai, Mạng công ở Tiên Thành
17 dốc chí tìm sâu, trải nhiều năm cầu học, hạnh
18 ưu việt, trí tuệ tỏa xa, đức trù các bậc Hiền
19 giả ở đương thời. Thiền sư Tuệ Tư có lần đối
20 trước chúng bảo rằng: "Thần thái của Tuệ
21 Siêu đã thấu đạt nhân nhân". Đến lúc ngài
22 Tuệ Tư đến Hành lãnh, Sư lại đi cùng đường,
23 lưu ở tụng kinh, năm tháng chóng đổi dời. Từ
24 đầu đời Tùy mở mang ngự trị, từ phương

1 Bắc, Sư đến Tung Cao, chỉ ăn bánh bột
2 thuốc, mong đến trọn đời già lão. Dưới đời
3 Tùy, có Thái tử Dũng thỉnh mời nhóm họp
4 các bậc danh đức đều tụ hội ở Đế Thành. Vì
5 Sư là bậc có hạnh nghiệp cao vượt khác
6 thường nên đặc biệt rất được lưu tâm cúng
7 dường, mà Sư cẩn trọng, ngưng nhiếp, chẳng
8 đoái hoài thế sự phù hoa. Đến lúc Thái tử
9 Dũng bị phế miễn, Sư không liên lụy một
10 điều gì.

11 Về sau, Sư dời đến trụ chùa Định Thủy,
12 nêu cao âm đức, nên các Đạo tục đều quy
13 hướng, tôn kính giới hạnh của Sư. Gặp được
14 Pháp sư Tịnh nghiệp dự định trụ chùa Ngộ
15 Chân ở Lam cốc, kính trọng Sư có Đạo hạnh
16 nên đích thân đến đón rước, cùng ẩn cư suốt
17 tám năm. Ngài càng siêng năng gấp bội về ba
18 Tuệ và Đại thừa. Nhân lúc chùa Thiên định
19 bắt đầu xây dựng nền móng. Vua Dương đế
20 (Dương Quảng 605- 617) phát chiếu thư
21 thỉnh Sư vào hành Đạo, Sư từng lấy có bị
22 bệnh mà chối từ. Sau đó vua chấp thuận để
23 Sư về lại núi. Đức hạnh Sư cảm đến vật tình
24 rất còn cung cấp, các hàng quý vọng ở Tứ

1 Xuyên, quan dân cả huyện không ai chẳng ủy
2 chất đầu thành, cầu thỉnh Sư lưu truyền
3 hương đức, và bắt đầu xây dựng Già-lam, kê
4 lại hợp dân gạo thóc cúng dường. Đến đầu
5 thời Tiên Đường, tiếng tăm Sư càng hơn
6 trước. Các bậc danh tăng ở kinh ấp như Sa-
7 môn Tuệ Nhân, Bảo Cung, v.v... với tâm tình
8 mến mộ trăm lần đều đến nương nấu dưới
9 bóng thông che, nằm nghiêng trên đá luận
10 bàn về Đạo nghĩa, các vị ấy đều nói: "Đây
11 mới thật là pháp lạc xuất yếu!". Về sau, Sư bị
12 bệnh chỉ trong thời gian ngắn, các đệ tử quỳ
13 hỏi. Sư đáp: "Tôi vẫn như thường! Sống hoài
14 không mừng, tới chết chẳng lo!". Sư bèn
15 xoay mặt về hướng Tây, ngồi thẳng và bảo:
16 "Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh trí quán".
17 Nói như nhập định, giây lâu thì Sư thị tịch,
18 hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc đó là ngày
19 mùng 06 tháng 12 niên hiệu Võ Đức năm thứ
20 5(622) thời Tiên Đường.

21 Di cốt Sư để lộ bày giữa khoảng thông đá
22 hơn một tháng mà nhan sắc không thay đổi.
23 Thiên sách thượng tướng nghe thế, khen
24 rằng: "Ít có thay!" và sai người đến xem, thấy

1 Sur vẫn ngồi thẳng, tay để chồng lên nhau như
2 lúc còn sống. Từ năm chín tuổi, Sur vào đạo,
3 liền trì tụng kinh Pháp Hoa suốt hơn năm
4 mươi năm, tất cả có hơn vạn biến, cảm ứng
5 linh dị, có được các điềm lành không thể nói
6 hết. Các đệ tử như Sur Sa-môn Pháp Thành,
7 v.v... xây dựng ngôi tháp trắng ở ngọn núi
8 phía Bắc của chùa để thờ Sur.

9 ***21. Thích Tuệ Hiện trụ chùa Đạt Noa ở***
10 ***nước Bá Tề:***

11 Thích Tuệ Hiện, là người nước Bá Tề,
12 xuất gia từ thuở thiếu thời, khổ tâm tinh
13 chuyên. Sur lấy việc trì tụng kinh Pháp Hoa
14 làm chánh nghiệp, cầu phước thỉnh nguyện,
15 được nhiều sự thành đạt. Nghe có giảng Tam
16 luận, Sur bèn đến thọ học, giáo pháp mới nhập
17 thần, càng thêm tiếp nối.

18 Mới đầu, Sur trụ chùa Tu Đức ở Bắc bộ
19 của bốn quốc, lúc có chúng đông thì giảng,
20 không có chúng thì trì tụng. Mọi người ở bốn
21 phương xa nghe Đạo phong của Sur đua nhau
22 kéo đến núi ồn náo tiếp mời, Sur bèn đi về
23 hướng Nam, ở núi Đạt Noa. Núi đó rất sâu

1 hiêm, nhiều lớp xoắn quanh lên đánh vững
2 chắc, dù có ai leo lên cũng lắm gian nguy. Sư
3 tĩnh tọa trong đó, chuyên nghiệp như xưa, và
4 thị tịch ở đó. Các bạn đồng học đưa nhục thân
5 Sư đến đặt trong hang đá, hỏ đến gặm ăn hết
6 cả xương cốt, chỉ lưu lại đầu lâu và chiếc
7 lưỡi, qua ba năm, chiếc lưỡi ấy càng thêm
8 hồng đỏ mềm mại hơn bình thường, sau mới
9 biến thành màu tím cứng như đá. Các Đạo
10 tục lấy làm lạ mà kính trọng, bèn tôn trí và
11 bít lại trong tháp đá. Lúc Sư thị tịch hưởng
12 thọ năm mươi tám tuổi, tức niên hiệu Trinh
13 Quán năm thứ nhất (627) thời Tiền Đường.

14 **22. Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân**
15 **Lương ở Ly Sơn, thời Tiền Đường:**

16 Thích Thiện Tuệ họ Trần, người ở xứ đất
17 Ôn, Hà Nội, thông hiểu các sách vở, bao gồm
18 tất cả văn nghĩa, cho đến chín chương luật
19 lịch, thất diệu, Sư đều ngâm trong lòng, vỗ
20 tay phù hội. Sư mới tư duy sâu xa "Mọi việc
21 ở đời chung cùng đều rơi vào cát bụi", bèn
22 cởi bỏ áo mũ, ném vứt trâm cài, bắt đầu quy
23 hướng về chư tăng.

1 Mới đầu, Sư trụ chùa Bành Thành ở Trù
2 Châu, trì tụng kinh Pháp Hoa, nghe học luận
3 nhiếp Đại thừa. Bấy giờ, gặp lúc giặc cướp
4 lan tràn đói kém giao xâm, mà Sư ôm giữ sự
5 đói khổ tự cố gắng kính phụng giáo pháp
6 không thôi nghỉ, tẩy rửa dơ bẩn, giữ gìn thanh
7 tịnh càng sáng sạch hơn ngày thường. Chỉ vì
8 thôn ấp ở biên địa, ít học, nhận biết sai lầm,
9 đến như âm cổ mà mọi người luận bàn lẫn
10 lộn. Tuy trở lại tục ngữ thời thông, mà ý Sư
11 hiện còn nhĩ chánh, thưa hỏi khắp các bậc
12 thông minh tỏ ngộ, thì trở lại đồng như nghi
13 xưa, nên khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp
14 (617) đời Tùy, Sư mang tích trượng từ hướng
15 Tây đi vào, gặp phải bọn giặc cướp lấy xiêm
16 y sắp hết, Sư chỉ còn chiếc áo vải bố thô xấu
17 để che thân, còn ôm bình bát bị bể thường
18 sung vào vật tịnh để thọ dụng. Đã đến cửa
19 quan ải, vốn thiếu dấu hiệu văn, Sư bèn giữ
20 chánh niệm đi thẳng tới theo cửa mà qua. Bấy
21 giờ, trong ngoài đều nêu bày mũi nhọn, mà
22 Sư không hề ngăn dừng.

23 Vào đầu tháng 10, Sư mới đến kinh đô,
24 gặp lúc Sa-môn Cát Tạng đang giảng kinh

1 Pháp Hoa, rất xứng hợp với Bốn đồ, Sư bèn
2 nương tựa mà nghe học. Hình phục của Sư
3 rách rưới xấu xí, mọi người đều không tiếp
4 nhận, Sư bèn quét tuyết, tựa nơi đất, chỉ mặc
5 quần đơn. Đô giảng vừa xướng, Sư lắng nghe
6 từng câu, phỏng định về văn kinh. Ngài Cát
7 Tạng đã mở mang, Sư khởi tâm mạnh mẽ tiếp
8 thừa yếu chỉ, mong thông nghĩa lý, do tình
9 được cả hai, chẳng rảnh nhần lạnh, Sư vui
10 cười hớn hở như mua được vật báu. Đến hết
11 mùa Đông, Sư vẫn thường như thế. Đại
12 chúng mới khen ngợi, đem văn từ yếu chỉ để
13 hỏi, Sư không quên sót mảy may. Mới vì mọi
14 người đến nghe giảng pháp, chùa Thiên Định
15 có Sa-môn Pháp Hỷ cởi áo đón rước Sư, dẫn
16 đến trong phòng. Trí Quán không lạm, Sư lại
17 cùng ngài Pháp Hỷ cả hai vị cùng nêu bày
18 khuôn phép tốt đẹp.

19 Đến niên hiệu Võ Đức năm thứ nhất
20 (618) thời Tiên Đường, Sư nhận chùa Tân
21 Lương ở Lam Điền. Phong tục ở đó vốn là
22 Ly Nhung, mọi người cùng nhau ngang
23 bướng, chấp đối, Sư bèn dẫn giúp đào luyện
24 chuyên hóa, trong mười nhà có hết chín nhà.

1 Nhưng, tánh Sư vốn mến thích anh hiền, vui
2 cùng khắp cả, từ hướng Tây đến hướng Đông
3 có hơn trăm dặm. Các chốn núi rừng có tiếng
4 tăm, vùng đất có thắng cảnh, Sư đều xây
5 dựng thiền phường, do đó mà những người
6 trốn lánh đều nương tựa được an vui.

7 Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán
8 năm thứ chín (635) thời Tiền Đường, ngài thị
9 tịch tại tinh xá Lương Tuyền thuộc phía Nam
10 Ly Sơn, hưởng thọ bốn mươi chín tuổi. Lúc
11 đầu, Sư vất bỏ sách vở thế tục tới huyền môn
12 này, nói năng Sư chẳng nhắc lại, chuyên tâm
13 với Đạo nghiệp, xét lời giảm ăn, mang trì luật
14 nghi, nghĩ nhớ nhân từ, nghinh dừng dung lễ,
15 xem trọng kinh giáo. Trong đó, việc tụng
16 kinh Pháp Hoa, Sư chẳng đổi thay ý chí. Nếu
17 có người chưa từng thấy thì phải đích thân
18 thấy, mà cần tâm gần xét, như gặp được hạnh
19 yếu, nhiều ngày trì tụng, lấy làm nền tảng của
20 sự huân tập.

21 ***23. Thích Tuệ Đạt ở Thái Nguyên đời*** 22 ***Tấn:***

23 Thích Tuệ Đạt, người xứ Đại Nguyên,

1 tụng kinh Pháp Hoa hơn năm ngàn biến, oai
2 nghi đi ngồi, có tiếng không ngưng nghỉ, giữ
3 gìn mạng sống chúng sanh, nhìn thẳng ngó
4 xuống, nếu dưới đất có các loài trùng kiến,
5 Sư hẩn xoay thân mà lánh né, không dám
6 giẫm đạp qua. Như có người hỏi, Sư đáp
7 rằng: "Các vật ấy cùng với tôi sinh tử bất
8 định, sắp chẳng trước thành Chánh giác, làm
9 sao có thể vọng khinh thường ư?".

10 Đến tháng 4 niên hiệu Trinh Quán năm
11 thứ 8 (634) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già
12 mà thị tịch. Mọi người cho là Sư đang nhập
13 định, bèn để yên trải qua năm đêm, dường
14 như Sư thật thị tịch, lại chẳng thôi rửa, mới
15 khiêng vào tôn trí trong hang.

16 ***24. Thích Pháp Thành chùa Ngô***
17 ***Chân, ở núi Chung Nam thời Tiền***
18 ***Đường:***

19 Thích Pháp Thành họ Phiên, người ở xứ
20 Vạn Niên, thuộc Ung Châu. Từ thuở nhỏ, Sư
21 xuất gia nương trụ chùa Vương Hiệu ở Lam
22 Điền, kính thờ Sa-môn Tăng Hòa làm thầy.
23 Ngài Tăng Hòa là người rất được mọi người

1 trong hương tộc kính trọng, kính thờ như
2 Thánh. Có người muốn hại, ban đêm vào
3 phòng, thấy trong cửa có lửa dữ sáng lên trên
4 màn, bèn liền lui ra, hồi hận. Tánh ngài Tăng
5 Hòa thích uống nước suối trong sạch thanh
6 khiết nguyên vẹn, có người đùa bỡn thầm
7 đem xương dê ngâm vào nước, ngài Tăng
8 hòa vốn không biết nên uống vào, bèn bị ói
9 mửa. Đó là thâm cảm ngầm nhận biết là như
10 vậy.

11 Ngài (Pháp Thành) kính mong được sự
12 dạy răn, siêng năng cố gắng tụng kinh Pháp
13 Hoa, lấy đó làm việc thường. Sư lại đến bái
14 yết Thiền sư Tướng ở chùa Thiền Lâm, học
15 hỏi về Định hạnh, đức Sư lớn tốt, mọi người
16 ở đương thời đều tôn kính, tập học lại giỏi,
17 nên đại chúng đều kính trọng. Về sau, Sư ở
18 chùa Vân Hoa, làm giảng mỗi chĩnh lý tăng
19 chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605)
20 đời Tùy kính trọng đức hạnh Sư, xin vâng
21 theo giới pháp, Sư bèn dâng biểu cố từ chối,
22 buông lời chống đối lễ nghi, bèn mang tráp
23 sách dài, đi khắp các danh sơn, tìm vết bạn
24 Ưu Thắng, đều tiếp thừa Chi Đạo. Nhân gặp

1 được Siêu Công đang ẩn cư nơi sâu vắng, Sư
2 bèn kết tâm mong nương gá ở Lam cốc. Chỗ
3 đất đã nhỏ hẹp chỉ để được một chiếc giường,
4 xoay chuyển kinh hành, sợ nghiêng đổ xuống
5 vực sâu, Sư bèn chẻ vết mở rừng, vạch mây
6 gá cảnh, dùng cỏ tranh tu bổ, rui cửa che sơ,
7 tình sự cùng nương tựa, vui vẻ được phù hợp,
8 nay gọi đó là chùa Ngộ Nhân. Với Tam-muội
9 Pháp Hoa, Sư hết lòng thực hành, gột rửa
10 trong ngoài, ôn lại sớm tối, mộng cảm Bồ-tát
11 Phổ Hiền khuyến ngài viết chép Đại giáo. Sư
12 nói: "Đại giáo Đại thừa là trí tuệ của chư
13 Phật, cái gọi là Bát-nhã". Sư lại tự tay mình
14 biên chép kinh Pháp Hoa đang để bày trên
15 đất, vì có công việc phải đi nơi khác, chưa
16 kịp khâu gom, gặp khi mưa lớn đầy ngập khe
17 ngòi, Sư bèn đến xem thì cả án kinh đều khô,
18 ngoài ra tất cả đều bị ngập nước. Sư từng nằm
19 nghiêng trên cành thông, bèn bị rơi xuống từ
20 trên cao, chưa đến dưới khe nước, bất chợt
21 đã lên trên bờ cao, không tổn hại mảy lông.

22 Đến cuối mùa hạ niên hiệu Trinh Quán
23 năm thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường,
24 Sư bị bệnh, ngài tự biết sẽ qua đời, nên

1 nguyện sinh về cung trời Đâu-suất, đòi lấy
2 nước tắm gội xong, lại đòi kết xe kiệu, và đến
3 bên cạnh tự xem xét, không cho bày biện
4 vinh hậu. Vừa đến ngày cuối tháng, khi mình
5 tường xuất hiện, tự nhiên vô cớ Sư bảo rằng:
6 "Muôn đến, chỉ nén vào, tôi chưa rảnh để đàn
7 ca". Và nhìn lại vị thị giả mà Sư bảo rằng:
8 "Tôi nghe các hành pháp đều vô thường, sinh
9 diệt không ngưng nghỉ. Vãng sinh về chín
10 phẩm sen vàng, lời nói ấy thật hiệu nghiệm.
11 Nay có Đồng tử đến đón rước đứng ngoài cửa
12 đã lâu, nên Tôi đi đây! Các ông, v.v... nên
13 nhớ rằng Đức Phật có chánh giới, không
14 được có khuyết phạm, sau sẽ ăn năn hối
15 hận!". Nói xong, từ miệng Sư phát ra ánh
16 sáng, chiếu soi khắp trong các gian nhà, lại
17 có mùi thơm lạ thoảng đến, chỉ thấy Sư ngồi
18 thẳng nghiêm nhiên tư duy, bất chợt Sư thị
19 tịch, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi.

20 Sư tụng tập của Sư chỉ trong một mùa Hạ,
21 với kinh Pháp Hoa, tính ra có đến năm trăm
22 biến, thời gian còn lại, Sư đọc tụng gồm cả
23 thực hành còn được hai biến. Nếu có khách
24 đến, thì phải nói chuyện, trừ trong kinh bộ ra,

1 Sư không nói điều gì khác. Lược tính năng
2 lực chuyên cần của Sư trong vòng mười năm
3 có hơn muôn biến.

4 ***25. Thích Tuệ Thuyên chùa Đại Trang***
5 ***Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường:***

6 Thích Tuệ Thuyên, họ Tiêu, là con của
7 anh trai Đặc Tấn Tổng Công Võ ngày nay.
8 Cha sư làm quan giữ chức Lương Công ở đời
9 Tùy. Ông nội Sư tức là vua Minh Đế (Tiêu
10 Quy 562-586) thời Hậu Lương, là người tánh
11 độ khôi ngô đơn giản, chí dụng cao sâu.
12 Người cô của Sư là Hoàng hậu của vua
13 Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy.

14 Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư
15 thường ở cung quyết, mền mộ ưa thích thoát
16 tục mà không do đâu để thành đạt được. Đến
17 năm Sư hai mươi tuổi, vua chọn con gái Tần
18 Hiếu Vương làm vợ cho Sư. Đó chẳng phải
19 là sự ước nguyện của Sư, vì việc chẳng thể
20 dừng, nên bây giờ Sư phải thực hành kết hôn
21 đôi lứa. Đến khi người vợ qua đời, Sư mới
22 được toại nguyện xưa. Lấy nhà họ Trịnh ở
23 Đông Đô, tham dự tại đó mà xuống tóc. Đến

1 đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền
2 Đường, Sư mới về lại kinh đô, trụ chùa Đại
3 Trang Nghiêm, nghe nhiều bộ mà chỉ lấy
4 kinh Pháp Hoa và luận Nhiếp Đại Thừa làm
5 tâm đắc. Sư có hoài bão vì thiên thập, giỏi về
6 Thảo lệ, tùy theo nét bút đặt để dùng làm mẫu
7 mực.

8 Nên những lúc đề tựa kinh, làm biên
9 ngạch chùa, mọi việc đều đưa đẩy nhờ đến
10 Sư.

11 Lại có người em là Sa-môn Trí Chứng
12 xuất gia cùng ở chung chùa, tụng thuộc lòng
13 kinh Pháp Hoa, tức là con của Thái Phủ
14 Khanh, anh của Tống Công. Sa-môn Trí
15 Chứng cùng người anh (= Tuệ Thuyên) lần
16 lượt thị tịch, vì gia đình đời đời kính tin tôn
17 thờ Phật pháp, chỉ mở rộng kinh Pháp Hoa,
18 đồng tộc lớn nhỏ đều thành tụng, nên sự mở
19 mang kinh Pháp Hoa của dòng họ Tiêu, các
20 Đạo tục đều khen ngợi rất dồi dào. Đặc Tấn
21 soạn số, gồm có hơn mười nhà, gặt hái thanh
22 hoa, dùng cội lòng để uốn nắn, khắc thành
23 quyển số, thường tự giảng nói, mở rộng. Có
24 lúc thỉnh các bậc danh tăng ở kinh đô chỉ bày

1 cho các vết luy. Hoặc nhóm họp thân thuộc
 2 tăng ni cả mấy mươi vị, tùy thời cấp ban bốn
 3 thứ cần dùng không thiếu. Nên chỗ đến của
 4 phong lục chỉ còn thông cứu giúp. Thái phủ
 5 tâm tình còn tốt lành, lấy việc đọc tụng làm
 6 đầu. Nên từ lúc còn sống đến lúc qua đời, đọc
 7 tụng cả muôn biến, thúc giục mọi người biên
 8 chép tất cả có ngàn bộ. Mỗi lần sự đến triều
 9 tham thì đều có sai người mang kinh đến
 10 trước. Đến chỗ công sự có được chút rảnh rỗi
 11 liền đọc tụng, triều ngũ kính ngưỡng cho là
 12 tuyệt luân. Từ khi Phật giáo truyền đến
 13 phương Đông thì tòa vị càng xa, nhưng người
 14 tiếp thừa thọ trì, đọc tụng ở đời, ít có ai được
 15 như thế. Nên chỉ có họ Tiêu xứng đáng làm
 16 mẫu mực cho thiên hạ.

17 ***26. Sa-di Đàm-Vô Kiệt ở Hoàng Long,***
 18 ***thời Tiền Tống:***

19 Khoảng niên hiệu Vĩnh Sơ (420-423) thời
 20 Tiền Tống, có Sa-di Đàm-Vô-kiệt ở Hoàng
 21 Long, đọc tụng kinh Quán Thế Âm, và tu khổ
 22 hạnh, cùng các quyến thuộc đồ chúng tất cả
 23 có hai mươi lăm người đến tìm nước Phật,
 24 trải qua các xứ hoang vu nguy hiểm, chí khí

1 trình thuần càng vững chắc, khi đã đến nước
2 Xá-Vệ ở Thiên-trúc, giữa đường gặp một đàn
3 voi núi, Sư mang kinh tụng niệm xưng danh
4 quy mạng, có một con sư tử từ trong rừng đi
5 ra, đàn voi kinh hãi tuôn chạy. Sau đó, lại có
6 một đàn trâu hoang gầm rống đi đến, sắp
7 muốn làm hại, Sư lại như trước quy mạng,
8 bỗng có một con chim thú lớn bay đến, đàn
9 trâu bèn kinh hãi chạy tan, Sư nhờ đó được
10 thoát khỏi. Sư có được những sự cảm ứng bởi
11 thành tâm lúc gặp hiểm nạn mà thoát khỏi,
12 đại loại đều như thế. (Với duyên này, các
13 Pháp sư Gia Tường, v.v... dần làm ứng
14 nghiệm của phẩm "Quán Thế Âm", nay kinh
15 "Quán Thế Âm", chẳng phải phẩm "Quán
16 Thế Âm", mà chính là kinh "Quán Thế Âm
17 thọ ký", vì muốn cho biết được đồng khác,
18 nên trong đây xin biên lục).

19 ***27. Thích Pháp Tự trụ núi Thạch thất***
20 ***ở Tân Thục:***

21 Thích Pháp Tự, họ Hồn, người ở Cao
22 Dương, đức hạnh thanh tú cẩn thuần, ăn dùng
23 rau trái tu thiền. Về sau, Sư đến đất Thục, ở
24 gò mả Lưu Sư, thực hành hạnh đầu đà ở trong

1 hang núi, hồ khóc chẳng làm thương tổn, Sư
 2 trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Kim
 3 Quang Minh, v.v... thường ở trong động đá
 4 vừa thiền vừa tụng. Đang lúc giữa tháng hạ,
 5 Sư xả mạng trong động đá, ba ngày sau
 6 không có mùi hôi thối, cạnh nhục thân Sư có
 7 mùi thơm lạ, qua mười ngày mới hết, mỗi
 8 đêm lại phát ra ánh sáng soi chiếu đến mấy
 9 dặm. Người trong thôn đến xây tháp thờ Sư.

10 **28. Thích Tăng Dục trụ núi Pháp Hoa**
 11 **ở Sơn Âm, thời Tiền Tống:**

12 Thích Tăng Dục là người ở Dư Hàng,
 13 thuộc Ngô Hưng. Từ thuở thiếu thời, Sư đã
 14 tin hiểu, sớm có chí tiết muốn thoát trần. Lúc
 15 mới xuất gia, Sư trụ chùa Lô Sơn, nương Sa-
 16 môn Tuệ Viễn tu học, ăn dùng rau trái chay
 17 tịnh thuần khiết khổ tiết, rất được mến trọng
 18 trong môn nhân.

19 Về sau, Sư đến Quan Trung, lại theo Pháp
 20 sư La-thập, với các kinh luật luận, Sư đều tự
 21 tham học qua, lại tụng đọc một bộ kinh Pháp
 22 Hoa.

23 Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười ba

(417) đời Đông Tấn, Sư cùng đồng bạn là Samôn Đàm Học đến Cối Kê, hỏi thăm đường đến đất Tần, nhìn về phía Tây bắc có năm ngọn núi nối liền nhau, hình dạng như núi Kỳ-xà-quật, bèn bện cỏ tranh thành am, gọi là tinh xá Pháp Hoa. Thái Thú Mạnh Khải, Trần Tải là người giàu có đều nghiêng lòng kính vái đức hạnh Sư nên cùng nhau giúp đỡ để xây thành. Sư ăn rau trái, uống nước khe suối suốt hơn ba mươi năm, trì tụng kinh Pháp Hoa, công phu chẳng ai bằng, giữa đêm khuya bỗng thấy có ánh sáng, thì ra là Đại Bồ-tát Phổ Hiền hiện trước Sư.

Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi bảy (450) thời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tuổi, dựng lập văn bia tại chùa núi đề tán dương đức hạnh Sư.

29. Thích Trí Thông chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Trí Thông, không rõ người xứ nào. Xưa, Sư trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô. Sau, Sư đến ở chùa Chí Quán. Khi nhà Trần bình

1 định, Sư sang sông đến trụ chùa An Lạc ở
2 Dương Châu. Nhà Trần sụp đổ Sư muốn trở
3 về nhưng suy nghĩ không có phương kế, bèn
4 ẩn núp trong cây thu bên cạnh dòng sông,
5 tụng kinh Pháp Hoa, qua bảy ngày không
6 cảm thấy đói, thường có bốn con hổ đi nhiều
7 chung quanh mà thôi, không chịu ăn, đã đến
8 ngày thứ mười, Sư bảo: "Thân mạng ta chỉ
9 còn trong chốc lát, các người cần thì cứ ăn".
10 Các con hổ nói: "Từ khi tạo lập trời đất đến
11 nay, chưa hề có việc ấy". Bỗng có một ông
12 lão tuổi chừng tám mươi, dưới nách cắp
13 chiếc thuyền mà bảo rằng: "Sư muốn qua
14 sông đến chùa Thê Hà thì nên nhanh chân lên
15 thuyền!". Bốn con hổ đồng một lúc trong ánh
16 mắt lệ đổ ràn rụa. Sư nói: "Cứu giúp ách nạn
17 chính là ngày nay, có thể cùng đưa bốn con
18 hổ theo luôn". Bỗng chốc thuyền qua đến bờ
19 phía Nam, nhìn lại, thuyền và ông lão không
20 biết đã biến mất nơi nào. Sư dẫn bốn con hổ
21 đồng đến chùa Thê Hà, đến phía Tây tháp xá-
22 lợi kinh hành ngồi thiền, thệ chẳng nằm ngủ,
23 Tăng chúng trong chùa có tám mươi vị đều
24 không dám bước ra khỏi viện. Những lúc có

1 việc xấu thì một con hổ vào chùa lớn tiếng
2 mách bảo với chúng tăng, do đó mà mọi
3 người đều cảnh giác. Theo lệ thường, Sư cho
4 rằng núi rừng cách xa, lương thực gạo thóc
5 khó khăn hiểm trở, bèn nhóm họp ba trăm
6 thiện nam tín nữ ở Dương Châu cùng gạo làm
7 phước, riêng mỗi người một thạch, mỗi năm
8 đưa đến một lần. Do đó mà lương thực cung
9 cấp ở núi được tiếp tục, các đạo tục, đến cả
10 cầm thú, Sư đều cấp giúp đầy đủ. Đến ngày
11 mồng 08 tháng 04 niên hiệu Trinh Quán năm
12 thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường, sau
13 lúc tiểu thực, Sư sang chùa Chỉ Quán, đánh
14 lễ linh ảnh của Đại sư, bung lò hương đi đánh
15 lễ cùng khắp, lại đến chỗ tháp mộ ở chùa
16 Hưng Hoàng lễ bái, rồi về lại phòng cũ, Sư
17 an tọa mà thị tịch, có mùi thơm lạ lan tỏa
18 khắp nơi. Khắp thành Đan Dương, các Đạo
19 tục lãnh thọ giới pháp từ Sư có hơn ba ngàn
20 người đều đến núi thọ tang buồn thương. Sư
21 hưởng thọ chín mươi chín tuổi.

22 ***30. Thích Trí Nghi chùa Tĩnh Pháp ở***
23 ***kinh đô, đời Tùy:***

24 Thích Trí Nghi, họ Khương, là con cháu

1 của vua nước Khương Cư, gặp lúc quốc nạn
2 nên theo hướng Đông tìm đến đất Ngụy và
3 được phong ở Tương Dương, do đó trải qua
4 thời gian lâu có hơn mười đời ở đó. Năm bảy
5 tuổi, mới vào học, Sư tìm văn Nhất thừa,
6 hoàn toàn không có thầy chỉ dẫn, Sư tự tỏ
7 ngộ, kính trọng Phật tông. Tuy ban ngày tạm
8 theo tục duyên, nương các bạn học, nhưng
9 ban đêm, Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, cuối
10 cùng văn từ thuần thực, mới đầu cha mẹ Sư
11 không nhận biết. Đến năm mười ba tuổi, Sư
12 kính bái từ tạ, liền được xuống núi xuất gia.
13 Sư lại học đại bộ, tình dụng càng lớn. Năm
14 hai mươi bốn tuổi, Sư mới thọ giới Cụ túc, ở
15 tại chùa trải qua nhiều năm, chuyên tâm đọc
16 tụng kinh Pháp Hoa, thường tư duy về định
17 tuệ. Nếu chẳng phải công việc cần thiết quan
18 trọng thì Sư không bước ra khỏi cửa sân, nên
19 những người đến tham cầu hầu ít được thấy
20 mặt Sư. Sư phúng tụng tỏ hiểu rõ, thì Hóa
21 nhân hiện ra trước mặt, an ủi người ấy, tụng
22 đến ngàn bộ thì được ngàn Đức Phật cùng giữ
23 gìn, nếu tụng đến muôn bộ thì sinh về cảnh
24 giới Tịnh độ. Mọi người nghe lời ấy rồi, vui

1 mừng càng cố gắng tâm chí. Sư thị tịch lúc
2 hơn bảy mươi tuổi.

3

4

5

6



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 5

VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 3)

1. Thích Di Tục
2. Sử Ha Thệ
2. Tăng Huyền Tú
4. Tăng Đạo Tuệ
5. Thích Đạo Thái
6. Thích Phổ An
7. Thích Tăng Định
8. Sa-di đời Tùy
9. Thích Tăng Triệt
10. Thích Tăng Diễn
11. Sầm Văn Bồn
12. Lăng Tiêu Cảnh.

1 13. Vi Trọng Khuê

2 14. Thích Tuệ Hiến

3 15. Thích Tuệ Hòa

4 16. Thôi Nghĩa Khởi

5 17. Cái Hộ

6 18. Mộ Dung Văn Sách

7 19. Sa-di đời Tống

8 20. Chí Thông

9 21. Bà quả phụ ở Lương châu

10 22. Cao Thủ Tiết

11 23. Thích Minh Diệu

12 24. Thích Tăng Hồng

13 25. Vương Châu đời Tống

14 ***1. Thích Di Tục ở Lễ Tuyên thuộc Ung***
15 ***Châu, thời Tiền Đường:***

16 Thích Di Tục, không rõ Sư người xứ nào,
17 khoảng đầu thời Tiền Đường Sư ở nhà
18 Dương Lục tại làng Nam Mỹ, huyện Lễ
19 Tuyên, Ung Châu. Trán thường cúng dường,
20 thanh kiệm ít muốn. Sư chỉ trì tụng kinh Pháp
21 Hoa lấy làm hạnh nghiệp chánh, ngày đêm
22 nói nhau đến số mấy ngàn biến. Đến đầu niên

1 hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì
2 bị bệnh sắp thị tịch, Sư căn dặn với người bạn
3 là Sa-môn Tuệ Quách rằng: "Từ trước đến
4 nay tuy tụng kinh, trong ý chỉ mong có linh
5 nghiệm, vì sống trong mộng tục, tin hướng
6 về thiện. Khi tôi chết, không cần tần liệm
7 trong quan tài, cứ để mình trần mà an táng,
8 mười năm sau hãy phá ra xem, nếu chiếc lười
9 bị vữa nát thì biết không có công năng thọ trì,
10 nếu vẫn còn, thì nên báo cho các Đạo tục xây
11 dựng một ngôi tháp thờ, để nói lên sự linh
12 cảm!". Nói xong, Sư thị tịch, mọi người bèn
13 y theo lời Sư mà an táng. Đến niên hiệu Trinh
14 Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền
15 Đường, Sư Tuệ Quách cùng các người quen
16 biết xưa cũ đến chỗ phân mộ mà đào phá,
17 thân thịt đều tiêu tan, chỉ có chiếc lười không
18 nát vữa, Nam nữ cả một huyện đều tôn kính
19 truyền nhau, lại trì tụng gấp bội lúc thường,
20 mới làm hộp để tôn trí chiếc lười đó đưa lên
21 bờ phía Nam Cam Cốc, thuộc phía Bắc thôn
22 Dương Lục và xây dựng tháp gạch. Những
23 người hiểu biết, lại càng lớn mạnh sự kính
24 tin, và đọc tụng càng nhiều.

2. *Sử Ha Thệ ở Sử thôn, phía Bắc Phước Thủy, thuộc Ung Châu:*

Tại Sử thôn ở phía Bắc Phước Thủy thuộc phía Nam giao giới huyện Trường An, ở Ung Châu có Sử Ha Thệ, từ thuở thiếu thời đã có thiện niệm, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, thực hành hạnh An Lạc, từ bi chuyên chú nơi ý thức chẳng hề nuôi các loài súc vật, vì nghe trong kinh dạy "thương xót tất cả chúng sinh" cho nên như vậy, rộng ước lấy làm tâm, lưu danh trong sử sách, qua lại chốn kinh thành, vì cùng tập tụng, vì sợ giữa đường gặp phải những người cùng biết hỏi han, bỏ dỡ việc tụng đọc, nên ông luôn đi đường tắt. Ông dung khí điềm nhiên, duyên niệm nói nhau, như mới đầu, chẳng hề nói điều mệt nhọc. Đến lúc qua đời cảm có mùi thơm lạ tỏa khắp quanh làng, mọi người thân sơ đều lấy làm lạ mà chẳng ai biết được việc gì, bèn an táng. Sau đó mười năm, người vợ ông cũng qua đời, bèn đào phá phần mộ ông ra, thì chiếc lưỡi vẫn còn tươi hồng, hài cốt đều tiêu rã, vì điềm lạ ấy nên tôi đặc biệt chép ra đây.

3. *Tăng Huyền Tú chùa Tùy Hoa ở*

Hoàng Châu:

Tăng Huyền Tú, chùa Tùy Hoa ở Hoàng Châu, tánh Sư thanh bạch cần thuần, ôn hòa cung kính lấy làm chí hạnh. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa và hay có cảm ứng các điều lạ, nhưng chưa lấy làm kỳ quái. Bấy giờ, gặp lúc nắng nóng, các đồng bạn muốn tìm đến chỗ mát mẻ, bèn sai người tới mời Sư vì muốn nói chuyện cho vui. Khi đã đến phòng Sư, chỉ thấy vẻ nghiêm túc, người ngựa cao lớn, người ấy khiếp sợ trở về báo lại, đồng bạn cùng đến xem, đều như lúc đầu không khác, ra xem cửa sau thì các thứ càng đông nhiều, ngựa mắt nhìn giữa hư không thì bít lấp hết cả không ngần mé, phần nhiều là nường cười voi ngựa, quỷ thần lẫn lộn, mới biết là Sư có sự cảm thông, bèn để yên vậy mà trở về. Đến sáng sớm, hồ then cùng nhau đến sám tạ, đồng bạn từ đó bèn dứt bật, Sư vẫn chuyên cần với hạnh nghiệp ấy, đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch.

4. Tăng Đạo Tuệ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

1 Tăng Đạo Tuệ, là người ở đất Thục, từ
2 thuở thiếu thời, Sư đã chịu tang cả cha mẹ,
3 được người anh nuôi dưỡng lớn khôn. Sư
4 đêm ngày buồn khóc thương nhớ cha mẹ.
5 Đến năm chín tuổi, Sư theo Thầy trì tụng
6 kinh Pháp Hoa để cầu nguyện cho cha mẹ
7 thoát khổ. Tụng đủ số trăm bộ, Sư mộng thấy
8 giữa hư không phía trên chùa Phước Thành
9 có ánh sáng kỳ lạ dần gần đến chỗ sân, bỗng
10 thấy có một vị trời có trăm ngàn các vị trời
11 khác vây quanh, vị trời ấy bảo Sư rằng: "Ta
12 là cha mẹ của ông, nhờ năng lực tụng kinh
13 của ông mà được sinh lên tầng trời thứ hai,
14 thoát khỏi chốn đường ác khiếp sợ, nếu tụng
15 đủ số ngàn bộ, thì sẽ sinh về cảnh giới Tịnh
16 độ. Nên biết vì tình mẹ con sâu sắc, nên cùng
17 lại ra mắt và bày tỏ tâm tình!". Nói xong,
18 bỗng nhiên biến mất, không còn thấy nữa.
19 Đến lúc thức giấc, Sư càng sinh tâm kính
20 trọng gấp bội, càng chuyên tâm phụng tụng,
21 những người nghe thấy vì muốn cha mẹ thoát
22 khổ mà tụng kinh, cảm mộng báo cho họ biết
23 nhiều, lược bỏ chẳng nói mà thôi.

24 ***5. Thích Đạo Thái trụ tinh xá Hành***

Đường ở Thường Sơn:

Thích Đạo Thái, ngài là người cuối thời Nguyên Ngụy, trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn. Sư nằm mộng có người bảo rằng: "Đến năm ấy... ông sẽ qua đời lúc bốn mươi hai tuổi". Đến đúng kỳ hạn năm đó, Sư bị bệnh rất nặng, bèn dốc hết của cải riêng của mình để làm việc phước lành, có người bản bảo Sư rằng: "Tôi nghe kinh nói cúng dường sáu mươi hai ức vị Bồ-tát, phước đức đồng như xưng danh hiệu một Bồ-tát Quán Thế Âm, sao ông chẳng dốc lòng quy y? Để cho Tăng thêm phước thọ". Sư bèn cảm ngộ, bèn suốt bốn ngày bốn đêm chuyên tinh không ngưng nghỉ, ở dưới màn chỗ Sư ngồi, bỗng thấy có ánh sáng từ ngoài cửa chiếu vào. Thấy Đại Bồ-tát Quán Thế Âm giẫm bước trên không, có ánh sáng vàng soi chiếu cùng khắp, và bảo Sư rằng: "Ông xưng niệm Quán Thế Âm ư? Cũng trì tụng kinh Pháp Hoa ư?". Sư vén màn, nghiêng nhìn, thì không còn thấy gì, buồn vui lẫn lộn đến đổ mồ hôi. Lại cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chỗ bị bệnh được lành. sư bèn tụng đọc thuộc

1 rành văn kinh Pháp Hoa và xưng niệm danh
2 hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Đến năm bốn
3 mươi bốn tuổi, Sư mới đồng ý kể lại giấc
4 mộng xưa. Về sau, Sư thị tịch lúc năm mươi
5 tuổi".

6. *Thích Phổ An ở Dương Đô, đời* 7 *Trần:*

8 Thích Phổ An, họ Trần, xuất gia từ thuở
9 thiếu thời, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa tự
10 cung kính lấy đó làm chánh nghiệp. Sư bị
11 bệnh nóng nhiệt khổ não, răng trong miệng
12 đều rơi rớt, lại dùng nghỉ tự khổ nhọc, tuệ
13 tâm tụng suốt một mùa Hạ, mộng thấy có
14 Đồng tử cỡi trời đến cầm nhánh dương chỉ
15 vào rằng Sư bảo rằng: "Ông chuyên tâm tụng
16 kinh, răng rơi rớt sẽ được mọc lại như cũ, ở
17 tương lai, lúc đắc Đạo thì răng trắng sạch
18 bằng khít!". Nghe nói xong, Sư thức giấc,
19 trong miệng răng đều đầy đủ. Sau đó, Sư dời
20 đến ở tịnh thất, xoay mặt ra cửa tụng kinh, tự
21 nhiên các thứ ăn uống có sẵn trên bàn. Ăn
22 xong, bảy ngày sau vẫn còn no, thân thể béo
23 phì như thế, cảm ứng thắng ích rất nhiều. Đến
24 năm tám mươi chín tuổi Sư thị tịch, trong

1 phòng thoáng ngát mùi thơm, giữa hư không
2 có tiếng nhạc vang lên. Đêm đó, vị đệ tử Sư
3 mộng thấy một vị tăng Ấn-độ nói kệ rằng:

4 *"Nếu nghe kinh Pháp Hoa*
5 *Má chuyên tâm mà tụng*
6 *Thánh chúng đến trao tay*
7 *Sẽ sinh cõi Tịnh độ".*

8 Xét việc ấy thì tụng kinh, sẽ vãng sinh
9 Tịnh độ!

10 **7. Thích Tăng Định chùa Pháp Trụ ở**
11 **Lộ Châu, thời Tiền Đường:**

12 Thích Tăng Định, là bạn đồng môn với
13 Sa-môn Đàm Vinh, Sư trụ chùa Pháp Trụ,
14 hành trì sám hối theo pháp Sám Phương
15 Đẳng, đọc tụng kinh Pháp Hoa, suốt ngày
16 đêm không hề nằm ngủ, giới hạnh tinh ròng
17 cao sâu, mộng cảm thấy các Thánh chúng, Sư
18 càng sám hối càng đọc. Ngày 14 tháng 07
19 niên hiệu Trinh Quán năm thứ bảy (633) thời
20 Tiền Đường, ở trong Đạo tràng chùa Pháp
21 Trụ, Sư thấy có ánh sáng rực rỡ năm màu tỏa
22 từ trên cao xuống, trong đó có bảy Đức Phật
23 tượng tốt khác thường, nói với Sư rằng: "Ta

1 là Tỳ-bà-thi Như Lai Vô sở trước Chí chân
2 Đẳng Chánh giác, vì người tiêu tội chướng
3 nên đến làm chứng, như ta không phải là Bồ
4 sư, nên chẳng dự ghi thành Phật cho người".
5 Qua sáu Đức Phật như thế đều đồng nói lời
6 ấy. Lại có một ánh sáng rực rỡ gấp bội hơn
7 trước, từ trên chiếu xuống, trong đó có chín
8 trăm chín mươi bốn Đức Phật bảo với Sư
9 đồng lời như trước. Có một Đức Phật sau
10 cùng bảo rằng: "Ta là Thích-ca Mâu-ni, là
11 Bồ sư của người, vì người đã tiêu trừ tội
12 chướng nên đến thọ ký cho, thân khí của
13 người thanh tịnh, vào kiếp hiện sẽ thành Phật
14 hiệu là Phổ Minh. Người hành trì Phương
15 Đẳng Đại thừa, Đạo tràng Phổ Hiền trì tụng
16 kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn". Ứng
17 hiện điềm cảm như thế thật khó ghi chép hết.
18 (Nếu theo Tục Cao Tăng truyện thì ngài Đàm
19 Vinh và Sư đồng hành trì pháp sám hối
20 Phương Đẳng, được bảy Đức Phật chứng
21 minh và Đức Thích-ca thọ ký cho cả hai vị,
22 lại chẳng nói là tụng kinh Pháp Hoa, nhưng
23 trong Biệt ký nói tụng kinh Pháp Hoa, hành
24 trì pháp sám hối Phương Đẳng, Đại thừa, Phổ

1 Hiền, là vì chỗ nghe của người ghi lại khác
2 nhau mà thôi.

3 **8. Sa-di ở Thôn Hạ Sơn Đông, Kỳ**
4 **Châu, đời Tùy:**

5 Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581)
6 đời Tùy, ở Dương Châu có một vị Sa-môn
7 mất tên Sư, tự tụng thông một bộ kinh Niết-
8 bàn, Sư cho rằng "tụng nhiều tự thương xót
9 lấy làm hành nghiệp". Bấy giờ trong Thôn Hạ
10 ở Đông Sơn, thuộc Kỳ châu, có một vị Sa-
11 môn tụng kinh Quán Thế Âm, hai người bị
12 chết đột ngột, tim vẫn nóng ấm, đồng đến chỗ
13 Diêm Vương, Diêm Vương bèn bảo Sa-di ấy
14 ngồi trên tòa cao bằng vàng, rất mực cung
15 kính, còn mời vị Sa-môn tụng kinh Niết-bàn
16 ấy ngồi trên tòa cao bằng bạc, tỏ ra chẳng
17 cung kính trọng vọng lắm, khi sự việc xong
18 rồi. Xét hỏi, hai vị thọ mạng đều còn nên đều
19 thả trở về. Vị Sa-môn tụng kinh Niết-bàn đó
20 tâm rất tức giận, cạy chỗ mình tụng đọc
21 nhiều, mà chỗ ngồi khác với môn hạ là Sa-di.
22 Từ đó hai vị giã biệt Diêm vương, mỗi vị đều
23 sống lại, vì Sa-môn ấy theo hướng Nam tìm
24 đến kỳ châu, hỏi tìm được chỗ, bèn hỏi lý do.

1 Vị Sa-di ấy đáp: "Mới đầu vào tụng kinh
2 Quán Thế Âm thay đôi áo khác, chỗ ngồi
3 riêng khác, đốt hương chú nguyện, sau đó
4 mới tụng. Đối với pháp ấy không hề biếng
5 trễ, ngoài ra không có thuật gì khác". Vị Sa-
6 môn ấy sám tạ rằng; "Tội tôi rất nặng, gọi là
7 Niết-bàn, mà oai nghi không trang nghiêm,
8 thân miệng không sạch cứu quên mà thôi.
9 Người xưa có để lại lời nói: "Gây ác nhiều
10 chẳng bằng có chút ít điều lành, đến nay lấy
11 làm ứng nghiệm, sửa đổi lỗi xưa mà trở lại."

12 ***9. Thích Tăng Triệt chùa Hãm Tuyền ở***
13 ***Phùng Châu:***

14 Thích Tăng Triệt, trụ chùa Hãm Tuyền, ở
15 núi Nam Cô thuộc Phùng Châu. Sư đi đường
16 gặp một người mắc bệnh hủi nằm ở trong
17 hang, Sư bèn dẫn đến trong núi, đục tạc hang
18 núi cho ở, cấp dưỡng thức ăn, bảo đọc tụng
19 kinh Pháp Hoa, khổ nỗi người ấy vốn không
20 biết chữ,, lại quá ngu si, phải đọc từng câu
21 cho nghe, chẳng nề mỏi nhọc, tụng kinh đến
22 phân nửa, mộng thấy có người chỉ dạy, từ đó
23 về sau hơi có chút thông minh, tụng được
24 năm sáu quyển, thì vết thương bệnh hủi cảm

1 thấy có phần lành, tụng trọn một bộ, thì râu
2 và lông mày mọc lại, sắc da được như
3 thường. Nên trong kinh nói rằng: "Thuốc tốt
4 của bệnh", đó thật ứng nghiệm.

5 ***10. Thích Tăng Diễn ở Tinh Châu, thời***
6 ***Tiền Đường:***

7 Thích Tăng Diễn, ngài người Tinh Châu,
8 người ở Tinh Châu thuộc Phàm Khuyết, từ
9 bảy tuổi trở lên đều biết niệm Phật, sinh Tịnh
10 độ rất nhiều. Sư ở lâu tại tịnh Châu, tụng kinh
11 Pháp Hoa, ưa cầu sinh về An Dưỡng. Vì
12 trong kinh nói là: "Liên được vãng sinh về
13 thế giới An Lạc" cho nên như vậy. Mỗi ngày
14 Sư tụng một biến, suốt ba năm được ngàn bộ,
15 mộng thấy chung quanh thân mình mọc ra
16 lông cánh, lấy văn tự kinh Pháp Hoa làm màu
17 vẽ đẹp đẽ, muốn bay liệng, thân tự nhẹ
18 nhàng, liền bay sang phương Tây, đến nơi
19 chỗ đất bảy báu, cung điện nối liền nhau,
20 người trời đầy khắp trong đó. Sư nhìn lại tự
21 thân mình, lông cánh ngưng thành đài hoa
22 sen, mỗi văn tự biến thành thân Phật cao
23 trượng sáu. Mỗi thân Phật nói kệ tụng rằng:

1 *"Ông ở cõi trước tụng Pháp Hoa*
2 *Chúng sinh nghiệp chương chỉ thấy*
3 *chữ.*
4 *Thật là ba thân Phật tròn đầy*
5 *Nay thành lông cánh hiện thân*
6 *xưa".*

7 Sur nghe kệ tụng ấy và thấy đài báu, có
8 hơn sáu mươi chín ngàn ba trăm vị hóa Phật
9 ngồi trên cánh sen, Phật trên đài là Đức A-di-
10 đà. Sur đến đánh lễ, Phật trên đài liền bảo Sur
11 rằng: "Ông về lại cõi Diêm-phù-đem lời ta
12 mà chỉ bày cho chúng sinh! Lại do công đức
13 mở mang kinh Pháp Hoa, liền đó chư Phật
14 biến trở lại lông cánh ở bốn thân, Sur về lại
15 cõi Ta-bà. Vừa thức giấc, lệ tuôn trào, Sur
16 tụng kinh Pháp Hoa lại vào Quán tâm, ở đầu
17 lưỡi có tám lá hoa sen, trên mỗi hoa sen có
18 Đức Phật ngồi kiết-già, mỗi văn tự kinh Pháp
19 Hoa từ trong miệng Phật tuôn ra đều làm
20 thành màu vàng ròng có đầy đủ ánh sáng,
21 biến thành thân Phật đầy khắp hư không, vây
22 quanh năm trì kinh. Hễ nhắm mắt thì liền
23 hiện tướng đó, còn mở mắt thì liền không
24 thấy, Sur chuyên quán, chuyên tụng. Đến lúc

1 qua đời có mây màu tím xếp lớp cao vút, Sur
2 ngòi thẳng tưng kinh mà thị tịch, hưởng thọ
3 bảy mươi chín tuổi, chú thích đầy đủ về việc
4 này, cất kín chỗ sâu xa của kinh để sau này
5 mọi người thấy nghe buồn khóc kết duyên
6 mà thôi.

7 ***11. Trung Thư Lệnh Sâm Văn Bồn:***

8 Trung Thư Lệnh Sâm Văn Bồn là người
9 ở Giang Lăng, thuở thiếu thời đã biết kính tin
10 Phật, thường tụng phẩm Phổ Môn kinh Pháp
11 Hoa. Có lần đi thuyền trên Ngô Giang, bị
12 nước vào thuyền nên mọi người đều chết,
13 Văn Bồn bị chìm dưới nước, nghe có tiếng
14 người bảo rằng: "Nên xưng niệm danh hiệu
15 Phật, sẽ không bị chết". Ba lần như thế.
16 Trong sóng vỗ tung văng lên bờ nên được
17 thoát chết. Về sau, ở Giang Lăng, Văn Bồn
18 thiết cúng trai hội. Chư tăng đều nhóm họp ở
19 nhà ông. Có một vị khách tăng đến sau, nói
20 với Văn Bồn rằng: "Trong thiên hạ mới loạn,
21 ông may mắn không can dự tai ương ấy, gặp
22 được thái bình, cuối cùng giàu sang!". Nói
23 xong bèn đi ra. Văn Bồn tự ăn, trong chén có
24 được hai viên xá-lợi, về sau quả đúng như

thế. (Văn Bôn tự kể với Đường Lâm).

12. Quốc tử tế tửu Tiêu Cảnh:

Quốc tử tế tửu Tiêu Cảnh, là người Kim Lăng, khi thời vận nhà Lương bị mất vào đời Tùy, Tiêu Cảnh có người chị gái là Hoàng hậu của vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, vốn sinh trưởng nơi giàu sang mà gia đình sẵn tôn kính Phật pháp; Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Tiêu Cảnh tự chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, bèn y theo văn kinh mà xây dựng tháp báu Đa Bảo, dùng gỗ đàn hương mà chạm khắc, tháp cao ba thước phía trên vuông vắn, che phủ xuống, và tạo tôn tượng Phật Đa Bảo bằng gỗ, qua mấy năm sau, có Sa-môn Tuệ Thuyên là con của anh ruột Tiêu Cảnh cùng ở chơi nhà, lúc sáng sớm vừa dậy bỗng thấy trong cỏ ở trước viện có một ngôi tháp bằng gỗ đàn hương, ở dưới lòng có một pho tượng Phật bằng đồng thau lẫn đá, chế tác rất lạ so với ở Trung quốc, hình dáng tôn tượng dường như người Hồ, trông mắt được làm bằng bạc, bên trong có nhiều tinh, sáng sạch tự nhiên. Ngài Tuệ Thuyên lấy làm quái lạ,

1 liền đến báo với Tiêu Cảnh. Tiêu Cảnh nhìn
2 thấy vừa kinh hãi vừa mừng vui, lấy lọng
3 đem về thử đặt trên tháp Đa Bảo, rõ ràng
4 xúng nhau như tạo tác sẵn. Tiêu Cảnh vui
5 mừng hoan hỷ, tự lấy làm tinh thành hưng
6 thành pho tượng Phật ấy. Trong hộp có hơn
7 trăm viên xá lợi, Tiêu Cảnh có người con gái
8 xuất gia làm Ni, khi đang tuổi nhỏ thăm nghi
9 ngờ, có vị tăng Ấn-độ bảo rằng: "Xá-lợi,
10 dùng chày nên không vỡ", bèn thử lấy ba
11 mười viên đặt trên đá và dùng búa ở dưới, xá
12 lợi không hề hấn gì, cô gái ấy bèn tìm kiếm
13 ở dưới đất chỉ được ba bốn viên, ngoài ra đều
14 mất, không trông thấy đâu cả. Cô gái ấy
15 khiếp sợ mách báo với Tiêu Cảnh. Tiêu Cảnh
16 đến chỗ tháp xem, thì xá-lợi đều ở tại đó như
17 cũ. Từ ngày đó, Tiêu Cảnh tụng kinh Pháp
18 Hoa mỗi ngày một biến, mãi đến lúc qua đời.

19 Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười
20 một (637) thời Tiền Đường, trong lúc con
21 bệnh hoành hành khổ sở, Tiêu Hậu cùng với
22 em, cháu cùng đến thăm, Tiêu Cảnh cùng
23 trông thấy, Tiêu Hậu bảo đốt hương, nhân đó
24 liền quyết biệt cho, Tiêu Cảnh chỉ lưu lại

1 người em Tiêu Võ và người con gái là Cô Ni
2 ấy. Tiêu Cảnh bảo đốt hương, tụng kinh, và
3 nghiêng mình bái Cô Ni ấy rằng: "Ta sắp đi,
4 Đại Bồ-tát Phổ Hiền đến đón rước ta, hiện ở
5 phía Đông viện, Sư hãy đến nghinh tiếp". Cô
6 Ni ấy y theo lời sang nghinh tiếp chưa trở lại,
7 Tiêu Cảnh bảo rằng: "Ở viện này là nơi
8 không sạch sẽ nên Bồ-tát không chịu đến, tôi
9 phải đến đó. Các người hãy khéo vui sống!"
10 nhân đó cùng Tiêu Võ v.v... từ biệt, Tiêu
11 Cảnh bèn quỳ thẳng chấp tay xoay mặt về
12 hướng Tây, trong chốc lát ngã xuống mà qua
13 đời. Di lệnh bảo chở riêng một xe dùng làm
14 phục vụ ở tại thân, người vợ không được tiền
15 đưa an táng, không được dùng rượu thịt để
16 cúng tế, khắp đục hôm sau mới bảo vùi lấp
17 quan tài. Từ triều đình cho đến thôn dã, mọi
18 người đều ngợi khen sự thông minh của Sư.
19 Người nhà kính vâng thực hành theo.

20 ***13. Vi Trọng Khuê ở Lâm cung:***

21 Vi Trọng Khuê, bản tánh vốn hiếu đễ, rất
22 được mọi người trong thôn xóm mến quý.
23 Năm mười bảy tuổi, Sư vượt hơn đồng bạn
24 rất khác lạ, làm Mông Dương trưởng, cha tên

1 Liêm tự nương tựa ở Dương đô, vì tuổi già
2 mà trở về. Vào niên hiệu Võ Đức (618-627)
3 thời Tiền Đường, bị bệnh nặng, Trọng Khuê
4 chẳng cời mở dai mào mà nuôi dưỡng. Lâu
5 sau, cha Sur qua đời, Trọng Khuê bèn từ tạ
6 thể thiếp, đến ở bên phải phần mộ, do rất kính
7 tin Phật giáo nên trì tụng kinh Pháp Hoa, ban
8 ngày thì khiêng đất đắp làm phần mộ, ban
9 đêm thì chuyên tụng kinh, tinh thành không
10 mỗi một, ba năm sau chẳng trở về. Có một
11 con hổ ban đêm đến trước lô ngồi chồm hồm
12 nghe kinh, giầy lâu chẳng đi, Trọng Khuê lập
13 chánh niệm rằng: "Mong thú dữ chẳng đến
14 bức hại". Hổ liền đứng dậy bỏ đi, đến sáng
15 sớm thấy nhiều quanh, ở phần mộ mọc bảy
16 mươi hai cành cỏ chi, ngay trước phần mộ
17 xếp hàng thứ lớp như do người trồng nên,
18 cành màu đỏ, tán màu tím, tán dài năm tấc,
19 màu sắc sáng đẹp khác thường. Có người ở
20 gần thôn đem báo trình việc ấy với châu
21 huyện. Bảy giờ, Cử Quân Xương làm Thứ sử
22 nói dụ làm riêng giá cùng đến chỗ phần mộ
23 để cúng tế, bỗng có một con chim dáng như
24 vịt, ngậm hai con cá chép, mỗi con dài một

1 thước bay đến trước mặt Quân Xương, đặt cá
2 xuống đất rồi đi. Quân Xương, v.v... vô cùng
3 khen ngợi, hái cỏ chi phong tấu, ban sắc
4 chiếu biểu ở cổng làng. (Em của Vi Trọng
5 Khuê đời Tùy làm Đại lý các bộ đến nói, và
6 người ở trong Lư châu cũng đồng nói).

7 ***14. Thích Tuệ Hiến chùa Ngõa Quan ở***
8 ***Kim Thành, thời Tiền Đường:***

9 Thích Tuệ Hiến, là người xứ Kim Thành,
10 sớm mất cha mẹ. Sau khi xuất gia, Sư nghiêm
11 trì giới hạnh, theo thầy học Đạo, tụng thông
12 kinh Pháp Hoa, chuyên chí lấy làm chánh
13 nghiệp, phát nguyện ở chỗ phần mộ của cha
14 mẹ mà tụng kinh, muốn cứu khổ luân hồi.
15 Qua ba năm, siêng năng phúng tụng không
16 hề tạm phế bỏ. Đến canh ba trong đêm, tự
17 nhiên giữa hư không có ánh sáng rực rỡ, lại
18 có mưa hoa như tuyết rơi xuống, trong đó có
19 tiếng nói bảo với Sư rằng: "Tôi là cha của
20 ông, nhờ năng lực lúc mới bắt đầu tụng kinh
21 đã được sinh ở cõi trời thứ hai, khi ông tụng
22 đủ ngàn bộ, có Thánh chúng đến đón rước,
23 từ cõi trời mà sinh về Tịnh độ. Thân mẫu của
24 ông nhờ năng lực kinh Niết-bàn mà được

1 sinh về cõi nước Bất động. Lúc thân mẫu ông
 2 sinh về nước đó, ban ngày viết kinh Niết-bàn
 3 một quyển. Ông tụng kinh giúp cho mẹ ông
 4 sống ở nước đó tốt đẹp!". Nói xong liền biến
 5 mất. Mọi người ở gần trong xóm cho là mất
 6 lửa, đến sáng sớm sang hỏi. Sư kể lại đầy đủ
 7 đầu đuôi việc ấy, mọi người nghe đều buồn
 8 khóc, đồng ở phần mộ trì tụng kinh để giúp
 9 cho người thân, đại loại như thế có rất nhiều.

10 ***15. Thích Tuệ Hòa chùa Chúng Tạng, ở***
 11 ***Đô Hạ:***

12 Thích Tuệ Hòa, Sư là người sống trong
 13 khoảng niên hiệu Thái Thi (465-472) và
 14 Nghĩa Gia (?) đời tiền Tống. Trước lúc chưa
 15 xuất gia Sư làm giặc ở phương Nam, Lưu Hồ
 16 Hạ Đô Tham âm mưu đến đóng trước Tân
 17 lâm, bị bắt, liền muốn chém đầu, trước đó ở
 18 đầu chim thước gặp ở đài Quân, đã trải qua
 19 khiếp sợ, từ đó về sau, thường tụng niệm kinh
 20 Quán Thế Âm. Đến lúc bị giết, tâm càng chí
 21 thành, bèn bảo rằng: "Chém đi". Ba lần chém
 22 ba lần gãy. Khi đó, Quân chủ cho là việc khác
 23 thường, bèn thả đi. Được thoát chết, Sư bèn
 24 xuất gia.

16. *Thôi Nghĩa Khởi:*

Thôi Nghĩa Khởi là người chẳng hề kính tin Phật, cha của vợ Tiêu Khanh là người thiện niệm, trì tụng các kinh Pháp Hoa, Bát-nhã đến mấy ngàn biến, rượu thịt chẳng hề mang vào cửa. Vào tháng 5, vợ của Thôi Nghĩa Khởi qua đời, Khởi nhân ngày tuần thứ ba (21 ngày) thiết trai dâng cúng, trong lúc đang dùng bữa, có người tới trong nhà tên là Tố Ngọc làm tiếng nói của phu nhân (vợ của Khởi) mà bảo rằng: "Lúc còn sống, ta tuy có nghe nói về địa ngục mà chẳng hề tin, đến nay chịu khổ, thật không thể nói! Các người nam nữ, v.v... chẳng thể không tin, do các người vì Ta mà chuyển đọc tôn kinh, đốt đèn công đức, nên ta được tạm cho trở về, bèn đến cùng đại chúng để tỏ bày sám hối. Đến ngày 20, ta sẽ trở lại và dẫn dắt Tố Ngọc cùng đi xem ta chịu tội". Đến kỳ hẹn, quả nhiên dẫn Tố Ngọc đi, Tố Ngọc thấy quan phủ thành lớn, phu nhân vào trong một viện riêng, chốc lát sau có vạc lửa giường sắt, tất cả đều đến, phu nhân nhận chịu độc khổ. Tố Ngọc bỗng thấy cha của phu nhân là Tiêu

1 Khanh ngồi trên đài hoa sen bảo phu nhân
2 rằng: "Hãy sớm thả Tổ Ngọc!". Và trở lại bảo
3 với Tổ Ngọc rằng: "Con gái của ta lúc còn
4 sống chẳng nghe lời ta, thường sân hận ghét
5 ganh, chẳng tin thiện ác. Nay chịu khổ như
6 thế, ta không có năng lực để cứu thoát!
7 Người trở về hãy báo với chồng con của nó,
8 khuyên nên tu tạo công đức, không bao lâu
9 sẽ được giải thoát!". Tổ Ngọc lại thấy một vị
10 Bà-la-môn tăng từ giữa hư không sà xuống,
11 Tổ Ngọc tụng kinh Kim Cương Bát-nhã, lại
12 tụng kinh Dược Sư, Pháp Hoa hai quyển một
13 biến, hai quyển đều đổi tên là Thanh văn. Lại
14 bảo: "Người ở cõi Diêm-phù-đề không tin
15 Phật, người tụng kinh với tiếng Bà-la-môn
16 này đều hiểu lời kinh, người tở (Tổ Ngọc)
17 chết giấc ba ngày sống lại, người nhà lương
18 thiện, mới đầu như thường gặp hoạn.

19 Đến tháng giêng niên hiệu Lân Đức thứ
20 nhất (664) thời Tiền Đường, ở nhà Tiết
21 Tướng Quân thiết trai, đón người tở (Tổ
22 Ngọc) thỉnh ba luồng Phật đánh cót, Bà-la-
23 môn Tăng bảo thử dạy răn, Tổ Ngọc bèn lên
24 tòa tụng liên tục, không sót một chữ. Mọi

1 người đều chấp tay khen rằng: "Nhu¹ bản ở
2 các nước Tây Vực không khác!" cả chúng
3 đều kinh hãi ngỡ vực sự việc ly kỳ hiếm lạ.
4 Tiết Tướng Quân bèn trình tấu, vua Cao
5 Tông (Lý Trị) than rằng: "Trong trăm quan
6 cũng có người không tin! Minh Đạo như thế,
7 sao được không tin ư?". Khi ấy, trong các
8 hàng triều quý mọi người thấy nghe đều phát
9 sinh niềm tin lớn. Tư Thành Quan Bác Sĩ
10 Mang Thúc Nguyên lại thỉnh hai mươi vị
11 tăng đến vườn nhà ở phường Dục Thiện, mời
12 Tổ Ngọc bảo tụng lại bản kinh bằng âm Phạm
13 sâu mầu, khiến mọi người ưa thích nghe. Tự
14 bảo là chẳng quên xưa cũ. (Xuất xứ từ Cảm
15 Thông lục quyển hạ).

16 ***17. Cái Hộ ở Sơn Dương:***

17 Cái Hộ là người xứ Sơn Dương, từng bị
18 bắt giam vào ngục đáng tội chết. Nhưng Cái
19 Hộ vốn người có trì tụng kinh Quán Thế Âm,
20 suốt ba ngày ba đêm tâm không đứt quãng,
21 bỗng nhiên đang lúc nửa đêm, tự mắt nhìn
22 thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, lại phát ra ánh
23 sáng soi chiếu đến đó, tức thời gông cùm
24 xiềng xích tự tháo rã, các cánh cửa tự mở

1 toang, bèn dẫn Cái Hộ đi ra. Cái Hộ theo ánh
2 sáng mà chạy đi, vừa được ít dặm đường, ánh
3 sáng bèn tắt mất. Cái Hộ dừng nghỉ lại trong
4 cỏ, đến sáng từ từ đi ra, và được thoát khỏi.
5 (Ứng Nghiệm Truyện).

6 **18. Mộ Dung Văn Sách ở Tần Châu:**

7 Ở huyện Thượng Bang, Tần Châu có
8 người tên là Mộ Dung Văn Sách, năm mười
9 bảy tuổi, tụng trì các kinh Kim Cương Bát-
10 nhã, Pháp Hoa, v.v... trai giới không khuyết
11 phạm.

12 Vào đêm 15 tháng 4 niên hiệu Đại
13 Nghiệp năm thứ 7 (611) đời Tùy, bỗng có hai
14 con quỷ đến trước giường, tay nắm Văn điệp
15 bảo rằng: "Vua sai đến bắt ông lại!" Văn
16 Sách vô cùng kinh sợ mới đi theo kẻ sứ, dẫn
17 đến một ngôi thành lớn, lầu gác trang nghiêm
18 cao vợi, thành quách có đến sáu lớp. Dẫn vào
19 lớp cửa thứ nhất, thứ hai thì có ánh sáng rực
20 rỡ. Đến lớp cửa thứ ba, cửa ấy cách nhau xa
21 hơn bốn dặm, đều tối mịt, không thấy đường
22 đi. Kẻ sứ dẫn Văn Sách đi qua, đến trong lớp
23 cửa thứ năm thứ sáu, lại có ánh sáng rực rỡ,

1 cách cửa khoảng ba dặm, liền có phòng nhà
2 điện đường, ở bốn phía đều có người cầm roi
3 trượng hộ vệ, trở lại như thấy ở chốn cung
4 quyết không khác. Vua ngồi ngay cung điện,
5 những người được dẫn đến như nam nữ,
6 Tăng Ni, Đạo sĩ, v.v... và cả sáu loại man di
7 không thể kể hết số ấy. Văn Sách đứng ở
8 hàng sau cùng, mỗi người tùy theo xướng tên
9 mà đi qua. Vua hỏi mỗi người lúc sinh tiền
10 đã tu tạo được phước nghiệp gì, xem xét nếu
11 người có phước thì sang đứng ở phía Tây,
12 người không phước thì sang đứng phía Đông.
13 Cuối cùng mới gọi đến tên Văn Sách, vua
14 hỏi: "Một đời ông làm được phước nghiệp
15 gì?". Văn Sách liền phân giải: "Một đời nay,
16 tôi chỉ tụng trì kinh Kim Cương Bát-nhã,
17 Pháp Hoa được tám bộ, còn kinh Bát-nhã thì
18 suốt ngày đêm tụng đọc, lại trì trai giới một
19 ngày không khuyết phạm". Vua nghe nói
20 liền, chấp tay cung kính khen ngợi rằng:
21 "Công đức rất lớn!" Giao phó chủ ty xét kỹ
22 về văn bộ, chẳng sai lầm ở tương lai, pháp
23 điển ấy nắm lấy án nói với vua là Văn Sách
24 chưa đến số chết. Vua liền thả, và bảo sang

1 phía Tây, trong lúc đang đứng chưa đi, có vị
2 Sa-môn tuổi khoảng mười lăm, mười sáu,
3 cầm một bó đuốc rực sáng đi qua trước Văn
4 Sách, tiếp theo sau lại có một vị Sa-di cũng
5 cầm một bó đuốc rực sáng đi qua, Văn Sách
6 liền túm vạt áo ca-sa kéo lại, và nói: "Xin Sư
7 cứu đệ tử, Sư giả làm đuôi tương lai, được
8 vua ban ân trạch xem xét Văn bộ thả trở về,
9 nhưng không biết đường đi, xin Sư từ bi cứu
10 hộ đệ tử chỉ bày cho đường trở lại!". Hai vị
11 tăng ấy bảo với Văn Sách rằng: "Đàn-việt trì
12 kinh Bát-nhã, đọc tụng kinh điển Đại thừa,
13 khéo hành trì trai giới cho bền chặt, nên lại
14 cứu cho". Vì Sa-môn lại bảo rằng: "Ta cầm
15 đuốc đi trước, Đàn-việt chỉ theo sau ta". Trở
16 lại, qua sáu lớp cửa thành mà ra, đến chỗ hai
17 lớp cửa tối, hai vị tăng trên tay cầm đuốc tợ
18 như mặt trời soi sáng đều hiện ra ngoài sáu
19 lớp cửa, hai vị Tăng liền bảo Văn Sách rằng:
20 "Đàn-việt có biết chỗ địa ngục hay chăng?".
21 Văn Sách đáp: "Không biết". Hai vị Sa-di
22 liền đưa tay chỉ về góc phía Tây bắc thành, ở
23 đó có một ngôi thành lớn, cách chừng bốn
24 dặm, là thành của địa ngục, hai vị Sa-di bảo:

1 "Chúng tôi dẫn Đàn-việt đến đó xem". Văn
2 Sách bèn theo thầy đến đó. Ngôi thành ấy cao
3 ngất có cửa thành lớn, đều có lưới sắt rũ
4 xuống, có bốn quỷ La-sát tay cầm xoa sắt
5 đứng hầu hai bên, hai vị tăng bảo rằng: "Đây
6 là cửa địa ngục, tất cả người tội phối vào
7 trong đây đều qua cửa này". Và liền dẫn Văn
8 Sách vào cửa, đi khoảng hai trăm bước, thấy
9 có một sông than, trong đó tất cả những
10 người chịu tội thân ẩn dưới dòng sông, đầu
11 ló lên trên, có đến trăm ngàn vạn ức, lửa dữ
12 thiêu đốt những người tội ấy, đau khổ kêu
13 gào không thể nói hết, lại ở bốn phía đều có
14 giường sắt cây nhận, có bốn ngục tốt tay cầm
15 xoa sắt đi chạy trên bờ, tiếng kêu réo rất đáng
16 kinh hãi, hai vị tăng bảo rằng: mười tám địa
17 ngục đều ở trong đây". Văn Sách thấy thế,
18 trong tâm khiếp sợ chỉ biết niệm Phật, và
19 thường tụng kinh không ngưng nghỉ, hai vị
20 tăng liền dẫn Văn Sách trở ra cửa thành, đến
21 nơi đường trước đã vào. Có năm con đường
22 gần nhau, trong ý Văn Sách mê man, không
23 biết con đường nào để trở về nhà, hai vị tăng
24 liền muốn tách biệt mà đi, Văn Sách lễ bái

1 cầu xin rằng: "Trong năm con đường, đệ tử
2 không biết phải đi đường nào. Xin Sư từ bi
3 chỉ dạy cho đường đi ấy!". Hai vị Tăng liền
4 ngay con đường giữa mà dẫn đi trước. Đi
5 được chừng mười dặm, có một cửa lớn, bít
6 lấp cửa đường đó không đi qua được, hai vị
7 tăng liền dùng tích trượng để mở cửa, và bảo
8 Văn Sách rằng: "Phải cố gắng siêng năng tu
9 tạo công đức, tụng kinh bái sám, chớ nên
10 biếng lười, thì sẽ được sống lâu". Văn Sách
11 từ biệt hai vị tăng, về đến nhà, thân thể trở lại
12 tỉnh ngộ, cha mẹ thân thuộc biết đều kinh sợ,
13 dùng lễ để úy dụ. Văn Sách kể lại về nhân
14 duyên đó, được thả trở về nhà đều là năng lực
15 công đức, người nghe đều vui mừng, tâm ý
16 thư thái. Văn Sách dùng công đức tụng kinh,
17 thọ trì trai giới ấy để khuyến hóa tất cả. Mọi
18 người đều phát tâm, đọc tụng từng ngày một,
19 không hề khuyết thiếu, càng thêm tinh tấn,
20 lại được nhiều năm.

21 ***19. Sa-di ở Pháp Hoa Đài, thời Tiền***
22 ***Tổng:***

23 Pháp Hoa Đài thời Tiền Tổng, tức sau khi
24 Thích Pháp Tông đã quy tâm, khai mở thần

1 giúp tại chỗ ở xưa, lấy làm tinh xá, vì tụng
2 kinh Pháp Hoa nên gọi là Pháp Hoa Đài.
3 Những người dốc lòng phúng tụng ở các
4 châu đều nhóm họp về đài đó, chúng đông
5 gần cả ba ngàn vị, thường đọc tụng trở thành
6 ồn náo lẫn lộn, nên Đại chúng cùng nhau bàn
7 luận chia thành mười hai thời. Để định thời
8 hạn của chúng, nên đánh kiền-chùy làm thời
9 khắc, phúng tụng không ngưng nghỉ, hạnh
10 nghiệp ấy là thường.

11 Bấy giờ, có một vị Sa-di từ phương xa
12 đến, ngu đần không biết câu văn, ngày đêm
13 dốc lòng phúng tụng, mong được đưa vào
14 trong hạn định của chúng, nhưng vì bầm tánh
15 biếng lười, lại không biết rõ về thời khắc. Đại
16 chúng buồn thương cho sự ngu đần đó, bảo:
17 "Người nên hiểu canh là lấy tiếng kiền-chùy
18 làm thời hạn. Trước tập phúng tụng công phu
19 mới thành, và được xếp vào trong hạn định
20 của chúng". Qua một mùa Hạ tụng tập, chỉ
21 mới được vài ba hàng, mọi người đều xem
22 thường, bởi sự tụng tập của Sa-di ấy quá ít,
23 nên chưa xếp vào chúng. Vị Sa-di ấy buồn
24 bã, nên hiểu canh là lấy tiếng chuông làm kỳ

1 hạn, ngày ngày chuyên chí, rơi lệ hồ thẹn với
2 hạnh nghiệp trước, muốn gieo thân xuống
3 sườn núi, xuống vào vực sông sâu, liền lên
4 sườn núi cao buông mình xuống và chết giấc,
5 tâm thức nương theo nghiệp trước vào địa
6 ngục chảo nước sôi, ngục tốt dùng roi gậy
7 đánh đập người tội, gậy sắt chạm vào mép
8 chảo nước, phát ra tiếng như tiếng kiền-chùy
9 trước. Tâm thức vị Sa-di nhớ lại bốn chí, bất
10 chợt tự nhiên tụng niệm đề mục kinh Pháp
11 Hoa. Các người tội trong ngục đều được ngồi
12 trên hoa sen, địa ngục biến thành ao nước
13 trong mát, ngục tốt khen ngợi điều chưa từng
14 có, dẫn vị Sa-di ấy đến tâu trình lên vua
15 Diêm-la. Vua bảo: "Sa-di mạng sống hẵn
16 còn, nên trở lại Diêm-phù-đề, dốc hết tâm chí
17 ấy". Nghe nói thế rồi, như nằm ngủ mà thức
18 giấc, thân thể không mảy may tổn hại, Sa-di
19 ấy về đến chỗ đài kể lại nhân duyên ấy. Trong
20 đại chúng có người tin có người không tin.
21 Sa-di ấy dốc lòng phát nguyện rằng: "Nhu
22 chỗ ngấm thấy của tôi chẳng phải không có,
23 thì nghiệp chướng tiêu trừ, văn nghĩa một bộ
24 kinh tự nhiên suốt thấu". Phát nguyện rồi, Sa-

1 di ấy hành Đạo tụng kinh, văn nghĩa của một
2 bộ tự nhiên tụng thông. Đại chúng lắng nghe
3 lời tụng, thấy đều phục theo. Lên tòa, Sa-di
4 ấy làm tăng, ở trong chúng phúng tụng rất
5 xứng đáng là thượng thủ.

6 **20. Chí Thông ở Lũng Thành, thuộc** 7 **Thiên Thủy:**

8 Tại huyện Lũng Thành, quận Thiên Thủy
9 có Chí Thông, năm chưa đến tuổi hai mươi,
10 sống đã chuyên trì trai giới, đọc tụng các kinh
11 Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã, v.v... Mỗi
12 ngày sáu thời lễ sám chảnh hê khuyết thiếu.
13 Đến năm hai mươi tuổi thì tiết tháo sáng suốt,
14 vào xin Đức Phủ Vệ Sĩ, danh đặt ở Quân
15 Đoàn, vâng theo sắc lệnh sai đi đánh dẹp
16 Nam Man. Từ nhà đến đó đường dài hơn
17 muôn dặm. Đang trên đường đi, ngày đêm
18 Chí Thông luôn lễ tụng không ngưng nghỉ.
19 Khi đến biên giới của Nam man, quan quân
20 bị chiến bại, binh lính chạy tán loạn. Ngay
21 lúc ấy đồng bạn có hơn trăm người, không
22 biết chạy về hướng nào, nên phần nhiều đều
23 bị giết hại. Chí Thông khiếp sợ, không có
24 đường nào chạy trốn, bỗng nhiên có năm

1 người đều cưỡi ngựa cái cùng theo trước sau
2 Chí Thông. Có một người chạy ngựa sát vào
3 bảo Chí Thông rằng: "Chớ lo, chớ sợ! Ông
4 có đủ công đức tu hành, nên trước sau bao
5 bọc, không ai làm hại được. Đi được bảy
6 dặm, đến chỗ một ngôi miếu, bèn vào ẩn nấp
7 trong đó. Quân lính Nam Man bèn về lại
8 doanh điền, bỗng có hai vị tăng đến chỗ Chí
9 Thông và bảo rằng: "Đàn-việt tụng kinh Kim
10 Cương Bát-nhã, Pháp Hoa, lễ bái xưng niệm
11 hồng danh chư Phật, không thể nghĩ bàn, nên
12 sai đến cứu giúp Đàn-việt, vừa rồi có năm
13 người cưỡi ngựa bao bọc trước sau Đàn-việt,
14 đó đều là do năng lực của kinh Pháp Hoa,
15 Bát-nhã, cũng đồng cứu giúp Đàn-việt, sợ
16 giặc làm hại đến thân Đàn-việt, nên phải
17 khéo tu hành phước nghiệp, trì tụng kinh
18 điển, chớ sinh biếng lười. Tất cả các vị Thiện
19 Thần Vương thường cùng hộ vệ". Nói xong,
20 bỗng bay lên giữa hư không mà đi. Đã mấy
21 ngày không được ăn, chẳng thường đói thiếu,
22 bỗng chốc có một Đồng tử đem đến một bát
23 cơm và tương rau, bánh, trao cho Chí Thông
24 ăn. Ăn xong, lại bảo Chí rằng: "Hãy siêng

1 năng tu tạo công đức, tụng kinh Bát-nhã, chớ
2 để thiếu sót". Nói xong cũng bay bổng giữa
3 hư không mà đi. Chí Thông rơi lệ buồn khóc,
4 dốc lòng sám hối, liền trở lại chỗ Đại quân,
5 trải qua ba trận, mà chẳng bị một tác sát làm
6 thương hại. Y cứ vào nhân duyên ấy, tất cả
7 đều là nhờ năng lực của kinh Pháp Hoa, Bát-
8 nhã. Đến nơi phá giặc Nam Man, quan quân
9 được thả trở về, đều chuyên tâm trì tụng kinh
10 Pháp Hoa, Bát-nhã, không ai dám biếng lười
11 khinh mạn.

12 Lại nữa, vào ngày 28 tháng giêng niên
13 hiệu Trinh Quán năm thứ tám (634) thời Tiền
14 Đường, Chí Thông bị bệnh, đến tối mồng 8
15 tháng 2, thì qua đời, bèn bị dẫn đến trước vua,
16 nhìn qua các hạng người rất đông, Chí Thông
17 bèn đứng sau cùng. Ở đó, Diên Xương gọi
18 tên. Và liền hỏi các nghiệp thiện ác của người
19 đó, cũng y theo thứ lớp mà phối hợp. Sau
20 cùng xưng đến tên mình, Chí Thông đi đến,
21 vua hỏi trong một đời vừa qua đã làm được
22 những phước nghiệp gì?". Chí Thông liền
23 trình bày với vua rằng: "Một đời này, tôi trì
24 tụng các kinh Kim Cương Bát-nhã, Pháp Hoa

1 v.v... thường trì trệ trai giới, mỗi ngày sáu thời
2 lễ Phật". Vua nghe nói thế, liền chấp tay cung
3 kính nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Công
4 đức của người này thật không thể nghĩ bàn!".
5 Và vua nói với kẻ Sứ dẫn Chí Thông đến
6 rằng: "Thường ngày y cứ vào Bộ trưởng nào
7 mà đuổi bắt người này giao phó cho chủ ty?
8 Phải nên xem xét tình trạng vàng văn tịch,
9 chớ uổng về tương lai". Chủ ty ấy liền quan
10 đến Thiên Tào trở lại báo rằng: "Thọ mạng
11 của người này (Chí Thông) còn sáu năm nữa,
12 chưa phải chết lúc này". Vua mới đòi y cứ, tự
13 tìm xét quả nhiên chẳng sai lầm. Vua bảo các
14 người hầu chung quanh lấy giường ghé mang
15 đến. Người hầu liền đến chái nhà phía Nam
16 mang giường vàng ghé ngọc đến trước mặt
17 vua. Vua bảo đưa lên an trí ở phía Tây của
18 điện, trải bày các thứ chăn nệm, và bảo mời
19 Chí Thông lên tòa tụng kinh. Chí Thông bèn
20 tụng kinh Bát-nhã, Pháp Hoa mỗi thứ một
21 quyển đều thông thuộc. Vua lại sai người vào
22 trong điện tạc lấy văn bộ tụng kinh và tu
23 công đức của Chí Thông. Vị điện xướng và
24 Chí Thông theo hướng Tây cùng đi lấy, đi

1 khoảng hai dặm có một Đại tạng kinh. Nơi
2 có Bộ công đức trước đều cất giữ ở trong đó,
3 và đều được trang nghiêm bằng bảy báu, kẻ
4 sứ trong chỗ thấp nhất lấy ra được một quyển
5 có chừng mười trang giấy, bên ngoài đề hiệu
6 là "Chí Thông tạo Công Đức bộ" (= Sổ ghi
7 chép tu tạo công đức của Chí Thông). Liên
8 mang đến cạnh vua, mở rút trong đó thấy ghi
9 chú "Chí Thông tụng kinh Bát-nhã muôn
10 biến, tụng kinh Pháp Hoa ngàn biến". Công
11 đức lễ Phật thọ trì trai giới đều đầy đủ trong
12 đó. Vua bảo với kẻ Sứ rằng: "Công đức của
13 Chí Thông tu tạo thật nhiều lắm. Nên dẫn đến
14 cho xem các địa ngục, để biết tội phước". Kẻ
15 Sứ vâng sắc lệnh dẫn Chí Thông ra thành,
16 theo hướng Tây bắc đi hơn năm dặm, có một
17 ngôi thành lớn, lầu lổ kiếp địch, lưới sắt rủ
18 xuống, ở phía trong của có bốn ngục, ngục
19 tốt đầu như La-sát, miệng phát ra lửa dữ, thân
20 hình cao lớn, tay cầm xoa sắt, đứng ở hai bên
21 có hai con chó đồng ở cửa hai chái nhà,
22 miệng nhà ra đồng sôi rưới vào chỗ ngục, rót
23 bắn vào người tội. Tất cả mọi người chịu khổ
24 đều vào từ cửa này, mười tám địa ngục đều ở

1 tại thành này. Chí Thông thấy như thế, thân
2 tâm kinh sợ, không thể tự an. Lúc dẫn trở lại
3 chỗ vua, bèn nói rằng: "Đã thấy địa ngục rồi".
4 Vua nói với Chí Thông rằng: "Nay ông thấy
5 đủ các thứ nghiệp quả tội phước phải nhận
6 chịu, thì nên khéo siêng năng tinh tấn đọc
7 tụng kinh điển chớ phế bỏ. Mạng sống của
8 ông hiện nay còn được sáu năm. Nay thả ông
9 về nhà, chớ nên sinh tâm lui sụt, vì lui sụt sẽ
10 rơi vào đường ác, không có người cứu ông.
11 Phải đọc tụng chớ lui sụt tâm Bồ-đề, ở nơi
12 ông kéo dài năm tháng, đến lúc già qua đời
13 sẽ sinh về Tịnh độ". Chí Thông sống lại, kể
14 lại việc ấy, càng tu càng tụng, sau sáu năm
15 mới qua đời, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng,
16 được cảnh Tịnh độ đón rước.

17 ***21. Bà quả phụ ở Lương châu:***

18 Ở Lương châu có bà quả phụ họ Lý, gia
19 đình kính thờ Phật pháp, thường theo dự các
20 trai hội, sau khi nghe bài giảng liền có thể
21 tụng đọc lại. Về sau, bỗng nhiên có một
22 người phụ nữ vốn là kẻ tội tở của Công chúa
23 đến xin trú ở qua đêm, đến sáng ngày vẫn
24 nhắm mắt mà không nở đuôi đi. Chỉ chốc lát,

1 có kẻ lại đến lục bắt và bảo là: "Lý (bà quả
2 phụ) che giấu kẻ tội tở phản nghịch". Đã bị
3 lục bắt giao vào nhà ngục. Bà quả phụ liền
4 dốc lòng tụng kinh Quán Thế Âm, được hơn
5 mười ngày, bỗng nhiên mắt thấy Bồ-tát Quán
6 Thế Âm đến hỏi Lý rằng: "Vì sao chẳng đi?".
7 Lý đáp: "Không thể đi được!". Bồ-tát Quán
8 Thế Âm lại bảo rằng: "Chỉ cần đứng dậy thì
9 gông cùm tự mở". Khi đó, bà quả phụ đi
10 thẳng về nhà. Ngục quan và người canh giữ
11 đều chẳng tự hay biết. Về sau kẻ tội tở ấy biết
12 sai đến hỏi: Vì sao được trở về, bà trả lời đầy
13 đủ như thế, và cũng chẳng bị bắt lại. Đó thật
14 là do năng lực tụng kinh nên chiêu cảm thánh
15 ứng.

16 **22. Cao Thủ Tiết ở Tinh Châu đời Tùy:**

17 Vào đời Tùy, ở Tinh châu có người tên là
18 Cao Thủ Tiết, gia đình vốn nhiều đời kính
19 tin, phụng thờ Phật pháp. Mà Thủ Tiết lại rất
20 tinh thành. Lúc khoảng mười sáu, mười bảy,
21 có du hóa tại quận, giữa đường, Thủ Tiết gặp
22 một vị Sa-di chứng năm, sáu mươi tuổi, tự
23 xưng tên mình là Hải Vân, cùng nhau bàn
24 nói, nhân đó hỏi rằng: "Đứa trẻ có thể tụng

1 kinh chẳng?". Thủ Tiết đáp rằng: "Nhận biết
2 được gốc tâm". Hải Vân liền dẫn Thủ Tiết
3 đến núi Ngũ Đài, tới nơi thấy có ba phòng
4 nhà bằng cỏ tranh, vừa được dung thân, bèn
5 ở trong đó, dạy cho tụng kinh Pháp Hoa. Khi
6 Thủ Tiết tụng kinh thì Hải Vân ra ngoài khát
7 cầu mọi thứ để cung cấp y thực. Thủ Tiết có
8 thấy một vị tăng Ấn-độ đến cùng Hải Vân trò
9 chuyện nói cười suốt ngày mà qua lại. Sau
10 đó, Hải Vân hỏi rằng: "Có biết vị tăng Ấn-độ
11 vừa rồi chẳng?". Thủ Tiết đáp: "Không biết".
12 Hải Vân khân khoản dường như cười đùa,
13 bảo rằng: "Đó là Bồ-tát Văn- thù-sur-lợi!".
14 Thủ Tiết tuy từng tiếp thừa lời nói ấy nhưng
15 chưa tỏ ngộ ý chỉ. Sau, Hải Vân sai Thủ Tiết
16 xuống núi vào xóm để nhận vật, bèn răn bảo
17 rằng: "Người nữ là gốc của mọi thứ xấu ác,
18 làm hư hoại Đạo Bồ-đề, phá nát thành Niết-
19 bàn, ông đến trong nhân gian, phải rất thận
20 trọng". Thủ Tiết vâng lời dặn bảo ấy mà
21 xuống núi, giữa đường thấy một người nữ
22 chừng mười bốn tuổi, y phục mới đẹp hoa
23 hòe, dáng dấp xinh xắn, cười một con ngựa
24 trắng đi thẳng đến trước, cúi đầu hướng về

1 Thủ Tiết nói rằng: "Thân có hoạn gấp, muốn
2 được xuống ngựa, nhưng vì cưỡi ngựa nó hay
3 nhảy vọt, không do đâu để tự chế ngự, mong
4 anh vui lòng cứu giúp thân mạng bé bỏng
5 này!". Thủ Tiết bèn nhớ lại lời Thầy (Hải
6 Vân) chẳng hề đoái hoài nhìn lại. Người nữ
7 ấy cũng đuổi theo đến mấy dặm, thiết tha nói
8 lời ấy. Thủ Tiết vẫn giữ chí khí như lúc đầu.
9 Bỗng chốc bị mất dấu. Sau khi về lại nơi cũ,
10 Thủ Tiết trình bày lại việc ấy, Hải Vân bảo:
11 "Ông thật là người trượng phu, tuy nhiên, đó
12 chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi!". Thủ Tiết
13 còn chưa tỏ ngộ, vẫn cho đó là lời nói đùa.
14 Nhưng ở đó tụng kinh trải ba năm, với một
15 bộ kinh Pháp Hoa, Thủ Tiết rất được tinh
16 thuần. Sau đó, nghe ở Trường An độ người
17 xuất gia, trong tâm mong được xuống tóc.
18 Hải Vân bảo: "Xem người hẩn muốn ra đi, sẽ
19 từ già thầy, một lần từ biệt này, khó gặp gỡ
20 lại! Người đến kinh đô, hãy ở Đạo tràng
21 Thiên Định, nương theo Thiên sư Ngọa
22 Luân!". Thủ Tiết vào kinh đô cầu độ, không
23 được toại tâm nguyện, mới đến chỗ Thiên sư
24 Ngọa Luân. Ngài Ngọa Luân hỏi: "Ông từ

1 đâu đến?". Thủ Tiết đáp: "Từ núi Ngũ Đài
2 đến, Hòa-thượng bảo con đến làm đệ tử
3 thầy". Ngài Ngọa Luân hỏi: "Hòa-thượng
4 của ông hiệu gì?". Thủ Tiết đáp: "Hiệu là Hải
5 Vân". Ngài Ngọa Luân kinh hãi than rằng:
6 "Núi Ngũ Đài là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-
7 sư-lợi, Tỳ-kheo Hải Vân tức là vị Đại Thiện
8 tri thức thứ ba của Đồng Tử Thiện Tài. Vì
9 sao ông bỏ những bậc thánh ấy, ngàn kiếp
10 muôn kiếp không nhờ đâu được gặp một lần!
11 Vì sao sai lầm như thế?". Thủ Tiết mới tỏ ngộ
12 mọi sự từ trước đến nay, tiếc rằng chẳng tan
13 nát thân hình, ngay đầu mà ngu tình cuộn
14 cuộn, còn mong gì được thấy lại, bèn từ già
15 ngài Ngọa Luân trở về với dấu vết xưa, suốt
16 ngày đêm rong ruổi mới về đến chỗ cũ,
17 nhưng không hề còn trông thấy gì.

18 ***23. Thích Minh Diệu ở chùa Chiêu***

19 ***Quả:***

20 Thích Minh Diệu, không rõ họ gì. Mới
21 đến tuổi đi học, Sư đã sớm sợ mảnh lưới thế
22 tục, thưa hỏi bến đạo, không hề học ở một
23 thầy cố định. Sư ở chùa Chiêu Quả, thường
24 tụng kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Mỗi lúc

1 tác quán ở chùa Phật Quang, Sư từng cùng
2 Sa-môn Giải Thoát đồng đến chùa Đại Học,
3 cầu thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đến ở phía
4 Bắc vườn hoa, thấy có một vị Sa-môn, dung
5 nghi hình phục khác thường, từ từ đi đến.
6 Bèn đến bên góc phía Đông Phật đường, định
7 đi theo hướng Đông, khi đó trong lòng Sư
8 mừng sợ lẫn lộn, tính từng khuỷu tay mà
9 bước tới, chưa đến vài thước thì không thấy
10 gì nữa, bèn buồn than giây lâu, rồi cùng ngài
11 Giải Thoát trở về!

12 Sư có thân hình cao đến bảy thước, oai
13 dung điềm đạm, bàn nói trình bày thường
14 khơi động tâm người. Có thời gian Sư cùng
15 Sa-môn Hội Tích trước kia đến núi Ngũ Đài,
16 đích thân lễ bái, Sư nói với ngài Hội Tích
17 rằng: "Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười
18 hai (616) đời Tùy, tôi thấy Thiền sư An đi
19 khắp các danh sơn, chùa viện, lễ bái tham hầu
20 thánh tích. Ngày nay lại thấy pháp Thiền là
21 chẳng thể nghĩ bàn. Nguyên cho Pháp sư
22 được sống lâu không bệnh, để mở mang,
23 khen ngợi Phật thừa". Bấy giờ Sư đã một
24 trăm lẻ sáu tuổi mà chưa phải chống gậy, và

1 thần thái không rơi lạc. Không biết về sau,
2 Sư bao nhiêu tuổi mới thị tịch.

3 **24. Thích Tăng Hồng ở chùa Ngõa** 4 **Quan:**

5 Thích Tăng Hồng trụ chùa Ngõa Quan ở
6 Đô Hạ, tu tạo tôn tượng bằng vàng cao
7 trượng sáu, khuôn mẫu vừa làm hoàn tất, lúc
8 đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười hai
9 (416) đời Đông Tấn, có sắc lệnh cấm đúc đồ
10 đồng, Sư chưa nghe biết nên làm khuôn để
11 đúc tượng, bèn bị quan thâu bắt đưa đến
12 tướng phủ, bởi tội gian đáng phải bị chết, Sư
13 bèn trì tụng kinh Pháp Hoa Quán Thế Âm,
14 được một tháng, bỗng nằm mộng thấy pho
15 tượng mình đã đúc đi đến chỗ ngục, đưa tay
16 xoa đánh đầu Sư và hỏi: "Ông có sợ chăng?".
17 Sư trình bày đầy đủ sự việc. Tượng lại bảo:
18 "Không nên lo sợ!". Trong mộng ngài thấy
19 tôn tượng vuông vắn một thước, sắt đồng đỏ
20 chảy. Sau được trông thấy giết. Ngày đó, Phủ
21 Tham quân đóng đèn trông coi hình quyết,
22 mới đầu kêu gọi xa giá, mà trâu chẳng hề
23 chịu vào. Khi đã vào lại tuồng xe chạy bị
24 phiền toái, đến nỗi phải nhắm mắt không

1 nhìn thấy. Lại định ngày hôm sau. Do đó mà
2 có sắc ban Từ Bành Thành trở về Đạo, nếu
3 chưa giết Tăng Hồng, thì ân hận miễn đến.
4 Ngài ra phá khuôn để xem tượng, quả nhiên
5 tự trước ngực đúng như trong mộng. Tôn
6 tượng ấy hiện nay vẫn còn tại chùa Ngõa
7 Quan, nên biết do năng lực tụng kinh mà cảm
8 thánh.

9 **25. Vương Châu ở Thái Nguyên:**

10 Vương Châu, tự là Thúc Diễm, người xứ
11 Thái Nguyên. Niên hiệu Nguyên Gia năm
12 thứ chín (432) thời Tiền Tống, làm Bồi Lãng
13 quận lệnh, gặp phải giặc nên tan mất cơ đồ,
14 bị bắt giam tại phủ ngục ở Giang Lăng, mang
15 một cái khóa lớn, đinh rất cứng chắc. Vương
16 Châu ở trong ngục trì trai tụng kinh Quán
17 Thế Âm. Một đêm, bỗng mộng thấy tự mình
18 lên ngôi trên tòa cao, có vị Đạo nhân trao cho
19 quyển kinh, tựa đề là "Quang Minh An Lạc
20 Hạnh Phẩm" và danh hiệu các vị Bồ-tát.
21 Vương Châu có được bèn mở ra đọc xem,
22 quên mất tên vị Bồ-tát thứ nhất, nhớ vị thứ
23 hai là Quán Thế Âm, vị thứ ba là Đại Thế Chí
24 đều có cõi nước và danh hiệu. Do đó, thức

1 giắc bèn thấy khóa ở phía sau đã mở, Vương
2 Châu biết là có cảm ứng, chẳng còn phải lo
3 sợ. Nhân tự định sửa lại khóa đó, y như
4 thường mà đóng. Trải qua ba ngày mọi sự
5 chẳng như ý, bèn thả Vương Châu ra.

6 Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười
7 chín (442) thời Tiền Tống, Vương Châu lại
8 làm Vệ Phủ Hành tham quân theo trấn ở
9 Quảng Lăng, tinh tấn càng chí thiết.



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 6

VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 4)

1. Đạo nhân ở Việt Châu
2. Huân Hùng ở Hà Đông
3. Thích Thông Tuệ
3. Sa-di chùa Khai Thiện
5. Thích Phước Duyên
6. Bành Tử Kiêu
7. Thích Tuệ Thắng
8. Ni Sư Pháp Không
9. Thích Diệu Liên
10. Thích Tuệ Sinh
11. Thích Đàm Nghĩa
12. Thích Thanh Tuệ

1 13. Vương Cốc

2 14. Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp

3 15. Ngô Lâm Thông

4 16. Lý Sơn Long

5 17. Đạt-ma-bạt-đà

6 18. Thích Tăng Trí

7 19. Thích Tuệ Đạt

8 20. Bà goá phụ họ Dương

9 21. Thích Pháp Đạo

10 22. Hai vị Tăng ở Bắc Đạo.

11 23. Hai vị Tăng chùa Thắng Nghiệp

12 24. Trúc Trường Thư.

13 ***1. Đạo nhân ở đạo tràng Quán Âm***
 14 ***thuộc Việt Châu:***

15 Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám
 16 (502-520) thời Nam Lương, Sa-môn Thích
 17 Pháp Chánh người xứ Bá Tể quả hành lý
 18 theo hướng Tây đi tìm thầy học Đạo, Sư cũng
 19 là người rất thông hiểu nghĩa thú, tu hành tinh
 20 tấn. Ở tại đất Lương hơn ba mươi năm, mà
 21 chẳng thể quên dứt quê cũ, nên về lại Bá Tể,
 22 Sư tự giảng nói những gì thấy nghe được ở
 23 Nam Lương.

1 Ở quả núi nơi biên giới Việt Châu, có một
2 Đạo tràng tên là Quán Âm, có tường nhà
3 Quán Âm nên Sư đến xem, cây gỗ rui lách
4 đều hư hết mà vách tường hiện tại vẫn còn, ở
5 đó có hai Đạo nhân cùng nhau kết giao vào
6 núi, một vị thích trì tụng kinh Hoa Nghiêm,
7 một vị thích trì tụng kinh Pháp Hoa, mỗi
8 người ở một hang động, răn nhau làm đồ thất,
9 vị tụng kinh Hoa Nghiêm với kỳ hạn một
10 tháng thì hoàn tất, trong tâm nghi ngờ bạn
11 mình không biết tụng đã được bao nhiêu nên
12 đến dò xét, thì thấy chưa tụng được một
13 quyển nào, bèn nói rằng: "Kỳ hạn đã sắp hết,
14 lương thực gần muốn cạn, nên đến kỳ hạn mà
15 hoàn tất. Nếu không thể niệm tụng trọn cả
16 một bộ kinh Pháp Hoa thì hãy tụng kinh
17 Quán Thế Âm thôi". Nói xong, ông trở về
18 thất của mình. Từ đó, vị thích tụng kinh Pháp
19 Hoa trong tâm tự đau buồn, do xưa có nhân
20 căn trí ám độn, bèn dốc lòng đọc tụng, suốt
21 ngày đêm chẳng biếng trễ, tụng thàm được
22 hơn một nửa. Vài ngày sau đó, vị thích tụng
23 kinh Hoa Nghiêm lại đến và tình thật mà nói
24 rằng: "Tôi đã tụng xong hết kinh Hoa

1 Nghiêm, vì sao chỉ mới bắt đầu của kinh
2 Quán Thế Âm như thế, huống chi đã qua hai,
3 ba ngày mà chẳng am tường ư? Nếu tôi bỏ
4 ông mà đi thì trái với giao ước, còn đợi chờ
5 ông hoàn tất thì lương thực sắp hết, đã qua ba
6 ngày chẳng trọn, đúng lý là không được cùng
7 đợi, nhưng thôi hẹn ông ngày mai cùng trở
8 lại. Ông nên cố gắng!". Vị tụng kinh Pháp
9 Hoa lại khổ đau gấp bội lúc trước, bèn dốc
10 lòng tụng niệm mới được hoàn tất. Sáng sớm
11 hôm sau, vị tụng kinh Hoa Nghiêm lại đến và
12 bảo rằng: "Mới đầu của kinh Quán Thế Âm
13 như thế còn chẳng trì tụng được, thì không
14 biết làm sao nữa! Nay tôi xin từ giã ông mà
15 đi". Vị tụng kinh Pháp Hoa liền quỳ mà thưa
16 rằng: "Hồi hôm vừa tụng được hoàn tất!".
17 Khi đó vị tụng kinh Hoa Nghiêm rất vui
18 mừng muốn cùng thử xem, bèn ngồi trên
19 giường đọc tụng suốt ba mươi quyển kinh
20 không một sai sót. Kế đến vị tụng kinh Pháp
21 Hoa lên giường đọc tụng, vừa mới mở lời,
22 liền ở giữa hư không các thứ hoa hương rải
23 như mưa xuống, hoa rải khắp đồ thất, hương
24 thơm tỏa ngát cùng hang động, hơi khí hòa

1 quyen đầy trời, chẳng thể kể hết. Khi đó, vị
2 tụng kinh Hoa Nghiêm mới xuống đất cúi
3 đầu, đầu mặt đều đổ máu, sám hối tội lỗi. Sự
4 việc hoàn tất, vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn
5 muốn giã biệt. Vị tụng kinh Pháp Hoa cản
6 ngăn và bảo rằng: "Thường có một ông lão
7 biếu tặng lương thực cho tôi, ông hãy đợi một
8 thời gian ngắn". Giây lâu chẳng thấy đến, nên
9 vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn từ biệt mà đi.
10 Vị tụng kinh Pháp Hoa muốn mức nước nên
11 đến chỗ giếng, thấy ông lão ấy đang ngồi
12 nghỉ dưới cỏ, bèn lấy làm lạ, hỏi rằng:
13 "Người bạn của tôi vừa mới đến, muốn được
14 cùng cấp thức ăn, vì sao ông trốn không cung
15 cấp thức ăn?". Ông lão đáp: "Người ấy khinh
16 thường tôi như thế, tôi đâu muốn nhìn thấy?".
17 Từ đó mới biết ông lão chính là Bồ-tát Quán
18 Thế Âm nên vị tụng kinh Pháp Hoa liền gieo
19 năm vốc sát đất đánh lễ rất mực chí thành,
20 chốc lát ngửa lên nhìn thì không còn thấy
21 nữa. Chỗ tường vách của vị tụng kinh Pháp
22 Hoa ở đến nay vẫn còn đó! Sa-môn Phát
23 Chánh gần gũi trông thấy như thế.

2. *Huân Hùng ở Hà Đông:*

1 Huân Hùng ở Hà Đông, từ thuở thiếu thời
2 rất mực kính tin Phật đạo, chỉ ăn rau quả suốt
3 vài mươi năm. Đến khoảng niên hiệu Trinh
4 Quán (627-650) thời Tiền Đường, Huân
5 Hùng làm Đại lý thừa. Mùa xuân niên hiệu
6 Trinh Quán năm thứ mười bốn (645) thời
7 Tiền Đường, bị liên lụy với Thứ sử Lý Tiên
8 Đồng Sự, buộc giam ở sử đài. Bấy giờ, vua
9 Thái Tông (Lý Thế Dân) cho là bè đảng nên
10 trong lòng vô cùng tức giận sai Trị thư thị
11 Ngự sử Vi Tông, v.v... tra xét, phòng cấm
12 nghiêm mật. Bị giam cấm có đến mười
13 người, Đại Lý Thừa, Lý Kính Huyền, Tư
14 Trục, Vương Hân đều bị liên lụy, cùng với
15 Huân Hùng đồng giam trong nhà tù, và đều
16 bị xiềng xích chắc chắn. Huân Hùng chuyên
17 tâm niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh
18 Pháp Hoa, qua vài ngày được ba ngàn biến.
19 Đang trong đêm ngồi tụng kinh, khóa xích
20 bỗng nhiên tự mở rơi xuống đất. Huân Hùng
21 kinh hãi báo với Vương Hân và Lý Kính
22 Huyền. Hân và Huyền cùng nhìn thấy xích
23 khóa vẫn sát đất, móc khóa vẫn nghiêm nhiên
24 không hư hoại mà móc và khóa cùng lìa nhau

1 đến mấy thước. Lý Kính Huyền, v.v... lấy
2 làm lạ. Huân Hùng sợ tội trách nên báo với
3 người canh giữ xin xiềng xích mở khóa. Đêm
4 đó Giám sát ngục sử Trương Thủ trực suốt
5 đêm, lại mở xích khóa, Ngục sử lấy đuốc lửa
6 soi thì thấy xích khóa không mở mà tự nhiên
7 lìa nhau, rất lấy làm lạ, nhân đó mở khóa để
8 khóa lại, dùng giấy dán buộc khóa ấy, viết
9 lên giấy đó rồi đi. Sau đó, Huân Hùng lại
10 ngồi tụng kinh, đến canh năm, xích khóa lại
11 mở rơi mà phát ra tiếng như có người mở.
12 Huân Hùng lo sợ lại báo với Hân và Huyền.
13 Hân và Huyền v.v... bảo rằng: "Muốn hiểu
14 thì không nên gọi Ngục sử". Khi trời sáng,
15 mọi người cùng đến xem, móc khóa mỗi tự
16 rơi lìa xuống đất mà xích khóa vẫn còn hợp,
17 chỗ dán bít đặt toàn như cũ không đổi thay,
18 móc lại rất nguyên vẹn kín đáo không thể mở.
19 Lý Kính Huyền từ thuở nhỏ đến lúc trưởng
20 thành chẳng hề tin Phật pháp, những lúc thấy
21 vợ tụng kinh, thường bảo rằng: "Vì sao lại
22 nịnh nọt thần người Hồ mà đọc sách ấy ư?
23 Đến lúc thấy việc này của Huân Hùng, mới
24 rất khen ngợi, tỉnh ngộ, bảo rằng: "Nay tôi

1 mới biết Phật là bậc Đại thánh không người
 2 nào sánh bằng. Thật không thể nghĩ bàn!".
 3 Bấy giờ, Vương Hân cũng tụng niệm danh
 4 hiệu tám vị Bồ-tát đủ số ba mươi ngàn biến,
 5 giữa ban ngày, xích khóa tự mở rơi, trông
 6 thấy xích khóa vẫn nằm dưới đất, Huân Hùng
 7 chẳng lấy làm lạ. Lý Kính Huyền từ đó mới
 8 tin phục, hồ thẹn sám hối. Thế rồi, ba người
 9 đều được linh ứng. Lý Kính Huyền bèn viết
 10 kinh Pháp Hoa, họa tôn tượng tám vị Bồ-tát,
 11 quy y cúng dường. Đến lúc bệnh tình quá
 12 nặng ở tại nhà, Lý Kính Huyền chưa hỏi về
 13 tật bệnh, mà chỉ nói lại đầy đủ việc ấy. Lúc
 14 lâm bệnh càng nhiếp tâm. Hỏi Đài nội quan
 15 lại thì cùng như điều Lý Kính Huyền nói
 16 không khác, Huân Hùng tự kể lại việc đó, mà
 17 càng tinh thành dốc chí. Đến nay Huân Hùng
 18 hiện làm Chu chất lệnh (Cảm Thông Lục,
 19 quyền hạ).

20 **3. Thích Thông Tuệ ở Lưu Châu, thời** 21 **Tiền Đường:**

22 Thích Thông Tuệ, họ Ngu, thuở thiếu thời
 23 rất siêng năng, tiết tháo tinh thuần, xuất gia
 24 làm Sa-di, chỉ ăn rau quả khô tiết, chuyên học

1 luật nghi, lại thông luật tạng. Năm hai mươi
2 tuổi thọ giới Cụ tục.

3 Bấy giờ có vị thầy đoán tướng nói với Sư
4 rằng: "Sư là người rất thông minh trí tuệ,
5 không có tướng tà vạy. Chỉ có thọ mạng hơi
6 ngắn không thể tiếp nối khuôn phép!". Sư
7 nghe lời ấy bèn hỏi các vị Đại đức rằng phải
8 tu công đức gì để kéo dài tuổi thọ. Khi ấy,
9 các vị Đại đức đặt thức bàn luận với nhau
10 rằng: "Giáo pháp Đức Phật giảng nói trong
11 một đời thì kinh Pháp Hoa là tối đại. Nếu thọ
12 trì thì không già không chết. Nếu y pháp mà
13 thọ trì đọc tụng thì sẽ được sống lâu". Lúc đó,
14 Sư cũng được dự nghe bàn, bèn tạm xả bỏ
15 sách vở giới luật, theo thầy thọ học kinh, liền
16 vào trong núi sâu thọ trì kinh Pháp Hoa, siêng
17 năng phụng tụng. Sau ba năm, Sư xuống núi
18 tìm đến nơi vị thầy đoán tướng trước kia. Vị
19 ấy hỏi: "Sư tu công đức gì mà được tuổi thọ
20 đến năm mươi, mau chóng như thế? Sư đáp:
21 "Trước kia bị tướng mạng sống ngắn ngủi,
22 nên vào núi sâu tụng đọc kinh Pháp Hoa sáu
23 ngàn biến nên được lợi ích cao quý như thế,
24 ngoài ra không hề có công đức gì khác!".

1 Thầy đoán tướng ấy khen ngợi: "Công đức
2 của kinh giáo Đại thừa có khả năng kéo dài
3 mạng sống bị ngắn ngủi, nhờ công đức này
4 giúp cho Đại đức tuổi thọ hơn chín mươi!".
5 Về sau quả thật Sư sống thọ như lời dự ghi
6 của thầy tướng.

7 **4. Vị Sa-di ở chùa Khai Thiện, đời Tùy:**

8 Dưới đời Tùy, Tạng Công ở chùa Khai
9 Thiện có nuôi vị đệ tử Sa-di, tuổi mới mười
10 lăm mà nhận biết được oai nghi, chẳng trái
11 tình ý mọi người, nên mọi người thấy đều
12 vừa ý. Bấy giờ có Hà Dận đến nói với Tạng
13 Công rằng: "Vị Sa-di này không có tuổi thọ
14 lâu dài!". Tạng Công nghe thế buồn thương,
15 vị Sa-di ấy bèn trở về nhà sống với cha mẹ.
16 Năm năm sau, vị Sa-di ấy đến chỗ Tạng
17 Công, Tạng Công khởi ý niệm lạ, nên hỏi Hà
18 Dận rằng: "Sa-di ấy sao đổi tướng như vậy?".
19 Hà Dận đáp: "Tướng đã đổi, được sống đến
20 tuổi tám mươi!" Tạng Công vô cùng khen
21 ngợi kinh lạ, hỏi Sa-di ấy rằng: "Ông có được
22 công đức cao quý gì thế?". Vị Sa-di ấy đáp:
23 "Trọn không tu công đức gì, chỉ nhờ xưa ở
24 trước Tăng phường nghe được một bài kệ là:

1 *"Chư Phật, Đấng phước tuệ*
2 *Biết pháp thường vô tánh*
3 *Giống Phật theo duyên khởi*
4 *Nên nói pháp Nhất thừa".*

5 Nên miệng thường vừa đi vừa tụng không
6 biết được mấy ngàn vạn biến. Đến lúc mộng
7 thấy một vị quan mặc y phục màu đỏ, đem
8 đến một quyển sách và tự xưng là Quan Diếp,
9 liền mở ra đọc, thấy trong đó viết rằng: "Thọ
10 mạng của ông chỉ được mười tám tuổi, nay
11 tụng theo một bài kệ, biến thành tám mươi
12 tuổi, đó là lý do kéo dài tuổi thọ của ông".
13 Khi đó, Tạng Công khen rằng: "Kệ tụng ấy
14 là văn trong phẩm Phương Tiện của kinh
15 Pháp Hoa, Ông y cứ tụng đọc diệu kệ ấy thì
16 được kéo dài tuổi thọ. Xưa kia, tôi vào trong
17 núi suốt năm năm thọ trì kinh Kim Cương,
18 Bát-nhã nên được sống lâu, nay ông vừa đi
19 miệng vừa tụng, thì còn hơn sự tinh khổ của
20 tôi. Đó thật là năng lực của kinh điển Đại
21 thừa không thể nghĩ bàn. Ông chớ sinh lòng
22 biếng mệth nhọc". Mọi người nghe vậy, không
23 ai chẳng vững chắc niềm tin.

24 ***5. Thích Phước Duyên chùa Tây Nhĩ ở***

nước Sa-ha-la:

Ở nước ngoài có ngôi chùa tên là Bồ-đề, từ phía Nam cách hơn mười dặm, ở giữa hư không hiện ra một cung điện bạc, trong đó có các trời nam nữ đùa vui với nhau. Lại hiện lên một cung điện vàng, trong đó có một vị Thánh tăng. Việc đó thật ít có kỳ lạ. Vua quan ở các nước đều nhóm họp lễ bái cúng dường. Khi đó, vị Thánh tăng ấy nói rằng: "Thiên hạ không an ổn, lúa thóc không tốt tươi, tật bệnh đua nhau lan tràn, vì chẳng tin Tam bảo. Cảnh giới Tam bảo không thể nghĩ bàn, trải qua kiếp số như cát sông Hằng chẳng thể khen ngợi hết. Năng lực của kinh Phật cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì ta vốn trụ chùa Tây-Nhĩ ở nước Sa-ha-la, tên ta là Phước Duyên trú trì trong một thất nhỏ, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, chứng đắc Vô sinh nhẫn. Chỗ ta tụng kinh đưa vào trong hộp trắng đặt trong chùa. Di cốt của ta chôn nơi phần mộ xưa trong ngọn núi nhỏ cách chùa hơn mười dặm về phía Tây. Sau khi xả bỏ tuổi thọ mới ba mươi năm, nương theo nguyện lực, nên chiếc lưỡi biển thành sập

1 như ngày nay thường luôn phát ra ánh sáng.
2 Do đó mà biết lời nói của ta hư thật thế nào,
3 nên lại chỉ bày duyên xưa. Các người trời ở
4 trong cung điện bạc là những người cung cấp
5 giúp đỡ tụng kinh!". Nói xong liền ẩn mất.
6 Các vua quan buồn vui lẫn lộn, tìm lại bốn
7 duyên đó đều như chỗ bậc Thánh nói, không
8 chút sai lầm. (Duyên này xuất xứ từ Tây Vực
9 truyện, chẳng phải đích thân được nghe, này
10 chỉ y theo lời ghi xưa mà rút ra đó thôi).

11 **6. Bành Tử Kiêu ở Ích Dương, thời**
12 **tiền Tống:**

13 Bành Tử Kiêu, người ở huyện Ích dương,
14 đảm nhận Bốn quận chủ bộ, đụng chạm với
15 Thái Thú Thẩm Văn Long, nên bị bắt giam
16 vào ngục, Thẩm Văn Long muốn giết ông.
17 Bành Tử Kiêu thuở thiếu thời có xuất gia, về
18 sau tuy hoàn tục mà vẫn thường tụng tập kinh
19 Quán Thế Âm. Bảy giờ, Thẩm Văn Long
20 muốn giết Bành Tử Kiêu, tìm xét không đáp
21 lại mong ước. Bành Tử Kiêu chỉ dốc lòng
22 tụng kinh được trăm biến thì đã rất mệt nhọc,
23 ngủ gật giữa ban ngày. Đồng bị trói buộc một
24 nơi có đến mười người cũng đều nằm ngủ.

1 Có Tương Tây huyện lại cũng bị trói giam
2 trong ngục, khi đó như vừa ngủ vừa chẳng
3 phải ngủ, không chịu nổi sự nóng bức, nhân
4 trong cơn hoảng hốt thấy có hai con chim hạc
5 trắng tụ đến chỗ Bành Tử Kiêu và lặng gió
6 phía trên, chóc lát có một con bay xuống đến
7 bên cạnh Tử Kiêu. Khi đó lại cảm thấy như
8 người xinh đẹp, hình dung tuyệt hảo, Đạo
9 Vinh trong tâm lấy làm lạ, bèn đến xem, thấy
10 Tử Kiêu thức giấc. Đạo Vinh hỏi: "Vừa rồi
11 có mộng mị gì chẳng?". Tử Kiêu đáp:
12 "Không mộng". Đạo Vinh kể lại những điều
13 đã trông thấy, bèn vui mừng không thể nói.
14 Đạo Vinh tụ trở lại chỗ gông cùm cũ, chẳng
15 cho mọi người biết. Sau đó khoảng bốn năm
16 ngày, bèn thấy chẳng phải nên thả. Có Đại
17 nghĩa ở Nghĩa An và Vương Diễm ở Thái
18 Nguyên cùng quả có xưa, trước soạn "Minh
19 Tường ký" nói về Liên là người anh trong
20 dòng họ vốn thân thức với Tử Kiêu và Đạo
21 Vinh. Nghe hai người nói đều đồng như đây.
22 (Pháp Uyển quyền 27).

23 **7. Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cầu ở**
24 **Thanh Châu:**

1 Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cầu ở Thanh
2 Châu, vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai
3 mươi bốn (437) thời Tiền Tống, bỗng bị bệnh
4 điếc mù, chóng mặt cả tai mắt, Sư tự suy
5 nghĩ: "ở đây chẳng hết bệnh, lại không dùng
6 thuốc thang, chỉ nên quy hướng Bồ-tát Quán
7 Thế Âm, trì tụng kinh ấy một nghìn biến".
8 Khi tụng đã đủ số thì mắt tai bất chợt tự nhiên
9 trở lại bình phục.

10 **8. Ni Sư Pháp Không ở Tuyên Châu:**

11 Ni Sư Pháp Không họ Hàn, người ở xứ
12 Tuyên Châu, từ thuở nhỏ đã già từ thân thích,
13 đến xin xuất gia trụ chùa Kiến An, cách núi
14 Ngũ đài về phía Tây nam hơn trăm dặm. Sau
15 đó, đến chùa Kỳ Hoàn thọ giới, thường trì
16 tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chính.
17 Nghe nói: "Có Sa-môn Đạo Siêu không có
18 hạnh nghiệp gì riêng, chỉ ở lâu tại chùa Hoa
19 Nghiêm ở núi Ngũ Đài hơn hai mươi năm
20 chẳng ra khỏi cửa núi. Sau đó qua đời sinh
21 lên nội viện cõi trời Đâu-suất. Khi ấy, người
22 trời bảo Đạo Siêu rằng: "Ông ở dưới nhân
23 gian không có hạnh nghiệp gì riêng, chỉ tụng
24 kinh Pháp Hoa, nương năng lực cảnh giới của

1 Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên được sinh lên
2 cõi trời này, ông hãy trở lại nhân gian tiếp
3 hóa bốn bộ giúp họ nghe biết". Ngài Đạo
4 Siêu y theo lời ấy, chẳng xả bỏ báo mạng cõi
5 trời, xuống báo với mọi người ở nhân gian".
6 Sư Pháp không nghe như thế, bèn tư duy sinh
7 khởi tâm niệm ít có khó gặp nên phát nguyện,
8 sau đó đến trụ viện Tam Tuyền ở phía Tây
9 bắc chùa Hoa Nghiêm, trước vừa đến trong
10 rừng gặp được một ông lão nói với Pháp
11 Không rằng: "Người nương náu ở đây tu
12 hành Diệu pháp, chắc chắn sẽ chứng đắc quả
13 vị cao siêu. Nói xong, thì không thấy nữa,
14 Pháp Không biết đó là Đại thánh mạch bảo,
15 buồn khóc rơi lệ, bèn nương viện ấy riêng lập
16 riêng am tranh, ở đó giữa mài ba nghiệp, sớm
17 tối chẳng biếng lười, chỉ giữ lấy y phục đắp
18 mặc trên thân, còn tất cả mọi thứ bảo đệ tử
19 vào cúng thí đại chúng. Pháp Không bảo
20 rằng: "Ta đến nương ở đây, được Đại Thánh
21 dạy bảo chỉ cho bốn chữ "Diệu Pháp Liên
22 Hoa", khai mở tri kiến Phật, thanh tịnh không
23 nhiễm, đại chúng mỗi người hãy tự cố gắng,
24 không được để luống qua!". Nói xong bèn thị

1 tịch, vẫn ngồi thẳng như lúc còn sống. Chúng
2 trà-tỳ thấu nhứt xá-lợi có hơn ngàn viên, bốn
3 chúng chia nhau cúng dường.

4 ***9. Thích Diệu Liên chùa Tổng Nhân ở*** 5 ***Đại Châu:***

6 Thích Diệu Liên, thường có tâm từ bi cứu
7 giúp mọi vật, trì tụng kinh Pháp Hoa làm
8 hạnh nghiệp chánh. Sư nói với các bạn rằng:
9 "Tôi dùng sức lực tụng kinh, sinh vào nội
10 viện Đâu-suất muốn gặp đức Từ Thị, nguyện
11 ước ấy có thành đạt chăng?". Các bạn đều
12 đáp: "Rất có thể được! Trong kinh nói "Nếu
13 người thọ trì đọc tụng, đến lúc qua đời sẽ
14 được sinh lên cõi trời Đâu-suất ở chỗ Bồ-tát
15 Di-lặc". Phật đâu có nói dối?". Sư càng siêng
16 năng cần hành trì tinh tấn, phúng tụng kinh
17 Pháp Hoa chưa hề ngơi nghỉ. Đến lúc ngoài
18 bảy mươi tuổi, cảm bệnh nhẹ chóng khởi, Sư
19 mời các bạn đến, cùng nói rằng: "Tôi bị bệnh
20 nhẹ chẳng lấy làm đau khổ. Hiện có Đồng tử
21 ở cõi trời đến đón rước, có Hóa Phật trao
22 tay". Nói xong bèn thị tịch, thân hình vẫn
23 ngồi thẳng như lúc sống, ba ngày sau tỉnh lại,
24 nói rằng: "Tôi nương năng lực trì tụng kinh

1 Pháp Hoa, được đến nội viện của Bồ-tát Di-
2 lạc ở cõi trời Đâu-suất, các vị trời khen ngợi
3 rằng: "Ông ở cõi Diêm-phù tạng kinh Pháp
4 Hoa, do công đức ấy tự đến cõi trời này
5 phụng kính thấy Đức Từ Thị diệu tướng tôn,
6 nghe pháp sớm khế hợp, không thối nhẫn,
7 nghe kệ sinh tâm vui mừng!". Bồ-tát Từ Thị
8 bảo rằng: "Ông ở nhân gian, nhờ năng lực trì
9 tụng kinh Pháp Hoa nên được sinh lên cõi
10 này, các vị trời ở cõi này phần nhiều là những
11 người sống trong Di pháp của Đức Thích-ca
12 mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói biên chép kinh
13 Diệu Pháp Liên Hoa nên được như vậy. Ông
14 hãy sớm trở lại nhân gian dắt dẫn bốn chúng
15 đệ tử, giúp họ được nghe biết, dần trì tụng
16 kinh Pháp Hoa, tiêu trừ các tội lớn, lấy đó bù
17 đắp vào các khuyết hạnh để sinh lên cõi
18 trời!". Khi đó, tôi bạch với Bồ-tát rằng: "Lấy
19 gì làm chứng cho đồ chúng đáng tin nhận?".
20 Bồ-tát liền xoa huân hương vào tay tôi. Vì
21 nhân duyên ấy nên nay tôi sống lại". Khi đó,
22 từ bàn tay Sư mùi hương ấy tỏa khắp cả một
23 châu, các môn nhân đều lấy làm tin. Sư nói
24 lời ấy rồi, không bao lâu bèn thị tịch. Môn

1 nhân xây tháp ở phía Đông bắc của chùa, tôn
2 trí di thân Sư, nơi giảng pháp còn thoảng mùi
3 huân hương như xoa xác vào tường vách, ba
4 ngày về trước mùi hương chẳng tan hết. Đó
5 là chỗ hiện thấy nghe.

6 ***10. Thích Tuệ Sinh ở chùa Chân Tịnh,***
7 ***thời Tiền Đường:***

8 Thích Tuệ Sinh, theo học Đạo với Sa-
9 môn Tuệ Như, bởi từ trí tuệ sinh ra nên gọi
10 là Tuệ Sinh. Sư theo Tuệ Công giảng nói về
11 tướng của các địa ngục, và thấy vết chân lầm
12 lỗi của mình nên rất kinh sợ về đời sau, Sư
13 chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, bèn trọn một
14 ngày một đêm không động, như vào thiền
15 định. Đại chúng đều lấy làm lạ mà bảo rằng:
16 "Sư Tuệ Như nhập Tam-muội suốt bảy ngày
17 không dao động, bị vua Diêm-la thỉnh mời, ở
18 đây chắc cũng như thế". Đến sáng hôm sau,
19 Sư mở mắt, buồn vui lẫn lộn, nước mắt đầm
20 đìa. Chư tăng hỏi: "Vì sao vừa buồn vừa vui
21 như thế?"

22 Sư đáp: "Tôi bỗng thấy hai người mặc y
23 phục màu đỏ, dung nghi đẹp đẽ, áo the quần

1 lựa phục sức mới đẹp, nói là: "Chúng tôi do
2 vua Diêm-la ở Phủ Quân Thái Sơn sai đến
3 thỉnh sư". Và liền bảo tôi lên cưỡi con ngựa
4 trắng, chỉ chốc lát đã đến chỗ vua, từ tòa mà
5 xuống tỏ vẻ cung kính đến bên chỗ ngồi, vua
6 nói với tôi rằng: "xưa Sư có chỗ chắc chắn
7 thọ nghiệp địa ngục. Nghiệp địa ngục đó tức
8 là cha mẹ ông vì ông mà giết hại các vật heo,
9 dê, ngỗng, vịt, v.v... tuy chẳng phải chính
10 ông tự giết hại, nhưng bởi nghiệp ác nên phải
11 chịu quả báo. Lại nữa, vào thời ông còn là
12 Sa-di mạo phạm sử dụng tăng phần, oai nghi
13 không điều độ. Tội ấy thật là vô lượng, nên
14 đáng đọa vào địa ngục. Nay nhờ năng lực trì
15 tụng kinh Pháp Hoa nên tội ấy tiêu hết, sinh
16 trước chư Phật mười phương. Nhưng vì
17 muốn giúp cho biết được chỗ nghiệp ấy, và
18 muốn tất cả đều được nghe biết về quả báo
19 nghiệp ác và cốt yếu diệt tội nên thỉnh Sư đến
20 chốn địa ngục để được nhìn thấy chỗ chịu
21 tội". Vua bèn sai Sứ giả dẫn đường, tôi bèn
22 theo kẻ Sứ mà đi thẳng đến phía Đông, có
23 một tòa thành lớn, cách bốn, năm dặm, lần
24 lượt có tất cả ba mươi hai thành lớn, đó là

1 thành của địa ngục, đang lúc xem xét tướng
2 chịu khổ của chúng sinh trong mỗi thành,
3 liền đi thẳng đến trước, vào trong một thành
4 lớn, thấy có xe sắt, ngựa sắt, trâu sắt, lừa sắt,
5 lửa dữ phùng phục, sừng lông của trâu đều
6 như mũi nhọn, lông trên mình ngựa tựa như
7 móc nhọn giằm đập lên người tội. Trong đó
8 có vô lượng vị Sa-môn chịu khổ, Sứ giả bảo
9 rằng: "Các Sa-môn này không nên tiếc
10 tương lai chỉ ham lấy danh lợi ở hiện tại, trái
11 phạm tịnh giới Phật chế, chứa để các vật bất
12 tịnh, cưỡi xe vọt ngựa, v.v... thọ nhận sự cúng
13 dường của người có tín tâm nên phải bị quả
14 báo như thế". Lại lần lượt đến trong một
15 thành, có các thứ cày sắt, thuổng sắt, như mũi
16 nhọn bày trải khắp trên đất, lại có sắt quần
17 vào mình người tội, lửa nóng cháy rực, trong
18 đó có năm trăm vị Sa-môn chịu khổ. Sứ giả
19 bảo rằng: "Các Sa-môn này xưa kia mặc y
20 phục thế tục, chẳng mặc pháp y nên chịu tội
21 khổ nặng nề như thế". Kế lại đến một ngôi
22 thành khác, ngục tốt rưới nước đồng vào
23 miệng, khắp mình người tội đều cháy tiêu
24 tan, có năm ngàn vị Sa-môn chịu tội khổ ấy.

1 Sứ giả bảo rằng: Các Sa-môn ấy xưa kia
2 không biết thọ hưởng giáo pháp Bốn đế của
3 Tam bảo, chỉ cầu thọ vật của tín thí, nên chịu
4 tội nặng như thế. Ở trong ba mươi hai thành
5 lớn, nếu chỉ thọ sự cúng dường của tín thí,
6 chẳng dùng cảnh dương tươi tắn, chẳng dùng
7 nước thơm, ấm nóng để tắm gội, rào bước đi
8 trong nhân gian, tự tay xúc chạm kinh Phật,
9 nếu phạm bốn tội trọng, không biết đầy đủ,
10 ngủ chung với người thế tục qua đêm, giẫm
11 đạp lên tòa của thầy, nằm dưới bóng râm mát
12 của tôn tượng Phật, hoặc dùng tiền hay ruộng
13 đất gieo trồng vật lợi, tự tay làm ra thức ăn,
14 chỉ tự mình thọ hưởng, không cho người
15 khác. Hoặc tay bất tịnh có lấm thứ dơ bẩn,
16 xúc chạm nam căn, nữ căn, móng tay dơ ướ,
17 tự tiện cầm quyển kinh. Hoặc chân không
18 sạch đi lại trên đất Phật đất Tăng, cưỡi xe phi
19 ngựa, rào bước khắp cùng cửa chùa. Hoặc
20 mang giày dép bước lên nhà xí mà không cởi
21 bỏ rồi lại đạp lên đất Phật đất Tăng, vào cảnh
22 linh tháp. Hoặc uống rượu ăn thịt mà tự nài
23 là không có tội báo. Hoặc tay cầm nắm cung
24 tên, hoặc thầy trò đều sân hận, tranh giành

1 sống trong oan tưởng. Hoặc trịch lấy quả trái
2 của chúng Tăng để tự mình ăn, không cho
3 người khác. Hoặc dẫn đồ chúng rảo bước
4 trong nhân gian tự xưng là tịnh nhân, hoặc
5 chẳng đắp mặc pháp y ca-sa mà vào xóm
6 làng. Hoặc tâm sinh khởi oán tắng mà đi khát
7 thực uống ăn, hoặc nói pháp bất tịnh, hoặc
8 thân thể hành dục mà vào chùa đánh lễ tôn
9 tượng chư Phật. Những người tội như thế đầy
10 khắp trong đó. Xem các chỗ chịu tội xong,
11 tôi về lại chỗ vua, vua nói: "Nếu ông không
12 thể thọ trì kinh điển Đại thừa để diệt tội, thì
13 sẽ chịu các thứ khổ ấy. Lại còn có vô lượng
14 địa ngục, đó chỉ là phần nhỏ của một nơi thôi.
15 Nghe nói vậy nên buồn vui lẫn lộn, giác ngộ
16 mà thôi!".

17 Khi đó, chúng tăng nghe Sư nói lời ấy rồi,
18 tâm ý khiếp sợ như giẫm đạp dao sắt, các thứ
19 buồn vui đều tin theo đại điển, cho đến những
20 người thấy nghe, siêng năng tu hành chẳng
21 phé bỏ. Từ đó về sau, người trì tụng đông như
22 rừng, để làm phép tắc.

11. Thích Đàm Nghĩa ở Tinh Châu:

1 Thích Đàm Nghĩa, là người xứ Tinh
 2 Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa
 3 Thập Lực, giữ vững giới luật, vất bỏ tất cả
 4 mọi việc ở thế tục, khổ tiết tu hạnh đầu-đà,
 5 thường ở tại núi Ngũ đài, nguyện nương tựa
 6 Đại sư Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, sách tấn tu
 7 hành thắng nghiệp. Mỗi ngày trì tụng kinh
 8 Pháp Hoa hai biến, đọc kinh Hoa Nghiêm
 9 một pho, lấy đó làm việc thường. Tu nhân
 10 như thế chứa nhóm nhiều năm. Về sau, Sư
 11 cùng đệ tử là Sa-môn Đàm huân đi khắp các
 12 Đài, nhân đến Nam Đài, thấy một vị Tỳ-
 13 kheo-ni đọc tụng kinh điển, trong miệng phát
 14 ra ánh sáng, Sư đã phát nguyện tụng kinh
 15 Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tinh thành cảm
 16 thông, từ miệng tỏa phóng ánh sáng, trong
 17 ánh sáng ấy tùy theo âm vận mà hóa Phật
 18 xuất hiện. Đến lúc qua đời, Sư nói lại đầy đủ
 19 việc ấy, chỉ riêng tự mình biết rõ, người khác
 20 chẳng thể thấy được, lời nói ấy thật có chứng
 21 nghiệm.

22 ***12. Thích Thanh Tuệ núi Tam Tổng ở***
 23 ***Tê Châu:***

24 Thích Thanh Tuệ, Sư là đệ tử của Sa-môn

1 Thích Thanh Linh chùa Tuệ Nghĩa ở Từ
2 Châu. Sư theo thầy đến núi Tam Tổng ở phía
3 Bắc chùa Linh Nham, ở đó trong nhiều năm.

4 Sau khi ngài Thanh Linh thị tịch, Sư cũng
5 phát nguyện vì các chúng sinh mà chịu đựng
6 mọi thứ khổ trong ba đường ác mà trì tụng
7 kinh Pháp Hoa, với ngôn từ Sư nói rằng: "Tất
8 cả chúng sinh xoay vần làm cha mẹ lẫn nhau,
9 từ tối vào tối, cùng nhau chẳng nhận biết ân
10 sâu, nguyện nhờ năng lực tụng kinh mà sớm
11 được lìa khổ, chúng giải thoát hoàn toàn". Từ
12 ngày rằm háng 07 niên hiệu Trường An năm
13 thứ nhất (701) đến tháng giêng niên hiệu
14 Thần Long năm thứ nhất (705) thời Tiền
15 Đường, suốt năm năm, Sư tinh chuyên trì
16 tụng, không hề đổi thay ý chí, chưa được cảm
17 ứng, Sư buồn khóc than rằng: "Đại sư Thanh
18 Linh thâm tâm phát nguyện vì chúng sinh
19 chịu khổ trong ba đường ác mà thọ trì kinh
20 Kim Cương, Bát-nhã, trong vòng hai mươi
21 một ngày chóng được cảm ứng. Nay tôi suốt
22 năm năm tinh thành mà không chứng
23 nghiệm, tiếc rằng chẳng gặp một như người
24 ấy để bàn việc nhân duyên lớn, mất chúng

1 nghiêm của Nhất thừa". Mặt mắt Sư đỏ máu,
2 buồn khóc sấm tã. Vào ngày 15 tháng giêng
3 niên hiệu Thần Long năm thứ nhất (705),
4 bỗng nhiên dường như cảm mộng, thấy một
5 ngôi thành lớn, rộng mỗi bề khoảng năm sáu
6 dặm trang nghiêm kỳ lạ, cờ phướn quý báu,
7 treo bày khắp cùng, trong đó có người ngồi
8 giường vàng đội mũ ngọc, tay phải cầm phát
9 trần màu trắng mà ngồi, nghĩa là vua. Lại có
10 hai tòa bằng bạc để trống. Lúc Sư sắp vào
11 thành thì đồng đi với đồng tử, người cõi trời.
12 Vua thấy Sư và Đồng tử nên từ tòa bước
13 xuống tỏ vẻ rất cung kính, thỉnh Sư ngồi
14 xuống tòa vàng, Sư bèn lên tòa báu, Đồng tử
15 ngồi trên tòa bạc. Vua ở dưới đất theo
16 phương thức người Hồ mà quỳ và thưa rằng:
17 "Đại sư vì chúng sinh chịu khổ trong ba
18 đường mà trì tụng kinh Pháp Hoa rất hợp với
19 ý Phật. Chỉ là trước khi xưa Tiên sư (Thanh
20 Linh) vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường
21 trì tụng kinh Kim Cương, nên được phong
22 thả nhiều người tội nhẹ, nay không còn một
23 người nào, cho nên trải qua năm năm các
24 chúng sinh nhận chịu quả khổ đã theo nhóm

1 tập bất luận là tội nặng nhẹ, đều vì Đại sư mà
2 phóng thả". Và nói với Đồng tử cùng đến
3 xem các chỗ chịu khổ. Đồng tử liền đứng dậy
4 nắm tay Sư dẫn đến xem thành quách, không
5 hề thấy một người nào. Sư tự hỏi: "Vì sao
6 không có người?".

7 Đồng tử đáp: "Bởi nương theo nguyện
8 lực trì tụng kinh của Đại sư nên tất cả chúng
9 sinh đều được sinh lên cõi trời. Trong đây có
10 một người, Đại sư thấy chẳng, người ấy phỉ
11 báng tâm nguyện Đại sư chính là Ưu-bà-tắc
12 Diêu Thông".

13 Sư bảo: "Người có phỉ báng còn được
14 không lui sụt, đâu thể giữ lại không cho sinh
15 lên cõi trời ư?".

16 Theo tiếng Sư nói liền không còn trông
17 thấy. Sư về lại chỗ vua trình bày việc ấy. Sau
18 khi giác ngộ, Sư tự nói nhân duyên ấy. Công
19 đức tụng kinh thì mình và người đều được cứu
20 giúp như thế.

21 ***13. Vương Cốc ở quận Kiến Đức:***

22 Vương Cốc, người ở quận Kiến Đức, làm
23 chức Hoàng Long Quốc Thủ, mà mọi khí vật

1 trong kho lại đều bị hao hụt mất hết, đáng
2 chịu tội chết, oán nghĩ hao sút chẳng phải do
3 mình cất giấu mà tội không thể trốn lánh, bèn
4 dốc lòng trì tụng kinh Quán Thế Âm một
5 ngàn biến, các thứ gông cùm trên thân đều bị
6 đứt hết, mọi người cho là ít có.

7 **14. Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp trụ chùa**
8 **Đại, ở Trường An:**

9 Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp, họ Ly, người ở xứ
10 Trường An, thuộc Kinh Triệu. Thân mẫu Sư
11 họ Mẫn. Ban đầu mộng thấy một vị tăng Ấn-
12 độ cầm ba cành hoa sen trao cho và nói rằng:
13 "Cho người hạt giống tốt, nên khéo léo giữ
14 gìn". Do đó mà có thai, đến lúc sinh ra đặt tên
15 là liên Hoa. Khi tuổi dần lớn, cô không vui
16 thích ở nhà, tình ý muốn được xuất tục. Năm
17 mười hai tuổi, được người chị dạy cho học
18 kinh Pháp Hoa, mở bày kinh nhìn thấy văn tự
19 dường như đã có tập học từ xưa, mỗi ngày
20 tụng tám trang giấy, chưa đầy một tháng thì
21 tụng thuộc lòng trọn bộ. Mọi người khen
22 ngợi đức hạnh ấy, bèn gọi tên là Diệu Pháp.
23 Diệu Pháp đối trước Phật, đốt hương lập thệ
24 nguyện trì tụng tám ngàn biến, và tụng thuộc

1 lòng cả kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Phổ Hiền
2 Quán, mộng thấy ba cảnh hoa há chẳng phải
3 việc ấy ư? Đang trong đêm tĩnh lặng trì tụng,
4 tiếng tụng của Diệu pháp vang xa hơn trăm
5 dặm, mọi người ở khắp xa gần đều nghe mà
6 tiếng không lớn không nhỏ. Khi đã nhập
7 Đạo, chí tiết càng vững chắc. Đến lúc qua
8 đời, Diệu Pháp bảo đồ chúng rằng: "Đức Phổ
9 Hiền hiện ở trước ta, an ủy tâm ta, các vị thầy
10 bạn đến đón rước, ta sẽ được vãng sinh Tịnh
11 độ". Nói xong, bèn thị tịch, nơi tòa mọc ra ba
12 cành sen trắng như lúc mọc trong hồ, qua bảy
13 ngày mà hoa chẳng héo rụng, mọi người nhìn
14 thấy đều cho là điềm ít có.

15 ***15. Ngộ Lâm Thông ở Lạc Châu, thời***
16 ***Tiền Đường:***

17 Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629)
18 thời Tiền Đường, Ngô Lâm Thông phát tâm
19 muốn trì tụng kinh Pháp Hoa, vì duyên tục
20 bao vây lao nhọc, phần nhiều đều chẳng xưng
21 bốn ý, do bị bệnh nên qua đời, bỗng có sáu vị
22 minh quan vây quanh trước sau dẫn đến chỗ
23 một cửa thành lớn. Bên cạnh thấy có một vị
24 tăng tự bảo rằng: "Ta là Dược Vương, người

1 phát nguyện tụng kinh mà chẳng xứng ý đến
2 nổi phải chết, hãy nên tụng một bài kệ". Và
3 dạy cho đoạn văn rằng: "Thường tự suy
4 niệm, làm sao khiến cho tất cả chúng sinh
5 được vào Đạo Vô thượng, chóng thành tựu
6 thân Phật". Bồ-tát trao kệ rồi, lại bảo rằng:
7 "Nếu tụng kệ ấy, thì sẽ có khả năng biến địa
8 ngục thành ao hoa sen, hay chuyển đổi các
9 thứ khổ khí làm thành cảnh giới thân Phật.
10 Phải nên cố gắng chớ lãng quên đó!". Lâm
11 Thông bèn tụng đọc thuộc rành, liền đi vào
12 trong thành thấy vua. Vua hỏi: "Người này
13 có công đức gì chăng?".

14 Đáp: "Không tu điều lành nào khác, chỉ
15 tụng một bài kệ".

16 Vua hỏi: "Kệ ấy như thế nào?". Lâm
17 Thông liền cất tiếng tụng, đến chỗ "những
18 người chịu tội đều được giải thoát, mười tám
19 địa ngục, biến thành ao sen".

20 Vua bảo: "Thôi! Thôi! Không cần phải
21 tụng nữa. Hãy sớm trở về nhân gian".

22 Trải qua hai ngày sau thì Lâm Thông
23 sống lại, kể rõ nhân duyên ấy. Tăng Vương
24 tôi đích thân được thấy nghe việc đó.

16. Tả Giám Môn Hiệu Ủy ở Bằng dục Lý Sơn Long:

Lý Sơn Long trì tụng kinh Pháp Hoa hai quyển, để làm nghiệp lành. Trong niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường bị chết đột ngột, trên trái tim không lạnh khoảng như bàn tay, người nhà không nỡ tấn liệm sớm, qua bảy ngày sau sống lại, Lý Sơn Long tự nói rằng:

"Lúc chết bị qua địa phủ bắt, dẫn đến sảnh của một quan tào, mọi việc ở đó rất hoành tráng, sân ở đó cũng rộng lớn. Trong sân, người tội có đến hàng ngàn, hoặc bị gông cùm, hoặc bị xiềng xích đều xoay mặt về hướng Bắc mà đứng đây trong sân. Quan lại dẫn tôi đến dưới sảnh, thấy Thiên tào ngồi trên tòa cao, có người đứng đầu như vua. Tôi hỏi quan lại: "Ấy là quan gì?".

Đáp: "Đó là vua".

Tôi đến dưới thềm cấp, vua hỏi: "Lúc còn sống ngươi tu tạo phước nghiệp gì?".

Tôi đáp: "Người xứ tôi mỗi lúc lập trai hội giảng pháp, tôi thường cúng thí vật đồng chung trong đó".

1 Vua hỏi: "Còn chính tự thân ông tu tạo
2 nghiệp Thiện gì?".

3 Tôi đáp: "Tụng kinh Pháp Hoa hai
4 quyển". Vua bảo: "lành thay!

5 Hãy bước lên trên thêm".

6 Khi tôi đã bước lên sảnh, ở phía Đông
7 Bắc có một tòa cao như tòa giảng". Vua chỉ
8 vào tòa và nói với tôi rằng: "Hãy lên trên tòa
9 ấy tụng kinh".

10 Tôi lên tòa xong, vua mới ngồi xoay
11 hướng về đó. Tôi bắt đầu tụng: "Kinh Diệu
12 Pháp Liên Hoa, phẩm tựa thứ nhất". Vua bảo:
13 "Thôi, thỉnh Pháp sư xuống". Tôi liền ngưng
14 và xuống tòa, lại đứng dưới thềm cấp, nhìn
15 sâu thì thấy các người tù đều hết, không còn
16 một người nào ở đó nữa. Vua nói với tôi rằng:
17 "Phước đức của ông tụng kinh, chẳng những
18 tự lợi, mà còn khiến cho tất cả người tù trong
19 sân đều nhờ nghe kinh mà được thoát, há
20 chẳng tốt lành sao? Nay thả ông trở về lại".

21 Tôi bái tạ từ già và đi được vài mươi
22 bước, vua gọi trở lại và nói với quan cai ngục
23 rằng: "Nên dẫn người này đi xem các cửa
24 ngục".

1 Quan cai ngục liền dẫn tôi theo hướng
2 Đông đi hơn trăm bước, thấy một ngôi thành
3 sắt rất rộng lớn phía trên có phủ kín thành ấy,
4 bên cạnh có nhiều cửa sổ nhỏ, hoặc lớn như
5 bồn nhỏ, hoặc như chén bát, thấy có người
6 nam nữ từ đất bay vào trong cửa sổ, mà chẳng
7 thấy trở ra. Tôi lấy làm lạ hỏi, cai ngục trả lời
8 rằng: "Trong địa ngục lớn này có nhiều phân
9 cách, phạt mỗi mỗi đều khác nhau, các người
10 ở đây đều tùy theo bốn nghiệp mà vào địa
11 ngục chịu tội". Nghe thế, tôi buồn sợ và liền
12 xưng niệm: "Nam-mô Phật!" Quan cai ngục
13 mời tôi ra đến ngoài cứu viện, thấy một chiếc
14 vạc lớn lửa dữ tuôn trào, bên cạnh có hai
15 người đang ngồi ngủ, tôi hỏi hai người ấy đáp
16 rằng: "Tôi bị tội báo vào trong vạc ấy, may
17 nhờ Hiền giả xưng Nam-mô Phật mà tất cả
18 các người tội trong ngục đều được một ngày
19 ngưng nghỉ, vì quá khổ nhọc nên nằm ngủ".
20 Tôi lại xưng niệm "Nam-mô Phật". Quan cai
21 ngục nói với tôi rằng: "Các quan phủ phần
22 nhiều có một số sửa đổi, nay vua thả ông đi,
23 nên thưa với vua xin sao. Nếu không như thế,
24 sợ các quan khác không biết, lại truy lục ông

1 đó". Tôi liền trở lại chỗ vua xin sao, vua liền
2 bảo lấy giấy bút viết một hàng chữ giao cho
3 quan lại và bảo rằng: "Vì lấy năm Đạo các
4 thự, quan cai ngục vâng mạng, dẫn tôi trở lại
5 qua hai quan tòa, mỗi mỗi đều có sảnh sự và
6 cùng có người hầu vệ như trước, đến sai quan
7 cai ngục đều lấy tên của quan thự ấy, viết một
8 hàng và giao cho tôi. Tôi cầm đi ra đến cửa,
9 có ba người bảo rằng: "Vua thả ông có thể
10 chẳng xin tặng chúng tôi v.v...". Tôi chưa mở
11 miệng nói thì quan lại nói với tôi rằng: "Vua
12 thả ông chẳng do ba người ấy là kẻ sứ trước
13 kia ghi lục về ông, một người là bổng chủ sẽ
14 dùng gậy đánh vào đầu ông, một người là
15 thằng chủ sẽ dùng dây màu đỏ trói ông và
16 một người là Đại chủ sẽ dùng dây hút khí
17 ông, thấy ông được về lại nên xin mọi vật".
18 Tôi lo sợ cảm tạ ba người ấy rằng: "Thật kẻ
19 ngu tôi không biết các ông, xin đến nhà sẽ
20 đây đủ mọi vật, nhưng không biết nên đến xứ
21 nào để đưa tặng đó". Ba người ấy bảo rằng:
22 "Hoặc đến bên cạnh dòng sông, hoặc dưới
23 cây đại thọ mà đốt". Tôi hứa vâng, và kẻ quan
24 lại đưa tôi về đến nhà, trông thấy mọi người

1 thân quyền đang khóc lóc lo lắng sửa mọi thứ
2 để tân liệm. Tôi vào nhà, đến bên cạnh thi thể
3 mình thì liền sống lại". Ngày hôm sau, Sơn
4 Long cắt giấy làm tiền bạch và sắm các thứ
5 rượu, vật thực tự đưa đến bên bờ sông đốt
6 tặng, bỗng thấy ba người đến cảm tạ rằng:
7 "Nhờ ông chẳng mất niềm tin nên lại ban
8 tặng cho mọi vật". Hồ then nói lời chúc tụng
9 xong thì không thấy nữa. Sơn Long càng
10 thêm tin tưởng, trì tụng trọn một bộ, lấy đó
11 làm hạnh nghiệp thường. Và tự đến nói với
12 Sa-môn Tăng Biện, chủ chùa Đại Tổng Trì
13 và mọi người, v.v... về việc ấy. (Xuất xứ từ
14 Cảm Thông Lục quyền hạ Pháp Uyển quyền
15 21, và bên cạnh có một ứng nghiệm xuất xứ
16 từ Minh Báo ký).

17 ***17. Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà người nước***
18 ***Quy-tư:***

19 Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà, Hán dịch là Pháp
20 Hiền, Sư là người nước Quy-tư, bẩm tánh
21 thông minh, rành suốt Tam tạng. Có biết sơ
22 qua một số ngôn từ của nước ngoài, tự sinh
23 tâm cống cao, lần lượt hủy nhục chúng tăng
24 theo pháp Đại thừa. Bấy giờ, có Sa-môn

1 Tuần Lễ tên là Tu-lợi-da tụng thông sáu ngàn
2 bài kệ kinh Pháp Hoa, không thoát pháp, nên
3 đối với Sư luận bàn về sự trì tụng thấu đạt
4 chỗ sâu mầu, Sư liền cho rằng Ba tạng là sự
5 cạn cợt, bèn quy tâm hướng về Đại thừa, theo
6 ngài Tu-lợi-da trì tụng thấu đạt kinh Pháp
7 Hoa, cứ một ngày năm biến lấy làm hạnh
8 nghiệp thường. Vì thần Dạ-Xoa kính pháp
9 gìn giữ người này, lại mỗi đêm nơi thảo
10 phường phát ra ánh sáng khác lạ. Có người
11 cho là mất lửa, nên đến đó hỏi Sư, Sư đáp:
12 "Bốn vị Đại thiên vương lần lượt đến gìn giữ
13 nên phát ra ánh sáng". Đến lúc sắp tịch, Sư
14 bảo đồ chúng rằng: "Xưa kia tôi chấp giáo
15 pháp Tiểu thừa là cùng cực như chấp lấy ngói
16 đá làm vàng, vật báu, nay vui sống trong kinh
17 Pháp Hoa được vàng thật. Do suốt ba năm
18 chuyên trì tụng nên được thấy Bồ-tát Phổ
19 Hiền, vào được chánh vị, được dự ghi không
20 lui sụt. Các ông phải chuyên trì tụng kinh ấy,
21 mong đạt được chánh vị không vượt quá ba
22 đời". Và liền ghi chú Di thư mà thị tịch, như
23 nhập vào Thiên định, bèn xây tháp báu trên
24 di thân của Sư, giữa lúc mùa hạ mưa rất lớn

1 mà nước mưa không thấm ướt vào tháp, các
2 loài chim bay liệng đều không đến gần bên
3 cạnh tháp. Mọi người thấy nghe đến lễ bái
4 cúng dường, đông đúc như chợ. (Xuất xứ từ
5 Ngoại Quốc ký).

6 ***18. Thích Tăng Trí ở Kim Thành:***

7 Thích Tăng Trí, giới hạnh Sư rất thanh
8 khiết, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm
9 hạnh nghiệp thường. Sư vốn không có răng,
10 phát nguyện phúng tụng, mộng thấy một vị
11 tăng Ấn-độ cầm cành dương chỉ vào nơi
12 nướu răng. Khi thức giấc trong miệng răng
13 mọc đầy đủ. Sư lại lên trên tháp cổ tụng kinh,
14 thân thể mệt nhọc bèn nằm ngủ, nên từ trên
15 tháp rơi xuống, chưa đến đất, lưng chừng
16 giữa khoảng không có người hứng lấy, không
17 tổn hại mảy may. Sư hỏi người đó là ai?
18 Người đó đáp: "Tôi là Tỳ-Sa-môn, nếu người
19 nào thọ trì kinh Pháp Hoa, tôi đều gìn giữ
20 cho". Sau đó, Sư sang Tây Vực, không biết
21 cuối cùng Sư mất ở đâu.

22 ***19. Thích Tuệ Đạt thời Đông Tấn:***

23 Thích Tuệ Đạt, chuyên trì tụng kinh Pháp

1 Hoa làm hạnh nghiệp chánh. Niên hiệu Long
2 An năm thứ ba (398) đời Đông Tấn, Sư đi
3 theo hướng Bắc, đến Lũng thượng đào cam
4 thảo, bấy giờ rợ Khương rất đói khát, bắt
5 người ăn thịt, ngài bị rợ Khương bắt được
6 giam vào trong ngôi nhà lớn. Trong đó có
7 lắm người bị giam, rợ Khương lần lượt chọn
8 các người béo tốt mà ăn trước. Sư nhất tâm
9 xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm
10 và trì tụng phẩm Phổ Môn. Rợ Khương ăn
11 thịt mọi người đã hết, chỉ còn lại mình Sư và
12 một đứa bé, định lần lượt ăn. Vào lúc sáng
13 sớm, Sư lễ tụng vừa xong, rợ Khương muốn
14 lại bắt để ăn, bỗng nhiên thấy một con hổ từ
15 trong cỏ tuôn ra gầm gừ rượt đuổi, khi đó rợ
16 Khương đua nhau bỏ chạy, may mắn được
17 bình an, Sư dẫn đứa bé ấy về lại chỗ cũ. Nhờ
18 năng lực trì tụng kinh mà cảm được Bồ-tát
19 Quán Thế Âm ứng thời cứu vớt.

20 **20. Người phụ nữ goá họ Dương ở**
21 **thành Trường An:**

22 Người phụ nữ goá họ Dương, từ thuở
23 thiếu thời mất cả cha mẹ, đến tuổi trung niên
24 lại chịu tang chồng, chỉ một mình sống goá

1 bụa, đã nhàm chán vô thường, lại chán ghét
2 thân nữ, nên theo thầy hỏi Đạo, được thầy
3 trao truyền cho phẩm "Đề-bà" trong kinh
4 Pháp Hoa, bèn siêng năng trì tụng, trong một
5 năm liền tụng thàm được, suốt ngày đêm
6 không mỗi một, mộng thấy tự thân mình ngồi
7 trong hoa sen đọc tụng kinh. Đến lúc thức
8 dậy thưa với thầy. Thầy bảo: "Trong kinh nói
9 rằng: "Từ hoa sen hóa sinh là việc ấy". Người
10 nữ ấy lại càng chuyên cần chí khí, lại mộng
11 thấy tự thân chóng trở thành tượng phu
12 (tượng nam) có trăm ngàn quyến thuộc vây
13 quanh, bèn đem việc ấy thưa với thầy. Thầy
14 bảo: "Đây đủ tướng tượng phu là mộng biểu
15 thị cho tướng ở tương lai. Điều nguyện của
16 người chắc chắn không chướng ngại". Người
17 nữ ấy tín tâm tinh thuần thanh khiết phát
18 nguyện: "Cầu nguyện cho cha mẹ và cùng
19 các bạn thân nương theo công phu trì tụng
20 kinh mà đều được thoát khổ". Lại mộng thấy
21 cha mẹ, người chồng và các bạn thân đã qua
22 đời đến mách bảo rằng: "Chúng tôi nhờ
23 nương ân đức của người mà được ngồi tòa
24 hoa sen". Người nữ ấy lại đem điều mộng

1 thừa với thầy. Thầy bảo: "Những người ấy
2 nương theo năng lực trì tụng kinh của người
3 mà được cảnh Tịnh độ đón rước". Người nữ
4 ấy vui vẻ nói: "Con cũng không ưa thích dục
5 lạc, nguyện hồi hướng những việc lành của
6 thân này về cảnh giới Cực Lạc, sinh trước
7 chư Phật mười phương". Văn không chọn lựa
8 Tây phương, phát nguyện đêm ngày trì tụng
9 kinh. Đến lúc qua đời thừa với thầy rằng:
10 "Các bạn thân của con và Bồ-tát Quán Thế
11 Âm đã đến đón rước". Đợi thầy nói xong,
12 liền thị tịch. Có tiếng âm nhạc nhỏ nhiệm
13 nghe vang xa ngoài huyện, xông hương ít có.
14 Mọi người nương theo người phụ nữ goá ấy
15 mà trì tụng một phẩm "Đề-bà" có rất nhiều.
16 Cho nên ở Trường An với bản xưa không có
17 phẩm ấy, chẳng xét viết chép, công phu cùng
18 như Đại bộ phẩm cho nên như vậy.

19 ***21. Sa-môn Thích Pháp Đạo:***

20 Thích Pháp Đạo, trì tụng kinh Quán Thế
21 Âm lấy làm hạnh nghiệp thường. Lại nhằm
22 chán sự ồn náo huyên tạp, nên Sư vào núi du
23 hành tụng kinh, bỗng gặp bọn giặc. Và nghĩ
24 rằng, bọn giặc gặp phải Thích Tử là điều

1 không lành. Bọn giặc kéo cung tên bắn Sư,
2 muốn buông mà mũi tên cứ dính chặt vào
3 cung, chẳng thể buông lung. Bọn giặc bèn
4 quy mạng, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng
5 chẳng thể được, như là Thần nhân, v.v... Bèn
6 vất bỏ mà chạy trốn. Thiên nhân được thoát
7 nạn.

8 **22. Hai vị tăng ở Bắc Đạo, thuộc**
9 **Tương Châu, đời Tùy:**

10 Tại Bắc Đạo, ở Tương Châu, có hai vị
11 tăng, mất tên gọi, Đạo bạn bè, có lợi cắt vàng
12 làm thất mà ở, một người chuyên trì tụng
13 luận Thập Địa, một người chuyên trì tụng
14 kinh Pháp Hoa. Giữa đêm thanh vắng, hai
15 người ngưng tụng, bảo nhau rằng: "Trong hai
16 người chúng ta, nếu ai chết trước thì nên báo
17 mọi sự có không trong nhân quả để cùng
18 nhau được biết". Sau đó vài năm, vị tăng
19 chuyên trì tụng luận Thập Địa bị bệnh mà
20 tịch trước, trải qua thời gian lâu mà không trở
21 về mách báo.

22 Vì tình bè bạn nên vị Tăng chuyên trì
23 tụng kinh Pháp Hoa ngày đêm buồn khóc,

1 hận sao chậm đến báo, bèn mộng cảm vị ấy
2 đến báo rằng: "Tôi vì tâm công cao phân biệt
3 hơn kém, tuy tụng luận Thập Địa mà không
4 nghĩ đến mọi sự khổ vui của đời sau. Vì tâm
5 thô lậu ấy nên bị Diêm-la Pháp Vương cho ở
6 trong nhà tối, như gánh chịu tội ấy, dứt trừ
7 tội công cao hơn người khác mới sinh về
8 Tịnh độ. Ông nghĩ nhớ đến tôi mà trì tụng
9 kinh phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu vào nhà
10 tối làm cho tôi được mát mẻ và dứt khổ,
11 không bao lâu nữa sẽ được lìa khổ. Còn Đạo
12 bạn hữu xa đợm đến đời sau, tôi vui mừng
13 mong được ông làm thiện tri thức, sao ông
14 hận tôi ư? ba năm sau, Ông sẽ sinh về Tịnh
15 độ. Xin vì tôi mà trì tụng trăm bộ kinh để
16 chóng được sinh về Tịnh độ, sẽ lại đón rước
17 thần thức ông". Sau khi tỉnh giấc, vị Tăng
18 chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa liền tắm gội
19 sạch sẽ, đắp pháp y mới sạch, chuyên trì tụng
20 một trăm bộ kinh. Lại mộng thấy vị Tăng trì
21 tụng luận Thập Địa đến báo rằng: "Nhờ
22 nương theo ân đức của ông mà tôi đã được
23 vãng sinh về Tịnh độ, ba năm sau, tôi sẽ đón
24 rước ông, mong chớ phế bỏ hạnh nghiệp trì

1 tụng kinh". Sau khi thức giấc vị tăng trì tụng
2 kinh Pháp Hoa nói lại việc ấy với chư tăng.

3 **23. Hai vị Tăng chùa Thắng nghiệp ở**
4 **Tây kinh, thời tiền Đường:**

5 Thích Tuệ Ước và Thích Thọ Quả, hai Sư
6 đều xuất gia từ thuở thiếu thời, cùng trụ chùa
7 Thắng Nghiệp ở Tây kinh. Suốt ba năm đuổi
8 khoan chăm lo việc trị tuế trong kho. Bỗng
9 nhiên vào một đêm tháng năm bị minh quan
10 dẫn đến diện kiến vua Diêm-la. Vua hỏi:
11 "Lúc còn sống các ông làm những hạnh
12 nghiệp gì?". Ngài Tuệ Ước đáp rằng: "Tụng
13 kinh Pháp Hoa được ba - bốn quyển". Vua
14 chấp tay cung kính nói rằng: "Nên thả trở
15 về!". Và sai người dẫn đi xem các nơi chịu
16 khổ. Vừa theo hướng Tây nam đi đến một
17 cửa thành lớn. Ở mặt phía Bắc thấy có một
18 dãy phòng dài, dùng bảng làm tường, hai
19 phía Đông-Tây đang làm lỗ như lỗ gông cùm
20 chẳng khác, trong lỗ đều có đầu chư tăng
21 thường xuất hiện. Có Sa-môn Đại Lượng,
22 người ở cùng chùa tuy thân còn sống mà đầu
23 đã xuất hiện trong lỗ. Vừa thấy hai ngài (Tuệ
24 Ước, Thọ Quả) liền kêu gào kinh hãi chẳng

1 thể diễn tả hết. Sa-môn Đại Lượng đang lo
2 việc xem xét, sửa sang ba tôn tượng lớn trong
3 điện, dùng riêng vật sửa tượng nên bị truy
4 nhiếp. Bên cạnh mỗi lỗ đều có ngục tốt, hình
5 tướng rất đáng khiếp sợ, cầm dao nhọn đâm
6 thọc, máu me chảy vãi, ngục tốt đặt đầu bảo
7 sống, thì đầu trở lại chứng ngộ trong lỗ. Cứ
8 như thế với thời gian không bao lâu mà trải
9 qua ba mươi lần. Tiếp đi đến theo hướng Tây
10 lại thấy chỗ chịu tội giết hại ăn thịt, có vô số
11 chúng tăng bị cắt xẻo chém chặt, vang tiếng
12 kêu gào khó chịu nổi, các chúng sinh bị giết
13 hại trước kia đều đến đòi mạng, chia nhau
14 uống máu ăn thịt. Lại thấy Sa-môn Trí Cảm
15 là vị chủ chùa và Đô Duy Na A Lục bị trói
16 buộc rất dữ dội, xét đang ăn thịt bởi tội dùng
17 vật của chúng tăng. Hai ngài (Tuệ Ước, Thọ
18 Quả) bỗng nhiên bị đẩy vào trong hầm tối,
19 chỉ phút chốc sống lại, khắp thân mồ hôi
20 nhuế nhai, tâm không tự chủ. Chưa đầy một
21 tháng sau thì Sa-môn Đại Lượng bị chết thành
22 linh cảm chịu khổ mới. Còn Sa-môn A Lục
23 phát tâm sám hối, chẳng ra khỏi cửa phòng,
24 đọc tụng hết thấy kinh tạng, suốt đêm ngày

1 chuyên cần. Có vài lần thấy kẻ sứ minh ty hai
2 người mặc y phục màu vàng cưỡi con ngựa
3 trắng đến vào phòng A Lục, một người bảo
4 rằng: "Nhờ phát Đại tâm, ngày đêm không xả
5 bỏ, đọc tụng hết thầy kinh, nên sẽ được thả".
6 Phàm có đến ba, bốn lượt như thế, từ đó Sa-
7 môn A Lục và những người thân thấy vậy
8 đều siêng năng sám hối không thôi, bèn được
9 không sao cả (xuất xứ từ Bạch Cảnh Lục).

10 **24. Trúc Trường Thụ thời Tây Tấn:**

11 Trúc Trường Thụ, tổ tiên vốn là người xứ
12 Tây Vực, do nhiều đời chuyên việc buôn bán
13 nên thành người giàu có, định cư ở Tây Trúc.
14 Trong khoảng niên hiệu Nguyên Khương
15 (291-300) thời Tây Tấn, gia đình dời đến ở
16 Lạc Dương, Trúc Trường Thụ kính phụng
17 Phật pháp, tâm ý chí thành, chuyên đọc tụng
18 kinh Quán Thế Âm. Về sau, ở gần đó bị lửa
19 cháy mà nhà của Trường Thụ đã bằng gỗ
20 tranh lại nằm ở dưới gió, nghĩ lửa đã bức
21 bách đến gần, nên chuyển đồ vật ra ngoài
22 nhưng không được bao nhiêu, bèn bảo tất cả
23 người nhà không nên chuyển vận đồ vật và
24 cũng không tưới nước để cứu, chỉ nên nhất

1 tâm tụng kinh, trong nháy mắt, lửa đã cháy
2 đến nhà bên cạnh chỉ cách hàng rào nhà Trúc
3 Trường Thư, nhưng gió bỗng nhiên xoay trở
4 lại và lửa cũng dứt hẳn ngay mé nhà ấy. Bấy
5 giờ, mọi người đều lấy làm linh dị. Trong
6 làng có bốn, năm người niên thiếu khinh
7 thường hiềm nguy cùng gièm pha cười nhạo
8 rằng: "Gặp lúc gió tự đổi hướng, chuyện đó
9 có gì thần bí. Nếu trời hanh khô, tôi châm lửa
10 đốt mà nhà nó không cháy mới là chuyện lạ".
11 Sau đó, đang lúc đất đai đang nóng bức, gió
12 nổi dậy vùn vụt, bọn niên thiếu ấy thậm cùng
13 nhau cầm bó đuốc ném vào trên nhà Trúc
14 Trường Thư, ba lần ném ba lần tắt mất, chúng
15 kinh sợ đều tự chạy về nhà, sáng hôm sau
16 cùng dẫn nhau đến nhà Trúc Trường Thư tự
17 trình bày việc làm hôm qua và cúi đầu tạ tội.
18 Trúc Trường Thư bảo rằng: "Ta không có
19 thần nào cả, chỉ do sự tụng niệm kinh Quán
20 Thế Âm nên được oai linh cảm giúp như thế.
21 Các ông chỉ nên rửa gột thân tâm kính tin".
22 Từ đó mọi người xa gần trong làng xóm đều
23 kính sợ và lấy làm lạ (trích từ Pháp Uyển
24 quyển 23).

1

2

3



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 7

IX. ĐỌC TỤNG DIỆT TỘI:

Trong quyển này có hai phần:

1/ Nhân Tôn Tử

2/ Nàng hầu của Tô Trường

3/ Ngạn Võ đời Tùy

4/ Hàn Mục Chi

5/ Thích Tịnh Tạng

6/ Vua Mông Tôn

7/ Thích Tuệ Duyên

8/ Thích Tăng Dung

9/ Tỳ-kheo người xứ Thiên-trúc

10/ Sa-di ở chùa Cù-ma-đế

11/ Đại Thừa Thiên

12/ Nghiêm Kính đời Tùy

1 13/ Thiếu nữ ở huyện An Cư

2 14/ Tiểu nữ ở Thái Nguyên

3 15/ Ni sư Diệu Không

4 16/ Người nữ ở nhà Cao Thủ Tiết

5 **1. Nhân Tôn Tử trụ tại Cao Biểu ở**
6 **Kinh đô:**

7 Nhân Tôn Tử trụ tại Cao Biểu ở kinh đô,
8 thường đọc tụng kinh Pháp Hoa. Ngày 27
9 tháng giêng niên hiệu Long Sóc thứ ba (663)
10 thời Tiền Đường, ông cưỡi ngựa đi ra từ cửa
11 Thuận Nghĩa, có hai người cưỡi ngựa đuổi
12 theo và bảo rằng: "Lệnh phải bắt". Nhân Tôn
13 Tử hỏi: "Ông là ai?" Đáp: "Ta là Sứ giả của
14 Diêm Vương, nên đến bắt người". Ông khiếp
15 sợ đuổi ngựa chạy ra hướng Tây, muốn vào
16 trong chùa Phổ Quang, kẻ Sứ bảo nhau rằng:
17 "Phải đến chặn đón tại cửa chùa, chớ để vào
18 trong, nếu vào thì sẽ thoát khỏi". Vừa đến cửa
19 chùa Nhân Tôn Tử thấy có một người cưỡi
20 ngựa đứng chặn ở cửa, nên ông lại theo
21 hướng Tây mà chạy, muốn vào chùa Khai
22 Thiện, kẻ Sứ lại bảo đuổi nhanh đến chặn
23 cửa, do đó, Nhân Tôn Tử bèn từ phía Tây

1 tuôn chạy muốn trở về nhà, sợ đường dài xa
2 mới vào phòng Lễ Tuyên, có một người
3 cưỡi ngựa đuổi trước, Nhân Tôn Tử nắm tay
4 đánh, quý ấy bèn rơi xuống ngựa. Quý đuổi
5 theo sau bảo rằng: Người này rất thô bạo,
6 phải mau kéo nắm đầu tóc kéo xuống đất".
7 Nhân Tôn Tử liền bị kéo tóc ném ra rất xa,
8 toàn thân đau như bị dao cắt Tử kể rằng: "Bị
9 bắt đến Diêm Vương tra hỏi rằng: "Vì sao
10 ông trộm trái cây của chư Tăng? Vì sao nói
11 lỗi của Tam bảo?" Tôi nghe thế cúi đầu nhận
12 tội không dám thốt lời nào. Diêm Vương bảo:
13 "Tội trộm trái cây là phải nuốt bốn trăm năm
14 mươi viên sắt nóng, trải qua bốn năm nhẫn
15 chịu mới hết. Còn tội nói lỗi thì kéo lưỡi ra
16 để cày". Do đó thả cho đi ra, bèn được sống
17 lại thời gian ngắn. Khi trở lại, nơi miệng như
18 nuốt vật, khắp thân thể nóng bừng, có sự khổ
19 sở trời buộc". Qua ngày hôm sau ông mới
20 tỉnh và kể rằng: "Mỗi năm phải nuốt hơn trăm
21 viên sắt nóng, khổ ấy thật khó nói: "Ngày
22 hôm sau nữa cũng giống như vậy, vừa trải
23 qua bốn ngày, nuốt viên sắt nóng cũng hết,
24 bèn muốn kéo lưỡi để cày, nhưng kéo mà

1 không ra, bèn xét lý do mới nói là: "Từng đọc
2 tụng kinh Pháp Hoa nên lưới không thể kéo
3 ra, bèn được thả trở về cho sống lại". Nay
4 hiện tại chỗ Sa-môn viên mãn ở chùa Hóa
5 Độ, Nhân Tôn Tử chuyên tâm nghe pháp sám
6 hối.

7 **2. Nàng hầu của Tô Trường:**

8 Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời
9 Tiền Đường, được Đô Thủy Sứ giả cất nhắc,
10 Tô Trường làm thứ sử Ký châu, nên dẫn người
11 nhà đến cùng ở chỗ trấn nhậm, vượt qua sông
12 Gia Lục, đang giữa dòng sóng gió nổi dậy,
13 ghe thuyền bị chìm, các nam nữ có hơn sáu
14 mươi người đồng một lúc bị đắm chết. Chỉ
15 có một nàng hầu thường đọc tụng kinh Pháp
16 Hoa, đang lúc nước tràn vào thuyền, nàng
17 hầu ấy đội hòm kinh trên đầu, phát nguyện
18 chìm với kinh. Thế rồi, thuyền đắm mà nàng
19 hầu ấy chẳng chìm, theo gió đưa đẩy nổi trôi,
20 chỉ chốc lát được lên bờ, nàng liền mở xem
21 kinh ấy không hề thấm ướt, dơ bẩn. Số kinh
22 ấy hiện vẫn còn. Dương Châu lấy nàng hầu
23 ấy làm người vợ, càng dốc lòng kính tin (Sâm
24 Lệnh Thuyết nói đó là do nàng hầu ấy tự nói,

1 nhưng ngay lúc gian nguy tự nhiên được lên
2 bờ, người đi thuyền cũng nói như thế).

3 **3. Ngạn Võ ở Ngụy Châu, đời Tùy:**

4 Khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601)
5 đời Tùy, Ngụy Châu Sứ Bác Lãng Thôi Ngạn
6 Võ nhân đi tuần trong quận và đến một làng
7 nọ, ông ngạc nhiên vừa kinh hãi vừa vui
8 mừng, bảo mọi người cùng đi theo rằng:
9 "Xưa tôi từng ở trong ấp này làm một người
10 vợ, nay còn biết chỗ nhà ấy". Nhân cưỡi ngựa
11 vào theo lối tắt đi quanh đến một ngôi nhà,
12 bảo gõ cửa. Người chủ là một cụ già ra chào
13 hỏi. Ngạn Võ vào nhà đi thẳng lên nhà trên,
14 nhìn trên vách tường ở phía Đông cách đất
15 khoảng sáu, bảy thước có một chỗ cao, Ngạn
16 Võ nói với người chủ nhà rằng: "Xưa tôi trì
17 tụng kinh Pháp Hoa và có năm chiếc thoa
18 vàng đều cất giấu trong vách ấy, kinh trong
19 hộp nơi trang giấy cuối quyển bảy bị lửa đốt
20 cháy văn tự, nên nay mỗi lúc tụng kinh ấy
21 đến cuối quyển bảy tôi thường quên mất
22 không thể nào nhớ được". Do đó, ông bảo
23 mọi người đục vách tường, quả nhiên có
24 được hộp kinh, mở xem ở cuối quyển bảy và

1 thoa vàng đều đúng như lời Ngạn Võ nói.
2 Người chủ nhà òa khóc nói rằng: "Ngày còn
3 sống, vợ tôi thường đọc tụng kinh ấy và thoa
4 vàng cũng vậy, vợ tôi vì sản nạn mà qua đời,
5 nên không biết để ở nơi nào, nay mới được
6 Sứ quân chỉ bày cho chỗ ấy". Ngạn Võ chỉ
7 nói cây hòe ở trước sân và bảo rằng: "Lúc tôi
8 gần sinh sản, tự cởi mở đầu tóc, để giữa
9 khoảng trống trong cây ấy. Hãy thử bảo
10 người ra tìm xem". Quả nhiên có tóc ở trong
11 cây hòe. Do đó, người chủ nhà vừa buồn vừa
12 vui. Ngạn Võ bèn để lại các thứ y vật cấp tặng
13 nông hộ cho người chủ nhà rồi ra đi (Trích
14 từ Pháp Uyển quyền 26 ghi: Sự ứng nghiệm
15 này trích từ Minh Báo ký).

16 ***4. Hàn Mục Chi người ở vùng Bành*** 17 ***thành:***

18 Hàn Mục Chi, người ở vùng Bành thành,
19 khoảng đầu niên hiệu Thái Thi (465) thời
20 Tiền Tống, xứ Bành thành bị chiếm mất. Hàn
21 Mục Chi làm tù binh lưu lạc nên mất người
22 con giữa lúc tao loạn, bị người bắt mất,
23 không biết đang ở xứ nào. Hàn Mục Chi là
24 người vốn kính thờ Phật pháp, do năng lực

1 tinh tấn bèn dốc lòng đọc tụng kinh Quán Thế
2 Âm, muốn đọc một muôn biến mong được
3 gặp lại con. Lại thường lúc được ngàn biến
4 thì liền thiết trai thỉnh tăng cúng dường. Đã
5 được sáu ngàn biến mà không thấy cảm động
6 gì. Hàn Mục Chi bèn than rằng: "Bậc Thánh
7 đâu lẽ không ứng với chúng sinh ư? Đây chỉ
8 bởi tâm ta chưa chí thành cho nên như vậy".
9 Do đó suốt đêm ngày chẳng cần lường tính
10 số biến, chỉ tự thệ nguyện lấy sự cảm kích
11 làm kỳ hạn. Người con ấy bị định đem bán
12 làm kẻ tớ của người ở Ích châu, hiện bị sai sử
13 làm việc mỗi ngày riêng gom bó cây cỏ, bỗng
14 nhiên thấy một đạo nhân đến hỏi rằng:
15 "Người có phải là con của Hàn Mục Chi
16 chẳng?". Người con ấy liền kinh hãi đáp
17 rằng: "Đúng vậy!". Đạo nhân lại hỏi: "Có
18 muốn gặp lại cha chẳng?". Người con ấy đáp:
19 "Muốn thế cũng không được!". Đạo nhân lại
20 nói: "Cha ngươi rất mực tha thiết, nay ta dẫn
21 ngươi trở về nhà". Người con ấy không biết
22 đó là vị thần nên từ chối không dám bằng
23 lòng. Đạo nhân lại bảo: "Không cần gì, chỉ
24 cần nắm lấy góc áo ca-sa của ta thôi". Người

1 con ấy thử nắm lấy, bèn cảm thấy như có
2 người kéo đi, chỉ trong chốc lát mà đến tựa
3 ngoài cửa của một ngôi nhà, đó là chỗ ở mới
4 của Hàn Mục Chi dời đổi lại, người con ấy
5 không biết đó là nhà của cha mình. Đạo nhân
6 không đi vào mà sai người con ấy đi vào. Vào
7 trong thì thấy người chủ nhà đang ngồi tụng
8 kinh, đó chính là cha của người con ấy (=
9 Hàn Mục Chi), nhìn thấy nhau mà chưa rảnh
10 tỏ bày buồn vui, chỉ được kêu là "ngoài cửa
11 có bậc Thánh". Hàn Mục Chi liền chạy chân
12 không mà ra vừa đến cửa thì không còn thấy
13 vị Đạo nhân ấy đâu nữa. Các Đạo tục ở gần
14 xóm chung quanh không ai chẳng kinh lạ
15 trầm trồ.

16 ***5. Sa-môn Tịnh Tạng chùa Bảo Thất ở***
17 ***Ly Châu, đời Tùy:***

18 Sa-môn Thích Tịnh Tạng, người ở xứ Ly
19 Châu, mất song thân từ nhỏ, bèn xuất gia tại
20 chùa Bảo Thất, nhưng căn tánh ngu đần,
21 chẳng thể đọc tụng kinh điển, ngày đêm than
22 thở, tự hận trách nghiệp đời trước. Lại muốn
23 đọc tụng kinh Pháp Hoa, chỉ ăn dùng rau quả,
24 khổ hạnh tiết chế, theo thầy bắt đầu thọ học

1 kinh, qua nhiều tháng chỉ mới đọc tụng được
2 một phẩm, ngày đêm siêng năng, chẳng ăn
3 ngũ cốc, thân thể sức lực suy yếu, chóng bị
4 chết ngất, thần thức đến chỗ sảnh vua Diêm-
5 la, vua nhìn thấy Sư thì rất vui mừng, mời Sư
6 lên ngôi tòa vàng, vua chấp tay ngời khen
7 rằng:

8 *"Lành thay Đại Thích Tử!*
9 *Tinh tấn tụng Pháp Hoa,*
10 *Chẳng lâu sẽ thành Phật*
11 *Lợi ích các chúng sinh."*

12 Khen ngợi rồi, vua nói với Sư rằng: "Đại
13 sư tuổi thọ chỉ ở ba năm, nghiệp trước đã hết,
14 do nhờ năng lực tụng kinh Pháp Hoa đã tăng
15 đến ngày nay, nghiệp thọ kéo dài, nên thả Đại
16 sư trở về, nên đọc tụng một bộ". Nghe lời ấy,
17 như ngủ mà thức giấc, Sư rơi lệ hôi hặn. Đã
18 đọc văn ấy, sự tích này, tôi như đích thân
19 được thấy ngài Tịnh Tạng, nghe lại đầu đuôi
20 mà thôi.

21 **6. Vua Mông Tôn đời Lương:**

22 Ở đời Lương, Quốc vương Thư cừ Mông
23 Tôn, do nghiệp xưa mà bị bệnh nặng, khôn

1 khô chẳng dứt, dùng các thứ thuốc để thoa
2 bóp không thuyên giảm, cầu nguyện Thiên
3 thần địa kỳ vẫn chẳng trị lành. Bấy giờ, có
4 Pháp sư Đàm-ma-la-sám hiệu là Bồ-tát Y-ba-
5 lặc đi khắp nơi giáo hóa ở vùng Thông lãnh,
6 bèn đi đến Hà Tây. Vua Mông Tôn nghe có
7 Sa-môn đến bèn thưa hỏi cách trị bệnh, ngài
8 La Sám đáp rằng: "Bệnh của Đại vương thì
9 các thứ thuốc ở Thiên Trúc chẳng thể trị lành,
10 chỉ có thứ thuốc hay tên là Diệu Pháp Phổ
11 Môn, mới có thể bảo đọc tụng". Vua vâng
12 theo lời ấy, liền sai người đọc tụng, bệnh
13 chuyển được lành, do đó vua càng tăng thêm
14 tâm tôn trọng, tự chuyển rút lấy một phẩm
15 kinh Quán Thế Âm thành một quyển biệt tập,
16 từ đó mãi đến ngày nay, thường tương
17 truyền.

18 **7. Thích Tuệ Duyên ở Dự châu, đời**
19 **Tùy:**

20 Thích Tuệ Duyên, là người ở xứ Dự châu,
21 xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ ăn dùng rau
22 trái khô hạnh, muốn sinh lên cõi trời Đâu-
23 suất, phát nguyện hồi hướng tất cả mọi hạnh
24 nghiệp tu hành về nghiệp ấy, chí ý mong cầu

1 được tận mặt thờ phụng Đức Di-lặc từ tôn.
2 Trong suốt mười hai năm không hề ngưng
3 nghỉ, mộng thấy một đồng tử đến bảo với Sư
4 rằng: "Hạnh nghiệp của ông ưa chuộng muốn
5 sinh lên cõi trời Đâu-suất, tuy sinh lên cõi
6 trời ấy mà chẳng thể thờ phụng Đức Di-lặc
7 Đại sĩ. Vì sao? Vì chưa tụng kinh Pháp Hoa.
8 Nếu người thọ trì mười điều lành tuy được
9 sinh lên cõi trời ấy, mà người chẳng thọ trì
10 kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên chỉ ở phía trời
11 bên ngoài, không được hầu hạ bồ xứ, rồi do
12 nhân duyên mê đắm dục lạc nên rơi lại trong
13 ba đường ác". Nói lời ấy rồi, đồng tử bèn bay
14 lên hư không. Sau khi thức giấc, Sư liền sám
15 tạ tâm nguyện trước, lại theo các vị thầy bạn
16 thọ học kinh, ngày đêm đọc tụng trải qua ba
17 năm, lại mộng thấy vị Đồng tử trước kia đến
18 bảo rằng: "Hạnh nghiệp của ông đã thuần
19 thực, nhưng thọ mạng chưa hết, trước muốn
20 được thấy Bồ-tát Di-lặc, nên theo vào dưới
21 hông tôi, tôi sẽ đưa lên cõi trời vào nội viện,
22 chỗ Bồ-tát Di-lặc cùng các Đại Bồ-tát hiện
23 đang vây quanh giảng pháp". Vừa thấy Sư
24 vào, Bồ-tát Di-lặc liền nói kệ ngợi khen rằng:

1 *"Lành thay! Đại Thích Tử*
2 *Đọc tụng pháp Nhất thừa*
3 *Hiện đời thấy thân ta*
4 *Qua đời sẽ sinh đây!"*

5 Nghe lời kệ ấy xong, Sư vui mừng đến
6 nổi lệ rơi, nhìn khắp trước sau và chung
7 quanh chúng hội có trăm ngàn người đều
8 ngồi trên tòa. Lại thấy có các tòa trống không
9 người rất nhiều, Sư liền hỏi các vị trời: "Vì
10 sao có những tòa trống không người như
11 thế?". Khi ấy có hai vị Bồ-tát là Thị giả; một
12 vị tên là Pháp Uyển Lâm và một vị tên là Đại
13 Diệu Tướng, liền đứng dậy nói với Sư rằng:
14 "Nên biết các tòa trống ấy là nơi dành cho
15 những người ở trong thời Mạt pháp của Đức
16 Thích-ca Như Lai thọ trì đọc tụng kinh Diệu
17 Pháp Liên Hoa, sau khi vãng sinh sẽ lên ngôi
18 trên đó, cho nên có những tòa trống không
19 người như thế. Và, Sư cũng sẽ ngồi trong đó.
20 Hạnh nghiệp của Sư quá tinh diệu nên ta đến
21 đón rước. Đồng tử ông thấy trước kia đâu
22 phải là người nào lạ mà đó chính là Đại Diệu
23 Tướng tôi đây. Ông mau trở lại nhân gian,
24 nói cho mọi người nghe biết việc này, chuyển

1 đọc kinh giáo Đại thừa, mười hai năm sau, xả
2 bỏ thọ mạng, ông sẽ lên nơi này thọ giáo".
3 Lại bảo theo Đồng tử trước mà trở xuống.
4 Thức giấc, Sư rất vui mừng, nói việc ấy cho
5 các bạn bè, mười hai năm sau, tự nhiên không
6 bệnh mà Sư thị tịch, có mây màu tím phủ
7 khắp hư không, mọi người đều cho là điềm
8 lành.

9 **8. Thích Tăng Dung chùa Đông Lâm ở**
10 **Cửu Giang đời Lương:**

11 Thích Tăng Dung, sống vài đầu đời
12 Lương, trụ chùa Đông Lâm ở Cửu Giang. Sư
13 đốc chí trầm lắng rộng khắp, chuyên du hóa
14 là việc chính, Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, trụ
15 tại Lô Sơn, riêng lúc nghỉ qua đêm, trời có
16 mưa tuyết, lúc vừa mới ngủ, thấy có binh lính
17 quỷ, loại ấy rất nhiều, trong đó có quỷ tướng
18 mang áo giáp cầm mũi nhọn, thân hình kỳ lạ
19 tướng trạng cao lớn, có mang đến một chiếc
20 giường người Hồ, bèn ngồi xỏm trước mặt
21 Sư, gằn sắc mặt lớn tiếng bảo rằng: "Vì sao
22 Ông cho là quỷ thần không có linh ứng? Hãy
23 mau kéo xuống đất". Các quỷ định ra tay thì
24 Sư trầm lặng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát

1 Quán Thế Âm không dứt tiếng, liền thấy phía
2 sau giường có một vị tướng trời thân cao một
3 trượng thân mặc áo kép, quần cụt bằng da
4 màu vàng, tay cầm chày Kim Cương định
5 đánh. Bọn quỷ bèn kinh hãi chạy tan, các thứ
6 áo giáp mũ trụ đều nát như bụi phấn. Lại nữa,
7 Sư từng ở tại Giang Lăng, chuyên tâm đọc
8 tụng, cảm Bồ-tát Phổ Hiền đến dạy rằng:
9 "Ông đọc tụng kinh Pháp Hoa, tội tánh dần
10 tiêu diệt, chỉ trong ba đời chắc chắn thấy
11 được chân tâm, không biết về sau Sư đến ở
12 xứ nào (xuất xứ từ Lương Cao Tăng truyện).

13 ***9. Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã ở xứ***
14 ***Thiên Trúc:***

15 Xưa, ở tại xứ Thiên trúc có vị Tỳ-kheo tu
16 hạnh A-lan-nhã đọc tụng kinh điển Đại thừa.
17 Vua nước đó thường trải tóc dưới đất để Sư
18 giẫm lên đi qua. Có vị Tỳ-kheo khác nói với
19 vua rằng: "Người này là Ma-ha-la chẳng đọc
20 tụng nhiều kinh, vì sao cúng dường lớn như
21 thế?". Vua bảo: "Vào nửa đêm một hôm nọ,
22 ta muốn thấy vị Tỳ-kheo ấy, bèn đến chỗ vị
23 ấy ở, thấy vị Tỳ-kheo ấy đang ở trong hang
24 đá đọc tụng kinh Pháp Hoa, thấy có một

1 người thân hình phát ra ánh sáng vàng rờn
 2 cười trên voi trắng, chấp tay cúng dường. Ta
 3 dần đi lại gần, liền biến mất. Ta liền hỏi vị
 4 tỳ-kheo ấy: "Vì sao ta đến thì hình tướng
 5 người phát ra ánh sáng vàng rờn ấy liền biến
 6 mất?". Vị Tỳ-kheo ấy đáp: "Đó tức là Bồ-tát
 7 Biến Cát. Bồ-tát Biến Cát tự nói: "Nếu có
 8 người đọc tụng kinh Pháp Hoa thì ta sẽ cười
 9 voi trắng đến, chỉ dạy dẫn dắt cho". Vì tôi đọc
 10 tụng kinh Pháp Hoa nên Bồ-tát Biến Cát tự
 11 đến. Bồ-tát Biến Cát chính là Phổ Hiền (xuất
 12 xứ từ luận Đại Trí Độ).

13 ***10. Vị Sa-di chùa Cù-ma-đế ở nước***
 14 ***Vu-Điền, xứ Thiên-trúc:***

15 Ở nước Vu Điền có một ngôi Già-lam tên
 16 là Cù-ma-đế tức là chùa Đại thừa. Ở đó có ba
 17 ngàn vị tăng cùng tu tập chung, thường đánh
 18 kiền- chùy mà thọ trai. Bấy giờ, có vị Sa-di
 19 chuyên lo làm lụng mọi việc tuổi vừa mười
 20 sáu, cũng có một Ni-Kiền-Tử giỏi về chiêm
 21 đoán các tướng, thấy vị Sa-di ấy bèn bảo
 22 rằng: "Năm nay ông mười sáu tuổi, mạng
 23 sống chỉ còn được một năm, tuy có xả thí tất
 24 cả các thứ y bát để cúng dường cũng không

1 thể kéo dài tuổi thọ!". Sa-di nghe nói buồn
 2 rầu, Thượng tọa cũng thương xót nên bảo tu
 3 tạo nghiệp lành cho đời sau, dạy trì tụng kinh
 4 Pháp Hoa, mà vị Sa-di ấy căn tánh ám độn,
 5 không biết văn tự, nên Thượng tọa rút chỗ
 6 quan trọng trong kinh lấy hai phẩm: "Phương
 7 Tiệm" và "Thọ Lượng" trao cho bảo đọc tụng.
 8 Vị Sa-di ấy chuyên tâm đọc tụng. Về sau, vị
 9 Ni Kiền Tử gặp lại vị Sa-di ấy sinh tâm ít có,
 10 hỏi rằng: "Ông tu công đức gì?". Vị Sa-di ấy
 11 đáp: "Tôi mới đọc tụng hia phẩm trong một
 12 bộ kinh". Vị Ni-kiền-tử khen rằng: "Năng lực
 13 của kinh điển Đại thừa, thật chẳng thể nghĩ
 14 bàn. Chuyển đổi từ tuổi thọ chỉ mười bảy trở
 15 thành bảy mươi!". Bèn xuất gia vào ở chùa,
 16 tập học đọc tụng kinh điển Đại thừa. (Xuất
 17 xứ từ Tây Quốc truyện)

18 ***11. Sa-môn Ma-ha-diễn-đề-bà nước***

19 ***Câu-tát-la ở Thiên-trúc:***

20 Bên cạnh tinh xá Ái Đạo xưa ở nước Câu-
 21 tát-la có vị Sa-môn tên là Ma-ha-diễn-đề-bà;
 22 đời Tần dịch là Đại Thừa Thiên. Bảy giờ, có
 23 vị A-la-hán chứng đắc Ba Minh sáu thông
 24 thấu suốt rốt cùng là bạn thân cũ của Sư, nói

1 với Sư rằng: "Tôi thấy phía trên ở ngoài
2 thành Xá-vệ giữa hư không có một con quỷ
3 đói thân hình to lớn tướng trạng xấu xí, tự
4 nhiên có mười hai viên sắt nóng vào trong
5 miệng, thẳng qua xuống dưới, đã qua rồi trở
6 lại vào miệng, khắp thân thể nóng đốt, đau
7 đớn xoay chuyển, té ngã rồi đứng dậy, đứng
8 dậy rồi lại té ngã". Tôi liền hỏi: "Ông do tội
9 gì mà đau khổ như thế?". Quỷ đói đáp: "Đời
10 trước tôi làm Sa-di cho Đại Thừa Thiên, bấy
11 giờ gặp lúc quá đói kém, phải làm bánh bột
12 để ăn, tôi làm thức ăn cho chúng Tăng, riêng
13 coi trọng Đại Thừa Thiên nên lén cất mười
14 hai phần, định ăn sau. Vì tội ấy nên chịu làm
15 thân quỷ đói, khổ độc như thế này, ông có
16 biết chăng?". Sư đáp: "Thật có việc ấy",
17 "Chịu khổ đâu có nghi gì?". Sư hỏi: "Vậy
18 phải dùng cách nào để cứu khổ ấy?". Vị A-
19 la-hán bảo: "Nên y theo ông mà khởi tu hạnh
20 nghiệp. Ông đọc tụng kinh điển Đại thừa".
21 Ngài liền theo lời dạy bảo của vị A-la-hán
22 mà đọc tụng các kinh Bát-nhã, Pháp Hoa,
23 Ban Châu, v.v... mỗi thứ mười biến, hồi
24 hướng công đức cứu khổ cho quỷ đói ấy. Sau

đó, Sư lại hỏi vị A-la-hán ấy: "Sa-di trước kia khổ như thế nào rồi". Vị A-la-hán ấy đáp: "Tôi nhập định quán sát thấy biết quý đỏi ấy nương năng lực tụng kinh của ông nên sau khi chết được sanh lên tầng trời thứ hai (như trước).

12. Nghiêm Kính ở Dương Châu đời Tùy:

Nghiêm Kính, người ở xứ Dương Châu, gia đình rất giàu có, nhưng không con để nối dõi. Nghiêm Kính quy kính chánh pháp, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp thường. Về sau, sinh được một đứa con trai, vừa ba tuổi bị sốt nên mất mùa. Nghiêm Kính dạy cho học phẩm "Thọ Lượng" nhưng đứa con ấy chẳng thể thọ trì, chỉ mới đọc được đề mục của phẩm kinh, ngoài ra không có việc gì khác. Lại gặp lúc tao loạn, Nghiêm Kính bèn đào một cái hang ở trong nhà, cất cho các thứ ăn mặc và giấu đứa con ở đó mà bỏ đi. Đến lúc bình an, giặc tan. Ba năm sau, Nghiêm Kính mới trở về nhà thì phòng nhà đều đổ nát, rường cột đổ ngã, bỗng nghe phía dưới có tiếng nói nhỏ

1 nhiệm, bèn nhớ lại đứa con bị mù mắt, vội
2 mở hang ra, thấy đứa con sắc da beo tốt tròn
3 đầy, hai mắt lại tỏ sáng, buồn vui lẫn lộn mà
4 hỏi về nhân duyên. Đứa con ấy bảo: "Tôi thọ
5 trì phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa, có một
6 người cười voi trắng đến phát ra ánh sáng và
7 dạy trao truyền cú đệu, mới đầu đọc tụng một
8 phẩm được sáng mắt, nên giúp cho trọn bộ".
9 Sau đó Nghiêm Kính bèn không thấy đứa con
10 đâu nữa, bèn sinh khởi ý niệm ít có, chí thành
11 đọc tụng kinh rất thông thuộc, như nhiều năm
12 thọ trì, tôi (Tăng Tường) gần gũi nghe biết
13 điều đó.

14 ***13. Dạng nữ ở huyện An Cư:***

15 Các cô gái họ Dạng phát tâm đọc tụng
16 kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, tay xoa
17 các thứ hương thơm mới chạm vào kinh,
18 miệng ngậm các thứ hương thơm mới đọc
19 tụng kinh. Người mẹ của cô Dạng bị bệnh,
20 Dạng đọc tụng liền hết bệnh. Giữa lúc đang
21 đêm lắng lặng, hướng về ánh đèn để đọc tụng
22 kinh, bỗng có mùi thơm lạ tỏa đến, có Dạng
23 tỉnh thành suốt mười hai năm, nữ căn bèn
24 biến mất, nam căn sinh khởi, Dạng nữ kín

1 đáo chẳng nói với người. Đến lúc qua đời có
2 một cành hoa sen mọc bên cạnh trên đầu, mọi
3 người đều cho đó là biểu thị của cảnh giới
4 Tịnh độ.

5 ***14. Cô gái nhỏ ở Đại Nguyên:***

6 Ở Đại Nguyên có một cô gái nhỏ, cha mẹ
7 chịu khổ nên qua đời, tình người dần khởi
8 phát nên nghĩ nhớ đến cha mẹ, bèn theo Ni
9 Sư Chân Diệu thọ học phẩm Dược Vương,
10 suốt ngày đêm đọc tụng, cầu nguyện hướng
11 niệm về cha mẹ, bèn cảm mộng có vị Sa-môn
12 đến bảo rằng: "Người đọc tụng một phẩm
13 trong kinh Pháp Hoa, nhờ nhân duyên tốt đẹp
14 ấy mà cha mẹ người được sinh về Tịnh độ".
15 Cô gái mới xuất gia siêng năng hành trì tinh
16 tấn, thọ trì trọn cả một bộ kinh Pháp Hoa, đến
17 nay hiện vẫn còn.

18 ***15. Ni sư Diệu Không ở Tâm Dương:***

19 Ni sư Diệu Không ăn dùng rau quả mặc
20 áo giấy, chuyên đọc tụng kinh Pháp Hoa,
21 ngoài ra không thọ một câu kệ kinh gì khác,
22 thường nguyện sinh về cảnh giới Cực Lạc, lại
23 thấu hiểu Tam-muội niệm Phật. Đến lúc qua

1 đời, có mây màu tím bủa khắp phòng, mùi
2 thơm lạ lan tỏa cả huyện. Về sau có vị đệ tử
3 Ni mộng thấy bảo rằng: "Tôi suốt một đời thọ
4 trì kinh Pháp Hoa, được sinh về thế giới Cực
5 Lạc ở Trung phẩm thượng sinh, nếu như gồm
6 cả giải nghĩa thì hẳn sinh ở Thượng phẩm
7 thượng sinh.

8 **16. Người nữ ở nhà Cao Thủ Tiết ở**
9 **Tĩnh châu, đời Tùy:**

10 Gia đình Cao Thủ Tiết nhiều đời tin thờ
11 Phật pháp, trong nhà có một cô gái mắc bệnh,
12 bèn dạy đọc tụng kinh Pháp Hoa, bệnh tật
13 liền được tiêu trừ, về sau người nữ ấy xuất
14 gia làm Ni Cô, thấy người bị bệnh hủy, liền
15 dạy đọc tụng kinh Pháp Hoa, không lâu bệnh
16 được tiêu trừ.

17 Lại thấy người bị bệnh câm, đọc tụng
18 kinh cho nghe, bèn vui mừng mà đi. Sau
19 được chỗ đáng nghe, lại thấy người mắc phải
20 bệnh sốt rét, nghe tiếng đọc tụng kinh, liền
21 được khỏi bệnh. Người nữ ấy do sự tinh
22 thành mà được sự cảm thông như thế. Không
23 biết việc về sau thế nào?

X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ: (Phần 1)

- 1/ Diêu Hưng đời Hậu Tần
- 2/ Sa-môn nước Ba-la-nại
- 3/ Thiện tín nữ ở nước ngoài
- 4/ Bạn đồng học với Trúc Pháp Toại
- 5/ Thích Đạo Tuấn
- 6/ Sa-di ở chùa Linh Quang
- 7/ Kết duyên viết kinh ở Việt Châu.
- 8/ Thích Pháp Phong
- 9/ Thích Tăng An
- 10/ Thích Trí Diễm
- 11/ Thích Nghĩa Triệt
- 12/ Nàng hầu goá bữa thời Tiên Đường
- 13/ Tư Mã Lý Thông
- 14/ Tư Mã Sở Tuyên Tông
- 15/ Người phụ nữ họ Trần
- 16/ Lý Kiện An đời Đường.

1. Diêu Hưng đời Tần.

Diêu Hưng húy là Chiêu Văn Đô Thường An, dưới thời vua An Đế (Tu Mã Đức Tông 397-405) thời Đông Tấn, có Pháp sư Cư-

1 ma- la-thập người xứ Thiên Trúc, đến
2 Thường An vào mùa Đông niên hiệu Hoàng
3 Thi năm thứ ba (400) thời hậu Tần, Diêu
4 Hưng kính lễ rất hậu, thỉnh vào vườn Tiêu
5 Dao riêng quán an đặt, ban sắc Sa-môn Tăng
6 khế, nhóm họp các vị Sa-môn có hơn tám
7 trăm mười vị để cùng học hỏi yếu chỉ ở ngài
8 La-thập. Đến niên hiệu Hoàng Thi năm thứ
9 tám (405), ở trong chùa Đại Thảo Đường
10 dịch hoàn tất kinh Pháp Hoa, bảo các Sa-môn
11 Tăng Huệ, Đạo Dung giảng kinh Pháp Hoa
12 bản mới dịch. Rất tôn kính Phật pháp, nên
13 Tần Chủ (Diêu Hưng) phát nguyện rằng:
14 "Thập Công đặt bút viết kinh, nơi đầu bút
15 phát ra ánh sáng, trong ánh sáng thấy có hóa
16 Phật và Bồ-tát Văn-thù, mới biết có cảm ứng
17 ở xứ này". Vua bèn tự cầm bút viết kinh,
18 kiêm cứu độ vong thân, nêu ở bên cạnh viện
19 phiên kinh tạo lập riêng một tịnh thất, dùng
20 bảy thứ báu để trang nghiêm trong thất, rưới
21 nước thơm khắp cùng, và cũng dùng nước
22 ấm nóng thơm để tắm gội. Ngày mồng 08
23 tháng 03 niên hiệu Hoàng Thi năm thứ tám
24 (405), vua bắt đầu viết, mới viết tựa đề kinh,

1 liền phát ra ánh sáng năm màu, viết được hai
2 quyển, vua mộng thấy ở tịnh thất thoáng rộng
3 trang nghiêm như Tịnh độ, phát ra ánh sáng
4 vàng ròng trong đó. Trong ánh sáng ấy thấy
5 vong thân vui mừng nói kệ rằng:

6 *"Lành thay Thánh vương*
7 *Tự tay soạn kinh*
8 *Nương công đức ấy*
9 *Sinh lên Đạo lợi*
10 *Đến ngày cúng dường*
11 *Sinh cõi thứ tư*
12 *Phụng sự Di-lặc*
13 *Nghe pháp ngộ giải".*

14 Khi thức giấc ở tịnh thất ấy vua tạo xong
15 một bộ kinh Pháp Hoa. Qua đến ngày 15
16 tháng giêng niên hiệu Hoảng Thỉ năm thứ
17 chín (406) ở chùa lớn, vua thiết trai cúng
18 dường ba ngàn vị tăng, ngài La-thập ngồi
19 trên tòa cao bảo rằng: "Đây da dơ uế chẳng
20 xả bỏ, bên trong chứa đựng vàng ròng, mở
21 rộng đại nghĩa, mưa hoa động đất khắp bốn
22 phương, nhóm họp, hơn chín muôn người
23 đồng một lúc gieo trồng nhân Phật thừa, tâm
24 của muôn thừa, Tôn tam Mật giáo, Diêu

1 Hưng đã ôm ấp linh ứng, tôn kính Phật pháp
2 soi trước thăm sau".

3 **2. Vị Tăng ở nước Ba-la-nại:**

4 Xưa, ở phía Nam nước Ba-la-nại có Liên
5 Sơn, rộng thoáng không một bóng người, vào
6 trong hang sâu tối thăm, rần độc rồn dử, đầy
7 khắp trong đó. Những người lạc đường vào
8 hang sâu ấy cả mười người chẳng còn được
9 một, hai người. Bấy giờ, ở nước Câu-diêm-
10 di có một vị tăng du học, chí khí kính mến
11 Đại thừa, muốn tìm cầu bản Phạm, nghe ở thế
12 tục nói là "trong cung vua ở thành Ba-la-nại
13 có bản kinh Pháp Hoa". Vị Tăng ấy liền sắm
14 sửa các thứ y phục, lương thực, qua đường
15 hiểm trở, một mình tìm đi. Đến ngày, thẳng
16 hướng Tây mà đi, ban đêm dừng nghỉ trong
17 Liên Sơn. Nửa đêm bỗng thấy có ánh sáng
18 màu xanh, dần dần hiện ra một con rồn lớn
19 nhiều động trên núi, soi chiếu mặt đất đi lại
20 há mồm, hướng về vị tăng ấy. Vị tăng sinh
21 tâm sợ hãi nghĩ rằng: "một đời luống qua,
22 chẳng toại được bốn hoài, nên dùng công đức
23 Đại thừa để cứu khổ cho rồn độc". Liền hỏi
24 rồn rằng: "Người muốn ăn thịt ta phải

1 chẳng?". Rong đáp: "Ta do quả báo tuôn nhả
2 khí độc, mọi người trông thấy, kinh sợ mà
3 chết, chứ ta không hề có tâm hại. Thân trước
4 của ta từng làm Sa-môn, vì thường nghĩ nhớ
5 phần độc, chẳng thực hành chánh đạo, bởi tội
6 ấy nên phải chịu thân hình xấu xí, có tám
7 mươi bốn ngàn con trùng nhỏ rúc rĩa ăn thịt
8 thân ta, đau khổ thật không thể chịu nổi, ông
9 nên bố thí lòng từ bi để cứu khổ này giúp ta!".
10 Vị tăng hỏi: "Phải cứu bằng cách nào?".
11 Rong đáp: "Tạo kinh Pháp Hoa", và liền dâng
12 cúng hạt châu thần minh nguyệt. Vị tăng
13 nhận hạt ngọc, liền ra đến thành Ba-la-nại
14 dâng lên vua. Vua nhóm họp những người
15 viết chép tài giỏi, tu tạo hai bộ kinh Pháp
16 Hoa, đều dùng lụa trắng để chép, xong rồi
17 trao cho vị tăng. Vị Tăng trở về đến Liên
18 Sơn, khắp cả núi hôi thối chẳng thể đến gần.
19 Bây giờ, có vô số người trời đến núi ấy, nên
20 hương thơm cõi trời tỏa ngát trong đó, mùi
21 hôi thối bèn tan biến. Vị tăng ấy hỏi vị trời,
22 vị trời đáp rằng: "Tôi là rong độc ở núi này.
23 Tôi cúng thí ngọc quý, Đại sư mới tạo kinh,
24 nhờ đó, tôi thoát khỏi, sinh lên cõi trời, nay

1 trở lại cúng dường bốn thân và muốn báo đáp
2 ân đức của Đại sư!", liền trao cho vị Tăng ấy
3 ba viên châu ngọc rồi biến mất. Vị Tăng ấy
4 về lại nước mình, xây dựng tháp báu để thờ
5 bộ kinh. Các vị trời thường đến cúng dường
6 tháp kinh. (Xuất xứ từ Tây Quốc truyện).

7 **3. Vị Thiện tín nữ ở nước ngoài:**

8 Xưa, ở nước ngoài có một Thiện tín nữ
9 phát nguyện dùng lụa trắng để chếp kinh
10 Pháp Hoa, qua một mùa hạ mới xong, mang
11 đội thọ trì trên đầu, đi đến nước khác nghỉ lại
12 qua đêm trong một ngôi chùa, trì tụng một
13 phẩm "Dược Vương" và buồn khóc mà nằm
14 ngủ. Đến tàn đêm thấy thân mình thay đổi
15 thành tướng trượng phu. Chúng tăng trong
16 chùa lấy làm lạ mà bảo rằng: "Hôm qua là
17 thân người nữ đến đây, vì sao sáng nay lại là
18 thân trượng phu?". Thiện tín nữ đáp:
19 "Trước kia thân nữ, nay là thân nam, chỉ có
20 một thân nhờ phát nguyện thọ trì kinh cho
21 nên như vậy". Cả chúng không tin nên hỏi
22 lại: "Người là con gái của ai, ở xứ nào?".
23 Thiện tín nữ đáp rằng: "Tôi là trưởng nữ của
24 Bà-la-môn Thiện Sinh ở nước ngoài, khi

1 đang ở tại quê nhà tu tạo kinh này, cắt bút
2 mực trong cây cột ở góc phía Đông, lại ở
3 trong rêu bỏ vào một thẻ vàng và một gói
4 ngọc. Nếu không tin thì hãy đến ngôi nhà ấy,
5 sẽ biết rõ mọi sự hư thật". Chư Tăng liền sai
6 kẻ sứ đến xét hỏi, quả nhiên đúng thật như
7 lời nói, cha mẹ của Thiện tín nữ cùng nhìn
8 thấy bèn sinh ý niệm ít có nên xả thí nhà để
9 làm chùa, đặt tên là chùa Trượng phu.

10 ***4. Vị Tăng đồng học với Sa-môn Trúc***
11 ***Đàm Toại:***

12 Sa-môn Trúc Đàm Toại, không rõ là
13 người xứ nào, thuở thiếu thời Sư vân du
14 buông lung, chẳng tu giới hạnh mà cao ngạo
15 tự ý lại, đến lúc trưởng thành lại gian xảo
16 hèn kém, hoặc chỉ một lời đến nỗi khiến trái
17 phạm, nhiều năm chứa nhóm tâm sân nhuế,
18 mọi người lớn nhỏ ở chung chùa không ai
19 chẳng gặp phải sự tức giận ấy. Trong một
20 đêm nọ, mộng thấy có một người đến bảo
21 rằng: "Ông sẽ làm thần miếu Thanh Khê". Về
22 sau, bị bệnh, đến lúc sắp qua đời, Đàm Toại
23 nói với người bạn đồng học rằng: "Lúc bình
24 thường tôi có lắm sự trái nghịch, ít điều chất

1 thật, lại vì phước đức mỏng cạn, sẽ làm quý
2 thần chủ miếu Thanh Khê. Các thầy có duyên
3 hãy xót thương mà hỏi!" Sau khi Đàm Toại
4 qua đời, quả nhiên nơi miếu nghe có thần
5 mới. Các Đạo nhân đến miếu cùng nhau trò
6 chuyện, tiếng vang nói cười như lúc bình
7 thường, bèn thỉnh chư tăng đọc tụng kinh
8 Pháp Hoa, có Sa-môn Tuệ Cận xưa thường
9 đọc tụng, do đó làm số khế cho, thường xin
10 ngâm trầm, cũng liền xưng Bồ-tát mà buồn
11 chẳng dần nổi, đều vì đó mà rơi lệ. Nhân đó
12 nói: "Ngày nay phải chịu thân hình xấu ác,
13 vô cùng hôi thối, khôn khổ quá lắm, khó có
14 thể nói, dưới ngạch cửa phòng xưa của đệ tử
15 có năm ngàn đồng tiền, hãy lấy đó tạo phước,
16 ngô hầu dứt được khổ ấy!" nói rồi bèn giã
17 biệt. Tặng chúng trong bạn đồng học tạo cho
18 ba bộ kinh Pháp Hoa, thiết trai sám hối. Nơi
19 miếu bèn vắng bật không có dấu vết thần.
20 Nên biết nương vào năng lực viết kinh mà
21 được lìa khổ, vắng sinh về cõi tịnh.

22 **5. Thích Đạo Tuấn ở Tê Châu:**

23 Thích Đạo Tuấn, họ Vương, chẳng
24 chuyên tu giới hạnh, chỉ chuyên tạo điền

1 nghiệp, chứa nhóm vãi bố lụa quyen, thù
2 thừa đầy đến cả muôn kẻ mà tham tiếc keo
3 lặn, chẳng thể xả bỏ chùng đầu sợ lông. Về
4 sau, bỗng nhiên bị bệnh nặng, nơi chỗ bí ẩn
5 tiện lợi chẳng thông, thân mạng sắp đứt. Ở
6 trong chùa ấy có một vị Pháp sư đến giảng
7 pháp cho nghe, tâm Đạo Tuấn có phần khai
8 ngộ, bèn xả thí một phần ba tài vật cúng thí
9 khắp các chùa. Cúng thí vừa xong, cơn bệnh
10 ấy liền thuyên giảm, khi bệnh đã đỡ, qua vài
11 ngày xem xét lại trên gác thấy mọi vật không
12 có, mới nghĩ nhớ đến của cải, Đạo Tuấn bèn
13 phát cuồng chuyên gọi giặc rằng: "Chư tăng
14 ở các chùa đến cướp tài vật của ta". Các vị
15 đồng bạn can ngăn nhưng Đạo Tuấn vẫn
16 không tỉnh ngộ. Pháp sư ấy mới bảo khắp các
17 chùa chư tăng trả lại tài vật. Đạo Tuấn thấy
18 vậy kêu tiếng mới thôi. Sau đó, chỉ trong vài
19 ngày, căn bệnh xưa tái phát, khôn khổ càng
20 lắm, lại thỉnh Pháp sư cầu cứu hỏi cải, Pháp
21 sư quả trách dẫn dắt khiến bỏ tâm niệm san
22 tham, lại cúng thí các vật trước. Bệnh lại
23 được lành. Khi đã lành, Đạo Tuấn nhớ tiếc
24 tiền của vãi vóc lụa là, thường nghĩ nhớ sân

1 hận. Vài ngày sau bèn qua đời. Lúc chết mắt
2 sưng lớn như cái chén, khắp thân hình biến
3 thành màu đỏ như quỷ, Pháp sư thương xót
4 mà bảo rằng: "Ngu thay, cố tham tiếc của cải,
5 sa đọa vào loài quỷ đói, dù trải qua trăm ngàn
6 kiếp cũng chẳng thể thoát khỏi. Của cải lại
7 hại ba đời, lời nói ấy thật đúng!". Liền dùng
8 tất cả mọi vật có được của Đạo Tuấn sung
9 vào việc biên chép mấy mươi bộ kinh Pháp
10 Hoa, cũng cúng thí ở các chú đệ chú nguyện.
11 Xong rồi, Pháp sư ấy mộng thấy Đạo Tuấn
12 mặc áo nạp mà không có mùi hôi thối mà nói
13 rằng: "Tôi ngu tiếc của cải, bị đọa lạc chịu
14 khổ trong đường quỷ. Từ nay được chuyển
15 thành tốt đẹp, nhờ Đại sư xả thí tài vật của tôi
16 để chép kinh Pháp Hoa nên tôi lìa khổ được
17 vui."

18 **6. Vì Sa-di chùa Linh Quang ở Tề**
19 **Châu, thời Tiền Đường:**

20 Chùa Linh Quang ở Tề Châu có một vị
21 Sa-môn già, không rõ tên hiệu, tịnh tu giới
22 hạnh, thường trì bình bát bằng đất, suốt hơn
23 mấy mươi năm không hề sai bảo người khác
24 bùng hầu. Về sau, vì có công việc vội gấp

1 mới nhờ vị Sa-di tẩy rửa bình bát ấy, Sa-di sa
2 làm rơi bể bình bát. Vị Sa-môn già ấy kinh
3 hãi kêu thất thanh, rất mực nuối tiếc, bèn nằm
4 mà chết. Các đệ tử bèn an táng ở chỗ hoang
5 vắng. Qua vài ngày sau, vị Sa-di ấy cùng chư
6 tăng đến chỗ phân mộ, thấy một con rắn lớn
7 từ phía sau phân mộ bò ra quấn quanh vị Sa-
8 di từ dưới chân lên đến đỉnh đầu và cúi đầu
9 nhìn xuống như sắp muốn ăn nuốt, chư tăng
10 kinh hãi than thở mới chú nguyện rằng: "Có
11 chuyên chỉ bỏ một cái bình bát, keo lặn mền
12 tiếc độc hại sân nhuế đến nỗi khi chết phải
13 làm thân rắn, chẳng hối cải lỗi lầm xưa trước,
14 lại muốn nuốt ăn giết hại đệ tử, tội lớn ấy do
15 nghiệp gì mà như vậy?", mới nói rộng mọi sự
16 thiện ác, vì đó mà sám hối, phát nguyện giây
17 lâu, rắn mới nhả khỏi thân mà đi. Vị Sa-di ấy
18 chết ngất, kinh hãi cả tuần mới tỉnh, về tạo
19 một bộ kinh Pháp Hoa, đến chỗ phân mộ vị
20 Tăng ấy mà cúng dường. Về sau, thấy con
21 rắn ấy đã chết, nên biết đã sửa đổi quả báo
22 mà thôi. (ba truyện trên đây xuất xứ từ Cảnh
23 Lục).

24 **7. Kết duyên viết kinh ở Việt Châu:**

1 Niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười bảy
2 (518) thời Nam Lương, theo luân ngôn của
3 vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550), thì mỗi châu
4 huyện đều tu tạo kinh Pháp Hoa. Bấy giờ, ở
5 việt châu đồng tu tạo kinh và đem đến chỗ
6 Đạo tràng Quán Âm, muốn cúng dường.
7 Trong châu ấy có một lão mẫu tên là Thần
8 mẫu, tà kiến lớn mạnh, không tin Phật pháp,
9 nghe loan báo khắp cùng kết duyên luân chỉ,
10 trong lòng buồn khổ, muốn ẩn núp dưới
11 miếu. Sứ giả đến báo ngoài cửa, thần mẫu
12 bèn đóng cửa ẩn núp, nằm trong lòng gỗ.
13 Khắp châu huyện mỗi nhà đều chép kinh
14 cúng dường. Hơn một tháng sau, thần mẫu tự
15 cho rằng: "Việc cúng dường đã qua, nên ra
16 khỏi miếu mà trở về nhà". Giữa đường gặp
17 phải Sứ giả ở Đạo tràng đi đến, bèn kinh sợ
18 bỏ chạy nên vấp ngã dưới đất chết ngất, qua
19 nửa ngày sống lại trở về nhà, rơi lệ mà nói
20 với mọi người ở gần rằng: "giữa đường tôi bị
21 chết ngất, thấy có bốn vị quan mặc y phục
22 màu đỏ cưỡi ngựa trắng rượt đuổi tôi mà quở
23 trách rằng: "Ngươi là người tà kiến, không
24 tin nhân quả, phỉ báng kinh Phật không ứng

1 nghiệm, không thấy không nghe, Đại Vương
2 sai chúng ta đến vờ gọi người". Liền dẫn bộ
3 theo hướng Đông Bắc đi hơn năm mươi dặm,
4 đến chỗ một tòa thành lớn. Trong thành có
5 sảnh vua, vua cầm phát trần trắng, ngồi nhìn
6 tôi rồi tỏ vẻ tức giận nói rằng: "Kẻ nữ ngu si
7 rất ác". Khi đó, tôi nghiệm biết lúc còn sống,
8 bèn hối hận việc không ghi chép kinh Pháp
9 Hoa. Vua bỗng nhiên mỉm cười bảo: "Người
10 đã bỏ tà khởi sinh chánh tín, mạng sống vẫn
11 chưa hết, phải về lại nhân gian tu thiện dứt
12 ác". Răn bảo vậy rồi, tôi ra khỏi thành về lại
13 đường cũ và liền được sống lại". Mọi người
14 nghe thế vui buồn lẫn lộn, thần mẫu bèn xả
15 thí các thứ của cải, ghi chép hai bộ kinh rồi
16 đến nơi Quán Âm đồ thất mà giảng nói, bèn
17 phát tâm xuất gia làm Ni, tên là Diệu Công.

18 **8. Thích Pháp Phong ở thời Tiên Tổ:**

19 Thích Pháp Phong, họ Trúc, người ở xứ
20 Đôn Hoàng, đến nước Quy tư xây dựng một
21 ngôi chùa, mọi việc đều hoàn tất, bấy giờ do
22 đó mà đặt tên là chùa Pháp Phong, trải qua
23 thời gian lâu chuyên làm chủ chùa, hơi khởi
24 sinh ý tưởng ỷ lại công sức của mình, nên rút

1 lấy từ trong ra rất trái với châm chước, liền
2 giảm bớt thức ăn của Chúng tăng, khiến
3 không được đầy đủ châu toan. Lâu sau, bèn
4 qua đò, Pháp Phong đọa trong loài quỷ đói,
5 thường ở nơi chùa viện, từ đầu hôm đến gần
6 sáng rảo quanh các phòng, kêu than đói khổ.
7 Có đệ tử là Sa-môn Bảo Tuệ nghe than nói
8 rằng: "Thật là tiếng của thầy ta!", do đó mà
9 hỏi Pháp Phong đáp: "vì xén bớt thức ăn của
10 chúng tăng nên ta phải làm thân quỷ đói, đau
11 khổ rất lắm, cầu mong được cứu giúp". Các
12 đệ tử vì ta biên chép kinh Pháp Hoa, rộng vì
13 thiết trai sám hối, nên Pháp Phong được sinh
14 về cảnh giới tốt đẹp v.v... (Cảnh Lục cho là
15 xuất xứ từ Chung Nghiệm truyện).

16 ***9. Thích Tăng An trụ chùa Pháp Hải,***
17 ***thời Tiền Đường:***

18 Thích Tăng An, không rõ người xứ nào.
19 Sư trụ chùa Pháp Hải, tự tay biên chép các bộ
20 kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Bát-nhã, v.v...
21 mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi đầu đàn
22 màu trắng hiện đến trước mặt bảo rằng: "Nơi
23 kinh ông biên chép nói về trí tuệ Phật bị sót
24 hai câu". Đến lúc thức dậy xem lại kinh mới

1 biên chép đúng như trong mộng báo.

2 ***10. Thích Trí Diễm ở chùa Định Thủy,***
3 ***thời Tiền Đường:***

4 Thích Trí Diễm, thờ Sa-môn Trí Khải, rất
5 có tiết tháo thanh khiết, khéo biên chép
6 không ai sánh bằng, tự muốn chép bộ kinh
7 Pháp Hoa, nhưng vì nghèo không có giấy để
8 ghi, mộng thấy chim Phượng Hoàng ngậm
9 giấy đem đến, lúc thức dậy thấy trên bàn có
10 giấy, liền chép một bộ kinh, thờ trong tháp,
11 phát nguyện rằng: "Kinh này chẳng mục nát
12 sẽ sinh về ở cõi Phật". Do nguyện lực có cảm
13 ứng, nên mưa sương chẳng thấm ướt trên
14 tháp.

15 ***11. Thích Nghĩa Triệt trụ chùa Hãm***
16 ***Tuyền ở Bồ Châu, thời Tiền Đường:***

17 Thích Nghĩa Triệt, trụ chùa Hãm Tuyền
18 ở núi Cô giới, thuộc Bồ Châu. Phát nguyện
19 dùng máu trong thân mình để viết kinh đem
20 chôn giấu ở phía Nam núi Cô Giới, mong sau
21 này khi Đức Phật ra đời, các loài chim thú
22 chẳng giẫm đạp nơi đất ấy. Lại nghĩ đến việc
23 quyền kinh bị thấm ướt rã mục, nên hướng

1 lên hư không mà phát nguyện viết kinh sẽ ở
2 nơi khoảng không ấy sương mưa chẳng tuôn
3 đổ, chim thú chẳng bầy. Như người tịnh tín
4 có tâm niệm cầu nguyện nơi khoảng hư
5 không ấy trong khoảng hơn mười trượng,
6 thấy văn kinh Pháp Hoa rõ ràng như câu tủa,
7 chỗ đất ấy gần nơi thấy nghe.

8 ***12. Nàng hầu goá bụa ở Miên Châu,***
9 ***thời Tiền Đường:***

10 Ở Miên Châu có một nàng hầu goá bụa,
11 vì người chồng đã qua đời mà muốn chép
12 kinh Pháp Hoa, bèn dùng trăm muôn đồng để
13 thuê thư sinh ở tịnh thất chép kinh. Có một
14 con trâu đến trước tịnh thất chép kinh mà ngã
15 chết, nàng hầu ấy kinh sợ lấy làm lạ. Mộng
16 thấy có một vị Sa-môn đến bảo rằng: "Con
17 trâu ấy là chồng của ngươi, vì lấy ruộng lúa
18 của người nên phải chịu làm thân trâu, cày
19 bừa cực nhọc cho chủ ruộng, may nhờ ngươi
20 chép kinh Diệu Pháp nên được xả bỏ thân
21 trâu, sinh về cõi trời."

22 ***13. Tư Mã Lý Thông ở Ky Châu thời***
23 ***Tiền Đường:***

1 Tư Mã Lý Thông ở Ky Châu phát nguyện
2 vì người vợ đã qua đời mà chép bảy bộ kinh
3 Pháp Hoa và mang đến chùa Kỳ Sơn cúng
4 dường, mộng thấy một thiên nữ ở giữa hư
5 không bảo rằng: "Nhờ công đức của ông nên
6 đổi quả báo trong loài quỷ, nay sinh lên cõi
7 trời Đạo-lợi". Lý Thông bảo: "Tôi muốn
8 được gần với người". Thiên nữ đáp rằng:
9 "Thân người rất dơ bẩn không thể đến gần,
10 với nghiệp lành ấy, ông sẽ sinh đồng một cõi
11 trời với tôi, trong tương lai sẽ gặp gỡ nhau".
12 Nói xong liền biệt mặt. Sau khi thức giấc, suy
13 nghĩ luyện mên buồn vui chẳng dứt. Về sau
14 đến lúc tám mươi sáu tuổi, Lý Thông qua đời,
15 có mùi thơm lạ thoảng khắp phòng, được các
16 trời đến đón rước.

17 ***14. Tư Mã Sở Tuyên Tông ở Tinh*** 18 ***Châu, thời Tiền Đường:***

19 Gia đình Sở Tuyên Tông rất giàu sang, có
20 được ba người con trai và hai người con gái.
21 Người con trai út bị bệnh nên sớm qua đời,
22 Tuyên Tông phát ra si cuồng, để lửa lò thân
23 mình kêu réo hoảng chạy qua thời gian hơn
24 một tháng. Bấy giờ, tại chùa Đại Hưng Quốc

1 có Sa-môn Tuệ Siêu đến an ủi Tuyên Tông
2 rằng: "Bến bờ sự sống vô thường, cha con
3 chẳng thật tồn tại, có ai thường sống mà
4 không biến đổi? Đứa con đã gặp gỡ, nếu
5 muốn gặp lại, thì nên tu tạo kinh Pháp Hoa".
6 Tuyên Tông liền hoan hỷ, vì biên chép kinh
7 Pháp Hoa, ngày đêm thương nhớ người con
8 ấy. Mộng thấy có một vị Tỳ-kheo đến báo
9 vua Tuyên Tông rằng: "Nếu muốn gặp lại
10 con thì hãy đi theo ta". Tuyên Tông liền đi
11 theo Sa-môn ấy đến một vườn hoa, trong
12 vườn hoa đó có trăm ngàn Đồng tử đang chơi
13 đùa vui sướng. Sa-môn ấy chỉ một Đồng tử
14 độ năm, sáu tuổi và bảo: "Đức con trai nhỏ
15 của ông kìa". Tuyên Tông mừng vui muốn
16 ôm chầm lấy, nhưng, Đồng tử liền bỏ chạy
17 chẳng theo. Tuyên Tông bảo rằng: "Ta
18 thương nhớ con, suốt lúc thức ngủ chẳng hề
19 quên, vì sao người chẳng chịu đến gần?".
20 Đồng tử ấy đáp: "Tôi sinh trong nhà ông, tình
21 nghĩa cha con chẳng thương, đâu có ân ái,
22 nhờ vì tôi mà chép kinh, nên tạm được gặp
23 gỡ. Nếu muốn trong tương lai được gặp thì
24 nên phát tâm sâu sắc mà tu tạo kinh, lấy đó

1 làm hạnh nghiệp, đồng sinh về cõi Phật, mãi
2 mãi gặp nhau!". Nói xong, Đồng tử bèn bỏ
3 đi. Tuyên Tông thưa với vị Sa-môn ấy rằng:
4 "Con đã giác ngộ, chẳng còn theo nhau". Sa-
5 môn ấy cũng trở lại, Tuyên Tông bèn đi theo.
6 Sau khi thức giấc, Tuyên Tông đến trình bày
7 việc ấy với Sa-môn Tuệ Siêu, và phát tín tâm
8 sâu sắc ghi chép kinh, lấy làm hạnh nghiệp
9 thường, về sau qua đời, được Tịnh độ đón
10 rước.

11 ***15. Nàng hầu họ Trần ở thời Tiền*** 12 ***Đường:***

13 Niên hiệu Long Sóc năm thứ ba thời Tiền
14 Đường (663), tại phường Thông Quỷ Quỷ
15 thành Trường An. Thân mẫu của nàng hầu
16 vốn họ Trần trước đã qua đời, ông Trần do
17 đó bị bệnh mà qua đời, thấy có người dẫn vào
18 địa ngục, thấy đủ các thứ đau khổ chẳng thể
19 ghi lại cụ thể, sau cùng thấy một địa ngục cửa
20 đá bên chặt, có hai con quỷ lớn đáng vẻ dữ
21 dẫn ở hai bên cửa, trừng mắt giận dữ nhìn
22 nàng hầu ấy mà hỏi: "Người là ai mà đến
23 đây?". Bỗng nhiên thấy cửa đá mở ra, thân
24 mẫu của nàng Hầu đang ở trong đó chịu khổ

1 chẳng thể nói hết, chịu khổ tạm hết. Nàng
2 Hầu dần đến gần cửa, mẹ con cùng gặp gỡ
3 nhau, xa được cùng nói năng. Người mẹ bảo
4 con gái rằng: "Người trở về lại, hãy cố gắng
5 vì ta mà chép kinh!". Nàng Hầu hỏi mẹ muốn
6 chép kinh gì, mẹ bảo: "Nên vì ta mà chép
7 kinh Pháp Hoa". Nói xong, cửa đá bèn đóng
8 kín lại.

9 Sau khi sống lại nàng Hầu, kể lại việc ấy
10 với chồng, Lưu Công Tín liền nhờ em gái
11 mình là Triệu Sư Tử chép kinh Pháp Hoa.
12 Triệu Sư tử trước đó chép kinh có một người
13 đem một bộ kinh Pháp Hoa mới chép chưa
14 trang hoàng. Sư Tử trước đã nhận người khác
15 chép, chủ của kinh vốn họ Phạm, kinh của
16 người chép này và kinh Pháp Hoa ấy đều
17 chuyển đến chỗ Triệu Sư Tử, đổi lấy hai trăm
18 đồng, thí chủ không biết đổi tiền, Triệu Sư
19 Tử lại nói với vợ của anh mình (= nàng Hầu)
20 rằng: "Nay đã tiếp đãi kinh, ở nhà có một bộ
21 kinh Pháp Hoa, anh nên chuộc lấy kinh ấy,
22 đặt ngay một ngàn đồng". Nàng Hầu đem
23 bốn trăm đồng tiền chuộc được kinh trang
24 hoàng, hoàn tất đem đến để trong nhà vì mẹ

1 mà cúng dường. Sau đó, nàng Hàu nằm
2 mộng, thấy người mẹ theo con gái để đòi
3 kinh, bảo rằng: "Trước kia ta bảo người hãy
4 vì ta mà chép một bộ kinh Pháp Hoa, vì sao
5 mãi đến nay mà không có được?". Nàng Hàu
6 nói với mẹ rằng: "Đã vì mẹ mà chuộc được
7 bộ kinh Pháp Hoa, hiện tại đã trang hoàng
8 xong, tôn trí cúng dường ở nhà". Người mẹ
9 nói với nàng Hàu rằng: "Chỉ vì bộ kinh ấy mà
10 ta phải chịu khổ thêm, ở trong đường u tối,
11 ngực tốt đánh ta thân thể nát như, người xem
12 thân ta đây sưng bầm. Ngục quan bảo rằng:
13 "Vì sao người lấy kinh của nhà họ Phạm mà
14 làm kinh của mình? Người đâu có phước gì?
15 Tội người thật quá lắm!". Nàng Hàu nghe mẹ
16 nói như thế, lại vì mẹ mà chép kinh Pháp
17 Hoa, kinh ấy chép chưa xong, nàng hàu lại
18 nằm mộng thấy mẹ đến thúc giục chép kinh,
19 và liền thấy một vị tăng tay cầm một quyển
20 kinh Pháp Hoa nói với người mẹ rằng: "Con
21 gái của người đã vì người chép kinh Pháp
22 Hoa quyển thứ nhất đã xong, công đức đã
23 thành. Vì sao lại đến ép ngặt thúc giục? Đợi
24 chép xong đâu có gì gấp gáp". Sau khi chép

1 kinh đã hoàn thành, người mẹ lại báo mộng
2 với nàng hầu rằng: "Nhờ người vì ta mà chép
3 kinh, nay ta đã được ra khỏi đường u tối, thọ
4 sinh ở cõi tốt lành, là nhờ ân đức của người,
5 nên ta đến báo với người. Người phải khéo
6 sống, khéo giữ lễ làm vợ, lấy tín tâm làm
7 gốc!". Nói xong, buồn cảm rơi lệ giã biệt
8 nhau.

9 Sau đó, nàng hầu xét hỏi chủ kinh Pháp
10 Hoa trước kia vốn thật là người họ
11 Phạm. Nhà họ Phạm tuy không được kinh,
12 kinh ấy đã hoàn thành, thí phước đã mãn,
13 người sau chuyển đổi tự gánh chịu tội lỗi.
14 Nàng Hầu của Lưu Công Tín chuộc kinh ấy
15 có được chút phước. Nhưng, người mẹ đã
16 qua đời không nhờ được năng lực.

17 ***16. Lý Kiện An ở Lưu Châu, thời Tiên*** 18 ***Đường:***

19 Vào thời Tiên Đường, ở Lưu Châu có Lý
20 Kiện An, năm mười tám tuổi bị bệnh phong,
21 nên cha mẹ buồn khổ, ăn uống chẳng được.
22 Lý Kiện An thấy vậy càng thêm buồn
23 thương, nghĩ rằng: "Ta hãy vì cha mẹ mà

1 thoát khỏi bệnh hoạn của mình mà tự chép
2 kinh Pháp Hoa". Liền tìm giấy trang hoàng,
3 muốn chép kinh, tay đưa lên mà không thể
4 chép, mới tạo được quyền thứ nhất, hiển
5 nhiên chữ viết ấy hình dạng như dấu chân
6 chim, mọi người nhìn vào chẳng hiểu văn tự
7 đó. Lại thuê người khác chép kinh. Ở trong
8 phòng riêng để chép, qua thời gian chưa xong
9 quyền thứ nhất, Lý Kiện An bỗng nhiên chết
10 đi, chỉ còn ẩm ở ngực, người được thuê chép
11 kinh bèn vất bỏ mà trốn đi.

12 Qua một ngày một đêm sau, Lý Kiện An
13 sống lại, bệnh phong bỗng nhiên được lành,
14 thân thể nhẹ nhàng, tự nói lại mọi việc ở đây
15 u tối rằng: "Lúc đầu tôi mới chết, bị quan
16 điệp sứ trời buộc dẫn đến đứng bên cạnh tòa
17 thành lớn. Khi đó có một Đồng tử tay cầm
18 phát trần trắng đến xoa bóp thân tôi, tự thân
19 tôi cảm thấy mát dịu vui sướng. Và liền đó,
20 từ trong thành có một vị quan đi ra và có cả
21 trăm ngàn quan thuộc cùng đi theo, đối trước
22 tôi kính lễ nói rằng: "Tên tuổi ông ở trong
23 quan điệp, chỉ vì ông cố giết một con chuột
24 buộc vào cổ không cho thở, vì nhân duyên

1 đó, nên vua vờ gọi ông. Nhưng, ông vì cha
2 mẹ mà tu tạo kinh Pháp Hoa, nhờ gốc lành ấy
3 mà Bồ-tát Văn-thù đến cứu, bệnh tật xưa mới
4 dứt. Kinh ông tu tạo còn chưa hoàn tất quyển
5 thứ nhất mà người được thuê chép kinh khiếp
6 sợ cũng bỏ trốn. Ông đã có được gốc lành
7 lớn, tuổi thọ lên đến tám mươi hai, và cha mẹ
8 ông cũng được kéo dài tuổi thọ, mỗi người
9 đều sống đến chín mươi tuổi". Nói xong, bèn
10 trở vào trong thành. Vị Đồng tử lại chỉ bày
11 đường trở về, nên được sống lại". Mọi người
12 nghe thế đều khen là việc ít có.

13 Lý Kiện An cùng cha mẹ xả thí gia
14 nghiệp, tạo mười bộ kinh Pháp Hoa, thỉnh
15 chư tăng cúng dường. Các bản kinh ấy hiện
16 nay cất giữ trong chùa lớn.



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 8

X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ (Phần 2)

1. Sa-môn Huyền Tự
2. Thích Huệ Đạo
3. Thích Đàm Vận
4. Lệnh Cô Nguyên Quỹ
5. Nghiêm cung ở Tương Châu
6. Lý Di Long
7. Diêu Đãi ở Tử Châu
8. Lý Khâu Lệnh
9. Ni Sư Luyện Hạnh
10. Nghiêm Cung ở Dương châu
11. Kẻ Nam bất tín
12. Vị khách tăng đời Tùy
13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở

Cô Sơn

14. Nhân Sĩ đời Bắc Tề

15. Thích Tu Đức ở Định Châu

16. Vua Thái tổ Cao Đế thời Nam Tề

17. Thiện tín nữ ở Tinh Châu

18. Thích Tuệ Diệu

***1. Sa-môn Huyền Tự ở Tương Châu
đời Tùy.***

Sa-môn Huyền Tự chú trọng kinh Pháp Hoa, có thầy bạn cùng chung phòng là Sa-môn Thích Đạo Minh vốn họ Nguyên, là người Đồng duyên. Sư tuy còn trẻ nhưng chí khí cao thượng, có nhiều tài hay khéo, khổ tiết thiên tụng, nổi tiếng xa gần. Vào tháng 3 niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605) đời Tùy, ngài Đạo Minh thị tịch tại chùa đó.

Đến tháng 7 năm đó (605), Sư có duyên sự nên đi ngang một cách đồng hoang, trời đã xế chiều, bỗng gặp một ngôi chùa, liền đến đó muốn nghỉ lại qua đêm. Vừa đến cửa, Sư liền thấy ngài Đạo Minh từ phía sau chùa đi ra, hình nghi nói năng chẳng khác lúc bình thường, bèn dẫn Sư đến phòng. Trong lòng

1 Sư lấy làm lạ mà không dám hỏi. Đến gần
2 sáng, ngài Đạo Minh bèn dậy, nói với Sư
3 rằng: "Đây chẳng phải chỗ thường, Thượng
4 nhân nên cẩn thận chớ thượng đường". Đến
5 lúc đánh chuông khuya dừng thượng đường.
6 Đạo minh nói xong, hình dung chợt, ngài
7 Đạo Minh lại bảo với Sư không hứa thuận để
8 trên phòng, mà thân hình đã chóng tiêu tụy,
9 nhan sắc đổi khác. Sau khi ngài Đạo Minh đi
10 rồi, Sư bèn thăm đến nơi trai đường, bên cạnh
11 sau cửa sổ lên nhìn mọi sự ở đó, lễ Phật hành
12 hương đều đúng như tăng pháp. Xưa trước
13 công cao thế bày lăm tòa mà tại Duy-na
14 xướng thí cháo, liền thấy một người khiêng
15 cháo đến, cháo được khiêng đến màu sắc đều
16 như máu, người lo thức ăn khắp cùng đều
17 thấy, khắp thân thể chur tăng lửa đốt hừng hực
18 mà chết ngất ngã xuống đất, chỉ trong khoảng
19 bữa ăn, vị Duy- na lại thỉnh chúng tăng, đồng
20 một lúc không còn tướng khổ. Sư kinh sợ về
21 lại nơi phòng ở, chỉ chốc lát, ngài Đạo Minh
22 về đến, hình dáng lại càng thêm tiêu tụy, Sư
23 hỏi lý do, ngài Đạo Minh đáp: "Đây là địa
24 ngục, khổ chẳng thể nói!". Sư lại hỏi: "Vì sao

1 bị tội khổ đến thế?". Ngài Đạo Minh đáp: "Vì
2 ngày trước lấy một bó củi của chúng Tăng
3 dùng để xong nhuộm y mà quên không trả.
4 Do đó, phải ở đây trải qua một năm chịu khổ
5 đốt chân". Ngài Đạo Minh bèn đưa tay vén y
6 phục lên, từ đầu gối trở xuống đều bị cháy
7 đen, do đó òa khóc mà nói rằng: "Thượng
8 nhân từ bi, xin cứu độ cho!". Ngài thở than
9 nói với ngài Đạo Minh rằng: "Ông là người
10 tinh luyện còn phải chịu như thế, huống chi
11 bọn chúng tôi thì như thế nào, chẳng thể xét
12 biết? Phải dùng cách gì để được thoát khỏi?".
13 Ngài Đạo Minh bảo: "Mua một trăm bó củi
14 đèn trả gấp bội, đầy nơi nhà tăng và chép một
15 bộ kinh Pháp Hoa". Sư nói: "Tôi sẽ vì ông
16 mà dốc hết của cải tôi có nội trong một ngày
17 vì ông mà lo liệu, cầu mong ông sớm lìa được
18 khổ ấy!" Do đó, bèn giã biệt. Sư liền trở về
19 chùa, y như lời nói mà đáp trả, và chép kinh,
20 xong rồi trở sang tìm, tự nhiên vắng bật
21 không nhìn thấy gì. Đêm đó, Sư mộng thấy
22 ngài Đạo Minh oai nghi khoan thai tự đến nói
23 với Sư rằng: "Nhờ ân đức lớn của ông mà tôi
24 được lìa khổ, sinh về Tịnh độ."

2. Thích Huệ Đạo ở chùa Ngõa Quan, thời Tiền Tống:

Thích Huệ Đạo, là người xứ Dự châu, là em đồng mẹ với Sa-môn Tuệ Quả, Sư chẳng tu hạnh nghiệp, lại khéo dấy phản, thường ở trong kho của chúng tăng tự ăn dùng riêng, trông coi gấm lụa của chúng Tăng thì lén trộm cắp. Về sau, bị bệnh chết, trên ngực còn ấm, ba ngày sau sống lại nói rằng: "Tôi bị Minh quan rượt đuổi đến chỗ đường tối sâu xa, giữa đường gặp một vị Sa-môn bảo với tôi rằng: "Ông không tin theo lời người anh, trộm dùng vật của chúng tăng. Nếu vua suy hỏi tội phước thì trả lời thế nào?". Tôi hoàn toàn chẳng biết phải nói làm sao. Vị Sa-môn ấy lại bảo: Ông nên nói như vậy: "Trước tôi có nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa", dạy lời ấy rồi liền biến mất. Tôi đã đến chỗ vua Diêm-la. Vua hỏi: "Ông tu công đức gì?". Tôi đáp: "Tôi có phát nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa, nhưng vì lo việc của chúng tăng nên chưa hoàn thành điều nguyện". Vua mỉm cười bảo: "Ông xưa tuy chẳng phát nguyện ấy, nay đã nói là nguyện, thì phải như điều

1 phát nguyện mà thực hành. Trộm dùng vật
2 của chúng tăng tội ấy rất nặng, tu tạo tám bộ
3 kinh Pháp Hoa sẽ thoát khỏi tám địa ngục. Y
4 cứ vào một lời nói ấy, nên thả người trở lại
5 nhân gian. Phải trở lại nhân gian đúng như
6 thật mà tu". Và liền sai một vị quan chỉ bày
7 đường trở về, nên tôi được sống lại". Sư bèn
8 xả thí y bát, mọi vật có được, tu tạo tám bộ
9 kinh Pháp Hoa, các bộ kinh ấy đến nay hiện
10 vẫn còn. (Tân Lục).

11 ***3. Thích Đàm Vận ở Định Châu:***

12 Thích Đàm Vận, là người xứ Định Châu.
13 Về sau, Sư dời đến ở Tháp Châu. Khi tuổi đã
14 bảy mươi, gặp lúc cuối đời Tùy tan loạn, Sư
15 bèn đến ẩn cư tại núi Tỳ-can ở Ly Thạch. Sư
16 thường trì tụng kinh Pháp Hoa, muốn chép
17 kinh ấy nhưng không có người đồng chí
18 hướng. Trải qua nhiều năm như thế, bỗng
19 nhiên có một thư sinh không biết từ đâu đến
20 nói với Sư rằng: "Điều muốn nghiêm khiết
21 thanh tịnh chép kinh đều có thể thực hành".
22 Vào một buổi sáng, sau khi tiểu thực xong,
23 vào tắm gội, thay đổi y phục mới sạch, thọ
24 tám pháp trai giới, vào nơi tịnh thất, miệng

1 ngậm đàn hương, xông đốt hương thơm, treo
2 cờ phướn, văng lạng chếp đến chiều mới ra.
3 Ngày hôm sau cũng giống như thế, không hề
4 than mỗi mệt. Đến lúc kinh chếp đã hoàn tất,
5 bèn đứng như pháp dăng cúng, Sư đến đưa ra
6 cửa, chỉ trong chốc lát thì không thấy thư sinh
7 ấy nữa. Cho đến phân trang hoàng, mỗi việc
8 đều đúng như chánh pháp. Sư thọ trì, đọc
9 tụng bộ kinh đó, dùng chiếc đũa bảy lớp, kết
10 mỗi lớp mỗi qua nước thơm rửa tay, như mới
11 đầu không tạm phế bỏ, mộng thấy Bồ-tát Phổ
12 Hiền hiện thân trước Sư mà dạy rằng: "Lành
13 thay! Đúng như pháp chếp kinh Pháp Hoa,
14 ngay thân đời này là được hai mươi lăm thứ
15 khổ". Về sau, gặp phải giấc Hồ, Sư bèn dùng
16 chiếc rương đựng đầy kinh đó, đặt trên đỉnh
17 núi cao, trải qua năm sau, giấc tan, Sư mới
18 trở lại tìm kinh mà không thấy, buồn bã tìm
19 kiếm cùng khắp, mới đến dưới hang núi tìm
20 được kinh, rương khăn đều mục nát, bới moi
21 ra thấy kinh vẫn mới sạch như xưa. Mọi
22 người nhìn thấy đều lấy làm lạ (Theo pháp
23 Uyển nói niên hiệu Trinh Quán năm thứ
24 mười một (637) thời Tiền Đường, Luật sư

1 Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở kinh đô có đến
2 châu ấy, chính mắt trông thấy mà kể lại việc
3 ấy).

4 ***4. Lệnh Cô Nguyên Quĩ ở Long Châu:***

5 Niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm (631)
6 thời Tiền Đường, có Lệnh Cô Nguyên Quĩ ở
7 huyện Ba Tây ở Long Châu rất kính tin Phật
8 pháp, muốn chép các kinh Pháp Hoa, Kim
9 Cương, Bát-nhã, Niết-bàn, v.v... nhưng
10 không do đâu mà xem xét, mới nhờ Thiền sư
11 Thượng Kháng xem xét. Ngài Thượng
12 Kháng mới làm tại chùa, đúng như pháp
13 khiết tịnh chép xong, xuống theo thứ lớp về
14 lại nơi trang sở ở Kỳ Châu. Lưu để tại trang
15 sở cùng một cụ già và năm trăm đồng ở một
16 nơi, bỗng nhiên lửa từ ngoài nổi dậy đốt cháy
17 kéo đến phòng nhà ở trang sở lại bằng cỏ che
18 phủ, động một lúc cháy lan tràn. Bấy giờ
19 Nguyên Quĩ đang trấn nhậm bằng dục huyện
20 lệnh, người nhà dốc mạng dập tắt lửa, lấy
21 được kinh Kim Cang, pho bìa đã đánh văng
22 ra ngoài lửa than, các kinh trong đó vẫn còn
23 nguyên như cũ, màu sắc trang hoàng không
24 biến đổi, chỉ có rương tráp cháy thành tro

1 than. Lại tìm kiếm cụ già thì đã cháy theo lửa,
2 bèn gom nhặt kinh. Mọi người trong xóm bèn
3 khen và lấy làm lạ. Đề tựa kinh Kim Cang,
4 Bát-nhã ấy bị cháy đen, hỏi về lý do thì mới
5 đầu ghi đề kinh có Châu Quan là người có
6 khả năng ghi chép. Người ấy ăn dùng tạp vật
7 lại vội vàng chẳng giữ gìn khiết tịnh, ngay đó
8 lập đề bèn bỏ đi, do đó nên bị đốt cháy.
9 Người ấy, nay vẫn hiện còn và Thụy kinh ấy
10 cũng còn ở kinh đô. Chủ chùa Tây Minh là
11 Sa-môn Thần sát tự xem xét mà kể lại việc
12 này (Việc này rút từ Tam Bảo Cảm Thông
13 ký).

14 ***5. Nghiêm Cung ở Tương Châu:***

15 Nghiêm Cung, người xứ Tương Châu.
16 Trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời
17 Tùy, đến dưới thành quách dựng tịnh xá để
18 chép kinh Pháp Hoa, thanh tịnh cúng dường.
19 Hoặc giấy hoặc bút đều dùng bằng tịnh tâm,
20 chẳng thực hành luống dối, tín tâm mà cấp
21 cho chẳng dùng, tìm kiếm liền được, bèn
22 doanh tạo đúng như kinh pháp, cung cấp cho
23 thư sinh hoan hỷ, thường có mười người Đạo
24 tục đưa thẳng đến, Nghiêm Cung tự thân xem

1 xét, chẳng hề nói là nhọc mệt. Từng có người
2 đến vay mượn một muôn đồng để chép kinh,
3 Nghiem Cung với việc chẳng đặng đưng nên
4 phải cho vay mượn. Người vay mượn có
5 được tiền, để tiền dưới thuyền, thuyền bị
6 chìm, tiền mất, người ấy còn được sống.
7 Ngày đó, Nghiem Cung vào kho tiền, thấy
8 một vạn tiền bị nước thấm ướt, lấy làm lạ, sau
9 khi nhìn kỹ là tiền người đã vay mượn, mới
10 biết người đó bị đắm thuyền. Lại có thương
11 nhân đến hồ quan đình, dâng vật cúng tế thần,
12 đêm đó mộng thấy Thần bảo rằng: "Xin ông
13 nên đem vật ấy đến dâng cho Nghiem Cung,
14 để dùng vào việc chép kinh Pháp Hoa". Đến
15 khi tỉnh giấc thấy các vật dâng cúng hiện để
16 trước mặt mình. Lại nữa, Nghiem Cung từng
17 ra chợ mua giấy mà thiếu tiền, bỗng có một
18 người mang đến hai ngàn đồng trao cho
19 Nghiem Cung mà nói rằng: "Xin giúp ông để
20 mua giấy". Nói xong, liền biến mất. Lại có
21 Ngư nhân ban đêm thấy trên sông lửa rực,
22 ánh lửa trôi nổi nên dùng thuyền đến đón
23 rước, thì ra đó là Hộp đựng kinh. Đến lúc
24 sáng sớm tìm xem mới thấy rõ là hộp đựng

1 kinh của nhà Nghiêm Cung. Sau đó, Nghiêm
2 Cung phát nguyện, lược như là: "Không một
3 chữ nào mà chẳng qua mắt, không một chữ
4 nào mà chẳng dụng tâm". Đến cuối niên hiệu
5 Đại Nghiệp (617) đời Tùy, con cháu vẫn
6 truyền trì hạnh nghiệp chép kinh. Ở quận,
7 giặc cướp lan tràn, mà chẳng vào thôn xóm
8 ấy, nên người trong xóm ấy nhờ đó, mãi đến
9 nay hành nghiệp xưa vẫn còn như vậy (Rút
10 từ Nội Điển lục quyển 10).

11 **6. Lý Di Long ở Tỉnh Châu:**

12 Lý Di Long, người xứ Tỉnh Châu, gia
13 đình vốn theo nghiệp viết chép, nối nhau
14 nghiên cứu tinh vi. Cha của Di Long tên là Ô
15 Long xem trọng về đạo kinh ở Trung Hoa,
16 chẳng tin kinh Phật, tánh tình đam mê ưa
17 thích rượu thịt, phỉ báng kinh Phật, nói rằng:
18 "Hồ Thánh cấm ngăn rượu thịt, đâu có từ bi".
19 Suốt trong một đời chẳng chép kinh Phật, nếu
20 có người đem tặng các món tài lợi như vàng
21 ngọc, đều chẳng thấy kinh, huống chi là tự
22 chép, bèn phát cuồng loạn, bảo với Di Long
23 rằng: "Nếu người là con ta thì không được tin
24 theo Phật, tin mà trái phạm thì tai họa chẳng

1 phải nhỏ", liền ói máu mà chết.

2 Sau đó, Tinh Châu Tư mã phát tâm tinh
3 thuần vững chắc, riêng coi trọng kinh Pháp
4 Hoa, đúng như pháp muốn chép kinh ấy mà
5 không thể chép, có người đồng chí nguyện
6 nói rằng: "Con của Ô Long là Di Long nối
7 tiếp sự nghiệp có tài ghi chép, nhưng gia đình
8 ấy tà kiến chẳng chép kinh Phật. Oai lực của
9 ông có thể hàng phục tà tâm ấy, có thể kham
10 nhận chép kinh Phật". Tư Mã bèn dùng
11 phương tiện để điều phục, nhưng Di Long
12 chẳng sửa đổi, tự xưng là gia truyền cố lánh
13 xa. Tư Mã lại thuê các thư sinh khác tạo một
14 bộ kinh hoàn tất, hoặc giấy hoặc bút đều
15 dùng tâm thanh tịnh tự xuất ra vật báu đúng
16 như pháp mà doanh tạo, muốn được cúng
17 dường thanh tịnh. Lại nghĩ rằng: "Ta đã làm
18 chủ châu này, chẳng lẽ Di Long không chịu
19 nghe lời hay sao?". Nên dùng lời hình phạt
20 mà ép ngặt, đem vàng ngọc để mua chuộc. Di
21 Long bèn lập đề mục, hỏi trách di chúc của
22 cha. Vào đêm tối bất giác, qua một ngày một
23 đêm, trong đêm kế tiếp mộng thấy có trăm
24 ngàn người trời vây quanh trời Đại oai đức

1 đến đứng trước sân nhà Di Long. Di Long
2 hỏi: "Vị trời nào đó?". Vị trời đáp: "Ta là Ô
3 Long cha người, đời trước ngu si không tin
4 kinh Phật, nên bị đọa vào địa ngục lớn, sắt
5 nóng đốt quần thân. Trong một ngày một
6 đêm muôn lần chết đi muôn lần sống lại, cầu
7 chết không được, cầu sống không xong. Có
8 năm trăm lưỡi cày cày xé lưỡi thịt ta, chẳng
9 thể nói hết. Hôm qua, ở phía trên địa ngục
10 bỗng nhiên có ánh sáng, trong ánh sáng ấy
11 hiện ra một hóa Phật nói lời kệ tụng rằng:

12 Dù cho khắp pháp giới Các chúng sinh
13 dứt lành Nếu nghe kinh Pháp Hoa Chắc chắn
14 thành Bồ-đề.

15 Cứ như thế, có đến sáu mươi bốn Đức
16 Phật lần lượt hóa hiện và nói kệ cũng như
17 vậy. Khi đó, nơi địa ngục lửa dữ tắt ngấm,
18 biến thành ao trong mát, ta và các chúng sinh
19 xả bỏ báo thân sinh lên cõi trời thứ tư. Pháp
20 như thế ở trên trời từ cõi thứ nhất đến cõi thứ
21 ba mọi việc hẵn biết. Nhờ người tu tạo đề
22 mục gồm sáu mươi bốn chữ, trong mỗi chữ
23 hóa hiện thân Phật nói kệ cứu khổ, ta và thân
24 người đồng một phần máu thịt nương theo ta,

1 một người có được duyên lành, người tội ở
2 địa ngục nghe kệ tụng mà được là khổ, đồng
3 sinh sống một nơi nên nay đến vây quanh.
4 Người nên xả bỏ tà ác xưa, chép kinh Phật để
5 làm gia nghiệp". Đáp lại nhân duyên ấy mà
6 chẳng thấy. Sau khi thức giấc, Di Long rơi lệ
7 hối hận tội lỗi, đem việc ấy nói đầy đủ với Tư
8 Mã. Người nghe vui mừng đều cho là không
9 có tâm mà tạo đề mà còn được như vậy,
10 huông chi hoặc tự chép hoặc bảo người chép,
11 công đức ấy có được thật không có hạn
12 lượng. Gia đình Di Long theo nghiệp ghi
13 chép nối tiếp mãi đến ngày nay. Khắp trong
14 châu mỗi chữ đều lễ cúng, mà mỗi ngày ghi
15 chép hoặc truyền tụng, hoặc thực hành tán
16 vịnh riêng, mỗi ngày, người ghi chép càng
17 đông. (Tân Lục).

18 ***7. Diêu Đãi ở Tử Châu, thời Tiền***

19 ***Đường:***

20 Diêu Đãi, người huyện Thê ở Tử Châu.
21 Vào niên hiệu Trường An năm thứ tư (704)
22 thời Tiền Đường, giữa mùa hạ, phát nguyện
23 vì người thân đã qua đời mà chép bốn bộ kinh
24 lớn, kinh Pháp Hoa, kinh Duy-ma mỗi thứ

1 một bộ, kinh Dược Sư mười quyển, kinh Kim
2 Cang Bát-nhã một trăm quyển. Ghi chép các
3 kinh xong, bèn chép kinh Bát-nhã một trăm
4 quyển, một hôm vào giờ ngọ, có một con nai
5 tông cửa công vào đứng trước giường kinh,
6 ngẩng đầu đưa lưỡi liếm bàn kinh xong. Bèn
7 nằm xuống dưới giường kinh. Trong nhà có
8 năm, sáu con chó thấy nai ve vầy đuôi chẳng
9 dám sủa ngay. Diêu Đãi xuống giường kinh
10 ôm chầm được, cũng chẳng kinh sợ, nên trao
11 cho pháp Tam quy, nai liền nhảy quanh đến
12 chân, thả mà chẳng đi. Đến niên hiệu Tiên
13 Thiên (712-713) thời Tiền Đường, các kinh
14 chép đều hoàn tất, đều dùng pho dày sắp
15 dựng vào hộp, có đứa bé con nhà hàng thịt
16 Lý Hồi Hảo không biết có sao bỗng nhiên mà
17 đến, đứng ở trước bàn, chỉ kinh mà cười,
18 chấp tay mà đứng như muốn lấy kinh. Đứa
19 bé ấy miệng câi tai điếc, hai mắt đỏ rực ham
20 thích uống rượu, hung ác, có chút đức ấy nên
21 các kinh ghi chép đều dùng chuỗi anh lạc để
22 trang sức pho trục, chỉ có kinh Bát-nhã dùng
23 đàn tó để trang sức. Chỉ lấy một pho trục
24 trắng, biết rõ người ấy rất có duyên đối với

1 kinh Bát-nhã. Diêu Đãi bèn gói bọc cho giấy
2 trắng, dùng hộp sơn mà đựng. Đứa bé tay
3 cầm dao rạch cùng trên hộp kinh, cười mà bỏ
4 chạy. Khi chạy đi thì không còn thấy trở lại,
5 chẳng biết đến nơi nào. Có người ở gần nhà
6 mộng thấy nai chính là mẹ của Diêu Đãi. Đứa
7 bé ấy là cha Diêu Đãi, khi chết đi, mỗi người
8 đều theo nghiệp mà thọ sinh. Nhờ người con
9 phát nguyện vì cha mẹ mà ghi chép kinh điển
10 Đại thừa, nên quả báo đã định chẳng thể hại.
11 Vả lại, đến nhận sự giáo hóa mà đi.

12 Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư
13 (716) thời Tiền Đường, có Đạo sĩ Chu Pháp
14 Ấn ở Huyền Tông Quán là người rất thông
15 rành về Trang Lão, đến My châu giảng thuyết
16 qua thời gian lâu mới trở về. Bấy giờ trong
17 làng có hơn hai mươi học sĩ cùng đến lễ hỏi,
18 người bạn Vương Siêu Tào Phủ bảo Thụ Tử
19 giết một con dê rồng ruột, dùng dây đựng đầy
20 thịt, sau khi đem nấu chín, tâm biết giết hại
21 đó chỉ nhân, tham ăn chẳng dứt, tùy bày biện
22 mà ăn, tính ra ăn chẳng quá bốn, năm miếng,
23 trải qua một ngày đến lúc mặt trời xế bóng,
24 bỗng nhiên đầu nóng bừng đau nhức, các chi

1 tiết có như xé cắt, đến lúc sấm tối, càng rất
2 khôn đốn, tai nghe phía ngoài cửa như có
3 tiếng kêu Diêu Đãi, trong tâm tuy chẳng
4 muốn ra, nhìn chẳng cảm thấy thân phần, vì
5 ra ngoài hỏi có việc gì, kẻ sứ mặc y phục màu
6 vàng, dáng vẻ như cầm dao. Thử sử gọi tiện
7 lợi đi.

8 Phía ngoài cửa Diêu Đãi có khe nước,
9 đang lúc đi cũng chẳng thấy khe nước thấm
10 ướt chỉ thấy đường rộng lớn bằng phẳng, hai
11 bên có hàng cây, mỗi hàng dài ba, bốn dặm,
12 thấy có một thành lớn tên là thành Tử Châu.
13 Thành ấy có nhiều lớp đường đi và lầu các,
14 vách tường sắc trắng trụ sắc đỏ cũng rất xin
15 đẹp. Lại hỏi kẻ sứ: "Đó chẳng phải thành Tử
16 Châu ư?" kẻ sứ chẳng trả lời, thành đó có
17 năm lớp cửa, hai bên cửa ấy đều có nhà cửa,
18 cửa rất đối xứng, phía trên cửa mỗi cửa đều
19 có đề ngạch, hình dáng tựa như chur Triện,
20 chẳng biết văn tự ấy, số cửa có rất nhiều, đều
21 không có người giữ, các đường thông đường
22 tắt đều cũng không có người. Kẻ sứ vào trong
23 năm lớp cửa, có một sảnh lớn, hiên vũ cao
24 vợi, sảnh sự và cửa đều không có người giữ.

1 Đến sau cửa sổ vắng lặng, lén nhìn trên sảnh
2 thấy có một người mặc y phục màu tím, thân
3 hình hơi béo lớn, dung nghi nhan sắc đoan
4 chánh xinh đẹp. Như thế trở xuống, kẻ sứ đi
5 vào, và đưa Diêu Đãi đến, Diêu Đãi chạy vào
6 xa kính bái, thấy trùng mắt gần tiếng bảo: "Vì
7 sao bị bắt? Sao vào giết người nơi chỗ tĩnh
8 vắng, ăn uống nghĩ lường chẳng biết việc
9 ấy?". Diêu Đãi đều thấy sự tức giận đó, trong
10 mắt và miệng đều có ánh lửa, nên khiếp sợ
11 kinh hoàng, không biết thừa chỉ vào đâu, bèn
12 phân bày rằng: "Từ trước đến giờ chỉ chuyên
13 trì kinh, chẳng hề giết người cũng chẳng ăn
14 thịt người". Kẻ sứ hỏi: "Trì kinh gì?". Diêu
15 Đãi đáp: "Trì các kinh Pháp Hoa, Duy-ma,
16 Dược Sư, Kim Cang Bát-nhã". Người mặc y
17 phục màu tím nghe Diêu Đãi nói như thế liền
18 hớn hở mỉm cười. Diêu Đãi nghe như có
19 tiếng khen "Lành thay!". Bỗng nhiên bên
20 cạnh có người mặc y phục màu vàng, chẳng
21 thấy được chân người ấy, trong tay cầm một
22 vật dài khoảng hai thước, có tám góc đầy đủ
23 giống như dùi trống, lớn tiếng bảo rằng: "Vì
24 sao ở trong phòng của Đạo sĩ Chu Pháp Ân

1 mà ăn thịt?". Diêu Đãi chẳng dám nói, bèn
2 thừa nhận sự thật là có ăn. Người ấy hỏi: "Ăn
3 bao nhiêu?". Diêu Đãi đáp: "Ăn khoảng năm,
4 sáu miếng". Người mặc y phục màu tím xoay
5 qua người mặc y phục sắc vàng nói người ấy
6 báo là "Ăn bốn đôi tám thù". Và liền lấy bút
7 ghi vào đùi. Trong tai Diêu Đãi xa nghe như
8 có tiếng "sự việc chẳng phải bốn tám", thả đi
9 đợi Tào Phủ đến nói: "Suy hỏi người mặc áo
10 tím". Lại bảo: "Điện Phật chùa Đại Vân sớm
11 tu sửa cho xong". Diêu Đãi liền đáp: "Vâng!"
12 vừa chạy ra khoảng chừng năm, sáu bước, ở
13 đầu phía Tây sảnh có một người mang gong
14 cùm, bốn phía đường đều đình thoi, xin hỏi
15 Diêu Đãi. Trên sảnh có người vừa gọi:
16 "Diêu", Công Tào xoay lại, chẳng gọi được
17 tên "Đãi". Diêu Đãi nhìn kẻ mang gong cùm
18 ấy chính là đứa bé con nhà giết mổ Lý Hồi
19 Hảo. Người mặc áo tím hỏi rằng: "Người này
20 đọc trì kinh chép kinh, việc ấy có thật hay
21 không?". Đứa bé đáp rằng: "Là sự thật".
22 Tiếng trả lời vừa xong, Diêu Đãi nhìn lại chỉ
23 thấy gong cùm không dưới đất, chẳng thấy
24 đứa bé. Lúc Diêu Đãi mới vào, trước sảnh và

1 cửa không thấy có người coi giữ. Đến lúc
2 được ra, hai bên sảnh mỗi bên đều có mấy
3 ngàn người mặc các thứ sắc phục đỏ tím vàng
4 lục, theo thứ lớp đứng theo mỗi bậc, cũng có
5 lắm người nữ mang gông đội cùm, hoặc có
6 người bị trói ngược, cũng có người trùm lồng
7 trên đầu. Ở trong chúng đó thấy có người gần
8 nhà của Diêu Đãi, ông Trương Khải cũng có
9 trong đó, tuy mang chiếc gông nhỏ mà không
10 có đinh thoi, cúi đầu tỏ vẻ như muốn cho
11 người trong nhà tạo kinh không được nói
12 nhiều. Diêu Đãi lại muốn đi tới trước, bị
13 người ức chế cản ngăn không chấp thuận.
14 Trong đó có một người hông ruột nát bết, phô
15 bày ra ngoài, nói với Diêu Đãi hãy đi gấp, đó
16 chẳng phải chỗ được nói. Diêu Đãi xoay nhìn
17 lại thì ra đó là Trương Hiền, người ở thôn bên
18 cạnh trang sở của Diêu Đãi, đã mắc bệnh
19 nhiều năm, nước sữa chẳng thể đổ vào
20 miệng. Mọi người trong xóm thấy thế đều
21 cho là hản sẽ chết, nên bàn bạc với vợ con
22 của Trương Hiền lo chuẩn bị các thứ để đám
23 tang. Sau khi tỉnh lại, Diêu Đãi bảo con của
24 Trương Hiền, chép các kinh Pháp Hoa v.v...

1 chưa tới năm ngày bệnh của Trương Hiền có
2 phần thuyên giảm và được thả ra ở ngoài
3 tường vắng lặng, mỗi cửa đều có người cầm
4 dao trượng cung giáo, nghiêm nhiên bày đầy,
5 ném người vào cửa chẳng thả. Diêu Đãi ra
6 được chỗ sinh tử, từ phía Đông sánh chạy đến
7 kêu rằng: "Con tôi vô sự được thả, vì sao nai
8 chuồng chẳng được thả?". Và khiến Diêu Đãi
9 bày vai trong đó, tức là cổ áo của Tuyên. Bày
10 cánh tay ra trông xem đó, liền được ra. Đến
11 lúc tỉnh lại thật sự thì đã qua một ngày.

12 **8. Lý Khâu Lệnh ở huyện Cao Bưu,**
13 **Dương Châu:**

14 Lý Khâu Lệnh là em cùng cha khác mẹ
15 với Cao Bưu Huyện Thừa Lý Khâu Nhất ở
16 Dương Châu, gia đình thường phóng thả
17 chim săn chó săn giết hại sinh mạng, nhóm
18 họp dòng họ lấy làm vui thích, chẳng hề biết
19 hổ thẹn. Nhà anh Lý Khâu Nhất lại sửa lời
20 nói, đối với việc ở chốn u minh tâm chẳng tin
21 nhận.

22 Ngày mười chín tháng giêng niên hiệu
23 Trường An năm thứ hai (702) thời Tiền

1 Đường, ông bị bệnh nặng, Lý Khâu Lệnh bị
2 chết, ở ngực còn ấm, Lý Khâu Lệnh trước kia
3 có y theo người vợ bị bệnh nên phát nguyện
4 tạo một bộ kinh Pháp Hoa, chí nguyện đó
5 chưa được thành tựu, người vợ ấy cũng vì
6 chồng bệnh nặng mà lập tạo kinh, bảy ngày
7 sau, Lý Khâu Lệnh sống lại, nói đầy đủ việc
8 ở chốn u minh rằng: "Lúc đầu, khi tôi mới
9 chết, có sáu người La-sát-bà đến nói rằng:
10 "Chúng ta là sứ của vua Diêm-la, vì người
11 chứa nhóm tội ác nên phải đuổi bắt, không
12 cho tạm ở", liền gông cùm tôi và kéo đi hơn
13 mười dặm. Có một người cưỡi ngựa, mặc y
14 phục màu đỏ, tay cầm cung tên, trừng mắt tức
15 giận nhìn tôi và lớn tiếng bảo rằng: "Lý Khâu
16 Lệnh là kẻ rất ác, vì sao chẳng chở đi bằng
17 xe lửa?". Nói chưa dứt lời, bỗng nhiên thân
18 tôi đã trên xe lửa. Khi ấy, có một vị Sa-môn
19 rưới nước vào xe, thân tôi được thấm mát và
20 dứt khổ, chẳng biết do ai cứu. Lại đi khoảng
21 hơn năm trăm dặm, thấy một tòa thành cao
22 ngất, trong đó có sảnh điện, vua ngồi trên tòa
23 báu, trước sau chung quanh mỗi phía có đến
24 mấy ngàn người mặc đủ thứ sắc phục đỏ tím

1 vàng lục theo thứ lớp mỗi người ngồi ở phía
2 ngoài, trong sân có vô số tội nhân bị gông
3 cùm xiềng xích trói buộc trái ngược v.v... các
4 thứ tạp cư đều ngồi hướng về vua. Vua thấy
5 tôi vào, trừng mắt sân hận hỏi rằng: "Người
6 là kẻ vô Đạo, giết hại sinh mạng, ăn uống trái
7 pháp, không có công đức, há chẳng phải là kẻ
8 vào núi báu mà ra tay không ư?". Khi đó, tôi
9 xấu hổ im lặng, không đối đáp gì. Vua sai kẻ
10 sứ đem đến một quyển sách dày chừng hơn
11 năm mươi trang liền giở ra mà bảo rằng:
12 "Người có nghe không? Lúc sống người tạo
13 tội ác mỗi việc đều ghi chép trong đây". Và
14 liền bày ra chỗ tạo tội, mỗi việc đều quở
15 trách, vua mỉm cười bảo: "Người có công
16 đức lớn, vì vợ mà muốn tạo kinh Pháp Hoa,
17 chưa thành tựu tâm nguyện ấy. Sau đó, vợ
18 người cũng vì người mà khởi tâm nguyện tạo
19 kinh. Nay tha cho các tội trước của người,
20 dẫn về lại nhân gian". Các vị quan mặc các
21 sắc phục đồ vàng lục tâu với vua rằng:
22 "Người ác khó tha, vì sao lại được thả trở
23 lại?". Vua bảo: "Người này có nguyện chép
24 kinh, nếu để ở tại trong ngục mà nhớ nghĩ

1 việc xưa, xướng lập lời nguyện thì địa ngục
2 sẽ trống không, các tội nhân đều được sinh
3 lên cõi trời". Cho nên lúc thả trở về vô số tội
4 nhân ở trong sân nghe luận bàn như thế, bèn
5 xả báo thân sinh lên cõi trời. Tôi mang ân vua
6 được thả là do nguyện chép kinh mà được
7 sống lại", Lý Khâu Lệnh xả thí tất cả của cải
8 vốn có tạo trăm bộ kinh, tự tay ghi chép văn
9 nguyện và lưu xuất ra nhân duyên ấy.

10 ***9. Ni Sư Luyện Hạnh ở Hà Đông, thời***
11 ***Tiền Đường:***

12 Ở Hà Đông, có Ni Sư Luyện Hạnh
13 thường trì tụng kinh Pháp Hoa, tìm người tài
14 giỏi ghi chép trả thù lao gấp bội, đặt làm một
15 tịnh thất, bảo chép kinh ấy, mỗi lúc bắt đầu
16 công việc thì trước hết phải tắm gội, đốt
17 hương xông ướp y phục. Và trong tịnh thất
18 chép kinh có khoét vách tường thông ra
19 ngoài, gắn vào ống trúc, để người chép kinh
20 mỗi lúc muốn thở hơi ra thì ngậm vào ống
21 trúc mà nhả hơi ra ngoài vách tường, chép
22 bảy quyển kinh Pháp Hoa, phải trải qua tám
23 năm mới hoàn tất, cúng dường rất ân trọng,
24 dốc hết tâm chí kính. Ở Long môn có Sa-môn

1 Pháp Đoan thường nhóm họp đại chúng
2 giảng kinh Pháp Hoa, vì ưa thích bản kinh
3 của Ni Sư ấy nên tinh thành quyết định sai
4 người cầu thỉnh. Ni Sư cố từ chối không chấp
5 thuận. Pháp Đoan quở trách, vì chẳng đáng
6 dùng nên Ni Sư bèn tự mình đưa đến dâng
7 cho Pháp Đoan v.v... mọi người mở ra đọc,
8 chỉ thấy giấy vàng hoàn toàn không có văn
9 tự, lại mở các quyển khác, cũng lại như thế
10 Pháp Đoan v.v... hồ thẹn kinh sợ, bèn đưa trở
11 lại cho Ni Sư. Ni Sư buồn khóc mà nhận lấy,
12 dùng nước thơm mà rửa hộp, và tắm gội thân
13 mình, đội kinh trên đầu đi nhiễu quanh tượng
14 Phật hành Đạo, suốt bảy ngày chẳng tạm
15 ngưng nghỉ. Thế rồi mở kinh ra xem, văn tự
16 như cũ. Về sau, tìm hỏi tên tự của Ni Sư ấy,
17 có người nói Ni Sư tự là "Luyện Diệu", sau
18 lại đổi tên là "Cảm Diệu" (Trong "Pháp
19 Uyên" quyển 27 nói: Rút từ Minh Báo Ký Ni
20 Pháp Tín).

21 **10. Nghiêm Cung ở Dương châu:**

22 Nghiêm Cung ở Dương châu, vốn là
23 người Tuyên châu, gia đình rất giàu của cải
24 mà không có anh em, cha mẹ rất quý mến

1 muốn gì được này.

2 Khoảng đầu niên hiệu Thái Kiến (569)
3 đời Trần, Nghiêm Cung khoảng hai mươi
4 tuổi xin cha mẹ năm mươi ngàn đồng, để
5 sang chợ Dương châu, cha mẹ bèn cho.
6 Nghiêm Cung mang tiền lên thuyền xuôi
7 dòng, cách Dương châu khoảng mấy mươi
8 dặm, đang trên sông, gặp một thuyền chở rùa
9 đến chợ để bán. Nghiêm Cung hỏi, biết được
10 nguyên do và nghĩ là rùa sẽ bị chết, do đó
11 Nghiêm Cung xin được mua chuộc số rùa đó.
12 Người chủ rùa nói: "Rùa của tôi riêng mỗi
13 con phải một ngàn đồng tiền mới bán".
14 Nghiêm Cung hỏi: "Có tất cả bao nhiêu
15 con?" Người chủ rùa đáp: "Có năm mươi
16 con". Nghiêm Cung nói: "Tôi đang có năm
17 mươi ngàn tiền, xin mua". Người chủ vui vẻ
18 nhận tiền và trao rùa rồi đi. Nghiêm Cung
19 đem hết số rùa đó thả xuống sông, và chỉ để
20 thuyền không mà đến Dương châu. Người
21 chủ rùa ấy già biệt Nghiêm Cung đi được hơn
22 mươi dặm thuyền bị chìm mà chết. Khi đó,
23 cha mẹ của Nghiêm Cung đang ở tại nhà, lúc
24 trời sẩm tối có năm mươi người khách mặc

1 áo quạ đến nhà xin nghỉ qua đêm và đưa năm
2 mươi ngàn đồng cho cha Nghiêm Cung mà
3 nói rằng: "Con của ông đang ở Dương châu
4 gởi số tiền này mang về, xin ông nhận số
5 tiền". Cha của Nghiêm Cung lấy làm lạ, nghi
6 là Nghiêm Cung bị chết nên xét hỏi. Các
7 người khách đáp: "Con ông bình an không
8 sao cả, chỉ vì không cần dùng tiền nên gởi
9 cho chúng tôi mang về". Cha của Nghiêm
10 Cung nhận tiền và ghi nhận đó là số tiền cũ,
11 đều bị nước thấm ướt. Ông bày thức ăn giữ
12 khách ở lại. Sáng sớm hôm sau, các người
13 khách từ giã ra đi. Hơn một tháng sau,
14 Nghiêm Cung trở về, cha mẹ rất vui mừng,
15 thế rồi hỏi lý do gởi tiền về. Nghiêm Cung
16 nói: "Không có việc ấy". Cha mẹ của Nghiêm
17 Cung tả lại hình dáng những người khách và
18 ngày tháng mang tiền gởi về. Đúng là ngày
19 Nghiêm Cung đã mua rùa, mới biết năm
20 mươi người khách ấy là rùa mà Nghiêm
21 Cung đã mua chuộc, cha con Nghiêm Cung
22 mới kinh sợ khen ngợi, do đó sang Dương
23 châu lập tinh xá, chuyên chép kinh Pháp Hoa,
24 sau đó dời nhà đến ở Dương châu và trở nên

1 giàu có, mở mang các phòng làm nhà chép
2 kinh, trang nghiêm thanh tịnh, cung cấp rất
3 sung túc phong hậu, thư sinh thường có đến
4 mấy mươi người, các Đạo tục ở Dương châu
5 đều cùng nhau tôn kính, gọi đó là "Làng
6 Nghiêm Pháp Hoa".

7 Có người quen đến mượn mười ngàn tiền
8 để chép kinh, Nghiêm Cung bắt đắ dĩ phải
9 cho, người mượn nhận lấy tiền dùng thuyền
10 để chở đi, giữa đường thuyền bị chìm, cả
11 mười ngàn tiền đều thấm ướt, như mới lên
12 khỏi nước, Nghiêm Cung rất lấy làm lạ. Sau
13 thấy tiền vay mượn trước kia mới biết tiền
14 thấm ướt là vì người vay. Lại có thương nhân
15 đến hồ Cung đình chỗ tế Thần, dùng các thứ
16 rượu thịt và thượng vật mà dâng cúng. Đêm
17 đó, thương nhân mộng thấy vị Thần đưa các
18 vật trả lại và nói rằng: "Tôi nhờ ông vì tôi
19 mang các vật này dâng cúng kinh Pháp Hoa
20 dùng vào việc chép kinh". Và các vật đã dâng
21 cúng thần đều ở trước mặt mình. Khi đó,
22 thương nhân ấy khen lạ, mang đến chỗ
23 Nghiêm Cung và cúng thí nông hậu gấp bội.
24 Sau đó, Nghiêm Cung vào chợ mua giấy để

viết kinh, gặp lúc thiếu tiền, bỗng thấy có một người mang ba ngàn tiền đến trao cho Nghiêm Cung, nói: "Xin giúp ông tiền mua giấy!". Nói rồi liền biến mất mà tiền nằm ở trước mặt Nghiêm Cung. Các điều lạ như thế xảy ra chẳng phải chỉ một lần.

Đến khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Nghiêm Cung qua đời. Có người ở gần mộng thấy Nghiêm Cung sau khi chết sinh lên cõi trời thanh tịnh, trong mộng hỏi: "Cõi trời thanh tịnh nào?". Nghiêm Cung đáp: "Ở tại nội viện của cõi trời Đâu-suất, không có các thứ tạp uế". Sau khi Nghiêm Cung qua đời, con cháu vẫn giữ gìn hạnh nghiệp biên chép kinh ấy. Đến cuối đời Tùy (...618), giặc cướp lộng hành đến Giang Đô, đều răn dè với nhau là "Chớ vào làng Nghiêm Pháp Hoa". Người trong làng nhờ đó được sinh sống an vui. Mãi đến nay, công việc chép kinh vẫn không ngưng nghỉ, khắp châu áp đều thấy, người ở kinh đô nói là cũng có nhiều người biết, nhờ Mã Tông Công Tiêu chỗ rất xét kỹ tốt lành. (Người ghi (= Tăng Tường) có lời rằng: Truyện của Nghiêm

1 Cung ở Tương châu và truyện của Nghiêm
2 Cung ở Dương châu đây có nhiều chi tiết
3 giống nhau. Truyện kia rút từ Cảm Thông
4 Lục v.v... truyện này từ Minh Báo ký v.v... y
5 cứ có sự rộng lược khác nhau, trước sau đều
6 nêu bày ra đó, xin tìm xem đây đủ đầu đuôi
7 đều như vậy).

8 ***11. Kẻ nam bất tín:***

9 Ở huyện Ngu thuộc Bồ châu có một gã
10 nam tử, mất họ tên, phụng thờ thần Đạo,
11 chẳng tin Phật pháp. Nếu thấy tượng Phật và
12 chư Tăng thì rửa mặt, nghe tiếng giảng pháp
13 và tụng kinh thì rửa tai, được các vị Thiện tri
14 thức khuyên hóa dẫn dụ thì chẳng tin theo.
15 Có lúc vì việc quan trọng riêng tư, đến chỗ
16 Sa-môn Đạo Như chùa Nhân Thọ, đứng ở
17 ngoài cửa mà nói lớn rằng: "Nếu có cần dùng
18 việc riêng, xin cho mượn ba ngàn tiền". Ngài
19 Đạo Như bảo: "Tiền ở trong kho của chùa,
20 không gì đáng tiếc, chỉ vì tôi theo sự thỉnh
21 mời của Đàn-việt thí chủ tạo kinh Pháp Hoa,
22 đến cuối hàng đầu phẩm phương tiện còn một
23 chữ chưa viết mà nghiên mực nước đã khô
24 cạn, ông hãy lấy giúp nước để viết hoàn tất".

1 Sắp muốn đứng dậy, gã nam tử ấy suy nghĩ:
2 "Ta vốn chẳng thấy Tam bảo nay y theo
3 không sao, lại đến chỗ này, nếu lấy nghiên
4 nước há chẳng phải không tốt, còn nếu chẳng
5 lấy thì trái với yếu khế". Nghĩ đoạn rồi lấy
6 nước cho đó mà đi. Ngài Đạo Như chép xong
7 hàng đó. Sau đó, gã nam tử trở lại tìm không
8 thấy, bèn vội chạy đến nơi dòng sông, bất
9 chợt vấp té chết ngất, giây lâu, tỉnh lại rơi lệ
10 than khóc ăn năn lỗi lầm, đi đến chùa nói với
11 ngài Đạo Như rằng: "Khi tôi muốn tuyệt vào
12 cửa chết, có hai người kéo đến chỗ cung vua
13 Diêm-la, vừa mới thấy tôi, vua tỏ vẻ giận dữ
14 quát bảo: "Ông dùng tà kiến mà trang nghiêm
15 thân mình, quả báo đáng vào địa ngục A-tỳ".
16 Khi ấy giữa hư không bỗng nhiên có ánh
17 sáng lạ soi chiếu trên đỉnh đầu tôi, vua
18 nghiêm xét đầu đuôi mới biết đó là chữ cuối
19 cùng của hàng đầu trong phẩm Phương Tiện
20 của kinh Pháp Hoa. Vì tôi dùng nước để chép
21 nên văn tự ấy hóa hiện ra thân Phật đến cứu
22 giúp hỏi: "Ánh sáng ấy là ai?". Đáp: "Ta là
23 văn tự trong phẩm Phương Tiện. Văn tự của
24 kinh Pháp Hoa mỗi chữ đều là Phật. Gã nam

1 tử này quy hướng ta nên ta đến cứu". Khi đó,
2 vua Diêm-la vui vẻ bảo: "Đều tốt lành thay,
3 văn tự kinh Pháp Hoa biến hóa thân phát ra
4 ánh sáng còn cứu kẻ chẳng kính tin, hướng
5 chỉ là đối với người có tâm kính tin". Và liền
6 chỉ bày cho đường trở về, nên được sống lại".
7 Gã nam tử ấy bèn bỏ nhà xuất gia, phát tâm
8 chép mười sáu bộ kinh, vân du tham lễ khắp
9 các danh sơn, không biết về sau như thế nào.

10 ***12. Vị khách Tăng ở đời Tùy:***

11 Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời
12 Tùy, có vị khách Tăng đến miếu Thái Sơn,
13 xin nghỉ lại qua đêm. Người giữ miếu nói
14 rằng: "Ở đây không có phòng riêng, chỉ có
15 dưới chái miếu thần là nơi có thể nghỉ được,
16 nhưng từ trước đến nay những người dừng
17 nghỉ qua đêm tại đây đều chết cả". Vị khách
18 Tăng ấy bảo: "Không sao". Người giữ miếu
19 bất đắc dĩ phải chấp thuận, nên sắp đặt chỗ
20 nghỉ ở dưới chái miếu. Vị khách Tăng ấy
21 trong đêm đang ngồi thẳng tụng kinh, đến
22 canh một, nghe trong phòng có tiếng khoen
23 vòng, chỉ chóc lát, vị Thần xuất hiện lễ bái vị
24 khách Tăng ấy. Vị khách Tăng ấy bảo: "Nghe

1 nói những người nghỉ lại qua đêm ở đây phần
2 nhiều đều chết, há Đàn-việt hai họ ư? Xin
3 hãy che chở." Thần nói: "Những người ấy
4 phần nhiều là số chết đã sắp đến, do nghe
5 tiếng của đệ tử, nên tự khiếp sợ mà chết,
6 chẳng phải đệ tử giết hại họ. Xin Đại sư chớ
7 lo ngại". Vị khách, Tăng do đó ngồi xích lại
8 gần, nói bàn chừng khoảng bữa ăn. Lát sau,
9 vị khách Tăng ấy hỏi rằng: "Người ở thế gian
10 có truyền thuyết nói là ở núi Thái có quỷ
11 sống, việc ấy có thật hay không?". Thần nói:
12 "Đệ tử phước mỏng, thật có việc đó, Đại sư
13 muốn được thấy tiên vong chẳng?". Vị khách
14 Tăng bảo: "Tôi có một người bạn đồng học
15 đã qua đời trước, nay muốn được thấy họ".
16 Thần hỏi: Tên họ hai người ấy là gì?". Vị
17 khách Tăng ấy trả lời đây đủ tên họ. Thần
18 nói: "Một người đã sinh trong nhân gian, còn
19 một người mắc tội nặng đang đọa trong địa
20 ngục không thể gọi đến. Xin Đại sư đến để
21 gặp người ấy". Vị khách Tăng ấy rất vui
22 mừng do đó cùng đứng dậy đi ra cửa, không
23 xa bao nhiêu mà đến một có nhiều miếu
24 ngục, lửa dữ thiêu đốt bùng cháy rất mạnh.

1 Thần dẫn vị khách Tăng ấy vào trong một
2 viện, xa thấy một người đang ở trong lửa kêu
3 gào không thể nói, hình dáng thay đổi chẳng
4 còn nhận biết mà máu thịt bị cháy hôi thối,
5 khiến người phải thương tâm, Thần nói:
6 "Chính là người đó, Đại sư không muốn đi
7 xem khắp ư?" Vị khách Tăng ấy buồn thương
8 muốn trở ra. Chỉ khoảnh khắc muốn trở lại
9 miếu. Lại cùng ngồi với thần, vị khách Tăng
10 do đó hỏi: "Tôi muốn cứu bạn đồng học có
11 cách gì chăng?". Thần nói: "Có", nên chép
12 kinh Pháp Hoa thì sẽ được thoát khỏi". Thế
13 rồi, trời sắp sáng, Thần từ giã vị khách Tăng
14 ấy mà vào trong nhà. Đến lúc sáng sớm,
15 người giữ miếu đến xem, thấy vị khách Tăng
16 ấy không chết lấy làm lạ. Vị khách Tăng ấy
17 do đó nói cho biết, liền chép một bộ kinh
18 Pháp Hoa. Khi kinh đã chép xong, trang
19 hoàng đã xong, vị khách Tăng ấy lại mang
20 kinh đến miếu đó mà nghỉ qua đêm, đêm đó
21 thần lại ra như trước, vui mừng lễ bái, hỏi
22 thăm vị khách Tăng ấy đến để làm gì? Vị
23 khách Tăng ấy nói việc đó cho Thần nghe.
24 Thần nói: "Đệ tử biết rồi, khi Đại sư chép

1 kinh vừa mới viết đề mục, người ấy đã được
2 thoát khỏi, nay lại sinh lên chẳng còn ở nhân
3 gian. Và ở xứ này là nơi không được trong
4 sạch, không nên tôn trí kinh ở đây. Xin Đại
5 sư đưa kinh trở về lại chùa". Nói xong giây
6 lâu, trời sắp sáng, Thần lại giả từ mà đi vào,
7 vị khách Tăng ấy đưa kinh trở về chùa (xuất
8 xứ từ Pháp Uyển quyển 18).

9 ***13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở*** 10 ***Cô Sơn:***

11 Ở Ráng châu, Cô Sơn Tây Hà có xây
12 dựng điện đường có nhiều cây rừng, chỗ hình
13 thể rất tốt đẹp.

14 Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời
15 Tiền Đường, có hai vị Sa-môn đồng ở chung
16 phòng, một vị tên là Tăng Hạnh hành trì Tam
17 giai Phật pháp, một vị tên là Tăng Pháp hành
18 trì Pháp Hoa Tam-muội, hai vị cùng kết ước
19 nếu ai qua đời trước thì phải về mách bảo cho
20 biết chỗ thác sinh như hai anh em ngài Vô
21 Trước và Thế Thân xưa kia. Sau đó, ngài
22 Tăng Hạnh tịch trước, tuy nghĩ nhớ suốt ba
23 năm mà không thể trở về mách bảo chỗ thác

1 sinh, ở phòng ấy có pho tượng Bồ-tát Quán
2 Thế Âm, nếu ai bỏ ăn phát thệ cầu nguyện thì
3 sẽ có cảm ứng, nên ngài Tăng Pháp bỏ ăn
4 suốt năm ngày ở trong phòng ấy chẳng bước
5 ra khỏi cửa. Đến đêm ngày thứ năm, mộng
6 thấy một vị Sa-môn đến nói với ngài Tăng
7 Pháp rằng: "Su hỷ nắm góc áo ta thì sẽ thấy
8 được chỗ thác sinh của Sa-môn Tăng Hạnh".
9 Ngài Tăng Pháp liền nắm lấy góc áo, chỉ
10 chốc lát thì đến địa ngục, lửa dữ thiêu đốt
11 bùng bùng chẳng thể đến gần, có bảy lớp lưới
12 sắt vây phủ phía trên, các cánh cửa sắt đóng
13 kín cả bốn mặt rất bền chắc, có trăm ngàn vị
14 Sa-môn, những người hủy phạm tịnh giới
15 chẳng điều phục thân tâm hiện ở trong đó
16 chịu khổ. Vị Sa-môn ấy hỏi quỷ La-sát canh
17 giữ rằng: "Trong đây có Sa-môn Tăng Hạnh
18 hay chẳng?". Quỷ La-sát đáp: "Có". Vị Sa-
19 môn ấy lại nói: "Tôi muốn được gặp". Quỷ
20 La-sát bảo: "Không thể gặp được". Vị Sa-
21 môn ấy nói với quỷ La-sát rằng: "Xưa kia
22 đồng tu hành, nghĩ nhớ nên đến tìm thăm,
23 chúng tôi là Phật tử vì sao ngươi có tiếc như
24 thế?". Quỷ La-sát nói: "Nếu muốn thấy thì

1 tùy ý liền được thấy". Khi ấy, Quỷ La-sát
2 dùng mũi nhọn khều trong than đen đang
3 cháy chỉ mà bảo: "Đó là ông Tăng Hạnh".
4 Ngài Tăng Pháp thấy than cháy đen mà rơi lệ
5 khóc bảo: "Sa-môn Thích tử vì sao phải chịu
6 khổ nặng thế này, tôi muốn thấy hình dáng
7 khi xưa". Khi đó, Quỷ La-sát gọi sống lại rõ
8 ràng như thuở bình sinh chỉ có hình thể bị đốt
9 cháy. Sa-môn Tăng Hạnh nói với Sư rằng:
10 "Xưa, tôi cống cao buông lung tự phạm, ông
11 hãy cứu khổ giúp tôi". Sư hỏi: "Phải làm thế
12 nào để cứu khổ?". Sa-môn Tăng Hạnh đáp:
13 "Nên tạo kinh Pháp Hoa". Sư hỏi: "Nên tạo
14 như thế nào?" Sa-môn Tăng Hạnh bảo: "Nội
15 trong một ngày hãy hoàn tất việc ấy". Sư nói:
16 "Bần Đạo làm sao có thể nội trong một ngày
17 hoàn tất việc ấy được". Sa-môn Tăng Hạnh
18 nói: "Tôi khổ không thể chịu nổi, chỉ chừng
19 sát-na cũng khó thoát qua. Nếu chẳng nhanh
20 chóng trong một ngày, làm sao được dứt
21 khổ". Khi ấy Quỷ La-sát lại tức giận quát
22 mắng, dùng mũi nhọn mà đâm người đó đưa
23 vào trong ngục. Sư lại theo vị Sa-môn ấy trở
24 ra. Đến lúc tỉnh mộng, ngay ngày hôm đó, Sư

1 xả thí tất cả y bát mọi vật, thuê bốn mươi thư
2 sinh trong một ngày chép kinh Pháp Hoa,
3 cúng dường lễ bái. Đêm đó, Sư lại mộng thấy
4 vị Sa-môn ấy đến mách báo là Sa-môn Tăng
5 Hạnh đã sớm lìa cảnh khổ địa ngục, gần sinh
6 lên cõi trời thứ hai, Thanh tự tay ghi chép
7 việc trông thấy.

8 ***14. Người làm quan thời Bắc Tề:***

9 Vào thời Bắc Tề có một người làm quan,
10 gia đình vốn giàu có. Đến lúc sắp chết căn
11 dặn vợ con rằng: "Ta bình thường rất quý
12 mến kẻ tôi tớ và ngựa, đều là kẻ dùng để sai
13 hầu và nương cưỡi lâu năm rất là vừa ý. Sau
14 khi ta chết, hãy giết họ, nếu không làm như
15 thế thì ta không có người để sai sử và vật để
16 nương cưỡi!". Đến lúc qua đời, người nhà
17 dùng dây đưng đầy đất nén ép kẻ tôi tớ mà
18 giết họ, còn ngựa thì chưa giết. Kẻ tôi tớ chết
19 bốn ngày sau sống lại nói rằng: "Đang lúc bất
20 giác, bỗng nhiên đi đến cửa quan phủ, người
21 giữ cửa nhân đó giữ tại cửa qua một đêm.
22 Đến sáng sớm thấy ông chủ đã qua đời bị
23 gông cùm, lính nghiêm trang canh giữ dẫn
24 vào chỗ quan. Vừa thấy tôi liền bảo rằng: "Ta

1 cho rằng để sau khi chết có được kẻ tôi tớ để
2 sai sử nên để lại lời kêu gọi người, nhưng nay
3 thì mỗi người tự nhận chịu, chẳng hề liên
4 quan gì. Nay ta sẽ tấu với quan để thả người".
5 Nói xong bèn đi vào. Tôi đứng ở chỗ vắng
6 lặng ngoài cửa nhìn thấy quan hỏi người canh
7 giữ rằng: "Ngày hôm qua ép lấy mỡ được
8 nhiều ít?". Đáp rằng: "Được tám thăng".
9 Quan bảo: "Trở đi lại ép lấy một học sáu
10 thăng". Ông chủ liền bị dẫn ra, chẳng hề nói
11 được. Đến sáng sớm hôm sau lại trở vào lại,
12 ông tỏ vẻ vui mừng nói với tôi rằng: "Nay ta
13 sẽ vì người mà tấu trình". Khi vào, quan hỏi:
14 "Có mỡ chăng?". Đáp rằng: "Không có".
15 Quan hỏi: "Vì sao?". Chủ ty nói: "Người này
16 vừa chết ba ngày, mà người nhà thỉnh chư
17 Tăng, thiết trai cúng dường, nên mỗi lúc nghe
18 tiếng tán tụng kinh thì xà sắt liền gãy, nên
19 không ép được". Quan bảo: "Thả cho đi".
20 Chủ ty do đó tấu trình quan xin thả tôi. Quan
21 liền kêu: "Thả đều ra ngoài cửa". Ông chủ sai
22 tôi mang lời về nói với vợ con rằng: "Nhờ các
23 người tu tạo phước, nên được miễn tội lớn
24 nhưng vẫn chưa thoát khỏi. Có thể lại vì chép

1 kinh Pháp Hoa, tu tạo tôn tượng để cùng cứu
2 giúp, mong nhờ nhân ấy mà được thoát khỏi,
3 từ nay không nên lập bày cúng tế, vì như thế
4 chỉ thêm tội tôi thôi". Nói xong bèn từ biệt.
5 Kẻ tở được sống lại và nói lời đó, mọi người
6 trong nhà ngay trong ngày đó lập trai hội, từ
7 đó tu tạo phước, cả nhà đều luyện hạnh.

8 ***15. Thích Tu Đức ở Định Châu:***

9 Vào thời Tiền Đường, trong núi ở Định
10 Châu, có Thiền sư Thích Tu Đức, không biết
11 họ gì, chuyên khổ tiết thành tánh, kính giữ
12 Đạo ở chốn núi rừng, y theo kinh Hoa
13 Nghiêm và luận Khởi tín mà an tâm kết
14 nghiệp, suy niệm tu Thiền. Đến niên hiệu
15 Vĩnh Huy năm thứ tư (653) thời Tiền Đường,
16 quy hướng chí thành với Giáo nghĩa phương
17 quảng. Do đó, phát đại Đạo tâm, rất mực
18 siêng năng ghi chép, nên ở tịnh viện trồng các
19 thứ cây, trải qua ba năm, lấy các thứ hoa
20 thuốc, dùng nước thơm mà gội rửa, làm giấy
21 sạch. Sau đó xây dựng tịnh đài riêng, ở trên
22 đó lại tạo phòng thất, mời Vương Cung là
23 người tài giỏi về viết chữ trong viện riêng ở
24 Ngụy Châu thọ trì trai giới, tắm gội mặc y

1 phục mới sạch, đốt hương rải hoa, treo các
2 thứ phướn lọng, lễ bái sám hối rồi mới lên
3 tòa. Hễ chấm bút thì hợp hương, dặt bút thì
4 nhả hơi, mỗi ngày thường như thế, siêng
5 năng không biếng trễ. Thiên sư đích thân tự
6 vào tịnh thất liên tưởng, đốt hương giữa
7 khoảng bút mực đều chuyên tâm tự nhân tu
8 như vậy mãi suốt đầu cuối. Khi chép xong
9 một quyển, cúng thí mười xấp lụa nhũn, đến
10 lúc chép xong trọn bộ, thì cúng thí tất cả hơn
11 sáu trăm xấp. Vương Cung do đó phát tâm
12 đều chẳng nhận lấy thù lao chỉ thành dốc cả
13 tâm lực giúp sức. Chép kinh mới xong,
14 không bao lâu thì qua đời, vì kinh chép đã
15 thành, Sư thiết trai cúng dường chúc mừng,
16 nhóm họp đại chúng đồng tâm thanh tịnh ít
17 có, lễ bái Thiên sư. Bèn ở trước chúng, Sư
18 đốt hương rải hoa, phát thệ nguyện rộng lớn.
19 Vừa mở tạng kinh, thì phát ra ánh sáng rực
20 rỡ, khắp hơn bảy mươi dặm soi chiếu thành
21 Định châu. Trong thành có các nam nữ đều
22 thấy. Đại chúng trong trai hội trên núi đã thấy
23 điều ít có đặc biệt được sự chưa từng có, bèn
24 buồn khóc sám hối. Thiên sư lại khắc đá chép

1 các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa mỗi thứ một bộ.
2 Mới đầu dờn vào khám đá, chép kinh Niết-
3 bàn, Pháp Hoa đều phát ra ánh sáng soi chiếu
4 khắp hơn mười dặm, cả chúng đều trông
5 thấy, cảm ngộ không ngăn mé. Đã có cảm
6 ứng, lợi ích đâu có gì đáng nghi.

7 **16. Vua Thái tổ Cao Đế đời Nam Tề:**

8 Vua Thái tổ Cao Đế (Tiêu Thành Đạo
9 479-483) thời Nam Tề rất kính trọng Phật
10 pháp nên lập hai ngôi chùa Trắc Dĩ và Chỉ
11 Quán. Ngày mồng 08 tháng 04, vua cho đúc
12 pho tượng bằng vàng. Ngày 15 tháng 07 ở
13 khắp các chùa đều thiết lễ Vu-lan, cúng
14 dường ba trăm vị Tăng. Vua tự dùng hương
15 trầm hòa với mực, tự tay chép tám bộ kinh
16 Pháp Hoa, và hai bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ
17 vàng, đều dùng năm thứ hương làm hộp đựng
18 bốn vật báu. Vào giữa đêm vắng lặng giây
19 phút tốt lành thanh trai hành Đạo thường phát
20 ra ánh sáng màu vàng rờn soi chiếu khắp
21 trong điện. Chư hầu đều trông thấy, càng
22 phát tâm gấp bội, cùng bàn với nhau rằng:
23 "Chúng ta nhóm kết hai mươi tám người, mỗi
24 người chép một phẩm, trang nghiêm rực rỡ".

1 Ngày 15 tháng 07 đến chùa chỉ Quán cúng
2 dường lễ bái. "Tức y như cùng bàn lận, đang
3 ngày cúng dường, trời mưa hoa nhỏ nhiệm
4 như vân mẫu rơi xuống, có chất lưu ly làm
5 trực phát ra ánh sáng, soi chiếu khắp hơn một
6 dặm, đại chúng đều hoan hỷ. Trong đó có
7 Tiên Sĩ Đặc bảy mươi tám tuổi chóng bị chết
8 ngất, giây lâu tỉnh lại ngồi vui mừng mà rơi
9 lệ: "Tôi như nằm mộng thấy tự thân mình
10 chung quanh có mọc lông cánh, bay đến cõi
11 trời tức trước cung Đâu-suất, vào trong nội
12 viện, Bồ-tát Di-lặc bảo rằng: "Cao Đế (Tiêu
13 Đạo Thành) và chư hầu đều đến chỗ ta, đó là
14 do năng lực của kinh Pháp Hoa. Ông trở lại
15 nhân gian nên nói việc này". Tức Đặc bay
16 xuống thấy lông cánh đó là năng lực của một
17 phẩm kinh Pháp Hoa. Các ông chớ nên biếng
18 lười". Vua quan càng phát tín tâm.

19 ***17. Thiện tín nữ ở Tịnh Châu:***

20 Ở Tịnh Châu có một Thiện tín nữ họ Sở,
21 tu niệm hạnh nghiệp Tây phương. Tại châu
22 này, các nam nữ mới bảy tuổi đều hiểu Niệm
23 Phật Tam-muội. Vị Thiện tín nữ ấy rất sinh
24 tâm nhàm chán muốn xa lìa, phát nguyện

1 chép một bộ kinh Pháp Hoa, hồi hướng
 2 nguyện sinh về Tây phương, mộng thấy
 3 Thánh chúng ở Tây phương đến báo rằng:
 4 "Người hành trì niệm Phật Tam-muội, tạo
 5 kinh Pháp Hoa nên đến nói cho biết từ nay về
 6 sau, hai mươi lăm năm nữa mới đến đón
 7 rước". Nói xong bèn đi, người Thiện tín nữ
 8 ấy càng phát tín tâm, tự chép kinh Pháp Hoa,
 9 xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Đến
 10 năm bảy mươi sáu tuổi mới qua đời, nghe có
 11 tiếng âm nhạc réo rắt giữa hư không, mùi
 12 thơm lạ tỏa khắp phòng và có lăm điem kỳ lạ
 13 khác nữa.

14 ***18. Thích Tuệ Thiếu trụ chùa Thần***
 15 ***Định ở Tương Châu:***

16 Thích Tuệ Thiếu, họ Trang, xuất gia từ
 17 thuở thiếu thời, chuyên dùng pháp Tiểu thừa
 18 làm hạnh nghiệp chánh, nổi tiếng khắp vùng
 19 Giang Hán. Nhân Tượng Vương Triết Công
 20 khai giảng Tam luận, tâm sinh bất nhẫn, Tuệ
 21 Thiếu nói rằng: "Tam luận nói về không, mà
 22 người giảng lại chấp trước không? Nói xong,
 23 lưỡi dài ra ba thước, mũi mắt hai tai đều rỉ
 24 máu, suốt bảy ngày không nói năng gì được.

1 Có Luật sư Thải thấy thế bảo rằng: "Người là
2 kẻ rất ngu si, một lời phỉ báng kinh giáo, hơn
3 năm tội nghịch, phải tin theo Đại thừa, mới
4 được thoát khỏi". Thải mới bảo sám hối, lưỡ
5 Tuệ Diệu rút vào trở lại, bèn khiêng đến chỗ
6 Triết Công, Tuệ Diệu phát nguyện chỉ nghe
7 giáo pháp Đại thừa. Về sau sư thường giảng
8 nói kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm đề tỏ bày sự
9 sám hối. Sư từng ở nơi rừng thông ngôi thiền,
10 thấy có ba người, thân mặc y phục nhỏ nh
11 đến xin thọ giới Bồ-tát. Thọ giới xong bèn
12 thưa rằng: "Thiền sư là người lợi căn, nếu
13 chẳng sửa đổi tâm tin theo Đại thừa thì qua
14 thời gian ngàn Đức Phật ra đời, vẫn còn đọa
15 trong chốn địa ngục". Nghe nói như thế, Tuệ
16 Diệu cảm động rơi nước mắt và trở về chùa,
17 đến trước phòng của Triết Công nghẹn ngào
18 thốt chẳng nên lời. Lại cùng khuyên hóa các
19 tục sĩ tạo các kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm,
20 Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích v.v... mỗi thứ
21 trăm bộ. Đến lúc thị tịch cảm ứng cây rừng
22 biến thành màu trắng. Có thể nói Sư là người
23 có lỗi nhưng khéo biết sửa đổi.

1

2



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 9

XI. LỢI ÍCH CỦA VIỆC NGHE PHÁP VÀ PHỤ NÊU HIỆN BÁO CỦA VIỆC KHINH CHÊ .

1. Quang Minh Nữ.
2. Thiên tử Diệu Ý.
2. Người đi buôn.
4. Chiên-đà-la-tử.
5. Con của chim bồ câu.
6. Phạm Lương Tử.
7. Vị Sa-di ở ngoại quốc.
8. Pháp Dự ở Quảng Châu.
9. Rắn độc sinh lên cõi trời.
10. Ba-tư-nặc-già-la vua nước Xá-vệ.
11. Người nữ ở Tầm Dương.

12. Vị Sa-di ở Ung Châu.

13. Con chó và con khỉ của ngài Tăng Lãng.

14. Con dơi ở tỉnh xá Hành Đường.

15. Con khỉ ở núi Hồ Khâu đời Tùy.

16. Quỷ đói ở nước Nguyệt Chi.

17. Xử nữ ở Tầm Dương.

18. Vô Cấu Hữu người nước Tây Vực.

19. Ni Sư Trí Thông.

20. Sa-di Vân Tạng.

21. Sa-môn Hiếu Từ.

22. Nàng hầu của Ưu-bà-tắc ở Tương Châu.

1. Quang Minh Nữ trong thời Phật tại thế:

Xưa, khi Phật còn tại thế, có một cô gái tên là Quang Minh vốn nghe kinh Pháp Hoa, đến lúc qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Cha mẹ gom nhặt di cốt con xây tháp cúng dường. Khi đó, vị trời trẻ con (Quang Minh) ấy dùng Thiên nhãn nhìn xuống và đến thưa cha mẹ rằng: "Tôi là con của các người, thuở bình sinh được một lần nghe

1 kinh Pháp Hoa, và đó cũng chẳng phải tự
2 nghe, chỉ do người bạn đến dẫn đi nghe kinh,
3 nên tôi ngồi một nơi thấp tạm thời nghe pháp,
4 nương theo nhân lành ấy mà được sinh lên
5 cõi trời!". Cha mẹ không tin, hỏi lại rằng:
6 "Làm sao biết được người là con của chúng
7 tôi?". Khi đó, vị trời trẻ con ấy nói: "Trong
8 hòm của tôi, cha mẹ có tặng mười viên ngọc
9 trắng, hiện còn ở trong đó, nên dựa vào các
10 vật ấy mà biết". Khi ấy, cha mẹ mở hòm ra
11 xem, quả thật đúng như lời vị trời nói, có
12 mười viên ngọc trắng đang cất ở trong đó. Vị
13 trời trẻ con ấy lại bảo: "Khuyến hóa người
14 khác nghe kinh còn được sinh lên cõi trời,
15 huống chi tự mình đi nghe, đích thân đọc
16 tụng? Nên mong cha mẹ cùng làm như con".
17 Nói xong, bỗng nhiên biến mất, cha mẹ mến
18 thương nghĩ nhớ đức hạnh của con mình nên
19 cùng siêng năng tinh tấn tu trì, nhờ vậy cùng
20 sinh lên cõi trời ấy. (Trích từ Yếu Tập).

21 **2. Thiên tử Diệu Ý thời Đức Phật tại**
22 **thế:**

23 Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, có một
24 vị trời đến chỗ Phật, tán thán Phật xong thì

1 về lại cõi trời. A-nan bạch Phật rằng: "Vị trời
2 ấy có phước hạnh gì thuở xưa, mà oai đức
3 đặc biệt được thấy Phật nghe pháp như thế?".
4 Phật dạy: "Vị Thiên tử đó là bạn của vua A-
5 xà-thế, mang kiệu đến chỗ Phật nghe kinh
6 Pháp Hoa. Nhờ nghe pháp ấy mà được sinh
7 lên cõi trời thứ tư. Lúc vừa sinh ra, liền nhớ
8 biết túc mạng nên đến chỗ Phật. Ở đời tương
9 lai ông ấy sẽ được thành Phật, hiệu là Diệu
10 Ý, mười đức hiệu đầy đủ, đó đều là do năng
11 lực nghe kinh Pháp Hoa". (Yếu Tập).

12 ***3. Người đi buôn ở thời mạt pháp của***
13 ***Đức Phật Ca-diếp:***

14 Xưa, trong thời mạt pháp của Đức Phật
15 Ca-diếp, có mấy người không rõ tên họ kết
16 bạn đi tìm của báu, đi đến ven biển, nghe
17 tiếng kiền chùy. Trong đoàn có một người
18 thương chủ hỏi rằng: Vì sao có tiếng ấy. Có
19 người đáp: "Giảng kinh Pháp Hoa". Một
20 người khuyên bạn hãy đi theo mình đến dự
21 tòa, nghe giảng pháp xong, từ tòa rút lui, cuối
22 cùng đến biển, chẳng tìm được tài vật, bỗng
23 nhiên gặp phải gió dữ, thuyền bị chìm, mọi
24 người đều chết, chỉ có một người còn sống

1 sót. Đêm ấy người đó nằm mộng nghe có
2 tiếng bảo rằng: "Ông nghe giảng phẩm Như
3 Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa, nhờ
4 công đức ấy mà thoát chết". Một người lúc
5 bấy giờ tức là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Còn
6 các người bị chết đấm là Câu-già, Ly-ương,
7 Câu-la v.v... Khi ấy, vị Thượng chủ hồi tâm
8 quy hướng về kinh Pháp Hoa, dựng tạo tinh
9 xá, tiếng thơm truyền xa. Ở trong giáo pháp
10 của Đức Phật Thích-ca cũng là người nổi
11 tiếng. (Yếu tập).

12 ***4. Chiên-đà-la-tử ở thành Vương Xá.***

13 Xưa kia, trong thành Vương Xá nước
14 Ma-kiệt-đà ở Thiên Trúc, có một Chiên-đà-
15 la tên là Ác Ý, có một người con trai, lúc mới
16 sinh các thứ độc đều tuôn vào nhà, nên đặt
17 tên là Độc Ý. Gã giết hại sinh mạng, tâm
18 không thương xót. Như có người trái phạm
19 pháp luật, vua đều đưa đến giao cho Độc Ý,
20 tức là vào hầm lửa chẳng thể nào sống được.
21 Độc Ý ham thích rượu thịt, sắc mặt thường
22 đỏ như máu, khiến người thấy đều kinh sợ
23 mất vía. Vì đang là kiếp giặc trộm cướp, ban
24 đêm đến Tăng phường, có vị Tỳ-kheo tụng

1 kinh, tùy chỗ giải thích nghĩa ấy tức là kê
2 tụng sâu mầu trong phẩm Phương Tiện kinh
3 Pháp Hoa. Độc Ý nghe thế, bèn khởi tâm sám
4 hối và trở về, không bao lâu bị bệnh quỷ thổ
5 huyết mà chết. Cha mẹ bèn đem thi hài đến
6 đặt ở gò mả. Các loài chồn, hổ, lang sói
7 chẳng dám đến ăn, nằm như khúc cây khô,
8 sau bảy ngày, Độc Ý sống lại, ở gò mả buồn
9 khóc vật vả thân mình dưới đất. Các thân
10 thích bè bạn đến hỏi. Độc Ý không một lời
11 đối đáp. Khi đó, cha mẹ cho là yêu my đều
12 mặc tình bỏ đó mà đi. Bấy giờ, có một vị Sa-
13 môn đến chỗ gò mả quán sát xấu ác lộ bày
14 bất tịnh, kể đến thấy Độc Ý, liền hỏi: Người
15 là quỷ my phải không?. Độc Ý đáp: Không
16 phải. Vị Sa-môn ấy lại hỏi: Vì sao buồn
17 khóc?. Độc Ý đáp: Tôi là Độc Ý con của
18 Chiên-đà- la Ác Ý ở thành Vương Xá. Vì ngu
19 si không biết nhân quả, ham thích rượu thịt,
20 chuyên làm việc giết hại sinh mạng. Nay
21 nghiệp sống đã hết, lúc vừa chết, thấy có tám
22 người A Phòng Dạ-xoa, ba người cầm gậy
23 sắt, hai người khiêng xác xe lửa, một người
24 cầm dây sắt, một người cầm dây thần, một

1 người bùng lòng sắt, xua tôi vào lửa, nắm gậy
2 chặn giữ, ba phương cùng cách biệt, lòng lửa
3 trùn lên đầu, theo lửa xoay vần đến như lửa
4 sắt, dây buộc kéo đi trước, mỗi mỗi trong
5 miệng đều phun ra lửa dữ mà mỗi mỗi quở
6 trách rằng: "Người là kẻ ác ở cõi Diêm-phù
7 sẽ phải chịu quả ác có chịu nổi chăng?". Khi
8 đó khắp thân thể bị đốt cháy, đau khổ vô
9 lượng. Vừa đến ngoài cửa thành lớn. Diêm-
10 la Đại Vương và Đại thần năm đường ngồi
11 dưới đất ngoài cửa, gông cùm xiềng xích, che
12 bịt mặt mũi trói buộc người tội có cả ngàn
13 muôn ở trong chỗ sâu, suy hỏi mọi việc nặng
14 nhẹ, lại thêm đánh bằng gậy. Vừa thấy tôi thì
15 liền quở trách rằng: "Người y theo nghiệp
16 quả xưa mà sinh trong gia đình Chiên- đà-la,
17 lại gặp bội trái phạm trọng tội, quả báo sẽ ở
18 địa ngục A-tỳ, trong vô lượng kiếp chẳng
19 nghe tên Tam bảo, không được làm người".
20 Và liền gọi mang gậy đến muốn đánh thêm.
21 Khi ấy có một Đạo nhân đến chỗ vua, các
22 hàng vua tôi, minh quan đều như cỏ bị gió
23 thổi rạp, vua quỳ theo thế người Hồ. Đạo
24 nhân bảo với vua rằng: "Nay trong ba cõi này

1 đều là của ta. Chỉ một mình ta có thể cứu hộ.
 2 Độc Ý đây đã nghe được một câu kệ của kinh
 3 Pháp Hoa, tội đáng giảm nhẹ, nên thả trở về
 4 nhân gian". Vua bạch rằng: "Xin vâng theo
 5 lời nhân tôn, tôi sẽ ban ân phóng thả", liền
 6 tha cho Độc Ý. Liền đó, Đạo nhân cầm tích
 7 trượng chỉ đường trở về. Sau bảy ngày đi
 8 đường trở về, tôi được sống lại, mọi người
 9 thân thuộc đến hỏi han, tôi không trả lời, vì
 10 đều là bạn ác không thể gần gũi. Nay cúi xin
 11 ngài (Vị Sa-môn ấy) từ bi che chở, cho tôi
 12 được xuất gia". Khi đó, vị Sa-môn ấy dẫn về
 13 chùa, độ cho xuất gia làm Sa-di, siêng năng
 14 hành trì tinh cần. Các hàng thân thuộc v.v...
 15 nghe thế, đồng phát tâm xuất gia, ngay đời
 16 này thấy Phật. (Trích từ Yếu truyện).

17 ***5. Chim bồ câu con ở niên hiệu Trinh*** 18 ***Quán.***

19 Chùa Thạch Bích tại Tinh Châu, có một
 20 vị Lão Tăng, chuyên tâm thiền tụng làm
 21 chánh, siêng năng luyện hạnh. Khoảng cuối
 22 niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường,
 23 có một ổ chim bồ câu ở trên nóc nhà nuôi hai
 24 chim con. Vị lão Tăng ấy mỗi lúc thợ trai

1 xong, thức ăn còn thừa thường đem về ổ
2 chim để mớm cho ăn. Sau đó, chim cắp con
3 ấy tuy dần lớn khôn, lông cánh chưa mọc đầy
4 đủ mà đòi học bay, nên rơi xuống đất mà
5 chết. Vị Lão tăng ấy nhặt lấy chôn cất. Hơn
6 mười ngày sau, vị Lão Tăng ấy bỗng nhiên
7 nửa đêm mộng thấy có hai trẻ đến thưa rằng:
8 "Chúng con vì trước kia có chút tội nhỏ nên
9 phải làm chim bồ câu, lại đây được nghe đọc
10 tụng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang, Bát-
11 nhã, đã nghe pháp mầu, được làm thân người,
12 chúng con hiện nay ở cạnh chùa cách hơn
13 mười dặm, ở gia đình họ... ấy, tại thôn... ấy,
14 thác sinh làm thân nam. Qua ngày mười
15 tháng sau sẽ chào đời!". Lão Tăng ấy mới y
16 cứ theo kỳ hạn, đến thôn ấy, thấy gia đình họ
17 có một người phụ nữ đồng sinh nuôi hai đứa
18 con, vì tu tạo phước nguyệt trai. Vị Lão Tăng
19 ấy gọi: "Chim bồ câu con", hai trẻ liền đáp:
20 "Dạ!". Sau hơn một tuổi mới biết nói. Như
21 thế, chim nghe kinh còn được làm thân
22 người, huống chi là người?

23 **6. Người con của Phạm Lương, huyện**
24 **úy Trường An:**

1 Gia đình Phạm Lương hiện làm chức
2 huyện úy Trường An, rất giàu có nhưng
3 không có con nối dõi, bèn cầu nguyện với
4 pho tượng linh thiêng ở trường Sa nên sinh
5 được một người con trai. Vừa mới sinh, đã
6 liền mở miệng nói. Đến lúc ba tuổi mới nói
7 rành ngôn từ thể tục, hay biết văn từ thư điển,
8 mọi người đều gọi là Thần Nhi, không thầy
9 chỉ dạy mà tự nhiên tụng thông quyển ba,
10 quyển bốn kinh Pháp Hoa, ngoài ra các
11 quyển khác không tụng được. Khi cha mẹ
12 qua đời, bèn nhàm chán thế tục đi xuất gia,
13 Đạo hiệu là Pháp Biện, rất thấu hiểu nghĩa
14 thú của hai quyển kinh ấy. Ngoài ra thì chưa
15 được rõ ràng. Chuyên ăn dùng rau quả, khổ
16 hạnh tiết chế, hoặc tụng đọc hoặc giải nghĩa
17 chỉ hai quyển kinh ấy, chẳng gá vào công
18 dụng gì khác, trong lòng Pháp Biện ôm hoài
19 mối nghi, muốn biết được hạnh nghiệp ở đời
20 trước, phát tâm cầu nguyện trải qua nhiều
21 ngày, bèn cảm mộng báo rằng: "Do tội
22 nghiệp đời trước nên phải làm thân chuột, ở
23 trong vườn Tiêu Dao vào phiên kinh quán,
24 nghe được hai quyển ba, bốn kinh Pháp Hoa,

1 ngoài ra các quyền khác chưa nghe, khi ấy bị
2 chư Tăng đuổi ra ngoài. Nhờ ở đó được nghe
3 kinh pháp nên được thay đổi quả báo, sinh
4 trong nhân gian làm con trai. Do trước đã
5 nghe nên tự nhiên hiểu rõ, còn những gì chưa
6 nghe là bởi không có nhân xưa nên chẳng thể
7 tụng được và cũng không hiểu nghĩa. Ngay
8 thân đời nay tu hành thì đời tương lai sẽ được
9 tỏ ngộ, siêng năng thọ trì, không có lúc nào
10 tạm phế bỏ, hẳn trong vạn ức kiếp được nghe
11 kinh ấy, hãy cố gắng chớ để một đời luống
12 qua". Pháp Biện lệ trào hoen my sám hối tội
13 lỗi mà tự trách mình.

14 **7. Vị Sa-di ở ngoại quốc chứng đắc**
15 **thần thông:**

16 Xưa ở ngoại quốc có một vị vua trong
17 lòng bất tín, chỉ kính thờ trời Tự tại. Bấy giờ,
18 có một vị Sa-di tuổi hơn hai mươi rất vào sâu
19 Pháp nhẫn vô sinh, rất thành tựu thần thông
20 trí lực, khéo biết mọi sự suốt cả ba đời. Vì
21 vua ấy nghe điều thần dị như thế, nên sai sứ
22 đến thỉnh vị Sa-di ấy đến bàn nói nghĩa lý
23 Phật pháp, vị vua ấy phát sinh tín tâm, xả bỏ
24 tà kiến quy hướng chánh pháp. Vị Sa-di ấy

1 bảo với vua rằng: "Đại vương có muốn được
2 nghe chánh pháp chăng?". Vị vua ấy hỏi:
3 "Nghe pháp được công đức như thế nào?". Vị
4 Sa-di ấy bảo: "Công đức nghe pháp không
5 thể nghĩ bàn, phước ấy cũng vô lượng. Đức
6 Đại sư Thích-ca Mâu-ni lúc mới phát tâm
7 được nghe một bài kệ tụng xả bỏ báo thân
8 bèn được thành Phật. Và, cũng như trong
9 kinh Pháp Hoa nói: "Nghe pháp mà hoan hỷ
10 tán thán cho đến phát ra một lời tức là đã
11 cúng dường tất cả chư Phật trong ba đời.
12 Công đức ấy nhỏ ít ư? Xưa kia trong núi tuyết
13 có một ngôi tháp báu, trong đó có thờ một bộ
14 kinh Pháp Hoa bản tiếng Phạm, có một vị
15 Lão Tăng đến ở trong đó thọ trì, đọc tụng. Ở
16 bên cạnh tháp có một động đá, trong đó có
17 một con dã can sống đã lâu năm. Lúc Lão Tỳ-
18 kheo ấy mới đến, một con dã can khiếp sợ bỏ
19 đi ở nơi chỗ khác, còn một con ở lại hang,
20 thường nghe lão Tỳ-kheo ấy tụng kinh. Bấy
21 giờ, gặp lúc gió lạnh, tuyết đóng bít lối đi vì
22 mến mộ pháp âm nên ở lại trong hang đành
23 chịu chết đói và thác sinh trong nhân gian,
24 ngộ giải Diệu pháp, vào sâu pháp vô sinh,

1 trước mắt thấy cả chư Phật mười phương.
2 Còn con đã can khiếp sợ bỏ đi kia, vì lâu ở
3 bên cạnh tháp, do phước đó mà được làm
4 vua. Chỉ vì không nghe chánh pháp, nên diệu
5 pháp chưa thấm đượm vào tâm. Con đã can
6 ấy đâu phải người nào khác, mà chính là nhà
7 vua. Còn con đã can được nghe pháp là thân
8 tôi ngày nay. Vì chỗ bạn thân xưa cũ, duyên
9 xưa còn lại, nên chỉ bày khai ngộ cho Đại
10 vương!". Nói xong, vị Sa-di ấy liền hiện bày
11 việc thần thông, và nhân đó bỗng nhiên biến
12 mất. Vị vua ấy cảm ngộ rơi lệ, bèn giao phó
13 ngôi vị Quốc vương cho Thái tử, rồi xuất gia
14 học đạo, chứng đắc được Thuận nhẫn. (Rút
15 từ Tây Quốc truyện).

16 **8. Pháp Dữ ở Quảng Châu:**

17 Pháp Dữ người ở Quảng Châu, tánh tình
18 rất thô ác, không việc xấu ác gì mà chẳng
19 làm. Đến lúc qua đời, thần thức đến trước
20 sảnh của vua Diêm-la. Vua sai vị quan ghi
21 chép xem xét người ấy (Pháp Dữ) đã tu tạo
22 các thứ tội phước gì. Vị quan ấy bảo đầu trâu
23 mặt ngựa các La-sát Bà đại lực lục tìm thẻ
24 ghi chép về người ấy lại. Khi đó, có sáu

1 người đứng dậy, theo hướng Đông bắc đi vào
2 trong kho tàng cửa sắt lớn, lấy ra các thẻ sắt
3 chất đầy ba xe, cả sáu người dốc hết sức lực
4 mà lôi xe đến trước sảnh. Vua sai các sử quan
5 ghi chép xem xét, chỉ thấy ghi chép những
6 việc tội ác, không một thẻ nào ghi chép việc
7 lành. Các sử quan ghi chép tâu với vua rằng:
8 "Không hề có một thẻ nào ghi chép việc
9 lành". Vua tỏ vẻ giận dữ bảo: "Ông là người
10 rất ác, vào trong núi báu mà trở về tay
11 không". Và vua lại hỏi sử quan ghi chép rằng:
12 "Thẻ nói ba xe đã hết chưa?". Sử Quan tâu:
13 "Hai xe đã hết, còn một xe gần hết". Vua bảo:
14 "Lại nên tìm xét cho kỹ lưỡng xem". Liền y
15 theo vua sắc bảo mà xem xét thật kỹ, thấy
16 trong đó có một thẻ nhỏ cũ chép một việc
17 lành. Đó là "Pháp Dụ đến một ngôi chùa, tại
18 đó đang giảng nói kinh Pháp Hoa, Pháp Dụ
19 tạm thời nghe giảng". Bèn y như thế mà tâu
20 trình với vua. Vua bảo: "Lành thay! Pháp Dụ
21 có công đức lớn, năm mươi món công đức
22 tùy hỷ còn tốt đẹp hơn cực quả thánh vị của
23 Nhị thừa. Huống chi vừa mới gặp mà theo
24 nghe, há chẳng diệt trừ tội chướng ư? Đã y

1 cứ nghe kinh Pháp Hoa thì tội liền trừ diệt,
2 người này đáng sinh lên cõi trời". Bèn thả về
3 lại nhân gian. Vua lại bảo các quan lại:
4 "Nghệp ác tuy nhiều vô lượng, chẳng bằng
5 một nghiệp lành. Sao chẳng tán thưởng một
6 nghiệp lành ấy? Các người hãy đem đốt hết
7 các thẻ ghi chép về nghiệp ác ấy". Các quan
8 liền y theo lời vua bảo, đốt hết các thẻ ghi
9 chép việc ác. Pháp Dụ ngồi chăm mắt, sinh
10 khởi ý niệm hy hữu, kỳ đặc. Được ban ân
11 phóng thả sống lại, đối trước những người
12 thân nói bày nhân duyên đó mà hỏi tạ.

13 ***9. Rắn độc sinh lên cõi trời:***

14 Xưa, ở ngoại quốc có một vị Tỳ-kheo
15 chuyên ngồi thiền, tụng kinh Pháp Hoa. Ở
16 nơi thành ấp ồn náo. Mọi sự tỉnh táo trái
17 nhau, nên bèn xa bỏ xóm làng náo động dời
18 đến ở trong núi rừng sâu. Đường chim bay
19 giao thông, dấu chân người dứt tuyệt, suốt
20 đêm ngày tọa thiền. Ngoài thời gian rảnh rồi
21 tọa thiền thì tụng kinh. Nơi phía Bắc núi ấy
22 có một con rắn lớn, vì Ấn Độ nghiệp ác nên
23 có vô lượng trùng độc nhóm tụ rút rủa ăn thịt
24 rắn. Xa nghe có mùi của người nên rắn ấy lẫn

1 lóc bằng bụng mà hướng đến chỗ vị Tỳ-kheo
2 ấy đang ở. Con rắn ấy xưa cũng là đệ tử Phật,
3 nên nghe tiếng kinh pháp, bèn rơi lệ, các
4 trùng độc ngưng rúc rĩa, đau khổ được dứt
5 trừ, nên hoan hỷ không làm hại vị Tỳ-kheo
6 ấy, thường nướng nấu bên cạnh vị Tỳ-kheo
7 ấy để nghe tụng kinh. Vị Tỳ-kheo ấy không
8 biết có con rắn lớn đó, nên sau khi khát thực
9 xong bèn trở về chỗ cũ, thấy con rắn lớn nắm
10 quần tròn, liền sinh tâm kinh sợ, bảo: "Rắn
11 độc hại, người hãy sớm đi nơi khác, nếu
12 không có tâm ác độc thì hãy ở gần". Rắn nghe
13 lời nói ấy liền xích lại gần mà thường ở luôn
14 để nghe tiếng tụng kinh. Đến giờ thọ thực thì
15 bò đi ngậm hái trái cây đến cúng dường, cứ
16 như thế, ngày lại qua ngày. Về sau, có một
17 thời gian lâu, rắn không đến, vị Tỳ-kheo ấy
18 lấy làm lạ, bèn lên trên đỉnh núi nhìn xuống
19 hang sâu tối của rắn, nghe có mùi hôi thối,
20 liền xuống xem thấy rắn treo mình nơi cành
21 cây cao thường hái trái mà chết. Vị Tỳ-kheo
22 thấy thế buồn thương, bèn chú nguyện báo ân
23 rồi trở về chỗ nướng ở. Khi ấy trời rải các thứ
24 hoa như mưa khắp đầy cả núi hang, lại rơi

1 đến chỗ thất của vị Tỳ-kheo ấy đang ở, các
2 thứ cúng dường bay nhảy trong hư không. Vị
3 Tỳ-kheo ấy hỏi: "Ông là vị trời nào?". Đáp
4 rằng: "Con là rắn lớn ở phía Bắc của núi là
5 đệ tử của Sư, nhờ nương năng lực nghe pháp
6 nên xả bỏ báo thân sinh lên cõi trời Đao-lợi,
7 nay vì muốn báo đáp ân sâu nên lại xuống
8 đây mà thôi". Vị trời ấy lại nói: "Con sinh lên
9 trên cõi trời, thấy có một Thiên tử từ nơi tay
10 tỏa phóng ánh sáng che lấp cả các vị trời
11 khác. Hỏi về nhân duyên thì trả lời là do khi
12 ở nhân gian có chép kinh Pháp Hoa, nên khi
13 sinh lên cõi trời này vì nhân duyên ấy mà
14 trong tay tự phát ra ánh sáng. Hoặc lại có vị
15 trời từ miệng phát ra ánh sáng, hỏi về nhân
16 duyên thì trả lời là do đời trước đọc tụng kinh
17 Pháp Hoa. Nơi có các vị trời, phần nhiều là
18 người không hiểu mà hành trì kinh Pháp
19 Hoa". Nói những việc ấy rồi, vị trời ấy bèn
20 trở về cõi trời. Vị Tỳ-kheo ấy tự tay ghi lại
21 cất giữ trong cột nhà. (Rút từ ngoại quốc ký).

22 **10. Vua Ba-tư-nặc-già-la ở thành Xá-**
23 **vệ:**

24 Xưa kia, sau khi Đức Như Lai diệt độ

1 khoảng năm mươi năm, tại thành Xá Vệ có
2 vị vua tên là Ba-tư-nặc-già-la, là Huyền tôn
3 của vua Ba-tư-nặc, có hai vị Đại thần; một vị
4 tên là Lưu Thủy và một tên là Hành Vũ phụ
5 giúp vua che chở, cai trị muôn dân.

6 Bấy giờ, Đại thần Lưu Thủy đang xa giá
7 muốn vào cung vua. Ở ngoại quốc có một vị
8 Thánh A-la-hán tên là Tỳ-bà-thi-lợi-mật-đa
9 dung nghi rất đỉnh đạt oai nghiêm, bước đi
10 khoan thai. Lưu Thủy thấy thế, sinh tâm kính
11 trọng, xoay xa giá lại thăm hỏi: "Thánh giả là
12 người ở xứ nào đến đây? Và có cần nhu cầu
13 gì không?". Vị A-la-hán ấy đáp: "Tôi là đệ tử
14 của Tỳ-kheo bậc Thánh Đà-câu-la ở núi Ngô
15 Hưng ở ngoại quốc. Thầy tôi đi xem xét ở các
16 nước, vì thế nên tôi vào đến đây". Lưu Thủy
17 mời Thánh giả: "Cúi xin Tôn giả từ bi lên xa
18 giá, con muốn cúng dường". Vị La Hán ấy
19 bèn theo lời thỉnh mời, Lưu Thủy bèn trở về
20 lại nhà, dùng nước hương thơm nóng ấm mà
21 tắm gội, sắp bày đầy đủ các thứ Thánh lễ. Sau
22 khi hành thực xong thỉnh sư giảng nói tiêu
23 pháp. Vị Tôn giả ấy bèn giảng pháp mười hai
24 nhân duyên và tán thán yếu nghĩa sâu xa của

1 Đại thừa, như thế thời gian trải qua suốt ba
2 ngày. Trong khi đó, vua lại có sắc chiếu vời
3 Lưu Thủy, Lưu Thủy đang lo sợ trái lệnh vua
4 ban. Vua hỏi đầy đủ lý do. Lưu Thủy tâu
5 trình lên vua việc vừa qua. Vua rất tức giận,
6 cùng các quan thần khác bình luận về tội lỗi
7 ấy. Khi ấy Đại thần hành vũ tâu trình với vua
8 rằng: "Đại vương đang cần kêu gọi lấy gỗ
9 chiên-đàn và ba cành hoa sen ư?". Vua đáp:
10 "Đúng vậy". Vì thời gian trái mùa, Lưu Thủy
11 tâu với vua là: "Xin đợi cho bảy ngày". Vua
12 chấp thuận. Lưu Thủy bèn trở về mặc y phục
13 xấu cũ, vô cùng ưu khổ. Vì khi ấy đang mùa
14 gió đông lạnh, hoa sen xanh tìm kiếm đâu ra!
15 Còn gỗ chiên-đàn thì tại núi Ma-lê có đủ thứ
16 rắn độc quấn quanh cây chẳng thể đến gần.
17 Nếu như rắn có bỏ đi thì các thứ cây tương tự
18 nhau có rất nhiều, thì phải biết lấy cây nào!
19 Khi ấy Thánh giả Tỳ-bà-thi-lê- mật-đa đang
20 ở tại núi Ngô Hưng dùng Thiên nhãn thấy rõ
21 sự tình ấy, liền đến nhà Lưu Thủy, hỏi han an
22 ủi. Biết cô tình hỏi nên Lưu Thủy bèn trả lời
23 tình trạng trên Thánh giả bảo: "Trên đỉnh núi
24 Ngô Hưng có một cái hồ lớn, suốt bốn mùa

1 đều nở hoa sen, trên bờ hồ có cây chiên- đàn,
2 ở đó đang có rồng lớn giữ gìn. Ông đến chỗ
3 hồ ấy nên xưng niệm "Nam mô Phật", khiến
4 rồng biết ông là đệ tử Phật sẽ không dám làm
5 hại". Lưu Thủy liền cầu xin năng lực của
6 Thánh giả đến bên cạnh hồ, xưng niệm "Nam
7 mô Phật!" Rồng liền khởi từ tâm ẩn hình.
8 Lưu Thủy hái được hoa và lấy được gỗ, rồi
9 theo đường cũ mà trở về, rồng liền hóa hình
10 Ưu-bà-tắc mà nói với Lưu Thủy rằng: "Ta là
11 vua của người, là cha của Đại vương Ba-tư-
12 nặc-già-la. Tên là La-duyệt-xà. Vì dùng phi
13 pháp mà trị nước. Vì tâm ý tà ác, không tin
14 phước điền, không hành trì mười pháp lành.
15 Dân chúng cũng làm ác theo vua. Vì nhân
16 duyên đó nên ta phải chịu làm thân rồng độc
17 có trăm ngàn trùng độc rúc rĩa gặm ăn thân
18 ta. Ba thứ nóng đốt đau khổ, không thể chịu
19 nổi. Xin hãy vì tôi mà tu hành nghiệp xuất ly
20 để cứu khổ não giúp tôi!". Lưu Thủy nói:
21 "Vua cũ của tôi thọ trì "Phân-đà-lợi-tu-đa-la"
22 (kinh Diệu Pháp Liên Hoa) do Phật giảng
23 nói. Nếu nghe mà tin nhận thì sẽ được sinh
24 lên trên cõi trời". Bèn tụng cho một phẩm

1 kinh. Trong ánh mắt Ưu-bà-tắc rơi lệ nhớ về
2 mình thuở xưa, nói rằng: "Đạo nhân, người
3 sớm trở về, Tôi nhờ năng lực nghe pháp, giúp
4 cho hạnh nghiệp ngày xưa, sẽ được sinh lên
5 cõi trời Tam thập tam!". Mỗi người tự từ biệt
6 nhau mà đi.

7 Lưu Thủy trở về cung vua, đem hai thứ
8 vật vua cần mà dâng lên, đồng thời tâu trình
9 đầy đủ mọi điều với vua. Vua bèn sinh ý
10 niệm hy hữu nên hỏi về nguyên do. Lưu Thủy
11 liền trả lời đầy đủ. Vua không tin, bảo rằng:
12 Tiên vương trị nước, thọ trì giới cấm Phật
13 chế, há sinh vào cõi xấu ác thành loài rồng
14 độc ư?". Lại phát nguyện rằng: "Nếu hoa sen
15 này thật sự mọc nơi hồ của cha thì qua thời
16 gian ba tháng chẳng héo tàn rơi rụng". Và
17 liền cất giữ vào trong. Sau ba tháng, hoa ấy
18 vẫn sống tươi tốt như thường. Vua cùng các
19 quan đều tin nhận việc ấy, mở các kho tàng
20 tu tạo việc phước. Vua tôi cùng đến núi Ngõ
21 Hưng. Rồng chết bốc mùi hôi thối khắp cùng
22 cả núi. Vua bèn thân nhặt hài cốt đem về tạo
23 pháp thờ. Trên đánh pháp bổng nhiên có phát
24 ra ánh sáng và mây lọng. Trong đó có một vị

1 trời bảo Đại chúng rằng: "Tôi nghe kinh Pháp
2 Hoa, giúp cho duyên ngày xưa, nên là khổ
3 được vui". Hỏi: "lại sinh ở xứ nào?". Đáp:
4 "Sinh ở thế giới màu vàng ròng". Và liền nói
5 bài kệ rằng:

6 *"Chúng sinh sau khi Phật diệt độ*
7 *Được nghe bốn câu kệ Pháp Hoa*
8 *Văn-thù thuận theo chẳng bỏ rơi*
9 *Theo nguyện liền sinh cõi màu*
10 *vàng".*

11 Nói bài kệ xong, liền biến mất không còn
12 thấy nữa (Đồng tập).

13 ***11- Người nữ ở bên cạnh hồ Tâm***
14 ***Dương:***

15 Bên cạnh sông hồ Tâm Dương có một
16 khách nữ đã già, không biết là người xứ nào,
17 chẳng biết họ tên, rất thích cá thịt, chẳng biết
18 nhân quả, buôn bán cá mú, tham thâu lấy lợi
19 ấy để làm sự sống. Ngoài ra không có nghề
20 nghiệp gì khác, suốt một đời luống qua, mất
21 lợi ở nhân gian, khi chết thần thức đến chỗ
22 vua Diêm-la. Vua hỏi: "Lúc sống ở cõi
23 người, người tu nghiệp thiện gì?". Người nữ

1 ấy im lặng không trả lời. Vua lại hỏi: "Người
2 hoàn toàn không có được một việc lành gì
3 hay sao?". Người nữ ấy nhớ xưa đang lúc tìm
4 cá thít ra chợ, gặp lúc mây ùn giăng bủa, mưa
5 bão trút xuống, sông hồ đầy nước, không thể
6 trở về nhà được. Suốt nửa ngày dừng ở một
7 ngôi nhà ở bờ hồ, nghe giảng kinh Pháp Hoa.
8 Đó chẳng phải việc lành lớn ư? Nên liền đem
9 việc ấy trả lời vua. Vua bảo: "Là việc thiện
10 rất vi diệu! Nay thả người về lại chốn nhân
11 gian. Nhưng chỗ người chịu khổ bởi gây ra
12 tội nghiệp có thể thấy được chăng?". Người
13 nữ ấy đáp: "Không thấy". Vua kêu một vị
14 minh quan dẫn người nữ ấy đi đến bờ biển,
15 thấy ở bờ biển có hàng ngàn người bắt cá đều
16 bị dây sắt trói cổ, gông cùm xiềng xích trói
17 buộc đeo mang khắp thân, từ giữa hư không
18 có bánh xe lửa tuôn xuống thẳng đến trên đầu
19 tội nhân, bánh xe lửa vào thân chỉ chốc lát
20 đốt cháy hết, chết sống tạm thời hơn ba mươi
21 lần, mỗi lần đều kêu gào rằng: "Khổ thay!
22 Chúng tôi xưa tha hồ giết hại sinh mạng mà
23 sống, nay mạng chúng tôi phải chịu khổ lớn".
24 Kêu than như thế rồi ngã quỵ xuống đất. Các

1 ngục tốt tay cầm mũi dao bén nhọn cắt xẻ
2 thân thịt, bẻ gãy xương cốt phá tủy, ăn gặm
3 xong rồi, nhả xương ấy ra thì sống lại như cũ.
4 Người tội chịu khổ như thế có vô lượng vô
5 biên. Minh quan bảo người nữ ấy rằng:
6 "Người nên đến chỗ ấy hỏi họ do tạo nghiệp
7 gì mà chịu khổ nào như thế?". Người nữ ấy
8 kinh sợ không dám hỏi. Minh quan liền hỏi
9 họ: "Các người do tạo tội nghiệp gì mà chịu
10 khổ như thế?". Các tội nhân đáp rằng:
11 "Chúng tôi vì ngu si nên giết hại cá rùa mà
12 ăn, buôn bán cá thịt để cầu lợi mà sống, vì
13 thế nên phải chịu khổ này". Theo thứ lớp như
14 thế xem xét khắp cùng, thấy có một ngục tốt
15 không hành trị người tội, Minh quan liền hỏi:
16 "Vì sao người đến tay không, chẳng hành trị
17 người tội?". Ngục tốt ấy đáp rằng:

18 "Ở bên cạnh hồ Tầm Dương có một lão
19 nữ đáng lẽ sẽ bị trị tội nghiệp ở xứ này, nhưng
20 vì lão nữ ấy y cứ có nghe giảng kinh Pháp
21 Hoa nên thoát khỏi chốn địa ngục, vì vậy tôi
22 đang ngồi tay không". Người nữ ấy liền cất
23 tiếng xưng niệm: "Nam-mô Diệu Pháp Liên
24 Hoa kinh", nghe lời ấy rồi, vô số người tội

1 bỗng nhiên không còn thấy nữa. Minh quan
2 cùng người nữ ấy trở lại tâu trình với vua,
3 vua bảo: "Ta rất vui! Ta rất vui! Sai người
4 dẫn đi xem người thọ tội chịu khổ, các người
5 tội ấy nghe được lời diệu pháp, liền diệt tội
6 mà sinh lên cõi trời. Người trở về lại nhân
7 gian, nên bảo cho mọi người ở đầu sông biết
8 rõ về mọi quả báo nghiệp lành...". Người nữ
9 già ấy sống lại đối trước mọi người ở đầu
10 sông kể lại việc ấy, đích thân truyền nói sự
11 thật ấy.

12 ***12- Vị Sa-di ở huyện Lễ Tuyên thuộc***
13 ***Ung Châu:***

14 Từ Cao Tư ở huyện Lễ Tuyên có một con,
15 traoi mới bảy tuổi, xin thọ trì năm giới làm Sa-
16 di. Sa-di ấy kính thờ các vị Đại đức, có một
17 thầy tướng thấy Sa-di ấy bèn bảo rằng: "Sa-
18 di này rất tự đủ, chỉ có thọ mạng quá ngắn
19 ngủi". Cha mẹ nghe thế, vô cùng lo buồn. Vị
20 Sa-di ấy theo duyên đến một huyện gần đó,
21 gặp lúc trời mưa nên vào trong tịnh xá, có
22 một vị Sa-môn đang tụng kinh Pháp Hoa, Sa-
23 di ấy nghe kinh sinh tâm vui mừng thưa với
24 vị Sa-môn ấy rằng: "Con giả từ cha mẹ, sắp

1 theo thầy làm học trò". Đến lúc mưa dứt vị
2 Sa-di ấy ra khỏi chùa trở về nhà, thời gian đã
3 trải qua ba ngày, vị thầy tướng hôm trước vẫn
4 hiện còn ở tại nhà, thấy Sa-di ấy trở về liền
5 hỏi rằng: "Người đã được chánh thọ mạng
6 ngoài chín mươi tuổi, có thuật lạ gì thế?". Vị
7 Sa-di ấy bảo: "Tôi nghe tụng kinh tâm sinh
8 ưa thích, ngoài ra không có việc gì khác". Vị
9 thầy tướng ấy bảo: "Lành thay! Kinh giáo
10 Đại thừa có năng lực không thể nghĩ bàn, nhờ
11 nghe mà kéo dài tuổi thọ!"

12 ***13- Con chó và con khỉ của Sa-môn***

13 ***Pháp Lãng ở Nam Dương:***

14 Sa-môn Thích Pháp Lãng, sư còn một tên
15 khác là Tăng Lãng, họ Hứa, người ở xứ Nam
16 Dương. Năm hai mươi tuổi, Sư muốn được
17 xuất gia, sau đó dự phần xuống tóc, nương
18 nấu không nơi cố định, Sư thường ở tại Ngạc
19 Châu. Hình dáng tuy đồng như thế tục, mà
20 đặc biệt có kỳ tướng, uống ăn đồng như thế
21 tục nên mọi người ở thời bấy giờ đều xem
22 thường.

23 Sư thường nuôi một con khỉ và một con

1 chó tướng trạng to lớn đều màu vàng đỏ,
2 chẳng quen lờn với những người khác, chỉ
3 nường nấu nơi Sư, Sư đem đi theo không hề
4 tạm lìa xa. Như đến lúc ăn thì dùng bát gỗ mà
5 ăn. Sư ăn no rồi thức ăn còn thừa đều cho ăn
6 chung trong một bát. Ăn xong khi liền đội lấy
7 bát cưỡi lên trên lưng chó cứ hướng trước Sư
8 mà đi, như có người muốn cướp đoạt liền
9 gầm gừ cắn. Sư mặc tình để chó dẫn đi quanh
10 lược không độ thường.

11 Khoảng cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư
12 đến ngoài Giang Lĩnh, chương phục thô tẻ,
13 oai nghi thoát ngoài tường tự, chỉ roi gậy mà
14 đi không, gìn giữ nuôi dưỡng thân mạng. Bấy
15 giờ, Sư lại đọc tụng các kinh điển, chỉ lấy
16 kinh Pháp Hoa làm chí nguyện, vốn thiếu hụt
17 hơi tiếng, nhả lời chẳng dồi dào, mới khiết
18 tịnh phát thệ nguyện trì tụng, mỗi lần ngồi Sư
19 tụng đến bảy biến, như thế chẳng bao lâu, lời
20 tiếng như sấm động, biết là do phước lực mà
21 có tiến triển. Sư trì tụng thì lấy số bảy làm
22 hạn định, cho đến bảy mươi biến, bảy trăm
23 biến, bảy ngàn biến và đến cả bảy mươi ngàn
24 biến, thanh vận hài hòa thỏa sướng, mặc tình

1 mà trông khởi các loại, các âm thanh đàn sáo
2 tùy theo tủa phát rõ ràng. Nên lúc Sư tụng
3 kinh, người xem nghe bên cạnh đều lặng lẽ,
4 môi mép Sư chẳng may động mà âm thanh
5 trầm bổng phát khởi từ cổ họng, xa gần đều
6 rõ ràng thấu suốt, do đó mà Sư nổi tiếng.
7 Nhưng cánh tay bả vế và tay co duỗi đều mặc
8 tình mà có, như lúc rùa thụt ẩn thì đồng một
9 cục thịt nhóm họp. Hoặc có lúc Sư đến quán
10 rượu ăn nhậu với mọi người, mà thịt heo Sư
11 ăn chẳng thể lường biết từ đâu. Nên ở trong
12 đời có lời tương truyền rằng: "Pháp Hoa
13 Lăng (Sa-môn Pháp Hoa Lăng tụng kinh
14 Pháp Hoa)", đồng một lúc cả năm nơi rút thịt
15 heo đầy cả miệng. Hoặc có lúc Sư tuần du
16 nơi sông nước đi ngược dòng, Sư chỉ khoanh
17 tay đứng trong thuyền, khỉ và chó đều ở bên
18 cạnh, hoàn toàn không có mái chèo, tùy ý chỗ
19 ngải muốn đến, tuy vượt băng cả sóng gió,
20 nhưng trong khoảnh thời gian chỉ nháy mắt
21 liền đến nơi.

22 Về sau, con khỉ và con chó ấy chết, có
23 người mộng thấy nói là con khỉ và con chó
24 ấy là bạn thân kiếp trước của Sư, nhờ nghe

1 kinh Pháp Hoa nên khi xả bỏ thọ mạng được
2 sinh lên cõi trời. Súc sinh còn quen với người
3 trì kinh nghe tiếng tụng kinh mà sinh lên cõi
4 trời. Huống chi là con người ư?

5 ***14- Đời sống trong tịnh xá Hành***
6 ***Đường ở Thường Sơn đời Tùy:***

7 Trong tịnh xá Hành Đường ở Thường
8 Sơn có mấy mươi con dơi sinh sống. Có vị
9 Sa-môn đến dừng nghỉ qua đêm trong chùa,
10 trì tụng kinh Pháp Hoa, dơi ưa thích nghe
11 pháp âm nên nường nấu vào vách tường,
12 vách tường bỗng nhiên sụp đổ, đồng một lúc
13 đàn dơi đều chết, vị Sa-môn ấy thấy dơi chết
14 như thế bèn chú nguyện rằng: "Các người đã
15 được nghe kinh Pháp Hoa sẽ được sinh lên
16 cõi trời". Sau đó ba ngày vị Sa-môn ấy mộng
17 thấy có mấy mươi vị trời thân phát ra ánh
18 sáng đến bái kiến mà nói rằng: "Chúng tôi ở
19 trong ngôi chùa này được nghe kinh pháp,
20 sau khi xả bỏ thân mạng được sinh lên cõi
21 trời thứ tư? Vì có nhân duyên xưa, nên đến
22 từ giã!". Vị Sa-môn ấy lấy đất trong chỗ chôn
23 dơi phía trên đó xây tháp, xưng gọi đó là tháp
24 dơi vậy.

15- Con khỉ già núi Hồ Khâu ở Ngô Quận đời Tùy.

Cuối đời Tùy có một vị Sa-môn du hóa, không biết danh hiệu Sư là gì, vào trong núi Hồ Khâu trì tụng Pháp Hoa suốt một mùa hạ, chín tuần (ba tháng). Trong núi đó có đàn khỉ hơn trăm con, trong đàn khỉ có một con khỉ già thân mình và đuôi toàn màu trắng. Qua mấy ngày không mở miệng kêu một tiếng nào, đứng yên bên cạnh trên cây lắng nghe tiếng tụng kinh, đến đêm tối vẫn còn ở trên cây chẳng đi chỗ khác. Tới sáng sớm thấy con khỉ già ấy bị rơi mà chết. Vị Sa-môn ấy khởi tâm buồn thương nên chú nguyện cho, lấy đá chất lên mà chôn. Qua thời gian sau lúc ban đêm đang tụng kinh, gần đến canh ba, giữa hư không có tiếng nói rằng: "Tôi là con khỉ già đây, do nhờ năng lực nghe pháp nên được sinh lên tầng trời thứ hai, vì muốn đáp ân đức ấy nên xuống lại đây, xin dâng cúng đại sư mười hạt ngọc". Nói lời ấy rồi, sau đó im bặt. Đến sáng sớm ngày hôm sau thấy các hạt ngọc ấy hiện có trước hang, vị Sa-môn ấy nhặt lấy làm trục kinh, trong đêm tối phát ra

1 ánh sáng, đem kính đặt vào hang đá, từ xa
2 trông thấy trên hang đá có ánh sáng, mà đến
3 gần thì biến mất.

4 ***16- Quỷ đói ở nước Nguyệt Chi do Bồ-***
5 ***tát Tô-ma-da nhìn thấy:***

6 Xưa, tại nước Nguyệt-chi có Bồ-tát
7 truyền pháp Đại thừa, hiệu là Tô-ma-da. Sư
8 truyền trì kho báu lớn Đại thừa, thầy trò cùng
9 răn dạy giáo hóa, trong thế tục ở nước
10 Nguyệt-chi xưa kia có Bồ-tát Đại Đề Bà dẫn
11 các đệ tử đi khắp các nước, đến biên giới
12 nước Sư Tử, dọc theo bờ biển đi thẳng đến
13 trước, giữa đường thấy năm trăm quỷ đói,
14 bỗng nhiên mỉm cười. Bồ-tát bâng hoàng
15 chẳng tiến tới, các đệ tử đồng lấy làm lạ hỏi
16 lý do, Bồ-tát đáp rằng: "Ta thấy năm trăm
17 quỷ đói khôn cùng thiếu thốn chẳng nghe
18 thức ăn uống, thấy ta đi tới mà rơi nước mắt
19 cầu xin cứu giúp", Bồ-tát liền hỏi: "Các
20 người ở bờ biển này đã bao lâu?" Quỷ đói
21 đáp: "Không còn nhớ biết về thời gian là bao
22 nhiêu, chỉ thấy nước ở biển đây bảy lần vơi
23 bảy lần đầy". Bồ-tát nói: "Sinh tử không ngăn
24 mé, các người biết thời gian là bao nhiêu?".

1 Và Bô-tát lại hỏi: "Từ trước trở lại uống ăn
2 như thế nào?". Quỷ đối đáp: "Chúng tôi được
3 chút ít nước dãi xúc chạm vào môi miệng đến
4 nay đã trải qua bảy trăm năm. Trong thời gian
5 lâu dài tìm kiếm thức ăn không được, nếu có
6 được chút ít nước tiểu, vừa thấm vào miệng
7 thì biến thành than lửa". Bô-tát lại hỏi: "Chịu
8 khổ như thế nào?". Quỷ đối đáp: "Mọi thức
9 đau khổ phải chịu không thể nói hết, như nội
10 trong một ngày chịu khổ có ba thời khác
11 nhau, lúc sáng sớm có nhiều binh lính Diêm-
12 la dùng viên sắt cháy nóng đưa ngậm vào
13 miệng, dùng gậy sắt để đánh đập, thân thể
14 biến thành than lửa từng phần từng đoạn tan
15 nát hết, bỗng nhiên có cơn gió mát thổi đến
16 thì sống lại như cũ". Và binh lính Diêm-la
17 liền tức hận nhả lửa mắng trách rằng: "Các
18 người xưa kia tham ăn, ăn uống riêng một
19 mình, nay ăn nuốt các viên sắt nóng mùi vị
20 có ngon chẳng? Quát mắng quở trách xong
21 bèn bỏ đi, chúng tôi thân tâm khổ não, muôn
22 vạn lần chết muôn vạn lần sống. Đến giữa
23 ngày có trăm ngàn quân lính kỵ cưỡi đi đến,
24 quân lính bộ tạp dịch, dùng vạc sắt đựng đầy

1 nước đồng sôi mang đến và trước lấy gậy sắc
2 nhọn đến đánh vào đầu chúng tôi, buộc ngồi
3 nơi bờ biển, tiếp theo kẻ sứ kéo vạc đến rưới
4 nước đồng sôi vào miệng và nói: các người
5 phỉ báng đại nhân, riêng mình ăn uống không
6 bổ thí, nay nuốt nước đồng sôi có mùi vị gì
7 chẳng? Khi đó quân lính ky cười rất nhiều
8 rượt đuổi ngựa giỏi dùng tên lửa mà bắn như
9 bắn quân địch ở nhân gian, trúng độc tên lửa
10 lần lượt té xuống đất, bỗng nhiên gió mát thổi
11 đến thì sống lại như cũ. Đến tối thì có trăm
12 ngàn chó sắt chim sắt chồn sói v.v... chạy
13 đến, răng nanh như mũi nhọn, gặm gù rượt
14 đuổi đấu tranh xé kéo gặm ăn nhai nuốt đến
15 sáng mới tan, các thứ khổ như thế đó chỉ một
16 trong trăm phần, chẳng thể nói hết, xin
17 nguyện từ tôn che chở cứu giúp". Bồ-tát lại
18 bảo rằng: "Các người tự tạo nghiệp thì tự
19 chịu quả báo, làm sao năng lực của người
20 khác có thể cứu nổi?". Lại hỏi: "Các người
21 có nhớ hạnh nghiệp của mình ở kiếp trước
22 chẳng?" Quỷ đói đáp: "Do nhờ năng lực của
23 Ngài nên nhớ biết hạnh nghiệp đời xưa đã
24 gây, người tôi trong vô lượng kiếp trước từng

1 làm chúng xuất gia, chẳng trì tịnh giới, chỉ lo
2 gìn giữ sự nghiệp ruộng vườn, keo lận tham
3 lam không bố thí, nếu có được thức ăn mùi
4 vị, bèn ở chỗ vắng ăn riêng, đánh đuổi chim
5 chó, nên sau khi chết phải chịu quả báo này".
6 Bồ-tát sinh tâm thương xót vì phân biệt giảng
7 nói các pháp sâu mầu như kinh Diệu Pháp
8 Liên Hoa... năm trăm quý đỏi trong mắt ứa lệ
9 vui mừng, hoan hỷ tự an vui. Bồ-tát bèn cùng
10 các đệ tử đồng đi theo đường trước mà đi đến
11 nước Sư Tử, ban đêm dừng nghỉ ở đình trống,
12 vào canh ba có năm trăm vị trời vào nơi đình
13 trống, mỗi vị cầm theo một hạt ngọc quý
14 cúng dường Bồ-tát rồi thưa rằng: "kính bạch
15 Đại sĩ, chúng tôi là các quý đỏi ở bờ biển, nhờ
16 nghe pháp lành mà được sinh lên cõi trời,
17 nghĩ nhớ ân đức được nghe pháp đó nên đem
18 phước từ trên trời đến dâng cúng đầu tiên ở
19 đây". Và liền trở lại cõi trời, Bồ-tát liền tự tay
20 ghi chép nhân duyên, đề hiệu là "Cứu nạn
21 quý (quỷ đỏi) ký".

22 ***17- Xử nữ ở Tâm Dương:***

23 Vào khoảng niên hiệu Tổng Chương
24 (668-670) thời Tiền Đường, có vị Sa-môn

1 người nước ngoài tên là Đạt-ma-bạt-đà, Hán
2 dịch là "Pháp Hiền". Sư không ngại bất cứ việc
3 gì, đi đến Tầm Dương dung nghi đỉnh đặc,
4 sắc mao khôi ngô, trì tụng các kinh Đại thừa
5 như Pháp Hoa v.v..., có đến ba mươi ngàn
6 bài kệ, âm thanh ái nhã, mọi người đều ưa
7 thích. Bấy giờ, có một xử nữ hình mạo rất
8 xinh đẹp, giải đủ sáu mươi bốn hình thái, mới
9 đầu vừa trông thấy Sư liền sinh tâm ái nhiễm,
10 giữa đêm thanh vắng đến gần chỗ Sư, Sư
11 đang trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-
12 đạt-đa nơi phần văn nói về cung nữ, xử nữ ấy
13 tuy chẳng hiểu về tiếng Phạm, nhưng nghe
14 tiếng tụng kinh liền phát tín tâm, dừng dứt
15 tâm ô nhiễm mà trở về. Khi ấy gặp lúc nước
16 biển có sóng gió, thuyền bị đắm, có một
17 người nam vớt đưa xử nữ đặt trên bờ, không
18 bị ướt trang phục. Đến đêm tối, mộng thấy
19 người nam ấy bảo rằng: "Người nghe kinh
20 Pháp Hoa phẩm Đề-bà- đạt-đa, phát tâm
21 thanh tịnh kính tin nên thoát khỏi nạn chìm
22 đắm. Nếu tu hành thì chẳng còn thọ nhận
23 thân nữ". Xử nữ ấy sau khi thức giấc, buồn
24 vui lẫn lộn tìm đến chỗ vị Sa-môn ấy (Đạt-

1 Ma-Bạt-Đề) để sám hối lỗi lầm, nhưng chẳng
 2 biết Sư đã đi đến xứ nào, đã nhàm chán thân
 3 nữ bèn xuất gia làm ni đến núi Ngũ Đài để tu
 4 tập. Đó tức là Tỳ-kheo-ni Không Tuệ.

5 ***18- Luận sư Tỳ-mạt-la-mật-đa ở Tây***
 6 ***Vực:***

7 Xưa, ở Tây vực có vị Đại luận sư tên là
 8 Tỳ-mạt-la-mật-đa, Hán dịch là "Vô Cầu
 9 Hữu". Sư là người nước Kế-tân, đến xuất gia
 10 trong Tát- Bà-Đa-Bộ, học rộng nghe nhiều
 11 gồm thông nghĩa sâu kín của ba tạng. Nên đi
 12 khắp năm xứ Ấn-độ, nghe học các kinh Hoa
 13 Nghiêm, Pháp Hoa, Bát-nhã v.v... nghĩa lý
 14 rất sâu mầu, bèn sinh tâm bất nhẫn than rằng:
 15 "Luận chủ Thiên Thân tha hồ phá bỏ tiêu
 16 nghĩa, mở mang pháp Đại thừa, mạn ra các
 17 luận Thập Địa, Pháp Hoa... làm khuấy mờ
 18 bản Tông Tát-bà-đa-bộ. Tôi đến khắp năm
 19 xứ Ấn-độ, tham cứu cội nguồn của bản tông
 20 đều đã biết, sẽ soạn ra các bộ luận để xóa bỏ
 21 kinh điển Đại thừa, diệt bỏ danh dự của Thiên
 22 thân, chỉ có một tông Tát-bà-đa hưng thịnh
 23 truyền bác ở Diêm-phù-đề, khắp cả bốn biển
 24 đều quy hướng cung kính". Nói lời ấy rồi,

1 bỗng phát sinh cuồng loạn, năm chiếc lưỡi
2 nặng nề đồng một lúc xuất hiện ra, máu nóng
3 tuôn trào đầy mặt, biết là thọ mạng của mình
4 đã hết nên luận sư mới dốc sức sám hối lỗi
5 lầm, nói rằng: "Đại thừa là giáo điển rất ráo,
6 lý vị sâu xa khó thể tin hiểu. Ta vì ngu si nên
7 khởi tâm trí tà vọng, ức chế muốn phá bỏ Đại
8 thừa, diệt hủy luận sư Thế Thân cho nên nói
9 như vậy. Kính cáo với tất cả mọi người tập
10 học xét xem ngay hiện tại, mỗi người tự cần
11 trọng chỉ ý của mình, chớ có tâm nghi ngờ
12 phỉ báng". Ngay lúc đó đất rung chuyển rời
13 xé ra, thân hoại mạng chung. Ở chỗ qua đời
14 lấp vùi làm thành hố sâu, lại bậc hiền thánh
15 thấy vậy than rằng: "thật đáng thương thay!
16 Luận sư chỉ vì ba tác lưỡi hủy báng Đại thừa,
17 mà hiện đời này mọc ra năm chiếc lưỡi, tính
18 chấp lớn mạnh sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián,
19 chẳng khác gì Điều-đạt". Các đệ tử vì luận
20 sư mà sám hối, thiết trai cúng dường, khen
21 ngợi giáo nghĩa Đại thừa. Luận sư ứng hiện
22 mộng báo rằng: tôi muốn phá bỏ Đại thừa,
23 nên đọa vào địa ngục A-tỳ, nhưng nghe được
24 các đại nghĩa của kinh Pháp Hoa... nên lửa

1 thiêu đốt nóng như khô suối nước ở nhân
2 gian, ở địa ngục giảng nói nghĩa pháp màu
3 như Bồ-tát Đà-la-ni... người nghe được thoát
4 khổ, Diêm ma Thiên tử mời ra khỏi ngục nên
5 ở lại giảng pháp. Như nghe pháp Đại thừa
6 gieo vào tạng thức vừa vào vừa ra lại chẳng
7 bao giờ trở vào cho nên như vậy. Các người
8 hãy siêng năng tu tập theo pháp Đại thừa, chớ
9 tự nghi ngờ hồi hận". Các đệ tử xây tháp, để
10 thờ xá lợi.

11 ***19- Ni sư Trí Thông:***

12 Ni sư Trí Thông xuất gia từ thuở thiếu
13 thời chùa Giản Tĩnh ở Kinh Đô, tin đạo chưa
14 thuần. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ
15 chín (432) thời Tiên Tông. Người thầy thị
16 tịch, thì bèn bỏ đạo đi lấy chồng làm vợ của
17 Ngụy Quận Lương Tê phụ sinh được một đứa
18 con trai, lớn lên khoảng năm, sáu tuổi, vì gia
19 đình rất mực nghèo cùng không có gì làm áo
20 mặc. Khi xuất gia làm ni, Trí Thông có mấy
21 quyển kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa...
22 bằng lụa bèn đem luận đàm, dùng làm áo cho
23 đứa con mặc, được một năm thì bị bệnh
24 hoảng hốt kinh sợ, khắp cả thân thể lở loét

1 thối rữa, tướng trạng như vết bỏng lửa, có
2 giòai màu trắng nhỏ nhiệm thường ngày trời
3 ra tràn lên, thậm thiết phiền độc, ngày đêm
4 gào khóc, thường nghe giữa hư không có
5 tiếng bảo rằng: "phá hoại kinh làm áo mặc
6 nên phải chịu quả báo quả dữ như thế". Hơn
7 tuần sau thì đứa con ấy chết (Pháp Uyển q.18
8 nói xuất xứ từ Minh Tường ký).

9 **20- Sa-di Vân Tạng:**

10 Sa-di Vân Tạng xuất gia từ thuở thiếu
11 thời, truyền trì các kinh A-hàm, giữa đạo
12 nghèo thiếu thốn y phục, lại gặp mùa đông
13 khí lạnh, thân cóng lạnh khô, vào tịnh xá cũ,
14 thấy có được năm, sáu quyển kinh Pháp Hoa
15 liền lấy giấy làm y phục, mọi người thấy mà
16 lạnh lòng, chưa qua khỏi cuối đông bỗng
17 nhiên phát bệnh cùi, lông mày đều rơi rụng,
18 có những vết thương nhỏ khắp mình, mới đầu
19 chỉ như hạt thóc, dần lớn như hạt đậu, trong
20 vòng bảy ngày khắp thân đều vừa nát mà qua
21 đời. Có người thấy vậy than rằng: "Thật đáng
22 tiếc thay Vân Tạng, khinh hủy kinh điển Đại
23 thừa, làm tổn mất lợi ích cả hai đời".

21- Thích Hiếu Từ ở chùa Từ Môn:

Thích Hiếu Từ tuổi khoảng năm mươi, từ thuở niên thiếu đã nương theo thiền sư Tín Hạnh, giảng nói Tam giai Phật pháp, chuyên tu khổ hạnh, thường khát thực làm nghiệp chánh, ngày đêm sáu thời lễ sám đắp mặc y phẩn tảo, tùy các chỗ đến đều thường giảng nói Tam giai Phật pháp, khuyên dụ các người thế tục. Mỗi lúc giảng giải Tam giai Phật pháp, thường nói không hợp với tán tụng kinh điển Đại thừa, nếu người đọc tụng sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ ở mười phương, cần gấp sám hối.

Sau đó, có một thời gian Hiếu Từ đi đến Kỳ Châu, giảng nói Tam giai Phật pháp, bấy giờ có một vị Ưu-bà-di thọ trì kinh Pháp Hoa lại khuyên những người có duyên tụng trì kinh Pháp Hoa, Hiếu Từ khuyên các Ưu-bà-di thọ trì kinh Pháp Hoa ấy rằng: "Các ông thọ trì kinh Pháp Hoa mà không hợp với căn cơ, sẽ đọa vào địa ngục, xin khuyên nên bỏ tụng kinh". Do đó có mấy vị Ưu-bà-di bỏ việc tụng kinh. Khi đó, Hiếu Từ ở trong chúng sám hối tụng kinh Pháp Hoa tội ấy đứng

1 đầu, vị Ưu-bà-di khuyên người trì tụng kinh
2 Pháp Hoa trong tâm sinh khởi bất nhẫn, bèn
3 ngay ngày đó thiết trai hội, lớn trong lúc Hiếu
4 Từ vì chúng giảng nói về Tam giai Phật pháp,
5 khi ấy dưới tòa có cả muôn người cùng, vị
6 Ưu-bà-di ấy ở trong đại chúng đốt hương
7 phát nguyện: "nếu chúng con (...) thọ trì kinh
8 Pháp Hoa chẳng hợp với ý Phật, thì nguyện
9 cho chúng con... ngay thân này bị bệnh xấu
10 ác, để khiến đại chúng cùng biết thọ trì kinh
11 Pháp Hoa bị chịu tội báo như thế, lại nguyện
12 thân này bị vùi lấp vào địa ngục A-tỳ, nguyện
13 cho đại chúng đều nhìn thấy. Còn nếu chúng
14 con (...) thọ trì kinh Pháp Hoa hợp với ý Phật
15 thì thiên sư cũng mắc phải như thế". Đang lúc
16 vị Ưu-bà-di ấy phát thệ nguyện đó, thiên sư
17 Hiếu Từ bị thần đánh, tắt tiếng không thể nói
18 năng, trên tòa cao ở phía Tây vị xướng tập
19 lục cũng mất tiếng, không thể nói năng, phía
20 dưới cũng có năm vị thiên sư già cũng mất
21 tiếng không thể nói được. Những người trước
22 đó đã bỏ việc trì tụng kinh Pháp Hoa, và có
23 vài người do đó đã phát tâm trì tụng kinh
24 Pháp Hoa lại càng sinh tâm kính trọng.

**22- Nàng hầu của vị Ưu-bà-tắc ở
Tương Châu thời Tiền Đường:**

Ở Tương Châu có một vị Ưu-bà-tắc gia đình rất giàu có, nuôi dưỡng hai người nữ lấy làm vợ chánh vợ hầu. Người vợ chánh tâm tánh từ bi nhân nhượng, đặc biệt thọ trì phẩm Đề-bà-đạt-đa kinh Pháp Hoa, suốt đêm ngày không phế bỏ. Người vợ hầu ghét ganh càng ngày lớn mạnh, thường lên để ý những khuyết điểm của người vợ chánh. Trong lúc đi vắng, người vợ hầu vào phòng người vợ chánh, sân hận dùng chân phải giẫm đạp lên kinh, sau khi trở về phòng ngủ của mình, người vợ hầu trên đầu đau nhức, ba ngày mới chết, ở ngực còn chút hơi ấm. Người nhà chán ghét tật xấu ấy, chẳng tận liệm an táng. Qua một ngày một đêm sau mới sống lại, người vợ hầu đối trước người vợ chánh mà nói rằng: "Tôi vì ngu si ganh ghét người, xem thường giẫm đạp lên kinh mà người thường trì tụng, bị Diêm Vương quở trách, có hai sứ quan rượt đuổi tôi đến chỗ vua rắn trừng tội ác, dưới chân tôi có đường vân màu vàng ròng, vua thấy thế, vui mừng bảo: "đó là văn

1 kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, người
2 dùng chân phải đạp lên văn kinh, văn dời
3 sang thân mà cứu người, ngược lại được lợi
4 ích, cho nên nói để biết ứng nghiệm. Vì nhân
5 duyên đó nên được thả trở về sống lại". Lộn
6 ngược vào đất trở lại y cứ nơi đất mà dậy.
7 Nay đôi cùng người xin sám hối, chẳng nhớ
8 những lỗi xưa". Bà bèn xuất gia làm ni,
9 không biết về sau như thế nào.

10

11

12



TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Tường soạn tập

QUYỂN 10

XII- Y chánh cúng dường, có phụ thêm cúng dường pháp.

1- Thích Tuệ Thiệu.

2- Thích Tuệ Ích.

3- Thích Pháp Quang.

4- Thích Đại Chí.

5- Thích Thông Hội.

6- Tỳ-kheo-ni.

7- Thụ sinh ở phía Tây thành Tinh Châu.

8- Thích Tăng Du.

9- Mười thứ cúng dường.

10- Lợi ích cúng dường.

11- Trời Diệu Hoa.

12- Trời Bảo Anh. 13- Bà lão.

1 14- Ưu-bà-tắc.

2 15- Thích Tăng Đạt.

3 16- Cúng dường Pháp.

4 17- Tỳ-kheo Vô Hành.

5 ***1- Thích Tuệ Thiệu chùa Chiêu Đề ở***
6 ***Lâm Xuyên thời Tiền Tống:***

7 Thích Tuệ Thiệu không biết họ gì. Thuở
8 bé, mẹ mớm cho ăn các thứ cá thịt, thì sư liền
9 nhả ra, còn rau lá thì không sao, từ đó bèn ăn
10 rau quả. Đến năm tám tuổi sư bèn xuất gia
11 làm tăng. Về sau theo sự yêu cầu sư bèn đến
12 trụ chùa Chiêu Đề ở Lâm Xuyên trì tụng kinh
13 Pháp Hoa. Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược
14 Vương, sư thầm có ý muốn thiêu thân,
15 thường thuê người đốn củi chất cao mấy
16 trượng ở động đá ở Đông Sơn, ở giữa mở
17 thành cái khám đủ để chứa thân mình, mới
18 trở về lại chùa xếp đặt hết mọi việc cần thiết.
19 Đến ngày thiêu thân, tại Đông Sơn sư lập đại
20 hội cáo biệt, mọi người khắp trong cảnh vực
21 bốn ba xe ngựa tìm đến rất đông và mang lại
22 thứ vàng báu nhiều không thể tính kể. Đến
23 canh một đầu hôm, hành đạo tụng kinh, tự

1 hành hương xong, nắm đuốc châm đốt vào
2 củi và vào trong khám ấy mà ngồi tụng kinh
3 Pháp Hoa phẩm Dược Vương Bản Sự. Mọi
4 người đều không thấy sư, biết là sư đã đi, lễ
5 bái chưa xong đều đến rất đông, trong lửa dữ
6 tiếng tụng kinh vẫn chưa dứt, lửa cháy đến
7 cổ vẫn còn nghe sư xướng nhất tâm, đại
8 chúng đều thấy có một ngôi sao lớn như cái
9 đầu thắp xuống trong khói, bỗng chốc lại
10 bay lên trời. Bấy giờ mọi người nhìn thấy đều
11 cho là cõi trời đến đón rước ba ngày sau, củi
12 nhóm mới cháy hết. Trước lúc thị tịch sư có
13 nói với bạn đồng hành rằng: "Chỗ tôi thiêu
14 thân sẽ mọc lên cây ngô đồng, xin thận trọng
15 chớ nên chặt phá". Sau khi sư thiêu thân ba
16 ngày quả nhiên có cây ngô đồng mọc ở đó.

17 ***2- Thích Tuệ Ích chùa Trúc Lâm ở***
18 ***Kinh Đô thời Tiền Tông:***

19 Thích Tuệ Ích, là người ở xứ Quảng
20 Lăng, xuất gia từ thuở thiếu thời, theo thầy
21 đến ở chùa Thọ Xuân. Trong khoảng niên
22 hiệu Hiếu Kiến (454-457) thời Tiền Tông, ra
23 thành đô sư trụ tại chùa Trúc Lâm, riêng năng
24 khổ hạnh, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa.

1 Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược Vương sư rơi
2 lệ than rằng: "Thân người khó được, Phật
3 pháp khó gặp, được tốt lành muốn thiêu
4 thân". Mọi người nghe thế hoặc khen ngợi,
5 hoặc hủy báng, nhiều lời lẫn lộn. Đến niên
6 hiệu Đại Minh năm thứ tư (460) thời Tiền
7 Tổng sư mới bỏ ăn gạo dầu, chỉ ăn bánh bột
8 gạo mè. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ sáu
9 (462) thời Tiền Tổng sư lại bỏ ăn cả gạo tẻ...
10 chỉ dùng dầu tô, lại bỏ ăn dầu tô chỉ uống
11 viên hương. Tuy bốn đại suy yếu nhưng tinh
12 thần kính chánh, nên vua Hiếu Võ Đế Lưu
13 Tuấn (454-465) rất mực kính lạ đến thăm hỏi,
14 ân cần sai Thái Tể Giang Hạ Vương Nghĩa
15 Cung đến chùa can ngăn, sư vẫn giữ chí
16 nguyện không sửa đổi.

17 Đến ngày mùng 08 tháng 04 niên hiệu
18 Đại Minh năm thứ bảy (463) thời Tiền Tổng,
19 sắp đến ngày thiêu thân, sư bèn đến phía nam
20 của Chúng Sơn đặt vạc chuẩn bị dầu. Sáng
21 sớm ngày đó, sư cưỡi xe trâu và nhờ người
22 dẫn từ chùa đến núi. Vì vua là chỗ nương tựa
23 của muôn dân, lại là nơi gởi gắm Tam Bảo,
24 sư mới tự lực đi vào đài, vừa đến cửa Vân

1 Long không thể bước xuống, sư sai người
2 khải tấu rằng: "Tuệ Ích đạo nhân hôm nay xả
3 bỏ thân mạng nên đến cửa cung kính giả từ,
4 rất vì Phật pháp, kính ngưỡng nên kính lụy".
5 Vua nghe thế mặt liền biến sắc, đích thân ra
6 cửa Vân Long. Sư đã gặp vua, lại đem Phật
7 pháp cậy nhờ phó chúc xong bèn từ biệt mà
8 đi, vua cũng tiếp tục theo đến, các hàng hậu,
9 phi đạo, tục sĩ thứ đến đầy cả núi hang, kính
10 dâng y phục, xả thí vật báu nhiều không thể
11 tính kể. Sư vào trong vạc ngồi ở một chiếc
12 ghế nhỏ, dùng các thứ y cụ tự quấn buộc, phía
13 trên lại thêm một cái khăn lớn, tưới dầu vào,
14 sư sắp đến châm lửa, vua bèn sai Thái Tể đến
15 chỗ vạc dầu thỉnh khuyên dụ sư rằng: "Thực
16 hành Đạo có lắm phương cách, vì sao lại tự
17 giết hại thân mạng mình, mong ba lần sư nghĩ
18 lại đi đến đường khác". Chí khí cao nhã sư đã
19 xác định không có ý niệm hồi hận, bèn trả lời
20 rằng: "Tắm thân bé bỏng mạng sống tàn tạ
21 này, sao đâu để dòng lưu lại thiện tâm. Thánh
22 từ đã không như vậy, xin độ cho hai mươi
23 người xuất gia", vua liền ban sắc cho phép.
24 Sư bèn tự tay cầm đuốc đốt khăn, khăn đã

1 cháy sư mới vất bỏ đuốc, chấp tay tụng kinh
2 Pháp Hoa phẩm Dược Vương, lửa cháy đến
3 lông mày, tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng,
4 đến lúc mắt mới mờ tối. Những người sang
5 hèn đều buồn than, âm vang rung chuyển cả
6 hang sâu, không ai chẳng búng ngón tay niệm
7 Phật, sụt sùi đồ lệ, lửa cháy đến sáng hôm sau
8 mới tắt. Khi đó, vua nghe giữa hư không có
9 tiếng kèn sáo và có mùi thơm lạ phảng phất,
10 vua ở lại đó suốt ngày mới trở về cung. Đêm
11 đến vua mộng thấy Sư cầm tích trượng đi
12 đến, lại đem Phật pháp để dặn dò giao phó.
13 Đến sáng ngày, vua lập trai hội, độ người
14 xuất gia, bảo trai chủ bạch rằng: "Đã đầy đủ
15 diễm lành ứng hiện". Tại chỗ Sư thiêu thân,
16 gọi tên là chùa Dược vương để phông theo
17 bản sự.

18 ***3- Thích Pháp Quang ở Lũng Tây đời*** 19 ***Nam Tề:***

20 Thích Pháp Quang, người ở xứ Lũng Tây,
21 thuộc Tần Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư rất có
22 tín tâm, đến năm hai mươi chín tuổi, Sư mới
23 xuất gia chuyên tu khổ hạnh Đầu-đà, chẳng
24 mặc lụa là gấm vóc hay ăn ngũ cốc, chỉ dùng

1 bột lá thông. Về sau, Sư phát nguyện muốn
 2 thiêu thân, để cúng dường pháp, mới ăn cao
 3 thông và uống các chất dầu suốt nửa năm,
 4 đến ngày hai mươi tháng mười năm Vĩnh
 5 Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, tại chùa
 6 Ký Thành ở Lũng Tây, Sư nhóm củi để thiêu
 7 thân cho mãn chí nguyện trước. Khi lửa cháy
 8 đến mắt, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa lời tiếng
 9 vẫn còn rõ ràng, mãi đến lúc mờ mịt mới dần
 10 im bật. Sư hưởng thọ bốn mươi một tuổi (ba
 11 truyện trên đều rút từ Lương Cao Tăng
 12 truyện quyển 12).

13 ***4- Thích Đại Chí ở Lô Sơn, thuộc Cửu***
 14 ***Giang, đời Tùy:***

15 Thích Đại Chí họ Cô, người xứ Sơn Âm,
 16 Cối Kê. Đến lúc phát tâm xuất gia Sư thờ Đại
 17 sư Trí Giả ở núi Thiên Thai. Ngài Trí Khải
 18 (=Giả) thấy Sư hình dáng thần thái sáng sạch
 19 cao vượt ngoài vật, do đó bèn đặt tên Sư là
 20 Đại Chí, Sư chuyên tu thiền tụng để làm hạnh
 21 nghiệp, chánh tu khổ hạnh tiết chế tự chuyên.
 22 Tiếng Sư vang khắp bốn phương, không nơi
 23 nào chẳng đến, hơi tiếng Sư lắng trong hòa
 24 mục, nghi tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, nên

1 những người nhìn thấy đều biết Sư chẳng
2 phải phạm khí.

3 Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười
4 (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, trụ chùa
5 Phong Đảnh, chẳng lệ thuộc vào công danh,
6 không tham dự trong tăng chúng, Sư trì tụng
7 kinh Pháp Hoa rõ ràng nhàn nhã, tài năng
8 vượt hẳn lời tiếng trầm bổng trong sáng,
9 khiến người nghe quên cả nhọc mệt. Về sau,
10 Sư đến phía Nam đánh núi Cam Lộ ở Hoa
11 Sơn tạo dựng đạo tràng Tĩnh quán, chuyên tu
12 Đầu-đà lấy làm chánh nghiệp, chỉ một thân
13 mình mà chẳng trốn lánh đối địch với hổ. Nơi
14 nào có thú dữ độc ác, Sư liền tìm đến đó,
15 nhưng các thú đều trốn lánh chẳng dám làm
16 hại. Ở núi gạo thóc đã hết sạch, suốt ngày Sư
17 quên ăn, hoặc chỉ ăn dùng bánh trái duy trì
18 mạng sống mà thôi. Người ngoài trông thấy
19 đều chẳng chịu nổi sự khổ não ấy, mà Sư vẫn
20 an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như cũ.
21 Suốt bảy năm, chuyên hành thiền nghiệp
22 không gián đoạn. Về sau, Sư trụ chùa Hội
23 Phước Lâm cũng ở tại núi đó.

24 Đến gần cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617)

1 đời Tùy, khắp nơi đều lắng trờ, Sư lưu lạc ần
2 dật, bùi ngùi cho Phật pháp bị lấn lướt đến
3 nỗi như thế, Sư mới đổi sắc phục, hủy hoại
4 hình thể, trên đầu quấn bịt sắc phục hiệu từ,
5 dùng vải bố thô xấu làm áo mặc, vào Phật
6 đường lớn tiếng gào khóc suốt ba ngày ba
7 đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi
8 dẫn dụ: "Tôi than bởi nghiệp ác mới đến nỗi
9 này, muốn dùng hình hài này để làm sáng tỏ
10 chánh pháp". Bèn đến Dương Đô, dâng biểu
11 tấu trình rằng: "Nguyện xin bệ hạ hưng hiển
12 Tam bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở tại Trung
13 Sơn để báo đáp ân đức của nước nhà". Vua
14 Dương Đế (Dương Quảng 605-617) chấp
15 nhận, ban sắc mở trai hội lớn, cả bảy chúng
16 đồng nhóm họp, Sư bỏ ăn ba ngày, lên trên
17 gác lớn, đốt tấm sắt nóng đỏ để áp vào cánh
18 tay khiến cho cháy nám, lại dùng dao cắt đứt,
19 xé thịt cho xương cốt lộ ra, lại áp tiếp xương
20 cốt ấy cho cháy đen, rồi dùng vải bố lót sáp
21 giọt xuống lửa để đốt, ánh sáng chiếu rực
22 khắp cả núi non. Khi ấy cả đại chúng thấy Sư
23 hành khổ như thế đều đau xót cõi lòng thấu
24 cả xương tủy, chân đứng không yên, mà Sư

1 tuy thiêu đốt áp vào lửa nóng nhưng ngôn từ
2 và nhan sắc không thay đổi, nói cười vẫn như
3 lúc đầu. Khi đó, hoặc Sư trì tụng kinh Pháp
4 Hoa, hoặc tán thán công đức của Phật, hoặc
5 vì đại chúng mà giảng pháp, lời tiếng không
6 ngưng. Khi cánh tay đã đốt cháy hết, như
7 trước, Sư xuống gác, suốt bảy ngày nhập
8 định, ngồi kiết già mà thị tịch, khi ấy Sư vừa
9 mới bốn mươi ba tuổi.

10 ***5- Thích Hội Thông ở cốc Báo Lâm núi***
11 ***Chung Nam đời Đường:***

12 Thích Hội Thông người ở xứ Ngự Túc
13 Xuyên, Vạn Niên, Ung Châu. Từ thuở thiếu
14 thời Sư mến chuộng Đạo Kiêm, đi khắp núi
15 rừng khổ tiết giới hạnh, đó là thói quen đoái
16 hoài của Sư. Sư vào cốc Báo Lâm ở núi
17 Chung Nam, trầm ản hành nghiệp, đọc tụng
18 kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, nên
19 mến chuộng đức hạnh, nhằm chán muốn xả
20 thân, chất củi thệ nguyện phải thực hành theo
21 đó. Đến khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán
22 (650) đời Tiền Đường, giữa đêm vắng lặng
23 trong rừng, Sư chất củi làm thành hang trì
24 tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương,

1 rồi châm lửa, gió bốc phát cháy, lửa khói đều
2 lớn mạnh, Sư vẫn ngồi kiết già tự nhiên, tiếng
3 tụng kinh vẫn vang, bỗng chốc sau đó từ phía
4 Tây nam có một vầng ánh sáng trắng lớn soi
5 chiếu vào trong nhóm lửa, thân Sư mới ngã.
6 Đến sáng sớm, lửa tắt hết, mới thâu nhặt di
7 cốt Sư, dựng lập tháp bia minh, đến nay vẫn
8 còn.

9 **6- Hai chị em Tỳ-kheo-ni ở Tinh Châu:**

10 Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627)
11 thời Tiền Đường, ở Tinh Châu, có hai chị em
12 Tỳ-kheo-ni đồng trì tụng kinh Pháp Hoa, rất
13 nhàm chán thân, đều muốn xả bỏ thân mạng,
14 tiết giảm ăn mặc, kính sùng khổ hạnh, uống
15 ngâm các thứ dầu thơm, dần bỏ ăn gạo thóc,
16 sau dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn dùng mật thơm,
17 tinh lực vẫn sung mãn, thần chí vẫn sáng sủa.
18 Đồng báo với các đạo tục ấn định ngày sẽ
19 thiêu thân. Đến ngày mùng 08 tháng 02 niên
20 hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629) thời Tiền
21 Đường, ngay giữa đường ngã tư ở Tinh
22 Châu, lập hai tòa cao, dùng vải bố lót sắp
23 quán buộc thân mình lên đến đánh đầu chỉ để
24 lộ ra mặt mắt. Mọi người nhóm họp đông như

1 núi, tán thán như mây giăng, hai vị trì tụng
2 kinh Pháp Hoa đến chỗ thiêu thân, người chị
3 trước lấy lửa châm vào đánh đầu người em
4 và người em lại lấy lửa châm vào đánh đầu
5 người chị, giữa đêm tăm tối, hai ngọn đuốc
6 đồng một lúc tỏa sáng, lửa cháy đến mặt,
7 tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, dần xuống
8 mũi miệng mới tắt. Đến sáng sớm hôm sau
9 cả tòa đều rỗng không, đồng một lúc lửa
10 thiêu đốt hài cốt đều cháy sạch, chỉ có hai
11 chiếc lưì vẫn còn, cả đại chúng đồng cung
12 kính tán thán, và dựng tháp cao để thờ.

13 ***7- Thư sinh ở phía Tây thành Tịnh***
14 ***Châu.***

15 Ở phía Tây thành Tịnh Châu có một thư
16 sinh khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi
17 chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, phát nguyện
18 đốt thân cúng dường, bèn gom góp vài bó
19 rơm khô làm thành cái khảm, có người hỏi về
20 lý do, thì cố giấu kín không nói. Về sau vào
21 lúc nửa đêm, châm lửa tự thiêu, đến lúc mọi
22 người đến cứu thì lửa đang cháy mạnh và đã
23 chết, nên mọi người bèn chắt thêm củi để
24 thiêu hết hình hài ấy.

**8- Thích Tăng Du trụ chùa Chiêu Đế ở
Lô Sơn thời Tiền Đường:**

Thích Tăng Du họ Chu, người ở xứ Du Hàng, Ngô Hưng năm hai mươi tuổi ngài xuất gia, hạnh nghiệp tinh thuần.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm (438) thời Tiền Tống, Sư cùng các bạn đồng học như Sa-môn Đàm Ôn, Tuệ Quang v.v... đến ngọn phía Nam núi Lô Sơn đồng dựng tịnh xá đề hiệu là "Chiêu Ân". Sư thường lấy làm kết lụy ba đường tình hành sắp tận, do đó thân hình cũng nên vất bỏ, dấu vết của Bồ-tát Dục Vương riêng sao xa thế? Từ đó Sư thường phát lời thệ nguyện rằng: "Thệ mới khế hợp thiêu thân". Đến ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai (455) thời Tiền Tống, Sư chất củi làm khảm, thỉnh chư tăng lập trai hội, báo với đại chúng mà giã biệt. Ngày đó, mây sương tối sầm, mưa kín buốt lạnh, Sư bèn phát lời thệ nguyện rằng: "Nếu chí nguyện của tôi nhất định rõ ràng thì trời sẽ trong sáng lại, còn nếu không có cảm ứng thì sẽ mưa giàn giụa khiến cho bốn chúng đây biết thân ứng không mờ

1 tôi". Vừa nói xong, mây tan sáng tạnh, đến
2 canh đầu hôm Sư vào khám củi, chấp tay
3 ngồi thẳng, trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm
4 Dược Vương, khi lửa mạnh đốt đến, Sư vẫn
5 chấp tay không tan. Các đạo tục nghe biết
6 đua nhau chạy đến núi ấy, đều cúi đầu đánh
7 lễ, nguyện kết nhân duyên, khắp thân Sư phát
8 ra ánh sáng màu tím bay vọt giữa hư không,
9 lâu sau mới biến mất. Lúc đó Sư bốn mươi
10 bốn tuổi.

11 Mười bốn ngày sau đó trong phòng Sư
12 mọc hai cây ngô đồng cành rẽ đều tươi tốt,
13 lớn bé như nhau, cành tốt lớn thẳng, bèn
14 thành cây đặc biệt. Lý Thức cho đó là "cây
15 báu ở Ta-bà", biết rõ Niết-bàn. Sư bèn cản
16 ngăn nên hiện điềm chứng. Do đó, gọi là
17 "Song Đồng Sa-môn".

18 Có Trương Biện ở Quận Ngô đang nhậm
19 chức Bình Nam Trưởng Lại đích thân đến
20 xem xét sự kiện ấy, và tạo lời truyền tán rằng:

21 **Bài một:**

22 *"Dằng dặc huyền cơ*

23 *Mật mờ chỉ đạo*

24 *Ra sinh vào tử*

Gì là diệu thật".

Bài hai:

*"Từ xưa Được Vương
Khắc hóa tuyệt luân
Trước nghe nói thế
Nay thấy người này".*

Bài ba:

*"Sa-môn hùng tài
Tâm bền định tuệ
Ngừng thần khí tím
Bày vết song thọ".*

Bài bốn:

*"Đức ấy đáng ưa
Tiết tháo đáng quý
Văn từ mở nói
Thử vụt phảng phát".*

9- Ghi về mười thứ cúng dường:

Trong "Tiêu Dao Niên Ký" có nói rằng:
"Pháp sư Cưu-ma-la- thập người ngoại quốc
bắt đầu từ mùa đông niên hiệu Hoàng Thi
năm thứ bảy (404) đời Diêu Tần dịch kinh
Pháp Hoa mới hoàn tất trọn một bộ gồm bảy
quyển hai mươi tám phẩm. Qua tháng giêng

1 năm sau (405) đem bản kinh để xem xét và
2 tạo kinh bản chữ vàng, dùng bảy món báu để
3 trang nghiêm, màu vàng rực cả vườn (tiêu
4 dao), các đạo tục đông như chợ, chiêm
5 ngưỡng lễ bái. Ngài La Thập cảm mộng rằng
6 thiếu mất bốn chữ "một trần một kiếp" (mỗi
7 mảy bụi làm một kiếp), Sư lại xem xét bản
8 Phạm quả nhiên đúng như điềm mộng. Tần
9 Vương rất vui mừng nói rằng: "Pháp sư Cưu-
10 ma-la-thập rất được ý chỉ của kinh, tốt đẹp
11 hợp với thánh tâm, chỗ chép trước thiếu bốn
12 chữ ấy, tìm xét nơi văn kinh mà tiếp nối", và
13 vua hỏi ngài La Thập rằng: "Trẫm muốn
14 đúng như pháp để cúng dường quyền kinh
15 như thế có bao nhiêu pháp thức?". Ngài La-
16 thập nói: "Nếu muốn đúng như pháp để cúng
17 dường quyền kinh cần phải y theo trong kinh
18 nói, lược có mười thứ cúng dường, một là
19 hoa, hai là hương, ba là chuỗi anh lạc, bốn là
20 hương mật, năm là hương xoa, sáu là hương
21 đốt, bảy là phan lọng, tám là y phục, chín là
22 kỹ nhạc và mười là chấp tay cung kính".

23 Vua nói: "Chẳng hay các thứ hương hoa
24 như thế nào?". Ngài La-thập trả lời: "Hương

1 là hương hải ngạn, hương xạ, hương uất
2 viêm, hương tô hợp v.v... dùng hương tinh
3 khiết thanh tịnh, vất bỏ hương bất tịnh, chẳng
4 phải bôi thoa làm cát bụi. Hoa là hoa thủy lục
5 thời như các loại hoa sen v.v..., nếu lúc
6 không có hoa thì dùng bảy món báu làm
7 thành, phỏng định như bốn thứ hoa Mạn-đà-
8 la v.v... và thời diệu hoa. Ở ngoại quốc thì
9 dùng hoa sen trắng, hoa duyệt ý v.v... anh lạc
10 là dùng các châu báu làm thành, phỏng định
11 như châu ngọc như ý, châu ngọc ma ni anh
12 lạc, châu ngọc anh lạc v.v... ở ngoại quốc thì
13 dùng trăm thứ tạp báu anh lạc. Hương mặt là
14 bôi xoa rễ cành cây v.v... nếu hoa với nước
15 thì làm hương xoa như trầm thủy v.v..., nếu
16 hợp với lửa thì làm hương đốt như huân
17 hương v.v..., phan lọng là dùng tơ mới sạch
18 thanh tịnh. Ở ngoại quốc dùng tơ ngó sen
19 v.v..., các thứ tuyệt phục như y phục thiện
20 diệu kỷ nhạc tức là dùng đàn, sáo, ống tiêu,
21 ống địch, không hầu v.v... Chắp tay tức là
22 đem tâm cung kính mà cúng, dùng chắp tay
23 như hoa sen, đều dùng nghiêm khiết thanh
24 tịnh nương nhờ ở sự mà tỏ ngộ lý".

1 Vua lại hỏi: "quả báo ấy như thế nào?".
2 Ngài La-thập đáp: Quả báo thì có xa có gần,
3 gần thì y theo cuộc tình chẳng liên quan đến
4 thiện thể, xa thì được thành tựu quả Phật".

5 Vua lại hỏi: "Quả cuộc tình gần và diệu
6 quả xa ấy như thế nào?". Ngài La-thập trả lời:
7 "cúng dường như thế quả báo rất vi diệu, chư
8 Phật đều ngợi khen. Vả lại như xưa kia, lúc
9 Đức Phật tại thế, có Tỳ-kheo Chiên Đàn
10 Hương Khẩu, qua chín mươi một kiếp ở
11 trong nhân gian và trên cõi trời, các lỗ chân
12 lông trên thân đều thoảng ra mùi thơm
13 Chiên-đàn, trong miệng thường thoảng mùi
14 hương hoa Ưu-bát-la. Đến sau cùng gặp
15 được Phật và chứng đắc quả A-la-hán, thành
16 đạt ba minh, sáu thứ thần thông, đủ tám pháp
17 giải thoát. Đó là do sau khi Đức Phật Tỳ-bà-
18 thi diệt độ, dùng hương cúng dường tháp mà
19 được quả báo như thế. Ở trong thành Ca-tỳ-
20 la, xưa kia đồng ở trong một ấp làm kỹ nhạc,
21 cầm hương hoa đến cúng dường tháp Phật,
22 nên suốt chín mươi một kiếp chẳng đọa vào
23 đường ác, đồng hưởng thọ vui sướng, gặp
24 Phật thì hết khổ. Có thiên hoa xưa kia lấy hoa

1 cở đầm hoang đồng trống tung rải trên chúng
2 tăng, nên sinh ra nơi nào thường có mưa hoa
3 trời. Có Tỳ-kheo Diệu Đức rải hoa héo úa
4 trên tháp, cũng lại như vậy. Tại ngoại quốc
5 có một vị Bà-la-môn phạm ba thứ tội nghịch
6 giết cha, giết mẹ và giết A-la-hán, về sau sinh
7 tâm sám hối, dùng các thứ hương hoa cúng
8 dường kinh sách nên tội cấu dần giảm nhẹ, vì
9 có các nghiệp khác nên tuy đọa vào chốn địa
10 ngục, nhưng với lửa dữ nước sôi đều tự cho
11 như là nước suối ấm, vào trong đó rất vui
12 sướng, nơi thân có mùi thơm lạ. Các tội nhân
13 nghe liền được sinh lên các cõi trời. Có vua
14 Thiện Hoa dùng phan lọng che phủ trên miếu
15 Bích chi Phật, cảm quả hạnh nghiệp làm vua,
16 Tỳ-kheo Hoa Cái dùng lọng cỏ che tháp nên
17 suốt trong chín mươi một kiếp, lọng hoa
18 thường che thân mình. Diệu Âm dùng kỹ
19 nhạc cúng dường Phật, cho đến chư Phật ở
20 quá khứ, đều thành tựu quả Phật lúc đầu mới
21 phát tâm dùng một cành hoa một cây hương
22 để cúng dường Phật, như ngàn Đức Phật
23 trong hiện kiếp thì như Đức Như Lai Chấp
24 Hoa từ Đức Phật Duyệt Ý, lúc mới phát tâm,

1 đem y phục tốt đẹp và các thứ danh hương
2 dâng cúng Đức Phật đó, nhờ đó mà được
3 thành Chánh giác. Đức Thiện Tư Như Lai từ
4 Đức Phật Phổ Quán, lúc đầu mới phát tâm,
5 hái một cành hoa sen dâng cúng lên Phật ấy,
6 nhờ đó được thành Chánh giác. Đức Hiền
7 Trọng Như Lai từ Đức Phật Đại Thanh Hy
8 dâng cúng các thứ tạp hương, nhờ đó mà đạt
9 thành Chánh giác. Đức Nhàn Tĩnh Như Lai
10 từ nơi Đức Phật Vô Thượng, lúc mới phát
11 tâm dâng cúng chuỗi châu anh lạc, từ đó mà
12 thành Chánh giác. Các thứ quả báo đạt được
13 xa gần như thế không thể nêu hay ghi chép
14 đầy đủ, huống chi đối với kinh Pháp Hoa mà
15 về cúng dường, dùng trí tuệ Phật còn không
16 thể biết được ngần mé công đức ấy!".

17 Vua nghe nói như thế, tâm ý khai mở,
18 điều đặt các thứ cúng cụ, nghiêm tịnh đường
19 sá, rải hoa rưới nước, vua tôi đại chúng cao
20 bày ở đường lớn, dùng hòm vàng để đựng
21 kinh, tôn trí trên bàn, vua tự mang đội trên
22 đánh đầu, có ba ngàn vị Tỳ-kheo khen ngợi
23 dẫn trước, an tường tu hành vào chùa lớn,
24 dùng mười thứ cúng dường mà cúng dường,

1 có các vì sao hiện lại cuời mây ở giữa hư
2 không, người thấy rất nhiều, có mây long
3 năm màu mù mịt rũ búa trên Tiêu Dao, hiện
4 tiền chưa từng có. Bấy giờ đang là ngày 15
5 tháng có trăng (rằm), lúc vào đêm Tàn
6 Vương và hậu phi, vương mẫu, thể nữ đều ở
7 trong tịnh thất bên cạnh Phiêu Kinh Quán.
8 Vua tự mộng thấy đất ở vườn Tiêu Dao như
9 rộng thoáng trang nghiêm cõi tịnh. Bồ-tát
10 Văn-thù ở đó mở cao đề mục, đại chúng Bồ-
11 tát từ chín phương đều đến, bày các thứ cúng
12 dường khắp cả chín phương. Vua thừa việc
13 ấy với ngài La-thập. Ngài La-thập bảo: "đó
14 là do đức tin của bệ hạ mà cảm nên. Đại giáo
15 Pháp Hoa rất có duyên với nước này. Từ sau
16 khi Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn diệt độ,
17 cảm ứng như thế thật là hiếm có. Đến sáng
18 ngày hôm sau mỗi việc tự tan. Ngài La-thập
19 khen rằng: "Đây là Phật sự thứ ba ở Diêm-
20 phù-đề" (văn ghi rất rộng, đây chỉ nắm lấy ý
21 mà nêu).

22 ***10- Sau khi Đức Thích Tôn diệt độ,***
23 ***người thọ trì cúng dường kinh điển***
24 ***đến lúc Đức Di-lặc ra đời sẽ được lợi***

ích:

Trong "Pháp Trụ Ký" nói rằng: "Đức Di-lặc Như Lai thành Đẳng chánh giác rồi, vì các chúng Thanh văn lập nên ba hội giảng pháp, giúp thoát khỏi sinh tử mà chứng được Niết-bàn, cho đến như các vị vua quan thí tất cả ở trong chánh pháp của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai nơi đời này có khả năng làm các Phật sự, gieo trồng gốc lành, hoặc chỉ dạy người gieo trồng, nghĩa lại đối với kinh tạng Đại thừa, tất cả kinh điển Đại thừa tương ứng với tánh không sâu xa, như các kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, kinh Kim Quang Minh, v.v..., các kinh điển Đại thừa như thế có trăm câu chi bộ, sai biệt Tỳ-nại-da, Thanh văn Tam tạng, ở trong chánh pháp tạng như thế... hoặc do Đức Phật giảng nói, hoặc do các vị Bồ-tát giảng nói, hoặc do các vị Thanh văn giảng nói, hoặc do chư Thiên giảng nói, hoặc do các bậc trí giả giảng nói, dẫn đến các pháp nghĩa lợi, cho đến có thể đối với bốn câu kệ tụng, mà tự đọc tụng hoặc khuyên bảo người đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc khuyên bảo người thọ trì, hoặc tự giải thích hoặc khuyên

1 bảo người giải thích, hoặc đối với vị Pháp sư
 2 mà cung kính cúng dường, hoặc đối với kinh
 3 sách mà cung kính cúng dường, nghĩa là
 4 dùng các thứ hương, hoa, phướn lọng, kỹ
 5 nhạc, đèn đuốc mà cúng dường, hoặc đối với
 6 kinh sách mà dùng các thứ tạp lưạ bông tơ
 7 mà trang sức. Do năng lực các gốc lành như
 8 thế v.v... nên đến lúc Đức Di-lặc Như Lai
 9 thành Đẳng chánh giác, khéo được thân
 10 người ở trong hội pháp thứ hai của Đức Phật
 11 ấy. Dùng tín tâm thanh tịnh, xả bỏ thế tục vào
 12 nhà Như Lai, cạo bỏ râu tóc, đắp mặc
 13 pháp phục. Đã dự vào hàng thánh chủng, thì
 14 tùy nguyện lực thưở xưa mà chứng được
 15 Niết-bàn, đó gọi là làm Pháp sư trong pháp
 16 hội thứ hai người gieo trồng thiện căn có
 17 được quả báo như vậy (trong kinh Pháp Vân
 18 ghi chép phần nhiều đồng như văn này).

19 ***11- Thiên nữ Diệu Hoa ở ngoại quốc:***

20 Xưa, ở ngoại quốc có một tháp sắt cao
 21 hơn một trượng, trong đó tôn trí các kinh
 22 Phân-đà-lợi Ca-la-sai-ma, Ma Ha Tỷ-lô-xá-
 23 na v.v... bản Phạm, mỗi kinh có đến trăm
 24 ngàn bài kệ tụng. Bấy giờ có một Thiên nữ

1 thường lúc về đêm đem các thứ hoa trời Mạn-
2 đà-la đến cúng dường tháp sắt. Có một vị Tỳ-
3 kheo du khách đến dừng nghỉ qua đêm trong
4 tháp, đến nửa đêm thấy Thiên nữ đến, bèn hỏi
5 rằng: "Người là ai?", Thiên nữ đáp rằng: "Tôi
6 là Thiên nữ Diệu Hoa ở cõi trời Đao-lợi, là
7 thị nữ của Thích Đề-hoàn Nhân". Vị Tỳ-kheo
8 ấy lại hỏi: "Có nhân duyên gì mà người đến
9 cúng dường?" Thiên nữ đáp: "Xưa tôi là một
10 kẻ bán nữ xin ăn để tự nuôi sống, ở bên cạnh
11 có cái hồ tên là Diệu Trì, giữa lúc tháng nắng
12 mùa hạ, hoa sen bốn sắc nở khắp, mọc lên
13 trong đó, các vị Bà-la-môn v.v... ở các nước
14 đua nhau đến hái hoa, lập pháp hội Liên Hoa,
15 khi đó tôi phát tâm tin nhỏ nhiệm hái hai cành
16 hoa sen trắng cúng dường các kinh Phân-đà-
17 lợi Ca v.v... ở trong tháp. Nhờ một chút thiện
18 căn ấy mà được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm
19 thị nữ của Đế Thích, vì y theo bản duyên nên
20 được gọi tên là Diệu Hoa. Muốn báo đáp
21 hồng ân của pháp báo nên tôi thường đến
22 cúng dường". Nói xong, Thiên nữ biến mất
23 không còn hiện nữa. Vị Tỳ-kheo ấy xả thí tất
24 cả y bát mua hoa cúng dường tháp và kinh

sách (rút từ yếu tập).

12- Thiên tử Bảo Anh ở cõi trời Đạo-lợi:

Xưa, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Dương, cho may năm trăm pháp y Ca-sa để cúng dường năm trăm vị A-la-hán ở trên đỉnh núi Tu-di. Vua nói với ngài Bảo Chí rằng: "Nên lên cõi trời Đạo-lợi dâng cúng pháp y của vua Võ Đế". Khi đó có một vị Thiên tử tên là Bảo Anh thân mặc y phục chuỗi châu anh lạc, vượt hơn vua trời gấp trăm vạn lần, ánh sáng chiếu soi khắp mờ các vị trời khác. Ngài Bảo Chí hỏi: "Nhờ nhân gì mà y phục anh lạc của người đặc biệt như thế?". Thiên tử Bảo Anh đáp: "Xưa tôi sinh ở nước Hoa Thị trong cõi Diêm-phù-đề, là con của một vị trưởng giả, tôi đem y phục anh lạc đang mặc để cúng dường diệu pháp, do nhân duyên ấy nên sinh trong cõi trời này có được y phục, anh lạc vượt hơn vua trời gấp trăm ngàn vạn lần". Lại có vị Thiên tử khác tên là Diệu Vân hình sắc đoan chính có trăm ngàn Thiên nữ thường luôn vây quanh. Ngài Bảo Chí hỏi về nhân duyên, liền đáp rằng:

1 "Xưa trước tôi ở tại ấp Tất-ba-la nước Ma-
2 kiệt-đà dùng hoa cúng dường diệu pháp, nên
3 được quả báo ở cõi trời như thế này! Có trăm
4 ngàn vị trời có oai đức đều do cúng dường
5 diệu pháp mà được quả báo như thế". Ngài
6 Bảo Chí trở lại nhân gian tỏ bày đầy đủ như
7 vậy.

8 ***13- Lão nữ ở huyện Trường An:***

9 Ở huyện Trường An có một lão nữ không
10 biết tên họ là gì, lão nữ ấy mù điếc câm ngọng
11 bị người rất xem thường. Bấy giờ, ở chùa lớn
12 đang giảng kinh Pháp Hoa bản mới dịch của
13 ngài La-thập, người cháu kéo tay dẫn đến
14 chùa. Lão nữ ấy tuy đến chỗ chùa lớn, vì mù
15 điếc nên không thấy không nghe, người cháu
16 bèn nắm hai tay lão nữ mà chấp lại hướng về
17 phía giảng tử. Trong tâm lão nữ vẫn còn ý
18 niệm chấp tay kính lễ. Sau đó ba tháng lão nữ
19 bỗng nhiên qua đời, người cháu muốn tổ
20 chức an táng, nhưng vì lão nữ còn chút hơi
21 ấm, nửa đêm đến canh ba bỗng nhiên mở
22 tiếng gọi người cháu, người cháu cho là yêu
23 quý, trong lòng rất khiếp sợ không dám đáp
24 lại. Đến sáng sớm thấy lão nữ ấy ngồi dậy,

1 hai mắt đều tỏ sáng, nói năng như người
2 thường, người cháu hỏi: "Quý đầu sở nào
3 đó?" Lão nữ đáp: "Tôi chẳng phải là yêu quỷ,
4 lúc mới chết, bị Minh Quan dẫn đến chỗ vua,
5 vua từ tòa xuống chấp tay hướng về tôi mà
6 nói: "Người là người có công đức lớn, vì
7 chấp tay cúng dường kinh Pháp Hoa, các
8 nghiệp chướng đều tiêu hết, các chi căn được
9 trở lại như cũ, thọ mạng hiện còn thừa, nên
10 sớm trở lại nhân gian, nói bày về công đức
11 năng lực của kinh Pháp Hoa. Tôi liền đi ra
12 được ít bước thì thần thức nhập vào bốn thân,
13 mất tai bình phục, nói năng được như thế
14 này". Trải qua nửa ngày ăn uống như thường
15 lệ, lão nữ cùng người cháu đến chùa lớn, nói
16 bày nhân duyên ấy. Mọi người thấy nghe đều
17 cảm mừng vui. Lão nữ ấy xả thí chỗ ở để
18 cúng dường kinh. Không biết đến lúc cuối
19 cùng như thế nào (rút từ Viên ký).

20 **14- Vị Ưu-bà-tắc ở huyện Giang Ninh:**

21 Ở huyện Giang Ninh có vị Ưu-bà-tắc hay
22 tin theo các thuyết Tiểu thừa, Câu-xá v.v...
23 chẳng chịu tin theo giáo pháp Đại thừa. Bấy
24 giờ huyện chủ cùng các đạo tục tạo kinh Pháp

1 Hoa bản chữ vàng đặt bày cúng dường, các
2 sĩ nữ xem thường của cải kính trọng chánh
3 pháp. Khi đó, vị Ưu-bà-tắc kính pháp Tiểu
4 thừa ấy không vui tâm ý lắm nhưng cũng
5 cúng dường cái chén để xông hương. Qua
6 bảy năm sau, không bệnh mà tự nhiên chết,
7 người này lấy làm lạ chưa vội an táng, đến
8 chiều ngày hôm sau được sống lại, buồn khóc
9 ngã xuống đất, chết ngất rồi sống lại, nói với
10 vợ rằng: "Lúc tôi mới chết, trước thấy một
11 tòa thành lớn như là thành bằng vàng, trong
12 thành có nhiều điện đường trang nghiêm kỳ
13 diệu vàng bạc trướng lớn, lưu ly lụa trắng, rất
14 đáng ưa thích, ở phía ngoài thành có nhiều
15 dãy nhà trắng nối tiếp nhau, từ trong thành có
16 một đồng tử đi ra nói với tôi rằng: "Ông là
17 người Tiểu thừa, không thể vào trong thành
18 lớn, chỉ được ở nhà trắng ngoài thành. Trong
19 thành chỉ để giành cho người Đại thừa ở mà
20 thôi". Khi đó nhìn vào trong thành thấy có
21 các cung điện phần nhiều không có người ở,
22 tôi bèn hỏi đồng tử rằng: "Vì sao cung điện
23 không có người ở". Đồng tử đáp rằng:
24 "Những người cúng dường Đại thừa ở huyện

1 Giang Ninh sẽ sinh sống trong cung điện ấy,
2 vì những người ấy còn ở nhân gian nên trong
3 cung điện này không có người ở". Khi đó tôi
4 nhớ biết xưa có cúng thí cái chén để xông
5 hương, nên nói với đồng tử rằng: "Tôi cũng
6 có cúng dường kinh Pháp Hoa, sao lại ở chỗ
7 nhà trống này?". Đồng tử bảo: "Ta cũng biết
8 việc ấy, người giúp cúng dường xông hương
9 nên được ở gần nơi thành vàng, chẳng phải
10 cúng dường trực tiếp không nên thê vào
11 thành. Nếu muốn vào thành thì sớm trở lại
12 nhân gian cúng dường diệu pháp. Nếu người
13 cúng dường kinh sách, thì sẽ sinh đến xứ
14 này". Tôi liền bái từ, sắp trở về lại hỏi đồng
15 tử rằng: "Ông là ai và xứ này tên là gì?" Đồng
16 tử đáp: "Ta là Văn-thù-sư-lợi và xứ này là thê
17 giới kim sắc, vì người có tiểu tâm nên thấy
18 thành này nhỏ hẹp, còn như các bậc đại nhân
19 thì thấy cõi này vi diệu rộng thoáng". Nói
20 xong, thành và đồng tử bỗng nhiên biến mất
21 không còn thấy nữa. Vị Ưu-bà-tắc giác ngộ
22 như mộng, bèn phát tâm dốc hết gia nghiệp
23 tạo kinh bản chữ vàng, tu hành đúng như
24 pháp mà cúng dường. Mọi người thời bây giờ

1 đều cho rằng: "Tạo kinh bản chữ vàng sẽ sinh
2 về thế giới kim sắc".

3 ***15- Thích Tăng Đạt trụ chùa Bạo Bố,***
4 ***núi Thiên Thai, đời Tùy:***

5 Thích Tăng Đạt họ Khương người xứ Đài
6 Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, giảm bỏ ăn tiết
7 chế khổ hạnh, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Vào
8 niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, Sư
9 phát nguyện ghi chép kinh Pháp Hoa, nhưng
10 chưa được cúng dường, mắc bị cơn bệnh xưa
11 phát lại nên bị chết. Do các hạnh nghiệp tạo
12 ác xưa nên thần thức dẫn đến sảnh vua Diêm-
13 la. Vua thấy Sư đến bèn đứng dậy đến nghinh
14 đón mời vào chánh điện ở trong sảnh, khi đã
15 an tọa rồi, vua mới nói rằng: "Đại sư vì hạnh
16 nghiệp tạo tác xưa nên đến chỗ tôi, nhưng vì
17 đại sư chép kinh Pháp Hoa còn chưa kịp cúng
18 dường, hãy sớm trở lại nhân gian. Lại ban xá
19 tất cả các tội nghiệp tạo tác khi xưa, đại sư sẽ
20 sinh về cảnh giới tịnh độ", nghe vua nói lời
21 ấy rồi Sư im lặng đi ra, thần thức nhập vào
22 bốn thân mà sống lại bèn trang nghiêm kinh
23 trục, cúng dường kinh điển. Sau đó không
24 biết Sư đi đến xứ nào (rút từ Tục Ký).

16- Pháp cúng dường là cao quý:

Về thuở xa xưa, khó nhận biết thời hạn, bảy giờ có Đức Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, thế giới ấy tên là Đại Thanh, kiếp đó tên là Tịnh Trừ. Đức Dược Vương Như Lai thọ hai mươi trung kiếp, các chúng Thanh văn có ba mươi sáu ức vị, các chúng Bồ-tát đại sĩ có mười hai ức vị. Vua Chuyển luân thánh vương lúc bấy giờ tên là Bảo Cái làm chủ khắp cả bốn khu vực, vua có ngàn người con. Vua cúng dường Đức Dược Vương Như Lai suốt năm trung kiếp, cùng các quyến thuộc và tất cả bố thí, phụng kính Đức Dược Vương Như Lai, qua năm trung kiếp, vua bảo ngàn người con rằng: "Ta cúng dường kính hầu Đức Như Lai, các con cũng phải thuận theo việc làm của ta". Khi đó ngàn người con đều nghe theo lời vua cha dạy bảo, lại suốt năm kiếp cúng dường Đức Dược Vương Như Lai dùng các thứ thượng diệu mà dâng cúng, chẳng trái sự an đặt. Lại thái tử thứ nhất của vua tên là Thiện Cái nhàn cư riêng một nơi vắng lặng suy nghĩ rằng: "Nay chúng ta cúng dường Đức Như Lai đâu có

1 khác hơn kia ư?". Nương theo oai thần của
2 Đức Phật nên từ giữa hư không có vị trời đến
3 nói với Thiện Cái rằng: "Dòng họ người há
4 muốn biết ư? Có pháp cúng dường tối tôn
5 không cùng cực". Thiện Cái lại hỏi rằng:
6 "Thế nào gọi là Pháp cúng dường?" Vị trời
7 bảo: "Người nên đến hỏi Đức Dược Vương
8 Như Lai, ngài sẽ khắp vì các người mà giảng
9 nói phân biệt rõ ràng". Thiện Cái liền đứng
10 dậy đến chỗ Đức Dược Vương Như Lai, cúi
11 đầu thỉnh lễ sát đất, bạch cùng Đức Dược
12 Vương Như Lai rằng: "Pháp cúng dường
13 kính thuận phép tắc là như thế nào?". Đức
14 Dược Vương Như Lai dạy rằng: "Pháp cúng
15 dường là thuận theo kinh điển do Đức Như
16 Lai giảng nói mà khai hóa tất cả, đó nghĩa là
17 cúng dường pháp". Vương tử Thiện Cái từ
18 Đức Dược Vương Như Lai nghe được pháp
19 cúng dường, liền chứng được nhu thuận pháp
20 nhẫn, bèn xuất gia tu đạo chứng đắc các thần
21 thông.

22 Phật dạy: "Vua Bảo Cái thời bấy giờ đâu
23 phải người nào lạ, mà chính là Đức Phật Bảo
24 Đăng Như Lai hiện nay. Ngàn người con của

1 vua lúc bấy giờ tức ngàn Đức Phật trong Hiền
2 kiếp này. Thái tử Thiện Cái tức nay con ta, là
3 Thích-ca Mâu-ni đây vậy, cho nên phải biết
4 trong các thứ cúng dường không gì hơn cúng
5 dường pháp. Chư Phật ở quá khứ ở vị lai và
6 hiện tại đều từ đó mà lưu xuất. Muốn được
7 cúng dường chư Phật ở mười phương, thì
8 phải thọ học kinh Pháp Hoa, hành trì đọc
9 tụng, giảng nói tất cả, phân biệt giáo nghĩa
10 nhất thừa, không có ba thừa". Nên có lời tụng
11 rằng: "Nếu có người muốn cúng dường thì
12 phải thọ trì kinh chánh Pháp Hoa này" (rút từ
13 kinh Pháp Hoa). Lại như Hoa Thủ có bài kệ
14 tụng rằng: "Nếu người dùng các thứ hoa,
15 hương xoa, y phục và thuốc thang để cúng
16 dường Phật thì đó chẳng phải chân thật cúng
17 dường, mà đối với pháp vi diệu của Đức Như
18 Lai ngồi nơi đạo tràng đã chứng đắc, người
19 nào có thể tu hành mới là chân thật cúng
20 dường. Nên biết cúng dường kinh Pháp Hoa
21 là cúng dường hơn hết mà thôi.

22 ***17- Tỳ-kheo Vô Hành:***

23 Xưa kia tại ngoại quốc có một vị Tỳ-kheo
24 tên là Vô Hành thường tu pháp cúng dường,

1 nghĩa là đối với các kinh do Phật giảng nói
2 như Diệu pháp Liên Hoa v.v... tất cả trong
3 đời khó tin khó hiểu khó nhận thọ khó thấy
4 nghe mà có thể tin, có thể hiểu, thọ trì đọc
5 tụng, dùng năng lực phương tiện vì các
6 chúng sinh phân biệt giải thích nêu bày rõ
7 ràng, giữ gìn pháp tạng, đó gọi là cúng dường
8 pháp, người tu hành được cúng dường pháp
9 thì chư Phật ở mười phương như muôn vì sao
10 mà hiện, khác miệng đồng lời nói kệ tụng
11 rằng:

12 *"Dù cho dùng vô lượng vật báu*
13 *Cúng dường chư Phật khắp mười*
14 *phương*
15 *Chẳng bằng với một kệ Pháp Hoa*
16 *Thọ trì đọc tụng được thành Phật.*
17 *Giả sử cùng khắp cõi đại thiên*
18 *Đoạn hết căn lành, còn chút đạo*
19 *Nếu nghe một câu kệ Pháp Hoa*
20 *Công đức vun tâm chóng thành*
21 *Phật".*

22 Tỳ-kheo Vô Hành nghe chư Phật nói kệ
23 tụng ấy rồi, bèn vào sâu Pháp nhẫn vô sinh.
24 Đó là lợi ích của cúng dường pháp (rút từ sự

ghi chép của Thiền sư Giác).

Tất cả trên đây y cứ theo các truyện ký của Tây Vực và mọi sự thấy nghe rồi ghi chép lại của các bậc hiền thánh ở xứ này (Trung Hoa), tôi (Tăng Tường) rút lấy nội dung chính mà ghi. Trong đây hoặc có tương truyền mà không vốn có văn bản, hoặc thấy nghe gần gũi mà tôi tự ghi chép mới. Tuy sợ bản ghi chép này có sự vừa hư vừa thật, nhưng ý tôi muốn khuyên người sau kính tin.

*"Đã nương bản cũ và miệng truyền
Đích thân nghe thấy lược soạn ghi
Lời hay lời dở quy trung đạo
Thấy nghe đều chứng Vô sinh
nhân".*

Ngài Tăng Tường ở thời Tiền Đường, không biết Sư họ gì. Sư là người đạt thức nghe rộng mà ghi chép lại những sự ứng nghiệm về kinh Pháp Hoa để khuyên dụ các người ngu mê mờ tối, đặc biệt ghi chép các khoa mục biên xuất truyền dịch v.v... bao gồm suốt cả đầu đuôi của một dòng Pháp

1 Hoa, thật là vô cùng kỳ diệu nên truyền bá
2 lớn mạnh ở đời, làm vốn liếng cho người bàn
3 nói. Nhưng chuyện chép có sai lầm là điều k
4 tránh khỏi Tôi thường bày đọc sử truyện của
5 chư tăng và các kinh lục v.v... bỗng thấy có
6 bản ký truyện ký này, càng xét càng chất thật,
7 nên liền bảo các người thợ khắc bản gỗ,
8 mong người học chớ nghi ngờ.

9 Ngày rằm tháng ba, năm Canh Tý thuộc
10 niên hiệu Khánh Trường. Sa-môn Thích
11 Viên Trí kính tin tại Lạc dương.

12
13 TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA
14 (TRỌN BỘ)



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10
11

12 TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ
13 TÔNG THIÊN THAI
14 SỐ 2069
15
16
17
18
19

20 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
21 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2069

TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ
TÔNG THIÊN THAI

Sa-môn Sĩ Hành kinh biên tại Vân Giang.

LỜI TỰA

Trong tông Thiên thai, có chín đời Tổ sư sinh ra ở hai xứ Ấn Độ và Trung Hoa, trước sau xuất hiện cách nhau khá xa, nên những sự cảm ứng để lại dấu vết rải rác trong các kinh truyện, nếu chẳng xem rộng thì không thể biết rõ được. Những người gom đôi với công đức của Tổ sư ít lòng biết về lý do, bởi vậy các bậc tiên Nho có nói rằng: Đôi với tổ tiên không tốt đẹp mà ngợi khen, đó là lừa dối. Còn có tốt đẹp mà không biết tức là không sáng suốt biết mà chẳng truyền bá tức là không có lòng nhân. Với ba điều trên là sự đáng hổ thẹn của người quân tử, huống chi

đổi với người của giáo học ư? Tôi là kẻ hậu học ngu muội cũng muốn tránh khỏi khuyết điểm chẳng lưu truyền, nên kính cẩn sưu tìm ở các kinh sách, ghi chép đầy đủ như ở sau để tặng cho các bậc hậu hiền, ngõ hầu ngợi khen khôn cùng, làm chỗ nương cậy để tiến thân chứ không phải là thứ vô bổ.

Ngày rằm tháng chạp, đổi niên hiệu Gia Định năm thứ nhất (1208) đời Nam Tống, ngụ tại hiên Trúc Phong Ngưng Thúy, kính ghi lời tựa.

1. Sơ tổ Bồ-tát Long Thọ.

2. Tổ sư Tôn giả Bắc Tề.

3. Tổ sư Tôn giả Nam Nhạc.

4. Tổ sư Đại sư Trí Giả giáo chủ núi Thiên thai.

5. Tổ sư Tôn giả Chương An.

6. Tổ sư Tôn giả Pháp Hoa.

7. Tổ sư Tôn giả Thiên Cung.

8. Tổ sư Tôn giả Tả Khê.

9. Tổ sư Tôn giả Kinh Khê.

1. SƠ TỔ BỒ TÁT LONG THỌ

Bồ-tát Long Thọ là người dòng Phạm chí, con nhà rất giàu có, người ở nước Nam Thiên Trúc. Sinh ở dưới gốc cây, do rồng mà thành đạo nên gọi ngài là Long Thọ. Tuy còn nhỏ nhưng ngài rất thông minh thấu suốt, tài học vượt trội người đời. Khi đang còn ẵmẵ, nghe các vị Phạm chí đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, mỗi bộ có bốn mươi ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có bốn mươi hai chữ, ngài đều tụng thuộc văn kệ ấy lại lãnh hội được yếu nghĩa.

Đến năm hai mươi tuổi, tiếng tăm ngài vang khắp gần xa, riêng một mình ngài rảo bước khắp các nước. Với các tài năng nghệ thuật về thế học như thiên văn, địa lý, đồ vĩ, bí sấm, cho đến các thứ đạo thuật khác, ngài đều luyện cả. Ngài kết bạn với ba người khác đều là những vị tài giỏi ở đương thời.

Một hôm, ngài cùng nhau bàn với họ rằng: Các thứ nghĩa lý trong thiên hạ có thể dùng để khai thân minh ngộ u chỉ, mà chúng ta đều thấu đạt cùng tận, lại phải nên dùng

1 các phương cách gì để tự vui? Chỉ có đuổi
2 tìm sắc đẹp tưng tình cực dục ấy há chẳng
3 phải vui thú ư?.

4 Nhưng thế của các Phạm chí chẳng như
5 vương công, làm sao có được, nên phải cầu
6 học thuật ẩn thân, thì vui thú ấy có thể có
7 được cả bốn người nhìn nhau, tỏ vẻ đồng ý,
8 nên đồng đến thuật gia cầu học pháp ẩn thân.
9 Thuật sư nghĩ rằng: Bốn Phạm chí này đều là
10 những vị nổi tiếng ở đời, xem chúng sinh chỉ
11 như rơm cỏ, nay chỉ vì thuật ấy mà chịu khuất
12 phục tìm đến chỗ ta, những người ấy là tài
13 minh tuyệt thế, điều họ không biết chỉ có
14 pháp hèn này. Nếu ta trao cho phương thức
15 ấy thì vĩnh viễn bị mất, thà nên trao cho họ
16 thuốc, khiến không nhận biết, khi thuốc hết
17 thì họ sẽ trở lại chỗ ta, hoà toàn tôn kính ta là
18 thầy. Và liền trao cho mỗi vị một viên thuốc
19 màu xanh, đồng thời bảo rằng: Các người về
20 ở chỗ vắng lặng dùng nước để mài thuốc này
21 rồi bôi lên mắt, nghiệm hình sẽ tự ẩn.

22 Khi mài thuốc, ngai nghe có mùi thơm
23 nên biết hết tên của loại thuốc ấy, phân số ít
24 nhiều, cân lượng không sai sót, ngai trở lại

1 nhà thuật sư, trình bày đủ thuốc ấy có tất cả
2 bảy mươi thứ hợp lại, tên chỉ lượng số đều
3 đúng phương thức ấy.

4 Thuật sư kinh hãi hỏi: Làm sao ông biết
5 thế?.

6 Ngài đáp: Thuốc có phần hơi sao không
7 biết được.

8 Thuật sư liền thán phục, liền nói rằng:
9 Với những người này, nghe tên còn khó,
10 huống chi ta đây gần gũi gặp được mà lại tiếc
11 phương thuật ấy.

12 Bèn đem pháp thuật ấy mà bày cho cả bốn
13 người.

14 Khi đã được thuật ẩn thân, đi khắp nơi tự
15 tại, bốn vị vào trong cung, các mỹ nữ trong
16 cung đều bị lấn hiếp, trong vòng trăm ngày
17 sau, có nhiều mỹ nữ mang thai, đem việc ấy
18 tấu trình lên vua, vua chẳng vui lòng bảo
19 rằng: Đó là điềm không tốt và liền vời các
20 quần thần tài trí lại để hỏi nguyên do. Có một
21 quần thần tâu vua rằng: Với việc ấy không
22 ngoài hai thứ: Một là yêu quỷ và hai là pháp
23 thuật. Nên dùng đất nhỏ mịn rải đặt trong các
24 cửa, bảo người canh giữ cấm dứt người vào

1 ra. Nếu là do về phương thuật thì dấu chân sẽ
2 tự hiện, còn nếu do quỷ mỵ thì phải không có
3 dấu vết, nếu người thì dùng binh lính để trừ,
4 còn quỷ thì sẽ dùng chú để diệt. Vua bèn
5 dùng theo kế sách ấy, chuẩn bị đầy đủ các
6 pháp thức. Thấy có dấu chân bốn người, liền
7 đóng các cửa ra vào, cho mấy trăm lực sĩ cầm
8 da đánh không giữa hư không, chém rơi đầu
9 ba người, gần chung quanh vua cách khoảng
10 bảy bước là nơi dao không đến, chỉ có mình
11 ngài giấu thân lắng hơi tiếng nương tựa chỗ
12 vua đứng, nên không bị chém. Nhân lúc đó,
13 ngài mới tỏ ngộ đục là gốc khổ, nên sinh khởi
14 tâm nhằm chán đục, phát nguyện muốn xuất
15 gia, ngài thầm nghĩ: Nếu ta được thoát thì sẽ
16 đến các vị Sa-môn xin xuất gia.

17 Thế rồi, được thoát khỏi, ngài vào núi đến
18 ngôi tháp Phật v.v..., xuất gia thọ giới. Qua
19 chín mươi ngày đọc tụng hết ba tạng, thông
20 rành các nghĩa sâu mầu, lại tìm cầu kinh điển
21 khác hoàn toàn không có được. Ngài bèn
22 theo hướng đến Tuyết sơn gặp được một vị
23 Tỳ-kheo trao truyền cho ngài giáo điển Đại
24 thừa, ngài đọc tụng cảm thấy vui thích, tuy

1 thấu đạt thật nghĩa mà chưa được chứng đạo,
2 biện tài vô tận luận bàn khéo léo, nên các dị
3 học ngoại đạo, nghĩa sĩ Sa-môn đều kính
4 phục cầu thỉnh ngài làm bậc thầy mẫu mực,
5 ngài liền tự cho rằng: Ta là người đạt được
6 Nhất thiết trí, nên sinh tâm kiêu mạn tự suy
7 nghĩ rằng: Các pháp trong thế giới, bên bờ có
8 vô lượng, kinh Phật tuy huyền diệu nhưng
9 câu nghĩa chưa hết, nay ta lại phải giảng nói
10 để khai ngộ cho người học sau, nghĩ như thế
11 rồi, ngài liền muốn thực hành, lập thầy dạy
12 giới, lại tạo y phục khiến hợp với Phật pháp,
13 mà ít có khác nhau, muốn trừ các tình chấp,
14 nêu bày không thọ học, lựa chọn ngày tốt bèn
15 muốn thực hành, ngài ở tịnh thất riêng đất
16 phòng thủy tinh.

17 Khi đó, Bồ-tát Đại Long thương xót ngài
18 như thế, liền dùng thần lực, tiếp đưa ngài ra
19 biển lớn, đến cung điện đó, mở bảy hộp báu,
20 đem các kinh điển phương đẳng sâu mầu diệu
21 pháp vô thượng mà trao cho ngài. Ngài mở
22 ra đọc xem suốt trong chín mươi ngày, thông
23 hiểu rất nhiều, tâm ngài thâm nhập rõ được
24 thật lợi, Đại Long biết tâm ngài như thế bèn

1 hỏi: Xem kinh đã cùng khắp chưa?. Ngài
2 đáp: Kinh của người thật nhiều vô lượng,
3 không thể xem đọc hết được, với các kinh mà
4 tôi đã đọc đủ gấp bội mười lần so với ở Diêm-
5 phù-đề. Đại Long nói rằng: Trên cõi trời
6 Đạo-lợi có các kinh điển nhiều gấp bội so với
7 nơi đây, hơn cả trăm ngàn vạn lần, các nơi có
8 kinh điển ấy thật không thể nêu số. Ngài đã
9 được các kinh, bỗng nhiên thông đạt, khéo
10 thấu hiểu nhất tướng, thâm nhập Vô sinh
11 pháp nhẫn đầy đủ, Đại Long biết ngài ngộ
12 đạo nên lại đưa ngài ra ngoài cung.

13 Bấy giờ, vua nước Nam Thiên Trúc sinh
14 đại tà kiến, phụng thờ ngoại đạo, phỉ báng
15 chánh pháp, ngài vì muốn cảm hóa vua, nên
16 tự thân cầm cờ hiệu màu đỏ đi lại trước mặt
17 vua, trải qua bảy năm, vua mới lấy làm lạ hỏi:
18 Người là ai mà đi lại trước mặt ta thế?.

19 Ngài đáp: Ta là người Nhất thiết trí.

20 Vua nghe thế rồi, rất lấy làm kinh ngạc,
21 bèn hỏi ngài rằng: Người Nhất thiết trí rất ít
22 có, người nay tự nói như vậy, lấy gì làm tin?.

23 Ngài đáp: Nếu vua muốn biết thì nên thưa
24 hỏi.

1 Vua liền nghĩ: Ta là trí chủ đại luận nghị
2 sư, hỏi đó sẽ bị khuất phục, chưa đủ lấy làm
3 lạ, nếu chẳng như thế thì đây chẳng phải việc
4 nhỏ nên im lặng chẳng hỏi, bèn chịu đợi nghị
5 ngờ, giây lâu cúi ngửa hỏi rằng: Ngày nay
6 trời làm việc gì?.

7 Ngài đáp: Ngày nay trời đang chiến đấu
8 với A-tu-la vua đã nghe nói thế, thì như
9 người âm thầm đã chẳng thể nhả lại chẳng
10 thể nuốt, muốn chẳng nói thế không lấy gì
11 làm chứng, muốn là việc ấy thật không lấy gì
12 làm rõ, phỏng bàn trong giây lát ngài lại hỏi
13 rằng: Đây chẳng phải là hư luận, vua hãy đợi
14 trong giây lát sẽ có ứng nghiệm.

15 Ngài nói vừa xong bỗng nhiên giữa hư
16 không các thứ đao kiếm giáo mác lần lượt rơi
17 xuống.

18 Vua bảo: Giáo mác mâu thuẫn tuy là các
19 khí cụ chiến đấu, nhưng làm sao biết là trời
20 và A-tu-la đánh nhau?.

21 Ngài đáp: Vua cho đó là lời nói hư dối,
22 chẳng như nghiệm đó lấy làm thật.

23 Ngài nói vừa xong, tai mũi của A-tu-la từ
24 giữa hư không lại rơi xuống, lại khiến cho

1 vua tôi v.v... cùng thấy giữa hư không hai
2 trận đối nhau. Vua mới cúi đầu nhận chịu
3 ngài giáo hóa, trên điện có vạn vị Bà-la-môn
4 do đó mà xin xuất gia.

5 Bảy giờ, ở nước ấy mở mang Phật pháp
6 lớn mạnh, ngài soạn luận Ưu-ba-đề-xá có
7 hơn mười ngàn kệ tụng, luận Trang Nghiêm
8 Phật Đạo, luận Đại Bi Phương Tiện v.v... các
9 luận như thế mỗi bộ có năm ngàn bài kệ, giúp
10 cho giáo nghĩa Đại thừa mở mang truyền bá
11 hưng thịnh tại Thiên Trúc. Ngài soạn luận
12 Vô Úy có mười vạn bài kệ, luận Trung Quán
13 sát từ trong bộ luận Vô Úy có đến năm trăm
14 bài kệ.

15 Lúc đó, có một vị Bà-la-môn giỏi về chú
16 thuật, muốn đem tài năng của mình sánh với
17 ngài, tranh giành thắng thua nên tâu với vua
18 ấy rằng: Tôi có khả năng nhiếp phục Tỳ-kheo
19 ấy.

20 Vua bảo: Người rất ngu si, Bồ-tát đó sáng
21 suốt đồng như nhật nguyệt, trí tuệ ngang
22 bằng các Thánh, nay ngươi là thứ ngu ngốc
23 hèn kém, làm sao có thể sánh cùng?.

24 Bà-la-môn ấy nói: Đại vương là người trí,

1 nên dùng lý để xem xét, vì sao đại vương vừa
2 thấy nghịch đã xem thường.

3 Nghe lời nói ấy, vua bèn thỉnh ngài, vào
4 một buổi sáng đồng nhóm họp tại điện Chánh
5 đức. Khi đó, vị Bà-la-môn ấy liền ở trước
6 điện chú thuật ra chiếc hồ lớn, rộng dài trong
7 sạch. Trong hồ mọc lên hoa sen ngàn cánh,
8 vị Bà-la-môn ấy tự lên ngôi trên hoa, bảo với
9 ngài rằng: Người đang ở tại chỗ đất đồng loại
10 với súc sinh, ta ở trên hoa trí tuệ thanh tịnh,
11 người sao dám chống lời luận nghị với ta?.
12 Khi đó ngài cũng dùng chú thuật làm thành
13 một con voi trắng, voi có sáu ngà đi trên hồ
14 nước hướng đến chỗ tòa hoa dùng vòi quần
15 lấy nhổ đưa lên cao rồi ném xuống đất. Lúc
16 đó, vị Bà-la-môn ấy bị tổn thương ở vai lưng,
17 vô cùng khôn đồn, bèn liền khuất phục, quy
18 mạng hướng về ngài thưa rằng: Do vì ngu si,
19 con phạm nghịch với Đại sư, xin Đại sư
20 thương xót cho phép con sám hối lỗi lầm!.
21 Ngài bèn xót thương mà độ cho xuất gia.

22 Bấy giờ, lại có một vị Pháp sư Tiểu thừa,
23 thấy ngài cao minh như thế thường có tâm
24 tức giận ganh ghét, Sư rất biết rõ điều đó và

1 với việc đáng làm đã làm, hóa duyên đã mãn,
2 sắp muốn tịch diệt, do đó ngài hỏi Luận sư
3 Tiểu thừa ấy rằng: Nay người muốn ta ở lâu
4 trên đời này chăng?.

5 Luận sư đáp: Nhân giả thật chẳng mong
6 vậy.

7 Khi đó ngài liền vào tỉnh thất, qua hôm
8 sau ngài chẳng ra, các đệ tử ngài đều nghi
9 ngờ nên đẩy cửa vào xem, bèn thấy ngài đã
10 thị tịch. Các nước ở Thiên Trúc đều xây tháp
11 thờ, cúng dường các thứ, tôn kính như Phật.
12 Dưới cây nơi thân mẫu sinh ngài, nhân tên
13 chữ là A-chu-đà-na, A-chu-đà-na là tên của
14 chữ Long (rồng). Vì vậy xưng hiệu ngài là
15 Long Thọ. Nhân nhờ bột bánh thuốc tiên,
16 ngài sống lâu ở đời hơn ba trăm năm, gánh
17 vác Phật pháp, số người ngài đã hóa độ nhiều
18 không thể xưng kể tính lường.

19 Như trong truyện Phú Pháp tạng, kinh
20 nhập Lăng-già quyển sáu nói: Nay Đại Tuệ!
21 Ông nên biết sau khi Đức Như Lai diệt độ ở
22 đời sau sẽ có người và pháp của ta là Tỳ-kheo
23 đại danh đức ở nước Nam Thiên Trúc, hiệu
24 là Long Thọ, có khả năng phá dẹp các tông

1 hữu vô, ở trong thế gian hiển bày pháp Đại
 2 thừa vô thượng của ta, chứng đắc quả vị Sơ
 3 hoan hỷ địa, sau khi thị tịch sẽ vãng sinh về
 4 nước Cực lạc. Đó là lời từ Kim Khẩu Đức
 5 Phật huyền ký.

6 **2. TỔ SƯ TÔN GIẢ BẮC TÈ .**

7 Tôn giả Bắc Tề, húy là Tuệ Văn (đức
 8 hạnh chưa thấy ở bản truyện). Dưới thời vua
 9 Cao Tổ (Văn Tuyên Đế, Cao Dương 550-
 10 560) thời Bắc Tề ngài riêng bước hoàng hóa
 11 khắp xứ Giang Hoài, pháp môn của ngài
 12 chẳng phải chỗ biết của thế gian, giẫm đất đội
 13 trời chẳng biết cao dày. Ngài dụng tâm mỗi
 14 việc đều y cứ theo thích luận. Thích luận do
 15 Bồ-tát Long Thọ giảng nói, y theo Phú Pháp
 16 tạng thì Bồ-tát Long Thọ là vị Tổ sư thứ
 17 mười ba được truyền thừa từ kim khẩu của
 18 Đức Thích Tôn, ngài hăng hái tiếp thừa bầm
 19 thọ lấy làm thầy. Nên Hàn Lâm Lương Tiêu
 20 nói rằng: Từ khi đức đại hùng Thế Tôn diệt
 21 độ, đường học phân phái riêng biệt, ở đời đã
 22 suy sụp, giáo pháp cũng bị lấn lướt, nên đại
 23 sĩ Long Thọ vì khổ bệnh ấy bèn dùng phương

1 tiện lược chế các ngoại đạo, mới bao gồm cả
2 mười hai phần loại bộ kinh mà phát minh ra
3 tông cực. Giáo pháp truyền bá đến phương
4 Đông, thiền sư Bắc Tề chúng ta có được, y
5 theo văn tự mà vào pháp môn không hai, lấy
6 đó mà truyền trao cho Nam Nhạc. Lời ấy đã
7 hết, những người học sau tôn kính, chẳng
8 dám gọi thẳng tên húy của ngài mà chỉ gọi là
9 Tôn giả Bắc Tề.

11 **3. TỔ SƯ TÔN GIẢ NAM NHẠC:**

12 Tôn giả Nam Nhạc, húy là Tuệ Tư, họ Lý,
13 người xứ Võ Tân. Thuở thiếu thời tâm tánh
14 Sư rất khoan từ, trên đánh đầu có nổi nhục
15 kế, tai có hai vòng, ngài nhìn như voi, bước
16 đi như trâu, tướng trạng đường vệ trang
17 nghiêm khác với người đời. Ngài thường
18 mộng thấy có vị tăng Ấn Độ khuyên bảo nên
19 xuất tục, ngài giật mình tỏ ngộ điềm lành ấy,
20 bèn già từ thân thích mà nhập đạo, kính
21 phụng giữ gìn phạm hạnh trình thuần thanh
22 khiết. Đến lúc thọ giới cụ túc, mỗi ngày ngài
23 chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng thí riêng.

1 Ngài lại nung nấu nơi sâu xa vắng lặng, dứt
2 hết mọi sự nghiêng tiếp. Ngài trì tụng các kinh
3 Pháp Hoa v.v... chỗ ngài đến ở là một am
4 nhỏ bị người đốt cháy, tùy theo đó liền bày
5 rõ bệnh dịch, chỉ thành câu xin sám hối, lại
6 xây dựng am thất mới, ngài trì kinh như cũ,
7 bệnh ấy trở lại bình phục. Ngài bèn cảm
8 mộng có mấy trăm vị Tăng Ấn Độ hình
9 tướng cao lớn, cầu thỉnh sư tăng, thêm tác
10 pháp yết ma, thành tựu giới cụ túc, đến lúc
11 thức giấc ngài mới biết là được thọ giới trong
12 mộng.

13 Ngài siêng năng càng sâu, sớm tối không
14 phế bỏ, lại cảm mộng Bồ-tát Di-lặc cùng các
15 quyền thuộc đồng hội Long Hoa. Tâm ngài
16 tự nghĩ: Ta ở trong thời mạt pháp của Đức
17 Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì kinh Pháp Hoa,
18 nên nay gặp được Đức Từ Tôn. Ngài cảm
19 thương buồn khóc bỗng nhiên giác ngộ. Ngài
20 lại càng tinh tấn, điềm linh ứng hiện càng
21 nhiều, cúng dường mọi thứ nghiêm bị, như
22 có đồng tử cõi trời theo hầu hạ giữ gìn. Nhân
23 đọc kinh Diệu Thắng Định, tán thán công đức
24 của thiên pháp, ngài bèn phát tâm tu định.

1 Bấy giờ, Thiền sư Bắc Tề (Tuệ Văn) đang
2 nhóm chúng có đến mấy trăm, các pháp đều
3 thanh tịnh nghiêm túc, các đạo tục đều cao
4 thượng. Ngài bèn đến đó quy y, nương theo
5 thọ học chánh pháp, tâm tánh ưa thích khổ
6 tiết, chăm lo làm mọi việc của chúng tăng,
7 cúng dường suốt mùa hạ. Năm sau, ngài buộc
8 tâm ngồi thẳng, kết thất ý niệm ngay trước
9 mới qua hai mươi một ngày, phát ít tỉnh quán,
10 ngài thấy nghiệp tướng thiện ác trong một
11 đời, ngài lại càng dũng mãnh gấp bội, bèn
12 động cả tám góc, phát gốc Sơ thiền, thiền
13 chướng bỗng sinh khởi cả chân tay đều rũ
14 rượi, không thể bước đi thân chẳng theo tâm.
15 Ngài liền tự quán sát: Nay ta bị bệnh đều từ
16 nghiệp sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn
17 không do ngoại cảnh, trái lại thấy nguồn tâm,
18 nghiệp chẳng khổ được, thân thể như bóng
19 mây, cùng có một thể không. Quán như thế
20 rồi, các tướng điên đảo trong ngài đều diệt,
21 tâm trách thanh tịnh mọi đau khổ đều hết.
22 Ngài lại phát tu không định, tâm cảnh đều
23 rỗng rang, đến cuối hạ tự tứ, ngài bùi ngùi
24 không chỗ đạt, tự thương mình hôn trầm,

1 sống một đời luống qua, lại nghĩ nhớ mà hồ
2 then, bèn buông thân mình nghiêng tựa vào
3 vách tường, lưng chưa đến nơi, bỗng nhiên
4 khai ngộ. Với các pháp môn Tam-muội Pháp
5 hoa, pháp môn Đại thừa, nhất niệm minh đạt,
6 mười sáu pháp đặc thắng, bối xả từ từ vào,
7 ngài tự thông đạt thấu suốt, chẳng do người
8 khác khai ngộ, nghiên cứu tinh luyện càng
9 lâu, các pháp quán trước càng tăng.

10 Tiếng tăm và đạo hạnh ngài vang xa,
11 người bốn phương đều kính chuộng đức ngài,
12 học chúng ngày một đông, cơ ngộ thật nhiều,
13 ngài liền dùng các pháp định tuệ v.v... đối
14 với Đại thừa, Tiểu thừa giảng nói dẫn dắt,
15 dùng để nhiếp hóa chính mình và người.
16 Chúng xen lẫn vừa tinh lẫn thô, nên mọi điều
17 thị phi (phải quấy) thì đó sinh khởi, ganh ghét
18 trăm độc, độc chẳng thể làm thương tổn, các
19 dị đạo lại bày mưu, mưu không thể hại, ngài
20 mới nhìn đến đồ chúng mà bảo rằng: Xưa kia
21 Đức Đại Thánh khi còn tại thế cũng chẳng
22 tránh khỏi những lời gièm pha không căn cứ,
23 huống chi tôi đây là kẻ vô đức làm sao tránh
24 khỏi nợ ấy, nợ là do tạo tác từ đời trước, khi

1 thời cơ đã đến thì phải nhận chịu, đó chỉ là
2 việc riêng, nhưng với Phật pháp của chúng ta
3 không bao lâu nữa cũng sẽ bị diệt. Ta phải
4 đến phương nào để trốn lánh nạn này!. Khi
5 đó, giữa hư không có tiếng bảo rằng: Nếu
6 muốn tu định thì nên sinh Nam Nhạc ở Võ
7 Đang, đó là núi Nhập Đạo!

8 Khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời
9 Bắc Tề, ngài bỏ xứ Cao Dương ấy, dẫn đồ
10 chúng đi về hướng Nam, mới đầu vừa đến
11 Quang Châu, gặp lúc Lương Hiếu Nguyên
12 sụp đổ nước loạn, đường trước bị nghẽn tắt,
13 ngài tạm dừng ở núi Đại Tô, trải qua thời gian
14 mấy năm, mọi người về nương theo đông
15 như chợ. Ngài thường răn dạy đồ chúng rằng:
16 Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ
17 nên hướng tìm cầu ngay chính mình, chẳng
18 theo tìm ở nơi khác, tìm cầu cũng không
19 được, dầu có được cũng chẳng chân thật. Do
20 đó, ngài đem vốn sự đề cúng, dùng lý vị để
21 dạy răn, chỉ muốn các học giả tỏ ngộ tự bản
22 tâm họ. Do đó, ngài lấy mọi thứ phước thí
23 của các đạo tục mà tu tạo kinh Bát-nhã và
24 kinh Pháp Hoa đều là bản chữ vàng, lấy lưu

1 ly làm hộp báu. Đại chúng thỉnh cầu ngài
2 giảng hai bộ kinh ấy, liền đó ngài nêu bày
3 huyền tự, tùy theo văn đến hết, không gì
4 chẳng phải sâu mầu. Về sau, ngài nhờ một vị
5 Đại sư thay thế ngài giảng kinh bản chữ vàng,
6 đến chỗ: Nhất tâm gồm đủ cả muôn hạnh.
7 Đại sư như có điều nghi ngờ, ngài liền bảo:
8 Chỗ nghi ngờ của người tức là theo thứ lớp
9 trong đại phẩm, chưa phải là diệu chỉ của
10 Pháp Hoa viên đốn, xưa tôi nhất tâm chóng
11 phát các pháp. Tôi đã thật sự thân chứng nên
12 chẳng nhọc đặt đề nghi nan. Đại sư ấy bèn
13 hỏi thọ học Pháp Hoa hành pháp hai mươi
14 một cảnh giới, và lãnh ngộ được huyền chỉ,
15 lại hỏi về địa vị ngài đã chứng đắc có phải là
16 Thập địa chẳng. Ngài đáp: Không phải, tôi
17 mới chỉ là ngôi vị Thiết luân ở thập tín.
18 Nhưng ngài nói khiêm nhường, khó thấy
19 được lẽ thật, bản tích chẳng rõ ràng. Về sau,
20 ở núi Đại Tô có nạn tệ hại nên đốt lửa canh
21 phòng, đồ chúng ở núi bàng hoàng chẳng an,
22 ngài bèn dẫn hơn bốn mươi người đi thẳng
23 đến Nam Nhạc. Lúc đó là ngày 23 tháng 06
24 năm Mậu Tý (568) tức niên hiệu Quang Thái

1 thứ hai đời Trần.

2 Khi đã đến đó, Sư bảo rằng: Tôi nương ở
3 đây chỉ đủ mười năm thôi. Trước kia dưới
4 thời Nam Lương có Sa-môn Tuệ Hải ở chùa
5 Hành Nhạc, đến lúc thấy ngài đến, ngài Tuệ
6 Hải vui mừng như đã quen biết từ xưa, bèn
7 đem chùa dâng cúng, thỉnh ở đó, còn ngài
8 Tuệ Hải dời đến ở nơi khác. Ngài lại dời đồ
9 chúng rộng lớn, linh tích buồn lạ, nói đủ như
10 trong biệt ký. Ngài thường nói: Đời trước tôi
11 từng ở tại xứ này. Nhân đi đến trên đỉnh núi,
12 chậm rãi dừng ở nơi rừng suối. Tại đó yên
13 tĩnh, ngài như có điều nhớ lại. Bỗng chốc,
14 ngài chỉ về phía đỉnh núi thông và bảo: Thân
15 trước của tôi ở đây nhập định, giặc đến chém
16 đầu tôi. Đại chúng cùng nhau đào bới quả
17 nhiên có được hài cốt, và đúng thật là không
18 có đầu. Nay gọi đó là đỉnh núi Nhất sinh.
19 Ngài lại chỉ vào tảng đá và bảo: Dưới đây
20 cũng có hài cốt đời trước của tôi. Đại chúng
21 giật tảng đá lên để xem xét, quả nhiên có
22 được hài cốt màu hồng trắng nối liền nhau
23 như móc xích, tức lấy nhiều đá ở đó chất lên
24 chôn vui hài cốt cao lên trên đỉnh làm tháp

1 Nhị Sinh (đời thứ hai). Ngài bồi hồi, đi thẳng
2 lên theo hướng Đông, thấy một cửa đá sâu
3 thăm. Ngài bảo: Cửa sâu Linh nham này, nếu
4 người nào đi qua sẽ tăng thêm Đạo lực. Đó là
5 một ngôi chùa xưa, trước kia tôi cũng có
6 nường nấu ở đây. Do đó, dùng búa đập vào
7 chỗ kín, quả nhiên có được các thứ khí mãnh
8 vật dụng của chúng Tăng, đường vũ tằng lớp,
9 nền móng xây dựng bằng gạch, đất ở đó cao
10 thoáng, đến chỗ diêm tin của Đại nhạc. Khi
11 đó, ngài bèn dựng lập đài, vì đại chúng mà
12 giảng nói kinh Bát-nhã. Do đó gọi là Tam
13 Sinh tạng. Mọi sự ứng nghiệm chẳng phải chỉ
14 một.

15 Những vị Thạc học đời Trần đều quy tông
16 về ngài. Bấy giờ có dị Đạo có tâm ganh ghét,
17 ngầm báo với Trần, vu cáo cho ngài là vị
18 Tăng người đất Bắc ngầm nhận bằng khoán
19 của nhà Bắc Tề nên đào bới phá dứt tim Nam
20 Nhạc. Vua ban sắc sai sứ đến núi, thấy hai
21 con hổ tức giận gầm gừ nên kinh sợ mà rút
22 lui. Vài ngày sau lại đến núi mời gọi ngài.
23 Ngài nói với kẻ sứ rằng: Tôn sứ nên đi trước,
24 bản Đạo sẽ tiếp tục đến. Và ngài chống tích

1 trượng đến kinh đô, cả bốn cửa thành đều
2 thấy ngài đi vào. Các sứ trông coi cửa cùng
3 một lúc vào tấu trình, vua rất kinh dị dẫn đến
4 gặp ngài, sắc nhân linh ứng, mới đón ngài
5 vào Hạ đô, dừng nghỉ tại chùa Thê uyển,
6 không lời hỏi han gì. Trước có một con ong
7 nhỏ bay đến đốt vào gò má ngài. Sau đó có
8 một con ong lớn cắn chết con ong nhỏ ấy,
9 ngậm trước đầu ngài bay giật lên mà đi. Sau
10 đó không bao lâu, một người mưu dối bị chết,
11 hai người bị chó dại cắn chết. Nên tướng ong
12 hiện bày trước đến đó mới nghiệm biết.

13 Ngài đến chùa Ngõa Quang, gặp lúc trời
14 mưa mà không bị ướt, giày mang chẳng dính
15 bùn dơ. Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Hạo cùng
16 các học đồ gặp ngài giữa đường, bảo rằng:
17 Người Thần dị này vì sao đến đây? Cả triều
18 đình đều chăm mắt nhìn, các Đạo tục đều dõc
19 lòng kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh
20 Triệt rất mực kính trọng ngài, dâng cúng ngài
21 gối bằng sừng tê giác. Biệt tướng Hạ Hầu
22 Hiếu Oai đến chùa lễ thăm ngài, đang giữa
23 đường im lặng nghĩ ngợi rằng: Ngô Nghi
24 cùng đồng chung sở dâng cúng ngài chiếc

1 gôi, ta rất muốn được thấy một lần. Vừa đến
2 chỗ ngài, sắp hàng rất chí kính, ngài bèn bảo
3 Hiếu Oai rằng: Muốn thấy được gôi bằng
4 sừng tê giác thì nên đến đó để xem. Lại một
5 hôm bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: Hãy mau
6 quét tước sân nhà, bậc Thánh sắp đến đây.
7 Liền như lời nói ấy, bỗng chốc ngài đến,
8 Hiếu Oai có tâm kính ngưỡng, tỏ bày với các
9 đạo tục. Nên các giới sang hèn Tăng tục đều
10 quy hướng về ngài. Ngài bèn trở về Nam
11 nhạc, chẳng dám ở lại lâu. Vua dùng lễ vật
12 đặc biệt kính dâng, tôn xưng ngài là Đại
13 Thiên sư. Người thuyền cung cấp đưa đến
14 bến bãi sông. Ngài bảo: Ta dừng chân ở Nam
15 Nhạc chỉ có mười năm, đến lúc kỳ hạn đã
16 mãn ta sẽ dời đi nơi khác. Bấy giờ, mọi người
17 đều chẳng biết ý chí ấy.

18 Sau khi ngài trở về núi, mỗi năm Trần
19 Chúa gởi thư đến thăm hỏi ngài ba lần, cúng
20 thí các thứ rất nhiều. Ngài xây dựng hưng
21 thịnh chẳng nơi nào hơn, và việc nói pháp lại
22 gấp bội hơn thường. Ngài có nhiều việc thần
23 dị khó thể lường biết. Hoặc hiện thân hình
24 lớn nhỏ, hoặc vắng lặng hiện bày thân ẩn

1 tàng, hoặc có mùi thơm lạ, sắc tướng đặc
2 biệt, điềm hiện tốt lành, hiện khởi lần lộn.

3 Đến lúc sắp tịch, từ trên đỉnh núi đi
4 xuống, có Đạo tràng giữa lưng chừng núi,
5 ngài mới nhóm họp tất cả các học chúng,
6 giảng pháp liên tiếp nhiều ngày. Ngài tha
7 thiết quở trách, khiến người nghe phải chạnh
8 lòng. Ngài bảo với đại chúng rằng: Trong đây
9 có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường
10 tu các pháp sám hối như trì kinh Pháp Hoa,
11 Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương
12 Đẳng, thực hành các hạnh ấy. Tùy sự cần
13 thiết, tôi xin tự cung cấp, đều cùng được lợi
14 ích. Còn như không, thì tôi sẽ lìa nơi đây.
15 Khốn khổ thực hành việc khó, nên không hề
16 có người nào đáp lại. Do đó, ngài lắng cách
17 chúng để xem xét tâm niệm, tự nhiên mạng
18 hết. Có vị Sa-môn trẻ nhỏ tên là Linh Biện
19 thấy ngài ngưng thở bèn kêu gào khóc lớn.
20 Ngài liền mở mắt bảo: Người thật là ác ma,
21 Ta sắp đi, các Thánh cùng đến nghinh đón.
22 Luận về chỗ thọ sinh, bởi ý gì người kinh
23 động làm trở ngại nhiều loạn ta? Người là kẻ
24 ngu si nên đi ra ngoài. Xong rồi, ngài lại

1 nhiếp tâm ngồi thẳng, đến lúc hơi thở ngưng
2 dứt. Đại chúng đều nghe có mùi thơm lạ lan
3 tỏa khắp phòng, trên đỉnh đầu ngài nóng ấm,
4 thân thể mềm mại, nhan sắc vẫn như lúc còn
5 sống, ngài hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi. Lúc
6 đó là ngày 22 tháng 6 năm Đinh Dậu (577)
7 tức niên hiệu Thái Kiến thứ chín đời Trần.
8 Nghiệm lời ngài nói chỉ ở mười năm rõ ràng
9 phù hợp.

10 Lúc thường ngày, ngài chỉ mặc vải bố
11 màu trắng, lúc trời lạnh thì quấn thêm cỏ
12 ngải. Phục chương của đồ chúng đều đồng
13 như vậy. Nếu có biên soạn thì miệng ngài
14 truyền giảng đã thành chương cú, không cần
15 phải sửa đổi. Ngài soạn Tứ Thập Nhị Tự
16 Môn, hai quyển, Vô Trách Hạnh Môn, hai
17 quyển. Với năm bộ Thích Luận Huyền Tùy
18 Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Độ Thiên Yếu, Tam
19 Trí Quán Môn v.v... mỗi thứ một quyển, đều
20 lưu hành ở đời.

21 Luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn tán thán
22 ngài rằng: Từ khi Phật pháp tại Giang Đông
23 mở rộng lại nghĩa môn, đến như Thiên pháp
24 khắp trùm tinh vi như thế, mà Tôn giả Nam

1 Nhạc hăng hái nghĩ về nam phục, định tuệ
2 khai mở cả hai. Ban ngày thì bàn giảng nghĩa
3 lý, ban đêm thì tư duy quyết trạch, nên chỗ
4 mở lời không gì chẳng thấu đạt cao xa. Nhân
5 định phát tuệ, yếu chỉ ấy thật không hư dối.
6 Thiên tông cả Nam Bắc ít chẳng tiếp nối,
7 nhưng thân tướng ngài đỉnh đặc, có khả năng
8 tự hành trì ưu thắng, khiến người thấy phải
9 xoay tâm, bất chợt mà nghiêng phục. Ngài lại
10 khéo biết tâm người, xét soi căn cơ ngầm tối,
11 chậm rãi ở nói qua, dùng phương tiện dạy răn
12 dẫn dụ, thực hành đại từ bi, phụng trì giới Bồ-
13 tát. Đến như đối với các thứ lụa là, da dẻ phần
14 nhiều đều do tổn hại sinh mạng mà có, nên
15 đồ chúng của ngài ăn mặc đều dùng vải bố,
16 trời lạnh thì thêm cỏ ngải, áo nạp dùng lúc đi
17 trong gió sương. Từ khi Phật pháp truyền bá
18 đến phương Đông đã qua sáu trăm năm, chỉ
19 có Tôn giả Nam Nhạc Hành Tư là chỗ đáng
20 quy hướng. Tôi (Đạo Tuyên) có tham dự
21 công việc truyền dịch, thường thấy các bản
22 kinh Phạm, xét hỏi các pháp y họ đắp mặc,
23 mãi đến nay hoàn toàn không dùng tơ tằm.
24 Nếu thêm pháp thọ chẳng thể gọi là được

1 thành. Hoặc cầu xin hoặc được tờ tằm gấm
2 lụa làm y phục, y cứ theo luật kết khoa thì dứt
3 bỏ định, nếu nói theo tình tham thì sau do họ
4 phóng túng. Chỉ có Tôn giả Nam nhạc riêng
5 dứt, cao theo Thánh kiểm.

7 4. TỔ SƯ ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ GIÁO CHỦ 8 NÚI THIÊN THAI

9 Đại sư Trí Giả, húy là Trí Khải, tên tự là
10 Đức An. Ngài họ Trần, người xứ Dĩnh
11 Xuyên, khoảng khi nhà Tấn dời đô, gia đình
12 ngài đến ngụ tại huyện Hoa Cốc, Kinh châu.
13 Ngài là con thứ hai của Tấn kỵ ịch Dương
14 Công Khởi đời Lương. Mẹ ngài họ Từ, mộng
15 thấy có khói hương năm màu xoay quán ở
16 bụng mình, muốn phải trừ đi, bỗng nghe có
17 tiếng nói rằng: Nhân duyên đời trước đến
18 nương gá Vương đạo, do phước đức tự đến,
19 vì sao lại phải bỏ đi?. Lại mộng thấy nuốt cả
20 con chuột trắng, như thế qua mấy phen, lấy
21 làm lạ nên đi bói xem sao. Thầy tướng bảo
22 rằng: Điềm của Bạch long (rồng trắng), đến
23 trong đêm sinh nở (theo bản Triều Hàn Lâm

1 Học Sĩ Hồ mông nói ngài sinh vào tháng bảy
2 năm Mậu Ngọ (538) tức niên hiệu Đại Đồng
3 thứ tư thời Nam Lương) trong căn phòng
4 sáng suốt, vài hôm sau mới hết. Nội ngoại
5 đều vui mừng, lớn bày đánh thớt cùng vui
6 mừng, bỗng có hai vị Sa-môn đến gõ cửa bảo
7 rằng: Lành thay đứa trẻ, phước đức quý
8 trọng, sẽ đi xuất gia! Nói xong thì biến mất,
9 tân khách đều lấy làm lạ. Có người ở gần nhớ
10 nghĩ điềm linh xưa gọi là Vương Đạo, gồm
11 cả tướng sau này nên lại còn tên ngài là
12 Quang Đạo, nên trước lập hai chữ cùng ghép
13 chung. Ngài nằm thì chấp tay, còn ngồi thì
14 xoay mặt về hướng Tây, mãi đến lúc lớn
15 khôn mà miệng ngài chẳng vọng ăn tạp, thấy
16 tôn tượng thì lễ bái, gặp chư Tăng thì kính
17 trọng.

18 Năm bảy tuổi, ngài vui mừng được đến
19 một ngôi chùa, chư Tăng lấy làm ngờ lạ về
20 tình chí của ngài, bèn truyền đọc cho ngài
21 nghe một biến kinh Phổ môn, ban đầu mới
22 mở qua một biến bèn được. cha mẹ thân ngài
23 cảm tuyệt thì ngài càng đọc tụng. Đến tuổi có
24 chí học, nhằm vào niên hiệu Thừa Thánh

(552-555) dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch) thời Nam Lương bị suy sụp, ngài bèn đi theo hướng Bắc đến Hiệp Châu nương ở nhà người cậu, mà ngài tuần tú sáng suốt thông minh, nghi chí ôn hòa cung kính, ngài tìm xét các bậc minh sư. Năm mười tám tuổi, ngài đến chỗ Sa-môn Pháp Tự, chùa Quả Nguyên tại Tương châu, xin được xuất gia. Ngài Pháp Tự truyền mười giới Sa-di cho ngài. Đạo phẩm luật nghi ngài bèn vâng nhiếp. Ngài lại theo hướng Bắc đến chỗ luật sư Tuệ Khoáng xoay mặt về hướng Bắc ngang bày, được chỉ dạy đầy đủ.

Ngài lại đến chỗ Thiền sư Nam Nhạc (Tuệ Tư), núi Đại tô, ở Quang Châu, thọ học tâm quán, bèn ở tại núi đó hành trì Pháp hoa Tam-muội. Vừa mới ở được ba đêm, tụng đến phẩm Dương Vương, tâm ngài duyên với khổ hạnh, và đến câu tinh tấn chân thật thì giải ngộ ngài bèn tự phát thấy mình cùng thầy Tuệ Tư đồng ở nơi cõi tịnh bảy báu tại núi Linh thúu nghe Phật giảng pháp. Ngài Tuệ Tư vì ấn chứng cho điều đó. Ngài lại đến núi Bạch Sa ở Hy Châu, nhập quán như trước,

1 đổi với kinh pháp có sinh nghi ngờ, liền thấy
2 ngài Tuệ Tư đến thăm giải thích cho. Ngài
3 Tuệ Tư thường bảo ngài thay mình để giảng
4 pháp, và đích thân ngài Tuệ Tư cầm chuỗi
5 như ý đến dự xem nghe. Ngài Tuệ Tư bảo tất
6 cả đồ chúng rằng: Với nghĩa vị của tôi chỉ
7 tiếc Trí Giả định lực còn thiếu kém. Từ đó,
8 thầy trò cùng nhau đổi cách quán, tiếng tụng
9 ngài vang khắp gần xa. Khi sở học đã thành
10 đạt, ngài bèn đến từ giã. Ngài Tuệ Tư bảo
11 ngài rằng: Ở nước Trần ông rất có duyên, nên
12 đến đó sẽ có nhiều ích lợi. Khi ngài Tuệ Tư
13 đến Nam Nhạc, thì ngài cũng đến Kim Lăng
14 v.v...

15 Trải qua thời gian tám năm lâu dài, giữa
16 khoảng đó hoặc nói hoặc nín, ngài thường
17 suy nghĩ về rừng đầm, mới mộng thấy nơi
18 sườn núi cao muôn trùng, mặt trời vàng mây
19 chỉ lưng chừng buông rũ bên cạnh, biển nước
20 mênh mông không bờ trong lắng mà xuống.
21 Lại thấy có một vị Tăng duỗi tay kéo đến nơi
22 sườn núi dẫn ngài cùng lên núi v.v... Ngài
23 báo điều mộng ấy với mọi người. Môn nhân
24 đệ tử ngài đều thưa: Đó là núi Thiên thai. Do

1 đó, ngài cùng Sa-môn Tuệ Biện v.v... tất cả
2 hơn hai mươi vị men đường thẳng về hướng
3 Nam, ẩn cư nơi núi ấy. Sau đó, Hậu chúa
4 (Trần Thúc Bảo (583-589) đòi Trần ban sắc
5 thỉnh ngài vào cung, trước sau có bảy lần sai
6 sứ, và tự tay vua viết sớ thỉnh, ngài bèn ra
7 thành đô. Vua nghinh đón ngài vào Đông
8 Đường ở điện Thái Cực, thỉnh cầu ngài giảng
9 luận Đại Trí Độ v.v... Đến lúc xứ Kim Lăng
10 sụp đổ, ngài lại chống gậy đến Kinh châu,
11 Tương châu, cắt đứt vết núi mây trọn yên đến
12 hội.

13 Khi đó, Dương Quảng (tức vua Dương
14 Đế 605-617 lấy niên hiệu là Đại Nghiệp đòi
15 Tùy sau này) đang trấn tại Phiên Tổng Nhậm
16 Hoài Hải, tiếp thừa Đạo Phong, mang đức
17 hạnh của ngài nên vô cùng khâm trọng chú ý,
18 muốn thỉnh ngài làm thầy truyền trao giới
19 pháp, nên nhiều lần gởi thư đến thỉnh. Mới
20 đầu ngài tỏ bày mình là người kém đức, kể
21 đến thì ngài khiêm nhường các bậc danh
22 Tăng, sau cùng ngài nêu bạn đồng học qua ba
23 phen từ chối chẳng khỏi. Nên ngày 23 tháng
24 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một

1 (591) đời Tùy, tại Tổng Quản Kim Thành ở
2 Dương Châu, có mở hội cúng dường ngàn vị
3 Tăng, truyền giới Bồ-tát, ngài mới trao
4 truyền giới pháp cho vua. Khi Pháp sư đã
5 xong, ngài muốn về lại núi rừng, vua bèn cố
6 thỉnh, ngài bèn bảo rằng: Trước kia đã có thệ
7 ước rõ ràng. Sự tình không nên trái. Và ngài
8 bèn phủ áo đứng dậy, vua không dám thừa
9 thỉnh nữa, bèn chấp tay theo đưa tiễn ngài.
10 Ra đến cửa thành, nhìn lại, ngài bảo rằng:
11 Trấn giữ nước nhà không phải là việc nhỏ.
12 Việc Đạo vô cùng ngăn cách, mong quán xét
13 Phật hóa hoàng truyền gìn giữ tại cõi nước.
14 Vua kính lễ trông nhìn, mắt rung rung ngấn
15 lệ mà trở vào.

16 Ngài bèn lên xứ chữ cung Hương nhượng
17 ở núi Ngọc tuyên huyện Đan Dương mà
18 dựng chùa Nhất Âm, Tấn Vương bèn thỉnh
19 ngài soạn Giải Sớ Kinh Tịnh Danh, Liễu Cổ
20 Ngôn, Từ Lăng đều là các vị tài hoa trụ xét
21 ứng kính phụng văn nghĩa, ghi tập cất nơi
22 Bảo Tạng, đích thân Tấn Vương tự thọ trì. Về
23 sau, Tiêu Phi bị bệnh, các thầy thuốc đều hết
24 phương thuật. Tấn Vương bèn sai khai phủ

1 Liễu Cô Ngôn v.v... mang thư đến thỉnh ngài,
2 xin ngài cứu giúp bệnh khổ. Ngài bèn dẫn
3 đồng chúng lập ra trai hội, suốt bảy ngày
4 hành trì sám pháp theo kinh Kim Quang
5 Minh. Đến đêm thứ sáu bỗng nhiên có con
6 chim sẻ lạ bay đến chỗ trai đàn xoay quanh
7 mà chết, chốc lát sống lại bay đi. Lại nghe có
8 tiếng mổ ăn và ngâm nga. Đại chúng đều
9 chăm mắt nhìn. Ngài bảo: Tướng hiện ấy hẳn
10 là Vương Phi sẽ lành bệnh. Chim chết mà
11 sống lại tức biểu thị cái nắp quan mở ra lại,
12 mổ ngâm kêu bày tức cho biết trai phước
13 cùng tiếp thừa. Đến hôm sau, bệnh của Tiêu
14 Phi quả nhiên được lành. Vua rất vui mừng.
15 Bảy giờ gặp lúc vua phải trở về lại triều, ngài
16 về lại núi Thiên thai.

17 Đích thân ngài dẫn xuất thiên môn, hành
18 trì sám trước. Ngài bèn lập thệ nguyện rằng:
19 Nếu đối với Tam bảo mà có được lợi ích, thì
20 kỳ hạn ở nơi này những năm còn lại. Nếu
21 sống một đời luống qua thì nguyện mau theo
22 hóa. Sau đó không lâu, ngài bảo với đồ chúng
23 rằng: Tôi sẽ chết ở xứ này! Và dạy răn rằng:
24 Các người mỗi nên tự im lặng, tôi sắp đi đây.

1 Nói xong, ngài an nhiên ngồi thẳng nhập
2 định mà thị tịch trước tôn tượng đá lớn ở núi
3 Thiên thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc
4 đó là ngày 24 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng
5 năm thứ mười bảy (597) đời Tùy.

6 Khi ngài đang ở núi, có loại nấm nưong
7 sống ở cây mà rơi rũ xuống, hễ hái liền mọc,
8 cứng dường như Tảng, nhưng lúc ngài đi
9 đến nơi khác thì nấm không mọc nữa, do đó
10 mà luận thì thật là đạo chiêu cảm. Sa-môn
11 Chương An (Quán Đảnh) theo hầu kính thờ
12 ngài nhiều năm, nên ghi chép lại hoàn cảnh
13 và đạo hạnh của ngài dài hơn hai mươi trang
14 giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm chùa Long
15 Điền, núi Chung Nam, sớm dự vào tông môn,
16 gần gũi truyền trao giới pháp, vì đức âm ngài
17 sâu xa, nấm cây bỗng chốc thành nhiều, vì
18 làm thành truyện rộng lưu truyền ở đời. Đến
19 gần cuối đời Tùy, vua Dương Đế (Dương
20 Quảng 605- 617) tuần du đến Giang Đô, cảm
21 mộng thấy ngài nói năng đề cập đến sự phò
22 thác, mong tự chế thuật văn bia. Vua bèn
23 soạn rất rộng sáng, chưa kịp khắc chạm thành
24 bia, gặp lúc tao loạn thì ngài mất. Ngoài ra

1 các việc khác như ở Biệt truyện.

3 5. TỔ SƯ TÔN GIẢ CHƯƠNG AN:

4 Tôn giả Chương An, húy là Quán Đảnh,
5 tên tự là Pháp Vân, họ Ngô, người xứ Nghi
6 Hưng, Thường châu. Ở đời, ông nội ngài lánh
7 ở đất Đông âu, do đó mà chẳng trở về. Nay
8 đó là xứ Chương An, Lâm Hải. Cha ngài sớm
9 qua đời, ngài được thân mẫu đùm bọc nuôi
10 dưỡng. Vừa mới sinh nuôi ngài được ba
11 tháng, ngài bé nhỏ muốn có được tên gọi,
12 nhưng nghĩ xét khắp các vật loại chưa biết
13 đặt tên ngài là gì. Mẹ ngài ban đêm xưng
14 niệm danh hiệu Phật Pháp tạng. Ngài liền
15 ngay miệng học theo, lời câu rõ ràng, mọi
16 người cùng kinh lạ, báo cùng Pháp sư Tuệ
17 Chứng ở chùa Nhiếp tĩnh. Nghe thế, ngài Tuệ
18 Chứng khen rằng: Đây là người phi phạm, do
19 đó lấy chữ phi phạm làm tôn tự.

20 Năm lên bảy tuổi, ngài trở lại làm đệ tử
21 Pháp sư Tuệ Chứng, mỗi ngày được đưa cho
22 văn từ, huyền nho ngài đều nhanh chóng,
23 thanh tao tài dật vang vọng ở đương thời.

1 Đến năm hai mươi tuổi, ngài tấn đàn thọ giới
2 Cụ túc, kính phụng luật nghi, bình đức bát
3 dầu càn là chỗ ngài lưu tâm nghĩ ngợi, đến
4 lúc Pháp sư Tuệ Chứng thị tịch, ngài bèn gọi
5 mình dưới ánh đạo Thiên Thai, tiếp thừa tập
6 học Định cương, không thiếu sót tiếp nối.

7 Niên hiệu Chí Đức năm thứ nhất (583)
8 đời Trần, ngài theo Đâu- suất Trí Giả ra ở
9 chùa Quang Trạch, nghiên dịch Quán Môn,
10 ngài từng được ngài Trí Giả ấn chứng. Đến
11 lúc nhà Trần sụp đổ, ngài lại theo ngài Trí
12 Giả lên Giang Châu. Các nơi thắng địa danh
13 sơn, ngài đều có đến dừng nghỉ. Ba cung Lô
14 Phụ, chín hướng hành phong, không ai chẳng
15 vái kính vết tích nương theo nghinh đón, thưa
16 hỏi di dật. Về sau, ngài lại đến Kinh châu,
17 dừng ở chùa Ngọc Tuyên, truyền pháp
18 chuyển hóa, mở mang ở Tây sở. Đến niên
19 hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591)
20 đời Tùy. Tấn Vương đang trấn tại Dương
21 Châu. Ngài lại theo hầu ngài Trí Giả đến trụ
22 chùa Thiên chúng ở Hàn Cầu, vì pháp thượng
23 tướng thường ngày tìm xét thuyết câu. Bỗng
24 chốc ngài lại theo Đại sư Trí Giả đi về hướng

1 Đông trở lại dừng ở núi Thiên thai. Về sau,
2 ngài ra ở tinh xá Xứng Tâm, khai giảng kinh
3 Pháp Hoa. Đạp sáng lông nền, vượt hản mây
4 ần, mới nhóm tập rảo theo, mang tráp vọt
5 đến. Có Pháp sư Cát Tạng là vị nhập thất ở
6 chùa Hưng Hoàng, mở bày pháp tứ tại chùa
7 Gia Tường, riêng nổi tiếng ở cùng Chiết
8 Đông. Nghe Đạo Pháp ưu thắng ở tinh xá
9 Xứng tâm, trong ý chưa thật sự vừa lòng, bèn
10 xin mượn nghĩa ký đọc xem cạn sâu mới biết,
11 thấu hiểu tâm say đã có chỗ nương theo. Do
12 đó bèn bỏ giảng tan chúng, dần bước đến núi
13 Thiên thai bầm cầu thọ học kinh Pháp Hoa,
14 phát nguyện mở mang giảng nói.

15 Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười
16 bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả hiện tướng
17 bệnh, ngài chăm sóc hầu hạ sớm hôm, khó
18 khổ dốc tận tâm. Đến lúc ngài Trí Giả thị
19 tịch, ngài gần gũi tiếp thừa di chỉ, mới đang
20 thư để lại cùng các tín vật buồn khóc quỳ trao
21 đến Tấn Vương. Tấn Vương năm vóc gieo
22 sát đất, lệ buồn tuôn đổ đưa đánh đầu thọ
23 nhận. Sự thể vâng theo lễ khách, tình thuần
24 thân gồm pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng

1 Quản Phủ Tư Mã Vương Hoảng đưa ngài trở
2 về lại núi, vì ngài Trí Giả mà lập ra trai hội
3 cúng dường ngàn vị Tăng, đặt tại chùa Quốc
4 Thanh, tức nơi có dấu vết xưa cũ của các Sa-
5 môn Đàm Quang, Đạo Du ở đời Tấn. Chùa
6 Phật Lũng ở phía trước núi hiệu là Tu Thiện.
7 Dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới bắt đầu
8 dựng lập, cách phía Nam Phật Lũng chừng
9 khoảng mười dặm có chỗ đất tên là Đan
10 Khâu, ngài Trí Giả đang kinh hành bình thản,
11 nhìn thấy hiện bày rộng thoáng, nên ngài Trí
12 Giả mới cắm mốc tạo nền móng, muốn xây
13 dựng đạo tràng mà ước nguyện chưa thành,
14 bèn di chúc tại đó. Tấn Vương bảo thợ vào
15 cốc liền lo việc tạo dựng, đặt cửa kéo dây mỗi
16 mỗi đều theo ý chỉ xưa cũ.

17 Đến niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất
18 (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, đi
19 tuần khắp bốn quốc, muốn dặm đường sông,
20 dân chúng nơi thôn dã đều vui mừng. Vì
21 Đàn-việt mới lên ngôi vị, chùa Vũ mới thành,
22 bèn ra núi dự tham chúc tụng, cùng được dân
23 thấy, hỏi han rất nhiều, ngài đối đáp như
24 tiếng vang, nói năng không sai thoát. Tôi

1 chúa đều vẽ vang tán thưởng. Trước sai viên
2 ngoại tán kỵ Thị Lang Trương Càng Oai đưa
3 ngài về lại chùa núi, cúng thí ba ngàn đoạn
4 vật, ba trăm tấm chăn dạ, lại lập trai hội cúng
5 dường ngàn vị Tăng, chùa miếu điện đài lại
6 thêm sự sửa chữa, nên trang sức các màu đỏ
7 loạn khởi ráng sớm mai, đỉnh núi thông trúc
8 che phủ đồng như chăn gấm. Đó thật là đáng
9 vẽ ở phía Tây biển, xa phù hợp với lời của
10 Đại sư. Đây đủ như ở Biệt truyện.

11 Niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai (602)
12 đời Tùy, vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-
13 605) ban sắc thỉnh ngài, ghi rằng: Đầu mùa
14 Hạ nắng nóng Đạo thể tốt lành thích nghi,
15 thuyền duyệt giúp thần nên có nhiều tốt lành
16 đến cùng. Gần đây, thỉnh hai Sa-môn Trang,
17 Luận ở Đạo tràng Tuệ Nhật giảng kinh Tịnh
18 Danh toàn dùng nghĩa số của ngài Trí Giả để
19 phân tích văn kinh. Thiền sư (= Quán Đảnh)
20 là đệ tử tài giỏi của Đại sư Trí Giả, tất cả các
21 pháp môn đều ủy thác giao phó. Nay sai sứ
22 đến thỉnh, hẳn mong rưới ban mưa pháp. Và
23 Pháp Hoa kinh số xin được theo Sứ đưa về
24 kinh đô, xin đứng lâu chờ đợi lai nghi, thư

1 chẳng thể nói hết ý. Ngài liền mang y, cầm
2 tích trượng, cao bước vào cung vua, suốt ba
3 tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp với
4 tâm vua vui mừng mong đợi. Mỗi lúc đến chỗ
5 ý nghĩa sâu mầu, không gì vua chẳng hỏi,
6 ngài đều tui theo điều hỏi mà đáp lời, bao
7 gồm cả chỗ sâu xa. Sau đó, vua sai thư tín
8 đưa ngài trở về chùa núi, cúng lễ càng hậu
9 gấp bội.

10 Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ bảy
11 (611) đời Tùy, Trị Bình Trác Dĩ gần gửi
12 thống lĩnh nguyên nhung, sắp muốn rửa sạch
13 cả một vùng Đông Di, dùng làm thanh bạch
14 văn quý, do đó hỏi quanh mọi người, đều
15 thuật bày đầy đủ từ Hiên Hoàng trước giết
16 bạo mạnh nhanh của phản tuyền, sau khen
17 hỏi Đạo của Đồng Sơn. Nghĩ nhớ đến Tổ sư
18 Tuệ tư, cảm mến đổi sắc mặt, bèn ban sắc
19 nghinh đón ngài, xa đến hành sở. Dẫn ngài
20 đến thấy chỗ vua ở, đem sự hoan hỷ của đồng
21 học mà trình bày. Vua lại sai Thị lang Ngô
22 Môn đưa ngài về lại chùa núi Thiên thai. Từ
23 đó về sau, vua tôi dân chúng tiếp nối nhau
24 đến phòng ngài không tháng nào trống vắng.

1 Ngài buông tình nghĩ nhớ đến hang hốc núi
2 đồi, dứt vết phiền lụy trong thế tục. Định Tuệ
3 đều gồm tu, nói nín cùng hoằng hóa. Mới có
4 các bậc danh Tăng Đại đức ở gần thành và
5 phương xa mong cầu được trông thấy ba
6 quán, mười Như cho đến Tâm trần sai sử tánh
7 đều bái tay ném mình thỉnh cầu trông pháp.
8 Ngài đều khơi đào tình tánh rửa sạch cõi lòng
9 như băng tuyết Ba nghiệp thưởng tăng thêm,
10 hai nghiêm phước trí không cùng tận.

11 Đến ngày mồng 7 tháng tám niên hiệu
12 Trinh Quán năm thứ sáu (632) thời Tiền
13 Đường, ngài thị tịch trong thiền phòng chùa
14 Quốc Thanh, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.
15 Lúc đầu hiện bị bệnh nhẹ, ngài chẳng luận
16 thuốc thang điều trị mà nơi phòng thất có mùi
17 thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, ngài bảo đệ tử
18 rằng: Trong kinh Di-lặc nói: Ngày Đức Phật
19 vào thành, khói hương xông đốt như mây.
20 Các ông nên đốt nhiều hương, tôi sắp đi đây.
21 Do đó ngài tỏ bày dạy răn căn dặn, ngôn từ
22 nghĩa lý thâm diệu tha thiết. Môn nhân đồ
23 chúng đệ tử đồng bạn chiêm ngưỡng khóc
24 than lạnh lòng. Bỗng nhiên ngài đứng dậy

1 chắp tay như tỏ vẻ kính trọng, miệng xưng
2 niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba lần, rồi
3 nghiêng mình nằm xuống, áp tay trên tim, sắc
4 mặt sáng tươi hoan hỷ, an nhiên thị tịch, khắp
5 thân thể đều mềm mại, trên đỉnh đầu nóng ẩm
6 qua đến ngày hôm sau.

7 Có Sa-môn Trí Hy là bạn đồng học với
8 ngài, cũng là người được Đại sư Trí Giả gần
9 gũi hóa độ, thanh tịnh trong sáng rất có tiếng
10 tâm đã thị tịch từ niên hiệu Trinh Quán năm
11 thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc sắp thị
12 tịch, ngài Trí Hy bảo rằng: Tôi sinh lên cõi
13 trời Đâu-suất được thấy Đại sư Trí Giả, và
14 các tòa báu sắp thành hàng đều có người
15 ngồi, chỉ có một tòa trống, tôi hỏi lý do thì
16 được bảo là Sáu năm sau, Pháp sư Chương
17 An (= Quán Đảnh) sẽ lên đây giảng pháp.
18 Nên xét về ý chỉ ngài (Quán Đảnh) bảo đốt
19 hương tức là Đức Từ Tôn đến đón ngài. Tính
20 năm bàn luận kỳ hạn, xét ra lời nói của ngài
21 Trí Hy không xằng bậy. Qua đến ngày mùng
22 9 tháng đó (tức tháng tám năm 632), an táng
23 tại núi phía Nam chùa. Mọi người xa gần đều
24 đua nhau kéo đến gáo khóc náo động cả hang

1 rừng.

2 Lúc đầu, ngài hoảng hóa giữa thế tục,
3 thần dụng có lắm phương thức, người trong
4 thôn ở Pháp Long cách xa núi hơn ba mươi
5 dặm, có một người mắc nạn sắp chết, mọi
6 cách chữa trị đều không giảm, con của người
7 bệnh ấy vội vã chạy vào núi cầu nguyện,
8 nguyện xin cứu giúp, ngài đọc tụng kinh
9 Pháp Hoa, cho đốt hương chiên-đàn. Người
10 bệnh tuy ở xa, vừa mới nghe mùi hương
11 chiên đàn thoảng xông vào mũi, tức thời
12 thuyên giảm trở lại an vui. Lại có chỗ đất ở
13 phía Nam đỉnh núi tên là An Châu, suối trong
14 vắt, cây xanh biếc, bỗng nhiên dòng suối
15 chảy xoáy, người đi qua chẳng thông đường,
16 ngài lưu luyện ưa thích thưởng ngoạn, thấy
17 vậy mà phát thệ nguyện rằng: Nếu đất ở đó
18 được bằng phẳng trở lại, thì sẽ đến đó giảng
19 kinh. Chưa đầy tuần lễ mà ở đó cát trắng ùn
20 trào lên bằng phẳng như gương ngọc. Ngài vì
21 cảm thông tướng hiển hiện ấy, nên chẳng trái
22 nguyện trước, bèn sang giảng hai bộ kinh
23 Pháp Hoa và Kim Quang Minh dùng để báo
24 đáp linh ý. Ngài từng trụ chùa Nhiếp Tĩnh ở

1 Chương an giảng kinh Niết-bàn, gặp phải hải
2 tặc lên cướp bắt, các Đạo tục đều bỏ trốn.
3 Ngài vừa mới gióng chuông đến giảng,
4 không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cò hiệu
5 đến chùa, bỗng thấy binh lính cò xí sáng rực
6 giữa ban ngày, cầm cung tên qua mắt mọi
7 người đều cao lớn hơn một trượng dùng khí
8 phán phát, nên bọn giặc đều kinh sợ đồng
9 một lúc thoái lui biến mất.

10 Ngài lại ở tại chùa Phật Lụng nhân lúc
11 rảnh rỗi giảng pháp, hướng dẫn đồ chúng, sắp
12 đá làm tháp, cân hai tám đá để làm cửa tháp.
13 Có đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh trước đó
14 đã dùng xe chở đến một tảng đá, mọi người
15 đều nghi ngờ tảng đá ấy dày lớn, lại muốn
16 tìm cầu tảng đá khác nhọc tổn thân lực. Ngài
17 nắm tích trượng chỉ dẫn tảng đá đã vận
18 chuyển đến trước đó, bỗng chốc đá nứt nẻ,
19 chẻ thành hai mảnh, dày mỏng cân bằng,
20 dùng vào làm cửa tháp, rõ ràng như hợp
21 trước. Những điềm tướng linh ứng như thế
22 thật có nhiều!

23 Từ khi ngài thọ học với ngài Trí Giả ở núi
24 Thiên thai, lại bẩm thọ Đạo hạnh Hành Nhạc,

1 Nam Nhạc Thiên Thai, ba đời kế tiếp tông
2 quy chẳng hai, hoặc quán hoặc giảng thường
3 y cứ theo kinh Pháp Hoa. Ngài lại giảng các
4 kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh, Tịnh Danh
5 v.v... và giảng các pháp môn Viên đốn, Chỉ
6 quán, bốn niệm v.v... biến số chẳng thiếu ít.
7 Vả lại, ngài Trí Giả biện tài như mây bay
8 mưa trút, hoặc đồng như lưới trời, chợt
9 phỏng định Anh lạc có khả năng lãnh hội, đó
10 chỉ có một mình ngài (Quán Đảnh). Ngài ghi
11 chép riêng về nguồn từ và ý chỉ của ngài Trí
12 Giả, và tự chế tác nghĩa ký đều là các đề mục
13 của tập văn v.v... đều khắc vào phía sau văn
14 bìa.

15 Đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh là
16 người hậu sinh tài giỏi ưu du đối với giáo
17 nghĩa, cùng với đại chúng chùa Quốc Thanh
18 chung ghi lại hành trạng của ngài, dựng lập
19 văn bia ở cửa chùa. Có Sa-môn Pháp Tuyên
20 chùa Hoằng Thiện ở Thường Châu soạn thuật
21 lời văn, ngôn từ rất sáng lệ, thấy ở Biệt tập.

6. TỔ SƯ TÔN GIẢ PHÁP HOA

Tôn giả Pháp Hoa, húy là Trí Oai, họ Trương, người xứ Tấn Vân, ngài thông minh vượt thoát bụi mờ, tâm đi khắp ngoài vật. Thuở thiếu thời, ngài hầu theo thầy đến núi Luyện Đan của dòng họ Hiên Viên, nghe giáo nghĩa của Tông Thiên thai hưng thịnh, bèn mang tráp đến chùa Thạch Thành ở Ốc Châu, gần gửi Thiền sư Chương An (= Quán Đảnh) xin thọ học tâm yếu, thê rồi thấu đạt nhất Dung Đạo, hiểu rõ nhị cư Tông, Định Tuệ mới quân bình, tịch chiếu cùng một nữa. Tuy nói là tự rõ ngộ nhưng gặp ở lợi tha, bảm tánh vốn có lắm tài năng, rất dồi dào về từ tảo. Ngài soạn văn bia chùa Đào Nham và văn bia chùa Đầu Đà, khí độ cùng lại. Về sau, ngài trao truyền pháp nhãn cho Tiểu Oai (= Tuệ Oai). Mọi người thời bấy giờ truyền rằng: Ngài là hậu thân của Từ Lăng, với trí tuệ hùng tài của ngài, đoán có thể biệt được.

7. TỔ SƯ TÔN GIẢ THIÊN CUNG:

Tôn giả Thiên Cung, húy là Tuệ Oai, họ

1 Lưu, người xứ Đông dương. Vừa mới độ tuổi
2 búi tóc trái đào, mà ngài đã lộ bày những sự
3 tập hành thuở xưa, quyết mở khỏi lưới ái, đi
4 thẳng vào không môn, chẳng ngưng trệ ở một
5 phương, bèn dự phần Tam ích. Nghe Thiền
6 sư Đại Oai (= Trí Oai) ở Tấn Vân hành hóa
7 hưng thịnh thiền pháp, ngài liền tìm đến,
8 khắc chỉ quên cả nhọc mệt. Trông thấy ngài
9 tường vách sâu xa, một ngày ngàn dặm,
10 không ai chẳng suy tôn khen ngợi. Đến lúc
11 hạnh nghiệp đã thành, mọi người thời ấy đều
12 gọi ngài là Tiểu Oai. Nhưng ngài vui thích
13 tĩnh lặng ở chốn núi rừng chẳng giao du can
14 thiệp với việc của người đời, giáo hóa môn
15 nhân chẳng thiếu kẻ tài giỏi, chỉ có một người
16 là Tôn giả Tả Khê mà thôi. Ngài thường tu
17 pháp Chỉ Quán, chẳng phí bỏ tác bóng, nói
18 năng và hành động đều theo nhau, nói năng
19 và im lặng đều xuyên suốt, rơi lạc sâu rộng,
20 người không đức mà nổi tiếng.

21

22 8. TỔ SƯ TÔN GIẢ TẢ KHÊ:

23 Tôn giả Tả Khê, húy Huyền Lăng, tự là

1 Tuệ Minh, họ Phó. Tổ tiên của ngài người
2 quận Bồ Dương, ngài là con nối dõi của
3 giang Hạ Thái Thú Chứng Công, khoảng thời
4 Tào Ngụy lánh đến đất Giang Tả. Ngài là
5 cháu đời thứ mười sáu của Đại sĩ Hấp ở đời
6 Lương, bèn làm người Ô Thương. Mẹ ngài
7 họ Cát, lúc mới mang thai, mộng thấy cưỡi
8 xe dê bay giữa hư không giẫm theo vết trống
9 mà cảm thấy thân nặng. Từ đó về sau, với các
10 vật tanh nồng máu huyết, ngài nhàm chán
11 thấy nghe, đến lúc sinh ra cũng như giấc
12 mộng ban đầu, sau đó tâm nhẹ nhàng, thân
13 thể an thái, đứa trẻ (tức Huyền Lăng) chẳng
14 khóc, tỏ vẻ mỉm cười. Đến chín tuổi, ngài
15 xuất gia, thầy trao cho quyển kinh, mỗi ngày
16 ngài học qua bảy trang giấy.

17 Ngày 19 tháng 05 nhuận niên hiệu Như Ý
18 năm thứ nhất (692) thời Tiền Đường, Vũ Hậu
19 (Võ Tắc Thiên) ban sắc độ người xuất gia,
20 ghi danh ngài ở chùa Thanh Thái. Đến năm
21 hai mươi tuổi, ngài xa tìm đến Luật sư Ngạn
22 ở Quang Châu, cầu thọ giới Cụ túc, ngài trở
23 lại học Luật phạm, lại rộng xem các kinh
24 luận, sưu tìm những điểm đồng khác. Ngài

1 rất thiết tha với kinh Niết-bàn, thường tiếc
2 rằng người xưa tuy có chương sớ, nhưng
3 phán đoán chưa được cân xứng, ngài liền đến
4 chùa Diệu Hỷ ở Cối Kê, cùng với Thiền sư
5 Ấn Tông bàn luận suy xét bí yếu, tuy cùng
6 nhau thuật bày. Đại chỉ chưa được chu tất.
7 Nghe giáo nghĩa của một Tông Thiên thai có
8 thể làm lắng trong mọi thứ dính mắc, đáng
9 lấy làm thú hướng nhất lý, do đó ngài đến chỗ
10 Pháp sư Tiểu Oai (= Tuệ Oai) ở chùa Thiên
11 cung, Đông dương, dốc hết tâm lực của mình
12 để nương tựa gần gũi, chẳng khốn khó bởi
13 nghèo khổ, bèn thấu đạt được yếu chỉ của các
14 pháp môn Pháp Hoa, Tịnh Danh đại luận, Chỉ
15 Quán, Thiền môn v.v... phàm giáo tích của
16 Tông Thiên thai, ngài nghiên tầm xem xét
17 đến tinh tường. Về sau, ngài lại nương tựa
18 Thiền sư Cung, trở lại tu Quán Pháp, rộng
19 thấu đạt sách nho kiêm rành rẽ Đạo tông,
20 không thứ gì ngài chẳng xem đọc. Tuy thông
21 rành các pháp, mà ngài chỉ lấy pháp Chỉ
22 Quán làm hành trình nhập Đạo, làm địa vực
23 An Tâm. Tuy chúng Thánh tiếp liền ý tưởng,
24 mà ngài dùng bí trí của Bồ-tát Quán Thế Âm

1 làm bền bờ tốt lành để hành sự. Đặt tâm đi
2 khắp mười thừa, xét rõ thâm ba Quán. Bốn
3 Tất-đàn lợi vật, sáu tức thể biến, dù đặt để
4 tâm ngoài vật, thân nhàm chán trong vòng
5 người đời, mà tình ngai vất bỏ lều tranh xưa,
6 chỉ ý muốn nương nấu nơi rừng chằm hang
7 hốc, chỉ lưu giữ mười tám vật hoặc mười hai
8 vật thuộc hạnh Đầu-đà, ngai ẩn cư tại đỉnh
9 núi Tả Khê, do lấy đó mà xưng hiệu.

10 Ngai ở riêng trong một phòng thất hơn ba
11 mươi năm, dùng sợi gai làm áo, lấy gạo thô
12 rau lá để no lòng, ngai có chí nguyện muốn
13 sinh lên cõi trời Đâu-suất, nên tu tạo phước
14 sự, trên tường vách cung điện, đắp họa tôn
15 tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Tân Đầu Lô,
16 ngai đốt hương xem xét tâm niệm, bèn cảm
17 ánh sáng thần năm sắc. Các đạo tục đều nhìn
18 thấy, đồng ngợi khen là điều chưa từng có.
19 Từ đó về sau, hoặc khỉ vượn đến bưng bát,
20 hoặc chim bay đến dừng nghỉ mà nghe kinh.
21 Bảy giờ, có một con chó bị mù đến cửa núi
22 gào rống mà lăn lóc ra đất. Ngai thương xót,
23 đốt hương, tinh thành vì chó mà sám hối,
24 chưa đến mười ngày mà hai mắt chó bỗng

1 nhiên tỏ sáng.

2 Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ mười sáu
3 (718) thời Tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý
4 Long Cơ) ban sắc sai sứ Vương Chỉ Dung
5 đến thỉnh ngài xuống núi tạm ra ở dưới thành.
6 Ngài lấy có bệnh mà chối từ, xin trở về lại
7 chỗ ở cũ. Sau đó, ngài dạy người chắt tỏ về
8 mỗi mặt, giảng pháp chắt đợi chúng đông,
9 một pháp y Uất-đa-la-tăng (y bảy điều), ngài
10 đắp mặc hơn bốn mươi năm, một tọa cụ Ni
11 Sư Đàn, ngài sử dụng trọn đời không thay
12 đổi, ăn không ném trọn mùi vị, sống thì ở
13 riêng một phòng, không phải nhân tìm xét
14 kinh điển thì ngài chẳng đốt một ánh đèn,
15 không phải nhân kính hầu Thánh Dung thì
16 ngài chẳng đi một bước. Ngài gìn giữ tế hạnh
17 tu tâm mỗi việc đều y theo luật pháp chế
18 định. Bèn được các vị Sa-môn ở thành xa,
19 những vị Lão túc ở gần vùng بیت phòng đầy
20 cửa, như đông lạnh gặp được ánh dương, như
21 hạ nóng có được bóng râm, không mời mà tự
22 đến. Chùa viện nơi ngài ở xuống cấp, ngài
23 mới chỉ định cho Sa-môn Linh Bẩm, xây
24 dựng Điện Vũ. Với hai tôn tượng xưa và việc

1 vẽ họa tháp gạch chẳng dùng đến xe trâu đều
2 hòa nhựa nước thơm để sử dụng. Đánh giáo
3 của Thiên Thai hưng thịnh, không gì chẳng
4 do đây. Tâm ngài chẳng lìa định, miệng ngài
5 chẳng hề nếm mùi vị thuốc. Đến lúc tuổi tác
6 đã già mà hình đồng như tráng niên.

7 Một hôm, ngài nhìn lại và bảo môn nhân:
8 Tôi đối với mọi việc v.v... sớm tối quanh
9 năm, sáu tức đạo viên, muôn hạnh vô đức,
10 giới làm gốc tâm, là thầy của các ông!. Đến
11 ngày 19 tháng 9 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ
12 mười ba (754) thời Tiền Đường, ngài bệnh
13 nhẹ mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi tuổi, sáu
14 mươi một hạ lạc, bốn chúng đệ tử đều khóc
15 thương kính mến, có mùi hương cây, phướn
16 lọng, sấm sét chấn động cả núi hang. Có
17 người trong làng cảm mộng thấy ngài ở nơi
18 tầng thứ tư của gác báu. Đến lúc tỉnh mộng,
19 Sư báo với những người ở gần, đều cùng
20 nhau hợp mộng. Cung trời Đâu-suất là tầng
21 trời thứ tư. Chỗ đến của nguyện lực rộng độ
22 cả người trời. Khi đã trà-tỳ xong, môn phân
23 chia nửa xá-lợi, để xây dựng bảo tháp ở đông
24 nguyên thuộc châu ấy để tỏ bày tâm kính

1 mền.

2 Thuở bình sinh, ngài có soạn Pháp Hoa
3 Kinh Khoa Văn, hai quyển. Và các đệ tử
4 được phú pháp như Sa-môn Đạo Tân chùa
5 Long Khâu, Cù Châu. Sa-môn Tuệ Tùng,
6 chùa Tịnh an. Sa-môn Pháp Nguyên, Thần
7 Ung chùa Pháp Hoa, Việt Châu, Sa-môn Thủ
8 Châu chùa Phước Nghiệp, Thường Châu, Sa-
9 môn Đạo Tuân chùa Báo Ân, Tô Châu, Sa-
10 môn Đạo Nguyên chùa Đại Bảo, Minh Châu,
11 Sa-môn Thanh Biện chùa Khai Nguyên, Vụ
12 Châu.

13 Từ thuở nhỏ, ngài đã kính mền đạo, chí ý
14 muốn tìm thầy, chẳng hơn ba năm mà tư duy
15 quá một nửa. Ngài hành trì Đạo ấy, xưng hiệu
16 là Tả Khê, theo thứ lớp truyền pháp thì gọi
17 ngài là Tổ sư thứ tám trong Thiên Thai. Sa-
18 môn Thần Huýnh ở Võ Sơn ghi lại chân tán
19 của ngài.

21 9. TỔ SƯ TÔN GIẢ KINH KHÊ :

22 Tôn giả Kinh Khê, húy là Tràm Nhiên, họ
23 Thích. Tổ tiên ngài nhiều đời ở Kinh Khê

1 thuộc Tấn Lăng, nên ngài là người xứ thường
2 Châu. Gia đình theo Nho nghiệp, riêng ngài
3 có chí muốn thoát tục mới độ tuổi thay răng
4 mà ngài khác với người thường.

5 Năm ngoài hai mươi tuổi, ngài mới thọ
6 học kinh với Tôn giả Tả Khê (Huyền Lăng).
7 Ngài Tả Khê rất kính lạ về ngài. Ngày khác,
8 ngài Tả Khê lại hỏi ngài rằng: Người mộng
9 gì vậy?.

10 Ngài đáp: Đêm trước mộng thấy đắp mặc
11 pháp phục của chư Tăng, hai bên có hai bánh
12 xe đi trong sông lớn.

13 Ngài Tả Khê bảo: Ôi! Người sẽ vận dụng
14 hai pháp chỉ và quán để cứu độ chúng sinh
15 nơi vực sâu sinh tử.

16 Bèn truyền trao cho ngài pháp của thầy
17 mình (= Tuệ Oai) hoằng truyền. Ngài có
18 được đức lớn bất động thuần túy, thân sắc
19 bén sáng vượt. Kín biết hạnh sâu, xung khí
20 tuệ dụng, chỉ khoảng tắc vuông, hợp với trời
21 nhỏ. Đến đó mới dùng sử sĩ truyền Đạo,
22 những người học vui theo, như nước các
23 dòng đều đổ về sông lớn.

24 Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo

1 (742) thời Tiền Đường, ngài giải hiệu gặp
2 giúp mà lên Tăng tịch, bèn đến chỗ pháp tập
3 của Luật sư Đàm Nhất ở Việt châu, rộng tìm
4 luật pháp trì phạm khai chế. Ngài lại đến
5 chùa Khai Nguyên ở Ngô Quận giảng nói
6 hành trì pháp Chỉ Quán. Không lâu, ngài Tả
7 Khê bỏ thay Mật tạng, riêng chuyên vận ở
8 Đông nam. Ngài bảo môn nhân rằng: Đạo
9 thật khó thực hành, tôi đây biết vậy. Các bậc
10 chí nhân xưa trước lắng dùng pháp Quán làm
11 gốc, động dùng ứng với vật, cả hai đều chẳng
12 trụ mới đến được phương lớn. Còn người đời
13 nay, hoặc man mác nơi không, hoặc dính chặt
14 nơi hữu, tự mình mắc bệnh lại gây bệnh lây
15 sang người. Đạo dụng chẳng bày, sắp muốn
16 lấy chánh, bỏ ta thì ai trở về?. Khi đó, ngài
17 bèn mở lớn thượng pháp, bên cạnh bày lưới
18 muôn hạnh, nhiếp hết các tướng, vào nơi
19 không ngăn cách, tức ngay văn tự để thấu đạt
20 Quán, dần nói nín để về lại nguồn, mới rộng
21 chương cú của Tổ sư hoàng truyền. Mười số
22 muôn lời, tâm đạt các Thiên, thân không vượt
23 qua khuôn phép, ba học đều rục rở, các mối
24 nghi đều tan vỡ. Tìm cầu châu ngọc hỏi loại

1 của hình bóng, hơi thấy công không ảnh
2 tượng. Sự hưng thịnh hành trì pháp Chỉ
3 Quán, bắt đầu từ năng lực của ngài.

4 Đến cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) cho
5 đến đầu niên hiệu Đại Lịch (766) thời Tiền
6 Đường, các vua Huyền Tông (Lý Long Cơ
7 712- 756) Túc Tông (Lý hanh 756-763) và
8 Đại Tông (Lý dự 763-780) ban chiếu thư liên
9 tiếp thỉnh mời, mà ngài lấy cớ bệnh từ chối
10 chẳng đến. Đang trong lúc chiến tranh
11 thường thì đói kém, ngài dốc sức truyền bá
12 dòng pháp, thì học chúng càng đông, trông
13 mong nơi Đường thất lấy làm nơi nương tựa,
14 ngài ban rải tâm từ dẫn dắt họ giữ gìn họ,
15 dùng vải bố thô lớn làm áo mặc, mỗi người ở
16 riêng một giường. Ngài lấy tự thân mà răn
17 dạy người, đến lúc tuổi già vẫn không ngưng
18 nghĩ.

19 Đến ngày mồng năm tháng hai niên hiệu
20 Kiến Trung năm thứ ba (782) thời Tiền
21 Đường, ngài thị hiện bị bệnh nơi Đạo tràng
22 Phật Lũng, nhìn lại học chúng mà bảo rằng:
23 Đạo không phương, tánh chẳng thể, vậy sinh
24 hay là tử? Ý chỉ nhất quán, tôi rủ bỏ đi cốt ở

1 núi này, thọ báo hết ngay đêm nay, muốn
2 cùng các ông đàm Đạo mà quyết biệt. Nhất
3 niệm vô tướng, gọi đó là không, không pháp
4 gì chẳng có gọi là giả, chẳng phải một chẳng
5 phải khác gọi là trung. Ở phàm thì làm ba
6 nhân, ở Thánh thì làm ba đức, đốt nóng thì
7 trước sau đồng tướng, trải qua biển thì cạn
8 sâu khác dòng, khéo lợi, lợi người ở đây mà
9 thôi. Các ông giữ chí ấy vậy!. Nói xong, ngài
10 bèn ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy
11 mươi hai tuổi, ba mươi bốn hạ lạc. Môn nhân
12 gào khóc nghẹn ngào, đón rước toàn thân
13 ngài để xây dựng bảo tháp ở góc Tây Nam
14 của bảo tháp thờ Đại sư Trí Giả.

15 Ngài có đệ tử Nhập Thất là Ngô môn
16 Nguyên Hạo đáng gọi là kẻ người ấy, gần nhà
17 ấy, nhưng ngày thường, ngài gồm tập giáo
18 pháp, vạch sáng nghi trước, mở phát ngưng
19 trệ sau thì có các bộ như Pháp Hoa Thích
20 Tiêm, Pháp Hoa Sớ Ký, mỗi bộ mười quyển,
21 Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết
22 mười quyển, Pháp Hoa Tam-muội Bồ Trợ
23 Nghi một quyển, Phương Đẳng Sám Bồ
24 Quyết Nghi hai quyển, Lược Duy Ma Sớ

1 mười quyển, Duy Ma Sớ Ký ba quyển, Trùng
2 Trị Định Niết-bàn Sớ mười lăm quyển, Luận
3 Kim Ty một quyển, và các bộ Chỉ Quán
4 Nghĩa Lệ, Chỉ Quán Đại Ý, Văn Cú Thập
5 Diệu, Bất Nhị Môn v.v... hưng thịnh lưu
6 hành ở thế gian. Khi thuật, ba bộ ký đã hoàn
7 thành, ngài đích thân viết thư gửi đến Đại
8 Tạng chùa Khai Nguyên ở Cô Tô, nói khắc
9 bia đá nhỏ, đến nay hiện vẫn còn, và cũng ghi
10 chép vào đây ngõ hầu thấy được tâm từ bi
11 làm người! Nơi văn bia ấy ghi rằng:

12 Đầu niên hiệu Khai Nguyên năm thứ
13 mười sáu (728) thời Tiền Đường, tôi rảo
14 bước đến Chiết Đông, tìm thầy hỏi Đạo. Đến
15 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi
16 (732) thời Tiền Đường, ở tại Kim Hoa, Đông
17 Dương, gặp được Hòa thượng Phương Nham
18 chỉ bày cho giáo môn Thiên Thai, và truyền
19 trao cho các bản Chỉ Quán v.v.... Rồi tôi bèn
20 cầu học với Đại sư Tả Khê. Nhờ được đem
21 Đại chỉ mà dạy răn, tử chỉ nhận biết mê mờ,
22 tất cả mọi sự thấy nghe đều ghi chép bằng
23 giấy mực. Đến niên hiệu Chí Đức (756-758)
24 thời Tiền Đường, dời đến thuộc ở chùa này.

1 Rồi từ niên hiệu Càn Nguyên (758-760) thời
2 Tiền Đường trở lại, sắp xếp thành quyển trục,
3 bởi muốn tự ngăn ngừa sự mê mờ sai lầm, mà
4 các Đạo lưu ở bốn phương tình cờ lại truyền
5 chép, nay tự cảm thấy thân mình suy yếu
6 bệnh tật, đến nỗi không thể đảm nhận. Do đó,
7 lưu lại bản này cùng với Huyền ký và Sớ ký,
8 tất cả có ba mươi quyển để gởi vào Tạng đó.
9 Hoặc giả đối với di căn của Tiên Sư, bia bở
10 trong muôn một, thì chẳng phụ sự chí thành
11 từ trước trở lại, mong đại chúng cùng giữ gìn
12 để hiến tặng cho người học sau.

13 Tháng bảy niên hiệu Đại Lịch năm thứ
14 mười hai (777) thời Tiền Đường, Sa-môn
15 Tràm Nhiên kính ghi.

16 Ngài Tán Minh nói rằng: Thấy rõ ngài
17 (Tràm Nhiên) bắt đầu, từ niên hiệu Thiên
18 Bảo (742-756) thời Tiền Đường và cuối cùng
19 là vào niên hiệu Kiến Trung (780-784) thời
20 Tiền Đường, ngài dùng tâm tự chứng, nói
21 pháp chưa từng nghe. Trong kinh há chẳng
22 nói như thế ư? Thế nào chỉ trong thời gian
23 ngắn mà làm được Phật sự lớn? Thầy ta thật
24 có được. Nên triều đạt được Đạo ấy, chỉ có

1 Lương Tiểu học sĩ, nên buông bút hồng thành
2 văn từ tuyệt diệu. Ở đề mục ấy nói rằng:
3 Từng thứ luận bàn, bậc Thánh chẳng dây
4 khởi, khoảng thời gian ấy sẽ có bậc mạng thể
5 xuất hiện. Kể từ khi Đại sư Trí Giả (Trí Khải)
6 đem pháp trao truyền cho Tôn giả Chương
7 An (Quán Đảnh). Ngài Chương An trở lại nơi
8 đời, đến chỗ Tôn giả Tả Khê (Huyền Lăng),
9 tuy sáng tỏ Đạo mà như mờ tối, đợi chờ ngài
10 phát khởi, cưỡi xe báu ấy, đốt sáng trung
11 Hưng, nên thọ nghiệp thần thông có đến ba
12 mươi chín vị Tăng. Các bậc quan lại tiên sinh
13 địa vị cao thanh danh quý trọng đều chịu rập
14 mình tiếp thừa giáo pháp lại có mười người.
15 Ngài nghiêm trì Đạo tôn quý, xa gần đều quy
16 kết đức nhân. Nếu chẳng phải mạng thể mà
17 sinh, thì sao đạt đến như vậy? Xem xét luận
18 của Lương học sĩ, vì bàn tài hợp ngang. Nếu
19 chẳng phải là người này thì làm sao có thể
20 đến Hồng Nho? Nếu chẳng phải bút ấy thì
21 làm sao có thể được đề minh châm là Triết
22 Tượng? Bởi suốt thông vào cửa nhà thấy sự
23 phú quý của Tông miếu. Do đó, nghiên cứu
24 luận bàn. Ôi! Bọn chúng ta thường có Đạo

1 chẳng biết thầy. Nên có lời thơ rằng: Chỉ
2 chim thước có ổ, chỉ chim cuu ở đó. Lương
3 Công vào sâu hang lý của Phật nghĩa là vậy
4 ư? Có Sa-môn Thần Ung ở núi Pháp Hoa
5 soạn thuật chân tán. Đến niên hiệu Khai Bảo
6 (968-976) thời bắc Tống, có Ngô Việt Quốc
7 Vương họ Tiên Truy niệm kính trọng mà
8 viếng. Xưng hiệu ngài là Tôn giả Viên
9 Thông, có thể chẳng như vậy ư?

10 Phụ thêm, ngài Hạnh Nhất nói rằng: Bồ-
11 tát Long Thọ được rồng, tiếp rước vào cung,
12 trợn một mùa Hạ chỉ đọc tụng được hết đề
13 mục của kinh Phật. Huyền Chú nói rằng: Lớn
14 không thể nghĩ bàn, kinh có ba bản, có mười
15 vạn kệ tụng, bốn mươi tám phẩm, Bồ-tát
16 Long Thọ tụng ra truyền bá ở đời.

17 18 **TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ SƯ CỦA TÔNG** 19 **THIÊN THAI**

20 (Trợn bộ)

21 Truyện trên, môn sinh (Duy Xuân) người
22 Thiên Trúc ở trong núi y suất, cùng các bạn
23 đồng học khắc bản. (Chí Chuyên) Tề mộc

1 kính ghi để lưu thông rộng ở đời, cùng mong
2 cầu Phật Tuệ.

3 Ngày mồng một tháng 06 năm Tân Mùi
4 (1211) thuộc niên hiệu Gia Định thời Nam
5 Tống, kính cần nhận biết, ở núi Mã Nảo. (Có
6 phụ thêm truyện ở sau).

7
8 -----
9
10 **HÀNH TÍCH CỦA HÒA THƯỢNG**
11 **ĐẠO THÚY**

12 (Còn gọi là Hành Nghiệp ký của Hòa
13 thượng Đạo Thúy)

14
15 Thời Tiền Đường, Sa-môn Càn thực ở núi
16 Thiên thai ghi chép. Hòa thượng họ Vương,
17 con cháu ở Lang Da, quê hương ở Tây

18 Kinh, mặc áo thêu tiếp nối đời chẳng thể
19 đủ, gá thân mới trao cho chức quán sát ngự
20 sử, ngài bèn mở bỏ dây thào giả từ vinh hạnh,
21 theo thầy học Đạo.

22 Năm hai mươi bốn tuổi, ngài mới Tấn
23 Đàn thọ giới Cụ túc, đến đất Tần học giới,

1 khi đã thấu đạt Trì Phạm, ngài mới nghĩ suy
2 tìm học kinh giáo Đại thừa (nguyên bản
3 không có chữ Học. Do Sa-môn Nhãn Khải ở
4 Long Thành y cứ theo Nội chứng huyết mạch
5 Phổ mà sửa), bèn chép bộ Pháp Hoa Sớ của
6 Tổ sư Từ Ân. Đêm đó, ngài mộng thấy có
7 một vị Tăng bảo rằng: Sao chẳng theo tông
8 chỉ viên đôn của Thiên Thai?. Đến sáng sớm,
9 ngài mới tỏ bày điềm mộng ấy với mọi
10 người. Mọi người bảo ngài rằng: Đã có
11 mộng, há không có chứng cứ ấy ư?. Nhân
12 Xà-lê Tràm Nhiên chùa Diệu Lạc, Thường
13 Châu lúc bấy giờ đang hưng thịnh truyền bá
14 giáo nghĩa đó. Ngài tuy nghe lời đó mà chưa
15 biết đích thực, sau có tin đưa đến, mới biết là
16 không dối bày. Ngài bèn bỏ công việc đang
17 ghi chép, chống tích trượng theo hướng Nam
18 mà đi đến Dương châu, muốn dừng ở chùa
19 Pháp Vân. Trong khoảng mười ngày, ngài lại
20 mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: Tại chùa
21 Diệu Quả đang giảng kinh Pháp Hoa, sắp đến
22 phẩm Phương Tiện, nay hãy nhanh chóng
23 đến đó. Ngài bèn vội tìm đến, quả nhiên đúng
24 như trong mộng. Ngài tập học hành trì suốt

1 năm năm, không hề có việc gì khác. Đốt đuốc
2 tiếp đến sáng ngày, nghiệp học đã thành tựu,
3 ngài mới giả từ thầy riêng bước. Ngài Tràm
4 Nhiên bảo rằng: Tùy phương mà ở, tùy phần
5 mà truyền bá, giả sử tự tu hành cũng là lợi
6 ích.

7 Ngài bèn đến Dương phủ, có người thỉnh
8 ngài giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán Huyền
9 Văn, mỗi bộ được vài biến. Sau đó, ngài đến
10 núi Thiên thai, giữa đường vừa đến Việt
11 Châu, thấy Ngự Sử Đoan Công, sau dẹp trừ
12 Thứ sử Hấp Châu, Lục Tham Bái, tôn xưng
13 ngài là Hòa thượng (bản xét chữ Lục sợ
14 thừa). Sau đó, đến niên hiệu Trinh Nguyên
15 năm thứ mười hai (796) thời Tiền Đường,
16 ngài vào núi Thiên thai. Ở tại núi chín năm,
17 ngài thường giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán
18 Huyền Văn v.v... không hề thiếu sót, mỗi
19 ngày sáu thời hành đạo. Với một bộ kinh
20 Pháp Hoa và giới bản Đại thừa Tiểu thừa
21 thường mỗi ngày ngài tụng đọc một biến,
22 chưa từng khuyết thiếu. Đến niên hiệu Trinh
23 Nguyên năm thứ hai mươi (804) thời Tiền
24 Đường, Thứ sử Thai Châu thỉnh ngài xuống

1 chùa Long Hưng, giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ
2 Quán.

3 Đến tháng mười hai năm ấy, vì dính mắc
4 giáo môn của bản quốc hiện thời, nên ngài
5 tạm ngưng nghỉ. Kế nữa, vì Càn Thục tôi
6 nương theo Hòa thượng mới được mười năm,
7 nên mọi việc từ trước đều chẳng biết đủ, chỉ
8 ghi lại tóm lược mà thôi!



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 VÃNG SANH TÂY
12 PHƯƠNG TỊNH ĐỘ THỤY ỨNG
13 TRUYỆN
14 SỐ 2070
15
16
17
18

19 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
20 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN
21

SỐ 2070

**VÃNG SINH TÂY PHƯƠNG TỊNH-ĐỘ
THUY ỨNG TRUYỆN**

MỤC LỤC

- 1- Pháp sư Tuệ Viễn.
- 2- Pháp sư Đàm Loan.
- 3- Pháp sư Đạo Trân.
- 4- Tăng Nhai.
- 5- Thiền sư Tuệ Mạng.
- 6- Thiền sư Tịnh.
- 7- Thiền sư Khải.
- 8- Tăng Đạo Dụ.
- 9- Pháp sư Đăng.
- 10- Pháp sư Hồng
- 11- Thiền sư Đạo Xước
- 12- Đại Sư Thiện Đạo
- 13- Pháp sư Huyền
- 14- Thiền sư Ngạn

- 1 15- Thiền sư Đại Hạnh
- 2 16- Thiền sư Tạng;
- 3 17- Pháp sư Cảm
- 4 18- Thiền sư Hoài Ngọc
- 5 19- Vị Tăng Pháp Tri
- 6 20- Vị Tăng Đạo Ngang
- 7 21- Tăng Hùng Tuấn
- 8 22- Ni Pháp Tạng
- 9 23- Ni Tịnh Chân
- 10 24- Ni Pháp Thắng
- 11 25- Ni Ngộ Tánh
- 12 26- Ni Đại Minh
- 13 27- Hai vị Sa-di
- 14 28- Đồng Tử A đàm
- 15 29- Đồng Tử Ngự Sư
- 16 30- Quốc Vương Ô Trường
- 17 31- Hoàng Hậu đời tùy
- 18 32- Lưu Di Dân 33- Quan Sát Sứ;
- 19 34- Nguyên Tử Bình
- 20 35- Ngự Thế Tử
- 21 36- Trương Nguyên Tường
- 22 37- Người ở Hàng Châu đời Tùy

1 38- Trương Chung Húc

2 39- Người Phần Châu

3 40- Phòng Trợ

4 40- Phòng;

5 41- Vợ Ôn Văn Tịnh

6 42- Thôn Ông ở Ước Sơn

7 43- Nữ đệ tử họ Lương

8 44- Nữ đệ tử họ Bùi

9 45- Nữ đệ tử Diêu Bà

10 46- Vợ Trương Văn

11 47- Ông già ở huyện Phần Dương

12 48- Triệu Nguyễn Bảo

13 *****

17 LỜI TỰA

18 Chủ Phật đã khởi lòng Từ dùng nhiều
19 phương tiện, nhưng chỉ có vãng sinh là dễ
20 khế hợp với mọi cơ duyên. Nói về xưa nay
21 chí thành và có thông cảm ứng hiện các điềm

lành thì có Sa-môn Văn Thâm và Thích Tử
Thiếu Khang trong Luận Vãng Sinh và Cao
Tăng truyện đã nêu lời tựa chân thật ghi chép
các chứng cứ hiếm lạ, các duyên chân thành
cảm hóa mà hiển bày cái dụng của Phật lực
khó nghĩ bàn. Khiến xưa nay không đọa lạc,
đạo tục quy tâm, nối tiếp huyền phong hưng
thạnh việc lớn, khiến người đã phát tâm thì
càng bền chắc không nghi ngờ, còn kẻ chưa
khởi lòng tin thì có chỗ nương tựa.

Khanh Thân kính ghi lời tựa

1- Pháp sư Tuệ Viễn:

Người thời Đông Tấn, ở Nhạn Môn, chọn
ở Lô Sơn hơn ba mươi năm chưa xuống núi
vào nhà thế Tục. Đưa khách chỉ đến Hồ Khê
mà thôi. Tuy học rộng các sách, nhưng chỉ
hoàng hóa Tây Phương. Dưới núi ngài lập
Tịnh độ Đường, sớm chiều lễ sám. Có các
quan đương triều như Tạ Linh Vận, cao sĩ
Lưu Di Dân v.v... cùng bỏ vinh hoa ở đời
đồng tu Tịnh-độ. Người tin theo có đến một
trăm hai mươi ba người, ở trước tượng Vô
Lượng Thọ mà kết trai lập thệ. Di Dân làm
văn tán tụng cảm đến một Tiên Nhân cười

1 mây nghe tụng. Ngày mồng 6 tháng 8 niên
2 hiệu Nghĩa Hi năm 12, Pháp sư được Thánh
3 chúng từ xa đến rước. Khi qua đời ngài dặn
4 dò và nằm nghiêng hông phải mà hóa, thọ
5 tám mươi ba tuổi.

6 **2- Pháp sư Đàm Loan:**

7 Người đời Tề, nhà ở gần núi Ngũ Đài,
8 thông suốt các giáo. Nhân được Tiên Kinh ở
9 cõi này mười quyển, muốn tìm hỏi Đào Ẩn
10 Cư để học Tiên Thuật. Sau gặp Tam tạng Bồ-
11 đề-lưu-chi hỏi rằng: Trong Phật Pháp có
12 pháp sống mãi không chết hơn Tiên Kinh ở
13 cõi này chăng? Ngài đáp đầu được sống lâu
14 rốt cuộc rồi cũng phải đọa. Bèn trao Quán
15 Kinh Vô Lượng Thọ cho Loan bảo: Thực
16 hành theo phép Đại Tiên này thì mãi được
17 giải thoát, lìa hẳn sinh tử. Loan bèn đốt hết
18 Kinh Tiên. Bỗng nửa đêm thấy vị Tăng Ấn-
19 độ vào phòng bảo Loan rằng: Ta là Bồ-tát
20 Long Thọ bèn nói kệ rằng: Lá đã rơi rụng thì
21 không thể nương, lúa chưa bó thì không thể
22 vô bao, tìm ngựa trắng qua lỗ nhỏ chẳng thể
23 dừng, đã đi rồi không có thể trở lại, chưa đến
24 chưa thể tìm hay sao, ở đây ngựa khó thể về.

1 Pháp sư biết tuổi thọ của mình đã hết bèn
2 nhóm họp đệ tử hơn ba trăm người. Sư tự
3 cầm lò hương quay mặt hướng Tây khuyên
4 dạy môn đồ tôn kính Tây Phương. Ngày ấy
5 khi mặt trời mới mọc đồng tiếng niệm
6 Phật thì liền qua đời. Ở cách chùa về phía
7 Tây năm dặm, có một chùa Ni nghe trên hư
8 không có tiếng nhạc từ phía Tây đi về Đông
9 rồi từ Đông đi về Tây.

10 **3- Thiền sư Đạo Trân:**

11 Người đời Lương, vào Lô Sơn niệm Phật,
12 vì thực hành Thủy Quán cho nên mộng thấy
13 có khoảng trăm người ngồi thuyền sắp sinh
14 về Tây Phương, bèn xin lên thuyền, có vị
15 Thượng Nhân không cho. Trân hỏi: Bần đạo
16 một đời tu Tây Phương vì sao không cho? Vị
17 ấy đáp. Sự nghiệp chưa tròn, chưa tụng kinh
18 Di-đà và xây nhà tắm cho chúng Tăng. Do đó
19 số người trên thuyền thấy Trân không được
20 đi bèn gào khóc. Sư thức giấc, bèn tụng kinh
21 và xây nhà tắm cho Tăng. Lâu sau lại mộng
22 thấy một người ngồi lầu đài bằng bạc trắng
23 giơ tay nói rằng: Thiền sư Trân, người nghiệp
24 đã tròn vì khéo dụng tâm, nay báo rõ chắc

1 chẵn sinh Tây Phương. Đêm Sư qua đời trên
2 đỉnh núi sáng lòa như cả ngàn ngọn đuốc,
3 mùi thơm lạ đầy chùa. Sau khi mất thì nhật
4 được trong tráp kinh tờ ghi tên những người
5 chưa mất mà trước đó chưa hề nói với ai.

6 **4- Tăng Nhai:**

7 Là vị tăng thời Hậu Chu, trú tại chùa Đa
8 Bảo ở Ích Châu. Tánh ít nói năng nhưng
9 thường cười đùa. Mỗi khi đi dạo rừng núi
10 suốt ngày trở về người hỏi vì sao thì đáp:
11 Điều ấy ai cũng chịu được, tôi nghĩ thế. Ông
12 ở thành Tây đột năm ngón tay. Đạo-Tục cả
13 ngàn người kéo đến khóc lóc. Ngài nói: Tôi
14 chỉ giữ hạnh Bồ-tát, đừng khóc. Người hỏi có
15 đau không? Sư đáp: Tâm đã không đau thì
16 tay đâu có đau. Đốt bàn tay xương tủy sôi
17 sục, người hỏi lý do, Sư đáp: Bởi vì các
18 chúng sinh không thể thực hành nhẫn. Nay
19 quán điều chẳng nhẫn được thì nhẫn, chẳng
20 đốt được thì đốt. Lại bảo chúng rằng Đời mạt
21 pháp khinh lờn không chịu quán tượng Phật,
22 đầu gối nghe kinh như gió thổi tai ngựa, đốt
23 tay bỏ thân là muốn cho mọi người tin kính
24 Phật Pháp. Lại bảo đệ tử rằng: Khi ta- diệt độ

1 rồi phải thường cung dưỡng người bệnh, kẻ
2 xấu xí và súc sinh, phần nhiều các người này
3 đều là Chư Phật Bồ-tát hóa thân, nếu không
4 có đại tâm bình đẳng thì làm sao có thể cung
5 kính tất cả? Có người thấy hoa trời và Tăng
6 Nhai đắp y mang tích trượng cùng sáu trăm
7 vị Tăng đi về hướng Tây rồi biến mất.

8 **5- Thiên sư Tuệ Mạng:**

9 Ngài ở thời Hậu Chu, người vùng Thái
10 Nguyên, là bạn đạo với Thiên sư Tư soạn
11 Sám Phương Đẳng, ở dưới gốc thông nhìn
12 nhau cười bảo rằng: Hai ta qua đời ở đây.
13 Không quá mười ngày thì bị bệnh, ngồi kiết-
14 già xoay mặt về Tây, nói "Phật đến", rồi chấp
15 tay mà hóa, cả hai đều thọ tám mươi ba tuổi.
16 Mọi người thấy các vị trời cầm cờ phướn nói:
17 Lành thay, đến rước hai Sư ra đi.

18 **6. Thiên sư Tịnh:**

19 Ngài ở thời Hậu Chu, khi còn ở thế tục
20 thấy hình Địa ngục biến tướng thì bảo với
21 đồng bạn rằng: Xét về nghiệp thì có ai tránh
22 được khổ này? Bèn thưa mẹ xin xuất gia,
23 thường ở chốn rừng vườn. Tăng chúng hỏi

1 rằng: Sư nên xử thế hóa độ, mà lại giấu đức
2 ở núi rừng? Sư đáp: Đạo quý ở chỗ có hành
3 dụng hay không, tức ở chỗ người mà quán tới
4 lui, còn thì ở ẩn. Đến lúc Chu Vô Đế diệt Phật
5 Pháp, Sư tiếc rằng mình không có năng lực
6 để hộ trì Phật pháp, bèn bảo đệ tử rằng: Ta ở
7 đời vô ích, nên bỏ thân này. Ngồi kiết già trên
8 tảng đá đắp nạp y rồi tự chặt đứt hết tay chân,
9 lại kéo ruột gan treo trên cây, mổ tim đưa lên
10 mà chết. Đệ tử lại nói rằng: Những kẻ có
11 duyên đối với Phật Pháp không lui sụt sẽ
12 được lợi ích. Ta vì ba duyên mà bỏ thân này,
13 một là tự thấy có nhiều lỗi, hai là chẳng thể
14 nào hộ pháp, ba là muốn mau thấy Phật, bèn
15 nói kệ rằng:

16 *Nguyện các chúng sinh ,*
17 *Nghe ta bỏ mạng,*
18 *Thành tựu Thiên nhĩ*
19 *Rốt ráo Bồ-đề,*
20 *Thân này bất tịnh,*
21 *Chỉ là cứt đái*
22 *Chín lỗ chảy đầy,*
23 *Bỏ thân dơ này,*
24 *Nguyện sinh Tịnh-độ*

*Một niệm Hoa nở,
Nơi Phật Di-đà*

7. Thiền sư Khải:

Ngài là Khải Thiền sư Tông Thiên Thai, đời Tùy, người ở Dĩnh Xuyên, họ Trần. Sư giảng Kinh Tịnh Danh thấy ba thêm báu từ hư không hạ xuống, có mấy mươi vị Phạm tăng cầm lò hương đi vào Thiền đường, nhiễu quanh Khải ba vòng. Khải bảo rằng: "Ta từ khi sinh đến nay, ngồi xoay mặt về hướng Tây, niệm Phật A-di-đà, Ma-ha Bát-nhã Quán Âm-Thế Chí năng lực oai thần cũng không hơn ở đây. Ta nhiều phen thỉnh Quan Âm mà sám hối. Từ khi bị bệnh niệm Tây Phương rất tha thiết, ta đi đây. Có người đưa thuốc thì Sư bảo: "Bệnh không hợp với thân, tuổi không hợp với tâm, thuốc lẽ nào có thể trừ được bệnh ư? Ta sống nhọc sinh khí độc, chết thoát nghĩ về, Quân Âm Thế Chí nay đến rước ta". Rồi bảo đọc Kinh Pháp Hoa, khen rằng Pháp môn là cha mẹ, Tuệ giải do đây mà sinh, màu nhiệm khó lường, như mặt trời sáng. Lại đọc Kinh Vô Lượng Thọ, khen rằng: Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm

1 Tịnh-độ, hồ sen cây báu dễ đến không có
2 người. Lại bảo Duy- Na rằng: Khi qua đời mà
3 nghe chuông thì tăng thêm Chánh Niệm mọi
4 người hãy im lặng. Ta sắp đi đây. Nói xong
5 thì hóa, thọ sáu mươi tuổi, nhằm niên hiệu
6 Khai Hoàng thứ 17, ngày 24 tháng 11. Ngài
7 xây dựng bốn mươi lăm chùa , độ Tăng hơn
8 bốn ngàn người, trải qua mười lăm năm tạo
9 các tượng Vàng Bạc, Chiên Đàn phân phó
10 khắp mười phương. Đây là Trí Giả, Pháp
11 Không Đại Sư.

12 **8- Tăng Đạo Dụ:**

13 Ngài là người đời Tùy, trú tại chùa Khai
14 Giác, niệm Phật A-di-đà tạo tượng Chiên đàn
15 cao ba tấc. Sau Đạo Dụ bỗng nhiên chết, bảy
16 ngày sống lại mà bảo rằng: Thấy một bậc
17 Hiền, vắng sinh đến bên ao báu. Người Hiền
18 đi quanh hoa ba vòng, hoa nở ra bèn ngồi vào
19 đó. Đạo Dụ cũng đi nhiều quanh nhưng hoa
20 không nở, bèn lay tay kéo thì hoa héo rụng.
21 Phật A-di-đà bảo rằng: Người hãy trở về cõi
22 ấy mà sám hối các tội, tắm gội nước thơm,
23 khi sao Mai mọc Ta sẽ đón người, người tạo
24 tượng Ta vì sao quá nhỏ. Dụ thưa: Tâm lớn

1 thì lớn, tâm nhỏ thì nhỏ nói xong thì tượng
 2 bay lên hư không. Rồi y lời tắm nước thơm
 3 một lòng sám hối, nói rõ với mọi người rằng:
 4 Vì tôi mà niệm Phật, khi sao Mai mọc thì hóa
 5 Phật đến rước. Ánh sáng chiếu soi đầy nhà,
 6 mọi người đều nghe thấy, bèn qua đời. Lúc
 7 đó là niên hiệu Khai Hoàng năm thứ tám.

8 **9- Pháp sư Đăng:**

9 Ngài là người đời Tùy, trú tại chùa Hưng
 10 Quốc ở Tịnh Châu, giảng Kinh Niết-bàn.
 11 Đạo Tục đến nghe hoặc già hoặc trẻ đều
 12 khuyên niệm Phật A-di-đà và cầu vãng sinh.
 13 Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12 thì
 14 mùi thơm lạ đến rước, ngày đưa đi chôn thì
 15 mây thơm vân vũ khắp xóm làng.

16 **10. Pháp sư Hồng:**

17 Ngài là người đời Tùy, người ở Tịnh
 18 Châu. Sư một đời tinh tấn không nắm giữ tiền
 19 bạc của báu, luôn niệm Tây Phương mong
 20 thấy Phật A-di-đà. Khi qua đời thấy Đồng
 21 nam Đồng nữ ở trời Đâu-suất đến rước. Pháp
 22 sư nói: Tôi mong sinh về Tây Phương không
 23 muốn sinh lên cõi trời. Rồi bảo đồ chúng

1 niệm Phật. Miệng nói Phật tây Phương đến
2 rước. Nói rồi qua đời. Lúc đó là niên hiệu
3 Nhân Thọ năm thứ 4.

4 ***11- Thiên sư Đạo Xước:***

5 Ngài là người đời Đường, người ở Tỉnh
6 Châu, trú tại chùa Huyền Trung, giảng Quán
7 Kinh đến hai trăm lượt. Từ bảy tuổi đã biết
8 niệm Phật, tự xỏ chuỗi khuyên người niệm
9 Phật. Nói chuyện thường mỉm cười, không
10 hề quay lưng về hướng Tây, thưa với Thiện
11 Đạo rằng: Đạo Xước sợ chẳng được Vãng
12 sinh, xin thầy nhập Định làm Phật được
13 chẳng? Thiện Đạo nhập Định thấy Phật cao
14 hơn trăm thước bạch rằng: Đạo Xước hiện tu
15 Tam-muội niệm Phật chẳng biết bỏ thân này
16 có được vãng sinh chẳng? Lại hỏi năm tháng
17 nào được sinh? Phật đáp rằng: Chém cây liền
18 bỏ búa, không duyên chớ nói cho về nhà chớ
19 từ khổ. Lại bảo Đạo Xước sám hối: Một là để
20 kinh tượng ở chỗ thấp kém, còn mình thì ở
21 an ổn trong phòng - hai là làm công đức khiến
22 người xuất gia đôi với mười phương tăng mà
23 sám hối; ba là vì tu mà tạo thương tổn cho
24 hàm sinh, nên đối với chúng sinh mà sám hối.

1 Lại hỏi khi qua đời có điềm lành nào khiến
2 người thấy nghe? Đáp rằng ngày mất thì Ta
3 phát ra ánh sáng trắng chiếu xa đến phương
4 Đông, khi ánh sáng này hiện ra thì sinh về
5 nước Ta. Quả nhiên đến ngày mất thì có ba
6 luồng ánh sáng trắng chiếu trong phòng. Lại
7 thấy Pháp sư Đàm Loan ở trong ao bảy báu,
8 bảo rằng: Tịnh-độ đã thành nhưng dư báo
9 chưa hết. Mây tím hiện ra 3 lần.

10 ***12- Thiên sư Thiện Đạo:***

11 Ngài thuộc đời Đường, họ Chu, người ở
12 Tứ Châu, thuở nhỏ xuất gia thấy Tây Phương
13 biến tướng thì than rằng: Làm sao gởi chắt
14 Liên Đài gá thân Tịnh-độ? Đến khi thọ giới
15 Cự túc, Luật sư Diệu Khai cùng xem Quán
16 Kinh thì vui buồn giao nhau cùng khen rằng:
17 Tu các hạnh khác thì lòng vòng khó thành,
18 chỉ có Quan Môn này là chắc chắn vượt sinh
19 tử. Bèn đến chỗ Thiên sư Xước hỏi rằng:
20 niệm Phật thật được vãng sinh hay chẳng? Sư
21 đáp: Làm một hoa sen hành đạo bảy ngày mà
22 không héo thì được vãng sinh. Lại Pháp sư
23 Anh ở Đông Đô giảng Kinh Hoa Nghiêm bốn
24 mươi lượt vào đạo tràng của Thiên sư Xước

1 sống trong Tam-muội mà than rằng: Tự tiếc
2 nhiều năm chỉ hướng uổng công tìm Văn Sở
3 nhọc thân tâm, sao bằng mong niệm Phật
4 không thể nghĩ bàn! Thiền sư nói: Kinh nói
5 thật Phật đâu nói dối. Thiền sư bình thường
6 ưa thích Khất thực, thường tự trách rằng:
7 Phật Thích-ca hãy còn khất thực, Thiện Đạo
8 là ai mà thích ở yên đòi cúng dường? Ngay
9 cả Sa-di cũng chẳng cho lạy, viết Kinh Di-đà
10 mười vạn quyển, vẽ Tịnh-độ biến tướng ba
11 trăm bức, gặp tháp miếu thì đều sửa sang tu
12 bổ. Phật Pháp truyền sang Đông Độ chưa ai
13 làm hưng thịnh bằng Thiền sư.

14 ***13- Pháp sư Huyền:***

15 Người đời Đường, ở Tính Châu. Gặp
16 Thiền sư Xước giảng Quán Kinh mới biết hồi
17 tâm. Năm năm chuyên niệm Phật, một ngày
18 một đêm lễ một ngàn lạy niệm Phật bảy vạn
19 câu, sợ không trọn vẹn cho nên càng thêm
20 tinh tiến. Mộng thấy Phật Thích-ca và Bồ-tát
21 Văn-thù khen ngợi kinh Pháp Hoa. Lại thấy
22 ba con đường từ hướng Tây đến, một đường
23 dành cho kẻ tục, một đường cho cả Tục và
24 Đạo, đường thứ ba chỉ có chư Tăng, đều là

1 người Vãng sinh.

2 **14- Thiên sư Ngạn:**

3 Người đời Đường, ở Tịch Châu. Ngài tu
4 nghiệp Vãng sinh thường thực hành Sám
5 Phương Đẳng. Khi qua đời thì thấy hai Bồ-
6 tát Quán Âm- Thế Chí hiện giữa hư không,
7 mời thọ vẽ mà không ai vẽ được. Bỗng cảm
8 hai người nói: Từ Tây Kinh đến muốn tới Đài
9 Sơn. Rồi vẽ cho một bức không trở ngại Sư
10 bảo đệ tử rằng: Ai muốn theo ta đến Tây
11 Phương. Cậu bé nhỏ nhất thưa: Con nguyện
12 xin theo! Liền vào đạo tràng ngồi thẳng mà
13 hóa. Sư nói: Nếu đi thật thì hãy đợi nhau sao
14 trở về trước ta. Bèn sai môn đồ giúp mình
15 niệm Phật rồi ngồi thẳng mà hóa, thọ tám
16 mươi tuổi, nhằm mừng 7 tháng giêng niên
17 hiệu Thùy Cung thứ nhất.

18 **15- Thiên sư Đại Hạnh:**

19 Ngài là người ở Tề Châu, vào Thái Sơn
20 ăn cỏ mặc vỏ cây cầu Tam-muội Pháp Hoa,
21 cảm Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân, dạy sư niệm
22 Phật A-di-đà trải qua hai mươi một ngày.
23 Đến nửa đêm bỗng thấy đất lưu ly, mắt tâm

1 rỗng sáng thấy cả mười phương Phật. Sau bị
2 bệnh nằm nghiêng bên hông phải mà mất.
3 Sau khi chôn thì quan quách vẫn thơm ngát
4 mấy ngày không tan, dung mạo chẳng khác
5 lúc còn sống.

6 **16- Thiên sư Tạng:**

7 Ngài là người Phần Châu. Mỗi khi ra cửa
8 lay khắp Tháp miếu, không nhận đạo tục lay
9 mình, trước khởi việc chế tâm và ngăn sáu
10 giặc, một niệm mà không lỗi. Thường làm
11 việc Tăng thay cho đầy tớ. Thấy áo dơ ngâm
12 đều lấy giặt và vá lại mùa Hạ nóng thì cởi áo
13 nằm cỏ để nuôi ve muỗi. Ngày Sư qua đời,
14 các trời đến mời Sư đều không đi, đến khi
15 Hóa Phật ở Tịnh độ đến đón, mới bắt đầu ra
16 đi.

17 **17- Pháp sư Cầm:**

18 Ngài trú tại chùa Thiên Phước ở Trường
19 An, lâu thông kinh điển, không tin niệm Phật,
20 có hỏi Hòa-Thượng Thiện Đạo rằng Việc
21 niệm Phật ở môn nào? Đáp rằng: Anh hãy cứ
22 niệm Phật sẽ có chứng nghiệm. Lại hỏi: Có
23 từng thấy Phật chẳng? Sư đáp: Phật nói còn

1 nghi gì? Bèn hai mươi một ngày vào Đạo
 2 Tràng, không có cảm ứng gì. Tự tiếc tội nặng
 3 muốn bỏ ăn dứt mạng. Sư ngăn lại không
 4 cho. Suốt ba năm chuyên chí liền được thấy
 5 thân ngọc hào sắc vàng của Phật, chứng được
 6 Tam-muội. Bèn tự soạn Luận Vãng Sinh
 7 Quyết Nghi bảy quyển. Khi qua đời được
 8 Phật rước, chấp tay hướng về Tây mà mất.

9 ***18- Thiền sư Hoài Ngọc:***

10 Ngài họ Cao, trú tại chùa Dũng Tuyền ở
 11 Thai Châu. Khi ăn chẳng ăn cơm, không mặc
 12 áo tơ tằm, thường tự thật thà sám hối hơn vạn
 13 vạn lần, tụng Kinh Di-đà Quán ba mươi vạn
 14 biến, khóa tụng hằng ngày niệm năm vạn
 15 câu, phóng sinh ruồi muỗi, ngồi mãi chẳng
 16 nằm. Ngày 9 tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo
 17 năm thứ 6 thấy Thánh chúng ở Phương Tây
 18 số đông như cát sông Hằng. Thấy một người
 19 mang đài bạc theo cửa sổ mà vào. Thiền sư
 20 nói: Công khóa của tôi đáng được đài vàng,
 21 bèn gia công niệm Phật. Trên hư không có
 22 tiếng nói Viên Quang trên đánh chiếu sáng
 23 khắp hư không. Bảo với môn đồ lui ra sau
 24 chớ chạm ánh sáng. Đến khi qua đời thì ánh

1 sáng càng mạnh, bèn nói kệ rằng:

2 *Thanh tịnh sáng sạch không bụi*
3 *nhơ,*

4 *Hoa sen hóa sinh là cha mẹ,*
5 *Ta tu hành nay đã mười kiếp,*
6 *Thị hiện Diêm-phù chịu các khổ,*
7 *Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp,*
8 *Là hẩn Ta-bà về Tịnh-độ.*

9 Nói xong thì thấy đài vàng tím rồi mỉm
10 cười mà mất. Nhục thân hiện ở tại chùa Đồng
11 Tuyền ở Thai Châu.

12 **19- Tăng Pháp Trí:**

13 Tăng Pháp Trí ở tại Thiên Thai chuyên
14 nghiệp niệm Phật. Tánh Sư thô suất không
15 câu chấp luật nghi, người bảo phạm tội Cát-
16 la phải bốn trăm năm vào địa ngục, liền tin.
17 Nghe Kinh nói niệm Phật A-di-đà một câu thì
18 diệt hết tám mươi ức kiếp tội nặng sinh tử,
19 bèn ở chùa Quốc Thanh vào đài Đâu-suất
20 niệm Phật ngày đêm. Người thời đó không
21 tin. Bổng Sư từ giả khắp đạo tục rằng: Tôi
22 sắp vãng sinh. Khiến các người thân biết để
23 thiết trai một ngày. Đến ngày thì vào nửa

1 đêm không bệnh mà mất. Ánh sáng màu vàng
2 chiếu đến hơn mấy trăm dặm. Loài trĩ đồng
3 sợ hãi kêu lớn, người trên thuyền gọi nhau
4 trời sáng.

5 **20- Tăng Đạo Ngang:**

6 Tăng Đạo Ngang ở Tương Châu giảng
7 Kinh Pháp Hoa, bỗng nhiên thấy các vị trời
8 tấu nhạc từ hư không đến bảo rằng: Đây là
9 trời Đâu-suất xuống đón rước. Đạo Ngang
10 bảo: Cõi trời còn là cội gốc sinh tử, do đó
11 không ham đến chỉ nguyện Tây Phương mà
12 thôi. Nói xong thì thấy Tây Phương đờn ca
13 vây quanh đến rước. Tin đến không được
14 dừng lâu. Nói xong thì tay cầm lò hương lên
15 tòa cao ngồi thẳng im lặng mà hóa.

16 **21- Tăng Hùng Tuấn:**

17 Tăng Hùng Tuấn họ Chu, người ở Thành
18 Đô, giỏi giảng nói, không có giới hạnh, được
19 bổ thí thì dùng phi pháp lại hoàn tục vào trại
20 lính giết chóc cướp của, rồi chạy vào Tăng
21 lánh nạn. Trong niên hiệu Đại Lịch thấy vua
22 Diêm La bắt dẫn vào địa ngục Tuấn kêu lớn:
23 Hùng Tuấn này mà vào địa ngục thì Chư Phật

1 ba đời là nói dối. Vua bảo Phật không hề nói
2 dối. Tuấn nói: Hạ Phẩm Hạ Sinh trong Quán
3 Kinh nói kẻ gây ra năm tội nghịch, khi qua
4 đời mười niệm còn được vãng sinh. Hùng
5 Tuấn tuy gây tội mà không phải là năm tội
6 nghịch, nếu nói về niệm Phật thì không biết
7 là bao nhiêu. Nói xong thì vãng sinh Tây
8 Phương, nương đài mà đi.

9 **22- Ni Pháp Tạng:**

10 Ni Pháp Tạng đời Tống, trú tại chùa Kiến
11 Phước ở Kim Lăng theo Thiền nghiệp cao xa,
12 bảo bạn đồng học là Đàm Kính rằng Ta lập
13 thân hành Đạo chí ở Tây Phương. Sau bỗng
14 nhiên bị bệnh, lúc đầu thấy Phật A-di-đà
15 cùng các Thánh chúng đến thăm hỏi bệnh
16 tình Pháp Tạng, ánh sáng chiếu sáng cả chùa,
17 đại chúng đều trông thấy, rồi Ni sư qua đời.

18 **23- Ni Tịnh Chân:**

19 Ni chùa Tích Thiện ở Trường An, đắp y
20 khất thực, một đời không tức giận, giảng
21 Kinh Kim cang mười vạn lần, chuyên rỗng
22 niệm Phật, tháng 7 niên hiệu Hiên Khánh thứ
23 5 thì Ni bị bệnh, bảo đệ tử rằng: Trong tháng

1 5 này mười lần ta thấy Phật A-di-đà, hai lần
 2 thấy thế giới Cực Lạc, trên hoa sen báu đồng
 3 tử dạo chơi, lại có Thánh Tăng 5 lần thọ ký
 4 rằng ta sẽ thành Phật, lại bảo ta được vãng
 5 sinh Thượng phẩm. Rồi ngồi kiết già mà mất.
 6 Qua một đêm tỉnh lại bảo đệ tử rằng: Ta được
 7 địa vị Bồ-tát, đi khắp mười phương cúng
 8 dường Chư Phật. Nói xong thì mất. Ánh sáng
 9 chiếu khắp chùa.

10 **24- Ni Pháp Thắng:**

11 Ni là người ở Huyện Ngô, tiến tu Thiền
 12 định, theo nghiệp niệm Phật. Dạy dỗ đạo tục
 13 khuyên cầu vãng sinh. Bà bị bệnh tự biết
 14 không qua khỏi. Nằm thấy một vị Tăng đến
 15 báo rằng: Bệnh này không thể lành, nên
 16 chuyên niệm Phật. Lại thấy hai vị Tăng đắp
 17 y cầm hoa đứng ở trước giường chiếu ánh
 18 sáng vào thân mình. Nói xong thì mất.

19 **25- Ni Ngô Tánh:**

20 Ni là người Lạc Dương ở Hành Châu, gặp
 21 Xà-lê Chiêu, phát nguyện niệm Phật một vạn
 22 lần. Niên hiệu Đại Lịch như 6 bà vào Đài
 23 Sơn, bỗng nhiên bị bệnh, nghe trên hư không

1 có tiếng nhạc, bà bảo: Ta được Trung phẩm
2 Thượng sinh, thấy người đồng niệm Phật ở
3 Tây Phương đều có Hoa sen, thân màu vàng
4 chiếu sáng. Lúc ấy vào năm hai mươi bốn
5 tuổi.

6 **26. Ni Đại Minh:**

7 Ni là người ở duyên Châu. Gặp Thiên sư
8 Xước giảng Kinh Vô Lượng Thọ dạy nghiệp
9 niệm Phật. Trước khi niệm thì bà mặc áo
10 sạch, súc miệng xông trầm đốt hương tịnh
11 thất. Khóa tụng ba, bốn năm tiếp tục không
12 đứt quãng. Khi Ni qua đời, đại chúng thấy
13 ánh sáng nghe tiếng nước có hơi trầm hương
14 đến rước, lúc đó Ni qua đời.

15 **27- Hai Sa-di:**

16 Có hai Sa-di trú tại chùa Khai Hóa ở Tĩnh
17 Châu. Sa-di nhỏ bảo Sa-di lớn rằng: Huynh
18 thử thực hành nghiệp Tịnh Độ xem sao? Cả
19 hai vui mừng cùng đồng chí. Mười lăm năm
20 sau, Sa-di lớn chết trước đến Tây Phương
21 thấy Phật A-di-đà thưa rằng: Em con có được
22 sinh lên đây hay chăng? Phật bảo: con nhờ
23 cậu ta mà phát tâm, con còn được vãng sinh,

1 cậu ta có nghi gì? Hãy trở về Diêm Phù
 2 khuyên niệm danh hiệu Ta, ba năm sau sẽ
 3 cùng đến gặp ta. Bèn trở về sống lại kể đủ
 4 mọi việc. Năm sau hai Sa-di tâm khai nhãn
 5 tịnh, cùng thấy Bồ-tát đến rước. Đất đai rung
 6 chuyển, trời rải hoa như mưa trên không,
 7 đồng thời cùng mất tùy nguyên vãng sinh.

8 **28- Đồng tử A Đàm Viên:**

9 Đồng Tử ở thời Tống, mười tám tuổi giữ
 10 giới Bồ-tát thờ Thiền sư Hàm tu nghiệp Tịnh-
 11 độ, luôn hướng về Sư mà sám hối. Đêm vào
 12 canh tư bỗng nhiên tự tụng niệm. Sư kinh hãi
 13 hỏi con thấy màu gì? Đáp: Con thấy Phật
 14 màu vàng ròng, hư không đầy phướn hoa từ
 15 Tây Phương mà đến. Bỗng nhiên qua đời.
 16 Mùi thơm lạ mấy ngày không tan.

17 **29- Đồng tử Ngụy Sư Tán:**

18 Đồng tử mười bốn tuổi ở Ung Châu, thờ
 19 Thiền sư Tịnh phát tâm niệm Phật, ngày đêm
 20 nối tiếp. Niên hiệu Vĩnh Huy thứ 3 bị bệnh
 21 chết rồi sống lại thưa với mẹ rằng: Con đã
 22 thấy Phật A-di-đà, con sẽ vãng sinh. Nói
 23 xong thì mất. Người hàng xóm xung quanh

1 thấy trên nóc nhà người mất, có ánh sáng
2 năm màu chiếu lên mây bay về hướng Tây.

3 **30- Quốc Vương Ô Trường:**

4 Quốc Vương nước Ô Trường là Vạn Cơ
5 Chi Hà, gọi những người hầu bảo rằng: Ta là
6 Quốc chủ cũng không tránh khỏi Vô thường,
7 nghe Tây Phương là nơi gá thân, ngày đêm
8 sáu thời niệm Phật hành đạo và tấu nhạc. Mỗi
9 ngày thiết đãi trăm vị Tăng. Vua cùng phu
10 nhân chính tay làm thức ăn, hơn ba mươi năm
11 chuyên tinh không thay đổi. Khi qua đời thì
12 thần sắc vui vẻ an hòa. Thánh Chúng Tây
13 Phương đến rước có rất nhiều điềm lành.

14 **31- Hoàng Hậu đời Tùy:**

15 Hoàng hậu Tùy Văn Đế tuy ở trong cung,
16 nhưng rất nhàm chán thân nữ, hằng ngày
17 niệm Tây Phương. Đến khi qua đời thì mùi
18 thơm lạ đầy cung từ hư không đến. Vua Văn
19 Đế hỏi Xà Đề Tư Na ấy là điềm lành gì? Đáp
20 rằng Tây Phương có Phật hiệu A-di-đà,
21 Hoàng hậu nghiệp cao thân thức sinh về nước
22 ấy, nên có điềm lành này,

23 **32- Lưu Di Dân đời Tấn:**

1 Lưu Di Dân đời Tấn làm huyện lệnh ở hai
 2 huyện Tử và Tang, nương Đại Sư Viên ở Lô
 3 Sơn tu đạo tu Tam-muội niệm Phật. Mới
 4 được nửa năm ở trong Tam-muội thấy ánh
 5 sáng Phật duỗi tay tiếp dẫn. Bèn thỉnh Phật
 6 cầu tăng nguyện mau bỏ thân mạng này mà
 7 sinh Tịnh-độ. Ở núi mười lăm năm, tự biết
 8 trước ngày giờ chết, bèn từ biệt chúng ngồi
 9 thẳng mà hóa, đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm
 10 thứ 15, thọ năm mươi bảy tuổi.

11 ***33- Quán Sát Sư Vi Chi Tấn đời***
 12 ***Đường:***

13 Vi Chi Tấn đời Đường lập hạnh Từ, lập
 14 đạo tràng Tây Phương niệm Phật A-di-đà,
 15 sám hối nguyện sinh Tây Phương, hành đạo
 16 Bồ-tát, giữ gìn Phật Pháp, xoay bánh xe
 17 Chánh Pháp, độ thoát hàm thức. Đến tháng 6
 18 ngồi kiết già chấp tay xoay mặt về hướng
 19 Tây, niệm Phật A-di-đà sáu mươi câu, bỗng
 20 nhiên tạ thế. Mùi thơm lạ đầy nhà trong ngoài
 21 đều nghe diêm lạnh không thể kể hết.

22 ***34- Nguyên Tử Bình đời Đường:***

23 Nguyên Tử Bình đời Đường, niên hiệu

1 Đại Lịch năm thứ 9 trú tại chùa Quán Âm ở
2 Nhuận Châu phát tâm niệm Phật A-di-đà một
3 vạn câu, trải qua ba tháng bỗng nhiên bị
4 bệnh. Nghe trên hư không có mùi thơm lạ và
5 tiếng nhạc. Người bệnh vui mừng vô cùng
6 trong hư không có tiếng người bảo: Vui thô
7 đã qua, vui tế kế đến, trải qua một ngày niệm
8 Phật cuối cùng sinh Tịnh-độ. Mùi thơm lạ
9 mấy ngày.

10 **35- Ngụy Thế Tử đòi Tống:**

11 Ba cha con Ngụy Thế Tử tu nghiệp Tây
12 Phương, chỉ có vợ là không tin. Con gái mười
13 bốn tuổi chết rồi bảy ngày trở lại thưa với mẹ
14 rằng: Con thấy Tây Phương, cha anh ba
15 người đã có hoa sen, sau sẽ hóa sinh. Chỉ có
16 mẹ không có, nay con về báo tin sẽ đến sau.
17 Mẹ nghe lời con nhiều ngày niệm Phật, để cả
18 bốn người đều được vãng sinh.

19 **36- Trương Nguyên Tường:**

20 Trương Nguyên Tường đòi Đường, là
21 người ở Thượng Đô, bầm tánh thuần trực mỗi
22 ngày luôn niệm Tây Phương. Niên hiệu Khai
23 Hoàng năm thứ 2, giờ Thìn ngày 3 tháng 6

1 đòi ăn cơm chay, bảo rằng Hiền Thánh đang
 2 đợi. Ăn xong thì đốt hương đối trước Tây
 3 Phương Chánh niệm mà mát, khi đưa đến mộ
 4 thì mùi thơm lạ và ánh sáng bao trùm cả mộ.

5 **37- Người đời Tùy ở Hằng Châu:**

6 Người ở Hằng Châu không họ tên, niệm
 7 Phật dùng đậu để đếm số, đủ ba mươi sáu
 8 Thạch thì thiết trai ăn mừng, rồi đem đậu cho
 9 người ăn chay. Quán Âm Thế Chí hóa thành
 10 hai người hình dung xấu xí ốm gầy đến xin
 11 ăn. Đáp rằng Đệ tử nguyện sinh Tây Phương
 12 không còn chướng ngại gì, quý vị đến khát
 13 thực rất đúng tâm nguyện của con. Ăn xong
 14 thì chỉ nghe mùi thơm lạ và hai người bay lên
 15 hư không mà đi. Lúc đó nhằm tháng 9 niên
 16 hiệu Khai Hoàng năm thứ 8.

17 **38- Trương Chung Húc:**

18 Trương Chung Húc là người ở Đồng
 19 Châu, làm nghề mua bán gà. Vào niên hiệu
 20 Vĩnh Huy năm thứ 9 qua đời thấy ở phía Nam
 21 nhà có bầy gà tụ tập. Bỗng thấy một người
 22 mặc áo lụa đỏ sậm cỡi gà bảo mỗ mỗ, gà ấy
 23 mỗ bốn lần cả hai mắt đều chảy máu ở trên

1 giường. Đến giờ Dậu tới chùa Thiện Quang
2 niệm Phật, Tăng Hoằng Đạo bảo bày tượng
3 Thánh niệm Phật A-di-đà. Bỗng nhiên có
4 mùi thơm lạ an nhiên mà mất.

5 **39- Người ở Phần Châu:**

6 Người Phần Châu không rõ tên họ, làm
7 nghề giết trâu bò, bị bệnh nặng thấy mây con
8 trâu bức hiếp mình. Bèn bảo vợ thỉnh Tăng
9 cứu mình. Khi Tăng đến người bệnh hỏi:
10 Thầy tụng kinh Phật nếu tôi bị tội nặng có
11 cứu được chăng? Thầy đáp: Trong Quán
12 Kinh nói khi qua đời niệm mười câu Phật
13 hiệu còn được vãng sinh, há Phật nói dối.
14 Bỗng nhiên lúc ấy mùi thơm lạ đầy nhà rồi
15 mất. Mọi người đều thấy mùi thơm lạ sắc
16 sáng mây lành ở trên nhà người ấy.

17 **40- Phòng Trợ:**

18 Phòng Trợ ở Đại Châu có khuyên một cụ
19 già niệm Phật. Cụ già được sinh Tây Phương
20 vào âm phủ gặp vua Diêm La, vua thả cho
21 về, bảo rằng ông sẽ sinh Tịnh-độ. Trợ tụng
22 một vạn biến Kinh Kim cang, nguyện kính lễ
23 cả núi Ngũ Đài, tâm này chưa toại chưa muốn

1 vãng sinh.

2 **41. Vợ Ôn Văn Tịnh:**

3 Vợ Ôn Văn Tịnh người ở Tịch Châu,
4 bệnh nằm trên giường chồng bảo: Nàng nên
5 niệm Phật A-di-đà! Miệng niệm Phật không
6 dứt, liền thấy cõi nước Phật. Sau bảo chồng
7 thiết trai, sắp vãng sinh Tây Phương. Ăn
8 xong bảo chồng hãy cố gắng niệm Phật.

9 **42- Hai ông bà thôn Ước Sơn ở Tuy**
10 **Châu:**

11 Ông Bà hiểu rõ tất cả đều như không có?
12 Mỗi tháng vào ngày 29 thỉnh hai vị Sơn Tăng
13 đến hành đạo niệm Phật, thiết trai cúng
14 dường. Bà tự làm lấy. Ông hỏi sao không nhờ
15 người. Bà nói có bao nhiêu việc thì tự làm
16 lấy, bảo người khác làm là phước của họ. Khi
17 qua đời có ánh sáng đầy nhà, nửa đêm mà
18 như ban ngày.

19 **43- Nữ đệ tử họ Lương:**

20 Nàng họ Lương ở Hạo Châu hai mắt đều
21 mù, được vị Tăng khuyên niệm Phật A-di-đà.
22 Từ khi theo lời thì niệm suốt ba năm không
23 dứt, rồi cả hai mắt đều sáng, người trong làng

1 đều nhìn thấy. Đến khi qua đời thì thấy Phật
2 và Bồ-tát đến rước. Sau khi chết thì xây tháp
3 miếu để thờ, người tới lui đều cung kính. Trai
4 gái cả quận đều hồi tâm niệm Phật.

5 ***44- Nữ đệ tử họ Bùi:***

6 Nàng họ Bùi vào niên hiệu Trịnh Quán,
7 được vị Tăng dạy niệm Phật, dùng đậu để
8 đếm số. Niệm đủ mười ba thạch (60 kg) thì
9 tự biết chỗ sinh bèn từ giã người thân. Sau đó
10 trang sức đẹp đẽ rồi niệm Phật mà mất và
11 vãng sinh Cực Lạc.

12 ***45- Nữ đệ tử họ Diêu:***

13 Diêu Bà người ở Thượng Độ, vào niên
14 hiệu Trịnh Quán được Phạm Bà khuyên nủ,
15 lấy niệm Phật A-di-đà làm đầu, lâm chung
16 thấy Phật Bồ tát đến đón, vì cho rằng chưa
17 gặp Phạm bà thỉnh Phật tạm dừng lại để đợi
18 nhau. Phật ở trên hư không đợi Phạm bà đến
19 tay cầm lò hương, an nhiên mà qua đời.

20 ***46- Tuân Thị vợ của Trương Văn Xí:***

21 Tuân Thị phát tâm niệm Phật trọn hai
22 năm. Có vị Tăng thấy trong ao bảy báu có
23 hoa sen thừa với Phật: Ngắt một cành đem

1 cho con gái không có tội chăng? Nói xong thì
2 cảnh thấy tan mất. Ngày qua đời thì có mùi
3 thơm lạ đến rước mà vãng sinh Tịnh-độ.

4 **47- Cụ già ở huyện Phần Dương:**

5 Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5, cụ già
6 ở huyện Phần Dương tại Tịch Châu thường
7 tụng Tây Phương đem lương khô lên núi
8 Pháp Nhãn mượn một phòng trống nghỉ qua
9 đêm niệm Phật mà mất. Lúc đó ánh sáng
10 chiếu sáng rực, quay mặt về phía Tây mà
11 mất, rồi lên đài sen mà đi.

12 **48- Thiệu Nguyễn Bảo:**

13 Thiệu Nguyễn Bảo người ở Ung Châu,
14 phát tâm niệm Phật từng tiếng không dứt và
15 tự thật thà sám hối. Đêm nằm mộng thấy hoa
16 sen báu bị trâu kéo, bèn đánh trâu bảo: Ta đã
17 tụng ba quyển Kinh Di-đà và niệm Phật trăm
18 câu. Trâu bèn mừng rỡ sau gập đài vàng cỡi
19 trên không mà đi.

20 Vãng Sinh Tây Phương Tịnh Độ Thụy
21 Ứng Truyện-Hết

22 Nước Ngô Việt, Thủy Tâm Thiền Viện,
23 Trụ Trì Chủ Hưng Phước, Tư Lợi Đại Sư

1 được Vua ban thưởng- Tử Đạo sẵn cung kính
2 biên soạn. Niên hiệu Thiên Đức năm thứ 2,
3 ngày 29 tháng 4 ở Chùa Diên Lịch, Sa môn
4 Độ Hải khuyến bảo viết truyện này truyền ra.

5 Truyện bốn mươi tám vị này để chứng
6 tông lập giáo được in ra bản đầu tiên để Bồ
7 thí khắp cho mọi người.

8 *Nguyện đem công đức này,*
9 *Bình đẳng thí tất cả,*
10 *Đồng phát tâm Bồ-đề,*
11 *Vãng sinh nước An Lạc.*

12 Niên hiệu Trinh Vĩnh năm thứ nhất, ngày
13 27 tháng 3 bắt đầu viết,
14 viết xong ngày 21 tháng 4.



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 TỊNH ĐỘ VÃNG SANH TRUYỆN
12 SỐ 2071
13 (QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)
14
15
16
17
18
19

20 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
21 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2071

TỊNH-ĐỘ VẮNG SINH TRUYỆN

*Sa Môn Giới Châu ở Phi Sơn, thuộc
Phước Đường đời Tống soạn*

LỜI TỰA

Chúng Thánh Hiền đều nhóm họp trong vườn Cấp Cô, lúc đó không một lời thưa hỏi, mà Như lai tự bảo rằng về phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước có Tịnh độ, cõi ấy rộng lớn do trăm báu hợp thành. Lại bảo chúng sinh nghĩ nhớ tưởng niệm cầu sinh đều được như nguyện. Nói rằng có mười hai Phân giáo bao trùm muôn loài, đây chính là một phần về vô vấn tự thuyết. Giống như mẹ không đợi con đòi mà vỗ về, không đợi đưa tay mới dứt mới bằng ẵm. Nhưng Như lai bỏ cung Tịnh Phạm giáng xuống Ca Dục, nói Pháp suốt năm mươi năm, rải Từ chân tùy cơ mà trao dạy hiện đủ thân Trời-Rồng-Thích-Phạm, Thanh Văn, Duyên Giác, Đại Bồ-tát...

1 bỏ cả đầu mắt tủy não và các thứ bên ngoài
2 như thành quách châu báu ân cần ba lần thỉnh
3 không phải một, Như lai hoặc từ chối hoặc
4 lặng im, chỉ dừng lại mà không nói. Còn ở
5 đây tự nói là vì thương các loài trôi giạt mãi
6 trong năm trước nhiều kiếp chẳng dừng. Nay
7 chán năm Trước hẹn sinh Tịnh-độ, ắt là ở chỗ
8 chuyên niệm. Nói niệm đến mức là tưởng
9 mười sáu quán thứ lớp giúp nhau. Kinh nói
10 chư Phật từ biển Chánh Biến Tri tâm tưởng
11 sinh ra, đó là sao là nói chỗ đầu tư, nêu cái
12 dần dần mà gọi trước có tu trì thì trước có Vô
13 Thượng cực quả bắt đầu ở thâm tâm. Thâm
14 tâm xác thực thì không thể nhỏ. Cho nên một
15 niệm mà chuyển được ba đường, mười niệm
16 mà lên chín phẩm Thiện, đây tuy là các kinh
17 Đại Thừa Phương Đẳng đều cùng bày mà
18 cùng phát, chẳng phải một kinh mà nói phát.
19 Từ đời Hán Ngụy trở lại đây, chỉ thành
20 hướng về Tây, chưa nghe có người thật vì
21 Đại Pháp chưa đủ để truyền bá Văn Kinh.
22 Thời Tây Tấn có giặc Lưu diêu tàn phá vùng
23 kinh Lạc, Tăng hiền ẩn lánh ở đất Giang
24 Đông, mới do ba việc nhân nguyện thương

1 cảm nhưng khác xa cái chí chăm chăm. Cả
2 đời loạn thì di phong thắng nghiệp mà thay
3 cho hoặc là không nghe? Cuối đời Đông Tấn,
4 Viễn sư ẩn tích tại núi Lô, thời ấy có đồng
5 chí là các Pháp sư Thích Đạo Bính, Trúc Đạo
6 Sinh, Phật-đà-da-xá. Đến các tại gia tài giỏi
7 là Lưu Di Dân, Lôì Thứ Tông, Chu Tục Chi,
8 ... một trăm hai mươi ba người kết giao đạo
9 chơi phương ngoài hiểm mà cùng đến. Viễn
10 công lấy các huyền tụ tập không gửi chắc
11 thân như mộng ảo chẳng thường còn. Do đó
12 chỉ riêng nước Phật Vô Lượng Thọ mà kết
13 giao cùng đạo chơi, ấy mà thôi. Lại nói nước
14 ấy thanh tịnh không có ba đường không có
15 sáu nẻo, chúng sinh theo đó không chỉ một
16 đời mà sinh, phước báu dẫn trước, gá thân
17 nơi sen vàng, do đó mà cùng có ý tưởng cũng
18 rõ ràng. Từ Viện Công trở đi việc tu Tịnh-độ
19 càng thịnh đạt. Cho nên Tống có Đàm
20 Hoảng, Tề có Tuệ Tấn, Lương có Đạo Trân.
21 Khoảng đời Lý Đường có nhiều bậc Dĩnh
22 Ngộ thông thức như Đạo Xước, Thiện Đạo
23 và rất nhiều vị khác.

24 Tôi ở thời Tượng Mạt gặp được Di Pháp

1 của Phật mà theo Tịnh Nghiệp cũng có năm
2 thường lấy các sự tích của các Tiên Hiền
3 chép trong các truyện, ở vào các đời khác
4 nhau không cùng loại một mạch xem qua. Do
5 đó trải qua khảo sát các đời Lương Tùy trở
6 đi, các truyện ký được soạn ra như kể về các
7 ngài Tuệ Giáo, Đạo Tuyên tất cả có mười hai
8 vị. Đến đời Đại Tống có Tân Truyện của
9 Thông Tuệ Đại Sư lại nêu được bảy mươi
10 lăm vị. Truyện này về lý có chỗ tối tăm, về
11 lời thì tụn mუნ vụn vặt. Do đó mà có sửa
12 chữa và nói rõ hơn về Hồng Nghiệp, Tuệ
13 Minh v.v... sáu mươi hai vị, các tướng tượng
14 lúc sống cho đến khi chết, nếu không đủ để
15 giúp khởi tin sâu thì không còn gì khác. Các
16 bậc Minh Triết sợ các việc sau này chưa gom
17 góp đủ, thì tôi cũng đã dự bị rồi.

18 -----
19

TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

QUYỂN THƯỢNG

Chánh truyện có mười chín vị, phụ thêm có mười hai vị.

1. Giang Đông, Thích Tăng Hiền ở đời Tây Tấn.

2. Lô Sơn, Thích Tuệ Vĩnh ở đời Đông Tấn.

3. Lô Sơn, Thích Tuệ Viễn ở đời Đông Tấn

(Có phụ: Phật Đà Gia Xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận)

4. Sơn Âm, Thích Tuệ Kiên ở đời Đông Tấn .

5. Lô Sơn, Thích Tăng Tể ở đời Đông Tấn.

6. Lô Sơn, Thích Tuệ Cung ở đời Đông Tấn

(Có phụ: Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan)

7. Lô Sơn Lưu Trình Chi ở đời Đông Tấn.

8. Đông An, Thích Tăng Duệ ở đời Diêu Tần.

9. Giang Lăng, Thích Đàm Giám ở đời Lưu Tống

(Phụ: Đạo Hải, Đàm Hoằng, Đạo Quảng, Đạo Quang).

10. Giao Chỉ, Thích Đàm Hoằng ở đời Lưu Tống.

11. Kim Lăng, Ni Pháp Thanh ở đời Lưu Tống.

12. Đơn Dương, Ni Đạo Viện ở đời Lưu Tống.

13. Dương Đô, Thích Tuệ Tấn ở đời Nam Tề.

14. Nghiệp Hạ, Thích Tuệ Quang ở đời Bắc Tề.

15. Linh Kiến Thích Pháp Lâm ở đời Bắc Tề.

16. Linh Thử Thích Tăng Nhu ở đời Bắc Tề.

1 17. Bích Cốc Thích Đàm Loan ở đời Hậu
2 Ngụy. (Phụ: Long thọ)

3 18. Lô Sơn Thích Đạo Trân ở đời Tiên
4 Lương.

5 19. Hà Dương, Thích Tuệ Mạng đời Hậu
6 Chu (Phụ: Pháp Âm).

7
8 *****

9 ***1. Thích Tăng Hiền:***

10 Ngài họ Phó người ở Đại Quận. Có chỗ
11 nói là người Nam Thành ở Lâm Xuyên. Tổ
12 tiên nhiều đời làm quan ở Đại, do đó mà nhà
13 ở đây. Hiền tuổi nhỏ đã bỏ tục dày dạn khổ
14 đau, không giao du với người và việc phù
15 ngụy việc biến đổi của thanh suy cơ xảo vị
16 thử hình chi. Hoặc khi Thiên Định dời đổi
17 nhiều ngày. Cuối thời Tây Tấn, giặc Lưu
18 Diệu tàn phá vùng Kinh Lạc, Hiền bèn ẩn
19 lánh ở Giang Đông mà phóng ý đến các danh
20 sơn nơi ven núi cực hiểm vắng dấu chân
21 người, ông đến đó vào buổi chiều vắng thì
22 được vị Tăng Ấn độ truyền cho bản dịch
23 Kinh mới. Văn kinh dự bị ba việc Tịnh-độ,

1 do đó nguyện thứ lớp vãng sinh chín Phẩm
2 Bèn rất mừng bảo rằng: Thân ta trộn lẫn
3 trong các khổ năm Trược ràng buộc, ở đó mà
4 được đây như bay ra khỏi than nóng, bay
5 liệng giữa hư không, ta nghĩ sau này có chỗ
6 về. Do đó Chí thành Tây tướng cố gắng mãi
7 không biếng lười. Một chiều tháng 9 bị bệnh,
8 lại thấy Phật Vô Lượng Thọ bay trên hư
9 không mà đến, từ trên không có trăm ánh
10 sáng chiếu vào thân. Chiều ấy ông dậy tắm
11 gội, vì người cùng ở và chăm sóc bệnh mà nói
12 điều đã thấy lại nói rõ ràng nhân quả, khuyên
13 nhủ người chưa ngộ rồi thì mất. Chùa bên
14 cạnh có người thấy đài vàng từ Phương Tây
15 hạ xuống, và nghe mùi thơm lạ đầy nhà. Mọi
16 người đều lấy làm lạ.

17 **2. Thích Tuệ Vĩnh:**

18 Ngài họ Phàn người ở Hà Nội. Cuối thời
19 Đời Đông Tấn, Sư thờ Sa môn Trúc Đàm
20 Hiện Kế nghe Pháp sư Đạo An làm phép tắc
21 thời ấy, người ở ngoài ngàn dặm đến học lúc
22 ấy phần lớn là Trung Nguyên nên dân đi bói
23 đều đến Ngũ Đài mà bỏ La Phù. Do đó ông
24 đến Tầm Dương Người ở Quận là Đào Phạm

1 hết lời giữ ông ở lại, bèn đến trú tại Tây Lâm
2 ở Lô Sơn không đổi, các môn đồ rất đông.
3 Viễn Công lại đến ở, nên cùng bàn ở đây trọn
4 đời. Viễn Công ở đây suốt ba mươi năm
5 không hề xuống núi. Vĩnh ở Tây Lâm cũng
6 thế. Lại rất tinh nghiêm kinh luật và giảng
7 nói, mặc áo vải ăn rau dưa vui với tuổi già.
8 Từng muốn nhà tâm trống vắng rèn tập Tam-
9 muội bèn lập một thất trên đỉnh núi. Mỗi khi
10 Vĩnh đến có một con hổ đến nằm phục bên
11 thất, người sợ thì đuổi đi, người về thì lại đến.
12 Vĩnh từng đến Ô Kiều, chủ doanh trại Ô Kiều
13 uống rượu say cỡi ngựa chặn đường không
14 cho đi. Lúc đó trời đã xẩm tối, không đường
15 rút lui, Vĩnh cầm gậy chỉ ngựa, ngựa sợ nhảy
16 lên làm chủ té bị thương. Hôm sau đến hạch
17 tội. Vĩnh nói Thần Hộ giới phạt người cuồng
18 đại đối với Vĩnh, bèn xin Sám hối. Vĩnh tánh
19 chân chất tự nhiên, lời nói không thương tổn
20 người vật, quyết chí ở An Dưỡng. Vào niên
21 hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười Sư bị bệnh mặc
22 áo liệm, mắt nhìn hướng Tây. Bổng đòi giày
23 và muốn ngồi dậy, chúng hoài nghi hỏi han
24 thì Sư bảo: Phật đến nên ta ngồi dậy. Nói rồi

1 Sư mất. Đạo-tục kéo đến đều nghe có mùi
2 thơm lạ bảy ngày mới tan.

3. Thích Tuệ Viễn:

4 Sư họ CỎ, người ở Lôu Phiền thuộc Nhạn
5 Môn. Thuở nhỏ theo cậu du học ở Hứa Lạc,
6 lâu thông kinh sử, lại giỏi Lão Trang. Năm
7 hai mươi một tuổi muốn đi qua Giang Đông
8 định theo học với Phạm Tuyên Tử, nhưng
9 đường Nam bị nghẽn nên chí không thành.
10 Lúc đó Đạo An ở Thái Hành hoằng đạo nổi
11 tiếng. Viễn nghe liền đến thấy mặt rất kính
12 trọng. Sau nghe Sư An giảng kinh Bát-nhã
13 bỗng được khai ngộ liền bảo: Cử luận khác
14 của chín dòng đều là vỏ trấu. Rồi cùng mẹ và
15 em là Tuệ Trì đều quy phục. Sư có dáng vẻ
16 nghiêm túc tài giỏi nên Đạo An thường khen
17 "Người làm cho giáo pháp truyền bá ở Đông
18 Độ chính là viễn". Năm hai mươi bốn tuổi,
19 Sư giảng kinh ở chùa Đại Thiện có khách hỏi
20 về nghĩa thật tướng, bàn cãi qua lại càng
21 nhiều nghi ngờ, viễn dẫn Lão Trang giải
22 thích, khách bèn hiểu. Từ đó An cho phép
23 Viễn không bỏ ngoại điển. Trong niên hiệu
24 Kiến Nguyên có giặc loạn, Đạo An bị Chu

1 TỰ bắt giam, đồ chúng tứ tán. Viễn và Tuệ
2 Trì cùng mấy mươi người đều đến Kinh
3 Châu. Ít lâu sau muốn về Nam đến La Phù,
4 ra Tầm Dương thì thấy Lô Sơn cao vót yên
5 tĩnh có thể dừng chân. Nhưng chỗ ở cách xa
6 nước, viễn bèn động gậy xuống đất bảo: Nếu
7 nơi này ở được thì khiến rễ mọc thành suối.
8 Nói xong thì suối phun lên. Sau Tầm Dương
9 bị hạn, Viễn ở bên suối đọc Kinh Long
10 Vương thì bỗng có con rắn lớn từ nước bay
11 lên hư không, phút chốc có mưa lớn, do đó
12 gọi là Long Tuyền (Suối Rồng). Lúc đó Sa-
13 môn Tuệ Vĩnh ở Tây Lâm muốn Viễn cùng
14 ở, lại thẹn vì chỗ ở chật hẹp không đủ chứa.
15 Bèn bảo Thứ Sử Hoàn Y, Y bèn lập Đông
16 Lâm để ở. Thuở xưa Đào Khản trấn giữ
17 Quảng Châu, có ngư dân vớt được tượng do
18 Vua A-Dục tạo ra. Tượng này rất kinh lạ,
19 Khản đưa tượng về chùa Hàn Khê ở Võ
20 Xương, chùa cháy nhưng tượng vẫn còn
21 nguyên. Sau Khản đi trấn giữ quận khác sai
22 Sứ đón về nhưng không được. Khi Viễn cất
23 chùa xong cầu nguyện thì tượng tự nhiên
24 đến. Do đó biết Viễn tu chứng nên cảm được

1 điềm lành. Ân Trọng Kham đi Kinh Châu
2 đến Lô Sơn luận đạo với Sư chẳng biết mệt
3 mỗi. Kham nói sự hiểu biết của Sư sâu sắc
4 khó địch nổi. Tư Đồ Vương Mật, Hộ quân
5 Vương Mặc đều khâm phục Phong Đức của
6 Sư, Mật có thư rằng tuổi chưa bốn mươi mà
7 ai đồng nhĩ thuận há chẳng buồn cho sự rơi
8 rụng ư? Sư đáp: Người xưa không trọng
9 thước ngọc mà chỉ quý tác bóng, cái còn lại
10 không do năm dài. Vua Tống Võ đuổi giặc
11 Lư Tuấn, các quan tâu Viễn Công trước có
12 giao du mật thiết với Tuấn. Tống Võ bảo
13 Viễn là người tiêu biểu cho đời không có kia
14 đây. Do đó sai sứ đem thư tiền gạo đến tặng.
15 Chúa nhà Tần là Diêu Hưng rất trọng tài đức
16 của Sư, đưa bản Luận Đại Trí mới dịch nhờ
17 Sư đề tựa nhưng viết thư nói rõ rằng: Luận
18 này do Long soạn ra, lại là chỉ quy của
19 Phương Đăng, không có Đại sĩ, ai có thể viết
20 cho lời tựa? Hoàn Huyền phạt tội Trọng
21 Kham đến dưới chân núi, mời Viễn đến Hồ
22 Khê Viễn từ chối. Huyền tự vào núi, người
23 chung quanh Kham rất kính trọng Viễn, xin
24 Ngài chớ trọng. Huyền bảo Trọng Kham

1 sống như người chết nhác! Nhưng khi gặp
2 Viễn thì Huyền kính sợ, các nghi nan đều
3 không dám. Lại hỏi việc đánh dẹp thì Viễn
4 không đáp. Huyền gạn hỏi thì đáp việc quân
5 binh chưa học Huyền bảo giờ đang nguyện
6 điều gì? Nguyện cho Đán-việt được an ổn họ
7 cũng chẳng khác. Huyền xuống núi bảo
8 người chung quanh rằng người này xưa nay
9 chưa gặp. Sau Huyền dùng oai chủ soái ra
10 lệnh cho Sa-môn phải lạy vua. Thượng thư
11 lệnh Hà Sung Phác, Tạ Chử Tường v.v... tâu
12 luận khiến môn hạ vâng chỉ, đang bàn bạc
13 lãng xãng chưa định thì Viễn Công làm luận
14 năm Thiên Sa-môn không lạy Vua dâng lên
15 Huyền, bèn thôi. Khi Huyền thua chạy về
16 Tây, An Đế từ Giang Lăng về Kinh đô. Quan
17 Phụ Quốc Hà Vô Kỵ khuyên Viễn đón Vua
18 thì ông từ bệnh không đi. Vua gửi thư ủy lạo,
19 Viễn đáp tạ. Trần Lưu, Tạ Linh Vận ỷ tài kiêu
20 ngạo nhưng gặp Sư thì rất tâm phục. Viễn
21 công trong thông Phật Giáo, ngoài giỏi sách
22 Nho ở Lô Sơn ba mươi năm không hề xuống
23 núi. Bành Thành có Lưu Di Dân, Dự Chương
24 có Lô Thứ Tông, Nhạn Môn có Chu Tục

1 Chi... đều kính trọng, Nam Dương có Tông
2 Bính, Thanh Hà có Trương Giả đều bỏ đời
3 mà nương Viên sư. Viên cùng Di Dân và tăng
4 tục gồm một trăm hai mươi ba người kết làm
5 Tịnh Xã, trước tượng Di-đà cùng thề đến An
6 Dưỡng. Bèn khiến Di Dân soạn văn khắc đá.
7 Lúc đó đời gọi là Liên Xã, Viên rất trọng việc
8 hoàng Pháp. Mỗi khi nghe Tăng Đồ từ Tây
9 Vực đến thì ân cần hỏi han Đạo Vị. Sa-môn
10 nước Kế-Tân là Tăng già-nan-đề trong niên
11 hiệu Thái Nguyên đến ở Tầm Dương, Viên
12 Công thỉnh dịch lại Bộ A-tỳ-đàm Tâm và
13 Luận Tam Pháp Độ. Về già nghe ngài La-
14 thập đến Quan Trung bèn đốt hương xa
15 tưởng và viết thư thăm hỏi. La-thập cũng
16 nghe tiếng Sư đã lâu, bèn viết thư giao hảo.
17 Lại gởi cho năm bài kệ. Từ đó Nam Bắc ngàn
18 dặm thư từ thăm hỏi không dứt - tháng tám.
19 Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười hai từ
20 ngày 1 đến ngày 6 Sư bị bệnh, các bậc cao
21 tuổi thỉnh Sư uống rượu đậu. Sư bảo: Uống
22 rượu trị bệnh văn luật không cho, thỉnh Sư
23 uống nước cháo thì Sư bảo đã quá Ngọ. Lại
24 thỉnh Sư uống mật thì Sư bảo mở luật tìm

1 văn, chưa được nửa quyển thì Sư mất, thọ
2 tám mươi ba tuổi. Đạo Tục đưa tiễn như mây
3 đùn. Thái Thú Tầm Dương là Nguyễn Bảo
4 cùng đệ tử là Pháp Tịnh v.v... đào đất ở Sơn
5 Tây mà chôn Sư. Tạ Linh Vận, Tông Bính
6 một thời nổi tiếng là Hiền, truy điệu Sư đặt
7 bài Minh ghi đức. Tăng Tuệ Giảo đời Lương
8 cách Sư hơn trăm năm biết việc đã viết
9 Truyện nói rằng: Xét về Biệt Truyện, Viên
10 Công đối với Tịnh-độ chuyên tu siêng niệm.
11 Xưa ở Lô Sơn mười một năm lắng tâm buộc
12 tưởng, ba lần thấy Phật mà im lặng không
13 nói, mười chín năm sau, chiều tháng 7, Viên
14 Công ở Khám Đông bên đài Bát-nhã, từ Định
15 ra thì thấy thân Phật Di-đà đầy khắp hư
16 không, trong viên quang có các Hóa Phật, lại
17 thấy Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại
18 thấy dòng nước sáng chia thành mười bốn
19 nhánh mỗi nhánh nước phun trên dưới, tự
20 giảng nói Khổ Không, Vô thường- Vô ngã.
21 Phật bảo Viên rằng: Ta vì bốn nguyện lực
22 đến an ủi ông, bảy ngày sau ông sẽ vãng sinh
23 về nước Ta. Lại thấy Phật đà-da-xá cùng Tuệ
24 Trì, Đàm Thuận ở bên Phật chào Viên nói:

1 Pháp sư trước chúng tôi sao đến chậm thế?
 2 Viễn thấy rõ ràng và sáng suốt không rối
 3 loạn. Rồi nói đủ các việc thấy nghe cho đệ tử
 4 Pháp Tịnh, Tuệ Bảo v.v... nghe. Nhân đó bảo
 5 Tịnh rằng trước đây mười một năm ta đối
 6 Tịnh-độ ba lần thấy Phật, nay lại thấy thì ta
 7 chắc chắn được sinh Tịnh-độ. Ngày hôm sau
 8 Sư bị bệnh, lại nói với Tịnh rằng chỉ trong
 9 bảy ngày là chậm. Các ông phải cố gắng chờ
 10 để tình thế gian trôi cột. Đến hẹn thì mất.

11 **4. Thích Tuệ Kiên:**

12 Sư họ Hoàng Phủ, người ở Hà Sóc. Tinh
 13 trì giới luật ý rất bền chắc. Xưa ở Lô Sơn
 14 mười năm kẻ đạo người tục đều kính mến.
 15 Kiên ở dưới chân núi, Viễn Sư mến nghiệp
 16 phong của ông bèn bảo với Minh Thắng,
 17 Pháp Bảo rằng người ấy là người của ta, đức
 18 nghiệp ông ấy tâm ta không bằng mà không
 19 hô then ư? - Sư đến Ngô Hội ở đất Thục
 20 hoàng hóa, rồi đến chùa Gia Tường ở Sơn
 21 Âm nhóm họp đồ chúng mà dạy dỗ. Lúc đó
 22 ngài La-thập truyền dịch Kinh mới, có chỗ
 23 chưa giảng thì Kiên lần lượt giảng, rồi bảo
 24 chúng rằng ở đời Tượng Mạt mà giảng dạy

1 Di Giáo, nguyện đem chút điều lành nhỏ này
2 kính dâng Phật Di-đà. Sau đó năm năm bị
3 bệnh. Kiền biết đã đến lúc liền bảo: Lên ngồi
4 Sen Vàng trong ao ngọc, hoa nở thấy Phật
5 chính là lúc này. Lại cần cầu Hải chúng là
6 bạn thật vì Pháp. Quán Âm Thế Chí đến đây
7 đã về rồi, không nguyện nào khác. Đêm ấy ở
8 phía Bắc chùa tại Sơn Âm, có Ni Tịnh
9 Nghiêm nằm ngủ bỗng thấy Quán Âm Thế
10 Chí cùng trăm ngàn chúng từ trên cao xuống
11 cờ phướn long báu ánh sáng rực rỡ như mặt
12 trời mặt trăng. Nghiêm thấy vừa lay vừa
13 chiêm ngưỡng, bèn đến trước hỏi rằng: Thừa
14 Đại Sĩ ngài đi đâu thế? Đáp: Đến Gia Tường
15 đón Kiền. Chiều đó Kiền cũng thấy được
16 thắng tướng rồi an nhiên mà mất.

17 ***5. Thích Tăng Tế:***

18 Không biết Sư là người ở đâu, cạo tóc với
19 Sư nào? Vào thời Tấn An, từng vào Lô Sơn
20 hỏi đạo với Viễn Công. Ông lâu thông kinh
21 sách trong ngoài. Viễn thường bảo: Cùng ta
22 nói thành Đại Pháp là người ấy. Tế do mẫn
23 ngộ nên được Viễn công khen ngợi, phàm
24 các giảng luận đều khâm phục. Khi ông bị

1 bệnh nằm liệt giường muốn dậy mà không
 2 ngồi được, ngày thứ ba Viễn giao cho một
 3 cây đuốc bảo ông hãy dựa vào đây mà lập
 4 tâm An Dưỡng Tế vâng lời cầm đuốc đứng
 5 tưởng, lại mời Chư Tăng đến tụng Quán
 6 kinh, lần hồi sắp đến canh năm mới trao đuốc
 7 cho đệ tử là Nguyên Bặc rồi đi theo Tăng.
 8 Chốc lát như sự tĩnh lại cầm đuốc bay trên
 9 hư không, được Phật Di-đà đuổi tay tiếp dẫn
 10 lại đến khắp mười phương cúng dường chư
 11 Phật. Phút chốc tỉnh lại, kể rõ các việc cho
 12 Bặc, rồi vui mừng nói: Ta một đêm quán
 13 niệm mà được Phật tiếp dẫn, chỉ có Phật Đại
 14 Từ ai niệm đều đến. Tối hôm sau lại thấy trên
 15 hư không có Hóa Phật và Hóa Bồ-tát chấp
 16 chờn hiện đến. Sư bảo Bặc: Hóa Phật đã đến
 17 ta đi đây, rồi nhìn về hướng Tây một hơi mà
 18 mất. Sau khi mất hơn ba tháng vào mùa nắng
 19 gắt mà da thịt vẫn không rã mục.

20 **6. Thích Tuệ Cung:**

21 Sư là người ở Phong Thành thuộc Dự
 22 Chương. Từ khi vào học Phật ông và ba Pháp
 23 sư Tăng Quang-Tuệ Kham-Tuệ Lan là bạn
 24 rất thân. Bọn Lan sức học không bằng Cung,

1 còn đối với Tịnh-độ tinh chuyên niệm tưởng
2 nguyện thì Cung không bằng. Bọn Lan có lần
3 gọi bảo anh sức học rộng nhưng đối với Phật
4 đạo thì như kẻ điếc trời nhạc mà mình không
5 nghe được minh thức của bậc Thánh, anh biết
6 được gì? Cung đáp: Thì làm càng vậy, học
7 mà không thông đạt ai như chưa chết, mà mê
8 muội ngu ngây được ư? Sau bảy năm bọn
9 Lan đều mất. Khi chết đều biết trước ngày
10 giờ. Năm năm sau tức đời Tấn niên hiệu
11 Nghĩa Hy năm thứ mười một, Cung bị bệnh,
12 trong lúc bệnh nằm nghỉ bọn Lan đã chết, nay
13 bị bệnh khổ không chỗ nương, bèn bảo: Sáu
14 nẻo noi nhau có khi nào dừng mà còn nhiều
15 thêm. Lại nói sinh tử tới lui ta sao về được?
16 Do đó gục đầu khóc lóc quyết tâm về An
17 Dưỡng. Tuy bị bệnh khổ nhưng niệm vẫn
18 không xen hở. Một hôm mắt thấy Phật Vô
19 Lượng Thọ bùng đài vàng tím đến rước.
20 Cung biết mình nương đài vàng. Ở trong đài
21 phát ra ánh sáng như đồng báu. Lại thấy các
22 vị Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan cùng ở
23 trong ánh sáng vui mừng bảo Trưởng lão thọ
24 thị sinh về Thượng phẩm. Chúng tôi chỉ

1 mong năm Trước được yên mà nương Tịnh-
2 độ dầu muộn. Cung bảo ta biết thân tâm ta
3 không có các đau đớn. Nói xong thì mất.

4 **7. Lưu Trình Chi:**

5 Ông tự là Trọng Tư, người ở Bành Thành
6 là con cháu của Hán Sở Nguyên Vương. Tổ
7 tiên làm quan đời Tấn rất vinh hiển. Trình
8 Chi thuở nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất chí hiếu,
9 tiếng vang khắp nơi. Lại ỷ tài tự phụ không
10 chịu uốn mình theo tục, dầu mình đói lạnh ở
11 trước oai phước mà vẫn y nhiên rộng sáng.
12 Tư Đồ Vương Mật, Thừa Tướng Hoàn
13 Huyền, Thị Trung tá Côn, Đô Đốc Tạ An,
14 Thái Úy Lưu Dụ đều mến mộ muốn tiến cử
15 nhưng đều từ chối. Ông đến Lô Sơn nương
16 Viễn Công. Viễn công hỏi: Quan Lộc vôi vôi
17 sao chẳng làm? Trình Chi nói Vua quan nghi
18 nhau vạch lá tìm sâu. Tấn thất lại không có
19 cái vững chắc của bàn thạch, vật tình có cái
20 nguy như chất trứng, sao tôi làm được? Viễn
21 nghe nói bảo là Tướng lớn khí dày. Thái Úy
22 Lưu Công cũng vì chí như thế nên không thể
23 dùng sức ép được, bèn bàn nhau lấy hiệu là
24 Di Dân mà tặng. Lôi Thứ Tông, Chu Tục

1 Chi, Tất Dĩnh Chi, Trương Tú Bảo v.v... đều
2 cùng đến nương Viên Công. Viên Công nói
3 các ông đến thì phải quên mà dạo chơi Tịnh-
4 độ. Nếu có tâm thì phải cố gắng chớ có
5 chuyện sau này. Trình Chi có văn tạc vào đá
6 để ghi nhớ. Sau ông chăm chăm lo Phật đạo
7 không màng chuyện vinh nhục. Đốc chỉ
8 mười một năm, năm cuối trong khi niệm Phật
9 thì thấy thân Phật Di-đà màu vàng chiếu sáng
10 thắt. Trình Chi then buồn khóc lóc thưa rằng:
11 Con mong được Như lai xoa đầu, đắp y cho
12 con. Bỗng nhiên Phật xoa đầu và đắp y cà sa
13 cho. Một hôm niệm Phật lại thấy xuống ao
14 lớn bảy báu, hoa sen trong ao xanh trắng xen
15 nhau, nước mênh mông không bến bờ. Có
16 một người trên đài có vàng ánh sáng tròn
17 ngực có chữ vạn chỉ nước trong ao bảo là
18 nước tám công đức con hãy uống. Trình Chi
19 uống vào thì thấy ngon ngọt. Khi tỉnh dậy thì
20 biết mùi thơm phát ra từ lỗ lông tay. Trình
21 Chi nói duyên Tịnh-độ của ta đã đến, chúng
22 sáu hòa nào cùng ta chứng minh. Lúc đó
23 Tăng ở núi Lô đã tập hội, Trình Chi đối tôn
24 tượng thấp hương kính lễ khẩn rằng: Con nhờ

1 lời dạy của Phật Thích-ca mà biết có Phật Di-
2 đà, nén hương này trước cúng dường Thích-
3 ca Như lai, kê cúng dường Phật A-di-đà, sau
4 cúng dường Phật và chúng Bồ-tát trong hội
5 Pháp Hoa và đến khắp Phật Bồ-tát ở mười
6 phương, nguyện khiến tất cả hữu tình đều
7 sinh về Tịnh-độ. Nguyện xong vái quỳ mọp
8 mà mất. Mười một ngày sau Viễn Công sắp
9 Trình Chi vào xã và ghi vào truyện.

10 **8. Thích Tăng Duệ:**

11 Ông là người Quán Đào đời Ngụy. Năm
12 mười tám tuổi thờ Tăng Hiền xin làm đệ tử.
13 Đến hai mươi tuổi thì lâu thông kinh Phật
14 cũng thông cả sách Nho. Có lần nghe Tăng
15 Lãng giảng Kinh Phóng Quang nhiều lần đến
16 hỏi, Lãng gọi Hiền bảo: Duệ trí thức hơn
17 người đáng gọi là đệ tử Hiền của Hiền. Duệ
18 vì còn học tập chưa rèn Định đủ Tuệ, lại thêm
19 áo vị của Thiền Định phải từng bậc nên bảo:
20 Kinh Pháp tuy ít biết nhân quả, Thiền Pháp
21 chưa truyền không có đất bày tâm. Sau ngài
22 La-thập vào Quan Trung dịch ra Thiền Yếu
23 ba quyển. Duệ có được, ngày đêm tu tập liên
24 thông suốt năm môn giỏi vào sáu Tịnh. Ngụy

1 Tư Đồ Diêu Tung đức hạnh cao vời, có lần
2 Tần Chúa là Diêu Hưng hỏi Tung: Ông Duệ
3 ra sao Tung đáp: Thật là hạng thông bách của
4 Nghiệp Vệ. Do đó tiếng tốt vang xa. Ngài La-
5 thập dịch Kinh Luận Duệ đều sửa đúng. Sau
6 dịch Luận Thành Thật khiến Duệ giảng.
7 Thập ngó Duệ nói Luận này có 7 chỗ văn phá
8 Tỳ-đàm ở lời có ẩn kín, nếu không hỏi mà
9 hiểu được thì thật là bậc tài giỏi. Sau Duệ giải
10 rõ không cần hỏi La-thập. La-thập khen: Ta
11 truyền dịch mà gặp ông thì ta không còn hận
12 gì. Sau Duệ viết tựa cho Luận Đại Trí, Luận
13 Thập Nhị Môn, Trung Luận v.v..., lại viết tựa
14 cho Đại Tiểu Phẩm Pháp Hoa, Duy-ma và
15 Kinh Tư Ích đều truyền ở đời. Xưa Duệ giỏi
16 nhiếp oai nghi, rộng khen Kinh Pháp thường
17 hồi hướng các đều lành, nguyện sinh An
18 Dưỡng, nên nằm ngời tới lui chưa hề quay
19 lưng về hướng Tây. Sau không bệnh mà
20 nhóm họp chư Tăng bảo rằng: Tôi bình sinh
21 giữ nguyện An Dưỡng, như Duệ thấy thì chắc
22 chắn sẽ được sinh, nếu thân miệng ý nghiệp
23 chưa phạm hoặc không phạm thì nguyện thí
24 Đại Từ để làm bạn Pháp. Rồi thiết đãi chư

1 Tăng và ngồi mà mất. Ngày Duệ mất tăng
2 trong chùa đều thấy khói mù năm màu từ
3 phòng Duệ phát ra lượn quanh mấy vòng rồi
4 đi về phía Tây.

5 **9. Thích Đàm Giám:**

6 Ông họ Triệu, người Hạ Bác thuộc Ký
7 Châu. Thuở nhỏ chán tục cầu Thầy với Trúc
8 Đạo Tổ học tập các kinh lầu thông các luận.
9 Luận văn có chỗ chưa thông thì bảo không có
10 đời sau, ta sắp an phụ. Sau nghe ngài La-thập
11 vào Quan Trung liền chống gậy đến quyết
12 tâm học hỏi "nhất ngưng tam phản". Khi La-
13 thập tịch rồi thì Giám nói chẳng may ngài La-
14 thập vắng bóng không nơi học hỏi. Bèn đến
15 các chùa núi ở Giang Lăng. Lúc đó tuổi già
16 đi đứng rất cẩn thận. Từng nguyện đích thân
17 đến An Dưỡng, tận mắt thấy Di-đà, dầu một
18 mảy may điều lành cũng đều hồi hướng vào
19 đó. Một hôm trong Định thấy Phật Di-đà tay
20 cầm bình vàng rảy nước vào mặt bảo rằng rửa
21 sạch bụi nhơ cho con, khiến trong tâm con,
22 giúp thân miệng con đều nghiêm tịnh. Rồi
23 trong bình mọc lên một hoa sen bèn trao cho
24 Giám. Khi xuất Định, Giám gọi đệ tử là Tuệ

1 Nghiêm bảo rằng: Người có quán niệm Tịnh-
2 độ nên ta không giấu người điều gì, bèn thuật
3 rõ các điều đã thấy. Ba ngày sau đệ tử là Đạo
4 Tế đến từ già mà vãng sinh. Sư bảo: Người
5 chưa thể lên An Dưỡng thoát Ta-Bà, ruồi
6 rong Nam Bắc, cuối cùng thì ra sao? người
7 nên nghe lời ta, ngày sau sẽ cùng ở với ta.
8 Nếu không thì người sẽ theo nghiệp mà có
9 dời chỗ. Tối ấy Giám và tăng trong chùa nêu
10 ý ngày nào sẽ đi mãi không trở lại. Người
11 nghe không ai hiểu gì đêm ấy ngủ say. Có Sa-
12 di Tăng Nguyễn luôn theo hầu bên cạnh,
13 Giám nhìn hỏi đèn đêm hao dầu, ông biết ở
14 đâu chẳng? Tăng Nguyễn dẫn đi. Giám một
15 mình đi dưới hiên niệm Phật A-di-đà gần
16 suốt năm canh tiếng càng lúc càng lớn, đến
17 sáng bọn nghiêm đến thăm hỏi, Giám vẫn
18 ngồi im, xem ra thì đã mất. Bọn Nghiêm
19 không dùng hai quan quách để liệm. Đến ba
20 tuần mà thi thể vẫn mềm dịu lại có mùi hoa
21 phù dung tỏa ra. Cùng lúc ấy có Thích Đại
22 Hải ở Giang Lăng, Thích Đàm Hoằng ở Hoài
23 Nam, Thích Đạo Quảng ở Đông Hiên, Thích
24 Đạo Quang ở Hoằng Nông đều có tâm cầu

1 An Dưỡng cũng cùng ra đi. Họ đều nói mắt
2 thấy có Đài vàng, lưới báu cùng các chim
3 Tần-già, Cộng Mạng hiện ra.

4 **10. Thích Đàm Hoằng:**

5 Sư là người ở Hoàng Long, có chỗ cho là
6 người ở Cao Bưu thuộc Quảng Lăng. Trong
7 niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, dạo chơi
8 phương Nam dừng lại ở chùa Vu Đài tại
9 Phồn Ngu, sau đến chùa Tiên Sơn ở Giao
10 Chỉ, ngoài việc hương lửa không còn việc gì
11 khác, tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán
12 Kinh không biết số lượng. Hoằng thường
13 nghĩ rằng một thân muôn mối. Chánh niệm
14 khó giữ vững hãy nương Chánh niệm mà
15 sớm thấy Di-đà. Do đó ở trong núi vắng đã
16 chứa củi để sẵn. Một hôm chui vào đống củi
17 tự bảo rằng: Nguyên bỏ báu thân này mau
18 gặp Kim Nhan, không ở ba cõi và dọa các
19 Hữu! Do đó đốt lửa, các đệ tử tìm gặp bèn
20 khiêng về chùa. Phần nửa thân bị đốt đã rạn
21 nứt, trái hơn tháng chỗ lở nứt lại lành. Sáng
22 hôm sau cả làng nghiêm lập Đại hội, cả chùa
23 đều đến. Ngày ấy Hoằng lại vào hang sâu
24 nhóm củi đốt, dân làng chạy đến cứu nhưng

1 Hoằng đã chết. Do đó chất thêm củi đốt ngày
2 sau mới hết. Đệ tử thâu nhặt di cốt được mấy
3 trăm hạt Xá-lợi như đá sáng lấp lánh không
4 nở ra. Ngày hôm sau thấy Hoằng có thân màu
5 vàng rờn cở nai chạy về phương Tây rất
6 nhanh có người hỏi không đáp. Lại hỏi thì chỉ
7 giơ một ngón tay chỉ về Tây mà thôi. Có
8 người cố gắng đuổi theo, cùng đi rất xa, cuối
9 cùng không kịp.

10 ***11. Ni Pháp Thanh:***

11 Bà họ Niếp, người ở Thanh Hà Bồi Chi.
12 Cuối đời Đông Tấn ở ẩn tại Kim Lăng. Trong
13 niên hiệu Nguyên Gia đời Tống mới đến
14 chùa Kiến Phước xuất gia. Thông minh tài
15 giỏi do trời. Bèn đến chùa Đạo tràng gặp
16 Pháp sư thọ giới Bồ-tát. Ngày thì đọc sách
17 xem kinh, tối thì lắng suy lý vị, chứa nhóm
18 hằng năm thì thần trí sáng láng, dầu nói tuổi
19 già mà có hơn lúc trẻ, thường muốn vượt
20 khỏi ba cõi bước lên chín phẩm. Do đó phân
21 ra mười sáu pháp quán và làm tám ao để hệ
22 tưởng trước. Ngày 27 tháng 9 niên hiệu
23 Nguyên Gia năm thứ mười sáu, bà ở dưới
24 chùa tháp mà lễ tượng Di-đà. Chiều đến bị

1 bệnh, bệnh càng lúc càng nặng hơn, mới nằm
2 ngủ thì thấy Phật Di-đà và 2 vị Bồ-tát ngồi
3 mây nhiều hoa, mây phát ra ánh sáng báu
4 chiếu vào Thạnh. Lúc đó các Ni mang dép cỏ
5 đến thăm bệnh thì thấy ánh sáng trong phòng
6 Thạnh chói lòa, lấy làm lạ hỏi thì Thạnh nói
7 vừa rồi tôi nằm ngủ thấy Phật A-di-đà và hai
8 vị Bồ-tát ở trước tôi, lại chiếu ánh sáng vào
9 tôi, há Phật Từ bi độ tôi ư? Nói xong thì mất.
10 Bây giờ Trương Biện ở quận Ngô là Thái thú
11 Dự chương, xưa này rất kính trọng mà ghi
12 vào truyện kể.

13 **12. Ni Đạo Viên:**

14 Bà họ Giang, người ở Đan Dương, có kẻ
15 nói là người ở Đan Đồ. Thuở nhỏ rất thông
16 minh. Tự nhiên kinh sách văn sử đều tìm hiểu
17 rộng ra. Sau khi thành tựu giới pháp, nghiên
18 ngâm ý vị trong ba Tạng, được chỗ cốt yếu.
19 Đời Tàn Hiếu võ trong niên hiệu Thái
20 Nguyên, Hoàng hậu khen hạnh cao cả, làm
21 các điều lành đều quy về Chùa, các cô gái
22 con nhà giàu đều tranh nhau giao du với cô.
23 Đời Tống niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 8
24 cô tạo nhiều tượng Phật để tạo Phước. Ở

1 Bành Thành có hai tượng vàng, ở Chùa Ngõa
2 Quan có tượng Phật Di Lạc đi, ở chùa Kiến
3 Hưng có hai tượng vàng, ở Chùa Kiến Phước
4 có tượng Phật nằm và hai Tượng Phổ Hiền
5 đi. Lại theo tượng có các phướn hoa rất đẹp.

6 Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười
7 lăm, lại tạo một tượng Phật Vô Lượng Thọ
8 vàng, nguyện nhờ tượng này mà được tiếp
9 dẫn Tây Phương. Ngày 11 tháng 4 mùa hạ
10 giữa hai đầu chân mày tượng phát ra ánh sáng
11 rực rỡ chiếu sáng chùa, trong chùa đều biết
12 là màu vàng, trong ánh sáng vàng Phật Vô
13 Lượng Thọ thọ ký cho Viên rằng: Người bỏ
14 báo thân này sẽ về nương ta, nên khéo giữ
15 gìn chớ nghi và khinh thường. Được thọ ký
16 càng vui vẻ tinh tấn. Ngày rằm tháng ấy đến
17 trước tượng ngồi mà hóa.

18 ***13. Thích Tuệ Tấn:***

19 Sư họ Diêu, người ở Ô Trình thuộc Ngô
20 Hưng, tánh hùng dũng hào hiệp. Năm bốn
21 mươi tuổi biết thân là mộng huyễn, bèn đến
22 chùa Cao Tòa ở Dương Đô xuất gia. Tấn vì
23 trung niên xuất gia nên không thể hiểu sâu xa

1 viên đồn. Bèn nguyện tụng Kinh Pháp Hoa,
2 trọn đời dụng tâm lao khổ luôn cầm quyền
3 kinh, bị bệnh bèn than: Há nghiệp chướng
4 sâu dày theo lời Như lai dạy mà không thắng
5 nổi ư? Bèn phát nguyện tạo Kinh trăm bộ để
6 sám hối các chướng đời trước, góp tiền được
7 một ngàn sáu trăm đồng, một chiều giặc đến
8 cướp. Tấn không sợ sệt mà chỉ gập mình
9 chấp tay chỉ vào túi tiền và bảo: Đây là tiền
10 Kinh lấy của Đàn-việt, tôi không có. Đám
11 giặc nghe xong xấu hổ bỏ đi. Sau quả in xong
12 trăm bộ kinh, bệnh cũng lành. Tấn hồi hướng
13 công đức để cầu Tịnh-độ, nguyện thâm tâm
14 bền chắc. Bỗng trên hư không có tiếng nói:
15 Người việc đã xong nguyện đã trọn sẽ sinh
16 Tịnh-độ không phải người thì là ai. Tấn thưa
17 tôi không dám mong Thượng phẩm chỉ cầu
18 Hạ phẩm cũng không lui sụt rồi. Niên hiệu
19 Vĩnh Minh năm thứ 3 đời Tề, Sư không bệnh
20 mà mất, thọ hơn tám mươi tuổi.

21 ***14. Thích Tuệ Quang:***

22 Ông họ Dương, người ở Nghĩa Phong
23 thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi theo
24 Cha đến Lạc Dương thấy Thiên sư Phật-đà

1 kính mến Sư là người có đạo bèn xin thọ ba
2 Quy y. Sư thấy Quang có tướng lạ, có thể
3 gánh vác Chánh Pháp bèn khuyên gắng nên
4 theo Phật Quang bèn thờ Phật đạo khắc kỷ
5 gắng học, ngày nhớ mấy ngàn lời và suy tìm
6 chỗ sâu kín đều do túc ngộ. Có người hỏi han
7 thì Quang chỉ dẫn đều hiểu rõ, mọi người gọi
8 là Thánh Sa-di. Đến khi thọ Đại giới ai nấy
9 đều kính trọng đức độ. Của sư, sư thường mở
10 túi bồ thí không vắng ngày nào. Sư có soạn
11 làm Sơ Luật Tứ Phần và các Kinh Hoa
12 Nghiêm, Niết-bàn Thập Địa... quyền thật đều
13 gồm, người đời đều gọi là Hiền. Như có Tư
14 Mã Bộc Tạ Cao Long khiến con cô của mình
15 vốn học Nho theo hầu.

16 Nhưng Quang tu hành tinh khổ chưa biết
17 khi nào sinh về nước Phật. Bị bệnh liên sanh
18 tâm rất hồ thẹn, bỗng thấy các vị trời hiện
19 đến. Quang bèn chí thành xin về An Dưỡng.
20 Trong nháy mắt lại thấy Tịnh-độ Hóa Phật và
21 Hóa Bồ-tát đầy khắp hư không. Quang nói:
22 Chỉ có Phật nhiếp thọ mới toại bốn nguyện
23 ta. Lại gọi đệ tử bảo Hóa Phật và Bồ-tát số
24 đông vô kể, ta lại được đáp y, theo sau đây

1 đủ. Phút chốc thì tiếng nói và hơi thở đều im
2 bật.

3 **15. Thích Pháp Lâm:**

4 Sư họ Lạc, người ở Tấn Nguyên. Cạo tóc
5 ở quận nhà đến học ở quận Thục . Sư thường
6 buồn than ở đất Thục không có thầy. Khi Ân
7 Công đến thì ông ngày đêm thưa hỏi thầy.
8 Khi Ân về Thiểm Tây thì Lâm đi theo. Mấy
9 năm sau thì các Bộ Tỳ-Ni đều hiểu rõ Trì
10 Phạm. Lại trở về Thục nghỉ ở chùa Linh
11 Kiến. Tăng Ni ở đất Thục đến thăm rất đông
12 nhưng tâm Sư vẫn dửng dưng. Ngoài Luật bộ
13 ra khi nói bàn đều cầu sinh Cực Lạc. Cho nên
14 sớm tối thường tụng Quán Kinh đề cột các
15 niệm Khi tụng thường thấy một Tăng thân rất
16 cao lớn ở bên Lâm, tuy lấy làm lạ nhưng
17 không nói với ai chỉ có đưa hầu là thấy. Đời
18 Tề niên hiệu Kiến Võ năm thứ hai không bao
19 lâu lại thấy một cây báu lớn, dưới cây có ba
20 hoa sen, trên hoa có tượng Phật và hai Bồ-tát.
21 Lâm mừng rỡ nói rằng người tu Tịnh nghiệp
22 mà được thấy tượng báu liền trừ được vô
23 lượng ức kiếp tội nặng, ta là người ấy thì sao?
24 Ta may được thấy chẳng nghĩ đến sen vàng

1 ao ngọc mà chẳng được sinh. Do đó dặn việc
2 chôn cất không nên phí phạm của Tăng,
3 chẳng theo tục lệ xưa này nên theo Tây Trúc
4 làm lễ hỏa táng. Lại bảo tăng đêm nay nghe
5 tiếng chuông thì đến xem tôi. Đến nửa đêm
6 nghe tiếng chuông, Sư bèn đến chiếu ngồi
7 nhắm mắt, Tăng đồ đều nghe theo lời dặn,
8 nơi đầu ngổ chất củi mà đốt, lửa cháy phùng
9 phùng ba ngày mới hết.

10 **16. Thích Tăng Nhu:**

11 Ông họ Đào, người ở Đan Dương thuộc
12 Nhuận Chi. Chín tuổi học với cha mẹ, tính
13 thông minh tự phát, làng xóm đều khen tài
14 giỏi. Sau gặp Pháp sư Hoàng Xứng bèn theo,
15 Xứng nổi tiếng một thời, học giả kính mến
16 hầu hạ bên mình. Nhân đề phát chỗ học cũ
17 mà các kinh Phương Đẳng đều thấu suốt chỗ
18 sâu kín. Sau đến chùa Linh Thứu ở núi Diêm
19 Bạch. Tăng trong chùa thấy Nhu lấy làm lạ,
20 Nhu nói ta là quỷ thấy vật có gì lạ. Tề Thái
21 Tổ và Thế Tổ Văn Tuyên đều biết tiếng,
22 trước sau chiếu triệu mời đến nhưng Nhu
23 không thân tục chuộng danh, thấy sự vật
24 thanh suy nên chỉ chuyên tâm Tịnh-độ. Ngày

1 Sư mất, thấy Hóa Phật cả trăm ngàn. Lại
 2 nghe trong ngoài phòng có mùi thơm lạ
 3 quanh quẩn. Nhu nói mùi thơm lạ đến quanh
 4 quẩn bên ta là Thánh Hiền đến rước ta về
 5 Tây. Bèn nhờ người trái chiếu hướng về Tây
 6 chí thành kính lễ rồi mất, thọ sáu mươi bốn
 7 tuổi. Chôn toàn thân. Ở phía Nam núi. Sa
 8 môn Tăng Hựu giao du tốt với Nhu, gom lấy
 9 việc trước sau mà khắc vào đá.

10 **17. Thích Đàm Loan:**

11 Người Nhận Môn, lúc nhỏ đến núi Ngũ
 12 Đài, cảm được linh dị mà thề xuất tục. Sư
 13 rành ba Thừa văn lý Đốn Tiệm. Sư đọc Kinh
 14 Đại tập khó vì lời nghĩa sâu kín. Nhưng sau
 15 vẫn khai Ngộ bèn soạn chú giải. Có lần bị
 16 bệnh đến Phần Xuyên, bỗng thấy mây che
 17 sao Bắc đẩu, cửa trời rộng mở thêm bậc sáu
 18 tầng trời cõi Dục trên dưới lớp lớp, sư vừa
 19 nháy mắt thì bệnh lành. Sau dụng tâm với
 20 Phật đạo thường sợ không kịp lại dạy dỗ kẻ
 21 tục không xen hở lúc đầu Loan thích Thuật
 22 Học (Tiên Thuật) nghe Giang Nam có Đào
 23 Ân Cư được phép tiên sống lâu, bèn ngàn
 24 dặm đến học Đào trao cho Kinh Tiên mười

1 quyền. Loan rất mừng được thuật thần tiên.
2 Sau trở về Lạc Dương gặp Bề-đề-lưu-chi bèn
3 hỏi: Đạo Phật có pháp sống hoài chẳng chết
4 chẳng? Chi cười đáp: Sống hoài chẳng chết
5 là Đạo Phật ta, Đạo Tiên nào có? Bèn trao
6 cho Kinh Quán Vô lượng Thọ. Bảo rằng ông
7 tụng kinh này thì ba cõi chẳng sinh, sáu
8 đường chẳng đến, thì sự đầy vui, còn mất họa
9 phước thành bại không lay động được, sống
10 lâu như kiếp đá, như sô cát sông. Sô cát sông
11 còn có cùng, tuổi thọ Phật ta thì vô cùng cực.
12 Loan bèn khởi tin sâu, đốt hết kinh Tiên mà
13 chuyên về Quán kinh. Đối với Quán Kinh
14 được lý nghĩa tu ba phước nghiệp quán tượng
15 chín phẩm, mưa nắng không đời bệnh hoạn
16 chẳng bỏ. Ngụy Chúa chuộng chí ông lại
17 thêm tự làm dạy người rộng khắp nên được
18 ban hiệu là Thần Loan, mời trú tại chùa Đại
19 Nghiêm ở Tịch Châu. Không bao lâu dời về
20 chùa Huyền Trung ở Bích Cốc, Phần Châu.
21 Một tối, đang khi trì tụng, Loan thấy một vị
22 Tăng Ấn- độ đến, vào thất bảo ta là Long
23 Thọ, nơi ở là Tịnh-độ. Vì ông có tâm Tịnh-
24 độ nên đến gặp. Loan thưa: Có gì dạy con?

1 Sur nói: Việc quá khứ không thể kịp, việc vị
 2 lai không thể tìm, việc hiện tại đang ở đâu,
 3 ngựa chạy khó trở về. Nói xong biến mất.
 4 Loan biết là việc Sinh tử đã đến hẹn. Bèn
 5 nhóm họp đệ tử mấy trăm người khuyên bảo
 6 dạy rằng: Bốn loài thay đổi chẳng ngừng, khổ
 7 địa ngục chẳng thể chẳng sợ, chín phẩm Tịnh
 8 nghiệp chẳng thể chẳng tu. Do đó sai đệ tử
 9 lớn tiếng niệm Phật A-di-đà, rồi quay mặt về
 10 hướng Tây nhắm mắt mà tịch. Lúc đó đạo tục
 11 đều nghe tiếng nhạc từ Tây đến rồi đi về Tây.
 12 Ngụy Chúa nói đó là chỗ về của Phật tử chân
 13 tu, ra sắc chôn ở Văn Cốc Phần Tây, làm bia
 14 ghi chép việc lúc sống.

15 **18. Thích Đạo Trân:**

16 Không biết sư họ gì, trong niên hiệu
 17 Thiên Giám thời Lương, dừng chân ở Lô
 18 Sơn. Nghe xưa Viễn Công và Tuệ Trì, Đàm
 19 Thuận, v.v... kết tướng Tịnh-độ thì rất kính
 20 mến. Nhưng tâm kính mến lúc có lúc không
 21 do dự không nhất định. Lúc khác trong mộng
 22 thấy trên biển có chiếc thuyền chở mấy mươi
 23 người Trân hỏi thì nói đến nước Di-đà. Trân
 24 xin theo thì họ không cho, bảo rằng công đức

1 tu một ngày siêu suốt nhiều kiếp, còn Kinh
2 Di-đà ông chưa tụng làm sao đòi đi. Trân
3 trong mộng biết có sai. bèn tìm Kinh sớm
4 chiều tụng niệm suốt hai năm không bỏ giờ.
5 Đêm nọ thấy có người bung Đài bạc đến nói
6 Pháp sư báo hết thì lên đài này. Lại bảo công
7 đức của Sư đáng được đài vàng nhưng vì tâm
8 ban đầu còn do dự nên được ngàn này. Trân
9 khóc lóc tạ rằng: Nếu quả có thể vượt khỏi
10 ba cõi tránh được năm khổ thì chính là Trân,
11 nhưng cơ thấy Phật dù chậm thì vẫn là Đài
12 vàng. Trân ít nói nhưng nhiều chê bai, dầu
13 được đây nhưng chưa từng thương xót người.
14 Người cũng không biết chỉ Trân tự ghi mấy
15 trăm chữ giấu trong rương kinh ở bên tòa
16 ngòai. Đêm Trân mất thì trên núi có hằng ngàn
17 ngọn đuốc sáng ngời. Dân làng hơn mấy trăm
18 nhà đều thấy vô cùng quái lạ. Sáng hôm sau
19 mới biết đó là điềm lành báo hiệu Trân vãng
20 sinh. Ngày nọ mở rương kinh của Trân ra
21 mới được các điều Trân đã ghi, bèn phổ biến
22 rộng ra.

23 ***19. Thích Tuệ Mạng:***

24 Sư họ Quách, niên hiệu Đại Thông năm

1 thứ hai đời Lương sinh ra ở Trường Sa tại
2 Tương Châu. Rồi xuất gia. Người hiểu biết
3 cho là Mạng cuối cùng sẽ vào Nhà Như lai.
4 Năm mười lăm tuổi tụng bảy ngày hết một
5 bộ kinh Pháp Hoa. Các văn khác tụng cũng
6 thế. Khi cạo tóc học với Sư Vô Thường, nghe
7 Thiền sư Ân Quang liền đến học do tư chất
8 thông minh nên chưa đầy ba năm mà đã
9 thông suốt Thiền Yếu. Lại giao hữu thân thiết
10 với Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc. Thường
11 bảo Tư rằng ta và ông gieo nhân Tịnh nghiệp
12 chính là hẹn xa với Tây Phương. Tư nói ý
13 chăm chăm nào dám quên. Ở núi Thiên
14 Thành có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, có tâm phản
15 chánh định ở Chùa Sung Kiến. Bỗng nhiên
16 Thọ mộng thấy có mấy trăm người mặc áo
17 giáp vàng canh gác nghiêm trang như đợi ai.
18 Thọ nói Chắc có Di nhân nào đến, nếu không
19 sao ta mộng thấy trước. Quả nhiên hôm sau
20 thì Mạng đến. Thọ bèn tin sâu mà bỏ chỗ ở
21 ấy. Không bao lâu Mạng bảo: Chùa mới cất
22 còn cần nhiều Kinh sách, ta nên bỏ Thiền
23 quán mà cột tâm ở đây chẳng? Bèn cùng đồ
24 chúng trở về rừng cũ ở Trường Sa. Lúc đó,

1 Thiên sư Pháp Âm là người cùng quận, họ
2 Vương kết bạn Tình-độ với Mạng tuổi già
3 càng thêm thân thiết. Một đêm nọ, Mạng dắt
4 tay Âm ở dưới trăng nhìn nhau cười bảo rằng:
5 Thời đến mà chẳng đi thì gọi là ham sống,
6 đáng đi mà không đi thì gọi là Cầu dục, thì ta
7 đi đây. Âm nói biết nhau sao chẳng đợi ta
8 mười ngày ư? Mạng đưa hai ngón tay lên bảo
9 nếu qua đây thì không kịp nữa. Sáng hôm sau
10 quả nhiên Mạng bị bệnh, còn lại một ngày thì
11 mất. Ngày ông mất là ngày 05 tháng 10 năm
12 niên hiệu Thiên Hòa năm thứ 3 đời chu. Ngày
13 ấy mọi người đều thấy có người trên cõi trời
14 xuống có nhiều cờ phướn. Lại nghe trong
15 Phòng có tiếng nói lành thay! Lại nghe có
16 tiếng nhạc và mùi thơm lạ lâu ngày không
17 tan. Sau mười ngày thì Âm cũng mất, các
18 điềm lành cũng tương tự.



TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

QUYỂN TRUNG

Chánh truyện có hai mươi vị, phụ thêm có bốn vị.

1. Thích Tuệ Tư ở Nam Nhạc đời Trần.

2. Thích Trí Khải ở Thiên Thai đời Tùy.

3. Thích Trí Thuần ở Triệu Quận đời Tùy.

4. Thích Trí Thông ở Hà Đông đời Tùy.

(Phụ: Đánh cái đệ tử Thông và bà mẹ họ

Vương

5. Thích Chân Tuệ ở Bồ Châu đời Tùy.

6. Thích Pháp Trí ở Thiên Thai đời Tùy.

7. Thích Thiện Trụ ở kinh đô đời Đường.

8. Thích Pháp Tường ở Đồng Châu đời Đường.

9. Thích Minh Chiêm ở Chung Nam đời Đường?

1 10. Thích Đạo Xước ở Tịch Châu đời
2 Đường

3 11. Thích Quán Đảnh ở Thiên Thai đời
4 Đường.

5 12. Thích Đạo Ngang ở Tương Châu đời
6 Đường.

7 13. Thích Trí Diễm ở Võ Khâu đời
8 Đường.

9 14. Thích Thần Tổ ở Bị Châu đời Đường.

10 15. Thích Thiện Đạo ở Kinh đô đời
11 Đường

12 16. Thích Công Hướng ở Trần Lưu đời
13 Đường.

14 17. Thích Duy Ngạn ở Tịch Châu đời
15 Đường.

16 18. Thích Pháp Trì ở Kim Lăng đời
17 Đường.

18 19. Thích Tuệ Nhật ở Lạc Dương đời
19 Đường

20 20. Thích Hùng Tuấn ở Thành Đô đời
21 Đường

22
23 *****

1. Thích Tuệ Tư:

1 ***1. Thích Tuệ Tư:***
2 Sur họ Lý, người ở Võ Tân. Thuở nhỏ
3 mộng thấy vị Tăng Ấn-độ khuyên thoát tục,
4 do đó cạo tóc. Nhưng chỗ Sur nương không
5 phải là Lan- nhã. Bèn cảm được thần tăng
6 khuyên giữ trai giới. Tư càng cố chí ngày chỉ
7 ăn một bữa, việc đời đón đưa đều dứt. Sur
8 tụng kinh Pháp Hoa, Duy- ma v.v... hơn ba
9 mươi bộ, chỉ ở trong rừng vắng hoặc chỗ
10 thiếu người, liền bị bệnh lý, ai cầu sám hối
11 thì bình phục. Ngày nọ lại mộng thấy hơn
12 trăm vị Tăng Ấn-độ ở trên tòa an ủi bảo rằng:
13 Ông trước thọ giới không phải Thắng luật
14 nghỉ thì đâu thể khai Chánh Đạo. Ông tịnh
15 hạnh may gặp thanh chúng phải nên đổi đàn,
16 tối đó tự lại phát sanh tình cảm nhiều lần do
17 đó được thấy việc ba đời hành đạo. Lại từng
18 trong mộng thấy Phật Di-đà nói Pháp cho Tư,
19 do đó tạo tượng để nghiêm quán tưởng. Sur
20 có lần an tọa hệ niệm thấy tướng của nghiệp
21 thiện ác một đời cùng hiện ra rõ ràng. Hiện
22 xong thì thân tâm mạnh mẽ ngộ được Pháp
23 Hoa Tam- muội và ý chỉ Đại thừa Phương
24 Đẳng, bèn đối với hai thừa Đại Tiểu, các học

1 định tuệ mà tuyên bày dẫn dắt đề nhiếp mình
2 người, lâu dần các tạp tịnh thô khởi động
3 lăng xăng... Các học trò đều trình hỏi Tư nói:
4 Phật ở đời chưa khởi đề lại lời há ta chẳng bị
5 chê nhỏ. Huống chi không bao lâu Phật pháp
6 sẽ bị diệt chưa biết phương nào lánh khỏi.
7 Bỗng trên hư không có tiếng nói rằng: Nếu
8 muốn tu định thì Võ Đương Nam Nhạc là chỗ
9 ấy. Trong niên hiệu Võ Bình đời Tề đi về
10 phía Nam đến Quang Châu thì vì nhiều
11 nhường nên đường nghẽn tắt, phải cùng môn
12 đồ tạm nghỉ ở núi Đại Tô, núi này là biên giới
13 của Trần Tề nên quân binh vây chặt lại gặp
14 lúc Phật Pháp băng hoại, năm chúng ly tán,
15 kẻ tài giỏi một thời còn kính mến đức sư đang
16 mai danh ան tích cùng đến học hỏi lý vị. Tư
17 nói Ta già rồi không thể giúp được các ông.
18 Học trò là Trí Khải thay thầy giảng Kim Kinh
19 đến chỗ "một tâm đủ muôn hạnh" thì Khải
20 sanh nghi. Tư bảo ông hướng chí nghĩ về ý
21 Đại phẩm, thứ lớp chưa làm ý Pháp Hoa Viên
22 đốn Ta xưa ở trong Hạ khổ công suy nghĩ
23 không có một niệm nào hiểu nhanh các pháp
24 chính mình chứng được không chút nghi

1 ngờ. Khải liền học hỏi Pháp Hoa ba mươi bảy
2 cảnh giới rồi thưa: Hành vị của Hòa Thượng
3 đáng ở Thập Địa. Tư nói: Không phải, chỉ là
4 vị Thập Tín Thiết Luân, ta lấy việc nghiệm
5 ra thì có thể tự thấy. Trong niên hiệu Quang
6 Đại đời Trần, rồi Đại Tô Cùng hơn bốn mươi
7 vị Tăng đi đến Nam Nhạc. Khi đến nơi bảo
8 chư Tăng rằng: Xưa ta ở đây mười năm hẳn
9 là sự Viễn Du. Sáng hôm sau Sư đến Hành
10 Dương, gặp một ngọn núi cao cây cối xinh
11 tươi, Sư chỉ dưới đám rừng rậm bảo. Đây là
12 chùa Xưa, trước ta ở đây mấy năm. Rồi vạch
13 cỏ thì thấy nền chùa cũ và các đồ dùng của
14 tăng. Lại chỉ một nơi bảo đây là chỗ xưa ta
15 ngồi thiền, đám giặc chặt đầu ta chết rồi mà
16 có thân này. Kế đó ít bước là một đồng xương
17 khô. Sư cầm cái sọ người lên bảo đây là đầu
18 ta, chứng tỏ Phật lực rất nhiệm màu rồi thâm
19 nhặt lấy mà xây Tháp. Trần Đế nghe Sư có
20 nhiều việc lạ bèn hạ chiếu mời Sư đến ở chùa
21 Thê Huyền. Tìm đến một ngôi chùa khác thì
22 gặp mưa y phục đồ đạc và hài cỏ đều không
23 ướt. Tăng chánh Tuệ Tung thấy bèn khen
24 rằng: Đây quả là hành nhân bọn ta không thì

1 biết được. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt đến
2 thăm dâng cho sư cái gối sùng tê. Biệt Tướng
3 Hạ Hầu Hiếu Oai đến chùa Yết kiến Sư, giữa
4 đường bỗng nghĩ việc Ngô Hầu dâng Tư gối
5 sùng Tê hình dạng nó ra sao. Ông đến với vẻ
6 chi kính thì Tư bảo muốn thấy gối sùng tê thì
7 đến xem. Hạ Hầu hoảng sợ, mới biết Sư có
8 tha Tâm thông. Tư ở Nam Nhạc, Chúa Trần
9 mỗi năm đưa ba bức thư đến ủy lạo cung ứng
10 các vật. Nơi núi Sư hoảng hóa có thần biến
11 khó lường, hoặc hiện thân lớn nhỏ hoặc che
12 kín dấu vết không còn có gì, hoặc dựa vào
13 vật bên ngoài, hiện đủ các điềm lành. Lâm
14 chung đến đạo tràng ở lưng chừng núi, ngày
15 tiếp theo nói pháp, nói năng rất nghiêm nghị,
16 người nghe cảm thấy sợ hãi. Lại bảo nếu
17 mười người tu được Tam-muội Ban-chu thì
18 tùy chỗ cần ta sẽ bảo cấp nếu không có các
19 người này thì ta đi. Cuối cùng không ai trả
20 lời. Sư liền liễm niệm trong chốc lát thì im
21 lặng. Có đạo nhỏ tên Linh Biện, lúc đó ở bên
22 cạnh cất tiếng gào khóc, thì Sư mở mắt trách
23 rằng Thánh chúng đến rước ta đang luận chỗ
24 thọ sinh vì sao người khóc lóc làm loạn

1 động? Rồi đuổi lĩnh Biện đi và lại im hơi như
2 trước. Vào niên hiệu Thái Kiện năm thứ chín
3 đời trần, Sư 64 tuổi tính ra sau mười năm
4 Viễn Du đến nay là mười năm luận ra thì Sư
5 được Di-đà nói Pháp lại tạo Thánh tượng Di-
6 đà để nghiêm quán tướng. Lại cùng Thiên sư
7 Tuệ Mạng kết duyên Tịnh Nghiệp hẹn gặp ở
8 An Dưỡng và cuối cùng thì Sư thật sinh An
9 Dưỡng.

10 **2. Thích Trí Khải:**

11 Sư họ Trần, trước là người ở Dĩnh Xuyên.
12 Khi Tần dời đô thì ngụ ở Hoa Dung, thuộc
13 Kinh Châu. Mẹ Sư họ Từ khi mang thai Sư
14 thì mộng thấy nhiều điềm lành, đến khi sinh
15 thì trong nhà sáng rực hơn mặt trời. Lúc còn
16 bé hể năm thì chấp tay, ngồi thì xoay mặt về
17 hướng Tây. Lớn lên thì thường đến Già lam,
18 các vị Tăng lấy làm lạ bèn miệng trao cho
19 phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa chỉ đọc
20 qua một lần là thuộc lòng. Đến tuổi đi học thì
21 đi về phía Bắc qua Hiệp Châu học với người
22 cậu. Mười tám tuổi gặp Pháp sư tại Tự chùa
23 Quả Nguyên ở Tương Châu xin cạo tóc thọ
24 mười giới, Sư khiến đến ở với Luật Sư Tuệ

1 khoáng, ở núi Đại Hiền tụng Kinh Vô Lượng
2 Nghĩa và Pháp Hoa, Phổ Hiền, Quán Kinh
3 chưa đầy một tuần đã xong ba bộ. Kế nương
4 Thiền sư Tư núi Đại Tô ở Quang Châu. Tư
5 thấy Khải bảo rằng Xưa cùng ở Linh Sơn
6 nghe Pháp Hoa, duyên lành nay lại gặp nhau
7 ở đây. Trước chỉ Đạo tràng Phổ Hiền và nói
8 bốn hạnh An vui. Khải đến núi Tô thực hành
9 Tam-muội Pháp Hoa mới ba đêm đến câu
10 "tinh tấn chân thật" Phẩm Dược Vương thì
11 giải ngộ khai phát. Lại thấy cùng Tư ở hội
12 Linh Sơn nghe Phật nói Pháp. Đêm sau trình
13 với Tư, Tư bảo không phải ông thì chẳng
14 cảm, không phải ta thì chẳng biết. Đây chính
15 là phương tiện trước Tam-muội Pháp Hoa .
16 Chưa bao lâu lại đến núi Bạch Sa ở Hy Châu,
17 như trước vào quán, đối với kinh có nghi liên
18 thấy Sư đến ngâm giải thích. Sau, Sư nhờ
19 giảng kinh thay thì người nghe đều phục, chỉ
20 đối ba thứ Tam-muội, ba quán, Trí Dụng đem
21 xét hỏi còn thì đều rõ ràng tự hiểu. Ở dưới
22 tòa Tư xem nghe bảo học trò rằng. Đây là con
23 nuôi của ta, chỉ tiếc Định lực còn yếu. Do đó
24 Đạo tục đổi quán tên nghe xa gần. Liên từ

1 biết Sư, Sư nói: Người có duyên ở nước Trần
2 đến đó mà làm lợi ích. Khải bèn đến Kim
3 Lăng trú tại chùa Ngõa Quan hoằng hóa Pháp
4 Thiền. Bộc xạ Từ Lăng cùng Thời quý Vọng
5 đều chào hỏi. Nhưng tánh Khải thích vắng
6 lặng không ưa khuấy động. Trong niên hiệu
7 Quang Đại đời Trần sư từng mộng thấy núi
8 cao ngàn trượng, mây phủ ánh mặt trời, biển
9 rộng mênh mông không bờ mé, thấy có một
10 vị Tăng ở trên đỉnh núi vẫy tay tay xách một
11 cái sọt tre đưa cho Khải mà hỏi. Sáng hôm
12 sau nói việc người trong mộng, có kẻ bảo đó
13 là Thiên Thai ở Côi Kê. Từ đời Tấn Tống các
14 ngài Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm
15 Mật v.v... đều ở đó. Khải vui mừng cùng Tuệ
16 Biện v.v... hơn hai mươi Tăng đi về Nam, núi
17 ấy trước có Tăng Định Quang ở trong bốn
18 mươi năm. Hai năm trước khi đến, Quang
19 bảo với người rằng sẽ có Thiện tri thức đến
20 đây, hãy lo việc đề đợi. Khi Khải đến thì
21 mừng rỡ đón tiếp hỏi rằng Thiện tri thức có
22 nhớ năm nào ta vẫy tay kéo nhau chẳng Khải
23 kinh hoàng biết mộng xưa có linh nghiệm.
24 Khải nghe tiếng chuông quanh quẩn khắp

1 hang núi, Khải thấy trong hang núi không có
2 chùa bèn lấy làm lạ. Quang nói tiếng chuông
3 chỉ mời người có duyên đến ở nào có gì lạ.
4 Đến khi sắp xây chùa, Quang nói nên tùy
5 nghi yên ở, đến thời đất nước thanh bình,
6 Quốc Thanh sẽ có quý nhân lập chùa. Hai
7 năm sau Tuyên Hoàng Đế nghe đạo hạnh của
8 Khải liền ra sắc chỉ lập chùa. Lại biết tăng đồ
9 ở đây, Cảnh Phụ liền đặc biệt cắt huyện Thủy
10 Phong để cung cấp cho chùa. Khải ở chùa ấy,
11 mỗi Hạ sai giảng Kinh Tịnh Danh. Một sáng
12 đang giảng kể thấy ba đường thêm báu từ trên
13 trời xuống, lại có một số Phạm tăng trên thêm
14 bước xuống tay cầm lò hương đi nhiễu quanh
15 Khải ba vòng hồi lâu mới mất kẻ biết chuyện
16 là Thạch Kiền Thánh chúng thị hiện ẩn
17 chứng Khiếu tâm càng vững chắc. Vĩnh
18 Dương Vương Bá Trí thờ Khải làm thấy ra
19 lời vồ về cả nhà Ngô Hội đến núi thỉnh giới
20 Pháp. Tuyên Đế cũng từng hỏi: Trong cửa
21 Phật hiện nay ai là người nổi tiếng. Các quan
22 tâu Thiên sư Ngõa Quan thật là người hơn
23 hết Danh Thắng xưa là gốc các thiền? Trước
24 ở tại kinh đô được người hiền tài mến mộ nay

1 ở ẩn tại Thiên Thai vật tình mất nương xin bệ
2 Hạ ra chiếu mời về dạy bảo Đạo Tục. Vua
3 bèn viết thư mời. Khải đến Đô, Vua sai các
4 quan ra đón vào Điện Thái Cực ở nhà phía
5 Đông giảng Luận Trí Độ. Lại sai Đồng tử
6 Dương Xa dẫn trước, Tuyên Trung Thư Xá
7 nhân đi sau. Lúc đó trong Thiên Hạ kiểm soát
8 Tăng Ni, ai không sỏ bộ thì van kế triều nghi,
9 nếu ai biết ít kinh thì đánh thuế. Khải can
10 rằng Điều Đạt tụng 6 vạn lời Kinh mà không
11 khỏi đọa địa ngục, còn Bàn-đặc chỉ đọc một
12 câu kệ mà được chứng Thánh quả, Luận độc
13 lòng vì Đạo há tụng nhiều kinh. Vua vui
14 mừng bèn dừng việc thu thuế. Bỗng mộng
15 thấy một người nghiêm chỉnh đến trước bảo
16 rằng: Tôi là Quán Đạt thỉnh trú ở Tam Kiêu.
17 Khải nói Quán Đạt là Pháp danh của Lương
18 võ Đế, vậy Tam Kiêu không phải là Quang
19 Trạch ư? Bèn dời chỗ ở. Năm ấy mùa Hạ
20 tháng tư, Chúa Trần đến chùa thỉnh giảng
21 Kinh Nhân Vương, Vua ở giữa chúng ân cần
22 kính lạy, các Hoàng hậu phi tần cũng đều tôn
23 kính giới hạnh đầy đủ. Văn nói chỉ có Sư dạy
24 đồ, tùy cơ dẫn dắt giữ gìn đất nước hóa độ

1 trời người. Lại nói: Nay muốn trọn bốn
2 nguyện thỉnh làm giới Sư Bồ-tát! Mong sao
3 Từ nhân như ý trẫm. Khải lên tòa cao, dưới
4 tòa là vua theo lễ đệ tử. Khi Kim Lăng bị bại
5 việc thuộc họ Dương. Lúc đó Tấn Vương ở
6 Dương Châu cũng muốn xin thọ giới Pháp,
7 đích thân viết Văn nói Đệ tử nhân chứa nhóm
8 điều lành nên sinh ở Hoàng gia sớm biết học
9 hỏi lại nói Hòa-thượng danh đồn khắp nơi.
10 Xa gần chúng đều biết, nên nay thành kính
11 mến mộ. Sai Niếp Viễn đón Khải về Dương
12 Châu. Vua bày Pháp Hội một ngàn vị Tăng
13 để thọ giới. Khi thọ rồi Khải bảo Vua rằng:
14 Đại Sĩ siêu độ tổng nhiếp làm đầu, nêu danh
15 biểu Thật xưa nay như thế. Nay đặt Pháp
16 danh cho vua là Tổng Trì để bày rõ về thật.
17 Vua đánh lễ nhận lấy. Vua cũng ở giữa chúng
18 thưa với Khải rằng: Thiền sư Trí Đức trong
19 chứa từ nhân, ngoài phát hàng phục trời
20 người, chế phục ngoại ma, nay xin dâng hiệu
21 Trí giả dưới nhiếp tâm chúng sinh nhân đó
22 cúng dường Khải hơn sáu mươi vật Khải đem
23 các vật tặng lại cho những người nghèo thiếu.
24 Sau trở lại núi cũ nhất tâm vào Định. Một

1 hôm từ Thiên Định ra, Sư gọi đệ tử Trí Việt
 2 bảo rằng: Huyền chất của ta sớm tối sẽ mất
 3 thôi. Người ở Thạch Thành nghiêm giữ
 4 hương hoa đợi ta miễn báo thân này. Khi Khải
 5 đến thì bày giường, Sư xoay mặt về hướng
 6 Tây niệm Phật Di-đà và hai Bồ-tát. Ở Tịnh-
 7 độ có Hóa Phật và Hóa Bồ-tát đến ủng hộ, lại
 8 dặn đệ tử đốt nhiều hương đuốc, còn đem ba
 9 y và Trượng Bát để gần bên. Có người muốn
 10 dâng cơm. Sư nói không quyền luyện các
 11 duyên là thật ăn chay là Chân trai. Lại đòi
 12 nước thơm súc miệng rồi nói mười Như, bốn
 13 Bất Sinh, mười pháp giới, ba Quán, bốn Trí,
 14 bốn Vô Lượng, sáu Ba-la-mật v.v... các pháp.
 15 Tăng có người hỏi chỗ chứng thì Sư đáp
 16 rằng: Không lãnh chứng thì thanh tịnh sáu
 17 căn, nay vì người khác mà tổn mình nên thôi
 18 về năm phẩm vị. Lại nói: Mạng người sắp
 19 mất nghe tiếng chuông khánh thì tăng thêm
 20 Chánh niệm. Người nên đánh khánh để tăng
 21 thêm chánh niệm cho ta. Rồi tự ngồi kiết già
 22 trước tượng Phật mà tịch.

23 **3. Thích Trí Thuần:**

24 Sư họ Mạnh, người ở Đại Lục thuộc

1 Triệu Châu. Thuở nhỏ có khí tiết không a
2 dua, có chí ở ẩn chốn suối rừng. Sư thờ Thiên
3 sư Vân Môn Trù hơn mười hai năm. Yên lặng
4 không nói, nói ra đều là giới Định và mong
5 tu chứng vị ba Thừa. Trù sư lấy làm lạ bảo
6 rằng Đối nhận sự thì ông được mấy vô tâm?
7 Từ nay trở đi ta có thể nói giáo cho ông. Do
8 đó mà ba thừa quyền thật thấy nghe ngày
9 càng mới. Đối với tăng hạnh ông càng dồi
10 mài, hoặc khi vọng tình chợt khởi thì lấy dùi
11 đâm vào bắp vế để nhắc niệm, đến một lỗi
12 nhỏ cũng thế. Xưa cùng với Pháp sư Đàm
13 Tuần đồng tu Niệm Định suốt mười năm
14 không ra khỏi cổng làng. Tánh Thuấn giản dị
15 và rất nhân từ các loài nhỏ nhít như kiến muỗi
16 còn không giết hại huống chi các loài khác.
17 Lại có người ăn cá thịt thì Thuấn bảo sáu
18 đường khác hình dạng nhưng anh đều trải
19 qua, tất cả có mạng sống đều là cha mẹ anh,
20 tất cả có sinh đều là thân cũ của anh. Anh ăn
21 thịt nó là ăn thịt cha mẹ mình là ăn thân thể
22 mình, anh chẳng thương cha mẹ và thân mình
23 ư? Người nghe bèn chừa. Có thợ săn đuổi con
24 chim trĩ chạy vào phòng, sư gắng xin thả ra

1 nhưng không đổi ý bèn lấy dao bén theo lỗ
2 tai đưa cho bảo rằng tôi không đổi được ý
3 ông vì ông ham ăn thịt, nay tôi xin thế vào.
4 Người thợ săn kinh ngạc hứa sau không làm
5 nữa. Làm ruộng săn bắn mười người thì có
6 tám, chín người như thế. Thuấn ở Hứa Đình
7 lâu ngày, dân dưới núi kính mến kéo đến
8 nhưng Thuấn không ưa thích. Thuấn lại vào
9 hang phía Nam núi Chương Hồng chỉ cày
10 chuyên niệm định. Niên hiệu Khai Hoàng
11 năm thứ mười, Văn Đế biết Thuấn khắc khổ
12 bèn đặc biệt hạ chiếu rằng: Hoàng Đế kính
13 hỏi Thuấn Thiên sư ở hang phía Nam núi
14 chương Hồng ngày đông rất lạnh đạo vị được
15 an ổn gắng giúp đời thành tựu thắng nghiệp,
16 mong nguyện này có năng lực, trăm rất
17 mừng. Nay sai khai phủ Lư Nguyên Thọ, chỉ
18 tuyên ý trăm chiếu cho Thiên sư đến làm lễ.
19 Thuấn dâng biểu tạ ân và từ bệnh không đến.
20 Dân khâm phục Đức sư xây chùa cho Sư ở.
21 Sau Sư trú chùa Đại Lâm ở Tô Sơn vì xưa
22 Viên Sư có tu Tịnh Xã Liên Đài còn để dấu
23 vết rõ ràng, nay ở đó nối gót trước mà tu
24 mười sáu quán, với các quán môn ngày luôn

niệm tưởng. Cuối năm đó Đạo Tục ở Dự
chương thỉnh sư giảng Quán Kinh. Thuấn nói
Quán Kinh là giáo Tịnh-độ, ta tu Tịnh-độ ta
đâu từ chối không giảng. Giảng xong thì
ngày mồng năm bị bệnh. Một hôm ở trong
bệnh Sư thấy các chim Anh Võ Không Tước
có cả trăm con vây quanh niệm Phật niệm
Pháp, nói các Ba-la-mật tiếng rất mau nhiệm.
Thuấn cố gắng ngồi dậy bảo các đệ tử rằng
các chim Anh Võ Không Tước nhóm họp
niệm Phật niệm Pháp là báo trước ta sẽ hóa
sinh Tịnh-độ, hôm nay ta sẽ mất, rồi quả
nhiên hóa.

4. Thích Trí Thông:

Sư họ Trình, người ở Hà Đông, mười tuổi
mặc áo đạo làm Sa-di, oai nghi nghiêm túc.
Sau khi thọ giới cụ túc thì dứt hết các duyên
siêng năng Sám Tụng, tụng hơn ba ngàn bài
kệ ca ngợi của các bậc tiền Hiền, sáu thời ở
trước Tôn tượng lớn tiếng tụng đọc rõ ràng,
suốt năm mươi năm không nghe nói một mồi.
Cuối đời Chu Võ, cửa Phật bị phế bỏ, thông
phải ẩn giấu lánh nạn. Đến Đời Tùy lại phục
hưng Phật giáo. Sư ở một ngôi chùa vắng mà

1 sáu thời tinh chuyên cầu thoát ly năm khổ ba
2 cỗi mà sinh An Dưỡng. Tháng mười niên
3 hiệu đại Nghiệp năm thứ bảy Sư bị bệnh sai
4 môn nhân Đánh Cái hơn mười người đồng
5 hướng về Tây niệm Phật A-di-đà, Thông
6 nhắm mắt nghiêm tướng, giây lâu hỏi Cái có
7 duyên gì mà đột sáng đèn đuốc, cái do đó tắt
8 đuốc. Thông lại bảo đột sáng nào có ích gì.
9 Cái bởi vì không có đuốc liền thưa rằng:
10 Tướng lạ sáng suốt chắc có người đợi. Ngoài
11 Cái không ai biết. Thông lại mở mắt nhìn
12 quanh rồi bảo Cái thắp hương. Khói hương
13 bay lên Thông búng ngón tay nói: Quý lạ vô
14 cùng chỉ mình ta có. Có người hỏi sự quý lạ
15 ấy, thông nói có nhiều cờ phướn và tràng hoa
16 báu ở trước ta, không quý lạ là gì? Ngày sắp
17 tới lại bảo Cái rằng: Ta sinh về Tịnh-độ vào
18 đêm nay, các ông tinh tấn chớ lui sụt. Đến
19 nửa đêm thì lên thiền Đường Sám tụng hoặc
20 thiền định. Tăng trong chùa là Đạo Tuệ thấy
21 ở bên Tả Đường có lầu các ngàn lớp hiện trên
22 hư không đi về Tây càng xa càng ẩn mất,
23 giống như mây mù nhiều từng hoặc tan hoặc
24 họp, không thể mô tả. Lúc đó mẹ của Đánh

1 Cái là Vương Thọ sắp mất cũng thấy hoa sen
2 xanh đầy nhà. Đến khi vãng sinh thì nghe
3 mùi hương sen nhiều ngày không tàn.

4 **5. Thích Chân Tuệ:**

5 Sư họ Trần, người ở Bình Lục thuộc
6 Thiểm Tây. Trong niên hiệu Khai Hoàng đời
7 Tùy, ông nhàm chán thế tục thờ Thiền sư
8 Thanh ở châu nhà, kể là đến Nghiệp Đô thọ
9 giới cụ túc với Luật Sư Hồng, kể nghe Thiền
10 sư Tuần Vệ Châu thâm ngộ Phật thừa bèn
11 đến học hỏi. Cuối niên hiệu khai Hoàng
12 chống tích trọng về Tây giữa đường ra khỏi
13 núi có trăm con hươu trắng trên mỏm núi, do
14 đó mà ngụ ở đây. Có người nói với Tuệ chọn
15 được đất U Thê ở Bồ Bản rất tốt. Tuệ rất
16 mừng bèn đi Bồ Bản đến Ma Cốc lập chùa
17 cốt tu Tịnh Nghiệp. Đã từng ăn bột huỳnh
18 tinh nhịn cơm hơn trăm ngày để quán tưởng
19 Tịnh-độ. Lại ngồi trong hang, hang có cạp dữ
20 đã hại dân hơn bốn năm, khi Tuệ đến thì lánh
21 đi hết. Ngày 7 tháng 10 niên hiệu khai Hoàng
22 năm thứ mười một Sư bị bệnh và mất trong
23 hang Nam Nghiêm, thọ bốn mươi bảy tuổi,
24 Tăng lạp ba mươi lăm. Xưa Tuệ thích kinh

1 luật lâu ngày thành tánh. Khi gặp Tịnh-độ
 2 chín phẩm liền theo tu. Lại sợ tu tập chưa bền
 3 chắc ngoại ma quấy nhiễu. Lại bảo các niệm
 4 lăng xăng nếu không nương nhờ Phật lực thì
 5 nương ai. Bền lập đất Tịnh-độ là một đàn
 6 vuông. Trong Đàn cất đài cao châu ngọc các
 7 báu trong ngoài trang sức bốn mặt. Lại có
 8 bốn cột cờ phướn lọng báu lưới giăng soi
 9 chiếu nhau. Trong có Tượng Phật vô lượng
 10 Thọ, Quán Âm Thế Chí đứng hầu. Dưới có
 11 voi đá xanh, đất lưu ly, giầy vàng giăng mắc
 12 chia ranh giới các đường, có cờ phướn bảy
 13 báu vàng bạc chia làm tám hướng. Nơi để
 14 kinh có cờ phướn bảy báu đất lưu ly. Trước
 15 khi quán tưởng Tuệ đều tắm gội thay áo, sau
 16 mới vào đàn ngồi thẳng tưởng niệm. Có
 17 nhiều thần biến của chư Phật hiện ra. Đem
 18 Sư mất bảo với đệ tử rằng: Nghiệp Tịnh-độ
 19 ta không chừng đêm nay, ta sẽ thấy hoa sen
 20 khép mở nâng chân ta ở trên hư không.
 21 Không bao lâu chúng nghe tiếng chuông
 22 khánh lại nghe gió từ bốn phương đến và phát
 23 ra ánh sáng lạ thì Tuệ mất.

24 **6. Thích Pháp Trí:**

1 Không rõ họ, vào thời Tùy Văn Đế đến
2 học ở Đông Việt Việt có người mà thông suốt
3 kinh nghĩa Đại Tiểu thừa thì Trí xem là thầy.
4 Thông minh học rộng ít ai sánh bằng. Cuối
5 đời lấy, đường tắt không gì bằng pháp môn
6 niệm Phật. Do đó sớm chiều sám niệm không
7 nghỉ.

8 Suốt bảy năm luận rằng một khi phạm tội
9 Kiết la sẽ bị tội trải một trung kiếp , một câu
10 A-di-đà Phật diệt được tội nặng trong ức
11 kiếp. Riêng có nghi, có người bảo, Trí nói
12 không tự nghi. Bèn dạy cho niệm Phật, lâu
13 thì có công, công thì hóa, hóa thì Tam-muội
14 hiện tiền. Nay ông nghi là nghi giáo. Phạm
15 nghi giáo thì tin không nương, không nương
16 thì tình tự loạn, loạn mà mất thì có lỗi chê
17 bai, chê bai thì khởi nhân đọa địa ngục. Vì
18 sao lại tự nghi. Trí thành ý ở chùa Quốc
19 Thanh bên đài Đâu-suất mà dứt hết các
20 duyên, nhất tâm niệm Phật, tưởng niệm đã tột
21 cùng cảm được Quán Âm Thế chí đồng lúc
22 cùng hiện. Một hôm lại cảm được mũi Bảo
23 Bình chiếu sáng vào thân. Trí bảo đạo tục
24 người thân rằng: Sinh về Tịnh-độ có cả ngàn

1 người. Ai có thể ăn no mà chúng cười, đáp
2 rằng quả có thể thì bọn ta đâu tiếc một bữa
3 ăn, chỉ người đạo không thể được. Bèn hẹn
4 sau ba ngày cùng đến ăn. Ăn xong Trí không
5 bệnh nào khác chúng có người tin người
6 không hoặc nghi thì khinh thường. Trời đã
7 tối bèn ngủ đêm lại trong phòng xét lương
8 khô. Chưa nửa đêm thì Trí ngồi yên trên
9 giường dây Niệm Phật mà hóa. Đêm ấy có
10 ánh sáng sắc vàng từ Tây đến chiếu xa mấy
11 trăm dặm. Ngư dân trên sông gọi nhau trời
12 sáng. Nhiều thuyền nhìn nhau đều kinh hãi,
13 lâu lắm mới sáng.

14 **7. Thích Thiện Trụ:**

15 Sư họ Hoài, người ở Bắc Dã thuộc Doanh
16 Châu. Thuở nhỏ thông nghĩa học ra ở Lưu
17 Ngũ. Từng đến Ngô Trung gặp Pháp sư Tuệ
18 Tịnh giảng Kinh Niết-bàn đạo tục ngàn
19 người đang lắng nghe thì sư giữa ngàn người
20 nghị luận qua lại và đại thắng. Do đó một số
21 quận ngợi khen. Niên hiệu Nhân Thọ năm
22 thứ ba Văn Hoàng Đế ra chiếu chọn năm
23 mươi ba danh tăng chia xá-lợi ở năm mươi
24 ba quận. Trụ cây mình lành muốn được chọn,

1 bền được chọn. Trụ rất nổi tiếng, nhưng Trụ
2 ít thân thể mà đời thì chuộng thân thích nên
3 tình cũ cũng cạn mỏng. Nhưng sư chỉ riêng
4 gắng nghiệp Tịnh-độ. Tại chỗ ở có Tượng
5 Di-đà và hai vị Bồ-tát, nhiều lần phát ra ánh
6 sáng trong ngoài, người thấy đều khen ngợi,
7 nhưng Trụ rốt cuộc chẳng nói với ai. Niên
8 hiệu đại Nghiệp năm thứ hai Sư bị bệnh. Đến
9 niên hiệu Võ Đức năm thứ ba thì bệnh lành.
10 Vị nói bệnh ta lành nhưng mạng sắp hết, sau
11 đó rất dốc chí. Lại nói: Ta đối Phật giáo vốn
12 không xem thường thị Tịnh-độ chẳng lo
13 không sinh. Liền nhờ các vị Tăng quét dọn
14 phòng ốc trang nghiêm chờ lúc đến. Tới đó
15 chư Tăng ở bên Trụ mà Trụ lại chấp tay khẩn
16 rằng Phật dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp
17 con Hữu tình chắc chắn mong mỏi, lúc này
18 như bốn nguyện Phật, rồi nói có các chúng
19 sinh trong nhiều kiếp chẳng gặp Phật chẳng
20 nghe Pháp. Nay ánh sáng Phật đã chiếu đến
21 Trụ, Trụ hướng nguyện này đến không sai.
22 Nói xong thì mất.

23 **8 - Thích Pháp Tường:**

24 Sư là người ở Trừng Thành thuộc Đồng

1 Châu. Tuổi nhỏ có chí tự lập. Cuối triều đại
2 Chu Võ bắt Tăng đồ ra làm quan, vì sư lành
3 lợi nên được chọn, ông vì tự phụ nên ra làm
4 quan. Đời Tùy khôi phục Phật pháp, Tường
5 dâng biểu xin trở lại làm tăng, tìm đến trú tại
6 Chùa Đại Hưng Quốc ở Dương Đô, ba mươi
7 năm trăm tư mặc tướng bao gồm quyền thật,
8 chỉ dạy người tục làm lợi ích giúp sinh An
9 Dưỡng, một nền nhà dựng lên một thiên
10 Đường gồm đủ các đồ vật gỗ đá để dẫn
11 nguyện. Niên hiệu Võ Đức năm thứ bảy đời
12 Đường Sư bị bệnh đến hồi nguy cấp. Đệ tử
13 nghe tiếng Tường niệm Phật phát ra từ miệng
14 xưa chưa nghe nói bảo rằng: Trong lúc bệnh
15 niệm Phật mà nguyện tướng. Nhìn lại thì thấy
16 ở vách phòng phía Tây có ánh sáng, ánh sáng
17 tròn hợp nhau như các gương báu chiếu nhau,
18 các cõi nước khác đều hiện trong đó. Trong
19 ánh sáng đó lại có các chim Tần già đến từ
20 bốn phương, Tường chỉ các học trò hỏi có
21 thấy chẳng, nếu thấy ngày kia sẽ thấy ta ở
22 Tịnh-độ, rồi ánh sáng tắt và Tường cũng tịch.
23 Do đó trà tỳ theo Tây Vực nhật Xá-Lợi mà
24 an táng.

9- Thích Minh Chiêm:

Sư họ Đỗ, người ở Thạch Áp thuộc Hằng Châu, tánh Sư ngay thẳng có học nay, người trong châu gọi là Sư tuần sĩ. Biết đời là huyễn nên xuất gia ở chùa Ứng Giác núi Phi Long, sau nương chùa Đại Tập ở Nghiệp Hạ chuyên về Đại Luận Vũ Văn Thi phế bỏ Phật giáo. Nghiệp bèn ẩn lánh ở Nghiêm Cốc. Đến đời Tùy Văn khôi phục Thánh hóa ông mới ra trú chùa Pháp Tạng ở Tương Châu. Nhưng chí Nghiệp siêu bạt không dính đến loại khác, ngoài hương nền ra không có giao thiệp với người khác. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ ba vua ra chiếu mời ở chùa Đại Hưng dịch thuật Thánh văn. Niên hiệu đại Nghiệp năm thứ hai lại ra sắc chỉ Tăng Đạo đều lạy vua. Lúc đó trước điện nhóm Hoàng Lão đều vâng chỉ, chỉ có tăng còn kênh kiệu. Vua nói chiếu ban đã lâu phải lạy vua. Chiêm thưa: Bệ hạ ban chế phản đạo thì phận ngựa chó phải theo, nếu Đại Pháp đáng kính thì dưới Pháp phục Tăng đồ không thể lạy tục. Vua nói: Tăng đồ không lạy tục sao lạy Tống Võ? Chiêm thưa: dùng oai tàn bạo nhân đức

1 chẳng làm, nếu trái chiếu chỉ thì phải bị tru
2 lục. Còn bệ hạ Thánh hóa nuôi vật chẳng gây
3 lỗi quấy, nên thần tận trung mà nói. Vua bèn
4 chuẩn tấu và bỏ chiếu trước. Chúng cho
5 Chiêm tánh cứng rắn không sợ cường bạo
6 bèn cử làm Kinh Ấp Thượng Tọa. Đời
7 Đường Thái Tông cũng lấy từ nhần làm gốc.
8 Vua liền hạ lệnh giảm bớt giết mổ, chỗ hành
9 quân đều đặt nơi thờ Phật, đến lúc tuổi già tu
10 trì kéo muện Chiêm nói ai muện mà không
11 quên mười niệm cũng được thấy Phật, huống
12 là niệm muôn muôn câu ư? Ngày 2 tháng 10
13 niên hiệu Chân Quán năm thứ hai Sư bị bệnh
14 bảo đệ tử rằng: số vật có cuối số mạng có
15 cùng, nay mạng ta cuối lại cùng. Lại nói: Ta
16 mất rồi chẳng sinh An Dưỡng ư? Rồi hện
17 tăng Tục mấy trăm người ngày mai thọ trai ở
18 chùa Hưng Thiện. Khi đó Bộc Xa Phòng
19 Huyền Linh, tướng quốc Đỗ Như Hối đều hội
20 họp. Đã quá ngộ Chiêm trở về chùa oai nghi
21 trang nghiêm như có vẻ đợi. Khoảnh khắc
22 bảo Phật đã đến. Chốc lát lại bảo: 2 vị Đại
23 Bồ- tát cũng đã đến, rồi nghiêm mình chấp
24 tay vui vẻ mà mất.

10. Thích Đạo Xước:

Sư họ Vệ, người ở Văn Thủy thuộc Tĩnh Châu. Xuất gia học hỏi khắp các danh sư. Sau nghe Thiên sư Toán lý hạnh gồm đủ liền đến trú chùa Huyền Trang ở Bích Cốc, đây là nơi ở xưa của Pháp sư Đàm Loan. Sư Loan ở đây tu tịnh nghiệp rất lâu, ngày Sư mất có rất nhiều diễm lành. Người trong quận gom nhặt các việc khắc vào bia. Khi xước đến xem văn thì càng tin tưởng nên nung vào tịnh cảnh mà lắng trong các niệm, niệm Phật A-di-đà nhiều vô số. Mỗi ngày bảy muôn câu làm mức. Trong vùng Tịnh và Phần Châu ít việc, người niệm Phật lần chuỗi rất ít có. Xước khuyên Tăng tục gắng niệm Phật người không lần chuỗi thì lấy đậu mà đếm cứ một câu Phật thì một hạt đậu, hoặc lấy mè gạo mà ghi. Tính ra có đến mấy muôn học. Ngày 8 tháng 4 niên hiệu đời Đường Chân Quán năm thứ ba Đạo tục đến chùa lễ mừng Như lai giáng sinh lại thấy Loan trên thuyền bảy báu ở giữa hư không chỉ Xước mà nói: Ông ở trong nhà Tịnh-độ đã xong chỉ có báo thân chưa hết. Lại thấy Hóa Phật và Hóa Bồ-tát ở

1 trên hư không, chúng đều kính khen phục.
 2 Do đó thời Sơ Đường ở các quận Tịch Phần
 3 Tịch-độ nhờ Xước mà hưng thịnh. Có bạn
 4 đồng chí là Đạo Phủ đi khỏi chùa Huyền
 5 Trang đã lâu lại ít gặp nhau, nghe Xước mất
 6 đã ba ngày, Phủ nói tưởng mình đi trước
 7 không ngờ lại sau. Lại nói Ta dùng công phu
 8 một hơi thấy Phật sẽ theo kịp. Ngày hôm ấy
 9 ở trước tượng cúi đầu bày tỏ rồi trở về chỗ
 10 ngồi mà hóa.

11 ***11. Thích Quán Đảnh:***

12 Sư tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở
 13 Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Ngũ Thế
 14 Tổ ẩn lánh ở Đông Âu, do đó nhà ở gần biên
 15 dời đến Chương An, lúc đó Đảnh còn bé hỏi
 16 mẹ niệm Phật Pháp Tăng, chỉ sơ liền biết đọc
 17 rất rõ ràng. Ở chùa Nhiếp Tịch Pháp sư Tuệ
 18 Chứng nghe nói bảo là có túc tập. Năm bảy
 19 tuổi làm đệ tử Chứng mỗi ngày học tập có sự
 20 thành tựu. Đến khi xuất gia đến hỏi Đạo ở
 21 Thiên Thai, học tập giới Định. Đến niên hiệu
 22 Chí Đức đời Trần theo ngài Trí Giả ở Quang
 23 Trạch. Họ Trần mất ngôi giao về họ Tùy.
 24 Niên hiệu khai Hoàng năm thứ mười một Tân

1 Vương trần giữ Dương Châu, Đánh theo Trí
2 Giả ở chùa Thiên Chúng, được 3 năm Trí Giả
3 trở về chẵn, Đánh cũng theo hầu. Niên hiệu
4 khai Hoàng năm thứ mười bảy, Trí Giả bị
5 bệnh, Đánh nhận lời di chúc. Tấn Vương có
6 thỉnh giới với Khải, khi Đánh đến thì vua rất
7 mến, nhân đó mở rộng nghiệp Tịnh-độ kẻ sai
8 Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương
9 Hoảng đưa Đánh về núi. Nhưng vì Trí Giả
10 sáng lập chùa Quốc Thanh, niên hiệu Nguyên
11 Thọ thứ nhất, Tấn Vương vào miếu Đánh
12 chúc rằng làm thanh chùa miếu đài điện thì
13 tăng thêm. Vua liền ban chiếu mời vào cung
14 giảng kinh Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v..., ba hạ
15 hoàng pháp, sáu cung kính mến, được hai
16 năm thì Đánh trở về Thiên Thai. Đến ngày 7
17 tháng 8 niên hiệu Chân Quán năm thứ 6 đời
18 đường, Đánh mất ở Chùa Quốc Thanh thọ
19 bảy mươi hai tuổi. Trước Đánh bị bệnh nhà
20 có mùi thơm lạ, Đánh vui mừng nói đây là
21 mùi thơm hoa sen sẽ đưa ta đi. Do đó ở trước
22 tượng Phật niệm mười câu A-di-đà Phật, ba
23 tiếng hai Bồ-tát Quán Âm Thế Chí và Thanh
24 Tịnh Hải Chúng các Bồ-tát thì đến chiếu

1 chấp tay an nhiên mà tịch.

2 **12. Thích Đạo Ngang:**

3 Sư là người ở Hồ Thành thuộc Ngụy. Khi
4 mẹ mang thai sư thì không ăn được đồ mặn,
5 người ăn mặn và hành tỏi đến gần bà cũng
6 không chịu được. Đến chín tuổi thì thờ Pháp
7 sư Linh Du làm thầy, thiên tư rất thông minh,
8 bắt đầu chẳng phải Sư trao, từng ở chùa núi
9 Hàn Lăng nghiên cứu ý kinh suốt hai mươi
10 năm. Tăng Đồ Nghĩa học ở Ngụy có điều
11 không hiểu đến hỏi Sư đều được thông suốt.
12 Mùa Xuân niên hiệu Chân Quán năm thứ bảy
13 đời Đường, sư thấy các trí thức quan thân xa
14 gần thường đến hỏi han, sư nói "Ta sống đây
15 đến chết sẽ về, đến tháng tám ta về!" Đến hẹn
16 mọi người đều đến, thấy sư không bệnh bèn
17 nghĩ. Sư nói đã đến lúc rồi, đừng nghĩ. Rồi
18 lên tòa Cao, khuyên mọi người cố gắng.
19 Đang khuyên bỗng sư vái chào bảo: Sao các
20 vị Trời đến đông, tôi không muốn sinh lên
21 cõi Trời nếu sinh Tịnh-độ thì đón rước, liền
22 nghe theo. Do đó nhắm mắt, hồi lâu lại nói:
23 Ánh sáng Phật A-di-đà đã chiếu thân ta, các
24 Hóa Bồ-tát cũng đến rước. Sư bèn bùng lò

1 hương cúi đầu tự bày tỏ vui mừng bỗng xoay
2 mình lò hương rót, sư cũng đã tịch.

3 **13. Thích Trí Diễm:**

4 Sư họ Chua, người ở quận Ngô. Mẹ là
5 người họ Tước khi mang thai sư mộng thấy
6 lên tháp Chùa Thông Huyền xa nhìn lên hư
7 không, chẳng có vẻ sợ. Lúc sinh ra thì hình
8 dung khôi ngô dễ nhìn. Tám tuổi thờ Pháp sư
9 Cừ ở chùa Thông Huyền làm thầy. Năm
10 mười hai tuổi tụng kinh Pháp Hoa ngày một
11 bộ cả sớm chiều trong suốt ba năm. Mười sáu
12 tuổi đến Pháp sư Trì nghe Luận Thành Thật.
13 Không đầy hai năm Trì Công lại về Nam,
14 Diễm đi về Đông đến chỗ Pháp sư Tương
15 chùa Đại Trang Nghiêm nghiên cứu lại Luận
16 Thành Thật. Niên hiệu Chí Đức năm thứ ba
17 đời Trần, ở Kinh Sư lập Nhân Vương Trai,
18 vua ra chiếu mời ba giáo luận nghị, trăm
19 miệng tranh hơn suốt bảy đêm, chỉ có lời
20 Diễm được vua khen thưởng. Trần mất Tùy
21 lên, Thượng thư lệnh Sở Quốc Công Dương
22 Tổ Tả bộc xạ chất Quốc Công Tô Oai đều
23 kính trọng. Đến lúc Đại Đường thống trị thì
24 Đạo của Diễm đã rất lớn rộng. Đến tuổi trung

1 niên thì thực hành Pháp Hoa và Phổ Hiền
2 Sam, lại tụng Pháp Hoa hơn ba vạn bộ, còn
3 đối với Tịnh-độ tu ba Phước nghiệp và các
4 quán tưởng, cùng Tăng Tục trong ngoài châu
5 hơn năm trăm người mỗi tháng gặp nhau một
6 lần suốt cả mười năm ý chí chuyên cần trước
7 sau như một. Tháng mười niên hiệu Chân
8 Quán năm thứ Tám Sư bị bệnh, trong bệnh
9 thấy một vị Tăng Ấn-độ tay cầm Bình báu
10 bảo Diễm rằng ta là Vô Biên Quang, ở cuối
11 bộ Tịnh-độ có khen ngợi Công Đức Bảo
12 Vương chính là khen ta. Được việc ấy Diễm
13 bảo tăng trong chùa rằng Vô Biên Quang tức
14 là Thế Chí khi thành Phật hiệu là Công Đức
15 Bảo Vương. Do nhân nói quả ý nói ta sắp về
16 Tây Phương vậy. Ngày ấy Sư mất tại phía
17 Đông chùa ở Võ Khâu, thọ bảy mươi một
18 tuổi. Dân cả châu lớn nhỏ đều buồn khóc đến
19 kính lễ, rồi chôn sư ở ngọn núi phía Nam của
20 chùa.

21 **14- Thích Thần Tổ:**

22 Sư tự Thiệu Tắc họ Vương, trước là
23 người Thái Nguyên sau ở An Ấp nơi đồng
24 quê Minh Điều. Thuở nhỏ Tổ làm Tăng cùng

1 với Pháp sư Đạo Kiệt kết ý học đạo, là đôi
2 bạn thông suốt văn nghĩa ít có rất nổi tiếng
3 thời ấy. Trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy,
4 sư giảng Luận A Tỳ Đàm hơn bốn mươi lần,
5 Luận Thành Thật hơn hai mươi lần và các
6 Tiểu Bộ khác không ngày nào nghỉ. Từng
7 nói: nếu chỗ giảng của tôi có mở sáng cho
8 người thì nguyện thân này chết rồi sớm sinh
9 về An Dương. Ông rất khiêm nhường cung
10 kính không hề phạt rầy ai. Ngày 13 tháng 2
11 niên hiệu Chân Quán năm thứ mười bảy đời
12 Đường sư bị bệnh nhẹ, bảo đệ tử rằng ta
13 quyết tâm gieo nhân An Dương nay ta bị
14 bệnh may mắn không có khổ não, các con
15 chờ gì không giúp ta. Rồi bảo đệ tử tụng
16 Quán Kinh, Sư lắng nghe xong lại niệm Phật
17 A-di-đà hai Bồ-tát Quán Âm Thế Chí và Hải
18 Chúng Bồ-tát như thế xưng niệm mấy lần lại
19 bảo một vị Tăng đọc các Tăng họa theo. Đến
20 nửa đêm thì ngồi thẳng mà tạ thế.

21 ***15. Thích Thiện Đạo:***

22 Không rõ sư họ gì và người ở đâu, đi chu
23 du hỏi đạo khắp nơi. Trong niên hiệu Chân
24 Quán đời Đường gặp Xước Thiên sư ở Tây

1 Hà thực hành Sám Phương Đẳng và Đạo
2 Tràng Tịnh-độ Cửu Phẩm, Đạo vui mừng nói
3 đây thật là bền bờ cốt yếu vào Phật mà ta có
4 được. Rồi siêng năng khổ nhọc như cứu lửa
5 cháy đầu. Sư đến Kinh đô hoằng hóa bốn bộ
6 Độ tử bất luận giàu nghèo sang hèn, kẻ giết
7 mổ hoặc buôn bán rượu thịt đều thu nhận
8 phát ngô cho. Sư có viết Kinh Di-đà mười
9 vạn quyển để thí cho người thọ trì. Người ở
10 Kinh đô và các quận đều nổi gót sư tụng kinh
11 niệm Phật. Có người hỏi: niệm Phật giỏi có
12 sinh Tịnh-độ chăng? Sư đáp nếu ông niệm thì
13 sẽ toại nguyện. Nói xong Thiện Đạo tự niệm
14 A-di-đà Phật một câu thì từ miệng có một
15 luồng ánh sáng ra, niệm mười câu, trăm câu
16 đều có ánh sáng phát ra. Sư nhàm chán thân
17 nhiều khổ ép ngặt tình ý dối trá đời, bèn
18 leo lên cây liễu ở trước chùa hướng về phía
19 Tây khẩn rằng: Nguyện oai thần Phật tiếp
20 dẫn con, Quán Âm Thế Chí đến giúp con
21 khiến tâm con không mất chánh niệm, không
22 sợ sệt, trong Pháp Di-đà con không lui sụt.
23 Nguyện xong thì gieo mình xuống đất mà
24 mất. Lúc đó các sĩ đại phu ở Kinh Sư đều

1 kính tin, bèn thân nhứt hài cốt đem chôn. Vua
2 Đường Cao Tông biết sư niệm Phật miệng
3 phát ra ánh sáng lại biết khi mất sư rất tinh
4 thành bèn ra sắc đỗi hiệu chùa là Quang
5 Minh.

6 ***16- Thích Công Huýnh:***

7 Sư họ Biên, người ở Lăng Nghi thuộc
8 Đông Kinh. Năm sáu tuổi nghĩ chuyện xuất
9 gia thì các thân thuộc ngăn cản. Đến năm
10 mười sáu tuổi mới thỏa chí khi làm Tăng thì
11 suốt hai mươi năm không đến nhà Tục. Từng
12 đi vào núi Thái sơn thực hành sám pháp Phổ
13 Hiền và ngồi đọc tụng không dựa ghế suốt ba
14 năm như thế. Một sáng Đức Phổ Hiền ngồi
15 voi sáu ngà hiện ra trước, cảnh giới màu bạc
16 cũng hiện ra, sư biết do tinh thành mà cảm
17 được nên càng thêm dôi mài. Chúng mời Sư
18 đến chùa Tuệ Phước trong quận giảng kinh
19 Thắng-man và cũng giảng thêm các kinh
20 luận khác. Tuổi về già sư chỉ chuyên giảng
21 Pháp Hoa, có soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ năm
22 quyển. Lúc giảng đến Phẩm Dược Thảo Dụ
23 thì trời liền mưa, trước sau năm mươi lần đều
24 có ứng nghiệm. Nên người ở đất Biện gặp lúc

1 hạn hán đợi giảng. Sau soạn Luận Phật Địa
2 và Nhiếp Luận các Sớ. Khi Sớ chưa thành thì
3 Sư nói: đem hết tình làm sáng Thánh giáo
4 nguyện chỗ làm này được sinh An Dưỡng.
5 Khi Sớ thành thì có ánh sáng lạ năm màu
6 chiếu vào nhà. Tăng trong chùa kinh hãi
7 không biết nơi đến. Sư nói lấy việc ta làm
8 sáng Thánh giáo mà nghiệm ra. Sư lại nói ta
9 vì khổ ba độc mà thường chán lìa do tâm
10 chán lìa mà khởi niệm tinh tấn. Được đây thì
11 nương ánh sáng mà đủ thấy Phật. Do đó hệ
12 niệm Tây Phương, nhịn ăn mà mất.

13 **17. Thích Duy Ngạn:**

14 Sư người ở Giao Thành thuộc Tính Châu.
15 Thường than rằng: Ba cõi không yên cũng
16 như nhà lửa, chưa sinh An Dưỡng đều là
17 đồng khổ. Do đó mười sáu quán môn thường
18 siêng năng không nhàm chán. Ngày 7 tháng
19 Giêng niên hiệu Thùy Cung đời Đường, nhân
20 khi xuất quán thì thấy hai vị Bồ-tát Quán Âm
21 Thế Chí hiện trên hư không rất lâu chẳng
22 mất. Sư đánh lễ khóc lóc than rằng: con may
23 mắn mắt thịt mà được thấy hình Thánh, tiếc
24 rằng không thể truyền lại cho đời sau. Bỗng

1 có hai người tự xưng là thợ vẽ, thì trong nháy
2 mắt hình đã vẽ xong, sau đó người biến mất.
3 Đệ tử lấy làm lạ hỏi, sư nói: Há là thợ vẽ ư?
4 Lại nói: Đã đến lúc ta về Tây, đệ tử ai muốn
5 theo ta thì nói. Có đứa bé thừa con không
6 dám cãi lệnh thầy. Sư bảo: được theo ta
7 nhưng phải thừa với cha mẹ, Cha mẹ nghe
8 nói liền cười là chẳng biết gì. Đứa bé trở về
9 chùa tắm gội nước thơm rồi quì trước tượng
10 Phật Di-đà mà mất. Có người đem việc thừa
11 sư, Sư đến vỗ vào lưng cậu bé bảo: Việc
12 người sao lại trước ta? Rồi cầm bút đốt
13 hương trước tượng Bồ-tát mà viết rằng:

14 *Quán Âm xa rước con,*
15 *Thế Chí xa đón con,*
16 *Trên mũ bình báu hiện,*
17 *Đảnh Hóa Phật sáng trưng,*
18 *Ai khắp mười phương cõi,*
19 *Cầm hoa tiếp chín sinh,*
20 *Nguyện dưới tay Từ Bi,*
21 *Dắt con về Phương Tây.*

22 Khen xong liền nhờ đệ tử giúp niệm Phật,
23 rồi nhắm mắt xoay mặt về hướng Tây mà
24 mất.

18. Thích Pháp Trì:

Sư họ Trương, người ở Giang Ninh thuộc Nhuận Châu. Chín tuổi thờ Thiên sư Phương ở núi Thanh Thành, thiên tánh thông minh sâu rộng. Đến mười ba tuổi Nương Đại Sư Huỳnh Mai Nhẫn mà được tâm, liền về Thanh Thành thờ Thiên sư Phương giúp Tông môn cực sáng. Từ đó bốn phương theo học nổi tiếng xa gần. Huỳnh Mai trước khi tạ thế thường bảo chúng rằng mười người truyền giáo ở Kim Lăng, Pháp Trì là một. Sư đối với Tịnh-độ đã buộc tâm tới lui đều quán tưởng. Ngày 5 tháng 9 niên hiệu Trường An năm thứ hai hai sư mất ở Chùa Diên Phước. Một ngày trước khi mất, sư bảo đệ tử là Trí Oai rằng: khi ta sống chưa dạy mọi người về Tịnh-độ, khi ta chết rồi hãy đem hài cốt ta để dưới cội tùng cho cầm thú ăn mà tạo nhân Tịnh-độ, con hãy nhớ lấy! Trí Oai thưa con xin vâng lời. Đến khi Sư mất, Trí Oai cùng người trong quận cung kính rước di hài sư ra cội thông theo đúng ý sư. Ngày hôm ấy Tăng trong chùa thấy có mây mười lá cờ phướn thần từ phương Tây đến. Cờ phướn phát ra

1 ánh sáng chiếu vào thất của sư ở trước đây.
2 Chùa cũ Trúc Lâm cũng sáng trưng.

3 **19. Thích Tuệ Nhật:**

4 Sư họ Tân người ở Đông Lai. Được Độ ở
5 thời vua Thái Tông đời Đường, gặp Tam tạng
6 Nghĩa Tịnh từ Tây Vực trở về ngày đêm thừa
7 hỏi thông suốt Phật Thừa. Mỗi khi nghe Tịnh
8 nói di tích Như lai ở Tây Vực thì cảm thấy
9 phơi phơi chí muôn phương. Đến niên hiệu
10 Đại Túc thời Võ Tắc Thiên sư ngồi thuyền
11 buồm đến phía Đông Nam Hải, ba năm đi
12 khắp các nước Côn Luân, Phật Thệ, Sư Tử
13 Châu v.v... Kế đến Thiên-Trúc học hỏi Thiện
14 tri thức mười ba năm học kinh Pháp không
15 để trống ngày nào. Lại ở Tuyết Lãnh Song
16 Lâm trải qua bốn năm. Vì chạm nhiều gian
17 khổ nên nhàm chán cõi Diêm Phù, do đó nói:
18 Nước nào phương nào có vui không khổ,
19 Pháp nào hạnh nào mau được thấy Phật: Hỏi
20 khắp các Tam tạng Thiên Trúc, thì các Tam
21 tạng đều khen ngợi Tịnh-độ. Lại nói: Giáo
22 chủ Tịnh-độ Bi sâu nguyện rộng, người
23 muốn sinh đều được thỏa nguyện. Sư nghe
24 xong rất vui mừng. Khi đến nước Kiện đà la,

1 ở phía Đông Bắc thành có núi lớn, trên núi
2 có tượng Bồ-tát Quán Âm. Người chuyên
3 cầu thỉnh Ngài thường hiện thân. Sư bèn
4 tuyệt thực bảy ngày cố chết để thỉnh. Đêm
5 đêm thứ bảy thì Bồ-tát Quán Âm hiện ra trên
6 hư không thân vàng tím cao hơn một trượng,
7 ngồi trên hoa sen báu tay phải xoa đầu Sư bảo
8 rằng: người muốn truyền pháp lợi người, lại
9 muốn sinh về nước Di-đà, thì chỉ cần buộc
10 niệm sẽ được như nguyện. Người cũng nên
11 biết Pháp môn Tịnh-độ hơn các hạnh khác.
12 Bỗng nhiên biến mất. Sư vì tuyệt thực lâu
13 ngày nên thân thể mệt mỏi, do việc này liền
14 thấy sáng khoái nhẹ nhàng. Nhật từ khi đến
15 Tây Vực lúc trở về trải qua hai mươi một
16 năm, đi qua hơn bảy mươi nước. Niên hiệu
17 khai Nguyên năm thứ bảy sư đến Trường An
18 dâng lên vua hình tượng Phật và kinh tiếng
19 Phạm, cảm ngộ được tâm vua, vua ban đức
20 hiệu là Từ Mẫn Tam tạng. Song chí của Sư
21 chuyên cần đối với Tịnh-độ. Sư có soạn
22 Tịnh-độ Văn Ký 5 quyển để dạy người thế
23 tục tin sâu Tịnh Tông. Sư rất gần với các bậc
24 Hiền như Đạo Xước, Thiện Đạo. Niên hiệu

1 Thiên Bảo năm thứ bảy Sư mất ở tại chùa,
2 thọ sáu mươi chín tuổi an táng toàn thân ở
3 ngọn phía Tây của núi Bạch Lộc. Trước khi
4 chết ba ngày Sư nói mắt thấy hoa sen như
5 vàng mặt trời.

6 **20. Thích Hùng Tuấn:**

7 Sư họ Chu, người ở Thành Đô, tánh
8 ngang bướng không có giới hạnh nhưng giỏi
9 thuyết giảng. Khi giảng được tiền của thì
10 dùng vào việc phi pháp. Người đất Thục
11 khinh bỉ coi là kẻ phá đạo, các Sa môn không
12 ghét cũng không giúp sư. Sư cũng từng bỏ
13 tăng vào trại lính. Nhân lính nạn lại vào tăng.
14 Tăng đồ có kẻ giữ danh tiết phòng khi chưa
15 bị nên sợ đông sợ lánh mặt Sư. Sư nghe kinh
16 nói niệm một câu A-di-đà Phật thì diệt được
17 tội nặng sinh tử trong năm mươi ức kiếp bèn
18 mừng rỡ nói rằng: Ta nhờ việc này! Do đó
19 khi gây lỗi ác, miệng liền niệm Phật thì chỗ
20 niệm hoặc còn mà mất, dường như được mà
21 tan cũng khiến bọn ta làm trò cười mà thôi.
22 Ngày 5 tháng 2 niên hiệu đại Lịch năm thứ
23 hai đời đường bị bạo bệnh mà chết, xuống
24 minh phủ gặp vua, vua nói: Bắt lầm người,

1 cho người trở về. Nhưng tội ác của người rất
2 lớn phải bị khổ sở. Bèn sai ngu hầu đầu đuôi vào
3 địa ngục. Tuần đến cửa địa ngục chống cự la
4 lớn: Niệm một câu A-di-đà Phật còn diệt sinh
5 tử tội nặng trong năm mươi ức kiếp huống
6 chi Tuần này chưa gây ra năm tội nghịch,
7 chưa gây mười điều ác lại luôn niệm Phật
8 không quên, dựa vào lời Phật há bị khổ sở?
9 Do đó lại khóc lớn nhìn ngó hai bên. Ngục
10 tốt nhìn nhau chẳng dám làm gì Tuần, rồi
11 thưa lên vua gọi Tuần đến bảo: Người niệm
12 Phật nhưng không thật tin, chỉ là thân miệng
13 có nhân hãy trở về mà tu tâm. Tuần được về
14 đem việc kể lại. Có kẻ hài hước bảo Tuần là
15 kẻ lọt lưới địa ngục. Tuần nói: Đừng nói giỡn
16 chơi, do đây mà sau tự biết lỗi. Bèn đến Tây
17 Sơn ở quận Nam mà rửa sạch tình ý chuyên
18 tâm niệm Phật suốt bốn năm ba tháng bảy
19 ngày. Bạn bè của Tuần bảy người ở Tây Sơn
20 đến thăm hỏi, Tuần vui mừng bảo thời đã
21 đến. Các anh trở về, có duyên sẽ gặp có việc
22 đáng nhờ. Các anh về gặp người quen thân
23 nói Tuần nhấn rằng Tuần nhờ công đức niệm
24 Phật mà được sinh Tịnh-độ đừng như ngày

1 nào gọi Tuấn là người địa ngục nữa. Nói
2 xong thì cười mà mắt.

3

4

5



TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

QUYỂN HẠ

Chánh truyện có mười bảy vị, phụ thêm có ba vị.

1- Thích Tăng Huyền ở Tịch Châu đời Đường.

(Phụ: khởi Phương, Viên Quả)

2- Thích Biện Tài ở Sóc Phương đời Đường.

3- Thích Pháp Chiếu ở Ngũ Đài đời Đường.

4- Thích Tự Giác ở Trấn Châu đời Đường.

5- Thích Hoài Ngọc ở Thái Châu đời Đường.

6- Thích Tề Hàn ở Ngô Quận đời Đường.

7- Thích Thần Hạo ở Ngô Quận đời Đường.

1 8- Thích Thiều Khang ở Lục Châu đời
2 Đường.

3 9- Thích Tri Huyền ở Bành Châu đời
4 Đường.

5 10- Thích Tăng Tạng ở Phần Châu đời
6 Đường.

7 11- Thích Đại Hành ở Duyệt Châu đời
8 Đường.

9 12- Thích Duy Cung ở Kinh Châu đời
10 Đường. (Phụ: Linh khuy)

11 13- Thích Hồng Cử ở Ôn Châu đời Hậu
12 Đường.

13 14- Thích Chí Thông ở Phụng Tường đời
14 Thạch Tấn.

15 15- Thích Thiệu Nham ở Tiền Đường đời
16 Đại Tống.

17 16- Thích Thủ Chân ở Đông Kinh đời Đại
18 Tống.

19 17- Thích Ngộ Ân ở Dur Hàng đời Đại
20 Tống.

21
22 *****
23

1- Thích Tăng Huyền:

Người Thọ Dương ở Tỉnh Châu. Thuở nhỏ niệm Từ Thị Di-lặc nguyện sinh Nội Viện Đâu-suất. Năm tám, chín tuổi gặp Thiền sư Đạo Xước dạy cho Tịnh-độ nhưng chưa ngộ chỉ mới hồi Tâm. Huyền thấy Đạo suy đồi, công chưa nhóm không lớn, bèn sớm chiều lễ Phật thường hơn ngàn lạy, niệm danh hiệu cả vạn tiếng. Thức ngũ thường canh cánh chăm chăm không bỏ như thế được ba năm. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ chín bị bệnh đến Đại Tàm gọi đệ tử bảo rằng ta là người hữu lậu mới bị bệnh này, Phật A-di-đà trao cho ta hương y, Quán Âm, Thế Chí đưa cho ta tay báu. Do đây mà Tây Phương đều là cảnh Tịnh-độ, ta theo Phật mà đi. Rồi mất, mất đã bảy ngày mà mùi thơm chưa tan. Người ở Tỉnh Phần do đó mà càng tin về Tịnh-độ. Lúc đó chùa Ngộ Chân ở Phần Tây có hai Pháp sư Khải Phương và Viên Quả, xưa từng vì già tôn kính Huyền lại chính mắt thấy sự việc bèn ở trước tượng Quán Âm mà sám hối lỗi xưa. Rồi bẻ nhánh dương đề trên tay tượng Quán Âm mà thề

1 Phương Quả chúng con nếu có duyên Tịnh-
2 độ thì làm cho nhánh dương này bảy ngày
3 không héo. Đến hẹn nhánh dương càng tươi.
4 Phương Quả sớm chiều không bỏ quán niệm.
5 Sau mấy tháng quán niệm, một tối trong khi
6 quán niệm bỗng biết mình đến ao lớn bảy
7 báu, trong ao có màng báu lớn chui vào thì
8 thấy Quán Âm Thế Chí ngồi trên đài hoa báu,
9 dưới đài có ngàn vạn hoa sen, Đức Phật A-
10 di-đà từ Tây đến ngồi trên một hoa sen lớn
11 nhất, phát ra ánh sáng chiếu khắp, Phương
12 Quả đến trước lễ hỏi: chúng sinh Diêm Phù
13 y kinh niệm Phật có được sinh lên đây
14 chẳng? Phật bảo Phương rằng như niệm danh
15 ta thì sinh nước ta không có ai niệm mà chẳng
16 sinh. Lại thấy đất bằng phẳng như bàn tay, cò
17 phướn lưới châu trên dưới giao nhau. Lại
18 thấy một vị Tăng ngồi trên xe báu, tiến đến
19 bảo Phương Quả rằng ta là Pháp Tạng đây,
20 do nguyện xưa mà đến rước Phương-Quả lên
21 xe đi về phía trước. Lại thấy thân ngồi trên
22 hoa sen báu. Lại nghe Đức Như lai Thích Ca
23 và Bồ- tát Văn-thù dùng âm Phạm mà khen
24 Tịnh-độ ở trước mặt. Có ngôi điện lớn, điện

1 có ba đường thêm, đường thứ nhất toàn
2 người tại gia, đường thứ hai gồm cả tăng tục,
3 đường thứ ba chỉ có Tăng chứ không tục.
4 Phật chỉ đường có Tăng Tục bảo Phương
5 Quả rằng: Đây đều người Diêm- Phú niệm
6 Phật mà sinh về, các người phải rất cố gắng.
7 Phương Quả tỉnh dậy cùng bàn bạc. Năm
8 ngày sau hai người không bệnh nghe có tiếng
9 chuông, hỏi tăng bên cạnh bảo chẳng nghe
10 gì. Phương-Quả nói: Tiếng chuông là việc
11 của chúng tôi. Phút chốc thì hai người cùng
12 mất.

13 ***2- Thích Biện Tài:***

14 Sư họ Lý, người ở Tương Dương từ khi
15 mẹ mang thai sư lại ghét đồ mặn, đến tới sinh
16 ra Sư thì mùi thơm đầy nhà. Năm bảy tuổi
17 xuất gia theo Thiên sư tịnh ở Hiện sơn, mười
18 sáu tuổi cạo tóc tại chùa Đại Vân ở Bồn
19 Châu. Kế đi khắp quận nghiên cứu kinh sách.
20 Sau nghe Luật sư hoài Oai chùa An Quốc ở
21 Trường An, Pháp môn đầy thân bèn đến học
22 mà có đại thành. Niên hiệu Thiên Bảo năm
23 thứ mười bốn đời Đường vua Huyền Tôn vì
24 người phương Bắc tánh khí cứng rắn lâu

1 thành thói quen, nên trong các chùa thường
2 tập cỡi ngựa bắn tên, bèn ra chiếu cho tài dạy
3 răn, đến Đàn đề điều tập. Đầu niên hiệu Chí
4 Đức vua Túc Tông lên ngôi. Quan Tể tướng
5 Đỗ Hồng Tiệm tâu vua ra chiếu ở chùa Long
6 Hưng ban cho Tài thêm chức Sóc Phương
7 Quản Nội Giáo Thọ khiến khuyên cố gắng để
8 thay đổi thói xấu. Lộc Sơn nổi loạn người
9 chết máu tanh đến Hà Lạc Tài bèn giả bệnh
10 tuyệt âm không nói suốt ba năm. Khi Lộc
11 Sơn bại trận Túc Tông ban thư khen ngợi.
12 Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 3 lại ra chiếu làm
13 Đại đức ở chùa Chương Tín. Lúc đó phủ soái
14 Quắc Quốc Thường Công và Hộ Nhung
15 Nhậm Công rất kính mến danh tiếng của Tài
16 tuy chưa nhường nhưng khi luận Đạo thì rất
17 tâm phục. Tài đôi với Tịnh-độ ngầm kín tinh
18 tu suốt hai mươi năm chưa hề nói với ai. Khi
19 giao thiệp với Nhậm Công mới nói Tài thấy
20 huyền thân này đã già yếu khi chết ắt sinh
21 Tịnh-độ chỉ khoảng mười năm nữa thôi. Mùa
22 Thu năm thứ mười ba, Tài bị bệnh, đến chiều
23 Đông mừng tám, bảo đệ tử: Ngươi đến Nhậm
24 Công đã đến hẹn 10 năm, Nhậm Công sẽ

1 không quên đâu. Đệ tử nói y lời, Nhậm Công
2 nói chẳng lẽ Sư già biệt ta ư? Rồi cùng
3 Thường Công đến thăm. Hai ông mới đến
4 cửa, đệ tử vào báo, Tài bảo: Đến thì ta đi, rồi
5 ngồi kiết già im lặng mà mát. Lúc đó mọi
6 người nghe có tiếng âm nhạc từ Tây đến và
7 mùi thơm phát ra, đến sáng hôm sau lại càng
8 thơm hơn.

9 **3- Thích Pháp Chiếu:**

10 Chẳng rõ sư người ở đâu thời nào. Niên
11 hiệu Đại Lịch năm thứ hai đời Đường, Sư trú
12 tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, từ Nhẫn
13 giới định rất tinh nghiêm. Một hôm, ở trong
14 Tăng Đường ăn cơm thì thấy trong bát có
15 mây năm màu. Trong mây có ngôi chùa, ở
16 phía Đông Bắc chùa có ngọn núi lớn. núi có
17 khe, khe có cửa đá. Qua cửa khoảng năm
18 dặm có một ngôi chùa bằng vàng đề chùa Đại
19 Thánh Trúc Lâm Tự Chiếu tuy mắt thấy mà
20 tâm không nhớ rõ. Ngày khác vào lúc ăn
21 trong bát hiện mây năm màu, trong mây hiện
22 ra mấy chùa nhưng không có núi rừng dơ
23 bẩn, sắc vàng sáng rực, ao đài lầu quán đầy
24 các báu, có rất nhiều vị Bồ-tát ở trong đó,

1 trong cõi nước trang nghiêm tịnh của chư
2 Phật có các thức đẹp để lấp lánh thích nhìn.
3 Nhân hỏi thăm thì có hai Tăng là Gia Diên và
4 Đàm Huy bảo rằng việc Thánh thần biến hóa
5 phàm tình không thể lường được, nói về địa
6 thể núi sông thì đúng là núi Ngũ Đài. Mùa Hạ
7 niên hiệu Đại Lịch thứ 4 đời Đường Chiêu
8 trú tại chùa Hồ Đông ở Hành Châu mở Đạo
9 Tràng ngũ Hội Niệm Phật. Ngày 2 tháng 6
10 năm ấy, mây lành năm màu che phủ chùa,
11 trong mây có lâu đài, có nhiều vị Tăng Ấn-
12 độ thân cao hơn trượng cầm tích trượng hành
13 Đạo. Lại thấy Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát
14 thân cao lớn đầy khắp hư không. Lúc chiều
15 tối, Pháp Chiêu ở ngoài Đạo tràng gặp một
16 cụ già bảo: trước ông ở cõi sắc vàng đã phát
17 nguyện lễ chào Đại Thánh nay sao lại bỏ đi.
18 Chiêu nói thời buổi đường xá lúc khó khăn
19 không bỏ sao được? Cụ già bảo gấp đi liền
20 thì sao gọi là khó? Chưa kịp đáp thì ông lão
21 biến mất. Chiêu thấy việc lạ lại phát nguyện
22 rằng: Nguyện đem thân này kính dâng Đại
23 Thánh dầu gặp đồng lửa sông băng cũng
24 không thoái chí. Năm ấy ngày 13 tháng 8,

1 chiếu mấy người đồng chí từ Nam Nhạc đi
2 lên thì đường không hiểm trở, ngày 5 tháng
3 4 năm thứ 5, đến Ngũ Đài, nhìn xa thấy phía
4 Nam chùa có mây luồng ánh sáng. Ngày
5 mồng 6 đến chùa Phật Quang giống y như đã
6 thấy trong bát. Đêm ấy canh bốn lại có ánh
7 sáng lạ từ phía Bắc đến chiếu soi vô số kẻ,
8 bèn hỏi: Đây là điềm gì tốt hay xấu? Vị Tăng
9 ở đó đáp đây là ánh sáng không thể nghĩ bàn
10 của Đại Thánh chiếu nhiếp thân tâm ông, còn
11 hỏi gì. Chiếu nghiêm túc đến một chùa, ở
12 phía Đông Bắc cách năm dặm quả nhiên có
13 ngọn núi, trong núi có khe, phía Bắc khe có
14 cửa đá, bên cửa có hai đứa trẻ mặc áo xanh
15 khoảng tám, chín tuổi hình dung đẹp đẽ, một
16 người tên Thiên Tài, người kia tên Nan đà,
17 dẫn Chiếu vào cửa đi về phía Bắc khoảng
18 năm dặm thì thấy một Cửa Vàng, trên cửa có
19 lầu, bên lầu có một ngôi chùa, cửa chùa có
20 bảng Vàng lớn đề Chùa Đại Thánh Trúc Lâm
21 chùa vuông vức hai mươi dặm có cả trăm
22 viện, các viện đều có tháp, đất vàng ròng, đài
23 hoa cây ngọc đầy khắp. Chiếu vào giảng
24 đường thì thấy Văn-thù ở phía Tây, Phổ Hiền

1 ở phía Đông đều ngồi trên tòa cao sư tử, tiếng
2 nói Pháp rõ ràng trong tai. Quanh đức Văn-
3 thù có mấy nhiều Bồ-tát, Đức Phổ Hiền cũng
4 có các Bồ-tát đi nhiều quanh. Chiếu đánh lễ
5 hai vị Bồ-tát thưa rằng: Phạm phu đời mạt trí
6 thức cạn cột, Phật tánh tâm địa không do đâu
7 mà hiển sáng, chưa biết tu hành pháp môn
8 nào là cốt yếu nhất, cúi mong Đại Thánh giải
9 nghi cho con. Ngài Văn-thù nói điều người
10 hỏi nay rất đúng lúc, các hạnh môn tu lành
11 không gì bằng niệm Phật ta ở kiếp quá khứ
12 nhân niệm Phật mà được Trí Nhất Thiết
13 Chứng. Cho nên các Pháp Bát-nhã Ba la mật
14 đa sâu nhất là Thiền định, cho đến Chánh
15 Biến Tri của chư Phật đều từ Niệm Phật mà
16 sinh. Chiếu nói đó là niệm gì. Bồ-tát Văn-thù
17 nói phía Tây thế giới này có Phật Di-đà,
18 nguyện lực Phật ấy không thể nghĩ bàn, ông
19 phải niệm không xen hở thì, khi qua đời chắc
20 chắn vắng sinh. Nói xong hai vị Bồ-tát duỗi
21 tay màu vàng xoa đầu Chiếu và Thọ ký rằng:
22 Ông niệm Phật không thể nghĩ bàn nên rốt
23 ráo chứng được Vô Thương Giác. Các Thiên
24 nam nữ muốn nhanh chóng thoát ly thì phải

1 niệm Phật. Khi đó hai vị Bồ-tát cùng nói Già
2 Đà. Chiếu nghe xong càng thêm mừng rỡ.
3 Đức Văn-thù lại nói: Ông nên trở về kính lễ
4 khắp các vị Bồ-tát mà tiếp nhận giáo thọ.
5 Chiếu theo đúng lời dạy thỉnh các Giáo thọ
6 kể đến Hoa Viên bày báu ra trước Đại Thánh
7 mà làm lễ từ giã. Rồi hai trẻ Thiện Tài và
8 Nan-đà mặc áo xanh đưa ra ngoài cửa. Chiếu
9 lại đánh lễ, ngẩng đầu lên thì đều biến mất.
10 Đến mười ba ngày sau Chiếu cùng hơn năm
11 mươi vị Tăng đến Hang Kim cương Vô
12 Trước thì thấy Đại Thánh ở đây. Bỗng thấy
13 đất đai mở rộng nghiêm tịnh lưu ly các báu
14 làm thành cung điện, Văn-thù Phổ hiền cả
15 vạn vị Bồ-tát Phật Đà-Ba-Lợi cũng ở trong
16 đó. Thấy xong Chiếu theo chúng về chùa.
17 Đêm ấy canh ba ở lầu Tây của viện Hoa
18 Nghiêm lại thấy ở hang núi phía Đông chùa
19 có năm ngọn đèn lớn hơn một thước. Chiếu
20 lại nguyện chia làm trăm ngọn đèn rồi hợp lại
21 thành một, lại nguyện chia làm ngàn ngọn
22 đuốc rồi sắp thành các hàng ánh sáng chiếu
23 vào nhau và ánh sáng phân tán khắp núi rừng
24 đồng cỏ v.v... Chiếu lại đến trước hang Kim

1 cương nguyện thấy được Đại Thánh. Vào
2 đầu canh ba thấy một Phạm Tăng tự xưng là
3 Phật-Đà-Ba-Lợi dẫn chiếu vào chùa. Đến
4 ngày 1 tháng 12 ở Viện Hoa Nghiêm vào Đạo
5 Tràng Niệm Phật trong khi quán niệm thì hai
6 vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền bảo mình rất
7 ráo chứng Vô Thượng Giác, lại ghi mình
8 niệm Phật Di-đà chắc chắn vắng sinh. Do đó
9 ta nhất tâm niệm Phật Chánh niệm thì thấy
10 một vị Tăng Ấn-độ vào chùa bảo rằng ông
11 sinh vào đài hoa ở Tịnh-độ, ba năm sau ông
12 đến sẽ nở ra nhưng việc ông thấy chùa Trúc
13 Lâm sao không nói cho mọi người cùng biết.
14 Chiếu nghe nhớ việc thấy xưa bèn gọi thợ
15 khắc đá, chỗ thấy chùa Trúc Lâm xưa thì cất
16 lên một ngôi chùa cũng tên là Trúc Lâm.
17 Chiếu nói việc ta đã xong, ta há lại ở lâu cõi
18 này ư? Qua mấy ngày sau thì mất suy ra đúng
19 là ba năm như lời vị Tăng Ấn-độ nói.

20 ***4- Thích Tự Giác:***

21 Sur là người ở Vọng Đô thuộc Bắc Lãng.
22 Năm mười tuổi thờ ngài Tri Khâm chùa Khai
23 Nguyên ở bốn quận làm thầy. Khâm thấy chỉ
24 ông khác thường bèn khiến đặt tên Tự Giác

1 và nói chơi rằng nghe tên nghĩ ngợi mà vô
2 ích ư? Giác thừa hạt giống Phật từ duyên
3 khởi sao quên lời dạy dỗ. Niên hiệu Chí Đức
4 thứ 2 đời Đường sư thọ Cụ giới, đi về phương
5 Bắc đến chùa Linh Thọ Thiên Pháp mà rèn
6 tập các kinh luật Đại Tiểu thừa. Lại so sánh
7 nghĩ rằng việc đời lằng xằng ngày cả muôn
8 mối, không bằng vào núi Thái Sơn cắt lều
9 tranh trên tảng đá lớn mà ở là đủ. Đầu niên
10 hiệu Đại Lịch ông được Viện Trùng Lâm
11 phía Tây Bình Sơn, Giác nói núi vắng không
12 người phiền lự chẳng sinh, đất phiền lự
13 không sinh đâu tuyên nói Phật giáo mà không
14 người nghe, ắt có đạo quý thần ở đấy. Do đó
15 Sư sớm chiều giảng nói cho các âm hồn suốt
16 ba năm, năm năm trời hạn hán thêm nạn trộm
17 cướp như ong vỡ tổ, lại khắp nơi in dấu cạp
18 sói hổ báo Sư hái rau quả ngày ăn một bữa.
19 Tiết Độ Sứ Hằng Dương là Trương Chiêu,
20 lúc đó hạn hán nghe Giác siêng năng khổ
21 nhọc có nhiều điềm lành, bèn đích thân vào
22 núi thỉnh rằng: Chiêu tôi ít phước, họa đến
23 trăm họ, suốt ba năm không mưa nên tự trách
24 mình vô ích. Lại nói: Chiêu nghe Long

1 vương nương Ngài nghe Pháp mà quên làm
2 mưa, mong Ngài từ bi thương xót cứu giúp.
3 Sư bèn đốt hương xa trông ao đầm mà khẩn
4 rằng: Chỉ có rồng làm mưa đất đai thấm ướt.
5 Phút chốc thì mưa lớn ào xuống. Năm ấy dân
6 Hằng Dương trúng mùa. Sư Giác từ khi vào
7 Pháp đến nay có phát bốn mươi chín nguyện
8 trong đó có một nguyện, là nguyện do Bồ-tát
9 Đại Bi tiếp gặp được Phật Di-đà. Do đó
10 quyên góp đúc tượng Đại Bi cao bốn mươi
11 chín thước và xây chùa để thờ. Khi chùa
12 thành thì Phật sự rất thanh hành. Trước tượng
13 Đại Bi Sư cúi đầu than khóc rằng Thánh
14 tượng đã thành, chùa tháp đã xong, nay
15 nguyện nương Thánh lực mà sớm lên An
16 Dưỡng. Đêm ấy vào canh ba bỗng có hai
17 luồng ánh sáng màu vàng. Trong ánh sáng có
18 Phật A-di-đà nương mây mà xuống, Quán
19 Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, Phật đưa tay
20 vàng xoa đầu Giác nói: Chớ bỏ lợi vật làm
21 đầu, ao bấu được sinh ai không thỏa nguyện.
22 Bỗng mây cuốn ánh sáng tắt không còn dấu
23 vết gì. - Sau mười một năm ngày 15 tháng 7,
24 lại thấy một người ở trên mây hiện ra nửa

1 người giống như Tỳ-sa-môn gọi Giác bảo
2 rằng hẹn về An Dưỡng nay đã đến, Giác đem
3 việc đã thấy bảo đệ tử siêng năng mạnh mẽ
4 đối với Pháp của Như lai không lười biếng.
5 Rồi ở trước Tượng Đại Bi ngồi kiết già mà
6 hóa. Biết đệ tử muốn đưa khám thờ về quê cũ
7 khiến người trong châu khôn khổ, bèn dời
8 tháp về phía Nam chùa Đại Bi.

9 **5- Thích Hoài Ngọc:**

10 Sư họ Cao, người ở Đan Khâu, chuyên tu
11 Tịnh nghiệp suốt bốn mươi năm, mỗi ngày
12 đọc niệm Phật A-di-đà năm vạn biến, tụng
13 các kinh khác ba trăm vạn quyển. Niên hiệu
14 Thiên Bảo đời Đường Năm thứ nhất ngày 9
15 tháng 6, Sư Ngọc đang niệm Phật bỗng thấy
16 Thánh chúng Tây Phương số đông như cát
17 sông Hằng, trong đó có một người tay cầm
18 đài bạc trình ra trước Ngọc, Ngọc nói Hoài
19 Ngọc tôi vốn mong đài vàng nay sao đưa đài
20 bạc đến? Nói xong thì đài và người đều biến
21 mất. Ngọc do đó càng cố gắng suốt hai mươi
22 một ngày thì người đưa đài bạc trước lại đến
23 bảo Pháp sư vì tình khổ nên được lên Thượng
24 phẩm, vãng sinh trước thấy Phật, nên ngồi

1 kiết già mà đợi. Chưa dờn gót thì thấy có ánh
2 sáng lạ chiếu vào thất, Ngọc đưa tay nói với
3 mọi người rằng: Chớ đụng vào ánh sáng ấy
4 ta muốn đạp lên ấy mà đi. Ba ngày sau thì
5 ánh sáng lạ lại hiện ra, đệ tử nghi Sư tạ thế
6 bèn vây quanh hỏi, Ngọc nói: Không phải
7 lúc, lại nói: Nếu các người nghe có mùi thơm
8 lạ thì ta mất. Hôm sau đệ tử là Huê Mạng hỏi:
9 báo thân này mất rồi thì sinh về cõi nước
10 nào? Ngọc không đáp chỉ viết sáu câu kệ
11 rằng:

12 *Thanh tịnh sáng sạch không bụi*
13 *nhơ,*
14 *Hoa sen hóa sinh là mẹ cha,*
15 *Ta trải nhiều kiếp tu đến nay,*
16 *Chỉ bày Diêm Phù chán các khổ,*
17 *Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp,*
18 *Là hẵn Ta-bà về Tịnh-độ.*

19 Nói kệ xong thì mùi thơm bốn phía bay
20 đến. Trong số đệ tử có người thấy Phật và hai
21 vị Bồ-tát ngồi Đài vàng, bên Đài có trăm
22 ngàn vị Hóa Phật từ Tây Phương đến rước
23 Ngọc. Ngọc cung kính chấp tay mỉm cười mà
24 hóa.

6- Thích Tề Hàn:

Sư tự là Đẳng Chí con của họ Thẩm ở Ngô Hưng, Cao Tổ là Trần Quốc Tử Tế Tửu, Tăng Tổ là tùy Ngụy Châu Tư Mã, Tổ Khảo thì không ra làm quan. Thuở nhỏ Hàn dạo chơi ở chùa đập đất sạch không bụi liền biết có túc mạng thấy rõ chỗ sinh rõ ràng trước mắt, do đó đi xuất gia. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám đời Đường đến chùa Vĩnh Định ở Bồn Châu, năm thứ chín thì lên Ngũ Phần Đàn ở chùa Khai Nguyên. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba thì chuyển thuộc hai châu Võ Khâu, Đạo Tục ngày càng đến quy phục rất đông. Tánh Hàn không hay la rầy tiếng lành đồn xa. Ở riêng một nhà im vắng như không người, rất khổ nhọc chẳng bỏ thì giờ luống uổng. Rất rành rẽ kinh Pháp Hoa và các luật bộ, thông minh lanh lợi làm sáng nghiệp lành dắt dẫn kẻ hậu lai. Tất cả nghe thấy đều có chút điều lành cũng đều quy về Tịnh-độ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười sư bị bệnh vào Lưu Đạo Tràng lưu Thủy Niêm Phật, cảnh tượng Tịnh-độ một niệm liền hiện. Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ rằng:

1 *Lưu Thủy động sóng gợn lăn tăn*
2 *Chiếu nhau hê sáng báu tùy nương*
3 *Cười ánh sáng đi ra, phần ấy thuộc*
4 *về ai?*

5 Ông mất ở phía Đông chùa Hồ Khâu, thọ
6 sáu mươi tám tuổi, pháp lạc ba mươi sáu. -
7 Trước đó, Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ xong
8 bảo đệ tử rằng: Thiên không thể bỏ, thời gian
9 không thể mất. Các con nên bền chắc điều
10 lành An Dưỡng. Đệ tử thưa: không dám
11 quên. Hàn bảo Phật đạo không quên thì Đức
12 các con nhờ đây mà thịnh. Có người hỏi: Hòa
13 Thượng bỏ sinh sao còn bệnh? Hàn đáp: đến
14 lúc từ biệt Thánh còn không khỏi huống chi
15 là ta. Rồi nhìn về Thánh tượng mà mất.

16 **7- Thích Thần Hạo:**

17 Sur tự là Thường Khánh, họ Từ, trước là
18 người Bắc Tần Tăng Tử thờ nhà Trần do đó
19 nhà ở đất Ngô Hạo tánh khí phóng khoáng
20 thông minh, thuở nhỏ thờ Hoài Nhất trong
21 Đạo tràng làm thầy. Niên hiệu Thiên Bảo
22 năm thứ sáu vua ra chiếu mỗi quận độ Tăng
23 ba người, xét về danh tiết Đạo nghiệp mà tiến

1 cử lên, Hạo được cử đứng đầu. Hạo nương sự
2 Đàm Nhất ở Cối Kê ở mà học thông Luật bộ.
3 Rồi trở về chùa Phước Nguyên ở Bao Sơn mà
4 tiêu dao, được mọi người chí cao kính phục,
5 danh vang một thời. Đầu niên hiệu Càn
6 Nguyên đời Đường, vua ra chiếu hai mươi
7 bảy chùa trong nước mỗi chùa chọn bảy vị
8 Đại Đức Tăng thường giảng giới luật, Hạo
9 vàng chiếu. Thứ Sử Khai Châu là Lục hướng,
10 Cấp Sự Trung Nghiêm làm đệ tử. Lễ Bộ Thị
11 Lang Lưu Thái Chân, Đại Lý Bình Sự
12 Trương Tượng Liêm Sử Lý Quân đều khâm
13 phục phong đức của Sư. Cuối đời sư cùng kết
14 Tây Phương Pháp Xã để phát triển Đạo Tục
15 lúc đó có nhiều người không thể lánh Trần lự
16 để tịnh sáu căn, thường lui sụt. Có người cho
17 rằng vì trong rừng các cây chiêm đàn tự khô -
18 Niên hiệu chân Nguyên năm thứ 6 tháng 10,
19 Sư bị bệnh, ngày 5 tháng 12 Sư dặn dò đệ tử
20 là Hoài Lượng rằng: Đêm nay ta sẽ mất, ước
21 nguyện là sinh Tịnh-độ con nên sắp bày Chín
22 Phẩm để dẫn dắt ta. Chiều đó các điềm lành
23 ngậm hiện. Hạo tắm gội thay áo rồi tịch. Tịch
24 rồi ba ngày sau trong thất vẫn còn mùi thơm

1 lạ.

2 **8- Thích Thiều Khang:**

3 Sur họ Chu, người vùng Tiên Đô thuộc
4 Tấn Vân. Mẹ họ La, khi mang thai Sur mộng
5 thấy dạo chơi núi Đảnh Hồ được Ngọc Nữ
6 trao cho cành hoa sen xanh bảo: Hoa kiết
7 trường này trao người sinh quý tử. Đến khi
8 sinh ra Sur thì ánh sáng xanh đầy nhà, mùi
9 thơm giống như hoa Phù Dung. Lúc còn bé
10 mắt xanh môi đỏ khác thường. Lại khi sinh
11 ra về sau không hề lên tiếng. Thầy tướng bảo
12 đứa bé này hiếm lạ khó lường, chỉ việc không
13 nói thì ta không biết. Đến bảy tuổi, mẹ vào
14 chùa Linh Sơn ở quận nhà, lên điện chỉ điện
15 Phật hỏi đùa rằng: Con có kính Phật chăng?
16 Khang nói: Phật Thích-ca ai chẳng kính.
17 Người nghe lấy làm lạ vì từ lúc sinh đến nay
18 chưa từng nói. Cha mẹ do đó cho đi xuất gia.
19 Năm mười lăm tuổi đã tụng được năm bộ
20 kinh Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v... Liền tìm
21 đến chùa Gia Tường ở Việt Châu nghiên cứu
22 Tỳ Ni. Sau đến chùa Long Hưng ở Thượng
23 Nguyên nghe kinh Hoa Nghiêm và luận Du-
24 già các . Đầu niên hiệu Chân Nguyên đến

1 chùa Bạch Mã ở Lạc Hạ, thấy trong điện thờ
2 các sách vở phát ra ánh sáng. Khang bất ngờ
3 rút ra một quyển thì đó là Văn dạy về Tây
4 Phương của ngài Thiên Đạo thuở xưa. Khang
5 nói nếu tôi có duyên với Tịnh-độ thì khiến
6 cho bản văn này phát ra ánh sáng. Lời nguyện
7 chưa dứt thì thấy ánh sáng chói lòa. Khang
8 nói kiếp đã có thể dời chữ nguyện tôi không
9 đổi. Bèn đi về phía Nam đến Trường An ở
10 trước ảnh đường của ngài Thiên Đạo mà
11 trình bày cúng lễ. Khi mới cúng lễ thì thấy di
12 tượng ngài Thiên Đạo bay lên hư không bảo
13 Thiều Khang rằng: Người theo việc ta lợi lạc
14 hữu tình ắt công phu của người sẽ đồng sinh
15 An Dưỡng. Khang nghe lời ấy như có chỗ
16 chứng. Bèn đến chùa Quả Nguyện ở Giang
17 Lăng, giữa đường gặp một vị Tăng bảo: Ông
18 muốn hóa độ người hãy đến Tân Định. Nói
19 xong thì biến mất. Khi đến quận lỵ, người ở
20 đấy chưa theo sự hóa độ của Sư, Khang bèn
21 xin tiền đem cho con nít dụ bảo: Phật A-di-
22 đà thật là thầy con, nếu con niệm một câu ta
23 cho một đồng. Trẻ con ham tiền cùng đua
24 nhau niệm. Hơn một tháng trẻ con niệm Phật

1 đơi tiền càng nhiều. Sau đó lại bảo niệm
2 mười câu mới cho một tiền, trẻ con từ chợ
3 đến thôn quê đều như thế. Được một năm thì
4 trai gái lớn nhỏ sang hèn hễ thấy Thiếu
5 Khang thì đều niệm A-di-đà Phật. Cho nên
6 người Lục Thành cùng nhau niệm Phật đầy
7 đường. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ
8 mười, Khang ở núi Ô Long lập Đạo Tràng
9 Tịnh-độ, xây Đàn ba tầng tập hợp người ngày
10 đêm hành đạo. Lúc đó Khang lên tòa cao
11 khiến nam nữ nhìn mặt Khang rồi lớn tiếng
12 niệm Phật A-di-đà cả chúng cùng lớn tiếng
13 họa theo. Đến khi Khang niệm thì thấy từ
14 miệng hiện ra một Đức Phật, niệm liền mười
15 câu có mười Đức Phật liền nhau như xâu
16 chuỗi. Khang hỏi các vị có thấy Phật chăng?
17 Người thấy Phật thì chắc chắn sinh Tịnh-độ,
18 người Lễ Phật cả mấy ngàn người, rốt cuộc
19 cũng có người không thấy. Ngày 3 tháng 10
20 niên hiệu Chân Nguyên 21, Khang dặn dò
21 Đạo Tục phải khởi tâm tăng tấn với An
22 Dưỡng và chán sợ cõi Diêm-phù-đề cầu
23 mong thoát ly. Lại nói: Các con lúc này thấy
24 ánh sáng mới thật là đệ tử ta rồi. Liền phóng

1 ra mấy luồng phát ánh sáng la mà viên tịch.
2 Tháp Sư xây ở phía Đông ngọn Đài Tử ở Vu
3 Châu. Niên hiệu Càn Hựu năm thứ 3 đời Hán
4 Thiên sư Đức vận ở Thiên Thai xây mới lại,
5 nhiều người bấy giờ chỉ vào tháp ấy cho là
6 con cháu của Thiên Đạo.

7 **9- Thích Tri Huyền:**

8 Sư tự là Hậu Giác, họ Trần, người ở Hồng
9 Nhã thuộc Mỹ Châu mẹ họ Ngụy, mộng thấy
10 mặt trăng chui vào bụng do đó mà mang thai.
11 Lúc còn bú hễ thấy Phật thì mừng, năm tuổi
12 nghe ông nội vịnh hoa thì lên tiếng mà đến.
13 bảy tuổi gặp Thái Pháp sư ở chùa Ninh Di
14 giảng kinh Niết-bàn. Huyền vào chỗ giảng
15 bày như thấy nhân trước. Đêm ấy mộng thấy
16 Phật đưa tay xoa đầu, bèn xuất gia. Năm
17 mười một tuổi cạo tóc đến chùa Tây An ở
18 Đường Hưng truyền Đại Kinh bốn mươi ba
19 quyển, Viễn Sư nghĩa só nêu ý chỉ sư một
20 trăm hai mươi lăm vạn lời chỉ trích Tăng đồ
21 làm cảm động lão thành. Lúc đó Thừa Tướng
22 Đỗ Nguyên Dĩnh trấn thủ Tây Thục nghe
23 danh Huyền liền mời Sư giảng ở gác Phổ
24 Hiền chùa Đại Bi thì cả đạo tục mỗi ngày đến

1 mấy vạn chú tâm lắng nghe khen mãi không
2 ngớt. Người Hậu Thục không dám gọi đích
3 danh chỉ gọi là Trần Bồ-tát. Huyền ở chùa
4 Tịnh Chúng nghe Tỳ-ni, thông cả Câu-Xá.
5 Trú chùa Tư Thánh ở Thần Kinh. Chùa này
6 là nơi hội họp của người bốn biển ba học,
7 Huyền ở đó luận giảng tăng tục kính mến
8 ngày càng đông đảo. Vua Văn Tông nghe
9 tiếng bèn mời vào cung hỏi han rất hợp ý vua.
10 Sau sư học Luận Duy Thức với An Quốc Tín
11 Pháp sư đến như kinh sách ngoại điển của
12 trăm nhà Hiền triết đều bao gồm. Có điều là
13 tiếng không thông chẳng thể giảng nói. Bèn
14 đến núi Tượng Nhĩ tụng Chú Đại Bi. Đêm nọ
15 Huyền mộng thấy Thần Tăng cắt lưỡi mình
16 đổi cho lưỡi khác. Sáng hôm sau bỗng nói
17 thông tiếng Tần. Lúc đó Dương Hình Bộ
18 Nhữ Sĩ Cao, Tả Thừa Nguyên Dự, Trường
19 An Dương Lỗ Sĩ... đều đến cửa Sư xin kết
20 Liên Xã. Vua Võ Tông đầu niên hiệu Ngự
21 Vũ, trước rất cung kính Phật giáo, sau nghe
22 Phù Nghi cúng tế Bồng Lai, xây Phong đài
23 để vũ hóa. Tuy Gián Quan dâng sớ chống lại
24 nhưng vua không đổi ý. Huyền soạn sách có

1 năm Thiên, Thiên cuối nói rằng sinh lên trời
2 vốn là do nghiệp sinh lên trời, chưa ắt cầu
3 Tiên mà được thành Tiên, Rồng Hạc gặp
4 nguy cũng rớt, còn quân vương cao lắm là
5 một ngàn năm. Vua xem thơ chỉ hiểu chút
6 chút. Đến khi vua đuổi hết Tăng Ni hoàn tục,
7 thì Huyền trở về núi cũ Ba Mân giới hạnh
8 càng tinh chuyên. Ở chùa Khai Nguyên, vua
9 Tuyên Tông Long Phi Dương cùng hội họp
10 định cộng lao, bèn xin phục hưng Phật giáo,
11 lại hỏi tung tích của Huyền. Do đó Huyền lại
12 làm Tăng nghỉ ở chùa Bảo Ứng. Các quan tân
13 bổ Sư làm Thủ tọa Tam giáo, vua mời sư đến
14 ở chùa Pháp Càn. Niên hiệu đại Trung năm
15 thứ ba, Tuyên Tông Đản Tiết ra chiếu cho
16 Gián Nghị Lý Di, Hệ Cấp Sự Dương Hân
17 Công cùng Huyền ba người nghị luận, huyền
18 tâu vua Thiên hạ bỏ chùa nay cho đại phục
19 hưng chùa Tháp, Huyền có công lớn. Vì
20 Huyền tài trí sâu rộng nên vua cho thợ vẽ
21 hình Sư để trong cung cấm. Lúc đó tướng
22 Quốc Bùi Công Hưu làm bạn thân với sư
23 cũng mạnh dạn trùng hưng giáo Pháp. Niên
24 hiệu Quảng Minh năm thứ hai, vua Hy Tông

1 lánh nạn ở Tây Thục sai Quách Tuân Thái,
2 mang ấn dẫu cũ Thư ra chiếu Huyền cùng đi.
3 Huyền đến thừa cơ biện luận vui ý vua. Các
4 quan đều khâm phục Huyền hỏi Đạo quen
5 sớm chiều. Vua muốn ban cho cờ xí để biểu
6 đức, ra chiếu các Học Sĩ chọn Hiệu cho
7 Huyền. Cuối cùng vua ban hiệu là Quốc Sư
8 Ngộ Đạt. Một năm sau sư xin về quê cũ là
9 Cửu Lũng để nối nghiệp Tịnh-độ. Vua chấp
10 thuận. Năm sau, ngày 21 tháng giêng sư bị
11 bệnh thấy cảnh đã dạo chơi hiện rõ trước mắt.
12 Sư bèn dậy đốt hương hướng về Tây khẩn
13 rằng: Tuy cảnh tượng đó nhưng không đúng
14 ý, nếu được thấy Tịnh-độ thì ắt mãn nguyện.
15 Nói xong thì trên hư không có tiếng nói rằng:
16 Hạnh Nguyên của ông chắc chắn sinh về An
17 Dưỡng sao nguyên không mãn. Huyền nghe
18 rất vui mừng bèn bảo đệ tử là Từ Đăng dâng
19 biểu lên vua, lại bảo Đăng rằng: Ta tu Tịnh-
20 độ được một năm, hôm nay được Ta nguyện
21 xưa đã xong, rồi nằm nghiêng bên hông phải
22 vui vẻ mà mất, thọ bảy mươi ba tuổi.

23 ***10- Thích Tăng Tạng:***

24 Sư là người Tây Hà không biết họ, tánh

1 hiền từ không tranh giành với ai, thấy người
2 già thì kính, gặp bậc có Đức thì trọng, hề gặp
3 khổ nhọc thì ở trước mọi người niệm Phật A-
4 di-đà suốt 20 năm miệng không hề nói điều
5 quấy ác. Thường mong cho mau ra khỏi ba
6 cõi không có gì hơn niệm Phật, cho nên đi
7 đứng nằm ngồi ăn uống ngủ nghỉ đều nghĩ
8 đến An dưỡng. Trong niên hiệu Càn Phù Đồi
9 Đường Hy Tông Sư bị bệnh thấy Hóa Phật
10 Tịnh-độ chiếu sáng thân mình. Người hầu
11 bệnh ở bên Tạng, Tạng bảo tự nghĩ từ nhiều
12 kiếp đến nay đã chứa nhóm nhiều tội lỗi như
13 số cát bụi. Nay Thánh Chúng riêng chiếu
14 sáng thân ta, đây là Tịnh-độ giáo chủ Đại Từ
15 nhập ta. Ngày hôm sau lại gọi vị Tăng bảo
16 rằng: Tôi nhắm mắt thì thấy các bậc Thượng
17 Thiện ở Tịnh-độ đón rước, tôi đến các vị ấy
18 đều mừng rỡ và rải hoa cho tôi. Chưa xong
19 bữa ăn lại bảo: Các Thượng Thiện Nhân mời
20 tôi và tôi đi đây. Rồi ngồi dậy đắp y ngay
21 ngắn về hướng Tây mà hóa.

22 ***11- Thích Đại Hành:***

23 Không rõ họ. Niên hiệu Càn Phù đời
24 Đường giặc giả bức hiếp dân, ông phải ở trên

1 núi Thái Sơn kết cỏ làm áo, hái rau mà ăn,
2 thực hành sám Pháp Hoa Phổ Hiền đã ba năm
3 hết mực tinh thành, cảm được Đức Phổ Hiền
4 hiện thân, thấy rõ nhân lớn đời trước, do đó
5 mà cố gắng các niệm, nghĩ Pháp Như lai vẫn
6 còn, nghĩ mình tu chưa chứng, sớm chiều cố
7 gắng quên cả ăn uống. Chưa được một năm
8 vì Phật đạo chỗ tu chưa chuyên nhất một
9 cảnh, lại vì huyễn thân vô thường sẽ bị hư rã,
10 biết đời sau sẽ sinh về đâu. Bèn vào Đại Tạng
11 hết sức tha thiết bày tỏ rằng: Con nguyện tin
12 tưởng lấy được kinh văn nào thì thọ trì mãi
13 mãi. Rồi bất chợt lấy một quyển chính là kinh
14 Di-đà. Bèn ngày đêm trì tụng không dứt câu
15 sinh An Dưỡng. Chưa được hai mươi một
16 ngày vào khoảng nửa đêm bỗng thấy đất lưu
17 ly hiện ra trước mắt thì tâm nhãn rộng suốt,
18 thấy Phật Di-đà và Quán Âm Thế Chí, vô số
19 Hóa Phật. Lúc đó xa gần truyền nhau sự việc.
20 Vua Hy Tông ban chiếu mời vào nội cung hỏi
21 mọi việc. Sư thưa đây chỉ cần tinh tấn, vua
22 bèn ra sắc ban hiệu là Bồ-tát Thường Tinh
23 Tấn, ban chức là Khai Quốc Công. Một năm
24 sau, Sư bị bệnh, thấy đất lưu ly lại hiện. Sư

1 nói: Ta không có tướng mà đất lưu ly lại hiện
2 há An Dưỡng chẳng có duyên ư? Ngày ấy,
3 Sư tịch ở thiền thất.

4 **12- Thích Duy Cung:**

5 Chẳng rõ Sư người ở đâu, xuất gia tại
6 chùa Pháp Tánh ở Kinh Châu. Sư khinh trên
7 hiếp dưới làm thân với kẻ vô loại. Lúc rảnh
8 rang thì tụng kinh cầu sinh An Dưỡng. Đám
9 bạn rượu thịt bài bạc thường nhóm họp ở
10 trước cửa hư cuồng bảo làm tăng chẳng có
11 ngày bỏ không. Ở phía Đông chùa có tăng
12 Linh Vị là người ở Kinh Châu thường nói đùa
13 rằng: Linh Khuy làm hết nghiệp, Duy Cung
14 tiếp dầu tích địa ngục ngàn vạn lớp, không
15 chán kẻ chui vào. Cung nghe và nói: Ta đã
16 làm thì cũng tránh được là nhờ có Giáo chủ
17 Tịnh-độ thương ta gây ác mà cứu ta khổ sở.
18 Chồng cự không có địa ngục để vào. Niên
19 hiệu Càn Ninh năm thứ hai đời Đường, Duy
20 Cung bệnh chết nhưng chưa ai biết lúc đó
21 khuy ra khỏi chùa khoảng trăm bước, giữa
22 đường gặp sáu, bảy người trẻ tuổi áo quần
23 đẹp đẽ, tay cầm nhạc khí như ở nước Quy-tu
24 khuy nghi là họ đến chùa trời nhạc cúng Phật.

1 Hỏi từ đâu đến, bảo từ Tây đến. Lại bảo rằng
2 chúng ta đi đây, có người đợi. Lại hỏi
3 Thượng nhân Duy Cung ở Chùa nào? chỉ tay
4 nói: Đây là chùa ông ta, đây là phòng của ông
5 ta. Người trẻ tuổi nghe xong rất mừng rỡ, lấy
6 trong bụng ra một bình vàng, trong bình có
7 một hoa sen còn búp như nắm tay, từ từ nở ra
8 to bằng cái chậu, ở dưới những cánh sen có
9 ánh sáng lạ màu sắc chiếu nhau như mấy cụm
10 đèn, chạy mau đến chùa, chưa đến chùa bỗng
11 biến mất. Khuy kinh hãi chẳng dám nhìn lại
12 cũng chẳng nói với ai. Hôm sau Khuy trở về
13 đến cửa chùa thì nghe tiếng chuông, lại thấy
14 Tăng trong chùa đều nhóm họp dưới cửa hỏi
15 thì bảo Duy Cung đã mất từ đêm qua. Có
16 người nói khi Cung chết thì tăng trong chùa
17 có người mộng thấy hoa sen có ánh sáng đến
18 nhà, hỏi lâu mới về Tây. Khuy bèn kể việc
19 mình nghe thấy, càng đáng tin. Người làng
20 có kẻ đem việc khuyên gắng Khuy, Khuy
21 nhân đó cảm ngộ giữ danh tiết mà thành Cao
22 tăng.

23 **13- Thích Hồng Cử:**

24 Sur họ Đường, người ở Vĩnh Gia, xuất gia

1 tại chùa Long Hưng ở Côi Kê, đến học tại
2 chùa Bảo Hưng ở Trường An. Người Trường
3 An thấy tăng môn không ai đẹp lạ bằng Cử,
4 mà Cử thì không lấy làm tự đắc. Cử từng
5 cùng Thái Khuê ở Trần Lưu đến chơi tại chùa
6 Hóa Độ, trong chùa có văn bia, Cử đọc mắt
7 nhìn mấy hàng. Khuê làm lạ hỏi ông đọc
8 thuộc lòng được ư? Cử nói mới đọc lần đầu
9 thôi nhưng biết văn không sai. Khuê nghi là
10 Cử may đã thuộc. Khi đến chùa Sùng Thánh
11 thì có khoảng mười tám bia, Cử cũng chỉ đọc
12 qua một lần thì cũng thuộc lầu như trước.
13 Khuê khen nói ta nghe có người tài giỏi
14 nhưng mắt chưa thấy, nay thấy ở ông. Cử
15 không đáp. Tuổi về già đến xứ Việt, tăng ni
16 ở Việt thỉnh làm y chỉ cho hai chúng hạnh
17 làm và nơi đến đều nuôi dưỡng Từ Nhân
18 không hề mắng người là mèo chó. Sư thường
19 tụng Quán Kinh kết tượng An Dưỡng, nhiều
20 lần cảm được điềm lành nhưng không nói.
21 Niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba đời Hậu
22 Đường sau một cơn lũ dân chúng đói kém
23 khổ sở có tên trộm lén vào nhà, sư gọi trộm
24 bảo các người gặp tai trời mà khốn khổ,

1 người khác cũng như vậy, vượt qua lúc này,
2 nên tự mình thương tiếc, tên trộm hổ thẹn. Đệ
3 tử muốn may áo kếp cho sư nhưng sư không
4 mặc, bảo: các ông chẳng phải là đệ tử của ta,
5 ta phải bỏ mà đi. Đệ tử bèn thôi. Niên hiệu
6 Trường Hưng năm thứ tư đời Hậu Đường ,
7 sư điềm nhiên không bệnh mà gọi đệ tử bảo
8 rằng: Thắng Tướng Tịnh-độ đã đến, ta sẽ tạ
9 thế. Các con phải thay áo mới cho ta để xong
10 việc. Canh ba đêm ấy quả nhiên sư tạ thế.
11 Quan tài Sư để ba ngày, một tối nghe có tiếng
12 gõ áo quan. Đệ tử mở ra thì Cử ngồi dậy nói
13 ta bảo các người thay áo mới cho ta nhưng
14 các người không làm. Nay hải Chúng bảo ta
15 áo không sạch có người khó gần gũi. Ta về
16 đây để các người thay áo. Thay xong thì nằm
17 chết như trước.

18 ***14- Thích Chí Thông:***

19 Sư họ Trương, người ở Phù Phong. Cuối
20 đời Hậu Đường, ngày binh lửa Sư tìm chỗ ở
21 không nhất định, than thở buồn trách. Sau đó
22 dạo đến Lạc Hạ gặp ngài Tam tạng Phước-
23 Nhật-la hành Du-già giáo bèn bảo: Đây là
24 Mật Tạng của Như lai ta không truyền là lỗi

1 ở ta. Bèn xuống tóc thờ thầy truyền cho Mật
2 tạng, suốt mười năm không chút biếng lười.
3 Lại muốn đến Thiên Thai sang La Phù, bèn
4 từ giã Tam tạng, Sư nói bình lửa chưa yên,
5 con có nam chinh thì lại càng khó khăn cách
6 trở. Thông nói: Có hổ trời sao cách trở được.
7 Tạng nói: Nếu Ngô Hội có thể trao cho Phạm
8 Văn, gặp lúc có thể truyền dịch thì ta cũng
9 xong việc. Rồi trao cho Phạm Văn. Niên hiệu
10 Thiên Phước đời Thạch Tấn năm thứ tư,
11 được Văn Mục Vương ở Tiền Đường vãng
12 mạng triều đình vốn có đầy đủ oai nghi Lạc
13 Bộ ra đón về ở chùa Tháp Chân Thân. Không
14 bao lâu thừa hỏi Thiên Thai, do đó lên Xích
15 Thành đến Hoa Đảnh, khi thấy Nghi Thức
16 Tịnh-độ của Trí Giả thì mừng vui khôn xiết,
17 không xoay về hướng Tây khắc nhỏ, không
18 ngồi xoay lưng về Tây. Thiên Thai có ngọn
19 Chiêu Thủ cao chót vót nhìn xuống cả ngàn
20 tầm. Thông leo lên đánh bảo rằng: thân ở
21 cảnh này không bằng bỏ báo thân này, mà
22 thấy Phật, ngày khác đâu kịp. Bèn hướng về
23 Tây nhắm mắt tự bày Đại Nguyên và nghĩ
24 đến nhân địa của Di-đà mà phát hạnh nguyện.

1 Nguyên xong liền gieo mình xuống, đến nửa
2 chừng như có vị thân nâng đỡ nhánh cây nên
3 thân thể không tổn hại. Thông bảo sao còn
4 sống? Lại chỉnh tâm chánh ý trèo lên ngọn tự
5 bảo đời này đã chán, đại nguyện đã phát, cúi
6 mong các hải chúng tiếp dẫn. Khiến thân này
7 không còn sống nữa. Rồi gieo mình xuống.
8 Nhưng lại rơi trên đám cỏ non, giây lâu tỉnh
9 lại. Tăng trong chùa nghi Thông đi đâu có lẽ
10 bị cọp sói hại đi tìm thì thấy xả thân, chúng
11 bèn khiêng về Đạo tràng trị bệnh. Niên hiệu
12 Thiên Phước năm thứ sáu đời Thạch Tấn
13 thỉnh đến núi Pháp Hoa ở Việt Châu. Năm
14 thứ bảy khi sắp muốn quy tịch, Thông thấy
15 bầy hạc trắng, chim công đi bốn phía, lại thấy
16 hoa sen phát ra ánh sáng khép mở ở trước
17 mắt. Thông nói: Hạc trắng chim công là cảnh
18 Tịnh-độ, hoa sen phát sáng là nơi gá sinh.

19 Tịnh-độ sắp đón ta? Bèn ngồi dậy lễ Phật
20 ở trước Phật mà hóa. Khi trà- tỳ thì có mây
21 năm màu che phủ trên đồng lửa ở núi Pháp
22 Hoa, các tăng đều nhìn thấy.

15- Thích Thiệu Nham:

1 Sur họ Lưu, người ở Ung Châu. Mẹ là
2 người họ Trương mang thai Sur mộng thấy
3 nhiều điềm kỳ lạ. Khi sinh ra thì hình dung
4 khôi ngô, mười tám tuổi thọ Cụ túc giới với
5 Luật sư Hoài Huy bèn tìm đến Ngô Hội ở các
6 núi Tứ Minh, Thiên Thai, nghiên cứu các
7 kinh Phương Đẳng trong mười năm. Từng
8 cùng Đức Vận Thiên sư quyết nghị, ở Văn
9 Ích tại Lâm Xuyên, sư đã được tâm. Nhân đó
10 nghỉ tại chùa Hồ Tâm ở Tiền Đường chuyên
11 tụng kinh Pháp Hoa. Từng nói: Nguyên tụng
12 kinh này một vạn bộ cầu sinh An Dưỡng.
13 Ngày đêm siêng năng cảm được đất liền mà
14 mọc hoa sen. Cả thành đều kính trọng, người
15 ngựa chen dẫu ồn ào đến với nhau. Niên hiệu
16 Kiến Long năm thứ 2 đời Đại Tông, thệ
17 nguyện sẽ đốt thân cúng dường Phật Di-đà và
18 hải Chúng thanh tịnh. Ngô Việt Quốc Vương
19 họ Tiền khỏ công khuyên can, thì tạm ngưng.
20 Sau đó lại gieo mình ở giữa sông Tào Nga để
21 làm thức ăn cho rùa cá, lại được cá cứu sống.
22 Khi cá cứu tự biết có vật nâng chân mình
23 vượt sóng đi thẳng lên. Họ Tiền nghe nói
24 càng thêm kính mến, lập viện Tịnh-độ ở chùa

1 Bảo Tháp tại Hàng Châu mời Sư ở. Ngày 9
2 tháng 7 Niên hiệu khai Hoàng 4 Sư bị bệnh,
3 nằm thấy hoa sen có ánh sáng chiếu vào thân,
4 nhân làm mấy bài kệ đề chỉ bày cho môn đồ.
5 Lại nói ta tụng Liên Hoa muôn bộ hện, một
6 ngày Liên Đài chín phẩm thác sinh. Nay ta
7 chưa chết Liên Đài đã đến trước, nhân tu há
8 trái, ba ngày sau khi sắp mất tâm vui vẻ tự
9 đắc.

10 ***16- Thích Thủ Chân:***

11 Sư người ở Vạn Niên thuộc Vĩnh Hưng,
12 họ Kỷ trong niên hiệu Càn Phù đời Đường,
13 Tăng Tổ từng làm quan ở Thục bèn thành
14 người Thành Đô. Lúc tuổi đôi mươi, Sư dạo
15 chơi chùa Thánh Thọ thấy Thiên sư Tu Tấn
16 lập hạnh cẩn thận bèn than: Ta bỏ người này
17 thì còn ai là thầy nữa? Bèn bỏ mũ thờ thầy,
18 rồi tìm đến Lăng Sư học Luận khởi Tín, tánh
19 Quang truyền cho Pháp Giới Quán và được
20 yếu chỉ. Sau đó hoằng hóa Thắng Nghiệp
21 (Tịnh-độ) hơn bốn mươi năm. Trước sau chỉ
22 dạy chăm chăm như một. Giảng Khởi Tín và
23 Pháp Giới Quán hơn bảy mươi lượt. Người
24 nối Pháp của Sư đến hai mươi người. Sư khai

1 Đạo tràng Quán Đảnh năm lần, Đạo tràng
2 Thủy Lục hơn hai mươi lần, tăng ni theo
3 thỉnh Pháp hơn ba ngàn người. Thường vào
4 canh ba sư luân kết Vô Lượng Thọ Vãng
5 Sinh mật ấn, đến canh năm thì luân kết Văn-
6 thù Ngũ Kế Thần Chú. Ngày 5 tháng Trọng
7 hạ Niên hiệu Khai Bảo thứ 3 khi đang luân
8 kết thì tự biết thân mình lên nước Vô Lượng
9 Thọ mở mắt thấy Phật, Phật chỉ hoa sen trong
10 ao báu, hoa này ngày nọ làm cha mẹ, người
11 nên giữ gìn đừng để cho héo. Niên hiệu khai
12 Bảo năm thứ tư thì sư gọi đệ tử là Duyên Ngộ
13 bảo rằng Như lai không sinh tử Vô thường ư?
14 Tuổi ta, tuổi về già ta muốn thuận theo thế
15 tục mà xây hai ngôi Tháp được chăng? Ngộ
16 thừa lệnh của thầy phải vâng. Năm ấy ngày 5
17 tháng Mạnh Đông khởi công, ngày 30 tháng
18 Trọng Đông thì hoàn thành. Ngày kế sư mời
19 Tăng trong chùa và đệ tử rằng: vì khổ sáu
20 đường lên xuống bởi nhân vạn nghiệp luân
21 lưu. Nhân đó liền đồng niệm A-di-đà Phật,
22 kế tán tụng. Sư ở trước tượng Di-đà khẩn
23 rằng: Nguyên Phật bốn mươi tám nguyện độ
24 hữu tình chúng con, đối với nguyện không

1 sai trái. Nguyện xong cầm hương hoa trước
2 các Điện Đường đều cúng dường nguyện
3 được như trước. Rồi hỏi canh ba ư? Đệ tử
4 thưa đúng là canh ba. Bèn ngồi im dứt hơi mà
5 mất.

6 **17- Thích Ngộ Ân:**

7 Sư tự là Tu Dĩ, người ở Thường Thục
8 thuộc Cô Tô. Mẹ là người họ Trương đã từng
9 mộng thấy vị Tăng Ấn-độ gọi bảo: "ta muốn
10 nhờ người làm mẹ" rồi bà có thai. Thuở nhỏ
11 Sư không thích chơi giỡn. Năm mười ba tuổi
12 nghe tăng tụng kinh Di-đà bèn xin xuất gia.
13 Trong niên hiệu Trường Hưng đời Hậu
14 Đường Sư cạo tóc về sau nương chùa Tuệ Tu
15 ở Côn Sơn rộng học năm Bộ Luật Văn. Niên
16 hiệu Thiên Phước đời Tấn theo ngài Linh
17 Quang Hạo Đoan nghiên cứu các kinh hiểu
18 rõ ý chỉ. Tuy Thiên Thai có nghĩa ba quán
19 sáu Túc chưa nghiên cứu nhưng đã ngầm
20 hiểu. Về già nương sư Chí Nhân ở Tiền
21 Đường mà thông suốt các Bộ Đại Kinh như
22 Pháp Hoa, Kim Quang Minh v.v..., các học
23 giả đều khâm phục gọi là Nghĩa Hổ. Sư bình
24 thường rất khiết khổ, ngày ăn một bữa, chẳng

1 chứa của dư, chẳng mặc áo dài. Khi Bồ-tát
2 chúng Tăng nhóm họp đầy đủ mới Bồ-tát.
3 Thường xem Tịnh-độ là Thắng Nghiệp. Đêm
4 30 tháng 8 Niên hiệu Ung Hy năm thứ ba đời
5 Tống, sư thấy mấy luồng ánh sáng từ giếng
6 phóng lên thường tắt cháy, liền bảo môn
7 nhân ánh sáng chớp tắt là biểu hiện sinh tử.
8 Bèn tuyệt thực cấm khẩu nhất tâm niệm Phật.
9 Ba ngày sau thấy một vị Tăng Ấn-độ thân
10 hình rất cao lớn bùng lư hương đi nhiều
11 quanh thất ba vòng. Sư hỏi Tăng nói ta là
12 Quán Đảnh sanh lên Tịnh-độ đã lâu, vì người
13 tu đồng chí ta nên ta đến chào.

14 Lát sau đệ tử đến thì vị tăng biến mất.
15 Hôm sau lên tòa kể việc thấy và vì đệ tử giải
16 rõ chỉ quán và yếu nghĩa các kinh khác, nghĩa
17 lý rất thông suốt. Sư nói nháy mắt tất khó bảo
18 toàn xưa nay thường nói thế, nhưng ta có thể
19 bảo đảm hôm nay. Ngày ấy ngồi mà mất tại
20 Giảng Đường Chỉ Quán. Đến nửa đêm Tăng
21 trong chùa là Văn yên nghe trên hư không có
22 tiếng nhạc đi dần về Tây, bèn kể lại.

1



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 VĨNG SANH TẬP
12 SỐ 2072
13 (QUYỂN 1 → 3)
14
15
16
17
18
19
20
21

22 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
23 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN
24

1 **SỐ 2072**

2 **VĂNG SINH TẬP**

3 *Sa-môn Châu Hoằng Chùa Vân Thê,*
4 *Cổ Hàng, biên soạn.*

5 **LỜI TỰA**

6 Khi Đức Thế Tôn mới thành Chánh Giác, Ngài
7 vì các hữu tình khắp nơi giảng nói Phật thừa mà
8 các Cơ khó gồm hết, cho nên trong Nhất Thừa mà
9 nêu Pháp Ba Thừa, và trong Ba Thừa lại nêu một
10 pháp môn Tịnh độ. Nay cách Phật ngày càng xa,
11 tình trần càng thấm đượm, không thể phát Thần
12 giải mà vượt lên bậc Thánh rơi vào lông bông mà
13 bị hiểm nguy chìm đắm. Nếu không nhờ pháp môn
14 này thì do đâu mà thoát nhanh được khổ lớn sinh
15 tử ?

16 Có thể nói đây là thuốc hay rất hiệu nghiệm trị
17 bệnh nặng lâu ngày khó chữa ở đời Mạt. Xưa đã
18 linh nghiệm nhiều thì nay càng công hiệu lắm. Lỗi
19 là do miệng Tịnh độ mà tâm Ta-bà nên chắc chắn
20 mình ngộ không bằng người xưa. Nghe nói xưa có
21 chuyện Văng sinh nhưng lâu năm lạc mất không
22 thấy, bèn tìm mọi sách vở ghi chép truyện trong
23 ngoài của trăm nhà, rồi tùy chỗ thấy mà xét rõ nhân

1 quả, chứa nhóm ngày càng nhiều nhưng thật ra chỉ
2 bằng vài mươi của trăm ngàn chuyện. Nay gom
3 góp so sánh mà xếp loại trên dưới trước sau.

4 Lại thêm các Thánh Đồng Quy làm chứng và
5 nêu các Cảm Ứng lúc còn sống, tất cả được một
6 trăm sáu mươi sáu việc và khen để làm sáng tỏ các
7 điều còn ẩn kín, đặt tên là Vãng sinh Tập, giúp kẻ
8 Đạo Tục xem sách mà biết ai giải thoát mà sinh, ai
9 thuần nhất mà sinh, ai tinh thành cảm cách mà sinh,
10 ai Đại Bi Đại Nguyện mà sinh, ai sửa đổi không
11 tiếc chuyển nghiệp sắp đọa mà sinh, ai Thượng
12 sinh, ai Trung sinh, ai Hạ sinh v.v... ngó hầu xét
13 xưa nghiệm nay mà ước thệ Tịnh nghiệp.

14 Có vị khách đến tôi chưa xem qua mấy truyện
15 chọt bảo: Tịnh độ chỉ là tâm, ngoài tâm không có
16 độ, vãng sinh Tịnh độ chỉ là ngụ ngôn, ông cho là
17 thật sinh ư? Đâu chẳng trái với ý chỉ Vô sinh. Tôi
18 đợi anh ta định tâm bèn từ tốn bảo rằng: Nói sao
19 cho dễ dàng như Vô sinh mà thôi, tất cả đều đoạn
20 diệt chẳng nên còn có duy tâm, nếu như ngộ Vô
21 sinh thì sinh nào có ngại gì. Sinh đã vốn không cho
22 nên suốt ngày sinh mà không hề sinh. vả lại đã hết
23 lậu tâm chưa? Anh ta đáp: Chưa thể. Ôi, lậu tâm
24 chưa hết thì sinh duyên chưa dứt. Sinh duyên chưa
25 dứt thì thác chất mịt mờ ba cõi. Trong biển khổ lớn
26 không sinh Tịnh độ thì sinh độ nào bỏ lớn ngón
27 trong sáu nẻo và tiêu dao tự tại ở chín phẩm, lợi hại
28 cách nhau như trời vực, hay chưa nghĩ kỹ mà bày

lượn đối để tranh cao thấp? Tôi vì thế chẳng làm vì
sẽ sinh phiền não mà thôi. Nếu anh thật không cho
lời tôi là sai quấy, thì tức Tịnh độ là Phật thừa chưa
từng cách biệt mảy may, thì sao trái được? Khách
ngồi xuống tự nhận mình có lỗi, bất giác khóc lóc
ngheñ ngào, rồi sửa áo đọc hết quyển và vội lạy xin
in ngay. Khắc bản in xong xin nói đầu đuôi như
thế.

Ngày mùa Hạ niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 12
Sa-môn Châu Hoằng
Kính ghi.

MỤC LỤC

I. QUYỀN 1:

*** *Các Sa-môn vãng sinh:***

1- Viễn Tổ Sư; 2- Tuệ Vĩnh; 3- Đàm Thuận -
4- Tăng Duệ; 5- Đàm Hằng; 6- Đạo Bính; 7- Đàm
Sần; 8- Đạo Kính; 9- Phật-đà-bạt-đà- ra; 10- Tăng
Tề; 11- Tuệ Cung; 12- Tuệ Kiên; 13- Tăng Hiên;
14- Tuệ Thông; 15- Pháp Lâm; 16- Đàm Giám; 17-
Tăng Nhu; 18- Tuệ Quang; 19- Tuệ Tấn; 20, Đạo
Trân; 21- Thần Loan; 22- Đại Sư Trí Giả; 23- Pháp
Hỷ; 24- Chương An.; 25- Tuệ Thành; 26- Đạo Dụ;
27- Trí Thuấn; 28- Tuệ Hải.; 29- Pháp Trí; 30,
Hòa-thượng Thiện Đạo; 31- Trí Khâm; 32- Ngũ
Hội Pháp sư; 33- Đài Nham Khang Pháp sư; 34-

1 Tự Giác; 35- Thiện Trụ; 36- Thần Tổ; 37- Tuệ
 2 Duệ; 38- Hoài Ngọc.; 39- Đạo Ngang; 40, Đạo
 3 Xước; 41- Bảo Tướng; 42- Duy Ngạn; 43- Tăng
 4 Huyền; 44- Hoài Cảm; 45- Đức Mỹ; 46- Biện Tài;
 5 47- Thọ Hồng; 48- Pháp Tường 49- Đại Hành; 50,
 6 Minh Chiêm; 51- Thiền sư Vĩnh Minh Thọ; 52-
 7 Chí Thông; 53- Ngô Ân; 54- Pháp sư Viên Tịnh
 8 Thường; 55- Tịnh Quán; 56- Từ Vân Sám Chủ; 57-
 9 Tông Thản Sớ Chủ; 58- Từ Chiêu Tông Chủ; 59-
 10 Pháp Trì; 60, Bồn Như; 61- Pháp sư Cơ; 62-
 11 Nhược Ngu; 63- Thủ Chân; 64- Trí Lễ; 65- Hữu
 12 Nghiêm; 66- Tuệ Minh; 67- Sư Tán; 68- hai Sa-di;
 13 69- Liễu Nhiên; 70, Từ Chiêu; 71- Trí Liêm; 72-
 14 Trí Thâm; 73- Pháp Nhân; 74- Trí Tiên; 75- Tông
 15 Lợi; 76- Tề Ngọc; 77- Thiền sư Viên Chiêu Bồn;
 16 78- Thiền sư Đại Thông Bồn; 79- Luật Sư Linh Chi
 17 Chiêu; 80- Luật Sư Thanh Chiêu; 81- Từ Mẫn; 82-
 18 Hy Trạm; 83- Pháp sư Đăng; 84- Tăng Nhai; 85-
 19 Pháp sư Tạng; 86- Pháp sư Cô Sơn Viên; 87-
 20 Nguyên Tịnh; 88- Dụ Di-đà; 89- Mông Nhuận; 90,
 21 Vân Ốc; 91- Chỉ Quán Chủ; 92- Đàm Ý; 93- Thái
 22 Vi; 94- Dụng Khâm; 95- Cửu Pháp Hoa; 96- Tổ
 23 Huy; 97- Sở Kỳ; 98- Bảo Châu.

II. QUYỀN 2:

* *Các vua Quan Vãng sinh.*

1- Quốc Vương Ô Trường; 2- Tống Thế Tử; 3-

1 Lưu Di Dân Tham Quân; 4- Trương Dĩ Mậu Tài;
2 5- Học Sĩ Trương Kháng; 6- Vương Trọng Hồi Ty
3 Sĩ; 7- Mã Tử Vân Huyện Ủy; 8- Cổ Thuần Nhân
4 Quận Thối; 9- Trương Địch Trợ Giáo; 10- Vương
5 Long Thư Quốc Học; 11- Giang Công Vọng Tư
6 Giám; 12- Cát Phồn Đại Phu; 13- Lý Bình Trung
7 Quan; 14- Hồ Nhân Tuyên Nghĩa; 15- Dương Vô
8 Vi Đề Hình; 16- Vi Văn Tấn Quan Sát; 17- Văn
9 Ngạn Bác Lộ Công; 18- Mã Cạn Thị Lang; 19-
10 Chung Ly Thiệu Sư; 20- Diêm Bang Vinh Thừa
11 vụ; 21- Vương Trung Triều Tán; 22- Chung Ly
12 Cảnh Dung Đại Phu; 23- Tiên Tượng Tổ Quận
13 Thú; 24- Mai Nhữ Năng Huyện linh; 25- Tả Định
14 Quốc Học Dụ; 26- Phùng Tế Xuyên Giám Nghị;
15 27- Vương Mẫn Trọng Thị Lang; 28- Tiến Sĩ Ngô
16 Tín Tấn; 29- Bạch Cư Dị Thiệu Truyện; 30,
17 Trương Luân Đô Tổng; 31- Học Sĩ Tô Thức; 32-
18 Trương Vô Tận Thừa tướng.

19
20 *** Các Xử Sĩ Văng sinh.**

21 1- Chu Tục Chi; 2- Trịnh Mục Khanh; 3-
22 Trương Nguyên Tường; 4- Tôn Lương; 5- Nguyên
23 Tử Bình; 6- Dữu Tiễn; 7- Tống Mãn; 8- Cự Già ở
24 Phần Dương; 9- Nguyên Tử Tài; 10- Ngô Tử
25 Chương; 11- Hà Đàm Tích; 12- Vương Điền; 13-
26 Phạm Nghiễm; 14- Lục Nguyên Đạo; 15- Tôn
27 Trung; 16- Trầm Thuyên; 17- Đường Thế Lương;
28 18- Kế Công; 19- Trần Quân Chương; 20, Trương

Thuyền; 21- Khuyết Công Tắc; 22- Lý Trí Diêu;
 23- Cao Hạo Tượng; 24- Từ Lục Công; 25- Lục
 Tuấn; 26- Huỳnh Đả Thiết; 27- Liên Hoa Thái
 Công; 28- Cư sĩ Hoa.

*** Các Ni Vãng sinh.**

1- Ni Đại Minh; 2- Ni Tịnh Chân; 3- Ni Ngô
 Tánh; 4- Ni Năng Phụng; 5- Ni Pháp Tạng.

*** Các Phụ nữ vãng sinh.**

1- Hoàng Hậu đời Tùy; 2- Diêu Bà; 3- Vợ của
 Ôn Tĩnh Văn; 4- Hồ Trường Bà; 5- Bà họ Trịnh;
 6- bà họ Trần; 7- bà họ Huỳnh; 8- Phu Nhân họ
 Vương; 9- Phu Nhân họ Phùng; 10- Cô gái họ
 Vương; 11- bà họ Chu; 12- Chu Hạnh Bà; 13- Lục
 Thị Nghi Nhân; 14- Bà họ cung; 15- Bà họ Chu;
 16- Bà họ Hạng; 17- Bùi Thị Nữ; 18- Bà họ Thẩm;
 19- Bà họ Tôn; 20- Bà họ Lâu; 21- Bà họ Tần; 22-
 bà họ Chung; 23- Bà họ Tôn; 24- Bà họ Lương;
 25- Bà họ Huỳnh; 26- Bà họ Trần; 27- Bà họ Thôi;
 28- Ngô Thị Nữ; 29- Bà họ Trịnh; 30. Bà họ Chu;
 31- Bà họ Tiết; 32- Hứa Thị Phụ (người vợ họ
 Hứa)

*** Các người Ác vãng sinh.**

1- Trương Thiện Hòa; 2- Trương Chung Húc;
 3- Hùng Tuấn; 4- Duy Cung; 5- Oánh Kha; 6-

Trọng Minh; 7- Ngô Quỳnh; 8-Kim Thích.

*** *Các Súc sinh Vãng sinh.***

1- Long Tử; 2-Anh Vũ; 3-Chim Sáo (1 và 2)

* Tục Biên: Các người vãng sinh đời nay nghe thấy đều ghi vào riêng ở hai quyển cuối không phân biệt môn loại và trước sau.

1- Tăng Minh Bồn; 2- Chu Cương Thiếu Phủ; 3- Bà họ Vu; 4- Cố Cư sĩ; 5- Họ Phương; 6- Trương Mẫu; 7- Quách Đại Lâm; 8- Lưu Thông Chí; 9- Tổ Hương; 10- Tôn thị Mẫu; 11- Đường Thể Như Văn Học; 12-Dương Gia y Văn Học; 13-Hách Hy Tải văn học; 14- bà họ Chu; 15- Người họ Từ; 16- Cư sĩ Qua Quảng Thái; 17- Cư sĩ Đồ; 18- Cư sĩ Tôn Đại Vu; 19- Cư sĩ Ngô; 20. Cư sĩ Ngô.

III. QUYỂN 3:

*** *Các Thánh Đồng quy.***

1- Chọn sinh Cực Lạc

2- Vãng sinh vô số

3- Thấy Phật Di-đà

4- Mười Nguyên cầu sinh

5- Kệ Luân Tịnh độ

6- Thỉnh Phật hình nghi

- 7- Soạn Luận khởi tin
- 8- Long Thọ ký sinh
- 9- Tập Thiện Vãng sinh
- 10- Được Nhẫn Vãng sinh
- 11- Đại Nguyên thứ hai
- 12- Niệm Phật diệt tội
- 13- Thắng Hội ghi tên
- 14- Lược nêu tôn túc.

**** Cảm Ứng khi còn sống:***

- 1- Quỷ không dám ăn
- 2- Mộng được thông biện
- 3- Dẹp bỏ oán thù
- 4- Vợ chồng thấy Phật
- 5- Quỷ trốn chẳng hiện
- 6- Tiến Bạt vong linh
- 7- Ngủ nghỉ được yên
- 8- Bệnh mắt thấy lại (1-2)
- 9- Không bị bệnh Ngược
- 10- Xá-lợi đều hiện (1-2)
- 11- Trị bệnh đều lành
- 12- Bị tù thoát nạn

Phụ: Khuyên Khấp làm người phải tu Tịnh độ

VÃNG SINH TẬP

Sa-môn Châu Hoàng chùa Vân Thê
Cổ Hàng, biên soạn.

QUYỂN 1

I- CÁC SA MÔN VÃNG SINH:

1- Viễn Tổ Sư:

Ngài Tuệ Viễn đời Tấn, người ở Lô Phiền thuộc Nhạn Môn, lâu thông sáu kinh, giỏi Lão Trang, nghe Pháp sư Đạo An giảng Kinh Bát-nhã bỗng nhiên đại ngộ, nhân đó cạo tóc nhuộm áo thờ làm thầy. Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ sáu, ngài qua Tầm Dương thấy Lô Sơn rộng vắng có thể dứt Tâm, bèn cảm được Thần Núi báo mộng. Một hôm mưa to sấm chớp cây cối tự nhiên kéo đến, Thử sử Hoàn Y bèn lập điện, đặt tên là Thần Vận. Vì ngài Tuệ Vĩnh trước ở Tây Lâm nên chỗ ngài Tuệ Viễn giờ đặt hiệu Đông Lâm. Ngài Viễn ở Đông Lâm ba mươi năm không xuống núi đến nhà Tục, khắc chí Tây Phương. Các Cao Tăng Cự Nho gồm một trăm bốn mươi người cùng làm Tịnh Liên Xã, sáu thời thiên tụng không ngớt. Lắng tâm hệ

1 tượng, ba lần thấy Phật hiện mà yên lặng không nói
2 với ai. Mười chín năm sau, một tối tháng bảy, ở
3 bên đài Bát-nhã mới xuất Định dậy thấy thân Phật
4 A-di-đà đầy khắp hư không, trong Viên quang có
5 vô lượng Hóa Phật, Quán Âm Thế Chí đứng hầu
6 hai bên. Lại thấy dòng nước sáng chia làm mười
7 bốn nhánh chảy trên dưới, giảng nói Pháp mầu.
8 Phật nói: Ta nương năng lực bốn nguyện nên đến
9 an ủi người, sau bảy ngày người sẽ sinh về nước
10 ta. Lại thấy Phật-đà-da-xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu
11 Di Dân ở bên Phật đến vái chào thưa rằng: Chí Sư
12 có trước sao đến chậm. Rồi biết thời đã đến, bảo
13 Môn Nhân rằng: Trước đây ta ba lần thấy Phật, nay
14 lại thấy, chắc chắn sẽ vãng sinh Tịnh độ. Đến hẹn
15 bèn ngồi thẳng mà tịch, nhằm ngày 6 tháng 8 niên
16 hiệu Nghĩa Hy năm thứ 12.

17 **Khen rằng:** Từ đời Tấn về trước ý chỉ Tịnh độ
18 tuy nghe ở Chấn Đán nhưng năng lực rộng mở còn
19 kém, chỉ dạy riêng trong nhà. Từ ngài Tuệ Viễn
20 mới bắt đầu cho muôn đời sau. Đệ tử Tịnh nghiệp
21 xem ngài Thỉ Tổ. Có thể nói ngài là Đức Thích ca
22 tái hiện thân ở Đông Độ nói Tây Phương Di-đà.
23 Công lao của ngài chẳng lớn ư? Tôi xưa đến Lô
24 Sơn đến suối Hồ Khê vào nhà Tam Tiểu mà bồi hồi
25 nhớ lại di tích của mười tám Hiền, thấy quy mô
26 rộng lớn đủ chứa cả vạn vị Tăng, mà Điện Đài thì
27 bụi phủ, chuông trống im vắng, mà nhà cửa thì đã
28 đổi khác. Triết nhân nói: Chết rồi vết thơm không

tiếp nối, than ôi!.

2- Tuệ Vĩnh - đời Tấn: Ngài Tuệ Vĩnh, người Hà Nội. Mười hai tuổi xuất gia cùng Tuệ Viễn nương Pháp sư An. Đầu niên hiệu Thái Nguyên đến ở Lô Sơn. Thứ Sử Đào Phạm sửa vườn nhà thành chùa Tây Lâm để ở. Chí dứt trần nêu tâm An Dưỡng. Sau niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 10 bị bệnh bỗng đòi thay áo xin giấy muốn ngồi dậy. Chúng kinh hãi hỏi, Sư đáp: Phật đến đón rước ta. Nói xong thì hoá. Mùi thơm lạ bảy ngày mới tan. vua Đường Huyền Tông truy phong là Giác Tịch Đại Sư.

Khen rằng: Vĩnh mới vào Đạo cùng anh là Viễn Sư sáng lập Tịnh Xã là Pháp môn đời cũng cùng Tông với Viễn tổ. Đến lúc qua đời thấy Phật đến đón rước. Trước sau như một. Người chứng vãng sinh lấy điềm lành của hai Sư làm chuẩn tắc.

3- Đàm Thuận - đời Tấn: Ngài Đàm Thuận người Huỳnh Long. Thuở nhỏ theo Pháp sư La-thập giảng các kinh. Ngài La-thập khen: Người này là vật báu lạ. Sau vào Lô Sơn tu Tịnh nghiệp. Lúc đó Ninh Man Hiệu Úy Lưu Tuân Hiếu lập chùa ở Giang Lăng mời Đàm Thuận về ở hoằng truyền Tam-muội Niệm Phật- Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 2 đời Tống, Sư biệt chúng ngồi mà hóa. Mùi

thơm lạ đầy nhà.

4- Tăng Duệ - đời Tấn: Ngài Tăng Duệ người ở Ký Châu. Đi du học các nơi từ Thiên-trúc tới Quan Trung, theo ngài La-thập học các Kinh nghĩa sau tham dự Liên Xã ở Lô Sơn. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 16 đời Tống bổng bảo Chúng rằng: Ta sắp đi đây. Rồi quay mặt về Tây chấp tay mà hóa. Chúng thấy trước giường Sư có một cành hoa sen bằng vàng, rồi biến mất. Khói mây năm màu từ phòng Sư bay ra.

5- Đàm Hằng - đời Tấn: Ngài Đàm Hằng người ở Hà Đông. Thuở nhỏ học Nho, nương Viễn Công xuất gia, sách vở trong ngoài đều thông suốt. Từ khi vào Lô Sơn chuyên chí niệm Phật. Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14 Sư ngồi thẳng chấp tay niệm Phật lớn tiếng mà hóa.

6- Đạo Bính - đời Tấn: Ngài Đạo Bính người ở dinh Châu. Thuở nhỏ thờ Viễn Công làm thầy, thông suốt kinh luật, nói và làm hợp nhất, chuyên tâm niệm Phật Tam-muội không xen hở. Niên hiệu Năm Nghĩa Hy năm thứ 14, Thái Thú Dự Chương là Vương Kiền vào núi yết kiến kính thỉnh Sư nổi nghiệp ngài Tuệ Viễn, chúng đều quy kính. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12 Sư nhóm chúng niệm

Phật đến Tòa mà hóa.

Khen rằng: Nói làm hợp nhất gọi là tâm và miệng đều niệm Phật.

7- Đàm Sần - đời Tấn: Ngài Đàm Sần người ở Quảng Lăng, thờ Viễn Công làm thầy, siêng tu Tịnh nghiệp giỏi giảng nói. Chú thích Kinh Duy Ma lưu hành ở đời. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 17 ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

8- Đạo Kinh - đời Tấn: Ngài là người ở Lang du. Tổ Tiên là Ngưng làm Thứ sử Giang Châu, do đó theo Viễn Công mà xuất gia. Năm mười bảy tuổi lầu thông kinh luận, mỗi ngày nhớ muôn lời, dốc chí niệm Phật sớm tối không dứt. Niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống năm đầu Ngài bảo chúng rằng: Tiên sư ra lệnh thầy nên đi, rồi ngồi thẳng niệm Phật mà hóa. Chúng thấy có ánh sáng đầy nhà rất lâu mới tắt.

Khen rằng: Tuổi trẻ tài cao không tự ý mà dốc chí niệm Phật, nếu không gieo Tịnh nhân đời trước mà nay mới Sa-di lại đã rành kinh luận, ngã mạn buông lung khi già đầu thì cũng không về, bất đắc dĩ mà nói Tây Phương là đã muộn.

9- Phật đà bạt đà ra - đời Tấn: Phật-đà-bạt-đà-ra Hán dịch là Giác Hiền, người nước Ca-Duy-Vệ,

là con cháu của vua Cam-lộ-phạm. Năm mười sáu tuổi học rộng các kinh, hiểu sâu Thiền luật. Sa-môn Trí Nghiêm nước Diêu Tần đến Tây Vực gặp ngài Bạt-đà-ra mời đến Trường An giảng nói Pháp ở Đông Cung, cùng với Pháp sư La-thập trên dưới luận bàn. Sau, Ngài ngồi thuyền buồm vào Lô Sơn tham dự Liên Xã của Viễn Công, dịch các kinh như Quán Phật Tam-muội. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 6 đời Tống, ngài niệm Phật mà hóa.

10- Tăng Tế đời Tấn: Ngài Tăng Tế vào Lô Sơn theo học với ngài Viễn Công. Viễn nói: Nội Thanh Đại Pháp là người này. Sau Sư bị bệnh, dốc chí mong sanh về Tịnh độ. Viễn Công đưa cho một cây đuốc bảo "ngươi nên vận tâm An Dưỡng". Tế cầm đuốc tựa ghế dùng tưởng không loạn động. Lại nhóm chúng tụng Kinh Tịnh độ. Canh năm, sư lấy đuốc trao cho đệ tử là Nguyên Bật khiến theo chúng hành đạo. Khoảnh khắc bốn đại không còn bệnh khổ. Đêm sau bỗng đứng dậy ngược lên hư không như thấy vật gì. Phút chốc nằm xuống mặt mày vui vẻ, gọi người bảo rằng Ta đi đây. Rồi nằm nghiêng bên hông phải mà tịch. Lúc đó trời nóng bức để ba ngày mà thân thể không thay đổi, mùi thơm lạ ngào ngạt.

Khen rằng: Tế do Thánh Sư chỉ bảo mà sinh Tịnh độ, khi qua đời trợ niệm, ai bảo là không có công phu? Tháng mùa hạ nóng bức nhục thân lại

phát ra mùi thơm lạ ắt là Phạm hạnh tinh kiên mà
linh nghiệm.

11- Tuệ Cung, đời Tấn: Ngài Tuệ Cung người ở Phong Thành thuộc Dự Chương cùng Tuệ Lan, Tăng Quang đồng học. Xiển và Quang hệ niệm Tịnh độ khi qua đời đều có điềm lạ. Năm năm sau, Cung bị bệnh độc chí than khóc đập đầu, tâm thề niệm An Dưỡng. Không bao lâu thấy Phật A-di-đà đem đài vàng đến đón rước. Cung lên đài, lại thấy các vị như Lan v.v... ở trên Đài trong ánh sáng bảo rằng: Trưởng lão đã thọ sinh Thượng Phẩm. Chúng con khôn xiếc vui mừng tiếc vì năm trước dong dài nên chậm mà thôi. Cung vui vẻ mà hóa.

12- Tuệ Kiên đời tấn: Tuệ Kiên thuở nhỏ xuất gia, giới hạnh tinh chuyên, trong niên hiệu Nghĩa Hy vào chùa Gia Tường ở Sơn Âm khổ thân dẫn chúng. Sau bị bệnh chú tướng An Dưỡng, chí thành cầu Quán Âm. Ở phía Bắc chùa có Ni Tịnh Nghiêm túc đức dốc hạnh đêm nằm mộng thấy Bồ-tát Quán Âm từ cửa Tây Thành đi vào hình dáng sáng ngời rực rỡ như nhật nguyệt, cờ phướn lọng đẹp bảy báu trang nghiêm, Sư kinh dị đánh lễ thưa: Đại sĩ đi đâu?. Đáp rằng: Đến Gia Tường đón Kiên Công. Kiên bệnh tuy nguy cấp nhưng thần sắc vẫn như thường. Thị Giả đều nghe có mùi thơm lạ. Bỗng an

1 nhiên mà hoá.

2 **Khen rằng:** khi qua đời thấy Phật hoặc nghi
3 toàn là do tâm tưởng của mình. Nay người khác
4 cũng thấy là sao? Phải biết đường Cảm Ứng giao
5 nhau không thể nghĩ bàn, nên cẩn thận lời nói.

6
7 **13- Tăng Hiển đời Tấn:** Trúc Tân Hiển đi về
8 phía Nam đến Giang Tả bị bệnh, bèn duyên Tây
9 Phương, kiên khổ không đổi. Thấy Đức Phật A-di-
10 đà ánh sáng chiếu thân, do đó bệnh hoạn đều hết
11 liền dậy tắm gội rồi kể việc thấy nghe cho mọi
12 người nghe và nêu rõ nhân quả, lời ý khẩn thiết,
13 sau đó ngồi thẳng mà hoá.

14 **Khen rằng:** Tỳ-kheo lười biếng bị bệnh liên
15 bảo ta sức yếu đợi bình phục rồi sẽ niệm Phật.
16 Không biết niệm Phật là vượt qua già bệnh. Bị
17 bệnh niệm Phật, chính là lúc Hiển cố gắng niệm
18 mà hết bệnh lại được vãng sinh. Lành thay!

19
20 **14- Tuệ Thông đời Tấn:** Ngài Tuệ Thông theo
21 Thiền sư Tuệ Triệu ở Lương Châu học Thiền Pháp,
22 Tâm cầu An Dưỡng. Bị bệnh nhẹ, trong Định thấy
23 có một người hình dáng trang nghiêm bảo Thông
24 rằng: Giờ tốt đã đến, bỗng thấy Phật A-di-đà ánh
25 sáng rực rỡ. Sư xuất Định cáo biệt bạn đồng học
26 rồi an nhiên mà hoá. Mùi thơm lạ ba ngày mới tan.

15- Pháp Lâm, đời Tấn: Ngài Pháp Lâm người ở Lâm Ngang, chuyên tinh giới phẩm, trú tại chùa Linh Kiến ở Thành Đô tu Tịnh nghiệp. Thường trì tụng hai Kinh Di-đà và Quán Âm. Khi tụng thì thấy có một Sa-môn hình dáng cao lớn hiện ra trước mặt. Niên hiệu kiến Võ năm thứ 2, Sư bị bệnh, chú tâm niệm Tây Phương Lễ Sám không dừng thì thấy các hiền Thánh đồng nhóm họp trên hư không, chấp tay mà hoá.

Khen rằng: Pháp Lâm tụng Kinh có Sa-môn hiện ra, do lòng thành mà cảm được không có gì lạ. Sinh Tây Phương chính là người này người tu Tịnh nghiệp không chấp tướng mới mong được.

16- Đàm Giám, đời Tống: Ngài Đàm Giám bình thường làm lành đều hồi hướng Tây Phương, thệ nguyện thấy Phật. Một hôm trong Định thấy Đức Phật A-di-đà rải nước vào mặt bảo rằng: Ta rửa sạch bụi nhơ, tắm gội tâm niệm của ông, cùng thân miệng của ông thấy đều nghiêm tịnh. Lại ở trong bình mọc ra một cành sen mà trao cho. Sư xuất Định, bèn cáo biệt chư Tăng trong chùa. Đêm khuya dần, một mình đi ngoài hành lang niệm Phật đến canh năm, tiếng niệm Phật càng cố gắng. Đến sáng, đệ tử theo lệ thường đến hỏi thăm thì thấy Sư ngồi kiết già bất động, xem lại thì đã tịch rồi.

17- Tăng Nhu, đời Tề: Ngài Tăng Nhu học các

Kinh Phương Đăng, chỉ lấy Tịnh nghiệp làm hoài bão. Một hôm thấy hoá Phật đến số ngàn ở trong ngoài Thất đều nghe có mùi thơm lạ. Rồi hướng về Tây kính lễ mà hoá.

18- Tuệ Quang, đời Tề: Ngài Tuệ Quang ở Lạc Dương, soạn Sớ Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Thập Địa v.v... Hiểu rõ ý nghĩa quyền Thật - Một hôm bị bệnh thấy nhạc trời đến đón rước. Quang nói tôi chỉ mong về An Dưỡng mà thôi. Hoá Phật Tịnh độ đầy khắp hư không. Quang nói cúi mong Phật nhiếp thọ con mới thoả mãn bốn nguyện. Chỉ trong chốc lát tiếng nói và hơi thở đều dứt.

Khen rằng: Cõi trời có nhiều dục lạc, gồm có người nữ, không phải là chỗ giải thoát. Lời xưa nói tu nhiều chứng đến Phi Phi Tướng không bằng sinh Tây Phương. Ấy là khen Tịnh độ đó là Thượng Phẩm mà nói, chứ hạ sinh còn hơn cõi trời. Nay Tuệ Quang lúc qua đời mà xét rõ sở nguyện rất bền chắc, đáng gọi là bậc Sáng và Mạnh vậy.

19- Tuệ Tấn đời Tề: Ngài Tuệ Tấn trú tại chùa Cao Toà thê tụng Pháp Hoa soạn trăm bộ Kinh nguyện hồi hướng để được sinh An Dưỡng. Sau nghe trên hư không có tiếng nói: Nguyện người đã đủ, sẽ được vãng sinh, rồi không bệnh mà mất.

20 - Đạo Trân đời Lương: Ngài Đạo Trân ở

1 Lô Sơn tu Tịnh nghiệp. Mộng thấy có người ngồi
2 thuyền trong biển. Hỏi thì bảo đến nước Phật Di-
3 đà. Trân xin theo. Người trên thuyền bảo: Ông
4 chưa làm nhà tắm và chưa tụng Kinh A-di-đà.
5 Thức dậy tắm gội và tụng kinh khoảng một năm
6 không ngớt. Bổng ao trong phòng hiện xuống đài
7 bạc trắng, nhân thầm chép việc này để riêng trong
8 rương kinh. Đêm viên tịch thì thấy khắp nửa núi có
9 cả ngàn ngọn đuốc. Người trong ấp xa trông thấy
10 bảo là các vua kính lễ. Sáng hôm sau nghe Trân
11 mất. Sau giờ rương Kinh ra xem mới biết Trân sinh
12 Tịnh độ từ lâu.

13 **Khen rằng:** Viễn Công ba Lần thấy Phật mà
14 không nói, Đạo Trân ao hiện ra Đài bạc mà thầm
15 ghi. Người xưa sâu dày như thế, còn kẻ trượng phu
16 cạn cợt, vừa có chút lạ đã ồn ào, nhỏ thì mất việc,
17 lớn thì thêm việc ma, hãy nên cẩn thận!

18
19 **21- Thần Loan, đời Hậu Ngụy:** Ngài Đàm
20 Loan thuở nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được điềm lạ
21 mà xuất gia. Tánh thích sống lâu, nhận của Đào Ân
22 Quân sách Tiên mười quyển. Sau gặp ngài Bồ-đề-
23 lưu-chi bèn hỏi: Phật có thuật sống lâu không chết
24 chẳng? Chi cười đáp: Sống lâu không chết là đạo
25 của Phật tôi. Bèn trao cho Kinh Thập Lục Quán
26 bảo rằng Học thứ này thì ba cõi không còn sinh,
27 sáu đường không còn đến, sống lâu hằng hà sa số,
28 kiếp đó cũng không sánh được. Đây là thuật sống

lâu của thầy ta. Loan mừng rỡ đốt hết Kinh Tiên mà tu Tịnh nghiệp.

Lạnh nóng bệnh tật cũng không bỏ giờ. Chúa Ngự gọi là Thần Loan. Một hôm trong thất thấy có vị Tăng An-độ bảo rằng: Ta là Long Thọ ở lâu chốn Tịnh độ thấy người là đồng chí nên đến gặp nhau. Loan tự biết thời đã đến bèn nhóm chúng khuyên rằng: Cả đời nhọc nhằn không ngăn được ngày nọ các khổ địa ngục chẳng nên chẳng sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng tu. Rồi bảo đệ tử lớn tiếng niệm Phật, xoay về phía Tây đánh lễ mà đi. Chúng nghe có nhạc trời từ hướng Tây đến, hồi lâu mới hết.

Khen rằng: Huỳnh Quan thường nói: Họ Thích có chết, Thần Tiên thì sống lâu. Nay Chi Công lại bảo Phật có sống lâu Tiên không sống lâu. Luận này rõ ràng dứt khoát nêu cao muôn thuở. Pháp sư Loan bỏ Tà về Chánh như thay giày cũ rách, chẳng phải là xưa có Chánh nhân ư?

22- Trí Giả Đại Sư, đời Tùy: Ngài Trí Khải hiệu là Đại Sư Trí giả, người ở Dĩnh Xuyên. Thuở bé thấy tượng gặp Tăng liền lay. Năm mười tám tuổi xuất gia tại chùa Quả Nguyên. Sau lễ Thiên sư Nam Nhạc Tư Đại hoằng hóa Pháp duyên xong bèn trú tại chùa Thạch Thành tại Diêm Động. Khi sắp nhập diệt gọi đệ tử bảo rằng: Ta biết mệnh ta tại

đây không đi đến trước nữa. Rồi bảo đọc lớn Đề Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Xong lại bảo bốn mươi tám Nguyên trong nghiêm Tịnh độ, ao hoa cây báu dễ đến mà không có người, tướng xe lửa hiện bày một niệm hồi cải còn được vãng sinh, hưởng Giới Định huân tu, Thánh hạnh đạo lực công chẳng uổng phí. Trí Lãng thưa: chẳng hay Đại Sư chúng vào Vị nào, chết rồi sinh về đâu? Sư nói: Nếu ta không lãnh chúng thì chúng được năm phẩm. Người hỏi ta sinh về đâu, các vị thầy bạn theo hầu Bồ-tát Quán Âm đều đến đón rước ta. Nói xong thì đọc tên Tam Bảo như vào Tam-muội.

Khen rằng: Đại Sư Đạo Đức cao lớn, một nhà Giáo quán muôn đời đều quy ngưỡng, mà khi qua đời chỉ mong về Tây Phương. Về Sớ Quán Kinh đô có soạn Thập Nghi Luận ý chỉ ở đây ràng rành dễ hiểu. Có người nói Sớ gọi Tâm là gốc, Tịnh độ chẳng phải thật có. Đại Sư nói ước tâm quán Phật, chẳng bảo là không có Phật. Như ai kia nếu không có Phật thì tâm quán gì. Chánh báo đã thế thì Y báo cũng vậy. Kẻ học Thai Giáo nên xét biết.

23- Pháp Hỷ, đời Tùy: Ngài Pháp Hỷ thường thực hành Phương Đẳng Sát Pháp, bỗng có một con chim trĩ đến đòi mạng có vị Thần tránh rằng: Pháp sư sẽ vãng sinh Tịnh độ, đâu đền mạng người được. Sau ở trong lúc bệnh, Sư phát nguyện một đời tu Tịnh nghiệp hồi hướng Tây Phương đốc

lòng niệm Phật, liền thấy Phật và Bồ-tát đến đón rước, rồi ngồi thẳng mà hóa.

Khen rằng: Kinh nói dù cho trải trăm ngàn kiếp tạo nghiệp, nhân duyên cũng chẳng mất, khi đến lúc thì quả báo phải tự chịu lấy. Hỷ làm ác mà được sinh Tịnh độ chẳng phải đền mạng chim Trĩ là do một đời Tịnh độ mà dứt hẳn luân hồi, nhân duyên nào theo mà còn gặp. Nếu Ngộ Vô sinh Nhẫn, vào trần lợi vật, dầu có đền mạng thì gọi là một dao chặt đứt đầu bạc như chém gió Xuân, há giống như phàm phu sáu đường ư?

24- Chương An, đời Tùy: Ngài Quán Đảnh người ở Chương An là đệ tử của Đại Sư Trí Giả. Hằng ngày lo việc niệm Phật, khi qua đời trong thất có mùi thơm lạ. Dặn dò đệ tử xong bỗng đứng dậy chấp tay niệm A-di-đà Phật và tên hai vị Đại Sĩ rồi an nhiên mà hóa.

25- Tuệ Thành đời Tùy: Ngài Tuệ Thành ở Chi Giang, tụng Kinh Di-đà tu Tây Phương Quán, ba mươi năm thường ngồi chẳng nằm. Mỗi khi vào Định thì thấy đài hoa cây báu ở Tịnh độ. Đêm qua đời có người mộng thấy Thành ngồi hoa sen mà hóa rồi từ từ đi về phương Tây.

26- Đạo Dụ, đời Tùy: Ngài Đạo Dụ trú tại chùa

1 Khai Giác niệm Phật A-di-đà ngày đêm không bỏ,
2 tạo tượng Phật cao ba tấc. Sau ở trong Định thấy
3 Phật gọi bảo: Người tạo tượng ta sao nhỏ thế? Dụ
4 thưa: Tâm lớn liền lớn, tâm nhỏ liền nhỏ. Nói xong
5 thì thấy thân tượng đầy khắp hư không bảo rằng:
6 Người nên tắm gội thanh tịnh, khi sao Mai mọc ta
7 đến đón rước người. Đến hẹn quả nhiên thấy Phật
8 đến, ánh sáng đầy nhà, bèn ngồi mà hóa.

9 **Khen rằng:** Tâm lớn thì lớn, tâm nhỏ thì nhỏ,
10 vậy thì tâm uế liền uế, tâm tịnh liền tịnh, mà Dụ
11 thấy một Phật đầy khắp hư không. Trước đây Tăng
12 Nhu, Tuệ Quang thấy có nhiều Phật đầy khắp hư
13 không, bởi một tức nhiều, nhiều tức là một, chẳng
14 phải có hơn kém.

15
16 **27- Trí Thuần , đời Tùy:** Ngài Trí Thuần vào
17 Lô Sơn nối gót Viễn Sư tu Tịnh nghiệp. Đầu niên
18 hiệu Đại Nghiệp giảng Quán Kinh xong liền bị
19 bệnh, thấy anh vũ, chim công niệm Phật Pháp Tăng
20 tiếng rất hay, bảo đệ tử rằng: "Ta hôm nay vãng
21 sinh". rồi an nhiên mà hóa.

22
23 **28- Tuệ Hải, đời Tùy:** Ngài Tuệ Hải trú tại
24 chùa An Lạc ở Giang Đô, giỏi kinh luận, tinh thành
25 niệm Phật. Có Tăng Đạo Thuyên đến từ Tề Châu
26 có mang theo tượng Phật A-di-đà rất đẹp trên đời
27 chưa có. Hỏi thì đáp đây là Bồ-tát Ngũ Thông trú

1 tại chùa Kê-đầu-ma ở Thiên-trúc, Bồ-tát bay trên
2 hư không đến thế giới An Lạc, vẽ khắc đem đến.
3 Hải rất vui mừng mong được gặp bèn dốc lòng
4 kính lễ thì thấy Thần quang sáng chói. Do đó khẩn
5 thiết cầu sinh về nước ấy sau bị bệnh nhẹ. Đang
6 đem bồng ngồi dậy đắp y hướng về phía Tây kính
7 lễ, xong, ngồi kiết già đèn sáng thì mất, y như còn
8 sống.

9 **Khen rằng:** Thế giới Cực Lạc cách đây hơn
10 mười vạn ức cõi Phật cũng không thể bay trên hư
11 không mà đến được. Tuệ Hải tinh thành mà cảm
12 được Phật ấy. Sao biết được Đạo Thuyền chẳng
13 phải là Hiền Thánh Tịnh độ ư?

14
15 **29- Pháp Trí, đời Tùy:** Ngài Pháp Trí xuất gia
16 từ thuở nhỏ, về già nghe pháp môn thẳng tắt không
17 gì bằng niệm Phật, bèn bảo người rằng ta nghe kinh
18 nói phạm một tội Cát-la vào địa ngục trải một
19 Trung kiếp thật đáng tin. Lại nói niệm một câu A-
20 di-đà Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong tám
21 mươi ức kiếp thì chưa tin được. Có người hỏi bèn
22 bảo: Người rất tà kiến, đều là lời Phật cả đâu được
23 chẳng tin? Bèn trú tại chùa Quốc Thanh ở đài đầu-
24 suất ngày đêm siêng năng niệm Phật. Bỗng cáo biệt
25 đạo tục bảo "Ta sinh Tây Phương đây". Trong đêm
26 ấy không bệnh mà hóa. Lúc đó có ánh sáng vàng
27 chiếu sáng trên sông cả mấy trăm dặm. Dân chài
28 bảo là trời sáng. Rất lâu trời mới sáng, mới biết là

do Pháp Trí vãng sinh mà như thế.

Khen rằng: Phật nói: Ta bảo trong mật đều ngọt thì phải tin, thế mà tin có chút ác vào địa ngục mà chẳng tin một niệm Phật thì được vãng sinh Tây Phương, đây thật là tà kiến. đời gần đây người thích trì chú thấy Đà-la-ni nói công đức có thể dời núi biển sai khiến quỷ Thần, thỏa mãn các nguyện cầu thì mừng rỡ mà tin. Còn thấy Tịnh độ có thể vào thẳng thêm Thánh, lập tức vượt ba cõi thì điềm nhiên chẳng để ý. Đó là Tà Kiến, thật đáng buồn thay!

30 - Hòa-Thượng Thiện Đạo, đời Đường:
Ngài Thiện Đạo vào niên hiệu Trinh Quán gặp Thiền sư Xước ở Tây Hà, được bộ Cửu Phẩm Đạo Tràng mừng rỡ bảo rằng đây thật là bèn yếu vào Phật, còn tu các hạnh khác lòng vòng khó thành, chỉ pháp môn này mau thoát sinh tử. Do đó mà chuyên siêng năng khổ nhọc ngày đêm lễ tụng phát khởi bốn chúng mỗi khi vào thất cùng quy niệm Phật nếu chưa kiệt sức thì chưa nghỉ. Ra thất thì giảng nói Tịnh độ cho người nghe hơn ba mươi năm không tạm ngủ nghỉ, ăn uống thì thô sơ tự lo. Được của bố thí đều dùng viết Kinh Di-đà, được mười vạn quyển, vẽ Biến tướng Tịnh độ ba trăm bức, quên việc được mất, đốt đèn suốt đêm, ba y bình bát không khiến người cầm, không đi chung với chúng, sợ nói chuyện đời. Người được Ngài hóa độ rất đông. Có người tụng Kinh Di-đà mười

1 vạn đến năm mươi vạn lượt. Có người niệm Phật
 2 hàng ngày vạn câu đến mười vạn câu, có người
 3 được Tam-muội Niệm Phật vãng sinh Tịnh độ
 4 đông không kể xiết. Có người hỏi: Niệm Phật được
 5 sinh Tịnh độ hay không? Sư đáp: Người cứ niệm
 6 sẽ thỏa nguyện. Tự mình niệm một câu Phật thì
 7 trong miệng có một tia sáng phát ra, niệm mười
 8 câu, trăm câu ánh sáng cũng như thế. Sư khuyên
 9 đời có kẻ rằng: Dần dần da gà tóc hạc, bước đi chập
 10 choạng, dù cho vàng ngọc đầy nhà, đâu tránh khỏi
 11 suy già bệnh khổ. Dù có ngàn thứ vui sướng, vô
 12 thường cuối cùng cũng đến, chỉ có đường tắt tu
 13 hành, chỉ niệm A-di-đà Phật. Bỗng nói với người
 14 rằng: Thân này đáng chán, ta sắp về Tây. Bèn leo
 15 lên cây Liễu hướng về phía Tây khấn rằng:
 16 "Nguyện Phật tiếp dẫn con, Bồ-tát giúp con khiến
 17 con không mất Chánh Niệm, được vãng sinh Tịnh
 18 độ", nói xong liền gieo mình mà chết. Cao Tông
 19 Hoàng Đế biết việc bèn ban cho Chùa tám hoành
 20 phi là Quang Minh.

21 **Khen rằng:** Hòa-Thượng Thiện Đạo đời truyền
 22 là Di-đà hóa thân. xét tự hạnh sư tinh nghiêm, lợi
 23 sinh rộng lớn, muôn đời sau còn cảm phát được tín
 24 tâm của mọi người, nếu không phải Di-đà thì cũng
 25 là Quán Âm, Phổ Hiền cả, lành thay!

27 **31- Trí Khâm, đời Đường:** Ngài Trí Khâm
 28 chuyên tu tập nghiệp Thiên, lại lễ niệm một vạn

1 năm ngàn danh hiệu Phật đến trăm lượt. Sau, tại
2 tháp A Dục Vương ở Liễu Châu đốt một cánh tay
3 cầu sinh Tịnh độ. Một Đệ tử là Tăng Hộ nửa đêm
4 thấy trước sân có ánh sáng lạ. Nhân đó hỏi ai cầm
5 đuốc, hỏi ba lần thì trên hư không có tiếng bảo:
6 Đến đón rước Thiên sư. Hộ liền mở cửa sổ thì thấy
7 thân Phật sáng chói, cờ phướn long đẹp đầy cả
8 không gian. Khâm theo Phật từ từ mà đi.

9 **Khen rằng:** Đốt thân đốt tay, trong các Kinh
10 Đại thừa thường cho đây là được ân của Đại Sĩ
11 khiến làm, người Sơ tâm không thể làm được.
12 Người cầu Tây phương phải học cách tập Thiền Lễ
13 Phật của Trí Khâm, không cần phải bắt chước đốt
14 tay. Phải tinh thành mạnh mẽ để trị ác tập thì đốt
15 cũng nhiều. Người xưa nói khéo học Liễu Hạ Tuệ
16 chẳng đúng hay sao?

17
18 **32- Ngũ Hội Pháp sư ngài Pháp Chiếu đời**
19 **Đường:** Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 2 Sư trú tại
20 chùa Vân Phong ở Hành Châu, Từ Nhẫn Giới Định
21 luôn làm gốc. Từng trong bát thất mây năm màu
22 có chùa Phật hiệu là chùa Đại Thánh Trúc Lâm.
23 Sau đến núi Ngũ Đài thấy ánh sáng lạ quả nhiên
24 gặp chùa Trúc Lâm. Vào Giảng đường thì thấy Bồ-
25 tát Văn-thù ở phía Tây, Đức Phổ Hiền ở phía
26 Đông, vạn chúng vây quanh nghe nói Pháp. Pháp
27 Chiếu đánh lễ hỏi rằng: Phạm phu đời mạt ở vị lai
28 nên tu pháp môn nào? Văn-thù đáp: Các môn tu

hành không gì bằng niệm Phật, ta do niệm Phật mà được Trí Nhất Thiết Chứng. Lại hỏi phải niệm Đức Phật nào? Đáp: Phía Tây thế giới này có Phật A-di-đà, Nguyên lực Phật ấy không thể nghĩ bàn, các ông phải buộc niệm chớ để đứt mất, chắc chắn sẽ vãng sinh. Sau đó ngày tối trời tháng chạp ở Đạo Tràng Tịnh nghiệp tại Viện Hoa Nghiêm mới nhớ hai Đại Sĩ đã thọ ký ta vãng sinh, bèn nhất tâm niệm Phật. Bỗng thấy vị Tăng Ấn-độ là Phật-Đà-Ba-lợi bảo rằng: Ông đài hoa đã đến, ba năm sau hoa nở. Đến hẹn bảo chúng rằng "Ta đi đây", rồi ngồi thẳng mà hóa. Sư từng trú tại chùa Hồ Đông mở năm Hội Niệm Phật, cảm được Đại Tổng Hoàng Đế, trong cung nghe tiếng niệm Phật, sai Sứ tìm, bèn thấy Sư khuyên hóa thành hành. bèn triệu Sư vào Kinh dạy Cung nhân niệm Phật cũng đủ năm Hội ban hiệu là Ngũ Hội Pháp sư.

Khen rằng: Cảm mộng trước thấy cảnh sau, có thể tin rõ. Nhưng các môn tu hành không bằng niệm Phật, chính miệng Văn-thù nói mà không đáng tin ư? Trước ba năm đài hoa hiện đến gọi là Tín tâm vừa khởi thì nhụy hoa ghi tên, tùy theo sự siêng năng hay lười biếng mà tươi hoặc héo, lại chẳng đáng tin ư? Ôi, ngầm hiện dấu linh dự Phù Thánh Ký, hành hóa năm Hội tiếng thấu Cửu Trùng (tai vua), há chẳng phải nhân Bi nguyện mà sinh ư?

33- Pháp sư Đài Nham Khang: Ngài Thiệu

1 Khang đời Đường, người ở Tiên đô thuộc Tấn Vân.
2 Năm mười lăm tuổi đã thông suốt Kinh Pháp Hoa,
3 Lăng Nghiêm. Vào niên hiệu Trinh Nguyên đến
4 chùa Bạch Mã tại Lạc Dương thấy trong Điện, kinh
5 sách phát ra ánh sáng, lấy xem chính là bài Văn
6 Tây Phương Hoá Đạo của Hòa Thượng Thiện Đạo.
7 Sư khấn rằng: Nếu đối với Tịnh độ con có duyên
8 thì xin khiến lại phát ra ánh sáng. Nói xong thì ánh
9 sáng chói lòa. Sư nói kiếp đá có thể mòn chứ
10 nguyện con không thay đổi. Rồi đến chiêm lễ Anh
11 Đường Hoà-Thượng Thiện Đạo tại chùa Quang
12 Minh ở Trường An, bỗng thấy di tượng của ngài
13 bay lên hư không bảo rằng: Người y theo giáo ta
14 rộng giáo hóa các hữu tình, ngày nào công thành
15 sẽ sinh An Dưỡng. Sư bèn đến Tân Định xin tiền
16 dụ trẻ con niệm Phật, hễ niệm một câu Phật thì cho
17 một đồng. Hơn một năm bất luận lớn bé sang hèn
18 hễ thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Tiếng niệm
19 Phật đầy đường. Lại ở núi Ô Long, Sư lập ra Đạo
20 tràng Tịnh độ, mỗi khi lên toà cao lớn tiếng niệm
21 Phật, đại chúng thấy có một Phật từ miệng Sư bay
22 ra, niệm mười câu có mười Đức Phật. Sư nói các
23 vị ai thấy Phật sẽ được vãng sinh. Lúc đó chúng
24 đông cả ngàn. Cũng có người không thấy buồn
25 thương tự trách, do đó càng thêm tinh tấn. Sau hai
26 mươi một năm, ngày 3 tháng 10 Sư dặn dò Đạo
27 Tục rằng: Nên đối với Tịnh độ mà khởi tâm ưa
28 thích, và khởi tâm chán lìa cõi Diêm-phù. Các ông

lúc ấy thấy ánh sáng này mới thật là đệ tử ta. Rồi phát ra mây luồng ánh sáng lạ mà hóa. Tháp Sư ở núi Đài Tử, hiệu là Đài Nham Pháp sư.

Khen rằng: Có người nghĩ rằng Phật từ miệng ra giống như điều quái dị. Ôi Thế Tôn khi gặp voi say, đầu năm ngón tay phát ra Sư Tử màu vàng sáng, bảo rằng: Ta nào có ý ràng buộc voi đâu. Bởi ta từ vô lượng kiếp đến nay tu Từ Nhẫn lực, tự nhiên có Sư Tử hiện ra, ta cũng chẳng biết. Nay Khang công hiện Phật cũng là từ vô lượng kiếp đến nay đã rất quy kính, có gì là lạ. Ở đời có Thầy tà dạy người đê mê ngồi trước cây hương thấp sáng mà quán tưởng Phật hiện cho là cảm ứng. Xét đây Tà Chánh thật trái nhau, người tu nghiệp Tịnh độ không thể không phân biệt rõ.

34- Ngài Tự Giác đời Đường: Ở Chân Châu thường phát nguyện. Nguyện nhờ vào Đức Quán Âm được thấy Phật A-di-đà. Do đó tạc tượng Bồ-tát Quán Âm cao bốn mươi chín thước. Khi tượng xong khẩn nguyện đến canh ba, bỗng có hai luồng ánh sáng vàng, trong ánh sáng Đức Phật A-di-đà hiện xuống, hai vị Đại Sĩ theo hầu hai bên. Phật đưa tay xoa đầu Giác bảo rằng: Hãy giữ nguyện chớ đổi, lợi vật làm trước, sẽ sinh vào ao báu sẽ không sai nguyện. Mười một năm sau, đêm trăng tròn tháng bảy, Sư thấy một người hình dáng giống như Thiên Vương hiện thân trên mây bảo Giác

1 rằng: Hẹn An Dưỡng đã đến. Sư bèn ở trước Tượng
2 Quán Âm ngồi kiết già mà hóa.

3
4 **35- Ngài Thiện Trụ đời Đường:** Người ở
5 Doanh Châu. Niên hiệu Võ Đức năm thứ 3 ngài bị
6 bệnh bảo người rằng: Ta một đời Chánh Tín chẳng
7 lo Tịnh độ không sinh. rồi sai lau rửa phòng ốc đốt
8 hương nghiêm chờ. Bệnh lâu phải nằm, bỗng ngồi
9 dậy chấp tay bảo người hầu bày Tượng Đức Thế
10 Tôn, bảo đỡ ngồi rồi tự phát lồ sám hối. Hồi lâu
11 bảo Thế Tôn đi rồi, có dáng như tiền đưa. Đang
12 nằm bỗng hỏi Phật A-di-đà đến các ông có thấy
13 không. Phút chốc bảo: Ta đi đây. Rồi khoảng khắc
14 thì hoá.

15
16 **36- Thần Tổ: Ngài Thần Tổ đời Đường:**
17 Người vùng Minh Được đều thuộc An Ấp, giỏi
18 diễn giảng ngang với Đạo kiệt, một đời tu nghiệp
19 quán tướng Tây Phương. Niên hiệu Trinh Quán hai
20 chúng thỉnh Sư làm chủ Thê Nham. Niên hiệu
21 Trinh Quán năm thứ 17, ngày 23 tháng 2 Sư nhóm
22 họp đại chúng mà từ biệt, rồi ngồi kiết già nghiêm
23 nét mặt khiến tụng Phẩm Phổ Môn Quán Âm hai
24 lượt, rồi tự niệm Phật A-di-đà. Lại khiến một người
25 xướng, các người khác cùng họa theo. Giữa đêm
26 thì ngồi thẳng mà tịch. Da thịt rã ra nhưng bộ
27 xương vẫn ngồi như xưa.

37- Tuệ Duệ - ngài Tuệ Duệ đời Đường: Xuất gia ở Tương Xuyên. Từng hoằng hóa Tam Luân Đại Kinh. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 22 đêm 8 tháng 4 thấy Thần núi bảo rằng: Pháp sư sửa soạn phòng ốc không bao lâu sẽ sinh Tây Phương. Đến ngày 14 tháng 7 Sư giảng Kinh Vu-lan-bồn xong, chấp tay bảo: Sống nhận của Tín thí nay cần phải phân tán hết. một mảy may cũng buông bỏ giúp cho những người ăn xin cô độc nghèo khó khắp nơi và các đường ác khác, nói xong thì hóa ở Pháp toà.

Khen rằng: Xưa Sinh Công nói Pháp sắp xong, chúng thấy cây Phất trần rơi xuống đất, dựa ghé mà hóa như vào thiên định. Việc của Sư cũng thuộc loại này. Than ôi chẳng phải Đạo Lực lúc bình sinh thì không thể gắng gượng lúc qua đời.

38- Hoài Ngọc: Ngài Hoài Ngọc đời Đường: người ở Thai Châu, ngày ăn một buổi, mặc áo vải, thường ngồi không năm, tụng Kinh Di-đà ba mươi vạn biến, hằng ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn câu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo thấy Phật và Bồ-tát giữa hư không. Có một người bung Đai bạc đến đón rước. Ngọc nói: Tôi một đời niệm Phật thề lấy đai vàng, sao nay chẳng được. Thánh chúng liền biến mất. Ngọc càng thêm tinh tấn. Sau hai mươi một ngày người bung đai trước kia đến bảo: Vì Sư

1 tinh tấn nên được lên Thượng phẩm, nên ngồi kiết
2 già mà đợi. Ba ngày sau ánh sáng lạ đầy nhà. Sư
3 gọi đệ tử bảo rằng: Ta sinh Tịnh độ đây. Rồi mỉm
4 cười mà hóa. Quận Thái Thú là Đoàn Công làm kệ
5 khen rằng: Thầy ta một niệm lên Sơ Địa, sánh ca
6 nước Phật hai lượt đến - Chỉ có trước chùa cây Hòe
7 cổ, riêng một nhánh tháp treo đài vàng.

8 **Khen rằng:** Có người bảo đài bạc đến mà lại
9 ẩn, đài vàng thì quyết mà lại gặp. Sao được quả báo
10 không bằng cứ, mà do người chọn lựa. Nói chung
11 đây là vạn Pháp do tâm, tùy cảm mà ứng. Lại xe
12 lửa đã hiện, mười niệm được vãng sinh. Các vị trời
13 đến đón rước, tâm thề mà trở về. Tịnh độ tướng
14 Thiện ác Thánh phàm cách nhau còn có thể chuyển
15 nghiệp nhanh chóng. Huống gì vàng bạc nào có
16 bao lâu?

17
18 **39- Đạo Ngang; Ngài Đạo Ngang đời Đường:**
19 Người ở Quận Ngụy, Thầy là Pháp sư Linh Dụ,
20 thường ở chùa núi Hàn Lăng giảng Hoa Nghiêm
21 Địa Luận. Kê hiệp Bác đến thăm, chí kết Tây
22 phương nguyện sinh An Dưỡng. Sau tự biết mạng
23 số sẽ hết vào tháng 8- nhưng mọi người chưa lường
24 biết được. Đến ngày mùng 1 tháng 8- không bệnh
25 hỏi giờ trai đến chưa, liền lên tòa cao, thân có
26 tướng lạ cầm lò hương mùi lạ dẫn bốn chúng thọ
27 giới Bồ-tát, lời và lý rất thiết, người nghe lạnh
28 lòng. Sư nhìn lên cao thấy các vị Trời lẫm xẵ,

1 đờn sáo inh ỏi, bảo chúng rằng: Trời Đâu suất đà
2 đến đón rước ta, nhưng cõi trời là gốc sinh tử, nên
3 ta xưa nay không nguyện, chỉ chú tâm Tịnh độ, vì
4 sao lòng thành này chẳng toại. Nói xong nhạc trời
5 im lặng, lại thấy Tây Phương hương hoa kỹ nhạc
6 đầy đầy như mây bay nhanh mà đến, quây quần
7 trên đầu mọi người đều thấy. Ngang nói: Nay
8 tướng linh Tây Phương đến đón rước, ta phải đi.
9 Liền thấy lò hương vượt khỏi tay, ở trên tòa cao mà
10 hóa. Dưới chân có Phổ Quang Đường các nhà, xa
11 gần đều khen ngợi.

12 **Khen rằng:** Bỏ Cung Trời mà cầu Tịnh độ
13 trước đây có Quang công, sau đó có Hồng công và
14 Đạo Ngang. Bởi ba vị trong khoảng chốc bức bách
15 mà còn có thể dắt dẫn bốn chúng về Tỳ-ni, ngồi
16 trên ghế cao quy tịch mà dáng vẻ ung dung, làm
17 kinh động tâm mắt mọi người. Than ôi lạ thay!

18
19 **40 - Đạo Xước - Ngài Đạo Xước đời Đường:**
20 Người ở Mấn Thủy thuộc Tỉnh Châu, mười bốn
21 tuổi xuất gia rèn tập kinh luận. Về già thờ Thiền sư
22 Toán mà học thiền lại dốc chí nghiệp Tịnh độ với
23 ngài Thần Loan. Có vị Tăng nhập định thấy ngài
24 Đạo Xước lần chuỗi hạt như bảy báu. Ngài ở trên
25 núi cao vì chúng giảng Kinh Vô Lượng Thọ và
26 Quán Kinh gần hai trăm lượt. Mọi người đều lần
27 chuỗi niệm Phật. Hoặc lúc rời khỏi chỗ ngồi, âm
28 vang vọng khắp núi rừng sáu thời lễ lạy cung kính,

không lúc nào bỏ sót, mỗi ngày lấy bảy vạn câu làm mức. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ, 2 ngày mồng 8 tháng 4 thì quy tịch. Người nghe việc đến xem đầy chùa, đều thấy có hóa Phật ở trên hư không và hoa trời rải xuống.

41- Bảo Tướng: Ngài Bảo Tướng, đời Đường: là người ở Trường An thuộc Ung Châu. Năm mười chín tuổi xuất gia theo hạnh Đầu-đà tự tịnh, sáu thời lễ sám gần bốn mươi năm. Mỗi đêm tụng Kinh Di-đà bảy biến, niệm Phật sáu vạn câu. Bệnh nặng tụng niệm vẫn không bỏ. Ngài dặn dò đạo tục rằng: Niệm Phật làm đầu chớ dôi độ đời thì tướng Tây Phương sẽ đợi. Lại bảo hay thiêu và phân tán thân ta chớ nhọc công làm Minh xây Tháp. Nói xong thì hóa.

Khen rằng: Hoài Ngọc niệm Phật mỗi ngày ghi năm vạn câu, Đạo Xước bảy vạn câu, nay Ngài sáu vạn câu, cả ba Lão Sư đều là Cao Tăng mà khóa lễ hàng ngày có số nhất định. Người đời nay bỗng bảo là việc làm của những người tâm thường, vậy mà được sao?

42- Duy Ngạn: Ngài Duy Ngạn đời Đường: người ở Tĩnh Châu, hẹn về Tịnh độ, thực hành Sám Phương Đẳng siêng năng không bỏ sót. Sư bị bệnh nhẹ, thấy hai Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí hiện trên

1 hư không, Ngạn mời thợ nhưng không vẽ được.
 2 Bổng có hai người tự bảo vẽ được, vẽ xong thì biến
 3 mất. Ngạn bèn bảo các đệ tử rằng: Nay ta vãng
 4 sinh, ai muốn theo ta? Có cậu bé xin theo. Ngạn
 5 bảo phải về từ giã cha mẹ. Cha mẹ cho là chuyên
 6 đùa không tin. Khoảnh khắc cậu bé tắm gội thay
 7 áo vào Đạo tràng niệm Phật mà hóa. Sư Ngạn vỗ
 8 lưng bảo: Cậu bé sao được đi trước ta? Rồi đòi bút
 9 viết lời khen rằng: hai Bồ-tát có nguyện rất Từ Bi,
 10 đưa tay dắt dẫn cùng về Tây. Viết xong thì hóa.

11 **Khen rằng:** Việc của Ngạn không dối, cậu bé
 12 ấy nếu chẳng từ lâu chứa nhóm Tịnh nghiệp thì làm
 13 sao thoát hóa nhanh chóng thần dị như thế. Ôi, ông
 14 chẳng thấy mười niệm thành công ư? Nếu không
 15 thế thì gốc lành đời trước làm gì? Người tu Tịnh
 16 nghiệp đời này không nhất định vãng sinh thì xem
 17 đây mà tự ngẫm.

18
 19 **43- Tăng Huyền-ngài Tăng Huyền đời**
 20 **Đường:** Người ở Tịch Châu. Trước niệm Từ Thị
 21 (Di-lặc) cầu sinh Nội Viện. Năm chín mươi tuổi
 22 gặp Thiền sư Đạo Xước được nghe về Tịnh độ mới
 23 hồi tâm niệm Phật. Ngày lễ ngàn lay, một lòng
 24 không lười mỏi. Sau bị bệnh bảo đệ tử rằng: Phật
 25 A-di-đà trao ta Hương Y, Bồ-tát Quán Âm, Thế
 26 Chí đưa tay báu dắt ta, ta sẽ đi". Nói xong thì hóa.
 27 Bảy ngày mùi thơm lạ không tan. Lúc đó có hai vị
 28 Pháp sư là Khải Phương và Viên Quả mắt thấy việc

1 ấy, bèn trú tại chùa Ngộ Chân cùng bẻ nhánh
2 dương liễu cắm vào tay Tượng Quán Âm nguyện
3 rằng: Nếu Tịnh độ có duyên thì bảy ngày cành
4 dương không héo. Đến hẹn thì dương càng tươi.
5 Phương Quả mừng rỡ, ngày đêm quán niệm không
6 bỏ. Bỗng tự biết mình đến ao bảy báu vào màn đại
7 báu thấy Phật và hai vị Đại Sĩ ngồi trên đài hoa báu
8 ánh sáng rực rỡ. Phương và Quả đánh lễ, Phật bảo
9 rằng: Ai niệm danh hiệu ta đều sinh về nước ta. lại
10 nghe Đức Thế Tôn Thích-ca cùng Bồ-tát Văn-thù
11 dùng Phạm Am khen ngợi Tịnh độ. Lại thấy ba
12 đường thêm báu, một đường thì toàn là người tại
13 gia Cư sĩ, đường thứ hai đạo tục xen nhau, đường
14 thứ ba chỉ toàn là Tăng. Bảo rằng: Ai dốc lòng
15 niệm Phật đều được vãng sinh cõi này. Sau năm
16 ngày bỗng nghe tiếng chuông, bảo rằng tiếng
17 chuông là việc của chúng ta. Lúc ấy cả hai Sư liền
18 hóa.

19 **Khen rằng:** Tuổi quá già mới tu Tịnh nghiệp
20 mà còn được vãng sinh, trai trẻ thì có thể biết. Còn
21 Phương Quả kia nghe phong thanh khởi trọn được
22 linh ứng, thấy bậc Hiền nghĩ mình làm sao cho
23 bằng cũng chính là đây vậy.

24
25 **44- Hoài Cảm:** Ngài Hoài Cảm đời Đường: trú
26 tại chùa Thiên Phước tại Trường An, vào Đạo
27 tràng niệm Phật hai mươi một ngày không thấy
28 diêm linh, tự hận mình chướng sâu muốn tuyệt

thực đến chết. Đại Sư Thiện Đạo không cho, khuyên tinh tấn chí thành ba năm chiêu cảm như lời dạy. Sau thấy Phật ngọc hào màu vàng, được Tam-muội niệm Phật. Sư có soạn Luận Quyết Nghi bảy quyển. Khi qua đời chấp tay nói "Phật đến đón rước ta". Rồi hóa.

Khen rằng: Ngạn ngữ có nói: Có công mài sắt có ngày thành kim.

Chúng ta đôi cảm có chứng cứ. Vạch đất tự hận mà suy nghĩ.

45- Đức Mỹ: Pháp sư Đức Mỹ đời Đường: ở Tây Viện chùa Hội Xương xây dựng Sám Đường, thực hành Tam-muội Bát-Chu, suốt mùa hạ không nằm ngò, hoặc cầm khẩu suốt ba năm không nói, hoặc thực hành bất khinh, bảy chúng đều lễ. Tiết giảm ăn mặc dứt bật việc đời, chuyên niệm Tây Phương, tụng Kinh Di-đà trọn đời không thôi. Sau vào thất niệm Phật một lúc rồi an nhiên mà hóa.

Khen rằng: Dứt bỏ việc đời thì duyên nhiễm dứt hẳn, chuyên niệm Tây Phương thì Tịnh Duyên thành tựu. Có câu rằng Ái không nặng thì không sinh Ta-bà, Niệm không nhất tâm thì chẳng sinh Tịnh độ, thành thật thay lời ấy.

46- Biện Tài: Ngài Biện Tài đời Đường: người ở Tượng Dương, ngâm tu Tịnh độ hai mươi năm

không hề tự khoe. Chỉ làm bạn thân thiết với Hộ
Nhưng Nhậm Công Thiện, nói cho biết rằng: Tôi
sẽ sinh Tịnh độ, hẹn mười năm sau. Một hôm khiến
đệ tử báo với Nhậm Công rằng hẹn đã đến. Nhậm
Công đến thì Tài bảo: "Ta đi đây". Rồi ngồi mà
hóa, đại chúng nghe tiếng nhạc Tiên từ phía Tây
đến, mùi thơm lạ xông tỏa.

47- Thọ Hồng: Ngài Thọ Hồng đời Đường:
người ở Phần Dương. Thường niệm Phật chí thành
cầu Tịnh độ. khi sắp mất thấy các Đồng tử ở cõi
Trời Đâu-Suất đến đón rước. Hồng nói: Tôi chỉ
mong sinh Tây Phương, không sinh lên cõi trời,
liền khiến chúng niệm Phật. Rồi bảo Phật từ
phương Tây đến. Nói xong thì hóa.

48- Pháp Tường: Ngài Pháp Tường đời
Đường: trú tại chùa Đại Hưng Quốc ở Dương Đô,
ba mươi năm tu nghiệp An Dưỡng, hề có công đức
gì đều dùng hồi hướng. Vì bị bệnh, đệ tử nghe
Tường xưng danh hiệu Phật rất lớn tiếng, lại thấy
ở vách Tây phòng có ánh sáng như gương hiện
tướng Tịnh độ chim Tàn già vỗ cánh, rồi an nhiên
mà hóa.

Khen rằng: Pháp Tường thấy Tàn Già, trước
kia Trí Thuần thấy

Anh vũ chim công, chẳng thấy Phật mà thấy

1 các loài chim là sao? Kinh nói: Các loài chim ấy
 2 đều do Phật A-di-đà biến hóa ra. cho nên biết
 3 Chánh báo Y báo đều là tướng Tịnh độ, chớ nên
 4 nghi ngờ.

5
 6 **49- Đại Hạnh-Ngài Đại Hành đời Đường:** Ở
 7 Thái Sơn, tu Sám pháp Phổ Hiền ba năm, cảm
 8 được Đại Sĩ hiện thân. Tuổi già vào kho kinh phát
 9 nguyện rồi tiện tay lấy một quyển thì được quyển
 10 kinh Di-đà. Bèn ngày đêm tụng đọc đến hai mươi
 11 một ngày thì thấy trên đất lưu ly có Phật và hai Đại
 12 Sĩ hiện thân. vua Hy Tông nghe việc bèn mời vào
 13 Cung ban hiệu là Bồ-tát Thường Tinh Tấn. Một
 14 năm sau đất lưu ly lại hiện, ngay ngày ấy liền mất,
 15 mùi thơm lạ suốt tuần, nhục thân không hư hoại.

16 **Khen rằng:** Đất lưu ly trên dưới thấu suốt là
 17 Tịnh đức mà cảm được. Vậy mà Tuệ Vĩnh, Tăng
 18 Huyền có mùi thơm lạ bảy ngày, Tuệ Thông ba
 19 ngày, nay Đại hạnh suốt một tuần đâu chẳng phải
 20 là do Phạm hạnh tỏa hương thơm ư?

21
 22 **50 - Minh Chiêm - Ngài Minh Chiêm đời**
 23 **Đường:** Tuổi già khắc chí An Dưỡng. Có người
 24 chê là muộn, Chiêm nói: Mười Niệm công thành
 25 còn được thấy Phật, ta nào lo gì? Sau nhân bị bệnh
 26 Sư trú tại chùa Hưng Giáo thiết trai để từ biệt Đạo
 27 Tục. Lúc đó các quan như Bộc Xạ Phòng Huyền

1 Linh, Đỗ Như Hối đều có mặt. Sư nói quá ngộ, rồi
2 sửa sang y phục oai nghi nghiêm chỉnh niệm Phật
3 liên tục. Lại bảo Phật đến và hai Đại Sĩ cũng đến.
4 Rồi nghiêm mình chấp tay mà hóa.

5
6 **51- Thiền sư Vĩnh Minh Thọ:** Tên là Diên
7 Thọ, họ Tiền ở Ngô Việt, người vùng Dư Hàng
8 thuộc Hàng Châu. Theo ngài Thiền sư Tứ Minh
9 Túy Nham xuất gia. Sau tham học với Quốc Sư
10 Thiên Thai Thiệu phát minh tâm yếu. Từng tu Pháp
11 Hoa Sám. Nửa đêm thấy hoa sen của Bồ-tát Phổ
12 Hiền bỗng nhiên ở trên tay. Nhân đó nghĩ nguyện
13 xưa nên chưa quyết, bèn lên núi Trí Giả làm hai cái
14 thăm, một cái đề Nhất Tâm Thiền Định, một cái đề
15 Vạn Hạnh tu Tịnh độ rồi ngâm tâm cầu nguyện,
16 bảy lần bắt đều được thăm Tịnh độ, do đó một ý
17 chuyên tu. Sau đến trú tại chùa Vĩnh Minh, khóa lễ
18 hằng ngày là niệm Phật, đêm đến thường một mình
19 lên ngọn núi cao hành đạo niệm Phật. Mọi người
20 lúc ấy nghe có tiếng nhạc trời vang dội. Trung Ý
21 Vương khen rằng: Xưa nay người cầu Tây Phương
22 chưa có ai chuyên thiết như thế, bèn lập Điện Tây
23 Phương Hương Nghiêm để trọn thành chí Ngài. Sư
24 trú tại chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, đệ tử có
25 một ngàn bảy trăm, thường cùng chúng truyền giới
26 Bồ-tát, thì thực cho các quỷ thần, phóng sinh chim
27 cá đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ. lúc đó
28 người gọi là Từ Thị Hạ Sinh. Ngày 26 tháng 2 Niên

1 hiệu Khai Bảo năm thứ 8, buổi sáng dậy thắp
2 hương cáo biệt chúng ngôi kiết già mà hóa. Sau có
3 vị Tăng đến từ Lâm Xuyên suốt năm đi nhiều ở
4 Tháp Ngài. Hỏi thì bảo rằng: Tôi bị bệnh xuống
5 Âm phủ, thấy trên Điện phía trái có thờ hình một
6 vị Tăng, vua ân cần kính lễ, bèn hỏi thăm thì mọi
7 người bảo đó là Thiền sư Vĩnh Minh Thọ, hễ ai
8 chết đều phải qua Âm Phủ, vị này đi tắt sinh về Tây
9 Phương ở Thượng Thượng Phẩm, vua rất trọng
10 đức Ngài nên kính lễ.

11 **Khen rằng:** ngài Vĩnh Minh nhớ mãi Tây
12 Phương, chỉ thẳng tâm ấn mà khắc ý Tịnh độ, tự
13 lợi lợi tha, hạnh nguyện rộng lớn chiếu sáng muôn
14 đời là Từ Thị hạ sinh, là ngài Thiện Đạo tái sinh
15 vậy?

16
17 **52- Chí Thông: ngài Chí Thông đời Thạch**
18 **Tán:** Người ở Phụng Tường. Nhân thấy quyền
19 Tịnh độ Nghi Thức của Trí Giả Đại Sư thì khôn
20 xiết vui mừng. Từ đó không khạc nhổ về hướng
21 Tây, không ngồi xoay lưng về Tây, mà chuyên tâm
22 niệm Phật. Sau thấy Chim Hạc chim công sắp
23 thành hàng từ phương Tây đến. Lại thấy hoa sen
24 mở khép ở trước. Thông nói chim Hạc trắng, chim
25 công là cảnh Tịnh độ, hoa sen chiếu sáng là chỗ thọ
26 sinh Tịnh độ hiện ra. Bèn đánh lễ Phật mà hóa. Khi
27 trà tỳ có mây năm màu vân vũ trên đồng lửa, Xá-
28 lợi đầy thân.

Khen rằng: Khắc nhờ phải tránh hướng Tây, ngồi phải xoay về Tây mà hệ niệm, như thế thì việc nào chẳng xong. Nay dùng tâm khinh thường mà muốn vãng sinh thì thật là khó. Có người nói không nên đắm trước. Ôi quán kỷ mặt trời lặn Kinh có nói rõ ràng. Đại Sư Trí Giả mới sinh mà đã ngồi quay mặt về Tây cho đến các Hiền thánh tu Tịnh nghiệp đều ngồi hướng về Tây chẳng đắm trước mà được ư? Đắm tâm nơi cảnh trước trọn đời an nhiên, vừa mới niệm Tịnh Bang đã vội lo đắm trước. Điên đảo như thế chẳng lạ lắm ư?

53- Ngộ Ân: Ngài Ngộ Ân đời Tống: người ở Thường Thục thuộc Cô Tô. Năm mười ba tuổi nghe tụng Kinh Di-đà bèn xin xuất gia. Suốt ngày ăn một bữa, chẳng rời y bát, chẳng chứa của cải. Năm thì nghiêng hông bên phải, ngồi thì kiết già. Mỗi khi Bồ-tát khóc lóc không thôi nguyện khắp mọi người lấy Tây Phương Tịnh nghiệp làm viên chỉ Nhất Thừa. Có người nghi không hợp cơ, thì đáp là cùng tạo duyên Trống độc mà thôi. Niên hiệu Ung Hy năm thứ 2 ngày 30 tháng 8 sư thấy ánh sáng trắng từ giếng phát lên, nói với môn nhân rằng: Ta sắp mất. Rồi tuyệt thực không nói, nhất tâm niệm Phật, thì mộng thấy một Sa-môn bung lò vàng đốt hương đi nhiều quanh thất ba vòng, tự bảo là Quán Đảnh đến đây đón rước. Khi thức dậy gọi đệ tử đến, còn nghe mùi thơm lạ phảng phất. Hai

mười lăm ngày sau Sư giảng nói Chỉ Quán Chỉ Quy và Quán Tâm Nghĩa xong thì ngồi thẳng mà hóa. Mọi người nghe tiếng đờn sáo chuông mõ inh ỏi trên hư không, lâu dần đi xa về hướng Tây.

Khen rằng: Tiền của cơm áo chẳng tham là tâm liêm khiết. Ngồi nằm không cầu thả là tâm cẩn thận, y bát không rời là tâm trì trọng. Bỏ-tát mà khóc là tâm thành tín, bốn tâm đều là Tịnh nhân để vãng sinh, còn như khuyên người thì Tây Phương Tịnh nghiệp cùng Nhất Thừa Viên Giáo cùng thực hiện, đó là Ngộ Ân đi sâu vào pháp môn niệm Phật.

54- Pháp sư Viên Tịnh Thường: Ngài Tịnh Thường đời Tống, người ở Tiền Đường, bảy tuổi xuất gia. Trong niên hiệu Thuần Hóa đi về Nam đến Chiêu Khánh, kính mến đức phong của Lô Sơn bèn chích máu viết Phẩm Tịnh Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm, đổi Liên Xã thành Tịnh Hạnh. Các Sĩ Đại phu dự hội xưng là đệ tử Tịnh Hạnh mà Vương Văn Chánh Công đứng đầu. Một thời các Công Khanh chặn dất một trăm hai mươi người, Tỳ-kheo có cả ngàn vị. Quan Hàn Lâm Tô Dị Giản soạn lời tựa Phẩm Tịnh Hạnh, bảo rằng tôi phải trải tóc dưới chân khoét thân để thỉnh Pháp hãy còn chẳng từ, huống chi là văn kém học cạn mà có tiếc gì. Niên hiệu Thiên Hy năm thứ tư ngày 12 tháng giêng, Sư ngồi thẳng niệm Phật có lúc rất quyết liệt, lại nói là Phật đến rồi an nhiên mà hóa.

Khen rằng: Mới đầu Viên Công, kể đến Thiện Đạo, rồi Nam Nhạc, Ngũ Hội, Vĩnh Minh, Đài Nham và cuối cùng là Pháp sư gọi là bảy Tổ Liên Xã, khuyến hóa thanh hành suốt cả xưa nay, tuy nhiên xét về tự tu thì tất cả đều siêng năng cố gắng như thế mà dạy người. Nay Sa-môn biết khuyên người mà không biết tự gắng mình chỉ muốn trộm nương vào các bậc Tiên Bối thì thật là rô dại.

55- Tịnh Quán, Ngài Tịnh Quán đời Tống: Trụ tại am Tịch Quang ở Gia Hòa, tu Tịnh độ Sát Pháp hơn mười năm, bảo đệ tử rằng: Sau hai mươi bảy ngày ta sẽ đi. Trước hai ngày đến hẹn thì Sư thấy hoa sen đỏ, ngày kế thấy hoa sen vàng đầy nhà đều có trẻ con hóa sinh, ngòi trên hoa có đeo dây lưng tiên. Ngày thứ ba vào khám ngòi thẳng sai chúng niệm Phật khoảnh khắc thì hoá.

Khen rằng: Người niệm Phật biết trước lúc chết bởi duyên Ta- bà đã hết, duyên Tịnh độ thành tựu, tự nhiên Thánh cảnh ngầm hiện. Như Viên Công bảy ngày, nay Quán hai mươi bảy ngày cũng là loại ấy. Người đời sống không có thật đức, lúc chết lại muốn níu kéo trang điểm, chỉ làm trò cười cho thức giả. Nặng thì thân đang sống rần rộ giao động xa gần, chẳng biết nương quỉ đả Tà mà bị vào đường ác, thật là đáng thương. Lại khiến đả đui mù (không mắt) mừng rỡ mong ước mà gây hại lớn. Ta tu vãng sinh sao không một người quay

1 mình tham dự. Xin người Trí xem đây mà dạy bảo
2 khắp đời sau để cứu những kẻ ngu.

3
4 **56- Từ Vân Sám Chủ:** Ngài Tuân Thức đời
5 Tống, người huyện Lâm Hải ở Thái Châu. Học
6 hành cao xa, danh trùm Lương Triết. Sư chuyên
7 chí An Dưỡng tu Tam-muội Bát Chu chín mươi
8 ngày khổ học ói ra máu. Vào Đạo tràng hai chân
9 toét thịt thê chịu chết. Bỗng như trong mộng thấy
10 Bồ-tát Quán Âm đưa tay chỉ vào miệng bắt ra mấy
11 con sâu. Lại đầu ngón tay phát ra nước Cam lồ
12 chảy vào miệng. Khi tỉnh dậy thì biết thân tâm
13 trong mát, bệnh lành. Sư có soạn Tịnh độ Quyết
14 Nghi Hạnh Nguyện và Tịnh độ Sám Pháp, lưu
15 hành ở đời. Trong niên hiệu Thiên Thánh khi sắp
16 chết, Sư đốt hương lễ Phật nguyện Chư Phật chứng
17 minh cầu vãng sinh An Dưỡng. Đến chiều thì ngồi
18 mà hóa. Mọi người thấy sao lớn sa xuống ở ngọn
19 Linh Thứu. Lúc đó hiệu là Từ Vân Sám Chủ.

20 **Khen rằng:** Chuyên cần Sám Pháp tự làm mà
21 nêu gương muôn đời thì xưa nay chỉ có một người
22 mà thôi. Đến như đưa tay bấu bắt sâu, rót nước
23 Cam lồ vào miệng, nếu không có tinh thành rất
24 mực thì sao mà được như thế ư?

25
26 **57- Tông Thản Sớ Chủ:** Ngài Tông Thản đời
27 Tống, người ở Lê Thành thuộc Lộ Châu. Suốt năm

mười năm danh trùm Giảng Lâm, tuổi về già ở Thanh Đài Trấn thuộc Đường Châu mà cầu Tịnh độ, ba nghiệp bốn oai nghi, không hề tạm quên. Niên hiệu chính Hòa năm thứ 4 ngày 27 tháng 4 Sư mộng thấy Phật Di-đà bảo rằng Người nói Pháp chỉ sáu ngày sẽ sinh về Tịnh độ. Thức dậy thì bạch chúng. Đến ngày mùng 4 tháng 5 nhóm chúng bảo rằng: Nhân duyên hợp tan chắc phải có lúc, Thắng duyên Tịnh độ chỉ y cứ lúc này. Xin chúng niệm Phật giúp tôi vãng sinh. Nói xong thì ngồi mà hóa, trên hư không sấm sét rền vang mây trắng phủ đất ba ngày mới tan. Chuỗi lưu ly còn dính mãi trên tay, chúng lấy ra chẳng được. Việc cảm ứng rất nhiều khó kể hết.

Khen rằng: Sấm là tiếng rền vang của Pháp Âm, mây là bóng mát của lòng từ. Chuỗi tay không cởi được là Niệm Lực rất bền bỉ khó thấy.

58- Từ Chiêu Tông Chủ: Ngài Từ Nguyên đời Tống, hiệu là Vạn Sự Hưu, người ở Côn Sơn thuộc Bình Giang. Thuở nhỏ tu tập Chỉ Quán, trong Định nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo. Có tụng rằng: Hơn hai mươi năm trên giấy tìm tới tìm lui càng trầm ngâm Bổng đâu nghe được tiếng Quạ kêu, mới tin từ trước dụng tâm sai. Do đó tâm lợi tha rất thiết, khuyên khắp mọi người niệm Phật, thay cho Pháp giới chúng sinh lễ Phật Sám hối cầu sinh An Dưỡng. Lập ra Bạch Liên Sám Đường, thuật bốn

Độ ba Quán, soạn Phật Đồ Khai Thị Liên Tông, trong cảnh thuận nghịch mà mắt nhìn thấy không hề động niệm. vua Cao Tông mời vào triều kiến, ban cho hiệu Từ Chiêu. Sau ở Trạch Thành, ngày 23 tháng 3 bảo chúng rằng: Hóa duyên đã xong, ta sẽ đi đây. Nói xong chấp tay mà thị tịch. Khi trà tỳ có vô số xá-lợi. vua ban tên Tháp là Tối Thắng.

59- Pháp Trì: Ngài Pháp Trì đời Tống: trú tại chùa Hoá Độ tu Sám Di-đà, nguyện kết thúc nhanh tuổi thọ ở Diêm-phù, sớm sinh An Dưỡng. Sau bị bệnh nhẹ khóc lóc buồn than mong được tiếp dẫn, cố gắng niệm Phật không dứt tiếng. Bỗng thấy thân Phật cao trượng sáu đứng trên ao, liền tự nói rằng: Con đã được sinh ở Trung Phẩm. Rồi hướng về phía Tây mà hóa.

Khen rằng: Tình người đều muốn tuổi thọ gấp mà cầu sinh An Dưỡng không rất mừng chán. Tuy nhiên phát nguyện đều được, nhưng lặn biển trèo non chất củi tự vẫn thì tức là ma.

60 - Bồn Như: Ngài Bồn Như đời Tống: hiệu là Thần Chiêu trú tại chùa Thừa Thiên tại Đông Sơn cùng với Quận Thú là Trương Tuần kết xã. Một hôm Sư lên toà nói Pháp, cùng chúng từ biệt bèn ngồi mà hóa. Lúc đó chài trên sông dân thấy trong mây có vị Tăng đi về Tây. Năm sau mở tháp

thì dung mạo như còn sống, trước Tháp mọc lên
cành hoa sen.

61- Pháp sư Cơ: Ky Pháp sư Cơ đời Tống: học
với ngài Bảo Vân trú tại chùa Thái Bình Hưng
Quốc, tinh chuyên niệm Phật. Một hôm bị bệnh, vì
đệ tử nói rộng Huyền Chỉ. Bỗng nhiên chúng thấy
Tây Phương hiện ánh sáng, trên hư không trỗi
nhạc. Sư nói Đức Phật A-di-đà cùng hai Đại Sĩ đến.
Liền nằm nghiêng hông bên phải quay mặt về
hướng Tây mà hóa. Đệ tử mộng thấy Phật Di-đà
thọ ký là Siêu Thế Như lai. Có người mộng thấy
Sư ngồi trên Đài Sen xanh, Thiên sư Pháp Trí khen
rằng: Bị bệnh mà nói huyền chỉ, khi qua đời thấy
Phật là rất đáng kính.

Khen rằng: Có người nghi Ky được thọ ký. Ôi
đích thân thấy Như lai Vô Lượng Quang, thấy thọ
ký Bồ đề cho ta trước, ông có biết chăng?

62- Nhược Ngu: Ngài Nhược Ngu đời Tống: ở
Tiên Đàm thuộc Vân Xuyên, xây lầu Vô Lượng
Thọ, khuyên Đạo Tục niệm Phật siêng năng suốt
ba mươi năm cùng với hai Sư Đạo Tiềm và Tắc
Chương làm bạn, Tiềm có tài làm thơ mà nổi tiếng.
Ngu và chương chỉ theo đuổi thật hành. Khi sắp
chết thì mộng thấy vị Thần bảo rằng: Kẻ đồng học
với ngươi là Tắc Chương đã được Tam-muội Phổ

Hiền Hạnh Nguyễn đã sinh Tịnh độ, ông ấy đang
đợi người. Ngu bèn tắm gội thay áo, sai chúng tụng
Quán kinh, ngồi thẳng im lặng. Bỗng nhiên bảo
Tịnh độ hiện tiền, ta đi đây. Rồi viết kệ mà hóa. Kệ
rằng:

*Vốn tự không nhà để được về
Bên mây có nẻo mà ai hay
Khe kia dao động ánh trăng xế,
Ấy là đầm Tiên mộng dứt đi*

Lại nói: Trong không ngàn hoa giăng lưới -
Trong mộng bảy báu ao sen

Dẫm được Tây Phương đường vắng, liền
không một chút hồ nghi.

Khen rằng: Ngu và Tiềm Chương làm bạn.
Tiềm vì mê thơ và tiếng khen mà mất lợi Tịnh độ.
Vậy phải bỏ Thế trí, dẹp thế duyên người cầu sinh
Tây Phương nên từ quan làm ẩn sĩ.

63- Thủ Chân: Ngài Thủ Chân đời Tống:
người ở Vĩnh Hưng. Sư giảng Luận Khởi Tín và
Pháp Giới Quán, thường vào lúc nửa đêm mà kết
Vô Lượng Thọ Vãng sinh Bí Mật Ấn, hệ niệm Tây
Phương. Một đêm trời sáng tự biết mình về Tịnh
độ mở mắt thấy Phật, do đó nằm mọp trước tượng.
Bỗng nhiên bảo bốn mươi tám nguyện có thể độ ta.
bèn cầm hương hoa vào Điện cúng dường, rồi đến
chỗ ngồi mà hóa.

64- Tri Lễ đời Tống: Ngài Tri Lễ hiệu Pháp Trí ở Nam Hồ, thuật bộ Diệu Tông Sao, bày rõ ý chỉ về quán Tâm quán Phật. Mỗi năm vào ngày 15 tháng 2 kiến lập Hội Niệm Phật Thí Giới, khuyên hơn vạn người. Lại soạn Dung Tâm Giải trình bày Nhất Tâm Tam Quán, hiển bày về ý nghĩa bốn loại Tịnh độ. Sau vào ngày đầu năm lập Quang Minh Sám. Đến ngày mồng năm mời đại chúng nói Pháp. Ông niệm Phật mấy trăm câu, rồi ngồi an nhiên mà hóa.

Khen rằng: Tri Lễ thuật Diệu Tông, nói Tịnh Quán để hoằng hóa Giáo Thiên Thai mà khi qua đời niệm Phật ngồi tịch, há lớn tiếng nói Pháp lại giống lời nói hằng ngày hay sao.

65- Hữu Nghiênm - đời Tống: Ngài Hữu Nghiênm trú tại chùa Sùng Thiện, Xích Thành thuộc Thái Châu nương ngài Thần Chiếu học Giáo Thiên Thai. Tuổi về già cất nhà tranh dưới tàng cây hiệu là Tra Am. Bình sinh dốc chí tu Tịnh nghiệp. Có soạn Hoài An Dưỡng Cổ Hương Thi, lưu truyền thời ấy. Niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc năm thứ nhất, mùa hạ tháng 4- khi sắp qua đời thì thấy hoa sen lớn trong ao báu và nhạc trời bốn bề. Bèn làm bài thơ Tiên Quy Tịnh độ để chỉ dạy chúng, bảy ngày sau ngồi kiết già mà hóa. Trên tháp có ánh

sáng như vàng trắng ba đêm mới hết.

Khen rằng: Trước đây Pháp Tường có gương sáng hiện ở bên vách, nay Nghiêm Công có ánh sáng hiện ở trên tháp, đều là linh nghiệm của thân tâm đã thấy suốt. Cho đến ánh sáng đầy nhà, ánh sáng vàng chiếu trên sông mây trăm dặm, than ôi đó là có thể giả dối hay sao?

66- Tuệ Minh: Ngài Tuệ Minh đời Tống: hiệu là Hối Am học với ngài Tuệ Quang. Tuổi già nương chùa Thường Chiếu ở Súc Sơn mà tu Tịnh nghiệp, hằng ngày tụng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Viên Giác, và niệm Phật Di-đà vạn câu. Mùa xuân niên hiệu Khánh Nguyên năm Kỷ Mùi, Sư bị bệnh, bảo đệ tử rằng: Ta học Đại Thừa cầu sinh Tịnh độ, nay quả đã toại nguyện, bèn ngồi xếp chân mà hóa. Đại chúng nghe có tiếng nhạc trời ở phương Tây đến vãn vũ trên đầu. Khi trà tỳ có vô số Xá-lợi năm màu.

67- Sư Tán: Sư Tán đời Tống: người ở Ung Châu, làm Tăng khi mới mười bốn tuổi, niệm Phật không ngớt. Bỗng nhiên bị bệnh mà chết sớm. Chợt sống lại gọi Thầy và cha mẹ bảo rằng: Phật A-di-đà đến, con đi theo ngài. Người hàng xóm thấy trên hư không có Đài báu, ánh sáng năm màu kỳ lạ hướng về Tây rồi mất.

68- Hai vị Sa-di: Hai vị Sa-di ở vãn Châu, đời Tùy đồng chí niệm Phật. Vị Sa-di lớn bỗng nhiên chết đến Tịnh độ gặp Phật, bạch rằng: Có Sa-di nhỏ đồng tu với con có được vãng sinh hay chăng? Phật nói: Do chú ấy khuyên con, con mới phát tâm, nay con hãy trở về siêng tu Tịnh nghiệp, ba năm nữa sẽ cùng đến đây. Đến hẹn thì cả hai người cùng thấy Phật đến đón rước. Đất đai rung chuyển, trời mưa hoa khắp nơi. Cùng lúc đồng hóa.

69- Liễu Nhiên - Liễu Nhiên Pháp sư đời Tống: Hiệu là Trí Dũng trú tại chùa Bạch Liên. Năm hai mươi bốn tuổi mộng thấy hai con Rồng đùa giỡn trên hư không, một con hóa thành Thần nhân đó lấy trong tay áo một thẻ tre bảo: Bảy ngày nữa Sư sẽ đi. Khi tỉnh dậy nhóm chúng nói Pháp, viết chữ lớn rằng: Nhờ năng lực niệm Phật mà được sinh Lạc Quốc, các người hãy tự cố gắng. Rồi tắm gội thay áo, khiến chúng tụng Kinh Di-đà đến chỗ thế giới Tây Phương thì an nhiên mà hóa. Hành nhân trú tại chùa Năng Nhân đều nghe tiếng nhạc trời, ánh sáng lạ như đuốc bay lên trời.

70- Tư Chiếu: Ngài Thích Tư Chiếu đời Tống: nghiên cứu Giáo Tông, chuyên tâm Tịnh nghiệp. Mỗi ngày vào canh tư liền dậy niệm Phật. Tỳ-kheo

biếng lười chẳng sợ vẩn ngu yên, bắt chước Pháp
Tạng có bốn mươi tám nguyện, kết hội Tăng tục hệ
niệm suốt ba mươi năm. Một hôm cảm thấy có
bệnh mộng thấy thân vàng trượng sáu, bèn nhóm
chúng niệm Phật, bỗng lớn tiếng đồng chúng xưng
niệm, co tay bắt ấn ngôi mà hóa. Khi trà tỳ răng và
hạt chuỗi không hư.

71- Trí Liêm đời Tống: Ngài Trí Liêm trú tại
chùa Hóa Độ ở Thượng Ngu. Trước tham vấn khắp
các Tông Môn. Tuổi già chỉ chuyên một ý Tây
Phương. Niên hiệu Khánh Nguyên đổi niên hiệu
mùa thu tháng 8 từ biệt chúng rằng: Trong mộng
ta thấy Phật A-di-đà nói Pháp, đại chúng vây
quanh. Phật nói các Thiện Nhân phải nên chuyên
tâm Tịnh nghiệp mà sinh về nước ta. Ta thấy tướng
lành, sẽ được vãng sinh. Rồi viết kệ rằng:

*Nhạn bay qua hư không,
Bóng chìm nước lạnh,
không sinh không diệt
Trong cõi nước hoa sen.*

Viết xong, Sư quay mình hướng về Tây bắt ấn
mà hóa.

72- Trí Thâm: Ngài Trí Thâm đời Tống: hiệu
là Từ Xuyên, học với ngài Hải Nguyệt trở về Gia
Hòa, mở Nhà dài, cúng dường chúng hai mươi năm
chuyên chí niệm Phật. Thường đem Tịnh nghiệp

1 dạy người, người được vãng sinh rất đông. Bổng
2 Sư bị bệnh, khách đến thăm hỏi vẫn bàn luận như
3 thường. Khi khách vừa ra khỏi cửa liền hóa, mọi
4 người thấy mây tìm hương về Tây rồi mất hút.

5
6 **73- Pháp Nhân-Ngài Pháp Nhân đời Tống:**

7 Trú tại chùa Quảng Thọ Tứ minh, suốt ba mươi
8 năm ngâm tu Tịnh độ. Sau bị bệnh nhóm chúng
9 tụng Quán Kinh, niệm danh hiệu Phật. Đêm thứ ba
10 bảo môn nhân rằng: Ta sắp đi đây. Có người thỉnh
11 Sư để lại kệ, bèn viết: Ta và Di-đà vốn không hai,
12 hai cùng chẳng hai đều là Ngã, nay như thế mà
13 thấy Di-đà, Cảm Ứng đạo giao khó nghĩ bàn, rồi
14 ngồi thẳng mà hóa.

15 **Khen rằng:** Lấy tâm ta mà niệm Phật kia thì
16 chúng sinh và Phật rõ ràng. Ngay tâm phàm mà
17 thấy tâm Phật thì chúng sinh và Phật nào khác, nào
18 khác cho nên là hai rõ ràng cho nên là chẳng hai,
19 là hai nên chẳng theo cái khác mà tìm, là chẳng
20 hai nên chẳng ngại cầu sinh. Lại là hai cho nên
21 phàm tình đây dứt hết. Là chẳng hai cho nên
22 Thánh Giải đều mất. Như thế mà thấy Phật thì suốt
23 ngày Ta-bà là suốt ngày Tịnh độ, niệm niệm là Đức
24 Thích-ca ra đời, lúc lúc là Di-lặc hạ sinh, mới gọi
25 là thật thấy Di-đà. Nếu không như thế thì gặp ngay
26 trước mặt như mây trắng ngàn dặm xa !
27

74- Trí Tiên- Ngài Trí Tiên đời Tống: Hiệu là Chân Giáo, trú tại chùa Bạch Liên giảng Đạo mười ba năm, hướng về Tây lễ niệm không hề bỏ giờ. Một đêm bị bệnh nhẹ thỉnh hành nhân Quán Đường Hành nhân tụng kinh Di-đà, chưa hết quyển thì đã ngồi mà hóa. Những người ở cạnh chùa Năng Nhân đều nghe tiếng nhạc Trời hòa tấu. Sáng hôm sau mới biết Sư đã mất.

75- Tông Lợi - Ngài Tông Lợi đời Tống: Ở Bích Chiêu thuộc Tân Thành, tu niệm Phật Tam-muội đã mười năm. Sau vào núi Đạo Vi cất am tranh tên là Nhất Tướng trải qua mười lăm năm. Bỗng nhiên bảo đệ tử rằng: Ta thấy hoa sen biếc đầy khắp hư không. ba ngày sau lại bảo Phật đến. Rồi viết kệ rằng: Ta năm chín mươi đầu đã bạc - Cuộc đời không có khách trăm năm khách - Nhất Tướng Đạo Nhân lại quay về - đài vàng ngồi biết trời đất hẹp. Rồi an nhiên mà hóa.

76- Tề Ngọc: Ngài Tề Ngọc đời Tống: hiệu là Tuệ Giác. Trước ở trú tại chùa Bảo Tạng thuộc tráp Châu lập ra Hội Tịnh độ. Sau ở Thương Trúc nửa đêm ở trước tượng Di-đà hành Đạo niệm Phật. Một hôm gọi Thủ Tọa bảo rằng: Trước giường ta hiện ra tháp Đa bảo , không phải nguyện của ta, ta chỉ muốn Tịnh độ mà thôi, ông hãy vì ta nhóm chúng

niệm Phật. Thủ Tọa đánh chuông, Tăng có gần
trăm vị. Ngọc nói nay đã thấy Phật, rồi nhắm mắt
ngồi thẳng mà hóa.

Khen rằng: Tháp Đa bảo báu cũng là nước
Phật, vì sao Ngọc không nguyện. Xưa Vi-đề-hy
xem khắp Tịnh độ mà chỉ cầu An Dưỡng. Bởi
không chuyên tu công chẳng nghiêm khắc. Biết
vậy thì có thể nói chuyện Tây Phương với nhau
rồi?

77- Viên Chiếu Bốn Thiên sư: Đời Tống, ngài
Tông Bốn, người ở Vô Tích thuộc Thường Châu.
Trước tham học với Thiên sư Thiên Y Hoài, niệm
Phật có tinh ngộ. Sau dời về Tịnh Từ, vâng chiếu
vua trú tại chùa Tuệ Lâm ở Đông Kinh, vua mời
đến hỏi Đạo ở Điện Diên Hoà, vâng chỉ ở yên
ngâm tu Tịnh độ. Có Pháp sư Lô Phong Tài thần
thức đạo đến Tịnh độ, thấy một hoa đẹp kỳ lạ bèn
hỏi thì đáp là đợi Thiên sư Bốn Tịnh Từ . Lại Tư
Phước Hi Công đến Tuệ Lâm lễ dưới chân Sư, bỏ
thí vàng rồi đi. Có người hỏi lý do thì đáp: Trong
Định tôi thấy có hoa sen vàng, người nói để đợi
Bốn Công. Lại thấy có vô số hoa sen nói là để đợi
hóa độ. Có hoa héo thì nói người ấy lui sụt. Có
người hỏi Sư truyền trực chỉ (Thiền) làm sao được
nêu tên ở Liên Cảnh? Sư đáp: Tuy ở Tông Môn
nhưng cũng tu cả Tịnh độ. Khi qua đời thì ngồi yên
mà hóa. vua ban hiệu là Viên Chiếu Thiên sư.

Khen rằng: Xưa, ngài Trung Phong Thiên Như nói Thiền và Tịnh độ Lý tuy một mà công phu chẳng thể cùng thực hành. Nay nói gồm tu thì nghĩa gồm có hai, hai chân giữ hai thuyền là gồm thì thật chẳng thể viên thông, chẳng ngại là gồm thì sao chẳng có được? Huống là ngoài Thiền không có Tịnh độ, tức độ tức tâm, vốn không hai vật, đâu được gọi là gồm?

78- Đại Thông Bồn Thiền sư: Ngài Thiện Bồn đời Tống thi Kinh Hoa Nghiêm được độ, vâng chiếu vua trú tại chùa Pháp Vân, ban hiệu là Đại Thông. Sau về chùa Tượng Ô ở Hàng Châu tu Tịnh nghiệp. Trong Định thấy Phật A-di-đà hiện thân màu vàng. Một sớm cáo biệt môn nhân rằng: Chỉ còn ba ngày nữa. Khi đến hẹn bèn ngồi kiết già niệm Phật quay mặt về Tây mà hoá.

79- Luật sư Linh Chi Chiếu: Ngài Nguyên Chiếu đời Tống, ở Linh Chi hoàng hóa luật học, đốc chí Tịnh nghiệp, niệm Phật không ngớt. Một hôm bảo đệ tử tụng Quán Kinh và Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, rồi Sư kiết già mà hóa. Ngư dân ở Tây Hồ đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

80- Luật Sư Thanh Chiếu - ngài Tuệ hạnh đời Tống: Trú tại chùa Diên Thọ ở Võ Lâm. Thuở nhỏ

1 nương ngài Linh Chi học Luật và chuyên tu Tịnh
2 nghiệp trong sáu mươi năm. Mỗi lần gặp người đều
3 khuyên niệm Phật. Xây gác báu lập Tượng ba
4 Thánh rất là đặc biệt. Có Giang Tự Nhậm bỗng
5 nhiên mộng thấy tòa báu từ trên không mà hạ
6 xuống bảo rằng: Luật sư Hanh sẽ lên ngôi ở đây.
7 Vừa lúc có bạn Liên Xã là Cư sĩ Tôn định già biệt
8 Hanh, ông ở nhà bắt ấn mà hóa. Sư đến đốt hương
9 rồi về, gọi học trò bảo rằng: Tôn Quân đã đi, ta
10 cũng đi. Rồi nhóm chúng niệm Phật và nói kệ rằng:
11 Di-đà miệng miệng xúng - Bạch Hào niệm niệm
12 tưởng, giữ tâm này không thối, chắc chắn sinh An
13 Dưỡng, rồi ngôi yên mà hóa, hiệu là Luật Sư Thanh
14 Chiếu.

15 **Khen rằng:** Sáu mươi năm chuyên tu Tịnh
16 nghiệp, khi qua đời có ứng điềm lành nào nghi. Ở
17 đời có người vì lực trì tụng trong thời gian ngắn mà
18 chê Tịnh độ là không có điềm lành thật sai lầm!

19
20 **81- Tư Mã: Ngài Tư Mã đời Tống:** Nương
21 Luật Sư Linh Chi thọ thêm giới Pháp, chuyên tâm
22 niệm Phật suốt hai mươi năm. Sau bị bệnh thỉnh
23 chúng tụng Quán Kinh được nửa tháng ba ngày (18
24 ngày) thì thấy Hoá Phật đầy không gian. Khi qua
25 đời niệm Phật lớn tiếng át tiếng của chúng. Mùa
26 Hạ rất nóng khám bảy ngày không thay đổi, mùi
27 thơm lạ đầy trong thất.

82- Hy Trạm: Ngài Hy Trạm đời Tống: người Sơn Âm là Nho Sinh. Bổng chán đời xuất gia, cùng Hành nhân Oánh lập điện Phật Vô Lượng Thọ ở Nguyễn Đỗ, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngồi không xoay lưng về Tây. Lâu sau thường thấy Phật và hai vị Bồ-tát. Một đêm xoay mặt về phía Tây niệm Phật ngồi thẳng an nhiên bất ẩn mà hoá.

83- Pháp sư Đăng: Pháp sư Đăng đời Tuy: giảng Kinh Niết-bàn ở chùa Hưng Quốc thuộc Tĩnh Châu. Người đến nghe kinh khắp khuyên niệm Phật vãng sinh. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12 thì qua đời mùi thơm lạ đầy không gian. Khi chôn thì ánh sáng và mây tỏa thơm khắp cả xóm làng.

84- Tăng Nhai: Ngài Thích Tăng Nhai trú tại chùa Đa Bảo ở Ích Châu dốc lòng vì Tịnh nghiệp, đốt năm ngón tay cúng dường ba vị Thánh Tây Phương. Có người hỏi đau chăng? Đáp: Tâm đã không đau thì ngón tay làm sao đau? Khi qua đời hoa trời tuôn như mưa. Mọi người thấy Nhai mặc áo nạp cầm tích trượng cùng năm-sáu trăm vị Tăng bay lên hư không rồi ẩn mất.

85- Pháp sư Tạng - đời Tống: Tăng Tạng

1 người Phần Châu, một đời không nhận Đạo Tục
2 lay mình, chuyên tu Tịnh độ. Khi sắp mất có Thiên
3 nhạc thứ lớp đến đón rước đều không đi. Khi Phật
4 Tây Phương đến liền cáo biệt chúng mà hóa.

5
6 **86- Pháp sư Cô Sơn Viên:** Ngài Trí Viên đời
7 Tống, ở Cô Sơn thuộc Tây Hồ, rộng giảng nói các
8 Kinh, khắc tâm Tịnh độ, soạn bộ Di- đà Sớ và Tây
9 Tur Sao khuyên phát tâm vãng sinh. Khi qua đời
10 dùng hòm sành mà chôn. Mười lăm năm sau mưa
11 gió núi lở, mở quan ra thì thấy nhục thân y nguyên
12 móng tóc đều ra dài.

13 **Khen rằng:** Truyện nói chết rồi vẫn như cũ
14 không nói qua đời vãng sinh là sao? Y cứ vào mắt
15 mà hiện chứng có còn là nói chỗ tu nghiệp Thiện
16 bền chắc mà cảm được, nên chắc chắn vãng sinh
17 không nghi ngờ gì.

18
19 **87- Nguyên Tịnh:** Ngài Nguyên Tịnh đời
20 Tống: người ở đất Hàng. Năm mười hai tuổi xuất
21 gia. Sau trú tại chùa Long Tĩnh. Lúc đó Hiền Triệu
22 Thanh Hiến Công, Tô Văn Trung Công ... đều
23 kính trọng. Khi sắp qua đời đi vào Am Phương
24 viên gọi người bảo rằng: Ta bảy ngày không trở
25 ngại thì sở nguyện hoàn thành. Đến ngày thứ bảy
26 viết kệ dạy chúng rồi Cát tường mà hóa.

88- Dụ Di-đà: Ngài Tư Tịnh đời Tống: họ Dụ, người ở Tiên Đường, tự hiệu là Tịnh độ Tử, sớm hầu Pháp sư Anh giảng Kinh Pháp Hoa, sau chuyên niệm Phật. Khi rảnh rang thì vẽ tượng Phật, khi vẽ thì ở trong tịnh thất dứt tương đến khi thấy Phật Di-đà chiếu sáng mới xuống bút. Năm Đinh Ty, niên hiệu Thiệu Hưng, Sư ngồi thẳng bảy ngày nhất tâm niệm Phật, rồi an nhiên mà hóa.

Khen rằng: Vẽ Phật quán Phật, người khéo dùng thì như thế. Bởi có thể vẽ người ngựa mà chẳng vẽ được người ở nước Phật ư? Nhưng thợ vẽ đã vẽ Phật vì sao không vắng sinh. Ôi hỏi bến về nhà thì phải Tịnh tướng mới có vắng lặng chẳng? Huống chi vẽ nhiều màu nhiều hình? Lão Dụ chỉ chuyên một Phật. Chuyên thì quán không phải vẽ. Về màu vẽ Phật cũng tức là niệm Phật? Kẻ đỏ xanh không mượn miệng ở đây.

89- Mông Nhuận: Ngài Thích Mông Nhuận tự là Ngọc Cương, đắc pháp với Thiền sư Cổ Nguyên. Tuổi già tại Bạch Liên Âm ở Phong Hoàng Lãnh, đóng cửa niệm Phật. Khi qua đời Hóa Phật đến đón rước, mùi thơm lạ đầy nhà.

90- Vân Ốc: Ngài Thiện Trụ đời Nguyên: tự là Vân Ốc, người ở đất Tô. Đóng cửa sáu thời niệm Phật, bệnh lâu vẫn không đổi. Khi qua đời mùi

thơm lạ đầy nhà. Sư có soạn An Dưỡng Truyện
Cốc Hương Tập lưu hành ở đời.

91- Chỉ Quán Chủ: Chỉ Quán Chủ đời
Nguyên, tự là Biệt Tông, người ở đất Hàng, giới
đức rất nghiêm. Sáng lập Quán Thát ở sườn phía
Nam Long Sơn tu hành Tam-muội niệm Phật. Dầu
trốn tránh binh đao giặc cướp mà vẫn không hề bỏ.
Khi qua đời không bệnh, tắm gội ngồi thẳng mà
hóa. Pháp sư Chi Vân Nhân trong Hạnh Nghiệp
Tập có ghi rất rõ.

92- Đàm Ý: Ngài Đàm Ý đời Tống: Ở Tiên
Đường làm nghề thuốc. Tuổi già tu Tam-muội
niệm Phật. Dem những của cải để dành được cúng
Phật, Tăng, tạp Tượng, làm nhà tắm, như thế suốt
hai mươi năm. Sau bị bệnh nhẹ, bỏ cả thuốc men,
mời bảy vị Tăng niệm Phật. Hôm sau thấy hoa sen
lớn như cái nhà. Lại một hôm thấy có vị Tăng Ấn-
độ đến giường thăm hỏi. Nửa đêm đại chúng nghe
tiếng niệm Phật, thì thấy Sư an nhiên mà hóa.

93- Thái Vi: Ngài Thái Vi đời Tống: lúc nhỏ
nương Pháp sư Pháp An ở Tiên Đường xuất gia.
Trước giao cho Kinh Di-đà liền đọc thuộc lòng.
Khi thọ giới cụ túc thì niệm Phật tinh tấn không
biếng lười, thường dạo bước sau núi. Bỗng nghe

có tiếng sáo thì khoát nhiên khai ngộ, bèn dẫu riêng một ống sáo tự vui. Có Lãng Giám Bộ là người đồng chí tu Tịnh nghiệp, gọi Sư là Tịnh Độ Hương Trưởng. Một hôm gõ cửa nói Tịnh độ Hương Đề gặp nhau. Sư bèn bảo: Sáng mai sẽ gặp nhau ở Tịnh độ. Nay niệm Phật để giữ Chánh niệm. Sáng hôm sau mọi người lấy làm lạ vì Sư không đến dùng cháo. Đến xem thì thấy ống sáo, bát, ghế ngồi thiền đã đốt hết, Sư ngồi kiết già trên đất mà hóa.

Khen rằng: Cát chứa ống sáo để tự vui, người xưa là Liêu Ký Ngộ Do nhân dùng để làm Phật sự. Câu-chi được thiên một ngón của Thiên Long mà trọn đời dựng ngón tay. Đoan công thấy Sư tử đùa giỡn, vì phát minh tâm địa, mà thường khác nhiều màu. Cho đến đọc sai Lãng- nghiêm, mà không đổi câu đọc, đều tương tự như vậy. Đám người làm càng tự vui hãy cẩn thận không lấy gì để mượn có lót miệng.

94- Dụng Khâm: Ngài Dụng khâm đời Tống: ở viện Thất Bảo thuộc Tiền Đường, nương ngài Đại Trí học Luật. Nghe ngài Đại Trí dạy chúng rằng: Sống hoằng Tỳ ni, chết về An Dưỡng. Xuất gia học Đạo làm việc này xong liền nêu tâm Tịnh độ, một chí không lui sụt. Hằng ngày niệm Phật ba vạn câu. Có lần Thần thức đến Tịnh độ thấy Phật và Đại Sĩ các hình ảnh đẹp lạ, bèn bảo thị giả rằng: "Ngày mai ta đi".

1 Rồi nhóm chúng niệm Phật. Sáng hôm sau chấp
2 tay hướng về phía Tây ngồi kiết già mà hoá.

3
4 **95- Cữu Pháp Hoa-Ngài Khả Cữu đời Tống:**
5 Ở Minh Châu, thường tụng Pháp Hoa nguyện sinh
6 Tịnh độ. Lúc đó gọi là Cữu Pháp Hoa. Niên hiệu
7 Nguyên Hựu năm thứ 8, năm tám mươi một tuổi
8 ngồi mà hóa. Được ba ngày thì sống lại bảo mọi
9 người rằng: Ta thấy cảnh Tịnh độ rất phù hợp với
10 kinh, trên đài sen đều nêu tên người vãng sinh, có
11 một đài vàng nêu tên ông Huân ở Viện Quán Giáo
12 tại phủ Thành Đô, một cái nêu Minh Châu Tôn
13 Thập Nhị Lang, một cái nêu Khả Cữu, một Đài Bạc
14 nêu Từ Đạo Cô Minh Châu . Nói xong thì hóa đi
15 năm sau Từ Đạo Cô mất, mùi thơm lạ đầy nhà,
16 mười hai năm sau thì Tôn Thập Nhị Lang mất,
17 nhạc trời đón trên hư không, đều đúng như lời Cữu
18 nói.

19 **Khen rằng:** hoa sen ghi tên đến đây thường
20 thấy. Huyền hay Thật? Huyền tâm mà niệm Huyền
21 Phật, huyền hoa mà nêu huyền danh cho đến được
22 ghi thành Phật thì điều gì chẳng huyền. Ta lại
23 huyền sinh, sao còn nói là thật hay không?

24
25 **96- Tổ Huy-Ngài Tổ Huy đời Nguyên:** Ở gác
26 thờ Phật tại Quận thành thuộc Tứ Minh, gặp người
27 chỉ nói A-di-đà Phật, còn nói gì cũng không nói

được. Do đó người gọi là "Hoà-Thượng Nói chẳng được". Vợ chồng Vương Dụng hưởng là huyện úy Huyện Ngân rất kính thờ Sư. Một hôm, Sư đến nhà từ biệt rằng: "Ngày mai ta đi". Sáng hôm sau chúng tập hợp đến, bèn vào khám ngòi, xin đưa hấu ăn xong một quả, rồi niệm Phật mà hóa.

97- Sở Kỳ-Ngài Sở Kỳ đời Đại Minh: Người nước Thục dốc lòng tin Tây Phương. Nhân đến Yên Kinh nghe trên lầu có tiếng trống bèn đại triệt (đại ngộ). Niên hiệu Hồng Vũ năm đầu, vua ba lần mời vào Kinh Đoàn nói Pháp, vua rất vui, sau xây thất gọi là Tây Trai, chuyên ý Tịnh nghiệp. Có lần thấy hoa sen lớn đầy khắp thế giới, Đức Phật A-di-đà ở giữa, Thánh chúng đi nhiều quanh. Khi sắp tịch viết kệ dạy chúng rồi bảo Ta đi đây. Có người hỏi sinh ở đâu, thì đáp Tây Phương. Hỏi Phương Tây có Phật còn Phương Đông không có Phật sao? Bèn hét lớn một câu và an nhiên mà hóa.

98- Bảo Châu: Ngài Bảo Châu đời Đại Minh: thường dạo chơi ở quận Hàng. Trong niên hiệu Gia Hòa, mùa Đông mùa Hạ vẫn mặc một nạp y đi khát thực nuôi sống, nghỉ đêm không chỗ nhất định, bình thường chỉ niệm Phật không ngớt. Người gọi thì vừa đáp xong lại niệm liên tục mà không có nói lời tạp. Sau trú tại chùa Hải Môn bỗng như điên

1 cuồng gần nửa tháng, chư Tăng trách rằng: Ông
2 bình thường thực hành, phải làm gương cho người
3 đời, sao được như thế? Châu nói đã thế thì tôi đi
4 đây. Tắm gội xong an nhiên đứng mà hóa.

5 *** *Luận chung:***

6 Kinh Vô Lượng Thọ nói về ba bậc vãng sinh.
7 hạng cao nhất là bỏ nhà lìa tục làm Sa-môn, một bề
8 chuyên niệm Phật A-di-đà. Bỏ nhà lìa tục là Thân
9 xuất gia, một bề chuyên niệm là Tâm xuất gia.
10 Thân Tâm đều thanh tịnh, chẳng sinh Tịnh độ ư?
11 Ở đời có hạng Tăng điên cuồng nói: Tịnh độ vãng
12 sinh chỉ tiếp dẫn hai chúng tại gia, tôi là Sa-môn
13 đâu có thêm vào! Có người bảo Tịnh độ vãng sinh
14 chỉ tiếp dẫn Tăng độn căn còn, tôi sáng Tông sáng
15 Giáo, đâu có thêm vào! Ôi, đó là biết sai. Từ Viễn
16 Tổ trở đi các Đại lão hoằng hóa kinh pháp mà tiếng
17 tăm rung chuyển trời người, hoặc năm Tổ Ấn mà
18 mở Đạo lớn, xưa nay các ngài ấy đều mê muội đối
19 với Tông giáo, đều chẳng phải Sa-môn ư? Lại biết
20 sai Ngoài Tịnh độ không có Tông giáo, không có
21 Sa-môn ư? Ta nhân đó mà cảnh cáo các kẻ cuồng
22 si!



VÃNG SINH TẬP

QUYỂN 2

II - HẠNG VUA QUAN VÃNG SINH

1- Quốc Vương Ô Trường: Quốc Vương Ô Trường là người đứng đầu vạn Cơ, rất thích Phật Pháp. Có lần nói với quan hầu cận rằng: Ta là vua một nước, tuy hưởng phước lạc nhưng không tránh khỏi Vô thường. Ta nghe Tây Phương Tịnh độ có thể nương thân, Trẫm nên phát nguyện cầu sinh về nước ấy. Do đó mà sáu thời hành đạo niệm Phật. Mỗi khi cúng Phật đãi cơm cho Tăng, vua và phu nhân đích thân ra làm, suốt ba mươi năm không bỏ. Khi qua đời thì sắc mặt vui tươi, hóa Phật đến đón rước, có nhiều điềm lành.

Khen rằng: đời Mạt pháp nghe pháp mà tin nhận, kẻ không có chức vị thì nhiều, kẻ có chức vị thì ít. Có chức vị mà tội phẩm cao quý thì càng rất ít, vì sao? Vì địa vị càng cao, ham muốn càng rộng thì nhiệm càng nặng, điều này luôn thế khó mà tránh khỏi. Nay hưởng phước vua mà không quên Tây Phương, nếu không phải gieo nhân đời trước

1 làm sao được như thế. Tuy nhiên xưa nay các vua
2 chúa đề tâm vào nội điển vì sao không chép, bởi vì
3 cho rằng truyện Tịnh độ này có ý riêng nên không
4 ghi rộng.

5
6 **2- Tổng Thế Tử:** Cha con đời Tống Ngụy, ba
7 cha con đều tu Tây Phương, chỉ có vợ là không tu.
8 Con gái năm mười bốn tuổi chết bảy ngày sống lại
9 thừa mẹ rằng: Con thấy ở Tây Phương trên ao bảy
10 báu cha và anh ba người đều có hoa sen, chết rồi
11 sẽ sinh về đó, chỉ mẹ là không có, nên tạm về để
12 báo cho biết, mong mẹ lưu ý. Bà mẹ cảm lời con
13 gái nói liền phát tín tâm niệm Phật không một mảy.
14 Sau chết cũng sinh An Dưỡng.

15 **Khen rằng:** Lúc đầu thiếu Tịnh duyên, sau lại
16 sinh về Lạc quốc là do tin hay không tin. Kinh nói
17 chỉ trừ không tin mà xét.

18
19 **3- Tham Quân Lưu Di Dân:** Lưu Di Dân
20 người Bành Thành, là con cháu của Hán Sở
21 Nguyên Vương. Thuở nhỏ mồ côi thờ mẹ rất chí
22 hiếu, tự dựa vào tài năng của mình, không làm bạn
23 với người dung tục. Trước làm Phủ Tham Quân,
24 sau liền ở ẩn. Tạ An, Lưu Dự cùng tiến cử nhưng
25 không đến, khen ngợi mà gọi là Di Dân. Ông đến
26 Lô Sơn dự Liên Xã của Viễn Công. Có làm thơ
27 niệm Phật Tam-muội để tỏ bày chuyên chí. Có lần

ở trong định thấy ánh sáng Phật chiếu, đất đều có màu vàng ròng. Ở suốt mười lăm năm lại thấy Phật A-di-đà ngọc hào chiếu sáng đưa tay dẫn dắt. Di Dân ước rằng sao được Như lai xoa đầu con và đắp y cho con. Bỗng được Phật xoa đầu phủ y ca-sa. Một hôm lại thấy xuống ao bảy báu, hoa sen màu xanh nhạt, nước trong vắt. Một người đánh có vàng ánh sáng tròn, ngực có chữ vạn, chỉ nước ao bảo: Nước tám công đức người hãy uống. Di Dân uống vào thấy ngon ngọt. Khi tỉnh dậy biết có mùi thơm lạ phát ra từ lỗ chân lông. Bèn bảo chúng rằng: Tu duyên Tịnh độ đã đến. Bèn ở trước tượng đốt hương lạy và khẩn rằng: Con nhờ di giáo của Thích-ca mà biết có Phật A-di-đà, hương này con cúng dường Thích-ca Như lai, kế cúng dường Phật A-di-đà và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nguyện tất cả hữu tình đều sinh về Tịnh độ. Nói xong quay mặt về Tây chấp tay mà hóa. Lúc đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 6.

Khen rằng: Quán Kinh nói Chánh nhân Tịnh nghiệp thì hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ là bậc nhất. Nên biết người bất hiếu suốt ngày niệm Phật, Phật cũng không vui. Nay Di Dân thuở nhỏ rất hiếu thảo mà lại thâm nhập Tam-muội, nhiều lần cảm được điềm lành mà vẫn sinh ở phẩm vị cao, nên biết, đây là Pháp sư muôn đời cho người tại gia tu Tịnh nghiệp.

1 **4- Trương Dã Mậu Tài:** Đòi Tấn, Trương Dã
2 ở Tầm Dương thông cả tiếng Hoa Phạm, rất giỏi
3 tiếng Thuộc, được cử làm Mậu Tài. Nhiều lần vua
4 sai làm Tán Kỵ Thường Thị nhưng ông đều không
5 đến. Ông vào Liên Xã ở Lô Sơn tu Tịnh nghiệp.
6 Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14, cáo biệt người
7 nhà rồi vào thất ngồi thẳng mà hóa.

8
9 **5- Học Sĩ Trương Kháng - đời Tống:** Trương
10 Kháng làm lãnh hướng về Phật thề tụng Đại Bi Đà-
11 La-Ni mười vạn biến cầu sinh Tịnh độ. Năm hơn
12 sáu mươi tuổi bị bệnh, nhất tâm niệm Phật gọi
13 người nhà bảo rằng Tây Phương Tịnh độ chỉ ở
14 trước nhà Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen, còn ông
15 Nhi ở trên đất vàng lay Phật. Nói xong niệm Phật
16 mà hóa. Ông Nhi là cháu mới ba tuổi đã chết.

17 **Khen rằng:** Tâm tịnh thì Tây Phương thấy tận
18 mắt, Tâm uế thì địa ngục theo thân. Kháng vì tịnh
19 tâm thành tựu nên ở trước nhà thấy Phật đâu có
20 nghi gì?

21
22 **6- Ty Sĩ Vương Trọng Hồi:** Vương Trọng Hồi
23 đời Tống, làm quan Ty Sĩ Tham Quân ở Quảng
24 Châu hỏi Vô Vi Tử Dương Công rằng: Trong Kinh
25 dạy người cầu sinh Tịnh độ mà Tổ Sư lại nói: Tâm
26 là Tịnh độ không cần phải cầu, là thế nào? Dương
27 Công đáp: Thử tự suy nghĩ nếu ở cảnh Phật thì

không Tịnh không Uế đâu cần phải cầu sinh. Còn nếu chưa ra khỏi cảnh chúng sinh thì làm sao có thể chẳng dốc lòng niệm Phật, bỏ Uế độ mà cầu sinh Tịnh độ. Ty Sĩ cảm ngộ bèn vui vẻ mà đi. Sau đó hai năm Dương Công trần thủ Đơn Dương, bỗng mộng thấy Ty Sĩ nói: Được ông chỉ dẫn nay đã vãng sinh, nên đến đây tạ từ. Được mấy ngày thì được tin cáo phó nói Ty Sĩ đã biết trước ngày chết bảy ngày từ biệt người nhà mà hóa, chính là lúc mộng thấy ông từ tạ.

7- Huyện Ủy Mã Tử Vân: Mã Tử Vân đời Đường, đầy đủ hiếu thảo liêm khiết làm Uy vùng kinh Ấp đưa thuế về Kinh, gặp gió bão ghe chìm bị bắt giam bèn hệ tâm niệm Phật, năm năm sau được tha tội. Vào chùa trong núi Nam Lăng ở ẩn. Một hôm bảo với người rằng: Ta một đời chuyên siêng năng niệm Phật, nay nghiệp Tây Phương đã thành, ta sẽ vãng sinh An Dưỡng. Hôm sau tắm gội thay áo mới, ngồi thẳng chấp tay, mùi thơm lạ đầy ngõ. Vui mừng bảo Phật đến đón rước ta, nói xong thì hóa.

Khen rằng: Thân bị giam nhốt tâm niệm Phật sau được tha tội, tức là gông cùm xiềng xích niệm Quán Âm mà được giải thoát. Nay năm dục cột chặt há chẳng bị giam nhốt? Hệ tâm niệm Phật, một câu diệt trọng tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, hạnh chẳng phải được tha. Nay bó tay trước năm

1 dục chẳng biết niệm Phật, ôm tội muôn kiếp trọn
2 không có lúc được tha, buồn thay!

3
4 **8- Cổ Thuần Nhân ở Quận Thối:** Cổ Thuần
5 Nhân đời Tống, người ở Tráp Xuyên, làm phó
6 quan ở Sính Châu, ngằm tu Tịnh nghiệp, ăn chay
7 trường niệm Phật. Nhân bị bệnh nhẹ xoay mặt về
8 hướng Tây ngồi yên mà hóa, trên đầu có vàng ánh
9 sáng tròn màu trắng, mùi thơm lạ đầy nhà.

10
11 **9- Trương Định Trợ Giáo:** Trương Định đời
12 Tống, người Tiền Đường, làm quan Trợ Giáo, theo
13 Luật Sư Viện Tịnh thọ giới Bồ-tát, chỉ học pháp
14 môn niệm Phật đốc chí tu trì, thề sinh An Dưỡng.
15 Mỗi khi niệm Phật thì cất tiếng mạnh mẽ đến mất
16 tiếng cũng chẳng thôi. Một hôm thừa với Viên
17 Tịnh rằng: Trong Định con thấy chim Tần-già màu
18 trắng bay múa trước mặt. Lại ba năm sau ngồi xoay
19 về hướng Tây niệm Phật mà hóa.

20 **Khen rằng:** Thấy chim Tần-già mà không thấy
21 Phật là sao? Bởi trước tạm thấy chim sau sẽ thấy
22 Phật, nói là dần vào cảnh đẹp, chẳng phải ư?

23
24 **10- Quốc Học Vương Long Thư:** Vương Nhật
25 Hưu đời Tống,, người ở Long Thư, tỉnh lạng giản
26 khiết, lâu thông kinh sử. Một hôm bỏ hết bảo rằng:
27 Đó đều là nghề quen không phải là Pháp rốt ráo,

1 việc của ta là về Tây Phương. Từ đó tinh tấn niệm
2 Phật, tuổi sáu mươi mặc áo vải ăn rau dưa. Ngày
3 lay ngàn lay, nửa đêm mới ngủ. Ông có làm văn
4 Tịnh độ khuyên đời. Khi sắp mất trước ba ngày từ
5 biệt khắp bạn thân hữu, có người không gặp. Đến
6 hên thì thấy ông vẫn đọc sách và lễ niệm như
7 thường. Bỗng lớn tiếng niệm A-di-đà Phật, rồi bảo
8 Phật đến đón rước ta, nói xong thì đứng mà hóa
9 như cây trồng vậy. Có người mộng thấy hai người
10 áo xanh dẫn ông đi về phía Tây. Từ đó mọi nhà đều
11 thờ cúng.

12 **Khen rằng:** Long Thơ khuyên phát Tây
13 Phương rất là tha thiết đến bọn người quấy cũng
14 phải nghe theo. Khi qua đời thì rất cao quý đặc biệt,
15 soi sáng cả ngàn xưa. Than ôi, há chẳng phải là
16 Thánh Hiền Tịnh độ vào trần để ra tay hoằng hóa
17 ư?

18
19 **11- Giang Công Vọng Tự Giác:** Giang Công
20 Vọng đời Tống, người ở Câu Đài, làm quan đến
21 chức Giám Nghị, ăn rau dưa thanh tu, làm các Văn
22 Bồ-đề, Văn Niệm Phật Phương Tiện để khuyên
23 đạo tục. Có con chết sớm báo mộng rằng: Đại
24 Nhân tu đạo, công và nghiệp đã thành. Minh Phủ
25 có Ngạch chữ vàng đề là Nghiêm Châu Phủ, Giang
26 Công Vọng ăn ở nói năng hiền lành, chí mền khô
27 không, làm việc huân tu, tâm không ái nhiễm, động
28 tịnh không trái với, Phật pháp, nói im đều khế hợp

Tông Phong, Danh đã thoát khỏi Diêm-Phù, thân sẽ về Tịnh độ. Cuối niên hiệu Tuyên Hòa biết Quảng Đức Quân, một hôm không bệnh, xoay mặt về Tây ngồi thẳng mà hóa.

Khen rằng: Có người nói việc đề Ngạch sợ chưa đúng. Ôi, Ngài Vĩnh Minh thường vẽ tượng ở Minh Ty (cõi Âm), đâu có Tăng nhiều tháp cũng chẳng dối, sao riêng Công Vọng mà nghi.

12- Đại Phu Cát Phồn: Cát Phồn đời Tống, người ở Trùng Giang. Thuở nhỏ thi đậu làm quan đến chức Triều Tán. Ở công sở hay ở nhà riêng đều xây dựng tịnh thất, bài trí tượng Phật. Từng vào Thất lễ tụng, xá-lợi từ trên hư không rơi xuống. Bình thời lấy Tịnh nghiệp khuyên khắp Đạo Tục, phần nhiều đều kính phục sự hóa độ của ông. Có vị Tăng ở trong Định, Thần thức đạo đến Tịnh độ thấy Phồn ở đó. Sau Phồn không bệnh xoay mặt về hướng Tây mà hóa.

Khen rằng: Đại Sĩ Phu tin Phật đều như thế, cũng tránh sự chê bai ở đời, giữ dấu bên ngoài, nên ở công sở vẫn không quên bày Tượng. Cát Quân dốc tin chẳng thôi, ngồi mà vãng sinh không phải là ngẫu nhiên.

13- Trung Quan Lý Bình: Lý Bình đời Tống, vào niên hiệu Thiệu Hưng làm Trung quan lãnh

1 đạo viện Ngự Dược Viện. Trước học Thiền với
2 ngài Tịnh Từ Huy Công, có chỗ tĩnh ngộ. Về già
3 xem Văn Long Thư Tịnh độ. Thế là ngày ngày
4 niệm Phật, cùng với mấy chục người như các
5 trưởng Nguyên Mỹ, Điện trưởng Lâm Sư Văn...,
6 kết hội Tịnh độ ở chùa Truyền Pháp Bồng ông bị
7 bệnh, mộng thấy Phật A-di-đà đeo vàng ánh sáng
8 tròn vào đầu. Khoảng bảy ngày sau lại thấy hoa sen
9 Vàng đầy phòng. Bèn cáo biệt thân thích ngồi
10 thẳng kiết án mà hóa.

11
12 **14- Tuyên Nghĩa Hồ Nhân:** Hồ, Nhân đời
13 Tống, làm quan đến chức Tuyên Nghĩa. Ngày
14 thường tuy tin Phật Thừa nhưng chưa hiểu rõ Tịnh
15 độ. Năm tám mươi bốn tuổi bị bệnh, con thỉnh Luật
16 Sư Chiêu xin chỉ giáo. Sư Chiêu bảo Nhân rằng:
17 Ông biết chỗ an thân lập mạng chăng? Nhân nói:
18 Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Chiêu nói: Ông tự độ
19 mình, trong lúc bình thường xưa kia có tạp niệm
20 nhiễm ô không? Nhân nói đã ở trong thế gian đâu
21 không tạp niệm. Chiêu nói: Như thế thì làm sao
22 được tâm Tịnh độ tịnh? Nhuận nói: một lần xưng
23 niệm Phật hiệu làm sao có thể diệt hết sinh tử trọng
24 tội 80 ức kiếp? Chiêu nói: Phật A-di-đà do thế
25 Nguyên lớn nhiều kiếp tu hành, oai đức rộng lớn,
26 thần lực sáng suốt không thể luận bàn, cho nên một
27 lần xưng danh hiệu liền diệt vô lượng tội. Cũng
28 như mặt trời sáng diệt sương mù, còn nghi ngờ gì?

1 Nhân bèn tỉnh ngộ trong ngày ấy mời Tăng niệm
2 Phật. Hôm sau Chiều lại đến, Nhân nói Thầy đến
3 sao muộn, hai Đại Sĩ giảng lâm đã lâu. Chiều do
4 đó dẫn chúng lớn tiếng niệm Phật. Nhân bèn chấp
5 tay mà hóa.

6 ***Khen rằng:*** Nhân được vãng sinh là nhờ Thanh
7 Chiều mà Thanh Chiều đến là do con, hãy xem đây
8 là Đại hiếu, đời có người chấp Ái nhỏ mà phá trai
9 giới của cha mẹ, rất sai lầm.

10
11 ***15- Đề Hình Dương Vô Vi-Dương Kiệt đời***
12 ***Tống:*** Người ở Châu Vô Vi, lấy hiệu là Vô Vi Tử.
13 Thuở nhỏ thi đậu làm quan đến chức Thượng thư
14 chủ khánh lang đề coi về hình ngục vùng Lương
15 Triết, rất tôn kính Phật pháp, ngộ sáng Thiền tông,
16 bảo rằng chúng sinh có căn lợi độn, mà dễ biết dễ
17 làm chỉ có Tịnh độ Tây Phương. chỉ một tâm quán
18 niệm, có thể chung nhiếp tán tâm, nhờ nguyện lực
19 của Phật quyết sinh An Dưỡng. Có soạn lời tựa cho
20 Luận Thiên Thai Thập Nghi và Di-đà Bảo Các Ký,
21 soạn lời tựa cho An Dưỡng Tam Thập Tán, Tịnh
22 độ Quyết Nghi Tập, mở rộng Giáo Quán Tây
23 Phương tiếp dẫn người vị lai. Về già vẽ tượng Di-
24 đà tượng sáu đem theo Quán niệm. Ngày qua đời
25 cảm được Phật đến đón rước, ngồi thẳng mà hóa.
26 Viết lời cáo biệt cuộc đời rằng: Sống cũng chẳng
27 đáng mến, chết cũng không đáng bỏ, trong khoảng
28 không rộng lớn mà trôi mãi mãi Tây Phương Cực

Lạc.

Khen rằng: Đọc tụng của Vô Vi Tử gọi là Tham Thiền thấy tánh mà lấy Tịnh độ làm nơi về, còn như dòi mài mãi là lối rất hàm súc. Than ôi, làm sao được các Tài Sĩ nhân gian cùng đến đây một chỗ dòi mài?

16- Quán Sát Vi Văn Tấn: Vi Văn Tấn đời Tống, lập hạnh cô khiết, tạo Tịnh độ Đạo Tràng khắp độ hàm thức. Một hôm vào tháng sáu, bỗng ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, chấp tay niệm Phật mà hóa. Mùi thơm lạ trong ngoài đều nghe.

17- Lộ công Văn Ngạn Bác: Văn Ngạn Bác đời Tống, ở Kinh đô cùng Pháp sư Tịnh Nghiêm nhóm hợp mười vạn người làm Hội Tịnh độ, khi qua đời an nhiên niệm Phật mà hóa.

18- Thị Lang Mã Vu: Mã Vu đời Tống, tổ tiên là Trung Túc Công trấn thủ đất Hàng. Ngài Từ Vân Sám Chủ dạy niệm Phật cả nhà đều vâng thờ. Vu dốc lòng niệm Phật suốt hai mươi lăm năm. Niên hiệu Sùng Ninh bị bệnh nhẹ thay áo ngồi mà hoá. Có khí động thành cái Lọng Xanh ở ngoài ngõ bay lên hư không mà đi. Người nhà đều mộng thấy Vu vãng sinh Thượng phẩm.

1
2 **19- Thiếu Sư Chung Ly:** Chung Ly Cử đời
3 Tống, làm Đề Hình ở Triết Tây. Một hôm gặp ngài
4 Từ Vân Sám Chủ bèn dốc tin Tịnh độ.

5 Sau coi Phủ Khai Phong, làm quan thì tận tụy
6 việc nước, ở ẩn thì không quên niệm Phật. Bỗng
7 một đêm thức hồi gia nhân, dậy đòi tắm gội thay
8 áo rồi ngồi mà hóa. Cả nhà thấy Cạn ngồi hoa sen
9 xanh, các vị Thánh Tây Phương tiếp dẫn về Tây.

10
11 **20- Thừa Vụ Diêm Bang Vinh:** Diêm Bang
12 Vinh đời Tống, người ở Trì Châu, hai mươi năm
13 trì chú Vãng sinh niệm Phật . Khi qua đời người
14 nhà mộng thấy Phật phát ra ánh sáng đón rước
15 Vinh. Đến sáng thì Vinh ngồi kiết già xoay về
16 hướng Tây, bỗng đứng dậy bước mấy bước rồi
17 đứng mà hóa.

18 **21- Triều Tán Vương Trung:** Vương Trung
19 đời Tống, người ở Gia Hoà. Kết Xã ở Tây Hồ, bất
20 luận hiền ngu sang hèn Tăng Tục chỉ nguyện vãng
21 sinh thì đều mời vào Xã. Ông có làm Văn Khuyển
22 Tu lưu hành ở đời. Sau không bệnh ngồi xoay mặt
23 về hướng Tây mà hóa.

24
25 **22- Đại Phu Chung Ly Cảnh Dung:** Chung Ly
26 Cảnh Dung đời Tống, làm quan đến chức Triều
27 Thỉnh Đại Phu, thường tụng Quán Kinh niệm Phật

không ngớt. Từ quan, cất nhà tranh làm Tăng ở bên Vườn Đông. Từng nói: không biết thì Di-đà ở Tây Phương, biết rồi thì Di-đà chỉ ở trong ta. Một hôm sai Tăng Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đốt hương nghe kinh, hai tay bắt ấn mà hóa.

23- Quận Thú Tiên Tượng Tổ: Tiên Tượng Tổ đời Tống, hiệu là Chỉ Am, trấn giữ đất Kim Lăng. Thường ngày chuyên tu Tịnh độ, thường ở Hương Châu lập mười chỗ Tiếp Đãi, đều lấy tên Tịnh độ Cực Lạc mà lập ra các phòng liêu đón các Cao Tăng đến ở để đàm Đạo. Từ chức Tả Thừa Tướng về ở ẩn siêng tu Tịnh nghiệp. Niên hiệu Gia Định năm thứ tư tháng 2- ông bị bệnh nhẹ bèn viết kệ rằng: Đem cả hương sen nước Phật đến - Trên đất lưu ly dứt trần ai - Tâm ta thanh tịnh siêu cỏi ấy - Ngày nay xa thấy một hoa bày. Ba hôm sau có vị Tăng đến thăm bệnh ông nói: Tôi không ham sống sợ chết, không thích làm trời làm người, chỉ cầu sinh Tịnh độ. Nói xong ngồi kiết già mà hoá. Sau có người mộng thấy giữa hư không có tiếng nói rằng Tiên Thừa Tướng đã sinh Tây Phương, ở Liên Cung làm Bồ-tát Từ Tế.

24- Huyện Lệnh Mai Nhữ Năng: Mai Nhữ Năng đời Tống, người ở Thường Thục, làm quan

đến chức Huyện Lệnh, có chí Tịnh nghiệp.

Bỗng mộng thấy có vị Tăng đến trao cho một trăm tờ giấy đục lỗ thành hai chữ bát. Bèn đem hỏi Sư Đông Linh Chiêu, Sư nói hai lần tám là mười sáu, đâu chẳng phải gọi Kinh Thập Lục Quán, thì vừa có một vị Tăng đem Kinh ấy đến cho, bỗng biến mất. Do đó mà tụng Kinh niệm Phật tự lấy Vãng sinh làm chí. Vì Sinh Công trong áp tạo tượng Phật Di-đà trượng sáu, ông bèn đóng góp tiền của trăm muôn để làm và trang sức. Trong ao ở trước điện mọc lên một cảnh sen trắng hai đầu có trăm cánh. Mùa Đông năm ấy ông không bệnh mà mất.

25- Học Dụ Tả Định Quốc: Tả Định Quốc đời Tống, có hiệu là Tỉnh Trai làm Châu Học Dụ, thường niệm Phật tụng các kinh Tịnh độ. Mỗi tháng ba lần nhóm họp Tăng tục tụng kinh niệm Phật. Niên hiệu Gia Định năm thứ 4 mộng thấy đứa trẻ thanh y đến báo rằng: Phật sai mời ông ba ngày nữa sinh về nước ấy. Đến hẹn ông tắm gội thay áo niệm Phật ngồi mà hóa.

26- Phùng Tế Xuyên Gián Nghị: Phùng Tráp đời Tống, hiệu là Tế Xuyên, người ở Toại Ninh. Từ khi thi đậu Thái Học, bắt đầu hỏi đạo ở Thiên Lâm. Về già chuyên tu Tịnh nghiệp. Ông có làm

Văn Tây Phương, Di-đà Sám Nghi. Sau ở trong Cấp Sự ra làm Soái ở Lô Nam, dẫn Đạo tục mở hội Hệ Niệm và trông coi đất Ngang Châu. Ở sau Sảnh đường lập tòa Cao hương về vua lay tạ, mặc áo Tăng lên tòa lay từ quan, rồi đặt cây gậy ngang gối mà hoá.

Khen rằng: Trong Truyền Đăng Lục chép ông lúc đầu tham học với Long Môn Viễn, sau tham học với Diệu Hỷ đều có chứng ngộ. Khi qua đời đứng hện lên tòa gác gậy ngang gối mà hóa, ấy là tự tại hiển hách có thao lược như các Đại Lão ở Tông môn, nhưng đều lược bỏ không nói. Niệm Phật vãng sinh là gì. Bởi do có nhà trước thuật lập nghĩa kia đây làm môn khác nhau đều là tùy chỗ xem nặng mà thôi. Nếu trọng chỉ thẳng tâm người thì tự mình phải chuyên lấy việc rõ biết tâm địa mà lược bỏ Tịnh độ, như Hoài Ngọc đài vàng lại đến, Viên Chiếu nhụy sen ghi tên đều chẳng chép. Vì đây trọng Chỉ quy Tịnh độ cho nên chép rõ lúc bình thường niệm Phật, báo hết thì vãng sinh mà rõ biết tâm tánh, trong tự tại như chỗ nói đã được thấy Phật Di-đà thì còn lo gì chẳng khai ngộ. Dụ như trọng đức thì Nhan Hồi được nêu về đức hạnh mà không nói về chánh sự. Còn trọng tài thì Nhan tử là người có tài giúp vua mà không nói đức hạnh, cũng là môn khác nhau. Người tu Tịnh nghiệp xin dốc tín chớ nghi.

1 **27- Thị Lang Vương Mẫn Trọng:** Vương Cồ
2 đời Tống, tự là Mẫn Trọng, người Đông Đô, làm
3 quan đến Lễ Bộ Thị Lang, nhân từ thương vật khế
4 sâu Thiền tông, lại ngộ cao về pháp môn Tịnh độ
5 ông có làm Trục Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập ba
6 quyển. Bình thường ông tinh cần niệm Phật lần
7 chuỗi không hề rời tay, đi đứng nằm ngồi đều lấy
8 Tây Phương Tịnh Quán làm Phật sự. Có vị Tăng
9 thần thức đến Tịnh độ thấy cồ và Cát Phồn đồng ở.
10 Vãng sinh có chứng nghiệm rõ ràng.

11
12 **28- Tiên Sĩ Ngô Tín Tầu:** Ngô Tử Tài đời
13 Tống, tự là Tín Tầu sau khi làm quan làm trước
14 một quan tài đêm nằm trong đó khiến trẻ con gõ
15 quan tài mà ca rằng: Tín Tầu ta hãy về đi, ba cõi
16 không yên chẳng nên ở, Tây Phương Tịnh độ có
17 thai sen, nay hãy về đi!. Rồi hoá theo. Sau không
18 bệnh mà hóa.

19
20 **29- Thiếu Truyện Bạch Cư Dị:** Bạch Cư Dị
21 đời Đường, làm quan chức Trung Đại Phu Thái Tử
22 Thiếu Truyện, bỏ vườn nhà làm chùa Hương sơn,
23 hiệu là Cư sĩ Hương Sơn. Về già bị bệnh phong
24 đơn, bỏ ra ba vạn đồng tiền vẽ một bộ Thế Giới
25 Cực Lạc Tây Phương Y Chánh trang nghiêm đều
26 xét theo Kinh Vô Lượng Thọ không sót. Rồi đánh
27 lễ phát nguyện viết kệ khen rằng: thế giới Cực Lạc

cõi thanh tịnh, không có đường ác và các khổ, nguyện như thân con lúc già bệnh, đồng sinh cõi Phật Vô Lượng Thọ.

Khen rằng: Người ta truyền rằng cõi Bồng Lai có Lạc Thiên gọi là Lạc Thiên Tử, có kệ rằng: Núi biển không phải chỗ ta về, ta về tức cõi trời đầu suất. Nay lại bỏ Đầu-Suất mà cầu Tịnh độ, há chẳng gọi là đãi cát tìm vàng, càng chọn càng tinh ư?

30- Đô Tổng Trương Luân: Trương Luân đòi Tổng, làm quan đến chức Lưỡng Triết Đô Tổng Quản, cầu sinh Tịnh độ siêng năng niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ đều theo sự hoá độ của ông. Đào hồ trồng đầy sen hàng ngày dẫn vợ con niệm Phật vạn câu. vua Hiếu Tông đích thân viết hai chữ Liên Xã mà ban tặng.

31 - Học Sĩ Tô Thức đòi Tổng: Tô Thức hiệu là Đông Pha làm quan đến chức Hàn Lâm Học Sĩ. Ngày chuyển về Nam có vẽ tượng Phật Di-đà cuộn làm một ống đem theo mình. Người hỏi thì đáp đây là công cứ của Thức sinh Tây Phương. Mẹ vợ là bà Trình chết để lại cây trâm ngọc đem bán lấy tiền mướn thợ là Hồ thích vẽ tượng Phật Di-đà cầu vãng sinh.

Khen rằng: Lão Tuyên vì tiền cúng người chết

nêu từng ở Viện Cực Lạc đúc sáu tượng Bồ-tát mà con cháu đến với pháp môn cũng rất kín xa. Bởi họ Tô quy tâm Tam Bảo rất sâu. đời có khắc in Tây Phương Công Cú thêm nhiều lời quê nói là xuất phát từ Pha Công. Đây là lừa dối. Người sáng suốt chớ theo dối mà bỏ thật.

32- Thừa Tướng Trương Vô Tận: Trương Thượng Anh đời Tống, trước vì phu nhân họ Hướng kích phát mà rất lưu ý đến kinh luận nội điển, hiệu là Cư sĩ Vô Tận. Từng soạn Văn Phát Nguyện nói rằng: Nghĩ thế giới này năm trước loạn tâm, không có năng lực chánh quán, không có năng lực Liễu nhân, tự tánh duy tâm không thể thấu suốt. Chỉ nên vâng theo lời vàng của Thế Tôn Thích-ca mà chuyên niệm Phật A-di-đà cầu nguyện lực Phật ấy nhiếp thọ. Đợi mãn báo thân mà vãng sinh Cực Lạc. Như ngồi thuyền xuôi nước không tốn sức mình mà đến nhanh.

Khen rằng: Vô Tận ngộ được Thiên tông với Đâu-Suất Duyệt Công mà lại chăm chăm An Dưỡng, thì niệm ấy phải nên xét kẻ. Từ Hương Sơn đến đây là bốn ông, tuy Tây Phương có diễm lành nhưng Sử không ghi rõ. Nếu dựa vào nhân mà tìm hiểu, quả chẳng sinh Tây Phương thì sẽ sinh nơi nào?

*** Luận chung:**

1 Người ngu nghe người xưa nói: Kẻ Sĩ phu
 2 thông minh hơn người, nhiều người ở trong Tăng
 3 lại nghi ngờ. Mê mà không tỉnh lại, thì hết chín
 4 phần mười, không quên nhân vốn có thì chỉ một
 5 phần mười, vì sao vậy? Vì cõi đời có năm thứ ác
 6 trước các người lui sụt khó tránh khỏi. Nên hậu
 7 thân Thiền sư Giới là của Đông Pha, còn thân sau
 8 của Thiền sư Thanh là Tăng Lỗ Công. Thân sau
 9 của Thiền sư triết lại đắm mê giàu sang có nhiều
 10 buồn khổ. Đông Pha rất gần gũi pháp môn mà
 11 không bằng Tăng Công, thân sau của triết lão kia
 12 thì lại rất mê. Xưa nay kẻ hiểu biết khuyên người
 13 bỏ năm trước mà cầu Tịnh độ, vậy thì từ Lưu Di
 14 dân trở đi các quân tử được đạo chẳng phải đã
 15 nhiều hay sao.
 16

17 III- CÁC XỬ SĨ VÃNG SINH:

18 *1- Chu Tục Chi:* Chu Tục Chi đời Tống, người
 19 Nhạn Môn. Năm mười hai tuổi lầu thông năm Kinh
 20 năm Vĩ, hiệu là Thập Kinh Đồng Tử, nuôi chí ở ẩn.
 21 Công khanh tiến cử lên vua đều chẳng đến, thờ
 22 Pháp sư Viễn Lô Sơn dự vào Liên Xã. vua Văn Đế
 23 nói ngôi mời vào ứng đối vua rất vui. Có người hỏi
 24 thân làm Xử Sĩ (kẻ ở ẩn) lúc đó đến sân vua được
 25 ư? Đáp rằng: Lòng người đến Ngụy Khuyết lấy
 26 giang hồ làm bó buộc hứng chí cùng quên mất. Dầu
 27 chợ búa hay triều đình cũng đều là hang đá. Lúc đó

gọi là Thông Ân Tiên Sinh. Sau ở Chung sơn chuyên tâm niệm Phật, càng già càng dốc chí. Một hôm ngó lên hư không nói Phật đến đón rước ta. Rồi chấp tay mà hóa.

Khen rằng: Tục Chi có thể ở hang núi, chợ búa hay triều đình đều được, cũng đều là Tây Phương Đông Độ mà phải niệm Phật cầu sinh. Đó mới là kẻ thật biết lợi hại. Xưa có tụng rằng: Núi cao đất bằng đều là Tây Phương, chưa đến nhà thì xin chớ bàn chơi.

2- Trịnh Mục Khanh: Trịnh Mục Khanh đời Đường, người ở Vinh Dương. Cả nhà đều niệm Phật. Trong niên hiệu Khai Nguyên bị bệnh nặng, có người khuyên ăn thịt cá thì khoát tay không chịu, tay cầm lò hương nguyện cầu vãng sinh. Bỗng có mùi thơm lạ đầy thất, rồi an nhiên mà mất. Cậu là Thượng Thư Tô Đĩnh mộng thấy sen nở trong ao báu mục Khanh ngồi trên ấy.

3- Trương Nguyên Tường: Trương Nguyên Tường đời Đường, thường niệm Phật không ngớt. Một hôm thúc người nhà rằng: Bạc Thánh Tây Phương đợi ta, ăn cơm xong thì đi. Ăn xong bèn đốt hương ngồi kiết già xoay về phía Tây mà hóa.

4- Tôn Lương: Tôn Lương đời Tống, người ở

Tiền Đường, ở ẩn xem Đại Tạng rất được ý chỉ Hoa Nghiêm, bèn nương Luật Sư Đại Trí thọ giới Bồ-tát, ngày niệm Phật vạn câu suốt hai mươi năm không ngừng. Bỗng sai người nhà thỉnh Tăng niệm Phật để giúp vãng sinh. Tăng đến niệm Phật mới được nửa chừng thì ông ngó lên hư không chấp tay nói Phật và Bồ-tát đã đến. Bèn lui về ngôi mà hóa.

Khen rằng: Hoa Nghiêm hợp luận gọi cầu sinh Tịnh độ là Bồ-tát chưa đạt Nhất Thừa Đại Đạo mà lão này được ý chỉ Hoa nghiêm sao còn cầu sinh Tịnh độ. Bởi hợp luận làm một phần vì phạm phu chấp Tướng phá kiến chấp ấy là được sự Tịnh độ, chưa được Lý Tịnh độ. Lão này Sự Lý đều viên thông. Hoa Tạng Liên Trì là một mà không phải hai. Chính ông cầu sinh chẳng đủ nghi. Luận Tịnh độ phải y cứ vào Phẩm Hạnh Nguyên trong kinh Hoa nghiêm làm chủ mà hợp luận để tham cứu.

5- Nguyên Tử Bình: Nguyên Tử Bình đời Đường trú tại chùa Quán Âm ở Kinh Khẩu mà niệm Phật. Bỗng nghe trên hư không có tiếng âm nhạc, bèn ngồi xoay về phía Tây mà hoá. Mùi thơm lạ mấy ngày không hết.

6- Dữu Tiễn: Dữu Tiễn đời Lương, người ở Tân Dã. vua Võ Đế mời làm Huỳnh Môn Thị Lang, ông chẳng đến. Chỉ sáu thời niệm Phật một tối thấy

1 có vị Đạo nhân tự xưng là Nguyễn Công gọi Tiên
2 là Thượng Hạnh Tiên Sinh rồi trao cho hương mà
3 đi. Bốn năm sau Nguyễn Công lại đến bèn bay lên
4 hư không bảo rằng Thượng Hạnh Tiên Sinh đã
5 sanh An Dưỡng.

6
7 **7- Tống Mãn:** Tống Mãn, đời Tùy: người ở
8 Thường Châu, đếm đậu niệm Phật, chứa được ba
9 mươi thạch (thạch = 100 lít). Niên hiệu Khai Hoàng
10 năm thứ 8 tháng 9 đãi cơm Tăng xong, ngồi mà
11 hóa. Người ta thấy có hoa trời và mùi thơm lạ
12 nung hương không mà đi về Tây.

13
14 **8- Phần Dương Lão Nhân:** Phần Dương Lão
15 Nhân đời Đường, ở núi Pháp Nhãn, mượn một
16 phòng trống nghỉ trọ, ngày đêm niệm Phật. Niên
17 hiệu Trinh Quán năm thứ 5 thì mất. Lúc đó ánh
18 sáng chiếu khắp rực rỡ, nhìn về phía Tây mà hoá.
19 Người thấy ngồi đài sen mà đi.

20
21 **9- Nguyên Tử Tài:** Nguyên Tử Tài đời Đường,
22 trú tại chùa Quán Âm ở Nhuận Châu, tụng Kinh
23 Di-đà niệm Phật. Bỗng bị bệnh nhẹ, nửa đêm nghe
24 trên hư không có hương thơm và âm nhạc giống
25 như có tiếng người nói Thơ nhạc qua rồi Tế nhạc
26 tiếp đến Ông sẽ đi. Rồi niệm Phật mà hóa. Mùi
27 thơm lạ mấy ngày không tan.

10- Ngô Tử Chương: Ngô Tử Chương đời Nguyên, người ở Tô Châu, ở đời làm nghề thuốc. Cùng anh là Tử Tài đồng tham học với Hòa-Thượng Vân Ốc, siêng năng niệm Phật cả nhà thờ Pháp. Đến hẹn, không bệnh, chấp tay niệm Phật mà hóa.

11- Hà Đàm Tích: Hà Đàm Tích đời Nguyên, năm mười tám tuổi trì giới Bồ-tát niệm Phật, một đêm nghe trống canh tư liền thức dậy tụng niệm. Người bảo trời còn quá sớm thì đáp: Thấy Phật tướng vàng ròng đem hoa đến đón rước, rồi bèn hóa.

12- Vương Điền: Vương Điền đời Tống, người ở Tứ Minh, hiệu Vô Công Tẩu. Phạm Thiên Lâm tông chỉ, Thiên Thai giáo môn đều thông suốt. Ông có soạn Tịnh độ Tự Tín Lục. Về già chuyên tâm niệm Phật, nhìn về phía Tây ngòai mà hóa. Mùi thơm lạ ngào ngạt. Khi đốt khâm (trà tỳ) thì nhặt được Xá-lợi như hạt đậu khoảng một trăm lẻ tám hạt.

13- Phạm Nghiễm: Phạm Nghiễm đời Tống, người ở Nhân Hòa, dứt tâm với việc đời, người con không thể trị gia, ông cũng chẳng đoái hoài đến,

chỉ nói ta từ nay chỉ như khách ở tạm. Hằng ngày tụng Pháp Hoa niệm Phật A-di-đà, chuyên tâm không lười biếng, bỗng thấy Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà phát ra ánh sáng vàng bảo Nghiêm rằng: Ngày mai giờ mẹo sẽ đi. Trải qua một đêm Phật và Bồ-tát đến đón rước, bèn ngồi chấp tay mà hóa.

14- Lục Nguyên Đạo: Lục Nguyên Đạo đời Tống, hiệu là Cư sĩ Tĩnh Am, trụ ở Hoành Khê thuộc Minh Chi. Sáng dậy đốt hương ngồi kiết già mắt không nhắm, đọc kệ rằng:

*Sáng rửa tay xong mở Bối diệp,
Chẳng cầu các Phước chẳng họa tai
Duyên đời đã dứt nơi khác dứt,
Kiếp lửa trong quang múa một hồi.*

Sau mới niệm tụng không chậm không mau như xỏ chuỗi. Mỗi ngày tụng một biến Pháp Hoa, niệm Phật Di-đà vạn câu chuyên ý về phương Tây. Năm 85 tuổi ngày 6 tháng tư tắm gội thay áo mà hóa. Khi liệm bỗng nghe mùi hương sen thơm phức, không biết từ đâu đến. Lúc sắp đặt nắp quan thì thấy có cái lọng phát ra từ miệng.

15- Tôn Trung: Tôn Trung đời Tống, người ở Tứ Minh. Sớm kính mến Tây Phương. Ở phía Đông quận Thành cát am niệm Phật. Sau đó bệnh

1 thính Tăng trăm người hệ niệm, bỗng ngược nhìn
2 lên hư không chấp tay bắt hai ấn vui vẻ mà hóa. Cả
3 thành nghe có tiếng nhạc và mùi thơm lạ đi dần về
4 phía Tây rồi mất hút. ba người con kế nhau niệm
5 Phật rồi cũng ngồi hóa.

6 **16- Trầm Thuyên:** Trầm Thuyên đời Tống,
7 nhà ở Tiền Đường, cùng vợ là bà Thi chuyên tâm
8 Tịnh độ. Bình thời làm các việc thiện đều dùng để
9 hồi hướng. Sau cùng vợ trước sau qua đời, đều cảm
10 được Hóa Phật cảm tích trượng tiếp dẫn đi.

11
12 **17- Đường Thế Lương:** Đường Thế Lương đời
13 Tống, người ở Côi Kê, trì giới niệm Phật. Tuổi già
14 tật bệnh cũng không nằm, tụng Kinh Di-đà mười
15 vạn biến gọi người nhà bảo rằng: Phật đến đón
16 rước ta. Nói xong đánh lễ rồi ngồi mà hóa. Lợi
17 Hành Nhân lúc đó ở núi Đạo Vị đêm mộng thấy
18 Phương Tây có ánh sáng lạ mưa hoa và nhạc trời ở
19 trên hư không có tiếng bảo rằng: Đường Thế
20 Lương đã về Tịnh độ.

21
22 **18- Kế Công:** Kế Công đời Tống, là thợ sắt
23 Phách Khoa Đồ, ở Đào Nguyên. Năm bảy mươi
24 tuổi, hai mắt không thấy. Trong làng có Tả Học
25 Dụ đem Bích Khóa Đồ ra ấn thí khuyên người
26 niệm Phật. Kế Công lúc đầu lấy một bản niệm đủ
27 ba mươi sáu vạn câu. Niệm hết bốn bản thì hai mắt

sáng lại. Như thế ba năm niệm đủ mười bảy bản. Một hôm niệm Phật, bỗng đứt hơi được nửa ngày thì tỉnh lại nói Phật bảo chia lại sáu bản cho Tâm Học Dụ vì có công đầu khuyên niệm, chia một bản cho Lý Nhị Công là người vẽ bản. Dẫn con đến tạ. Nói xong tắm gội xoay mặt về phía Tây mà hoá.

19- Trần Quân Chương: Trần Quân Chương đời Nguyên, người ở Huỳnh Nham, thận trọng ngay thẳng ít nói. Năm bốn mươi tuổi cùng với Thất Diệp tụng Pháp Hoa niệm Phật siêng năng. Năm sáu mươi tuổi bị bệnh nặng. Một tối, sai con là Cảnh Hoàng đỡ ngồi dậy bảo rằng: "Ta về đây". "Hỏi về đâu? Đáp: Không có chỗ đi. Lại nói: Ta chết rồi nên y theo pháp tang môn mà trà tỳ. Nói xong chấp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật rồi hóa.

20 - Trương Thuyên: Trương Thuyên đời Tấn, thuộc dòng họ Dã. Cao dật hiếu học. Khi cày bừa cũng mang Kinh theo. vua trung dụng nhiều lần không đến, tư vui với cảnh nghèo được cử làm Tâm Dương Lệnh thì cười bảo rằng Lấy tựa gốc làm yên, nhứt chí đến với lộc có gì vinh. Rồi vào Lô Sơn nương Liên Xã của Viễn Công nghiên cứu nội điển có nhiều ngộ nhập. Niên hiệu Cảnh Bình năm thứ nhất đời Tống ông không bệnh xoay mặt về phía Tây niệm Phật ngồi yên mà hóa.

21- Khuyết Công Tắc: Khuyết Công Tắc đời Tấn, vào Liên Xã ở Lô Sơn rồi chết. Bạn bè trú chùa Bạch Mã ở Lạc Dương đang đêm cúng tế ông. Bỗng một lúc cả cây cỏ nhà cửa điện đài đều có màu vàng rờng. Trên hư không có tiếng nói: Ta là Khuyết Công Tắc mong sinh Cực Lạc nay đã được vãng sinh, nói xong thì biến mất.

Khen rằng: Người qua đời cảm được diễm lành rất nhiều nhưng sau khi chết mà hiện màu vàng ở nơi khác báo đã vãng sinh ở trên không như Khuyết Công thì thật ít có.

22- Lý Tri Diêu: Lý Tri Diêu đời Đường, rất giỏi giáo pháp Tịnh độ dẫn chúng năm hội niệm Phật. Sau bị bệnh bỗng nhiên nói: Phật đến đón rước ta. Rồi tắm gội súc miệng thay áo đòi lò hương ra điện thờ đánh lễ, nghe trên hư không có tiếng nói kệ: Sắp dẫn anh sinh Tịnh độ, nay hãy lên cầu vàng. Nói xong đến giường ngồi thẳng mà hoá. Chúng nghe có mùi thơm lạ.

23- Cao Hạo Tượng: Cao Hạo Tượng đời Lương, người ở Đông Bình. Đóng cửa Tịnh toạ, chuyên tụng Kinh Vô Lượng Thọ, từng ở trong quán biết thân mình đến bên ao sen đỏ. Lúc đầu chưa thấy Phật, bèn ở trên hoa mà dốc lòng lễ Phật, xa tưởng kim dung ánh sáng chiếu rất xa. Một tối thấy chúng Bồ-tát đến đón rước, lúc đó liền hóa.

Khen rằng: Xưa, có hai vị Tăng quán tưởng hoa sen khép mở, sau cùng sinh về Tịnh độ. Tượng thấy thân dạo chơi ao sen hồng cũng là quán tưởng tinh thành mà được như thế.

24- Từ Lục Công: Từ Lục Công đời Tống, người ở Gia Hưng. Chuyên làm nghề nông, vợ chồng ăn rau dưa siêng năng niệm Phật suốt bốn mươi năm. Làm trước một cái khám (quan tài), khi qua đời thay áo vải mang giày cỏ vào khám ngồi thẳng, khoảnh khắc bảo Phật đến đón rước ta, rồi hóa.

25- Lục Tuấn: Lục Tuấn đời Tống, người ở Tiền Đường, thuở nhỏ làm ở Công Môn lâu rồi bỏ, chỉ chuyên nghiệp Tịnh độ, hằng ngày đối trước Phật sám hối rơi lệ, gặp đạo hữu chỉ nói nhân duyên Tịnh độ vừa hơn mười câu liền rất buồn thương than thở. Khi qua đời thỉnh Luật Sư Viên Tịnh khai thị về Tây Phương. Tụng Quán Kinh đến Thượng Phẩm thì Viên Tịnh bảo: Đi được rồi đây! Tuấn nói: Thánh chúng chưa đến, đợi một chút. Bỗng ngồi dậy đến giường tre ngồi xoay mặt về phía Tây mà hoá.

Khen rằng: Kinh Vô Lượng Thọ nói: nghe nói Phật A-di-đà thì lệ trào ra đều là do gốc lành đời trước mà như thế. Nay Tuấn buồn thương trong

tâm mà hiện rõ ngoài mặt thì chắc chắn vắng sinh.
Nay đùa vui mà bàn nói Tịnh độ có sao đâu!

26- Huỳnh Đả Thiết: Huỳnh Công, đời Tống, người Đàm Châu. Vốn người trong quân ngũ làm nghề đập sắt. Mỗi khi kèm đập đều niệm Phật không ngớt. Một hôm không bệnh, nhờ người hàng xóm viết bài tụng rằng: Đinh đinh đang đang, luyện lâu thành gang (cứng) Thái Bình gần đến, ta về Tây Phương. Rồi hoá. Kệ này truyền ra rất rộng, ở Hồ Nam có nhiều người niệm Phật.

Khen rằng: Nay dựa vào Huỳnh Công không gì khác hơn chỉ là niệm Phật không ngớt. Người đời không chịu hành trì theo đó mà lại đi tìm hay khéo đến nỗi thành luống uổng, chẳng phải là bỏ giản dị mà tìm khó khăn ư?

27- Liên Hoa Thái Công: Liên Hoa Thái Công đời Đại Minh,, người ở đất Việt. Một đời vụng về chất phác chỉ ngày đêm niệm Phật không ngớt. Sau khi mất thì trên quan tài bỗng mọc một cành hoa sen. Làng xóm kinh ngạc ngợi khen, bèn gọi là Liên Hoa Thái Công (ông già hoa sen).

28- Hoa Cư sĩ: Hoa Cư sĩ đời Đại Minh, người ở Giang Cam. Người thật thà không dối trá. Tuổi trung niên các con đã nên người, bèn ở một mình trong một nhà nhỏ chẳng can dự việc đời, sớm tối

1 chỉ chăm chăm niệm Phật. Sau khi qua đời tự biết
2 trước giờ chết nửa đêm bèn thay áo, sửa mũ, cáo
3 biệt mọi người, rồi ngồi thẳng mà hoá. Người con
4 trước đã làm sẵn quan tài, bèn đổi khám như Sa
5 môn. Ngày cử khám người xem đông nghẹt, xa gần
6 đều kính mến

7 * **Luận chung:** Có người hỏi Tịnh Danh và
8 Bàng Lão vì sao không nghe cầu sinh? Đáp rằng:
9 Ông thử tự mình nhận xét, nếu chưa kịp hai ông
10 cầu sinh chẳng cần phải nói, dù cho có trở lại thời
11 Kim Túc thì nào ngại thấy Di-đà. Nếu không thể
12 thì Tịnh Danh không ngại thấy Thích Ca, Bàng Lão
13 (Long Ẩn) cũng tham Mã Tổ. Hễ tâm tinh thì Độ
14 tịnh chẳng phải là Tịnh Danh nói ư? Làm bạn với
15 muôn pháp chẳng phải là lời của Bàng Lão ư? Một
16 sáng ông bước lên Tịnh Địa sao còn mong gì, Tự
17 Niệm vốn vẫn thanh tịnh đâu còn mong, Tự Niệm
18 không làm bạn với muôn pháp sao còn mong, hai
19 ông thường ở tại Tịnh độ, còn nghi ngờ gì?

21 IV - CÁC NI VÃNG SINH:

22 **1- Ni Đại Minh:** Ni Đại Minh đời Tùy, mỗi khi
23 vào thất lễ niệm thì trước mặt áo sạch, miệng ngậm
24 nước trầm hương. Hoàng Hậu của vua Văn Đế rất
25 quý trọng. Ngày sắp mất chúng nghe mùi trầm
26 hương đầy nhà. Bỗng có mây sáng từ từ đi về Tây
27 rồi mất.

Khen rằng: Đây là tương tự với vị Ni tạo Kinh Pháp Hoa rất thành kính, sau cảm được điều linh dị (điềm lạ) mà hai Ni ở Minh phủ tụng kinh kính lễ. Gặp đây có khác mà không lạ. Thời nay niệm Phật có mấy người được sáng như thế. Nếu mọi người niệm Phật như thế thì tôi chẳng tin ngàn người niệm ngàn người không sinh, vạn người niệm vạn người không sinh.

2- Ni Tịnh Chân: Ni Tịnh Chân đời Đường, trú tại chùa Tích Thiện ở Trường An, mặc nạp y đi khát thực, tụng kinh Kim Cương mười vạn biến, dốc chí niệm Phật, bảo đệ tử rằng: nội trong tháng năm ta mười lần thấy Phật, hai lượt thấy trên đài hoa có đồng tử đùa giỡn. Ta đã được sinh Thượng Phẩm. Nói xong ngồi biết già mà hoá. Ánh sáng lành đầy am.

3- Ni Ngộ Tánh:

Ni Ngộ Tánh đời Đường, ở Lô Sơn, niệm Phật chí thành nguyện vãng sinh, bỗng nghe trong hư không có tiếng nhạc bèn gọi người chung quanh bảo rằng: Ta đã được vãng sinh Trung phẩm. Thấy các đồng chí niệm Phật tinh tấn đều có hoa sen đợi chờ, các con hãy tự mình cố gắng. Nói xong thì hoá.

Khen rằng: Xét hai Ni có phẩm vị Thượng Trung khác nhau. một là bên trong xem tự hạnh

cạn sâu, hai là điềm lạ bên ngoài có hơn kém, mà không lầm.

4- Ni Năng Phụng: Ni Năng Phụng đời Tống, người ở Tiền Đường, chuyên tu Tịnh nghiệp, từng mộng thấy ánh sáng Phật chiếu vào thân, và nghe trên hư không có lời lành an ủi, bèn bảo đệ tử rằng: Ta được vãng sinh, lát sau nghe Phụng niệm Phật rất lớn tiếng, bèn chạy đến xem thì thấy chấp tay quay mặt về phía Tây mà hoá. Mùi thơm lạ đầy nhà, tiếng nhạc đi về phía Tây.

5- Ni Pháp Tạng: Ni Pháp Tạng đời Tống, ở Kim Lăng, chuyên chỉ niệm Phật. Ban đêm thấy Phật và Bồ-tát đến chiếu sáng chùa, rồi an nhiên mà hoá.

*** Luận chung** - Phật vì Di mẫu xuất gia than Chánh Pháp do đây mà mất. Nếu người Nữ xuất gia mà đều như năm vị trên thì Chánh Pháp càng hưng thịnh mà thế không có thể Phật huyền ký thì chẳng có lỗi. Than ôi, kẻ nam tử chân chánh xuất gia xưa nay còn chẳng có nhiều, huống chi là Nữ chúng? Do đó mà có chiêu cảm.

V. CÁC PHỤ NỮ VĂNG SINH:

1- Tuỳ Hoàng Hậu: Hoàng hậu của vua Văn Đế đời Tuỳ, họ Độc Cô. Tuy ở cung vua nhưng rất

chán thân nữ, thường niệm Phật A-di-đà. Ngày Giáp Tý tháng 8 thì mất, lúc đó ở phía Bắc Cung Vĩnh An tiếng âm nhạc vang rền, mùi thơm lạ đầy nhà, từ trên hư không đến. vua hỏi Xà-đề-tư-na đó là điềm lành gì, thưa rằng: Tịnh độ có Phật hiệu A-di-đà, Hoàng hậu nghiệp cao siêu lên cõi ấy, nên hiện ra điềm lành này.

Khen rằng: Bỏ việc sang quý trong cung mà ham chuyên Tịnh độ lại được vãng sinh, xưa có Vi-đề-hy, nay thì thấy có Hoàng hậu này.

2- Bà Diêu: Diêu Bà đời Đường, do có Bà Phạm Hạnh khuyên khiến niệm Phật. Khi sắp qua đời bà thấy Phật và Bồ-tát đến đón rước, thưa Phật chưa được, xin Phật tạm dừng trên hư không để chờ từ biệt bà Phạm Hạnh. Sau đó Diêu Bà đứng mà hoá.

Khen rằng: Đi từ biệt Phạm Bà là không trái gốc. Phật dừng trên hư không là thuận theo chúng sinh. Đứng mà hoá cũng thật lạ kỳ.

3- Vợ của Ôn Tĩnh Văn: Vợ của Ôn Tĩnh Văn, đời Đường, người ở Tính Châu, bệnh nằm lâu trên giường. Tĩnh Văn khuyên niệm Phật suốt một năm. Bỗng thấy Tịnh độ, bèn bảo chồng rằng: Tôi đã thấy Phật tháng sau sẽ đi. Rồi dặn dò cha mẹ rằng nay con được vãng sinh theo Phật, xin cha mẹ

chuyên tâm niệm Phật, ngày nọ sẽ thấy tướng Tây
Phương. Nói xong thì hoá.

4- Bà Hồ Trường: Bà Hồ Trường đời Tống, họ Lý, người ở Thượng Ngu. Sau khi chồng mất, ngày đêm lớn tiếng niệm Phật và tụng kinh Di- đà suốt hơn mười năm. Một hôm thấy có vị Tăng che lọng lụa bảo rằng: người mười lăm ngày nữa giờ Tý sẽ vãng sinh. Hỏi Sư là ai? Thì đáp là người mà người niệm. Bà bèn từ biệt người thân. Đến hẹn có mùi thơm lạ và ánh sáng, bèn ngồi thẳng mà hoá. Bảy ngày sau đem thiêu thì thấy rằng như ngọc trắng, lưỡi như sen hồng, mắt như hạt bồ đào (nhỏ) đều bền chắc không hư, xá-lợi rất nhiều. Hôm sau, chỗ đốt mọc lên đóa hoa trắng như tuyết.

Khen rằng: Các căn không hư, Xá-lợi nhiều vô số. đời chê người nữ thân năm trước, nhưng không gì chẳng được.

5- Bà họ Trịnh: Bà họ Trịnh đời Tống, người ở Tiền Đường, thường ngày tụng kinh Quán Âm niệm Phật không ngớt. Sau bị bệnh nặng đòi tắm gội xong, ngồi xoay về phía Tây hỏi người nhà có nghe tiếng khánh chẳng? Các Thánh Tịnh độ đã đến. Rồi chấp tay vui mừng nói: Phật và Bồ-tát đến, tay Bồ-tát Quán Âm có bung đài vàng. Như lai tiếp con lên tòa. Rồi an nhiên mà hoá.

1
2 **6- Bà họ Trần:** Bà họ Trần đời Tống, người ở
3 Tiền Đường, thọ giới Bồ-tát với Luật sư Linh Chi,
4 chuyên tâm niệm Phật. Hằng ngày lạy ngàn lạy,
5 từng có Xá-lợi hiện trên bàn kinh. Khi qua đời thấy
6 Phật đến đón rước. Ngoái nhìn những người chung
7 quanh chưa xong thì không còn cử động.

8
9 **7- Bà họ Huỳnh:** Bà họ Huỳnh đời Tống,
10 người ở Tứ Minh, sớm mất chồng, nhân đó trở về
11 nhà cha chuyên tu Tịnh độ, Khi qua đời thấy Phật
12 đến đón rước, lúc ấy bắt ấn mà đi, rồi nghiêm nhiên
13 đứng mà hoá. Người nhà rắc tro ở đất để biết sinh
14 về đâu thì thấy có một hoa sen trong tro mọc lên.

15 **Khen rằng:** Thuyết đốt tro chưa khảo xét kỹ,
16 chỉ việc thấy Phật đến đón rước, bắt ấn đứng mà
17 hoá thì chắc chắn sinh lên Liên Phẩm cao.

18
19 **8- Phu Nhân họ Vương:** Phu nhân Kinh
20 Vương là đời Tống Bà chuyên tu tinh nghiệp. Sớm
21 chiều đối kẻ hầu hạ cũng không chấp phép tắc. Chỉ
22 có một người Thiếp lười nhác, Phu nhân quả trách
23 dạy dỗ, liền ân hận thức tỉnh mà tinh tiến. Bỗng
24 nhiên không bệnh mà mất, mộng cho người thiếp
25 khác bảo rằng: Nhờ Phu nhân khuyên dạy nay đã
26 sinh An Dưỡng. Phu Nhân chưa tin. Bỗng báo
27 mộng cho, phu nhân cùng người Thiếp ấy đến nơi

1 ao báu, thì thấy có một đóa hoa có áo côi trời tung
2 bay đề là của Dương Kiệt, một hoa khác có người
3 mặc Triều phục ngồi trên đó đề là Mã Vu. Lại thấy
4 có đài vàng sáng chói rực rỡ. Người Thiếp chỉ tay
5 bảo: Đây là nơi sinh của Phu nhân, rồi thức dậy
6 càng thêm tinh tấn. Năm tám mươi một tuổi vào
7 buổi sáng mừng thọ cầm đuốc đốt hương mà đứng
8 nhìn về đài Quán Âm. Người chung quanh mới
9 dâng lễ chúc Thọ xong thì đứng mà hóa.

10 **Khen rằng:** Suu Tập đến đây, người Nữ đứng
11 hoá, gồm có ba người. đài vàng Chiêu sáng cũng
12 là bậc Thượng phẩm. Ai nói khuê Các không có
13 người?

14
15 **9- Phu Nhân họ Phùng:** Phu nhân của Quảng
16 Bình quân đời Tống, là người họ Phùng. Thuở nhỏ
17 thường bị bệnh. Ngài Thiên Sư Tử Thọ Trí Thâm
18 dạy cho trai giới niệm Phật, bèn tin chắc gắng làm
19 suốt mười năm không mỗi mệ. Bỗng sanh tâm
20 chán đời. Mọi người lấy làm lạ thì bảo: Trong côi
21 thanh tịnh vì mất Chánh niệm mà đến côi Chi-na
22 này, duyên hết thì đi, có gì là lạ. Khi qua đời đứt
23 hơi rồi bỗng sống lại, bảo người nhà rằng: Ta đã về
24 Tịnh độ thấy cảnh giới Phật cùng với Kinh Hoa
25 Nghiêm, kinh Thập lục Quán đã nói không khác.
26 Nói rồi mà qua đời, ba ngày sau toàn thân vẫn như
27 lúc còn sống, mùi thơm lạ ngào ngạt.

10- Cô gái họ Vương: Con của Cát An Vương đời Tống, hằng ngày tụng các kinh Di-đà, Quán Âm, Kim Cương v.v..., niệm Phật cầu độ. Bà mẹ chết đã liệm mà máu chảy ra đầm dề, cô con gái phát thệ rằng: Nếu con có tâm hiếu xin không có mùi hôi. Nói xong thì máu chảy liền dừng lại. Cha cưới vợ kế và cùng tu Tịnh nghiệp. Sau cô bị bệnh, thỉnh Tăng đến nói Tịnh độ và Quán Kinh. Bỗng đòi áo cát tường mà nằm, nắm tay Bồ-tát Quán Âm cầm lấy phướn rồi an nhiên bất động. Mẹ rải tro dưới đất để biết chỗ sinh thì từ tro mọc lên mấy cành hoa sen.

11- Bà họ Chu: Bà họ Chu đời Tống, là con gái của Diệu Thông Chu Nguyên Khanh. Nhân cảm được bà mẹ có đài hoa vãng sinh mà dốc chí niệm Phật hên sinh An Dưỡng. Bệnh nặng thỉnh Tăng hành Sám, tự thấy thân mình mặc áo sạch mới, ở trong lầu các đánh lễ niệm Phật, rồi bảo người nhà rằng: Siêng tu Tịnh nghiệp tương Tây Phương đợi. Rồi nằm nghiêng bên hông hữu quay mặt về Tây mà hóa.

12- Bà Chu Hạnh: Chu Hạnh đời Tống, người ở Châu Thái Bình. Lúc còn nhỏ đã niệm Phật siêng năng không bỏ. Một hôm quỳ niệm Phật an nhiên

mà hóa. Người hàng xóm thấy có mấy vị Tăng dẫn Bà bay lên hư không đi về phía Tây.

13- Nghi Nhân họ Lục: Nghi Nhân họ Lục đời Tống, người ở Tiền Đường, là vợ của Triệu Thỉnh Vương Dũ. Từng tụng Kinh Pháp Hoa dốc chí Tịnh độ. Một lần lễ Sám niệm Phật vạn câu suốt ba mươi năm. Nhân bị bệnh nhẹ, bỗng nghe có tiếng trống trời tự kêu, mọi người đều kinh ngạc, liền xoay mặt về phía Tây hai tay bắt ấn mà hóa.

Khen rằng: Kết ấn mà mất không chỉ riêng Tăng mới có, ở người nữ cũng thấy có nhiều, đều là điềm lành do Tâm không tán loạn, Thân không buông lung mà có. Than ôi, người nữ nào nếu bắt chước theo đây, mỗi ngày chí thành lễ sám, một hội niệm Phật vạn câu, ba mươi năm chẳng thay đổi. Ta bảo đảm chắc rằng người ấy sinh về Tịnh độ.

14- Bà họ Cung: Bà họ Cung đời Tống, người ở Tiền Đường. Ngày đêm niệm Phật tụng kinh Di-đà. Sau bị bệnh, thỉnh Luật sư Hạnh chỉ bày giảng nói chưa xong thì ngồi thẳng mà hóa. Người Thiếp già là bà họ Vu cũng niệm Phật không ngớt. Một hôm mộng thấy Cung Thị bảo rằng: Ta đã sinh về Tịnh độ, bảy ngày nữa ngươi sẽ sinh. Đúng hẹn thì mất.

1
2 **15- Bà họ Chu:** Bà họ Chu đời Tống, ở Tráp
3 Xuyên, suốt ba mươi năm niệm Phật. Bỗng tuyệt
4 thực bốn mươi ngày chỉ uống nước mà niệm Phật,
5 thì mộng thấy có ba vị Tăng đều cầm hoa sen đến
6 bảo: Trước ta đã vì ngươi mà trồng hoa này, nay sẽ
7 vãng sinh, khi thức dậy thì thỉnh Tăng trợ niệm, rồi
8 ngồi thẳng mà hóa.

9
10 **16- Bà họ Hạng:** Đời Tống, bà họ Hạng tên là
11 Diệu Trí, người ở huyện Ngân. Goá chồng ở với
12 hai người con gái, đều cho làm Ni, siêng năng niệm
13 Phật. Một hôm chợt nói: Ta muốn ngồi mà hóa, đã
14 lờ làm quan tài rồi. Người con nói Phật dùng Kim
15 Quan còn chẳng hiềm làm gì, bà mẹ rất mừng.
16 Bỗng có mùi thơm lạ đầy nhà, xoay mặt về phía
17 Tây kiết ấn mỉm cười mà hóa.

18
19 **17- Cô gái họ Bùi:** Cô gái họ Bùi đời Tống, ở
20 Phần Dương, chuyên chí niệm Phật. Ngày qua đời
21 đòi lửa đốt hương, nói Phật đem Đài sen đến đón
22 rước ta, ta sẽ vãng sinh. Rồi trời rải hoa như mưa
23 ngồi yên mà hóa.

24
25 **18- Bà họ Thẩm:** Bà họ Thẩm đời Tống, người
26 ở Từ Khê, từ nhỏ ăn rau dưa niệm Phật. Về nhà
27 chồng họ Chương vẫn nhất tâm không thay đổi, bố

thí của cải cơm áo cho kẻ đói lạnh. Sau bị bệnh nhẹ, niệm Phật rất cố gắng. Bỗng thấy Phật và Bồ-tát chư thiên Thánh chúng hiện khắp trước mắt. Đèn sáng cả mấy ngàn ngọn nến nối nhau như cầu vòng. Ngày ấy nằm thế cát tường mà mất.

19- Bà họ Tôn: Bà họ Tôn đời Tống, người ở Tứ Minh, ở goá niệm Phật suốt ba mươi năm không lười mỏi. Một hôm bị bệnh nhẹ mộng thấy có tám vị Tăng đi quanh, cùng thực hành sám xong, thân mình mặc áo lụa trơn đi theo Tăng. Thức dậy bèn tắm gội thay áo sạch, thỉnh Tăng thực hành Sám. Rồi ở trước đại chúng ngồi thẳng tụng Kinh đến chỗ Nhất Tâm bất loạn thì tay trái kiết ấn mà hóa. Xa gần đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

20- Bà họ Lôu: Bà họ Lôu đời Tống, pháp danh Tuệ Tĩnh đến chùa xem sổ sách của Chu Nguyên Khánh có mở xem truyện Truyền Đăng mà phát sáng chỗ thấy, bèn lấy Tĩnh nghiệp làm Chân Tu niệm Phật không ngừng. Tuổi già bị bệnh, bỗng thấy đài sen sắc tía, Hoá Phật vô số, mùi thơm lạ đầy nhà. Bảo người nhà niệm Phật càng quyết liệt hơn, khoảnh khắc mà hóa.

21- Bà họ Tần: Bà họ Tần đời Tống, pháp danh

1 Tịnh Kiên, nhà ở Tòng Giang chán thân nữ xấu xa,
2 cùng chồng đều tinh trì trai giới. Xem kinh Hoa
3 Nghiêm, Pháp Hoa, Quang Minh, Bát-nhã không
4 để ngày luống qua. Sớm tối Tu-di-đà Sám, lễ Phật
5 ngàn lạy. Lâu sau có ánh sáng chiếu vào nhà, quay
6 mặt về phía tây ngồi yên mà hóa.

7
8 **22- Bà họ Chung:** Ở Gia Hoà đời Tống, bà
9 Chung tụng Kinh Di-đà niệm Phật, hai mươi năm
10 làm khoá hằng ngày. một hôm bảo con rằng thấy
11 có hoa sen trắng lớn và vô số Thánh Chúng đã đến.
12 Rồi ngồi thẳng mà hóa.

13
14 **23- Bà họ Tôn:** Bà họ Tôn đời Tống, ở Tiền
15 Đường thường niệm Phật trì chú. Nhân bị bệnh mà
16 thỉnh nên Luật Sư Thanh Chiếu đến, thưa rằng:
17 Bệnh lâu chán đời cầu nguyện vãng sinh. Sư vì nói
18 nhân duyên Tịnh độ, rất vui mừng. Đến đêm thì
19 mộng thấy có vị Sư đem đến một chén thuốc, uống
20 xong thì đổ mồ hôi, thân tâm nhẹ nhàng. Ba ngày
21 sau bèn bảo người hầu rằng Tôn giả Ca-diếp đã
22 đến, có tòa hoa sen vàng đẹp, rồi nhắm mắt bắt ân
23 mà hóa.

24
25 **24- Bà họ Lương:** Bà họ Lương đời Tống, ở
26 Phần Dương, hai mắt đều mù, gặp một Sa-môn
27 khuyên khiến niệm Phật, hơn ba năm thì mắt sáng

1 lại. Bồng thấy Phật và Bồ-tát đem cò phước lọng
2 báu đến đón rước. Ngày đó bà qua đời.

3
4 **25- Bà họ Huỳnh:** Bà họ Huỳnh đời Tống, ở
5 Triều Sơn, tri Kinh Kim Cương, Pháp Hoa, chuyên
6 tâm niệm Phật. Bồng bị bệnh kiết lỵ, chỉ uống
7 không ăn. Có vị Tăng ở Am gần bên khéo tu, mộng
8 thấy Bà đến nói rằng: Sắp vãng sinh Tây Phương.
9 hai ngày sau Bà xoay mặt về phía Tây niệm Phật
10 ngồi thẳng mà hóa. Xa gần đều thấy ráng đỏ che
11 trên thất của Bà.

12
13 **26- Bà họ Trần:** Bà họ Trần đời Tống, ở Quảng
14 Bình. Cạo tóc xuất gia, sớm tối niệm Phật. bốn
15 chúng gọi là Đạo Giả. Sau bị bệnh nhóm họp Đạo
16 Tục niệm Phật. Hai ngày sau bồng chấp tay an
17 nhiên mà hóa.

18
19 **27- Bà họ Thôi:** Bà họ Thôi đời Tống, là mẹ
20 nuôi của bà họ Lương ở Đông Bình, người Tri
21 Châu. Bình thường ăn rau dưa (chay), ngu độn,
22 không thể tranh phải trái với ai. Chủ Mẫu là Triều
23 Phu Nhân để ý nhiều về Thiên học, bà họ Thôi sớm
24 chiều ở kê bên chỉ tụng niệm Phật A-di-đà rất chí
25 thành không thôi, cũng chẳng lần chuỗi, chẳng biết
26 là niệm được mấy ngàn vạn biến. Năm bảy mươi
27 hai tuổi bị bệnh rỗng, chảy nhưng chẳng nằm, mà

trì niệm lại càng dốc chí. Bỗng nhiên như lúc không có bệnh gì đọc kệ rằng: Tây Phương một nẻo khéo tu hành - Trên không non núi dưới không hầm, khi đi chẳng cần mang giày vớ - Chân đạp hoa sen bước bước sinh. Ngâm vịnh không ngớt. Có người hỏi là của ai, thì đáp là chính ta làm. Hỏi Bà chừng nào đi, thì bảo giờ Thân. quả nhiên đến giờ thì mất. Bèn đem trà tỳ theo pháp của chư Tăng thì cái lưỡi chẳng tiêu, giống như hoa sen.

28- Cô gái họ Ngô: Cô gái họ Ngô đời Tống, ở Huyện Quân, trai giới thanh tu, có người thị nữ cũng tinh tấn niệm Phật. Bỗng thấy có ba đài vàng nâng chân, mấy ngày sau thì thấy có đầu gối, mấy ngày sau nữa thấy thân, rồi thấy mặt mày. Đó chính là Phật A-di-đà và Quán Âm Thế Chí hầu hai bên. Lại thấy đến đài và cõi nước như chỉ trong lòng bàn tay. Như thế suốt ba năm rõ ràng ở trước mắt. Bỗng bị bệnh tự nói vãng sinh, rồi mất.

Khen rằng: Cô gái họ Ngô thường thấy Phật chẳng? Do năng lực quán tinh tấn theo lý thì chắc chắn là có. Nhưng Ma Phật cần phân biệt rõ Tà Chánh. Người nữ gặp việc này phải mau hỏi các bậc cao minh.

29- Bà họ Trịnh: Bà họ Trịnh đời Nguyên, pháp danh Tịnh An người Tiền Đường. Hằng ngày

niệm Phật không để luống qua. Khi bị bệnh nghe trên hư không có tiếng nói: Việc người làm phải có hện, không nên tự biếng lười. Lại thấy thân Phật màu vàng nên rất phấn khởi, liền ngồi xoay mặt về phía Tây, mời các người con nuôi đã xuất gia đến tụng Kinh Di-đà, rồi an nhiên mà hóa. Cô gái mộng thấy mẹ về bảo rằng: Ta đã được sinh Tịnh độ, hãy nên nghe lời các vị tu hành.

30- Bà họ Châu: Ở Huyện Ngân đời Nguyên, tại chợ Bảo Tràng có bà họ Châu chuyên tu Tịnh nghiệp. Gặp ngày đầu năm thì cấm khẩu trì tụng không nói. Ngày đêm thường ngồi hết tháng mới thôi. Gặp tháng nóng nực thì thí trà nước trong thời gian dài không bỏ. Một hôm mộng thấy có lá sen to che cả một chợ. Tự biết thân mình lần chuỗi hành Đạo trên lá. Rồi bị bệnh. Người hàng xóm về đêm thấy có cờ phướn lọng báu đến nhà bà. Sáng hôm sau bà chấp tay niệm Phật mà hóa.

31- Bà họ Tiết: Bà họ Tiết đời Đại Minh, là con gái họ Võ Đường nổi tiếng. Lúc sinh bà, người mẹ thấy có sao Trường Canh chui vào bụng. Sau về nhà họ Châu sinh 5 người con. Rồi thủ tiết ở goá, thề thờ Đại Sĩ Quán Âm, thì khói hương kết thành hình hoa sen. Người rất kinh lạ. Cô càng chuyên tâm tu Tịnh nghiệp mãi không mỏi mệt. Niệm Phật

1 suốt mười lăm năm cũng như một ngày. Năm Đinh
2 Hợi Niên hiệu Vạn Lịch vào tháng năm bị bệnh,
3 thuốc men sữa cháo đưa đến đều từ chối. Sau thì
4 dứt cả thuốc men cơm cháo. Ngày 6 tháng 9 mời
5 Tăng đến lễ Sám thưa rằng bốn ngày thì đủ, việc
6 tôi sẽ xong. Bèn dặn dò các con và người giúp việc
7 cấm các phụ nữ vào. Lúc đó nhắm ngày Trùng
8 Cửu, bèn mặc áo sạch, đốt hương và nước rải trên
9 ghế ngồi Thiên. Sáng hôm sau đòi nước rửa tay
10 tụng Chân Ngôn Cam Lộ, mặc áo sạch, đội mũ Chí
11 Công nhắm mắt quỳ mọp trước Phật mà niệm, đốt
12 hương đọc kệ khen Phật, ba Quy Y, lễ ba lạy lần
13 chuỗi niệm Phật một trăm lẻ tám hạt, đợi giờ Ngọ
14 ngồi kiết già bất ấn, mà hoá. Thần khí tươi tỉnh như
15 lúc còn sống, bội phần sáng suốt hơn. Cùng lúc
16 người cạnh bên đều ngửi thấy hương thơm hoa sen
17 đầy nhà. Các con vâng lời liệm vào khám người
18 xem đông cả mấy ngàn mừng rỡ đánh lễ. Việc này
19 có ghi chép đầy đủ trong các truyện.

20 ***Khen rằng:*** Mẹ khiến làm khám không có quan
21 quách, không đón rước sát thân, không đốt giấy
22 tiền vàng bạc, không giết hại sinh mạng để cúng tế.
23 Các con đều thuận theo không khác. ta nghe xưa
24 có người ngồi mà hoá, con sợ trái với danh giáo
25 bèn kéo chân cha đuổi ra. Bỗng giơ tay tát con, con
26 sợ mà nói chỉ giúp cha ngồi mà thôi. Nay nói các
27 con của bà họ Chu vì sao làm như trước là vì mẹ
28 lấy hơi tàn đợi con đến trao lời khuyên. Ta vừa

ngăn sự chậm trễ của bà mẹ ấy rằng: Thời đến không thể đợi, liền hoá. Người vì thế hận ta, đâu biết chưa xuống thuyền thì mạn thuyền đã bể nát rồi. Than ôi các bậc Thượng Thiện đồng hội một nơi, mẹ con bà họ Chu chẳng thế ư?

32- Bà họ Hứa: Bà họ Hứa đời Đại Minh, người ở quận Hàng Bình sinh cung kính thuận thảo thật thà, chỉ lo việc niệm Phật. Khi sắp mất thì từ biệt người nhà, mặc áo sạch ngồi thẳng tay cầm hoa trắng Thiên Mục đem cắm nhanh rồi an nhiên mà hoá.

*** Luận chung:** Cõi nước Cực Lạc thật ra không có người nữ. Ai đã được sinh đều có đủ tướng người nam, nay người vẽ bức hình chín Phẩm mà vẽ hình người nữ là sai. Y cứ vào bốn nhân để bày rõ các loại cùng sinh. Trong cõi thanh tịnh tìm tướng nam còn chẳng được huống là tướng nữ. Tuy nhiên nữ lại có ba căn bệnh. Hiếu với cha mẹ chồng không bằng cha mẹ là một; đối với tỳ nữ phục vụ không bằng con cháu, biết bố thí mà không biết dứt tâm tham, biết mến thân nam mà không biết đổi thói quen của nữ, biết đến đền chùa thờ kính sa môn mà không biết phải cầu các việc cho mình là ba. Biết rõ ba thứ này tuy chưa ra khỏi Ta-bà mà ở vị Tỳ-kheo, như thế còn lo gì chẳng vắng sinh Tịnh độ.

VI - NGƯỜI ÁC VĂNG SINH:

1- Trương Thiện Hoà: Trương Thiện Hoà đời Đường, làm nghề giết mổ trâu bò. Khi qua đời thấy bảy trâu nói tiếng người đòi mạng, do đó rất sợ hãi, gọi vợ bảo thỉnh chư Tăng sám hối cho ta. Tăng đến dạy rằng Quán kinh nói khi qua đời tướng ác hiện ra nếu dốc lòng niệm Phật liền được vãng sinh. Hoà nói địa ngục đến gấp chẳng kịp cầm lò hương. Rồi tay phải quẹt lửa, tay trái cầm lò hương thành kính niệm Phật, chưa đầy mười câu tự nói: Phật đến đón rước ta rồi hóa.

Khen rằng: Thấy địa ngục đến gấp tay cầm lò hương trong thế bức bách khẩn khổ mà tinh thành không có hai niệm. Tuy nói mười niệm mà đâu thể vượt hơn người chăm chăm trăm ngàn muôn ức niệm cho nên chắc chắn vãng sinh, lý thật như thế. Có người nghi là Bồ-tát thị hiện ra, nếu như thế thì bất tận.

2- Trương Chung Húc: Trương Chung Húc đời Đường, làm nghề giết gà. Khi bệnh thấy có người mặc áo lụa đen đuôi bảy gà đến mổ vào mặt máu chảy đầm dề đau đớn khó chịu nổi. Có vị Tăng lập tượng Phật bảo niệm, chỉ khoảng khắc thì thơm lạ đầy nhà an nhiên mà mất.

1 **3- Hùng Tuấn:** Hùng Tuấn đời Đường, ngụ ở
2 Thành Đô, ngang bướng mạnh mẽ hơn người,
3 không chịu giữ giới luật, bỏ đạo làm lính rồi lại vào
4 làm Tăng. Nhân nghe kinh nói một câu niệm Phật
5 thì diệt được trọng tội sinh tử trong tám mươi ức
6 kiếp. Bèn mừng rỡ bảo rằng ta có chỗ nhờ cậy. Từ
7 đó tuy làm ác nhưng vẫn niệm Phật không ngớt.
8 Tháng hai năm Đinh Mùi chết vì bạo bệnh, qua một
9 đêm sống lại bảo rằng: Đến gặp vua Diêm La bảo
10 là bắt lầm, nhưng người niệm Phật không tin đâu.
11 nay trở về nhân thế phải rất tinh tấn. Chúng gọi là
12 Người lọt sổ địa ngục . Rồi Tuấn vào núi trai giới
13 niệm Phật. Hơn bốn năm, tháng ba năm tân Hợi
14 nhóm họp các Tăng Ni bảo rằng: Đã đến giờ tôi ra
15 đi. Các vị trở về thành thấy ai quen thân với tôi thì
16 nói giúp tôi rằng: Tuấn vì được niệm Phật mà được
17 vãng sinh Tịnh độ, đừng coi tôi là Người lọt sổ địa
18 ngục nữa. Trong lúc nói cười ngồi thẳng mà hóa.

19 **Khen rằng:** Quân tử và Tiểu nhân không đồng
20 chỗ, làm sao vừa tạo ác vừa niệm Phật mà được
21 vãng sinh. Ôi, chỉ dựa vào một lời nói Niệm Phật
22 được diệt tội mà tin vào xương tủy, tức một niệm
23 này nặng cả muôn cân, nên khi qua đời chuyển
24 nghiệp được vãng sinh, nào có nghi gì?

25
26 **4- Duy Cung:** Duy Cung đời Đường, trú tại
27 chùa Pháp Tánh, khinh trên hiếp dưới, làm bạn với
28 đám côn đồ rượu chè bài bạc giao tiếp đầy cửa.

Rảnh rang thì niệm Phật. Tăng trong chùa là Linh Khuy cũng đồng bọn ác giúp nhau. Người trong làng nói Linh Khuy làm ác, Duy Cung noi dấu, Địa ngục ngàn lớp, chẳng chán cùng vào. Cung nghe được, bảo rằng: Ta tuy làm nghiệp ác không thể trốn tránh, nhưng nhờ có Giáo Chủ Tịnh độ thương ta tội nặng mà cứu ta khỏi hầm lửa há lại đọa đường ác ư? Niên hiệu Càn Ninh năm thứ hai, Cung bị chết. Linh Khuy từ ngoài trở về thấy có mấy người thiếu niên ăn mặc đẹp đẽ, hỏi từ đâu đến, đáp từ phía Tây đến đón rước Cung Thượng Nhân. Một người lấy từ bụng ra một bình vàng có cắm hoa sen búp bằng nắm tay bỗng nhiên nở to bằng cái mâm sáng rực rỡ, hướng về chùa mà đi, bỗng biến mất. Khi Linh Khuy về đến chùa thì nghe tiếng chuông, Duy Cung đã mất rồi.

5- Oánh Kha: Oánh Kha đời Tống, theo học với Thường Xuyên Diệu Sơn, rượu thịt không chừa. Bỗng tự nghĩ phạm hạnh thiếu sót, sợ phải bị trôi giạt, bèn khiến người ở chung lấy quyển chép về Vãng sinh của Thiên sư Giới Châu mà đọc. Hễ đọc một truyện là một bài. Rồi ở trong thất lập ghé ngòai Thiên xoay mặt về phía Tây, tuyệt thực mà niệm Phật. Hơn ba ngày thì mộng thấy Phật bảo Rằng: Người còn sống mười năm nữa, phải nên cố gắng. Kha bạch Phật rằng: Dẫu con sống cả trăm năm nữa nhưng ở Diêm-Phù đầy trược ác dễ mất

1 Chánh niệm, con chỉ muốn sớm sinh An Dưỡng
2 thờ phụng các Thánh chúng. Phật bảo: Chí người
3 như thế thì ba ngày nữa ta sẽ đón người, đến hẹn
4 Kha sai chúng tụng Kinh A-di-đà, bèn nói: Phật và
5 đại chúng đều đã đến. Rồi yên lặng mà hóa.

6
7 **6- Trọng Minh:** Trọng Minh đời Tống, trú tại
8 chùa Báo Ân ở Sơn Âm không có giới hạnh. Vì bị
9 bệnh bảo bạn đồng học là Đạo Ninh rằng: Nay tôi
10 tâm thức tán loạn, thuốc nào trị được? Ninh dạy
11 cho cách Tùy Tức Niệm Phật. Minh làm đúng theo
12 lời dạy. Đến ngày thứ bảy thì sức đã nguy khốn.
13 Ninh lại khiến tượng tượng Phật ở trước mắt. Lâu
14 sau bỗng thấy hai vị Bồ-tát kể thấy Phật, rồi nhắm
15 mắt mà hóa.

16
17 **7- Ngô Quỳnh:** Ngô Quỳnh đời Tống, người ở
18 Lâm An, trước làm Tăng sau bỏ Đạo về tục. Trước
19 sau sinh hai con, giết mổ bán rượu đều làm, khi
20 làm bếp nấu ăn giết hại gà vịt thì trì niệm A-di-đà
21 Phật, ta giúp cho thoát thân này liền niệm danh
22 hiệu Phật rồi mới ra dao. Mỗi khi cắt thịt thì niệm
23 Phật không ngớt. Sau trên mắt có bứu bằng cái
24 trứng gà, rất lo sợ. Lập am tranh phân tán vợ con,
25 niệm Phật lễ Sám ngày đêm như không kịp. Niên
26 hiệu Thiệu Hưng năm thứ hai mươi ba, ông bảo
27 mọi người rằng: Đến giờ Tuất thì tôi đi, mọi người

1 đều cười. Đến chiều lấy vải màu đỏ rượu uống
2 xong viết bài tụng rằng: Giống rượu đều không,
3 Hối gì Thiên tông, Ngày nay trân trọng, Gió mát
4 trắng trong. Rồi ngồi thẳng chấp tay niệm Phật, nói
5 rằng Phật đến, bèn hóa.

6
7 **8- Kim Thích:** Kim Thích đời Tống, người ở
8 Cối Kê, làm nghề đánh cá, bỗng tỉnh ngộ bèn trì
9 giới tinh tấn, hằng ngày niệm Phật vạn câu, rất lâu
10 mà không thay đổi. Sau không bệnh mà bảo người
11 nhà rằng: Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát đều đến
12 đón rước ta. ta về Tịnh độ đây. Rồi đốt hương ngồi
13 thẳng mà hóa. Người trong ấp nghe có mùi thơm
14 lạ và nhạc trời cả ngày không tan.

15 **Khen rằng:** Việc của Thích và Thiện Hoà-
16 Chung Húc khác nhau. hai người trước thì tạo
17 nghiệp đến khi chết mới thành kính, còn Thích thì
18 thay đổi lỗi trước chẳng lâu, mà tu nghiệp Thiện
19 vãng sinh ắt phẩm vị phải hơn hai người kia.

20 *** Luận chung:** Biển khổ vô biên, bến bờ là ở
21 chỗ quay đầu, nhiều kiếp tối tăm sáng chỉ cần có
22 một ngọn đuốc. Tịnh độ không trái với kẻ ác thì
23 chẳng làm lần. Tuy nhiên Ngộ thì có cách đời
24 thiện, mà đau là do oán hết. Ý vào mang nghiệp
25 vãng sinh mà an tâm làm ác đây là may mắn muôn
26 vàn chẳng có một. Xưa người ác lấy đây làm thuốc,
27 nay người ác chấp đây thành bệnh. Cho nên xưa

1 người ác sẽ trở thành người thiện, nay người ác vẫn
2 là người ác, buồn thay!

4 VII - SÚC SINH VĂNG SINH:

5 **1- Trong Kinh Bồ-tát Xử Thai nói:** Có một
6 con rồng bảo chim cánh vàng rằng: Ta từ khi làm
7 thân rồng thì không hề sát sinh, khuấy động loài ở
8 dưới nước, sau khi chết rồi sẽ sinh về cõi nước Phật
9 A-di-đà.

10 **Khen rằng:** Từ tâm không giết hại là Chánh
11 nhân Tịnh nghiệp.

12 Rồng được Phật nói vãng sinh, chắc chắn là
13 đúng.

14
15 **2- Anh Võ (con Két):** Niên hiệu Trinh Nguyên
16 đời Đường, họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Két
17 thường niệm Phật, quá ngộ không ăn. Khi chết
18 mười niệm, dứt hơi liền đem thiêu, được hơn mười
19 hạt xá-lợi sáng chói mắt. Vị Tăng tên Tuệ Quán
20 dùng quách Sành đựng và xây Tháp để cúng thờ
21 nêu việc lạ. Ở Thành Đô có Doãn Vi Cao viết thành
22 ký, có câu rằng: hiểu rõ không tướng ở vô niệm, để
23 lại chân cốt (xá-lợi) khi chết.

24
25 **3- Cù Dục (con Sáo):** Chùa Chánh Đăng ở
26 Hoàng Nham đời Tống, có Quan Công nuôi một
27 con Sáo biết nói, luôn niệm Phật chẳng thôi. Một

1 hôm đứng chết, đào lỗ chôn. Bỗng từ lưỡi mọc ra
2 một hoa sen màu tím. Luật sư Linh Chi làm lời tán
3 có câu rằng: Trong lòng đứng mát đẹp việc hôn
4 nhàn, hoá sen tím thật kỳ lạ thay!

5
6 **4- Lại chuyện Cù Dục:** Người ở Đàm Châu có
7 nuôi một con Cù Dục thường niệm Phật, khi chết
8 dùng quan tài để chôn, bỗng mọc ra một hoa sen từ
9 miệng Sáo. Có bài tụng rằng: Có một con chim
10 thiêng gọi tên anh Bát ca, bắt chước theo Tăng
11 miệng niệm Di-đà - Chết chôn đất bằng mọc một
12 đóa sen, người chẳng hồi tâm biết làm sao?

13 **Khen rằng:** Két và Sáo người dạy cho niệm
14 Phật là việc bình thường, nay sao chẳng thấy vãng
15 sinh. Ôi nếu tất cả người đời nghe dạy niệm Phật
16 có người Tín tâm niệm theo, có người Khinh tâm
17 mà niệm, do đó người niệm Phật thì nhiều mà
18 người vãng sinh thì ít Két Sáo đâu chẳng như thế?

19 *** Luận chung:** Có người nói người khôn mà
20 vật ngu, sao chim nuôi mà được vãng sinh? Ấy là
21 không biết hữu tình đều có Linh giác, do mê có dày
22 mỏng mà chia ra người hay thú vật chớ không phải
23 khôn ngu chẳng ngang hàng. Chim trĩ nghe Kinh
24 Pháp Hoa mà tái thế làm Tăng, trâu thấy Kim Dung
25 mà chết sinh lên trời, đã ghi rành trong các truyện.
26 Huống chi là Địa-ngục, Quỷ, Súc đều sinh ở cõi ta,
27 vốn là Bốn Nguyên của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Hận

1 người thấy cầm thú vãng sinh mà vẫn điềm nhiên
2 không cảnh tỉnh, cam tâm năm trước, bó tay luân
3 hồi. Một hơi chẳng trở lại đổi hình ở sừng cánh mà
4 chẳng tự biết. Riêng biết làm gì ư?

6 * PHẦN CHÉP THÊM:

7 Từ nay việc vãng sinh hễ nghe thấy thì cứ chép
8 tiếp vào phụ ở cuối quyển 2- không phân biệt môn
9 loại trước sau.

11 **1- Tăng Minh Bổn:** Minh Bổn đời Đại Minh,
12 là Tăng trú tại chùa Tĩnh Gia ở Thông Châu, ông
13 vốn có chí cao, Phạm hạnh thanh bạch, siêng năng
14 diễn giảng. Sau bỏ giảng chuyên tâm Tịnh độ, sáu
15 thời Lễ niệm, thời gian lâu không bỏ. Bỗng bị bệnh
16 nhẹ, tự biết thời đến, cáo biệt chúng rồi an nhiên
17 mà hoá, có mùi thơm lạ suốt bảy ngày.

19 **2- Chu Cương Thiếu Phủ:** Chu Cương đời Đại
20 Minh, người ở Kinh Đô theo nghiệp Nho thi
21 Hương ba lần lên quan Thượng Xuân không đậu.
22 Làm đến chức quan hai Phủ thì ở ẩn, chuyên tu
23 Tịnh độ, hằng ngày niệm Phật ba vạn câu suốt
24 mười lăm năm không chút mỏi mệt. Khi qua đời
25 ngồi trên giường, tay lần chuỗi niệm Phật không
26 ngớt, mùi thơm lạ đầy nhà, bèn nói Phật đến, rồi
27 niệm Phật liên tục mà hoá.

1
2 **2- Bà Vu:** Bà Vu đời Đại Minh, mẹ của Vu Quý
3 là dân ở thôn Thiệu châu xương Bình-bắc kinh. Bà
4 niệm Phật đã lâu, một hôm giặt áo thật sạch bảo
5 con rằng: Ta sắp sinh Tịnh độ. Con vẫn chưa tin.
6 Đến hẹn bà lấy ghế đặt ở giữa sân rồi ngồi trên ghế
7 mà hóa. Người trong làng đều nghe mùi thơm lạ và
8 nhạc trời.

9
10 **4- Cư sĩ họ Cổ:** Cổ Nguyên, đời Đại Minh,
11 người ở Kim Lăng, tự hiệu là Cư sĩ Bảo Tràng.
12 Thuở nhỏ hay làm thơ, giỏi chữ Thảo. Lúc trung
13 niên nhất chí chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau bị bệnh
14 nhẹ nhóm họp Tăng Tục Đạo Hữu mười niệm A-
15 di-đà Phật, xướng họa nối nhau, lại bảo người rằng:
16 Tôi chắc chắn vãng sinh. Người hỏi làm sao biết?
17 Đáp: Tôi thấy Phật A-di-đà thân màu vàng đầy
18 khắp hư không, Phật lấy áo cà-sa phủ thân tôi, tôi
19 đã ngồi trong hoa sen. Lúc đó chúng nghe có mùi
20 hương hoa sen, các con bịn rịn không thôi. Cư sĩ
21 bảo: Các con nói ta đến nơi nào tức là nơi này, nơi
22 này nếu rõ ràng thì nơi nào không rõ ràng. Rồi ngăn
23 người rằng: Chớ nói nhiều làm loạn tâm ta, ở trong
24 hư không chư Phật đã đến đón rước ta, canh ba ta
25 đi. Đến hẹn thì vui vẻ mỉm cười mà hóa. Các ông
26 Thiếu Tông Bá Ân, Thu Minh viết truyện về Cư sĩ.

27 **Khen rằng:** Thân đã ngồi trong hoa sen, sinh

thì quyết định sinh nơi nào tức nơi này, đi thì thất
chẳng đi. Cư sĩ ắt không sinh ở Trung và Hạ Phẩm
đâu.

5- Họ Phương: Bà họ Phương đời Đại Minh,
là vợ của Chư Sinh Ngô Ứng Đạo, ba mươi tuổi đã
góa chồng, bèn thủ tiết quy y Phật chuyên tu Tịnh
độ. Có một bà vú già cũng trai giới theo nhau suốt
hai mươi năm. Niên hiệu Vạn Lịch năm Ất Dậu
tuổi đã năm mươi, bị bệnh nhẹ gọi Lão Bà cùng
nhau niệm Phật không thôi, không nói một lời về
các việc khác. Một ngày trước khi chết tắm gội
thay áo mới. Buổi sáng dâng hương lễ Phật rồi trở
về ngồi trên giường mà mất. Có Tử Dụng Tiên đậu
Tiến sĩ là người không hề dỗi gặt, kể tôi nghe đầu
đuôi như thế.

6- Bà mẹ Trương: Bà Trương đời Đại Minh,
họ Đào là vợ kế của Cư sĩ Trương Thủy Thủ Ước.
Cư sĩ thờ Phật, ngày mẹ mất, ông tụng niệm không
xen hở. Cư sĩ ra lạy Phổ Đà Mẹ gọi hai con bảo
rằng: Ta hằng ngày tham hai câu "Tâm ấy làm
Phật, tâm ấy là Phật", nay mới ngộ. Ngày mồng
bốn ta sẽ đi. Đến hẹn thì ngồi thẳng mà hóa. Ngày
hôm sau liệm xong, bỗng trên quan tài của bà mọc
ra năm đóa hoa sen xanh. Cư sĩ rất kinh dị tự hổ
thẹn vô cùng, vì ở chung nhau mà không biết được
đạo hạnh như vậy. Xa gần thấy nghe đều khen ngợi
kính mến.

1
2 **7- Tổ Hương:** Tổ Hương đời Đại Minh, người
3 ở Tân Dụ thuộc, Giang Tây, trú tại chùa Long Đàm
4 ở Sơn Đông, tinh tu Tịnh nghiệp có Cư sĩ Vương
5 Kiệt cất am mời đến ở. Không bao lâu bảo Kiệt
6 rằng: Ngày đó tôi sẽ về nhà, mọi người cố gắng giữ
7 lại Hương nói: Về nhà An Dưỡng mà thôi. Đến hẹn
8 thì ngồi xếp bằng ngó về phía Tây mà hóa. Đưa
9 khám vào núi lửa nổi lửa lên tự đốt.

10
11 **8- Quách Đại Lâm:** Quách Đại Lâm đời Đại
12 Minh, người ở Thang Âm. Bình thường rất đoan
13 khiết nho nhã trong sạch có mộng xuất thế (thoát
14 tục), gặp Tăng dạy cho niệm Phật, bèn nhất tâm
15 Tịnh độ. Năm bảy mươi sáu tuổi, một hôm không
16 bệnh mà già biệt con rằng: Ngày mai giờ Ngọ cha
17 sẽ đi. Đến hẹn ngồi mà hóa.

18
19 **9- Lưu Thông Chí:** Lưu Thông Chí đời Đại
20 Minh, người ở Kinh Đô tinh khản niệm Phật. Năm
21 năm mươi hai tuổi bị bệnh niệm càng thiết. Người
22 hàng xóm là Lý Bạch Trai chết trước đó, Thông
23 dứt hơi từ sáng sớm, đến Ngọ thì sống lại gọi người
24 nhà bảo rằng: Ta thấy một chiếc thuyền trên đó có
25 ba mươi sáu người bảo là về Tịnh độ, ta cùng Bạch
26 Trai cũng ở trong số đó, ngặt vì ta áo chưa sạch, lại
27 quên mang chuỗi, khiến ta thay áo lấy chuỗi thuyền

hãy còn đợi. Người nhà lật đặt thay áo đeo chuỗi vào cổ, khoảnh khắc thì qua đời.

10- Mẹ của họ Tôn: Mẹ của Trung Quan Tôn Danh đời Đại Minh, một đời trai giới niệm Phật. Về già bị bệnh nhẹ từ biết thời đến bảo con là muốn ngồi mà hóa. Con thương cảm khóc lóc ngăn không được. Bèn tự làm khám, đến hện thì vào khám ngồi yên mà hóa.

11- Đường Thê Như Văn Học: Đời Đại Minh, Đường Diên Nhậm là người vùng Lan Khê thuộc Triết Giang, hiệu là Cư sĩ Thê Như, hiệu hữu thuần ân vốn ở Thiên tánh. Thuở nhỏ đi học nổi tiếng sau đó biết đời là vô thường dốc lòng đến với Đạo, tham vấn ngài Vân Thê học Tam-muội niệm Phật, bèn ra sức thực hành, suốt mười ba năm như một ngày, chỉ dốc chí về Tây Phương. Niên hiệu Vạn Lịch năm Quý Mão gặp ngày Nhĩ Thuận giữa Đông. Bỗng bảo các con rằng: Ngày 11 năm mới ta sẽ đi. Mấy ngày trước đó lễ tụng như thường. Đến hện thì súc miệng rửa áo, ngồi thẳng, tay bắt ấn, miệng niệm Phật mỉm cười mà hóa như nhập vào Thiền định.

Khen rằng: Cư sĩ sắp nhập diệt các con thưa rằng: Khi cha qua đời có kể việc này cho ngài Vân Thê chép vào truyện Văng sinh chăng? Cư sĩ bảo:

1 Phải báo với thầy ta. Nhưng chớ có trau chuốt, cứ
2 theo việc mà trình bày thẳng. Còn việc chép vào
3 truyện hay không thì Thầy tự biết, chớ vì không
4 chép vào Truyện mà có sắc buồn ý buồn. Than ôi,
5 đây có thể thấy rõ chỗ an dưỡng, bình thường đối
6 với Tịnh độ tin chắc không dối, thì mỉm cười mà
7 hóa, vãng sinh nào có nghi gì?

8
9 **12- Văn Học Dương Gia Y:** Dương Gia Y, đời
10 Đại Minh, tự là Bang Hoa, người ở Thái Hoà, con
11 nhà Thế gia. Năm mười ba tuổi giữ giới không sát
12 sinh ruồi muỗi không giết. Năm hai mươi ba tuổi
13 học ở Nam Ung. Bỗng bị bệnh, niên hiệu Vạn Lịch
14 năm Ất Ty ngày 19 tháng giữa Đông thì mất. Trước
15 khi mất mộng thấy xuống Địa ngục thấy Đại Sĩ Địa
16 Tạng ở Điện Minh Dương. Khi thức dậy thì phóng
17 sinh và mời Tăng tụng kinh niệm Phật, bảo người
18 nhà rằng: Ta sắp đi, có hoa sen xanh hiện ra trước
19 ta không phải là cảnh Tịnh độ ư? Bèn ngày đêm
20 niệm Phật không thôi. Sai tất đuốc, bảo rằng: các
21 người nhờ đuốc để sáng, tu không cần, vì thường
22 ở trong ánh sáng. Hỏi thấy gì, thì đáp sen nở bốn
23 màu. Hỏi có thấy Phật Di-đà chăng? Thì đáp thấy
24 Phật Di-đà thân ngàn trượng. Hỏi còn Quán Âm thì
25 đáp thân bằng với Phật Di-đà. Hỏi thấy Thế Chí
26 thế nào, đáp: Không thấy. Nói xong bỗng nhiên
27 đứng dậy dâng hương, liền đó bảo rằng: Công đức
28 của Kinh Di-đà không thể nói không thể nói ta đã

được sinh Thượng phẩm, rồi im lặng mà hoá.

Khen rằng: Bang Hoa hiểu học, sách Thiên Trì đều đọc, riêng ngâm tâm ở nội điển, lại đề ý riêng về pháp môn Tịnh độ. khi sắp mất thì bảo công đức của kinh Di-đà không thể nói đến ba lần là ý rất thiết. Trọng Huynh là Gia Tộ viết truyện mà thề rằng: Nếu ta nói dối sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi, vì cũng thật thấy mà nói thiết người chẳng tin Tịnh độ nên suy nghĩ.

13- Văn Học Hách Hy Tải: Hách Hy Tải, đời Đại Minh, người ở Tiền Đường, pháp danh Quảng Định, Bình thường trung tín không lừa dối có Đức Hạnh nổi tiếng ở trường học. Về già theo Phật Thiền tụng ngày đêm không lười mỏi. Mùa Xuân tháng 2 niên hiệu Vạn Lịch năm Tân Hợi bị bệnh. Mỗi khi ngủ thức dậy bảo rằng mộng thấy ở trong núi cầu thầy Phật. Phật chưa thấy mà chỉ thấy trăm con chim tụ tập. Như thế mấy ngày. Đến ngày hai mươi bảy, giờ ăn, bỗng ngược đầu nhìn qua cửa sổ, bảo con là Thế Hàn rằng: ngày nay riêng ta một trời đất rồi nhìn người nhà đưa tiền bạc. Bỗng bảo ta vừa sợ thấy quan dùng nay lại không dùng. Đến canh ba thì bảo: Có hai Đồng tử đến đón rước, Phật ngồi đài hoa sen đã hiện trước ta. Ta đi đây. Rồi nằm thế cát tường mà hoá.

14- Bà họ Chu: Mẹ của họ Trần đời Đại Minh, là người họ Chu, người ở Gia Định thuộc Quận Ngô, là vợ của Cư sĩ Duệ Xuyên. Hiếu Từ tính trời luôn hướng về Tam Bảo. Năm tám mươi một tuổi người con tham học với ngài Vân Thê niệm Phật vãng sinh, bèn dốc chí Tịnh nghiệp. Hơn hai năm thì bị bệnh, ba ngày trước khi mất trở về chỉ cho pháp ở trước Phật Đường gọi to tên mẹ ba tiếng. Mẹ nói có hai thanh y ở đây. Lúc đó bệnh lâu rất nguy kịch. Bỗng đứng lên rồi ngồi thẳng. Các con khuyên nằm nghỉ, bèn nằm thễ cát tường mà hoá. Đón thi thễ lên nhà giữa thì thấy thi thễ nằm mặt ngó về hướng Tây. Lúc đó rất kinh dị cho rằng vì tinh thành mà cảm được như thế.

Khen rằng: Cha Hách mẹ Trần đều có điềm thanh y đồng tử thì sẽ sinh làm trời người. thễ mà một người thì Phật hiện đài sen, một người thì không quên ngó về Tây. Lại sẽ sinh Tịnh độ, hai tướng đều có, lúc đó nơi sinh chưa nhất định, tức chẳng sinh mà sinh lại không xa.

15- Bà họ Từ: Mẹ của họ Lục đời Đại Minh, là họ Từ, người Gia Định, ở goá quyết chí Tịnh nghiệp. Chồng xưa có cho vay nợ ngàn vàng, bà đốt bỏ giấy nợ không lấy. Dem hết của ra thí cho người, thường ở trước Phật lễ tụng không ngừng, như thế suốt mười năm. Một đêm bỗng gọi người hầu bảo: Xem Phương Đông có ánh sáng phát ra

chăng, ta vãng sinh đây, đã đến lúc rồi. Các con nên giúp ta. rồi lớn tiếng niệm Phật chấp tay mà hóa.

16- Qua Quảng Thái Cư sĩ: Qua Dĩ An, đời Đại Minh, pháp danh là Quảng Thái, người Tiên Đường. Tánh rất chí hiếu, ưa làm các việc lành mà tự giấu kín không cho ai biết. Về già, tinh thành thờ Phật, cùng Linh Chi Tăng Huyền Tổ kết hai Xã Xuân Thu niệm Phật tụng năm Kinh như Hoa Nghiêm, v.v.... Bỗng gọi người bảo rằng: Ta đại hạn sắp đến, phải lo phương tiện để về Tây Phương, rồi ở trong thất tụng Kinh sớm chiều không thôi, dự biết trước ngày đi. Đến ngày 21 tháng chạp, trước đó hai đêm, mẹ con còn bịn rịn buồn thương. Cư sĩ cười nói rằng: Hễ có sinh thì có diệt, sao lại buồn thương, nên giúp con ngưng Thần Tịnh độ tận mắt thấy Phật Di-đà, cần thận chớ dùng tình thương làm loạn Chánh niệm của con. Rồi chỉ chăm chăm căn dặn Huyền Tổ nên trợ niệm không nói gì khác. Đến hẹn thì im lặng mà hóa.

Khen rằng: Tăng xuống âm phủ thấy Cư sĩ ngồi yên ở tịnh thất, sách vở đầy bàn, sân có nhiều trúc tím, gộp đá xanh mịn như động trời. Cư sĩ phải sinh Cực Lạc sao còn ở Âm Cảnh, là ý nói rằng hằng ngày chí thiết tụng kinh, kinh nguyện chưa xong mãi nguyện rồi sau đó liền vãng sinh.

17- Đồ Cư sĩ: Cư sĩ họ Đồ đời Đại Minh, người ở huyện Uyển, Bình thuộc phủ Thuận Thiên, ẩn cư bên cạnh chùa Thụy Quang ở Tây Sơn, trong Cổ Trai Đường, bỏ hết chuyện nhà. Ba mươi năm chuyên chí niệm Phật. Tôi và người làng là Đồng Quảng Sách đến hỏi Cư sĩ từ đâu đến, thì đáp ở Hàng Châu. Rồi hỏi các anh là người Hàng Châu, có biết Vân Thê Hoằng Công không? Sách đáp: Là Thầy tôi đó. Cư sĩ bèn chấp tay niệm Phật không nói gì khác nữa. Khi sắp mất thì lễ Sám chín ngày, Sám vãn đến chỗ rất khẩn thiết, liền rơi lệ nghẹn ngào, rồi tuyệt thực chỉ uống nước, Sám Hối xong ngồi mà hóa. Suốt một tuần mà dung mạo vẫn như còn sống. Mọi người nhìn thấy mây năm màu vẫn vũ trên nóc nhà.

18- Cư sĩ Tôn Đại Vu:

Tôn Thúc Tử, đời Đại Minh, pháp danh Đại Vu. Từ nhỏ tánh thông minh đoan xác. Năm mười hai tuổi theo cha là Cư sĩ Cảnh Ngô, thờ tượng Di-đà bốn mươi tám nguyện, đến Vân Thê nhân đó thọ năm giới, bỏ ăn thịt cá, dứt giao du, dẹp bỏ đồ mặc bằng lông da thú, chuyên chí niệm Phật thề lấy đài vàng mà siêng năng khổ nhọc không tiếc mạng sống. Bỗng nhiên thấy hai vị Tỳ-kheo cầm hoa sen lấy Nhất Tâm Tịnh độ mà ẩn khả. Lại thấy hóa nhân, bèn tụng Kinh Kim Cương một ngày đêm, thấy mà sợ hãi bèn ngồi dậy nói: Phật Di-đà và

Quán Âm đều đến đón rước ta. Bèn kết ấn Kim Cương, hô lớn A-di-đà Phật mấy câu rồi an nhiên mà hóa, lúc đó là niên hiệu Vạn Lịch năm Tân Hợi ngày 11 tháng 11- Ông có soạn Tịnh độ Thập Nhị Thời Ca, lưu truyền ở đời. Nói rất rõ trong Ngô Thái Sử Tây Sinh truyện.

Khen rằng: Ngô Thái Sử nhìn mình là Cư sĩ, xưng là Vu, năm sinh ra thì trong nhà có cỏ chi báo hiệu điềm lành, năm mất đi thì cỏ ấy có thứ to bằng cái đầu, như vàng như ngọc, như vòng tròn trắng đỏ là điềm lành vãng sinh, có thể làm chứng cứ. Bèn viết thành Tôn Thúc Tử Tây Sinh truyện, Thái Sử Trương là người không nói dối nên chép vào.

19- Ngô Cư sĩ: Ngô Cư sĩ đời Đại Minh, người ở Nhân Hòa, húy là Đại An, biệt hiệu là Ngưỡng Trúc. Bình thường rất hiếu hữu thành đức, thích làm việc âm đức, phóng sinh cứu khổ giúp đỡ chòm xóm. Liền cảm được các loại thiện báo như âm u gặp ánh sáng, thuyền gặp nguy ách thì gió đổi chiều mà dốc lòng về Nội Giáo. Sớm tối tụng kinh niệm Phật A-di-đà, tinh tấn không mệt mỏi. Niên hiệu Vạn Lịch năm thứ bốn mươi, ngày ba tháng 9- cáo biệt chúng ngời kiết già mà hóa. Trong Thất có mùi thơm lạ, thần sắc sáng rỡ. Có nói đủ do Ấn Trì Nghiêm Quân viết thành truyện.

1 **20- Ngô Cư sĩ:** Ngô Cư sĩ đời Đại Minh, thuộc
2 thế gia, ở Tân An húy là Kế Úc, tự là Dụng Khanh,
3 biệt hiệu là Cư sĩ Thập Như. Tánh khí trầm lặng,
4 chất như cây thẳng. Thích làm các việc lành không
5 hề chán xem như Cam lộ. Về già để tâm vào Nội
6 điền, trì chú Vãng sinh, niệm hồng danh Phật A-
7 di-đà., có thời khóa nhất định, lạnh nóng gió mưa
8 không đổi. Có lần té xuống sông như có vật nâng
9 chân nổi lên trôi xa mười dặm mà trèo lên thuyền.
10 Mọi người cho là nhờ năng lực Phật mà cảm được.
11 Bỗng bị nhọt ở lưng rất nguy hiểm, nhiều người
12 không chịu nổi lo lắng, riêng Cư sĩ cười nói tự
13 nhiên như không có gì. Bỗng nhiên chánh niệm thị
14 tịch. Con ông và Chương Tử, Dư Thị là người thiện
15 tín không hề nói dối đã thuật lại hành trạng của ông
16 như thế.



VÃNG SANH TẬP

QUYỂN 3

I- CÁC THÁNH ĐỒNG QUY:

1- Chọn Sinh Cực Lạc: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: Lúc đó Vi-đề-hy than khóc bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn, hãy vì con mà nói chỗ không có sầu khổ con sẽ cầu sinh về, con không còn ưa thích cõi Diêm-phù-đề trược ác này nữa". Do đó Đức Thế tôn phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày chiếu khắp các thế giới mười phương, các cõi nước Phật đều hiện trong đó. Khi ấy Vi-đề-hy thấy rồi liền hướng về Phật bạch rằng: Các cõi nước Phật tuy đều thanh tịnh và sáng rõ, nhưng con chỉ nguyện sinh về thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà.

2- Vãng sinh vô số: Kinh Đại Vô Lượng Thọ nói: Đức Di-lặc bạch Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu vị Bồ-tát vãng sinh về Cực Lạc. Đức Phật bảo: Nay Di-lặc, ở thế giới này có sáu mươi hai Bồ-tát ức Bát Thối vãng sinh về cõi nước ấy, còn các Bồ-tát Tiểu hạnh thì không thể tính đếm

được. Không chỉ riêng ở cõi nước này mà các cõi Phật ở Phương khác như cõi Phật Liên Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ-tát cũng sẽ vãng sinh cho đến cõi Phật ở mười phương, người vãng sinh nhiều vô số. Nếu ta nói đủ thì dù một kiếp cũng không hết được.

Khen rằng: Thế giới này và các cõi ở phương khác số người vãng sinh nhiều vô lượng thì Tịnh độ làm sao chứa hết. Ôi, biển xanh còn chứa trăm sông, hư không còn bao trùm cả vạn tượng. Mà vô biên sát hải không ở ngoài một lỗ chân lông của Phổ Hiền, nêu Tịnh độ như đất trên đầu mũi kim mà chứa vô tận người vãng sinh nhưng cũng chẳng to lớn rộng rãi thừa chỗ.

3- Thấy Phật Di-đà: Kinh Quán Phật Tam-muội nói: "Phật thọ ký cho Văn-thù sẽ sinh về Cực Lạc. Ngài Văn-thù phát nguyện kệ rằng: Nguyên khi tôi qua đời, dứt trừ các chướng ngại, tận mắt thấy Phật Di-đà, vãng sinh cõi An Lạc, sinh cõi Phật ấy rồi, đầy đủ đại nguyện con, Phật Di-đà Như lai, hiện tiền thọ ký con".

4- Mười Nguyện cầu Sinh: Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền nêu mười Nguyện lớn vì khắp chúng sinh cầu sinh Tịnh độ, kệ rằng:

*"Nguyện khi đến lúc con qua đời,
dứt trừ tất cả các chướng ngại*

*Tận mắt thấy được Phật Di-đà,
liền được vãng sinh nước An Lạc".*

Lại nói: Phật ấy chúng hội đều thanh tịnh - Lúc ấy tôi sinh trong hoa sen quý

Được thấy Như lai Vô Lượng Quang, Hiện ra thọ ký con quả Bồ-đề

Khen rằng: Văn-thù là Tổ của bảy Đức Phật, Phổ Hiền là gốc của vạn Hạnh, mà vãng sinh Tịnh độ thì căn dặn mãi nơi miệng. Ở cõi Ta- bà là phụ tá, ở cõi An Dưỡng là cận thần rất rõ. Nếu xem thường Tịnh độ mà không nguyện vãng sinh là lầm.

5- Kệ Luận Tịnh độ: Bồ-tát Thiên Thân, người Thiên-trúc soạn ra các luận, lên Nội Viện Đâu-suất lễ ngài Di-lặc. Lại soạn Luận về Kinh Vô Lượng Thọ và kệ Tịnh độ năm môn Tu Pháp, khuyên khắp mọi người cầu vãng sinh.

6- Hình Nghi Thỉnh Phật: Chùa Kê-đầu-ma ở Thiên-trúc, Bồ-tát Ngũ Thông dùng thần lực đi đến nước An Lạc gặp Phật A-di-đà thưa rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà nguyện sinh Tịnh độ nhưng không có hình ảnh Phật, xin Phật tùy hiện ra cho. Phật bảo ông hãy về trước ta sẽ hiện ra. Bồ-tát Ngũ Thông vừa về thì Thánh Nghi (Hình Phật) đã đến gồm một Phật và năm mươi vị Bồ-tát đều ngồi tòa

sen trên lá cây. Bèn vẽ hình lưu hành, thấy trong
Cảm Thông truyện.

Khen rằng: Người nghi An Dưỡng không phải
Thần lực đến được.

Ôi, một niệm vãng sinh chẳng nhọc phút chốc
đâu có lo gì?

7- Soạn Luận Khởi Tín: Bồ-tát Mã Minh, là tổ
thứ hai mươi ở Tây Thiên, có soạn Luận Khởi Tín
ở phần sau có nói câu sinh Tịnh độ rất thiết yếu.

**8- Long Thọ được thọ ký sinh Cực Lạc - Kinh
Lăng-già nói:** Nay Đại Tuệ! ông nên biết: Sau khi
Phật nhập Niết-bàn, ở đời vị lai sẽ có người giữ
Pháp ta là Tỳ-kheo Đại Danh Đức, hiệu là Long
Thọ có khả năng phá các Tông Hữu Vô, ở thế gian
hiển bày Pháp Đại Thừa Vô Thượng của ta, chứng
sơ Hoan Hỷ Địa vãng sinh nước An Lạc.

9- Làm các điều lành vãng sinh: Kinh Đại Bi
nói: "Phật nói khi ta diệt độ rồi ở các nước Bắc
Thiên Trúc có Tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-già tu tập vô
lượng các loại căn thiện Bồ-đề tối thắng, chết rồi
sinh về Tây Phương cách đây trăm nghìn ức thế
giới là nước của Phật Vô Lượng Thọ, ở đây sẽ gieo
trồng các căn thiện, sau sẽ thành Phật hiệu là Vô
Cầu Quang".

10- Được Nhẫn vãng sinh - Kinh Bồ-tát Sinh

Địa chép: "Phật nói: Lúc đó Ma-sai-kiệt được Bất Khởi Pháp Nhẫn, có năm trăm vị Thanh Tín Sĩ, hai mươi lăm Thanh Tín Nữ đều được Địa Bất Thối Chuyển, sau cùng Tất cả đều sinh về nước thanh tịnh của Phật Vô Lượng Thọ".

Khen rằng: Cầu sinh Tây Phương là muốn ngộ Vô sinh Nhẫn lên địa Bất Thối, đã được Nhẫn rồi lại được Bất thối mà còn cầu sinh chỗ vui Bồ-tát gần gũi Như lai. Như thế mà nay phàm phu có đủ triền phược, Nhẫn lực chưa có, duyên lui sụt nhiều vô số, nhưng không khắc tâm Tịnh Độ thì gọi là gì? Đó gọi là hạng thật đáng thương xót.

11- Đại Nguyện thứ hai - Kinh Bồ-tát Nội

Giới chép: "Bồ-tát có ba nguyện, nguyện thứ hai là nguyện cho tôi khi chết được sinh về nước Phật A-di-đà.

12- Niệm Phật diệt tội: Luận Đại Trí Độ nói: Có các Bồ-tát tự nghĩ rằng chệch bại Đại Bát-nhã thì phải đọa vào đường ác trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác nhưng không thể diệt trừ các tội. Sau gặp tri thức dạy cho niệm Phật A-di-đà bèn diệt hết các chướng mà siêu sinh Tịnh độ".

Khen rằng: Dốc lòng niệm Phật một, diệt câu được tội năng sinh tử trong tám mươi ức kiếp. Đây

là bằng chứng rõ ràng. Vì sao, là vì độc lòng. Nếu không độc lòng thì tội không diệt hết, đừng nói là lời Thánh dạy không thật.

13- Thắng Hội nêu Tên: Thiền sư Trường Lô Trách, theo phép tắc để lại của Viên Tổ (Tuệ Viễn) mà lập Liên Hoa Thắng Hội khuyến khắp niệm Phật. Tới đến mộng thấy một người đội khăn mặc áo trắng, phong mạo đẹp đẽ thanh tú đến và bảo rằng: Muốn vào Thắng Hội Liên Hoa của ông, xin viết một tên. Trách hỏi tên gì, đáp là Phổ Tuệ. Viết xong, người ấy lại hỏi: Anh tôi là Phổ Hiền cũng muốn ghi tên. Trách thức dậy tìm xem trong Kinh Hoa Nghiêm phẩm Ly Thế Gian có tên hai vị Bồ-tát ấy bèn để tên đứng đầu Hội.

Khen rằng: Phàm Tăng kết Xã mà Thánh xưa ghi tên thì thật Tịnh độ không phải là tiểu duyên. Bởi vì việc làm có chân thành thì ngầm thông đều linh ứng, một khi có dối trá, để người đời ham thích thì chính là kẻ chẳng ra gì, hướng là Cổ Thánh ư? Nay gọi là Phật hội mà Trách đã thấy được thì thật là tin tức lớn.

14- Lược nêu các bậc tôn túc:- Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải, là đích tử truyền đạo của Mã Tổ, là tông lâm muôn đời. Ngài có lập Pháp cầu an cho Tăng bệnh và cầu siêu đưa các vị Tăng qua đời về Tịnh độ.

1 - Thiền sư Hoàng Long Tân, tham học với Giác
2 Lão được ý chỉ bèn nổi ghe giảng kinh. Tông
3 Phong của ngài Hoàng Long rất hưng thịnh mà
4 thiết ý Tịnh độ. Ngài có Văn Khuyên Niệm Phật
5 lưu hành ở đời, khiến người phát tín tâm mạnh

6 - Thiền sư Chân thành yết, nổi pháp ngài Đôn
7 Hà Đôn Công xuyên suốt một tông, đến đời Sư thì
8 rất hiển hách. Sau dựng am ở Bồ Đà am tên là Cô
9 Tuyệt, chuyên ý Tây Phương. Sư có soạn Tịnh độ
10 Thuyết, khuyên khắp bốn chúng.

11 - Thiền sư Từ Thọ Thâm, đặc pháp với ngài
12 Trường Lô Tín, chuyên tâm niệm Phật, bảo là tu
13 hành đường tắt không gì hơn Tịnh độ. Ngài lập
14 Đạo tràng Tây Phương hết lời khuyên chúng, sau
15 ngài đứng mà hoá.

16 - Pháp sư Thạch Chi Hiệu, nổi pháp ngài
17 Nguyệt Đường Tuân Công, thông suốt giáo bộ, lấy
18 Tịnh nghiệp dạy người, có nhóm họp các sách Đại
19 Tạng. Ngài có Lạc Bang Văn loại lưu hành ở đời.

20 - Thiền sư Tịch Đường Nguyên, học Thiền với
21 ngài Mật Am Kiệt, dốc chí Tam-muội niệm Phật,
22 cảm được Thần Kim Giác từ trời xuống. Mộng
23 thấy hoa sen đỏ từ đất mọc lên, do đó Liên tông rất
24 thịnh hành ở mười châu.

25 - Thiền sư Trung Phong Bồn, được Pháp với
26 ngài Cao Phong Diệu. Người kính mến như núi
27 cao, như sao Bắc đẩu. Sư có soạn Hoài Tịnh độ Thi

1 một trăm bài, truyền rộng ở đời.

2 - Ông Vương Dĩ Ninh Đãi Ché, tự xưng là đệ
3 tử Di-đà.

4 - Ông Triều Duyệt Chi Hàn Lâm trả lời thư của
5 Triệu Tử Ngang khen là Lời chân thật về Tây
6 Phương Tịnh độ.

7 - Ông Trần Quán Đãi Ché làm Bài Ký về viện
8 Tịnh độ ở chùa Diên Khánh rất khen về niệm Phật.

9 - Ưu Đàm Tông Chủ ở Thiện Pháp đường chùa
10 Đông Lâm ở Lô Sơn có soạn Liên Tông Bảo Giám,
11 vâng chỉ vua khắc bản lưu hành vì muốn trung
12 hưng Tịnh độ.

13 *** Luận chung:**

14 Thiên sư Thiên Như bảo: Người nay chê bai
15 Tịnh độ không phải là khinh thường những người
16 tầm thường mà là khinh thường các ngài Văn-thù,
17 Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, ... Cho nên tôi
18 nhóm họp các kinh để làm thật thuyết ấy. Có người
19 còn nghi Đạo Bồ-tát lớn tựa như đũa, không cần
20 phải cầu sinh. Than ôi, nếu không phải ở vị Diệu
21 Giác, dầu vị cao ngang hàng Đại Thánh cũng
22 không thể một ngày lìa Phật, huống chi là kẻ thấp
23 kém ư? Bởi ví như tước càng cao thì càng sâu kín.
24 Nếu anh ta gánh vác cày bừa thì đám ngư tiều sẽ
25 tuyệt vọng. Đối với đấng Cửu Trùng đang hui hui
26 tự đắc mà bảo rằng Minh Chủ không đáng gần giữ
27 gìn, thật nực cười thay!

II - CÁC VIỆC CẢM ỨNG LÚC CÒN SỐNG:

1- *Quý không dám ăn thịt:* Khi Phật còn tại thế, có một nước ở gần nước La-sát, quý La-sát ăn thịt người rất nhiều. Vua ra quy định rằng từ nay trở đi người trong nước ấn định một ngày nhất định theo thứ lớp nộp thịt, không được giết oan uổng. Có một nhà thờ Phật chỉ sinh một con trai đến phiên nộp thịt. Cha mẹ buồn khóc dặn con dốc lòng niệm Phật, nhờ oai thần Phật mà quý không dám gần. Sáng hôm sau đến thấy con vẫn còn sống, bèn mừng rỡ dắt con trở về. Từ đó nạn La-sát mới dứt, người trong nước rất vui mừng.

2- *Mộng được thông minh luận giải:* Nam Nhạc Tuệ Tư Thiên sư, Đời Tùy: tinh tâm thờ Phật, do đó mộng thấy Phật A-di-đà nói Pháp cho nghe. Từ đó bèn thông minh hơn người, biện tài vô ngại.

3- *Oán thù xa lánh:* Thiều Bưu đời Đường, người ở Trần Giang lúc còn là học trò, mộng thấy đến một Công Phủ, mọi người gọi là An Phủ Sứ Ty. Bổng có vị quan hỏi: Người biết vì sao thi chẳng đậu chẳng? Bưu đáp không biết. Do đó dẫn Bưu đi về phía trước thấy có một cái chảo lớn đang nấu ghêu sò, chúng nói tiếng người kêu tên Bưu. Bưu sợ quá niệm Phật A- di-đà. Mới mở miệng thì con hào hóa thành chim sẻ vàng bay mất. Sau đó

Buru thi đậu làm quan đến chức An Phủ.

Khen rằng: Vì sát sinh mà chậm được lộc (làm quan), niệm Phật giải bỏ nghiệp oan. Nay học trò cúng tế vật sống để cầu phù hộ ở quỉ thần mà không biết trì niệm hồng danh vạn đức làm cách ấy cũng được giúp đỡ. Nguyên kẻ ba lần hiến Liên thành biết đây là ở bên chảo sắt.

4- Vợ chồng cùng thấy Phật: Cát Tể Chi đời Tống, người ở Câu Dung là con cháu của Trĩ Xuyên. Bỏ việc đời đi học Tiên. Vợ là bà Kỷ một mình tinh thành niệm Phật. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 10 ba, đang còn dệt vải bỗng thấy trên hư không trong sáng, bèn ném con thoi ngược nhìn bốn phía thì thấy ở phương Tây có Phật hiện thân, có cờ phướn long báu chiếu sáng che kín như mây, vui mừng bảo rằng kinh nói Phật Vô Lượng Thọ tức là đây chăng? Bèn nhìn Phật đánh lễ. Tể Chi rất kinh lạ liền đến nơi, họ Kỷ chỉ chỗ Phật, Tể Chi cũng thấy nửa thân Phật, bỗng Phật biến mất. Mây lành năm màu, người trong làng đều thấy. Từ đó nhiều người quy y Phật Pháp.

5- Đuổi quỉ chẳng hiện: Trần Xí, đời Tống, người ở Long Thụ, từng giết người. Sau thấy quỉ hiện, Xí sợ quá vội niệm A-di-đà Phật, quỉ không dám đến gần, bèn niệm Phật không ngừng, quỉ bèn

không hiện nữa.

Khen rằng: Quỷ đòi mạng, vì sao niệm Phật mà quỷ biến mất? vì công đức oai thần của Phật A-di-đà không thể nghĩ bàn. một khi xưng niệm thì quỷ được cứu thoát, nên không hiện nữa lẽ nào chú thuật tầm thường mà đuổi được ư?

6- Tiến bạt cầu siêu vong linh: Trương Kế Tổ, đời Tống, người ở Trấn Giang, rất tin Tây Phương Tịnh độ. Bà mẹ nuôi chết, ông niệm Phật thật nhiều đề dâng tặg. Một tối mộng thấy mẹ về tạ rằng: Nhờ anh niệm Phật mà tôi đã được sinh về cõi lành.

7- Thức ngủ được yên: Lưu Trọng Tuệ đời Tống, người ở Trường Hưng thuộc Hồ Châu bị bệnh, đêm nằm mộng sợ hãi. Có người dạy cho niệm Phật, bèn chí thành lớn tiếng niệm một trăm lễ tám biến. Sau đó đêm ngủ thì thần phách đều yên, từ đó niệm Phật không ngớt.

Khen rằng: Người xưa dụ giấc ngủ là chết ngắn, lời này thật khéo, bởi mộng mị điên đảo giống như sinh tử hôn mê. Khi nào hết ngủ thì thần yên, khi mạng hết thì từ từ sẽ có phần tự do. Đại Sư Thiện Đạo dạy người khi ngủ nên vào quán thật là có lý.

8- Bệnh mắt lại sáng:

Nguyễn Niệm Tam Tẩu đời Tống, là nông dân

ở Hoài Ninh, hai mắt sắp mù, thường niệm Phật không ngớt, mắt bèn sáng lại.

9- Lại mắt sáng: Cô gái họ Sài, hai mắt mù, niệm Phật ba năm siêng năng không bỏ, thì hai mắt sáng lại như xưa.

Khen rằng: Ánh sáng của Phật Di-đà vô lượng chiếu sáng khắp các cõi nước mười phương, nếu dốc lòng nhớ nghĩ tưởng niệm, nếu con người không sáng thì mắt tâm sẽ rộng sáng. Mà thời nay người mù thường thường cầu thầy lên đồng, tạo nghiệp sát. Đó gọi là từ mù đi vào mù, không bao giờ có lúc thấy được mặt trời. Than ôi, làm sao tôi có thể lấy việc này để bảo khắp với tất cả người mù được!

10- Không bị bệnh sốt rét: Lý Tử Thanh đời Tống, bị bệnh sốt rét đã lâu. Cư sĩ Long Thư dạy cách khi sắp phát cơn thì chuyên chí niệm Phật, sau mới uống thuốc. Tử Thanh tin lời làm theo, thì ngày giảm phân nửa. Ngày sau lại niệm thì bệnh lành, từ đó dốc chí tin tưởng niệm Phật.

11- Xá-lợi cùng hiện: Liêm trung Đại Phu ở Cán Châu-đời Tống, cung kính nhờ người theo hình Phật A-di-đà tượng sáu, mới theo được nửa thì bỗng có Xá-lợi hiện trong sợi tơ. Cả nhà đều

ngạc nhiên khen ngợi.

12- Xá-lợi hiện: Ở Chân Châu, chung Ly Thiếu Sư Phu Nhân là người họ Nhậm, khắc tượng Phật A-di-đà cao bốn tấc tám phân, thờ trong khám thất rất nghiêm ông thường đánh lễ hành đạo. Bỗng ở giữa hai đầu chân mày của tượng hiện ra Xá-lợi to như hạt gạo, lấp lánh chiếu sáng người.

13- Trị bệnh đều lành: Ở Tú Châu, đời Tống, có một vị Tăng thường niệm Phật A-di-đà trị bệnh cho người. người bệnh xin trị thì bệnh lành rất nhanh. Người trong Châu kính tin như Phật.

14- Bị giam cầm được thoát nạn: Niên hiệu Chí Chánh năm thứ 10 lẫn đời Nguyên, vào mùa đông Trương Sĩ Thành tiến đánh Hồ Châu Thừa Tướng Giang Triết ứng chiến, bắt được bốn mươi người giam lại đưa lên quan, đêm ngủ tại chùa Điều Khoa ở Tây Hồ. Vừa lúc đó, có Thiên sư Đại Du Mưu đi dạo thông thả dưới hành lang. Có người tù nhìn thấy Sư thần quang nhàn nhã trì tụng không ngớt. Do đó thưa rằng: Trưởng Lão cứu con. Sư nói: Ta không thể cứu, chỉ nên chí thành niệm Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn A-di-đà Phật thì sẽ cứu được các ông. Trong đó có ba người tin lời bèn niệm không dứt. Trời sáng phát tù đổi gông cùm

thì đến ba người các gông cùm không đủ, chỉ cột bằng dây. Khi xem xét thì biết là lương dân bị giặc bắt theo, bèn thả.

Khen rằng: Trong phẩm Phổ Môn có nói: "Người bị giam cầm gông cùm tay chân bị trói buộc, niệm danh hiệu Quán Âm tự nhiên được giải thoát". Xưa nay người tin tưởng niệm Phật thì được giải thoát người chưa tin việc này thì gông cùm thường thấy. Oai thần của Phật vượt hơn Bồ-tát không biết bao nhiêu lần. Có khi thấy chặt lìa tay chân mà niệm Thích-ca Như lai thì tứ chi mọc lại, cắt chi còn sinh lại huống chi là gông cùm mà không tin ư? Cho nên cố ý nêu ra.

*** Luận chung:** Pháp môn niệm Phật người ta biết là sau khi chết thì sinh về mà không biết lợi ích lúc đang sống. Cho nên nghe trì chú được linh nghiệm thì liền đổi mà trì chú. Nghe giảng nói được thông minh thì liền đổi sang giảng. Nghe xây cất được Phước báo, nghe lập trai hội thì được duyên người. Cho đến nghe nuôi người thì được sống lâu, các thứ biến đổi thường không dẹp bỏ thì sao được nhất tâm bất loạn mà mong Tịnh nghiệp được thành. Cho nên tôi nhóm họp nêu ra đây để cắt đứt việc kính mến bên ngoài của người đời mà nói rằng việc cầu sinh Tịnh độ vốn vì thành Phật độ sinh, chứ không phải là mưu đồ sự vui sướng cho thân sau, sao lại còn kể lợi và không lợi cho thân hiện đời ư?

*** *Khuyên khắp làm người ắt tu Tịnh độ:***

Trong Tịnh độ Hoặc Vấn của ngài Thiên Như chép: "Người tu Thiền thấy người tu Tịnh độ thì chê là những người tầm thường. Đây không phải là chê những người tầm thường mà là chê Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ". Lời ấy thật thống thiết. Như thế nếu có người chưa tin thì do đây khảo cứ để làm chứng là không luống dối. Kinh Quán Phật Tam-muội, Bồ-tát Văn-thù nói kệ rằng:

*Nguyện khi tôi qua đời,
Dứt trừ các chương ngại,
Thấy mặt Phật Di-đà,
Vãng sinh nước An Lạc.*

Trong Phẩm Hạnh Nguyên Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền có nói kệ rằng:

*Nguyện đến tôi lúc sắp qua đời
Dứt trừ tất cả các chương ngại
Tận mặt thấy Phật A-di-đà
Liên được vãng sinh nước An Lạc.*

Trong luận Khởi Tín, Bồ-tát Mã Minh chỉ rõ có Phương Tiện Tối Thắng là Chuyên ý niệm Phật, liền được vãng sinh, không bao giờ lui sụt.



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ
12 SỐ 2073
13 (QUYỂN 1 → 5)
14
15
16
17
18
19
20
21

22 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
23 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN
24

1 **SỐ 2073**

2 **HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ**

3 *Sa-môn Pháp Tạng chùa Sùng Phước*
4 *Kinh Triệu biên tập.*

5 **QUYỂN 1**

6 Gồm các phần sau đây:

7 Bộ loại, Ấn hiên, Truyền dịch, Chi Lưu, Luận
8 thích, Giảng giải, Phúng tụng, Chuyển đọc, Thư tả
9 - Tập thuật.

10 **1. BỘ LOẠI:**

11 Xét kinh này là mây thân pháp giới của Phật
12 Tỳ-lô-giá-na, ở giữa biển Thế Giới Trang Nghiêm
13 Liên Hoa Tạng, ở trong Hải Ấn Tam-muội và Hải
14 Hội Thánh Chúng Phổ Hiền, v.v..., vì Đại Bồ-tát
15 mà nói ra. Phạm một lời, một nghĩa, một phẩm,
16 một hội đều khắp mười phương hư không pháp
17 giới và mỗi hạt bụi, cỗi nước trên đầu sợi lông, hết
18 cả Nhân-đà-la vãng vi tế thế giới nhỏ nhiệm cùng
19 tột bờ cỗi trước sau tất cả kiếp hải và mỗi niệm đều
20 đủ vô biên kiếp thường nói, nói khắp không hề
21 nghỉ ngơi, chỉ là vô tận năng lực Đà-la-ni giữ gìn
22 bút mực chẳng thể ghi được. Đây chính là viên mãn
23 pháp luân xứng với pháp giới mà nói. Chỉ vì Bồn

1 chẳng là Tích, là vì chỗ gởi của trời người, thời
2 đến 27. Vì Tích chẳng là Bốn chín hội tức khắp
3 mười phương. Mười bốn gồm cả mười đời. Vì Bốn
4 Tích không hai, khiến vô hạn tức là hạn, hạn tức là
5 vô hạn. Như trong kinh này Hải Vân Tỳ-kheo đã
6 trì Phổ Nhân Tu-đa-la, dùng bút nhiều như núi Tu-
7 di, mực như nước biển lớn mà viết mỗi phẩm
8 chẳng thể cùng tận. Lại như Tam tạng Chân Đế
9 nói, Tây Vực Truyện Ký chép: Bồ-tát Long Thọ
10 đến cung rồng thấy bộ kinh Hoa Nghiêm Đại Bát
11 Tư Nghị Giải Thoát này có ba bản: Bản Thượng có
12 số kệ nhiều bằng cát bụi của mười Tam thiên đại
13 thiên thế giới, số phẩm nhiều bằng cát bụi của bốn
14 thiên hạ. Bản Trung có bốn mươi chín vạn tám
15 ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm.
16 Bản Hạ có mười vạn bài kệ, bốn mươi tám phẩm.
17 Hai Bản Thượng Trung và Phổ Nhân v.v... đều
18 chẳng phải sức người phạm làm được, nên giấu đi
19 mà chẳng truyền bản Hạ thì thấy có lưu thông ở
20 Thiên-trúc, bởi cơ ngộ khác nhau, nên chỗ nghe có
21 khác. Văn-thù, Phổ Hiền đích thân được giáo,
22 Thiên Thân, Long Thọ chỉ thấy Di Thuyền. Tiểu
23 Thánh đồng ngồi mà chẳng nghe, Đại sĩ khác
24 đường mà giác trước. Hành tàng của Thánh giáo,
25 khí cục hơn kém đoán có thể biết. Lại vì Phật diệt
26 độ đã lâu, chúng sinh báo kém sắc lực niệm tuệ đều
27 giảm tổn. Ở bản Hạ này ai không có năng lực nhận
28 đủ, bèn tùy sức tùy vui, chia nhau chép mà thọ trì

1 hoặc đủ mười vạn bài kệ. Đại Bản cũng còn, hoặc
2 ba vạn sáu ngàn bài kệ như đời Tấn đã dịch, hoặc
3 còn bốn vạn bài kệ như đời Chu đã dịch; hoặc chia
4 Phẩm-Hội thành bộ pho riêng, như Chi-lưu đã nói
5 hoặc từ từ tạm thời ẩn mất chẳng nghe tên đều do
6 khí (người tài) cho nên như thế. Cũng như mặt trời
7 sáng rực giữa trời không có hơn kém, nhưng mắt
8 sáng thì thấy rõ, mắt mù thì chẳng thấy gì, há mặt
9 trời chẳng sáng ư? Nay ở đây cũng thế, rộng lược
10 ở người (khí) vốn pháp không thiếu.

11 2. ẨN HIỂN:

12 Y kinh Văn-thù Bát Niết-bàn, sau khi Phật diệt
13 độ khoảng bốn trăm năm mươi năm, Văn-thù-sư-
14 lợi còn ở thế gian, y theo Luận Trí Độ và các kinh
15 Đại Thừa phần nhiều là do Văn-thù-sư-lợi kiết tập.
16 Kinh này là do Văn-thù kiết tập. Khi Phật mới diệt
17 độ thì Hiền thánh tạm ẩn, còn đạo lạ thanh hành,
18 thiếu người Đại thừa thâm nhiếp kinh này nên kinh
19 này ở tại cung rồng giữa biển suốt hơn sáu trăm
20 năm chưa truyền ở đời. Bồ-tát Long Thọ xuống
21 cung rồng, thấy kinh này sâu kín bèn học thuộc
22 lòng rồi đem truyền lại do đó mà truyền bá rộng
23 rãi. Khai Hoàng Tam Bảo Lục có ghi: Xưa, cách
24 nước Vu-diên về phía Đông Nam hơn hai ngàn
25 dặm, có nước Giá-câu-bàn, vua nước ấy nhiều đời
26 kính trọng Đại thừa. Danh tặng các nước vào cảnh
27 vực ấy đều phải thi khảo, nếu người học Tiểu thừa

1 thì không chứa người Đại thừa thì mời ở lại cúng
2 dường. Trong cung vua có các kinh như Hoa
3 nghiêm Ma-ha Bát-nhã Đại Tập đều có mười vạn
4 bài kệ. Vua đích thân thọ trì cầm giữ khóa cửa. Khi
5 đọc tụng thì mở ra hương hoa cúng dường. Lại ở
6 trong đạo tràng các thứ trang nghiêm đầy đủ các
7 báu treo các cờ phướn trái cây các mùa. Vua dạy
8 các Tiểu vương khiến vào lễ bái. Lại ở phía Đông
9 Nam cách nước này hơn hai mươi dặm có ngọn núi
10 rất hiểm trở, trong đó có chứa Hoa Nghiêm, Đại
11 Tập, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương
12 Quảng, Xá-lợi-phất, Đà-la-ni, Hoa Tụ Đà-la-ni,
13 Đô-tát-la Tạng, Ma-ha Bát-nhã Đại Vân, v.v...
14 gồm mười hai bộ đều có mười vạn bài kệ. Phép
15 nước truyền nhau giữ gìn kỹ lưỡng có đời Sa-môn
16 Chi Pháp Lãnh đời Đông Tấn, phong phạm khang
17 khái, có chí bạt tụy, rất ham thích kinh Đại thừa
18 quên ăn bỏ ngủ chỉ dùng lương khô coi thường
19 mạng sống mà quyết chí tinh cầu thì được phần đầu
20 của ba mươi sáu vạn bài kệ kinh Hoa Nghiêm mà
21 mang đến đất này tức là phần Tấn Triều đã dịch.
22 Nay phần dịch của Đại Chu là do nước Vu-Điền
23 hiến tặng hơn bốn vạn bài tụng, được nói trong Hội
24 thứ nhất. Thế giới Hoa Tạng xưa dịch lược thiếu,
25 giảng giải, không có lý do. Nay văn đều đầy đủ rõ
26 ràng rất dễ hiểu. Mười định một hội, kinh xưa có
27 hỏi mà không đáp, còn bản nay thì đầy đủ rõ ràng.
28 Trước có bảy chỗ tám hội thì nay có bảy xứ chín

hội. Tuy so trăm ngàn chưa đủ, nhưng lý của bốn vạn bài kệ vẫn không sót. Lại Long Thọ tụng đủ các bản rồi lên trời, Pháp Lãm chỉ có được phân nửa ở Đông Độ. Tuy phạm thánh chẳng phải một nhưng hoằng pháp không hai. Chỉ vì cõi nước có trung biên (giữa nước và biên giới) Tuệ giải có sâu cạn mà khiến trong khoảng mấy vạn dặm thấy nghe có cách, thiếu hơn phân nửa chẳng đáng buồn ư? Luận Đại Trí Độ chép: Kinh Bát Tư Nghì có mười vạn bài kệ. Luận Nhiếp Đại Thừa nói có trăm ngàn kệ gọi là kinh Bách Thiên Thích Luận chép: Tức là kinh Hoa Nghiêm mười vạn bài kệ là Bách Thiên. Lại Niết-bàn kinh nói kinh này là Tạp Hoa, nhưng nêu số trăm ngàn mà đặt tên, Tạp Hoa là tướng để bày tên, nêu số thì mất nguồn tức tướng sai khiến chủ, Bát tư nghì thì suy tông còn đó thẳng tạo ở sân. Phật Hoa Nghiêm thì dùng người mà nêu pháp trình bày rõ ràng. Trong bốn tên thì hai tên sau là được.

3. TRUYỀN DỊCH :

Chùa Đạo Tràng, ở Kinh đô, đời Tấn, có Phật-đà Bạt-đà-la dịch. Chùa Tây ở Ngụy Quốc, đời Đường, có Địa-bà-ha-la dịch. Chùa Phật Thọ Ký ở Thần Đô, đời Đại Chu, có Thật-xoa-nan-đà dịch.

- Chùa Đạo Tràng Đất Kinh, đời Tấn, có Phật-đà Bạt-đà-la. Hán dịch là Giác Hiền, vốn là người họ Thích, người nước Ca-duy-vệ là con cháu của

1 vua Ca-lộ-phạn ông nội là Đạt-ma-đề-bà, Hán dịch
2 là Pháp Thiên, từng đến Thiên-trúc rồi ở đó. Cha
3 là Đạt-ma Tu-lợi-da, Hán dịch là Pháp Nhật. Ông,
4 ba tuổi đã mồ côi cha, tám tuổi mất mẹ, được họ
5 ngoại nuôi dưỡng. Theo Tổ Cưu-ma-lợi, nghe
6 tiếng thông minh, thương côi cút một mình bèn
7 đem về độ làm Sa-di. Đến năm mười bảy tuổi, cùng
8 học tập với bạn đồng học mấy người. Mọi người
9 phải dụng công một tháng thì hiền chỉ cần một
10 ngày. Thầy khen: Hiền (Giác Hiền, tên ông) chỉ
11 một ngày địch với ba mươi người. Khi thọ giới Cụ
12 túc thì tu nghiệp càng siêng năng, học rộng các
13 kinh, có nhiều thông suốt. Thuở nhỏ nghe thiên
14 luật nổi tiếng thường cùng bạn đồng học là Tăng-
15 già- đạt-đa dạo chơi mấy năm. Đạt-đa tuy phục tài
16 đức mà chưa lường được cạn sâu. Sau ở trong thất
17 kín đóng cửa ngòai thiền. Bỗng thấy Hiền đến, kinh
18 ngạc hỏi từ đâu đến thì đáp từ trời Đâu-suất xuống
19 kính lễ Di-lặc, nói xong thì biến mất. Đạt-đa mới
20 biết đó là bậc Thánh. Sau thường thấy hiền hiện
21 thần biến, mới biết ông đã chứng quả Bất hoàn,
22 thường muốn đi khắp hoàng hóa, xem đủ phong
23 tục, có gặp Sa-môn đời Tần là Trí Nghiêm đến
24 nước Kê-Tân hỏi các tăng chúng nước ấy: Có ai
25 đến Đông Độ? Đều nói có Phật-đà Bạt-đa-la, vốn
26 sinh tại thành Na-khả-lê ở Thiên-trúc, nối dòng
27 quý tộc, đời tôn là bậc đạo học, thông minh học
28 rộng vị hạnh khó lường trẻ tuổi xuất gia, đã thông

1 kinh luận thọ nghiệp với Đại Thiên sư Phật-đà Đại
2 Tiên. Phật-đà Đại Tiên lúc đó cũng ở nước Kế Tân,
3 nghe Trí Nghiêm tìm người, bèn bảo Nghiêm rằng:
4 Người có thể làm rung chuyển Tăng độ, giảng trao
5 thiên pháp ấy là Phật-đà Bạt-đà-la. Nghiêm chí
6 thành kính thỉnh Hiền bèn hứa nhận. Do đó mà từ
7 biệt thầy mang lương khô đến Đông Độ, đi bộ ba
8 năm nắng mưa lạnh nóng đổi thay lặn lội cực khổ
9 khi thì đỉnh núi hang sâu hiểm trở, khi thì mình đầy
10 tuyết, khi thì vịn trèo lưng chừng mây. Có lúc
11 lương khô nửa chừng bỗng hết uống nước cầm
12 chừng cầu Thánh phò hộ bỗng được cứu giúp. Đã
13 qua Thông Lĩnh, trải khắp sáu nước. Vua các nước
14 thấy đường xa đi hoảng hóa bèn thương kính cấp
15 lương thực. Đến phủ Giao Chỉ mà đi thuyền đến
16 một đảo. Hiền giơ tay chỉ núi bảo hãy ghé thuyền
17 ở đây. Chủ thuyền bảo: Khách đi tiếc ngày, gió
18 thuận khó gặp, chẳng thể dừng được. Bèn đi hơn
19 hai trăm dặm, bỗng gặp gió ngược thổi thuyền trở
20 lại đảo trước, người trong thuyền đều biết có thần
21 hộ Sư. Sau có gió thuận cả đoàn đòi đi nhưng Hiền
22 bảo chớ động, chủ thuyền bèn ngưng. Đã có một
23 người đi trước, nhưng sau phải trở lại. Sau vào lúc
24 nửa đêm bỗng Sư bảo đi, không có ai theo, Sư một
25 mình ra đi. Bỗng có giặc đến, những người ở lại
26 đều bị hại. Kế đến Thanh Châu ở quận Đông Lai,
27 nghe tiếng Cưu-ma-la-thập ở Trường An bèn vui
28 mừng đến đó. Đó là tháng 4 niên hiệu Hoảng Thi

1 năm thứ 10 đời Tần. Thập rất vui mừng cùng luận
2 về pháp tướng, chân phát huyền vi phần nhiều đều
3 khai ngộ. Nhân gọi Thập bảo: Chỗ ngài hiểu (giải)
4 chẳng ngoài ý người mà danh rất cao. Thập bảo:
5 Tôi tuổi đã già cần gì phải khen tốt. Thập mỗi khi
6 có nghi đều luận bàn với ông. Sáu trăm vị như các
7 Sa-môn Đạo Tài, Đàm Sướng, Tăng Duệ, Tuệ
8 Quán v.v... đều học thiền, chỗ chỉ trao đều là chân
9 yếu. Từ khi Di pháp truyền về Đông độ hơn bốn
10 trăm năm khai phát sâu rộng không khi nào hơn lúc
11 này. Phạm nói lý biện vật, chỉ cầu trúng dấu không
12 thích ứng đương thời, chẳng cầu nói hơn người.
13 Nếu ai biết thì nói rõ không sót, nếu người không
14 hiểu thì thiếu sót chẳng bằng. Tần Thái tử là Hoàng
15 muốn nghe Hiền nói pháp, bèn sai các vị tăng đưa
16 luận lên Đông cung. La-thập và Hiền nhiều phen
17 hỏi đáp, văn nhiều chẳng ghi. Chúa Tần là Diêu
18 Hưng chuyên chí Phật pháp hơn ba ngàn Tăng đều
19 mời vào cung tu hành việc người. Chỉ có Hiền yên
20 lặng chẳng đồng với chúng. Sau Hiền bảo đệ tử
21 rằng: Ta hôm qua thấy ở quê có năm thuyền cùng
22 ra đi. Sau một năm thì gặp thuyền từ nước ngoài
23 đến, bèn hỏi, quả nhiên năm thuyền ở Thiên-trúc
24 trước đã thấy. Người nghe biết đến tranh nhau kính
25 lễ. Có ai cúng thì ông đều không nhận mà chỉ ôm
26 bát đi khát thực, bắt luận giàu nghèo sang hèn chỉ
27 cùng đệ tử tà tuệ Quán, thứ lớp khát thực. Đến khi
28 Trần Quân Viện Báo ở quận Trần không tin kính

1 đôi đũa tẻ bạc thì chưa no đã xin rút lui. Báo nói
2 giống như chưa đủ, lại mời ở lại. Hiền nói: Đàn-
3 viết tâm bồ thí có hạn, cho nên khiến chỗ thí đã hết.
4 Báo bèn gọi người tăng thêm cơm thì quả nhiên
5 cơm đã hết. Báo hỏ thẹn. Rồi hỏi Tuệ Quán rằng:
6 Sa-môn này là người thế nào? Quán nói Đức lượng
7 cao xa chẳng phải người phàm mà xét lường được.
8 Báo kính phục khen lạ. Hiền nghi quỹ thắng thần
9 vốn chẳng đồng với phong tục người Hoa mà chí
10 thì rất thanh nhã sâu kín. Pháp sư Tăng Bật cùng
11 Sa-môn Bảo Tài viết sách bảo Thiên sư Đâu
12 Trường rất có đại tâm ấy là vua Thiên-trúc nào phải
13 kẻ phong lưu. Đến niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ
14 mười bốn, Ngô Quận Nội Sử Mạnh Khải ở quận
15 Ngô, Hữu Vệ Tướng Quân Chủ Thúc Độ thỉnh
16 Hiền dịch kinh này, Hiền bèn tay cầm bản tiếng
17 Phạm cùng các Sa-môn Pháp Nghiệp, Tuệ Nghiêm
18 v.v... hơn một trăm người ở tại chùa Đạo Tràng mà
19 dịch ra. Lời định ý văn, hội thông phương ngôn
20 dịch rất đúng ý kinh. Cho nên chùa Đạo Tràng
21 cũng có Hoa Nghiêm Đường, đạo giáo được truyền
22 bá là nhờ năng lực ấy. Khi bắt đầu dịch kinh thì ở
23 trước nhà lớn (đường) và trong ao đều có hai người
24 hầu từ đất chui lên dâng hương hoa, mọi người đều
25 thấy. Cũng có Thần Kỳ Vinh Vệ tả hữu đứng
26 quanh. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 6 thì Hiền
27 mất thọ bảy mươi một tuổi. Tay co ba ngón nói
28 mình được quả A-na-hàm.

1 - Tam tạng Pháp sư Địa Bà-ha-la ở xứ Trung
2 Thiên-trúc.

3 Đồi Đường dịch là Nhật Chiêu, thuộc dòng Bà-
4 la-môn, thuở nhỏ xuất gia trụ Ma-ha Bồ-đề và chùa
5 Na-lan-đà. Tam tạng phong nghi rất ôn nhã, thần
6 cơ sáng láng mang rương theo thầy, nghiên cứu
7 nhiều năm, tài năng xuất chúng, sở học uyên thâm
8 Nhân theo ngài Huyền Trang thỉnh kinh về Đông
9 Độ. Rất mến Huyền môn yêu thích nước Chấn Đán
10 (Trung Quốc). Ngài có phong cách bậc nhân mở
11 mang Thượng thừa hóa độ chúng sinh. Niên hiệu
12 Vĩnh Long năm đầu danh ngài vang đến Kinh đô,
13 vua Cao Tông hoàng hóa Phật pháp tâm thành gởi
14 gắm sâu xa bèn mời các Cao tăng long tượng như
15 Luật sư Đạo Thành, Pháp sư Bạt Trần hơn mười
16 Đại đức ở chùa Tây thuộc nước Ngụy mà dịch kinh
17 luận. Sau đó có Pháp sư Hiền Thủ trước tu học kinh
18 về Hoa Nghiêm thường nghĩ kinh thiếu chưa đủ,
19 bèn đến hỏi han mang văn của Hội thứ tám đến
20 đây. Hiền Thủ bèn cùng Tam tạng so sánh, bèn
21 được Thiện Tài, Thiện tri thức Thiên Chủ Quang
22 v.v... hơn mười vị, cầu thỉnh dịch ra văn mới để bổ
23 túc chỗ văn cũ còn thiếu. Sa-môn Phục Lễ ghi
24 chép, Sa-môn Tuệ Trí dịch lời. Lại dịch Mật
25 Nghiêm v.v... các kinh luận hơn mười bộ hợp
26 thành hai mươi bốn quyển, đều do Hoàng Đại Hậu
27 ngự soạn lời tựa cộng thêm lời ca ngợi sâu sắc, nay
28 thấy lưu hành ở đời. Ngày Tam tạng rời quê hương

1 thân mẫu vẫn còn, không bao giờ quên ân nuôi
2 dưỡng thường nghĩ cách báo đền. Bèn đến Thần-
3 Đô dâng biểu lên vua xin trở về nước. Trước vua
4 không cho, phải ba lần cố xin vua mới ưng thuận.
5 Các bậc cao đức ở Kinh đô tạo ca sa lụa là châu
6 báu, dâng cúng tượng và cây Bồ-đề, vua tặng tích
7 trượng cùng một cái chuông và thỉnh phướn tượng
8 vật dụng cúng dường. Niên hiệu Thùy Cung năm
9 thứ ba ngày 27 tháng 12, thân thể mạnh khỏe. Ngài
10 bảo học trò: Ta sắp chết rồi. Rồi nằm nghiêng bên
11 hông phải không bệnh mà thị mạng chung tại chùa
12 Đông thuộc nước Ngụy ở Thần Đô. Người đưa
13 tang mấy ngàn vạn người. Thân mẫu nghe tin thì
14 khóc thương thảm thiết, cúng dường ngàn xấp lụa
15 để khâm liệm. Đạo tục đều buồn thương như cha
16 mẹ chết. Hương hoa xe cộ chôn ở Long Môn thuộc
17 Sơn Dương, bên trái dòng y thủy. Đệ tử sửa chữa
18 linh khâm tôn tạo lầu gác. Lại cất nhà tranh bên
19 cạnh mà quét tước cúng dường. Sau Lượng Vương
20 tâu thỉnh cất thêm Già-lam. Vua ra sắc đặt tên là
21 chùa Hương Sơn lầu cao gác lớn rực rỡ, có bảy
22 khám thờ tượng đá, tháp cao tám góc. Các khách
23 đến thăm đều đề thơ khen ngợi.

24 Sa-môn Thật-xoa-nan-đà, đời Đại Chu ở Thần
25 Đô, chùa Phật Thọ Ký. đời Đường dịch là Hỷ Giác,
26 người ở nước Vu-điền. Trí tuệ rộng lớn, từ tâm lợi
27 vật. Ngài giỏi cả Đại Tiểu thừa gồm luận Dịch Học.
28 Thiên Hậu Võ Tắc Thiên) làm sáng tỏ Phật nhật

1 kính trọng Đại thừa vì kinh Hoa Nghiêm cũ Xứ Hội
2 chưa đủ, nghe ở nước Vu-diên có bản tiếng Phạm
3 này bèn sai sứ tìm về và thỉnh người dịch. Thật-
4 xoa và kinh cùng đến cung vua. Niên hiệu chứng
5 thánh năm thứ nhất đời Thiên Hậu năm Ất Mùi, ở
6 chùa Biện Không tại Đại nội thuộc Đông Đô mà
7 dịch kinh Hoa Nghiêm Thiên hậu đích thân đến
8 pháp tòa viết lời tựa, tự mình dùng bút ghi tên
9 phẩm. Có Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi, người Nam Ấn
10 Độ, Sa-môn Nghĩa Tịnh đồng đọc văn phạm. Sau
11 giao cho Sa-môn Phục Lễ, Pháp Tạng v.v... trú tại
12 chùa Phật Thọ Ký mà dịch, đến niên hiệu Thánh
13 Lịch năm thứ hai Kỷ hợi thì xong. Lại đến niên
14 hiệu Cửu thị năm thứ nhất Canh Tý ở trong cung
15 Tam Dương dịch Kinh Đại Thừa Nhập Lăng-già
16 và chùa Thanh Thiên ở Tây Kinh, chùa Phật Thọ
17 Ký ở Đông Đô dịch các kinh Văn-thù Thọ Ký
18 v.v..., trước sau dịch tất cả mười chín bộ. Sa- môn
19 Ba Luận Huyền Cháp v.v... ghi chép Sa-môn Phục
20 Lễ sửa văn, Sa- môn Pháp Bảo-Hoằng Cảnh v.v...
21 chứng nghĩa. Thái tử Trung Xá Nhân, Cổ Ứng
22 Phước giám sát và bảo vệ. Đến niên hiệu Trường
23 An năm thứ 4, Thật-xoa nhân mẹ tuổi già mong về
24 thăm viếng dâng biểu lên vua mới cho. Vua ra sắc
25 Ngự Sử Thôi Từ Quang đưa đến nước Vu-diên.
26 Sau Hoàn Đế Long Hưng tiếp tục sùng hưng Phật
27 pháp lại ra sắc mời Sư đến, mới đến Đế Thành. Vào
28 niên hiệu Cảnh Long năm thứ 2 đến đất Vu Tư, vua

đem thân cao quý vạm vỡ ra ngoài cổng khai
viễn đón chào. Đạo Tục cả kinh thành đủ các cò
phướn lọng báu ra đón chào, vắn trang sức voi
xanh khiến cỡi vào thành. Vua mời trú tại chùa Đại
Tiến Phước. Chưa kịp phiên dịch thì bị bệnh nặng,
vào ngày 12 tháng 10 năm niên hiệu Cảnh Vân
năm thứ nhất, Ngài nằm nghiêng hông bên phải mà
qua đời trú tại chùa Đại Tiến Phước, hưởng thọ
năm mươi chín tuổi. Người đạo thương khóc rường
cột chánh pháp đã đổ, kẻ tục buồn than mất người
dẫn đường. Có chiếu vua đồng ý an táng theo phép
nước ngoài. Vào ngày 12 tháng 11 ở ngoài cổng
khai Viễn tại đài Nhiên Đăng cổ mà thiêu thân
Ngài. Củi tàn lửa tắt nhưng chiếc lưỡi vẫn còn. Đây
là điềm lành hoằng pháp. Đến ngày 13 tháng 12,
học trò bốn quốc là bi trí, vua sai sứ Ca Thục Đạo
Nguyên đưa tro xương và chiếc lưỡi về nước Vu-
điền xây tháp cúng dường. Người sau lại ở chỗ
thiêu thân Ngài xây tòa tháp bảy tầng.

4. CHI LƯU

- Kinh Đâu Sa một quyển (tên phẩm của Hoa
Nghiêm). Sa-môn chỉ cầm nước Nguyệt Chi, đời
Hậu Hán dịch.

- Kinh Bồ-tát Bốn nghiệp, một quyển (hoặc gọi
Tịnh Hạnh phẩm).

Sa-môn Thanh tín sĩ chỉ khiêm nước Nguyệt

Chi đời Ngô dịch.

- Kinh Chư Bồ-tát Cầu Phật Bốn Nghiệp, một quyển (cũng là Tịnh Hạnh phẩm). Thanh Tín Sĩ Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Bốn Nguyên Hạnh Phẩm, một quyển (cũng là Tịnh Hạnh Phẩm) cũng là Đạo Chân dịch lại.

Các kinh trên đều là Hội thứ hai trong kinh này nêu ra.

- Kinh Bồ-tát Thập trú, một quyển (là phẩm Thập Trú). Sa-môn Kỳ đa mật người Tây vực, (Tân gọi là Ha Chi) đời Đông Tấn dịch.

- Bồ-tát Thập trú kinh, một quyển (là phẩm Thập trú). Sa-môn Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Thập Đạo Địa, một quyển (giống phẩm Thập trú) do Niếp Đạo Chân dịch.

- Thập trú Đoạn Kết, mười quyển (không phải là phẩm Thập trú cũng không phải là phẩm Thập địa vì tên gọi giống nhau, sợ nhầm mà ghi chú). Sa-môn Trúc Phật Niệm ở Lương Châu đời Hậu Tần dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ ba trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Thập Địa Đoạn, mười quyển (là phẩm Thập Địa). Sa-môn Trúc Phật Niệm đời Hậu Tần dịch.

- Kinh Thập trú, mười hai quyển (là phẩm Thập

Địa), Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Thập Địa, một quyển (giống như phẩm Thập Địa và Thập trú). Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Thập Địa, một quyển (giống phẩm Thập Địa và Thập trú). Sa-môn Cát-ca-dạ người Tây Vực dịch.

- Kinh Thập Địa, một quyển (giống phẩm Thập Địa và Thập trú).

Ha Chi đời Đông Tấn dịch (Ha Chi là Kỳ-đa-mật).

- Kinh Thập trú, bốn quyển (đủ là phẩm Thập Địa). Đời Hậu Tần La-thập và Tam tạng Phật đà-da-xá nước Kế-tân Phật-đà-da-xá (đời Tân dịch là Giác Minh) dịch.

- Kinh Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức, năm quyển (đủ là phẩm Thập Địa). Sa-môn Đàm-ma-la nước Nguyệt Chi đời Tây Tấn (Tấn gọi là Pháp Hộ) dịch.

- Kinh Bồ-tát Sơ Địa, một quyển. Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn, dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ sáu trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Đăng Mục Bồ-tát, hai quyển (là phẩm Thập Định), Trúc Pháp Hộ dịch.

- Kinh Hiền Vô Biên Phật Độc Công Đức, một quyển (là phẩm Thọ Mạng) Đường Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch.

1 - Kinh Như lai Hưng Hi²ển, bốn quye²n (là phẩm
2 Tánh Khởi). Ni²ên hi²ệu Nguy²ên Khang đ²ời Tây
3 Tấn, , Trú²c Phá²p Hộ d²ịch.

4 - Kinh Như lai Hưng Hi²ện, một quye²n, Sa-môn
5 Bạch Phá²p Tổ đ²ời Tây Tấn d²ịch.

6 - Kinh Đại Phươ²ng Qu²ảng Như lai Tánh Khởi,
7 hai quye²n, (má²t tên ngườ²i d²ịch).

8 - Kinh Đại Phươ²ng Qu²ảng Như lai Tánh Khởi
9 Vi Mậ²t Tạng, hai quye²n.

10 - (Cùng trướ²c đ²ồng bả²n mà ngườ²i d²ịch khác).
11 Ni²ên hi²ệu Nguy²ên Khang, đ²ời Tây Tấn d²ịch ra
12 không có tên ngườ²i d²ịch.

13 Các kinh trên đ²ều là H²ội thứ bảy trong kinh này
14 mà đ²ưa ra.

15 - Kinh Đ²ộ Th²ế, sáu quye²n (là phẩm Ly Th²ế
16 Gian). Phá²p Hộ đ²ời Tây Tấn, d²ịch.

17 - Kinh Ph²ổ Hi²ền Bô-tá²t Đá²p Nạn Nh²i Thi²ên (là
18 phẩm Ly Th²ế Gian). đ²ời Ng²ô, má²t tên ngườ²i d²ịch.

19 Các kinh trên đ²ều là H²ội thứ tám trong kinh này
20 mà đ²ưa ra.

21 - Kinh La-ma-gi²à, ba quye²n (là phẩm Nhậ²p
22 Phá²p Gi²ới, vẫ²n không đ²ủ) Sa-môn , Thá²nh Hi²ền
23 hoặ²c g²ọi là Ki²ên Công đ²ời Tây Tấn d²ịch. Lạ²i An
24 Phá²p Hi²ền đ²ời Ng²ự d²ịch một bả²n c²ũng ba quye²n.
25 Lạ²i Đ²àm Vô Sá²m đ²ời Bá²c Lươ²ng c²ũng d²ịch một
26 bả²n một quye²n.

27 Các kinh trên đ²ều là H²ội thứ chín trong kinh

1 này mà đưa ra.

2 - Kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Nhập
3 Như lai Bất Tur Nghi Cảnh Giới, hai quyển (có chỗ
4 không có chữ Đại Phương Quảng). Do Tam tạng
5 Xà-na-quật-đa Bắc Thiên-trúc đời Tùy (tùy gọi là
6 Trí Đức dịch. Có người nói dịch với ngài Kiệp-đa.

7 - Kinh Độ Chư Phật Cảnh Giới Trí Nghiêm một
8 quyển. Lương Phù Nam Sa-môn Tăng-già-bà-la
9 (đời Lương gọi là Tăng Dưỡng hay Tăng Khải)
10 dịch.

11 - Kinh Độ Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang
12 Nghiêm một quyển, mất tên người dịch.

13 - Kinh Đại Phương Quảng Nhập Như lai Bất
14 Tur Nghi Cảnh Giới, hai quyển, Sa-môn Thật-xoa-
15 nan-đa nước Vu Điền, đời đại Chu dịch.

16 Bốn kinh trên đồng bản mà khác tên người
17 dịch, đều nói ở Pháp Đường Phổ Quang.

18 - Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Phật
19 Cảnh Giới Phần, một quyển. niên hiệu Tải Sơ đời
20 Đường, Sa-môn nước Vu-điền là Đề Vân Bát-nhã
21 dịch.

22 - Kinh Đại Phương Quảng Phật Cảnh Giới, một
23 quyển. Tam tạng Thật-xoa-na-đa nước Vu Điền,
24 đời Chu dịch.

25 Hai kinh trên đồng bản mà khác tên người dịch,
26 nói dưới cây Bồ-đề.

27 - Kinh Đại Phương Quảng Phổ Hiền Sở

Thuyết, một quyển (nói trong thân Phật có vô số thế giới). Thật-xoa-nan-đà đời Đại Chu dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tu Từ Phần, một quyển. Niên hiệu Tải Sơ đời Đường, Đề-Vân-Bát-nhã dịch,

Các kinh Bát Tư Nghì Cảnh Giới nói trên, hiện bản Hoa Nghiêm tuy không có các phẩm này, nhưng xem bản Phạm thì đều có đủ chắc là phẩm hội riêng của kinh này là vì phẩm Phạm chẳng ghi thứ tự của phẩm, cho nên chẳng ghi vào Đại Bộ.

- Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn, năm quyển. Nguyên Ngụy Nam Tam tạng Đàm-ma Lưu Chi người Nam Thiên-trúc, (Ngụy gọi là Hy Pháp) dịch.

Các kinh trên người xưa truyền rằng là phẩm riêng của Hoa Nghiêm. Đọc kỹ văn cú trước sau đều không có Hoa Nghiêm Sớ loại. Gần đây xem bản tiếng Phạm cũng không có phẩm này, xin người sau nghiên cứu kỹ.

- Kinh Sao Hoa Nghiêm, mười lăm quyển.

Kinh trên đây là xưa kia Nam Tề Tư Đồ cuối cùng đến Lãng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương cơ trời rộng mở, nương tâm nơi cảnh thật, hướng về ức kiếp mà kéo dài, vượt ngàn năm mà tự lên cao. Nếu mở mang kinh giáo mở rộng phước nghiệp thì đều phát ra từ trong thân mạng thực hành thân diệu. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám,

ông cảm mộng thấy Thiên Vương Như lai ở Đông
Phương, ngầm giúp Thánh trao mới soạn pháp
Tịnh Trụ. Lại mộng thấy Sa-môn tự xưng là Trí
Thắng dẫn đối trước Phật dạy cho đọc tụng nhân
truyền kinh bối. Lại dẫn đến vái chào Hiền Thánh
mở phước ba hội Long Hoa khuyên khắp mọi
người thọ ba tụ giới Bồ-tát đều là điếm lạnh khó
nói được. Lại thêm xem Long cung ấy, thấy dấu
tích của voi này, ca ngợi thêm Huyền Hóa trú trì
vận mạng giác ngộ, sao chép các kinh như trên hơn
ba trăm quyển, soạn Hoàng Ích Văn Hàn hơn một
trăm quyển Tự tay viết kinh hơn bảy mươi quyển.
Trong số văn đã soạn có kinh Hoa Nghiêm Anh
Lạc hai quyển, nêu bày xuất thế. Hoa Nghiêm Tề
Ký một quyển nói pháp Hội đều có thể làm gương
cho đời sau là dấu chân thù thắng không thể thay
đổi.

- Kinh Hoa Nghiêm Thập Ác, một quyển, trên
là Học Sĩ Phí Trường Phòng đời Tùy chú thích
trong Tam Bảo Lục tùy tiện đưa vào, sợ rằng hàng
hậu Hiền không rõ xuất xứ cho nên nêu ra.

5. LUẬN THÍCH:

Tam tạng Bà-la-phả-mật-đa nói: Tây Trúc
tương truyền rằng Long Thọ xuống Long cung
xem kinh xong bèn soạn luận Bát Tư Nghì cũng
mười vạn bài tụng. Là giải thích kinh này rồi mà
cơ ngầm chưa mở, khó lường được chỉ quy.

1 - Luận Thập trú Tỳ-bà-sa, mười sáu quyển do
2 Long Thọ soạn, giải thích về nghĩa của phẩm Thập
3 Địa. Sau Tam tạng Da-xá đời Tần đọc miệng văn
4 ấy cùng Pháp sư La-thập dịch ra, giải thích về
5 phẩm Thập Địa. Trong đó đến Địa thứ hai vì Da-
6 xá không đọc nên thiếu giải thích. Tương truyền
7 rằng luận ấy là một phần trong luận Đại Bát tư
8 nghị.

9 - Luận Thập trú, mười quyển do Long Thọ
10 soạn. Sau trong niên hiệu Hằng Thi đời Tần, La-
11 thập Pháp sư dịch.

12 - Luận Thập Địa mười hai quyển, do Bồ tát Bà-
13 tâu-bàn-đậu soạn, Hán dịch là Thiên Thân ở trong
14 núi giải thích về phẩm Thập Địa, kinh này nhiều
15 tầng theo thứ lớp mà giải thích dần. Khi Bồ-tát mới
16 soạn luận xong thì cảm kinh phát ra ánh sáng, núi
17 non rung chuyển. Vua và thần dân nước ấy, đồng
18 đến chúc mừng khen ngợi diễm ít có. Rộng như
19 trong bản truyện. Đến đời Hậu Ngụy, có Tam tạng
20 Bồ-đề-lưu-chi người Bắc Thiên-trúc, Ngụy gọi là
21 Hy Giác đến đây dịch kinh. Ngày mới dịch Tuyên
22 Võ Hoàng đế đích thân đến ghi chép một ngày. Lại
23 nói: Tam tạng Trung Thiên-trúc là Lạc-na-ma-đề,
24 đời Ngụy gọi là Bảo Ý đến đây cùng Lưu Chi, ở
25 Nam Bắc Lạc Thủy đều dịch một bản. Sau đó Tăng
26 Thống Tuệ Quang thỉnh hai vị Hiền đời bàn đồng
27 khác, lập thành một bản. Lại Biệt Truyện nói: ngài
28 Thiên Thân soạn Hoa Nghiêm kinh luận chưa được

1 đủ bản. Đây là Thập Địa hoặc là, hễ được liền dịch.
2 Lại nói: Bồ-tát Vô Trước qua lại cùng theo dõi, Bồ-
3 tát Di-lặc dạy dùng kinh Hoa Nghiêm để tự nhiên
4 lưu truyền là cũng nhờ năng lực ấy. Gần đây hỏi
5 các Phạm Tăng Tam tạng ở Tây Trúc đến đều nói
6 Bồ-tát Kim Cương Quân soạn ra Thập Địa Thích
7 Luận có một vạn hai ngàn bài tụng, dịch ra có thể
8 thành hơn ba mươi quyển. Lại Bồ-tát Kiên Tuệ
9 cũng soạn Lược Thích đều chưa truyền đến cõi
10 này. Ở nước Vu-điền thấy có bản này. Thật-xoa
11 ngày về đã mang theo thư yêu cầu nếu được thì
12 dịch ra. Lại trong phẩm trú trong Du-già Bồ-tát
13 Địa, đã viết nhiều về văn phẩm Thập Địa của kinh
14 này, thứ lớp gồm đủ giải thích. Vì kinh này Tam
15 Hiền Thập Thánh có phần vị rất rộng đã làm gương
16 soi cho các Bộ. Vì vậy người soạn và giải thích
17 chẳng phải một.

18 - Luận Hoa Nghiêm, sáu trăm quyển. Xưa ở
19 Bắc Tề, Đại Hòa năm thứ nhất, Vương Tử thứ ba,
20 ở núi Thanh Lương cầu Bồ-tát Văn- thù-sư-lợi mà
21 thiêu thân cúng dường. Vương Tử ấy có hoạn quan
22 Lưu Khiêm Chi đã tự giận thân tàn của mình, lại
23 thấy Vương Tử thiêu thân bèn tâu vua vào núi tu
24 đạo. Có sắc vua cho bèn mang một bộ kinh này
25 ngày đêm siêng năng lễ sám đọc tụng, tâm cầu
26 Diệu Đức để mong Minh Hộ, tuyệt thực chỉ uống
27 nước suốt hai mươi một ngày, sức lực tuy yếu
28 nhưng vẫn dốc lòng theo đuổi bỗng chiêu cảm râu

1 tóc đều mọc ra, lại trở thành đàn ông, thần thái siêu
2 ngộ, thông suốt yếu chỉ. Do đó nghiên cứu kỹ
3 lưỡng bèn soạn ra luận ấy trước sau chặt chẽ. Lại
4 tâu lên vua, do đó Cao Tổ kính tin hơn ngày
5 thường. Kinh Hoa Nghiêm từ đó càng hưng thịnh.

6 - Pháp sư Tuệ Viên ở chùa Tịnh Ảnh đời Tùy,
7 tuổi về già tạo Kinh Sớ (giải thích kinh) này, đến
8 phẩm Hồi Hướng bỗng có cảm giác tim đau, nhìn
9 kỹ thì thấy lỗ chân lông ở tim chảy máu ra ngoài.
10 Lại mộng thấy cầm liềm lên núi cao thứ lớp cắt cỏ,
11 đến nửa chừng thì sức kiệt chẳng ngồi dậy được.
12 Thức dậy bảo học trò rằng: Ta mộng thấy sớ này
13 ắt chẳng thành. Do đó mà ngừng lại, Pháp sư Hưu
14 ở Tương Châu nghe kinh Hoa Nghiêm hơn năm
15 mươi lần, nghiên cứu Văn Lý càng thêm sâu xa.
16 Bèn tự bảo đây chắc là lời của bậc Thượng thánh
17 kẻ hạ phàm chẳng thể lường biết được. Biết rõ hai
18 bậc Hiền trên học rộng ít ai bằng đối với chỗ thô
19 thiển này lại không có thể soi tỏ đến cùng, bèn
20 khiêm tốn mà tìm đọc chưa hết mấy tuần đã chú
21 thích luận rộng, thật to lớn thay! Bởi ấy là Đại
22 Thánh ngầm truyền, chẳng đáng quái lạ. Xét phẩm
23 Trú Xứ kinh này nói: Ở Đông Bắc có chỗ ở của
24 Bồ-tát gọi là núi Thanh Lương hiện có Bồ-tát tên
25 là Văn-thù-sư-lợi cùng một vạn Bồ-tát thường ở đó
26 nói pháp. Cho nên nay dưới núi có phủ Thanh
27 Lương. Ở phía Nam có một ngọn núi nhỏ có chùa
28 Thanh Lương, tên là Ngũ Đài Sơn, vì năm ngọn

1 núi rất cao nên trên đó đều chẳng có cây cỏ, giống
2 như đắp đất nên gọi là Đài. Quanh núi hơn bốn
3 trăm dặm phía Đông liền với Hằng Nhạc, trên Đài
4 giữa có ao nước trong veo lặng ngắt có nhiều linh
5 cảm. Lại có tinh xá tháp đá. Trên đài Bắc có hai
6 ngôi tháp sắt và xá-lợi cùng hình tượng Văn-thù.
7 Dưới đài giữa cách ba mươi dặm về phía Đông
8 Nam có chùa Đại Phù, do Hán Minh Đế lập ra, đã
9 nhiều năm tháng nên rất hoang sơ nhưng nền cũ
10 vẫn còn thấy, trong đó có hai nhà Đông và Tây,
11 tượng bày vẫn còn. Phía trước có hai, ba khoảnh
12 hoa lan xen lẫn nhiều màu trăm thứ ngàn tên, rực
13 rỡ gấm mây, là loài quý hiếm ít nghe thấy, đến
14 ngày rằm tháng bảy thì trăm hoa đua nở. Kế ở phía
15 Bắc tám, chín dặm là nơi Vương Tử thiêu thân hiện
16 có tháp thờ. Ngày xưa vua Bắc Tề, rộng mở Huyền
17 môn ở núi này có hai trăm ngôi chùa, lại lấy thuế
18 ở tám châu mà cúng dường cơm áo thuốc men cho
19 Tăng trong núi. Nay Thần ở đất báu thường vẫn
20 còn. Xét Biệt Truyện nói: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi
21 thường ở đó giảng kinh Hoa Nghiêm. Từ xưa đến
22 nay cho đến hết đời Đường, Phạm Tăng ở Tây
23 Vực. Lúc ấy có người chẳng vì xa mấy ngàn dặm
24 mà đến đây ra mắt, và đạo tục đất này cũng nối tiếp
25 nhau qua lại thường xuyên. Hoặc gặp Thần tăng
26 Thánh chúng Đài tiên gác báu linh quang rực rỡ,
27 diệu hương thơm ngắt tiếng chuông trên hư không
28 tự kêu, kệ báu vang xa. Trong phút chốc hiện bày

ngàn vạn biến hóa. Như Thanh Lương Sơn Ký có nói đủ. Núi cách kinh đô một ngàn sáu trăm dặm ở Đại châu. Nhưng đất ở biên giới rất lạnh, cho nên trước tháng tư sau tháng bảy thì băng cứng tuyết dày. Nếu không phải mùa Hạ nóng gắt thì không thể lên được. Cao cả thay người vì đạo, há chẳng một lần đến thăm?

- Luận Hoa Nghiêm, một trăm quyển do Samôn Thích Linh Biên thời Hậu Ngụy, là tạo ra. Pháp sư người Tấn Dương Đại Nguyên xưa có gieo nhân tuyệt diệu, căn thiện trồng đã lâu, thuở nhỏ tiến vào đạo, lớn lên cứu giúp đời, thường đọc tụng kinh Đại thừa, lưu tâm đến hạnh Bồ-tát. Khi gặp được kinh Hoa Nghiêm thì rất ưa thích mà cúi đầu nhận lãnh. Bèn đến chùa Thanh Lương trên núi Thanh Lương cầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thương xót nhiếp thọ. Qua một năm, chân sưng máu chảy thối hết chỉ còn xương, lại quì gối khẩn cầu thì mong ngầm cảm. Bèn nghe có người bảo: Ông hãy ngưng hành đạo, chỉ suy nghĩ kinh này. Do đó mở quyển, bỗng hoát nhiên đại ngộ. Lúc đó là đời Hậu Ngụy niên hiệu Hy Bình năm thứ nhất. Kế tháng giêng đời Đại Lương khởi bút ở chùa Thanh Lương, kính soạn luận Hoa Nghiêm, diễn nghĩa giải thích rộng suốt chỗ sâu kín. Đến năm thứ hai thì dời chỗ ở ra chùa Tung Nham, chú thích như trước. Lúc đó Linh Đại Hậu của Hiếu Minh Đế là bà Hộ trọng đạo kính người mời Sư đến cung. Sư

1 từ chối vì bệnh. Đến đầu hạ lại cố tỉnh, từ chối
2 chẳng được, bèn ngày mười sáu thì vào Đông Bách
3 Đường, rồi dời đến Điện Thức Càn, sau ở Điện
4 Huy Âm, biên soạn không ngừng. Đến mùa Hạ
5 niên hiệu Thần Quy năm thứ một có chiếu rằng:
6 Đại pháp rộng lớn đợi người giảng nói, nay Điện
7 Huy Âm sửa chữa Luận của Pháp sư Linh Biện,
8 đức khí uyên nhã, sớm truyền khiến nghe, mau đến
9 Điện Tuyên Quang giảng Đại Phẩm Bát-nhã. Do
10 đó bốn bộ đều vui, mười phương cùng mừng.
11 Giảng xong thì Thị Trung Đại truyền Thanh Hà
12 Vương Doãn Dịch mời sư ở trên lầu Điện Thức
13 Càn, y cứ theo trước mà sửa luận, mùa hạ thì giảng
14 Hoa Nghiêm, mùa Đông thì giảng Đại phẩm. Pháp
15 sư cùng đệ tử là Linh Nguyên biên soạn đều bỏ ngũ
16 quên ăn. Niên hiệu Thần Quy năm thứ 3 mùa Thu
17 tháng chín việc làm mới xong, kinh lược luận rộng
18 gồm một trăm quyển, trước sau năm năm làm
19 thành mười pho về sau thường tập trung liên tục,
20 pháp âm nửa chừng ngừng lại. Sư nghỉ giảng Toàn
21 Chân lánh đi dưỡng đạo. Vào ngày tám giảng giêng
22 niên hiệu Chánh Quang năm thứ 3, Sư quy tịch tại
23 chùa Dung Giác, thọ bốn mươi sáu tuổi. Do đó
24 Hiếu Minh Hoàng đề ra sắc rằng: Luận ấy là Bồ-
25 tát cội này soạn ra, giao cho tất cả kinh tạng đều để
26 mục lục trên hết, mà lưu hành khắp. Đệ tử là Đạo
27 Sưông, Linh Nguyên, Đàm Hiên v.v... thương tiếc
28 thầy sớm mất, đau xót vì linh quan sắp xa mù, mới

1 cùng Thanh Tín quân tử, kính viết Tịnh Bản lưu bố
2 khắp đạo tục. Luận này tuy truyền mạnh ở phần
3 Tấn nhưng chưa đến Kinh Lạc. Các bậc Thạc Đức
4 ở Trường An luôn mong ngóng. Đến niên hiệu
5 Vĩnh Thuần năm thứ 2 thì có Sa-môn chùa Chí
6 Tướng là Thích Thông Hiền và cư sĩ Huyền Sảng
7 Phòng trú tại chùa Huyền Đức cùng tu học kinh
8 này, lưu tâm khen ngợi, bèn kết bạn đồng chí đến
9 núi Thanh Lương cầu nguyện lễ bái Thánh Văn-
10 thù, nhân đến chùa Đồng Tử Tinh Châu, thấy bản
11 luận này bèn ân cần cố thỉnh mới được truyền thọ.
12 Bèn đem đến Kinh đô, vua quan đều kinh ngạc
13 ngợi khen, cùng chép ra mà truyền bá.



HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

QUYỂN 2

6. GIẢNG GIẢI (Phần Thượng):

1- Đông tấn, Thích Pháp Nghiệp ở Nam Lâm.

2- Tống-Kinh đô, Cầu-na Bạt-đà-la ở chùa Trung Hưng.

3- Ngụy, Lặc-na-ma-đề người Trung Thiên-trúc.

4- Ngụy, Thích Trí Cự ở Bắc Đài.

5- Tề-Nghiệp Hạ, Thích Tuệ Quang ở chùa Đại Giác.

6- Tề-Nghiệp Hạ, Thích Tăng Phạm ở chùa Đại Giác.

7- Tề-Thích Đàm Diễn ở Trị Châu,.

8- Tùy-Tương Châu, Thích Linh Dụ ở chùa Diễn Không.

9- Tùy-Tây Kinh, Thích Tuệ Tạng ở chùa Không Quán.

10- Tùy-Tây Kinh, Thích Linh Cán ở chùa Đại Thiên Định.

1- Thích Pháp Nghiệp: Không biết họ. Còn nhỏ mà có chí vượt xa thoát khỏi thấp hèn. Tuổi nhỏ xuất gia, phong cách nghiêm chỉnh, học với Sư Vô thường, học rộng nghĩ sâu được người đương thời xem trọng. Tuy xem khắp các bộ, mỗi khi làm, đều xem xét kỹ nhưng vẫn thấy chưa đủ. Sau gặp Sa-môn Thiên-trúc là Phật Độ Bạt-đa-la, bèn thỉnh dịch kinh Hoa Nghiêm, đích thân theo làm người ghi chép, học hỏi nghĩa lý, không quản sáng tối. Qua mấy năm bỗng có chỗ ngộ, nhân đó bảo bạn rằng: Thánh giáo Tư Nam, hiện đang ở đây. Đã đích thân học Văn Phạm lại tinh chí rèn luyện, suy tông học hỏi. Ngày có bạn đến bèn trình bày chỗ sâu kín trở thành bậc Tông tượng. mấy trăm vị như Sa-môn Đàm Võ v.v...đều rất kính phục, mở đầu cho sự nghiệp hoằng dương của Đại giáo, vì tiếng mới mở, chưa rồi để nói đầy đủ chỉ nêu đại khái mà thôi. Sư có soạn. Chỉ Quy hai quyển, thấy lưu hành ở đời. Sau chẳng biết Sư mất khi nào ở đâu. Lược qua thanh phạm của bậc Tiên Hiền. Buồn thay.

2- Cầu-na Bạt-đa-la: Hoa gọi là Công Đức Hiền, người Trung Thiên-trúc. Vì học Đại thừa nên người đời gọi là Ma-ha-diễn, vốn dòng Bà-la-môn, trước học các luận năm minh, thiên văn, thư số, y phương, chú thuật đều biết rộng. Sau gặp A-tỳ-đàm Tập Tâm tìm đọc thì bỗng ngộ, tôn kính Phật pháp

1 bỏ hết các thứ mà chuyên tâm tu học. Khi thọ Cụ
2 túc giới thì lâu thông ba tạng, bèn bỏ các sư Tiểu
3 thừa mà theo học các sư Đại thừa. Thầy Đại thừa
4 thử khiến lấy hộp kinh thì lấy được kinh Hoa
5 Nghiêm. Sư vui mừng khen rằng: Ông có duyên
6 lớn với Đại thừa. Do đó đọc tụng giảng nói không
7 ai chống lại được. Liền thọ giới Bồ-tát, mà có
8 duyên với Phương Đông bèn ngồi thuyền đi biển,
9 giữa đường gặp nạn, bèn cố sức niệm Phật mười
10 phương, niệm Quán Thế Âm, cả thuyền đều được
11 cứu. Chí thành nên cảm được như thế. Niên hiệu
12 Nguyên Gia năm thứ 12 Sư đến Quảng Châu. Thứ
13 sử Xa Lăng dâng biểu tâu vua, vua Tống Thái Tổ
14 đón rước đến kinh, sai Danh tăng Tuệ Nghiêm, Tuệ
15 Quán ở Tân Đình đến tiếp thấy ông thần tình sáng
16 suốt thì đều kính trọng. Tuy nhân dịch mà nói năng
17 giao tiếp rất vui vẻ. Trước Sư trú tại chùa Kỳ Hoàn,
18 bỗng vua Thái Tổ mời về càng thêm kính trọng.
19 Lang Da Nham đón về, các bậc thông tài học rộng
20 đều đến cửa. Do đó ở Kinh đô gần xa các quan đều
21 trọng. Đại tướng quân Bành Thành là Vương
22 Nghĩa Khang, Thừa tướng Nam Tiêu là Vương
23 Nghĩa Tuyên đều kính làm thầy, bèn cùng chúng
24 tăng dịch kinh. Chùa Kỳ Hoàn, chùa Đông An,
25 quận Đơn Dương v.v... các chỗ đều nhóm họp các
26 Sa-môn Nghĩa học hơn bảy trăm vị, lần lượt dịch
27 được hơn trăm quyển. Tiểu Vương muốn thỉnh Sư
28 giảng kinh Hoa Nghiêm, mà Bạt-đà tự nghĩ chưa

1 rành tiếng Trung quốc đời Tống có chỗ xấu hổ thì
2 sớm chiều lễ sám thỉnh Quán Thế Âm cầu xin minh
3 ứng, bèn mộng thấy có người mặc áo trắng cầm
4 kiếm tay xách một đầu người đến bảo. Vì sao lo
5 rầu, Bạt-đà trình bày mọi việc thì bảo đừng lo nữa.
6 Rồi dùng kiếm chặt đầu mà thay đầu mới vào, bảo
7 quay lại hỏi: Có đau không, đáp: Không đau. Bỗng
8 nhiên thức dậy, tâm thần vui vẻ, liền hiểu rõ tiếng
9 trung hoa vào đời Tống. Do đó đạo tục xa gần đều
10 phục tinh cảm mà thỉnh đến giảng, bèn giảng kinh
11 Hoa Nghiêm hơn mấy mươi lượt. Năm cuối niên
12 hiệu Nguyên Gia. Tiêu Vương có nhiều mộng dữ.
13 Bạt-đà đáp: Kinh đô sắp có loạn lạc. Chưa đầy một
14 năm thì Nguyên Hung làm nghịch, còn như Thừa
15 tướng âm mưu, dự bàn can ngăn ba lần. Thế Tổ ở
16 xa nghe có lời nói lạ xách gậy ra giữa sông Thần
17 đồng chợt đến. Bèn đốt hương dưới lầu, quí núi tự
18 tránh đi lên tòa ngòai mà đều tôn, bèn ở Điều Đài
19 mà cứu vật. Cảm đức như thế chưa rảnh nói hết.
20 Từ nhỏ đến nay luôn cầm lò hương chưa hề bỏ tay.
21 Mỗi khi ăn bèn chia phần cho chim, chim quen đến
22 ăn tận tay. Đến tháng giêng niên hiệu Thái Thỉ năm
23 thứ 4, biết thân thể chẳng yên liền cáo biệt cùng
24 Thái Tông và Công Khanh . Ngày qua đời, chần
25 chờ giây lâu bảo: Có thấy hoa trời hình Phật, rồi
26 tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Thái Tông rất thương
27 tiếc ban tặng rất hậu. Công Khanh cùng đưa tang
28 nghi lễ đầy đủ.

1
2 **3- Lạc-na-ma-đề:** Đời Ngụy gọi là Bảo Ý,
3 người Trung Thiên-trúc học rộng, lý sự gồm thông,
4 thuộc lòng một ức bài kệ, mỗi bài có ba mươi hai
5 chữ. Rất giỏi pháp thiền, ý muốn đi du hóa. Vào
6 niên hiệu Chánh Thỉ thứ 5 mới đến Lạc Ấp dịch
7 luận Thập Địa hai mươi bốn quyển v.v... ban đầu
8 Ý nêu thần lý la, tuệ ngộ tuyệt luân hiểu rõ lời
9 Ngụy đến chỗ sâu kín. Vua thường sai giảng kinh
10 Hoa Nghiêm, giải thích khai ngộ tinh nghĩa thường
11 phát. Một hôm đang ở trên tòa cao bỗng có người
12 cầm hốt ghi tên, hình như Thái Cung bảo rằng: Vua
13 sai đến thỉnh Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm. Ý
14 tự bảo rằng: Nay ở Pháp tịch này còn chưa ngưng
15 được, đợi giảng xong sẽ theo lệnh vua. Tuy nhiên
16 pháp sư riêng chẳng thể lập. Đô Giảng đốt hương,
17 Duy-na đọc kinh Phạm, đều làm theo. Sứ giả lại
18 nhắc lời thỉnh trước , các tăng trong giảng đường
19 đều thấy. Rồi Pháp sư đều xong. Lại thấy Sứ giả
20 trước đến bảo: Vâng lệnh Thiên đế đến đón rước
21 ngài. Ý bèn mỉm cười vui vẻ cáo từ chúng. Rồi ở
22 trên pháp tòa mà tịch. Đô Giảng v.v... tăng cũng
23 đồng thời mất. Người nước Ngụy nghe thấy đều
24 khen là lạ.

25
26 **4- Thích Trí Cự:** Họ Lưu, thuở nhỏ thờ Thần
27 tăng Đàm Vô Tồi. Sư thông minh, học rộng. Trước
28 đọc Hoa Nghiêm mấy mươi lần, đến nghĩa lý thì

tối mù, luôn âm ức, sớm chiều càng khẩn thiết. Bèn mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền ngồi voi trắng phát ánh sáng, đến bảo: Ông theo ta về phương Nam sẽ cho ông thuốc khiến ông hiểu sâu. Bồ đề thức dậy nói với Đồng Ý, mà tiếc là không biết phương Nam ở đâu. Đồng Ý bảo: Thánh chỉ phương Nam thì phải y theo lo gì chẳng đến. Bèn xếp quần áo mà đi xa, đi suốt ba ngày thì thấy một cây xương bồ trong ao nước cành lá rất lớn, ý muốn đào lên, nhưng rễ ăn rộng mấy thước mà yếu giống như trục xe. Trong tâm Sư bỗng nhiên như được bậc Thánh trao cho thuốc. mấy ngày sau thì thông ngộ bội phần. Năm xưa nghỉ trệ một sớm đã thông sáng mà vượt vào cõi thần hơn các tiên hiền, bèn đi khắp nơi giảng nói hơn năm mươi lượt. Có soạn Sớ mười quyển năm bảy mươi tuổi thì mất ở Bắc Đài.

5- Thích Tuệ Quang: Sư họ Dương, người ở đất Lô thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi theo cha đến đất Lạc. Ngày 08 tháng 04 đến chỗ Phật. Đà thọ ba quy y. Đà lấy làm lạ vì nhân quang như bắn lửa ra ngoài, nghĩ ắt là người cao quý bèn mời ở đó lại khiến tụng kinh. Quang cầm quyển đọc văn như đã được học từ trước, thông suốt hết các nghĩa sâu ý kín. Đến cuối hạ thì xuất gia. Các kinh đã học liền vì người nói lời thanh nhã ý lại cao siêu. Người thời ấy gọi là Thánh Sa-di. Nhưng được lợi dưỡng gì thì đều đem cho mọi người, lời khen chê đến

1 thanh sắc đều không lằm lạc, là người cao quý
2 trong chúng, đà nói Sa-di này không phải là người
3 tầm thường. Nếu thọ Đại giới trước phải nghe luật.
4 Luật là nền tảng của tuệ, chẳng phải trí thì chẳng
5 thể phát. Vì vậy học tập nhiều về luật hạnh rồi tiến
6 đến thọ giới Cụ túc nghe rộng vâng làm. Bốn hạ
7 trở lên thì giảng luật Tăng-kỳ, mời dùng giấy bút
8 mà ghi chép chỗ nghe, lại dùng ý suy đoán và giải
9 thích. Một hôm Đà lén xem văn ghi liền bảo: Ông
10 là con ta mong truyền quả Thánh, đâu chỉ khu khu
11 lo văn thế gian có thể làm Pháp sư sáng suốt, Đạo
12 vụ chẳng phải là phần của ông. Gặp Phật Đà-lặc-
13 na mới dịch Thập Địa. Quang bèn lập chương giải
14 thích rất công phu. Lại trong luật Tứ Phần cũng ghi
15 chép giải thích. Sau lại nghe kinh Hoa Nghiêm,
16 nghiên cứu kỹ càng nên ngộ được các ý chỉ sâu kín,
17 liền được các bậc cao minh luôn luôn đích thân chỉ
18 dạy. Quang cho rằng gốc của chánh giáo, không gì
19 hơn sách này, hễ có nói bày thì phải rất nghiêm túc.
20 Nên mỗi khi giảng đều biểu thị khiết tịnh, cả người
21 nghe cũng đồng như thế, giày dép đều cởi bỏ để
22 ngoài thềm, đều nghiêm dâng hương hoa, nghiêm
23 chĩnh chấp tay siêng năng kính pháp ngàn năm khó
24 gặp. Ông có sứ bốn quyền lập ba giáo đốn-tiệm-
25 viên để xếp loại các sách. Xem Hoa Nghiêm là
26 Viên giáo từ đó bắt đầu. Như Niết-bàn, Duy-ma,
27 Thập Địa, Địa Trì, đều xem qua ý sâu được chuộng
28 thời ấy. Tư Đồ Cao Giáo, Tào Bộc Xạ Cao Long

Chi và Triều Thần Tu Mã Linh Cô Tử Nho, là các danh hiền đời Tề đều trọng ông như bậc Thánh. Các mùa hạn hán nghe tiếng Sư đều ở bên ao núi cao mà đốt hương cầu mưa, thì mưa liền đến. Các linh hiển như thế. Ông trước ở Kinh đô làm Tăng Đồ, bỗng chuyển làm quốc Thống. Hôm trước khi mất thì Sư ngồi xe đến Tào, khi ra cửa chùa thì nóc nhà rơi ra. Khi ngồi bàn việc thì có cục đất rơi trước bút không biết từ đâu đến, thì biết là tướng chết đã hiện nhân đó cơ thể suy yếu hơn bốn tuần, rồi thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, thọ bảy mươi tuổi. Sư thường nguyện sinh về cảnh Phật mà không nhất định nơi chốn. Lại khi sắp tắt hơi thì thấy cung trời hiện xuống bèn chí thành cầu về An Dưỡng rồi an nhiên mà mất. Ông có sáng tác Huyền Tông Luận, Đại Thừa Nghĩa Luật, Nhân Vương Thất Giới, và Tăng Chế mười tám điều, đều là văn ý thanh túc, được đời rất xem trọng.

6- Thích Tăng Phạm: Họ Lý, người ở Bình Hương. Thuở nhỏ có học các sách, năm hai mươi ba tuổi đều thông suốt bảy diệu bốn chương thiên văn, thuật bói toán đều không bỏ người theo học hơn cả ngàn, mà tuổi tác sắc đẹp đều không có tâm vợ chồng. Nghĩ nương pháp môn đốt ngón tay mà cúng dường. Năm hai mươi chín tuổi nghe giảng kinh Niết-bàn, thử nghe một lần bèn biết kinh Phật rất bí mật, bèn ở Nghiệp Thành mà xuất gia làm

1 Tăng, mới học kinh Niết-bàn nguyên biết hết chỗ
2 tốt cùng . Sau đến Lạc Hạ theo Hiến Công nghe
3 kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm. Lại đến Sa-môn
4 Tuệ Quang học chỗ cùng tốt mới. Lâu sau bèn ra
5 khai hóa, lợi an Tề Ngụy. Mỗi buổi giảng người
6 nghe hơn cả ngàn. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Bật trú
7 tại chùa Hiên Nghĩa ở Nghiệp Hạ thỉnh Phạm
8 giảng vào mùa Đông. Đến Hoa Nghiêm Lục Địa
9 bỗng có một đàn nhạn bay xuống từ Tháp Đông
10 bay thẳng vào nhà đối trước tòa cao nằm mà nghe
11 pháp. Nghe giảng xong bèn từ từ bay về tháp Tây
12 rồi lượn mất. Lại ở chùa này giảng vào mùa Hạ thì
13 có bầy chim sếu nằm ở phía Tây Nam tòa mà nghe
14 pháp suốt chín tuần (chín mươi ngày). Lại ở Tề
15 Châu cũng có một con vịt bay vào nghe pháp nghe
16 xong thì bay đi. Các thứ trên làm cảm động mọi
17 người, nếu không phải đạo hợp minh phù thì sao
18 được như thế. Xưa khi đang giảng Hoa Nghiêm
19 bỗng có một tăng vào chệch măng. Đêm ấy có vị
20 Thần dùng roi đánh chết rồi sống lại. Do đó người
21 thấy nghe đều kính trọng. Xưa ngủ đêm ở một ngôi
22 chùa khác gặp ngày Bồ-tát có tăng lên tòa ngồi khi
23 sắp nó nghĩa bèn bảo: Luận nói pháp tướng hiểu rõ
24 lời Thánh, đâu phải nhọc nói giới, mà tăng thường
25 nghe nói. Bỗng thấy một vị Thần thân hình cao hơn
26 trượng dáng vẻ mạnh mẽ đến trước tòa hỏi người
27 đọc nghĩa: Nay là ngày gì, đáp: Là ngày Bồ-tát.
28 Thần bèn đưa tay kéo xuống tòa, phút chốc chết

1 ngay. Kế hỏi Thượng tọa nắm kéo ra trước do đó
 2 mà tự gắng. Sau cùng tăng sự có việc riêng mà
 3 không có thuyết dục liền bị bệnh nặng, ngồi kiệu
 4 mà gặp tăng. Ngày sắp mất rước tượng Phật vào
 5 phòng, quì dưới giường mà sám hối chỉ nêu việc
 6 đã làm đêm qua. Lúc đó là giờ ngọ dặn lại mà chết
 7 tại phía Đông chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ, thọ tám
 8 mươi tuổi, tức là ngày mồng 2 tháng 3 niên hiệu
 9 Thiên Bảo năm thứ 6. Xưa phạm bỏ Nho theo
 10 Thích, kính tín ngày càng tăng, lặng tưởng cửa
 11 không vĩnh viễn loại bỏ thói quen trước, nói chẳng
 12 kịp lợi, mặt không mừng giận, luôn lưu ý đến Hoa
 13 Nghiêm xem là nghiệp Báo đời sau. Đêm lay ngàn
 14 Phật xem là của một đời. Tuổi già việc nhiều thân
 15 lại suy yếu, nhưng cũng sáu thời hành đạo. Gục
 16 đầu trên gối tự nghĩ có tài trí thông đạt, mà ít năng
 17 lực lợi ích cho người. Ông có soạn Hoa Nghiêm
 18 Sớ năm quyển, Thập Địa, Địa Trì, Duy-ma, Thắng-
 19 man... đều có Sớ Ký.

21 **7- Thích Đàm Diễn:** Họ Hạ Hầu, người ở Nam
 22 Duyên Châu. Khi mới sinh mà răng đã mọc đủ.
 23 Bảy tuổi đi học thông minh hơn người. Mười tám
 24 tuổi đậu tú tài. Nghe Tuệ Quang giảng liền học
 25 giới. Hai mươi ba tuổi thì xuất gia với Tuệ Quang,
 26 Tuệ Quang liền trao giới. Nghe suốt mà không
 27 nghỉ ngơi, mới hao tổn đến sức lực. Song ở ý tạng
 28 có nghi bèn hỏi các vị học rộng, nhưng đều gợi mở

1 trái ngược với chí mình, không có gì có thể thông
2 suốt bèn khai phá tất cả soạn Hoa Nghiêm Sớ bảy
3 quyển. Giảng sự tương những vấn đề Huyền lý,
4 nổi tiếng hùng biện giảng nói rất hợp thời cơ. Từ
5 Tề, Trịnh, Yên, Triệu đều đến giáo hóa. Các vị
6 Tăng Nghĩa học theo ông có đến hơn ngàn, xuất
7 gia cư sĩ gần năm trăm. Sau ngày Tuệ Quang tịch,
8 Hoa Nghiêm đại giáo ở đây càng hưng thịnh. Triệu
9 Quận Vương Cao Nguyên Hải, Thứ Sử Giao Châu
10 Đỗ Bật đều là trọng thần nước Tề, đều kính thờ
11 ngài. Bộc Xạ Tổ Hiếu Trung tâu vua làm Quốc Đô
12 luyện tập hài hòa đạo pháp và triều chính, không
13 rơi vào mơ hồ huyền hoặc. Ngày 18 tháng 03 niên
14 hiệu Khai Hoàng năm thứ một bỗng bảo người hầu
15 rằng Vô thường đã đến. Liên tụng niệm danh hiệu
16 Phật Di-lặc, khi tiếng và hơi thở đã dứt hết thì các
17 vị tăng ở bên đều thấy sắc mặt Sư rất vui vẻ, thọ
18 bảy mươi chín tuổi. Mỗi khi Diễn có tiền đều cứu
19 giúp người nghèo bệnh trước nhất. Giáo đem hóa
20 độ thì như hành mà trao trước. Khi thấy kinh tượng
21 thì liền lễ bái đón rước. Giữa đường gặp kẻ nghèo
22 đói thì than khóc, lại luôn luôn thích nghe giới. Qua
23 lại hai lần cung vua, gặp vật cay tanh hôi thúi thì
24 mắt chẳng nhìn ép phóng hơi dưới. Thân khi ra
25 khỏi cửa vì phòng Tăng thanh tịnh mà chẳng chịu
26 để người xông ướp quét dọn. Trước khi chưa mất
27 có người mộng thấy Diễn mặc áo đỏ búi tóc, tóc
28 mai đến lưng, có hai đồng tử hầu bay lên hư không

1 rồi đi về phía Tây Bắc, lúc đó liền mất. Lúc ấy đều
2 cho rằng: Trong kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài đồng
3 tử câu Thiện tri thức thứ ba mươi hai, là hình dáng
4 của trời Bà-sa-bà-đà-dạ.

5
6 **8- Thích Linh Dụ:** Dụ họ Triệu, người ở Lộc
7 Dương thuộc Cự Lộc. Lúc còn nhỏ, khi thấy hình
8 tượng Sa-môn thì biệt hồi hướng nghe người giết
9 mổ thì thương xót đổi sắc mặt, sáu tuổi đã theo mẹ
10 thọ giới. Cha cảm đoán thì tâm thể không hủy giới.
11 Bảy tuổi xin cha đi xuất gia, cha vì thương nên
12 chưa cho. Dụ tự than bảy tuổi không được xuất gia
13 thì hư cả một đời, bèn theo thầy học giáo ngày càng
14 đổi mới. Năm mười lăm tuổi cha đau cột sống phải
15 chống gậy mà đi. Khi hết tang thì làm thỉnh đi đến
16 chùa Ứng Giác ở quận Triệu đánh lễ Thiên sư Bảo
17 xin xuất gia. Bảo nhìn thần thái Sư bảo: Ta chỉ là
18 duyên của ông, chẳng phải thầy ông nên đến chỗ
19 tốt khác. Sư bèn đến Định Châu mà thọ Cụ túc giới
20 thì tụng hai giới Tứ phần Tăng kỳ tự viết văn ấy,
21 trong tám ngày viết tụng đều xong. Sau đi về phía
22 Nam đến Chương Long ở chỗ Ân Công học khắp
23 Luật Tứ Phần. Lại nương Bằng Công mà nghe
24 Thập Địa. Sớm chiều xem xét phát minh các điều
25 mới mẻ đều suy tôn Địa Luận Niết-bàn, rộng tìm
26 giải thích cũ xuyên tạc mới lạ. Chỉ có Đại tập Bát-
27 nhã sinh ra thì tự biết Tập Tâm, Thành Thật đều
28 cùng tận hàng ỏ. Mười hai mùa hạ ở Nghiệp Kinh

1 khai giảng danh tiết nổi tiếng nói khiến như mới
2 người nghe quy y đều gọi là Dự Bồ-tát, đều theo
3 thọ ba Tụ giới Đại pháp từ đây rộng khắp. Cho đến
4 kinh Hoa Nghiêm lại rất lưu tâm nghiên cứu chỉ
5 thú. Lúc đó gọi là Lệnh gia. Gặp Hoàng hậu Vua
6 Tề bị bệnh nguyện nghe sách này. Chiếu Huyền
7 các thông cử Dự gánh vác. Lúc đó có một con gà
8 trống thương theo chúng nghe giảng, khi nghe
9 giảng xong thì gáy một hồi lớn rồi bay cao lên cây
10 ở Tây nam, qua một đêm thì chết. Bệnh Hoàng hậu
11 lại lành, đây cũng là thâm Ứng cảm thông. Do đó
12 trong cung cúng thí ba trăm ca-sa Sư nhận mà phát
13 ra. Tề An Đông Vương Lô Duệ chí kính các tăng,
14 kẻ đến trước Sư bấy giờ sợ hãi tuôn mồ hôi. Lui ta
15 hỏi thì biết là bậc thần dị liền thờ làm giới sư chùa
16 Bảo Sơn Sư mới đến lần đầu, Duệ làm thí chủ tất
17 cả đồ vật đều bằng vàng bạc, đó là tiềm đức cảm
18 người chính là loại này. Họ Chu Diệt nhà Tề hai
19 giáo chìm mất bèn ản hình đời hoại, áo thì dùng vải
20 thô đầu quấn dây gai, như để tang cha mẹ. Thê
21 được Phật pháp mới mặc áo quần như cũ, dẫn đồng
22 tục hơn hai mươi người ở trong xóm làng, đêm nói
23 chánh lý ngày đọc sách tục đời Đại Tùy hưng thịnh
24 lại mở mang Phật giáo. Dự Đức quang Tiên ngạn
25 tức dự Sưu dương. Vua hạ chiếu rằng: "Kính hỏi
26 Pháp sư Linh Dự chùa Đại Từ ở Tương Châu, trăm
27 tôn sùng Tam bảo, tình sâu quy hướng nguyện mở
28 mang Đại Thừa hộ trì chánh pháp. Pháp sư phạm

1 hạnh tinh dày, nghĩa lý kín xa, mở rộng Thánh giáo
2 dạy kẻ điếc mù, đạo tục đều kính. Nghĩ làm ruộng
3 Phước, kinh đô là chỗ thiên hạ cùng nhìn đến bốn
4 phương đều hội tụ, cho nên xa mời Pháp sư cùng
5 xây phước nghiệp, nên biết ý trầm mà sớm vào
6 kinh". Khi pháp sư đi bộ vào Trường An thì đã bảy
7 mươi bốn tuổi. Vua ra lệnh đợi ở chùa Hưng Thiện,
8 ra chiếu nhóm họp nhiều vị tăng, bình lập quốc
9 thông. Chúng bàn đồng lòng không có ý khác (là
10 đề cử sư làm Quốc thống) Sư bèn cố nhượng nhưng
11 không được, bèn dâng biểu xin về vua liền cho
12 phép. Bộc Xạ Cao Dĩnh v.v... lại dâng biểu mời Sư
13 ở lại. Vua bèn ra lệnh nên ở lại đây. Sư thưa: Chúa
14 một nước không có hai lời, nay còn lưu lại thì tình
15 không thể được. Do đó bảo học trò: Vua quan
16 nương nhau lâu có thể rằng tiến thì lòn người khinh
17 pháp, lùi thì đều ở xa mà kính, cho nên ta châm
18 chúc mà trái. Lại có ba sắc lệnh cương quyết mời
19 sư xét làm như trên. Vua bảo Tô Oai rằng: Trẫm
20 biết Sư Dụ cương chánh, là người tự tại, thật chẳng
21 thể khuất phục. Bèn sắc lệnh cho Tả Bộc Xạ Cao
22 Dĩnh, Hữu Bộc Xạ Tô Oai v.v... đến chùa đọc sắc
23 chỉ thay vua thọ giới hối tội và đưa tặng ba trăm
24 xấp y gấm giúp chùa xây dựng vua tự tay viết bảng
25 Hoàn phi đặt là chùa Lộ Tuyên. Đã về quê xưa
26 vẫn ra sắc hỏi nhiều lần. Sau nghe Nghiệp Hạ bảo
27 rằng: Tự biết đời khác bèn bày sám hối thiện ác,
28 khuyên gắng học trò mau dứt buồn khổ, đòi bút vôi

1 viết hai bài thơ. Đến canh ba bỗng biết có mùi
2 thơm lạ đầy nhà, trong ngoài đều kinh ngạc. Sư liền
3 niệm Phật mãi đến sáng, rồi an nhiên qua đời tại
4 chùa Diễn Không, thọ tám mươi tám tuổi, tức ngày
5 hai mươi hai tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp năm
6 thứ nhất. Núi rừng rung chuyển, bèn an táng bên
7 chùa Linh Tuyền ở Bảo Sơn, xây tháp kính thờ.
8 Xưa sư rất tinh khiết chánh khí như mây xanh,
9 hành động như núi cao, làm trở thành khuôn phép.
10 Mẹ từng bệnh nặng theo đuổi đã cùng, giữa đường
11 thì trở về, ấy là cắt ái mở đạo như thế. Có lần đến
12 một chỗ giảng nói được phân nửa bỗng thấy giảng
13 chủ nói có trồng vườn ra họ. Sư bảo: Bắt đầu hoằng
14 pháp là loại bỏ nguồn lỗi nghiệp, ác chưa đổ, thanh
15 đạo làm sao có. Giảng này chẳng nên lập lại giảng
16 xong liền cầm tích ôm bát từ giã ra đi. Giảng chủ
17 nói: Pháp sư chỉ giảng nghiệp này dễ dứt trừ. Liền
18 mượn lưỡi cày của người làng một lúc cày nát hết
19 bốn mươi mẫu họ. Ở đây có thể nói là như nghe mà
20 làm. Hoặc lúc Đại đức cao quý thông đạt cùng với
21 tháp kém lẫn lộn nối tiếp nhau hợp làm một. Hỏi:
22 Thì nói ngược và dụ vào chiếu đều nghiêm túc tự
23 giữ ồn ào, ưa thích yên tịnh. Do đó dưới tòa ni
24 chúng chẳng dám hỏi mà tánh càng oai sáng lại bày
25 thô tế quý đạt là ở đây hạ thừa đối một tới lui tự nó
26 không hề đón đưa. Cho nên ngạn ngữ Nghiệp Hạ
27 có nói: Pháp sư Diễn thì phục đạo mà chẳng phục
28 tục, Pháp sư Dụ thì Đạo tục đều phục. Thật là ứng

1 đôi vô tư, phát lời thành luận. Từ trước sau ra làm
2 Bì Kính đều gồm: Ca-sa làm bố thí đưa ra hơn ngàn
3 bộ, khi bệnh khổ đến thuốc trị rất nhiều chỉ được
4 hậu vị, trước khiến thờ Tăng, thân dự năm luân
5 không hề trử nạp trong lúc giảng trao. Mặt hướng
6 về Tây, một đời chẳng khắc nhỏ, thân không chọn
7 làm, miệng không chọn nói, người vật dạy bảo, bỏ
8 hết đánh chửi cho đến trách hỏi trẻ con. Khuyên
9 nhắc học trò đều tự nói tên mình gọi nhân quả thì
10 lời khổ cắt đứt đều khóc lóc. Nếu nói làm có trái
11 thì ngăn chẳng đồng, chẳng phải luật cho chùa
12 pháp chẳng dùng, người nữ ni chúng thì chẳng trai
13 giới và ở chung phòng chẳng khiến lên xuống. Đây
14 là rộng lược khuyên người đời sau. Sa-di thọ giới
15 cụ túc Hòa thượng đức khó cho đến chết chẳng
16 làm. Tự nơi Sư khác chứng minh, đến lúc thì gặp
17 chúng. Nếu trao cho ba nhóm giới thì bảy nhóm
18 chúng đủ truyền. Nếu khi hoàng pháp thì mới cho
19 nữ chúng vào chùa đều phải vào sau ra trước, đi
20 thẳng không lưu lại. Nếu có buổi giảng pháp trang
21 nghiêm, tiếng truyền vào nhà chẳng cần Sa-di cung
22 cấp thân mặc thanh tu chớ nên thêu thùa. Quần thì
23 trống trên bốn ngón tay, áo thì chỉ tới cùi chỏ. Tăng
24 Kỳ-chi dài nhất đến cổ chân mà thôi. Làm thấy y
25 ché quá mức thì chúng cắt bớt, cho nên quần vuông
26 lưng thẳng, mền len nệm da, các vật quý hiếm đắt
27 tiền đều chẳng được đem vào phòng. Tăng Kỳ chi
28 năm điều, do đó dùng vải, nếu có bông lụa thì đều

1 cho người. Ngoài ra thì đồ mặc xấu xí mà thôi. Từ
2 năm ba mươi tuổi có viết sách, soạn Hoa Nghiêm
3 Sớ và Chỉ Quy hợp thành chín quyển. Ngoài ra còn
4 có nội ngoại chương sớ truyện ký v.v... tổng cộng
5 hơn trăm quyển hiện lưu hành ở đời. Nhưng dòng
6 pháp ở Đông Hạ, Hóa Nghi khác bậc. Cho đến lập
7 giáo bày hạnh giữ tín ngàn năm thì dụ là duy nhất.

8
9 **9- Thích Tuệ Tạng:** Họ Hách, người ở Bình
10 Cực nước Triệu. Mười một tuổi xuất gia, khi chưa
11 thọ giới đã giảng kinh Niết-bàn. Sau nghe Trí
12 Luận. Thập Địa, Hoa Nghiêm, Bát-nhã v.v... rộng
13 thấy nêu ra ít người chẳng phục. Tuổi vượt bát
14 hoặc (năm mươi tuổi) bèn ngằm lên núi Thước, gối
15 đá uống nước suối, lắng tâm huyền áo, luôn nghiên
16 cứu các sách mà lấy Hoa Nghiêm làm gốc. Tuy
17 rộng suốt hết các kín sâu, mà khiêm hư tự lui, kính
18 mong bậc Thánh giúp chỉ bày đúng sai. Khi lên núi
19 ấy đêm giáng linh cảm trên hư không có tiếng nói:
20 Ấy là đúng. Nghe rồi nhân soạn Nghĩa Sớ đích thân
21 này tự truyện, kể đến dự học đều thâm nạp. Vua tề
22 là Võ Thành gửi thư mời vào Điện Đại Cự mở
23 mang kinh này, pháp lữ rất đông, sĩ tộc đều hợp,
24 lúc ấy đại quán rất thanh. Từ đó chuyên hoằng bộ
25 kinh này truyền tập rộng khắp. Gặp lúc nhà Chu bị
26 hủy diệt, kinh đạo bèn ẩn nhân gian sống nơi rừng
27 núi mà bảo hộ huyền nạp. Đầu đời Tùy mở pháp
28 liền dự xuất gia. Văn Đế kính đức liền ở xa kính

mời bèn đến gặp vua mà trình bày chỗ sâu kín, là một trong sáu vị Đại đức thời ấy. Vua ra sắc cày kính lễ nên suốt hai mươi bốn năm bốn mùa không lui sụt. Vào ngày 29 tháng 11 niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ nhất thì bị bệnh mà mất tại chùa Không Quán thọ tám mươi bốn tuổi. Khi qua đời bảo đệ lộ bày thân thể, đệ tử vâng lời để thân Ngài dưới chân núi. Sau đem xương về xây tháp thờ tại ngọn núi trước chùa chí tướng ở Chung Nam.

10- Thích Linh Cán: Họ Lý, người ở Dịch Đạo thuộc Kim Thành. Ông nội là Tương Phong ở Thượng Đẳng bèn theo Phong mà dời chỗ. Năm mười tuổi chí muốn nghe pháp, tâm thích trái tục, cha mẹ chẳng cản. Mười bốn tuổi đến chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Kinh xin làm đệ tử Pháp sư Diễn ngày đêm vâng thờ không biếng lười. Thường vào giảng đường tưởng chỗ ấy chẳng khác cung trời. Mười tám tuổi lại giảng Hoa Nghiêm Thập Địa. Trước mở Tông Bản đều cùng tốt. Gặp thời Chu Võ diệt pháp bèn ở nhà giữ giới. đời Tùy mở mang Phật pháp thì được tuyên cao. Mỗi khi Sư giảng kinh này thì người ở bốn phương đều đến nghe. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 7 vua ban sắc mời Sư trú tại chùa Hưng Thiện làm Sa-môn dịch kinh chứng nghĩa, đến năm thứ mười bảy bị bệnh hôn mê, chỉ có tim không lạnh nên chưa dám an táng. Sau tỉnh lại bảo ta lên trời Đâu-suất thấy

hai Pháp sư Hưu và Viễn đều ngồi đài hoa ánh sáng
rực rỡ, bảo Sư rằng: Ông và các đệ tử của ta sau
đều sinh lên đây do đó giác ngộ lại càng tu nghiệp
cũ, nghiêm chỉnh quán hạnh dứt giao tiếp mọi
người. Niên hiệu Đại nghiệp năm thứ 3 về chùa
Đại thiên định, có sắc vua mời làm Đạo tràng
Thượng tọa, tăng đồ càng hưng thịnh, có công cứu
vớt. Đến tháng giêng năm thứ 8 thì mất ở chùa, thọ
bảy mươi tám tuổi. Bèn hỏa táng ở phía Bắc núi
Chung Nam. Xưa Sư có chí thờ kính, kính Hoa
Nghiêm, thường y theo kinh này mà thực hành
quán Thế Giới Liên Hoa Tạng Hải và quán cung
trời Di-lặc. Đến khi bệnh nặng mắt chỉ ngó lên
chẳng nhìn mọi người. Lâu sau bèn như thường.
Sa-môn Đồng Chân hỏi bệnh ở bên, Sư bảo Chân
rằng: "Vừa thấy Đồng tử thanh y dắt đến trời Đâu-
suất, nhưng vui cõi trời không lâu thì phải rơi vào
luân hồi, nên Liên Hoa Tạng là chỗ ao ước. Chẳng
bao lâu hơi thở dứt, phút chốc lại thông. Chân hỏi:
Có thấy gì chẳng? Sư đáp: Thấy nước đầy khắp hoa
sen lớn như bánh xe. Ta ngồi trên đó, điều mong
cầu đã mãn, rồi qua đời!



HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

QUYỂN 3

6. GIẢNG GIẢI (Phần Hạ):

1- Thích Tuệ Giác chùa Vũ Đức ở Tĩnh Châu đời Đường

2- Thích Pháp Mãn chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu đời Đường

3- Thích Tuệ Triều chùa Thần Túc ở Tương Châu đời Đường

4- Thích Đạo Anh chùa Phổ Tề ở Bồ Châu đời Đường

5- Thích Đạo Ngang chùa Hàn Lăng ở Tương Châu đời Đường

6- Thích Linh Biện chùa Đại Từ Ân ở Kinh Đô đời Đường

7- Thích Trí Nghiễm chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam đời Đường.

1- Thích Tuệ Giác: Họ Phạm, người nước Tề, thông minh biết rộng, khó ai sánh, hình dáng cao đẹp, cao hơn bảy thước, mắt sáng, y phục sạch sẽ,

mặt mày cử chỉ ôn hòa. Sư đi đường mọi người đều nhìn ngắm. Tuy học rộng các kinh, nhưng lấy Hoa Nghiêm làm đầu, được thỉnh ở Cao Dương, lâu mà giảng giỏi, người nghe hơn cả ngàn, nhà cửa đông chật ngày người đến không dứt. Bèn nghỉ giảng pháp đợi có thí chủ mà làm giảng đường chứa đủ ngàn người. Xây cất trong một tháng thì xong. Khi lên Pháp hội rất thanh. Sư có soạn các sớ Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma.... Đến niên hiệu Võ Đức năm thứ 3, biết tim đau bèn bảo học trò: Ta sẽ đi đây. Rồi xuất tiền cúng dường Tăng, cùng chúng thủ quyết, đo đo suốt đêm chánh niệm đến sáng thì an nhiên thị tịch, thọ chín mươi tuổi.

2- Thích Pháp Mãn: Họ Tôn, người ở Đơn Dương. Tám tuổi xuất gia thờ Thiên sư Anh làm thầy, đến Mao Sơn, nghe Pháp sư Minh nói ba luận. Lại nghe Thật Công người Cao-ly nói kinh luận Đại thừa, đích thân làm Nam Tòa đi quanh tòa ba vòng. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất trở về Đơn Dương giảng kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn. Năm thứ hai, Diên Đô Đốc ở Việt Châu mới trở về chùa Nhất Âm, tiếp tục giảng pháp. Lúc đó Sa-môn nghĩa học ở bốn phương tám trăm người, Tăng ở trong vùng một ngàn hai trăm, sĩ tục tập trung không thể nhớ hết. Lúc đó làm hội mừng pháp. Đến năm thứ 19, sĩ tục ở Cối Kê thỉnh Sư trú tại chùa Tịnh Lâm giảng kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng

1 sáu khi đang giảng thì có con rắn to treo nửa mình
 2 trên đầu Mẫn dài bảy thước màu vàng ròng, phun
 3 ra ánh sáng năm màu, khi giảng xong thì biến mất.
 4 Đến hết Hạ thì trở về chùa Nhất Âm, ban Đêm có
 5 hai người mặc áo đỏ, lễ Mẫn mà thưa rằng: Pháp
 6 sư giảng bốn bộ Đại Kinh, công đức khó lường,
 7 phải đến phương khác mà giáo hóa cho nên từ
 8 phương Đông đến đón rước Pháp sư, đệ tử mấy
 9 mươi người đều thấy. Đến ngày 17 tháng 08 thì Sư
 10 tịch. Trước đó ba ngày ba đêm vô cơ mà tối đen,
 11 đến lúc sắp chết, bỗng có ánh sáng rực rỡ ban đêm
 12 mà sáng như ban ngày, mùi hương là chẳng mất ai
 13 nấy đều quái lạ. Đạo tục trang nghiêm đưa Sư đến
 14 an táng ở núi Long An. Sư có soạn Hoa Nghiêm
 15 Sớ bảy quyển.

16
 17 **3- Thích Pháp Triều:** Họ Trang, thuở nhỏ xuất
 18 gia theo nghiệp Tiểu thừa, lòng danh Giang Hán.
 19 Bởi vì Tượng Vương Triết Công ở Long Tuyền
 20 giảng ba luận, tâm sinh bất nhẫn bảo rằng: Ba luận
 21 nói về Không, người giảng còn mê đắm Không.
 22 Nói xong thì lưỡi thè ra ba thước, mắt mũi hai tai
 23 đều chảy máu, bảy ngày chẳng nói. Có Pháp sư
 24 Phục nghe việc bảo rằng: Ông quá ngu si, một lời
 25 nói chê hủy kinh hơn năm tội nghịch, nên tin Đại
 26 thừa mới khởi mà thôi. Bèn khiến sám hối thì lưỡi
 27 thụt vào như cũ. Liên đến chỗ Triết chỉ nghe Đại
 28 thừa. Triết nói: Chết rồi làm bảy xứ tám hội

1 Phương Đăng, trăm ngày đã xong, liền đến chùa
2 Thần Túc ở Hương Sơn, chân chẳng ra khỏi cửa,
3 thường tu tập Đại thừa, bốn mùa thường giảng kinh
4 Hoa Nghiêm để sám hối. Tháng tư niên hiệu Trinh
5 Quán năm thứ 11 ngôi thiên trong tông lâm thì thấy
6 có ba người ăn mặc nho nhã xin thọ giới Bồ-tát.
7 Thọ xong thưa rằng: Thiên sư đại lợi căn, nếu
8 chẳng đổi tâm tin Đại thừa thì ngàn Phật ra đời
9 cũng còn ở địa ngục đề phòng đây càng cố gắng,
10 khóc lóc trở về chùa, ở trước phòng của người
11 giảng mà nghẹn ngào chẳng nói được. Dem nước
12 tưới tỉnh dậy bèn khóc lớn, đi nhiều Phật mà sám
13 hối, dùng đó làm việc thường. Lại ân cần hóa độ sĩ
14 tục, tạo Hoa Nghiêm, Đại Phẩm v.v... đều một trăm
15 bộ. Đến tháng ba năm thứ 13, trước Phật lễ sám rồi
16 an nhiên ngồi mà hóa, thọ hơn tám mươi tuổi. Sư
17 mất bảy ngày rừng cây trắng phều, sau đó mới trở
18 lại như cũ. Đây cũng biết tội có thể đổi, thật là đáng
19 mừng. Chùa cách thành năm mươi dặm, theo thọ
20 quy-giới hơn bảy ngàn người trấn phó Sơn Hà bèn
21 lập Đại trai đàn, ở tại mộ có ba mươi vị Pháp sư
22 đều khai một kinh để cầu hương linh thoát khổ.

23
24 **4- Thích Đạo Anh:** Họ Trần, người họ Y thuộc
25 Bồ Châu. Năm mười tám tuổi, cha mẹ rất trọng bèn
26 cưới vợ. Năm năm ngủ cùng giường mà thể không
27 đụng nhau. Sau bèn đến Pháp sư Cự ở Tinh Châu
28 mà nghe các kinh Hoa Nghiêm v.v... Đến niên hiệu

1 Khai Hoàng năm thứ 10, mới xuất gia. Bèn vào
2 chùa Bách Thê ở núi Đại Hành mà tu hành Chỉ
3 Quán, bỗng nhiên đại ngộ. Sau trú tại chùa Thắng
4 Quang ở kinh đô theo Thiền sư Đàm Thiên nghe
5 Nhiếp Luận. Thiên rất lấy làm lạ, khi không giảng
6 kinh thường làm việc với Tăng nhân sự trình lý đã
7 luôn điều tâm, thường bảo tôi nhắm mắt ngồi thiền
8 như có chỗ đến, sau khi mở mắt trở lại thường biết.
9 Cho nên đối với công việc đạo tâm quán việc,
10 không để có chỗ trệ ngại. Nhưng thường khi ngồi
11 mở mắt như sợi dây thường thường trải qua hai
12 đêm. Trước không chớp mắt, sau vào thiền định
13 mới bày dấu lạ. Từng giành đất với người, bỗng
14 nhiên thây cứng đờ, khí đứt sắc đôi, bỗng muốn
15 sinh chương, người ấy bèn quy tâm hồi lỗi thì mới
16 nói cười như thường. Lại vào ao sáu đêm, nằm trên
17 tuyết ba đêm, chỉ nói lửa than đất bản thật là khó
18 lường. Một hôm, Sư giảng Luận Khởi Tín đến
19 phần Chân Như thì lặng yên chẳng nói quái lạ đến
20 xem thì hơi đứt thân lạnh, chúng biết là diệt tướng.
21 Cứ thế để yên, trải mấy đêm thì Sư xuất định. Lại
22 có hạn hán, Sư bèn giảng thỉnh Hoa Nghiêm để cầu
23 mưa, thì có hai ông lão dáng vẻ dị thường đều có
24 hai trẻ hầu thường đến nghe kinh. Anh lấy làm lạ
25 về sau nhân hỏi nguyên do thì đáp: Đệ tử là Thần
26 biến ưa thích kinh này nên đến nghe. Sư nói: Nay
27 đã vì Đàn-việt giảng kinh, thỉnh ra gió làm mưa.
28 Thần ra lệnh hai trẻ, hai trẻ bèn từ cửa sổ ra phút

chốc ào ào mưa xuống xa gần đều nhờ. Hai ông lão
bái tạ phút chốc lui mất. Lại khi sắp mất thì đòi
nước tắm gội rồi trở về chỗ ngồi, đắp Đại y bảo
học trò rằng Vô thường đã đến. Nhưng chẳng thể
tự dối bèn khiến tụng kinh này và kệ Hiền Thủ, đến
đoạn thuộc Quảng thì khiến người hầu niệm Phật
rồi an nhiên mà tịch. Lúc ấy tháng chín niên hiệu
Trịnh Quán năm thứ 10, thọ tám mươi tuổi. Khi
sắp mất thì cảm bày chim mấy muôn con kêu tiếng
bi thương. Có hai trẻ mặc áo xanh cầm hoa đi vào,
hơi tím như ánh sáng từ trong thân Sư phát ra sáng
rực. Chung quanh hai mươi dặm người vật đều mất
sáng, ba ngày mới hết. Bọn tu hành trong sông núi
Bồ Tát nghe tin buồn cùng đến như tang cha mẹ.
Lại cảm voi trâu kêu rống chảy nước mắt không
thôi, bỏ ăn cỏ nước suốt bảy ngày. Khi sắp đem
chôn thì dưới một cái cuốc đất đai rừng chuyền
mạnh chu vi mười lăm dặm đều rất sợ hãi. Lại cảm
được hai luồng ánh sáng uốn lượn quanh khám, có
hai con chim trắng bay lượn kêu hót đưa đến huyết
mộ. Mới biết Sư đạo khai vật ngộ, tuệ giải nhập
Thần cho nên được tướng linh hiện bày còn mất
đều hợp, chẳng phụ thân thể, thật là người này.

5- Thích Đạo Ngang: Không rõ họ, người ở
quận Ngự. Phong thái trong sáng cao thượng ở
đời, Tuệ giải khai ngộ. Trước đến Pháp sư Linh Dụ
mà xuất gia. Đã gội nhuần thanh hóa yêu kính cha

1 mẹ năm tháng lạnh nóng mà lên vị cao. Ông
2 thường ở chùa núi Hàn Lăng đào luyện Sơ giáo,
3 mặt trời chiếu núi cao chính là đây. Ông thường
4 giảng Hoa Nghiêm Địa Luận vượt hơn các tiên
5 triết. Lại từng giảng trong đêm không cầm đèn
6 đuốc. Sư đưa tay cao chỉ liền có ánh sáng lạ chiếu
7 sáng khắp nhà. Đại chúng thấy điềm này, chẳng
8 biết từ đâu đến. Sư nói: Ánh sáng này thường có
9 trong tay, có gì lạ. Phước nghiệp thanh sâu thật khó
10 lường. Độ vật cảnh này mà chỉ kết Tây phương,
11 thường nguyên sinh An Dưỡng. Sau tự biết mạng
12 hết dự báo với người có duyên, thời gian chưa
13 lường biết được lời nói. Tháng hẹn đã đến, không
14 hề đau ốm. Hỏi giờ Ngọ trai đến chưa? Lúc này
15 cảnh lần lượt theo ta liền lên tòa cao thân gồm
16 tướng lạ, lò hương phát ra mùi thơm lạ. Bèn dẫn
17 bốn chúng thọ giới Bồ-tát, lời lý thiết yếu, người
18 nghe lạnh lòng. Lúc đó bảy chúng vây quanh
19 thưởng thức đạo vị. Sư ngược mắt nhìn lên cao,
20 liền thấy các vị trời tán hoa đàn sáo đông đảo.
21 Trong đó có tiếng bảo chúng rằng: Tiếng nhạc trời
22 Đâu-suất đã đến đón rước. Sư nói: Cõi trời là gốc
23 sinh tử, do đó không phải nguyện ước của tôi, tôi
24 thường cầu Tịnh độ vì sao không toại. Nói xong
25 liền thấy nhạc trời phút chốc biến mất, lại thấy
26 hương hoa âm nhạc từ phương Tây bay đến lượn
27 quanh trên đầu, cả chúng đều thấy. Ngang nói đại
28 chúng ở đây, nay linh tướng đến đón rước, vậy phải

cùng đi. Nói xong chỉ thấy lò hương trên tay rơi xuống mà tịch ở trên tòa cao, thọ tám mươi chín tuổi. Đó là tháng 8 niên hiệu Trinh Quán năm thứ 7. Đạo tục đều thấy băng động như núi. Khi tán liệm thì dưới chân có ánh sáng khắp nhà. Sinh ra từ văn tự nếu chẳng phải Đạo hội Linh Chương, hành phù hợp với Lân Thánh, thì làm sao có thể hiện ra điềm lành này. Đưa tang đến núi Hàn Lăng, đào hang , trải xuân chẳng hư rả, vẫn ngồi sừng sững.

6- Thích Linh Biện: Họ Lý, người ở phục đạo thuộc Lũng Tây. Ông nội là Long Tương đời Cao Tề, làm Tư Mã ở Tương Châu cha là Lăng-già, làm Lục Sự Tham Quân đất Lạc Châu đời Tùy. Bèn dời về ở vùng Lạc. Biện sinh ra mà không nói, lặng lẽ như ngu. Tám tuổi mới nói, nói rất thông minh cả dòng họ đều lấy làm lạ, do đó đặt tên là Quảng Biện. Sau vì trùng tên với Tùy Dạng Đế mà đổi tên. Năm mười tuổi thì có tang cha thương xót quá mức. Người Bác là Pháp sư Càn thương tình đem về nuôi dạy cho Nghĩa Phương. Năm mười ba tuổi xuất gia trú tại chùa Thắng Quang. Cán vốn có quen biết với Thiền sư Đàm Thiên, Chi Lan rất hợp, nhân đó sai Biện đến hầu mà học hỏi thêm. Ban đêm Biện nghiên cứu bổng thấu hiểu các nghĩa sâu kín. Mười tám tuổi giảng Luận Duy thức, Khởi Tín và các kinh Thắng man, Duy-ma. Sau khi thọ

giới thì ngày càng tiến về Đức. Lại giảng kinh Nhân Vương, Luận Thập Địa Địa Trì, Nhiếp Đại Thừa v.v... nhưng cho rằng: Nhất Thừa Diệu Nghĩa thì không gì vượt hơn Hoa, Nghiêm. Bèn bỏ đi giảng mà ở chỗ Pháp sư Trí Chánh, chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam nghiên cứu kinh này tột công thầy trò, đủ nghiệp Truyền Đăng góp nhặt các kinh, tìm cầu nghĩa lạ. Sư có soạn Sớ mười hai quyển, sao mười quyển. Chương ba quyển đều lưu hành ở đời. Sư thường ở Cung Sùng Thánh chùa Hạc Lâm, chùa Đức Nghiệp, Điện Bách Phước v.v... mà hành truyền giới pháp nên tăng ni kinh hành và các châu đến thọ quy giới hơn cả ngàn người. Đã giảng Hoa Nghiêm hơn bốn mươi tám lượt. Sau nhân giảng trú tại chùa Bồ-đề, liền biết bất niệm, bỗng nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, vào ngày mùng 05 tháng 09 niên hiệu Long Sóc năm thứ 3. Tánh Sư thuần hiếu, mỗi khi giảng kinh gặp văn nói về ân nặng cha mẹ thì nghẹn ngào nín lặng hồi lâu, hoặc do đó mà bỏ giảng. Tiếng nhạc ồn ào do đó chẳng đoái hoài, từ nhỏ đến già quần áo giày dép đều tự may tự giặt chẳng nhờ người, đệ tử hoặc bốn người trở lên sớm tối hầu hạ, nếu có dạy bảo thì bảo ngồi nghe nếu không có việc gì thì bảo đứng dậy đi ra. Nếu có hỏi đáp thì tự xưng tên mình. Đây cũng là dạy phép tắc biết kính trọng người.

1 **7- Thích Trí Nghiễm:** Sư họ Triệu, người ở
2 Thiên Thủy. Tổ Tiên đều có chí cao thượng. Cha
3 là Cảnh làm Lục Sự Tham quân ở Thân châu. Khi
4 xưa Mẹ nằm mộng thấy vị tăng Ấn-độ, tay cầm tích
5 trượng bảo rằng: Hãy mau trai giới tịnh thân tâm
6 người. Chợt thức giấc, lại nghe có mùi thơm lạ thì
7 biết mình có thai. Khi Sư sinh được mấy tuổi thì
8 khác trẻ tầm thường, hoặc đắp đất làm tháp hoặc
9 kết hoa thành lọng, hoặc sắp các bạn làm người
10 nghe giảng kinh, còn mình thì làm Pháp sư. Năm
11 mười hai tuổi có thần Tăng Đỗ Thuận đi nhanh vào
12 nhà võ đầu Nghiễm bảo Cảnh rằng: Đây là con ta,
13 trả lại cho ta. Cha mẹ biết là có đạo thì mừng rỡ
14 bèn cho. Thuận giao Nghiễm cho Thượng túc là
15 Pháp sư Đạt nhờ dạy dỗ, sáng tối tụng trì không hề
16 hỏi lại. Sau có hai vị Tăng Ấn-độ đến chùa Chí
17 Tướng thấy nghiêm thông minh phi thường bèn
18 dạy cho Phạm Văn (tiếng Phạm) không mấy ngày
19 thì thuộc lòng. Vị Tăng Ấn-độ bảo các tăng rằng:
20 Đứa bé này sẽ là người tài mở mang Phật Pháp.
21 Năm mười bốn tuổi thì xuất gia, lúc đó đời Tùy sắp
22 mất, người dân đói khổ. Sư tuy còn trẻ mà kháng
23 chí kiên cường. Sau nương Pháp sư thường nghe
24 Luận Nhiếp Đại Thừa, chưa đầy mấy năm thì ngôn
25 từ giảng giải tinh vi. Thường nhân các bậc Long
26 tượng nhóm họp mà khiến đọc nghĩa. Lúc đó có
27 Pháp sư Biện là Huyền môn chuẩn đích, muốn xem
28 thần khí của Sư bèn đến hỏi đáp, thì từ lý cao tột

1 đều khen là tuệ ngộ triết nhân. Sau khi thọ giới Cụ
2 túc thì nghe luật Tứ Phần, Ca-diên, Tỳ-đàm,
3 Thành Thật, Thập Địa, Địa Trì, Niết-bàn v.v.... Sau
4 ở chỗ Pháp sư Lâm mà rộng học trung tâm, thường
5 ẩn để tìm hiểu tận tường. Lúc đó đời gọi là Đắc ý.
6 Sư thấy Pháp môn quá rộng, biện trí quá sâu, bèn
7 đến Ty Nam chưa biết để đâu, mới đến trước kinh
8 tạng kính lễ mà lập thề đưa tay mà lấy liền được
9 Hoa Nghiêm liền trú tại chùa của Pháp sư Trí
10 Chánh nghe học kinh này. Tuy nghe kinh cũ mà
11 vẫn mong lời giảng mới, nhưng có nghi bèn xem
12 khắp tạng kinh tìm các giải thích theo Luật sư
13 Truyền Quang Thông Văn Sớ cho rằng Biệt Giáo
14 Nhất Thừa có vô tận duyên khởi nên vui mừng
15 được gặp. Sau gặp vị Tăng lạ đến bảo rằng: Ông
16 muốn hiểu nghĩa Nhất thừa chăng? Đó là nghĩa sáu
17 tướng trong Thập Địa, cẩn thận chớ khinh, nói
18 xong liền biến mất. Nghiêm kinh ngạc hồi lâu.
19 Nhân đó nghiên cứu kỹ, do đó mở rộng, bèn lập
20 giáo phân tông soạn Sớ kinh, lúc đó là năm thứ 27
21 tuổi. Lại bảy đêm hành đạo cầu thỉnh phải quấy.
22 Bèn mộng thấy thần đồng mong được ấn khả mà
23 dừng lại nơi đầm cỏ, không tranh với thế gian. Đến
24 khi tuổi già mới dừng việc hoằng tuyên. Hoàng trữ
25 vãng Phong bá Vương, đích thân làm giảng chủ
26 nhiều lần sai Phủ Ty cung cấp cúng dường, giúp
27 cho chính pháp nhờ đó không dứt. Nhưng tinh
28 luyện nhiều việc, suy tư tường tận với nhiều khả

1 năng. Ông vẽ một bức tranh về thế giới Liên hoa
2 tạng, nổi tiếng cả vùng Thông Hà, xưa nay chưa hề
3 nghe xưa nay chưa nghe. Đến niên hiệu Tống
4 Chương năm thứ nhất thì mộng thấy Đài Bát-nhã
5 trú tại chùa sụp đổ, học trò là Tuệ Hiếu cũng mộng
6 thấy cây cò cao đến Vân Hán (cao ngút trời) hạt
7 châu trên đầu cột cò sáng rỡ như mặt trời dần dần
8 đời đi vào kinh liên ngã. Sự tự biết sắp chết, bảo
9 học trò rằng: Ta với huyền thân này theo duyên
10 không tánh, nay sẽ về Tịnh độ, sau sẽ đến thế giới
11 Liên Hoa Tạng. Các ông theo ta cũng đồng chí này,
12 bỗng đến đêm 29 tháng 10, thần sắc như thường
13 nằm nghiêng bên hông phải mà mất trú tại chùa
14 Thanh Tịnh, thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó có
15 Nghiệp Tịnh Phương (người tu nghiệp Tịnh độ)
16 đêm ấy nghe trên hư không có tiếng nhạc từ
17 phương Tây vọng đến phút chốc thì đi mất. Cho là
18 điềm phước đức vãng sinh. Sáng hôm sau đến hỏi
19 thì quả đúng như thế. Sư có soạn Nghĩa Sớ, giải
20 thích các kinh luận gồm hơn hai mươi quyển, đều
21 giản lược chương cú phân tích rõ ràng mới lạ, cho
22 nên được mọi người xem là ít có, học trò xem là
23 Hiền Thủ, đến niên hiệu Vĩnh Long, người huyện
24 Trường An ở Ung Châu là Quách Thần Lượng
25 phạm hạnh thanh tịnh bỗng bị bệnh chết ngang, các
26 vị trời dẫn đến cung trời Đâu-suất kính lễ Di-lặc có
27 một Bồ-tát hỏi lượng rằng: Sao không thọ trì Hoa
28 Nghiêm? Đáp: vì không có người giảng. Bồ-tát

1 nói: Có người đang giảng sao bảo là không. Lượng
2 sau sống lại, bèn kê lại cho Pháp sư Bạc Trần. Luận
3 bàn việc ấy nhờ đây mà rõ đứng đầu là rộng chuyển
4 pháp luân thứ hai là dấu tích học hỏi sâu xa, ôm chí
5 thành công tốt đẹp mà chẳng thật, từ lâu đi theo
6 bóng đèn huyền ảo Đại Chi Thánh Thần Hoàng đế,
7 gieo trồng đạo chủng ở nhiều kiếp sẽ vui mừng mở
8 rộng ở ức triệu. Đại Vân thọ ký sẽ thành vua Kim
9 luân. Vẽ sông cảm ứng đánh trống ngọc mà đến.
10 Đây Thánh kia thần vận sáu thần thông mà chẳng
11 tốt, đều tốt đẹp cả, hợp mười thiện mà hóa vô biên.
12 Thoát lưới khóc tội, vượt hạ đê ân, thế là cục đất
13 vòng quanh tương thành ở phần thủy, mặt trời trí
14 tuệ còn ở một việc cỏn con. vì vậy, xoa từ đỉnh đầu
15 đến gót chân tinh hoa đều hướng về mười lục, nắm
16 lấy tóc nhả ra cơm cháo, tích tụ thể chất gỗ, ráng
17 màn chiếu trong ngàn cửa, cầm chén động gậy,
18 mây mù cuộn trong chín tầng, trong Hà Cảnh ngàn
19 môn, thừa bồi chán tích vụ tập trong cửu trùng chi
20 nội. Tuy Hán Ngụy khác cảm, Lương Tề tin sâu
21 cũng đâu đáng nói. Đây là mở kho báu trong Cung
22 rồng đón hào kiệt ở động voi, thì nhật nguyệt nối
23 nhau năm tháng chẳng dứt. Khen ngợi đức của
24 Phật, ca tụng lời pháp thì đàn sáo tuôn tràn bút mực
25 góp chứa. Đêm mùng bảy tháng giêng, niên hiệu
26 Vĩnh Xương năm thứ nhất. Vua ra sắc các Tăng ở
27 phía Bắc cửa Huyền Võ lập tòa cao Hoa Nghiêm,
28 tám hội đạo tràng, mở mang Diệu Điền Phương

1 Quảng. Trong tám ngày mà số Tăng Ni đông đến
2 hơn mấy ngàn người, cùng lập trai hội. Lúc đó có
3 Ty Tạng Bạng được một đoạn băng (pha lê(tốt
4 lành) trong đó có hai ngôi tháp Phật hiện rõ trong
5 băng cao hơn một thước, tầng cấp tự thành màu
6 như bạc trắng, hình tượng đầy đủ, chiếu sáng lấp
7 lánh. Vua sắc để bày cho chư Tăng xem, đại chúng
8 đều kinh lạ, buồn vui đánh lễ đều cho là Thánh đức
9 cảm được thật là điềm lành hiếm có. Vua đích thân
10 viết thơ và lời tựa nghe kinh Hoa Nghiêm. Có lời
11 rằng: Nhân việc tạm rảnh, nghe giảng Hoa Nghiêm
12 xem biện trí dọc ngang thấy bước đi rồng voi, đã
13 giúp huân tập. Đốn giải nghi sâu, nêu ước ao nên
14 đề mấy chữ. Có lời rằng: Pháp tịch mở Phương
15 Đẳng, đạo tục đầy Pháp Hội, Thánh chúng đều
16 nhóm họp, hoa trời dưới nắng tươi, tòa phân ngàn
17 hoa lá, hương tỏa sáu vàng thơm, chuông vang xa
18 hữu đánh, tiếng Phạm khắp vô biên, một âm nói
19 nghĩa màu, bảy xứ lại nói bày Duy tâm nói tám hội,
20 sạch nghĩ thể ba thiên, đã biết không sinh diệt,
21 thường vui Phật hiện tiền. Do đó thế giới Liên Hoa
22 cuộn sóng lớn của Hải ấn, vi trần sát độ gộp vào
23 mạng lưới Nhân-đà-la. Thánh thượng vạn cơ đã
24 rảnh, thương xót muôn dân. Sáng bảy giác để ngộ
25 bốn mê, bày bốn biện mà kinh rồng điếc. Huyền
26 môn đến tột, trong khoa Vực mà riêng tốt. Tinh
27 nghĩa nhập thân, lịch phồn biểu mà riêng cao. Một
28 âm Diệu màu thật là nghe chỗ chưa nghe, bảy chỗ

1 hoằng tuyên thật là thấy chỗ chưa thấy, lẽ nào cùng
2 với phu ngựa của Hoàng đế ca ngợi dễ dàng nêu
3 bày thông suốt lời thơ của Hoàng Hậu, mà nói là
4 có thể giống như mặt trời hay sao?

5 - Pháp sư Đàm Vô Tối, chùa Dụng Giác ở Lạc
6 Đô, đời Ngụy.

7 - Ý Pháp sư, ở Bắc Đài đời Ngụy (có sớ chẳng
8 biết mấy quyển).

9 - Thiên sư Tăng Viễn cúng Tháp , ở núi Lâm
10 Lô, đời Tề.

11 - Tăng Pháp sư, chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, đời
12 Tề.

13 - Pháp sư Đàm Tuân, ở Nghiệp Trung, đời Tề
14 (có Sớ bảy quyển).

15 - Pháp sư Tuệ Thuận chùa Tổng Trì ở Nghiệp
16 Hạ, đời Tề.

17 - Pháp sư Huyền Sướng, chùa Tề Hưng, ở núi
18 Tề Hậu, thuộc Thục Quận, đời Tề.

19 - Pháp sư Đạo Bằng, ở chùa Bảo Sơn ở Nghiệp
20 Tây, đời Tề.

21 - Pháp sư Thuyên chùa Chỉ Quán ở Nhiếp Sơn,
22 đời Trần.

23 - Pháp sư Pháp Lăng chùa Hưng Hoàng ở
24 Dương Đô, đời Trần.

25 - Pháp sư Tuệ Tượng chùa Đại Thiên Chúng ở
26 Dương Đô, đời Trần.

27 - Pháp sư An Lãm chùa Kỳ-xà, ở Chung Sơn

1 đời Trần.

2 - Pháp sư Hồng Tuân, chùa Đại Hưng Thiện, ở
3 Tây Kinh, đời Tùy
4 (có số bảy quyển).

5 - Pháp sư Đàm Thiên, Đạo Tràng trong Thiên
6 Định , ở Tây Kinh, đời Tùy (soạn số Minh Nạn một
7 phẩm).

8 - Pháp sư Tuệ Viễn, chùa Tịnh Ảnh, ở Tây
9 Kinh, đời Tùy
10 (có Số quyển bảy bản thành mà chưa giảng).

11 - Pháp sư Tịnh Uyên trong Đạo tràng Chí
12 Tướng , núi Chung Nam, đời Tùy.

13 - Pháp sư Tuệ Giác chùa Tuệ Nhật, ở Giang Đô,
14 đời Tùy.

15 - Pháp sư Cát Tạng chùa Diên Hưng, ở Kinh
16 đô, đời Đường.

17 - Pháp sư Trí Cự, chùa Kiến An, ở Thường
18 Châu, đời Đường.

19 - Pháp sư Trí Chánh chùa Chí Tướng, núi
20 Chung Nam, đời Đường
21 (có số mười một quyển).

22 - Pháp sư Tuệ Trì chùa Hoằng Đạo, ở Việt
23 Châu, đời Đường.

24 - Pháp sư Tuệ Trách, chùa Thanh Thiện, ở Kinh
25 đô, đời Đường.

26 - Pháp sư Tuệ Duệ, chùa Quang Phước, ở
27 Tương Châu, đời Đường.

1 - Pháp sư Quang Giác, chùa Phổ Quang, ở Kinh
2 đô, đời Đường
3 (có số mười quyền).

4 Các vị Tôn Đức trên đều là những vị hiểu thông
5 nhiều nghề, lại hoằng kinh này hoặc làm ra vẻ
6 khiêm tôn đối với tác dụng tiềm tàng của sự nghiệp
7 hoặc có chí chưa theo, đã chẳng phải chuyên
8 nghiệp, lại không có điềm lành cho nên chép thẳng
9 kèm theo đây. Ngõ hầu biết người trọng đạo này
10 thì tiếng thơm mãi chẳng dứt.



HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

QUYỂN 4

7- PHÚNG TỤNG, gồm các vị sau:

1- Thích Phổ viên

2- Thích Phổ Tế

3- Thích Biện Tài

4- Thích Tuệ Ngộ

5- Thích Đàm Nghĩa

6- Luật sư Uyển

7- Tam tạng Nhật Chiếu người Trung Thiên-trúc.

8- Cư sĩ Phàn Huyền Trí

9- Sa-di Bát-nhã Di-ca nước Vu-điền.

10- Người họ Vương ở Kinh đô.

11- Tỳ-kheo-ni Vô Lượng.

1. Thích Phổ Viên: Chẳng biết họ. Thanh Nghị kể rằng dường như ở vùng sông biển. Ở thời đầu Chu Võ, Sư đến Tam Phụ dụng mạo khô ngô không thích lòng chừng, có thần thái của bậc Đại phu. Trải khắp các danh sơn sông lớn tương phần

theo hạnh Đầu-đà, ưa Từ cứu lợi ích làm đầu. Có người đến thì vội dẫn dắt chỉ bày hạnh môn, khiến tôn trọng khổ tiết. Thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm, y theo đó tu Định, dụng tâm khắp đến, bất giác trải qua sáng tối. Có lúc khát thực tạm đến thôn xóm thì thường ở bìa rừng gỗ mã mà nhiếp tịnh tư duy. Đêm bỗng có quỷ đến hình dạng rất đáng sợ, bốn mắt sáu nanh tay cầm gậy cong thân đầy lông lá đến trước trợn mắt nhìn, nhưng đều không sợ, chẳng bao lâu thì rút lui. Việc đó chẳng phải một, có người đến xin đầu viên sắp chém đầu mà cho thì ngăn lại, đổi qua xin mắt bèn muốn khoét mắt mà cho thì ngăn lại. Lại xin tay liền tỳ tay vào cây chặt đến cùi chỏ mà cho, hôn mê té dưới đất. Do đó mà chết ở Phàn Xuyên thuộc Giao Nam. Đạo tục đều thương xót kính mến như tang cha mẹ. Sau khi thiêu rồi phân chia tro xương, các nơi xây tháp thờ.

2. Thích Phổ Tế: Người ở Bắc Sơn thuộc Ung Châu. Trước xuất gia y chỉ Thiên sư Viên, nghiệp hạnh tinh khổ một mình ở rừng núi chẳng ngủ ở nhà người ngồi kiết già tu thiền. Đến tuổi già dời về nơi hoang hiểm chẳng sợ sói lang, tuy đi khắp nơi mà tay chẳng chọn quyền thường đọc kinh Hoa Nghiêm y đó mà kết nghiệp, hai ngày một lượt lấy dây làm thường. Tiếng rất điều nhã, mở sáng lý ngoài từng dụng tâm khổ cho đến ói máu đầu máu,

bỏ tụng nhịn ăn trải qua ba ngày, đồng đạo đều thương lo lắng thuốc men. Sư bảo: Kinh nói thuốc đời trị bệnh lành rồi lại sinh, Như lai trị bệnh thì lành chẳng bao giờ sinh lại, sao lại dùng thuốc này v.v...? Bèn tắm gội sạch sẽ đầy đủ hương hoa lễ Phật mười phương lớn, tiếng tụng kinh, được bình phục như xưa. Từ khi Phật pháp bị bỏ bê, liền đến các núi Thái Bạch không đem theo lương thực, đói thì ngâm cỏ nhai nuốt cũng không bị bệnh nguyên tượng giáo được hưng mà xả thân cúng dường, tu hạnh Phổ Hiền sinh vào nước Hiền Thủ. Đầu niên hiệu Khai Hoàng mở lớn pháp môn, nghĩ nguyện đã mãn liền xin xả thân, dẫn chúng nhóm hợp ở hang tro Tây Nhai, rộng phát hoàng thệ, tự gieo mình mà mất. Xa gần đều đến đầy khắp hang núi, bèn xây tháp trắng trên đỉnh núi cao mà thờ.

3. Thích Biện Tài: Không biết họ, xuất gia từ lúc nhỏ, thờ Pháp sư Dự làm thầy, học nói giáo nghĩa, vì Hoa Nghiêm là kinh mà mọi người đều khen là Huyền Cực bèn lấy đọc nhưng không hiểu rõ bèn bờ, tự giận mình chương nặng ràng buộc bèn dốc lòng sám hối mà riêng hộ tịnh, làm hộp hương thơm đội trên đầu, đi nhiều Phật trải qua ba năm. Liền mong thấy Bồ-tát Phổ Hiền chỉ trao sâu kín. Do đó bỗng nhiên tụng được văn trước sau như gương. Tài cảm được Thánh giúp càng cố gắng hơn. Do đó nghĩa lý gồm thông, lúc khai đạo lợi

1 sau chẳng biết mất ở nơi nào. Lại có vị tăng quên
2 tên họ, thấy sư có điềm lành bèn càng tin tưởng,
3 nhân tập đội đầu cầu Văn-thù-sư-lợi giúp cảnh mát
4 mẻ, tâm mong Thánh giúp. Lúc đi lễ bái, vòng
5 quanh qua lại ban đầu không rời kinh. Mỗi khi
6 chiều tối thì dùng ba gậy chống vào nhau đặt kinh
7 lên trên rồi đốt hương lễ bái, ngồi kiết già ở dưới
8 nghĩ chơn kín sâu, thường thực hành như thế, đến
9 năm thứ mười bảy thì cảm được như trước. Nay
10 hộp hương vẫn còn. Lúc đó Bảo Phúc Nham ở
11 Phần Châu có Sa-di tên là Tuệ Cầu cũng ở trong
12 tháp đầu đội kinh này, sau ba năm thì văn nghĩa
13 đều hiểu, lúc đó gọi tháp này là tháp Hoa Nghiêm.

14
15 **4. Thích Tuệ Ngộ:** Đời Tùy trú ở Đạo tràng
16 Thiên Định. Cùng với một Tăng đồng chí đến núi
17 Chung Nam, một người trì Hoa Nghiêm, một
18 người trí Niết-bàn, ăn rau cỏ nướng ở hang núi, trải
19 qua nhiều năm, đều chuyên về nghiệp của mình
20 ngày đêm không dứt. Bỗng có một người đến lay
21 chào xong xin thỉnh một vị đến nhà cúng dường.
22 Hai vị tiên cử lẫn nhau. Người ấy nói xin thỉnh
23 Pháp sư Hoa Nghiêm. Vị Tăng ấy sửa sang y bát
24 mà theo người ấy đi trước không xa. Vị Tăng hỏi
25 nhà thí chủ ở đâu? Đáp: Ở phía Nam núi này. Tăng
26 nói hướng đó chỉ có khe núi đâu có xóm làng. Đáp:
27 Đệ tử là Thần núi nhà ở trong hang núi, thỉnh Sư
28 chớ lấy làm lạ. Tăng tuy tâm sợ nhưng vẫn trèo non

1 vịn đá mà đi. Thần núi hỏi: Sư thọ trì Hoa Nghiêm
2 chưa được thần thông sao? Đáp: Chưa được. Thần
3 liền ôm vị tăng bay lên hư không phút chốc đến
4 nơi. Bỗng thấy điện đường tráng lệ đẹp đẽ sân đầy
5 thức ăn cúng dường ngàn vị Tăng. Sắp đến giờ trai,
6 Thần bèn mời tăng lên ngôi tòa cao. Tăng hỏi lại
7 có Tăng chăng? Thần đáp: Có nhiều, chốc lát sẽ
8 đến. Tăng nói: Bàn đạo hạ lạc còn thấp không dám
9 ngồi tòa này. Thần nói: Sư thọ trì Hoa Nghiêm theo
10 lý phải tôn thắng. Bỗng thấy Tăng lạ cảm tích
11 trượng ôm bát bay trên hư không mà xuống số đến
12 năm trăm chẳng biết từ đâu đến. Tăng ấy kinh ngạc
13 sắp đến đánh lễ thì đều chẳng nhận. Bảo rằng: Xin
14 đừng đứng dậy Sư đã thọ trì Hoa Nghiêm thì bọn
15 tôi phải tôn kính. Rồi làm thỉnh ăn xong bay lên hư
16 không mà đi. Riêng chỉ tăng này chẳng biết nơi
17 chốn trở về. Vị tăng bảo thần xin thí chủ chỉ cho
18 đường về. Trong sân Thần ấy có hơn mười đứa trẻ
19 khoảng ba tuổi trần truồng đùa giỡn. Thần bảo trẻ
20 rằng bọn bây một đứa ra hầu Pháp sư. Chúng
21 nhường nhau dục dục không đi. Thần hét một câu thì
22 một cậu bé vâng lệnh. Thần bảo tăng rằng xin thầy
23 hủ miệng. Nhìn vào miệng bảo thầy bị bệnh nặng,
24 cậu bé bèn lấy đất dơ trong đầu móng tay bỏ vào
25 miệng tăng, phút chốc bảo Sư mở miệng ra, nhìn
26 xong rồi bảo bệnh thầy đã hết. Cậu bé liền tung
27 mình nhảy vào miệng tăng quả là thuốc hay. Tăng
28 bèn thành tiên. Thần bảo phàm Sư quá mức lại

1 không cúng dường long trọng, lấy điều này để đền
 2 đáp chút ít, mong Sư không quở trách. Tăng nói:
 3 Hồ thẹn với thí chủ chẳng thể nói hết. Công đức
 4 thọ trì đều dùng để giúp cho huân tu. Do đó từ biệt
 5 bay trên hư không trở về chốn cũ, ngồi kiết già trên
 6 không xa bảo với đồng bạn rằng: Tôi nhờ năng lực
 7 Hoa Nghiêm mà được thuốc tiên. Người và tiên
 8 khác nhau nên không thể ở chung, ở chung bên
 9 nhau đã lâu nay mong hoan hỷ, ở đời sau sẽ gặp
 10 nhau trước Phật. Rồi bay lên hư không mà đi mất,
 11 bản kinh tụng cũng bay theo, chẳng biết ở đâu. Có
 12 năm chúng Thiên sư Đạo Thọ (ở dưới gốc cây),
 13 thiên môn cao hạnh là tông của Nghĩa học lại nói
 14 việc này biết rất rõ.

15
 16 **5. Thích Đàm Nghĩa:** Đời Tùy, người ở Tính
 17 Châu, còn nhỏ đã xuất gia tại chùa Thập Lực. Giữ
 18 chắc giới cấm được cử các chức vụ, khổ tiết theo
 19 hạnh Đầu-đà thường ở trong núi Ngũ Đài, nguyện
 20 y Đại Sư Văn-thù mà siêng tu các Thắng nghiệp.
 21 Mỗi ngày tụng hai biến Pháp Hoa, đọc một pho
 22 Hoa Nghiêm, lấy đây làm thường. Như thế tu nhân
 23 suốt mấy năm. Sau cùng đệ tử là Đàm Huân đi
 24 khắp các đài lễ bái cúng dường. Nhân đến Nam Đài
 25 thấy một Tỳ-kheo-ni không biết hiệu là gì, áo vải
 26 trắng tịnh, nghi mạo thanh nhã, đến chỗ ở thì trông
 27 không chẳng có nhà cửa chỉ có chỗ ngồi, song song
 28 bốn cột gỗ, chất cỏ làm chiếu, ngồi kiết già giữa

1 chiếu. Nghĩa bèn kể lễ sự tình, nhân hỏi cô tu hạnh
2 nghiệp gì. Ni đáp chỉ tụng Hoa Nghiêm. Nghĩa liền
3 xin nghe. Ni đáp: Nay cùng Đại đức, Tăng Ni có
4 khác. Mặt trời sắp lặn chẳng phải chỗ này. Xin đến
5 hang Nam dừng ở hang đá. Nghĩa dự dự chưa đi.
6 Ni bèn đứng dậy lánh đi. Nghĩa bảo ý muốn nghe
7 Hoa Nghiêm, do đó còn nghi hoài lưu luyến. Ni
8 bảo đến đó ngủ đêm thì cũng được nghe. Sư bèn y
9 lời đến hang đá, ở cách một hang khoảng năm, sáu
10 dặm, đốt hương xa cúng dường, liền nghe Ni tụng
11 Hoa Nghiêm, tiếng rất rõ ràng như cách chỉ mấy
12 thước. Trước tụng pho thứ nhất thì từ xa thấy
13 miệng ni phát ra ánh sáng tụng pho thứ hai thì ánh
14 sáng ấy càng mạnh, đến pho thứ ba trở đi thì ánh
15 sáng chiếu khắp hang núi sáng như ban ngày. Xa
16 thấy hình Ni như đối trước mặt. Sau đến canh năm,
17 hai pho mới hết. Sau tụng hết pho thứ sáu thì ánh
18 sáng dần dần tiêu lại. Đến hết kinh thì ánh sáng
19 cũng tắt. Sáng đến Sư đem hương hoa đến cúng
20 dường rộng phát hoằng nguyện đánh lễ mà về. Sau
21 có đến tìm thì không biết chỗ nào. Đệ tử của Đàm
22 Nghĩa là Đàm Huấn sau đến chùa Thái Nguyên ở
23 Kinh đô đến kể rõ cho Pháp sư Hiền Thủ nghe.

24
25 **6. Luật sư Uyển trú:** Tại chùa Diên Hưng ở
26 Kinh đô. Đức hạnh tinh khổ, giữ vững cấm giới.
27 Trong niên hiệu Trinh Quán trên đường đi Bá
28 Kiêu, nhà ở trái đường, ngày đã gần tối do đó ngủ

trọ. Bồng có vị tăng lạ áo quần rách rưới cùng đến. Chủ nhân chỉ phòng khác, bèn đòi rượu thịt ăn nhậu. Luật sư hạnh như băng tuyết bỗng nhiên hồ thẹn. Vì Tăng ấy ăn xong liền lấy tro đậu súc miệng đóng cửa phòng tụng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, khoảnh khắc một pho vừa xong. Uyển bèn bó mình ôm thẹn đứng lặng mà nghe Huyền âm, chưa đến canh năm thì hết sáu pho. Phạm tự hồi trách buồn bã khóc lóc rồi vào phòng lễ bái sám hối. Do đó từ giã chẳng nói tên họ, chẳng biết ở đâu.

7. Tam tạng Nhật Chiêu: Đã từng đi qua nước Nam Thiên-trúc tới một già-lam tên là Quật-thâm-giá, Hán gọi là Nhạn, thấy các tôn đức chùa ấy đều thọ trì kinh Hoa Nghiêm. Nhân đó hỏi vì sao già-lam này lại lấy tên chim. Vị tăng ấy đáp: Xưa có Tỳ-kheo ăn uống đồng với người thế tục tụng Hoa Nghiêm để làm nghiệp mình. Sau chết rồi do phá giới mà sinh trong biển Nam làm một con nhạn thân cao ba trượng nói được tiếng người tụng kinh chẳng ngớt. Lúc đó có thanh tín sĩ ra biển lấy ngọc châu, gặp gió dữ thổi thuyền lật ôm tám ván mà tấp vào một châu (đảo) áo cơm đều hết mà buồn rầu ở đó. Bồng nghe trên cây có tiếng tụng kinh bèn đến nghe, thì thấy một con chim nhạn tụng kinh Hoa Nghiêm lấy làm lạ hồi lâu bèn khen rằng: Tụng giỏi, tụng giỏi lắm! Nhạn nghe khen liền đáp

1 xuống cây nói tiếng người rằng: Ông hãy vì tôi mà
2 xây Tăng-Già-lam được chăng? Đáp: Thân mạng
3 ta còn chẳng cứu được làm sao xây chùa? Nhận
4 nói: Nếu ông làm được thì sẽ mang ngọc báu đưa
5 ông về quê. Người ấy bảo: Nếu đúng như thế thì
6 rất tốt. Nhận bèn chở người trên lưng bay đến núi
7 báu. Người này biết báu bèn lấy nhiều báu chất trên
8 lưng nhận rồi bay lên hư không vượt biển đưa về
9 Thiên-trúc đến bờ đáp xuống. Nhận nói: Xin ông
10 vì ta xây tăng già-lam, lại lấy tên ta mà đặt tên
11 chùa. Thanh tín sĩ rất nhớ ân sâu nuốt buồn mà từ
12 biệt. Lại đem ngọc báu mà dâng lên vua. Vua bèn
13 phong cho ấp gồm có năm trăm hộ, khiến xây chùa
14 do đó đặt tên là Nhận.

15
16 **8. Phàn Huyền Trí:** Người ở Kinh Châu, tuổi
17 ấu thơ đã khác tục thường nguyện tu đạo. Năm
18 mười sáu tuổi bỏ nhà ở phía Nam thành tại kinh đô,
19 gặp Thần Tăng Đỗ Thuận tu tập các thắng hạnh.
20 Thuận liền bảo tụng đọc Hoa Nghiêm làm nghiệp,
21 khuyên nương kinh này mà tu hạnh Phổ Hiền. Lại
22 dẫn đến Pháp sư Chỉnh trú tại chùa Chí Tướng, vào
23 núi Chung Nam ôn tập sách này bèn được một bộ
24 đầy đủ. Sau mỗi khi tụng kinh trong miệng thường
25 được xá-lợi, trước sau khoảng mấy trăm hạt. Tùy
26 thân cúng dường đem thí cho mọi người. Danh sơn
27 thắng địa xa xôi cũng tìm đến. Sau nhân đến trụ
28 Xích Sa Hương ở Phòng Châu. Ở thôn Bắc Cốc có

núi, cách thôn ba dặm ở trong đó có hang đá người học đạo đến ở. Trí cũng ở đây hơn hai mươi năm, hằng ngày tụng kinh Hoa Nghiêm, đêm tu thiền quán nhàn nhã suốt năm lấy đó làm thường. Trong khi tụng kinh thường có các loại chim thú cùng hợp nhau trong rừng im lặng không có tiếng động để nghe, sói lang hổ báo lúc đó cũng hiền lành từng bị kẻ ác tụ tập cướp bóc, đẩy rớt xuống núi, tuy vách núi cao trăm nhải, mà vẫn không tổn hại gì. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ nhất, có người thấy trong khám có ánh sáng lạ đến xem, thì thấy Cư sĩ ở trong hóa đã lâu. Chúng bèn đem ra thì ánh sáng liền mất, thiêu xong xây tháp thờ, lúc đó hơn bảy mươi tuổi.

9. Sa-di Bát-nhã Di-già-bạc: Ở nước Vu-điền, có giới hạnh thường tụng kinh Hoa Nghiêm lấy đó làm nghiệp thường, đã trải qua mấy năm thường có điềm linh. Lúc đó bỗng có hai người đến chỗ ấy lễ bái hỏi han chấp tay đứng qua một bên. Sa-di lạ vì hình dạng lạ lòng hỏi từ đâu đến bèn lấy tay chỉ lên trời đáp: Đệ tử ở trên ấy. Rồi dẫn Sa-di đến chỗ thanh tịnh ngụ ý bảo các vị trời khiến đệ tử đến mời Pháp sư. Sa-di kinh sợ không thôi. Trời bảo xin khởi từ tâm chớ sinh sợ sệt, thỉnh thầy nhắm mắt, Sa-di gắng gượng theo sau bèn đưa Sa-di lên trời trên mới thấy lầu điện đẹp đẽ phi thường. Vua trời quì mà thưa rằng: Các trời nay đánh nhau với Tu-

la, nhiều lần bị thua. Nay thỉnh Pháp sư tụng kinh Hoa Nghiêm dẫn binh trời mong nhờ pháp lực khiến chúng tôi đánh thắng Tu-la. Sa-di nhân sự thỉnh cầu bèn ngồi xe Thiên Bảo cầm cờ phướn trời, tâm thâm tụng kinh Hoa Nghiêm mau nhiệm. Chúng Tu-la thấy liền tự nhiên vỡ tan. Các vị trời đều vui mừng bảo rằng: Pháp sư cầu gì chúng tôi giúp cho. Sa-di nói ta chẳng cầu gì khác chỉ cầu Đạo Vô thượng Bồ-đề. Các trời tạ rằng: Sự mong ước của Pháp sư thật chẳng phải năng lực của chúng tôi, chẳng hay Pháp sư còn mong cầu điều gì chẳng? Thì đáp: Ngoài ra ta không cầu gì nữa. Phút chốc liền đưa về chốn xưa, y phục Sa-di còn thơm nức hương trời. Sau đó mấy năm Sa-di nằm nghiêng bên hông phải không bệnh mà mất. Tự bảo được sinh về cõi Phật thanh tịnh. Vào ngày mùng 04 tháng 02 niên hiệu Vĩnh Xương năm thứ nhất. Tam tạng Pháp sư nước Vu-điền là Nhân-đà-la Banhã-nhã trụ tại chùa Đông ở Thần Đô đời Ngụy kể lại cho Sa-môn Hiền Thủ nghe việc này đã trải qua ba mươi lăm năm rồi.

10. Người họ Vương: Ở Kinh đô niên hiệu Văn Minh năm thứ nhất, không rõ tên . Đã không có giới hạnh mà chẳng hề tu thiện. Nhân bệnh mà chết bị hai người dẫn đến trước cửa địa ngục, thấy có một vị tăng nói là Bồ-tát Địa Tạng, bèn dạy cho người họ Vương tụng một hàng kệ. Văn ấy thế này:

1 Nếu người muốn cầu biết tất cả chư Phật ba đời,
 2 như thế phải biết quán, tâm tạo các Như lai. Bồ-tát
 3 đã trao Văn kinh rồi bảo rằng: Tụng được kệ này
 4 thì dẹp bỏ được địa ngục. Bèn vào gặp vua Diêm-
 5 la. Vua hỏi người này có công đức gì. Đáp rằng:
 6 Chỉ thọ trì bốn câu kệ đủ như trên nói. Vua bèn thả
 7 ra. Khi tụng kệ này tiếng vang đến chỗ người chịu
 8 khổ thì đều được giải thoát, họ Vương ba ngày mới
 9 sống lại nhớ giữ kệ này nói lại với Sa-môn. Tham
 10 khảo văn kệ, mới biết là kệ xuất xứ từ kinh Hoa
 11 Nghiêm quyển mười hai phẩm Dạ-ma Thiên Cung
 12 Vô Lượng Chư Bồ-tát Vân Tập Thuyết Pháp. Họ
 13 Vương bèn kể lại cho Pháp sư Tăng Định trú tại
 14 chùa Không Quán nghe như thế.

15
 16 **11. Tỳ-kheo-ni Vô Lượng:** Họ Mãn, người ở
 17 Trường An thuộc Kinh Triệu. Cả nhà quen tu thiện,
 18 đóng cửa ăn chay đều tụng kinh điển sớm tối không
 19 hề bỏ. Mẹ là người họ Triệu xưa mộng thấy một vị
 20 Tăng Ấn-độ cầm hai quả vàng trao cho bảo rằng:
 21 Cho con giống tốt phải khéo giữ gìn. Nhân đó có
 22 thai, bèn sinh ra Vô Lượng, tánh giới thiên toàn,
 23 tâm thích xuất tục. Năm mười một tuổi người chị
 24 dạy cho tụng các kinh Bát-nhã, Quán Âm v.v... đều
 25 không khai ngộ. Vô lượng rất hổ thẹn. Sau trao cho
 26 kinh Hoa Nghiêm ôm quyển mở văn ra xem thì như
 27 đã quen từ xưa ngày đọc năm tờ đề tự cố gắng chưa
 28 đầy ba tháng thì hai pho liền xong. Sau do quá cố

gắng nên tim hao tổn, lại mắc bệnh khác nên dừng
tụng nhiều năm. Tâm rất hối hận bèn ở trước Phật
đốt hương lập nguyện thề trì kinh Hoa Nghiêm
hành đạo Bồ-tát, do đó mà bệnh lành, chỗ mong
được toại, đọc tụng quên mệt mỏi. Năm vừa mười
tám tuổi thì xong một bộ. Ôn tập nhiều năm lại
càng tinh tấn. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ
hai, có chiếu vua độ người thì cả nhà năm người
đều xuất gia. Vô lượng đến chùa Đạo Đức, em trai
là Tuệ tung mười bốn tuổi lại tụng kinh Niết-bàn
trú tại chùa Từ Bi. Hai quả trong mộng chẳng phải
là việc ấy ư? Còn ba người kia thì tụng các kinh
khác hơn mấy trăm tờ, đạo tục đều lấy làm lạ, xem
là ít có. Vô lượng đã vào đạo, về sau chí tiết càng
bền chắc, thường tụng Hoa Nghiêm ba ngày một
biến lấy đó làm nghiệp thường. Tất cả đều thọ giới
Cụ túc khổ hạnh càng hết lòng, chẳng cần lựa là
chỉ mặc áo vải thô, chẳng nhận lợi ích của tăng ,
chẳng ăn trong nhà căn của Tăng, sáu thời lễ bái,
ba nghiệp chẳng thay đổi. Lại thêm lập tánh ôn hòa
chí luôn từ ái. Mỗi khi thấy người nghèo bệnh đều
từ bi thương xót. Các bạn đạo đều khen rằng: Tuy
là người nữ mà người nam khó sánh bằng.

8. CHUYỂN ĐỌC, gồm các vị sau:

- 1- Thích Pháp Niệm
- 2- Thích Pháp An

3- Thích Phổ An

4- Thích Giải Thoát

5- Thích Minh Diệu

6- Sa-di Thích-ca Di-đa-la nước Sư-tử.

7- Cư sĩ Cao Nghĩa Thành

8- Thích Hoằng Bảo.

1. Thích Pháp Niệm: Họ Vương, thuộc dòng họ lớn ở Đại Nguyên. Năm ba mươi tuổi xuất gia, tánh lựa chọn kiêu ngạo và thích dạo chơi. Có lần nằm mộng thấy mình xuống địa ngục chịu hình phạt, khi thức dậy thì nghĩ việc sửa đổi mà chưa biết bến bờ. Lúc đó gặp Sa-môn Trí Cự như có ngầm cảm bèn chuyên thành tụng niệm sớm tối không dứt. Mỗi khi cảm kinh thì khóc đến té xỉu. Như thế suốt ba năm. Sau bỗng lông mày bị rụng, bệnh ghẻ nhọt khắp mình, nghĩ nghiệp chướng đời trước đã đến nên nay phải chịu, bèn lập hội đại thí để đáp Thần công, ân cần tụng niệm lại trải qua ba năm thì bệnh ghẻ liền lành. Từ đó bèn khuyên khắp kẻ tục y theo pháp sám hối mười nhà tu thiện hết chín. Ông thọ sáu mươi tám tuổi mất tại chỗ ở.

2. Thích Phổ An: Họ Khoách người ở Kinh Dương thuộc Kinh Triệu. Thuở nhỏ nương Thiên sư Viên xuất gia. Khổ tiết quên việc đời mà tánh luôn hòa nhẫn, chẳng thích oán thù tàn bạo. Có khi

1 thay người cam chịu các khổ dịch chỉ sợ các việc
2 ấy hết. Tuổi già thì theo Pháp sư ái, thông suốt ba
3 tạng. Thường tụng kinh Hoa Nghiêm và Thiên tư.
4 Vào thời họ Chu diệt pháp phải lánh mình vào chốn
5 rừng núi Chung Nam. Khoách rất tiết tháo ở đời
6 nổi gót sào phủ. Lại cùng Pháp sư Tịnh Uyên đồng
7 ở núi rừng chuyên chọn sâu kín tiếp nối huyền lý
8 thêm tu khổ hạnh quên thân vì người. Hoặc ở trần
9 thì máu cho muỗi mòng, máu chảy đầy mình không
10 hề sợ sệt. Hoặc nằm lăn ra đất thí mình cho cạp sói
11 hổ báo để chúng nuôi con nhỏ, nhưng hổ báo chỉ
12 ngửi mà không ăn. Sư thường cảnh giới hạn mình
13 không được toại nguyện. Lúc đó trời đất đã đóng
14 tượng giáo đây mong, quốc lệnh nghiêm trọng
15 chẳng cho trốn thoát. Các bậc Danh đức ở Kinh
16 Bắc hơn ba mươi vị Tăng lánh mình ở đất Chung
17 Nam hình hài chưa rõ, Sư liền triệu tập. Châu chử
18 làm tâm sâu kín để cho tự tại hiển lộ, tự thực hành
19 khát thực chẳng sợ giết chóc. Nên có được cơm áo
20 đầy đủ mà không bỏ nghiệp tu. đời loạn biết người,
21 là nói Sư. Lúc đó có lệnh chiêu mộ, bắt được một
22 vị Tăng bèn thưởng mười vật. Có người theo lời
23 chiêu mộ muốn đến bắt An. An khuyên bảo rằng
24 thấy anh nghèo nàn xin nguyện giúp anh. Cho ăn
25 xong rồi bèn cùng người ấy vào Kinh. Vua bảo
26 người ấy rằng: Phép nước ta chẳng cho Đạo nhân
27 ở dân gian, người lại giúp gấp chẳng cho ở trong
28 núi, nếu người khiển trách nó thì làm sao sống

1 được. Trẫm thấy Đạo nhân này thần thái chí khí
2 chẳng muốn cầu sống nên thả cho vào núi chẳng
3 cần xem xét. Sau này nhiều lần bị bắt cũng được
4 khỏi như trước. Lúc đó Pháp sư Ái lánh nạn ở
5 Nghĩa Cốc, Đồ Ánh đào hầm mà giấu. An được thả
6 về bèn đến gặp. Ái nói: An Công thần chí tuyệt
7 luận chẳng trồn vua dữ, khó ai sánh bằng. An nói
8 nay được thoát nạn, là chỉ do sức thọ trì Hoa
9 Nghiêm, tất cả sự mong cầu đều nhờ đây. Do đó
10 thỉnh Ái về núi, đích thân chăm sóc, bốn phương
11 xa nghe tiếng đều cùng đến. Ái và Sư bèn mở rộng
12 nơi chốn đủ như trong Biệt Truyện nói. Đến đời
13 Tùy thì Phật giáo hưng thịnh bèn chiêu mộ khắp
14 các tăng còn sót về chỗ ở cũ. Lúc đó, trong một
15 hang có ba mươi người theo chiếu vua mà xuất gia
16 đều ở quan tự chỉ có An vui vẻ ở lại, chẳng vì tiếng
17 khen vẫn ở núi cũ. Lúc đó có Thanh Tín Sĩ ở hai
18 hang Tý Ngọ và Bảo Lâm cùng ở bên khe núi, kết
19 tranh đào hang mời An về ở. Trước có đá lớn sợ
20 lăn xuống đè nhà cửa, muốn dời đi. An niệm thầm
21 rằng: Xin dời chỗ khác đừng làm hư hại nhà cửa.
22 Đá bèn tự lánh chỗ khác. Chúng đều lấy làm lạ. An
23 nói: Nhờ năng lực Hoa Nghiêm. Ở Khám Đông
24 khe núi bên tả có Tổ-đầu-đà là mối hại lớn của một
25 vùng vì ghen ghét đức của An nên muốn giết An,
26 bèn cùng ba người cầm cung lớn giáo nhọn. Khi
27 giương cung bắn tên thì tên không lìa cung, cung
28 chẳng lìa tay, mắt trợn miêng cứng, đứng suốt một

1 đêm, chỉ ú ớ mà thôi. Người đi đường nghe thấy xa
2 gần tụ tập, người làng lạy lục xin tha. An nói tôi có
3 biết gì đâu, ấy là năng lực của Hoa Nghiêm. Nếu
4 muốn khỏi thì chỉ có sám hối, như lời dạy mới
5 được giải thoát. Lại bên Khám Tây ở Ngự thôn có
6 Trương Huy là kẻ chuyên trộm cướp, đêm đến chỗ
7 An lấy trộm dầu cúng Phật khoảng năm đấu, đeo
8 trên lưng mà trốn ra, đến trước cửa viện thì hôn mê
9 bất tỉnh như bị trời cột chẳng cử động được. Bà con
10 người làng đến tạ lỗi, An nói chỉ là năng lực Hoa
11 Nghiêm tôi chẳng biết gì. Bảo khiến sám hối trả lại
12 bình dầu liền được thoát. Lại ở Khám Nam có
13 Trương Khanh đến trộm tiền An để trong tay áo
14 mà đi khi về đến nhà giữ không ra cảm khẩu không
15 nói được, người nhà đem đến sám hối thì bình
16 thường ra về. Có Trình Huy Hòa ở thôn Trình
17 Khoách rất tin tưởng, thường đến chỗ An nghe
18 Pháp Yếu. Vì bị bệnh gần chết, trải qua hai đêm
19 cột dây sắp liệm vào quan. An trước đó đã đi
20 huyện Hô, trở về liền đến chùa Đức Hạnh ở Tây
21 Nam cách thôn Đông Huy năm dặm, xa gọi Trình
22 Huy Hòa vì sao chẳng thấy đón rước, gọi mãi
23 chẳng thôi. Người trong làng bảo Hòa chết đã lâu
24 làm sao ra đón? An bảo đây là nói sai, ta chẳng tin.
25 Liền đến thôn ấy lớn tiếng gọi to thì Hòa cục cựa,
26 bèn cắt đứt dây. An vào sân lại gọi to thì Hòa bật
27 dậy bỏ đến chỗ An. Bèn dẹp bỏ quan quách lật úp
28 cái nơm để làm Phật ngồi, bảo Hòa đi nhiễu quanh

1 thì bình phục như xưa, lại sống thêm hai mươi
2 năm. Sau bị bệnh nặng lại đến cầu cứu thì An bảo:
3 Thả ông đi lang thang không phải là ta biết được.
4 Sau đó thì mạng chung. Lúc đó An nghe tiếng gió
5 lay động xin được ở trên vai lập hội Kiến Phước có
6 nhiều thông cảm. Ở ao Côn Minh Thôn Bắc Bạch,
7 có bà lão bị bệnh nằm trên giường, trước đó trăm
8 ngày không nói được, chỉ ra dấu cho trai gái nghĩ
9 thấy hình An, con nghĩ ý mẹ thỉnh An đến nhà, mẹ
10 bệnh thấy An bỗng ra đón, nói hỏi chỗ ở rồi im
11 lặng như thường ngày bèn hết bệnh. Lúc đó tiếng
12 An rung chuyển thôn làng đều đến đều dùng tiếng
13 nhạc đi quanh các nhà báo tin muốn lập hội Đại
14 trai. Trong thôn có Bạch Di Sinh, nhà chỉ có bức
15 tường trống mà có bốn con gái, vợ mặc áo vải xấu
16 chỉ đến gối, bốn con gái không có quần áo mặc.
17 Con gái lớn tên là Hoa Nghiêm đã mười hai tuổi
18 chỉ có hai thước vải thô đem bố thí. An dẫn người
19 trong làng đến chỗ ở thương xót nghèo khổ bèn đi
20 qua mà không vào nhà. Người con gái lớn nghĩ do
21 mình nghèo khổ chẳng làm Hội phước, nay nếu
22 chẳng tu thì đời sau càng khổ hơn, tìm vật khắp thì
23 chẳng có gì ngửa mặt khóc lóc, bèn thấy một nắm
24 rơm rồi dùng để lấp lỗ sáng, lấy ra được hơn mười
25 hạt thóc bèn làm thành gạo rồi đem bố thí để tùy
26 hỷ. Thân đã không áo đợi đến đêm tối bò ra mà đi
27 đến chỗ cúng trai mà thí vật trước, từ xa ném vào
28 trong chúng hơn mười hạt gạo để nấu cơm. Do đó

1 phát nguyện rằng: Con gái người cùng khổ cũng từ
2 xưa trông được rất nghèo mà bố thí để cầu phước
3 báo đời sau, dùng hơn mười hạt gạo vàng nấu
4 thành cơm trong nồi, nếu chí thành thì nghiệp khổ
5 sẽ dứt. Xin nguyện cơm dâng lên biến thành màu
6 vàng đúng như chỗ cảm thọ. Sau đó thì ứa lệ mà
7 trở về. Lại ở trong nồi năm thạch cơm đều có màu
8 vàng. Đại chúng kinh ngạc chưa biết lý do đều tìm
9 nguyên cớ, bèn bảo rằng đây là năng lực nguyện
10 của con gái Bạch Di Sinh. Trai hội đều cùng được
11 mười học lúa dùng để cứu giúp. Sau An đem việc
12 tâu vua. Hoa Nghiêm bèn được độ xuất gia trú tại
13 chùa trọn đời thọ trì kinh Hoa Nghiêm. Chỗ An ở
14 tuy kín mà thường thực hành từ cứu, mỗi năm có
15 hai đền thờ cúng tế vật huyết nhục rất nhiều, khắp
16 nơi cứu chuộc khuyến tu đức nghĩa, bèn khiến
17 không giết hại. Trong ấp mười nhà thì hết chín
18 nghe theo. Thường ở trong khám bên thôn cột ba
19 con heo sắp đem giết, An nghe tin bèn đến chuộc
20 về. Người trong xã sợ chẳng được giết bèn kêu giá
21 mười ngàn. An nói bản đạo hiện có ba ngàn có thể
22 cho nhau, chúng đều chẳng đồng ý. Lại giận hờn
23 tranh nhau. Bỗng có đứa bé mặc áo da dê đi đến
24 Hội Xã giúp An chuộc heo. Đã thấy tranh nhau
25 nhân theo xin rước, làm cơm múa hát sáng rực cả
26 vùng. Cả xã lớn nhỏ già trẻ mắt đều chói lòa chẳng
27 thấy gì. Chốc lát cậu bé liền biến mất chẳng biết ở
28 đâu. An liền lấy dao cắt thịt mình bảo rằng đây đều

là thịt, heo ăn đồ dơ các ông còn thích ăn huống chi đây là thịt người ăn cơm há chẳng quý hơn sao. Người trong xã nghe thấy cùng lúc thả heo ra. Heo đã được thả bèn đi quanh An ba vòng lấy mũi ủi ủi vào chân An như có vẻ vui mừng cảm tạ. Cho nên khiến vùng Tây Nam quanh xã trong vòng năm mươi dặm cấm tuyệt cúng gà heo cho đến ngày nay. Cảm phát từ thiện đều là loại này. Tánh rất tín thành ưa đọc kinh Hoa Nghiêm, một bát ba y nhiều năm cố gắng. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ tám, vua nhiều lần sắc mời vào cung, vì vua làm Môn sư. Công chúa xây cất chùa Tịnh Pháp. Sau Sư trú tại chùa Diên Hưng. Ngày mồng 05 tháng 11 năm thứ 5 niên hiệu Đại Nghiệp Sư mất ở Tịnh Pháp Thiền Viện, thọ tám mươi tuổi. Di hài ở Chung Nam xây tháp bên chùa Chí Tướng mà thờ.

3. Thích Pháp An: Họ Bành, người ở Thuận Cô thuộc An Định. Tuổi nhỏ xuất gia trú tại núi Đại Bạch ở Tinh Xá Cửu Lung, rất mến thiện nghiệp, ăn qua loa mặc áo xấu cho đến cuối đời. Trong niên hiệu Khai Hoàng sư đến Giang Đô gặp Tấn Vương gặp lại ở Đạo tràng Tuệ Nhật. Vua có đi đâu thì mời cùng đi. Vua đến Thái Sơn lúc đó gặp lúc không có nước. An lấy dao đâm vào đá, bỗng nước tuôn ra. Vua ngạc nhiên hỏi do năng lực của ai, đáp là năng lực của vua. Bắt đầu cùng vua vào hang thấy một vị tăng mặc áo xấu cỡi con lừa

1 trắng đi đến. Vua hỏi là ai? Đáp đây là Lãng Công,
2 khi đến chùa Thần Thông thì thấy một vị Thần
3 dáng rất cao lớn ở trên giảng đường dựa vào mép
4 con Cò mà nhìn mọi người. Vua lại hỏi thì đáp là
5 Thần núi Đại Bạch theo hầu vua. Lúc đó người gọi
6 là ba trăm tuổi ngủ không nằm gối, đầu không co
7 rút dài ra trước giường, miệng trào nước bọt có đến
8 cả đấu chưa biết vì sao? Như thế các việc kỳ lạ
9 chưa rộng ghi hết. Đầu niên hiệu Đại Nghiệp, vua
10 càng kính trọng, oai nghiêm như Vương Công, ai
11 thấy đều khuất phục. Đi đường thì đạo tục đều kính
12 như Thần. Lại đến Ngũ Đài các danh sơn, quán lễ
13 Thánh Tích và mời gọi những người ẩn dật để giúp
14 hoằng hóa, Đạo Tràng Tuệ Phật hơn hai ngàn
15 người, cúng dường bốn thứ cần dùng nhờ An mà
16 lập. Vua lại ở Đông Đô lập đạo tràng Bảo Dương,
17 đặc biệt mời An cũng ở trong Thọ Nghiệp. An
18 thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm trải qua nhiều
19 năm tháng hoặc nói cảnh giới Phổ Hiền thường
20 hiện trước ta. Lại vào núi Cửu Lũng hơn trăm dặm,
21 ở trong hang đá mà khắc kinh Hoa Nghiêm, do đó
22 gọi là Hoa Nghiêm Đường. Đến niên hiệu Đại
23 Nghiệp năm thứ mười một thì không bệnh mà mất,
24 thọ chín mươi tám tuổi. Vua khiến đưa linh cửu Sư
25 vào Đại Bạch, phần mộ nay cũng vẫn còn. Sĩ tục
26 đều kính lập tượng cầu phước. Chỗ Sư khắc kinh
27 là nơi núi non hiểm trở, người trí cạm có đến cũng
28 không thể nhìn thấy được, nếu đến thì đường lối

1 mật mù.

2
3 **4. Thích Giải Thoát:** Họ Hình, người huyện
4 Ngũ Đài, ở Đại quận, bảy tuổi đã xuất gia, chí
5 nghiệp rộng xa. Trước từ bên hữu Giới Sơn hỏi cầu
6 Định Xã với Thiền sư Tuệ Siêu ở núi Bảo Phúc.
7 Siêu riêng biết đây là người tài bèn bảo chúng rằng:
8 Giải thoát đã tu thiền rất sáng các ông chẳng thể
9 sánh bằng, chớ nên bắt làm việc Tăng như người
10 thường. Không bao lâu thì thoát khỏi ngộ. Năm
11 mười tám tuổi thì rộng học hỏi các tông với các vị
12 thạc đức. Mới nghe giải xura đều sâu kín. Khi thọ
13 giới Cụ túc rồi lại càng tinh luyện Tỳ-ni. Sau đó trở
14 về chỗ ở cũ là phía Tây Nam Ngũ Đài ở núi Phật
15 Quang mà lập tinh xá Phật Quang sư thường tụng
16 kinh Pháp Hoa. Lại khi tụng kinh Hoa Nghiêm thì
17 suốt cả ngày đêm không dứt. Sau y vào Hoa
18 Nghiêm thực hành quán Phật quang. Nhiều lần đến
19 Trung Đài, Đông Nam Hoa Viên, Bắc Cổ chùa Đại
20 Phù mà cầu Văn-thù-sư-lợi, đến lần thứ ba thì được
21 thấy. Trước vừa lễ xong thì biến mất, sau thì hiện
22 ra dạy Sư rằng: Nay ông đâu cần phải lay tạ, nên
23 tự hồi trách sẽ được ngộ giải. Sư bèn theo ý bậc
24 Thánh tự cầu mà ngộ vô sinh. Gồm tu Pháp Hỷ,
25 giận riêng mình làm cho mình tốt, bèn nghĩ việc
26 rộng độ, cầu mong Đại giác chứng biết tâm này mà
27 cảm Chư Phật thấy nói kệ rằng: Chư Phật vắng
28 lặng pháp sâu xa, nhiều kiếp tu hành, nay mới

1 được. Nay nếu hiểu được pháp sáng này thì tất cả
2 chư Phật đều tùy hỷ. Sư liền hỏi trên hư không
3 rằng: Pháp vắng lặng nếu có thể thì dạy người được
4 chẳng? Chư Phật liền ản, chỉ có tiếng bảo rằng: Trí
5 phương tiện làm đèn, chiếu thấy cảnh giới tâm, rốt
6 ráo pháp chân thật, tất cả không thấy được. Lại
7 từng được Đô Đốc ở châu này thỉnh truyền hương
8 giới, pháp hóa đã xong khi sắp về Đông, Đô Đốc
9 và các Tăng đồ đưa đến đầu cửa thành Đông, mặt
10 trời sắp lặn, Sư tiếc chẳng được đốt hương cúng
11 dường, buồn rầu hổ thẹn, bỗng nghe trên cửa thành
12 có tiếng nói rằng: Chắp tay làm hoa, thân làm vật
13 cúng dường là hương tâm làm chân thật, hương
14 khen ngợi xông khắp, Chư Phật nghe hương này
15 liền tìm tiếng đến cứu độ, mọi người hãy ân cần
16 tinh tiến, chẳng hề nghi lẫn nhau. Lúc đó thoát
17 riêng nghe tiếng này càng thân mạnh mẽ. Từ đó về
18 sau chứng nhập càng sâu. Do đó xa gần đều đến
19 học hỏi đông đảo, ngày ngày cả ba trăm người. Vì
20 đông người nên ăn uống ngày chỉ một bữa, nhà cửa
21 chật nhiều người phải ngồi ngoài sân nên bình bát
22 giường dây cùng khắp hang núi. Sư thành thật chỉ
23 bày, dạy đôi chỗ trệ nêu tóm lược về chuẩn tắc vô
24 thường cho nên hàng ngũ du môn có ở khắp nơi.
25 Nhưng Sư chẳng ra khỏi chùa suốt năm mươi năm.
26 Người học xong, thiền nghiệp có hơn tám trăm,
27 người ở ngoài được ảnh hưởng thì số gấp bội. Mỗi
28 khi tìm khảo truyện ký, phần nhiều thấy người xưa,

1 tuy thập tín của Tuệ Tư ở hoành nhạc hiển bày về
2 địa vị cao, Ngũ Phẩm của trí Giả ở Thai sơn nêu rõ
3 sự thịnh hành, còn như khuyên dạy học trò khiến
4 thành vây cánh, chưa có chỗ nào đồng phạm thì
5 phải thế. Nếu chẳng phải hạnh vị siêu tuyệt mà phủ
6 tích đồng phạm thì ắt là Diệu đức che chở, giúp
7 cho hoằng dụ. Lại phía Tây núi Hằng, Đông Nam
8 núi Thanh Lương, tục gọi là núi Đại Hắc Sơn có
9 thanh tín nữ trước bị mù mắt, thường một mình
10 ngồi thiền trong núi, đạo tục ở Hằng Châu vào sáu
11 ngày chay thường mang hương hoa, vật báu đến
12 cúng dường Văn-thù-sư-lợi. Vào đúng giờ ăn nghe
13 trên hư không có tiếng nói rằng: Trong núi Phật
14 Quang thuộc Ngũ Đài, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở đó
15 giáo hóa, người nên đến đó sẽ được ngộ đạo, cùng
16 đồng nghe đều khen ngợi liền y lời bảo trên không
17 mau đến Phật quang. Nơi ấy hiểm trở hơn hai trăm
18 dặm. Cô gái mù chống tay lên trước mà không ai
19 dẫn đường. Sư rất kinh ngạc mà tiếp nhận tông chỉ
20 sâu xa. Cứ vào lời nói ấy hoặc là quyền tích của
21 Đại thánh. Khi sắp chết thì biết mình các đức có
22 nghi riêng. Trong đêm ấy có con trùng lớn đến suối
23 thoát thường uống nước kêu rống hồi lâu đến trưa
24 hôm sau thì Sư vẫn như thường khi, lễ bái tăng
25 chúng xong rồi trở về thiền phòng an nhiên ngồi
26 hóa, thọ tám mươi một tuổi vào niên hiệu Trinh
27 Quán năm thứ mười sáu. Đạo tục thương tiếc như
28 chôn trời, liền ở trong chùa đục khám mà để, mặt

khám quay về Tây, mở hai cánh cửa, đến nay mà
xem thì vẫn như còn sống. Khi Sư chưa chết có bảo
bà con rằng: Ta chết rồi sẽ có Đại nhân làm hiển
sáng tên ta, hiệu là Thanh Lương phục hưng ở đây.
Đến nay là tháng chín niên hiệu Lân Đức năm thứ
nhất, vua ra sắc Sa-môn Hội Di chùa Hội Xương,
Quả nghị, Chân Vạn Phước đưa nạp ca sa phụng
thờ nơi để lại của Sư, cùng đến các đài cúng dường
Thánh tích. Từ đó xa gần người quy tâm đều nhớ
đất này. Ở xa nghiệm thấy lời Sư đáng tin.

5. Thích Minh Diệu: không rõ họ, thuở nhỏ
xuất gia với Thiên sư Giải Thoát, lại ở chỗ đồng du
mà thờ thầy bạn khiêm nhường nhu thuận, chưa
từng thấy sắc mặt mừng giận. Thường đọc kinh
Pháp Hoa lại mở xem kinh Hoa Nghiêm thì tay
chẳng rời quyển. Về già càng cố gắng hết sức.
Thân cao bảy thước khiến cho người nói phải
ngước lên. Lại nương Thiên sư Thoát tu quán Phật
Quang, từng tuyệt thực theo Thoát đến chùa Đại
Phù câu thỉnh Văn-thù-sư-lợi. Đến vườn Hoa phía
Bắc gặp một Đại đức dung mạo dị thường. Từ hang
Vương Tử thiêu thân đi ra từ từ tới trước, đến phía
Đông chùa Đại Phù, phía Nam Phật đường khi
muốn về Đông thì Sư vui mừng run sợ. Lúc đó
bước đến trước nhìn, rồi cúi chào rất thành kính,
chưa được mấy thước thì biến mất, buồn giận hồi
lâu càng thêm cố gắng. Sa-môn Hội Cơ chùa Hội

Xương ở Tây Kinh, vâng sắc vua ngày đến Ngũ Đài đích thân đánh lễ, lúc đó một trăm lẻ sáu tuổi mà thần thái vẫn đầy đủ. Sau không biết Sư mất ở đâu.

6. Sa-môn Trường Lý Thích-ca Di-đa-la: Ở nước Sư Tử người chứng quả thứ ba. Hán dịch là Năng Hữu. Đầu niên hiệu Lân Đức sư đến Chấn Hán (Trung Quốc), vua Cao Tông rất tôn kính, mời ở cung Bông lai, cùng Trưởng niên chân nhân (chân nhân lớn tuổi) là Hoài Hóa Đại tướng quân đồng ở trong cấm cung, cúng dường hơn một năm. Đa-la thỉnh tìm Thánh tích khắp các danh sơn, bèn đến núi Thanh Lương ở Đại Châu, lễ kính Văn-thù-sư-lợi. Từng đến chùa Thái Nguyên ở Tây Kinh đô. Lúc đó các tăng đang chuyên đọc kinh Hoa Nghiêm, liền sai người dịch ra, hỏi rằng đây là kinh gì, đáp là kinh Hoa Nghiêm. Đa-la nghiêm sắc mặt bảo chẳng biết chỗ này cũng có kinh ấy ư? Rồi chấp tay vui mừng khen ngợi hồi lâu bảo rằng: Đây là Đại Phương Quảng công đức khó lường. Ở nước Tây Trúc truyền nhau rằng: Có người lấy nước rửa tay sắp đọc kinh này thì nước thấm ướt đến trùng kiến nhờ đó mà chết rồi được sinh lên cõi trời, huống chi là người thọ trì đọc tụng kinh này thì phước chẳng thể nghĩ bàn.

1 **7. Cao Nghĩa Thành:** Người ở huyện Lâm
2 Phần, thuộc Tấn Châu. Nhà nhiều đời tin thờ Phật,
3 người trong làng đều tin cậy. Đến tháng hai niên
4 hiệu Hàm Thuần năm thứ 4 đến chùa Hiền Kiếp ở
5 huyện Hồng Động, tỉnh kinh Hoa Nghiêm ở nhà
6 trong tháp chuyên đọc đến trưa, bỗng có ánh sáng
7 lạ như mặt trời chiếu vào gương, hoa ở trên vách
8 rất lâu mới hết, lần lượt hai ánh sáng chiếu khắp
9 bốn vách Phật đường. Do đó xa gần đồng thấy, đều
10 rất khen ngợi cảm động.

11
12 **8. Tam tạng Pháp sư Nhật Chiếu:** Là vị tăng
13 người Thiên-trúc, niên hiệu Văn Minh năm thứ
14 nhất trú tại chùa Thái Nguyên phía Tây kinh đô mà
15 dịch kinh. Kế đến nước Nam Thiên-trúc gần thành
16 Chiêm- ba có một ngôi Tăng-già-lam tên là Tỳ-
17 sắc-nô (tên người). Ở trong đó có các vị Tăng Đầu-
18 đà đều học Tiểu thừa. Sau bỗng có một vị Pháp sư
19 Đại thừa mang một pho kinh Hoa Nghiêm lại đến
20 chỗ ấy, các Sư Tiểu thừa lại không kính trọng Sư
21 Đại thừa ấy bèn để pho kinh lại mà ra đi. Các vị
22 học Tiểu thừa đều chẳng tin, bèn ném pho kinh
23 xuống giếng. Sau thấy dưới giếng có ánh sáng rực
24 rỡ phát lên như lửa dữ. Lấy móc móc lên quả được
25 kinh Hoa Nghiêm, tuy ở dưới giếng đã lâu mà
26 không ướt. Các người học Tiểu thừa bèn tin kinh
27 này là Phật nói ra nhưng không bằng kinh Tiểu
28 thừa nên sắp ở dưới kinh luật Tiểu thừa. Đến sáng

hôm sau thì thấy sắp ở trên, bèn rầy các vị Tăng nhỏ ai sắp đôi như thế, thì thừa chẳng có ai đựng đến. Bèn lại sắp xuống dưới. Đến sáng hôm sau lại thấy ở trên. Nhiều lần như thế. Các vị tôn đức Tiểu thừa đều rất kinh sợ, mới biết kinh này hơn chỗ mình học bèn gieo mình xuống đất khóc lóc kêu gào sám hối hồi tâm. Rồi cùng nhau thọ trì kinh Hoa Nghiêm rất thanh ở đất này. Các chúng Tiểu thừa đều quy kính tin tưởng.

9. Thích Hoằng Bảo: Chẳng rõ sư họ gì ở phía Nam Thái khâu, huyện Trâu Bình thuộc Tri Châu. Mười tám tuổi xuất gia ở chùa Hoằng Chân. Tuổi nhỏ có cái bướu nhỏ ở cổ sau càng dữ, trị mãi chẳng lành, dần lớn như cái đầu, nên đầu chẳng cúi xuống được chỉ ngó lên trời. Bỗng nhiên mưa gió dữ dội chảy vào lỗ mũi ăn uống khó khăn, bị bà con xa gần xem thường, nên rất buồn khổ. Đến năm ba mươi lăm tuổi bỗng gặp một Tăng dạy tụng kinh Hoa Nghiêm mà trừ chướng xưa. Bảo bèn tinh tâm chí thành sớm tối đọc kinh sám hối sáu thời nguyện đủ trăm biến. Đến hơn bốn mươi biến thì đêm mộng thấy có người cầm dao bén đến cắt cái bướu đi. Sư thức dậy mấy ngày sau thì trên bướu sinh nhọt, nhọt làm mủ to như trái táo, lấy tay sờ nhẹ thì ra mủ, hằng ngày như thế được ba tháng thì nhọt bướu tiêu dần cuối cùng mà bình phục. Ấy là niên hiệu Hàm Thuần năm thứ 2. Bảo và học trò là

1 Hoàng Quĩ, Pháp Luật vui mừng như sống lại, cảm
2 được năng lực Thánh ngài giúp, nên rất vui mừng
3 bỏ cả y bát mà viết chép kinh này một bộ, tụng đọc
4 thọ trì hằng ngày chẳng ngớt, được mấy năm mới
5 tròn Bốn Nguyện. Do đó mà xa gần tâm nguyện
6 cùng mở mang kinh này.



HOA NGHIÊM TRUYỆN KÝ KINH

QUYỂN 5

9. THU TẢ: gồm các phần sau:

- 1- An Phong Vương, Diên Minh Trung Sơn, Vương Hy, đời Ngụy.
- 2- Thích Đức Viên
- 3- Thích Pháp Thành
- 4- Thích Tu Đức
- 5- Triều Tán đại phu Tôn Tư Mạo, đời Đường.
- 6- Cư sĩ Khang A Lộc Sơn.

1. An Phong Vương Diên Minh Trung Sơn, Vương Hy: Đều là dòng họ nhà vua. Học rộng Cổ Văn, đều lập đạo tràng, trai giảng nối nhau. Dùng nước thơm hòa mực mà viết một trăm bộ kinh Hoa Nghiêm. Thập chữ vàng giống như một bộ, đều để trong hộp bốn báu mà xông hương quý hiếm. Đêm thanh sáng sớm đều tinh trai hành đạo, thường phát ánh sáng thân năm màu chiếu soi khắp đền đài. Chúng đều thấy lại càng phát tâm.

1 **2. Thích Đức Viên:** Chẳng rõ họ gì, là người ở
2 Thiên Thủy. Thuở nhỏ xuất gia, thường tụng kinh
3 Hoa Nghiêm làm nghiệp. Đọc tụng thiền tư xem là
4 việc hằng ngày. Đi khắp các giảng đường giỏi gồm
5 Tông cực, rất kính sách sâu, mong mở ân thành bèn
6 xây một Tịnh viên trồng đủ các cây quý hoa đẹp.
7 Tắm gội vào vườn rải nước thơm, dùng cây dó ba
8 năm hương thơm thơm phức, tạo riêng tịnh thất,
9 bùn thơm trét đất, đồ đạc quần áo sạch đẹp thơm
10 tho, người đều trai giới, thay áo ra vào, đều súc
11 miệng rửa mặt xông hương, bóc vỏ cây gió tắm
12 nước trầm thơm chế tạo làm giấy cả năm mới
13 thành. Lại tạo nền sạch cất nhà mới cho đến cột
14 kèo rui ngói đều rải nước thơm. Các việc đều
15 nghiêm khiết. Ở giữa nhà đặt một tòa gỗ quý,
16 chung bày hương hoa trên treo cờ phướn long báu
17 và đeo các chuông nhỏ lại dùng lưu tô bạch đàn
18 trầm tím để làm bàn kinh và các thứ bút ngày sinh
19 nhật thọ trai giới, tắm ba lần nước thơm, mặc hoa
20 áo sạch giống như người cõi trời. Khi sắp vào nhà
21 kinh thì đốt hương, trước dẫn tiếng Phạm. Viên
22 cũng thân hình và y phục nghiêm tịnh cầm lò
23 hương dẫn đầu, rải hoa cúng dường rồi mới viết
24 chép. Viên quì xuống vận tướng nghiêm tâm trụ
25 mất, vừa viết vài hàng thì mỗi chữ đều phát ánh
26 sáng chiếu sáng cả viện, mọi người cùng thấy đều
27 rất cảm kích, rất lâu mới hết. Lại cảm được vị thần
28 cảm kích hiện hình bảo vệ. Viên cùng các thư sinh

đồng thấy người khác thì không thấy. Lại có đồng tử An-độ tử mặc áo xanh từ đầu bồng đến tay cầm hoa trời mà cúng dường trước sau linh cảm vẫn mãi như thế. Trải qua hai năm viết chép mới xong. Bèn dùng hộp thơm để các kinh báu, để trong Tịnh đường. Thường mở ra xem sau đó chuyển đọc thì hộp thơm phát sáng nên rất kinh hãi hiếm lạ xưa nay. Điềm lành này rất ít có. Kinh này truyền trao cho nhau đến nay đã được năm sư. Người sau vào tịnh thất tụng đọc lúc đó rất linh ứng. Nay ở phía Tây chùa Đại Nguyên được tăng Hiền Thủ giữ gìn cúng dường.

3. Thích Pháp Thành: Họ Phần, người ở huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, thường đọc Hoa Nghiêm làm nghiệp. Nhân gặp Thiền sư Tuệ Siêu ẩn cư trong hang đá, núi cao dùng nghỉ thăm có sở đắc đẹp bỏ buồn phiền, chí thành thưa hỏi, sau ở Ngọn phía Nam chùa tạo Hoa Nghiêm Đường, trong ngoài nghiêm sạch mới đến sao chép. Nhà ấy ngói gạch đều rải nước thơm rồi nhồi trộn làm thành, lại vẽ tượng khiết tịnh ở bảy chỗ tám hội. Lại mời thợ giỏi lúc ấy, người viết chữ Hoàng văn quán học sĩ Trương Tịnh mỗi việc đều thanh tịnh kính viết kinh này, thành cũng cầm lò hương thơm chuyên tinh cúng dường, dù cho một chấm một sách đều chú tâm chăm chú rồi tuệ thí ân trọng hai tờ, trả năm trăm đồng liền cảm

được diễm chim lành hình sắc phi thường, ngậm
hoa vào nhà bôi hôi bay lượn, đáp xuống bàn kinh,
lại bay lên lò hương. Kinh ấy đang viết chưa xong.
Sau mới đọc lại và ngày viết tiếp thì chim lại bay
đến. Lại tạo màn báu hộp hương trang sức đẹp đẽ.
Từ đó càng chuyên tâm tụng đọc, có nhiều cảm
ứng.

4. Thiền sư Thích Tu Đức: Ở núi Trung thuộc
Định Châu, đời Đường, chẳng biết sư họ gì. Khổ
tiết thành tánh giữ đạo ở chốn núi rừng, y kinh Hoa
Nghiêm và luận Khởi Tín mà an tâm kết nghiệp,
nhiếp niệm tu thiền. Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ
tư quy thành Phương Quảng nhân đo phát đại tâm
chuyên tinh sao chép. Cho nên riêng ở Tịnh viện
trồng cây chữ đã ba năm, gồm cả hoa thuốc chế
tắm nước thơm mà tạo thành giấy sạch. Lại xây
dựng Tịnh đài riêng, ở trên cất nhà mời nhiều
người viết chữ đẹp ở Vương Cung ở vùng Quỳ
Châu. Ở Biệt viện trai giới tắm gội mặc y phục sạch
xông hương rải hoa treo các tràng phan bảo cái, lễ
kinh sám hối rồi lên tòa. Ngậm hương mà hạ bút,
đưa bút lên thì nhả khí mỗi ngày luôn siêng năng,
không biếng lười. Thiền sư tự mình vào tịnh thất
đốt hương vận tượng, trong khi viết thì chuyên tâm
và mắt nhân tu như thế, đến hết thì bắt đầu trở lại.
Mỗi khi viết một quyển thì tặng mười xấp lụa, viết
xong một bộ. Tổng cộng đã tặng hơn sáu trăm

1 đoạn, nhưng cung kính phát tâm đều chẳng nhận,
 2 đều thành tâm cố gắng hết sức mình. Viết kinh vừa
 3 xong, phút chốc theo hóa đi. Đức do kinh đã hoàn
 4 tất, nên lập trai đàn để ăn mừng. Đại chúng đồng
 5 cầu thỉnh kính lễ mong thấy. Thiên sư bèn ở trước
 6 chúng đốt hương rải hoa, phát thệ nguyện. Vừa mở
 7 tạng kinh thì phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp bảy
 8 mươi dặm, chiếu đến thành Định Châu. Sĩ nữ trong
 9 thành đều nhìn thấy. Trong núi các trai chúng đã
 10 thấy điều kỳ lạ được điều chưa từng có, bèn gieo
 11 mình than khóc sám hối. Thiên sư lại khắc chữ vào
 12 đá viết kinh Niết-bàn, Pháp Hoa mỗi kinh đều một
 13 bộ. Trước dời vào khám, đá khắc kinh Niết-bàn
 14 Pháp Hoa đều phát ra ánh sáng đầy khắp mười
 15 dặm, mọi người đều thấy đều cảm ngộ không bờ
 16 bến.

17
 18 **5. Xử sĩ Tôn Tư Mạc:** Người ở Vĩnh An thuộc
 19 Ung Châu. Thần thái cao xa, nghị mạo khôi ngô,
 20 thân cao bảy thước, mi thưa mắt sáng, học gồm nội
 21 ngoại rất rành thuộc men âm dương bói toán sao
 22 lịch đều biết khéo léo ăn mặc, có uống lưu châu
 23 đơn và vân mẫu phấn, da thịt nhuận sáng, răng tóc
 24 không thiếu. Các kỳ lão truyền nhau rằng hơn trăm
 25 tuổi thấy hình dạng như bảy tám mươi tuổi. Niên
 26 hiệu Nghĩa Ninh năm thứ nhất, khi vua Cao Tổ
 27 khởi nghĩa ở Tinh Châu thì Mạc ở trong khu vực.
 28 Cao Tổ biết sự hiểu biết rộng lớn của Mạc dùng lễ

1 mà đả² khiến làm Quân đầu ở Tứ phẩm. Mạo cố từ
2 chối² chẳng nhận. Sau đến các nơi chẳng² thường ở
3 một chỗ, lúc nào cũng làm lợi ích chúng sinh
4 chuyên dùng thuốc men, có người đến thưa hỏi đều
5 y cứ mà trị. Thường khuyên đạo tục đều viết kinh
6 Hoa Nghiêm hơn bảy trăm năm mươi bộ. niên hiệu
7 Thượng Nguyên Nghi Phụng ở hai huyện Trường
8 An và Vạn Niên từng nói bàn với người, nói Tê
9 Ngụy nhân vật và Lạc Dương cố đô, các Triều sĩ
10 trong thành và chúng tăng trong chùa đều thấy rõ.
11 Khi sắp hỏi thì liền chẳng nói. Có soạn Cổ Kim
12 Danh Y Diệu Thuật gọi là Tôn Thị Thiên Kim
13 Phương, gồm sáu mươi quyển, đầy đủ thời dụng
14 (dùng trong mọi lúc), dâng lên vua Cao Tổ. Vua
15 ban thưởng bó lụa, khi sắp ban trao thì từ chối
16 không nhận. Lúc đó vua bèn vào cung cả tuần trăng
17 chẳng ra, ra chiều đôi đả² lại rất yêu mến. Vua từng
18 thông dong hỏi rằng: Tu Công đức gì là tốt nhất.
19 Mạo đáp: Thiên hoàng sao chẳng² đọc kinh Hoa
20 Nghiêm. Vua hỏi vì sao? Mạo đáp: Thiên hoàng là
21 đại nhân phải đọc kinh lớn. Thí như vật bán phải
22 để trong hộp quý tương xứng. Vua nói: Nếu nói về
23 Đại kinh thì gần nhất là Pháp sư Huyền Trang đã
24 tịch ra Đại Bát-nhã gồm sáu trăm quyển, đâu chẳng
25 phải lớn ư? Mạo thưa: Bát-nhã là Không tông
26 chính là nhánh rẽ trong kinh Hoa Nghiêm tách ra.
27 Vua càng tin tưởng. Ông qua đời trước niên hiệu
28 Vĩnh Thuần. Ông có con tên là Hành Chân còn gọi

là Nguyên Nhất. Trình chánh uyên bác, nhớ lâu
hợp với nghe, nghĩ sâu về pháp yếu đều hồi hướng
Nhất thừa nối tiếp phụ phong, cũng lấy kinh Hoa
Nghiem làm nghiệp. Nổi tiếng đương thời thật là
một Cao tín sĩ.

6. Cư sĩ Khang A Lộc Sơn: Người ở huyện
Vạn Niên, thuộc Ung Châu. Ngày mùng 01 tháng
05 niên hiệu Điều Lộ năm thứ hai bị bệnh mà chết.
Năm ngày sau tân liệm xong, đưa đến chỗ mộ, khi
chưa xuống xe thì nghe trong quan tài có tiếng
động. Mọi người nghi là sống lại mở quan tài ra
xem thì quả nhiên Lộc Sơn sống lại. Bèn chở về
nhà nói là bị Diêm vương bắt lầm. Ở trước vua
Diêm-la gồm có ba trăm mười lăm người cùng làm
một việc, trong đó có mười lăm người như Tân
Phong Quả Nghị và Lộc Sơn v.v.... Trước có giới
hạnh đồng ở chỗ vua bèn tha trở về. Lúc đó thấy
có người bán thuốc ở chợ Đông là A Dung Sư. Sư
qua đời vào niên hiệu Điều Lộ năm thứ nhất, lúc
sinh thời thường nấu gà con cùng bảy trăm người
vào vạc nước sôi ở địa ngục trước có biết Lộc Sơn,
bèn nhờ nhắn rằng: Con thứ tư của ta là hành chứng
rất có lòng nhân từ, ông vì ta mà nói khiến viết kinh
Hoa Nghiem một bộ, các thứ khác không bằng.
Nếu viết được thì bảy trăm người này đều được
giải thoát. Sau Sơn ở Lâm Kiến đến Tân Phong tìm
gặp Quả Nghị, gặp nhau buồn vui như đã giao du

từ xưa đều nói lý do, ngầm so rất phù hợp. Lại đến chợ Đông mua thuốc ở nhà A Dung Sư, nhắc lời nhắn với Hành Chứng, Chứng rất cảm kích, bèn trú tại chùa Đại Nguyên phía Tây chỗ Sư Pháp Tạng mà thỉnh kinh Hoa Nghiêm nhờ người chép ra. Xưa từ khi Dung Sư mất thì người nhà không mộng thấy, vào đêm mới viết kinh thì cả nhà mộng thấy người cha đến mừng rỡ vô cùng. Đến tháng tám niên hiệu Vĩnh Long năm thứ nhất thì trang nghiêm đầy đủ, thỉnh Đại đức Sa-môn thiết cúng mừng kinh. Lộc Sơn ngày đó cũng đến dự, bèn thấy Dung Sư và bảy trăm quỷ cùng đến chỗ cúng trai, kính lễ Tam bảo, đồng quì trước tăng, sám hối thọ giới việc xong thì ra đi. Sơn đã thấy rõ các việc ở âm phủ nên rất tin tội nghiệp, bèn dứt hết các việc đời bỏ hết tục duyên mà vào núi Thái Bạch ở Chung Nam, chuyên việc ở ẩn sau chẳng biết ông mất ở đâu.

10. TẬP THUẬT

1/ Trong kinh Hoa Nghiêm, danh hiệu Phật hai quyền, danh hiệu Bồ-tát một quyền hai phần trên chẳng biết ai sưu tập, nhưng nhóm hợp thiếu sót, chưa được đầy đủ. Nay Sa-môn Hiền Thủ lại rộng mở rộng, rất là tường tận.

2/ Sách trên do, Thiên sư Trí Khải ở núi Thiên Thai soạn. Đầu lay đều gọi là lay khắp cuối đều gọi

Phật Lô-xá-na. Trong đó đều dẫn tên của bảy xứ tám hội đạo tràng tịch diệt . Nay rất thanh hành ở Giang Biểu chẳng cần nói nhiều. Trí Khải vẫn bảo Hoa Nghiêm là viên mãn đốn giáo, v.v...

3/ Hoa Nghiêm Trai Ký, một quyển.

Sách trên do Cánh Lăng Văn Tuyên Vương soạn, từ Tề Lương về sau, mỗi khi trai tập Phương Quảng phần nhiều đều y theo đây mà tu hành. Nay pháp sư Hoằng ở Ích Châu, cũng dùng Hoa Nghiêm làm chí khuyên các sĩ tục thanh tín, v.v... năm mươi hoặc sáu mươi người đồng làm phước xã, mỗi người đều tụng một quyển Hoa Nghiêm mà đủ một bộ. Vào ngày rằm, một nhà thiết trai, trang nghiêm đạo tràng, lập tòa cao, cúng chủ lên tòa, các người khác ngồi yên vị, đều tụng kinh ấy xong mới tan. Đây cũng thuộc trai tập.

4/ Nghi thức mười môn cúng dường, do Sa-môn Trí Nghiễm soạn.

5/ Thiện Tài Đồng Tử Chư Tri Thức Lục, do sa-môn Ngạn Tông soạn.

6/ Hoa Nghiêm Chỉ Quy, một quyển. Mười môn: Một là nơi nói kinh, hai là lúc nói kinh, ba là Phật nói kinh, bốn là chúng nói kinh, năm là nói nghĩa kinh, sáu là nói kinh giáo, bảy là hiển bày nghĩa kinh, tám là giải thích ý kinh, chín là nói lợi ích của kinh, mười là bày kinh viên.

Mười môn trên đều dùng mười nghĩa giải thích,

1 chung cả trăm môn để hiển bày ý kinh, bèn khiến
2 cho ý chỉ mở rộng rõ ràng trước mắt, đủ như giải
3 thích kia, do Sa-môn Pháp Tạng thuật.

4 7/ Hoa Nghiêm Tam-muội Quán, một quyển
5 mười môn.

6 Mười môn trên cũng dùng mười nghĩa mà luận
7 cốt yếu để khiến tu thành Hạnh Nguyên Phổ Hiền,
8 kết hạt giống kim cương, làm Nhân của Bồ-đề. Ở
9 đời tương lai sẽ được dự Hải Hội Hoa Nghiêm.
10 Dùng Thiên Thai Pháp Hoa Tam-muội Quán, các
11 người tu hành đủ làm gương tâm. Do Sa-môn Pháp
12 Tạng soạn.

13 8/ Hoa nghiêm Cương mục, một quyển. Hoa
14 nghiêm Huyền Nghĩa chương, một quyển. Hoa
15 nghiêm Phần giáo ký, ba quyển. Các sách trên đều
16 nằm ngoài Đại Chương Sớ, tùy theo người đã hỏi,
17 tùy theo nghĩa mà nói, ghi lại làm thành quyển,
18 cùng hiển bày về ý của kinh này. Do Sa-môn Pháp
19 Tạng thuật.

20 9/ Hoa Nghiêm Phiên Phạm Ngũ, một quyển
21 (bản cũ). Hoa Nghiêm Phạm Ngũ Cập Âm Nghĩa,
22 một quyển (bản mới).

23 Hai kinh mới cũ trên có tiếng Phạm và kinh mới
24 có chữ khó đều dịch ra và giải thích âm. Rất cần
25 thiết cho người đọc kinh.

26 10/ Hoa Nghiêm Tam Bảo Lễ, mười bài.

27 Bắt đầu lễ nói: Nam mô hội thứ nhất, Lô-xá-na

Phật trên tòa Sư tử dưới cội Bồ đề, rộng ra cho đến pháp giới khắp cả mười phương, hết thầy chư Phật đã nói về pháp hải quả đức rất sâu xa, cùng với trần số Bồ tát Ma-ha-tát như Bồ tát Phổ hiền, tất cả Tam bảo. Bảy hội sau xưng trên của xứ tên của Pháp và tên của Bồ tát, còn lại riêng biệt đều giống như trên. Thứ chín, lễ Tam bảo trong kinh Hoa nghiêm gồm bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ của kinh bản Trung. Thứ mười, lễ Tam bảo trong kinh Hoa nghiêm gồm mười đại thiên giới vì trần số bài kệ của kinh bản thượng, và chỉ xưng kinh ấy nói về Phật pháp và Phổ hiền..., có thể biết.

11/ Hoa Nghiêm Tán Lễ, mười quyển, mười bài.

Lễ thứ nhất nói: Chí tâm quy mạng lễ Hoa nghiêm hội thứ nhất, Thọ vương lên vị báu, liên giới thuyết Hoa văn, Thánh chúng giữa chạng mây, phát ra thần quang lớn, trong tòa tuôn Tuệ hải, chân lông hiện Từ vân, mây trần gồm pháp giới, chín đời trong một niệm, nguyện cùng các chúng sanh, cùng đạo Hoa Tạng giới. Hội thứ hai tán rằng: Long cung nhiều mây Tín, biến pháp hợp dòng sâu, vàng sáng khắp cõi không, danh tiếng cùng viên âm, Hiền mới gồm sáu vị, truyền đến khắp mười phương, chủ-bạn luôn chiếu rọi, để vông lý khó tìm. Hội thứ ba nói: Mặt trời soi đỉnh núi, mây cuộn đầy hư không, cây Giác đầu không rụng, cõi trời hiện thân này.

1

2

3



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9

10 TRUYỆN CẢM ỨNG VỀ KINH ĐẠI
11 PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM
12 SỐ 2074
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23

24 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
25 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2074

TRUYỆN CẢM ỨNG VỀ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM

*Đại Phương Quảng Vô Sinh Cư sĩ Hồ U Trinh Núi Từ
Minh ở biên tập.*

Truyện này do học trò của Hoa Nghiêm Sớ Chủ
Tạng Công là Tăng Tuệ Anh biên tập, có hai quyển
thượng hạ, nay lược bớt văn tự rườm rà đối với
điềm lành cảm ứng nên tôi rút gọn lại còn một
quyển, khiến có người thấy nghe Bí thừa này mà
sinh ý tưởng khó gặp, đều cố gắng vâng làm.

1. Ngài Thiên Thân em của Bồ-tát Vô Trước ở
Tây Vực, tuổi nhỏ học trong dòng họ, lớn lên thông
suốt năm Bộ. Trước theo nghiệp Tiểu thừa, soạn
năm trăm bộ luận Tiểu thừa Vô Trước thương ông
thông minh nhưng chưa phát Đại tâm, nói đẹp của
Tiểu thừa mà không nói Đại giáo, bèn phương tiện
chỉ bày thói xấu nói rộng nghiệp nhân của bệnh.
Thiên Thân vì anh mà thọ trì các kinh Duy-ma,
Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêm v.v..., lớn tiếng
tụng đọc. Vô Trước nghe thấy thế vừa mừng vừa
thương. Thiên Thân đọc kinh mấy hôm liền được
tin ngộ, rất kính Hoa Nghiêm Nhất Thừa là cảnh

giới của Chư Phật. Bèn bỏ Tiểu thừa mà rất hối lỗi muốn lấy dao bén cắt lưỡi để tạ lỗi trước. Vô Trước ngăn lại nói: Ông đã dùng miệng khen ngợi Quyền giáo chê bai chân thừa, thì nay cũng dùng miệng mà khen ngợi Chân thừa từ bỏ các lời luận xưa đâu cần phải cắt lưỡi Thiên Thân do đó vào núi thọ trì Hoa Nghiêm, sau soạn Luận Thập Địa. Có chỗ chẳng hiểu đến hỏi Vô Trước, Vô Trước cũng chưa thông bèn bay lên cõi trời Tri Túc thưa hỏi ngài Di-lặc. Luận vừa viết xong thì mặt đất rung chuyển, luận phát ra ánh sáng chiếu xa mấy trăm dặm. Cả nước đều mừng lạ. Rộng như trong truyện về Vô Trước có nói.

2. Tăng Linh Biện: Đời Ngụy ở Tịch Châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, tinh tâm Phật thừa chuyên dùng Hoa Nghiêm làm nghiệp. Lúc đó chưa có Sớ Luận, khi nghĩ về huyền chỉ không có nơi học hỏi. Do đó trang hoàng đạo tràng thọ trì Hoa Nghiêm, ngày đêm hành đạo sáu năm. Có lúc từng bước chảy máu thỉnh cầu ngài Văn-thù che chở, thề thông hiểu sách sâu kín không hề lui bước. Bỗng một đêm thấy Đồng chân, thông suốt Hoa Nghiêm pháp giới bảy xứ chín hội. Liên nhập Vi Định rõ ràng như đang lúc ấy, cũng trải qua mắt thấy tai nghe tâm hiểu. Xưa chưa hiểu nay đều thông, bèn ở trong núi ung huyện Tây thuộc châu ấy mà soạn Luận Hoa Nghiêm một trăm quyển.

3. *Sa-môn Chi Pháp Lãnh đời Đông Tấn:*

Xuất gia từ thuở nhỏ, tâm chí siêng năng. Buồn than Thích-ca diệt rồi chánh giáo chìm mất. Bèn đến Tây Thiên học hỏi Thánh điển. Đến nước Vu-điền bỗng gặp Tam tạng Thiên-trúc Nhất Thừa Pháp Chủ là Phật-đà Bạt-đà-la, Hán gọi là Giác Hiền, họ Thích-ca, con cháu của vua Cam lộ Phạm vương, là người chứng ba quả Đại thừa, tức là Bồ-tát địa thứ ba, đem Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm hơn ba vạn sáu ngàn bài kệ đến, nếu ở trong kinh có chỗ nào không hiểu thì bay lên cõi trời Đâu-suất thưa hỏi Thế tôn Di-lặc. Pháp Lãnh bèn cầu Tam tạng đến nước Trung Hoa truyền bá kinh Hoa Nghiêm. Bèn y lời thỉnh mà đến ở Kinh đô, ngồi năm khác phàm, hoặc ở cửa sổ ra vào vô ngại. Các vị Tăng ở chung đều rất kinh lạ, đều gọi là ma. Chúng Tăng hỏi Tam tạng rằng: Pháp sư có được pháp hơn người chẳng? Tam tạng đáp: Ta đã được. Các Sư bèn nhóm học Tăng chúng ở kinh thành làm pháp Yết-ma muốn đuổi Tam tạng đi. Tam tạng bèn cầm y bát bay lên hư không hiện bày các thần biến, rồi ngồi bay về Nam đến Dương Châu như chim bay trên hư không. Các vị Tăng đều kinh lạ hỏi lỗi nhưng chẳng thể đuổi kịp. Đến ngày 14 tháng 03 niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14. Chùa Tạ Tư Không thuộc Kiên Nghiệp xây Hộ tịnh pháp đường mà dịch Hoa Nghiêm. Khi đang dịch kinh

1 trước thì nhà bỗng hóa ra một cái ao, mỗi ngày
2 sáng sớm có hai thanh y từ dưới ao lên ở trong nhà
3 dịch kinh mà quét tước mài mực hầu hạ, đến tối thì
4 trở về ao. Tương truyền rằng: Kinh này ở lâu dưới
5 cung rồng. Long vương mừng kinh này được dịch
6 nên cấp hai trể hầu hạ, Sau do đó đôi chùa này là
7 chùa Hưng Nghiêm. Đồng phiên dịch có các Sa-
8 môn Tuệ Nghiệp, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán v.v...
9 theo Tam tạng làm người ghi chép. Thái thú quận
10 Ngô là Mạnh Khải, Hữu vệ tướng quân là Trư Thúc
11 Độ v.v... làm Đàn-việt. Đến ngày 10 tháng 06 niên
12 hiệu Nguyên Hy năm thứ hai dịch xong. Sau đến
13 20 tháng 01 niên hiệu Vĩnh Sơ-Đại Tông năm thứ
14 2 thì cùng bàn tiếng Phạm khảo xét xong. Vua
15 Tổng thỉnh Tam tạng cầu Na-bạt-đà-la giảng kinh
16 này. Tam tạng tiếc vì tiếng Hoa chưa thông không
17 thể giảng hết ý kinh, bèn vào đạo tràng thỉnh niệm
18 Quán Thế Âm. Chưa đầy bảy ngày thì mộng thấy
19 đôi đầu Hán thay cho đầu Phạm nhân đó mà biết
20 rõ tiếng Tần người lúc đó gọi là Tam tạng Đôi Đầu.
21 Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la, xưa đến Quan Trung
22 hỏi Pháp sư Cưu-ma-la-thập rằng: ngài dịch kinh
23 luận nào? Thập nói: Dịch các kinh như Pháp Hoa,
24 Duy-ma và Trung luận, Thập nhị môn. Tam tạng
25 nói: Như chỗ Ngài dịch chưa vượt hẳn mọi người
26 đâu đủ rộng đặt tên Đại. Lúc đó Quan Trung đều
27 gọi Tam tạng là Đại Luận Sư. Một hôm, vua Tần
28 là Diệu Hưng thỉnh Tam tạng vào Đông cung chủ

1 tri về luận bàn Học sĩ trong đó học có hơn ba ngàn
2 người, Thích tử thì có Sinh Triệu Dung Duệ, về
3 Nho có Tạ Linh Vận, Phí Trường Phòng đều chẳng
4 dám hỏi. La-thập bèn lớn tiếng hỏi: Ngài lấy gì làm
5 chánh kiến. Tam tạng nói tức là thấy tất cả pháp là
6 Không. Thập hỏi: Đã không làm sao thấy? Đáp:
7 Thấy Không chẳng thể chẳng thấy. Thập hỏi:
8 Không có thể thấy chăng? Tam tạng nói: Không
9 chẳng thể thấy. Thập lại hỏi: ngài dùng cái gì để
10 phá Sắc Không? Tam tạng nói: Sắc chẳng có tự thể,
11 nhóm các thứ bé nhỏ mà thành sắc, nghiên Sắc đến
12 nhỏ do đó sắc là không. Thập nói Ngài nghiên Sắc
13 đến nhỏ khiến Sắc thành Không, làm sao phá đến
14 cực nhỏ thành không? Tam tạng nói mọi người đều
15 dùng phương pháp phân tích, chia ra cực nhỏ là
16 không, ý ta chẳng thể Thập hỏi ý Ngài như thế nào?
17 Tam tạng nói: Do một nhỏ nên có các nhỏ, do các
18 nhỏ nên có một nhỏ. Nhỏ không có tự tánh làm sao
19 có nghiên nát. La-thập nghe nói thế thì mịt mù
20 chẳng biết nói gì nên chẳng hỏi nữa. Lúc đó chúng
21 đều không hiểu ý Nhất thừa của Tam tạng. Lại
22 Tông phụ Thập Công nói Tam tạng chẳng đáp. Do
23 đó mà thôi luận, Tam tạng về viện rồi, Sinh Triệu
24 Bảo Vân v.v... lại đến hỏi muốn hiểu rõ nghĩa
25 trước. La-thập chưa hiểu điều nói đó. Tam tạng
26 nói: Nghĩa này khó hiểu ta nói rất dễ. Thập tự mịt
27 mờ. Sau Thập lại tự hỏi như trước thì đáp cũng
28 không đến cùng tận. U Trinh hỏi: Luận này của La-

thập ghi vào Nhất thừa. Có Sa-môn Đạo hình, muốn đồng xem luận Nhất thừa đều nghe lời Tam tạng nói, phụ nêu vào đây.

4. Pháp sư Tuệ Cự, thời Bắc Tề, còn Nhỏ đã nhàm chán thế tục, lớn lên theo nghiệp Hoa Nghiêm. Năm mười lăm, mười sáu tuổi ở trong đạo tràng sáu thời lễ sám, ngày đêm tụng trì, trước chẳng hiểu gì, sau năm mộng thấy một cậu bé tự gọi là Thiện Tài bảo Tuệ Cự rằng: Sư đã nghiên cứu Hoa Nghiêm muốn thấu hiểu cảnh giới Phật, sáng mai hãy đi về Nam, sẽ cho Sư thuốc thông minh, khiến sư ngộ được ý kinh. Tuệ Cự sáng hôm sau trình rõ với chư Tăng. Bèn tắm gội bằng nước thơm, thân mặc áo sạch tay bung lư hương nhất tâm hướng về Tam Bảo nguyện sẽ tìm cầu ắt được như mộng. Liên cùng cậu bé đi về Nam, tâm miệng chuyên chí luôn niệm Văn-thù. Đi được mấy dặm bỗng thấy một ao vuông rộng mỗi bề nửa dặm, tạp hoa mọc đầy bờ, có cây xương bồ, ý bảo xương bồ là thuốc thông minh bèn cùng cậu bé lội xuống nước mà hái về. Bỗng được một rễ lớn như trục xe. Bèn trở về chùa mà làm hoàn. Vừa uống vào thì cảm thấy tinh thần sáng khoái nhẹ nhàng, ngày tụng vạn lời. Nhân đó hiểu nghĩa Hoa Nghiêm, bèn viết số kinh này hơn mười quyển giảng kinh này hơn năm mươi lần.

1 **5. Cư sĩ Phàn Huyền Trí đời Đường:** Trong
2 niên hiệu Vĩnh Huy, đồng học với Hoa Nghiêm
3 Tạng Công. Tuổi trưởng thành tham hỏi đạo, năm
4 kinh ba tạng đều thông suốt, chỉ lấy Hoa Nghiêm
5 làm nghiệp. Ở trong núi Phương Châu ăn lá thông,
6 hơn sáu mươi năm trì tụng không ngớt. Năm mười
7 năm trước cảm đất phun lên một suối nước ngọt
8 cung cấp đầy đủ nước, rừng sinh trái tốt cây cối
9 sum suê, xa gần đến hái vô ngại. Bỗng mưa nhiều
10 tuyết, hành lý đi lại chẳng thông, lương ăn khô cạn.
11 Lúc đó có Thần núi đưa thuốc giống như đề hồ, vị
12 ngọt như sữa, ăn vào một muống bảy ngày chẳng
13 đói, nên càng cố gắng, thân nhẹ mắt sáng. Đêm lễ
14 tụng như có đèn sáng. Ngày tụng kinh thì các chim
15 tụ họp đến nghe. Bà con Thần núi hiện hình người
16 vây quanh, mùi hương lạ thơm phức, trái lạ hiện
17 ra. Có lúc đêm tụng thì miệng phát ra ánh sáng
18 chiếu xa bốn mươi dặm. Ánh sáng như vàng, xa
19 gần đều kinh lạ, có người đến tìm thì chỉ thấy Cư
20 sĩ ngồi tụng kinh miệng phát ra ánh sáng. Lúc chín
21 mười hai tuổi không bệnh mà chết. Khi trà tỳ thì
22 răng biến thành xá-lợi được mấy trăm hạt, đều
23 phóng ánh sáng suốt mấy ngày chẳng hết. Lúc đó
24 Tăng tục thấu lấy xá-lợi xây tháp cúng dường.

25
26 **6. Hai vị Tăng tên là Đạo Tường và Tuệ Ngộ:**
27 Trú tại chùa Thiên Định trong niên hiệu Vĩnh Huy,
28 đều ở ẩn trong núi Thái Bạch. Đạo Tường thì trì

1 tụng kinh Niết-bàn, còn Tuệ Ngộ thì trì tụng kinh
2 Hoa Nghiêm, ăn uống rau cỏ, sáu thời lễ sám ngày
3 đêm tụng trì, nhiều năm như thế. Bỗng thấy một cư
4 sĩ râu tóc bạc trắng, mặc áo trắng sạch, nghi dung
5 đẹp để đến trước chào hỏi rồi thưa rằng: Nhà con
6 có thiết trai muốn thỉnh một Tăng. Tăng nói: Đây
7 chỉ có hai vị Tăng, cùng đến được chăng? Cư sĩ
8 nói: Đệ tử nhà nghèo chỉ thỉnh một vị Tăng. Tăng
9 hỏi ý muốn thỉnh ai, bèn nói: Thỉnh Pháp sư Hoa
10 Nghiêm. Tuệ Ngộ bèn đi theo hơn trăm bước. Cư
11 sĩ bèn bay lên hư không hỏi Tuệ Ngộ rằng: Sao sư
12 không bay lên hư không. Ngộ nói bần đạo không
13 có cánh chẳng bay lên không được. Cư sĩ bèn
14 xuống đất, để Ngộ ngồi trong tay áo lại bảo nhắm
15 mắt. Lúc đó chỉ nghe bên tai tiếng gió vù vù. Được
16 nửa bữa ăn, thì đáp xuống. Bèn bảo mở mắt, chẳng
17 biết chỗ nào chỉ thấy núi non cao vút. Lại thấy nhà
18 cửa đều từ dưới đất mọc lên. Bèn mời Ngộ vào
19 Phật Đường lễ Phật vừa xong bỗng thấy năm trăm
20 vị Tăng lạ cầm tích trượng ôm bát từ trên hư không
21 mà đến. Ngộ kính trọng vị Tăng lạ chẳng dám ngồi
22 trên, bèn ngồi hàng dưới. Cư sĩ đến nói: Sư thọ trì
23 kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới Phật, đâu được ngồi
24 dưới Tiểu Thánh. Bèn dẫn Ngộ ngồi trên năm trăm
25 vị Thánh thọ trai súc miệng xong. Các vị Thánh
26 liền bay lên hư không mà về. Cư sĩ bèn sai người
27 đưa một chiếc giường báu vật sắp đem tặng Ngộ
28 nhờ chú nguyện. Ngộ nói bần đạo đến chẳng đi trên

đất, Cư sĩ đưa đến đây tự trở về không được, xin đưa về giùm, tụng kinh mà báo ân. Cư sĩ nói: Trai đàn này ý chỉ muốn thỉnh một mình sư thôi, còn năm trăm vị La-hán đến ăn, cũng chỉ mới thỉnh. Sư lại chú nguyện. Liền sai người đưa Sư trở về. Trước sân có năm-ba đứa trẻ sáu-bảy tuổi Cư sĩ gọi thì đưa một cậu bé đến. Cư sĩ bảo: Con nên hầu hạ Pháp sư. Cậu bé mời sư hủ miệng. Sư hủ miệng cậu bé nhìn qua, bảo Sư có nhiều bệnh. Cậu bé dùng tay xoa trên mình rồi lấy ít thuốc to bằng hạt mè chia làm ba hoàn đưa cho Ngộ nuốt. Lại bảo mở miệng cậu bé liền bay vào miệng. Lúc đó ngộ bèn bay lên hư không mà về chốn cũ, đứng trên hư không bảo Đạo Tường rằng: Vừa được Cư sĩ Thần núi thỉnh trai, nên được thần thông. Nay muốn tam về các cung Bồng Lai Kim Khuyết Tử Vi v.v... để trì tụng nghiệp xưa. Nói xong thì từ tạ Đạo Tường, xếp ba y bình bát và kinh rồi bay lên hư không mà đi.

7. Có một Ni Sư ở núi Cửu Lũng: Trong niên hiệu Hiên Khánh. Chí tinh thông Phật thừa, Hoa Nghiêm Bí tạng. Vào núi thọ trì hơn hai mươi năm, lễ tụng không ngớt. Y giáo tu hành tánh định tâm tịch, bèn chứng Tuệ nhãn, được cảnh giới như mạng lưới Nhân-đà-la, đạo tràng chín hội trong vi trần sát hải thế giới khắp mười phương nhìn thấy rõ ràng trước mắt như cảnh tượng trong gương.

8. Niên hiệu Tống Chương năm thứ nhất:

Tam tạng là ở Vị Tăng Tây Vực đến Kinh Lạc. Vua Cao Tông thờ như thầy, Đạo tục đều quy kính. Hoa Nghiêm Tạng Công khi còn là cậu bé đến đánh lễ Tam tạng xin thọ giới Bồ-tát. Lúc đó chúng bạch Tam tạng rằng: Cậu bé này tụng được Hoa Nghiêm Đại kinh lại hiểu cả nghĩa Tam tạng ngạc nhiên khen rằng: Hoa Nghiêm Nhất Thừa là Bí tạng của Chư Phật khó thể gặp được, huống chi là hiểu nghĩa. Nếu có người tụng được một phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm thì người ấy đã được đầy đủ Tịnh giới Bồ-tát, chẳng cần phải thọ giới Bồ-tát nữa. Trong Tây Vực Truyện Ký có nói: Có người tụng kinh Hoa Nghiêm, lấy nước rửa tay, một giọt rơi vào con kiến, con kiến này chết rồi liền sinh lên cõi trời Đao-lợi, huống chi lại có người thọ trì, thì phải biết cậu bé này ở đời sau sẽ được lợi ích rộng nhiều, có thể bố thí cho chúng sinh vô sinh cam lộ.

9. Trong niên hiệu Thượng Nguyên:

Chùa Kính Ái ở Lạc Châu, có vị Tăng, sống ở Trịnh Châu, trở về thăm cha mẹ. Khi đến Trịnh Châu thì gặp trời tối, phải ngủ đêm ở quán trọ. Lát sau có Tăng khác đến, chẳng biết họ cũng vào đó ngủ đêm. Ai nấy đều ở phòng mình. Vị Tăng đến sau bảo chủ quán rằng: Bản đạo ở xa đến rất mệt nhọc và đói, hãy đem lên đây ba thăng rượu tốt một cân

thịt ngon, nhanh lên chớ chậm. Rồi ăn uống hết. Vị Tăng đến trước rất trọng giới luật, nổi giận trách rằng: Thân mặc pháp phục mà tệ hơn người tục, ăn uống rượu thịt chẳng biết hổ thẹn. Vị Tăng kia làm thỉnh chẳng đáp. Đến đầu hôm thì xin nước súc miệng, ngời thẳng phát ra tiếng Phạm mà tụng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Trước nêu tên phẩm, kể tụng Ta nghe như vậy một thuở họ Phật ngự tại nước Ma-kiệt-đề, tại Đạo Tràng Văng lạng v.v... "thì miệng vị Tăng ấy phát ra ánh sáng như màu vàng ròng. Người nghe ứa lệ, kẻ thấy phát tâm, Luật sư cũng sinh tâm vui mừng mến mộ, tự nghĩ rằng: "Vị sư rượu thịt kia tụng được Đại kinh này. Cho đến canh ba vẫn nghe tiếng tụng không ngớt. Cuốn bốn sắp xong thì ánh sáng trong miệng lại càng sáng rõ chiếu sáng khắp nhà. Bèn vạch lỗ dòm thì chiếu sáng hai phòng. Luật sư trước chẳng biết là ánh sáng mà bảo sao vị khách ấy không tắt đèn làm hao tổn dầu của chủ. Luật sư nhón chân nhìn thấy ánh sáng vàng từ miệng vị Tăng phát ra tụng đến pho thứ năm trở lên, thì ánh sáng dần thu trở vào miệng. Đến canh năm tụng hết pho thứ sáu thì vị Tăng ấy nằm xuống, phút chốc trời sáng. Luật sư khóc lóc, đến mọp lạy cầu xin sám hối tội chê bai thánh Hiền, xin tội được tiêu trừ.

10. Trong niên hiệu Nghi Phụng: Có hai vị Tăng ở Ấn-độ Tây Vực đến núi Ngũ Đài mang theo

1 hoa sen và lư hương, vừa đi vừa quì lạy đến núi
2 đánh lễ Đại Thánh Văn-thù, thì gặp một Ni sư ở
3 trong hang núi ngồi trên giường dây ở dưới cây
4 thông. Ngồi thẳng tụng kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó
5 đã chiều tối, Ni bảo vị Tăng rằng Ấn độ : Ni chẳng
6 thể cùng Đại Tăng ngủ đêm, Đại đức nên đi, sáng
7 rồi hãy đến. Tăng nói: Đêm sâu đường xa không
8 có chỗ nghỉ xin chớ thấy trái. Ni nói các ông không
9 đi thì ta chẳng thể ở. Rồi vào núi sâu. Lúc đó vị
10 Tăng bồi hồi hồ thẹn mà chẳng biết đi đâu. Ni nói
11 dưới kia có hang Thiền Tăng nên đến đó mà ở. Đến
12 tìm thì quả có hang Thiền cách đó hơn năm dặm.
13 Hai vị Tăng một lòng chấp tay cầm lò hương mà
14 quay về hướng Bắc lễ xa chí thành nghe kinh rõ
15 ràng bên tai. Mới mở đề kinh đọc ta nghe như vậy
16 thì ở xa thấy vị ni ngồi trên giường mặt quy về phía
17 Nam, từ miệng phát ra ánh sáng rực rỡ màu vàng
18 chói lòa cả ngọn núi. Tụng kinh hai pho trở lên thì
19 ánh sáng càng mạnh ở hang phía Nam xa đến
20 khoảng mười dặm, chẳng khác ban ngày. Tụng đến
21 pho thứ tư thì ánh sáng ấy dần dần thu lại, đến pho
22 thứ sáu vừa hết thì ánh sáng ấy thu vào miệng Ni.
23 Trong phẩm Bồ-tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm
24 nói: Nước Trung quốc ở phương Đông Bắc có chỗ
25 ở của Bồ-tát gọi là núi Thanh Lương, các Bồ-tát
26 quá khứ thường ở đó. Nay có Bồ-tát tên là Văn-
27 thù-sư-lợi cùng vạn vị Bồ-tát đều an trụ. "Núi ấy ở
28 phía Nam vùng Đại Châu, ở phía Đông Bắc vùng

1 Triết Châu tên là núi Ngũ Đài. Kinh Thủ-lăng-
2 nghiêm Tam-muội nói Văn-thù là Phật Long
3 Chủng Thượng Tôn Vương ở thế giới bình Đăng
4 thời quá khứ". Lại kinh Ương-quật-ma-la nói:
5 Văn-thù là Phật Ma-ni Bảo Tích ở thế giới Hoan
6 Hỷ Đông Phương . Cảnh giới của thần ni ấy là do
7 Văn-thù phân hóa để chỉ bày cho Vị Tăng.

8
9 **11. Đầu niên hiệu Thùy Cung có Tam tạng**
10 **Pháp sư Nhật Chiêu:** Là người Thiên-trúc, ở xa
11 đem sách tiếng Phạm đến đây truyền dịch. Vua
12 Cao Tông ra chiếu mời trú tại chùa Thái Nguyên,
13 rồi nhóm họp các Đại đức Tăng ở Kinh thành cùng
14 dịch Đại Hoa Nghiêm Mật Nghiêm, v.v... hơn
15 mười Bộ kinh. Tăng Đạo Thành, Bạc Trần, Viên
16 Trắc, Ý Ứng v.v... làm người Chứng Nghĩa, Phúc
17 Lễ, Tư Huyền v.v... làm người ghi chép Tuệ Trí
18 v.v... dịch lời. Lúc đó Hoa Nghiêm Tạng Công trú
19 tại chùa ấy, nhân phiên dịch mà hỏi Tam tạng rằng:
20 Ở Tây Vực có người thọ trì Nhất thừa có được cảm
21 ứng chăng? Tam tạng nói: Bần đạo đến tìm thầy
22 khi đến Nam thì trời tối phải ngủ đêm ở một ngôi
23 chùa có hơn sáu mươi ở Đại đức Tăng đều tụng
24 Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp, tôn Văn- thù làm
25 Thượng Thủ. Chùa có vị Tăng đã mất, vì tụng được
26 kinh Hoa Nghiêm nên bổ túc vào chỗ ấy, mỗi khi
27 mặt trời lặn đều nhóm hội đốt hương lễ sám, đều
28 tụng một quyển Hoa Nghiêm làm việc thường

ngày. Chùa này vốn do chim Luân già bỏ của báu
 ra tạo nên, vì chúng Tăng tụng kinh Hoa Nghiêm
 nên chim được cảm sinh lên cõi trời, các cảm ứng
 khác rất nhiều chẳng thể kể hết. Tháng tư niên hiệu
 Thùy Cung năm thứ 3. Hoa Nghiêm Tạng Công trú
 tại chùa Đại Từ Ân giảng kinh Hoa Nghiêm. Tăng
 trong chùa là Đàm Diên làm giảng chủ khi tan
 giảng đã lập hội Vô-già. Sau Tạng Công đến chùa
 Sùng Phước đến yết kiến hai Luật sư Đại đức
 Thành Trần. Lúc đó Luật sư Trần bảo Tạng Công
 rằng: Nay mùa Hạ, ở phường Hiền An có Đàn-việt
 Quách Thần Lượng chết đã bảy ngày sống lại mà
 vào chùa lễ bái, thấy Bạc Trần tự bảo: "Nhanh lên.
 Bỗng nhiên chết đi, rồi sống lại. Lúc đó có ba Sứ
 giả đến bắt tới chỗ Bình Đẳng Vương hỏi tội phước
 xong, bèn giao Sứ giả dẫn vào địa ngục chịu tội.
 Khi sắp vào ngục, bỗng thấy một vị Tăng bảo: Ta
 muốn cứu ông tội khổ địa ngục, dạy ông tụng một
 bài kệ. Thần Lượng sợ sệt thỉnh Tăng cứu hộ, liền
 ban cho bài kệ, Tăng tụng kệ rằng:

Nếu người muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Phải nên như vậy quán,
Tâm tạo các Như lai.

Thần Lượng bèn dốc tâm tụng kệ này mấy lượt,
 thì Thần Lượng và số người cùng chịu tội hơn ngàn
 vạn người nhờ đây đều được thoát khổ mà chẳng
 vào địa ngục. Đây đều nói các Đàn-việt phải biết

1 k²ệ này có công năng phá tan địa ngục, thật không
2 thể nghĩ bàn. Tạng đáp Trần rằng: K²ệ này là văn
3 k²ệ trong Hội thứ tư của kinh Hoa Nghiêm. Lúc đầu
4 Trần chẳng nhớ là kinh Hoa Nghiêm, cũng chưa
5 hoàn toàn tin lời Tạng nói bèn tìm phẩm Thập
6 Hạnh mà tra cứu thì quả đó là k²ệ sau cùng của k²ệ
7 Thập Hạnh. Trần Công vui mừng khen rằng: Vừa
8 nghe một bài k²ệ, ngàn muôn người cùng lúc thoát
9 khổ, huống chi là thọ trì toàn bộ lại giảng thông
10 nghĩa sâu ư? Niên hiệu Thùy Cung năm thứ 3, Tỳ-
11 kheo Tuệ Anh, từ dưới tòa của Tạng Công trú tại
12 chùa Từ Ân nghe giảng Hoa Nghiêm rồi lần lượt
13 đi kinh hành đến viện phiên dịch thì cùng đi với
14 Pháp sư Hoằng Chí ở chùa Từ Ân, Pháp sư Quang
15 ở chùa Sở Quốc. Tạng Công bảo các Đại đức rằng:
16 Tây Vực có Tam tạng Pháp sư Lặc-na, đời Đường
17 dịch là Bảo Ý giảng kinh Hoa Nghiêm, người nghe
18 số ngàn, bỗng có hai vị Tăng, hình dáng đoan
19 nghiêm thân quang rực sáng, ở trước đại chúng
20 đánh lễ Tam tạng thưa rằng: Đệ tử từ cõi trời Đao-
21 lợi, Đế-thích sai đến đây thỉnh Pháp sư lên cõi trời
22 để giảng kinh Hoa Nghiêm, xin mời đi ngay. Tam
23 tạng nói: Bần đạo giảng chưa xong chưa thể đi
24 được, xong rồi sẽ đi. Sứ giả nói: Khi nào thì xong.
25 Tam tạng nói: Chỉ còn hai pho. Sứ giả lại nói: Xin
26 xong sớm sẽ đến rước. Tam tạng hứa rồi thì không
27 thấy hai vị ấy nữa. Khi giảng gần xong vừa xếp
28 kinh thì Sứ giả lại đến. Lúc đó đều giảng Phạm

1 Âm, Duy-na v.v... Pháp sư ở trên tòa cao cũng vừa
 2 hóa, theo Sứ giả mà đến, cung trời Đế thích. Giảng
 3 khen ý sâu Đại thừa. Phải biết Hoa Nghiêm Bí
 4 Tạng trên cõi trời ở cõi người đều tôn trọng.

5
 6 **12. Thiên Thọ niên hiệu năm đầu:** Hoa
 7 Nghiêm Tạng Công về thăm bà nội. Khi đến Tăng
 8 Châu thì các quan hương hoa ra đón. Đến năm thứ
 9 hai thỉnh giảng Hoa Nghiêm. Nói pháp kế bàn đến
 10 tà chánh. Lúc đó có Đạo sĩ trẻ ở bên cạnh về báo
 11 lại với Quán chủ Hoằng Đạo là Sư ở chùa Bắc chê
 12 bai Đạo Tôn. Quán chủ nghe nói nổi giận. Sáng
 13 hôm sau dắt hơn ba mươi Đạo sĩ đến chỗ giảng,
 14 mặt đỏ phùng miệng chửi rửa bảo Tạng Công rằng:
 15 Chỉ nên giảng kinh sao lại nói việc của Đạo môn?
 16 Tạng Công nói: Bần đạo tự giảng Hoa Nghiêm,
 17 không luận bàn chê bai ai khác. Quán Chủ hỏi: Tất
 18 cả các pháp đều bình đẳng chẳng. Tạng đáp: Các
 19 pháp vừa bình đẳng vừa chẳng bình đẳng. Quán
 20 chủ lại hỏi: Pháp nào bình đẳng, pháp nào chẳng
 21 bình đẳng. Đáp rằng: Tất cả pháp chẳng ngoài hai
 22 loại: Một là Chân đế, hai là Tục đế. Nếu theo Chân
 23 đế thì không đây không kia, không mình không
 24 người, không sạch không nhơ tất cả đều lìa, cho
 25 nên bình đẳng. Nếu theo Tục đế thì có thiện có ác,
 26 có cao có thấp, có tà có chánh, đâu được bình
 27 đẳng? Đạo sĩ im lặng không đối đáp được nhưng
 28 cũng còn tức giận, ở chỗ Như lai mà nói lời độc

1 hại. Về Quán ngủ một đêm, sáng ra khi rửa mặt
2 bông tóc mây đều rụng, toàn thân gẻ chốc mọc
3 đầy bèn sinh tâm hồi lỗi, quy kính Tam bảo, cầu
4 xin Tạng Công thệ nguyện thọ trì kinh Hoa
5 Nghiêm một trăm biến, tụng khoảng hai năm còn
6 mười biến chưa xong, bỗng cảm được tóc tai mọc
7 lại gẻ chốc đều lành, đạo tục ở Tăng châu đều
8 nghe thấy.

9
10 **13. Niên hiệu Thánh Lịch năm thứ nhất:** Thời
11 Võ Tắc Thiên, có chiếu thỉnh Tam tạng Thật-xoa-
12 nan-đà nước Vu-điền cùng hơn mười Đại đức
13 phiên dịch kinh Hoa Nghiêm tại chùa Phật Thọ Ký
14 ở Đông Đô. Tăng Phục Lễ nói văn, Tạng Công ghi
15 chép, Sa-môn Chiến-đà-đề-bà v.v... dịch lời, Tăng
16 Pháp Bảo, Hoàng Cảnh, Ba Luân, Tuệ Nghiễm
17 Khứ Trần v.v... xem xét chứng nghĩa. Thái sử Thái
18 tử Trung Xá Ứng Phước Vệ Sự Tham Quân Vu Sự
19 Dật, v.v... thân đến chiếu pháp viết lời tựa san định.
20 Đêm ấy Tắc Thiên mộng thấy trời mưa cam lộ.
21 Cho đến canh năm bỗng có gió nhẹ nước thơm mưa
22 xuống. Lại ở trong ao trong vườn mọc hoa sen trăm
23 cánh lá xanh hoa hồng mùi hương thơm phức. Hoa
24 sen có ba loại: Một là hoa nhân gian có mười cánh,
25 hai là hoa cõi trời có một trăm cánh, ba là hoa Tịnh
26 độ có một ngàn cánh. Nay trong vườn mọc hoa
27 trăm cánh, ấy là hoa cõi trời. Tắc Thiên vui mừng
28 cho là điềm lành phiên dịch, ra chiếu cho Hoa Lộ

Sứ Trung Quan đưa về chỗ phiên dịch trú tại chùa Phật Thọ Ký. Tăng chúng cả chùa và Pháp sư Thập chùa Đại Vân ở Hoài Châu đều thấy khen là ít có. Đến ngày mồng 08 tháng 10 niên hiệu Thánh Lịch năm thứ 2 thì dịch xong kinh mới, ban chiếu thỉnh Tạng Công trú tại chùa Phật Thọ Ký giảng kinh mới này đến phẩm Hoa Tạng Thế Giới thì giảng đường và chùa viện đất đều rung chuyển, cả chúng kinh dị Đô-duy-na là Tuệ Biểu Tăng Hoàng Trí v.v... cùng tâm bày sự việc. Sắc phê rằng: Hôm qua phô bày lời sâu xa, mở rộng tạng bí mật, ngày bắt đầu dịch mộng thấy điềm lành cam lộ, sáng sớm bắt đầu giảng cảm được đất rung chuyển mà nêu điều lạ. Nay chính là Như lai giảng tích hợp với văn chín hội. Trăm đâu dám coi thường sáu thứ rung chuyển, mở xem tấu văn, vui mừng vô cùng.

14. Trong niên hiệu Thánh Lịch: Tam tạng Thật-xoa-nan-đa người nước Vu-điền: Trú tại chùa Phật Thọ Ký phiên dịch kinh Hoa Nghiêm bảo Tạng Công rằng: Nước tôi có Sa-di tên là Di-già-bạt, giữ mười giới, tuy chưa thọ Cụ túc giới mà thân ý thanh tịnh chuyên tụng Hoa Nghiêm. Một hôm có hai Sứ giả đến đánh lễ hình dạng rất đẹp đẽ cao lớn, thân có ánh sáng. Di-già-bạt lấy làm lạ hỏi từ đâu đến. Sứ giả đáp: Đệ tử từ cõi trời Đạo-lợi, Đế-thích sai đến đây thỉnh Sư tụng kinh Hoa Nghiêm, xin đi ngay cho. Già hỏi: Chẳng hay vì

1 sao Thiên-đế mời tụng kinh ấy. Sứ giả nói: Thiên-
2 đế đánh nhau với Tu-la, bị thua trận. Thiên-đế
3 dùng Thiên nhân xem khắp Diêm-phù, muốn cầu
4 niệm tụng che chở, tuy có bốn La-hán mà chưa nói
5 rõ việc này, chỉ thấy Pháp sư chuyên tinh Hoa
6 Nghiêm, tâm sống trong cảnh Phật, có thể làm
7 ruộng phước cho trời người, do đó mà đến mời. Sư
8 nói: Bản đạo có thể làm lợi ích há lại từ chối ư? Do
9 đó nhận lời thỉnh. Nhắm mắt chốc lát liền đến cõi
10 trời. Thiên đế vui mừng nói: Vì bị Tu-la quấy nhiễu
11 nên mời Sư đến, Sư thọ trì kinh Hoa Nghiêm được
12 các trời hộ trì, Thiện thần bảo vệ, xin thỉnh tụng
13 kinh để cầu thắng địch. Thiên đế liền cởi áo mão
14 đứng trên hư không, bỗng nhiên hóa ra Điện đường
15 do bảy báu làm thành, bốn cửa vào ra, dùng ma-ni
16 các báu để trang nghiêm, treo cờ phướn lọng báu
17 xen lẫn các hoa thơm để cúng dường, thỉnh Sư vào
18 điện ngồi tòa Hoa sen tụng kinh Hoa Nghiêm, tiếng
19 rất cao thấu các cung trời. Đế Thích liền thống lãnh
20 trời ba mươi ba bốn binh hộ vệ, vạn chúng vây
21 quanh. Ngồi trong đài báu bay trên hư không mà
22 đi đến chỗ đánh nhau, quân chúng Tu-la thấy oai
23 linh này đều rút lui, đồng bọn trốn trong các lỗ. Đế
24 Thích liền thỉnh Sư về Thiên cung bày bảy báu quý
25 lạ mà cúng dường. Đế Thích lại bạch sư rằng: Nếu
26 có thuốc sống lâu thì cũng phải dâng lên thỉnh sư
27 ở lại cõi trời xin chớ từ chối. Sư nói: Cắt ái xuất
28 gia là để cầu đạo Vô thượng, các châu báu ở thế

gian và việc sống lâu không phải là chí nguyện của
 tôi. Do đó Thiên đế năm vóc gieo sát đất, đánh lễ
 thừa rằng: Nguyện khi Sư thành đạo Bồ-đề thì độ
 thoát cho chúng tôi. Bèn sai Sứ giả đưa Sư về
 Diêm-phù. Áo quần Sư đều dính hương trời trọn
 đời không mất. Sau cùng nguyện sinh về Tịnh độ.
 Tam tạng Thật-xoa biết rõ Sa-di này.

15. Trong niên hiệu Thánh Lịch: Tam tạng
 Thật-xoa-nan-đà nước Vu-diền bảo rằng: Trong
 nước Quy-tư chỉ tu tập Tiểu thừa, chẳng biết
 Thích-ca hóa thân trăm ức, hiện đủ loại thân hiện
 bày cảnh giới mới. Có người chẳng tin Đại kinh
 Hoa Nghiêm, có vị Tăng Ân Độ từ Thiên-trúc đem
 kinh Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm đến nước Trung
 quốc, các vị Sư Tiểu thừa đều không tin nhận. Vị
 Tăng bèn để kinh lại mà về. Các Sư Tiểu thừa bèn
 đem bỏ vào giếng, thì kinh phát ra ánh sáng rực rỡ
 như đồng lửa. Ban đêm các sư thấy nghi là vàng
 báu, sáng đến liền nhóm họp bàn nhau sai người
 lặn lấy lên thì chính là bộ kinh Hoa Nghiêm ấy.
 Các Sư rất kinh lạ bèn đặt kinh ấy vào khám trong
 kho. Một hôm, bỗng thấy bản tiếng Phạm trên cao
 ở trong kho. Các sư nghĩ rằng: Đây không phải là
 Phật Thích-ca ta nói, ta thấy hơi lạ, mới thâu kinh
 để vào kho, người nào đem kinh này để lên trên.
 Lại đem bản tiếng Phạm để dưới khám, chúng
 Tăng khóa cửa, tự tay bóp khóa. Nhưng sáng hôm

1 sau mở kho thì lại thấy bản kinh Hoa Nghiêm ở
2 trên. Các sư mới biết Nhất Thừa Đại Giáo oai linh
3 như thế, bèn hô thệ tự hồi lỗi trước mà dân sinh
4 kính tin.

5
6 **16- Trong niên hiệu Chứng Thánh:** Đặng
7 Nguyên Anh (cũng gọi là Nguyên Sảng) ở Hoa Âm
8 có một bạn thân, bỗng bị bệnh chết bảy ngày thì
9 sống lại, bảo Nguyên Sảng rằng: Thấy quan ở
10 Diêm vương đến bắt cha ông, văn luận tội sắp
11 thành, phải gấp tu công đức để cầu hết nạn.
12 Nguyên Anh sợ hãi hỏi: Tu công đức gì mà mau
13 được khỏi. Người ấy bảo: Gấp viết một bộ kinh
14 Hoa Nghiêm, nếu chậm thì sẽ chết. Nguyên Anh
15 bèn ra chợ mua lụa rồi đến ngôi chùa gần của Thiên
16 sư Phục thỉnh Thiên sư và mời người viết kinh
17 đúng pháp Hộ Tịnh cùng lúc viết chép. Chưa đầy
18 một tuần thì kinh đã viết xong, bèn thiết trai ăn
19 mừng. Sau đó thì được khỏi ách nạn. Nguyên Anh
20 vẫn còn tang mẹ, lòng dạ rất xót xa, đến tháng
21 mười một mùa Đông ở phần mộ của mẹ các cảnh
22 hoa đã lạnh khô bỗng mọc hoa lá đẹp dễ thơm
23 phức, nhụy hoa năm màu. Đây là do viết kinh mà
24 cảm được. Châu huyện tâu lên vua thì Tắc Thiên
25 khen kỳ lạ, bèn ban cho lập Hiếu môn, giáng sắc
26 khen thưởng.

17. Niên hiệu Như Ý năm thứ nhất: Ở Hàng Châu có hai cô gái nhỏ đều có tánh hiểu biết đoạn chánh, nương Sư cô tụng kinh Hoa Nghiêm được hơn ba mươi quyển. Sư cô giới hạnh tinh khổ thường tụng Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp, muốn dạy hai cô bèn khiến cạo tóc. Không bao lâu sư cô ngồi thẳng mà tịch, hai cô gái mỗi sáng đến mộ gào khóc. Ba năm sau thì trên mộ mọc lên đóa hoa sen đỏ. Hai cô gái thấy cảm hoa lạ thì càng gào khóc. Bỗng thấy một vị Tăng Ấn độ thần nghi rất cao lớn đến hỏi cô gái rằng: Vì sao các con gào khóc như thế? Hai cô gái đáp: Ở chỗ Hòa-thượng tụng tập Hoa Nghiêm chí cầu xuất gia không mong vô cảm Sư cô sớm mất. Vị Tăng nói: Các con đã khăn cầu cạo tóc, vì sao lo chẳng kết quả. Vị Tăng bèn lấy ra từ trong bụng một tượng gốm vuông cao khoảng sáu, bảy tấc trao cho hai cô gái bảo rằng: Con hãy đem tượng này về nhà cúng dường, chẳng bao lâu thì được xuất gia. Cô gái được tượng bèn lễ tạ vị Tăng. Phút chốc bỗng biến mất. Cô gái đem tượng về nhà đúng pháp cúng dường, siêng năng kính tín, nhất tâm không biếng lười. Tượng vuông ấy mỗi ngày cao thêm một tấc, trong mười ngày chẳng ngày nào không cao thêm, sau cao hơn một trượng. Châu huyện biết được, đem hoa cúng dường và tâu lên vua. Tắc Thiên lấy làm lạ, ban chiếu mời hai cô gái cùng đem rễ thân hoa vào cung. Bèn đào mộ lấy hoa thì thấy hoa từ quan tài mọc lên. Phá quan

tài lấy rễ, thì rễ mọc từ lưỡi của Sư cô, màu sắc tươi đẹp, huyện châu đồng thấy. Hai cô gái vào cung, Tắc Thiên tự tay cầm dao xuống tóc, ban cho ba y và bình bát, phân cho trú tại chùa Thiên Nữ. Do đây bèn ban sắc các chùa trong nước mỗi chùa độ hai vị Tăng Ni.

18- Trong niên hiệu Đại Túc: Ở Đại Vân thuộc Dương Châu có vị Tăng là Hoàng Bảo: Nghi mạo đẹp đẽ tụng kinh rất giỏi, thường khinh chê người. Bỗng nhiên một hôm ở mí tóc trên chân mày mọc ra một cái bướu lớn bằng trái đào, khoảng một tuần thì dài ba tấc. Vị Tăng ấy hổ thẹn chẳng ra khỏi phòng. Ở trong chùa trị bệnh mà ngày càng nặng hơn. Nhân tự suy nghĩ bệnh này có hai nguyên nhân: Một là nghiệp cảm quá khứ, hai là do khinh mạn Hiền Thánh. Bèn phát nguyện ở trong phòng tụng đọc kinh Hoa Nghiêm một trăm biến, ngày đêm hương hoa tinh tấn, tha thiết lễ sám, tụng kinh đến sáu mươi biến. Một đêm bỗng mộng thấy có người đến bảo rằng: Ông muốn hết bệnh, ta cho ông thuốc, bèn tay cầm dao cắt ngang cái bướu. Kinh sợ bèn thức dậy. Đến sáng thì kể lại với chư Tăng. Do đó trên bướu sinh nhọt, nhọt bèn vỡ chảy mủ, một tháng sau thì bệnh lành không có dấu vết. Tăng Quân ở Dương Châu đến đất Lạc nói việc này với Hoa Nghiêm Tạng Công.

19. Pháp sư Đại đức Tuệ Chiêu: Trú tại chùa Sùng Phước ở Tây Kinh, có chỗ gọi là Tuệ Hựu, là đồng học với Hoa Nghiêm Tạng Công. Học hạnh tinh khổ, từ nhỏ thờ Hòa-thượng Nghiêm làm thầy, chuyên nghiệp Hoa Nghiêm. Riêng tụng một phẩm Tánh Khởi ba quyển. Kinh mới gọi là Như lai Xuất Hiện Phẩm, coi là nghiệp thường. Vị Tăng ấy rất ưa tịnh, khi chưa ở chùa Sùng Phước đã từng tu thiền trong núi từ lâu, những đêm thanh tịnh thường rửa mặt súc miệng đốt hương ngồi trên giường dây mà tụng phẩm ấy. Bỗng một đêm khi đang tụng kinh thì có hơn mười vị Bồ-tát từ đất vọt lên ngồi trên đài hoa sen, thân tướng màu vàng chiếu sáng rực rỡ, chấp tay quì mà nghe kinh. Tụng kinh vừa xong thì biến mất. Tuệ Chiêu lén đến chỗ Tạng Công nói rõ linh cảm này. Tạng Công bèn kể lại cho đệ tử của mình là Tuệ Lượng, Tuệ Vân, Huyền Quán, Như Tông, v.v... nghe

20. Trong niên hiệu Vĩnh Huy: Ở Định Châu có Thiền sư tên là Tu Đức, học trò đông đến số vạn, là lãnh tụ về thiền, chuyên tu nghiệp Hoa Nghiêm, muốn viết chép kinh này kính làm tông. Trước dùng nước trầm hương mà trồng các cây, cây lớn thì lấy vỏ làm giấy để viết kinh. Kẻ viết kinh, người làm bút, người làm giấy, khi đại tiểu tiện rồi đều phải tắm gội hộ tịnh. Hết xong một quyển thì cho mười xấp lụa tốt giặt nhuộm đầy đủ. Thiết trai mà mừng dùng hộp thơm đựng đầy, dốc lòng lễ bái.

Nhằm ngày trai thì đạo tục đến rất đông. Khi mở
hộp kinh thì ánh sáng vàng chiếu xa thấu đến cả
trăm dặm. Cả năm mươi châu ở Sơn Đông đều đến
lễ kinh, ngoại đạo-thế tục đều nghe biết. Lúc đó có
hoạn quan là Lưu Khiêm Chi và Vương Tử thứ ba
của Bắc Tề cũng theo.

21. Trong niên hiệu Thái Hòa đời Tề: Có
Vương Tử thiêu thân để cúng dường Bồ-tát Văn-
thù, Khiêm Chi thấy mình tàn khuyết bèn phát tâm
ở núi Ngũ Đài chuyên tu nghiệp Hoa Nghiêm,
ngày đêm thọ trì, sáu thời lễ sám trải qua nhiều năm
khẩn thiết không biếng lười, nên cảm được Văn-
thù che chở. Bỗng nhiên râu tóc mọc lại, căn thể
đầy đủ, tiếng nói rõ ràng ít người sánh kịp. Đã trở
lại thân hình-râu tóc như đàn ông, chỉ khẩn thiết
tìm hiểu ý kinh mà viết thành luận Hoa Nghiêm
được sáu trăm quyển.

22- U Trinh : Tôi thâm nghe trong núi nước
Tây Tát-giá-câu-bàn có đầy đủ bản Hạ, mười vạn
bài kệ kinh Bát Tư Nghị Giải Thoát Đại Phương
Quảng Phật Hoa Nghiêm, chỉ nguyện kinh này
sớm được đầy đủ truyền dịch ở cõi này mà lợi ích
khắp cho tất cả hữu tình. U Trinh từ trong niên hiệu
Kiến Trung đời Đường vào năm Quý Hợi kính phát
nguyện này, lấy đây làm văn quy mạng, để lễ trong

1 các thời lễ Phật và mười hai bộ kinh, khi chẳng lễ
2 Phật thì trì niệm văn quy mạng này. Kinh Hoa
3 Nghiêm có sát hải vi trần số kệ phẩm, không thể
4 nói hết lá bói viết truyền được đều là do năng lực
5 Đà-la-ni của các Đại Bồ-tát. Tỳ-kheo Hải Vân thọ
6 trì kinh đã dùng lượng mực nhiều như biển lớn,
7 lượng bút nhiều như núi Tu-di để viết chép còn
8 chẳng thể hết một phần nhỏ của một phẩm. Tổ sư
9 Long Thọ ở cung rồng thấy văn tự kết tập truyền
10 kinh này có ba bản Thượng-Trung-Hạ. Bản thượng
11 thì có số kệ nhiều bằng số bụi của mười Tam thiên
12 đại thiên thế giới, một Tứ thiên hạ. Bản Trung thì
13 có bốn mươi chín vạn tám trăm tám mươi bài kệ
14 và một ngàn hai trăm phẩm. Bản Hạ thì có mười
15 vạn bài kệ và bốn mươi tám phẩm. Hai bản thượng-
16 trung thì sức người Diêm-phù không có thể thọ trì.
17 Do đó ở Tây Vực chỉ có kinh bản Hạ gồm mười
18 vạn bài kệ, nay ở trong núi nước ấy. Ở cõi này chỉ
19 dịch tám mươi quyển kinh. Phạm kệ chỉ có bốn vạn
20 năm ngàn là lược lấy ra trong mười vạn bài kệ. U
21 Trinh cho kinh cõi này chưa đủ nên rộng phát
22 nguyện ấy phụ nêu truyện này. Bởi muốn khuyên
23 các người đạo khi thấy kinh này thì đồng lễ niệm
24 cầu thỉnh cho kinh bản Hạ được đầy đủ sớm truyền
25 đến cõi này. Tăng trong truyện đã dạy thí chủ là
26 Thần Lượng tụng kệ là bản kinh đã dịch trước kia
27 sau dịch kệ rằng:

28 *Nếu người muốn hiểu rõ,*

*Tất cả Phật ba đời,
Phải quán tánh pháp giới,
Tất cả chỉ tâm tạo.*

23- Trong niên hiệu Thượng Nguyên: Tôn Tư Mạc uống Lưu Châu Đơn và Vân Mẫu Phấn thì sống một trăm năm mươi, tuổi nhan sắc như trẻ nhỏ, đến Trường An nói việc trong khoảng Tề Ngụy rõ như trước mắt, viết chép kinh này bảy trăm năm mươi bộ.

24- Vua Thái Tông muốn đọc kinh Phật: Bèn hỏi Mạc: Kinh nào là lớn? Mạc nói kinh Hoa Nghiêm được Phật tôn trọng là lớn. Vua nói: Gần đây Tam tạng Huyền Trang dịch Đại Bát-nhã được sáu trăm quyển thì sao không cho là lớn, mà Hoa Nghiêm tám mươi quyển kia lại cho là lớn. Mạc đáp: Pháp giới Hoa Nghiêm đủ tất cả, từ trong một môn có thể giảng nói ra Đại thiên kinh quyển kinh Bát-nhã chỉ là một môn trong Hoa Nghiêm mà thôi. Vua Thái Tông mới ngộ, bèn thọ trì Hoa Nghiêm Nhất Thừa Bí Giáo, cũng gọi là kinh Đại Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, công dụng rất lớn, cảm ứng cũng lớn. Người đạo muốn học tâm tuệ Phật, hiểu rõ cảnh giới Phật, chứng địa vị Phật dựa vào thừa pháp tánh này mà tu hành, không trải qua địa vị, khi mới phát tâm liền thành chánh giác, đều giống như các đức Như lai trong ba đời. Ví như

1 một giọt nước ở các sông vừa mới vào biển thì liền
2 gọi là nước biển. Nếu y theo Đại thừa thì Nhị thừa
3 quyền giáo tu đầy đủ vạn hạnh liên tục trải qua
4 nhiều kiếp thì chẳng bằng nghe kinh ấy cho đến
5 dùng chút ít phương tiện mà mau chóng được Bồ-
6 đề. Kinh nói: Kinh này chẳng nên vào tay tất cả
7 chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát Ma-ha-tát, tất cả Thanh
8 văn, Duyên giác đều chẳng được kinh, huống chi
9 là thọ trì. Như Bồ-tát trong ức na-do-tha kiếp, thực
10 hành sáu Ba-la-mật còn chẳng nghe kinh này, hoặc
11 tuy nghe kinh này mà chẳng tin, thì đó còn là Bồ-
12 tát giả danh. Nếu đất có quyền kinh mà xem như
13 tháp miếu Như lai, lễ bái cúng dường thì chúng
14 sinh đó đầy đủ căn thiện, dứt hết hoạn nạn phiền
15 não, được vui Hiền thánh. Hạng chúng ta phải cố
16 gắng. Thầy tôi thờ Thiên Tổ Vô Danh Công Tắc,
17 nghe Phổ Hiền Đại Hạnh Hải Ấn Thâm Định Pháp
18 Giới Thệ tánh, mới biết Hoa Nghiêm là Cực Tông
19 của Đức Thích-ca. Do đó mà phán tu truyện này
20 rộng bày những điều chưa nghe.



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10
11

12 LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ
13 SỐ 2075
14
15
16
17
18
19
20
21
22

23 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
24 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN
25

1 **SỐ 2075**

2 **LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ**

3 (Cũng gọi là Truyện về đạo mạch thầy trò, cũng
4 gọi là Truyện xác định phải quấy dẹp tà hiển chánh
5 phá hoại tất cả tâm, cũng gọi là Pháp môn tối
6 thượng thừa đôn ngộ)

7 Căn cứ các kinh truyện như: Kinh Bản Hạnh,
8 kinh Tập A-hàm, kinh Phổ Diệu, kinh Ứng Thụ,
9 kinh Văn-thù-sư-lợi Niết-bàn, kinh Thanh Tịnh
10 Pháp Hạnh, kinh Vô Cấu Quang Chuyển Nữ Thân,
11 kinh Quyết Định Tỳ-ni, kinh Đại Phật Đảnh, kinh
12 Kim Cang Tam-muội, kinh Pháp Cú, kinh Phật
13 Tạng, kinh Anh Lạc, kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại
14 Bát-nhã, kinh Thiền Môn, kinh Niết-bàn, kinh
15 Lăng-già, kinh Tư Ích, kinh Pháp Hoa, kinh Duy
16 Ma, kinh Dược Sư, kinh Kim Cang Bát-nhã, kinh
17 Phó Pháp Tạng, kinh Tây Thắng của Đạo giáo,
18 Truyện Sa-môn Thích Pháp Lâm, Thích Hư Thật
19 Ký, Khai Nguyên Thích Giáo, Chu Thư Dị Ký,
20 Hán Pháp nội truyện, Doãn Hỷ nội truyện, Mâu
21 Tử, Liệt Tử, Phù Tử, Ngô Thư, và các văn lục xưa
22 cổ, cho đến Dương Lăng-già, Nghiệp Đô cổ sự,
23 v.v... thì được biết niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba

(60) thời Hậu Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) ban đêm mộng thấy có người thân màu vàng ròng cao một trượng sáu thước sáu, cổ có vàng ánh sáng tròn bay đi trên sân điện, đến sáng sớm, vua hỏi các triều thần: Đó là điềm gì? Thái sử Phó Nghị tâu trình rằng: Ở phương Tây có bậc Đại thánh gọi là Phật. đó là tượng Phật ấy. Vua Minh Đế hỏi: Vì sao ông biết như vậy? Thái sử Phó Nghị đáp: Trong bộ Chu Thư Dịch Ký nói: Năm Giáp Dần dưới thời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976, trước Tây lịch) thời Tây Chu, là năm Phật đản sanh. Đến năm Nhâm Thân dưới thời vua Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước Tây lịch) thời Tây Chu, là năm Đức Phật diệt độ. Sau một ngàn năm, giáo pháp mới truyền bá đến đất Hán (Trung Hoa) tức là thời nay. Vua Minh Đế bèn sai Lang Trung Thái Âm, Bác sĩ Tần Cảnh, v.v... đi sứ đến xứ Thiên-trúc thỉnh cầu được tôn tượng Phật, hình tượng Bồ-tát, kinh Tứ Thập Nhị Chương, và thỉnh được hai vị Pháp sư là Tôn giả Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan, vua Minh Đế thỉnh lên điện, cúng dường thành Lạc Dương xưa cũ ở phía Tây để xây chùa Bạch Mã.

Đến ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc, núi Hoắc, núi Bạch Lộc như chư thiện Tín, phú Trai tài v.v... tất cả gồm sáu trăm chín mươi người đồng dâng biểu văn tâu trình rằng: Thần nghe Thái thượng vô hình, hư vô tự

1 nhiên, từ thời thượng cổ đồng tôn kính, trăm đời
2 vua chẳng đổi thay. Vậy mà nay bệ hạ bỏ gốc theo
3 ngọn, tìm cầu giáo điển của Tây Vực, hóa độ gọi
4 là Hồ thần. Cái gọi là chẳng thêm, các thần v.v... ở
5 xứ Hoa hạ (Trung Hoa) này phần nhiều có được
6 thông minh, rộng hiểu lược qua các kinh điển. Xin
7 bệ hạ cho phép các thần v.v... được so sánh với họ,
8 nếu có chỗ hơn thì xin dẹp trừ dối trá, còn nếu
9 chẳng bằng, thì mặc tình theo sự trọng quyết. Vua
10 Minh Đế bảo: Chuẩn y, ban sắc cho hữu ty, sắp bày
11 các vật cúng, và các hàng văn võ từ Ngũ phẩm trở
12 lên, các quan liêu trong ngoài, đến rạng sáng ngày
13 rằm đồng nhóm họp tại chùa Bạch Mã. Các đạo sĩ
14 ở ngoài cửa chùa xếp đặt ba đàn, mở hai mươi bốn
15 cửa. Vua đến ngoài phía Nam cửa chùa, thiết đặt
16 xá-lợi và kinh tượng Phật, xếp bày hành điện bảy
17 báu. Chử Thiện Tín Phí Trai Tài v.v... dùng đạo
18 kinh, tử thư, phù thuật v.v..., đặt trên đàn, dùng lửa
19 để thử nghiệm. Buồn khóc rơi lệ chú nguyện rằng:
20 Hồ thần nhiều loạn Hoa hạ chúng ta, nguyện xin
21 Thái thượng thiên tôn, hiểu cho chúng sanh được
22 phân biệt rõ ràng chân ngụy. Đạo kinh, tử thư, phù
23 thuật v.v... bị lửa đốt cháy thành tro tàn. Các đạo sĩ
24 kinh ngạc, người trước kia từng bay lên trời nay
25 bay lên trời không được, người trước kia từng ẩn
26 thân nay ẩn thân không được, người trước có khả
27 năng nhảy vào lửa xuống nước nay chẳng dám vào,
28 người trước kia thọ trì cấm chú, nay gọi chẳng thể

1 ứng. Các thứ công năng đều không có một ứng
 2 nghiệm. Chử Thiện Tín, Phí Trai Tài v.v... tự cảm
 3 mà chết. Khi ấy, xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm
 4 màu xoay tròn như lông che khắp cả đại chúng, ánh
 5 sáng che khuất cả vầng mặt trời. Pháp sư Ca-diếp-
 6 ma-đăng nằm ngòì giữa hư không, thần hóa tự tại,
 7 trời mưa hoa báu và tấu nhạc trời, Pháp sư Trúc
 8 Pháp Lan dùng Phạm âm khen ngợi, Pháp sư Ca-
 9 diếp-ma-đăng nói bài tụng rằng:

*Chôn chẳng phải sư tử
 Đền chẳng sáng trời trăng
 Ao không nập biển lớn
 Gò chẳng tốt núi cao.*

14 Vua Minh Đế rất thỏa lòng, cho phép các hàng
 15 Ngũ phẩm trở lên các công hầu trai gái và cả Âm
 16 phu nhân v.v..., xuất gia, có sáu trăm đạo sĩ đều
 17 nương theo Phật xuất gia. Pháp sư Trúc-Pháp-lan
 18 tụng Kinh Công Đức Xuất Gia và Kinh Phật Bản
 19 Sanh, v.v... vua Minh Đế rất vui mừng, cả nước
 20 đều quy y theo Phật giáo.

21 Vua Minh Đế hỏi hai Pháp sư rằng: Phật xưng
 22 hiệu là Pháp Vương vì sao không sanh ở nước
 23 Hán? Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng đáp: Thành Ca-tỳ-
 24 la-vệ là trung tâm của trăm ức nhật nguyệt, là chủ
 25 của Tam thiên Đại thiên thế giới, tất cả các rồng
 26 thần có phước đều sanh tại nước ấy, do đó, Phật
 27 sanh ở nước xứ Thiên-trúc. Vua Minh Đế lại hỏi:
 28 Chủng tộc của Phật là ai? sanh ở thời gian nào và

1 diệt ở thời gian nào? Pháp sư Ca-diếp-ma-đăng
2 đáp: Phật là con của vua Tịnh Phạn, là cháu ngàn
3 đời của vua Kim luân vốn dòng họ Cù-đàm cũng
4 gọi là Thích Chủng. Ngày 15 tháng 07 năm Quý
5 Sửu, từ cung trời Đâu-suất giáng sanh gá thai phu
6 nhân Ma-da, đến ngày mùng 08 tháng 04 năm Giáp
7 Dần, ở trong vườn Tỳ-ni, từ hông bên phải của phu
8 nhân Ma-da mà đản sanh. Lại có năm trăm vị trong
9 dòng họ Thích, năm trăm ngựa bạch Kiền trác và
10 Xa-nặc v.v... cùng Phật đồng thời sanh trong ngày
11 mùng 08 tháng 04 đó. Đến ngày 08 tháng 02 năm
12 Nhâm Thân, vượt thành xuất gia. Đến ngày 15
13 tháng 02 năm Quý Mùi, nhập Niết-bàn. Phật tuy
14 chẳng sanh ở đất Hán, nhưng một ngàn năm sau
15 hoặc năm trăm năm sau, có duyên với các chúng
16 sanh, trước sai các Thánh đệ tử đến đó giáo hóa.
17 Theo Kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: Phía Đông
18 bắc nước Thiên-trúc có nước Chân Đan (Chấn Đan
19 - Trung Hoa), nhân dân phần nhiều chẳng kính tin,
20 kẻ tạo tội rất nhiều. Chúng tôi trước nay đã sai ba
21 vị Thánh đệ tử đều là Bồ-tát đến đó thị hiên hành
22 hóa. Ma-ha Ca-diếp ở đó gọi là Lão tử, Đồng tử
23 Quang Tịnh ở đó gọi là Trọng Ni, Nhu Đồng Minh
24 Nguyệt ở đó gọi là Nhan Hối, giảng luận Ngũ kinh
25 thi, thư, lễ, nhạc, oai nghi phép tắc để dần dần
26 dắt giáo hóa, sau đó kinh Phật sẽ truyền đến.

27 Theo Mâu Tử nói: Xưa kia, vua Hiếu Minh Đế
28 (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, ban đêm mộng

1 thấy vị thần, thân có ánh sáng như mặt trời bay đến
2 trước sân điện, trong ý vui mừng, tâm rất khoan
3 khoái, đến sáng ngày vua truyền hỏi các quan: Đó
4 là ai? Có Thông sự Xá nhân Phó Nghị tâu rằng:
5 Thần nghe ở Thiên-trúc có bậc đạo đức, được gọi
6 là Phật, nhẹ nâng bay vọt, thân có ánh sáng như
7 vàng nhật, rất mực là thần. Khi ấy, vua bèn tổ ngộ,
8 liền sai sứ là Trương Khiên, Vũ Lâm Lang Trung,
9 Tần Tiến sĩ, con em trong Vương tôn v.v... tất cả
10 mười hai vị đến nước Đại Nguyệt Chi biên chép
11 lấy Kinh Tứ Thập Nhị Chương của Phật đưa về tại
12 thạch thất Lan đài thứ mười bốn, và tức thời đến
13 phía Tây thành Lạc Dương đóng bít cửa, bên ngoài
14 xây dựng chùa Phật, ở vách tường đó đắp họa ngàn
15 vạn quân tướng của triều đình, nhiều quanh mười
16 ba vòng. Lại trên đài Thanh Lương ở Nam cung và
17 trên cửa Khai Dương, làm hình tượng Phật. Lúc
18 vua Minh Đế còn tại thế, biết tuổi thọ vô thường,
19 nên trước xây dựng thọ lăng, lăng đề là Hiến Tiết.
20 Cũng ở trên đó đồ họa hình tượng Phật. Lúc vua
21 chưa băng, nước nhà giàu có, dân chúng an ổn, các
22 xứ xa đều kính mến nghĩa, đồng đến nương tựa
23 đức, nguyện xin làm thân thiếp. Có cả hàng ức, nên
24 được thụy hiệu là Minh. Từ đó về sau, chung quanh
25 kinh thành cho đến các châu huyện, mỗi nơi đều có
26 chùa Phật, người học nhờ đó mà được đơm
27 nuần.

28 Theo Tấn Thư nói: Vua Hoàn Đế đời Tấn muốn

trừ bỏ Phật pháp, vờ gọi Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn đến, vua hỏi: Từ trước đến nay, Trẫm thấy Tăng Ni giới hạnh chẳng thuần, phần nhiều hủy phạm, trẫm muốn trừ bỏ mà tuyển chọn, hiện nay có được chẳng? Viễn Công đáp: Côn sơn sản sanh ra ngọc, bên trên lẫn tạp với cát bụi, Lệ Thủy Bệ hạ chỉ được kính pháp trọng người, không được khinh người mạn pháp. Vua bèn đại xá.

Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương hội cả ba tôn giáo mà nói rằng: Thuở nhỏ học Chu Lễ, đến tuổi hai mươi nghiên cứu sáu kinh, vào tuổi trung niên đọc Đạo thư, có danh và không danh, lúc tuổi về già mở quyển kinh Phật, như mặt trời ánh ngời hóa muôn sao.

Theo Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả Chư Phật lìa vị hoặc làm Bồ-tát, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm vua Chuyển luân, hoặc làm Phạm vương, hoặc làm Quốc Vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Thế nữ trăm quan, hoặc làm quỷ thần có sức mạnh, hoặc làm thần núi, thần ngày, thần đêm, thần lửa, thần nước, thần tất cả mầm móng, thần cày và các ngoại đạo, làm các thứ phương tiện để giúp đỡ Đức Thích-ca Như lai của chúng ta cảm hóa dẫn dắt chúng sanh.

Theo phẩm Đà-la-ni trong kinh Đại Bát-nhã nói: Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, ở phương

1 nào sẽ hưng thịnh? Phật bảo: Xá-lợi-phất! Kinh
 2 điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi
 3 ta nhập Niết-bàn, từ phương Bắc đến phương Đông
 4 bắc dần dần hưng thịnh. Phương đó phần nhiều có
 5 Bí-sô, Bí-sô-ni (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni) an trú Đại
 6 thừa. Các Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca (cận sự nam,
 7 cận sự nữ) y xứ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như
 8 vậy, phần nhiều tin ưa sâu sắc. Phật bảo Xá-lợi-
 9 phất rằng: Sau khi Ta nhập Niết-bàn, thời sau,
 10 phần sau, năm trăm năm sau, với pháp Bát-nhã ba-
 11 la-mật-đa sâu xa như vậy ở phương Đông bắc làm
 12 Phật sự lớn.

13 Theo Kinh Phó Pháp Tạng nói: Sau khi Đức
 14 Như lai diệt độ, pháp nhãn phó chúc cho Ma-ha
 15 Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp phó chúc cho A-nan, A-
 16 nan phó chúc cho Mạt-điên-địa, Mạt-điên-địa phó
 17 chúc cho Thương-na-hòa-tu, Thương-na-hòa-tu
 18 phó chúc cho Ưu-ba-cúc-đa, Ưu-ba-cúc-đa phó
 19 chúc cho Đề-đa-ca, Đề-đa-ca phó chúc cho Di-già-
 20 ca, Di-già-ca phó chúc cho Phật-đà-nan-đề, Phật-
 21 đà-nan-đề phó chúc cho Phật-đà-mật-đa, Phật-đà-
 22 mật-đa phó chúc cho Tỳ-kheo Hiếp, Tỳ-kheo Hiếp
 23 phó chúc cho Phú-na-da-xà, Phú-na-da-xà phó
 24 chúc cho Mã Minh, Mã Minh phó chúc cho trưởng
 25 lão Tỳ-la, trưởng lão Tỳ-la phó chúc cho Long
 26 Thọ, Long Thọ phó chúc cho Ca-na-đề-bà, Ca-na-
 27 đề-bà phó chúc cho La-hầu-la, La-hầu-la phó chúc
 28 cho Tăng-ca-na-đề, Tăng-ca-na-đề phó chúc cho

1 Tăng-ca-da-xá, Tăng-ca-da-xá phó chúc cho Cưu-
2 ma-la-đà, Cưu-ma-la-đà phó chúc cho Xà-dạ-đà,
3 Xà-dạ-đà phó chúc cho Bà-tu-bàn-đà, Bà-tu-bàn-
4 đà phó chúc cho Ma-noa-la, Ma-noa-la phó chúc
5 cho Hạc-lặc-na, Hạc-lặc-na phó chúc cho Tỳ-kheo
6 Sư Tử, Tỳ-kheo Sư Tử phó chúc cho Xá-na-bà-tư.
7 Xong rồi từ nước xứ Trung Thiên-trúc đi đến nước
8 Kế-tân, vua nước đó tên là Di-đa-la-quật không
9 kính tin Phật pháp, phá hủy chùa tháp, giết hại
10 chúng sanh, kính thờ ngoại đạo Mạt-mạn-ni và Di-
11 sư-ha v.v.... Bấy giờ Tỳ-kheo Sư Tử cố đến giáo
12 hóa nước đó. Vua đó vô đạo, tự tay cầm kiếm sắc
13 bén, miệng bảo: Nếu là bậc Thánh, thì tất cả các sư
14 v.v... phải răn hình. Khi ấy Tỳ-kheo Sư Tử thị hiện
15 thân hình tuôn trào sữa trắng, còn Mạt-mạn-ni, Di-
16 sư-ha, v.v... bị tử hình như người phạm máu đổ đầy
17 đất, vua đó bèn phát tâm quy hướng về Phật, liền
18 vâng mạng theo đệ tử của Tỳ-kheo Sư Tử, Tỳ-kheo
19 Sư Tử trước kia đã phó chúc cho Xá-na-bà-tư và
20 đã vào nước xứ Nam Thiên-trúc rộng hành giáo
21 hóa, độ thoát chúng sanh. Vua liền đuổi tìm đệ tử
22 của ngoại đạo Mạt-mạn-ni và đệ tử của Di-sư-ha
23 được rồi đưa đến trước sân triều dựng giá treo đầu,
24 mọi người cả nước đồng bắn. Vua nước Kế-tân ra
25 lệnh khiến các nước nếu có pháp (ngoại đạo) ấy thì
26 đuổi ra khỏi nước. Nhờ vào Tỳ-kheo Sư Tử mà
27 Phật pháp hưng thịnh lại. Xá-na-bà-tư lại phó chúc
28 cho Ưu-ba-quật, Ưu-ba-quật phó chúc cho Tu Bà-

mật-đa, Tu Bà-mật-đa phó chúc cho Tăng-ca-la-xoa, Tăng-ca-la-xoa phó chúc cho Bồ-đề-đạt-ma-đa-la. Tại các nước ở Tây Vực có hai mươi chín đời, trừ Đạt-ma-đa-la tức là còn hai mươi tám đời.

Có Sa-môn Tịnh Giác Sư ở Đông Đô là đệ tử của Thiền sư Thần Tú ở Ngọc tuyến, soạn bộ Lăng-già Sư Tư Huyết Mạch Ký một quyển, vọng dẫn Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đa thời nhà Tống là Tổ thứ nhất, không biết căn do hoặc loạn người học sau rằng: Thầy của Bồ-đề-đạt-ma là Cầu-na-bạt-đa. Tự cho rằng Tam tạng dịch kinh là người học tiểu thừa chẳng phải là Thiền sư. Phiên dịch ra kinh Lăng-già bốn quyển chẳng phải mở nhận kinh Lăng-già cùng Tổ sư Đạt-ma. Tổ sư Đạt-ma từ trước sau hai mươi tám đời trước sau truyền nhau tiếp đến Tăng-ca-la-xoa. Về sau, Đại sư Tuệ Khả thân gần đến chùa Thiếu Lâm ở núi Tung cao hỏi Tổ sư Đạt-ma, tiếp nhận tương truyền từ trước, tự có văn lý rõ ràng. Sa-môn Tịnh Giác Sư vọng dẫn Cầu-na-bạt-đa xưng làm Tổ thứ nhất, rất hoặc loạn học pháp. Trong Kinh Pháp Hoa chép: Không cho phép gán gửi người học Tiểu thừa. Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đa dịch kinh Lăng-già bốn quyển, lấy tên là A-bạt-đa Bảo Lăng-già Kinh, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi ở đời Ngụy dịch ra mười quyển, lấy tên là Kinh nhập Lăng-già. Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đa ở đời Võ Tắc Thiên thời Tiền Đường dịch ra bảy quyển, lấy tên là Kinh

1 Nhập Lăng-già. Trên đây là các Tam tạng Pháp sư
2 dịch kinh, chẳng phải Thiền sư, đều truyền văn tự
3 giáo pháp. Tông đồ của Tổ sư Đạt-ma Thiền pháp
4 không đem một chữ giáo lại, lặng truyền tâm ấn.

5 Thiền sư Bồ-đề-đạt-ma-đa-la, Tổ thứ nhất ở đời
6 Lương, vốn là con thứ ba của vua nước xứ Nam
7 Thiên-trúc, xuất gia từ thuở nhỏ, sớm bảm thọ
8 dòng tộc của thầy, ngay lời nói ra liền tỏ ngộ, mở
9 mang hoằng hóa tại Nam Thiên-trúc, làm các Phật
10 sự lớn. Bấy giờ quán sát thấy chúng sanh ở đất Hán
11 có căn tánh với Đại thừa Thiền, mới sai đệ tử Phật-
12 đà-da-xá hai vị đến đất Tấn, giảng nói giáo pháp
13 Đốn ngộ. Các Đại đức ở đất Tấn chột nghe nên
14 phát sanh nghi ngờ đều không tin nhận. Bị xua
15 đuổi, Phật-đà-da-xá bèn đến chùa Đông Lâm ở Lô
16 sơn. Khi ấy có Pháp sư Tuệ Viễn hỏi: Đại đức đem
17 giáo điển gì đến mà bị xua đuổi như vậy? Khi ấy
18 hai Bà-la-môn duỗi xoe tay hỏi Pháp sư Tuệ Viễn
19 rằng: Tay làm nắm tay, nắm tay làm tay, có phải là
20 việc nhanh chóng chẳng? Pháp sư Tuệ Viễn đáp:
21 Rất nhanh. Hai Bà-la-môn nói: Đó chưa phải là
22 nhanh. Phiền não tức Bồ-đề, ấy mới là nhanh. Pháp
23 sư Tuệ Viễn mới thấu đạt sâu xa, biết Bồ-đề và
24 phiền não vốn chẳng khác. Bèn hỏi lại rằng: Pháp
25 ấy ở nước kia là từ ai học? Hai Bà-la-môn đáp:
26 Thầy ta là Đạt-ma-đa-la. Pháp sư Tuệ Viễn đã kính
27 tin sâu sắc, bèn phiên dịch ra bộ Thiền môn Kinh
28 một quyển, tỏ rõ đầy đủ Thiền pháp Đại thừa Tiểu

1 thừa. Những vị truyền pháp ở các nước xứ Tây Vực
 2 cũng dần nêu đầy đủ lời tựa Thiền Kinh trên. Hai
 3 Bà-la-môn dịch kinh xong, thị tịch cùng ngày, an
 4 táng tại Lô sơn, tháp miếu hiện nay vẫn còn. Đạt-
 5 ma-đa-la nghe hai đệ tử đến đất Hán hoảng hóa mà
 6 không người tin nhận, bèn đi theo đường biển mà
 7 đến. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam
 8 Lương đích thân ra ngoài thành đón rước, mời lên
 9 điện, hỏi rằng: Hòa-thượng từ nước kia đem pháp
 10 gì đến giáo hóa chúng sanh? Đại sư Đạt-ma đáp:
 11 Không đem một chữ giáo điển nào đến. Vua Võ Đế
 12 lại hỏi: Trẫm tạo lập chùa, độ người, biên chép
 13 kinh điển, đúc tôn tượng, có công đức gì không?
 14 Đại sư Đạt-ma đáp: Không có công đức gì. Đó đều
 15 là những việc lành hữu vi, chẳng phải công đức
 16 chân thật. Vua Võ Đế là kẻ phạm tình chẳng hiểu.
 17 Đại sư Đạt-ma bèn tạ từ ra khỏi nước, nhìn về
 18 hướng Bắc có khí Đại thừa, Đại sư Đạt-ma bèn đến
 19 đất Ngụy ở núi Tung cao, tiếp nhận dẫn dắt các
 20 hạng người suốt sáu năm, người học đến đông
 21 nhiều như mây giăng mưa nhóm, tợ lúa, mè, tre,
 22 lau, mà chỉ có Đại sư Tuệ Khả thấu đạt được phần
 23 tủy đó.

24 Bấy giờ, ở triều Ngụy, có Tam tạng Pháp sư
 25 Bồ-đề-lưu-chi, luật sư Quang Thống trộn chất độc
 26 trong thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma. Ăn xong,
 27 Đại sư Đạt-ma đòi lấy cái mâm và ói ra con rắn lớn
 28 đầy một thăng. Lại lần khác trộn chất độc trong

thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma, Đại sư Đạt-ma ăn xong đến ngồi trên tảng đá lớn, chất độc tiết ra vờ vụn tảng đá. Trước sau có đến sáu lần bị thuốc độc hại như vậy. Đại sư Đạt-ma bảo các đệ tử rằng: Ta đến đây vốn vì truyền pháp, nay đã bị người ám hại, ở lâu nơi đây đâu ích gì? Bèn truyền trao một pháp y ca-sa, lấy làm pháp tín, bảo Tuệ Khả rằng: Ta duyên độc này, ông cũng chẳng khỏi nạn này, đến đời thứ sáu, mạng người truyền pháp chỉ như tơ treo. Nói xong vì chất độc hại mà qua đời. Đại sư Đạt-ma thường tự nói: Ta sống thọ một trăm năm mươi tuổi. Nhưng thật ra không biết Sư bao nhiêu tuổi.

Đại sư Đạt-ma bảo: Ở (Trung Hoa) đời Đường này có ba người chứng đắc pháp ta. Một người được phần tủy của ta, một người được phần xương của ta và một người được phần thịt của ta. Người được phần tủy của ta chính là Tuệ Khả, người được phần xương của ta là Đạo Dục, người được phần thịt của ta là cô Ni Tổng Trì. Xong, an táng tại núi Hùng nhĩ ở Lạc châu. Khi ấy Ngụy triều quốc sứ Tống Vân đi từ Tây Vực về, gặp Đại sư Đạt-ma tại Thông Lãnh trên tay xách một chiếc giày, Tống Vân hỏi: Đại sư đi đâu? Đại sư Đạt-ma đáp: Ta trở về quê cũ, vua nước ông ngày nay đã băng. Tống Vân ghi nhớ điều đó lại hỏi: Sau khi Đại sư đi, Phật pháp phó chúc cho ai? Đại sư Đạt-ma đáp: Sau khi ta đi bốn mươi năm, có một vị tăng la-hán, đó là

1 Tuệ Khả. Tống Vân về triều đình, vua trước quả
 2 thật đã băng, vua mới lên ngôi. Tống Vân báo với
 3 các triều thần rằng: Đại sư Đạt-ma tay xách một
 4 chiếc giày đi về Tây Vực. Đại sư bảo: Vua nước
 5 ông ngày nay băng. Thật đúng như lời ấy. Các triều
 6 thần không tin, bèn khai quật phần mộ Đại sư, thì
 7 chỉ có một chiếc giày. Vua Võ Đế ở Nam Lương
 8 dựng văn bia, nói (Đại sư Đạt-ma) là đệ tử của Bát-
 9 nhã-mật-đa-la ở nước Tây Vực đến xứ Trung Hoa
 10 có ba người đệ tử, là Đạo Dục, cô Ni Tổng Trì v.v...
 11 chỉ có Tuệ Khả được tiếp thừa y bát đặc pháp.

12 Thiên sư Tuệ Khả, Tổ thứ hai ở đời Bắc Tề,
 13 vốn người dòng họ Cơ ở xứ Võ Lao. Bảy giờ đã
 14 bốn mươi tuổi, phụng thờ Đại sư Đạt-ma suốt sáu
 15 năm, mới đầu tên là Thần Quang. Lúc mới phụng
 16 thờ, đứng trước Đại sư Đạt-ma, đêm đó tuyết lớn
 17 phủ quá eo, mà vẫn không thay đổi tư thế. Đại sư
 18 Đạt-ma bảo: Người cầu pháp, chẳng tiếc thân
 19 mạng. Đại sư Tuệ Khả bèn chặt cánh tay tuôn trào
 20 sữa trắng. Đại sư Đạt-ma im lặng truyền trao tâm
 21 khế, giao phó pháp y ca-sa, và bảo: Ta duyên độc
 22 này, ông cũng chẳng khỏi. Hãy khéo tự gìn giữ.
 23 Đại sư Tuệ Khả hỏi: Hòa-thượng, pháp này tại bản
 24 quốc tiếp thừa từ trước hoàng truyền phó chúc, xin
 25 vì nói lại. Đây đủ như trong lời tựa Thiên Kinh trên
 26 nói. Lại hỏi: Ở nước Tây Vực, người nào tiếp thừa
 27 sau cũng y ca-sa làm pháp tín chẳng? Đại sư Đạt-
 28 ma đáp: Người ở nước Tây Vực kính tin, không có

lừa dối, người tiếp thừa sau là Bát-nhã ba-la-mật-đa-la, người tiếp thừa sau chẳng truyền y pháp ca-sa. Còn chúng sanh ở nước Trung Hoa đời Đường, phần nhiều có tánh Đại thừa, dối nói đắc đạo quả, bèn phải truyền ca-sa lấy làm pháp tín. Thí như con vua chuyên luân rưới nước trên đánh được bảy báu chân thật, tiếp nối ngôi vua. Người được pháp y này tiêu biểu cho pháp chánh tương thừa.

Đại sư Tuệ Khả được phó chúc rồi từ đó về sau suốt bốn mươi năm ẩn tại Nghê sơn giữa Tương châu và Lạc châu, về sau dần dất, kẻ tăng người tục đến tựa nương, số đông chẳng thể tính kể. Qua hai mươi năm hoằng hóa, lúc có nạn khởi, lại bị đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi và luật sư Quang Thống muốn làm tổn hại Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ khả phó chúc cho tăng xán rồi, vào núi Tư không ẩn cư. Sau Đại sư Tuệ Khả giả điên cuồng đến ngã tư đường cái giảng nói pháp. Mọi người nhóm họp rất đông, đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi bảo Đại sư Tuệ Khả là yêu dị, tấu trình ban sắc bảo sở ty suy hỏi Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ Khả đáp thừa nhận là yêu dị, sở ty biết chúng bệnh, khiến Đại sư Tuệ Khả xét, Đại sư xác thật đáp: Ta thật là yêu dị. Bèn ban sắc huyện lệnh Thành an là Dịch Xung Khản y theo pháp xử hình. Đại sư Tuệ Khả bảo mọi người rằng: Pháp ta đến đời Tổ thứ tư hóa thành danh tướng. Nói xong, buồn lệ, liền thị hiện

1 thân hình tuôn đổ sữa trắng, sắc thịt vẫn như
2 thường. Sở ty tâu trình, vua nghe vậy bèn hỏi lỗi
3 cho rằng đây thật là BỒ-tát! Cả triều đình phát tâm,
4 Phật pháp trở lại hưng thịnh, bảy giờ Đại sư Tuệ
5 Khả hưởng thọ một trăm lẻ bảy tuổi, an táng lập
6 mộ cách năm dặm về phía Bắc sông Tử mạch
7 huyện Thành An thuộc Tương châu, Đông liêu cầu
8 cách mộ một trăm bộ, về phía Tây nam mười lăm
9 dặm là cửa Ngô Nhi Tào. Trong Lăng-già Nghiệp
10 Đô Cổ Sự có ghi chép đầy đủ đệ tử của Đại sư là
11 Tăng Xán tiếp thừa sau được truyền y đặc pháp.
12 Về sau, Sa-môn Thích Pháp Lâm tạo lập văn bia.

13 Thiên sư Tăng Xán, Tổ thứ ba ở đời Tùy, không
14 rõ Đại sư là người xứ nào, mới đầu đến gặp Đại sư
15 Tuệ Khả, Đại sư Tăng Xán hiện tướng bệnh phong
16 đến giữa Đại chúng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông từ
17 đâu đến? Nay có việc gì? Đại sư Tăng Xán đáp: Có
18 đến Hòa-thượng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông là
19 người bệnh phong, đến gặp ta đâu có ích lợi gì?
20 Đại sư Tăng Xán đáp: Thân tuy bị bệnh, nhưng tâm
21 người bệnh và tâm Hòa-thượng không có khác gì.
22 Đại sư Tuệ Khả biết Đại sư Tăng Xán là người
23 chẳng phải tầm thường, bèn phó chúc Đại pháp và
24 pháp y, đồng thời bảo: Ông nên khéo giữ gìn, tôi
25 bị hoạn nạn, ông nên lánh đi.

26 Đại sư Tăng Xán cũng già vờ điên cuồng đến
27 chỗ quán chợ, sau đến ẩn cư tại núi Tư không ở
28 Thục châu, gặp lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-

579) thời Bắc Chu pháp diệt Phật pháp, Đại sư Tăng Xán bèn đến ẩn cư ở núi Nghê công hơn mười năm. Núi đó từ trước có nhiều thú dữ làm tổn hại người ở, từ khi Đại sư Tăng Xán đến ở thì đều chúng đều ra khỏi cảnh Vực ấy. Đại sư Tăng Xán phó chúc Đại pháp và pháp y ca-sa cho Đạo Tín, sau đó có Thiền sư Nghê, Thiền sư Nguyệt, Thiền sư Định, Thiền sư Nham đến chỗ Đại sư Tăng Xán nói rằng: Từ khi Tổ sư Đạt-ma phó chúc Đại pháp, Xán Công đây thật là Thần Xán, định tuệ kiêm dùng, sâu sắc chẳng thể nghĩ bàn Đại sư tăng xán liền cùng với các Thiền Sư đến núi La Phù ẩn cư trong ba năm.

Về sau, đến dự đại trai hội, Đại sư Tăng Xán ra bảo mọi người rằng: Nay ta muốn ăn. Các đệ tử kính dâng thức ăn uống. Đại sư ăn xong, bảo mọi người rằng: Các người hoàn toàn còn nương tựa, chỉ có tôi là sống chết tự do. Nói xong, Đại sư đưa tay chống câu gậy đứng giữa đại chúng an nhiên thị tịch, không biết đại sư Tăng Xán thọ bao nhiêu tuổi. Tháp miếu nay hiện còn bên cạnh chùa tại núi Nghê. Đại sư có đệ tử rất đông, chỉ có Đại sư Đạo Tín được truyền pháp y và đặc pháp kế thừa. Về sau, Tiết Đạo Hành soạn văn bia thờ Đại sư Tăng Xán.

Thiền sư Đạo Tín, Tổ thứ tư ở thời Tiền Đường. Đại sư Đạo Tín vốn người dòng họ Tư Mã, người xứ Hà nội, xuất gia từ thuở thiếu thời, tôn thờ Đại

1 sư Tăng Xán. Đại sư Tăng Xán biết Đạo Tín là đặc
2 khí, trọn ngày đêm thường ngồi chẳng nằm, hơn
3 sáu mươi năm, lưng chẳng hề dính chiếu, oai thần
4 kỳ đặc, mắt thường chẳng nhìn, nếu nhìn người, thì
5 người thấy liền kinh sợ. Khoảng niên hiệu Đại
6 Nghiệp (605-617) đời Tùy, Đại sư Đạo Tín xa thấy
7 ở Cát châu, giặc cuồng vây quanh thành có hơn
8 trăm ngày, suối giếng khô cạn, Đại sư bèn vào
9 thành khuyên dụ các đạo tục, khiến thực hành Bát-
10 nhã ba-la-mật. Giặc cuồng tự rút lui, suối giếng
11 trong thành đầy nước lại. Đại sư Đạo Tín lại xa
12 thấy tại núi Phá đầu ở Hoàng mai thuộc Kỳ châu
13 có mây tím như lọng che, bèn đến đó ở, về sau đổi
14 tên là núi Song phong.

15 Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bảy
16 (643) thời Tiền Đường, Hoàng đế Thái Tông (Lý
17 Thế Dân 627-650) sai sứ đến núi Song Phong thỉnh
18 Thiền sư Đạo Tín vào nội cung. Thiền sư Đạo Tín
19 lấy cớ già yếu, chối từ chẳng đến. Kẻ sứ trở về tâu
20 vua rằng: Thiền sư Đạo Tín lấy cớ già từ chối
21 không đến. Vua sai kẻ sứ đến thỉnh nữa. Sứ đến
22 chỗ Thiền sư Đạo Tín thưa: Tâu trình, vua bảo đến
23 thỉnh Thiền sư. Thiền sư Đạo Tín khổ nhọc lấy cớ
24 già chối từ chẳng đến, bảo với sứ rằng: Nếu cần lấy
25 đầu ta thì cứ mặc tình lấy, chứ ta không bao giờ đi.
26 Sứ trở về tâu trình vua rằng: Thiền sư bảo nếu cần
27 đầu thì cứ chém lấy chứ tâm cô chẳng đi. Vua sai
28 sứ lại lấy đầu Thiền sư, nhưng căn dặn rằng: Chớ

1 làm tổn hại Hòa-thượng. Sứ đến chỗ Thiền sư Đạo
2 Tín thưa: Vâng phụng sắc ban đến lấy đầu Hòa-
3 thượng, Thiền sư có đi hay không? Thiền sư Đạo
4 Tín đáp: Ta không bao giờ đi. Kẻ sứ nói: Vâng sắc
5 nếu Thiền sư không lại, thì chém đầu đem đi. Thiền
6 sư Đạo Tín ngẩng đầu bảo: Hãy chém đi. Sứ trở
7 trái dao cửa cổ. Thiền sư Đạo Tín bảo: Sao không
8 chém, đợi đến lúc nào? Kẻ sứ thưa: Vâng sắc
9 không cho làm tổn hại Hòa-thượng. Thiền sư Đạo
10 Tín cười lớn, bảo: Dạy người biết có người xử.

11 Sau đó, Thiền sư Đạo Tín làm các Phật sự lớn,
12 mở rộng pháp môn, dẫn dắt đạo địa, các bậc long
13 tượng ở bốn phương đều đến nương tựa quy y. Trải
14 qua hơn ba mươi năm, chỉ có Hoằng Nhẫn phụng
15 thờ đặc ý. Thiền sư Đạo Tín phó chúc Đại pháp và
16 pháp y ca-sa cho Hoằng Nhẫn xong, bảo đệ tử là
17 Sư Nguyên Nhất cùng tướng ra cạnh núi làm một
18 long khám, và phải hoàn thành sớm. Sau đó, Thiền
19 sư Đạo Tín hỏi Sư Nguyên Nhất: Long khám đã
20 thành chưa? Sư Nguyên Nhất đáp: Công việc đã
21 hoàn tất. Đến ngày 24 tháng 09 nhằm niên hiệu
22 Vĩnh Huy năm thứ hai (651) thời Tiền Đường,
23 Thiền sư Đạo Tín vốn không tật bệnh gì ngồi thẳng
24 mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. An táng,
25 sau một năm, cửa đá tự nhiên mở, dung mạo Thiền
26 sư vẫn ngồi thẳng như ngày trước. Hoằng Nhẫn
27 v.v... lại phụng kính thần oai nghi chẳng dần nổi sự
28 cảm mến, bèn đến chỗ tôn dung sơn phết thêm, từ

đó về sau không dám mở ra nữa. Thiền sư Đạo Tín có đệ tử rất đông, chỉ có Hoằng Nhãn được truyền pháp y đặc pháp kế thừa, sau đó, Trung thư lệnh Đỗ Chánh Luân soạn văn bia thờ Thiền sư Đạo Tín.

Thiền sư Hoằng Nhãn, Tổ thứ năm thời Tiền Đường. Đại sư họ Chu, người ở xứ Hoàng Mai. Năm bảy tuổi, phụng thờ Thiền sư Đạo Tín, năm mười ba tuổi vào đạo đắp mặc pháp y. Đại sư tánh tình như cây gỗ chậm rãi trầm lắng, chúng bạn đồng học khinh cười, Đại sư vẫn im lặng không đáp. Thường siêng năng làm việc, dùng lễ đối đãi người dưới mình. Ban ngày thì lẫn lộn làm việc cung cấp, ban đêm thì ngồi thẳng nhiếp niệm đến sáng, chẳng hề lười biếng. Suốt ba mươi năm chẳng rời xa Thiền sư Đạo Tín. Đại sư thân cao tám thước, dung mạo khác người thường. Sau khi được phó chúc Đại pháp, Đại sư đến ở núi Bằng mật cách núi Song phong không xa. Người thời bấy giờ gọi Đại sư là Pháp sư Đông Sơn, tức chỉ núi Bằng mật, chẳng phải Tung Sơn. Bấy giờ, có bọn giặc cuồng là Khả-đạt-hàn-nô-lục v.v... vây quanh châu thành vài vòng, không có đường vào, chim bay chẳng thông, Đại sư xa thấy, bèn đến thành đó. Bọn giặc rút lui chạy tan, bảo với nhau rằng: Có vô lượng Kim Cang cầm chày rượt đuổi tôi, tròng mắt nghiền răng, chúng tôi chạy tan tác. Đại sư Hoằng Nhãn liền trở lại núi Bằng mật.

1 Niên hiệu Hiên Khánh năm thứ năm (660) thời
2 Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) ban
3 sắc sai sứ đến núi Bằng mậu ở Hoàng Mai tỉnh
4 Đại sư Hoằng Nhãn. Đại sư chẳng đến chỗ thỉnh.
5 Vua lại sai sứ đến thỉnh tiếp, Đại sư cũng không
6 đến. Vua bèn sắc ban đưa các thứ y phục thuốc
7 thang đến núi Bằng mậu cúng dường. Sau hơn bốn
8 mươi năm dẫn dắt giáo hóa các đạo tục, các bậc
9 long tượng ở bốn phương đều tìm đến nương tựa.
10 Đại sư bèn phó chúc Đại pháp và pháp y cho Huệ
11 Năng. Sau đó, đến niên hiệu Hàm Hanh năm thứ
12 năm (674) thời Tiền Đường, Đại sư bảo đệ tử là
13 Thiên sư Huyền Tích: Ông nên vì tôi mà xây dựng
14 tháp. Đến ngày 14 tháng 02, Đại sư hỏi: Tháp đã
15 hoàn thành chẳng? Thiên sư đáp: Công việc đã
16 hoàn tất. Đại sư bảo: Không thể cùng Phật đồng
17 nhập Niết-bàn trong ngày 15 tháng 02. Đại sư lại
18 bảo: Một đời tôi giáo hóa dạy người rất đông, trừ
19 Tuệ Năng ra còn có mười vị, như sư Thần Tú, sư
20 Trí Săn, sư Trí Đức, sư Huyền Tích, sư Lão An, sư
21 Pháp Như, sư Tuệ Tạng, sư Huyền Ước, Lưu
22 Vương Bạc, tuy chẳng lìa quanh ta, mà các vị nên
23 mỗi người tự làm thầy một phương.

24 Về sau, đến ngày 11 tháng 02 niên hiệu Thượng
25 Nguyên năm thứ hai (675) thời Tiền Đường, Đại
26 sư Hoằng Nhãn an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ
27 bảy mươi bốn tuổi. Các đệ tử, chỉ có Huệ Năng
28 được truyền trao pháp y, đặc pháp kế thừa tiếp

theo. Học sĩ Lư Khâu Quân soạn văn bia thờ Đại sư Hoằng Nhãn.

Thiền sư Huệ Năng ở Tào Khê thuộc Thiều châu Tổ thứ sáu thời Tiền Đường. Đại sư họ Lô ở Phạm Dương, theo thân phụ làm quan tại Lĩnh ngoại nên đến ở Tân châu. Năm hai mươi hai tuổi, Đại sư đến núi Bằng mậu lễ bái Đại sư Hoằng Nhãn. Mới đầu, Đại sư Hoằng Nhãn hỏi: Ông từ xứ nào đến? Đại sư đáp: Từ Tân châu đến, chỉ cầu thành Phật. Đại sư Hoằng Nhãn bảo: Ông người xứ Tân châu là mọi rợ, làm sao thành Phật được. Đại sư đáp: Thân tuy có mọi rợ nhưng Phật tánh đâu khác Hòa-thượng. Đại sư Hoằng Nhãn biết được tâm tánh tỏ ngộ của Đại sư, muốn bàn nói nữa, nhưng vì mọi người chung quanh để ý nên bảo Đại sư theo Đại chúng đập chày giã gạo, suốt tám tháng tiếng chày giã tương tự chẳng thay đổi. Đại sư Hoằng Nhãn đến chỗ giã gạo nói trong kín nhiệm, chỉ thẳng thấy tánh, đêm đó ngấm gọi vào phòng, suốt ba ngày đêm cùng bàn nói, sau đó trao cho Đại pháp và pháp y ca-sa: Nay ông làm bậc Đại sư của thế giới này. Và khiến hãy đi gấp, Đại sư Hoằng Nhãn tự đưa tiễn qua trạm Cửu giang, nhìn Đại sư vượt qua sóng lớn rồi trở về, cả đồ chúng đều không hay biết Đại sư Hoằng Nhãn đã truyền trao đại pháp và pháp y cho Huệ Năng. Ba ngày sau, Đại sư Hoằng Nhãn bảo đồ chúng rằng: Các ông hãy giải tan ở ta không có Phật pháp, Phật pháp đã

truyền bá qua Lãnh nam. Mọi người đều kinh ngạc
vội hỏi nhau: Lãnh nam có ai? Khi ấy có Thiền sư
Pháp Như ở Lộ châu đáp: Huệ Năng vốn ở xứ đó.
Mọi người tranh nhau đuổi theo, trong chúng có
một quan tướng quân Tứ phẩm, xả bỏ quan chức
vào đạo, tên là Tuệ Minh. Ở gần Đại sư Hoằng
Nhẫn đã lâu mà không khế ngộ. Nghe lời nói ấy
của Đại sư Hoằng Nhẫn liền suốt đêm ngày đuổi
theo đến đỉnh núi Đại Canh, gặp Đại sư Huệ Năng,
Đại sư Huệ Năng lo ngại sợ tánh mạng không an
toàn, bèn đem bình bát pháp y ca-sa trao cho sư
Tuệ Minh, sư Tuệ Minh thưa: Tôi không vì ca-sa
mà đến đây, ngày Đại sư Hoằng Nhẫn bảo ra đi, có
dạy bảo điều gì, xin nói cho tôi nghe. Đại sư Huệ
Năng liền giảng nói tâm pháp chỉ thẳng thấy tánh.
Sư Tuệ Minh nghe pháp xong, chấp tay đánh lễ,
khuyến Đại sư Huệ Năng hãy mau vượt qua lãnh
vì phía sau còn có nhiều người đuổi theo, Thiền sư
Tuệ Minh về sau đến ở Tượng sơn, đệ tử cũng chỉ
có Khán Tịnh.

Đại sư Huệ Năng đến Tào Khê ở Thiều châu,
suốt hơn bốn mươi năm Khai đạo hoằng hóa, các
đạo tục đua nhau đến nương tựa. Sau đó, đến niên
hiệu Cảnh Vân năm thứ hai (711) thời Tiền Đường,
Đại sư Huệ Năng bảo đệ tử là lập Giai đến Long
sơn ở Tân châu xây tháp. Đến niên hiệu Tiên Thiên
năm thứ nhất (712) thời Tiền Đường, Đại sư hỏi:
Tháp đã xây xong chưa? Lập Giai đáp: Đã xây

1 xong. Tháng chín năm đó, từ Tào Khê, các Thiền
2 sư Lập Giai, Trí Hải v.v... hỏi Đại sư Huệ Năng
3 rằng: Sau này ai là người đắc pháp tiếp nối truyền
4 pháp y ca-sa? Đại sư đáp: Các ông chớ hỏi, từ nay
5 về sau có lắm nạn khởi mạnh dữ, ta vì pháp y ca-
6 sa này mà đã mấy lần gần đánh mất thân mạng.
7 Pháp y ca-sa ở Đại sư Đạo Tín đã có ba lần bị trộm
8 cắp, lúc ở đời Đại sư Hoằng Nhẫn cũng ba lần bị
9 mất cắp, đến đời ta lại có sáu lần mất cắp. Pháp y
10 ca-sa ta này các người nam nữ lấy mang đi. Các
11 ông chớ đến hỏi ta. Nếu các ông muốn biết pháp ta
12 như thế nào thì sau khi ta diệt độ ngoài hai mươi
13 năm, ai dựng lập tông chỉ ta thì đó là người đắc
14 pháp.

15 Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713)
16 thời Tiền Đường, bỗng nhiên đại sư bảo Đại chúng
17 rằng: Tôi sắp đi đây. Đến đêm mùng ba tháng tám,
18 Đại sư Huệ Năng an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch,
19 hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi. Khi ấy tại Tào Khê,
20 khe rạch mất dòng, suối ao khô cạn, mặt trời mặt
21 trăng không tỏa sáng, cây rừng biến thành màu
22 trắng, có mùi thơm lạ phảng phất suốt ba ngày ba
23 đêm không dứt. Năm đó đến chùa Quốc Ân ở Tân
24 châu đón rước thân tào của Đại sư, đến tháng mười
25 một, an táng tại Tào Khê. Có Sa-môn Thừa Vi trú
26 tại chùa Thái Thường soạn văn bia thờ Đại sư. Đến
27 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ bảy (719) thời
28 Tiền Đường, bị người mài giữa đôi khắc riêng tạo

văn bia. Đời gần đây, Báo tu thị lang Tống Đánh soạn lại văn bia thờ Đại sư Huệ Năng.

Từ khi giáo pháp truyền đến Trung Hoa, trước tiên khoảng trong ba trăm năm, đều không có sự tương phép tắc. Sau nhân trong đời Thạch-lặc nhà Tấn, có Pháp sư Đạo An đệ tử của Phật Đồ Trùng ở Tương dương. Phù Kiên nhà Tần xa nghe tiếng tăm Pháp sư Đạo An bèn sai sứ đến đánh Tương dương thỉnh Pháp sư đạo An, vua Tần kính trọng thấy gặp, các hàng con em áo mũ ở Trường An làm thơ phú phúng tụng đều nương tựa cầu học. Kẻ nào không nương tựa Pháp sư Đạo An, nghĩa chẳng trúng là nạn. Pháp sư Đạo An là bậc có trí tuệ thông minh. Sau lại tạo lập chương môn, làm khuôn phép cho Tăng Ni, hiến chương của Phật pháp, phép tắc thọ giới. Điều tắc được chia làm ba, đó là: Một là Hành hương định tọa; hai là mỗi ngày sáu thời lễ bái; ba là mỗi tháng Bồ-tát sám hối lỗi lầm. Sự tương oai nghi, Pháp sư chú nguyện v.v... đều xuất phát từ Pháp sư Đạo An. Đời gần đây có vị Tăng ở đất Thục nối tiếp Pháp sư Đạo An soạn Trai Văn bốn quyển, hiện lưu hành ở đời.

Kinh Lăng-già nói: Cho đến có chỗ lập, tất cả đều sai lầm, nếu thấy ở tự tâm, thì là không trái cải. Lại nói: Nếu nương tựa chút Pháp, mà có chút pháp khởi, nếu nương tựa vào sự, pháp ấy liền rã hoại. Lại nói: Theo lời mà lấy nghĩa, kiến lập các pháp, vì kia có kiến lập, chết đọa vào địa ngục. Lại nói:

1 Cầu ta trong lý giáo, là vọng lìa cầu ác, lìa chánh
2 lý Thánh giáo, muốn diệt lại tăng thêm, là ngoại
3 đạo lừa dối, kẻ trí không nên nói.

4 Theo kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả các tướng,
5 tức gọi là Chư Phật lại nói: Nếu dùng sắc thấy ta,
6 dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, chẳng
7 thể thấy Như lai.

8 Kinh Tư Ích nói: Tỳ-kheo thế nào là theo Phật
9 giáo? Thế nào là theo lời Phật? Nếu với ngợi khen
10 hay chê bai mà tâm không lay động, đó là theo Phật
11 giáo. Lại đáp rằng: Nếu chẳng nương tựa văn tự
12 ngữ ngôn, gọi là theo lời Phật. Tỳ-kheo thế nào là
13 nên thọ cúng dường? Đáp rằng: Người nương theo
14 pháp tu hành. Các Thiên Tiêu thừa và các môn
15 Tam-muội, chẳng phải là tông chỉ của Tổ sư Đạt-
16 ma. Nêu danh như sau: Quán xương trắng, quán
17 hơi thở, quán chín tướng, năm pháp quán dừng
18 tâm, quán mặt trăng, quán mặt trời, quán lâu đài,
19 quán ao hồ, Quán Phật. Lại theo kinh Thiên Bí Yếu
20 nói: Người bị bệnh nóng, tưởng quán mát lạnh.
21 Người bị bệnh lạnh, tưởng quán âm nóng. Với sắc
22 tướng, khởi quán rắn độc, quán bất tịnh. Với ham
23 thích ăn uống ngon tốt, khởi tưởng quán rắn giòi.
24 Với ưa thích y phục tốt đẹp, khởi quán sắt nóng
25 quán thân mình, ngoài ra còn có các quán Tam-
26 muội khác v.v...

27 Kinh Thiên Môn nói: Trong lúc ngồi Thiền
28 quán thấy hình tượng Phật có ba mươi hai tướng

tốt, các loại ánh sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, là chân thật hay là luống dối? Phật dạy: Ngồi Thiền thấy không, chẳng có vật, nếu thấy ở Phật có ba mươi hai tướng tốt, các thứ loại sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, đều là điên đảo của tự tâm, buộc mắc vòng lưới. Ở nơi hư không vắng lặng mà thấy các việc như vậy, tức là luống dối.

Kinh Lăng-già nói: Các loại tướng như vậy, rơi vào kiến chấp của ngoại đạo.

Kinh Pháp Cú nói: Nếu học các Tam-muội, là động chẳng ngồi Thiền, tâm chạy theo cảnh ngoài, thế nào gọi là Định?

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Ta chẳng nhập Tam-muội, chẳng trú nơi ngồi Thiền, không sanh, không hành, không động, không Thiền, là Thiền vô sanh.

Kinh Tư Ích nói: Chẳng nương dừng ở cõi Dục, chẳng trú nơi cõi Sắc và Vô Sắc, hành Thiền như vậy, là Bồ-tát biến hành.

Kinh Duy-ma nói: Duy-ma-cật chê trách Xá-lợi-phất ngồi yên trong rừng, chê trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp không bình đẳng rốt ráo

Kinh Chuyển Nữ Thân nói: Vô cầu Quang nữ chê trách trời Đế-thích; ông người Thanh văn thừa, sợ sanh tử, vui Niết-bàn.

Kinh Quyết Định Tỳ-ni nói: Người tu Bồ-tát

1 thừa sợ sanh trì giới khai thông. Người Thanh văn
2 thừa trì hết già giới hết hộ giới.

3 Kinh Dược Sư nói: Phật chê trách A-nan: Ông
4 là người Thanh văn, như đui như điếc, chẳng biết
5 nghĩa không vô thượng.

6 Kinh Phật Đảnh nói: Chê trách hạng người
7 Thanh văn được ít cho là đủ.

8 Trong Kinh Thất Phật tạng nói: Xá-lợi-phất!
9 Lúc Đức Như lai còn tại thế, Tam bảo chỉ một vị,
10 sau khi ta diệt độ, chia làm thành năm bộ Xá-lợi-
11 phất! Nay đây ác ma hiện còn ẩn thân giúp đỡ
12 Điều-đạt phá hại Chánh pháp chúng Tăng của ta.
13 Đức Như lai có năng lực Đại Trí hiện còn ở đời,
14 nên chúng ma tề ác chẳng thể làm thành điều ác
15 lớn, trong đời tương lai, ác ma biến hình, hoành
16 hành tà kiến, vì nói tà pháp. Bấy giờ người ác bị
17 ma mê hoặc, tự chấp lấy chỗ thấy biết cho rằng ta
18 phải người quấy. Xá-lợi-phất! Đức Như lai dự thấy
19 ở đời vị lai, các việc phá pháp như vậy, cho nên nói
20 kinh sâu mầu, để cắt đứt mọi sự chấp trước của
21 chúng ma. A-nan! Thí như giặc ác ở nơi vua, đại
22 thần không dám tự thấy trộm lấy vật người khác,
23 chẳng tự nói là giặc. Cũng vậy, A-nan, Tỳ-kheo
24 phá giới thành tự pháp chẳng phải Sa-môn, còn
25 chẳng tự nói mình là người xấu ác, hướng chỉ có
26 thể hướng đến các người khác tự nói tội mình. A-
27 nan! Với kinh như vậy, Tỳ-kheo phá giới theo thời
28 được nghe, tự hàng phục thì có hổ thẹn, Tỳ-kheo

trì giới được tự nhiên tăng trưởng.

Kinh Đại Phật Đảnh chép: Bảy giờ Đức Như lai bảo khắp Đại chúng và A-nan rằng: Các ông là Thanh văn, Duyên giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Diệu giác Vô thượng Đại Bồ-đề. Nay ta đã nói pháp tu hành chân thật, các ông vì chưa biết, nên tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, với các việc ma nhỏ nhiệm, cảnh hiện tiền, các ông chẳng thể biết, tẩy tâm chẳng chân chánh, rơi lạc vào tà kiến. Hoặc ám ma ở các ông, hoặc lại thiên ma, hoặc dính trước nơi quỷ thần, hoặc gặp phải ly mị, trong tâm không tỏ sáng, nhận giặc làm con. Hoặc lại ở trong được chút ít cho là đủ. Như Tỳ-kheo Vô Văn ở cõi Thiên thứ tư, vọng nói là chứng thánh. Khi quả báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện ra trước mắt, phỉ báng A-la-hán, sau khi thân gặp nạn, có đọa vào địa ngục A-tỳ.

Do đó, Đức Thích-ca Như lai truyền trao pháp y ca-sa bằng kim tuyến bảo Ma-ha Ca-diếp đến núi Kê túc, chờ đợi Di-lặc Thế tôn xuất hiện ở đời mà chuyển trao lại. Nay trong đời ác, người học Thiên pháp rất đông nhiều, Tổ sư Đạt-ma của chúng ta, truyền trao pháp y ca-sa để biểu thị pháp chánh, khiến người học sau có nơi bám thọ nương tựa.

Ngày Đại sư Hoàng Nhãn còn trú núi Bằng mậu ở Hoàng Mai, mở rộng pháp môn, dẫn dắt các đạo tục. Lúc bảy giờ, người học đạo có hơn ngàn vạn, trong đó, gần gũi phụng sự chẳng lìa Đại sư

1 Hoằng Nhãn có cả mười người đều là giảng đường
2 vào phương trượng, như Thiên sư Trí Săn, Thần
3 Tú, Huyền Tích, Nghĩa Phương, Trí Đức, Tuệ
4 Tạng, Pháp Như, Lão An, Huyền Ước, Lưu Chủ
5 Bạc v.v... đều là lãnh tụ quan viên ở đương thời,
6 danh Tăng của nước nhà, mỗi mỗi tự nói là đại long
7 tượng, là nói được tận cùng thấu đáy, mới biết
8 chẳng phải tận cùng thấu đáy. Bỗng nhiên có người
9 ở Tân châu vốn người dòng họ Lô tên là Huệ Năng
10 tuổi mới hai mươi hai đến bái yết Đại sư Hoằng
11 Nhãn. Đại sư Hoằng Nhãn hỏi: Ông từ đâu đến?
12 Có duyên sự gì? Huệ Năng đáp: Từ Lãnh nam đến,
13 cũng không ý việc gì, chỉ cầu thành Phật. Đại sư
14 Hoằng Nhãn nhận biết Huệ Năng là người phi
15 thường, nhưng vì chung quanh có nhiều người,
16 mới bảo: Ông có thể theo chúng làm việc chăng?
17 Huệ Năng đáp: Thân mạng chẳng tiếc, chỉ chưa
18 biết làm việc gì. Bèn theo đạp chày giã gạo suốt
19 tám tháng. Đại sư Hoằng Nhãn biết Huệ Năng căn
20 cơ đã thành tựu, bèn kín gọi đến truyền trao Đại
21 pháp và pháp y ca- sa để làm tin, đồng thời bảo đi
22 ra khỏi khu vực. Khi ấy sợ có người biết, Huệ Năng
23 thường ẩn ở trong núi rừng, hoặc ở Tân châu hoặc
24 ở Thiều châu, suốt mười bảy năm hòa lẫn người
25 thế tục, cũng chẳng giảng nói pháp.

26 Sau đó, đến chùa Chế Tâm ở Nam hải, gặp
27 Pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết-bàn, Huệ Năng
28 cũng vào dự dưới pháp tòa. Khi ấy Pháp sư Ấn

1 Tông hỏi mọi người: Các vị có thấy gió thổi lá
2 phướn, trên đầu lá phướn lay động chẳng? Mọi
3 người nói: Thấy động, hoặc có người nói: Thấy
4 Gió động. Có người nói: Phướn động chẳng phải
5 gió động, là thấy động. Hỏi vặn chẳng định như
6 vậy. Huệ Năng ở dưới tòa đứng dậy đáp với Pháp
7 sư Ấn Tông rằng: Tự vì tâm vọng tưởng các người
8 động, động và chẳng động, chẳng thấy phướn
9 động. Pháp vốn không có động hay chẳng động.
10 Pháp sư Ấn Tông nghe nói vậy kinh ngạc sững sờ,
11 chẳng biết phải nói như thế nào, bèn hỏi: Cư sĩ từ
12 đâu đến? Huệ Năng đáp: Xưa nay chẳng đến, nay
13 cũng chẳng đi. Pháp sư Ấn Tông liền xuống tòa,
14 mời Huệ Năng vào phòng, nhỏ nhẹ nương hỏi, Huệ
15 Năng mỗi một đều nói Phật pháp của Đông Sơn,
16 và có phó chúc pháp y ca-sa để làm tin. Pháp sư
17 Ấn Tông nghe thấy rồi, liền đem đầu mặt đánh lễ
18 sát chân than rằng: Thời nào dưới tòa có Bồ-tát!
19 Nói xong lại đánh lễ, thỉnh cầu Huệ Năng làm Hòa-
20 thượng. Pháp sư Ấn Tông tự xưng là đệ tử, liền
21 xuống tóc cho Thiền sư Huệ Năng, đắp mặc pháp
22 y xong, tự hứa làm đệ tử, đến chỗ môn đồ dưới
23 giảng tòa, Pháp sư Ấn Tông than rằng: Lành thay!
24 Lành thay! Đại pháp của Đại sư Hoàng Nhẫn ở
25 Hoàng mai từ trước nay nghe lưu truyền đến Lãnh
26 nam. Ai biết nay lại hiện ở đây. Các người có biết
27 chẳng? đại chúng đều đáp: Không biết. Pháp sư Ấn
28 Tông bảo: Pháp tôi giảng nói giống như ngói gạch,

1 nay có Thiên sư Huệ Năng truyền trao pháp môn
2 của Đại sư Hoằng Nhẫn, dụ như vàng ròng, sâu
3 màu chẳng thể nghĩ bàn. Xong, Pháp sư Ấn Tông
4 dẫn cả Đại chúng đánh lễ sát chân Thiên sư Huệ
5 Năng. Sợ mọi người nghi ngờ, đến lúc thỉnh pháp
6 y ca-sa được trao truyền làm pháp tín cho mọi
7 người thấy và tự thân Thiên sư Huệ Năng thọ giới
8 Bồ-tát. Pháp sư Ấn Tông và Đại chúng tiễn đưa
9 Thiên sư Huệ Năng trở về Tào Khê dẫn dắt các đạo
10 tục, mở rộng Thiên pháp. Khắp thiên hạ nghe biết
11 pháp môn của Tào Khê rất chẳng thể nghĩ bàn.

12 Sau đó, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu) lên ngôi lấy
13 Quốc hiệu là Đại Chu (690-705), rất kính trọng
14 Phật pháp. Đến niên hiệu Trường Thọ năm thứ
15 nhất (692), Võ Hậu ban sắc các châu trong thiên
16 hạ, mỗi châu đều xây dựng chùa Đại Vân. Ngày 20
17 tháng 02, ban sắc sai Thiên quan lang trung Trương
18 Xương Kỳ đến Tào Khê ở Thiệu châu, thỉnh Thiên
19 sư Huệ Năng. Thiên sư Huệ Năng lấy cớ bệnh
20 không đến. Đến niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên
21 năm thứ nhất (696), Võ Hậu lại sai sứ đến thỉnh
22 Thiên sư Huệ Năng. Thiên sư Huệ Năng không
23 đến, xin thỉnh pháp y ca-sa được trao truyền làm
24 tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa: Trẫm muốn đưa vào
25 Nội đạo tràng để cúng dường. Thiên sư Huệ Năng
26 liền theo sự thỉnh cầu đó bèn trao pháp y ca-sa
27 được trao truyền làm tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa
28 cho kẻ sứ. Sứ trở về có được pháp y ca-sa làm tin,

1 Võ Hậu trông ca-sa được trao truyền làm tin đó
2 mang đến, bèn rất vui mừng, tôn trí nơi Nội đạo
3 tràng mà cúng dường.

4 Đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên
5 năm thứ hai (697), Võ Hậu sai Thiên quan lang
6 trung Trương Xương Kỳ đến chùa Đắc Thuần ở Tứ
7 châu tỉnh Thiên sư Trí Săn. Thiên sư Trí Săn nhận
8 sự thỉnh bèn đến kinh đô vào Nội đạo tràng cúng
9 dường. Đến niên hiệu Cửu Thập (700-701), Võ Hậu
10 sai sứ đến chùa Ngọc Tuyên ở Kinh châu tỉnh
11 Thiên sư Thần Tú, đến chùa Thọ Sơn ở An châu
12 tỉnh Thiên sư Huyền Tích, đến chùa Đại Vân ở
13 Tùy châu tỉnh mời Thiên sư Huyền Ước, đến chùa
14 Hội Thiện ở Tung Sơn, Lạc châu tỉnh Thiên sư
15 Lão An vào Nội đạo tràng, Võ Hậu cúng dường.
16 Võ Hậu thỉnh các vị Đại đức, nhân có Bà-la-môn
17 Tinh thông Tam tạng ở nước Tây Vực, Võ Hậu
18 thường riêng kính trọng. Thiên sư Trí Săn ở Nhật
19 Nam đang lúc bị bệnh, nghĩ nhớ muốn trở về quê,
20 nhưng vì núi ải xa xôi hiểm trở, trong tâm có chút
21 lo buồn. Bà-la-môn thông tà kia nói: Kia khác với
22 đây, Thiên sư sao được nghĩ nhớ quê hương? Thiên
23 sư Trí Săn đáp: Vì sao Tam tạng biết? Đáp rằng:
24 Thiên sư thử khởi ý nhìn, không có gì chẳng biết.
25 Thiên sư Trí Săn bảo: Đi đi, nhìn tướng thân mặc
26 y xiêm người thế tục đến cửa Tào chợ phía Tây mà
27 nhìn. Vị Tam tạng ấy bảo: Đại đức là một vị tăng,
28 đâu được mặc y phục người đời vào chợ mà nhìn?

1 Thiên sư Trí Săn bảo: Khéo nhìn đi. Cùng dẫn thân
2 nhau đến chùa Thiên Định đứng trên Phật đồ tượng
3 luân. Vị Tam tạng kia lại bảo: Người tăng đâu được
4 lên cao mà đứng? Thiên sư Trí Săn bảo: Màu đỏ
5 nhưng đẹp khéo, lại nhìn đi. Tức ngay đây y theo
6 pháp tướng niệm bất sanh. Vị Tam tạng ấy đối với
7 ba cõi tìm xem chẳng bao giờ được. Bà-la-môn
8 tinh thông Tam tạng bèn sanh tâm kính ngưỡng,
9 đánh lễ sát chân Thiên sư Trí Săn, kính bạch Hòa-
10 thượng rằng: Không biết ở Trung Hoa đời Đường
11 đây có Phật pháp Đại thừa, nay tự trách thân tâm
12 xin sám hối. Võ Hậu thấy Bà-la-môn tinh thông Ba
13 tạng quy y Thiên sư Trí Săn, bèn hỏi các vị Đại
14 đức: Các Hòa-thượng v.v... có muốn gì chẳng? Các
15 Thiên sư Thần Tú, Huyền Ước, Lão An, Huyền
16 Tích v.v... đều đáp: Không muốn gì. Võ Hậu lại
17 hỏi Thiên sư Trí Săn: Hòa-thượng có muốn gì
18 chẳng? Thiên sư Trí Săn lo sợ chẳng tha trở về nên
19 thuận theo ý Võ Hậu, đáp rằng: Có muốn. Võ Hậu
20 lại hỏi: Đâu được có muốn? Thiên sư Trí Săn đáp:
21 Sống thì có muốn, không sống thì không muốn.
22 Ngay lời nói ấy, Võ Hậu tỏ ngộ. Lại thấy Bà-la-
23 môn tinh thông Ba tạng quy y Thiên sư Trí Săn,
24 Võ Hậu càng kính trọng gấp bội. Nhân đó, Thiên
25 sư Trí Săn bèn tâu xin trở về quê. Võ Hậu ban tặng
26 một bộ kinh Hoa Nghiêm mới dịch, pho tượng Di-
27 lặc bằng lụa thêu và các thứ phước đẹp v.v.... Lại
28 đem pháp y ca-sa làm tin của Tổ sư Đạt-ma, ban

tặng mà bảo rằng: Thiền sư Huệ Năng không đến, pháp y ca-sa đời xưa này cũng kính dâng Hòa-thượng đưa về quê cũ, xin để cúng dường. Đến tháng mười một, niên hiệu Cảnh Long năm thứ nhất (707) thời Tiền Đường, Võ Hậu lại sai Nội thị tướng quân Tiết Giản đến chỗ Thiền sư Huệ Năng ở Tào Khê tuyên cáo ban miệng rằng: Dem pháp y ca-sa làm tin của đời xưa trước dâng tặng Thiền sư Trí Săn giúp thọ trì cúng dường. Nay đem đến đây một áo ca-sa nạm, cùng năm trăm xấp lụa quỳên và sữa, thuốc v.v... cúng dường.

Thiền sư Trí Săn trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, vốn họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Theo cha làm quan đến ở đất Thục. Năm mười tuổi đã thường ưa thích Phật giáo, chẳng ăn các thứ tanh nồng, chí tháo cao vời, chẳng cùng trẻ nhỏ vui đùa. Năm mười ba tuổi, giã từ cha mẹ nhập vào đạo tràng. Lúc đầu, nương theo kính thờ Tam tạng Pháp sư Huyền Trang tập học kinh luận. Sau nghe Đại sư Hoằng Nhẫn ở núi Song Phong, bèn từ giã Pháp sư Huyền Trang, bỏ học kinh luận, tìm đến núi Bằng mậu đến nơi Đại sư Hoằng Nhẫn. Đại sư Hoằng Nhẫn bảo: Ông có tánh văn tự. Sau đó, Thiền sư Trí Săn trở về trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, hóa đạo chúng sanh. Có soạn: Hư Dung Quán ba quyển, Duyên Khởi một quyển, Bát-nhã Tâm Sớ một quyển. Về sau, đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ hai (697) thời

1 Đại Chu, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu 690-705) sai
2 Thiên quan tam trung Trương Xương Kỳ đến chùa
3 Đức Thuần thỉnh, Thiên sư Trí Săn bèn đến ở Tây
4 kinh. Sau đó, do bệnh tật, bèn nhân tấu biểu văn
5 xin về lại chùa Đức Thuần, trước sau tất cả hơn ba
6 mươi năm hóa đạo chúng sanh. Đến ngày mồng
7 sáu niên hiệu Trường An năm thứ hai (702), bảo
8 Thiên sư Xử Tịch theo đồ hầu tôi, bèn trao pháp y
9 ca-sa và bảo rằng: Pháp y này là ca-sa được trao
10 truyền từ Tổ sư Đạt-ma, Võ Tắc Thiên ban tặng
11 tôi, nay tôi trao lại cho ông, ông khéo tự gìn giữ.
12 Đến đêm mồng 06 tháng 07 năm đó, Thiên sư Trí
13 Săn ngồi thẳng mà thị tịch, thọ chín mươi bốn tuổi.

14 Thiên sư Xử Tịch họ Đường ở huyện Phù
15 thành, thuộc Miên châu. Gia đình nhiều đời giỏi về
16 Nho học, thường học thi, lễ, có phần nghĩa hiếu.
17 Năm mười tuổi, cha qua đời, Xử Tịch than: Đất trời
18 đã trống không ta nghe Phật pháp chẳng thể nghĩ
19 bàn, dứt trừ khổ sanh tử, bèn đến chỗ Hòa-thượng
20 Trí Săn. Hòa-thượng Trí Săn hỏi: Ông từ đâu đến?
21 Xử Tịch đáp: Cố tìm đến Hòa-thượng. Hòa-thượng
22 Trí Săn biết Xử Tịch chẳng phải người tầm thường.
23 Ngay ngày vào kinh đô, Xử Tịch khiêng gánh Đại
24 sư Trí Săn vào kinh chỉ một vai không thay. Xử
25 Tịch thân cao tám thước, thần sắc tâm tình lắng
26 yên, đứng giữa đại chúng, chỉ thấy đầu Xử Tịch.
27 Mọi người thấy Sư đều kính trọng quý mến. Sau,
28 Xử Tịch trở về trú tại chùa Đức Thuần, hóa đạo

1 chúng sanh hơn hai mươi năm. Đến tháng tư niên
2 hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi bốn (736)
3 thời Tiền Đường, Xử Tịch ngầm sai người nhà là
4 Vương Hoàng nhờ Thiền sư Vô Tướng vốn người
5 Hải đông, truyền trao Đại pháp và pháp y ca-sa mà
6 bảo rằng: Pháp y này là ca-sa của Tổ sư-Đạt-ma,
7 Vô Tác Thiền ban tặng Hòa-thượng Trí Sần, Hòa-
8 thượng Trí Sần trao truyền cho tôi, nay tôi chuyển
9 trao cho ông, ông khéo tự giữ gìn, tìm nơi núi đẹp
10 mà đến ở. Đến ngày 27 tháng 05 năm đó, Xử Tịch
11 bảo các đồ chúng: Tôi không ở lâu nữa. Vào nửa
12 đêm giờ Tý, Xử Tịch an nhiên ngồi thẳng mà thị
13 tịch, hưởng thọ sáu mươi tám tuổi.

14 Thiền sư Vô Tướng trú tại chùa Tịnh Tuyên ở
15 phủ Thành Đô, Nhật Nam, Sư họ Kim thuộc chủng
16 tộc vua xứ Tân La. Gia đình nhiều đời ở Hải đông.
17 Xưa lúc ở tại quê nhà, có người em gái út mới đầu
18 nghe có người mang sính lễ đến hỏi, bèn cầm dao
19 rạch mặt, thề giữ chí quy chân. Vô Tướng thấy thế
20 bèn than rằng: Con gái mềm yếu còn tỏa vang tiết
21 tháo cao nhã, huống chi trượng phu cứng mạnh,
22 chẳng lẽ ta lại vô tâm? Bèn tự cắt tóc, giã từ thân
23 thích, nổi trôi theo đường biển vượt đến hướng
24 Tây, vào nước Trung Hoa đời Đại Đường, tìm thầy
25 học đạo. Rảo bước khắp cùng, mới đến chùa Đức
26 Thuần ở Tư châu, đánh lễ Hòa-thượng Đường (Xử
27 Tịch). Hòa-thượng Đường bị bệnh bèn chẳng ra
28 thấy gặp Vô Tướng liền đốt một ngón tay làm đèn

cúng dường Hòa-thượng Đường. Hòa-thượng Đường biết Vô Tướng chẳng phải người tầm thường nên lưu giữ ở lại hai năm. Sau đó đến núi Thiên cốc lại đến chùa Đức Thuần, Hòa-thượng Đường sai người nhà là Vương Hoàng kín trao pháp y làm tin, bảo rằng: Pháp y này là y Tổ sư Đạt-ma truyền bá, Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sần, Hòa-thượng Trí Sần truyền trao cho tôi, nay tôi phó chúc cho ông. Hòa-thượng Kim (Thiền sư Vô Tướng) được truyền trao Đại pháp và tín y, bèn đến ở cốc núi dưới hang đá, dùng cỏ làm áo mặc, tiết chế ăn uống, thức ăn hết thì ăn đất, cảm có thú dữ đến giúp đỡ giữ gìn. Về sau, Chương Cừ đại phu thỉnh Sư khai giảng pháp Thiền, đến trú tại chùa Tịnh Tuyên, hóa đạo chúng sanh hơn hai mươi năm.

Sau đến ngày 15 tháng 05 niên hiệu Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường, bỗng nghĩ nhớ Thiền sư Vô Trú ở núi Bạch Nhai, bảo rằng: Tôi bị bệnh kể, đây đến thăm tôi. Qua vài lần hỏi mọi người chung quanh vì sao Thiền sư Vô Trú không đến, nay tôi tuổi đã già suy, ngầm sai người thợ là Huân Tuyên đem pháp y vật làm tin của tôi và các y vật khác tất cả mười bảy thứ, trao cho Thiền sư Vô Trú, căn dặn khéo tự giữ gìn, nay chưa phải lúc xuống núi, phải chờ đợi năm ba năm nữa, lúc nào nghe đã thái bình thì xuống. Xa phó chúc xong, đến ngày 19 tháng 05, bảo đệ tử: Lấy cho tôi

1 y phục mới sạch, tôi muốn tắm gội. Vào nửa đêm
2 giờ Tý, nghiêm nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Khi
3 ấy trời trăng không tỏ sáng, đất trời đều biến thành
4 màu trắng, cờ pháp đổ gãy. Chúng sanh mất nơi
5 ngóng trông, người học đạo không nơi nương tựa.
6 Thiền sư Vô Tướng hưởng thọ bảy mươi chín tuổi.

7 Thiền sư Vô Tướng mỗi năm cứ vào khoảng
8 tháng mười hai và tháng giêng, cùng bốn chúng có
9 đến trăm ngàn vạn người kết duyên trang nghiêm
10 thiết lập đạo tràng, lên tòa cao giảng pháp. Trước
11 tiên dẫn niệm Phật hết một hơi, dứt tiếng ngưng
12 niệm xong, Thiền sư Vô Tướng bảo rằng: Không
13 nhớ, không niệm, chớ vọng. Không nhớ là giới,
14 không niệm là định, chớ vọng là tuệ. Ba câu này
15 chính là môn Tổng trì. Thiền sư lại bảo: Niệm
16 chẳng khởi giống như mặt kiếng hay soi chiếu
17 khắp cả vạn tượng. Niệm khởi tức như lưng kiếng
18 không thể soi thấy. Thiền sư lại bảo: Phải biết khởi
19 biết diệt này cho rõ ràng chẳng hề xen hờ tức là
20 thấy Phật. thí như hai người cùng đi đến nước khác,
21 người cha đem sách chỉ dạy, một người có được
22 sách tìm đọc đã xong, thuận theo lời cha dạy không
23 làm việc phi pháp. Một có được sách tìm đọc đã
24 xong, chẳng y theo lời chỉ dạy, hiện bày mạnh dữ
25 làm những việc ác, tất cả chúng sanh nương theo
26 vô niệm, đó tức là con hiếu thuận, người chấp trước
27 văn tự, đó là con bất hiếu. Thiền sư lại bảo: Thí
28 như có người say rượu nằm, người mẹ lại kêu dậy

1 về nhà, người con ấy vì say mê loạn, ác dữ mắng
2 chửi người mẹ, tất cả chúng sanh do say rượu vô
3 minh, chẳng tin tự thân thấy tánh thành Phật. Lại
4 nữa, trong Luận Khởi Tín nói tâm chân như và tâm
5 sanh diệt. Vô niệm tức là chân như, hữu niệm tức
6 là sanh diệt. Thiền sư lại bảo: Đầu vô minh xuất
7 hiện thì đầu Bát-nhã ẩn mất, đầu vô minh ẩn mất
8 thì đầu Bát-nhã xuất hiện. Thiền sư lại dẫn kinh
9 Niết-bàn dạy rằng: Chó nhà nai đồng, chó nhà dụ
10 cho vọng tưởng, nai đồng dụ cho Phật tánh. Thiền
11 sư lại bảo: Lụa vốn là tơ, không có văn tự, trẻ con
12 khéo dệt thành mới có văn tự, sau khi bẻ gãy trở lại
13 gốc ấy là tơ. Tơ dụ cho Phật tánh, văn tự dụ cho
14 vọng tưởng. Thiền sư lại bảo: Nước chẳng lìa sóng,
15 sóng chẳng lìa nước. Sóng dụ cho vọng niệm, nước
16 dụ cho Phật tánh. Thiền sư lại bảo: Người gánh gai
17 cùng đồng bạn di chuyển đến gặp nơi có bạc, một
18 người vất bỏ gai lấy bạc. Các người khác bảo: Ta
19 gánh gai đã nhất định, không thể bỏ gai mà lấy bạc.
20 Lại đi đến chỗ có vàng, người ấy lại vất bạc lấy
21 vàng. Các người khác bảo: Ta gánh gai đã cố định,
22 không thể nào bỏ gai lấy vàng. Vàng dụ cho Niết-
23 bàn, gai dụ cho sanh tử. Thiền sư lại bảo: Ba câu
24 của ta đây là giáo pháp vốn truyền của Tổ sư Đạt-
25 ma. Chẳng nói là chỗ giảng nói của Hòa-thượng
26 Trí Săn và Hòa-thượng Xử Tịch. Thiền sư lại bảo:
27 Thuận cho các đệ tử có nghĩa hơn thầy. Vì Hòa-
28 thượng Trí Săn và Hòa-thượng Xử Tịch chẳng

giảng Liễu giáo (giáo nghĩa rốt ráo), chỉ nắm thọ pháp y làm tin. Do đó Thiền sư Vô Tướng không nêu điều giảng nói của Hòa-thượng Trí Săn và Hòa-thượng Xử Tịch.

Thường mỗi lúc xuống tòa, giáo giới chân ngôn, Thiền sư Vô Tướng bảo: Tổ sư Đạt-ma chúng ta giáo hóa hoằng truyền ba câu này là môn tông trì. Vô niệm tức là giới môn, niệm chẳng khởi là Định môn, niệm chẳng khởi là tuệ môn. Niệm không khởi tức là giới định tuệ đầy đủ. Ở thời quá khứ, ở thời hiện tại và ở thời vị lai, vô lượng Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều từ môn này mà vào. Nếu lại có môn nào riêng khác, thì điều ấy không thể có.

Hòa-thượng Thần Hội trú tại chùa Hà Trạch ở Đông Kinh, mỗi tháng có mở đàn tràng, vì người giảng nói pháp, phá thanh tịnh Thiền, lập Như lai Thiền, lập tri kiến, lập lời nói, là giới định tuệ. Chẳng phá lời nói, nói: Lúc chánh thuyết tức là giới, lúc chánh thuyết tức là định, lúc chánh thuyết tức là tuệ, nói pháp vô niệm, lập thấy tánh. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiên Đường, chùa Hoạt Đài vì học giả trong thiên hạ mà chinh định tông chỉ, Hòa-thượng Thần Hội bảo: Nếu lại có người nói, Thần Hội tôi chẳng bao giờ dám nói. Vì Hòa-thượng Thần Hội không được truyền trao pháp y ca-sa làm tin! Trong niên hiệu Thiên Bảo năm thứ bảy (748) thời Tiên Đường,

1 chùa Hà Trạch ở Lạc châu cũng chỉnh định tông
 2 chỉ, bị Pháp sư Sùng Viên hỏi: Thiền sư đối với Ba
 3 hiền mười thánh tu hành, đã chứng đắc ở địa vị
 4 nào? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Kinh Niết-bàn
 5 nói: Nam mô Thuần-đà, Nam mô Thuần- đà, thân
 6 đồng phàm phu tâm đồng tâm Phật. Và Hòa-
 7 thượng Thần Hội liền hỏi Pháp sư Sùng Viên:
 8 Giảng kinh Niết-bàn từ trước đến nay đã bao nhiêu
 9 biến. Pháp sư có Sùng Viên đáp: Hơn ba mươi
 10 biến. Hòa- thượng Thần Hội lại bảo: Pháp sư thấy
 11 Phật tánh chẳng? Pháp sư Sùng Viên đáp: Chẳng
 12 thấy. Hòa-thượng Thần Hội bảo: Trong phẩm Sư
 13 Tử Hồng nói: Nếu người chẳng thấy Phật tánh, thì
 14 chẳng được giảng kinh Niết-bàn. Nếu thấy Phật
 15 tánh, thì được hợp giảng kinh Niết-bàn. Pháp sư
 16 Sùng Viên hỏi: Hòa-thượng có thấy chẳng? Hòa-
 17 thượng Thần Hội đáp: Thấy. Pháp sư Sùng Viên
 18 lại hỏi: Thế nào là thấy? Là mắt thấy, hay tai, mũi
 19 v.v... thấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Thấy
 20 không nhiều như vậy, thấy chỉ loại thấy. Pháp sư
 21 Sùng Viên hỏi: Thấy đồng Thuần- đà chẳng? Hòa-
 22 thượng Thần Hội đáp: Tỷ lượng thấy, tỷ (so sánh)
 23 tức tỷ với Thuần-đà, lượng ngang bằng Thuần-đà
 24 không dám định đoán. Lại bị Pháp sư Sùng Viên
 25 hỏi: Thiền sư đời trước có truyền pháp y ca-sa
 26 chẳng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có truyền. Nếu
 27 lúc chẳng truyền, thì pháp sẽ dứt mất. Pháp sư
 28 Sùng Viên hỏi: Thiền sư có đắc chẳng? Hòa-

1 thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Pháp
2 sư Sùng Viên lại hỏi: Ai là người được truyền pháp
3 y ca-sa ấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có một
4 người được, đã được tự nên biết, nếu người ấy lúc
5 giảng nói pháp, thì Chánh pháp lưu hành, tà pháp
6 tự diệt. Vì đại sự của Phật pháp do đó còn ẩn mà
7 chưa xuất hiện.

8 Lúc Hòa-thượng Thần Hội ở tại Kinh châu, có
9 người nước Tây Vực là Ca-diếp Hiền, An-thọ-đề
10 v.v... tất cả hơn hai mươi người đến chỗ Hòa-
11 thượng giảng pháp mà hỏi: Pháp y ca-sa làm tin
12 của đời xưa, Hòa- thượng có được chăng? Hòa-
13 thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Và
14 liền hỏi: Các Hiền giả từ xứ nào đến đây? Ca-diếp
15 Hiền đáp: Từ Nhật Nam đến. Hòa-thượng Thần
16 Hội hỏi: Có biết Thiền sư Kim (Thiền sư Vô
17 Tướng) chăng? Ca-diếp Hiền đáp: Chúng tôi đều
18 là đệ tử của Hòa thượng Kim. Hòa-thượng Thần
19 Hội hỏi: Dạy các ông, Hòa-thượng Kim giảng đạo
20 giáo thế nào? Ca-diếp Hiền đáp: Đầu vô minh xuất
21 hiện thì đầu Niết-bàn ẩn mất, đầu Bát-nhã xuất
22 hiện xuất hiện thì đầu vô minh ẩn mất. Có niệm
23 giống như lưng kiếng. Hòa-thượng Thần Hội liền
24 quát: Chớ nói những lời rỗng tuếch ấy. Ông họ Ca-
25 diếp là chủng tánh Bà-la-môn, tính hợp với lợi căn
26 mới là Bà-la-môn đại dâm. Hòa-thượng Thần Hội
27 lại bảo: Hòa-thượng Trí Săn ở Nhật Nam của các
28 ông là Pháp sư chẳng giảng nói Liễu giáo (giáo

1 nghĩa rất ráo). Thiền sư Đường (Xử Tịch) là đệ tử
2 của Thiền sư Trí Săn, cũng chẳng giảng nói Liễu
3 giáo. Đệ tử của Thiền sư Đường, là Pháp sư Triệu
4 ở Tử châu, là Luật sư Vương Thị ở Lăng Châu, trở
5 về Tây tiêu biểu là Pháp sư Kim (Vô Tướng) ở Ích
6 châu là Thiền sư giảng nói Liễu giáo cũng không
7 được. Tuy chẳng giảng nói Liễu giáo, nhưng Phật
8 pháp chỉ ở xứ ấy. Lang trung Mã Hùng đi sứ Tào
9 khê, đánh lễ tháp Hòa-thượng Huệ Năng, hỏi lão
10 tăng giữ tháp rằng: Pháp y ca-sa đời trước truyền
11 bá hiện ở đâu? Lão tăng đáp: Lúc Hòa-thượng Huệ
12 Năng còn tại thế, Thiền sư Lập Giai, Trí Hải v.v...
13 hỏi Hòa-thượng Huệ Năng: Pháp y ca-sa tiếp thừa
14 từ xưa, có trao truyền chẳng? Phật pháp phó chúc
15 cho người nào? Hòa-thượng Huệ Năng đáp: Pháp
16 y của ta các nam nữ đã đem đi rồi. Giáo pháp của
17 ta thì sau khi ta chết ngoài hai mươi năm, ai dựng
18 lập tông chỉ, đó là người đắc pháp của ta.

19 Hòa-thượng Vô Trụ trú tại chùa Đại Lịch ở Bảo
20 Đường thuộc phủ Thành đô, Nhật Nam, thường vì
21 bốn chúng học đạo có cả trăm ngàn vạn người, hay
22 lúc chỉ một người, bất kể thời tiết, nếu có điều nghi
23 cứ mặc tình hỏi, liền ở ngay tòa giảng nói pháp,
24 thẳng đến thấy tánh, dùng trực tâm làm đạo tràng,
25 dùng phát hạnh làm đạo tràng, dùng thân tâm làm
26 đạo tràng, dùng vô nhiễm làm đạo tràng, dùng
27 chẳng chấp làm đạo tràng, dùng bất xả làm đạo
28 tràng, dùng vô vi làm phương tiện, dùng rộng lớn

1 làm phương tiện, dùng bình đẳng làm phương tiện,
2 dùng lìa tướng làm lửa, dùng giải thoát làm hương,
3 dùng không quái ngại làm sám hối, dùng vô niệm
4 làm giới, dùng vô vi vô sở đắc làm định, dùng
5 không hại làm tuệ, chẳng dùng nghiêm thiết làm
6 đạo tràng. Hòa-thượng bảo: Tất cả chúng sanh xưa
7 nay thanh tịnh, xưa nay viên mãn, thêm cũng
8 không được, bớt cũng không được, vì thuận một
9 niệm tâm hữu lậu, thì trôi lăn trong ba cõi thọ các
10 thứ thân hình, giả danh thiện tri thức, chỉ ngay bản
11 tánh tức thành Phật đạo, chấp tướng tức là đắm
12 chìm. Vì chúng sanh hữu niệm, giả nói vô niệm,
13 nếu hữu niệm không, thì vô niệm chẳng có. Dứt
14 tâm trôi lăn ba cõi, chẳng trú vắng lặng, chẳng phải
15 ở sự tướng, chẳng phải không công dụng, chỉ lìa
16 luống dối, gọi là giải thoát. Hòa-thượng lại bảo: Có
17 tâm tức là sóng cả, vô tâm tức là ngoại đạo, thuận
18 sanh tử tức là chúng sanh cấu nhiễm nương tựa,
19 vắng lặng tức là Niết-bàn. Động chẳng thuận sanh,
20 chẳng y cứ vắng lặng, chẳng vào Tam-muội, chẳng
21 trú tọa Thiền, vô sanh vô hành, tâm không được
22 mất, ảnh thể đều quấy, tánh tướng chẳng lập.

23 Hòa-thượng Phụng Tường, người ở huyện My,
24 họ Lý, pháp hiệu Vô Trú. Niên hiệu Khai Nguyên
25 (713-742) thời Tiên Đường, Sư mới năm - mười
26 tuổi, Hòa-thượng đã thay thế cha Sư mở hiệu, đến
27 lúc hai mươi tuổi, vóc dáng sức lực hơn người, võ
28 nghệ vượt hẳn tâm thường. Lúc ấy, Tín An Vương

đang sung làm Hà róc vũ đạo Tiết độ sứ, thấy Hòa-thượng có dáng mạnh mẽ, Tín An Vương bèn lưu giữ sung làm Vệ tiên du dịch tiên phong quan. Hòa-thượng thường tự than rằng: Ở đời, vinh hoa, ai người chẳng ưa thích, hàng đại trượng phu chưa gặp được thiện tri thức. Một đời không thể để luông qua!. Thế là xả bỏ quan tướng, tìm thầy hỏi đạo, bỗng gặp bạch y Cư sĩ Trần Sở Chương, chẳng biết vốn người ở xứ nào mà người đời gọi là Duy-ma-cật hóa thân giảng nói pháp Đốn giáo. Ngay ngày vừa mới gặp, Hòa-thượng ngầm hợp cùng biết, được im lặng truyền cho tâm pháp. Hòa-thượng đắc pháp rồi, một mực dứt tư bất lự, sự tướng dứt trừ, suốt thời gian năm ba năm, giữ tướng tại gia Cư sĩ mà tu hành.

Đến khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường, bỗng nghe Phạm Dương đến Thử sơn có Hòa-thượng Minh, ở Đông kinh, có Hòa-thượng Thần Hội, ở phủ Thái Nguyên có Hòa-thượng Tự tại đều là những vị đệ tử của Đại sư Huệ Năng, Tổ thứ sáu, giảng nói pháp Đốn giáo. Bấy giờ, Hòa-thượng (Vô Trú) cũng chưa xuất gia, bèn đến Thái Nguyên đánh lễ Hòa-thượng Tự Tại. Hòa-thượng Tự Tại giảng: Trong tịnh tướng vô tịnh tức là Phật tánh chân tịnh. Nghe pháp xong, tâm ý Hòa-thượng tự nhiên thỏa thích, muốn giã từ đường trước. Lão Hòa-thượng là người đáng làm rường cột của Chánh pháp, bèn cho xuống tóc, và

1 đắp mặc pháp y. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám
2 (749) thời Tiền Đường, sau khi đã thọ giới Cụ túc,
3 Hòa-thượng bèn giã từ lão Hòa-thượng Tự Tại, đi
4 đến trú tại chùa Thanh Lương ở núi Ngũ Đài, qua
5 một mùa hạ nghe giảng pháp, Hòa-thượng tiếp đến
6 chỗ Hòa- thượng Minh ở Thử sơn, chợt do tiếng
7 nói của Hòa-thượng Thần Hội, Hòa-thượng liền
8 biết được ý chí nên cũng chẳng tìm đến. Mãn mùa
9 hạ niên hiệu Thiên Bảo năm thứ chín (750) thời
10 Tiền Đường, Hòa-thượng xuống núi, đến Tây kinh,
11 qua lại giữa hai chùa An Quốc và Sùng Thánh.
12 Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười (751) thời Tiền
13 Đường, từ Tây kinh, Hòa-thượng liền đến Bắc
14 Linh Châu, ở tại núi Hạ lan suốt mười hai năm,
15 bỗng có thương nhân Tào Khôi đến lễ bái và hỏi:
16 Hòa-thượng đến Nhật Nam, có biết Hòa-thượng
17 Kim chăng? Hòa-thượng đáp: Không biết. Tào
18 Khôi nói: Tướng mạo Hòa-thượng tương tự như
19 Hòa-thượng Kim, sóng mũi cao có mép lún, nhan
20 sắc hình trạng không một gì khác, đúng là hóa thân.
21 Hòa-thượng bèn hỏi Tào Khôi: Cư sĩ từ Nhật Nam
22 đến, Hòa-thượng ấy giảng nói pháp gì? Tào Khôi
23 đáp: Nói không nhớ không niệm, chớ vọng. Ngày
24 ấy, đệ tử thọ duyên xong bèn xin giã từ. Hòa-
25 thượng Kim hỏi: Tào Khôi, ông đi đến xứ nào? Đệ
26 tử đáp: Cha mẹ hiện còn ở nhà, nên đệ tử muốn về
27 thăm. Hòa-thượng Kim bảo: Không nhớ không
28 niệm buông bỏ tất cả tức là rõ ràng mênh mông,

nhìn có cha mẹ của ông chẳng? Ngày ấy đệ tử nghe rồi mà chưa hiểu, nay xin trình hỏi Hòa-thượng. Nghe nói vậy chợt Hòa-thượng xa muốn cùng thầy biết Hòa-thượng Kim, bèn mới xuống núi Hạ lan đến Bắc Linh châu, ra Hành văn đến Nhật Nam lễ bái Hòa-thượng Kim. Bèn bị giữ lại, sau Diêu Từ Vương chẳng phóng thả, Đại đức Hòa-thượng Sử, luật sư Biện Tài, Luật sư Tuệ Trang v.v... các Đại đức chẳng được tha lại.

Đến tháng mười niên hiệu Chí Đức năm thứ hai (757) thời Tiên Đường, từ Bắc Linh châu ra đến thành Định Viễn, Phong Ninh quân sứ Dương Hàm Chương đang xử xuất tại Hành văn, Quân sứ khổ công muốn giữ lại, hỏi Hòa-thượng: Phật pháp đang chỉ có ở Nhật Nam, hay xứ này cũng có, nếu đây và kia chỉ một thứ, thì vì sao Cố bỏ đi? Hòa-thượng đáp: Nếu biết tâm thấy tánh thì Phật pháp khắp cùng mọi nơi, không trú là nơi học địa, Thiện tri thức hiện ở tại Nhật Nam, do đó, phải xa tìm đến. Quân sứ lại hỏi Hòa-thượng: Thiện tri thức ấy là ai? Hòa- thượng đáp: Đó là Hòa-thượng Vô Tướng, họ Kim, nên mọi người gọi là Hòa-thượng Kim. Quân sứ đánh lễ, bèn ra Hành văn, Hòa-thượng dần dần theo hướng Nam đến Phụng tường. Lại bị các vị Đại đức khổ công giữ lại không cho đi, Hòa-thượng cũng chẳng dừng ở. Lại theo đường núi Thái bạch, vào ở núi Thái bạch. Qua một mùa hạ, lại theo đường núi Tế thủy đến Nam

1 Lương Châu, chư Tăng và đồ chúng lại khổ công
2 lưu giữ, nhưng Hòa-thượng chẳng ở.

3 Tháng giêng niên hiệu Càn Nguyên năm thứ
4 hai (759) thời Tiền Đường, đến chùa Tịnh Tuyên ở
5 phủ Thành đô. Lúc mới đến, gặp Thiền sư An Càn
6 dẫn tới gặp Hòa-thượng Kim, Hòa-thượng (Vô
7 Trú) trông thấy khác thường bèn rất vui mừng.
8 Hòa-thượng Kim sai bảo Thiền sư An Càn làm chủ
9 nhân, xếp đặt ở Viện ở dưới lầu chuông. Lúc ấy
10 chánh ngày thọ duyên, ngay đêm theo đại chúng
11 thọ duyên, chỉ qua ba ngày ba đêm, mỗi ngày Hòa-
12 thượng Kim ở giữa đại chúng lớn tiếng xưng
13 rằng: Duyên gì chẳng vào núi đi, ở lâu đâu có ích
14 gì? các đệ tử theo hầu chung quanh đều lấy làm lạ,
15 Hòa-thượng Kim chưa hề nói lời như thế. Vì sao
16 bỗng nhiên nói như vậy? Hòa-thượng Vô Trú im
17 lặng mà vào núi. Về sau, Hòa-thượng Kim nghĩ
18 nhớ, duyên gì chẳng đến, Thượng tọa không tâu
19 thưa thượng tọa, muốn được cùng biết vì sợ về sau
20 gặp nhau, chẳng biết kia đây là ai.

21 Một sáng sớm nọ, Hòa-thượng bảo: Tôi tuy ở
22 đây nhưng thường gặp Hòa-thượng Kim. Nếu
23 muốn chẳng cùng biết, đối mặt ngàn dặm, tôi lại vì
24 các ông kể một duyên khởi. Xưa kia, lúc Đức Phật
25 còn tại thế, suốt một mùa hạ ba tháng, Đức Phật
26 lên cung trời Đao lợi giảng pháp độ phu nhân Ma-
27 da. Bảy giờ mười sáu vị đại Quốc vương cùng với
28 tất cả chúng sanh đều nghĩ nhớ Đức Phật, bèn nhờ

Tôn giả Đại Mục-kiền- liên lên cung trời Đao lợi
 thỉnh Đức Phật trở về, lúc Đức Phật về lại cõi
 Diêm-phù-đề này, Tôn giả Tu-bồ-đề đang ở trong
 động đá, nghe Đức Phật trở về liền muốn ra thất để
 đón rước, nhưng lại tự nghĩ rằng: Ta nghe Đức Thế
 tôn dạy. Nếu người trú trong Tam-muội, tức là thấy
 ta.

Nếu thấy thân năm sắc thì đâu có ích gì? Bèn
 nhập Tam-muội, khi ấy Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc
 nghĩ muốn dứt tiếng xấu bèn muốn đến trước để
 thấy Phật. Các đại Quốc vương tám bộ trời rồng
 đều vây quanh, không có đường vào, nên hiện thân
 làm vua đại Chuyển luân có ngàn người con vây
 quanh, rồng thần, Quốc vương đều mở lối, Tỳ-
 kheo-ni Liên Hoa Sắc hiện lại nguyên hình đi nhiều
 quanh Đức Thế tôn xong, chấp tay nói kệ rằng:

*Con thấy Phật đầu tiên,
 Con lễ Phật trước hết!*

Nói kệ xong, đánh lễ rồi đứng. Khi ấy Đức Thế
 tôn bảo Tỳ-kheo- ni Liên Hoa Sắc rằng: Ở trong
 chúng hội này, cô là người thấy sau cùng. Tỳ-kheo-
 ni Liên Hoa Sắc bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế
 tôn! Trong chúng hội này không có A-la-hán, sao
 nói con thấy sau cùng? Đức Thế Tôn bảo: Tu-bồ-
 đề ở trong hang đá, thường trú trong Tam-muội, do
 đó được thấy pháp thân ta, người chỉ đến trông thấy
 sắc thân, do đó mà ở sau. Xưa kia Đức Phật có để
 lại minh văn rõ ràng, do đó Vô Trú tôi chẳng đi.

Có vị ở chung là Thiền sư Đạo Dật chuyên thực hành trì tụng lễ niệm, còn Hòa-thượng (Vô Trú) một bề bật tư dứt lự, vào cảnh giới tự chứng. Thiền sư Đạo Dật nói với các Thiền sư nhỏ đồng học thừa Hòa- thượng: Mỗi ngày xin có sáu thời lễ sám. Cúi xin chấp thuận cho. Hòa- thượng bảo Thiền sư Đạo Dật v.v... rằng: Lúc này lương thực đều bật dứt duyên, một số người vận chuyển vào trong núi sâu không nổi, nên phải y theo pháp mà tu hành, muốn được cuồng học, đó đều chẳng phải Phật pháp. Trong kinh Phật Đảnh nói: Tâm cuồng chẳng dứt hết, dứt hết tức Bồ-đề, minh tâm thắng tịnh, vốn đồng pháp giới. Vô niệm tức là thấy Phật, hữu niệm tức là sanh tử. Nếu muốn được lễ bái tụng niệm tức là xuống núi. Dưới đất bằng có nhiều ngôi chùa trống, cứ mặc tình ra đi, còn nếu muốn được ở chung thì chỉ một bề vô niệm, nếu được như vậy thì mặc tình ở lại, không được liêu phải xuống núi đi. Thiền sư Đạo Dật thấy không được toại ý, bèn giã từ Hòa-thượng mà ra núi Thiên Thương, lại đến chùa Tịnh Tuyên ở Ích châu, trước tiên gặp Thượng tọa Không v.v... bèn nói: Trong núi có Thiền sư Vô Trú không thực hành lễ sám niệm tụng, chỉ chuyên ngồi không. Hà Không v.v... nghe nói vậy càng kinh ngạc kỳ quái gấp bội lúc thường, tự bảo: Há đó là lãnh tụ Phật pháp? Gặp Hòa-thượng Kim, Thiền sư Đạo Dật liền lễ bái, chưa xong, Hà Không v.v... hỏi Hòa-thượng Kim rằng:

1 Thiên sư Vô Trú ở núi Thiên Thương chỉ ngồi
2 không, chẳng chịu lễ tụng, cũng chẳng chỉ dạy
3 người ở chung lễ tụng, há việc ấy là Phật pháp ư?
4 Hòa-thượng Kim mắng Hà Không, Đạo Dạt v.v...
5 rằng: Các ông đến sau. Lúc ta còn ở Hạc địa (hữu
6 học), cơm còn chẳng kịp ăn, chỉ ngồi không, đại
7 tiểu tiện cũng không công phu. Các ông không
8 biết. Ngày ta đang ở núi Thiên Cốc cũng chẳng lễ
9 bái niệm tụng, các bạn đồng học tức giận ta đều bỏ
10 đi khỏi núi, không người đưa cho thức ăn, chỉ
11 luyện đất làm thức ăn, cũng không công phu. Lúc
12 ra núi cũng một bề ngồi không. Có Mạnh, chủ chùa
13 nghe các bạn đồng học nói ta ngồi không, bèn đến
14 nói Hòa- thượng Đường (Xử Tịch) mà gièm pha
15 chế diễu ta, Hòa-thượng Đường nghe nói vậy càng
16 hoan hỷ gấp bội. Lúc ta ở núi Thiên Cốc cũng
17 không biết việc gièm pha chế diễu đó, đến lúc nghe
18 Hòa-thượng Đường bốn đại chẳng an, nên từ núi
19 Thiên cốc ta đến chùa Đức Thuần ở Tư châu.
20 Mạnh, chủ chùa thấy ta đến, chẳng cho ta vào chùa,
21 Hòa-thượng Đường nghe ta đến, sai bảo người gọi
22 ta vào, đến trước phòng, ta lễ bái chưa xong, Hòa-
23 thượng Đường liền hỏi: Ông ở núi Thiên Cốc làm
24 việc gì? Ta đáp: Chẳng làm gì, chỉ không bận rộn.
25 Hòa-thượng Đường bảo: Ông ở đó bận rộn, ta cũng
26 bận rộn. Hòa-thượng Đường biết mọi người không
27 biết.

28 Hòa-thượng bảo Cư sĩ (Huân Tuyên) rằng: Một

1 chi Phật pháp của Tổ sư Đạt-ma là Hòa-thượng
2 Kim ở Nhật Nam, tức là đó. Nếu chẳng thọ duyên
3 thì dường như vào núi báu mà trở về tay không!
4 Cư sĩ Huân Tuyên nghe vậy rồi, đứng dậy chấp tay
5 thưa: Đệ tử xin vào phủ Thành đô ngay để thọ
6 duyên. Hòa-thượng (Vô Trú) ở trong núi biết Hòa-
7 thượng Kim (Vô Tướng) đang xa nghĩ nhớ, liền
8 biết ý, bèn bảo Cư sĩ Huân Tuyên rằng: Đây có nửa
9 cân mâm trà, Cư sĩ đem mâm trà này làm tin về
10 kính dâng Hòa-thượng Kim, chuyển lời Vô Trú nói
11 là xin đánh lễ Hòa-thượng Kim. Nếu Hòa-thượng
12 Kim có hỏi Vô Trú tôi, thì nói Vô Trú tôi chưa định
13 xuống núi. Cư sĩ Huân Tuyên liền giã từ Hòa-
14 thượng đem mâm trà gởi kính dâng. Ngày 13 tháng
15 04 (năm 762) đến chùa Tịnh Tuyên ở phủ Thành
16 đô. Vì Hòa-thượng Kim thân thể bất an, nên không
17 người ngoài nào được vào thấy gặp. Huân Tuyên
18 gặp Thiên sư Bồ-đề dẫn vào thấy gặp Hòa-thượng
19 Kim, trình bày đầy đủ về mâm trà do Thiên sư Vô
20 Trú kính dâng và chuyển lời xin đánh lễ. Hòa-
21 thượng Kim nghe nói và thấy mâm trà, liền ngợi
22 khen khác thường, bảo Huân Tuyên(): Thiên sư
23 Vô Trú đã có tin đưa lại, vì sao tự thân chẳng đến
24 đây? Huân Tuyên đáp: Thiên sư Vô Trú chưa định
25 xuống núi. Hòa- thượng Kim hỏi: Ông là ai? Huân
26 Tuyên đáp Hòa-thượng Kim rằng: Là đệ tử gần gũi
27 nương hầu Thiên sư Vô Trú. Hòa-thượng Kim nhìn
28 Huân Tuyên và bảo: Ngày về lại núi Bạch nhai, ta

1 có tin đưa đi, nên ông phải gặp lại ta. Đến ngày 15
2 (tháng 05), gặp Hòa-thượng Kim, Huân Tuyên nói:
3 Muốn về lại núi Bạch nhai, xin theo sự chỉ bảo của
4 Hòa-thượng. Khi ấy, Hòa-thượng Kim bảo các đệ
5 tử gần gũi hầu hạ rằng: Tất cả các ông ra khỏi ngoài
6 phòng nhà. Và liền gọi Huân Tuyên vào trong
7 phòng. Huân Tuyên vâng lời vào phòng quỳ thẳng
8 chấp tay, Hòa-thượng Kim đem pháp y ca-sa và
9 bảo Huân Tuyên: Người đời có hỏi, chớ nên chỉ
10 bày, đây là chiếc y mà Hoàng hậu Võ Tắc Thiên
11 ban tặng Hòa-thượng Trí Săn, Hòa-thượng Trí Săn
12 trao truyền cho Hòa-thượng Đường (Xử Tịch).
13 Hòa-thượng Đường truyền trao cho ta, nay ta
14 truyền trao lại cho Thiền sư Vô Trú pháp y này từ
15 lâu xa đến nay quý trọng gìn giữ, chớ cho người
16 biết! Nói xong, Hòa-thượng Kim buồn bã nghẹn
17 ngào, tiếp bảo: Pháp y này đích đích tương truyền
18 phó trao, phải nên cố gắng, cố gắng! Rồi Hòa-
19 thượng liền cởi pháp y ca-sa trên thân, quần che
20 phủ đùi vế, áo sam, tọa cụ v.v..., tất cả mười bảy
21 vật trao cho Huân Tuyên và bảo: Ông đem các thứ
22 y vật này thăm chuyển đến cho Thiền sư Vô Trú,
23 và chuyển lời ta nói khéo tự gìn giữ. Cố gắng, cố
24 gắng! Nay chưa phải lúc xuống núi, nên chờ đợi
25 thời gian năm ba-năm nữa, tự có quý nhân đến đón
26 rước rồi hãy ra. Và Hòa-thượng Kim liền bảo Huân
27 Tuyên đi gấp, chớ cho người thấy. Sau khi Huân
28 Tuyên đi rồi, Hòa-thượng Kim nói riêng một mình:

1 Vật này đi chậm, đến đầu thì trở lại thâu đạt. Ngay
2 lúc Hòa-thượng Kim nói như vậy thì chung quanh
3 không có người. các đệ tử ở ngoài phòng nhà nghe
4 tiếng Hòa-thượng Kim nói, đồng một lúc vào
5 phòng nhà, hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Sao nói
6 riêng một mình? Chỉ nói ầu? Vì Hòa-thượng Kim
7 bốn đại chẳng an, mọi người thấy đã có dự đoán,
8 tiện đó hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Pháp y từ xưa
9 lưu truyền làm tin nay ở đâu? Phật pháp Hòa-
10 thượng phó chúc cho người nào? Hòa- thượng Kim
11 đáp: Pháp ta đến chỗ Vô Trú, còn y máng treo đầu
12 cây gỗ. Không một người nào được. Hòa-thượng
13 Kim xoay nhìn mọi người và bảo: Đây không phải
14 là cảnh giới của các người. Các người đều tự mang
15 lấy bản xứ đi. Ngày 15 tháng 04 niên hiệu Thượng
16 Nguyên năm thứ hai đời niên hiệu thành niên hiệu
17 Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường.
18 Ngày 15 tháng 05, Hòa-thượng Kim đã xa phó
19 chúc xong, đến ngày mười chín, bảo các đệ tử: Lấy
20 xiêm y mới sạch cho ta thay, nay ta tắm gội. Xong
21 đến nửa đêm giờ tý, Hòa-thượng Kim an nhiên thị
22 tịch.

23 Phó nguyên soái Hoàng môn thị lang Đỗ
24 Tướng Công, ngày đầu mới đến phủ Thành đô,
25 nghe Hòa-thượng Kim là người không thể nghĩ
26 bàn. Nay Hòa-thượng đã thị tịch, phải có đệ tử kế
27 thừa tiếp nối theo sau, bèn đến chùa Tịnh Tuyên và
28 chùa Ninh Quốc ở Hành sơn thăm xem, thấy các

1 dấu vết của Hòa-thượng Kim ngày trước, Tướng
2 Công bèn gá hỏi các Thiền sư nhỏ v.v.... có vị tăng
3 đệ tử kế thừa tiếp theo hay không? Các Thiền sư
4 nhỏ đáp: Cũng không có người nào kế thừa tiếp
5 theo. Ngày còn tại thế, Hòa-thượng có hai pháp y
6 ca-sa, một pháp y hiện còn tại chùa Ninh Quốc ở
7 Hành sơn, và một pháp y để lại tại chùa Tịnh Tuyên
8 để cúng dường. Tướng Công không tin, lại hỏi các
9 luật sư: Hồng tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim
10 (Vô Tướng) là bậc thiện tri thức, tiếp thừa y bát từ
11 xưa, sư sư tương truyền trao phó, nay Hòa-thượng
12 Kim đã thị tịch, đệ tử kế thừa tiếp theo ở đâu? Các
13 luật sư đáp Tướng Công rằng: Hòa-thượng Kim là
14 người Phiên, nước ngoài, cũng không có Phật
15 pháp. Ngày còn ở đời, không giảng nói pháp nhiều.
16 Dầu có giảng nói cũng không thể được chân chánh.
17 Ngày còn ở đời, tuy đầy đủ sự cúng dường bố thí,
18 nhưng không phải là vị Tăng có phước đức, nên dù
19 có đệ tử cũng không hiểu rành Phật pháp. Tướng
20 Công soi xét cao xa, liền biết đều là lời nói ghét
21 ganh, bèn trở về nhà, hỏi người gần gũi lo việc là
22 Khổng Mục Quan Mã Lương, Khương Nhiên v.v...
23 Có biết ở Nhật Nam có bao nhiêu danh tăng Đại
24 đức chăng? Mã Lương đáp: Tại nội viện thường
25 thấy Tiết độ quân tướng nói: Phía Tây ải tầm nai,
26 trong núi Bạch nai có Thiền sư Vô Trú được Hòa-
27 thượng Kim trao truyền pháp y bình bát, đó là đệ
28 tử kế thừa tiếp theo. Thiền sư ấy có hạnh nghiệp

1 sâu dày, cũng chưa từng xuống núi. Tướng Công
2 nghe nói vậy, xoay nhìn Mã Lương v.v... bảo:
3 Hồng Tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim là bậc Đại
4 Thiện tri thức, hôm trước tôi tự đến Hành sơn vào
5 chùa Ninh Quốc và chùa Tịnh Tuyên, hỏi các đệ tử
6 gần gũi hầu hạ Hòa-thượng Kim, nhưng họ đều bảo
7 là không có đệ tử nào kế thừa tiếp theo và được
8 truyền trao pháp y bình bát. Tôi lại đến hỏi các
9 Luật sư họ đều nói lời phỉ báng. Nay y cứ lý do dấu
10 vết này thì Thiền sư Vô Trú ở núi Bạch nhai hẳn
11 phải là bậc Đạo hạnh. Ngay ngày đó đến chỗ nha
12 sở, Tướng Công bèn hỏi các quân tướng rằng: Biết
13 trong lãnh vực cai quản, có bậc danh Tăng Đại đức
14 nào chăng? Tiết độ phó sứ Ngưu Vọng Tiên, Lý
15 Linh Ứng, Quy Thành Vương, Đồng Gia Hội,
16 Trương Ôn Âm Hợp, Trương Dư Quang, Trương
17 Chân, Vi Loan, Tần Định v.v... bàn nói với Tướng
18 Công rằng: Trong núi Bạch nhai có Thiền sư Vô
19 Trú, không thể nghĩ bàn. Tướng Công hỏi Ngưu
20 Vọng Tiên, v.v... Sao các ông biết? Ngưu Vọng
21 Tiên đáp: Vọng Tiên tôi do Cao Đại Phu sai đi sứ
22 đến nơi doanh tạo thạch bia cách đạo tràng không
23 xa, có vài lần đánh lễ nên biết không thể nghĩ bàn.
24 Tướng Công lại hỏi: Vừa rồi nói pháp y bình bát ở
25 tại đó, ai là người biết đích thực? Tần Định, Trương
26 Hoàng bàn với nhau, nói rằng: Tần Định tôi v.v...
27 được sung cùng theo đi tuần Ngô Hầu, ngày Hòa-
28 thượng Kim mới thị tịch, các đệ tử gần gũi nương

1 hầu ở hai chùa đều than thở, Chúc Thường Thị đến
2 Đại Phu nói: Tín y của Hòa-thượng không được
3 biết đích thực, và chẳng chịu đốt, Cao Đại Phu
4 phán giao mọi người cùng theo đi tuần Ngô Hầu
5 suy hỏi đích thực lãnh qua. Ngày đó mới có được
6 hai pháp y ca-sa, mỗi chùa có một pháp y, nên pháp
7 y làm tin không biết tìm ở đâu. Ngày đó không biết
8 trong núi Bạch nhai ở phía Tây của Tầm nhai có
9 Thiền sư Vô Trú. Về sau bị sai mười tướng lãnh
10 đem binh ngựa lên Tây sơn đánh thành Đàng cầu.
11 Chưa tiến quân, khó khăn tại doanh tạo thạch bia,
12 dừng nghỉ ở Hành doanh, gần đạo tràng. Tần Dịch
13 tôi cùng các quân tướng thiết trai đến đó cúng
14 dường. Mới đầu gặp Thiền sư dung mạo giống hệt
15 Hòa-thượng Kim, Tần Dịch tôi v.v... cùng tưởng là
16 của Hòa-thượng Kim hóa thân, gá hỏi tạm dừng ở,
17 mới biết pháp y bình bát Hòa-thượng Kim trước
18 kia sai bảo một người chuyển trao, bị người ấy giấu
19 hai năm chẳng trao, mà đem bán cho một vị Tăng.
20 Vị Tăng ấy có được pháp y, ban đêm mộng thấy vị
21 thần bảo trả lại cho bản chủ, nếu không trả lại sẽ
22 hấn tổn hại tánh mạng. Người mua (vị Tăng ấy) vội
23 báo lại, sau bán không được, người kia lại đem đến
24 chỗ Thiền sư ấy. Tần dịch tôi v.v... mới đầu nghe
25 vậy, đang lúc suy tầm không biết pháp y ca-sa ở
26 nơi nào, nay hiện ở tại đó liền xin đánh lễ, cũng
27 không sanh làm nạn hại. Thiền sư ấy liền bung
28 pháp y ca-sa ra cho các quân tướng quan kiện v.v...

được thấy, do đó biết ở tại đó. Tướng Công nghe nói vậy bèn khen: Kỳ thay! Lạ thay! Tăng ân tích Phật pháp chẳng dối người thế tục. Người thế tục muốn Phật pháp được lưu hành! Tiết độ phó sứ Lý Linh Ứng, Trương Ôn, Ngưu Vọng Tiên, Quy Thành Vương, Huân (Đồng) Gia Hội, Vi Loan, Tần Dịch v.v... mọi người thay nhau ký tên trong văn thỉnh cầu Hòa-thượng. Tướng Công xoay nhìn các quân tướng biết Thiên sư Vô Trú, tự có tâm thỉnh cầu, Tướng Công sai phái Quan lục hương Mộ Dung Đánh làm chuyên sứ, liền bảo ban ra văn điệp tại đường lần lượt đi, các châu huyện trang nghiêm dựng treo phướn hoa. Các tăng đạo tuổi cao và cả người có tiếng tăm, cùng các quan huyện xong việc cùng đến núi thỉnh cầu.

Văn điệp chưa ban xuất, mà Tiểu Kim sư và Trương Đại sư ở hai chùa Tịnh Tuyên và Ninh Quốc nghe thỉnh cầu Hòa-thượng Vô Trú, lo sợ không biết tính sao, bèn cùng các luật sư bình chương phỏng định làm việc ma, trước tiên nghiêm tấu thượng thư Biểu, đệ tử Luật sư Tiêu v.v... dặn Đại sư Thái phu nhân đoạt lấy Thiền viện của Hòa-thượng Kim làm Luật viện, lấy Thiền đường của Hòa-thượng Kim làm Luật đường. Tiểu Kim sư cầu thả an thân, luật sư Tiêu v.v... cùng biết tính hợp làm luật viện, lập bia, Đô Ngang soạn văn, luật sư Trương Tri cùng Vương Anh Diệu và Tiểu Kim sư, Trương Đại sư, căn dặn Đô Ngang lang trung,

1 luật sư Vương Anh Diệu cùng Vương Kiến là đồng
2 họ nên cùng nhau nhận làm anh em, căn dặn Thôi
3 Bộc Xạ, Nhâm phu nhân, thiết trai thọ thực xong,
4 Tiểu Kim sư liền giờ cao pháp y ca-sa do Bùi Bội
5 Xạ cúng thí trình bày với Bộc Xạ và phu nhân. Tiểu
6 Kim sư buồn khóc nói: Đây là pháp y ca-sa được
7 tiếp thừa từ xưa trước làm tin, Bộc Xạ can trước
8 nay không biết việc này, thỉnh cầu Thiền sư Vô
9 Trú, Tướng Công có ý kính trọng, chẳng liên quan
10 can sự. Đô Ngang, Vương Kiến quanh co đồng
11 đảng sợ đoạt lấy Luật viện, nên xoay nhìn hỏi các
12 Luật sư: Sơn tăng Thiền sư Vô Trú ấy có đại
13 nghiệp gì? Luật sư Anh Diệu v.v... cùng đáp: Nếu
14 thỉnh Thiền sư Vô Trú ấy không có hiểu biết, còn
15 thỉnh chư Tăng đây rất có ích cho các hàng xuất
16 gia. Thượng thư hỏi: Vì sao không ích lợi cho hàng
17 xuất gia? Đáp: Có một người thợ ở Vân châu khắc
18 đúc công đức binh được một pháp y ca-sa tính trị
19 giá hai mươi ngàn (20.000) văn, bị Thiền sư kia
20 đoạt lấy y của người thợ, không trả lại, mà bảo:
21 Hòa-thượng Kim cho ta thực hành không sự tướng
22 lễ tụng trì niệm, y theo dấu vết ấy thì không ích lợi
23 cho hàng xuất gia. Bộc Xạ xoay nhìn luật sư và
24 bảo: Trước kia, can ở tại Tây sơn binh ngựa đã biết
25 ý hướng. Các luật sư v.v... dùng gì cùng vu không
26 vậy? Nói xong liền là khỏi chiêu. Bạn đảng ma
27 quái đổi sắc mặt không biết tính sao, việc ma bèn
28 chấm dứt.

Ngày 23 tháng 09 niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ hai (766) thời Tiền Đường, Mộ Dung Đảnh cùng các quan huyện, đạo Tăng v.v... đến núi Bạch nhai thỉnh cầu Hòa-thượng, chuyển lời Tướng Công, Bộc Xạ và Giám Quân xin đánh lễ, nguyện xin Hòa-thượng chẳng bỏ từ bi, vì các hành thương sanh trong ba thực mà làm rường cột lớn. Do chí thành hết lòng cầu thỉnh, Hòa-thượng biết Tướng Công thấu hiểu Phật pháp sâu sắc, kính mến Đại thừa, biết Bộc Xạ là người nhân từ khoan hậu, biết Giám Quân kính Phật, Pháp, Tăng. Xét biết là đồng duyên đồng hội nên chấp thuận sự thỉnh cầu. Liền có phước đẹp long báu, các vị Đại đức ở các châu lo ngại Hòa-thượng không ra khỏi núi Bạch Nhai, cũng đến cửa núi cùng nhau thỉnh cầu, tức đưa kiệu báu đến đón rước Hòa-thượng, mời Hòa-thượng vào ngồi trong kiệu, Hòa-thượng không chấp thuận, đi từng bước chậm rãi. Ngày Hòa-thượng muốn xuống núi, trong cảnh Vực của châu Mậu có sáu lần rung chuyển, núi sông gập rồng, chim trùng kêu réo. Muôn dân cùng hỏi nhau: Đó là điềm lành gì thấy có sứ đến cầu thỉnh Hòa-thượng. Các Tăng Ni đạo tục ở xứ đó lại cầu thỉnh Hòa-thượng ở lại. Chuyên sứ nói với các đạo tục rằng: Đây là ý của Tướng Công, Bộc Xạ trọng vì thương sanh trong Ba thực. Đâu duyên chỉ cảnh Vực này mà chẳng hứa ở lại. Ngày Hòa-thượng chưa xuống núi, giặc cướp đua nhau dấy lên. Các châu không

1 được mùa màng, thóc gạo khan hiếm. Dân chúng
2 bàng hoàng lo sợ. Tướng Công, Bộc Xạ thỉnh Hòa-
3 thượng xuống núi, đến các châu huyện thì lúa thóc
4 gập bội rẻ giá, dân chúng an vui, khắp nơi mùa
5 màng trúng mùa, giặc cướp tự dứt trừ hết, an nhiên
6 vô sự. Hòa-thượng đến châu nào thì châu sứ đích
7 thân đón rước. Đến huyện, huyện lệnh dẫn đường,
8 nhà nhà treo phướn, cửa cửa đốt hương, mọi người
9 đều nói: Thương sanh có phước! các đạo tục đầy
10 đường xướng rằng: Hòa-thượng Vô Tướng đi,
11 Hòa- thượng Vô Trú lại, đây tức là Phật Phật trao
12 tay, hóa hóa chẳng dứt, đuốc đuốc truyền nhau,
13 pháp nhãn lại tỏa sáng, cớ pháp được dựng lập, đại
14 hành Phật pháp. Tướng Công ban lệnh Đô Áp Nha,
15 Khâm Hoa Tra xa đón rước Hòa-thượng. Khâm Áp
16 Nha truyền lời Tướng Công rằng: Hồng Tiệm chột
17 mắt bệnh phong, chẳng được ra xa đón rước. Đến
18 ngày lễ bái, Nhật Nam tây xuyên Tiết độ sứ tả Bộc
19 Xạ kiêm Hương sử đại phu Thành đô doãn Thôi
20 Công, Lệnh đô Ngô Hầu Vương Hưu Xử Nham,
21 Thiệu phủ giám Lý Quân Chiêu, Nha tiền ngô hầu
22 Đỗ Chương v.v... truyền lời Bộc Xạ đánh lễ Hòa-
23 thượng rằng: Đệ tử là địa chủ, tự phải ra xa đón
24 rước, duyên vì Tướng Công bị bệnh phong, do đó,
25 đệ tử và Giám Quân sứ chẳng dám lại trước, cúi
26 xin Hòa-thượng soi xét cho! Truyền lời xong, đồng
27 một lúc dẫn đưa Hòa-thượng đến chùa Không Tuệ
28 ở nghỉ. Lúc đó là ngày 29 tháng 09.

Đến ngày mùng 01 tháng 10, Đỗ Tướng Công, Ngô Giám Quân sai các Lang quan thị lang Đông Xuyên Lưu Hậu, Lang trung Đỗ Tế, Hành quân Đỗ Tạng, Kinh công nam sứ trung thừa Tô Vu, Tề minh Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á, Đô Ngang, Mã hùng, Sầm Tham, Quán sát phán quan viên ngoại Lý Bố, Viên ngoại Liễu Tử, Hoa thanh miêu sứ Ngô Úc, Tổ dong sứ Vi Hạ, Hữu thị lang Dịch Bát Tế, Thôi Kháng, Thôi Thích, Vương Kiên, Tô Sưởng, Tư Mã Liêm, Lưỡng thiếu Doãn Thành Bí, Bạch Tử Phưởng, Lưỡng huyện lệnh Ban v.v... trước đến thưa bạch Hòa-thượng rằng: Tướng Công đến bái yết Hòa-thượng. Hòa-thượng đáp: Lại tức từ nơi khác lại. Áp Nha thưa Hòa-thượng: Quốc tướng quý trọng, nên phải ra đón rước. Hòa-thượng đáp: Không nên đón rước.

Đón rước tức là tình người, chẳng đón rước tức là Phật pháp. Áp Nha lại muốn nói, chợt nhiên Tướng Công vào viện, thấy Hòa-thượng dung nghi chẳng máy động, nghiêm nhiên an tường, Tướng Công cúi mình xuống thêm lễ bái chấp tay, hỏi tin dấy ở. Các lang quan, thị lang chưa từng thấy có việc như thế, chợt thấy Hòa-thượng chẳng đón rước, chẳng đứng dậy, chong chong nhìn nhau hỏi: Vì sao chẳng đón rước, chẳng ngồi dậy. Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á cùng lâu hầu Tướng Công rất biết ý chỉ, cũng nói thông Phật pháp. Các lang quan, thị lang trông xem Thiên sư đây hẳn đáng có

1 đạo, Tướng Công tự soi xét, sao quái lạ như vậy.
2 Ngày đó ngoài cửa Tiết độ phó sứ Ngô Hầu chợt
3 nghe Hòa-thượng thấy Tướng Công mà chẳng ngồi
4 dậy, chẳng đón rước, lo sợ thất sắc, lưu hành mưa
5 rây sai bảo người ngấm do nghe, lại chờ đợi phân
6 xử, thấy Tướng Công ngồi an nói cười, Hòa-
7 thượng giảng nói pháp, Tướng Công chấp tay cúi
8 đầu, các quan v.v... thăm mừng, mọi người ngoài
9 cửa nghe rồi, liền hết lo âu.

10 Mới đầu ngồi yên, Tướng Công hỏi Hòa-
11 thượng: Vì sao đến đây? Hòa-thượng đáp: Xa đến
12 chỗ Hòa-thượng Kim. Tướng Công lại hỏi: Trước
13 ở xứ nào? Nay lại xa đến chỗ Hòa-thượng Kim?
14 Hòa-thượng Kim giảng nói giáo pháp gì? Hòa-
15 thượng đáp: Từ chùa Bảo Phúc ở Đài sơn, đến
16 Phần châu v.v... và cả núi Hạ lan đều nghe Hòa-
17 thượng Kim giảng nói pháp Đốn giáo, do đó mà xa
18 đến. Tướng Công hỏi: Hòa-thượng Kim giảng nói
19 về không nhớ không niệm chớ vọng, có phải
20 không? Hòa-thượng đáp: Đúng vậy. Tướng Công
21 lại hỏi: Ba câu ấy là một hay là ba? Hòa-thượng
22 đáp: Là một, chẳng phải ba. Không nhớ tức là giới,
23 không niệm tức là định, chớ vọng tức là tuệ. Hòa-
24 thượng lại bảo: Niệm chẳng khởi tức là giới môn.
25 Niệm chẳng khởi là định môn. Niệm chẳng khởi là
26 tuệ môn. Vô niệm tức giới định tuệ đầy đủ. Tướng
27 Công lại hỏi:

28 Đã một chữ Vọng ? thì dưới chữ Vong ? là chữ

1 nữ ? hay dưới chữ Vong ? là chữ Tâm?? Hòa-
2 thượng đáp: Dưới chữ Vong ? là chữ Nữ ?. Tướng
3 Công hỏi: Có chứng cứ chẳng? Hòa-thượng đáp:
4 Có. Lại dẫn

5 kinh Pháp Cú nói: Nói các pháp tinh tấn, vì
6 Tăng thượng mạn nói, nếu không tăng thượng
7 mạn, không thiện, không tinh tấn. Nếu khởi tâm
8 tinh tấn, là vọng chẳng tinh tấn, nếu tâm chẳng có
9 vọng, tinh tấn không ngăn mé. Nghe nói vậy,
10 Tướng Công lại hỏi Hòa-thượng: Thấy cây trước
11 sân chẳng? Hòa-thượng đáp: Thấy Tướng công lại
12 hỏi. Ngoài tường vách phía sau có cây, thấy chẳng?
13 Hòa-thượng đáp: Bất luận trước sau, khắp cả mười
14 phương thế giới đều thấy, đều nghe. Trên cây trước
15 sân có tiếng chim cá-cô hót, Tướng Công lại hỏi:
16 Nghe tiếng chim cá-cô hót chẳng? Hòa-thượng
17 đáp: Thấy nghe hay biết đây là thấy nghe biết của
18 thể gian. Trong kinh Duy-ma nói: Nếu hành thấy
19 nghe hay biết tức là thấy nghe hay biết, pháp là
20 thấy nghe hay biết, vô niệm là không thấy, vô niệm
21 là không biết. Vì chúng sanh hữu niệm, mà giả nói
22 vô niệm. Chánh lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có.
23 Hòa-thượng lại dẫn Kinh Kim Cang Tam-muội
24 nói: Tôn giả Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm,
25 vô niệm không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng
26 diệt. Lại dẫn Kinh Duy-ma nói: Chẳng hành là Bò-
27 đề, không nhớ niệm nên thường cầu vô niệm, thật
28 tướng trí tuệ. Kinh Lăng-già nói: Thánh giả chứng

1 bên trong, thường trú nơi vô niệm. Kinh Phật Đánh
 2 nói: A-nan! Ông vừa nêu tâm, trần lao khởi trước.
 3 Và kinh lại nói: Thấy còn lìa thấy, thấy không sánh
 4 bằng. Kinh Tư Ích nói: Thế nào là tất cả Chánh
 5 pháp? Thế nào là tất cả tà pháp? Nếu dùng tâm
 6 phân biệt, tất cả đều tà pháp, nếu chẳng dùng tâm
 7 phân biệt, tất cả đều là Chánh pháp. Trong pháp vô
 8 tâm, khởi tâm phân biệt, đều là tà. Kinh Lăng-già
 9 nói: Thấy Phật nghe pháp đều là tự tâm phân biệt.
 10 Người chẳng khởi thấy, gọi là thấy Phật. Nghe
 11 giảng pháp như vậy rồi, Tướng Công đánh lễ thưa
 12 Hòa-thượng rằng: Hồng Tiệm mới đầu nghe ngày
 13 Hòa-thượng chưa xuống núi, Hồng Tiệm đến chùa
 14 Tịnh Tuyền và chùa Ninh Quốc xem các dấu vết
 15 của Hòa-thượng Kim, là bậc Đại Thiện tri thức, tức
 16 biết Nhật Nam lại đáng còn có Thiện tri thức, Hồng
 17 Tiệm hỏi khắp các sư tăng về ba câu của Hòa-
 18 thượng Kim, đến chữ Vọng ? mà các sư Tăng đều
 19 đáp dưới chữ Vong ? là chữ Tâm?, và ba câu mỗi
 20 tự riêng khác chẳng quyết nhất điều nghi của

21 đệ tử. Hồng Tiệm lại đến hỏi các quân tướng
 22 Nhật Nam há không còn có chân Tăng? mà không
 23 một người nào đối đáp được. Tiết độ Phó sứ Ngưu
 24 Vọng Tiên, Tần Địch v.v... đều bàn nói với Hồng
 25 Tiệm là Hòa- thượng là bậc có đạo hạnh đức
 26 nghiệp sâu dày, do đó, đến xa kính thỉnh, cúi xin
 27 Hòa-thượng chẳng xả bỏ tâm từ bi, vì thương sanh
 28 ở ba thực mà làm nhân duyên tốt lành lớn! Nói

1 xong, Tướng Công lễ bái và thưa tiếp: Đệ tử vì việc
2 công có hạn. Vì Bộc Xạ, các Tiết độ phó sứ chưa
3 được lễ bái Hòa-thượng. Hồng Tiệm chưa rời khỏi
4 Nhật Nam. Mỗi ngày chẳng lìa quanh đây. Nói
5 xong, Tướng Công kính tạ lui ra.

6 Bộc Xạ biết Tướng Công vui mừng, nói rằng:
7 Hòa-thượng, thật không thể nghĩ bàn. Và liền cùng
8 Nhâm phu nhân với Tiết độ quân tướng đồng đánh
9 lễ Hòa-thượng, đứng dậy hỏi thăm xong, phân định
10 ngôi yên đúng chỗ. Đô Ấp Nha cho các quân tướng
11 đồng nghe. Lúc Hòa-thượng giảng nói pháp, có
12 Pháp sư Vô Doanh và Pháp sư Lương Nguyên, là
13 các vĩ tài giỏi trong chúng Tăng, cùng ngồi dự giữa
14 Đại chúng. Hòa-thượng dẫn nêu kinh Phật Đảnh
15 nói: A-nan! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay,
16 do các thứ điên đảo, nghiệp chủng tự nhiên, như
17 chùm trái ác xoa. Các thầy tu hành chẳng được
18 thành Vô thượng Bồ-đề, cho đến thành Thanh văn,
19 Duyên giác, và thành ngoại đạo, quyền thuộc của
20 các trời ma vương, đều do không biết hai thứ căn
21 bản tu hành sai loạn, giống như nấu cát mà muốn
22 thành thức ăn ngon, dầu có trải qua số đời kiếp
23 nhiều như cát bụi cũng không thể được. Thế nào là
24 hai thứ? Nay A-nan! Một là căn bản sanh tử từ vô
25 thủy, thì nay ông và các chúng sanh dùng tâm phan
26 duyên làm tự tánh. Hai là Niết-bàn Bồ-đề từ vô thủy
27 lại thể tánh vốn không; thanh tịnh thì nay ông do
28 thức tính vô minh sanh ra các duyên, bởi duyên sai

1 khiến, do mất bản minh, nên tuy suốt ngày thực
 2 hành mà chẳng thể tự giác, tại rơi vào các đường.
 3 Hòa-thượng lại giảng: Tất cả chúng sanh xưa nay
 4 viên mãn, trên đến Chư Phật dưới đến tất cả hàm
 5 thức cùng đồng bản tánh thanh tịnh. Vì chúng sanh
 6 khởi một niệm vọng tâm liền nhiễm ba cõi. Vì
 7 chúng sanh hữu niệm, nên nói vô niệm, nếu không
 8 hữu niệm thì vô niệm cũng chẳng có. Vô niệm tức
 9 là Vô sanh, vô niệm tức là vô diệt, vô niệm tức là
 10 vô ái, vô niệm tức là vô tăng (ganh ghét), vô niệm
 11 tức là vô thủ, vô niệm tức là vô xả, vô niệm tức là
 12 không cao, vô niệm tức là không thấp, vô niệm tức
 13 là không nam, vô niệm tức là không nữ, vô niệm
 14 tức là không phải, vô niệm tức là không quấy.
 15 Chính lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có. Tâm
 16 sanh tức các pháp sanh. Tâm diệt tức các pháp diệt.
 17 Tâm vốn như vậy, tội cấu cũng vậy, các pháp cũng
 18 vậy. Chính lúc vô niệm, tất cả các pháp đều là Phật
 19 pháp, không một pháp nào lìa khỏi Bồ-đề. Hòa-
 20 thượng lại bảo: Do vọng mà có sanh, do vọng mà
 21 có diệt. Sanh diệt gọi là vọng, vọng diệt gọi là
 22 chân, đó gọi là Vô thượng Bồ-đề, và Đại Niết-bàn.
 23 Hòa-thượng giảng nói pháp rồi, ngời thẳng không
 24 lay động. Bộc Xạ nghe giảng pháp xong, chấp tay
 25 bạch Hòa-thượng: Con là địa chủ, tự đáng phải ra
 26 xa đón rước, nhưng vì việc công không được rảnh,
 27 xin Hòa- thượng chớ trách. Trước kia con vốn là
 28 Tây thượng bình ngựa sứ. Hòa- thượng ở Lan nhã

1 tại núi Bạch nhai, không phải ngay nhà, nếu có
2 điều cần, chuyên sai nha tiền Ngô Hầu giảng
3 nương thừa tiếp cúng Hòa- thượng. Hòa-thượng
4 hỏi: Tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trăm thứ chẳng
5 cần. Hòa-thượng lại bảo: Ông chỉ nên nói về tâm,
6 các vị trời sẽ bày biện cúng dường. Thế nào là nói
7 về tâm? tâm không cầu, tâm không tham, tâm
8 không ái, tâm không nhiễm. Với Phạm thiên,
9 chẳng cầu mà Phạm thiên tự đến, với quả báo,
10 chẳng cầu mà quả báo tự đến, vô lượng sự quý báu,
11 chẳng cầu mà tự đến. Hòa-thượng lại bảo: Biết đủ,
12 thì rất giàu sang, ít muốn, rất an vui. Bộc Xạ nghe
13 Hòa-thượng giảng, chấp tay kính lễ. Pháp sư
14 Lương Nguyên đánh lễ bạch Hòa-thượng rằng: Đệ
15 tử một lần được nghe pháp rồi, lưới nghi liền dứt,
16 nay đến nương tựa Hòa- thượng, cúi xin chấp
17 thuận! Còn Pháp sư Vô Doanh vẫn cao ngạo, bèn
18 kính sợ đôi sắc mặt. Hòa-thượng hỏi Pháp sư Vô
19 Doanh: Ông có biết chữ khách chăng? Pháp sư Vô
20 Doanh đáp: Dẫn các pháp tướng, rộng dẫn văn
21 nghĩa. Hòa-thượng bảo: Pháp sư không biết chủ
22 khách, gượng nhận tiền trần làm tâm trôi theo sanh
23 tử, tự cho là hiểu biết, giống như nấu cát muốn
24 thành thức ăn ngon, dù nhiều số kiếp cũng chỉ
25 thành cát nóng, chỉ lừa dối mình và lừa dối kẻ khác.
26 Trong kinh Lăng-già nói: Theo lời mà lấy nghĩa,
27 dựng lập nơi các pháp, vì kia dựng lập nên, chết
28 đọa vào địa ngục. Pháp sư Vô Doanh nghe giảng

1 pháp mà nghiêng thân mình lệch khỏi chỗ ngồi.
2 Hòa-thượng hỏi: Vô ký có mấy thứ? Pháp sư Vô
3 Doanh đáp: Có Dị thực vô ký, Biến dịch vô ký,
4 Công xảo vô ký, Oai nghi vô ký. Hòa-thượng lại
5 hỏi: Thế nào là hữu ký? Pháp sư Vô Doanh đáp: Ý
6 thức thứ sáu là hữu ký. Hòa-thượng bảo: Ý thức
7 thứ sáu là thức điên đảo, tất cả chúng sanh chẳng
8 ra khỏi ba cõi đều do ý thức. Lúc ý không sanh tức
9 vượt ba cõi. Cạo đầu xuống tóc đều là đệ tử của
10 Phật, chẳng phải học hữu ký, không thể học vô ký.
11 Các Pháp sư thời nay thấy đều học vô ký, chẳng
12 trú Đại thừa, vượt quá danh ngôn, nghĩa ấy rõ ràng.
13 Người ngu chẳng thể tự giác. Giác là nhận biết các
14 tình thức rỗng lặng không sanh, gọi đó là Giác.
15 Nghe nói vậy, Pháp sư Vô Doanh đuối lý. Hòa-
16 thượng bảo: Vô ký có hai thứ: một là Hữu phú vô
17 ký và hai là Vô phú vô ký. Ý thức thứ sáu cho đến
18 nhãn v.v..., năm thức trước đều thuộc Hữu phú vô
19 ký. Từ Ý thức thứ sáu cho đến thức thứ tám đều
20 thuộc Vô phú vô ký, và đều gượng đặt tên gọi đó.
21 Lại thêm thức thứ chín là thức thanh tịnh cũng là
22 vọng lập. Hòa-thượng lại dẫn nêu kinh Lăng-già
23 nói: các thức Tám chín, như các gợn sóng biển, tập
24 khí thường thêm lớn. Rễ bần nưong bền chắc. Tâm
25 theo dòng cảnh giới, như sắt nói từ thạch, như nước
26 chảy dốc hết, sóng cả tức chẳng nổi, ý thức như
27 vậy diệt, các thứ thức chẳng sanh, các thứ ý sanh
28 thân. Ta nói là tâm lượng, được pháp không tư

1 tướng. Phật tử chẳng Thanh văn. Nghe giảng pháp
2 như vậy, Pháp sư Vô Doanh chỉ khen ngợi không
3 thể nghĩ bàn! Hòa-thượng lại hỏi: Kinh Lăng-già
4 chép: Dùng nệm tháo nệm, nghĩa ấy như thế nào?
5 Pháp sư Vô Doanh đáp: Thí như bẻ gỗ, trước lấy
6 nệm lớn xuống, tức nệm nhỏ xuống, khiến nệm lớn
7 ra. Hòa-thượng chấp ngay Pháp sư Vô Doanh, bảo
8 rằng: Đã dùng nệm nhỏ để ra nệm lớn, nệm lớn đã
9 ra thì nệm nhỏ trở lại còn đó. Thế nào là dùng nệm
10 ra nệm? Pháp sư Vô Doanh lại không có lời lẽ để
11 đối đáp. Pháp sư liền giải thích: Nệm là dụ cho
12 phiền não chúng sanh. Nệm dụ cho ngôn giáo của
13 Chư Phật Như lai. Nệm phiền não đã không thì
14 Pháp chẳng tự có. Thí như người bị bệnh, bèn cho
15 thuốc hay, nếu bệnh được lành, thuốc hay đều bỏ.
16 Nay Pháp sư chấp pháp ngôn giáo, như người bệnh
17 chấp phương mà chẳng chịu uống thuốc, chẳng bỏ
18 vẫn tự cũng như nệm ở trong gỗ. Trong kinh Lăng-
19 già nói: Thí như dùng ngón tay để chỉ đồ vật, trẻ
20 con chỉ nhìn ngón tay mà không trông nhìn đồ vật.
21 Theo lời nói chỉ, mà sanh chấp trước, cho đến trọn
22 đời chẳng thể xả bỏ vẫn tự mà cho đó là đệ nhất
23 nghĩa. Hòa-thượng lại hỏi Pháp sư về nghĩa của ba
24 ngôi báu, Bốn đế. Lại hỏi nghĩa của Ba thân, Pháp
25 sư Vô Doanh lại chẳng dám trả lời, chỉ ngợi khen
26 là không thể nghĩ bàn. Bộc Xạ nghe giảng pháp
27 như vậy rồi càng vui mừng gấp bội, thưa rằng:
28 Ngay hôm ấy đệ tử lo sợ Hòa-thượng ở lâu trong

cửa núi thì ngại sợ quan quyền đối đáp với Tướng Công không được thẳng duyên lo sâu. Các bậc sư Tăng ở tam xuyên, đều không có một người có khả năng đối đáp xứng ý Tướng Công. Tướng Công qua một lần gặp Hòa-thượng, bèn đến nói với đệ tử thật đáng là bậc đạo giả! Bẩm tánh đặc đạt, cao vời khác hẳn chư Tăng! và ngợi khen không thể nghĩa bàn. Đệ tử nghe Tướng Công nói, mừng vui hớn hở chẳng thể tự dần. Đệ tử có phước gặp thời không lo buồn. Các quân tướng đều mừng vui an ủi, không thể nói cùng. Xong, Bộc Xạ bèn đánh lễ mà lui ra.

Bấy giờ có Thiền sư Thê Vô ở Đông kinh, là bậc tuấn triết trong chúng tăng, nơi nơi đều cầu thỉnh làm thầy, giới luật oai nghi và các pháp sự, thông minh lắm biện tài, cũng tôn xưng là Thiền sư, vốn là đệ tử của Thiền sư Hoàng Chính trú tại chùa Thánh Thiện, cùng Tấn nguyên đậu thừa thập phương Lý Khứ, Thái thanh thành Tô Thừa, Phán quan Chu Hợp v.v... tìm hỏi Hòa-thượng, thẳng đến chỗ Thiền đường. Hòa-thượng thấy lại, cùng tự nhiên mỗi tự ngồi yên. Thiền sư Thê Vô hỏi: Hòa-thượng là đệ tử của ai, là tông chỉ của ai? Hòa-thượng đáp: Là tông chỉ của Phật, là đệ tử của Phật. Hòa-thượng lại bảo: Xà-lê cạo tóc đắp mặc pháp y tức là đệ tử của Phật, đâu cần phải hỏi. Tông chỉ của thầy là y cứ kinh Liễu nghĩa, chẳng ý cứ kinh Bát liễu nghĩa. Nếu có điều nghi thì mặc ý cứ hỏi.

1 Thiên sư Thê Vô biết Hòa-thượng là đệ tử của
2 Hòa-thượng Kim, bèn nói lời hủy báng rằng: Hiêm
3 thấy người ở Nhật Nam chẳng khởi tâm Thiên sư
4 đánh người mà bảo là không đánh, tức giận người
5 mà bảo không tức giận, có người cúng thí lại thọ
6 nhận mà nói không thọ nhận. Thê Vô tôi rất không
7 hiểu điều này? Hòa-thượng đáp: Tu hành Bát-nhã
8 ba-la-mật chẳng thấy người báo ân, chẳng thấy
9 người tạo ân. Đã không có thọ nhận mà thọ nhận
10 các thứ chưa đủ, Phật pháp cũng chẳng diệt thọ. Vô
11 Trú tôi từ khi mới phát tâm cho đến ngày nay chưa
12 từng thọ nhận một mảy lông tóc cúng thí. Nghe nói
13 như vậy, Thiên sư Thê Vô nhìn các quan bảo rằng:
14 Thiên sư này nói năng rất khác lạ. Hòa-thượng hỏi
15 Thiên sư Thê Vô rằng: Xà-lê miệng đã tự nhận là
16 Thiên sư, vì sao khởi tâm đánh người, khởi tâm tức
17 giận người, khởi tâm thọ nhận cúng thí? Thiên sư
18 Thê Vô tự nhận biết mình lạc mất tông chỉ, bỗng
19 nhiên đổi sắc mặt, suy lường giây lâu chẳng nói,
20 mà hỏi Hòa-thượng: Có hiểu kinh Lăng-già chẳng?
21 Hòa-thượng đáp: Giải là chẳng hiểu. Các quan
22 cùng nói với Hòa-thượng: Thiên sư chỉ giảng nói,
23 sao lại cùng vặn hỏi? Hòa-thượng bảo các quan:
24 Nếu giảng nói, sợ các người không tin. Các quan
25 đáp: Xin tin. Hòa-thượng liền bảo: Nếu ta nói đầy
26 đủ, hoặc có người nghe, tâm sanh cuồng loạn, nghi
27 ngờ chẳng tin. Và Hòa-thượng liền dẫn Kinh Lăng-
28 già nói: Người ngu thích nói vọng, chẳng nghe trí

1 tuệ chân thật, giảng nói gốc của ba cõi, thật là diệt
 2 nhân khổ. Giảng nói tức đối khác, chân thật lia văn
 3 tự, nơi tâm cảnh vọng tướng, ngu sanh hai thứ thấy,
 4 chẳng biết tâm và duyên, tức khởi hai vọng tướng,
 5 rõ tâm và cảnh giới, tướng vọng sẽ chẳng sanh.
 6 Thiền sư Thê Vô nghiên cứu nghĩa, nêu dẫn kinh
 7 Pháp Hoa có ba thừa. Hòa-thượng dẫn kinh Lăng-
 8 già nói: Người ngu si kia nói có ba thừa, chẳng nói
 9 duy tâm, không các cảnh giới, tâm không giác biết,
 10 sanh động niệm tức là lưới ma. Lại dẫn kinh Tư Ích
 11 nói: Thế nào là tất cả pháp chánh, thế nào là tất cả
 12 pháp tà? Nếu dùng tâm phân biệt, tức tất cả đều là
 13 pháp tà, nếu dùng tâm không phân biệt, thì tất cả
 14 đều là pháp chánh. Trong pháp không tâm, khởi
 15 tâm phân biệt, thấy đều là tà.

16 Có Thiền sư Tuệ Úc, mọi người ở đương thời
 17 gọi là Lý Sơn Tăng, hỏi Hòa-thượng rằng: Vì Bắc
 18 Thiền sư làm sao vào làm? Hòa-thượng đáp: Thiền
 19 sư vừa chẳng có Nam, vừa chẳng có Bắc, cũng
 20 chẳng vào làm, cũng chẳng ra làm, chẳng được
 21 chẳng mất, không đi ,không dừng, chẳng chìm
 22 chẳng nổi, sống lao nhao. Thiền sư Tuệ Úc nghe
 23 xong cúi đầu chấp tay mà ngồi.

24 Có Thiền sư Nghĩa Tịnh, Thiền sư Xử Mặc,
 25 Thiền sư Đường Uẩn đều là đệ tử của Thiền sư Tuệ
 26 Minh, đến muốn được bàn luận Phật pháp với Hòa-
 27 thượng, Hòa-thượng hỏi: Xà-lê hiểu kinh luận gì?
 28 Thiền sư Đường Uẩn đáp: Giải luận Bách pháp,

1 từng làm tăng giảng. Hòa- thượng nói. Thiền sư
2 Đường Uẩn đáp: Trong có năm thứ vô vi, ngoài có
3 năm thứ hữu vi, nhiếp hết tất cả các pháp.. Hòa-
4 thượng dẫn kinh Lăng- già nói: Vô trí thường phân
5 biệt, hữu vi và vô vi. Nếu những người tu hành,
6 không nên khởi phân biệt, trong kinh nói vọng
7 tướng, chẳng hề vượt ngoài danh. Nếu lìa bỏ lời
8 nói cũng không có chỗ nói. Thiền sư Đường Uẩn
9 nói với Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xin Xà-lê lại hỏi.
10 Thiền sư Nghĩa Tịnh liền hỏi Hòa-thượng: Thiền
11 sư làm, chớ sanh ngôi Thiền. Hòa-thượng đáp:
12 Chẳng sanh, chỉ ẩn một Thiền. Thiền sư Nghĩa
13 Tịnh chẳng hiểu, liền hỏi Thiền sư Xử Mặc: Thế là
14 thế nào? Thiền sư Xử Mặc cũng không hiểu, lại hỏi
15 Thiền sư Nghĩa Tịnh. Hòa-thượng biết không hiểu,
16 bèn hỏi Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xà-lê hiểu kinh luận
17 gì? Thiền sư Nghĩa Tịnh hỏi: Giải giới Bồ-tát, từng
18 làm Tăng giảng. Hòa- thượng hỏi: Giới lấy gì làm
19 thể? Lấy gì làm nghĩa? Thiền sư Nghĩa Tịnh không
20 lời lẽ để đối đáp, bèn tuân lời dơ bản: Chẳng phải
21 tôi không hiểu, để vì thử ông, dường như Thiền ẩn
22 một của ông, tôi nghi ngờ không thực hành. Thiền
23 sư Xử Tịch tiếp lời: Tôi nghi ngờ ông ngu độn
24 chẳng làm, ta giận buồn chẳng làm, ta biếng lười
25 nghi ngờ chẳng làm, ta lười nhác nghi ngờ chẳng
26 vào. Hòa-thượng bảo với chư Tăng: Lý Như như
27 đầy đủ trí Nhất thiết, Vô thượng Đại thừa vượt quá
28 danh ngôn, nghĩa ấy rất rõ ràng, ngu phu không hay

1 biết, Vô Trú tôi cùng các vị Xà-lê nói một duyên
2 khởi. Trong xóm làng nọ vào một buổi sớm mai,
3 có tiếng trẻ con gào khóc, người ở gần đó bèn đến
4 xem, thấy người mẹ tức giận đánh, người ở gần ấy
5 hỏi: Vì sao đánh nó? Người mẹ ấy đáp: Vì nó đái
6 ỉa trên giường. Người ở gần đó la rầy người mẹ
7 rằng: Nó là trẻ con, sao lại đánh nó. Lại nghe có
8 tiếng gào khóc, người ở gần đó nghe lại đến hỏi,
9 thấy một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi,
10 người mẹ dùng cây đánh nó. Người ở gần đó hỏi:
11 Vì sao đánh nó? Người mẹ đáp: Nó đái ỉa trên
12 giường. Người ở gần đó nghe nói, bèn bảo: Gã này
13 lắm ứng nên cắt đái, ngay phải đánh đau. Các loại
14 tăng như vậy, thí như voi ngựa đánh đòn đau buồn
15 chẳng thuận điều, lại thêm các gậy độc cho đến
16 thấu suốt xương cốt. Hòa-thượng lại giảng nói:
17 Muốn cầu an vui tịch tịnh phải học pháp Sa-môn,
18 không tâm lìa ý thức, tức là pháp Sa-môn. Các Xà-
19 lê cao tốc đáp mặc pháp y, tự nói ta là đệ tử Phật
20 mà chẳng chịu học pháp Sa-môn, miệng chỉ nói,
21 mà nhác làm, lười làm, nghi ngờ ngu độn chẳng
22 vào. Đó chẳng phải là Sa-môn Thích Tử, đó chính
23 là loại Dã can, Phật có lời văn rõ ràng ở đời vị lai
24 sẽ có người đắp mặc pháp y ca-sa, vọng nói ở các
25 hữu, hủy hoại Chánh pháp của ta. Thí như dùng
26 ngón tay chỉ đồ vật, kẻ phạm ngu si, chỉ nhìn ngón
27 tay, chẳng xem đồ vật, theo lời nói chỉ mà sanh
28 chấp trước, cho đến hết đời chẳng bao giờ xả bỏ

1 chỗ chỉ của văn tự. Theo lời mà lấy nghĩa, tạo lập
2 các pháp, vì tạo lập kia nên chết đọa vào địa ngục.
3 Chư tăng nghe giảng nói, mặt mờ đôi sắc mặt, từ tạ
4 lui ra.

5 Có Thiền sư Tịnh Tạng trú tại chùa Thắng
6 Quang tại Tây kinh, nghe Hòa-thượng là người
7 không thể nghĩ bàn, bèn từ xa tìm đến. Hòa-
8 thượng hỏi: Sao biết là không thể nghĩ bàn? Thiền
9 sư Tịnh Tạng đáp: Bởi biết pháp y bình bát của
10 Hòa-thượng Kim truyền trao cho Hòa- thượng.
11 Hòa-thượng hỏi: Làm sao biết? Thiền sư Tịnh
12 Tạng đáp: Các tăng tục đều nói Hòa-thượng đích
13 thực là người đặc pháp từ Hòa-thượng Kim. Đệ tử
14 may mắn lắm có phước được gặp Hòa-thượng. Nói
15 xong bèn đánh lễ. Hòa-thượng hỏi: Ngày trước học
16 kinh luận gì? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Đệ tử có
17 đọc Duy ma sở chương, cũng học pháp ngồi Thiền,
18 tông chỉ của Thái Bạch. Hòa-thượng liền vì giảng
19 pháp: Vô ý là đạo chẳng quán là Thiền, Sư chẳng
20 lấy cũng chẳng bỏ, cảnh đến cũng chẳng duyên.
21 Nếu xem chương sở tức là tướng niệm ôn động,
22 nếu học tông chỉ Thái Bạch, tông chỉ ngồi Thiền
23 tức là y tướng phan duyên. Nếu muốn ở lại đây thì
24 tất cả sở học từ trước đến nay đều dứt sạch, chẳng
25 còn lưu giữ trong tâm. Và Hòa-thượng hỏi Thiền
26 sư Tịnh Tạng: Vậy có được chăng? Thiền sư Tịnh
27 Tạng đáp: Được. Xin Hòa-thượng từ bi chỉ dạy cho
28 khuôn phép của Hòa-thượng. Hòa-thượng quán sát

1 thấy Thiền sư Tịnh Tạng có khả năng làm pháp khí,
 2 nên liền giảng pháp cho nghe: Một vật còn ở tâm,
 3 chẳng ra khỏi ba cõi, có pháp là tục đế, Không tánh
 4 Đệ nhất nghĩa, là tất cả các tướng, tức gọi là Chư
 5 Phật. Vô niệm tức vô tướng, hữu niệm tức luống
 6 dối, vô niệm vượt ba cõi, hữu chấp thì còn trong ba
 7 cõi, vô niệm thì không phải, vô niệm thì không
 8 quấy, vô niệm thì không tự, vô niệm là không tha,
 9 tự tha đều là, thành Phật Bồ-đề. Ngay lúc chánh
 10 niệm, vô niệm chẳng tự có. Nghe giảng pháp như
 11 vậy Thiền sư Tịnh Tạng vui mừng hơn hờ, tự xin
 12 Hòa-thượng đổi pháp hiệu là Siêu Tạng, và thường
 13 theo hầu chẳng lìa Hòa-thượng.

14 Có Thiền sư Tri Nhất là đệ tử Thiền sư Giác
 15 chùa Khai Nguyên ở Lũng châu, người thời bấy
 16 giờ gọi là vị tăng chất trực, tìm đến chỗ Hòa-
 17 thượng. Hòa-thượng hỏi: Ông từ đâu đến? Thiền
 18 sư Tri Nhất đáp: Từ Lũng châu đến. Hòa-thượng
 19 hỏi: Ông đệ tử của ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ
 20 tử Hòa-thượng Giác. Hòa-thượng hỏi: Hòa-thượng
 21 Giác là đệ tử ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ tử của
 22 Hòa-thượng Lão Phước. Hòa-thượng hỏi: Ông hãy
 23 tự nói hành địa tự tu của ông xem? Thiền sư Tri
 24 Nhất liền trình bày bản sư chỉ dạy pháp Khán Tĩnh.
 25 Hòa-thượng liền giảng nói cho nghe: Pháp không
 26 cầu tịnh, sao gọi là Khán Tĩnh? Ở đây, tịnh do
 27 chẳng lập nhân sao lại có cầu? Khán tịnh tức là cầu,
 28 khán cầu tức là tịnh. Vọng tướng là cầu, không

1 vọng tướng là tịnh, chấp ngã là cấu, không chấp
2 ngã là tịnh. Vô niệm tức là vô cấu, vô niệm tức là
3 vô tịnh, vô niệm tức là không phải, vô niệm tức là
4 không quấy, vô niệm tức là không tự, vô niệm tức
5 là không tha. Tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề.
6 Chánh lúc tự, thì tự cũng chẳng có. Thiền sư Tri
7 Nhất tỏ ngộ ngay lời giảng ấy, đối với giảng pháp
8 lại chẳng đổi dời. Hòa-thượng thấy Thiền sư Tri
9 Nhất chí tánh thuần hậu, có tâm trung hiếu, nên lại
10 đổi hiệu là Siêu Nhiên. Thiền sư Tri Nhất (Siêu
11 Nhiên) chẳng lìa Hòa-thượng, vui chăm làm việc.

12 Có Thiền Sư Trung Tín ở Đẳng châu, xem đọc
13 hiểu rành các thứ thi thư, thích tánh nho nhã, bỏ
14 các nghề nghiệp tìm đến chỗ Hòa-thượng thưa
15 rằng: Trung Tín tôi là kẻ ở nơi góc biển, xa đến xin
16 theo Hòa- thượng. Nói xong bèn đánh lễ. Hòa-
17 thượng bảo: Đạo không xa gần, sao nói là xa gần?
18 Trung Tín bạch Hòa-thượng: Sanh tử là việc lớn,
19 nghe Hòa-thượng là bậc Đại từ bi, nên đến xin
20 nương, chẳng vì ăn mặc, cúi xin Hòa-thượng soi
21 xét. Hòa-thượng hỏi: Học sĩ lắm đủ tư lự, nếu
22 muốn xả bỏ được thì mặc tình ở đây. Trung Tín
23 đáp: Xin sớm được nghe đạo, tới chết cũng vui
24 lòng. Thân mạng chẳng tiếc, hướng chỉ là văn tự.
25 Hòa- thượng liền giảng pháp cho nghe: Tôn giả
26 Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm, vô niệm
27 không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng diệt, tự tại
28 trong mọi lúc, chớ đuổi theo chớ chuyển, chẳng nổi

chẳng chìm, không đi không dừng, chẳng động
 chẳng lay, chẳng hại chẳng đi, sống lao nhao, đi
 ngồi đều là Thiền. Thiền Sư Trung Tín nghe giảng
 pháp, sững sờ không lay động, Hòa-thượng thấy
 vậy liền giải ngộ pháp Đại thừa, đổi tên là Siêu
 Tịch, ở trong núi thường ẩn mật, ban đêm thì ngồi
 Thiền chẳng để cho người biết, ban ngày thì trở lại
 chỗ cũ.

Có Pháp sư Pháp Luân hiểu kinh Niết-bàn
 chương số, thông minh học rộng coi chung quanh
 như không có người, tự cho mình là bậc nhất, nên
 đến sơn môn muốn vấn nạn Hòa-thượng. Từ xa
 thấy Hòa-thượng oai thân kỳ đặc, chẳng đồng như
 chư tăng, Pháp sư Pháp Luân liền đến trước mặt
 đánh lễ thăm hỏi. Hòa-thượng xa thấy biết là Pháp
 sư, liền bảo ngồi, sau đó, Hòa-thượng hỏi: Pháp sư
 hiểu kinh luận gì? Pháp Luân đáp: Hiểu kinh Niết-
 bàn. Hòa-thượng hỏi: Thế nào là hiểu kinh Niết-
 bàn? Pháp Luân liền nêu dẫn các chương số. Hòa-
 thượng bảo: Chẳng phải kinh Niết-bàn, đó đều là
 lời nói, lời nói là gốc của ba cõi, chân thật diệt nhân
 khổ. Lời nói là dối khác, chân thật là văn tự. Bồ-
 tát Cao Quý Đức Vương hỏi: Bạch Đức Thế tôn!
 Thế nào là Đại bát Niết-bàn? Phật dạy: Hết các
 động niệm, tâm tư tưởng dứt, pháp tướng như vậy,
 gọi là Đại bát Niết-bàn. Vậy vì sao cho lời nói vọng
 tướng là Niết-bàn? Nếu nói như vậy tức là chẳng
 giải, sao gọi là giải Niết-bàn? Pháp Luân nghe

giảng nói, không lời lẽ nào dám đối đáp. Hòa-thượng bảo: Hữu pháp là tục đế, Vô tánh là nghĩa bậc nhất, ngôn giải tức là trói buộc, thông minh là ma bày ra. Vô niệm là không trói, vô niệm không buộc, vô niệm là Niết-bàn, hữu niệm là sanh tử, vô niệm tức là thông minh, hữu niệm là ám độn. Vô niệm là không kia, vô niệm là không đây, vô niệm là không Phật, vô niệm là không chúng sanh, Bát-nhã; là trí Đại bi, không Phật không chúng sanh. Không có Phật Niết-bàn, cũng không Niết-bàn Phật. Nếu rõ điều này mà giảng giải, tức là chân thật giảng giải. Nếu chẳng phải như vậy, là phạm phu chấp tướng. Pháp sư Pháp Luân nghe nói như vậy, bèn cúi đầu xin quy y, thưa rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, ngày nay được gặp Hòa-thượng, mắt tối sáng lại, cúi xin Hòa-thượng từ bi thọ nhận.

Có anh em hai vị tăng trú tại chùa Thiền Lâm ở Tuy châu đều thọ trì kinh Pháp Hoa, người thời bấy giờ gọi là Sư Pháp Hoa. Người anh pháp danh là Nhất Hạnh, người em là Tuệ Minh tìm đến xin nương tựa Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Từ đâu đến? ngày trước đã học giáo pháp gì? Sư Tuệ Minh đáp: Từ Tuy châu đến, chuyên thọ trì kinh Pháp Hoa mỗi ngày ba biến. Hòa-thượng hỏi: Trong phẩm An lạc hạnh nói: Tất cả các pháp là không, không thật có, không có thường trú, cũng không khởi diệt, đó gọi là nơi gần gũi của người trí. Tuệ Minh v.v... nghe nói xong, thưa rằng: Đệ tử mê mờ

1 chìm đắm, chỉ biết y theo văn kinh mà tụng tập,
2 chưa hiểu biết nghĩa lý, cúi xin Hòa-thượng dẫn
3 dắt kẻ mê mù. Hòa-thượng liền giảng pháp cho
4 nghe: Các pháp tướng vắng lặng, không thể dùng
5 ngôn ngữ giảng nói. Pháp ấy chẳng thể bày, tướng
6 lời lẽ vắng lặng, lìa tướng diệt tướng, tướng thường
7 vắng lặng, hoàn toàn kết quy về không. Người
8 thường khéo đối với vắng lặng mà thực hành, một
9 niệm của hằng sa Chư Phật ẩn tàng thấy đều rõ biết.
10 Nếu muốn ở trong núi, thì bỏ hẳn việc tụng tập,
11 thường nhàn rồi chẳng chấp mọi việc, có được
12 chẳng? Anh em Tuệ Minh v.v... biết việc tụng tập
13 chẳng phải là rốt ráo, nên xin nương theo Hòa-
14 thượng, Hòa-thượng lại giảng cho nghe: Vô niệm
15 là không sanh, vô niệm là không tử, vô niệm là
16 không xa, vô niệm là không gần, vô niệm là Sử
17 Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa sử, vô niệm tức
18 là chuyển Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa
19 chuyển. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có.
20 Tuệ Minh v.v... nghe xong, tâm ý thư thái, bèn ở
21 trong núi, thường vui làm việc.

22 Có phu nhân và người con gái của Mộ Dung
23 trưởng sứ ở Khánh châu, chí ý mong cầu pháp Đại
24 thừa, cả nhà mọi người lớn nhỏ đều thuận theo, đến
25 đánh lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi phu nhân: Từ
26 đâu đến? phu nhân đáp: Đệ tử xa nghe Hòa-thượng
27 có tâm Đại từ bi, nên đến kính lễ. Hòa-thượng liền
28 giảng nói các thứ pháp yếu. Người con gái ấy nghe

giảng, quỳ thẳng chấp tay bạch Hòa-thượng: Đệ tử
là người có ba chướng năm nạn, thân chẳng tự tại,
nên nay đến xin nương tựa Hòa-thượng, định muốn
cắt đứt dòng sanh tử, cúi xin Hòa-thượng chỉ bày
cho pháp yếu. Hòa-thượng bảo: Nếu được như vậy
tức là đại trượng phu, đâu gọi là nữ? Và Hòa-
thượng lại giảng pháp yếu cho nghe: Vô niệm tức
là không phải nam, vô niệm tức là không phải nữ,
vô niệm là không chướng, vô niệm là không ngại,
vô niệm là không sanh, vô niệm là không tử. Ngay
lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có, tức là cắt
đứt dòng sanh tử. Người con gái ấy nghe giảng
pháp, mắt chăm nhìn không nháy động, chẳng rời
khỏi chỗ chừng khoảng bữa ăn. Hòa-thượng biết
cô gái ấy có tâm quyết định, bèn ban cho pháp hiệu
là Thường Tinh Tấn, và người mẹ (phu nhân) hiệu
là Chánh Biện Tri, cạo tóc tu hành, dẫn đầu ni
chúng. Về sau dẫn dắt người em là cháu gái của Tô
Tể tướng, thông minh trí tuệ học rộng nghe nhiều,
nếu có ai hỏi, không gì chẳng đáp, đến đánh lễ
Hòa-thượng. Hòa-thượng thấy có cương cốt chí
tháo, liền giảng pháp cho nghe: Pháp ấy chẳng phải
nhân chẳng phải duyên, chẳng phải không chẳng
phải chẳng không, phải quấy đều là tất cả tướng,
tức tất cả pháp, pháp qua mắt tai mũi thân tâm,
pháp là tất cả quán hạnh. Vô niệm là không hạnh,
vô niệm là không quán, vô niệm là không thân, vô
niệm là không tâm, vô niệm là không quý, vô niệm

là không hèn, vô niệm là không cao, vô niệm là không thấp. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Cô gái ấy nghe giảng pháp, chấp tay thưa bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử là người nữ, tội chướng sâu nặng, ngày nay được nghe pháp rồi, cầu chướng đều dứt trừ. Thưa xong, buồn khóc rơi lệ, bèn xin ban cho pháp hiệu Liễu Kiến Tánh. Được ban pháp hiệu rồi, tự cạo tóc đắp mặc pháp y, cũng cùng dẫn đầu trong Ni chúng.

Hòa-thượng bảo: Ai là người báo ân Phật? Người nương pháp tu hành. Ai là người tiêu cùng đường? Người không bị việc thế tục lôi kéo. Ai người xứng đáng cúng dường? Người đối với pháp không chấp trước. Nếu tu hành được như vậy, tự có bếp trời cúng dường. Hòa-thượng nhìn các đệ tử và bảo: Nhiếp mình theo kẻ khác, muôn việc thảy đều hòa. Nhiếp kẻ khác theo mình, muôn việc đua nhau khởi. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Một niệm lông xoay quán tự tại,
Chớ cùng đồng học tranh đạo lý,
Thấy cảnh tức là bậc trượng phu,
Chẳng rõ tức đồng loại súc sanh,
Chỉ tu hạnh của chính mình,
Chớ thấy điều tà chánh của người khác,
Miệng ý chẳng lường người khác,
Ba nghiệp tự nhiên sạch.
Muốn thấy cội Phật tâm,
Khắp kính tánh chân như.*

*Gã thiện nam đối với tâm buồn tiếc hết,
Tức tâm đạo nhân mở sáng rõ như ban
ngày.*

*Nếu có lông xoay hện tiếc tâm,
Đạo nhân ấy liền bị che chướng.
Đó là hầm lớn đen tối,
Không thể rõ, rõ thật biết khó ra.*

Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Nay ta ý hướng dần tốt,
Đi đứng nằm ngồi đều rõ.
Lúc nhìn không có vật để nhìn,
Rốt cùng không có lời để nói.
Chỉ được ý nghĩa trong đây,
Giải cao gói gở đến sáng.*

Chỗ Hòa-thượng dẫn đều là các kinh liễu nghĩa, pháp môn chỉ thẳng tâm địa, đều phá trừ lời nói. Điều Hòa-thượng giảng nói, thật chẳng thể giảng nói. Hòa-thượng bảo: Nay mong mọi người đồng học, chỉ y cứ nghĩa mà tu hành, chớ chấp trước lời nói. Nếu chấp trước lời nói thì tự mất phần tu hành. Trong kinh Kim Cang nói: Nếu chấp tướng pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Nếu chấp tướng phi pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Cho nên, không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Vì lý do đó, nên Đức Như lai thường dạy: Các Tỳ-kheo nên biết, pháp ta giảng nói như thí dụ chiếc bè, pháp còn đáng bỏ, huống chi là phi pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm chép: Thí

1 như người nghèo khổ, suốt ngày đếm vật báu cho
2 người mà mình không có đồng nào. Người đối với
3 pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng như vậy.
4 Thí như với người điếc mà thổi âm nhạc. Kẻ ấy
5 nghe mà chẳng nghe, người đối với pháp mà chẳng
6 tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy. Thí như
7 với người mù mà bày các hiện tượng, kẻ ấy thấy
8 chẳng tự thấy, người đối với pháp mà chẳng tu
9 hành, nghe nhiều cũng vậy. Thí như với kẻ đói mà
10 bày cơm thức ăn, kẻ ấy no vì bụng đói, người đối
11 với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng như
12 vậy. Thí như người lái thuyền biển, vượt được đến
13 bờ kia, kẻ ấy đi tự chẳng đi, người đối với pháp mà
14 chẳng tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy.
15 Trong kinh Pháp Cú nói: Người nói ăn, chẳng bao
16 giờ no. Trong kinh Phật Đảnh chép: A-nan giỏi ghi
17 nhớ, nhưng chẳng khỏi rơi vào tà kiến. Tư giác
18 sanh ra tư duy, thân tâm chẳng sánh bằng. Trải qua
19 nhiều kiếp nghe nhiều chẳng bằng một ngày tu
20 pháp Vô lậu. Trong kinh Phương Quảng chép: Một
21 niệm nhiễu loạn Thiền định, như giết chết tất cả
22 chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Một
23 niệm an trú trong Thiền định, như nuôi sống tất cả
24 chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Trong
25 kinh Duy Ma nói: Tâm chẳng trú trong, cũng chẳng
26 ở ngoài, đó là an tọa. Nếu người được như vậy,
27 Phật liền ấn khả cho. Không dùng tâm sanh diệt
28 nói pháp thật tướng, pháp hơn mắt tai mũi lưỡi thân

1 tâm, pháp là tất cả quán hạnh. Pháp tướng như
2 vậy, đâu có thể nói? Cho nên Bồ-tát Văn-thù-sư-
3 lợi ngợi khen Duy-ma-cật, không có lời nói, là thật
4 vào pháp môn Không hai. Hòa-thượng nói pháp vô
5 niệm. Pháp vốn chẳng thật có. Hòa-thượng lại bảo:
6 Với tri kiến dựng lập hay biết, tức là nguồn gốc của
7 vô minh tri kiến không chấp thì đó tức Niết-bàn vô
8 lậu chân tịnh. Lại phá bệnh tri, tri hành cũng vắng
9 lặng, đó tức là đạo Bồ-đề. Lại phá bệnh trí, trí cầu
10 nơi trí chẳng thật, trí cũng chẳng thật. Đã không
11 thật có tức là Bồ-đề-tát-đỏa. Hòa-thượng lại bảo:
12 Bồ-đề viên mãn kết quy về không thật có, không
13 có chút pháp để được. Đó gọi là A-nậu-đa-la- tam-
14 miệu-tam-bồ-đề. Lại phá gốc bệnh, thế nào là gốc?
15 Tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, xưa nay viên
16 mãn, có gốc thì có lợi, vì có lợi nên tâm có nhất
17 gom, thức gia được tiện thì luân hồi sanh tử. Gốc
18 là, là kia, tức không nương tựa, ta và người đều
19 lợi, thành Phật Bồ-đề, Phật không căn cảnh tướng,
20 không thấy gọi là thấy Phật, đến rốt cùng giữa hư
21 không, nung đốt tạo lập. Lại phá bệnh tịnh, bệnh
22 Niết-bàn, bệnh tự nhiên, bệnh giác, bệnh quán,
23 bệnh Thiền, bệnh pháp. Nếu người an trụ vào đó,
24 tức là bị bệnh trú. Pháp chẳng như chẳng sạch,
25 cũng không Phật Niết-bàn, pháp là quán hạnh,
26 siêu nhiên bày đất ngồi, thức ám bát Niết-bàn, xa
27 là giác và sở giác, chẳng vào Tam-muội, chẳng trụ
28 ngồi Thiền, tâm không được mất. Lại phá bệnh

nhất, nhất cũng chẳng làm nhất, làm nhất phá các số. Một căn đã trở về nguồn, sáu căn thành giải thoát. Gom tâm vào một nơi, không việc gì chẳng xong. Sum-la và muôn tượng, chỗ ẩn của một pháp. Một vốn chẳng khởi, ba dụng không thiết bày. Tâm đó chẳng tính toán, là có năng lực đại quán. Các ông phải lìa chúng của chính mình và chúng khác. Chính mình tức là tự tánh, chúng khác là vọng niệm. Vọng niệm chẳng sanh tức là tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Hòa-thượng có nói: Có duyên thì ngàn dặm cũng gặp, không duyên đối mặt với người cũng chẳng biết nhau, chỉ lúc nhận biết tức là thấy Phật. đó là các kinh Liễu nghĩa. Hòa-thượng ngồi xuống. Bình thường dạy răn cho những người học đạo, sợ họ chấp trước lời nói, nên Hòa-thượng thường dẫn loài cua ở ruộng lúa để hỏi. Mọi người chẳng hiểu, Hòa-thượng lại dẫn thơ của Vương Phạm Chí:

*Tuệ nhãn gần tâm không,
Chẳng mở lỗ đầu lâu,
Đối mặt nói không biết,
Nhiều vậy mẹ họ Đồng.*

Có vài người già bạch với Hòa-thượng: Đệ tử đều có vợ con trai gái quyến thuộc, nên xếp đặt xong đến xin nương theo Hòa-thượng học đạo. Hòa-thượng hỏi: Đạo không hình đoạn để tu, pháp không hình đoạn để chứng, chỉ nên không nhận chẳng nhớ chẳng niệm, trong tất cả mọi lúc đều là

Đạo. Và hỏi các người già ấy có được chăng? Các người già ấy im lặng không trả lời, vì chưa hiểu. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Vợ là gông bít tai,
Gái trai chót lan đan,
Ông là tờ mắt giá,
Đến già không được chạy.*

Lại có các sư tăng ở Nhật Nam muốn đến Đài sơn nên lễ bái già từ Hòa-thượng để đi. Hòa-thượng hỏi: Các Đại đức đi đến đâu? Có vị tăng đáp: Đến đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Hòa-thượng bảo: Các Đại đức, Phật ở tại thân tâm, Văn-thù không xa, vọng niệm chẳng sanh tức là thấy Phật, đâu phải nhọc khổ đi xa. Các sư tăng cứ vẫn muốn đi, Hòa-thượng lại nói cho bài kệ rằng:

*Kẻ mê sóng gợn gợn,
Đến núi lay sườn đất,
Văn-thù chỉ chẳng có,
Trái Phật tìm Di-đà.*

Xong Hòa-thượng hớp một ngụm trà. Lúc đó có Mạc phủ lang quan thị khanh tất cả ba mươi người đến lễ bái xong, ngồi yên định, hỏi Hòa-thượng: Có thích trà không? Hòa-thượng đáp: Thích. Và bèn nói kệ về trà rằng:

*Cốc sâu mọc cỏ linh,
Khá làm mối vào đạo,
Tiêu phu ngắt lá ấy,*

1 *Mùi vị rót vào chén,*
 2 *Rỗng rang lắng hư thức,*
 3 *Tâm sáng chiếu hội đài,*
 4 *Chẳng nhọc hơi sức người,*
 5 *Thẳng vút mở pháp môn.*

6 Các Lang quan do đó hỏi Hòa-thượng: Vì sao
 7 không dạy người tụng kinh niệm Phật lễ bái, đệ tử
 8 không hiểu? Hòa-thượng đáp: Tự chứng Niết-bàn
 9 rốt ráo, cũng dạy người như vậy, chẳng đem giáo
 10 điển bất liễu nghĩa của Đức Như lai, tự mình giải
 11 rồi khai ngộ cho người mới học, tức là người thẳng
 12 đến được Tam-muội. Hòa-thượng giảng xong,
 13 nghiêm nhiên không lay động, các Lang quan thị
 14 khinh đều ngợi khen là chưa từng có. Do đó tiếp
 15 hỏi Hòa-thượng: Vì sao chẳng dạy pháp sự tướng?
 16 Hòa-thượng đáp: Diệu lý Đại thừa rất chí lý rỗng
 17 thoáng. Chúng sanh Hữu vi chẳng thể vào yếu chỉ
 18 kinh giáo. Bản tánh chúng sanh thấy tánh thì thành
 19 Phật đạo. Nếu chấp tướng thì đắm chìm. Tâm sanh
 20 thì các loại pháp sanh, tâm diệt tức các pháp diệt.
 21 Tụng kinh lễ bái đều là khởi tâm, khởi tâm tức sanh
 22 tử, chẳng khởi tức là thấy Phật. Lại hỏi Hòa-
 23 thượng: Dạy người như vậy có được chăng? Hòa-
 24 thượng đáp: Được. Khởi tâm tức là trần lao, động
 25 niệm tức là lưới ma. Tất cả pháp hữu vi, như mộng
 26 huyễn bọt bóng, như sương móc điện chớp, nên
 27 quán sát như vậy. Các quan nghe giảng pháp rồi,
 28 lưới nghi dứt trừ, đều xin làm đệ tử.

Lại có mấy mươi vị Đạo sĩ, mấy mươi vị Sơn nhân, Pháp sư, Luật sư cũng có hai mươi vị, đều là những bậc lãnh tụ ở Nhật Nam. Hòa-thượng hỏi các Đạo sĩ: Đạo mà nói được là đạo chẳng thường, danh có thể gọi là danh khác thường. Có phải đó là do Lão Quân nói chẳng? Các Đạo sĩ đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng hỏi: Tôn sư hiểu nghĩa ấy chẳng? Các Đạo sĩ im lặng không đáp. Hòa-thượng lại hỏi: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là tổn. Tổn đó lại đã tổn rồi. Còn như vô vi, vô vi nhưng không gì chẳng vi. Hòa-thượng lại hỏi: Trang Tử nói: Người nuôi sống chẳng sống, người giết sống chẳng chết. Các đạo sĩ đều không dám trả lời. Hòa-thượng bảo: Đạo sĩ thời nay chẳng có một người học theo đúng Quân Lão, chỉ học phỉ báng Phật. Các Đạo sĩ nghe xong, tái mặt chấp tay.

Hòa-thượng lại hỏi các Sơn nhân: Phu Tử nói Dịch có phải chẳng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng lại hỏi: Phu Tử nói Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín phải chẳng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng lại hỏi: Dịch là gì? Các Sơn nhân đều không trả lời được. Hòa-thượng bèn vì giảng nói về Dịch, mà hỏi: Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động, cảm mà bèn thông, nghĩa ấy như thế nào? Các Sơn nhân đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại bảo: Dịch, không thay không đổi, là bản tánh của chúng sanh. Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động là bản tánh của chúng sanh. Nếu chẳng thay chẳng đổi, chẳng

1 tư chẳng tương tức là Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
 2 Người Học ngày nay chẳng thấy bản tánh, không
 3 nhận biết chủ khách, gương nhận tiền trần lấy làm
 4 học vấn, rất là sai lầm. Phu Tử nói: Vô tư, vô vi rất
 5 rõ ràng. Có Sơn nhân hỏi Hòa-thượng: Cảm liên
 6 thông, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp: Với
 7 Phạm Thiên, chẳng mong cầu mà Phạm Thiên tự
 8 đến. Với quả báo, chẳng mong cầu mà quả báo tự
 9 đến. Phiền não đã hết, tập khí cũng dứt. Phạm
 10 thiên, Đế-thích, Trời, Rồng đều đến cúng dường
 11 cung kính. Do đó, Đức Như lai vào thành khất
 12 thực, tất cả cây cỏ đều cúi đầu, tất cả núi sông đều
 13 hướng về Phật, huống chi là chúng sanh, đó là do
 14 cảm mà thông. Các Sơn nhân đồng một lúc đều lễ
 15 bái Hòa-thượng, và xin làm đệ tử.

16 Hòa-thượng lại hỏi các Đạo sĩ: Được trên
 17 chẳng mất được, do đó có được. Được dưới vì
 18 chẳng mất được, do đó không được. Nghĩa ấy thế
 19 nào? Các Đạo sĩ thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói
 20 cho. Hòa-thượng bảo: Người được trên không có
 21 tâm chỗ được. Vì không chỗ được tức là Bồ-đề-tát-
 22 đỏa. Không có chút pháp để được thì gọi là A-nậu-
 23 đa-la- Tam-miệu-Tam-bồ-đề, tức là nghĩa của
 24 được ở trên. Được dưới không mất được, do đó
 25 không được. Người được dưới vì có chỗ mong cầu.
 26 Vì nếu có chỗ mong cầu thì có phiền não. Tâm
 27 phiền não tức là mất được. Đó là nghĩa mất được.
 28 Hòa-thượng lại bảo: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là

1 t₂ôn, nếu có tâm học, chỉ ghét trần lao sanh tử, đó là
2 chẳng ích. Vì đạo gọi là T₂ôn. T₂ôn đó đã có, còn
3 như vô vi nhưng không gì chẳng vi. Đại là bản
4 tánh, chỉ đạo dứt bật lời nói. Vọng niệm chẳng sanh
5 tức là ích. Lúc quán thấy tâm vương, tất cả đều xả
6 ly, tức là có ích. Cho đến cả vô vi, lúc tánh rỗng
7 không vắng lặng, là lúc thấy pháp ấy. Vô vi nhưng
8 không gì chẳng vi, tức là chẳng trú vô vi, tu hành
9 không khởi, chẳng lấy không khởi làm chứng tu
10 hành ở không, chẳng lấy không làm chứng, tức là
11 nghĩa không gì chẳng vi. Lại nữa, Trang Tử nói:
12 Người nuôi sống chẳng sống. Vọng niệm chẳng
13 khởi tức là chẳng sống. Người giết sống chẳng
14 chết, nghĩa chẳng chết tức là không sanh. Lại nói:
15 Đạo có thể nó là đạo chẳng thường, tức là bản tánh
16 chúng sanh, lời nói chẳng đến được, tức là đạo
17 chẳng thường, Danh mà gọi được là danh khác
18 thường, cũng là bản tánh của chúng sanh, chỉ có lời
19 nói, đều không thật nghĩa, chỉ có danh, chỉ có tự.
20 Pháp không thể nói, tức là danh khác thường. Các
21 đạo sĩ nghe nói rồi, chấp tay thưa Hòa-thượng: Nếu
22 theo điều giảng nói này tức là Phật và Đạo không
23 hai. Hòa-thượng bảo: Không phải. Trang Tử, Lão
24 Tử đều nói vô vi vô tướng, nói nhất nói tự nhiên.
25 Phật thì không như vậy, đây nói nhân duyên, tự
26 nhiên đều là hý luận. Tất cả Hiền thánh đều vì pháp
27 vô vi mà có khác nhau. Phật tức chẳng trú vô vi,
28 chẳng trú vô tướng, chẳng thấy ở Đại thừa. Người

1 Nhị thừa say rượu Tam-muội, phàm phu say rượu
2 vô minh. Hạng người Thanh văn trú tận trí, hạng
3 người Duyên giác trú trí tịch tịnh, còn trí tuệ Như
4 lai sanh khởi không cùng tận. Điều nói của Trang
5 Tử, Phu Tử, chỉ cùng đồng hạng người Thanh văn
6 v.v..., Phật quả trách hạng người Thanh văn như
7 đui như điếc. Các hàng Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn,
8 A-la-hán v.v... đều là các bậc Thánh tâm còn mê
9 hoặc. Phật chẳng nằm trong số chúng, vượt quá tất
10 cả. Pháp không nhơ sạch, pháp không hình tướng,
11 pháp không động loạn, pháp không nơi chốn, pháp
12 không lấy bỏ. Do đó vượt quá Không, Trang, Lão
13 Tử. Phật thường ở thế gian mà chẳng nhiễm pháp
14 thế gian, chẳng phân biệt thế gian nên kính lễ Vô
15 sở quán. Điều Không Lão nói phần nhiều có chấp
16 trước, tất cả đều là cảnh giới của Thanh văn Nhị
17 thừa. Các đạo sĩ kính lễ đều xin làm đệ tử Hòa-
18 thượng và im lặng tin nhận lắng nghe giảng pháp.

19 Hòa-thượng lại hỏi các Pháp sư: Thế nào là
20 Phật bảo? Thế nào là Pháp bảo? Thế nào là Tăng
21 bảo? Pháp sư im lặng không đáp. Hòa-
22 thượng giảng: Biết pháp tức là Phật bảo, lìa tướng tức là
23 Pháp bảo, vô vi tức là Tăng bảo. Lại hỏi các Pháp
24 sư: Pháp không lời nói, sao gọi là nói pháp? Người
25 nói pháp không giảng nói không nêu bày, người
26 nghe pháp không nghe không đắc. Không có pháp
27 đề nói gọi là nói pháp. Thường biết Đức Như lai
28 chẳng giảng nói pháp đó gọi là nghe nhiều đầy đủ.

1 Pháp sư nói pháp như thế nào? Có Pháp sư đáp:
2 Bát-nhã có ba thứ: một là Bát-nhã văn tự; hai là
3 Bát-nhã thật tướng; ba là Bát-nhã quán chiếu. Hòa-
4 thượng bảo: Tất cả văn tự đều không thật; không
5 chỗ tựa nương, đều đồng một vắng lặng, xưa nay
6 không chỗ động. Ngã và pháp không thật không
7 hư. Pháp là tất cả quán hạnh. Các Pháp sư trở mặt
8 nhìn nhau, không có lời nào để đối đáp.

9 Hòa-thượng lại hỏi các Luật sư: Thế nào là giới
10 luật? Thế nào là quyết định tỳ-ni? Thế nào là rốt
11 ráo tỳ-ni? Giới lấy gì làm thể, luật lấy gì làm nghĩa.
12 Các Luật sư đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại
13 hỏi các Luật sư: Có biết chủ và khách chăng? Có
14 vị Luật sư thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói nghĩa
15 chủ và khách. Hòa-thượng bảo: Đi và đến là khách,
16 chẳng đến chẳng đi là chủ. Tướng niệm không sanh
17 tức ẩn mất chủ và khách, tức là thấy tánh. Ngàn
18 muôn tư lự chẳng ích lợi đạo lý, nhọc làm loạn
19 động, mất gốc tâm vương. Nếu không tư lự, thì
20 không sanh diệt. Luận nghĩa là điều phục. Giới
21 chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải sắc
22 chẳng phải tâm là giới thể. Giới là gốc của chúng
23 sanh. Chúng sanh xưa nay viên mãn, xưa nay thanh
24 tịnh, lúc vọng niệm sanh thì xoay lưng với tuệ giác,
25 hợp với trần lao tức là giới luật không đầy đủ. Lúc
26 niệm không sanh tức là rốt ráo tỳ-ni, lúc niệm
27 không sanh tức là quyết định tỳ-ni. Lúc niệm
28 không sanh tức là phá hoại tất cả tâm thức. Nếu

1 thấy trì giới tức là rất phá giới. Giới và chẳng phải
 2 giới thứ hai ấy là một tướng. Nếu biết được như
 3 vậy tức là Đại đạo sư, thấy Tỳ-kheo phạm tội nặng
 4 chẳng đọa vào địa ngục, thấy hành giả thanh tịnh
 5 chẳng vào cảnh Niết-bàn, nếu trú vào cái thấy như
 6 vậy tức là thấy bình đẳng. Luật sư thời nay nói xúc,
 7 nói tịnh, nói trì, nói phạm, làm tướng thọ giới, làm
 8 tướng oai nghi, cho đến ăn uống thấy đều làm
 9 tướng, nếu làm tướng thì đồng với các ngoại đạo
 10 năm thông. Nếu không làm tướng tức là vô vi,
 11 chẳng nên có thấy. Vọng tướng là nhơ, không vọng
 12 là tịnh, chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh.
 13 Diên đảo là cấu, không diên đảo là tịnh. Trì phạm
 14 chỉ là buộc trói thân, chẳng phải thân không bị
 15 buộc trói, chẳng phải không khắp cùng tất cả, làm
 16 sao được viên thông? Nếu nói các trì giới, không
 17 thiện không oai nghi, giới tướng như hư không,
 18 người trì vì mê đảo, tâm sanh thì các pháp sanh,
 19 tâm diệt thì các pháp diệt. Tâm ấy như vậy, tội cấu
 20 cũng vậy, các pháp cũng vậy. Luật sư thời nay chỉ
 21 vì tiếng tăm lợi dưỡng, như mèo rình chuột, bước
 22 nhẹ từ từ đi, thấy phải thấy quấy, tự xưng là giới
 23 hạnh, đó đều là phá diệt Phật pháp, chẳng phải
 24 hạnh Sa-môn. Trong kinh Lăng-già nói: Ở đời sau
 25 người mặc áo ca-sa, tự vọng nói có và không, phá
 26 hoại Chánh pháp của ta. Đời sau ở trong giáo pháp
 27 ta làm người xuất gia vọng giảng nói tỳ-ni, phá
 28 hoại nhiều loạn Chánh pháp. Thà phá hủy thi-la

(giới) chớ phá hoại Chánh kiến, trì giới sanh lên cõi trời, tăng thêm các ràng buộc, Chánh kiến đắc Niết-bàn. Các Luật sư nghe giảng, kinh sợ tái mặt, lo sợ không an. Hòa-thượng lại nói: Lìa tướng, diệt tướng, tướng thường vắng lặng đều kết quy về không, thường khéo vào hạnh vắng lặng, Chư Phật như Hằng sa ẩn tàng một niệm thấy đều rõ biết. Phật chỉ cho pháp năm năm học giới luật, sau năm năm rời thầy Tiểu thừa, tìm thầy Đại thừa, học pháp vô nhân ngã, nếu chẳng như vậy, Phật rất quả trách. Các Luật sư nghe xong, lười nghi chóng xé toang, bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, giới luật đều xả bỏ, cúi xin Hòa-thượng từ bi chấp thuận! Và cùng lúc đánh lễ, rơi lệ than khóc. Hòa-thượng bảo: Không nhớ, không niệm, tất cả pháp đều không nhớ, pháp Phật cũng không nhớ, pháp thế gian cũng không nhớ, chỉ nhàn không. Như vậy có được chẳng? Các Luật sư đáp: Được. Hòa-thượng lại bảo: Thật như lúc được, tức là luật sư chân thật, tức là thấy tánh, ngay lúc thấy, thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thể bằng tức là thấy Phật. ngay lúc thấy, thấy cũng chẳng tự có. Hòa-thượng lại giảng: Khởi tâm tức là trần lao, động niệm tức là lưới ma, chỉ nhàn không, chẳng nổi chẳng chìm, chẳng xoay chẳng chuyển, sống lao nhao trong tất cả mọi lúc thấy đều là Thiền. Các Luật sư nghe rồi mừng vui hơn hở, sau đó, im lặng ngồi nghe.

Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Các luận sư

1 trước đã học vấn gì? Có vị Luận sư đáp: Giải trăm
2 pháp. Hòa-thượng bảo: Giải một trăm pháp là một
3 trăm cái tính lường, tất cả chẳng giải là không tính
4 lường, không tính lường tức là vô niệm. Vô niệm
5 tức là không nhận chịu, vô niệm tức là không tự,
6 vô niệm tức là không tha. Vì chúng sanh hữu niệm,
7 nên giả nói vô niệm. Ngay lúc vô niệm, niệm cũng
8 chẳng thật có. Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Lại
9 còn hiểu kinh luận gì? Luận sư đáp: Giải luận Khởi
10 tín. Hòa-thượng bảo: Khởi thì không tin tin thì
11 không khởi. Hòa- thượng lại hỏi: Luận sư lấy gì
12 làm tông? Luận sư không trả lời được. Hòa-thượng
13 bảo: Lấy đẹp tà hiển chánh làm tông, trong luận
14 nói: Là tướng nói năng, là tướng danh tự, là
15 tướng tâm duyên, là tướng niệm. Ngang bằng hư
16 không, cùng khắp pháp giới, không đâu chẳng
17 khắp. Như nay Luận sư chỉ giải, miệng bàn nói
18 phương thuốc, không biết chủ khách, dùng tâm trôi
19 lăn sanh tử để hiểu thích kinh luận, rất là sai lầm.
20 Trong luận nói: Là lời nói tức chấp trước lời nói,
21 là danh tự tức chấp trước danh tự, chỉ diễn giải ăn
22 bánh nướng không biết tảo trắng. Trong kinh
23 Lăng-già nói: Cho đến có tâm chuyên, đó tức là hý
24 luận, người không khởi phân biệt là người thấy tự
25 tâm, dùng không tâm ý không thọ hành, mà bề đẹp
26 hết các ngoại đạo, thấu đạt tướng các pháp không
27 hề chương ngại, cúi đầu lễ Như không Vô Sở y.
28 Các Luận sư nghe nói xong, chấp tay đánh lễ Hòa-

1 thượng.

2 Lại có các Thiên sư Đạo U, Pháp sư Mân, Luật
3 sư Quan pháp danh Tự Viên đến hỏi Hòa-thượng:
4 Trong Thiên Kinh nói: Tham đắm Thiên vị là Bồ-
5 tát trói buộc, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp:
6 Pháp sư chấp tướng, trước tướng là chúng sanh trói
7 buộc. Lại hỏi: Trong kinh nói: Người độn căn trí
8 cạn, trước tướng kiêu mạn, những loại như vậy,
9 làm sao độ được ? Hòa-thượng đáp: Trong kinh
10 nói: Lìa tướng, diệt tướng, tướng thường vắng
11 lặng. Các Pháp sư, luật sư thấy đều trái lời Phật
12 dạy, chấp tướng, trước tướng, vọng nhận tiền trần
13 lấy làm học vấn, như chó đuôi theo cục đất, cục đất
14 liền tăng nhiều, Vô Trú tôi đây không như vậy, như
15 sư tử buông cục đất mà theo người, cục đất liền tự
16 đứt mất, tướng niệm nao động, phá hoại gốc lành,
17 tánh ngộ an Thiên, tức trí vô lậu. Nếu tìm cầu theo
18 tướng ngoài thì dù trải qua số kiếp như cát bụi cũng
19 không bao giờ thể đắc. Còn với nội giác quán, chỉ
20 trong sát-na, bèn thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu-
21 Tam-bồ-đề.

22 Khi ấy lại có Thiên sư Quảng Khánh, Thiên sư
23 Ngộ U, Thiên sư Đạo Yển, Thiên sư Đại Trí đều là
24 đệ tử Thiên sư Kiên Thành, đến dự dưới pháp tòa
25 của Hòa-thượng. Hòa-thượng vừa uống trà, Thiên
26 sư Ngộ U trông nhìn Hòa-thượng mà nói: Uống trà
27 năm ba chén nhắm mắt ngồi, rất giống tráng sĩ ôm
28 eo lưng người gầy, chột không không khắp đất

1 rộng đẹp. Hòa-thượng liền bảo Thiền sư Ngô U:
2 Chớ nói năng trống rỗng, trong niên hiệu Vĩnh
3 Thuần chẳng ăn bần bánh bao. Thiền sư Ngô U
4 nghe xong tái mặt. Hòa-thượng bảo: Ngày nay Sư
5 này dùng tâm thế gian sanh diệt mà lường đạt
6 Thiền, rất là ngu si. Khi ấy các bậc long tượng cùng
7 giãm xéo con lừa chẳng thể kham nổi. Hòa-thượng
8 bảo Thiền sư Ngô U rằng: Vô Trú tôi sẽ nói cho
9 nghe một câu thoại: Có một người lên đứng trên gò
10 cao, có vài người bạn cùng đi đường, xa thấy con
11 vật gì nuôi giữ. Có người khác bảo là: Mất bạn. Lại
12 có người bảo là tìm bóng gió mát. Cùng nhau tranh
13 cãi không nhất định, bèn cùng đến chỗ người đứng
14 trên gò cao, hỏi: Ông mất cái gì? Người ấy đáp:
15 Chẳng mất gì cả. Lại hỏi: Ông mất bạn ư? Người
16 ấy đáp: không phải mất bạn. Lại hỏi: Ông tìm bóng
17 mát ư? Người ấy đáp: Không phải tìm bóng mát.
18 Lại hỏi: Cái gì cũng không, vì sao lên đứng trên gò
19 cao? Người ấy đáp: Chỉ đứng vậy thôi. Xong Hòa-
20 thượng bảo Thiền sư Ngô U rằng: Thiền của Vô
21 Trú tôi không chìm không nổi, không đạt không
22 dừng mà thật có dụng, dụng không sanh diệt, dụng
23 không nhơ sạch, dụng không phải quấy, sống lao
24 nhao trong tất cả mọi lúc đều là Thiền.

25 Lại có Pháp sư Hùng Tuấn hỏi Hòa-thượng
26 rằng: Hòa-thượng có nhập định chẳng? Hòa-
27 thượng đáp: Định không xuất nhập. Lại hỏi: Thiền
28 sư có nhập Tam-muội chẳng? Hòa-thượng đáp:

1 Chẳng nhập Tam- muội, chẳng trụ ngôi Thiên, tâm
2 không được mất, trong tất cả mọi lúc thấy đều là
3 Thiên.

4 Lại có Pháp sư Pháp Duyên ở Lũng châu, họ
5 Tào, xa nghe tiếng tể Hòa-thượng, nên dẫn mẹ
6 cùng đến núi Bạch nhai kính lễ Hòa- thượng. Hòa-
7 thượng hỏi: Ông giảng kinh luận gì? Pháp Duyên
8 đáp: Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật.
9 Hòa-thượng hỏi: Dùng số luận của ai? Pháp Duyên
10 đáp: Dùng luận của luận sư Vô Trước, Thế Thân,
11 và số của luận sư Huy Đàn v.v.... Hòa-thượng hỏi:
12 Trong kinh nói: Tất cả Chư Phật và A-nậu-đa-la-
13 Tam-miệu-Tam-bồ-đề của Chư Phật A đều từ kinh
14 này mà có ra. Vậy thế nào là kinh này? Hoàng Bá
15 là kinh này ư? Giấy là kinh này ư? Pháp sư Pháp
16 Duyên đáp: Thật tướng Bát-nhã, quán chiếu Bát-
17 nhã và Bát-nhã văn tự. Hòa-thượng bảo: Tất cả văn
18 tự đều là không, chẳng chỗ y cứ, đều đồng một
19 vắng lặng, xưa nay không hề động. Pháp là tất cả
20 quán hạnh. Trong kinh nói: Pháp ta không phải thật
21 không phải hư. Nên nói có pháp để giảng nói tức
22 là phỉ báng Phật. Pháp Duyên đáp: Y cứ chương số
23 mà nói. Hòa-thượng bảo: Luận số của các luận sư
24 Vô Trước, Thế Thân, Huy Đàn v.v..., sao như Phật
25 nói? Pháp Duyên đáp: không như. Hòa-thượng
26 bảo: Đã không như, vì sao chẳng y cứ lời Phật chỉ
27 dạy? Trong kinh nói: Là tất cả tướng tức gọi là
28 Chư Phật. Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh

1 đề cầu Ta, người ấy thực hành theo tà đạo, không
2 thể thấy Như lai. Kinh này thì là tâm này, thấy tánh
3 thành Phật đạo. Vô niệm thì thấy tánh, vô niệm
4 không phiền não, vô niệm thì không tự, vô niệm
5 thì không tha, vô niệm thì không Phật, vô niệm là
6 không chúng sanh. Chánh ngay lúc vô niệm, vô
7 niệm cũng chẳng thật có. Nghe xong, Pháp sư Pháp
8 Duyên chấp tay, bạch Hòa-thượng: Pháp Duyên
9 con rất may mắn được gặp Hòa-thượng, hiện có mẹ
10 già theo gần gũi nương tựa, cúi xin Hòa-thượng
11 cho phép. Bèn ở lại trong núi, chẳng rời xa Hòa-
12 thượng. Hòa-thượng bảo: Bát- nhã ba-la-mật,
13 không thấy người báo ân, không thấy người tạo ân,
14 Vô Trú tôi thực hành vô duyên từ, hành vô nguyện
15 từ, hành bất nhiệt từ, hành vô ân từ, cũng chẳng
16 phải kia cũng chẳng phải đây, chẳng hành pháp
17 thượng, trung và hạ, chẳng hành hữu vi, vô vi, thật
18 chẳng có pháp thật, chẳng làm lợi ích, chẳng làm
19 tổn hại, không phước lớn, không phước nhỏ, vì
20 không chỗ thọ nhận và trao các thọ nhận, chưa đủ
21 Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ nhận. Nếu muốn
22 sám hối thì ngồi thẳng quán niệm thật tướng, vô
23 niệm tức là thật tướng, hữu niệm tức là luống dối,
24 sám hối chú nguyện đều là luống dối. Hòa-thượng
25 lại bảo: Ai là người báo ân Phật? Ai là người y theo
26 pháp tu hành. Ai là người đáng thọ cúng dường?
27 Người chẳng bị việc đời lôi kéo. Ai là người tiêu
28 sự cúng dường? Người đối với pháp mà không

1 chấp. Vô niệm là không lấy, vô niệm là không bỏ,
2 vô niệm là không nhớ, vô niệm là không sạch, vô
3 niệm là không trôi, vô niệm là không buộc, vô
4 niệm là không tự, vô niệm là không tha. Chánh
5 ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Vô niệm
6 tức Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là chú
7 Đại thần, là chú đại minh, là chú Vô thượng, là chú
8 Vô đẳng đẳng, có công năng dứt trừ tất cả khổ, là
9 chân thật, không luống dối. Sao đàn-việt ấy nhỏ trừ
10 vọng tướng, tỏ ngộ thể vô sanh, cuốn dứt nhiều lớp
11 mây mà tỏa sáng mặt trời, nghiệp chướng chóng
12 dứt trừ, mở toang vọng tướng để định tâm, vắng
13 lặng chẳng động, nhị đế đồng tỏa chiếu, tức là chân
14 thật thấy Phật. Đàn-việt chỉ y theo pháp này, không
15 khinh mạn tư tu, tuy có mở chút cách trở xa xăm vẫn
16 thường thấy, chẳng khác. Nếu trái ngược lý này thì
17 trôi dạt dính mắc nơi căn trần, tư lự đua nhau dấy
18 khởi, tham nhiễm quá độ, thì dầu thường đối mặt
19 mà xa vượt, khó có thể dụ đó!.

20 Môn nhân trú tại chùa Đại Lịch Bảo Đường
21 được Hòa-thượng truyền trao Thiền môn Đại thừa
22 đôn ngộ biên tả văn khen ngợi chân dung.

23 Sơn nhân Tôn Hoàn kể rằng: Đạo vốn không
24 danh, người ngộ đạo mới biết được gốc ấy. Pháp
25 vốn vô tướng, người thấu đạt pháp mới biết được
26 nguồn ấy. Thấu đạt gốc tức là đạo, biết thể vi diệu
27 của đạo có vô sanh, nhận biết được pháp tức là
28 nguồn, thấy pháp tánh viên minh tự tại. Tại không

1 chỗ tại, tại chẳng ngại đây kia. Sanh không chỗ
 2 sanh, sanh chẳng có ngăn mé của có không, nên
 3 Đức Phật Thích-ca giảng nói mười hai bộ loại phân
 4 pháp, tất cả rõ trong tâm, tức giảng nói không chỗ
 5 nói. Hòa-thượng (Vô Trú) chúng ta chỉ bày tám
 6 vạn trần tích, dạy thẳng thấy tánh, là chỉ bày không
 7 nói chỉ bày, cũng biết pháp là lời nói, pháp chẳng
 8 có lời nói thì chẳng rõ, pháp là thấy nghe, pháp
 9 chẳng có thấy nghe thì chẳng hiển bày. Do lời nói
 10 mà hiển bày nghĩa, chứng đắc nghĩa, quên lời nói.
 11 Cho nên biết thuận theo lời nói, thì lời nói hiển bày
 12 mà pháp mất, trái lại thấy nghe thì lời nói mất mà
 13 pháp hiển bày, không lời nói, vô ngã vô vi. Thể của
 14 vô vi là như như, lý của như như chẳng phải một,
 15 chẳng phải một, chẳng tự có, thật gọi là Bồ-đề,
 16 minh tâm thẳng tịnh, khắp cùng pháp giới tức nơi
 17 Hòa-thượng chúng ta. Môn đó truyền pháp đó, chỉ
 18 bày nghĩa vô niệm, chẳng động chẳng tịnh. Giảng
 19 nói môn đốn ngộ, không nhớ không niệm. Hòa-
 20 thượng có bảo môn nhân rằng: Pháp tức như vậy,
 21 lời nói chẳng thấu kịp. Tổ sư Đạt-ma-đa-la tôi
 22 truyền pháp yếu này, chính cùng thọ nhận. Đó là
 23 bí môn của Chư Phật, là Bát-nhã ba-la-mật, cũng
 24 gọi là nghĩa bậc nhất, cũng gọi là môn không hai,
 25 cũng gọi là thấy tánh, cũng gọi là Chân như, cũng
 26 gọi là Niết-bàn, cũng gọi là Thiền môn. Tên gọi
 27 như vậy là sự giả nói của Chư Phật Như lai ở thời
 28 quá khứ. Nghĩa chân thật không có danh tự. Bấy

1 giờ môn nhân được chỉ dạy, như thuyết tu hành mà
2 đượm nhuần, cùng nhau khen rằng: Thânh thang
3 mệnh môn thay! Như trông thấy hư không rỗng
4 rang chẳng mảy may có vết bụi. Đẹp đẽ thay! Như
5 trông thấy bề cả mệnh môn không ngăn không
6 mé, sâu xa biết đạo nói chẳng thể tới, màu nhiệm
7 không tên. Cảm đội ân Đại sư thương xót sự ngu
8 mê của chúng ta, chỉ bày Chánh pháp cho ta, chẳng
9 do thêm bậc thẳng đến Bồ-đề, nếu gặp các người
10 học ta phải trao truyền chỉ bày. Nếu không có hình
11 tướng thầy, đâu lấy gì nêu bày, bèn ngậm môi thợ
12 khéo đắp họa chân dung Hòa- thượng, dung mạo
13 oai quang rực rỡ, tướng tốt đầy đủ. Khiến người
14 nhìn thấy dung mạo thì sẽ dẹp tà, người nương theo
15 pháp thì sẽ thành đạt huyền diệu, lại thêm sâu sắc
16 mà chưa thể lường. Cúi đầu chiêm ngưỡng gương
17 làm bài khen ngợi rằng:

18 *Pháp tối thượng thừa*

19 *Chẳng lý chẳng sự*

20 *Khéo nói nhiều môn*

21 *Đều về chẳng hai*

22 *Ca-diếp đắc được*

23 *Tây Vực truyền bá ở xứ*

24 *Phật Đạt-ma lãnh thọ*

25 *Lưu truyền đến đất đầm phương Đông*

26 *Sự thì có hơn ngàn năm*

27 *Thánh giả ba mươi bốn vị*

28 *Chánh lớn nối nhau*

Đời đời tiếp nhận
Đắc pháp khế hợp với nguồn đạo
Truyền y nói lên chia chân nguy
Thấy tôi thâm trao
Đường đường hiển bày
Mở rộng bí môn của Chư Phật
Khai ngộ liễu nghĩa Đại thừa
Chẳng thuận hữu vi
Chẳng nương vô ký
Lìa tướng lìa tánh
Không ngu không trí
Nghĩa chẳng có không
Có không chẳng nghĩa
Trái tâm phạm phu
Vượt ý Hiền thánh
Hạnh quá Ba thừa
Chóng vượt mười địa
Chẳng tự chẳng quả
Không tha không tự
Dụng Vô sanh tịch
Ảnh thể đều là
Thấy không sáng tối
Vô niệm là phải
Bèn mời thợ khéo
Ngâm vì họa đắp
Vạch tướng tốt sanh
Trông thấy ứng thân cao vời
Lìa tướng và lời

1 *Thấy rõ pháp khí sâu rộng*
2 *Được như dầu trời*
3 *Cốt khác người phàm*
4 *Điểm khéo tốt thay*
5 *Cuối cùng được chân khí*
6 *Dung mạo vắng lặng mà muốn nói*
7 *Ánh mắt mấp máy sắp nhìn*
8 *Ngửa mặt thấy công cao*
9 *Chăm nhìn lại càng quý*
10 *Chẳng có thầy tôi*
11 *Pháp này sắp rơi.*

12 Ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Đại Lịch
13 năm thứ chín (774) thời Tiên Đường, Hòa-thượng
14 bảo môn nhân đệ tử lấy cho y phục mới sạch, tắm
15 gội xong, Hòa-thượng thay mặc y phục mới sạch
16 ấy, hỏi các đệ tử: Đã đến giờ thọ trai chưa? Đệ tử
17 đáp: Đã đến. Hòa-thượng căn dặn môn nhân đệ tử:
18 Nếu là con hiếu thuận thì không được trái lời ta
19 dạy. Ta sắp qua đời, sau khi ta đi, không được quán
20 tang trên đầu, không được làm như người thế gian
21 không tu hành khóc than và quán tang. Như vậy thì
22 chẳng gọi là đệ tử ta. Khóc than là pháp thế gian.
23 Với Phật pháp thì không như vậy, là tất cả các
24 tướng tức là thấy Phật. Nói xong, Hòa- thượng
25 ngồi lặng lẽ mà thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi.

26
27 **LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ (HẾT)**

1

2



1
2 LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
3 TẬP 187
4
5
6
7
8
9
10

11 CẢNH ĐỨC TRUYỀN
12 ĐĂNG LỤC
13 SỐ 2076
14 (QUYỂN 1 → 10)
15
16
17
18
19
20
21
22

23 HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
24 LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2076

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

Sa môn Đạo Nguyên đời Tống - biên soạn

QUYỂN 1

I. BẢY ĐỨC PHẬT VÀ TỔ SƯ Ở THIÊN TRÚC:

A. Bảy Đức Phật: Phật Tỳ-bà-thi Phật Thi-khí
Phật Tỳ-xá-phù Phật Câu-lưu-tôn
Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Phật Ca-diếp.
Phật Thích-ca Mâu-ni

B. Mười lăm vị Tổ ở Thiên Trúc:

(Trong có một Tổ nảy sinh từ lẽ không ghi
chép).

1. Tổ Ma-ha Ca-diếp
2. Tổ A-nan (bàng xuất mạt-điền-đề-ca).
3. Tổ Thương Na-Hòa-Tu
4. Tổ Ưu-Ba-cúc-đa
5. Tổ Đề-đa-ca
6. Tổ Di-già-ca
7. Tổ Bà Tu Mật
8. Tổ Phật đà-nan-đề

9. Tổ Phục-đà-mật-đa

10. Tổ Hiếp Tôn giả

11. Tổ Phú-na-dạ-xa

12. Tổ Đại sĩ Mã Minh

13. Tổ Ca-tỳ-ma-la

14. Tổ Đại sĩ Long Thọ.

A. NÊU DANH HIỆU BẢY ĐỨC PHẬT

Phật xưa ra đời lâu xa vô cùng, chẳng thể biết hết số, cho nên chỉ nói trong kiếp Hiền có một ngàn Đức Như lai. Cho đến Đức Thích Ca thì chỉ ghi có bảy Đức Phật. Xét trong kinh Trường A-hàm nói: Bảy Đức Phật năng lực tinh tiến, phát ra ánh sáng diệt tối tăm - Đều ngồi dưới gốc cây, ở đó thành Chánh giác. Lại Mạn-thù-thất-lợi là Tổ sư của bảy Đức Phật. Đại sĩ Kim Hoa Thiện Tuệ lên đỉnh núi Thông hành đạo, cảm được bảy Đức Phật dẫn trước, ngài Duy-ma tiếp sau. Nay chỉ soạn thuật đoạn từ bảy Đức Phật trở đi.

1. Phật Tỳ-bà-thi: (Là Đức Phật thứ 998 trong kiếp Trang nghiêm đời quá khứ).

Kệ rằng:

Thân từ vô tướng mà thọ sinh

Cũng như trong huyễn sinh hình tượng

Người huyễn tâm thức xưa nay không

Tội phước đều không chẳng chỗ trụ.

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người sống lâu tám vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ là Câu-lợi-nhã. Cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu-bà-đề, ở thành Bàn-đầu-bà-đề, ngồi dưới gốc cây Ba-ba-la. Nói pháp ba hội, độ người 348.000 (34 vạn 8 ngàn) người. Có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Khiên-trà, 2/ Đề-xá. Thị giả là Vô Ưu, con là Phương Ứng.

2. Phật Thi-khí (là Phật thứ 999 ở kiếp Trang Nghiêm)

Kệ rằng:

*Khởi các pháp lành vốn là huyễn
Tạo các nghiệp ác cũng là huyễn
Thân như đồng bọt tâm như gió
Rõ ràng không căn, không thật tánh.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ bảy vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ là Câu-lợi-nhã, cha là Minh Tướng, mẹ là Quang Diệu, ở thành Quang Tướng ngồi dưới gốc cây Phân-đà-lợi, nói pháp ba hội, độ được hai mươi lăm vạn người, có hai vị đệ tử thần túc: 1/ A-tỳ-phù. 2/ Bà-Bà. Thị giả là Nhẫn Hạnh, con là Vô Lượng.

3. Phật Tỳ-xá-phù (là Phật thứ một ngàn ở kiếp

Trang Nghiêm)

Kệ rằng:

Nhờ vào bốn Đại đế làm thân

Tâm vốn không sinh do cảnh có

Nếu trước cảnh không tâm cũng không

Tội phước như huyền khởi cũng diệt.

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ sáu vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ Câu-lợi-nhã, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xứng Giới, ở thành Vô Dụ ngồi dưới gốc cây ba-la, nói pháp hai hội, độ được mười ba vạn người, có hai vị đệ tử thân túc: 1/ Phò Du, 2/ Uất-Đa-ma. Thị giả là Tịch diệt, con là Diệu Giác.

4. Phật Câu-lưu-tôn (là Đức Phật thứ nhất của kiếp Hiền)

Kệ rằng:

Thấy thân không thật là thân Phật

Hiếu tâm như huyền là Phật huyền

Hiếu được thân tâm vốn tánh không

Người này cùng Phật nào có khác.

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ bốn vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Lễ Đắc, mẹ là Thiện Chi, ở thành An Hòa, ngồi dưới gốc cây Thi-lợi-sa, nói pháp 1 Hội, độ được 4 vạn người, có hai vị đệ tử thân túc: 1/ Tát Ni, 2/ Tỳ-lâu, thị giả là Thiện

Giác, con là Thượng Thắng.

5. Phật Câu-na-hàm mâu-ni (là Phật thứ hai ở kiếp Hiền)

Kệ rằng:

*Phật chẳng thấy thân biết là
Phật Nếu thật có biết riêng không Phật
Người trí biết được tội tánh không
Thản nhiên chẳng hề sợ sinh tử.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ ba vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng, ở thành Thanh Tịnh, ngồi dưới gốc cây Ô-tạm Bà-la-môn, nói pháp 1 hội, độ được ba vạn người, có hai vị đệ tử thân túc: 1/ Thư Bàn Na, 2/ Uất-đa-lâu. Thị giả là An Hòa, con là Đạo Sư.

6. Phật Ca-diếp (là Đức Phật thứ 3 ở Kiếp Hiền).

Kệ rằng:

*Tất cả chúng sinh tánh thanh tịnh
Từ xưa không sinh không thể diệt
Tức thân tâm này là huyễn sinh
Ở trong huyễn hóa không tội phước.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ hai vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài

1 Chủ, ở thành Ba-la-nại, ngồi dưới gốc cây Ni-câu-
 2 luật, nói pháp một Hội, độ được hai vạn người. Có
 3 hai vị đệ tử thân túc: 1/ Đề- Xá, 2/ Bà-la-bà, thị giả
 4 là Thiện Hữu, con là Tập Quân.

6 **7. *Phật Thích-ca Mâu-ni*** (là Phật thứ tư ở Kiếp 7 hiền)

8 Thuộc dòng Sát-lợi, cha là Tịnh Phạm Thiên,
 9 mẹ là Đại Thanh Tịnh Diệu, ở vị Bồ xứ sinh lên
 10 trời Đâu Suất tên là Thắng thiện Thiên Nhân, cũng
 11 gọi là Đại sĩ Hộ Minh, độ các chúng trời nói hạnh
 12 Bồ xứ, cũng ở trong các cõi ở mười phương mà
 13 hiện thân nói pháp. - Kinh Phổ Diệu nói: Phật khi
 14 mới sinh ra ở dòng vua Sát-lợi, phát ra ánh sáng
 15 Đại trí, chiếu khắp các thế giới ở mười phương.
 16 Đất tự nhiên mọc lên hoa sen nâng chân Ngài ,
 17 Đông Tây Nam Bắc đều đi bảy bước. Đưa tay chỉ
 18 trời và đất mà phát ra lời sư tử hống rằng: Trên
 19 dưới và 4 hướng không ai lớn bằng Ta. Lúc đó là
 20 đời Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn,
 21 mùng 8 tháng 4 năm Giáp Dần (nay sửa là rằm
 22 tháng 4 hàng năm). Đến ngày 8 tháng 2 năm năm
 23 thứ bốn mươi hai, Nam Thái tử mười chín tuổi
 24 muốn đi xuất gia mà tự nghĩ rằng: Sẽ gặp gì đây?
 25 Bèn ở dạo chơi bốn cửa thành mà thấy 4 việc, tâm
 26 có buồn vui mà nghĩ rằng: Già bệnh chết này trọn
 27 phải chán lìa. Do đó nửa đêm giờ Tí có một vị trời
 28 tên là Tịnh Cư, ở giữa cửa sổ chấp tay thưa với

1 Thái tử rằng: Giờ xuất gia đã đến, nên ra đi. Thái
2 tử nghe xong tâm rất vui mừng, liền vượt thành mà
3 đi, vào trong núi Đản-đặc mà tu đạo. Đầu Tiên đến
4 chỗ ông A-lam-ca-lam, ba năm học định không
5 chỗ dùng biết là sai liền bỏ. Lại đến chỗ ông Uất-
6 đầu-lam-phát, 3 năm học định Phi Phi Tướng, biết
7 là không đúng cũng bỏ. Lại đến núi Tượng Đầu
8 (đầu voi) cùng sống với các ngoại đạo ngày ăn vài
9 hạt mè, như thế trải qua sáu năm. Nên kinh nói:
10 Dùng hạnh vô tâm ý vô thọ mà tội phục các ngoại
11 đạo, trước Tiên trải qua thử nghiệm các tà pháp mà
12 bày các phương tiện phát ra các kiến khiến đến Bồ
13 đề. Cho nên kinh Phổ Tập nói: "Bồ-tát ở ngày
14 mùng 8 tháng 2 vào lúc sao mai mới mọc thành
15 Phật làm thầy trời người". Lúc đó Ngài ba mươi
16 tuổi nhằm đời Chu Mục Vương năm thứ ba đời
17 năm Quý Mùi. Rồi ở vườn Nai vì nhóm năm anh
18 em Kiều-Trần-Như xoay bánh xe pháp bốn Đế mà
19 nói về Đạo quả ở đời nói pháp bốn mươi chín năm.
20 Sau bảo đệ tử là Ma-ha Ca-diếp: Ta dùng Pháp
21 Nhân Thanh Tịnh Niết-bàn Diệu Tâm Thật Tướng
22 Vô Tướng vi Diệu Chánh Pháp mà trao cho ông.
23 Ông nên giữ gìn và sai A-nan cùng truyền bá giáo
24 hóa không để đứt mất. Mà nói kệ rằng:

25 *Pháp vốn pháp không pháp,*
26 *Không pháp pháp cũng pháp*
27 *Nay khi trao vô pháp,*
28 *Pháp pháp đâu từng pháp.*

1 Khi Thế-tôn nói kệ xong bảo Ca-diếp rằng: Ta
 2 đem y Tăng-già-lê sợi vàng mà trao lại cho ông
 3 chuyển theo Bồ xứ đến khi Phật Từ Thị ra đời chớ
 4 để mất đi Ca-diếp nghe kệ xong bèn đánh lễ Đức
 5 Thế-tôn bạch rằng: Lành thay lành thay, con xin
 6 vâng lời Phật dạy. Bấy giờ Thế-tôn đến thành Câu-
 7 thi-na, bảo các Đại chúng rằng: Nay ta đau lưng
 8 muốn nhập Niết-bàn liền đến rừng cây Sa la song
 9 thọ bên bờ sông Hy liên nằm nghiêng bên hông
 10 phải duỗi chân mà tịch. Lại từ kim quan đứng dậy
 11 nói pháp để độ mẹ, và hiện ra đội chân để hóa độ
 12 Bà-kỳ cùng nói kệ Vô thường rằng:

*Các hành vô thường
 Là pháp sinh diệt
 Sinh diệt diệt rồi
 Vắng lặng là vui.*

17 Lúc đó các đệ tử dùng củi thơm mà trà tì Phật
 18 đốt lửa xong thì kim quan như cũ. Bấy giờ đại
 19 chúng ở trước Phật nói kệ khen rằng:

*Lửa phàm tục mạnh mẽ
 Nhưng sẽ không đủ nóng
 Phải thỉnh lửa Tam-muội
 Trà trì thân màu vàng.*

24 Khi ấy kim quan đang nằm bỗng đứng dậy cao
 25 bảy cây Đa-la, qua lại trên hư không hóa lửa Tam-
 26 muội, phút chốc thành tro được tám hộc bốn đấu
 27 xá-lợi, nhằm ngày rằm tháng 2 năm Nhâm Thân,

tức là đời vua Chu Mục Vương năm thứ năm mươi hai. Từ khi Thế-tôn diệt độ rồi trải qua một ngàn lẻ mười bảy năm thì giáo pháp đến Trung quốc, tức năm Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 đời Hậu Hán.

B. MƯỜI LĂM VỊ TỔ THIÊN TRÚC:

1. Tổ Ma-ha Ca-diếp: Người nước Ma-kiệt-đà, dòng Bà-la-môn, cha là Âm Trạch, mẹ là Hương Chí, xưa làm nghề thợ bạc (làm vàng) biết rõ tánh vàng nên làm rất đẹp. Phó Pháp Truyện nói: Trong nhiều kiếp lâu xa sau khi Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn bốn chúng xây tháp thờ. Trong tháp có tượng Phật vàng ở mặt có chút hư hỏng, có một cô gái nghèo đem vàng đến người thợ bạc trên nhờ trang sức mặt Phật, rồi nhân đó cùng phát nguyện: Nguyện hai người chúng con làm vợ chồng với nhau không có hôn nhân, do đó mà suốt chín mươi một kiếp thân luôn có màu vàng. Sau sinh lên làm Trời phạm. Khi hết phước thì sinh xuống làm người dòng Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Thiên trúc tên là Ca-diếp-Ba, Hán dịch là Âm Quang Thắng Tôn bởi vì lấy màu vàng làm hiệu. Do đó chỉ câu xuất gia mong độ chúng hữu tình. Phật nói: Thiện Lai Tỳ-kheo! Tức thì tóc râu tự rụng, ca sa đắp vào mình, ở trong chúng được khen là bậc nhất (người lớn nhất trong chúng sau

Phật). Phật nói: Ta đem pháp Nhãn thanh tịnh mà giao lại cho ông, ông nên truyền khắp đừng để mất. - Kinh Niết-bàn nói: Khi Thế-tôn sắp nhập Niết-bàn, lúc đó Ca-diếp không có mặt trong chúng hội. Phật bảo các đệ tử lớn rằng khi Ca-diếp trở về thì bảo ông ấy tuyên dương Chánh Pháp nhãn Tạng. Lúc đó Ca-diếp ở trong hang Tân Bát La tại núi Kỳ-xà-quật thấy có ánh sáng rực rỡ liền vào Tam-muội (liên nhập định) dùng Thiên nhãn thanh Tịnh nhìn thấy Đức Thế-tôn ở bên sông Hy-liên đang nhập Niết-bàn. Bèn bảo đồ đệ rằng Như lai đã nhập Niết-bàn, sao sớm thế? Bèn đến rừng Song thọ khóc lóc thảm thiết. Phật ở trong Kim Quang hiện ra hai chân. Khi ấy Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo rằng Phật đã trà tỳ, xá-lợi kim cang không phải là việc của chúng ta. Chúng ta nên kết tập pháp nhãn chớ để dứt mất, bèn nói kệ rằng:

*Đệ tử Như lai
Chớ nên Niết-bàn
Ai được thần thông
Phải đến kiết tập.*

Do đó người có thần thông đều nhóm họp lại hang Tân Bát La trong núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương xá. Lúc đó A-nan vì chưa hết lậu nên không được vào hội. Sau đó chứng được quả A-La-hán, vì vậy mới vào được. Ca-diếp bèn bạch chúng rằng: Tỳ-kheo A-nan này học rộng tổng trì, có trí tuệ rộng lớn, luôn theo bên cạnh Như lai phạm

hạnh thanh tịnh. Phật pháp đã nghe như nước đổ vào bình chứa đầy không sót. Phật đã khen ngợi là thông minh bậc nhất. Vậy nên thỉnh vị ấy kiết tập tạng Tu-đa-la (kinh). Đại chúng im lặng nhận lời. Ca-diếp bảo A-nan rằng ông nên tuyên nói pháp nhãn. A-nan bèn nhận lời, quán sát tâm chúng mà nói kệ rằng:

*Tỳ-kheo các quyền thuộc
Lìa Phật chẳng trang nghiêm
Cũng như trong hư không
Các sao không có trăng.*

Nói kệ xong bèn đánh lễ chúng tăng, rồi lên pháp tòa mà nói như vậy: "Tôi nghe như vậy, thuở nọ Phật ở tại... nơi ấy, nói kinh giáo... ấy... cho đến trời người đánh lễ vâng làm". Lúc đó Ca-diếp hỏi các Tỳ-kheo rằng: Lời A-nan nói có sai lầm chăng? Chúng đều nói: Không khác lời Thế-tôn nói. Ca-diếp bèn bảo A-nan rằng: Nay ta tuổi thọ không còn bao lâu nữa, nay đem Chánh pháp giao lại cho ông, ông nên khéo giữ gìn. Hãy nghe ta nói kệ:

*Pháp pháp pháp xưa nay
Không pháp chẳng không pháp
Sao ở trong một pháp
Có pháp có chẳng pháp.*

Ca-diếp nói kệ xong bèn đem y Tăng-già-lê vào núi Kê Túc đợi Đức Từ Thị hạ sinh, lúc đó nhằm năm Bính Thìn đời Chu Hiếu Vương năm thứ năm.

1
2 **2. Tổ A-nan:** Người ở thành Vương xá, dòng
3 Sát-đế-lợi, cha là vua Hộc Phạn, là em học của
4 Phật. Tiếng Phạm là A-nan-đà, Hán dịch là Khánh
5 Hỷ, cũng gọi là Hoan Hỷ. Vì sinh vào đêm Như lai
6 thành Đạo, do đó mà đặt tên. Học nhiều hiểu rộng
7 trí tuệ vô ngại. Đức Thế-tôn cho là người Tổng Trì
8 bậc nhất, thường khen ngợi vì ở đời trước có công
9 đức lớn thọ trì Pháp tạng như nước rót từ bình vào
10 bình. Phật khiến làm thị giả. Sau vua A-xà-thế bạch
11 rằng: Thừa nhân giả, Như lai và Ca-diếp hai vị thầy
12 cao quý thù thắng đều đã Niết-bàn mà tôi làm
13 nhiều cách cũng không thể thấy được. Vậy Nhân
14 giả khi nhập Niết-bàn nên nói lời cáo biệt. A-nan
15 nhận lời. Sau đó nghĩ rằng thân mình sớm tan, cũng
16 như đám bọt huống chỉ lại già yếu đâu thể sống lâu.
17 Lại nghĩ vua A-xà-thế có giao ước với ta, bèn đến
18 cung vua mà cáo từ rằng: Tôi muốn nhập Niết-bàn
19 nên đến đây từ biệt. Kẻ hầu thưa: Vua ngủ không
20 thể thưa A-nan nói: Đợi vua thức dậy sẽ nhắc lại.
21 Lúc đó vua A-xà-thế mộng thấy một cái lọng báu
22 được trang hoàng bằng bảy báu có ngàn vạn ức
23 chúng vây quanh ngắm nhìn. Bỗng gió mưa dữ dội
24 thổi đến làm gãy cán, châu báu chuỗi ngọc đều rơi
25 xuống đất, lòng rất kinh sợ chợt thức dậy. Kẻ hầu
26 liền nhắc lại lời A-nan. Vua kinh hãi khóc than
27 rung động trời đất, tức tốc đến ngay thành Tỳ-xá-
28 ly thì thấy A-nan đang ngồi kiết già giữa dòng sông

1 Hạng. Vua bèn đánh lễ mà nói kệ rằng:

2 *Kính lạy Thầy Ba cõi*
3 *Bỏ tôi mà đến đây*
4 *Tạm nương sức bi nguyện*
5 *Chớ nên nhập Niết-bàn.*

6 Lúc đó vua Tỳ-xá-ly cũng có mặt bên bờ sông
7 lại nói kệ rằng:

8 *Tôn giả sao sớm thế*
9 *Mà về với vắng lặng*
10 *Xin nán lại giây phút*
11 *Mà nhận lễ cúng dường.*

12 Bấy giờ, A-nan thấy hai vị vua cùng đến
13 khuyên thỉnh, bèn nói kệ rằng:

14 *Hai vua khéo đứng nghiêm*
15 *Chớ nên buồn khô quá*
16 *Niết-bàn ta sẽ tịnh*
17 *Mà không có các hữu.*

18 A-Nan lại nghĩ: Nếu ta ở một nước mà Niết-
19 bàn thì các nước sẽ tranh giành nhau, sẽ không có
20 việc ấy, vì phải bình đẳng mà độ các hữu tình. Bèn
21 ở giữa sông Hạng mà nhập tịch diệt. Lúc đó núi
22 sông mặt đất phát ra sáu loại chấn động. Trong núi
23 Tuyết có năm trăm vị Tiên thấy việc ấy bèn bay
24 trên hư không mà đến, đánh lễ A-nan rồi quì xuống
25 bạch rằng: Con ở nơi Trưởng lão sẽ chứng Phật
26 pháp, xin từ bi độ thoát chúng con! A-nan im lặng
27 nhận lời. Bèn biến hóa sông hạng đều thành đất

1 vàng rỗng, vì các vị Tiên nói Đại pháp. A-nan lại
 2 nghĩ: Các đệ tử được độ thoát từ trước nên đến
 3 nhóm họp phút chốc có năm trăm vị A-la-hán từ
 4 trên hư không bay xuống vì các Tiên mà làm lễ
 5 xuất gia và thọ giới cụ túc. Trong các Tiên ấy có
 6 hai vị A-La-hán: 1/ Thương-na- Hòa-tu, 2/ Mạt-
 7 điền-đề ca. A-nan biết đó là pháp khí, bèn bảo
 8 rằng: Xưa Như lai đem Đại pháp nhẫn mà trao cho
 9 Đại Ca-diếp, Ca-diếp vào định mà trao lại cho ta.
 10 Nay ta sắp mất, nên truyền lại cho ông, ông hãy
 11 nghe lời ta dạy. Hãy lắng nghe nói kệ.

12 *Xưa nay giao có pháp*
 13 *Giao rồi nói không pháp*
 14 *Ai nấy đều tự ngộ*
 15 *Ngộ rồi không không pháp.*

16 A-nan trao phó Pháp nhẫn tạng rồi bay lên hư
 17 không thị hiện mười tám thần biến nhập vào Tam-
 18 muội Phong Phấn Tấn, phân thân làm bốn phần:
 19 Một phần đưa lên Trời-đao-lợi, một phần đưa về
 20 Long cung Ta-kiệt-la, một phần cho vua Tỳ-xá-ly,
 21 một phần giao vua A-xà-thế, tất cả đều xây tháp
 22 mà cúng dường, lúc ấy là năm Quý Tỵ đời Chu Lệ
 23 Vương năm thứ mười hai.

24
 25 **3. Tổ Thương Na-hòa-tu:** Người nước Ma-
 26 đột-la cũng gọi là Xá- na-bà-tư họ là Tỳ-xá-đa, cha
 27 là Lâm Thắng, mẹ là Kiều-xa-da, ở trong thai sáu

1 năm mới sinh. Tiếng Phạm là Thương-Nặc-Ca,
2 Hán dịch là Tự Nhiên Phục tức là tên gọi loại cỏ
3 chín cành quý đẹp ở Tây Vực. Nếu như bậc Thánh
4 La-hán giáng sinh thì cỏ mọc ra ở đất sạch khi Hòa-
5 tu sinh thì cỏ này mọc. Xưa, khi Như lai hành hóa
6 (đi hóa độ) đến nước Ma-đột- la thấy có một khu
7 rừng cành lá sum sê bảo A-nan rằng: Ở khu rừng
8 Ưu Lưu Trà khi ta đã diệt độ 100 năm thì có Tỳ-
9 kheo Thương-na-hòa-tu ở đất này mà xoay bánh xe
10 pháp luân. Sau một trăm năm quả nhiên Hòa- tu
11 sinh ra và xuất gia chứng đạo. Nhận Pháp nhãn của
12 Tôn giả Khánh Hỷ (A-nan) hóa độ hữu tình và nghĩ
13 ở rừng này hàng phục hai Rồng lửa qui thuận Phật
14 giáo. Rồng nhân đó cúng dường đất để lập Phạm
15 cung. Tôn giả hóa duyên đã lâu, nên nghĩ đến việc
16 truyền trao chánh pháp. Bèn tìm đến nước Tra-lợi
17 gặp Ưu-ba-cưu-đa thâu làm đệ tử. Nhân hỏi Cúc-
18 đa rằng: Ông bao nhiêu tuổi. Cúc-đa đáp rằng: Con
19 mười bảy tuổi - Sư hỏi: Thân ông mười bảy hay
20 tánh ông mười bảy? - Cúc-đa đáp. Tóc Sư đã bạc.
21 Vậy tóc bạc hay tâm bạc? - Sư đáp: Ta chỉ tóc bạc
22 chứ không phải tâm bạc - Cúc-đa thưa: Thân con
23 mười bảy chứ không phải tánh mười bảy. Hoa Tu
24 biết là pháp khí. Sau ba năm bèn cạo tóc cho ông
25 và truyền giới Cụ túc. Bảo rằng: Xưa Như lai trao
26 Vô thượng pháp nhãn tặng cho Ca-diếp, lần lượt
27 trao cho đến ta. Nay ta giao lại cho ông chớ để đứt
28 mất. Ông nhận lời ta dạy, hãy nghe ta nói kệ:

1 *Chẳng pháp cũng chẳng tâm*
 2 *Không tâm cũng không pháp.*
 3 *Khi nói tâm pháp ấy*
 4 *Pháp ấy chẳng tâm pháp.*

5 Nói kệ xong liền ẩn vào núi tượng bạch ở phía
 6 Nam nước Kế Tân. Sau ở trong định (Tam-muội)
 7 mà thấy đệ tử Cúc-đa, có năm trăm học trò rất lười
 8 biếng, Tôn giả bèn đến đó hiện ra Tam-muội Long
 9 phấn tấn để điều phục mà nói kệ rằng:

10 *Thấu suốt không kia đây*
 11 *Chỉ Thánh không dài ngắn*
 12 *Ông đẹp ý khinh mạn*
 13 *Mau được A-La-hán.*

14 Năm trăm Tỳ-kheo nghe kệ này xong vâng theo
 15 giáo thực hành thì đều được vô lậu. Tôn giả liền thị
 16 hiện mười tám thần biến, dùng Tam-muội Hỏa
 17 quang mà đốt thân. Cúc-đa thu nhật xá-lợi chôn ở
 18 núi Phạm-ca-la, năm trăm vị Tỳ-kheo kia cầm một
 19 lá phướn đón đường và xây tháp cúng dường. Đó
 20 là năm Ất Mùi đời Chu Tuyên Vương năm thứ hai
 21 mươi ba.

22
 23 **4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa:** Người nước Tra-lợi, cũng
 24 gọi là Ưu-ba-quật- đa còn gọi là Ô-ba-cúc-đa, họ
 25 là Thủ Đà, cha là Hiện Ý, mười bảy tuổi xuất gia,
 26 hai mươi tuổi chứng quả tùy nơi hành hóa đến
 27 nước Ma-đột-la, người được độ rất đông, do đó mà

1 cung ma rung động. Ma Ba-tuần rất sầu lo bèn
2 dùng hết sức mà phá hại chánh pháp. Tôn giả liền
3 nhập định để xét lý do. Ma Ba-tuần rình rập lên đeo
4 chuỗi anh lạc vào cổ Sư. Khi Tôn giả xuất định liền
5 hóa ba thân người-chó, và răn thành vòng hoa đẹp
6 dịu dàng khuyến dụ ma Ba-tuần rằng người đã cho
7 ta chuỗi anh lạc rất quý đẹp. Nay ta có tràng hoa
8 xin đáp lại. Ma Ba-tuần vui mừng đeo vào cổ thì
9 liền biến thành ba thân chết giòi bọ sinh rã hôi thúi
10 vô cùng. Ma Ba-tuần ghê tởm sợ sệt sầu lo dùng
11 hết sức thần nhưng không phá được, bèn bay lên
12 sáu tầng trời cõi Dục bảo các vị trời, lại cầu Phạm
13 Vương nhờ giải cứu, thì ai nấy đều bảo, đệ tử của
14 Đấng Thập lực đã làm thân biến chúng tôi đều là
15 kẻ phạm lậu (phạm phu hữu lậu) không thể gỡ ra
16 được. Ma Ba-tuần nói vậy biết làm sao. Phạm
17 Vương nói: Ông nên qui tâm với Tôn giả thì sẽ cởi
18 ra được, bèn vì nói kệ khiến hồi hướng rằng:

19 *Nhân đất mà té,*
20 *Từ đất mà dậy*
21 *Lìa đất cầu dậy,*
22 *Không bao giờ được.*

23 Ma Ba-tuần nghe khuyến xong liền trở về lay
24 Tôn giả khóc lóc xin sám hối. Cúc-đa bảo: Người
25 từ nay trở đi đối với chánh pháp của Như lai còn
26 phá hại chăng? Ma Ba-tuần nói: Con thề trở về với
27 Phật đạo, quyết đoạn dứt bất thiện. Cúc-đa nói:
28 Nếu thế thì người tự nói qui y Tam bảo. Ma Vương

1 chấp tay nói ba lần thì tràng hoa tự tháo ra. Ma rất
2 vui mừng đánh lễ Tôn giả mà nói kệ rằng:

3 *Lạy Đấng Tam-muội Tôn*
4 *Đệ tử Thánh mười lực*
5 *Con nay nguyện trở về*
6 *Chớ để có yếu kém.*

7 Tôn giả ở đời hóa độ người chúng quả rất
8 nhiều. Mỗi khi độ một người thì lấy một thẻ đặt
9 vào hang núi, hang ấy dài mười tám khuỷu tay,
10 rộng mười hai khuỷu tay thẻ đầy ăm ắp. Cuối cùng
11 có một vị Trưởng giả tên là Hương Chúng, đến lễ
12 Tôn giả chí cầu xuất gia. Tôn giả hỏi rằng: Ông
13 thân xuất gia hay tâm xuất gia - Đáp: Con đến xuất
14 gia không phải là thân tâm. Tôn giả nói: Không
15 phải thân tâm thì ai xuất gia. Đáp: Hễ xuất gia thì
16 lấy Vô ngã làm ngã vì Vô ngã làm ngã nên tâm
17 không sinh diệt, tâm chẳng sinh diệt tức là Thương
18 Đạo, chư Phật cũng thường, tâm không hình tướng,
19 thể nó cũng thế. Tôn giả nói: Ông đã đại ngộ, tâm
20 rất thông suốt phải nương Phật pháp Tăng mà nối
21 thanh dòng Thánh. Rồi cạo tóc và truyền giới Cụ
22 túc cho, bảo rằng: Cha ông mộng thấy mặt trời
23 vàng mà sinh ra ông nên đặt tên là Đề-đa-ca. Lại
24 bảo Như lai đã đem Đại Pháp nhãn tạng thứ lớp
25 truyền trao cho đến ta. Nay ta trao cho ông, hãy
26 nghe kệ của ta.

27 *Tâm tự tâm xưa nay*
28 *Bốn tâm chẳng có pháp*

*Có pháp có bốn tâm
Chẳng tâm chẳng bốn pháp.*

Trao pháp xong bèn bay lên hư không thị hiện
mười tám thân biến rồi trở về ngôi kiết già mà tịch.
Đa-la lấy thẻ trong nhà để đốt thân mình. Xong thu
nhặt xá-lợi xây tháp cúng dường. Bây giờ là năm
Canh Tý đời Chu Bình Vương năm thứ ba mươi
mốt.

5. Tổ Đề-đa-ca: Người nước Ma-già-đà. Khi
mới sinh thì cha mộng thấy mặt trời vàng từ trong
nhà chiếu sáng khắp trời đất, trước có núi lớn các
thứ báu trang nghiêm. Trên đỉnh núi có suối phun
thành bốn dòng nước. Sau gặp Tôn giả Cúc-đa, bảo
rằng: Núi báu là thân ta, suối phun là pháp vô tận,
mặt trời từ nhà chiếu ra là tướng ông vào đạo, chiếu
sáng trời đất là trí tuệ của ông siêu việt. Tôn giả
vốn tên là Hương Chúng Sư nhân đổi tên gọi hiện
nay, tiếng Phạm là Đề-đa-ca, Hán dịch là Thông
Chân Lượng. Đa-ca nghe Sư nói xong bèn vui
mừng hơn hờ đọc kệ rằng:

*Vòi vọi núi bảy báu
Thường sinh suối trí tuệ
Lại là vị Chân Pháp
Hóa độ các hữu duyên.*

Tôn giả Cúc-đa cũng nói kệ rằng:
Pháp ta truyền cho ông,

Sẽ phát trí tuệ lớn.

Trời vàng từ nhà chiếu ra

Chiếu sáng khắp trời đất.

Đề-đa-ca nghe diệu kế của Sư bèn làm lễ vâng thực hành. Sau đến Trung Ấn-độ, nước ấy có tám ngàn vị Đại Tiên, Di-Già-Ca đứng đầu. Nghe Tôn giả đến thì dẫn chúng ra đánh lễ, bảo Tôn giả rằng: Xưa đã cùng thầy sinh ở Phạm Thiên. Tôi gặp Tiên A-Tư-đà trao cho pháp Tiên, còn thầy gặp đệ tử Thập lực mà tu tập thiên-na. Do báo này mà phân khác nẻo đã trải qua sáu kiếp. Tôn giả nói chi li nhiều kiếp thật chẳng dối, nay nên bỏ tà mà qui chánh để vào Phật thừa. Di-già-ca nói: Xưa Tiên A-Tư-đà trao pháp cho tôi có ghi rằng: Ông sáu kiếp sau sẽ gặp bạn đồng học được quả vô lậu. Nay cũng gặp không phải là duyên xưa ư? Mong Sư từ bi khiến tôi được quả vô lậu. Tôn giả liền độ cho xuất gia sai Thánh trao giới các vị Tiên khác liền sinh ngã mạn. Tôn giả hiện bày Đại thần thông, do đó đều phát tâm Bồ-đề một lúc xuất gia. Bèn bảo Di-già-ca rằng: Xưa Như lai đem Đại Pháp nhãn tạng trao phó cho Ca-diếp, lần lượt trao đến ta. Nay trao lại cho ông phải giữ gìn, bèn nói kệ rằng:

Thông suốt pháp bốn tâm

Không pháp không chẳng pháp

Ngộ rồi đồng chưa ngộ

Không tâm cũng không pháp.

Nói kệ xong liền bay lên hư không thị hiện

1 mười tám thần biến, Tam-muội Hỏa quang tự đốt
2 thân. Di-già-ca và tám ngàn vị Tỳ-kheo cùng thu
3 nhật xá-lợi, ở núi Bàn-trà mà xây tháp cúng dường.
4 Đây là năm Kỷ Sửu đời Chu Trang Vương năm thứ
5 bảy.

6
7 **6. Tổ Di-già-ca:** Người ở Trung Ấn-độ. Đã
8 truyền pháp rồi, du hóa đến Bắc Thiên Trúc, thấy
9 trên bức tường tháp có mây lành màu vàng rờn
10 bèn khen rằng: Ở đây có khí Đạo nhân sẽ có Đại sĩ
11 làm người nối dõi dòng pháp. Rồi vào thành, ở giữa
12 chợ thấy có một người tay cầm bình rượu đi ngược
13 lại hỏi: Thầy từ đâu đến muốn đi đâu? Sư nói: Từ
14 tự tâm đến, muốn đến chỗ không. Lại hỏi biết vật
15 gì trong tay tôi chẳng? Sư nói: Đây là vật xúc chạm
16 mà mang đồ sạch sẽ. Lại hỏi: Sư còn biết tôi
17 không? Sư nói ta thì chẳng biết, biết thì chẳng phải
18 ta.

19 Lại bảo: Ông thử nói tên họ, ta sẽ bày bốn nhân
20 sau. Người ấy nói kệ mà đáp: Tôi từ vô lượng kiếp
21 - đến sinh ở nước này - Vốn họ Phả-la-đọa - Tên
22 là Ba-tu-mật. Sư nói: Thầy ta là Đề-đa-ca nói: Thế-
23 tôn khi xưa du hóa ở Ấn-độ bảo A-nan rằng: Ở
24 nước này, sau khi ta diệt độ ba trăm năm thì có một
25 vị Thánh họ Phả-la-đọa, tên là Ba-tu-mật sẽ làm Tổ
26 Thiên thứ bảy. Thế-tôn đã thọ ký cho ông, ông nên
27 xuất gia. Người ấy bèn đặt bình rượu xuống lạy Sư
28 rồi đứng một bên mà thưa rằng: Con nghĩ (nhớ) ở

kiếp xưa từng làm Đản-na (thí chủ) cúng cho Như
 lai nọ một tòa báu, Phật ấy thọ ký cho con rằng:
 Ông ở kiếp hiện trong pháp Phật Thích Ca mà
 tuyên dương chí giáo. Nay rất phù hợp với lời thầy
 ta nói nguyện nên độ thoát. Sư liền cạo tóc và trao
 giới cụ túc, rồi bảo rằng chánh pháp Nhân tạng nay
 đã trao cho ông chớ để mất đi, rồi nói kệ rằng:

*Không tâm chẳng thể được
 Nói được chẳng gọi pháp
 Nếu hiểu tâm chẳng tâm
 Mới hiểu tâm tâm Pháp.*

Sư nói kệ xong liền vào Tam-muội Sư tử phần
 tán, bay lên hư không cao hơn bảy cây đa-la, rồi
 trở về chỗ cũ hóa lửa tự đốt mình. Ba-tu-mật bèn
 thu nhật linh cốt chứa trong bảy bình báu, lập bảy
 ngôi tháp mà thờ. Đây là năm Giáp Thân đời vua
 Trương Vương năm thứ mười bảy.

7. Tổ Bà Tu Mật: Người nước Bắc Thiên Trúc,
 họ Phả-la-đọa, thường mặc tịnh y cầm bình rượu
 đi vào xóm làng ngâm nga hoặc hò hét như người
 điên. Khi gặp Tôn giả Di-già-ca nói chuyện xưa
 của Như lai thì liền ném bình rượu đi mà xuất gia.
 Khi được trao pháp cho bèn đi hành hóa đến nước
 Ca-ma-la mà làm nhiều Phật sự. Ở trước Pháp tòa
 bỗng có một người Trí tự xưng ta tên là Phật-Đà-
 nan-đề nay luận nghĩa với sư. Sư nói: Nay nhân

giả, luận tức chẳng nghĩa, nghĩa thì chẳng luận, nếu
 định luận nghĩa thì hoàn toàn chẳng phải nghĩa
 luận. Nan đề biết Sư nghĩa rất cao quý, tâm rất kính
 phục thưa rằng: Con xin cầu đạo thâm vị cam lộ
 Tôn giả bèn cạo tóc và truyền giới Cụ túc cho, lại
 bảo rằng: Chánh pháp Nhân tạng của Như lai nay
 ta trao cho ông, ông nên giữ gìn, rồi nói kệ rằng:

*Tâm đồng côi hư không
 Bày ra pháp hư không
 Khi chứng được hư không
 Pháp không phải không trái.*

Tôn giả liền nhập Tam-muội từ tâm. Lúc đó
 Phạm Vương Đế- thích và các chúng trời cùng đến
 đánh lễ mà nói kệ rằng:

*Các Thánh tổ kiếp hiện
 Sẽ có vị thứ bảy
 Tôn giả thương xót con
 Hãy nói Phật Địa.*

Tôn giả xuất Định dạy chúng rằng: Ta được
 pháp mà vốn không có, nên biết Phật Địa là Hữu
 vô. Nói kệ xong bèn vào Tam-muội mà hiện tướng
 Niết-bàn. Nan-đề bèn ở chỗ pháp tòa mà xây tháp
 bảy báu để an táng toàn thân Sư. Bảy giờ là năm
 Tân Mùi đời vua Chu Định Vương năm thứ mười
 chín.

8. Tổ Phật đà-Nan-đề: Người nước Ca ma la,

họ Cù-đàm, trên đánh có nhục kế, có tài biện luận lưu loát lanh lợi. Khi gặp Tôn giả Bà-tu-mật thì xuất gia thọ giới cụ túc. Rồi đích thân nhận đệ tử, hành hóa đến nhà Tỳ-xá-la ở thành của nước Đề-già, thấy trên nhà có ánh sáng trắng phát ra, bèn bảo học trò rằng: Nhà này đang có bậc Thánh. Miệng không nói là chân khí Đại thừa, chẳng đi các đường mà biết trước uế. Nói xong, Trưởng giả ra đánh lễ và hỏi Ngài cần gì. Tôn giả bảo ta cần thị giả. Trưởng giả thưa: Con có một đứa con trai tên là Phục-đà-mật-đa đã năm mươi tuổi, miệng chưa hề nói và chân chưa hề đi đâu. Tôn giả nói: Người con như ông nói đúng là đệ tử ta. Tôn giả trông thấy thì liền đánh đứng dậy lễ mà nói kệ rằng:

*Cha mẹ không phải người thân
 Vậy người thân nhất là ai?
 Chư Phật không phải
 Đạo con Gì là
 Đạo cao quý nhất?*

Tôn giả nói kệ đáp rằng:

*Con nói thân và tâm
 Cha mẹ không thể sánh
 Con làm hợp với Đạo
 Tâm chư Phật là đó
 Ngoài cầu có tướng Phật
 Chẳng hề giống với con
 Muốn biết Bốn tâm con
 Không hợp cũng không lìa.*

Phục đà mật đa nghe diệu kệ của Sư liền đi bảy bước. Sư nói: Người này xưa đã từng gặp Phật bị nguyện rộng lớn, nghĩ cha mẹ tình yêu thương khó bỏ cho nên chẳng nói chẳng đi. Lúc đó Trưởng giả cho đi xuất gia Tôn giả liền trao cho Giới cụ túc lại bảo rằng: Nay ta trao chánh pháp Nhãn tạng của Như lai cho ông, ông đừng để mất. Bèn nói kệ rằng:

*Hư không chẳng trong ngoài
Tâm pháp cũng như thế
Nếu hiểu rõ hư không
Là thấu lý chân như.*

Phục-đà-mật-đa nhận lời phó chúc của Sư bèn nói kệ khen rằng:

*Thầy ta là Tổ Thiên
Ở vào vị thứ tám
Pháp hóa vô lượng chúng
Đều đắc A-La-hán.*

Khi ấy Tôn giả Phật Đà Nan-đề liền hiện thần biến rồi trở về chỗ cũ ngồi yên thị tịch, chúng xây tháp báu mà chôn toàn thân, đó là năm Bính Dần đời Chu Cảnh Vương năm thứ mười hai.

9. Tổ Phục đà-mật-đa: Người nước Đề-già, họ Tỳ-Xá-La đã được Phật Đà-Nan-Đề phó chúc. Sau đến Trung Ấn-độ hành hóa. Lúc đó có Trưởng giả Hương Cái dắt một đứa bé đến đánh lễ Tôn giả

thừa rằng: Đứa trẻ này ở trong thai sáu năm, do đó đặt tên là Nan Sinh (khó sinh), lại có gặp một vị Tiên bảo đứa trẻ này không phải tầm thường mà sẽ là pháp khí. Nay gặp Tôn giả hãy cho đi xuất gia. Tôn giả liền xuống tóc và trao cho giới cụ túc. Khi Yết ma thì có ánh sáng lành chiếu sáng mà cảm được ba mươi hạt xá-lợi hiện ra trước mắt. Từ đó siêng năng không mỗi mệ. Rồi Sư bảo rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như lai nay trao cho ông, ông nên giữ gìn. Bèn nói kệ rằng:

Chân lý vốn không tên

Do tên bày chân lý

Nhận được pháp chân thật

Chẳng chân cũng chẳng dối.

Tôn giả giao pháp rồi liền vào Tam-muội Diệt tận mà nhập Niết-bàn. Chúng dùng dầu thơm chiên đàn mà trà tỳ thân xác, rồi nhặt xá-lợi xây tháp tại chùa Na-lan-đà. Đó là năm Giáp Dần đời Chu Kính Vương thứ ba mươi lăm.

10. Tổ Hiếp Tôn giả: Người Trung Ấn-độ, xưa tên Nan Sinh, khi Tôn giả sắp sinh, cha mộng thấy có con voi trắng trên lưng có một tòa báu để một hạt ngọc, từ cửa bước vào ánh sáng chiếu khắp mọi người. Khi thức dậy thì sinh ra. Sau gặp Tôn giả Phục Đà thì thường đứng hầu không hề ngủ nghỉ, lưng chẳng dính chiếu, bèn gọi là Hiếp Tôn giả.

1 Xưa đến nước Hoa Thị nghỉ dưới một gốc cây, tay
2 phải chỉ đất bảo chúng rằng: Đất này hóa thành
3 màu vàng sẽ có Bạc Thánh đến gặp. Nói xong thì
4 biến thành màu vàng. Lúc đó có con một Trưởng
5 giả tên là Phú-na-dạ-xa-chấp tay đứng trước mặt.
6 Tôn giả hỏi ông từ đâu đến? Dạ xa thưa: Tâm con
7 không đến. Tôn giả hỏi ông đang đứng đâu. Thưa
8 rằng tâm con không dừng. Tôn giả hỏi: Ông bắt
9 định chẳng? Đáp rằng: Chư Phật cũng thế. Tôn giả
10 nói ông không phải là chư Phật thưa rằng: Chư
11 Phật cũng không phải là Tôn giả, do đó kệ rằng:

*Đất này biến màu vàng
Dự biết có Thánh đến
Sẽ ngồi cội Bồ đề
Giác Hoa mà được thành.*

16 Dạ Xa lại nói kệ rằng:

*Thầy ngồi đất màu vàng
Thường nói nghĩa chân thật
Ánh sáng xoay chiếu con
Khiến vào tam-ma-đế.*

21 Tôn giả biết ý liền độ cho xuất gia và truyền
22 cho giới Cụ túc. Bèn bảo rằng nay trao Đại Pháp
23 nhãn tạng của Như lai cho ông, ông nên giữ gìn,
24 rồi nói kệ:

*Chân thể tự nhiên chân
Nhân Chân nói lý có
Hiếu được pháp chân chân*

Không đi cũng không dừng.

Tôn giả trao pháp rồi liền hiện thần biến mà nhập vào Niết-bàn, hóa lửa tự đốt. Bốn chúng đều dùng vật áo mà đựng đầy xá-lợi, tùy nơi mà dựng tháp cúng dường. Bất giờ là năm Kỷ Hợi đời vua Chu Trinh Vương năm thứ hai mươi hai.

11. Tổ Phú-na-dạ-xa: Người nước Hoa Thi, họ Cù đàm cha là Bảo Thân đã được pháp với ngài Hiếp Tôn giả. Liền đến nước Ba-la-nại, có Đại sĩ Mã Minh đón rước mà đánh lễ. Do đó hỏi rằng: Tôi muốn biết Phật là ai? Sư nói ông muốn biết Phật, không biết chính là Phật. Liền thưa Phật đã là chẳng biết sao biết, làm là phải? Sư nói: Đã chẳng biết Phật làm sao biết chẳng phải? Thưa rằng: Đó là nghĩa cửa cắt. Sư nói đó là nghĩa gỗ. Lại hỏi nghĩa cửa là sao? Thưa: Cùng Sư bình ra. Lại hỏi nghĩa gỗ là sao? Sư nói: Ông bị ta cắt xẻ. Mã Minh bỗng nhiên tỏ ngộ, cúi đầu quy y xin cho cạo tóc xuất gia. Sư gọi chúng bảo rằng Đại sĩ này xưa là vua nước Tỳ-xá-ly, nước ấy có một loại người như ngựa trần truồng. Vua bèn vận dụng năng lực thần biến phân thân làm tằm nên họ có quần áo. Sau vua lại sinh ở Trung Ấn-độ. Người ngựa cảm thương không kêu do đó mà gọi Mã Minh (tiếng ngựa kêu). Như lai ký rằng: Sau khi Ta diệt độ sáu trăm năm sẽ có Hiền giả Mã Minh ở nước Ba-la-nại hàng phục ngoại đạo, độ người vô lượng nổi truyền

giáo ta nay đã đúng lúc. Liền bảo rằng Đại Pháp
nhân tạng của Như lai nay lại trao cho ông, rồi nói
kệ rằng:

*Mê ngộ như ẩn hiển
Sáng tối chẳng lìa nhau
Nay giao pháp ẩn hiển
Chẳng một cũng chẳng hai.*

Tôn giả giao pháp xong bèn hiện thần biến rồi
yên lặng viên tịch. Chúng xây dựng tháp báu để an
táng toàn thân, bấy giờ là năm Mậu Tuất đời vua
Chu An Vương năm thứ mười bốn.

12. Tổ Mã Minh: Người nước Ba-la-nại cũng
gọi là Công Thắng. Vì có các công đức hữu tác vô
tác rất cao quý cho nên lấy đó đặt tên. Đã thọ pháp
với Tôn giả Dạ-xa, sau ở nước Hoa Thị mà xoay
bánh xe Pháp màu nhiệm. Bỗng có một cụ già nằm
lăn ra đất ở trước mặt. Sư bảo chúng rằng: Đây
không phải hạng tầm thường mà có tướng lạ. Nói
xong thì biến mất. Bỗng từ đất vọt lên một người
màu vàng ròng, lại hóa thành cô gái tay phải chỉ Sư
mà nói kệ rằng:

*Kính lay bậc Trưởng lão
Nhận được Như lai ký
Nay ở trên đất này
Nói thông đệ nhất nghĩa.*

Nói kệ xong thì biến mất. Sư nói: Có ma đến

1 cùng thử sức. Bỗng chốc có mưa gió dữ dội kéo
 2 đến trời đất tối đen. Sư nói là tin ma đến ta sẽ dẹp
 3 trừ. Rồi chỉ lên hư không hiện ra một rồng vàng
 4 lớn bay lượn hiện thần oai rung chuyển núi đồi. Sư
 5 ngồi yên để diệt ma sự, trải qua bảy ngày sau đó có
 6 một con sâu lớn như con sâu keo ẩn hình dưới chỗ
 7 ngồi. Sư cầm lên bảo chúng rằng: Đây là ma biến
 8 ra trộm nghe pháp ta. Rồi thả ra khiến đi, ma chẳng
 9 thể động đậy. Sư bảo người chỉ cần qui y Tam bảo
 10 thì liền được thần thông. Bèn trở lại thân cũ mà
 11 đánh lễ sám hối. Sư hỏi người tên gì quyền thuộc
 12 nhiều ít. Thưa rằng: Con tên Ca-Tỳ-Ma-La có ba
 13 ngàn quyền thuộc. Sư bảo: Người dùng hết năng
 14 lực thần thông biến hóa ra thì ra sao? Ma nói tôi
 15 hóa biến lớn là việc nhỏ. Sư hỏi: Người hóa tánh
 16 biến được chăng? - Thưa: Thế nào là tánh biến, tôi
 17 chưa từng biết. Sư liền vì nói tánh biến rằng: Núi
 18 sông đất đai đều y theo đó mà lập ra, Tam-muội
 19 Lục Thông do mà phát hiện. Ca-Tỳ-Ma-La nghe
 20 lời ấy rồi bèn cùng ba ngàn đệ tử đồng xin xuất gia.
 21 Sư gọi năm trăm A-La-hán cùng trao cho Giới cụ
 22 túc. Lại bảo rằng: Như lai Đại Pháp nhân tạng nay
 23 lại trao cho ông. Ông hãy lắng nghe kệ:

24 *Ẩn hiển tức bốn pháp*
 25 *Sáng tối vốn chẳng hai*
 26 *Nay trao pháp Ngô liễu*
 27 *Chẳng lấy cũng chẳng là.*

28 Giao pháp xong, Sư liền nhập Tam-muội Long

phần tán, bay lên hư không như vàng mặt trời, sau đó liền tịch. Bốn chúng chứa toàn thân Sư trong khám báu. Đó là năm Giáp Ngọ đời vua Chu Hiến Vương năm thứ ba mươi bảy.

13. Tổ Ca-tỳ-ma-la: Người nước Hoa Thi, trước là ngoại đạo có ba ngàn đệ tử thông các di luận. Sau đắc pháp với Tôn giả Mã Minh, dắt đồ chúng đến Tây Ấn-độ. Ở đó có Thái tử tên là Vân Tụ Tại, kính mến Tôn giả mời về cung cúng dường. Tôn giả nói Như lai có dạy Sa môn không được gần gũi các vua chúa đại thần quyền thế. Thái tử nói: Ở phía Bắc thành nước ta có núi lớn, trong đó có một cái hang đá, sư hãy Thiền tịch trong đó được chăng? - Sư nói được. Rồi vào núi ấy. Đi được mấy dặm thì gặp con rắn lớn. Tôn giả đi thẳng không nhìn, bèn bò quanh thân Sư. Sư nhân đó trao cho ba qui y. Rắn lớn nghe xong liền bỏ đi. Tôn giả sắp đến hang đá, thì có một cụ già mặc đồ lụa trắng ra chấp tay chào hỏi. Tôn giả hỏi ông ở đâu, thì đáp: Tôi xưa từng là Tỳ-kheo rất ưa thích vắng lặng. Có một Tỳ-kheo mới học thường đến học hỏi, mà tôi phiền vì hỏi đáp nhiều nên nổi sân, khi chết rồi bị đọa làm rắn, ở trong hang này nay đã ngàn năm, nay gặp Tôn giả lại được nghe giới pháp nên đến tạ ơn. Tôn giả hỏi núi này có ai ở đây. Đáp rằng ở phía Bắc cách đây mười dặm có rừng cây lớn che kín năm trăm rông lớn, vua cây ấy gọi

là Long Thọ, thường nói pháp cho các rồng nghe. Tôi cũng nghe nhận ở đây. Tôn giả bèn cùng đồ chúng đến đó, Long Thọ ra đón Tôn giả, thưa rằng: Núi sâu vắng vẻ là nơi rồng rắn ẩn mình, Đại Đức Chí Tôn sao nhọc công đến đây? "Sư đáp: Ta không phải Chí tôn, đến đây để hỏi người Hiền. Long Thọ im lặng tự nghĩ rằng: Sư này có được quyết định tánh minh đạo nhãn chãng, là Đại Thánh nối chân thừa chãng? Sư nói: Tâm ý người ta đã biết, chỉ nên xuất gia lo gì ta không phải Thánh. Long Thọ nghe xong liền hỏi hận tạ lỗi. Tôn giả liền độ cho xuất gia và năm trăm rồng cùng thọ giới cụ túc. Lại bảo Long Thọ rằng: Nay ta đem Đại Pháp nhãn tạng của Như lai mà trao lại cho ông, ông hãy nghe nói kệ:

Pháp không Ẩn không hiển

Nói đó là chân thật

Ngộ pháp Ẩn hiển này

Không ngu cũng không trí.

Trao pháp xong liền hiện thân biến rồi hóa lửa đốt thân. Long Thọ thu nhặt xá-lợi năm màu lập pháp kính thờ. Bấy giờ là năm Nhâm Thìn vào đời Chu Noãn Vương năm thứ bốn mươi một.

14. Tổ Long Thọ Tôn giả: Người Tây Thiên Trúc, cũng gọi là Long Thắng. Trước đắc pháp với Tôn giả Tỳ La. Sau đến Nam Ấn-độ, người nước

1 ấy phần nhiều tin phước nghiệp, nghe Tôn giả nói
2 Diệu pháp bèn bảo nhau rằng: Người có phước
3 nghiệp là bậc nhất ở thế gian, chỉ nói tin Phật thì
4 có ai thấy được Tôn giả nói: Các ông muốn thấy
5 Phật tánh thì trước phải dẹp trừ ngã mạn. Người ấy
6 nói Phật tánh lớn hay nhỏ? Tôn giả nói Phật tánh
7 không lớn không nhỏ không rộng không hẹp,
8 không phước không báo không tử không sinh.
9 Người ấy nghe lý cao siêu thì bèn hồi tâm ban đầu.
10 Tôn giả lại ở trên tòa mà hiển bày thân tự tại như
11 vàng trắng tròn đầy, tất cả chúng chỉ nghe pháp âm
12 (tiếng pháp) mà không thấy tướng Sư. Trong
13 chúng ấy có con của một Trưởng giả tên là Ca-na-
14 đề bà bảo chúng rằng: Biết tướng này chăng?
15 Chúng nói mắt chưa từng thấy làm sao biết được!
16 Đề bà nói: Đây là Tôn giả hiện thể tướng Phật tánh
17 để chỉ cho chúng ta, làm sao biết được? Vì Tam-
18 muội vô tướng, hình dạng như mặt trăng tròn,
19 nghĩa của Phật tánh là rộng sáng vắng lặng. Nói
20 xong thì tướng vàng trắng sáng liền ẩn mất, trở về
21 bốn tòa như cũ bèn nói kệ rằng:

22 *Thân hiện tướng trắng tròn*
23 *Biểu thị Thể chư Phật*
24 *Nói pháp không có hình*
25 *Để luận không thính sắc.*

26 Chúng ấy nghe kệ xong thì đốn ngộ Vô sinh,
27 cùng nhau nguyện được xuất gia để cầu giải thoát.
28 Tôn giả liền cạo tóc và khiến các Thánh trao cho

giới cụ túc. Nước ấy trước có hơn năm ngàn ngoại
đạo, khi làm Đại huyễn thuật thì mọi người đều
kính ngưỡng, Tôn giả bèn hóa độ khiến cho qui y
Tam bảo. Sư lại soạn bộ luận Đại Trí Độ, luận
Trung Quán, luận Thập Nhị Môn lưu truyền ở đời.
Sau bảo đệ tử thượng thủ là Ca na đề bà rằng: Đại
Pháp nhãn tạng của Như lai nay trao cho ông, hãy
nghe ta nói kệ:

*Vì nói pháp ẩn hiển
Mới nói lý giải thoát
Đối pháp tâm không chứng
Không giận cũng không mừng.*

Trao pháp xong thì vào Tam-muội Nguyệt luân
mà hiện nhiều thần biến. Rồi trở về chỗ ngồi mà an
nhiên thiên tịch. Ca-na-đề-bà cùng bốn chúng lập
tháp báu để chôn toàn thân. Đó là năm Kỷ Sửu, vào
đời Tàn Thủy Hoàng năm thứ ba mươi lăm.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 2

A. Ba mươi lăm vị Tổ ở Thiên Trúc: (Trong đó 13 vị Tổ thấy có ghi chép, 22 vị Tổ bàng xuất không có ghi chép)

15. Tổ Ca-na-đề-bà

16. Tổ La-hầu-la-đa

17. Tổ Tăng-già-nan-đề

18. Tổ Già-tà-xá-đa

19. Tổ Cưu-ma-la-đa

20. Tổ Xà-dạ-đa

21. Tổ Bà-tu-bàn-đầu

22. Tổ Ma-noa-la

23. Tổ Hạt lạc na

24. Tổ Sư Tử Tôn giả.

- Đạt-ma-đạt (Sư Tử Tôn giả bàng xuất)

- Nhân-đà-la (Đạt-ma-đạt bàng xuất 2 Tổ)

- Cù-la-ky-lợi-bà

- Đạt-ma-thi-lợi-đế (Nhân-đà-la-bàng xuất 4 Tổ)

- Na-già-nan-đề

- 1 - Phá-lâu-cầu-đa-la.
- 2 - Ba-la-bà-đề
- 3 - Ba-la-bạt-ma (cù-la-ky-lợi-bà bàng xuất 2 Tổ)
- 4 - Tăng-già-la-xoa.
- 5 - Ma-đế-lệ-phệ-la (Đạt-ma-thi-lợi-đế bày bàng
- 6 xuất 2 Tổ)
- 7 - Ha-lợi-bạt-nậu
- 8 - Hòa-tu-bàn-đầu (Phá-lâu-cầu-đa-la bàng xuất
- 9 3 Tổ)
- 10 - Đạt-ma-ha đế
- 11 - Chiên-đà-la-đa
- 12 - Lặc-na-đa-la (Bà-la-bạt-ma bàng xuất 3 Tổ)
- 13 - Bàn-đầu-đa-la
- 14 - Tỳ-xá-dã-đa-la (tăng-già-la-xoa bàng xuất 5
- 15 Tổ)
- 16 - Tỳ-lâu-la-đa-ma
- 17 - Tỳ-lật-sô-đa-la
- 18 - Ưu-ba-thiện-đà
- 19 - Bà-nan-đề-đa

20 Hai mươi vị Tổ trên đây không có ngữ cú, cho
 21 nên không ghi chép.

22 25. Tổ Bà-xá-Tư-đa

23 26. Tổ Bất-như-mật-đa

24 27. Tổ Bát-nhã-đa-la

25 28. Tổ Bồ-đề-đạt-ma.

26 ***

1. Tổ thứ 15: Ca-na-đề-bà

2. Tổ thứ 16: La-hầu-la-đa

3. Tổ thứ 17: Tăng-già-nan-đề

4. Tổ thứ 18: Già-da-xá-đa

5. Tổ thứ 19: Cưu-ma-la-đa

6. Tổ thứ 20: Xà-dạ-đa

7. Tổ thứ 21: Bà-tu-bàn-đầu

8. Tổ thứ 22: Ma-noa-la

9. Tổ thứ 23: Hạt lạc na

10. Tổ thứ 24: Sư Tử Tôn giả.

11. Tổ thứ 25: Bà-xá-Tư-đa

12. Tổ thứ 26: bất-như-mật-đa

13. Tổ thứ 27: Bát-nhã-đa-la

- Tôn giả Sư tử bàng xuất Đạt-ma-đạt, Đạt-ma-đạt lưu xuất 2 Tổ:

1. Nhân-đà-la

2. Cù-la-ky-lợi-bà

- Nhân-đà-la lưu xuất 4 Tổ:

1. Đạt-ma-thi-lợi-đế

2. Na-già-nan-đề

3. phá-lâu-câu-đa-la

4. Ba-la-bà-đề.

- Cù-la-ky-lợi-bà lưu xuất 2 Tổ:

1. Ba-la-bạt-ma

2. Tăng-già-la-xoa

- Đạt-ma-thi-lợi-đế lưu xuất 2 Tổ:

1 1. ma-đế-lệ-bạt-la

2 2. Ha-lợi-bạt-mậu.

3 - Phá-lâu-cầu-đa-la lưu xuất 3 Tổ:

4 1. Hòa-tu-bàn-đầu

5 2. Đạt-ma-ha-đế

6 3. Chiên-đà-la-đa.

7 - Ba-la-bạt-ma lưu xuất 3 Tổ:

8 1. Lặc-na-đa-la

9 2. Bàn-đầu-đa-la

10 3. Bà-la-bà-đa.

11 - Tăng-già-la-xoa lưu xuất 5 Tổ:

12 1. Tỳ-xá-dã-đa-la

13 2. Tỳ-lâu-la-đa-ma

14 3. Tỳ-lật-sô-đa-la

15 4. Ưu-ba-thiện-đa.

16 5. Bà-nan-đề-đa.

17 Hai mươi vị Tổ bàng xuất trên đây không có cơ
18 duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép.

19
20 **Tổ 15. Ca-na-đề-bà:** Người ở Nam Thiên Trúc,
21 họ Tỳ-xá-la, xưa đã cầu phước nghiệp và thích biện
22 luận. Sau gặp Đại sĩ Long Thọ và các môn đệ.
23 Long Thọ biết là người trí. Trước sai Thị giả đem
24 bát nước đầy đặt trước chỗ ngồi. Tôn giả liền ném
25 một cây kim mà tiến lên vui vẻ khế hội? Long Thọ
26 liền nói pháp cho nghe không đứng dạy khỏi chỗ

ngồi mà thấy tướng mặt trắng sáng lòà. Chỉ nghe
tiếng mà không thấy thân Tôn giả bảo chúng rằng:
Nay đêm lành này là Sư biểu thị Phật tánh nói
pháp không phải là thanh sắc. Tôn giả đã đắc pháp,
sau đến nước Tỳ-la, ở đó có vị Trưởng giả tên là
Phạm Ma Tịnh Đức. Một hôm cây trong vườn sinh
ra một lỗ tai lớn như cái nấm, mùi vị rất ngon, chỉ
có Trưởng giả và đứa con thứ hai là La-hâu-la-đa
lấy ăn. Lấy rồi thì nấm lại lớn lên nữa, các thân
thuộc khác đều không trông thấy. Lúc đó Tôn giả
biết rõ nhân xưa bèn đến nhà ấy. Trưởng giả hỏi lý
do, Tôn giả nói: Nhà ông xưa có cúng dường một
Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo này Đạo nhãn chưa sáng,
vì thâm lạm của tín thí nên bị quả báo làm tai nấm,
nhưng ông và con ông tinh thành cúng dường nên
được hưởng nấm ấy, còn những người khác thì
không. Lại hỏi Trưởng giả tuổi đã bao nhiêu? Đáp:
Đã bảy mươi chín. Tôn giả bèn nói kệ rằng:

*Vào Đạo chẳng thông lý
Làm thân trả nợ người
Ông đến tuổi tám mốt
Cây không sinh nấm nữa.*

Trưởng giả nghe kệ càng thêm khen phục. Lại
thưa: Đệ tử già yếu chẳng thể thờ phụng Sư, xin
cho đứa con thứ hai theo Sư xuất gia. Tôn giả nói:
Xưa Như lai có thọ ký cho đứa con này vào năm
trăm năm thứ hai sẽ làm Đại giáo chủ, nay gặp đây
rất phù hợp với nhân xưa. Bèn cho cạo tóc và râu

1 làm thị giả. Khi đến thành ba Liên Phát nghe các
 2 ngoại đạo tính kế ngăn cản Phật pháp đã lâu. Tôn
 3 giả bèn cầm một phướn dài đi thẳng vào giữa
 4 chúng của họ. Họ hỏi Tôn giả: Sao ông không tiến
 5 tới trước. Tôn giả hỏi lại sao ông chẳng lùi lại sau.
 6 Lại nói: Ông giống như kẻ hèn hạ. Tôn giả đáp ông
 7 như một người lành. Lại hỏi: Ông hiểu pháp gì.
 8 Tôn giả nói: Ông trăm thứ chẳng hiểu. Lại nói tôi
 9 muốn được thành Phật. Tôn giả nói: Ta cân nhắc
 10 sẽ thành Phật. Lại nói ông không thể được. Tôn giả
 11 nói Nguyên đạo thì ta được, còn ông thật không
 12 được. Lại nói: Ông đã chẳng được vì sao nói được.
 13 Tôn giả nói: Vì ông có ngã do đó mà không được,
 14 còn ta Vô ngã cho nên tự sẽ được. Họ luận bàn đã
 15 thua, bèn hỏi Sư ông tên gì? Tôn giả nói tôi tên Ca-
 16 na-đề-bà. Xưa họ đã nghe tiếng Sư bèn ăn năn tạ
 17 lỗi. Lúc đó trong chúng cũng có nhiều người muốn
 18 vặn hỏi Tôn giả dùng biện tài vô ngại mà dẹp hết
 19 bèn qui phục. Bèn gọi đệ tử thượng túc là La-Hầu-
 20 La-Đa mà giao cho Pháp nhãn tạng, nói kệ rằng:

21 *Vốn đối người truyền pháp*
 22 *Vì nói lý giải thoát*
 23 *Đối pháp thật không chứng*
 24 *Không cuối cũng không đầu.*

25 Tôn giả nói kệ xong liền vào Định Phấn Tấn,
 26 thân phát ra tám luồng ánh sáng mà qui tịch. Học
 27 chúng xây tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh
 28 Thìn đời Tiền Hán Văn Đế năm thứ mười chín.

Tổ 16. La-hầu-la-đa: Người nước Ca-tỳ-la, đi hành hóa đến thành Thất-la-phiệt, có con sông tên là Kim Thủy mùi, vị rất ngon, giữa dòng sông lại hiện ra hình ảnh năm Đức Phật. Tôn giả bảo chúng rằng: Nguồn sông này có năm trăm dặm, có bậc Thánh Tăng Già-nan-đề ở đây. Phật đã thọ ký một ngàn năm sau sẽ nối Thánh vị. Nói xong thì dẫn các đệ tử ngược dòng sông mà lên. Đến nơi thì thấy Tăng-già-nan-đề đang ngồi yên nhập định Tôn giả cùng chúng theo dõi, qua hai mươi một ngày mới xuất định. Tôn giả hỏi: Ông thân định hay tâm định, đáp thân tâm đều định. Tôn giả hỏi thân tâm đều định sao có xuất nhập. Đáp rằng: Tuy có xuất nhập nhưng không mất tướng định. Như vàng ở trong giếng thì thể vàng luôn yên vắng. Tôn giả nói nếu vàng ở trong giếng ra khỏi giếng thì vàng chẳng động tịnh vậy cái gì ra vào. Đáp: Nói vàng động tịnh thì vật gì ra vào, cho vàng ra vào thì vàng không động tịnh. Tôn giả nói: Nếu vàng ở trong giếng mà ra thì là vàng nào, nếu vàng ra khỏi giếng thì là vật gì? Đáp: Nếu vàng ra khỏi giếng thì chẳng phải vàng. Nếu vàng ở giếng ra thì chẳng phải vật. Tôn giả nói nghĩa này không đúng. Đáp rằng: Lý ấy không đúng. Tôn giả nói nghĩa này phải sụp đổ. Đáp rằng: Nghĩa kia chẳng thành. Tôn giả nói: Nghĩa kia không thành mà nghĩa ta thành. Bảo rằng nghĩa tuy thành mà pháp chẳng phải ta. Tôn giả nói

1 nghĩa ta đã thành vì ta Vô ngã. Đáp: Vì ta Vô ngã
2 thì lại thành nghĩa nào? - Tôn giả nói: Vì ta Vô ngã
3 cho nên thành nghĩa ông. Bảo rằng: Này Nhân giả,
4 sư ở Thánh nào mà được Vô ngã? Tôn giả nói:
5 Thầy ta là Ca-Na-Đề-Bà chứng Vô ngã ấy. Đáp
6 rằng: Cúi lạy thầy Đề-Bà mà sinh ra nhân quả.
7 Nhân quả và Vô ngã, ta muốn làm Thầy nhân quả
8 Tôn giả nói: Tôi đã Vô ngã, ông phải thấy ngã
9 mình. Nếu ông là thầy ta thì biết Ngã chẳng phải
10 ngã của mình. Nan-Đề tâm ý rộng suốt, liền cầu độ
11 thoát. Tôn giả nói tâm ông tự tại không bị ngã sở
12 buộc ràng. Nói xong liền dùng tay phải đẩy bát
13 vàng lên đến Phạm Cung, lấy cơm thơm mà cúng
14 trai đại chúng Đại chúng bỗng sinh tâm chán ghét.
15 Tôn giả nói đây không phải lỗi của tôi mà do tự
16 nghiệp của quý vị, rồi khiến Tăng-già-nan-đề cùng
17 ngồi ăn. Chúng đều ngờ vực, Tôn giả nói các ông
18 không được ăn đều do đây. Phải biết ngồi với ta là
19 Như lai Ta-La Thọ Vương ở quá khứ vì thương xót
20 chúng sinh mà hiện ra. Các ông cũng ở trong kiếp
21 Trang Nghiêm (quá khứ) đã chứng đến quả thứ ba
22 mà chưa chứng vô lậu (quả A-La-hán). Chúng thừa
23 thần lực thầy tôi rất đáng tin. Họ nói còn Phật ở
24 quá khứ thì rất đáng nghi. Tăng-già-nan-đề biết
25 chúng sinh khinh nhờn bèn nói: Khi Thế-tôn còn ở
26 đời, thế giới bằng phẳng không có gò đồi sông hồ
27 hăm hố khe rãnh, nước đều ngon ngọt, cây cỏ xinh
28 tươi. Cõi nước giàu có chẳng có tám khổ, đều làm

1 10 thiện. Ở rừng song thọ mà thị hiện vắng lặng đã
2 800 năm rồi, thì thế giới có gò hằm cây cối khô héo
3 người không có lòng tin tốt chánh niệm kém yếu.
4 Không tin chân như chỉ thích thần lực (thần thông).
5 Nói xong, liền dùng tay phải vạch đất chui xuống
6 đến tầng kim cang mà lấy nước cam lộ rồi dùng
7 bình lưu ly đựng mà đem lên nơi chúng hội. Đại
8 chúng thấy đều rất kính mến đánh lễ sám hối. Do
9 đó, Tôn giả gọi Tăng-già-nan-đề mà trao phó Pháp
10 Nhân. Kệ rằng:

11 *Đối pháp thật không chừng*
12 *Chẳng lấy cũng chẳng là*
13 *Pháp chẳng tướng có không*
14 *Trong ngoài làm sao khởi.*

15 Tôn giả trao phó pháp rồi ngồi yên mà viên
16 tịch. Bốn chúng xây tháp thờ, bấy giờ là năm Mậu
17 Thìn thời Tiền Hán Võ Đế năm thứ hai mươi tám.

18
19 **Tổ 17. Tăng-già-nan-đề:** Người ở thành Thất-
20 La-Phiệt là con của vua Bảo Trang Nghiêm. Khi
21 mới sinh ra đã biết nói, thường khen Phật sự. Lên
22 bảy tuổi thì chán vui thế gian, dùng kệ thưa cha mẹ
23 rằng:

24 *Kính lạy cha Đại từ*
25 *Kính lạy mẹ máu xương*
26 *Nay con muốn xuất gia*
27 *Rất mong được thương xót.*

1 Cha mẹ cố can ngăn, bèn cả ngày không ăn nên
2 phải cho xuất gia nhưng phải ở tại nhà hiệu là
3 Tăng-già-nan-đê lại mời Sa môn Thiên Lợi Đa làm
4 thầy, suốt mười chín năm không hề mỗi một. Tôn
5 giả tự nghĩ thân ở cung vua sao gọi là xuất gia. Một
6 chiều tất nắng thấy có một con đường bằng phẳng
7 bất giác chậm chậm bước đi khoảng hơn mười dặm
8 thì đến một núi có hang đá, bèn trốn vào đó. Vua
9 cha mất con liền đuổi Thiên-lợi-đa ra khỏi nước,
10 tìm con không biết ở đâu. Qua mười năm, Tôn giả
11 đắc pháp được thọ ký rồi bèn hành hóa đến nước
12 Ma-Đề. Bỗng có làn gió mát thổi vào chúng khiến
13 thân tâm vui vẻ vô cùng, mà chẳng biết ở đâu. Tôn
14 giả nói đây là gió đạo đức, sẽ có bậc Thánh ra đời
15 Đệ tử nói pháp truyền đăng. Nói xong dùng thần
16 lực đem đại chúng đến hang núi. Phút chốc đến
17 một ngọn núi hạ xuống bảo chúng rằng: Trên đỉnh
18 núi này có mây tím như cái lọng, bậc Thánh ở đây
19 vậy. Liền cùng đại chúng bồi hồi giây lâu thì thấy
20 nhà trong núi có đứa bé cầm một chiếu gương tròn
21 đến trước Tôn giả. Tôn giả hỏi người mấy tuổi?
22 Thừa một trăm tuổi. Tôn giả hỏi người còn nhỏ sao
23 nói trăm tuổi. Đáp: Con chẳng hiểu lý chánh một
24 trăm năm. Tôn giả nói người là Thiện cơ phải
25 chẳng? Đáp Phật nói nếu người sống trăm năm
26 chẳng hiểu cơ chư Phật thì chẳng bằng sống một
27 ngày mà được hiểu rõ Sư nói: Trong tay người, chỉ
28 cái gì đó. Đáp: Gương tròn sáng của chư Phật trong

ngoài không dấu vết, Cả hai người cùng thấy tâm
nhân đều giống nhau. Cha mẹ nghe lời con nói đều
cho xuất gia. Tôn giả bèn dắt Sư đến hang đá cũ
thọ Giới cụ túc xong đặt tên là Già-Da-Xá-Đa. Lúc
đó theo gió thổi có tiếng chuông đồng trong điện
kêu lãnh lớt. Tôn giả hỏi Sư chuông kêu hay gió
kêu. Sư nói không phải gió không phải chuông mà
tâm con kêu. Tôn giả hỏi tâm là gì? Sư nói đều
vắng lặng. Tôn giả nói: Lành thay! lành thay! nói
Đạo ta không ông thì còn ai nữa, bèn trao phó pháp,
kệ rằng:

Tâm địa vốn vô sinh

Nhân địa từ duyên khởi

Duyên chủng chẳng ngại nhau

Hoa quả cũng như thế.

Tôn giả trao phó pháp rồi tay hữu vịn cây mà
hóa. Đại chúng bàn rằng: Tôn giả ở dưới gốc cây
mà qui tịch thì là bóng mát của con cháu, bèn đem
toàn thân của Tôn giả lên cao nguyên mà lập Tháp.
Chúng cố sức khiêng lên không nổi bèn ở dưới gốc
cây mà xây tháp. Đó là năm Đinh Mùi, đời Tiền
Hán Chiêu Đế năm thứ mười ba thời Tiền Hán vua.

Tổ 18. Già-da-xá-đa: Người nước Ma-đê, họ
Uất-đầu-lam, cha là Thiên Cái, mẹ là Phương
Thánh. Nằm mộng thấy có vị thần lớn trao cho cái
gương mà có thai, bảy ngày sau thì sinh. Cơ thể

1 trong sáng như lưu ly, chưa từng tắm gội tự nhiên
 2 thơm sạch. Thuở nhỏ thích nơi yên vắng, nói lời
 3 của trẻ phi thường. Một hôm, cầm gương ra gặp
 4 Tôn giả Nan-đề mà được độ. Ngài lãnh đồ chúng
 5 đến nước Đại Nguyệt Thị, thấy nhà của một Bà-la-
 6 môn có khí lạ. Tôn giả sắp vào nhà ấy thì chủ nhà
 7 là Cưu Ma-la-Đa hỏi rằng: Là đồ chúng (học trò)
 8 của ai? - Đáp: Là đệ tử Phật. Khi nghe hiệu Phật
 9 thì tâm thần sững sốt liền đóng sập cửa lại. Tôn giả
 10 gõ cửa rất lâu, La-đa nói "nhà này không có người.
 11 Tôn giả hỏi: Đáp không người là ai đó? La-Đa
 12 nghe lời ấy thì biết là dị nhân, bèn mở cửa đón vào.
 13 Tôn giả nói xưa Thế-tôn ghi nhận là một ngàn năm
 14 sau khi ta diệt độ sẽ có một vị Đại sĩ xuất hiện ở
 15 nước Nguyệt Thị, nối tiếp làm hưng thịnh dòng
 16 Thánh mà giáo hóa. Nay ông gặp ta ắt là dịp đáng
 17 mừng này. Do đó Cưu-ma-la-đa phát sinh Túc
 18 mạng trí xin xuất gia và thọ giới cụ túc. Trao phó
 19 pháp xong, nói kệ rằng:

*Có giống có tâm địa
 Nhân duyên sinh ra mầm
 Đối duyên không ngại nhau
 Sẽ sinh sinh không sinh.*

24 Tôn giả trao phó pháp xong liền bay lên hư
 25 không hiện 18 thứ thân biến rồi hóa Hỏa quang
 26 Tam-muội mà tự đốt thân. Chúng đem xá-lợi xây
 27 tháp thờ kính. Đó là năm Mậu Thân đời Tiền Hán
 28 Thánh Đế thứ 20. Tổ 19. Cưu-ma-la-đa: Là con của

1 Bà-la-môn nước Đại Nguyệt Thị. Xưa là người trời
2 Tự Tại thấy Bồ tát Anh Lạc bỗng khởi ái tâm nên
3 đọa sinh lên cõi trời Đao-Lợi. Nghe Kiều-thi-ca
4 nói: Bát nhã ba la mật đa vì pháp thắng nên bay lên
5 trời Phạm Thiên, vì lợi căn nên khéo nói pháp yếu.
6 Các Thiên Tôn vì Đạo Sư mà nôi Tổ. Lúc đó đến
7 nước Giáng Nguyệt Thị. Sau đến Trung Thiên
8 Trúc, có Đại sĩ tên là Xà-dạ-ma. Hỏi rằng nhà tôi
9 cha mẹ đều dốc tin Tam bảo nhưng lại bị bệnh lao,
10 hề có xây cất gì đều không như ý, trong khi người
11 làm Chiên-đà-la ở gần nhà tôi thì thân lại khỏe
12 mạnh, làm việc gì lại hợp ý. Vì sao người ấy may,
13 còn tôi xấu thế. Tôn giả nói: Chớ nghi ngờ, vì báo
14 thiện ác có ba thời kỳ. Ở đời thấy có người làm
15 nhân mà bị chết yếu bị tai nạn, làm tốt mà gặp xấu,
16 nên nói không có nhân quả tội phước đối trá. Thật
17 không biết bóng và tiếng vang theo nhau mảy may
18 không sai, dầu trải qua trăm ngàn muôn kiếp cũng
19 không mất. Khi Xà-Dạ-Đa nghe lời ấy rồi thì cười
20 mở nghi ngờ. Tôn giả nói ông tuy đã tin ba nghiệp
21 nhưng chưa rõ nghiệp từ hoặc sinh, hoặc nhân thức
22 có, thức y vào bất giác (chẳng biết?), bất giác
23 nương tâm. Tâm vốn thanh tịnh không sinh diệt,
24 không tạo tác, không báo ứng, không hơn thua,
25 vắng lặng mà sáng suốt. Nếu ông vào pháp môn
26 này sẽ đồng với chư Phật. Tất cả thiện ác hữu vi vô
27 vi đều như mộng huyễn. Xà-Dạ-Đa nghe xong thì
28 hiểu rõ ý chỉ liền phát tuệ xưa mà cầu xuất gia rồi

thọ giới cụ túc. Tôn giả bảo, nay lúc thị tịch của ta đã đến, ông nên Đệ tử nối pháp mà truyền giáo. Bèn trao phó cho Pháp Nhân, kệ rằng:

*Trên tánh vốn không sinh
Đối người cầu mà nói
Đối pháp đã vô đắc?
Sao lo quyết chẳng quyết.*

Sư nói đây là diệu âm của Như lai câu thấy tánh thanh tịnh. Ông nên truyền khắp cho người học sau. Nói xong liền ở trên tòa lấy móng tay cào mặt, như hoa sen đỏ nở tròn, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp bốn chúng mà vào vắng lặng. Xà-Dạ-Đa bèn xây tháp thờ, bấy giờ là năm Nhâm Ngọ đời Tân Thất năm thứ mười bốn.

Tổ 20. Xà-Dạ-Đa: Người nước Bắc Thiên Trúc, trí tuệ sâu rộng, hóa đạo vô lượng. Sau đến thành La Duyệt tuyên dương Đốn giáo. Ở đó có học chúng chỉ ưa chuộng biện luận, người đứng đầu tên là Bà-tu- bàn-đầu, hán dịch là Biến hành. Thường ăn một bữa, không nằm sáu thời lễ Phật, thanh tịnh vô dục mọi người đều theo. Tôn giả sắp muốn độ, trước hỏi chúng ấy rằng: Biến Hành thực hành hạnh đầu-đà tu hành phạm hạnh có được Phật Đạo chăng? Chúng nói thầy tôi rất tinh tiến có gì mà không được. Tôn giả nói thầy ông cách xa với Đạo. Nếu khổ hạnh mà trái trần kiếp thì cũng đều

1 là gốc giả dối. Chúng nói Tôn giả có đức hạnh gì
2 mà chê thầy tôi. Tôn giả nói ta chẳng cầu đạo cũng
3 chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh
4 mạn, ta chẳng ngồi mãi cũng chẳng biếng lười, ta
5 chẳng ăn một bữa cũng chẳng ăn tạp, ta chẳng biết
6 đủ cũng chẳng tham dục. Tâm không lo sợ, gọi là
7 Đạo Biến Hạnh (Xà- Dạ-Đa) nghe rồi thì phát trí
8 vô lậu mà vui mừng khen ngợi. Tôn giả lại hỏi
9 chúng ấy: Có hiểu lời ta chẳng? Tôi sở dĩ tâm cầu
10 Đạo quá tha thiết, vì dây đàn quá căng sẽ đứt nên
11 tôi chẳng khen. Nay khiến trụ vào chỗ An Lạc mà
12 vào trí Phật. Lại bảo Biến Hạnh rằng tôi vừa ở
13 trước chúng mà bài bác nhân quả có được không
14 lo buồn chẳng? Đáp: Tôi nhớ 7 kiếp trước đã sinh
15 về nước Thường An Lạc. Sư ở Trí Giả Nguyệt Tịnh
16 mà ký cho ta không bao lâu sẽ chứng quả Tư-đà-
17 Hàm. Lúc đó có Bồ tát Đại Quang Minh ra đời, ta
18 vì già yếu nên chống gậy đến lễ ra mắt, Sư hét lớn
19 bảo ta trọng con khinh cha sao ngu như thế? Lúc
20 đó tôi tự mình không lỗi gì xin Sư chỉ bảo. Sư nói
21 khi ông lễ Bồ tát Đại Quang Minh thì lấy gậy dựng
22 vào vách và dùng gậy vẽ mặt Phật, do lỗi khinh
23 mạn đó mà mất hai quả. Tôi tự trách ăn năn sám
24 hối, cho đến nay nên nghe các lời ác như gió
25 thoảng như tiếng vang. Huống chi nay được uống
26 cam lô vô thượng mà lại giận buồn ư? Cúi mong
27 Ngài đại từ bi chỉ dạy cho đạo vi diệu. Tôn giả nói:
28 Ông từ lâu đã trồng các đức, sẽ nối tiếp tông ta.

Hãy nghe kẻ ta:

*Lời nói hợp Vô sinh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hiểu được như thế
Thông suốt hết sự lý.*

Tôn giả trao phó pháp rồi, bèn ngay chỗ ngồi mà an nhiên qui tịch. Trà tỳ xong thu xá-lợi xây tháp kính thờ, bấy giờ là năm Giáp tuất đời Hậu Hán Minh Đế năm thứ mười bảy.

Tổ 21. Bà-Tu-Bàn-Đầu: Người ở thành La-duyet họ Tỳ-xá cư, cha là Quang Cái ,mẹ là Nghiêm Nhất, nhà giàu mà không có con. Cha mẹ đến tháp Phật mà cầu con. Một buổi tối mẹ mộng thấy nuốt hai viên ngọc châu một sáng một tối thức dậy liền có thai. Bảy ngày sau có một vị La Hán tên là Hiền Chúng đến nhà thì Quang Cái thiết lễ, Hiền Chúng ngồi thẳng mà nhận. Nghiêm nhất ra lạy, Hiền Chúng đứng sang một bên thưa rằng: Trả lễ cho pháp thân Đại sĩ. Quang Cái không hiểu lý do bèn lấy một hạt ngọc quý xuống dâng lên Hiền Chúng thử thật giả. Hiền Chúng bèn nhận ngọc mà không cảm ơn. Quang Cái không nhịn được bèn hỏi: Ta là trượng phu kính lễ thì không đoái hoài, còn vợ ta tôn đức lại tránh. Hiền Chúng đáp: Tôi nhận ngọc quý thì phước cho ông, còn vợ thì mang Thánh thai, sinh ra sẽ làm mặt trời trí tuệ cho đời

1 cho nên phải tránh, không phải là trọng người nữ.
2 Hiền Chúng lại nói vợ ông sẽ sinh hai con trai một
3 trẻ tên Bà-tu-bàn-đầu thì tôi kính trọng, còn trẻ kia
4 tên Cô Ni (hán dịch Dã Thước). Xưa Như lai ở núi
5 Tuyết tu đạo, con chim Sô-ni làm tổ trên đỉnh đầu.
6 Khi Phật thành đạo thì sô-ni được quả báo là vua
7 nước Na-đề. Phật thọ ký rằng: Người vào năm trăm
8 thứ hai sẽ sinh vào thành La-Duyệt ở nhà Tỳ-xá-
9 khur đồng thai với bậc Thánh. Nay quả chẳng sai.
10 Một tháng sau thì sinh con. Tôn giả Bà-Tu- Bàn-
11 Đầu đến năm mười lăm tuổi thì lễ La-hán Quang
12 độ mà xuất gia, cảm Bồ tát Tỳ-bà-ha cùng trao giới
13 cụ túc. Đi hành hóa đến nước Na đề, vua nước ấy
14 tên là Thường Tự Tại có hai con trai: Một tên là
15 Ma-ha La, đứa kế tên là Ma-noa-la. Vua hỏi Tôn
16 giả rằng: Phong thổ thành La-Duyệt đồng hay khác
17 với ở đây? Tôn giả nói: Cõi ấy từng có ba Đức Phật
18 ra đời, nay vua có hai Sư hóa đạo. Hỏi: Hai Sư ấy
19 là ai? Tôn giả nói: Phật đã thọ ký năm trăm năm
20 thứ hai có một Thần lực Đại sĩ xuất gia nối Thánh,
21 tức là người con thứ của vua Ma-noa-la một, tôi
22 tuy đức mỏng nhưng cũng là người thứ hai. Vua
23 nói nếu thật như lời Tôn giả nói thì nên khiến người
24 con này làm Sa môn. Tôn giả nói: Lành thay Đại
25 vương. Nay vâng theo ý Phật, rồi cùng thọ giới cụ
26 túc, trao pháp kệ rằng:

27 *Bọt huyễn động vô ngại*
28 *Vì sao không liễu ngộ*

Đạt pháp ở trong đó

Không nay cũng không xưa.

Tôn giả trao pháp xong, liền bay lên cao nửa do tuần đứng sừng, bốn chúng chí thành chiêm ngưỡng kính thỉnh, thì trở lại ngồi kiết già mà tịch. Bèn Trà tỷ, thu xá-lợi, xây tháp phụng thờ. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ đời Hậu Hán Thượng Đế năm thứ mười hai.

Tổ 22. Ma-noa-la: Là con vua Thường Tự Tại nước Na-đề, năm ba mươi tuổi gặp Tổ sư Bà-tu cho xuất gia truyền pháp cho. Khi đến Tây Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Đắc Độ tức dòng họ Cù-Đàm, qui y Phật thừa siêng năng tinh tiến. Một hôm ở chỗ hành đạo hiện ra 1 tháp nhỏ, muốn đem cúng dường đại chúng nhưng bung lên không nổi. Vua liền mở Đại hội Phạm hạnh thiên quán, chú thuật ba chúng muốn hỏi chỗ ghi. Lúc đó Tôn giả cũng đến hội ấy, cả ba chúng đều không luận được. Tôn giả bèn vì vua mà nói rộng lý do xây ngôi tháp (vua A-Dục xây tháp này). Nay hiện ra là do phước lực của vua mà có. Vua nghe nói bèn hỏi: Chí Thánh khó gặp, đời vui chẳng lâu, bèn truyền ngôi cho Thái tử mà lạy Tổ đi xuất gia, bảy ngày mà chứng bốn quả. Tôn giả càng an ủi khuyến bảo rằng: Ông ở nước này khéo tự độ người, nay cõi khác có Đại pháp khí, ta sẽ giáo hóa, khiến người ấy được độ. Hỏi rằng: Sư ứng hiện ở mười phương thì động

1 niệm liền đến, thà là một nhọc mà đến đây. Tôn giả
2 nói: Đúng. Do đó đốt hương ở xa nói với Tỳ-kheo
3 Hạc-Lặc-Na ở nước Nguyệt Thị rằng: Ông ở nước
4 ấy dạy dỗ Hạc chúng, Đạo quả sắp chứng sẽ tự biết.
5 Lúc đó Hạc-Lặc-Na vì vua nước ấy là Bảo ấn nói
6 kệ Tu-đa-la, bỗng thấy mùi thơm lạ sức nức. Vua
7 hỏi đó là điềm lành gì? Đáp rằng: Đây là Tổ sư Ma-
8 Noa-La ở Tây Ấn-độ truyền Phật Tâm Ấn sẽ đến,
9 nên trước giáng hiện mùi thơm. Hỏi: Vị Sư này
10 thần lực ra sao? Đáp rằng: Vị Sư này từ xa xưa theo
11 lời Phật ký sẽ ở cõi này mà mở mang rộng khắp.
12 Lúc đó vua cùng Hạc-lặc-na đều ở xa mà đánh lễ.
13 Tôn giả biết rồi bèn từ già Tỳ-kheo được độ mà
14 đến nước Nguyệt Thị, nhận cúng dường của vua
15 cùng Hạc-lặc-na - Sau Hạc-lặc-na hỏi Tôn giả
16 rằng: Tôi ở trong rừng đã chín năm có một đệ tử là
17 Long Tử còn nhỏ mà thông minh. Tôi ở ba đời suy
18 tìm mà không biết nguồn gốc. Tôn giả nói người
19 này ở kiếp thứ năm sinh vào nhà Bà-la-môn ở nước
20 Diệu Hỷ từng dùng gỗ chiên đàn mà làm chày đánh
21 chuông ở chùa Phật nên được quả báo thông minh
22 khiến mọi người kính phục. Lại hỏi: Tôi có duyên
23 gì mà cảm được các chim Hạc. Tôn giả đáp: Ông
24 ở kiếp thứ tư làm Tỳ-kheo đến dự hội ở Long cung.
25 Các đệ tử đều muốn đi theo. Ông xét thấy năm trăm
26 người trong chúng không có ai đáng nhận được sự
27 cúng dường cao quý. Lúc đó các con (đệ tử) nói Sư
28 thường nói pháp, đối với ăn bình đẳng thì đối với

pháp cũng bình đẳng. Nay đã không thể sao bậc Thánh lại có. Ông liền cho đến dự hội. Từ khi ông chết rồi chuyên sinh các nước khác, còn năm trăm đệ tử kia vì phước đức yếu kém nên phải sinh làm chim hạc. Nay cảm ân tuệ ông nên các chim hạc đều theo. Hạc-lặc-na nghe xong liền hỏi: Dùng phương tiện gì để khiến chúng được giải thoát? Tôn giả nói: Ta có Vô thượng pháp bảo, ông sẽ thọ hóa ở vị lai mà nói kệ rằng:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển
Chỗ chuyển thật sâu kín
Tùy lưu nhân được tánh
Không mừng lại không lo.*

Lúc đó các chim hạc nghe kệ xong liền bay lên kêu vang mà đi. Tôn giả ngồi kiết già, an nhiên thị tịch. Hạc-lặc-na và vua Bảo Ấn xây tháp thờ. Bấy giờ là năm Ất tỵ đời Hậu Hán Hoàn Đế, năm thứ mười chín.

Tổ 23. Hạc-lặc-na: (Lặc Na là tiếng Phạm, còn Hạc là tiếng Hoa. Vì Tôn giả khi ra đời thường cảm đàn chim hạc mến thương nên lấy đó đặt tên), là người nước Nguyệt Thị thuộc dòng Bà-la-môn, cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang, vì không có con nên cầu con với bảy Đức Phật. Kim Quang mộng thấy trên đỉnh núi Tu di có một thần đồng cầm một vòng vàng bảo ta sẽ đến. Thức dậy liền

1 có thai. Năm bảy tuổi thì du hành đến xóm làng,
2 thấy dân gian cúng tế dân thần bèn vào miếu mắng
3 rằng: Các ông tùy tiện bày ra họa phúc để mê hoặc
4 người giết hại sinh vật để cúng tế quá nhiều. Nói
5 xong thì miếu mạo bỗng nhiên sụp đổ. Do đó dân
6 làng gọi là con Thánh Tử. Năm hai mươi hai tuổi
7 thì xuất gia. Năm ba mươi tuổi gặp Tôn giả Ma-
8 noa-la mà được trao phó Pháp Nhân, đi hành hóa
9 đến Trung Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Vô Úy Hải
10 kính tin Phật Đạo, Tôn giả nói cho nghe chánh
11 pháp. Sau đó vua bỗng thấy có hai người mặc áo
12 đỏ-trắng lễ lạy Tôn giả. Vua hỏi đó là ai? Đáp: Ấy
13 là Nhật Nguyệt Thiên Tử. Tôi xưa từng nói pháp
14 cho họ nghe nên nay đến lễ bái, lát sau liền biến
15 mất chỉ còn nghe mùi thơm lạ. Vua hỏi nước Nhật
16 Nguyệt có nhiều ít. Tôn giả nói: Một ngàn thế giới
17 mà Phật Thích Ca giáo hóa thì đều có trăm ức núi
18 Mê lô Nhật Nguyệt. Nếu rộng nói thì chẳng thể hết.
19 Vua nghe nói thì vui mừng. Bấy giờ Tôn giả diễn
20 nói: Đạo vô thượng độ chúng có duyên vì Thượng
21 Túc Long Tử mất sớm có anh là Sư Tử lâu thông
22 kinh sách ký sự của Bà-la-môn. Thầy ấy mất rồi,
23 em cũng mất, bèn qui y Tôn giả mà hỏi rằng: Tôi
24 muốn cầu Đạo phải dụng tâm như thế nào? Tôn giả
25 nói: Ông muốn cầu đạo thì không có chỗ dụng tâm
26 nào cả. Bèn hỏi: Đã không dụng tâm thì ai làm Phật
27 sự. Tôn giả nói: Nếu ông có dùng thì không có
28 công đức, nếu ông không làm thì tức là Phật sự.

Tức kinh nói: Công đức ta làm mà không có của ta (làm công đức mà không có cái ta làm) Sư Tử nghe lời ấy rồi liền nhập tuệ Phật Tôn giả bỗng chỉ hướng Đông Bắc hỏi rằng: Cái gì là khí tượng? Sư Tử nói: Con thấy khí tượng như cái cầu vòng trắng xuyên qua trời đất. Lại có năm lần khí đen vắt ngang qua đó. Tôn giả nói ấy là điềm gì? Đáp: Thật chẳng thể biết. Tôn giả nói: Ta diệt độ rồi thì năm mươi năm ở nước Bắc Thiên Trúc sẽ có nạn dấy lên mà hại đến thân con. Ta sắp mất, nay đem Pháp Nhân trao phó cho con nên khéo giữ gìn. Bèn nói kệ rằng:

*Khi nhận được tâm tánh
Ấy là không nghĩ bàn,
Rõ ràng không thật có
Lúc được chẳng nói biết.*

Tỳ-kheo Sư Tử nghe kệ xong thì rất vui mừng nhưng chưa hiểu sắp tới là nạn gì mà Tôn giả bèn ngầm chỉ. Nói xong liền hiện mười tám thân biến mà viên tịch. Làm lễ Trà-tỳ xong phân chia xá-lợi ai nấy đều muốn xây tháp kính thờ, thì Tôn giả lại hiện trên hư không mà nói kệ rằng:

*Một pháp tất cả pháp
Tất cả, một pháp nhiếp
Thân ta chẳng có không
Sao chia tất cả pháp.*

Đại chúng nghe bài kệ thì không phân chia nữa,

1 ngay nơi trà-tỳ mà dựng tháp phụng thờ. Bảy giờ
2 là năm Kỷ Sửu Hiến Đế, đời Hậu Hán vua đời năm
3 thứ hai mươi.

4
5 **Tổ 24. Tỳ-kheo Sư Tử:** Người ở Trung Ấn-độ
6 thuộc dòng Bà-la-môn. Đắc pháp rồi thì du
7 phương đến nước Kế-Tân. Có Ba-lợi-ca vốn quen
8 Thiên quán cho nên có Thiên định mà biết trong
9 năm chúng người nào chấp tướng, xả tướng mà
10 không nói. Tôn giả hỏi để hóa giải thì bốn chúng
11 đều làm thỉnh tâm phục. Chỉ có Sư Thiên định Đạt-
12 Ma-Đạt, nghe bốn chúng bị trách mà nổi giận liền
13 đến. Tôn giả hỏi nhân quả tu định vì sao lại đến
14 đây, đã đến đây sao nói tập định? Đáp rằng: Tuy
15 tôi đến đây nhưng tâm cũng không loạn, định tùy
16 người tu, há ở nơi chốn. Tôn giả nói: Nhân quả đã
17 đến thì tập kia cũng đến. Đã không nơi chốn há ở
18 người tập. Đáp rằng: Định tu người chứ không phải
19 người tập định. Tôi tuy đến đây nhưng cùng định
20 vẫn luôn tập. Tôn giả nói: Không phải người tu
21 định mà định tạo người, khi đang đến đây thì định
22 kia ai tu? Đáp rằng: Như hạt ngọc sáng trong ngoài
23 không che lấp. Nếu định thông suốt thì phải như
24 thế. Sư nói nếu định thông suốt thì giống y như
25 ngọc sáng, nay thấy nhân quả không phải là châu.
26 Đáp rằng: Châu ấy trong suốt trong ngoài đều định,
27 tâm tôi không loạn cũng như tịnh này. Sư nói:
28 Châu ấy không trong ngoài nhân quả làm sao có

thể định vật dơ mà không lay động định này không phải tịnh ấy. Đạt-ma-đạt được Tôn giả khai thị (chỉ dạy) tâm địa rỗng rang. Tôn giả đã nhiếp năm chúng tiếng đồn gần xa. Bèn tìm người Đệ tử nói pháp. Bỗng gặp một Trưởng giả dắt con đến hỏi Tôn giả rằng: Đứa con này tên là Tư Đa, khi sinh ra tay trái tả nắm lại, nay đã lớn mà vẫn không buông ra. Xin Tôn giả nói nhân xưa. Tôn giả nhìn liền đưa tay nói: Trả lại viên ngọc cho ta. Đứa bé nghe xong liền mở tay dâng ngọc, mọi người đều kinh lạ. Tôn giả nói kiếp trước ta làm Tăng có nuôi đứa bé tên là Bà xá, Ta từng đi Tây Hải chứng trai giao ngọc cho giữ, nay trả lại ta, lý phải như thế. Trưởng giả bèn cho con xuất gia, Tôn giả bèn truyền cho giới cụ túc. Do có duyên đời trước nên gọi Bà-xá-Tư-đa Tôn giả liền bảo: Thầy ta có đoán trước tai nạn sẽ xảy đến không lâu. Chánh Pháp nhân tạng của Như lai nay đã giao cho ông, ông nên giữ gìn độ khắp người sau. Kệ rằng:

*Khi chánh nói tri kiến
Tri kiến đều là tâm
Tâm này tức tri kiến
Tri kiến tức ở đây.*

Tôn giả nói kệ xong, lấy y Tăng-già-lê lên trao cho Tư-đa bảo đi nước khác tùy cơ hóa độ. Tư-đa nghe lời dạy liền đến thẳng Nam Thiên. Tôn giả vì nạn không thể tránh nên một mình ở lại nước Kê-tân. Lúc đó trong nước có hai ngoại đạo: Một tên

là Ma-mục-đa, người kia tên là Đô-lạc-già, học các
huyền pháp muốn mưu loạn, bèn giả hình Sa môn
lén vào cung vua. Lại nói việc không thành thì tội
qui về con Phật, bèn yêu mị gây họa. Việc bại lộ,
vua giận dữ nói: Ta đã qui y Tam bảo, sao lại cấu
kết mưu hại ta thế này. Bèn sai phá nát chùa viện
đuổi tăng chúng. Lại tự cầm gươm đến chỗ Tôn giả
hỏi: Sư có được uẩn không chẳng? Tôn giả nói đã
được uẩn không vua hỏi có lìa sinh tử chẳng. Đáp:
Đã lìa sinh tử. Vua nói: Đã lìa sinh tử thì hãy cho
ta cái đầu. Tôn giả nói: Thân không phải ta, có tiếc
chi cái đầu. Vua liền quơ kiếm chặt đầu Tôn giả,
bèn vọt ra một dòng sữa trắng vượt lên cao mấy
thước. Cánh tay phải của vua lập tức cũng rơi
xuống đất bảy ngày sau thì chết. Thái tử là Quang
Thủ than rằng: Vì sao cha ta tự gây họa. Lúc đó có
vị tiên ở núi Tượng Bạch hiểu sâu nhân quả, bèn vì
Quang Thủ nói rõ nhân xưa mà mở lưới nghi (có
nói rõ trong Bảo Lâm Truyện). Rồi đem thi thể của
Tôn giả Sư Tử an táng vào tháp báu. Đó là năm Kỷ
mão đời Ngụy Tề Vương năm thứ hai mươi. - Tôn
giả Sư Tử giao cho Bà-xá-tư-đa Tâm Pháp Tín Y
để làm chứng là dòng chánh. Ngoài Đạt-ma-đạt ra
bàng xuất gồm bốn đời có hai mươi hai vị Sư khác.

Tổ 25. Bà-xá-tư-đa: Người nước Kế Tân thuộc
dòng Bà-la-môn, cha là Tịch Hạnh, mẹ là Thường
An Lạc. Khi xưa mẹ mộng được kiến thần, nhân

1 đó mà có thai. Khi sinh ra thì tay trái nắm lại. Gặp
2 Tôn giả Sư Tử mà hiển rõ nhân xưa ngầm trao Tâm
3 Ấn. Sau đến Nam Thiên vào Trung Ấn-độ. Vua
4 nước ấy tên là Ca Thắng thiết lễ cúng dường. Lúc
5 đó có ngoại đạo hiệu là Vô ngã Tôn. Trước được
6 vua tôn trọng nay Tổ (Tổ Bà-Xá-Tư-đa) đến nên
7 ghen ghét mà đến đòi nghị luận, may mà thắng thì
8 sẽ được vua quý như xưa. Bèn ở trước vua gọi Tổ
9 bảo rằng: Tôi hiểu luận ngầm mà không nhờ nói
10 năng. Tổ nói vậy làm sao biết ai hơn ai thua. Đáp:
11 Không tranh hơn thua chỉ cần lấy nghĩa. Tổ hỏi:
12 Ông lấy gì làm nghĩa? Đáp: Vô tâm làm nghĩa. Tổ
13 nói ông đã vô tâm sao lại được nghĩa. Đáp: Tôi nói
14 vô tâm phải gọi phi nghĩa (chẳng phải nghĩa?). Tổ
15 nói: Ông nói vô tâm phải gọi phi nghĩa. Ta nói phi
16 tâm thì nghĩa ấy phi danh (không tên?). Đáp: Nghĩa
17 ấy không tên thì ai có thể nói nghĩa. Tổ nói: Ông
18 gọi phi nghĩa thì tên này là gì? Vì biện phi nghĩa là
19 tên (gọi) không tên. Tổ nói: Tên đã không phải tên,
20 nghĩa cũng chẳng phải nghĩa thì người biện là ai,
21 đương biện vật gì. Như thế mà đối đáp qua lại năm
22 mươi chín lần. Ngoại đạo bèn nín im mà tin phục.
23 Lúc đó Tổ bỗng xoay mặt về phía Bắc mà chấp tay
24 than rằng: Ôi thầy ta Tôn giả Sư Tử nay gặp nạn
25 đáng thương. Bèn từ giả vua trở về Nam Thiên ẩn
26 vào hang núi. Lúc đó vua nước ấy tên là Thiên Đức
27 đón thỉnh Sư cúng dường. Vua có hai người con
28 trai: Một người hung bạo mà có sức mạnh, người

1 kia hiền lành mà thường đau ốm. Tổ bèn nói rõ
2 nhân quả vua hiểu hết nghi. Lại có thầy chú thuật
3 ganh ghét Tổ, lén bỏ thuốc độc vào cơm. Tổ biết
4 mà vẫn ăn thì người ấy bị họa, bèn xin Tổ đi xuất
5 gia, Tổ liền trao cho Giới cụ túc. Sau sáu mươi năm
6 Thái tử Đắc Thắng lên ngôi. Lại tin ngoại đạo gây
7 nạn cho Tổ. Thái tử Bất-Như-Mật-Đa khuyên can
8 vua mà nên bị vua bắt giam. Vua hỏi Tổ: Nước tôi
9 quét sạch yêu mị dối trá. Chỗ truyền của Sư là
10 Tông gì? Tổ nói nước Ngải thật ra xưa nay không
11 có tà pháp, chỗ tôi được là Phật tông. Vua nói: Phật
12 đã diệt độ một ngàn hai trăm năm rồi, Sư từ ai mà
13 được. Tổ nói Âm Quang (Ca-diếp) Đại sĩ được
14 Phật ấn chứng truyền mãi đến đời thứ hai mươi bốn
15 là Tôn giả Sư Tử, tôi từ người ấy mà được. Vua nói
16 tôi nghe nói Tỳ-kheo Sư Tử không tránh khỏi bị
17 giết làm sao có thể truyền pháp cho người sau? Tổ
18 nói: Thầy tôi khi nạn chưa có đã thàm trao cho tôi
19 Tín Y và pháp kệ mà hiền rõ thầy trò. Vua hỏi: Y
20 ấy ở đâu. Tổ bèn lấy y trong đây ra trình cho vua
21 xem. Vua sai đem đốt thì y ấy năm màu ngời sáng
22 củi cháy hết rồi mà vẫn còn nguyên như cũ. Vua
23 liền làm lễ sám hối Sư Tử. Người Đệ tử nổi pháp
24 thật đã rõ. Bèn tha tội cho Thái tử. Thái tử xin xuất
25 gia. Tổ hỏi Thái tử rằng ông muốn xuất gia thì làm
26 việc gì? Đáp: Nếu tôi xuất gia thì không làm việc
27 ấy. Tổ hỏi: Không làm việc gì? Đáp: Không làm
28 việc tục. Tổ nói: Vậy làm việc gì. Đáp: Điều làm

Phật sự. Tổ nói Thái tử trí tuệ tự nhiên đến ắt là các Thánh giáng tích. Rồi cho xuất gia, sáu năm hầu hạ. Sau ở cung vua mà yết-ma thọ Giới cụ túc. Đất đai rừng chuyễn có rất nhiều điền lạ. Tổ gọi bảo: Ta đã già yếu làm sao có thể ở lâu. Ông nên khéo giữ gìn Chánh Pháp Nhân tạng mà độ khắp hữu tình. Kệ rằng:

*Bậc Thánh nói tri kiến
 Ngay cảnh chẳng phải trái
 Nay ta ngộ chân tánh
 Không đạo cũng không lý.*

Bất-như-mật-đa nghe kệ xong lại trình Tổ rằng: Pháp y có thể được truyền trao. Tổ nói: Y này vì nạn nên mượn để chứng minh, thân ông không nạn mượn y ấy làm gì. Hóa đủ thì khắp người mười phương tin nhau cùng đến. Bất-như-mật-đa nghe lời đánh lễ mà lui. Tổ hiện thần biến và hóa lửa Tam-muội tự thiêu thân. Đất bằng mà xá-lợi cao đến một thước. Vua Đắc Thắng xây tháp thờ. Lúc ấy là năm Ất Dậu đời Đông Tấn Minh Đế niên hiệu Thái Ninh năm thứ ba.

Tổ 26. Bất-như-mật-đa: Là Thái tử con của vua Đắc Thắng ở nước Nam Ấn-độ. Đã đắc pháp xong liền đến Đông Ấn-độ vua nước ấy tên là Kiên Cố, thờ ngoại đạo Trường Trảo Phạm Chí làm thầy. Khi Tôn giả đến thì vua cùng Phạm Chí đồng

1 thấy khí trắng thông trên dưới. Vua hỏi điềm gì thế.
2 Phạm Chí biết trước Tôn giả đã vào nước sợ vua
3 trọng vọng nên đáp đây là điềm ma đến. Bèn nhóm
4 hợp học trò bàn rằng: Bất-Như-Mật-Đa sắp vào
5 thành, ai có thể khuất phục được? Đệ tử nói chúng
6 con đều có chú thuật có thể làm động trời đất vào
7 nước lửa có lo gì. Tôn giả đến cung điện có khí đen
8 bèn bảo: Có nạn nhỏ đây. Rồi thẳng đến chỗ vua.
9 Vua hỏi: Sư đến có việc gì. Đáp: Sắp độ chúng
10 sinh. Hỏi: Dùng pháp nào độ? Tôn giả nói: Điều tùy
11 loại mà độ. Lúc đó Phạm Chí nghe nói thì liền nổi
12 giận bèn dùng huyền pháp mà hóa ra núi lớn ở trên
13 đánh Tôn giả. Tôn giả chỉ tay thì núi bỗng ở trên
14 đầu chúng. Phạm Chí sợ hãi đầu hàng. Tôn giả
15 thương chúng ngu mê bèn chỉ tay thì núi biến mất.
16 Bèn vì vua mà giảng nói pháp yếu khiến về với
17 chân thừa. Lại bảo vua rằng: Nước này sẽ có Bạc
18 Thánh nối tiếp. Lúc đó có con của Bà-la-môn đã
19 hai mươi tuổi, sớm mất cha mẹ không biết tên họ
20 hoặc tự nói là Anh Lạc nên gọi là Đồng Tử Anh
21 Lạc đi ăn xin qua ngày giống như Bồ tát Thường
22 Bất Khinh. Người đời hỏi: Ông sao đi gấp thì liền
23 bảo sao ông đi chậm. Có người hỏi họ gì thì đáp
24 một họ với ông. Chẳng biết nguyên có thế nào? Sau
25 vua và Tôn giả cùng ngồi xe dạo chơi thì thấy
26 Đồng Tử Anh Lạc đứng phía trước cúi chào. Tôn
27 giả hỏi người nhớ việc xưa chăng thì đáp con nhớ
28 kiếp xa xưa đã ở chung với thầy, Thầy diễn nói

Ma-ha Bát Nhã con đôi Tu-đa-la sâu xa. Việc nay
 hợp với nhân xưa. Tôn giả lại bảo vua rằng: Đứa
 bé này không ai khác, chính là Bồ tát Đại Thế Chí.
 Sau Thánh này lại có hai người: Một người giáo
 hóa ở Nam Ấn-độ, một người hóa duyên ở Chấn
 Đán (Trung quốc). Trong bốn năm năm lại trở về
 chốn này. Vì nhân xưa mà gọi là Bát-nhã-đa-la.
 Rồi trao phó cho pháp Nhãn Tạng có kệ rằng:

*Chân tánh trong tâm địa
 Không đầu cũng không đuôi
 Ứng duyên mà độ vật
 Phương tiện gọi là trí.*

Tôn giả phó pháp rồi bèn từ giả vua rằng: Tôi
 hóa duyên đã trọn, phải trở về vắng lặng, nguyện
 vua đối với tôi thượng thừa không quên ngoại hộ,
 rồi trở về chỗ cũ ngồi kiết già mà tịch, lại hóa lửa
 đốt thân. Vua thu xá-lợi xây tháp thờ. Bấy giờ là
 năm Mậu Tý đời Đông Tấn Hiếu Võ Đế, niên hiệu
 Thái Nguyên năm thứ ba mươi.

Tổ 27. Bát-nhã-đa-la: Là người Đông Ấn-độ,
 đã đắc pháp rồi bèn đi hành hóa đến Nam Ấn-độ.
 Vua nước ấy tên là Hương Chí, kính thờ Phật thừa
 tôn trọng cúng dường chư tăng, lại thí bảo châu vô
 giá. Lúc đó vua có ba người con trai người con út
 là một bậc khai sĩ Tôn giả. muốn thử tài bèn đem
 việc thí châu mà hỏi ba Vương tử rằng: Ngọc này

1 tròn sáng có cái gì bằng nó chẳng? Người con thứ
2 nhất là Mục Tịnh Đa La, người thứ hai Công Đức
3 Đa-la đều nói ngọc này là bậc nhất trong bảy thứ
4 báu chắc chắn không gì hơn, không phải đây là vật
5 báu thế gian chưa đủ để làm bậc nhất ở trong các
6 vật báu thì pháp bảo là bậc nhất. Đây là ánh sáng
7 thế gian sáng thế gian chưa bậc nhất, ở trong các
8 ánh sáng thí trí quang là bậc nhất. Đây là sáng thế
9 gian chưa đủ để làm bậc nhất, ở Tôn giả có Đạo
10 lực thì có ai nhận được. Người con thứ ba là Bồ-
11 đề-đa-la nói: Trong các sáng thì tâm minh là bậc
12 nhất, ánh sáng của ngọc này không thể tự chiếu mà
13 cần phải nhờ ánh sáng của trí quang, đã nói đây rồi
14 liền biết là ngọc, đã biết là ngọc thì liền làm sáng
15 báu ấy. Nếu làm sáng báu ấy thì báu chẳng tự báu,
16 nếu nói ngọc ấy thì ngọc chẳng tự ngọc. Vì ngọc
17 chẳng tự ngọc thì cần phải nhờ trí châu mà nói
18 châu. Báu chẳng tự báu nên cần phải nhờ trí báu để
19 làm sáng pháp báu. Nhưng Sư có Đạo ấy thì báu
20 kia liền hiện. Chúng sinh có đạo tâm báu cũng như
21 thế. Tôn giả khen biện tuệ, bèn hỏi rằng: Trong các
22 vật thì vật gì không tướng? Đáp: Trong các vật
23 chẳng khởi không tướng. Lại hỏi: Trong các vật thì
24 vật gì cao nhất. Đáp: Trong các vật thì nhân ngã là
25 cao nhất. Lại hỏi: Trong các vật thì vật gì lớn nhất.
26 Đáp: Trong các vật pháp tánh là lớn nhất. Tôn giả
27 biết là người Đệ tử nổi pháp vì thời chưa đến nên
28 im lặng mà lẫn lộn. Khi vua Hương Chí lìa đời thì

mọi người đều kêu gào nức nở chỉ có người con thứ ba là Bồ Đề Đa La ở trước linh cửu nhập định trải bảy ngày mới xuất định. Bèn xin xuất gia rồi thọ giới cụ túc. Tôn giả bảo rằng: Như lai đem Chánh Pháp Nhãn mà giao cho Ca-diếp như thế lần lượt đến ta. Nay ta giao lại cho ông, ông nghe kệ ta.

*Tâm địa sinh các giống
Nhờ sự lại sinh lý
Quả mãn, Bồ-đề viên
Hoa nở, thế giới khởi.*

Tôn giả trao phó pháp rồi liền ở trên chỗ ngồi đứng dậy duỗi hai tay đều phát ra hai mươi bảy luồng ánh sáng năm màu rực rỡ sáng lòa. Lại bay lên hư không cao bảy cây Đa-la hóa lửa tự đốt thân trên hư không, xa-lợi như mưa bèn thấm nhập mà xây tháp thờ, bấy giờ là năm Đinh Dậu đời Tống Hiếu Võ Đế niên hiệu Đại minh năm thứ nhất.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 3

Năm vị Tổ Trung Hoa và bàng xuất các vị Tôn
Túc, gồm có 25 vị:

1. Tổ thứ 28: Bồ-đề-đạt-ma

Thiền sư Đạo Dục (Bồ-đề-đạt-đa bàng xuất 3
vị): Thiền sư Đạo Phó Ni Tổng Trì

Ba vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú, cho
nên không ghi chép.

2. Tổ thứ 29: Đại sư Tuệ khả.

- Thiền sư Tăng na (Đại sư Tuệ Khả bàng xuất
7 đời gồm có 17 vị):

- Cư sĩ Hướng

- Thiền sư Tuệ Mãn ở Tương Châu (ba vị trên
đây thấy có ghi chép).

- Thiền sư Thiên Định ở Hiện Sơn.

- Thiền sư Bảo Nguyệt

- Cư sĩ Hoa Nhàn

- Đại sĩ Hóa Công

- Hòa công

- Cư sĩ Liêu

- 1 - Đàm Thúy (Cư sĩ Hoa nhàn lưu xuất).
- 2 - Tuệ Giản ở Diên Lăng (Đàm Thúy lưu xuất 2
- 3 vị).
- 4 - Tuệ Sai ở Bành Thành
- 5 - Tuệ Cương ở Chùa Định lâm
- 6 - Đại Giác ở Lục Hợp (Tuệ cương lưu xuất).
- 7 - Đàm Anh ở Cao bưu (Đại Giác lưu xuất).
- 8 - Minh Luyện ở Thái sơn (Đàm Anh lưu xuất).
- 9 - Tĩnh Thái ở Dương Châu (Minh Luyện lưu
- 10 xuất, 14 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ lục,
- 11 cho nên không ghi chép).
- 12 3. Tổ thứ 30: Đại sư Tăng Xán
- 13 4. Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín (bàng xuất 76 vị
- 14 xem quyển thứ 4).
- 15 5. Tổ thứ 32: Đại sư Hoàng Nhẫn (bàng xuất
- 16 107 vị xem ở thứ 4).

17
18 **Tổ 28 (1): BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA:** Là con thứ 3 của
19 vua Hương Chí nước Nam Thiên Trúc, dòng Sát-
20 đê-lợi, vốn tên là Bồ-Đề-Đa-La. Sau gặp tổ hai
21 mươi bảy là Bát-Nhã-đà-la đến nước này được vua
22 cúng dường. Biết Sư ẩn kín dấu vết nên nhân đó
23 thử, khiến hai anh bàn về bố thí châu báu mà phát
24 sáng tâm yếu. Được Tôn giả bảo: Ông đối với các
25 pháp đã được thông suốt. Đạt-ma nghĩa là thông
26 đại nên gọi là Đạt-ma, nhân đó đổi hiệu là Bồ-Đề-
27 Đạt-Ma. Sư mới bày tỏ với Tôn giả rằng: Con đã

1 đắc pháp nên đến nước nào mà làm Phật sự xin
2 thầy chỉ bảo. Tôn giả nói: Ông tuy đắc pháp nhưng
3 chưa thể đi xa phải ở Nam Thiên Trúc đợi ta diệt
4 độ sáu mươi bảy năm thì mới sang Chấn Đán
5 (Trung Hoa) mà lập Đại pháp được tiếp dẫn thẳng
6 bậc thượng căn, chớ nên đi sớm e mau suy tàn. Sư
7 lại hỏi ở đây có Đại sĩ có khả năng làm pháp khí
8 chẳng? Sau ngàn năm có chứng ngại không? Tôn
9 giả nói: Chỗ ông hóa độ người được Bồ đề rất đông
10 không thể kể xiết, Ta diệt độ rồi hơn sáu mươi năm
11 thì nước ấy có nạn, văn bày trong nước tự khéo
12 hàng phục. Ông đến thì không nên ở phương Nam.
13 Ở đó chỉ thích công nghiệp hữu vi mà không thấy
14 Phật lý. Ông dầu có đến đó cũng không thể ở lâu
15 được, hãy nghe kệ ta:

Đường đi nhả nước lại gặp dê
Riêng tự man mác lên vượt sông
Ngày xuống nên thương đôi voi ngựa,
Hai cây quế đẹp tươi tốt lâu.

20 Lại nói tám bài kệ đều dự biết Phật giáo thịnh
21 hành và suy tàn (có nói trong Bảo lâm truyện) Sư
22 cung kính nương theo giáo nghĩa lại siêng trợ giúp
23 mọi người suốt bốn mươi năm không hề bỏ sót.
24 Khi Tôn giả viên tịch bèn diễn hóa trong nước ấy.
25 Lúc đó có hai Sư một tên là Phật Đại Tiên, một tên
26 là Phật Đại Thắng Đa vốn cùng Sư đồng học Phật-
27 Đà-bạt-đa về Thiên quán Tiểu thừa. Phật Đại trước
28 đã gặp Tôn giả Bát-nhã Đa-la, bèn bỏ Tiểu thừa

1 theo Đại Tiên cùng Sư mở rộng giáo hóa, lúc đó
2 gọi là hai Cam Lộ Môn. Nhưng Phật Đại Thắng Đa
3 lại rẽ đường mà chia ra sáu Tông: 1/ Hữu tướng
4 tông, 2/ Vô tướng tông, 3/ Định tuệ tông, 4/ Giới
5 hạnh tông, 5/ Vô đắc tông, 6/ Tịch tịnh tông. Điều
6 phong cho mình là hiểu biết riêng nguồn truyền
7 hóa xóm làng hưng thịnh đồ chúng rất đông. Đại
8 sư bùi ngùi than rằng: Sư ấy đã đạp lỗ chân trâu,
9 huống chi lại chi li phồn thịnh mà chia ra sáu tông,
10 nếu ta không dẹp trừ thì mãi bị tà kiến buộc ràng.
11 Nói xong bèn hiện thần lực đến chỗ tông Hữu
12 tướng. Hỏi rằng thế nào là Thật tướng của: Tất cả
13 các pháp. Trong chúng có một người lớn nhất tên
14 là Tát-bà-la đáp rằng. Trong các tướng chẳng có
15 các tướng lẫn nhau đó gọi là thật tướng. Sư nói tất
16 cả các tướng mà không có lẫn nhau nếu gọi thật
17 tướng thì lấy gì mà định? Người ấy đáp: Trong các
18 tướng thật không nhất định, nếu nhất định các
19 tướng thì sao gọi là Thật. Sư nói: Các tướng chẳng
20 nhất định nên gọi là thật tướng, nay ông chẳng nhất
21 định thì làm sao được. Người ấy đáp: Tôi nói bất
22 định mà chẳng nói các tướng. Phải nói các tướng
23 nghĩa nó cũng thế. Sư nói: Ông nói chẳng nhất định
24 phải là thật tướng, mà định đã chẳng nhất định tức
25 không phải là thật tướng. Người ấy nói định đã
26 chẳng định tức chẳng phải thật tướng biết (ngã)
27 chẳng đúng cho nên chẳng nhất định chẳng thay
28 đổi. Sư nói nay ông chẳng đổi sao gọi thật tướng.

1 Đã đổi đã qua thì nghĩa ấy cũng thế. Người ấy nói:
2 Bất biến thì thường tại vì tại hay chẳng tại cho nên
3 biến thật tướng để định nghĩa nó. Sư nói thật tướng
4 chẳng đổi đổi thì không phải thật, trong có không
5 sao gọi thật tướng được. Trong tâm Tát-Bà-La biết
6 là Thánh sư hiểu sâu xa thông suốt kín đáo. Liền
7 đưa tay chỉ hư không nói rằng: Đây là thế gian có
8 tướng cũng có thể là không thì thân ta đây có giống
9 như thế chẳng? - Sư đáp: Nếu hiểu thật tướng liền
10 thấy chẳng phải tướng. Nếu hiểu chẳng phải tướng
11 thì sắc ấy cũng thế, phải ở trong sắc mà không mất
12 sắc thể, ở trong phi tướng mà chẳng ngại có, nếu
13 như thế là hiểu được tên thật tướng này. Chúng ấy
14 nghe xong thì tâm ý rộng rang bèn kính lễ tin nhận.
15 Trong nháy mắt Sư lại biến mất.

16 Rồi đến chỗ Vô tướng tông thứ hai, hỏi rằng:
17 Ông nói vô tướng thì lấy gì làm chứng. Trong
18 chúng ấy có người trí tên là Ba-la-đề nói rằng: Tôi
19 nói vô tướng là tâm không hiện ra. Sư nói tâm ông
20 không hiện thì nói cái gì? Người ấy bảo: Tôi nói
21 vô tướng là tâm chẳng lấy bỏ ngay lúc nói cũng là
22 vô thường. Sư nói đối với các tâm có không chẳng
23 lấy bỏ lại là vô thường thì nói đều không. Người
24 ấy nói nhập vào Tam-muội Phật còn không thật có
25 hống chỉ là vô tướng mà muốn biết. Sư nói tướng
26 đã chẳng biết thì ai nói có không, còn không thật
27 có thì sao gọi là Tam-muội. Người ấy nói: Tôi nói
28 chẳng chứng là chứng không chỗ chứng, chẳng

1 phải Tam-muội nên tôi nói Tam-muội. Sư nói:
2 Không phải Tam-muội sao lại có tên. Ông đã
3 chẳng chứng, chẳng phải chứng làm sao chứng.
4 Ba-la-đề nghe Sư luận rõ liền ngộ bốn tâm, lễ tạ Sư
5 mà sám hối lỗi xưa. Sư ký rằng: Ông sẽ được quả,
6 chẳng bao lâu thì chứng nước này có ma chẳng bao
7 lâu sẽ giáng xuống. Nói xong liền biến mất.

8 Lại đến chỗ thứ ba là tông Định tuệ, hỏi rằng:
9 Ông học Định Tuệ là một hay hai? Trong chúng ấy
10 có Bà Lan Đà đáp rằng: Định Tuệ của tôi không
11 phải một mà chẳng phải hai. Sư nói đã chẳng phải
12 một, hai sao gọi Định Tuệ? Người ấy đáp: Đối với
13 Định không phải Định, đối với Tuệ không phải
14 Tuệ, một chẳng phải một mà hai cũng chẳng phải
15 hai. Sư nói: Một mà chẳng một, hai mà chẳng hai,
16 đã chẳng phải Định Tuệ thì y cứ Định Tuệ nào?
17 Người ấy đáp: Chẳng một chẳng hai Định Tuệ có
18 thể biết chẳng phải Định chẳng phải Tuệ cũng
19 giống như thế. Sư nói Định chẳng phải Tuệ làm sao
20 biết, chẳng một chẳng phải hai thì thế nào là Định
21 thế nào là Tuệ? Bà-Lan-Đà nghe xong thì tâm nghi
22 dứt mất.

23 Đến chỗ thứ tư là tông Giới hạnh, hỏi rằng: Thế
24 nào là giới, thế nào là hạnh? giới hạnh này là một
25 hay hai. Trong chúng ấy có 1 người hiền đáp rằng:
26 Một, hai, hai, một đều là kia sinh ra, y giáo không
27 nhiễm thì đó gọi là giới hạnh. Sư nói: Ông nói y
28 giáo tức là có nhiễm, một, hai đều phá, sao nói y

giáo? Thứ này trái nhau chẳng kịp với hạnh, trong ngoài chẳng sáng sao gọi là Giới. Người ấy nói tôi có trong ngoài mình người biết hết. Đã được thông suốt thì là giới hạnh. Nếu nói trái nhau thì đều phải đều trái, nói đến thanh tịnh thì tức giới tức hạnh. Sư nói: Đều phải đều trái sao gọi thanh tịnh. Đã được thông suốt sao nói trong ngoài. Người ấy nghe xong rất hổ thẹn qui phục.

Đến chỗ thứ năm là tông Vô đắc hỏi rằng: Ông nói vô đắc, vô đắc làm sao đắc. Đã không sở đắc thì cũng không được cái vô đắc. Trong chúng ấy có Bảo Tịnh đáp rằng: Tôi nói vô đắc là chẳng phải vô đắc mà được phải nói đắc là đắc hay vô đắc là đắc. Sư nói đắc đã chẳng phải đắc cũng chẳng phải không đắc. Đã nói được cái được, được cái được sao được. Người ấy nói thấy được thì không phải được, không phải được là được. Nếu thấy không được thì gọi là được cái được. Sư nói được đã không phải được thì được cái được là không được. Đã không chỗ được thì sao lại được cái được. Bảo Tịnh nghe xong thì liền dứt lưới nghi.

Lại đến chỗ thứ sáu là tông Tịch tịnh, hỏi rằng: Sao gọi là Tịch tịnh, ở trong pháp này ai tịnh ai tịch. Trong chúng ấy có Tôn giả đáp rằng: Tâm này bất động gọi là Tịch, đối với pháp không nhiễm thì gọi là Tịnh. Sư nói: Bỏ tâm chẳng tịch cần nhờ tịch tịnh, xưa nay tịch cho nên đâu cần phải Tịch tịnh. Người ấy nói các pháp vốn không vì không

1 mà không cho nên không ấy là không mà gọi là
2 Tịch tịnh. Sư nói không không đã không các pháp
3 cũng thế. Tịch tịnh không tướng thì sao là tịnh sao
4 là tịch. Tôn giả ấy nghe Sư chỉ dạy mà rỗng sáng
5 khai ngộ - Rồi cả sáu chúng điều thề quy y. Do đó
6 mà hóa độ Nam Thiên tiếng tăm lừng lẫy khắp cả
7 năm vùng An độ. Xa gần học giả đều kính mến.
8 Qua sáu mươi năm độ vô lượng chúng. Sau gặp
9 vua Dị Kiến khinh chê Tam bảo thường nói rằng:
10 Tổ Tông ta đều tin Đạo Phật bị rơi vào tà kiến,
11 không sống mãi được mà ngôi vua trị vì cũng ngắn.
12 Lại thân ta là Phật, đâu lại cầu bên ngoài. Thiện ác
13 báo ứng đều do người nhiều trí vọng cầu kết (lập
14 ra) thuyết ấy. Cho đến ở trong nước, các bậc kỳ
15 cựu vua trước kính thờ đều là hạng vụng về bỏ đi -
16 Sư biết rồi thì than thở vua ấy đức mỏng làm sao
17 cứu. Lại nghĩ trong tông vô tướng có hai thủ lãnh,
18 Ba-la-đề có duyên với vua lại sắp chứng quả. Còn
19 người thứ hai là Tông Thắng đều là biện luận rộng
20 mà không có nhân xưa. Lúc đó đồ chúng sáu tông
21 cũng đều nghĩ rằng Phật pháp gặp nạn sao Ngài tự
22 an. Sư xa biết ý chúng liền búng ngón tay, sáu
23 chúng nghe tiếng liền bảo mật lệnh của Đạt-ma
24 thầy ta chúng ta nên mau đến lãnh lệnh. Nói xong
25 liền đến chỗ thầy lễ bái thăm hỏi. Thầy hỏi nay một
26 cái màn che lấp hư không ai có thể vệt tan. Tông
27 Thắng nói: Con tuy cạn mỏng nhưng xin liều mạng
28 thực hành điều ấy. Sư nói: Ông tuy biện tuệ nhưng

1 đạo lực chưa toàn. Tông Thắng tự nghĩ: Thầy ta sợ
2 ta gặp vua sẽ làm Phật sự lớn, tiếng tăm hiển hách
3 sẽ làm mất uy danh Thầy. Nếu kia là vua Phước
4 Tuệ còn ta là Sa môn lãnh ý chỉ Phật há khó địch
5 lại. Nghĩ xong lén đến chỗ vua nói rộng pháp yếu
6 và các việc thiện ác khổ vui của thế giới trời người.
7 Vua cùng hỏi đáp tranh luận cạnh kẻ. Vua hỏi chỗ
8 ông giải thích là pháp nào? Tông Thắng nói: Như
9 vua cai trị phải hợp với Đạo, vua có Đạo nào? Vua
10 nói: Ta có Đạo sắp trừ pháp tà, ông có pháp sẽ hàng
11 phục người nào? Sư đang ngồi yên mà biết Tông
12 Thắng đuối lý. Bèn bảo Ba-la-đề rằng: Tông Thắng
13 chẳng nghe lời ta lén hóa độ vua phút chốc sẽ thua,
14 ông mau đến cứu. Ba-la-đề vâng lời thầy nói xin
15 nhờ thần lực của thầy. Nói xong dưới chân nổi
16 mây, liền đến trước vua đứng im không nói. Lúc
17 vua đang hỏi Tông Thắng bỗng thấy Ba-la-đề cỡi
18 mây đến thì ngạc nhiên quên hỏi đáp, bảo rằng:
19 Người cỡi mây kia là chánh hay tà? Đáp rằng: Ta
20 không phải tà chánh mà đến chánh tà. Nếu Tâm
21 vua chánh thì ta không tà chánh. Vua tuy kinh lạ
22 nhưng kiêu mạn hãy hừng liền đuổi Tông Thắng
23 ra. Ba-la-đề nói: Vua đã có Đạo sao đuổi Sa- môn.
24 Tôi tuy không hiểu nhưng xin vua cứ hỏi. Vua giận
25 mà hỏi rằng: Phật là gì? Đáp: Thấy tánh là Phật.
26 Vua hỏi: Sư có thấy tánh chăng? Đáp: Tôi thấy
27 Phật tánh. Vua hỏi tánh ở đâu? Đáp: Tánh ở tác
28 dụng. Vua hỏi tác dụng nào ta chẳng thấy? Đáp:

Nay thấy tác dụng vua tự chẳng thấy. Vua hỏi ở ta có chẳng? Đáp rằng: Nếu vua tác dụng không có chẳng phải, nếu vua không tác dụng thì thể cũng khó thấy. Vua hỏi như khi đang dùng thì mấy chỗ hiện ra? Đáp: Nếu khi xuất hiện thì có tám chỗ. Vua nói tám chỗ xuất hiện phải là ta nói. Ba-la-đề-bèn nói kệ rằng:

*Ở thai là thân
Ở đời là người
Ở mắt là thấy
Ở tay là nghe
Ở mũi ngửi hương
Ở miệng bàn luận
Ở tay cầm nắm
Ở chân đi chạy.
Biến hiện thì khắp sa giới
Thu lại ở một hạt bụi
Người biết gọi là Phật tánh
Không biết gọi là tinh hồn.*

Vua nghe kệ xong thì tâm liền khai ngộ bèn sám hối lỗi xưa mà học hỏi pháp yếu, sớm chiều quên mệt mỏi suốt cả chín tuần. Lúc đó Tông Thắng đã bị đuổi liền ẩn vào rừng sâu, nghĩ rằng nay ta trăm tuổi tám mươi làm quấy, hai mươi năm sau mới về Phật Đạo. Tánh tuy ngu muội nhưng hạnh dứt lỗi lầm. Không chống được nạn thì sống sao bằng chết. Nói xong liền tự nhảy xuống núi. Bỗng có một vị Thần đưa tay nâng lên đặt trên tảng

1 đá lớn bình yên vô sự Tông Thắng nói: Ta then làm
2 Sa-môn đang làm chủ chánh pháp, không có năng
3 lực để trừ diệt điều sai trái của vua, vì vậy bỏ thân
4 tự trách mình, vị Thần nào giúp tôi đến đây xin lên
5 tiếng để cho tôi tiếp tục sống. Do đó vị thần nói kệ
6 rằng:

7 *Thầy sống lâu trăm tuổi*
8 *Tám mươi mà tạo lỗi*
9 *Để gần với Chí Tôn*
10 *Huân tu mà vào Đạo*
11 *Tuy có ít trí tuệ*
12 *Mà lại nhiều kia đây*
13 *Khi thấy các bậc hiền*
14 *Không hề sinh cung kính*
15 *Hai mươi năm công đức*
16 *Tâm ấy chưa yên tĩnh*
17 *Thông minh nên khinh mạn*
18 *Mà phải đến nỗi này*
19 *Bị vua không kính trọng*
20 *Mà cảm quả như thế*
21 *Từ nay không biếng lười*
22 *Chẳng lâu thành người trí*
23 *Các Thánh đều giữ tâm*
24 *Như lai cũng như thế.*

25 Tông Thắng nghe kệ vui mừng bèn ngồi yên ở
26 đầu ghềnh. Lúc đó vua Dị Kiến lại hỏi Ba-la-đề
27 rằng: Nhân giả trí tuệ biện tài Thầy ông là ai? Đáp:
28 Tôi xuất gia ở chùa Ta-la, Tam tạng Ô-Sa-Bà là

1 Thầy học của tôi, còn thầy xuất thế là Bồ-Đề-Đạt-
2 Ma là chú của Đại vương. Vua nghe tên sư kinh
3 hãi giây lâu bảo: Ta nối ngôi vua hèn mọn này mà
4 trái chánh theo tà, quên mất chú ta. Bèn sai quan
5 cận thân đón mời, Sư liền theo sứ mà đến vì vua
6 sám hối lỗi xưa. Vua chí thành than khóc tạ tội với
7 sư. Lại mời Tông Thắng về nước. Đại thần tâu rằng
8 Tông Thắng bị vua khiển trách đã nhảy xuống núi
9 chết rồi. Vua bảo Sư Tông Thắng chết là do trẫm,
10 làm sao Đại từ khiến cho thoát khỏi tội này. Sư nói
11 Tông Thắng đang ẩn tích trong núi, chỉ cần sai sứ
12 mời thì đến. Vua liền sai sứ vào núi quả nhiên thấy
13 Tông Thắng đang ngồi Thiền. Tông Thắng được
14 mời bèn nói rằng: Rất thẹn ý vua, bản đạo thề ở
15 chốn suối rừng mà các bậc hiền đức trong nước vua
16 nhiều như rừng. Đạt-ma là chú vua là thầy của sáu
17 chúng. Ba-la-đề là long tượng trong pháp, mong
18 vua kính thờ hai vị Thánh làm phước cho nước nhà.
19 Sứ về phục mạng. Chưa về đến thì Sư bảo vua
20 rằng: Có mời được Tông Thắng chăng? Vua nói
21 chưa biết. Sư nói mời một lần không đến, mời nữa
22 sẽ đến. Lâu sau sứ giả trở về quả đúng như lời sư
23 nói: Sư bèn từ tạ vua rằng: Nên khéo tu đức, không
24 lâu sẽ bị bệnh, ta đi đây. Bảy ngày sau thì vua bị
25 bệnh. Thầy thuốc trị bệnh chỉ nặng thêm mà không
26 lành. Cận thần Quý Thích nhớ lời Sư nói trước đây
27 bèn gấp sai sứ báo Sư rằng: Bệnh vua càng nặng,
28 nguyện chú từ bi ở xa mau về cứu trị. Sư liền đến

1 chỗ vua an ủi thăm hỏi bệnh tình. Lúc đó Tông
2 Thắng cũng theo lời vua mời mà từ biệt núi rừng,
3 còn Ba-la-đề thọ ân vua từ lâu nên cũng về thăm.
4 Ba-la-đề hỏi làm sao cho vua khỏi khổ. Sư liền bảo
5 Thái tử vì vua chuộc tội thi ân tôn kính Tăng bảo,
6 lại vì vua sám hối rằng nguyện tội tiêu hết. Ba
7 người Như thế đều đến thăm hỏi bệnh vua. Sư thăm
8 nghĩ duyên Chấn Đán đã chín, giờ hành hóa đã đến.
9 Bèn trước giả từ Tổ Tháp kể từ biệt đồng học, và
10 đến chỗ vua mà an ủi khuyên gắng rằng: Phải siêng
11 tu bạch nghiệp hộ trì Tam bảo. Ta đi chẳng muộn
12 mười chín thì về. Vua nghe Sư nói thì khóc rằng:

13 Nước này có tội gì cỗi kia sao may mắn. Chú
14 đã có duyên cháu không ngăn được. Chỉ mong
15 chẳng quên đất nước của mẹ cha, việc xong thì về
16 sớm. Vua liền sắm thuyền to đủ các báu cùng các
17 quan đưa tiễn sư. Sư bèn dong thuyền đến Nam Hải
18 vào ngày 21 tháng 9 năm Đinh Mùi Đại Thông đời
19 Lương năm thứ nhất (đời Lương niên hiệu Đại
20 Thông năm thứ nhất). Thứ sử Quảng Châu là Tiêu
21 Ngang đủ lễ ra đón, dâng biểu tâu vua, vua nghe
22 tâu sai sứ mang chiếu đón mời. Ngày mùng 1 tháng
23 10 thì đến Kim Lăng. Vua hỏi: Từ khi ta lên ngôi
24 đến nay xây chùa chép kinh độ Tăng vô số có công
25 đức gì chẳng? Sư nói không có công đức. Vua hỏi
26 vì sao không có công đức? Sư nói: Đây chỉ là nhân
27 tiểu quả hữu lậu trời người như bóng theo hình tuy
28 có mà không thật. Vua hỏi thế nào mới là công đức

1 chân thật? Sư đáp: Tịnh trí diệu viên thể tự vắng
2 lạng công đức như thể không vì đời mà cầu. Vua
3 lại hỏi: Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa? Sư nói
4 vắng lạng không Thánh. Vua hỏi: Người đang dối
5 trăm là ai? Sư đáp: Không biết. Vua chẳng hiểu.
6 Sư biết cơ không khế. Ngày 19 tháng ấy liền thăm
7 về Giang Bắc, ngày 23 tháng 11 thì đến Lạc
8 Dương. Đó là đời Hậu Ngụy, vua Hiếu Minh năm
9 Thái Hòa năm thứ mười Sư ngụ tại chùa Thiếu
10 Lâm ở Tung Sơn. Ngồi xoay mặt vào vách suốt
11 ngày không nói. Người không lường được gọi là
12 Bích Quán Bà-la-môn. Lúc đó, có vị tăng Thần
13 Quang là người khoáng đạt, ở lâu tại Lạc Dương
14 đọc nhiều sách giỏi luận bàn huyền lý, thường than
15 rằng: Lễ thuật phong quy là giáo của Khổng-Lão,
16 sách của Trang- Dịch chưa cùng tận diệu lý. Gần
17 đây nghe: Đại sĩ Đạt-đa ở chùa Thiếu Lâm, người
18 đến không lay động, đó là người đạt đến Huyền
19 cảnh. Thế là đi đến đó sớm chiều tham cứu. Sư vẫn
20 ngồi yên xoay mặt vào vách không hề khuyên bảo
21 điều gì. Thần Quang tự nghĩ người xưa câu đạo chẻ
22 xương lấy tủy chích máu cứu đói, trải tóc trên bùn,
23 liều mình nuôi cọp. Xưa còn như thế, ta thì sao.
24 Vào đêm mùng 9 tháng 12 năm ấy trời mưa tuyết
25 lớn, Quang đứng giữa sân bất động đến sáng thì
26 tuyết đến gối. Sư thương mà hỏi ông đứng lâu
27 ngoài tuyết để cầu việc gì? Quang buồn khóc rằng:
28 Cúi mong Hòa-thượng từ bi mở cửa cam lồ rộng

1 độ quân phẩm. Sư nói: Đạo mẫu vô thượng của chư
2 Phật nhiều kiếp siêng năng việc khó làm mà làm
3 được, việc không thể nhẫn mà nhẫn được há là
4 hạng tiêu tiêu trí khinh tâm mạn tâm muốn
5 được chân thừa mà luống công siêng năng. Quang
6 nghe sư khuyên dạy, lén cầm dao bén tự chặt cánh
7 tay trái đặt trước mặt sư. Sư biết là pháp khí, bèn
8 nói: Chư Phật xưa kia cầu Đạo vì pháp quên thân,
9 nay ông chặt tay trước ta mà cầu. Sư bèn đổi tên
10 gọi là Tuệ Khả. Quang thưa: Pháp Ấn chư Phật con
11 xin được nghe. Sư bảo pháp Ấn chư Phật không
12 phải từ người mà được. Quang nói Tâm con chưa
13 an, xin Sư an cho. Sư nói đem tâm đây ta an cho.
14 Quang nói con tìm tâm không thấy. Sư nói ta đã an
15 tâm cho ông rồi. Sau vua Hiếu Minh nghe Sư có
16 điều lạ liền sai sứ đến thỉnh, nhưng trước sau ba
17 lần Sư không rời Thiếu Lâm. Vua càng kính phục.
18 Bèn ban cho hai chiếc y ca sa, bát vàng gấm lụa,
19 Sư đều ba lần trả lại. Ý vua kiên quyết nên sư đành
20 phải nhận. Từ đó chúng Đạo tục càng tin tưởng
21 theo về. Chín năm sau muốn về Tây Trúc. Bèn bảo
22 học trò rằng: Giờ đã đến, các ông nên trình chỗ đã
23 được. Khi ấy Đạo phó thưa rằng: Như chỗ con thấy
24 chẳng chấp danh tự cũng chẳng lìa văn tự mà vì
25 Đạo dụng. Sư nói: Ông chỉ được phần của da ta. Ni
26 Tổng Trì thưa: Nay con hiểu như Khánh Hỷ thấy
27 nước Phật A-Súc hễ thấy thì không thấy lại nữa.
28 Sư nói: Người chỉ được phần thịt của ta. Đạo Dục

thừa rằng: Bốn đại vốn không, năm âm chẳng thật
 có, mà con thấy không có một pháp nào để được.
 Sư nói: Ông đã được phần xương của ta. Cuối cùng
 Tuệ Khả lễ bái rồi đứng y đó. Sư bảo: Ông đã được
 phần tủy của ta. Bèn nhìn Tuệ Khả bảo rằng: Xưa
 Như lai đã giao phó Chánh Pháp Nhãn cho Đại sĩ
 Ca-diếp, lần lượt giao đến ta, nay ta giao cho ông,
 ông nên giữ gìn và trao cho ca sa để làm pháp tín
 đều nên biết có biểu thị. Tuệ Khả nói: Xin thầy chỉ
 bày. Sư nói: Trong truyền pháp Ấn để chứng khế
 tâm, ngoài giao ca sa để định tông chỉ, đời sau
 nhiều loạn nghi lo càng sinh bảo rằng: Ta là người
 Tây Thiên, con là kẻ xứ này dựa vào đâu mà được
 pháp, lấy gì làm chứng. Nay Ông nhận pháp y này.
 Sau này có nạn chỉ đưa y này và pháp kệ của ta để
 biểu minh cho hóa ấy vô ngại. Sau khi ta mất rồi
 hai trăm năm thì y chỉ không truyền nữa pháp cùng
 khắp sa giới người hiểu đạo thì nhiều, người hành
 đạo thì ít, kẻ nói lý thì nhiều mà người thông lý thì
 ít phù hợp kín đáo chứng ngộ âm thầm ngàn vạn
 có thừa. Ông nên mở mang chớ khinh người chưa
 ngộ, một niệm hồi cơ thì giống như bản đặc. Hãy
 nghe ta nói kệ.

Ta vốn đến xứ này

Truyền pháp cứu mê tình

Một hoa nở năm cánh

Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại nói: Ta có kinh Lăng-già bốn quyển cũng

1 giao cho ông (nên biết kinh Lăng-già do Phật nói
2 không phải do Đạt-ma đặt ra), tức là Như lai tâm
3 địa yếu môn giúp các chúng sinh khai thị ngộ nhập.
4 Ta từ khi đến đây có tất cả năm lần bị trúng độc ta
5 thường tự lấy ra mà thử để trên đá thì đá nứt.
6 Duyên của ta vốn là Nam Ấn mà đến Đông Độ
7 này, thấy Xích Huyền Thần Châu có khí tượng Đại
8 thừa, bèn vượt biên vượt sa mạc vì pháp mà tìm
9 người. Cơ hội chưa đến thì giả như kẻ ngu khờ, nay
10 được ông rồi thì ý truyền trao của ta đã trọn.

11 Biệt Ký nói rằng: Sư trước ở Thiếu Lâm chín
12 năm, vì Nhị Tổ nói pháp chỉ dạy rằng. Ngoài dứt
13 các duyên, trong tâm không thờ gáp, tâm như
14 tường vách thì sẽ vào Đạo. Tuệ Khả nói các loại
15 nghĩa lý về tâm tánh, đạo chưa khế hợp. Sư ngăn
16 lỗi ấy không để cho nói tâm thể vô niệm. Tuệ Khả
17 nói: Con đã dứt các duyên. Sư hỏi: Không thành
18 đoạn diệt chứ? Khả đáp: Không thành đoạn diệt
19 (dứt mất). Sư nói: Lấy gì nghiệm biết là không
20 đoạn diệt. Khả nói: Thường biết rõ không thể nói
21 ra được. Sư nói: Đây là tâm thể của chư Phật đã
22 truyền không còn nghi gì...

23 Nói xong, bèn cùng đồ chúng đến chùa Thiên
24 Thánh ở Võ Môn dừng lại ba ngày, có Thái thú
25 thành ấy là Dương Huyền Chi sớm kính mến Phật
26 thừa, hỏi Sư rằng: Tổ nói nhau ở năm xứ Tây
27 Thiên, Đạo ấy thế nào? Sư nói sáng tâm tông Phật,
28 hành và giải tương ưng gọi đó là Tổ. Lại hỏi ngoài

thì sao? Sư nói: Phải sáng tâm người khác biết rõ xưa nay, chẳng nhằm chán có không, đối với pháp không chấp, chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ nếu được như thế gọi đó là Tổ - Lại hỏi: Đệ tử qui tâm Tam bảo đã mấy năm mà trí tuệ tối tâm còn mê chân lý. Vừa nghe sư nói không rõ chỗ đặt đề, mong sư từ bi chỉ rõ tông chỉ. Sư biết là thành khẩn liền nói kệ rằng:

*Cũng chẳng thấy ác mà chê bai
Cũng chẳng thấy thiện mà siêng làm
Cũng chẳng bỏ trí mà gần ngu
Cũng chẳng bỏ mê mà đến ngộ
Thấu Đại đạo cùng quá lương
Thông Phật tâm thì xuất độ
Chẳng cùng phạm Thánh đồng chen
Vượt lên trên mà gọi Tổ.*

Huyền Chi nghe kệ thì buồn vui lẫn lộn thưa rằng: Xin Sư ở lâu trên thế gian mà hóa độ chúng sinh. Sư nói: Ta sắp qua đời, chẳng thể ở lâu, căn tánh vạn loại khác nhau gặp nhiều hoạn nạn. Huyền Chi nói: Không kể là ai đệ tử vì Sư trừ dẹp được. Sư nói: ra đem truyền bí mật Phật lợi ích chúng mê, hại sẽ tự yên, ắt không lý này. Huyền Chi nói: Sư nếu chẳng nói sao biểu thị được năng lực quán chiếu về Thông Biến. Sư bất đắc dĩ nói lời sấm rằng:

*Giang Sai phân sóng ngọc
Quản Cự mở khóa vàng*

*Năm miện cùng nhau đi
Chín mươi không mình người.*

Huyền Chi nghe xong chẳng hiểu gì thâm ghi nhớ bèn lay tạ mà lui. Lời sấm của Sư tuy lúc đó khó hiểu nhưng sau thì đều nghiệm đúng. Lúc đó nhà Ngụy kính thờ Phật, kẻ giỏi thiên đông như rùng. Luật sư Quang Thống Tam tạng Lưu Chi là loan phượng trong Tăng, thấy sư diễn đạo bày tướng chỉ tâm, đã từng cùng với Sư luận bàn phải quấy. Sư thì huyền môn nổi tiếng xa gần thí mưa pháp khắp nơi nhưng lượng riêng cục bộ tự không kham nổi nên khởi tâm tranh giành mà nhiều lần bỏ thuốc độc để hại Sư đến lần thứ sáu. Sư thấy hóa duyên đã xong truyền pháp được người bèn không tự cứu mà cam tâm chịu chết. Đó là ngày mùng 5 tháng 10 năm Bình Thìn, đời Hậu Ngụy, vua Hiếu Minh Đế niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười - Ngày 28 tháng 12 năm ấy thì an táng ở núi Hùng Nhĩ, xây tháp ở chùa Đông Lâm. Sau ba năm Ngụy Tổng Vân vâng chỉ vua đi sứ ở Tây Vực về gặp Sư ở Thông Lãnh, thấy Sư tay xách một chiếc dép bay đi vùn vụt. Vân hỏi: Sư đi đâu? Sư đáp: Về Tây Thiên. Lại bảo Vân rằng: Chúa ông đã qua đời. Vân nghe thì hoang mang, từ biệt Sư mà đi về Đông. Khi phục mạng thì Minh Đế đã băng, Hiếu Trang lên ngôi. Vân kể lại mọi việc. Vua sai mở nắp quan tài thì trống rỗng, chỉ còn lại một chiếc dép. Cả triều đều kinh hãi ngợi khen, vâng chiếu

vua lấy một chiếc dép thờ ở chùa Thiếu Lâm. Đến năm Đinh Mão niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười lăm đời Đường, thì bị Tín Đạo trộm thấy ở chùa Hoa Nghiêm núi Ngũ Đài, nay không biết ở đâu. Khi xưa lúc Lương Võ Đế gặp Sư nhân duyên chưa khế hợp, đến khi hành hóa ở nước Ngụy bèn muốn soạn bia cho Sư mà chưa rảnh. Sau nghe việc Tống Vân thì bia mới thành. Đường Đại Tông ban Thụy là Viên Giác Đại sư, tháp hiệu Không Quán. Sư từ khi thị tịch vào (năm Bính Thìn) đời Ngụy đến hết đời Hoàng Tông niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất (giáp thìn) tính ra 467 năm (phải nói từ đời Ngụy năm Canh tý đến hết đời Hoàng Tông, niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất (Giáp thìn) là 475 năm mới đúng).

Tổ 29 (2). TUỆ KHẢ: Thứ hai mươi chín là tính ở Ấn-độ, thứ hai là tính ở Trung quốc)

Người ở Võ Lao, họ Cơ, cha là Tịch. Lúc chưa có con thường thầm nghĩ rằng nhà ta ưa chuộng điều lành chẳng lẽ không con. Cầu con đã lâu một buổi tối cảm được ánh sáng lạ sáng rực nhà cửa, mẹ do đó có thai. Do lấy việc ánh sáng sáng cả nhà nên đặt tên là Quang. Từ nhỏ chí khí khác thường, thích thơ sách, rành huyền lý, không ưa việc nhà chỉ thích ngao du khắp núi sông. Sau xem sách Phật mà siêu nhiên tự đắc. Liền đến Hương Sơn ở Long Môn Lạc Dương, nương Thiền sư Bảo Tịnh

1 mà xuất gia thọ giới cụ túc, ở chùa Vĩnh Mục đi
2 khắp các trường giảng, học nghĩa Đại Tiểu thừa.
3 Năm ba mươi hai tuổi liền trở về Thương Sơn, suốt
4 ngày ngồi yên. Lại qua tám năm trong lúc yên tịnh
5 thì thấy 1 thần nhân gọi bảo rằng: Sắp đắc quả sao
6 còn vướng đây. Đại đạo chẳng xa ông nên về Nam.
7 Quang biết thần giúp mình nên đổi tên là Thần
8 Quang. Hôm sau thấy đầu đau như bị đâm, thầy
9 muốn trị bệnh thì trên hư không có tiếng nói. Đây
10 là đỗi xương nên rất đau. Quang bèn đem việc thấy
11 Thần mà thưa với Thầy, thầy thấy xương đỉnh đầu
12 Quang như mọc lên năm ngọn núi, bèn bảo tướng
13 ông tốt lắm, sẽ có chỗ chứng. Thần khiến ông về
14 Nam, đây thì Đại sĩ Đạt-ma ở chùa Thiếu Lâm sẽ
15 là Thầy ông. Quang bèn đến chùa Thiếu Lâm và
16 việc gặp ngài Đạt-ma được truyền pháp y đã nói ở
17 trước. Từ khi ngài Đạt-ma về Tây Thiên thì Sư mở
18 mang Huyền Phong rộng tìm người Đệ tử nối pháp
19 - Đến niên hiệu Thiên Bình năm thứ 2 đời Bắc tề,
20 có một Cư sĩ tuổi hơn bốn mươi không nói tên họ,
21 đến đánh lễ hỏi Sư rằng: Đệ tử bị bệnh kinh phong
22 xin Hòa-thượng cho con sám tội. Sư nói: Đem tội
23 ra đây ta cho ông sám. Cư sĩ rất lâu mới nói rằng:
24 Con tìm tội không được. Sư nói ta đã cho ông sám
25 tội rồi đây. Rồi nương Phật pháp Tăng mà ở. Thưa
26 rằng: Nay thấy Hòa-thượng đã biết là Tăng, chẳng
27 hay thế nào là Phật pháp. Sư nói: Tâm ấy là Phật
28 tâm ấy là pháp, Phật pháp không hai, Tăng Bảo

cũng như thế. Thừa rằng: Ngày nay mới biết tội tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài chẳng ở giữa, như tâm ấy Phật pháp cũng không 2. Đại sư biết là thâm khí bèn cạo tóc cho bảo rằng đây là vật báu của ta, đặt tên là Tăng Xán. Ngày 18 tháng 03 năm ấy thọ giới cụ túc ở chùa Quang Phước. Từ đó bệnh kia dần hết làm thị giả hầu thầy hai năm. Đại sư bảo rằng: Bồ-Đề-Đạt-Ma ở Tây trúc xa xôi đã lên trao Chánh Pháp nhãn tạng cho ta, nay ta trao cho ông cùng với tín y của Đạt-ma. Ông nên giữ gìn đừng để đứt mất. Hãy nghe kệ ta:

*Xưa nay duyên có đất
 Nhân đất trồng hoa nở
 Xưa nay không có trồng
 Hoa cũng chẳng hề nở.*

Đại sư trao phó pháp y rồi, lại nói ông thọ giáo ta phải vào núi sâu, chưa thể hành hóa được sẽ có quốc nạn. Xáng nói: Thầy đã dự biết trước xin hãy chỉ bày. Sư nói không phải ta biết, đây là Đạt-ma truyền cho Bát nhã Đa-la có dự ký trước rằng: Trong tâm tuy tốt mà bên ngoài xấu. Ta tính năm tháng chính là bây giờ. Vậy phải nghe lời nói trước chớ để gặp nạn. Song ta cũng có lụy xưa, nay phải trả, khéo đi đứng, đợi thời truyền trao Đại sư dặn dò rồi liền ở Nghiệp Đô mà tùy nghi nói pháp, 1 lời diễn nói bốn chúng đều về. Như thế trải qua ba mươi bốn năm. Bèn dấu mình đổi dạng hoặc vào các quán rượu thịt, đến chỗ giết mổ, hoặc ở giữa

đường, hoặc cùng làm việc, người hỏi Sư là Đạo nhân vì sao như thế. Sư nói ta tự điều tâm đâu có quan hệ gì đến việc của các ông? Lại ở dưới ba cửa của chùa Khuông Cứu tại huyện Quán Thành mà nói Đạo vô thượng, người nghe đông như hội. Lúc đó có Pháp sư Biện Hòa ở trong chùa giảng kinh Niết-bàn, học đồ nghe sư đến mở pháp bèn dần dần bỏ đi. Biện Hòa nổi giận, gièm pha với trưởng Ấp là Dịch Trọng khản. Trọng Khản bi mê hoặc bởi tà thuyết cho Sư là phi pháp. Sư vui vẻ thị tịch, người chân chánh cho là trả nợ xưa. Lúc đó Sư đã một trăm lẻ bảy tuổi. Tức ngày 16 tháng 03 năm Quý Sửu, đời Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba. An táng Sư ở huyện Phủ Dương Từ Châu, cách 70 dặm về phía Đông Bắc. Vua Đường Đức Tông ban thụy cho Sư là Đại Tổ Thiên sư. Từ ngày sư hóa đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất đời vua Hoàng Tông được 413 năm.

- Tổ Tuệ Khả truyền pháp chính thức cho Tổ Tăng Xán, nhưng ngoài Tăng Xán ra còn có mười bảy vị nổi tiếng. Trong đó, ba vị có Ngũ lục, là: 1/ Thiên sư Tăng Na. 2/ Cư sĩ Hướn. 3/ Tuệ Mãn ở Tương Châu.

1. Thiên sư Tăng na: Ngài họ Mã, tuổi trẻ thần sáng thông suốt các sách. Năm hai mươi một tuổi thì giảng lễ dịch ở Đông Hải người nghe đông như chợ. Đến khi về Nam thì học chúng liền đến. Gặp

1 Nhị Tổ (Tuệ Khả) nói pháp bèn cùng mười vị đồng
 2 chí đến xin xuất gia. Khi đó tay chẳng cầm bút
 3 quyết quên hết sách vở, chỉ một y một bát một ngồi
 4 một ăn theo hạnh Đầu đà. Hầu hạ Tổ đã lâu, sau
 5 bảo Tuệ Mãn rằng: Tâm Ấn Tổ sư không phải
 6 chuyên khổ hạnh, nó chỉ giúp đạo mà thôi. Nếu khế
 7 bốn tâm mà tùy ý phát dụng chân quang thì khổ
 8 hạnh chỉ như nắm đất thành vàng. Nếu chỉ cốt khổ
 9 hạnh mà không sáng bốn tâm, sẽ bị yêu ghét buộc
 10 ràng, thì khổ hạnh như đêm ở đường hiểm. Ông
 11 muốn sáng bốn tâm thì phải suy xét kỹ. Gặp sắc
 12 gặp thanh khi chưa khởi giác quán thì tâm ở đâu,
 13 là không có hay là có? Đã không rơi vào chỗ có
 14 không thì tâm châu riêng sáng thường chiếu sáng
 15 thế gian mà không ngăn cách một hạt bụi, không
 16 hề có một một sát-na xen hở. Cho nên Sơ Tổ (Tổ
 17 Đạt-ma là Sơ Tổ ở Trung quốc) trao kinh Lăng-già
 18 4 quyển, bảo thầy ta là Nhị tổ nói rằng: Ta thấy
 19 Chấn Đán (Trung quốc) chỉ có kinh này đáng dùng
 20 để ấn tâm. Nay Nhân giả y theo thực hành tự được
 21 vượt khỏi thế gian. - Lại Nhị tổ hễ khi vào nói pháp
 22 xong thì bèn nói kinh này sau bốn đời biến thành
 23 danh tướng thật đáng buồn thay. Nay ta trao cho
 24 ông phải nên giữ gìn, không phải người thì cẩn thận
 25 chớ truyền. Dặn dò xong sư bèn đi du phương,
 26 không ai biết sau này sư ra sao.

27 **2. Cư sĩ Hương:** Sống trong rừng sâu ăn rau
 28 trái uống nước khe. Đầu niên hiệu Thiên Bảo đời

1 Bắc Tề nghe Nhị Tổ hóa Đạo thanh hành bèn viết
2 thư giao hảo thừa rằng: Bóng do thân khởi, vang
3 do tiếng có, chơi bóng thì nhọc thân mà không biết
4 thân là gốc của bóng, ngăn tiếng dứt vang mà
5 không biết tiếng là gốc của vang. Trừ phiền não mà
6 đến Niết-bàn là bỏ thân mà tìm bóng, lìa chúng
7 sinh mà cầu quả Phật là im tiếng mà tìm vang. Cho
8 nên biết mê ngộ một đường ngu trí chẳng khác,
9 không tên mà làm tên, do tên ấy mà sinh ra phải
10 trái. Không lý mà làm lý nhân lý ấy mà tranh cãi
11 khởi huyên hóa không chân thì ai phải ai quấy,
12 luống dối không thật thì cái gì không cái gì có. Nên
13 biết được cái không thể được mất cái không thể
14 mất. Chưa kịp đến đề nêu rõ ý này. Rất mong trả
15 lời. Nhị tổ sai người trả lời rằng: Xem rõ ý gởi đến
16 đều đúng thật lý chân thuyết rốt ráo chẳng khác,
17 ngọc ma ni mà vốn mê nên gọi là ngói đá. Rỗng
18 sáng tự giác là chân châu, vô minh trí tuệ bằng
19 nhau không khác, phải biết muôn pháp đều như.
20 Thương xót đồ chúng có hai kiến này mà nêu lời
21 đáp tạ thư này. Xem thân và Phật chẳng khác, đâu
22 cần tìm kiếm ở vô dư. Cư sĩ kính cảm thư Tổ mà
23 kính lạy, ngầm được ấn ký.

24 **3. Thiền sư Tuệ Mãn:** ở chùa Long Hóa ở
25 Tương Châu, người Vinh Dương, họ Trương. Mới
26 đầu ở chùa ấy gặp Thiền sư Tăng Na khai thị. Chí
27 rất kiệm ước chỉ có 2 chiếc áo mùa đông mặc thêm
28 mùa hè bỏ bớt. Tự nói một đời tâm không khiếp

sợ, thân không chấy rận, ngủ không mộng mị, thường đi khát thực không ở một chỗ hai đêm, hễ đến chùa thì chẻ củi, làm giày. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười sáu ở Lạc Dương bên chùa Hội Thiện, ngủ trong mộ cỏ gặp tuyết rơi nhiều. Sáng hôm sau vào chùa gặp Pháp sư Đàm Khoáng. Khoáng kinh ngạc hỏi từ đâu tới? Sư nói: Pháp có tới lui chăng? Khoáng sai tìm chỗ đến, thì thấy bốn bề tuyết phủ đều dày năm thước. Khoáng nói không thể lường biết được. Vừa nghe có Quát Lục Sư, chư Tăng đều trốn lánh, chỉ mình Sư ôm bát đi không xóm làng vô ngại, hễ được thì cho hết không để hoang phí. Có người mời Sư về ở đêm và cúng trai thì Sư nói: Khi nào trời đất không có Tăng mới nhận lời thỉnh này. Lại có dạy chúng rằng: Chư Phật nói tâm khiến biết tâm. Tướng là luống dối. Nay bèn lại chú trọng nhiều về tâm tướng là trái xa ý Phật, lại càng thêm luận bàn mà khác với đại lý. Cho nên Sư thường ôm kinh Lăng-già 4 quyển xem là tâm yếu, đúng theo lời dạy mà làm. Bởi rằng theo lời di phó nhiều đời. Sau ở trong lò gốm không bệnh mà hóa, thọ bảy mươi tuổi.

Tổ 30 (3) TĂNG XÁN: Chẳng biết người ở đâu, trước nương Nhị tổ mà học hỏi. Khi được truyền pháp thì ẩn cư tại núi Hoàn Công ở Thủ Chu. Sau đời Hậu Châu, vua Võ Đế phá diệt Phật pháp. Sư qua lại núi Tư Không ở huyện Thái Hồ

1 hơn mười năm, lúc đó không ai biết. Đến đời Tùy
2 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12, có Sa di Đạo
3 Tín, tuổi mới mười bốn đến lạy Thầy thưa rằng:
4 Xin Hòa-thượng từ bi ban cho pháp môn giải thoát.
5 Sư nói: Ai ràng buộc ông. Đáp: Không có ai ràng
6 buộc. Sư hỏi: Sao lại cầu giải thoát. Đạo Tín sau
7 lời nói ấy thì Đại ngộ làm việc khổ nhọc trong chín
8 năm. Sau ở Kiết Châu thọ giới hầu thầy rất cẩn
9 thận, thầy nhiều lần thử thách huyền vi. Biết duyên
10 đã chín liền giao cho pháp y có kệ rằng:

11 *Hoa trông tuy nhờ đất*
12 *Từ đất trông hoa mọc*
13 *Nếu không người gieo giống*
14 *Hoa đất sẽ không mọc*

15 Sư lại nói: Xưa được Đại sư giao pháp cho ta
16 sau đến Nghiệp Đô mà hành hóa ba mươi năm mới
17 trọn nay ta được ông thì còn ngại gì. Rồi đến núi
18 La Phù ở đó hai năm, rồi trở về chốn cũ hơn tháng,
19 sĩ dân vây quanh Sư thiết lễ cúng dường, Sư vì bốn
20 chúng nói rộng tâm yếu xong thì ở Pháp Hội dưới
21 cội cây chấp tay mà mất, lúc ấy là đời Tùy Dương
22 Đế niên hiệu năm Bính Dần Đại Nghiệp năm thứ
23 hai, ngày rằm tháng mười. Vua Đường Huyền
24 Tông ban thụy là Giám Trí Thiền sư, tháp hiệu là
25 Giác Tịch. Đến đời Hoàng Tông niên hiệu Cảnh
26 Đức năm thứ nhất thì đã trải 400 năm. - Đời Sơ
27 Đường ở Hà Nam có Duẩn Lý Thường kính
28 ngưỡng Tổ Phong mà được huyền chỉ. Năm Ất

1 Dậu niên hiệu Thiên Bảo gặp Hà Trạch Thần Hội
2 hỏi rằng: Tam tổ Đại sư an táng ở đâu. Có người
3 nói vào La Phù mà không thấy trở về, có người nói
4 mất trong Sơn cốc chưa biết ai đúng. Hội nói Đại
5 sư Xáng ở La Phù trở về Sơn cốc được hơn tháng
6 mới tịch. Nay ở Thục Châu thấy có mộ Tam Tổ
7 Thường chưa thể tin được. Hội bèn vì Thục Châu
8 Biệt Giá nhân đến hỏi chư tăng chùa Sơn cốc rằng
9 nghe nói sau chùa có mộ của Tam Tổ phải chăng
10 lúc đó có Thượng tọa Tuệ Quán đáp rằng: "có",
11 thường vui mừng cùng liêu thuộc đến chiêm lễ. Lại
12 mở quan tài lấy xương cốt đem trà tỳ thì được xá-
13 lợi năm màu ba trăm hạt thì lấy một trăm hạt đem
14 xây tháp thờ, một trăm hạt gởi lại cho Hà Trạch
15 Thần Hội, để trưng bằng có thì đem theo mình một
16 trăm hạt. Sau ở Lạc Trung Tự Đệ thiết trai ăn
17 mừng. Lúc đó có Tây Vực Tam tạng là Kiện na ở
18 trong Hội, Thường hỏi Tam tạng. Tổ sư Thiên Môn
19 ở Thiên Trúc nhiều hay ít. Kiện Na đáp: Từ Ca-
20 diếp đến Bát-nhã Đa-la có hai mươi bảy vị tổ. Nếu
21 kể từ Tổ Sư Tử , từ Đạt- ma Đạt bốn đời có hai
22 mươi hai vị, thì gồm chung có bốn mươi chín vị tổ.
23 Nếu từ bảy Đức Phật đến Đại sư Tăng xán, nếu
24 chẳng gồm chia tất ngang thì có ba mươi bảy đời.
25 Thường lại hỏi các kỳ đức trong hội rằng: Từng
26 thấy Tổ Đồ (bản đồ về Tổ sư) hoặc dẫn hơn năm
27 mươi vị Tổ cho đến chi phái khác nhau, tông tộc
28 chẳng nhất định hoặc chỉ có tên không lấy gì chứng

1 nghiêm. Lúc đó có Thiền sư Trí Bồn là học trò Lục
2 tổ đáp rằng: Đây là bởi đời Hậu Ngụy Phật pháp
3 mới suy yếu, có Sa môn Đàm Diệu trong lúc ngỗ
4 ngang nhiều việc đã lấy lụa trắng một mình chép
5 ra tên tuổi các tổ hoặc quên mất thứ lớp để lẫn
6 trong quần áo mà giấu trong hang núi trải qua ba
7 mươi lăm năm cho đến khi Văn Thành Đế lên ngôi
8 pháp môn được trung hưng, thì Đàm Diệu được
9 kính trọng bèn làm Tăng Thống, mới nhóm họp
10 các Sa môn mà luận bàn kết tập mục lục soạn bộ
11 Phó Pháp Tạng Truyện, lúc đó có chút ít sai sót,
12 tức khi Đàm Diệu sao lục vì quá sợ sệt, lại trải qua
13 mười ba năm vua khiến Quốc tử tiến sĩ Huỳnh
14 Nguyên Chân cùng Tam tạng Bắc Thiên Trúc là
15 Phật Đà Phiến-đa Cát-Phát-yên, v.v... nghiên cứu
16 lại Phạm văn phân biệt tông chỉ theo thứ lớp Thầy
17 trò mà không còn sai lầm nữa.

18
19 **Tổ 31 (4) Tổ ĐẠO TÍN:** Họ Tư Mã, nhiều đời
20 ở Hà Nội, sau dời về huyện Quảng Tế ở Kỳ Châu,
21 sư sinh ra đã khác thường. Thuở nhỏ kính mến
22 Không tông các môn giải thoát. Rõ ràng túc duyên
23 xưa để nối Tổ phong nhiếp tâm không ngủ nghỉ
24 chẳng tới giường nằm suốt 60 năm. niên hiệu Đại
25 Nghiệp năm thứ mười ba Đời Tùy, lãnh đồ chúng
26 đến ở Cát Châu, gặp bọn trộm cắp vây thành bảy
27 tuần không giải tỏa, dân chúng sợ sệt. Sư thương
28 xót dạy niệm Ma-ha Bát Nhã. Lúc đó bọn giặc

1 cướp thấy trên bức thành thấp có binh thần gọi
2 nhau cho rằng trong thành có dị nhân không nên
3 tấn công. Rồi dần dần kéo đi. Đời Đường Võ Đế
4 năm Giáp Thân Sư trở về kỳ Xuân ở núi phá Đầu,
5 bạn học đến rất đông. Một hôm Sư đến huyện
6 Huỳnh mai, giữa đường gặp một đứa bé cốt cách
7 kỳ lạ khác thường. Sư hỏi con họ gì? Đáp: Họ tức
8 là có chứ không phải là họ thường. Sư hỏi: Là họ
9 gì? Đáp: Họ Phật Sư bảo con không có họ, thì đáp:
10 Họ Không. Sư im lặng biết là pháp khí. Liên bảo
11 thị giả đến nhà xin cha mẹ cho đi xuất gia, cha mẹ
12 vì có túc duyên nên mau mắn cho làm đệ tử, đặt
13 tên là Hoằng Nhẫn. Đến khi giao pháp truyền y thì
14 có bài kệ rằng:

15 *Giống hoa có tánh mọc*
16 *Do đất hoa sinh sinh*
17 *Đại duyên hợp với tín*
18 *Sẽ đời đời không sinh.*

19 Bèn đối đãi nhau bằng tình thầy trò. Một hôm
20 bảo chúng rằng: Trong niên hiệu Võ Đức ta đến Lô
21 Sơn lên chót đỉnh mà nhìn sang núi Phá Đầu thì
22 thấy mây tím như hình cái lọng bên dưới có khí
23 trắng chia ra sáu luồng, các người có hiểu không?
24 Chúng đều im lặng. Nhẫn hỏi: Phải chăng có một
25 Hòa-thượng khác sinh ra một chi Phật pháp. Sư nói
26 đúng. Sau, vào năm Quý Dậu niên hiệu Trinh
27 Quán, vua Đường Thái Tông nghe Đạo vị của Sư
28 muốn chiêm ngưỡng bèn mời về kinh đô. Sư dâng

1 biểu lên vua ba phen tạ từ, sau lấy cớ bệnh mà từ
2 chối. Đến lần thứ tư vua ra lệnh cho sứ rằng: Nếu
3 không đến thì mang đầu về đây. Sứ đến núi truyền
4 chỉ dụ, Sư bèn đưa cổ dưới kiếm mà thần sắc vẫn
5 an nhiên. Sứ kinh lạ quay về trình vua. Vua càng
6 kính mến bèn bàn y báu cho được toại chí. Đến
7 niên hiệu Vĩnh Huy đời vua Cao Tông năm Tân
8 Hợi ngày mùng 04 tháng 09 nhuận, Sư bảo môn
9 nhân rằng: Tất cả các pháp đều giải thoát, các ông
10 đều nên giữ gìn mà truyền hóa ở vị lai. Nói xong
11 thì ngồi yên mà mất, thọ bảy mươi hai tuổi. Xây
12 Tháp thờ ở núi ấy. ngày mùng 08 tháng 04 năm sau
13 vô có cửa tháp tự mở, thì hình dung như lúc còn
14 sống. Sau đó môn nhân không dám đóng lại. Vua
15 Đường Đại Tông ban thụy là Đại Y Thiên sư, tên
16 tháp là Từ Vân. Từ khi viên tịch đến năm Giáp thìn
17 niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất đời vua Hoàng
18 Tống tất cả là 356 năm (có chỗ nói 354 năm?)

19
20 **Tổ 32 (5) Tổ HOẢNG NHẪN:** Người huyện
21 Huỳnh Mai ở Kỳ Châu, họ Chu, sinh ra ở Kỳ Nghi.
22 Thuở nhỏ dạo chơi gặp một người hiểu biết khen
23 rằng: Đứa bé này thiếu bảy tướng nữa mới bằng
24 Như lai. Sau gặp Đại sư Đạo Tín mà được làm Đệ
25 tử nối pháp. Ở Hàm Đình tại núi Phá Đầu có 1 cư
26 sĩ họ Lô tên Tuệ Năng từ Tân Châu đến ra mắt Sư.
27 Sư hỏi: Ông từ đâu tới? Đáp: Ở Lãnh Nam tới. Sư
28 hỏi: Cần việc gì? Đáp: Chỉ cầu thành Phật. Sư nói:

1 Người Lãnh Nam không có Phật tánh, làm sao
 2 được thành Phật? Đáp: Người thì có Nam Bắc,
 3 Phật tánh há như thế. Sư biết là dị nhân. Liền hét
 4 bảo: Xuống nhà giã gạo đi! Tuệ Năng bèn lạy sư
 5 mà lui. Rồi lo việc giã gạo làm việc nặng nhọc,
 6 ngày đêm không nghỉ suốt tám tháng. Sư biết giờ
 7 trao pháp đã đến bèn bảo chúng rằng: Chánh pháp
 8 khó hiểu, không thể luống ghi nhớ lời ta mà làm
 9 phần của mình. Các ông nên mỗi người tự nêu ý
 10 mình bằng một bài kệ. Nếu lời ý hợp nhau thì sẽ
 11 trao cho y pháp. Lúc đó, trong hội có hơn bảy trăm
 12 vị Tăng. Thượng tọa là Thần Tú học thông nội
 13 ngoại, chúng đều tôn kính đều khen ngợi rằng: Nếu
 14 không phải ngài Thần Tú thì còn ai. Thần Tú nghe
 15 chúng khen thì không cần suy nghĩ mà chép một
 16 bài kệ trên vách rằng:

17 *Thân là cây Bồ đề*
 18 *Tâm như đài gương sáng*
 19 *Luôn luôn phải lau chùi*
 20 *Chớ để dính bụi bặm.*

21 Sư nhân đi kinh hành thấy bài kệ ấy biết là của
 22 Thần Tú bèn khen ngợi rằng: Đời sau y theo đây tu
 23 hành cũng được quả vị cao siêu. Vách này định để
 24 Xử Sĩ Lô Trân vẽ Lăng-già Biến Tướng khi thấy
 25 chép kệ này liền ngăn lại không vẽ mà bảo tụng
 26 đọc kệ ấy. Chỗ giã gạo có người đọc kệ ấy, Sư hỏi
 27 là chương cú nào thì đáp: Ông chẳng biết Hòa-
 28 thượng tìm người Đệ tử nói pháp khiến mỗi người

1 soạn kệ nêu tâm. Bài kệ này là của Thượng Tọa
2 Tú, Hòa-thượng rất khen ngợi thì chắc chắn là sẽ
3 truyền y pháp cho Ngài. Tuệ Năng hỏi kệ ấy ra sao,
4 người ấy liền đọc lại. Tuệ Năng giây lâu nói: Hay
5 thì thật là hay mà hiểu thì chưa (liều). Người ấy nói
6 Tuệ năng là kẻ tầm thường biết gì mà nói điên. Tuệ
7 Năng nói ông không tin ư, sẽ xin họa một kệ, người
8 ấy không đáp cười mà bỏ đi. Đến nửa đêm Tuệ
9 Năng nhờ một cậu bé cùng đến vách, Tuệ Năng
10 cầm đuốc nhờ cậu bé viết giùm bên cạnh bài kệ của
11 Thần Tú một kệ rằng:

*Bồ đề vốn không cây
Tâm gương cũng không đài
Xưa nay không một vật,
Đâu cần lau bụi bặm.*

16 Sau khi thấy kệ ấy thì Đại sư bảo: Bài này ai
17 làm cũng chưa thấy tánh. Chúng nghe Sư nói thì
18 không đề ý gì. Nửa đêm mới ngẫm sai người đến
19 nhà già gạo gọi Tuệ Năng vào thất. Sư bảo chư
20 Phật ra đời vì 1 việc lớn, tùy cơ Đại Tiểu thừa mà
21 hóa độ nên có mười địa Ba thừa, đốn tiệm các ý chỉ
22 để làm giáo môn. Nhưng Phật đã đem Chánh Pháp
23 nhân tạng Vô Thượng Vi Diệu Bí Mật Viên Minh
24 Chân Thật mà trao cho Thượng Thủ Đại Ca-diếp
25 Tôn giả, lần lượt truyền đến hai mươi tám đời. Đến
26 Tổ Đạt-ma sang cõi này tìm được Đại sư Khả rồi
27 lần lượt truyền đến cho ta. Nay truyền Pháp Bảo và
28 y Ca-sa này lại cho ông, ông nên khéo giữ gìn đừng

1 đề dứt mắt, hãy nghe kệ ta:

2 *Hữu tình đến gieo giống*

3 *Nhờ đất quả lại sinh*

4 *Vô tình đã không giống*

5 *Vô tánh cũng vô sinh.*

6 Cư sĩ Tuệ Năng bèn quì xuống nhận y pháp mà
7 thừa rằng: Pháp thì đã trao, y giao cho ai. Sư nói:
8 Xưa Tổ Đạt-ma mới đến người chưa tin biết nên
9 truyền y để nói là đắc pháp. Nay tín tâm đã chín,
10 còn y là đầu mối tranh giành, nên đến ông thì
11 không nên truyền nữa. Lại phải trốn tránh mà đợi
12 lúc hành hóa, vì người nhận y mạng sống như sợi
13 tơ treo. Năng hỏi: Nên trốn lánh nơi nào. Sư nói:
14 Gặp ai Thương thì ở, gặp hội thì giấu. Tuệ Năng
15 lạy thầy lãnh y mà đi. Đêm ấy đi xa về Nam thì
16 chúng mới biết. Đại sư Nhẫn từ đây không lên tòa
17 nói pháp ba ngày. Đại chúng quái lạ bèn hỏi. Tổ
18 nói Đạo ta đã đi sao còn hỏi. Lại hỏi y pháp ai
19 được. Tổ nói: Tuệ Năng được. Do đó chúng bàn
20 Lô hành giả tức là Tuệ Năng, bèn đi tìm nhưng đã
21 đi mất. Huyện biết đã được bèn đuổi theo tìm. Đại
22 sư Nhẫn đã trao y pháp, trải bốn năm đến niên hiệu
23 Thượng Nguyên năm thứ hai bồng bảo chúng rằng:
24 Nay việc ta đã xong hãy ra đi. Liền vào thất ngồi
25 yên mà tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, lập pháp ở phía
26 Đông núi Huỳnh Mai. Vua Đường Đại Tông ban
27 thụy là Đại Mãn Thiên sư, Tháp đề là Pháp Vũ. Từ
28 khi Đại sư mất đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh

Đức năm thứ nhất đời Hoàng Tông 1 là 330 năm.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 4

Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín: (Tứ Tổ) bạ̉ng xuất
đệ tử n̄oi ph̄p 9 đ̄oi t̄ong c̄ong 76 vị.

**Núi Ngưu Đâu Kim Lăng truyền 6 đ̄oi t̄o
t̄ong:**

Đ̄oi 1: Thiên sư Ph̄p Dung

Đ̄oi 2: Thiên sư Trí Nham

Đ̄oi 3: Thiên sư Tuệ Phương

Đ̄oi 4: Thiên sư Ph̄p Trì

Đ̄oi 5: Thiên sư Trí Oai

Đ̄oi 6: Thiên sư Tuệ Trung.

Sáu vị trên đây có ngữ lục

Sáu đ̄oi T̄o t̄ong đệ tử n̄oi ph̄p t̄ong c̄ong có 70
vị.

*** Thiên sư Ph̄p Dung sau 3 đ̄oi b̄ang xuất
m̄ười hai vị là:**

1. Thiên sư Đàm Th̄oi ở Chung Sơn Kim Lăng
có một vị

2. Thiên sư ở Đại Tổ Kinh Châu

3. Thiên sư Nguyệt Không ở U Thê

4. Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã
5. Thiền sư Đình Trang ở Tân An
6. Thiền sư Trí Sai ở Bành Thành
7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu
8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu
9. Thiền sư Đỗ Mặc ở Tân Châu
10. Thiền sư Trí Thành ở thượng Nguyên
11. Thiền sư Định Chân (Thiền Sư Trí Thành lưu xuất)
12. Thiền sư Như Độ (Thiền Sư Định Chân lưu xuất, 11 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú, cho nên không ghi chép)

**** Thiền sư Trí Nham sau bàn xuất tám vị:***

1. Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô
 2. Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu
 3. Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu
 4. Thiền sư Doan Phục ở Ích Châu
 5. Thiền sư Long Quang ở Qui Nhân
 6. Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương
 7. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam
 8. Thiền sư Mãn Cổ ở Tây Châu
- (Tám vị trên đây không có cơ duyên ngũ cú, cho nên không ghi chép)

**** Thiền sư Pháp Trì sau 4 đời bàn xuất hai vị là:***

1. Thiền sư Huyền Tổ ở Ngưu Đầu.

2. Thiên sư Hoảng Nhân ở Thiên Trụ.

* Thiên sư Trí Oai sau 4 đời bồng xuất mười hai vị:

1. Huyền Đĩnh ở chùa An Quốc ở Tuyên Châu
Thiên sư trí Oai lưu xuất 3 vị.

2. Thiên sư Huyền Tổ ở chùa Hạc Lâm ở Nhuận Châu.

3. Thiên sư Sùng Tuệ ở chùa Thiên Trụ ở Thư châu.

4. Thiên sư Đạo Khâm ở Kính Sơn Hàng Châu (Thiên sư Huyền Tổ lưu xuất).

5. Thiên sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu (Thiên sư đạo Khâm lưu xuất).

6. Thiên sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu (Ô Sào bồng xuất 6 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiên Sư Bảo Quán ở Linh Nham (Thiên sư Trí oai lưu xuất)

2. Thiên sư Đàm Ích ở núi Kim Hoa (Thiên sư Huyền Tổ bồng xuất 2 vị)

3. Thiên sư Viên Cảnh ở Ngộ Môn

1. Thiên sư Ngộ ở núi Mộc Chử (Thiên sư Đạo Khâm ở Kính Sơn bồng xuất 3 vị)

2. Thiên sư Quảng Phu ở Thanh Dương

3. Thiên sư Sùng Tuệ ở núi Cân Tử thuộc Hàng Châu. (6 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú, cho nên không ghi chép)

Trên đây là bản cũ, thứ tự các đời không rõ ràng, nay đều dựa vào chương vốn có chú thích thêm đệ tử nối pháp cộng thành 4 đời.

* **Thiền sư Tuệ Trung** sau 2 đời bàng xuất 36 vị (trừ ra Thiền sư Vân cư Trí ở Thiên thai và Thiền sư Thanh Nguyên Chùa Thê hà ở Nhuận Châu còn lại đều do Thiền sư Tuệ Trung lưu xuất:

1. Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai.

2. Thiền sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai (Thiền sư Duy Tắc lưu xuất, 2 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiền sư Đạo Tánh ở núi Nguư Đầu.

2. thiền sư Trí Đăng ở Giang Ninh.

3. Thiền sư Hoài Tín ở Giải Huyện.

4. Thiền sư Toàn ở Học Lâm.

5. Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc Sơn.

6. Thiền sư Quán Tông ở Minh Châu

7. Thiền sư Đại Trí ở núi Nguư Đầu

8. Thiền sư Thiện Đạo ở Bạch Mã

9. Thiền sư Trí Chân ở núi Nguư Đầu

10. Thiền sư Đàm Ngung ở núi Nguư Đầu

11. Thiền sư Vân Thao ở núi Nguư Đầu

12. Thiền sư Ngung nở núi Nguư Đầu

13. Thiền sư Pháp Lương ở núi Nguư Đầu

14. Thiền sư Hành Ứng ở Giang Ninh

- 1 15. Thiền sư Tuệ Lương ở núi Ngưu Đầu
- 2 16. Thiền sư Đạo Dung ở Hưng Thiện
- 3 17. Thiền sư Chiêu Minh ở Tượng Sơn
- 4 18. Thiền sư Pháp Đăng ở núi Ngưu Đầu
- 5 19. Thiền sư Định không ở núi Ngưu Đầu
- 6 20. Thiền sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu Đầu
- 7 21. Thiền sư Đạo Ngộ ở U Thê
- 8 22. Thiền sư Ngưng Không ở núi Ngưu Đầu
- 9 23. Thiền sư Đạo Sơ ở Tượng Sơn
- 10 24. Thiền sư U Thê Tạng
- 11 25. Thiền sư Linh Huy ở núi Ngưu Đầu
- 12 26. Thiền sư Đạo Dĩnh ở U Thê
- 13 27. Thiền sư Cư Anh ở núi Ngưu Đầu
- 14 28. Thiền sư Pháp Thường ở Thích Sơn
- 15 29. Thiền sư Ngưng Tịch ở Long Môn
- 16 30. Thiền sư Trang Nghiêm Viên
- 17 31. Thiền sư Đạo Kiên ở Tương Châu
- 18 32. Ni Minh Ngộ.
- 19 33. Cư sĩ Ân Tịnh Kỳ.
- 20 34. Thiền sư Thanh Nguyên chùa Thê Hà ở
- 21 Nhuận Châu (Tuệ Thiệp lưu xuất, 34 vị trên đây
- 22 không có cơ duyên-ngũ cú, cho nên không ghi
- 23 chép)

24 **Tổ thứ 32: Đại sư Hoàng Nhãn** truyền năm

25 đời bồng xuất một trăm lẻ bảy vị:

26 * **Đời thứ nhất có mười ba vị:**

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông
2. Quốc Sư Tuệ An Tung Nhạc
3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn Viên Châu
(3 người trên đây có ghi chép)
4. Thiền sư Đàm Quang chùa Phụng Pháp ở
Dương Châu
5. Thiền sư Thiên Tháo ở Tuy Châu
6. Thiền sư Pháp Trì ở Kim Châu
7. Thiền sư Trí Săn ở Tư Châu
8. Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư Châu
9. Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt Châu
10. Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi Giang
11. Thiền sư Huyền Trách ở Thường Châu
12. Thiền sư Tăng Đạt ở Việt Châu
13. Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tông (mười vị trên
đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi
chép).

*** Đòi thứ hai có ba mươi bảy:**

- Thiền sư Thần Tú Bắc Tông có mười chín vị:
 1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài
 2. Thiền sư Trí Phong ở Trung Điền thuộc Phủ
Hà Trung
 3. Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyên Châu
 4. Thiền sư Đạo thọ ở Thọ Châu
 5. Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc
Hoài Nam (5 vị trên đây thấy có ghi chép)

6. Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu
7. Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn
8. Thiền sư Sơn Hương Dục ở Đại Phật
9. Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh
10. Thiền sư Hốt Lô Trừng
11. Thiền sư Đông Kinh Nhật
12. Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên
13. Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc
14. Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam
15. Thiền sư Kính ở Tung Sơn
16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu
17. Thiền sư Quán ở Quắc Sơn Phổ Châu
18. Thiền sư Sùng Khuê ở Mâu Sơn Nhuận Châu

19. Thiền sư Hoài Không ở An Lục (mười bốn vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú, cho nên không ghi chép).

- Quốc sư Tuệ An ở Tụng Nhạc có mười tám vị:

1. Thiền sư Nhân Kiệm Chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh (Quốc sư Tuệ An lưu xuất 6 vị).
2. Hòa-thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc
3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc
4. Thiền sư Thản Nhiên ở Thường Sơn
5. Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô
6. Thiền sư Đạo Lượng ở Tây Kinh

1 7. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu
 2 (Thiền sư Đạo Lượng bồng xuất 5 vị)

3 8. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích

4 9. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung

5 10. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương

6 11. Thứ Sử Khang Sằn ở Mục Châu

7 12. Thiền sư Chánh Thọ (Thiền sư Thần Tháo
 8 ở Tuy Châu lưu xuất)

9 13. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng Châu (Thiền sư
 10 Đạo Minh ở Mông Sơn lưu xuất 3 vị)

11 14. Thiền sư Hoài ở Giang Tây

12 15. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

13 16. Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu (Thiền sư Trí
 14 sằn ở Tư Châu lưu xuất)

15 17. Thiền sư Thần Phi ở Nghĩa Hưng (Thiền sư
 16 Huyền Trách lưu xuất 2 vị)

17 18. Thiền sư Sướng ở Hồ Châu (15 người này
 18 không có Ngữ lục).

19 * ***Đời thứ ba: Có bốn mươi chín vị.***

20 - Thiền sư Từ Lăng ở Kinh Châu có ba vị Đệ
 21 tử nổi pháp:

22 1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim

23 2. Thiền sư Xa ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu

24 3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới (ba vị
 25 trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không
 26 ghi chép)

- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn có 46 vị đệ tử nổi pháp:

1. Duy Chánh ở núi Chung Nam (Thiền sư Phổ Tịch lưu xuất 24 vị, một vị thấy có ghi chép).

2. Thiền sư Tuệ Không ở Quảng Phước

3. Thiền sư Thường Việt

4. Thiền sư Giáp ở núi Thạch Tương Châu

5. Thiền sư Minh Tấn

6. Thiền sư Chân ở chùa Kính Ái

7. Thiền sư Thủ Hiền ở Duyên Châu

8. Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu

9. Thiền sư Trùng Tâm ở Nam Nhạc

10. Thiền sư Nhựt Chiêu ở Nam Nhạc

11. Thiền sư Cán chùa Đồng Đức ở Lạc Kinh

12. Thiền sư Tô Châu Chân Lượng

13. Thiền sư Duệ ở chùa Ngõa Quang

14. Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương

15. Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng

16. Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm Châu

17. Thiền sư Chân Lượng ở Lạc Kinh

18. Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu

19. Thiền sư Đàm Chân ở bắc Châu

20. Thiền sư Sùng Diễn ở núi Đô Lương

21. Thiền sư Tự Trùng chùa Chương Kính ở Kinh Triệu

22. Thiền sư Tung Dương Tự Nhất Hạnh .

23. Thiền sư chùa Bắc Dung ở Kinh Triệu

24. Cư sĩ Định Đào Đình ở Tào Châu.

- Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây kinh có tám vị:

1. Thiền sư Đại Hùng Mãnh

2. Thiền sư Đại chấn-động ở Tây Kinh

3. Thiền sư Thần Phỉ

4. Thiền sư Đại Bi Quang ở Tây Kinh

5. Thiền sư Đại Ân ở Tây Kinh

6. Thiền sư Định Cảnh

7. Thiền sư Đạo Bá

8. Thiền sư Huyền Chứng

- Thiền sư Hàng Ma Tạng lưu xuất ba vị:

1. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh

2. Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh

3. Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Ân .

- Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc lưu xuất một vị: Thiền sư Thần Chiếu

- Thiền sư Tiểu Phước lưu xuất ba vị:

1. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam Điền-Kinh Triệu

2. Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch Sơn

3. Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch

- Thiền sư Quán ở Hoắc sơn lưu xuất một vị
Thiền sư U ở Hiện

- Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu lưu xuất bốn vị:

1. Thiền Sư Vô Tướng ở Ích Châu

2. Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu

3. Thiền sư Siêu

4. Thiền sư Hiều Liễu ở Tử Châu

Thiền sư Phỉ ở nghĩa Hưng lưu xuất hai vị

1. Thiền sư Trí Dư ở Tây Kinh

2. Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô

(Cả bốn mươi lăm vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

**** Đòi thứ tư: Có bảy vị.***

- Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện có hai vị đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Định Tâm ở Hàng Châu

2. Thiền sư Chí Chân ở Kính Ai (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

- Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu có năm vị Đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Vô ở chùa Bảo Đường ở Ích Châu (Thiền sư Vô Tướng lưu xuất 4 vị, một vị thấy có ghi chép)

2. Thiền sư Dung ở núi Kinh Châu Minh Nguyệt

3. Vương Đầu Đà ở núi Vân Đảnh Hán Châu

4. Thiền sư Thần Hội chùa Tịnh Chúng ở Ích Châu.

5. Thiền sư Võ Giới (Thiền sư Thận Huy ở

Chuyên Giới lưu xuất, 4 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép.

*** Đòi thứ năm: Có một vị**

Thiền sư Chí Chân ở chùa Kính Ái có một vị đệ tử nổi pháp

MỤC LỤC 2

Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín có đệ tử nổi pháp tổng cộng 183 vị, trong đó có 76 vị bàng xuất.

Núi Ngưu Đầu-Kim lăng có 6 đời tổ tông thấy ghi lục:

Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung

Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham

Đời thứ ba: Thiền sư Tuệ Phương

Đời thứ tư: Thiền sư Pháp trì

Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai

Đời thứ sáu: Thiền sư Tuệ Trung.

Tổ tông 6 đời trước có đệ tử nổi pháp tổng cộng 80 vị.

Thiền sư Pháp Dung sau 3 đời bàng xuất 12 vị (một vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn-Kim lăng

Thiền sư Đại Tổ ở Kinh Châu

Thiền sư Nguyệt không ở U Thê

Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã

Thiền sư Định Trang ở Tân An

1 Thiền sư Trí sai ở Bành Thành

2 Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu

3 Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu

4 Thiền sư đồ Mặc ở Tân Châu

5 Thiền sư Trí Thành ở Thượng Nguyên - Trí
6 Thành lại lưu xuất một vị: Thiền sư Định Chân.

7 Định Chân lại lưu xuất một vị: Thiền sư Như Độ

8 (11 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú
9 không ghi lục)

10 - ***Thiền sư Trí Nham sau bàn xuất:***

11 Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô

12 Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu

13 Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu

14 Thiền sư Đoan Phục ở Ích Châu

15 Thiền sư Quy Nhân ở Long Quang

16 Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương

17 Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam

18 Thiền sư Mãn Cổ ở Tây Xuyên

19 (8 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không
20 ghi lục).

21 - ***Thiền sư Pháp Trì sau bàn xuất:***

22 Thiền sư Huyền Tổ ở núi Ngưu Đầu

23 Thiền sư Hoằng Nhân ở núi Thiên Trụ

24 (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không
25 ghi lục)

26 - ***Thiền sư Trí oai sau 3 đời bàn xuất 12 vị***

(6 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Huyền Đĩnh chùa An Quốc ở Tuyên Châu

Thiền sư Huyền Tổ Chùa Hạc lâm ở Nhuận Châu

Thiền sư sùng Tuệ núi Thiên Trụ ở Thư Châu

Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn-Hàng Châu

Thiền sư Đạo Lâm-Ô Sào ở Hàng Châu

Thiền sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu.

Huyền Tổ lại lưu xuất 2 vị:

1. Thiền sư đàm ích ở Kim Hoa

2. Thiền sư Viên Cảnh ở Ngô Môn

Đạo Khâm lại lưu xuất 3 vị:

1. Thiền sư Ngô ở núi Mộc Chử

2. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh Dương

3. Thiền sư Sùng Tuệ núi Trung Tử ở Hàng Châu

Đạo Lâm lại lưu xuất một vị: Thiền sư Bảo Quán ở Linh Nham

(6 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục).

- Thiền sư Tuệ Trung sau 2 đời bàng xuất 36 vị (2 vị thấy có ghi lục):

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quạt núi Thiên (bàng xuất vân cư ở Thiên Thai).

1 Thiền sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai
2 Thiền sư Đạo Tánh ở núi Nguư Đầu
3 Thiền sư Trí Đăng ở Giang Ninh
4 Thiền sư Hoài Tín ở Giải Huyện
5 Thiền sư Toàn ở hạc Lâm
6 Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc sơn
7 Thiền sư Quán Tông ở Minh Châu
8 Thiền sư Đại Trí ở núi Nguư Đầu
9 Thiền sư Thiện Đạo ở Bạch Mã
10 Thiền sư Trí Chân ở núi Nguư Đầu
11 Thiền sư Đàm ngung ở núi Nguư Đầu
12 Thiền sư Vân Thao ở núi Nguư Đầu
13 Thiền sư Ngung ở núi Nguư Đầu
14 Thiền sư Pháp Lương ở núi Nguư Đầu
15 Thiền sư Hành Ứng ở Giang Ninh
16 Thiền sư Huệ Lương ở núi Nguư Đầu
17 Thiền sư Đạo Dung ở Hưng Thiện
18 Thiền sư Chiêu Minh ở Tượng Sơn
19 Thiền sư Pháp Đăng ở núi Nguư Đầu
20 Thiền sư Định Không ở núi Nguư Đầu
21 Thiền sư Tuệ Thiệp ở núi Nguư Đầu
22 Thiền sư Đạo Ngộ ở U Thê
23 Thiền sư Ngung Không ở núi Nguư Đầu
24 Thiền sư Đạo Sơ ở Tượng Sơn
25 Thiền sư Tạng ở U Thê
26 Thiền sư Linh Huy ở núi Nguư Đầu

1 Thiên sư Đạo Dĩnh ở U Thê

2 Thiên sư Cự Anh ở núi Ngưu Đầu

3 Thiên sư Pháp Thường ở Thích Sơn

4 Thiên sư Ngưng Tịch ở Long Môn

5 Thiên sư Trang Nghiêm Viên

6 Thiên sư Đạo Kiên ở Tương Châu.

7 Ni Minh Ngộ

8 Cư sĩ Ân Tịnh kỷ.

9 Tuệ Thiệp trước đây lại lưu xuất một vị: Thiên
10 sư Thanh Nguyên Chùa Thê Hà ở Nhuận Châu.

11 (34 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú
12 không ghi lục).

13 Tổ thứ 32: Đại sư Hoằng Nhẫn truyền 5 đời
14 bìa xuất 107 vị:

15 Đời thứ nhất có 13 vị (3 vị thấy có ghi lục):

16 Thiên sư Thần Tú ở Bắc Tông Quốc sư Tuệ An
17 ở Tung Nhạc.

18 Thiên sư Đạo Minh ở Mông Sơn-Viên Châu

19 Thiên sư Đàm Quang Chùa Phụng Pháp ở
20 Dương Châu

21 Thiên sư Thiên Tháo ở Tùy Châu.

22 Thiên sư Pháp Trì ở Kim Châu Thiên sư Trí
23 Săn ở Tư Châu

24 Thiên sư Pháp Chiếu ở Thư Châu

25 Thiên sư Nghĩa Phương ở Việt Châu

26 Thiên sư Đạo Tuấn ở Chi Giang

1 Thiên sư Huyền Trách ở Thường Châu

2 Thiên sư Tăng Đạt ở Việt Châu.

3 Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tùng.

4 (10 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú
5 không ghi lục).

6 *** Đòi thứ hai có 37 vị:**

7 - Thiên sư Thần Tú ở Bắc Tông có đệ tử nói
8 pháp 19 vị (5 vị thấy có ghi lục)

9 Thiên sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài

10 Thiên sư Trí Phong ở núi Trung Điều thuộc phủ
11 Hà Trung.

12 Thiên sư Hàng Ma Tạng ở Duyên Châu

13 Thiên sư Đạo Thọ ở Thọ Châu

14 Thiên sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc
15 Hoài Nam.

16 Thiên sư Từ Lãng ở Kinh Châu

17 Thiên sư Phổ Tịch ở Tung Sơn

18 Thiên sư Hương Dục ở núi Đại Phật

19 Thiên sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh Thiên sư
20 Hốt lôì Trùng

21 Thiên sư Đông Kinh Nhật

22 Thiên sư Biền Tịnh ở Thái Nguyên

23 Thiên sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc

24 Thiên sư Đỗ ở Nhữ Nam

25 Thiên sư Kính ở Tung Sơn

26 Thiên sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu

1 Thiên sư Quán ở Hoắc Sơn-Phổ Châu

2 Thiên sư Sùng Khuê ở Mao Sơn-Nhuận Châu

3 Thiên sư Hoài Không ở An Lạc

4 (14 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú
5 không ghi lục)

6 - Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc trước đây có
7 đệ tử nổi pháp 18 vị (3 vị thấy có ghi lục)

8 Thiên sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên ở Lạc
9 Kinh.

10 Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc

11 Thiên sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc

12 Thiên sư Thản Nhiên ở Thường Sơn

13 Thiên sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô

14 Thiên sư Đạo Lượng ở Tây Kinh Đạo Lượng
15 lại lưu xuất 5 vị:

16 1. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu

17 2. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích

18 3. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung

19 4. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương

20 5. Thứ sử Khang Săn ở Mục Châu.

21 - Thiên sư Thiên Tháo ở Tùy Châu trước đây
22 lại lưu xuất một vị: Thiên sư Chánh Thọ

23 - Thiên sư Đạo Minh ở Mông Sơn trước đây lại
24 lưu xuất 3 vị:

25 1. Thiên sư Sùng Tịch ở Hồng Châu

26 2. Thiên sư Hoài ở Giang Tây

3. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

- Thiền sư Trí Săn ở Tư Châu trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu.

- Thiền sư Huyền Trách trước đây lại lưu xuất 2 vị:

1. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng

2. Thiền sư Sướng ở Hồ Châu

(15 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục).

*** Đòi thứ ba có 49 vị:**

- Thiền sư Từ Lăng ở Kinh Châu trước đây có đệ tử nổi pháp:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim

2. Thiền sư Thường ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu

3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới

(3 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục).

- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn trước đây có đệ tử nổi pháp 46 vị (một vị thấy có ghi lục).

Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam

Thiền sư Tuệ không ở Quảng Phước

Thiền sư Thường Việt

Thiền sư Tư ở núi Giáp Thạch-Tương Châu

Thiền sư Minh Toán

Thiền sư Chân ở Chùa Kính Ai

1 Thiền sư Thủ Hiền ở Duyệt Châu
2 Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu
3 Thiền sư Trừng Tâm ở Nam Nhạc
4 Thiền sư Nhật Chiêu ở Nam Nhạc
5 Thiền sư Cán Chùa Đồng Đức ở Lạc
6 Kinh Thiền sư Chân Lượng ở Tô Châu
7 Thiền sư Duệ ở Chùa Ngõa Quan
8 Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương
9 Thiền sư Diên ở Quảng Lăng
10 Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm Châu
11 Thiền sư Chân Lượng ở Lạc Kinh
12 Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
13 Thiền sư Đàm Chân ở Bắc Châu
14 Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
15 Thiền sư Đàm Chân ở Bắc Chân
16 Thiền sư Sùng Diên ở núi Đô Lương
17 Thiền sư Trừng chùa Chương Kính ở Kinh
18 Triệu
19 Thiền sư Nhất Hành ở Chùa Tung Dương
20 Thiền sư Dung Chùa Sơn Bắc ở Kinh Triệu Cư
21 sĩ Định Đào Đình ở Tấn Châu.
22 - Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh trước đây
23 lại lưu xuất 8 vị:
24 Thiền sư Đại Hùng Mãnh
25 Thiền sư Đại Chân Động ở Tây Kinh
26 Thiền sư Thân Phi

1 Thiền sư Đại Bi Quang ở Tây Kinh

2 Thiền sư Đại Ân ở Tây Kinh

3 Thiền sư Định Cảnh

4 Thiền sư Đạo Bá

5 Thiền sư Huyền Chứng.

6 - Thiền sư Hàng Ma Tạng trước đây lại lưu xuất

7 3 vị:

8 Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh

9 Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh

10 Thiền sư Tuệ An ở Nam Nhạc

11 - Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc trước
12 đây lại lưu xuất một vị:

13 Thiền sư Thần Chiếu.

14 - Thiền sư Tiểu Phước trước đây lại lưu xuất 3
15 vị:

16 Thiền sư Thâm Tịch ở Lâm Điền Kinh Triệu

17 Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch

18 Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch.

19 - Thiền sư Quán ở Hoắc sơn trước đây lại lưu
20 xuất một vị:

21 Thiền sư u ở Hiện Sơn

22 - Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu trước đây lại lưu
23 xuất 4 vị:

24 Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu

25 Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu

26 Thiền sư Siêu.

1 - Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng trước đây
2 lại lưu xuất 2 vị:

3 Thiền sư Trí Du ở Tây Kinh

4 Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô

5 (45 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú
6 không ghi lục)

7 * Đòi thứ tư có 7 vị:

8 - Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện trước đây
9 có đệ tử nổi pháp 2 vị:

10 Thiền sư Định Tâm ở Hoành Châu

11 Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ái

12 (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không
13 ghi lục).

14 - Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu trước đây có
15 đệ tử nổi pháp 5 vị:

16 (Một vị không thấy có ghi lục)

17 Thiền sư Vô Trú Chùa Bảo Đường ở Ích Châu

18 Thiền sư Dung ở núi Minh Nguyệt-Kinh Châu

19 Vương Đầu Đà ở núi Vân đánh-Hán Châu

20
21 Thiền sư Thần Hội Chùa tịnh Chúng ở Ích
22 Châu.

23 - Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới trước đây
24 lại lưu xuất một vị:

25 Thiền sư Vô Giới

26 (4 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không

ghi lục).

*** *Đời thứ năm có một vị:***

- Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ai trước đây có đệ tử nổi pháp.

Thiền sư Chiêu ở Tung sơn

(không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

Tổ thứ 31: ĐẠI SƯ ĐẠO TÍN (4): Về sau bâng xuất đệ tử nổi pháp Núi Ngưu đầu-Kim lăng truyền 6 đời tổ tông.

- *Đời thứ 1: Thiền sư Pháp Dung:*

Người ở Diên Lăng, thuộc Nhuận Châu, họ Vi. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử. Ngài tìm xem Đại Bộ Bát-Nhã hiểu rõ Chân không, Bổng một hôm than rằng: Sách Nho ở đời là pháp không rốt ráo, Bát Nhã Chánh Quán là thuyền bè xuất thế. Bèn ẩn vào núi tìm thấy xuống tóc. Sau vào núi Ngưu Đầu Sơn, trụ trong hang đá ở phía Bắc chùa U Thê, có điều kỳ lạ là trăm chim ngậm hoa đến cúng dường. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Tứ Tổ xa trông khí tượng thì biết núi ấy có dị nhân. Bèn đích thân đến tìm hỏi các vị tăng trong chùa rằng trong này có Đạo nhân nào chăng? Đáp có một người xuất gia nhưng không phải Đạo nhân. Tổ nói đó là Đạo nhân. Vị tăng không nói, vị khác bảo: Đi vào núi mười dặm có một người dáng khù khờ thấy người không đứng dậy cũng không chấp

1 tay chẳng phải là Đạo nhân. Tổ vào núi gặp Sư, Sư
2 ngồi yên chẳng đoái hoài. Tổ hỏi ở đây làm gì? Sư
3 nói quán tâm. Tổ hỏi quán là ai? tâm là vật gì. Sư
4 không nói mà đứng dậy đánh lễ. Sư hỏi đại đức ở
5 đâu? Tổ nói bản đạo chẳng quyết dừng nghỉ, hoặc
6 Đông hoặc Tây Sư hỏi: Có biết Thiên sư Đạo Tín
7 chẳng? Đáp: Hỏi ông ấy làm gì? Sư nói tiếng vang
8 đạo đức đã lâu xa chỉ mong một lần lễ gặp. Tổ nói
9 Thiên sư Đạo Tín là bản đạo đây. Sư hỏi: Sao lại
10 đến đây. Tổ nói: Đến đây để thăm hỏi, ở đây không
11 có chỗ nghỉ ngơi à? Sư chỉ sau lưng nói có một am
12 nhỏ. Bèn dẫn Tổ về, quanh quần chỉ thấy loài con
13 sói. Tổ tỏ vẻ sợ. Sư hỏi cũng có cái ấy ư? Tổ hỏi
14 vừa thấy cái gì? Sư không đáp. Chốc sau Tổ viết
15 một chữ Phật trên tảng đá mà Sư thường ngồi thiền.
16 Sư nhìn kính sợ. Tổ hỏi cũng có cái ấy ư? Sư không
17 hiểu bèn đánh lễ xin nói chân yếu. Tổ nói trăm
18 ngàn pháp môn đồng qui về gang tấc, hà sa diệu
19 đức ở chung trong nguồn tâm. Tất cả Giới môn
20 Định môn Tuệ môn thân thông biến hóa đều tự đầy
21 đủ không lìa tâm ông, tất cả phiền não nghiệp
22 chướng xưa nay vốn vắng lặng. Tất cả nhân quả
23 đều như mộng huyễn, không có ba cõi để ra khỏi,
24 không có Bồ đề để tìm cầu, người và chẳng phải
25 người đều tánh tướng bình đẳng. Đại Đạo trống
26 rộng dứt hết nghĩ ngợi. Pháp như thế nay ông đã
27 được đều không thiếu sót, nào có khác gì với Phật,
28 lại không có một pháp nào khác. Ông đã nhiệm vận

1 tự tại, chẳng cần thực hành quán hạnh, cũng chẳng
2 chứng tâm, không khởi tham sân, chẳng ôm sầu lo,
3 thânh thang vô ngại mặc ý dọc ngang. Chẳng làm
4 các điều thiện, chẳng làm các điều ác, đi đứng nằm
5 ngồi mắt thấy gặp duyên đều là diệu dụng của Phật
6 thường vui vẻ không sầu lo, nên gọi là Phật. Sư nói
7 tâm đã đầy đủ thì cái gì là Phật cái gì là Tâm? - Tổ
8 nói: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật. Hỏi Phật thì
9 chẳng phải chẳng tâm. Sư nói đã chẳng cần thực
10 hành quán hạnh thì khi cảnh khởi làm sao đối trị?
11 Tổ nói: Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu là do
12 tâm, nếu tâm không ranh giới tên gọi thì vọng tình
13 từ đâu khởi lên. Vọng tình đã chẳng khởi thì chân
14 tâm nhậm vận khắp biết. Ông chỉ theo tâm tự tại
15 mà không cần đối trị, liền gọi là thường trụ pháp
16 thân không có đối khác. Ta nhận được pháp môn
17 Đốn giáo của Đại sư Tăng Xán, nay giao lại cho
18 ông, ông nay nhận kỹ lời ta nói, chỉ ở núi này, sau
19 sẽ có năm vị thông đạt nối huyền hóa của ông - Tổ
20 trao phó pháp rồi bèn trở về núi Song Phong mà ở
21 đó đến già. Còn Sư từ đó giảng nói thịnh hành,
22 trong niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường đồ chúng
23 thiếu lương thực, Sư đến Đơn Dương hóa duyên,
24 cách núi tám mươi dặm phải đội gánh một thạch
25 tám đấu gạo, từ sáng đến tối nuôi ba trăm vị Tăng,
26 mà hai thời khóa tụng không thiếu sót, suốt trong
27 ba năm. Ấp Tể là Tiêu Nguyên Thiên, thỉnh sư về
28 chùa Kiến Sơ giảng kinh Đại Bát Nhã, người nghe

1 rất đông. Đến phẩm Diệt Tịnh thì mặt đất rung
2 chuyển bèn trở về núi. Bác Lăng Vương hỏi Sư
3 rằng khi cảnh duyên sắc phát ra mà chẳng nói
4 duyên sắc khởi thì làm sao biết được duyên mà
5 muốn dứt khởi ấy? Sư đáp: Cảnh sắc khi mới phát,
6 hai tánh sắc cảnh là không, vốn không biết duyên
7 đó, tâm lượng cùng biết đồng, chiếu bốn phát
8 chẳng phát, khi ấy khởi tự dứt, ôm ám sinh giác
9 duyên, tâm sẽ không theo duyên, còn như lúc chưa
10 sinh, sắc tâm không nuôi dưỡng, từ không vốn vô
11 niệm, tướng thọ nói niệm sinh, khởi pháp không hề
12 khởi, đâu dùng lệnh Phật dạy?

13 - Hỏi rằng: Nhắm mắt chẳng thấy sắc, cảnh
14 nghĩ lại càng nhiều, sắc đã không quan hệ đến tâm,
15 cảnh từ đâu mà phát? Sư đáp: Nhắm mắt chẳng
16 thấy sắc, trong tâm động nghĩ nhiều, huyền thức
17 giả thành dụng, khởi danh không hề lỗi, biết sắc
18 chẳng quan tâm, tâm chẳng dính líu người, tùy
19 hành có tướng chuyển, chim bay trong chân không.

20 - Hỏi rằng: Cảnh phát không nơi chốn, Duyên
21 giác rõ biết sinh, cảnh mất giác còn chuyển, giác
22 bèn biến thành cảnh, nếu dùng tâm kéo tâm, lại vì
23 giác mà giác, theo nó từ từ đi, chẳng lìa cõi sinh
24 diệt? Sư nói: Sắc tâm trước giữa sau thật không
25 duyên khởi cảnh, một niệm tự ngưng mất, ai hay
26 kể động tịnh. Tri (biết) này tự (không biết), biết hết
27 duyên chẳng gặp, thường tự giữ bốn hình, đâu cần
28 cầu cảnh ngoài. Cảnh trước chẳng đi mất, niệm sau

1 nay không đến, tìm trăng cầm huyền ảnh, bỏ dấu
2 theo chim bay, muốn biết tâm bốn tánh, lại như
3 thấy trong mộng, ví như băng thảng sáu chỗ chỗ
4 đều giống nhau, lánh không trọn chẳng thoát, tìm
5 không lại chẳng thành, mượn hỏi cảnh trong
6 gương, tâm từ đâu sinh ra?

7 - Hỏi rằng: Khi vừa phải dụng tâm, mới (có) là
8 tốt an ổn? Sư nói: Khi vừa phải dụng tâm, vừa phải
9 không dụng tâm, nhọc luận bàn danh tướng, nói
10 thẳng không phiền trọng, không dụng tâm vừa
11 khớp, thường dùng không vừa khớp, lại nói không
12 chỗ tâm, cũng không có tâm khác.

13 - Hỏi: Người trí dẫn lời mâu, thì cùng tâm gặp
14 nhau nói khác nẻo với tâm, hợp thì muôn lần trái
15 nhau? Sư đáp: Phương tiện nói lời mâu, phá bệnh
16 Đạo Đại thừa, không liên quan bản tánh, lại từ
17 không hóa tạo vô niệm là chân thường, trọn phải
18 dứt nẻo tâm, lìa niệm tánh không động, sinh diệt
19 chẳng trái nhau, tiếng vang hay do tiếng, có ảnh
20 bởi xem gương.

21 - Hỏi: Người tu thể cảnh có, nhờ giác biết cảnh
22 mất trước giác và sau giác. Cảnh đều có ba tâm?
23 Sư nói: Cảnh dùng chẳng phải thể giác, giác nghỉ
24 chẳng nên lo, nhờ giác biết cảnh mất, khi giác cảnh
25 chẳng khởi, trước giác và sau giác, cảnh đều có ba
26 tâm.

27 - Hỏi: Trú định đều chẳng chuyển, sắp là chánh

1 Tam-muội, các nghiệp chẳng thể kéo, chẳng biết té
2 vô minh, từ từ đuổi theo sau? Sư đáp: Lại nghe có
3 người khác, vọng chấp khởi tâm lương, việc trong
4 ba không thành, chẳng chuyển lại luống dối, tâm là
5 chánh thọ buộc hay là tịnh nghiệp chướng, tâm trần
6 muôn phần một, chẳng hiểu nói vô minh, nhỏ nhất
7 tập nhân khởi, từ từ danh tướng sinh, gió thổi sóng
8 liền động, muốn nước lại lặng yên, lại muốn nói
9 đường trước, sợ hậu tâm kinh sợ. Vô niệm thú lớn
10 găm, tánh không dưới sương mai, sao tan dẹp cỏ
11 dơ, ngang dọc chim bay lạc, năm đường định phân
12 luận 4 ma không tiến bước, đã như lửa dữ đốt, lại
13 như kiếm bén chém.

14 - Hỏi: Nhờ giác biết muôn pháp, muôn pháp
15 xưa nay thế, nếu giả chiếu dụng tâm, chỉ được
16 chiếu sáng tâm, chẳng nên việc trong tâm?

17 - Sư nói: Nhờ giác biết muôn pháp, muôn pháp
18 không hề nhờ, nếu giả chiếu dụng tâm, thì chẳng ở
19 ngoài tâm.

20 - Hỏi: Tùy theo không chọn lựa, tâm minh
21 chẳng hiện tiền, lại lo tâm đen tối, ở tâm dùng công
22 hạnh, trí chướng lại khó dứt? Sư đáp: Có này chẳng
23 thể có, tìm đây chẳng thể tìm, không chọn tức thật
24 chọn, được tối sinh tâm minh, người lo tâm mê tối,
25 giữ tâm nhờ công hạnh sao luận nạn trí chướng,
26 đến Phật mới là bịnh.

27 - Hỏi: Chiết trung thì dứt hỏi thật cũng khó an

1 vui, nếu chẳng phải người tu, nạn này rất khó thấy?
2 Sư nói Chiết trung muốn tiêu dứt, tiêu dứt chẳng
3 khó dễ, trước quán tâm ở tâm, kế suy trí trong trí,
4 thứ ba chiếu suy ra, thứ tư chung vô ký, thứ năm
5 gọi giải thoát, thứ sáu không chân nguy, thứ bảy
6 biết pháp bản, thứ tám từ vô vị, thứ chín biết không
7 ám, thứ mười mây mưa khắp, rốt lại kia không
8 giác, vô minh sinh Bản trí, cảnh tượng hiện ba
9 nghiệp, người huyền hóa bốn nẻo, chẳng trụ ở
10 không biên phải chiếu không trong có, trong có
11 chẳng ngoài không, chưa ắt không có đủ, gọi đó là
12 Chiết trung, Chiết trung không nói năng, yên vui
13 không chỗ yên, dụng hạnh đâu có quyết?

14 - Hỏi: Riêng có một loại người, khéo hiểu
15 không vô tướng, miệng nói Định Loạn một, lại nói
16 không trong có, đồng chứng dụng thường tịch, hiểu
17 biết dụng thường tịch, dụng tâm gặp chân lý, sau
18 nói dụng vô dụng, trí tuệ phương tiện nhiều, lời nói
19 hợp với lý, như như lý tự như, không do thức tâm
20 hiểu. Đã biết tâm hiểu quấy, tâm tâm lại cùng mất,
21 như thế khó biết pháp, không bao giờ biết được,
22 đồng người dụng tâm này, pháp đều không thể
23 hóa? - Sư nói: Có người riêng chứng không, lại như
24 kệ trước nói, hành không giữ vắng lặng, thức thấy
25 chỉ tạm thời, hiểu chân là tâm lượng, chưa hề biết
26 nguồn cội, lại nói dứt dụng tâm, nhiều trí nghi
27 tương tự, bởi do tánh chẳng sáng, cầu không lại
28 nhọc mình, nhiều kiếp ở thức tối, ôm nhau đều

1 chẳng biết. Phát sáng liền động đất, ở đó muốn làm
2 gì.

3 - Hỏi: Việc trước là khán tâm, lại có nạn lưới
4 giăng? - Sư nói: Xem tâm có lưới giăng, huyền tâm
5 đâu đợi xem hướng không có huyền tâm ung dung
6 mở miệng khó.

7 - Hỏi: Lâu có cơ nghiệp lớn, nẻo tâm khác lẫn
8 nhau, hiểu được chương vi tế, liền thấu suốt bờ
9 chân. Nếu không phải thầy giỏi, không thể quyết
10 lý này. Rất mong Đại sư con, vui lòng mở yếu môn,
11 dẫn dắt người dụng tâm chẳng để mất chánh đạo -
12 Sư đáp: Pháp tánh vốn cơ nghiệp, mong cảnh thành
13 khác nhau, thân thật tướng nhỏ nhiệm, sắc tam
14 thường chẳng ngộ. Bỗng gặp kẻ hỗn độn, buồn
15 thương xót chúng sinh, giả nghi rộng hỏi han, trong
16 ôm lý thường sáng, cắt ngang đường sinh tử, khen
17 chê tâm chẳng động, lão già quê phen đáp, pháp
18 tướng vẽ thẹn thùng, mong phát thuốc chúng sinh,
19 lại làm như sắc tánh.

20 - Niên hiệu Hiền Khánh năm thứ nhất Ấp Tể là
21 Tiêu Nguyên Thiện mời Sư xuống núi đến ở chùa
22 Kiến Sơ, Sư tạ từ mãi không khỏi bèn khiến vào
23 thất của Thượng Thủ Trí Nham trao phó cho pháp
24 Ấn để thứ lớp truyền trao. Khi sắp xuống núi thì
25 bảo chúng rằng: Ta chẳng còn trở về đây nữa đâu.
26 Lúc đó chim thú buồn kêu thảm thiết cả tháng
27 không ngưng. Trước am có bốn cây ngô Đồng lớn,
28 giữa tháng mùa Hạ mà bỗng héo rụng. Năm sau

Đinh Tỵ ngày 23 tháng giêng nhuận thì Sư tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp 45. Ngày 27 thì chôn ở núi Kê Lũng, người đưa hơn cả vạn. Trong chỗ ở cũ tại núi Ngưu Đâu, nguồn vàng, suối Hồ gầm, suối Tích trượng, ao rùa vàng, nhà đá nơi sư ngồi tĩnh tọa hiện nay vẫn còn.

- *Đời thứ 2: Thiên sư Trí Nham:*

Người ở Khúc A, họ Hoa, khi tuổi trưởng thành thì trí dũng hơn người, thân cao bảy thước sáu tấc. Trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy làm Lang tướng. Sư thường dùng cung mang một túi lọc nước đi đâu cũng dùng được. Sư nhiều lần theo Đại tướng đi chinh phạt có lập nhiều chiến công. Trong niên hiệu Võ Đức đời Đường, tuổi đã bốn mươi bèn xin xuất gia. Sư vào núi Hoãn Công ở Thục Châu làm đệ tử Thiên sư Bảo Nguyệt. Sau, một hôm ngồi yên thấy có vị Tăng thân cao hơn trượng thần sáng khí thanh bảo Sư rằng: Ông tám mươi đời xuất gia càng phải nên tinh tiến, nói xong liền biến mất. Ông từng ở trong hang nhập định, nước khe núi tràn ngập. Sư vẫn an nhiên bất động thì nước ấy tự rút. Có một thợ săn gặp Sư vì vậy đổi nghề tu thiện. Lại có hai người đồng quân trận xưa nghe ản vào núi bèn tìm đến gặp bảo Sư rằng: Lang tướng điên à sao lại ở đây. Đáp: rằng: Ta điên muốn (sắp) tỉnh còn các ông thì đang phát điên. Ưa thích thanh sắc dâm tham vinh nhục thì thường trôi lăn trong sinh tử biết khi nào thoát ra, 2 người cảm

ngộ than thở tự rút lui. Niên hiệu Trình Quán năm
thứ mười bảy ông trở về Kiến Nghiệp vào ở núi
Ngu Đầu, gặp Thiền sư Dung mà phát minh việc
lớn. Thiền sư bảo Sư rằng: Ta nhận được chân
quyết của Đại sư Tín, chỗ được đều mất, nếu có
một pháp hơn Niết-bàn ta nói cũng như mộng
huyễn. Một hạt bụi bay mà che mù cả trời, một hạt
cải rơi mà phủ khắp đất, nay ông đã bỏ qua thấy
này thì ta biết làm sao. Tất cả sơn môn hóa đạo sẽ
giao lại cho ông. Sư bèn lãnh lệnh làm Tổ đời thứ
hai. Sau đem chánh pháp được giao lại cho Thiền
sư Phương, ở tại hai Chùa Bạch Mã và Thê Huyền.
Lại dời về ở thành Thạch Đầu, vào ngày 10 tháng
giêng năm nghị Phụng thứ 2 thời nhà Đường thì thị
tịch, nhan sắc không đổi co duỗi như còn sống.
Trong thất có mùi thơm lạ suốt cả tuần không tan.
Sư căn dặn là thủy táng, thọ bảy mươi tám tuổi,
tuổi lập ba mươi chín.

- Đời thứ 3: Thiền sư Tuệ Phương:

Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Bộc,
vào chùa Khai Thiện xuất gia và thọ giới cụ túc,
thông suốt kinh luận. Sau đến núi Ngu Đầu gặp
Thiền sư Nham học hỏi bí yếu. Nham quán xét căn
khí của Sư có thể đảm nhận chánh pháp bèn chỉ
bày Tâm Ấn, Sư rộng sáng lãnh ngộ. Do đó không
ra khỏi rừng núi suốt mười năm, người học từ bốn
phương đến đông như mây ùn. Một hôm Sư bảo
chúng rằng: Ta muốn đi nơi khác tùy cơ lợi vật,

1 còn các ông hãy nên tự lo. Bèn giao phó chánh
2 pháp cho Thiên sư pháp trì. Bèn đến ở Mao Sơn
3 suốt mấy năm khi sắp mất thấy có năm trăm người
4 râu tóc đều có dáng vẽ như Bồ tát, đều cảm phước
5 đẹp bảo rằng: Mời Pháp sư giảng kinh. Lại cảm
6 được thần núi hiện thành thân rắn to đến trước sân
7 như sắp khóc mà từ biệt. Sư bảo Thị giả là Hồng
8 Đạo rằng: Ta sắp đi đây. Ông vì ta báo cho các môn
9 nhân, khi môn nhân đến thì sư đã tịch. Lúc đó là
10 ngày mồng 1 tháng 8 niên hiệu Thiên Sách năm
11 thứ nhất thời nhà Đường. Núi rừng bạc trắng, khe
12 suối ngưng chảy suốt bảy ngày, đạo tục khóc than
13 tiếng động núi rừng. Sư thọ sáu mươi bảy, tuổi lập
14 bốn mươi.

15 **- *Đời thứ 4: Thiên sư Pháp Trì:***

16 Người ở Giang Ninh thuộc Nhuận Châu, họ
17 Trương. Tuổi nhỏ xuất gia. Năm ba mươi tuổi đến
18 trong pháp hội của Đại sư Hoằng Nhãn ở Huỳnh
19 Mai nghe pháp mà tâm khai. Sau lại được Thiên sư
20 Ngô Phương ấn khả. Bèn nối dấu sơn môn làm
21 tông tổ ở Ngưu Đầu. Khi ngài Huỳnh Mai tạ thế thì
22 bảo đệ tử là Huyền Trách rằng: Sau có mười vị sẽ
23 truyền pháp ta mà Pháp Trì ở Kim Lăng là một.
24 Sau giao phó pháp Nhãn cho Thiên sư Trí Oai. Vào
25 ngày mồng 5 tháng 9 niên hiệu Trường An năm thứ
26 hai đời Đường Sư thị tịch tại Viên Vô Thường chùa
27 Diên Tô ở Kim Lăng. Di chúc khiến đắp bày hài cốt
28 dưới cội thông để nuôi chim thú. Ngày đưa thi hài

1 ra giữa hư không có Thần cầm phướn từ phía Tây
2 đi đến nhiều quanh núi mấy vòng. Chỗ ở tre trúc
3 đều bạc trắng suốt bảy ngày mới ngưng sự thọ sáu
4 mươi tám tuổi, tuổi lập bốn mươi một.

5 **- Đòi thứ 5: Thiền sư Trí Oai:**

6 Người ở Giang Ninh, họ Trần, trụ ở núi Nghinh
7 Thanh. Mới đến tuổi tóc để trái đào, bỗng một hôm
8 không thấy trong nhà, chẳng ai biết đi đâu. Đến
9 khi. Cha mẹ hỏi tìm mới biết đã nương Pháp sư
10 Thống ở chùa Thiên Bảo mà xuất gia, năm ba mươi
11 tuổi thọ Giới cụ túc. Sau nghe Thiền sư Pháp Trì
12 ra đời bèn đến lay gặp và được trao truyền chánh
13 pháp. Từ đó học chúng ở Giang Tả đều đến, trong
14 đó có Tuệ Trung được xem là pháp khí, Sư có nêu
15 kệ rằng:

16 *Chớ phiền niệm niệm*
17 *Thành sông sinh tử*
18 *Biển luân hồi sáu đường*
19 *Chẳng thấy nổi sóng cao*

20 Tuệ Trung đáp kệ rằng:

21 *Niệm tưởng từ huyễn đến*
22 *Tánh vốn không đầu cuối*
23 *Nếu được ý ở đây*
24 *Sóng dài phải tự dừng.*

25 Sư tiếp kệ rằng:

26 *Bốn tánh ta hư vô*
27 *Duyên vọng sinh nhân ngã*

*Làm sao dứt vọng tình
Lại về ngôi chỗ không.*

Tuệ Trung đáp kệ:

*Hư vô là thật thể
Nhân ngã đâu lại còn
Vọng tình không cần dứt
Tức ngôi thuyền Bát-Nhã.*

Sư biết người này đã liễu ngộ bèn trao cho Sơn môn rồi tùy duyên hóa độ. Ngày 18 tháng 2 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười bảy đời Đường thì tịch tại chùa Diên Tộ. Khi sắp tịch bảo đệ tử hãy đem thân vào rừng thí cho chim thú, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi.

- Đời thứ 6: Thiền sư Tuệ Trung:

Người ở thượng Nguyên thuộc Nhuận Châu, họ Vương. Năm hai mươi ba tuổi thọ nghiệp ở chùa Trang nghiêm. Sau nghe Thiền sư Trí Oai ra đời bèn đến yết kiến. Oai vừa thấy liền bảo: Chủ núi đến. Sư cảm ngộ ý chỉ sâu kín bèn cho làm thị giả. Sau từ biệt đến lễ các nơi khác. Oai trụ ở viện cụ Giới thấy dây lãng tiêu mùa hạ mà héo, người muốn chặt bỏ. Do đó bảo rằng: Chớ chặt. Tuệ Trung trở về thì cây này sống lại. Lúc ấy Sư về thì quả nhiên đúng như lời nói. Bèn giao cho sơn môn, rồi ra ở chùa Diên Tộ. Sư (Tuệ Trung) bình sinh chỉ dùng 1 áo nạp và 1 bình bát từng cúng hai kho lúa nuôi Tăng. Kẻ trộm rình thì có hồ giữ kho.

Huyện lệnh là Trương Tôn đến núi đánh lễ hỏi Sư có đồ đệ nào không? Sư nói có ba mươi lăm người. Tôn hỏi làm sao được gặp? Sư gõ vào giường thiền thì có ba con hổ gầm rống chạy ra. Tôn kinh hãi lui về. Sau chúng thỉnh sư trở về chùa cũ Trang Nghiêm. Sư muốn xây pháp đường ở phía Đông điện. Trước có cây cổ thụ bày chim khách làm tổ trên đó, thợ sắp đốn. Sư bảo chim rằng: Đất này nay xây pháp đường, sao các người không sớm bay đi. Nói xong thì bày chim khách dời tổ sang cây khác. Lúc mới xây cất có hai thần định bốn góc lại ngầm giúp việc ban đêm nên chẳng mấy ngày thì xong. Do đó học đồ bốn phương nhóm về, người được pháp có đến ba mươi bốn vị, đều ở một phương khác mà độ nhiều chúng. Sư từng có kệ an tâm dạy chúng rằng:

*Nhân pháp đều dứt
Thiện ác cùng quên
Chân tâm chân thật
Đạo tràng Bồ đề.*

Niên hiệu Đại Lịch ba năm thứ ba đời Đường, trước thạch thất treo nôi, trên cây treo áo mùa hạ cây bị chết khô. Ngày rằm tháng 6 năm Đại Lịch thứ tư, Sư nhóm chúng Bồ tát xong thì sai thị giả cạo tóc rửa mình. Giữa đêm có mây lành che trên tinh xá, trên hư không có tiếng nhạc trời Ngài hỏi sáng chưa? rồi ngồi mà hóa. Lúc đó, mưa to gió lớn thổi gãy cây trong rừng, lại có cái móng trắng

vất ngang qua núi, mùa Xuân niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm làm lễ trà-tỳ, Xá-lợi thu được vô số, thọ tám mươi bảy tuổi.

Thiền Sư Pháp Dung trước đây có ba đời bàng xuất đệ tử nổi pháp.

Thiền sư Đàm Thôi trụ ở Chung Sơn thuộc Kim Lăng.

Người ở Ngô Quận, họ Cố. Lúc đầu đến yết kiến đại sư Pháp Dung ở Nguư Đầu. Đại sư nhìn thấy cho là kỳ lạ, bảo rằng: Sắc thanh là rượu độc của vô sinh thọ tưởng là hâm bầy của bậc chí nhân, ông có biết chăng. Sư làm thỉnh mà xét thì Đại Ngộ Huyền Chỉ. Liên ần dấu ở Chung Sơn suốt trong nhiều năm. Cát am tranh ở Ngõa Phủ để ở đến hết đời. Ngày mùng 06 tháng 02 niên hiệu Thiên Thọ năm thứ 3 đời Đường, Sư điềm nhiên nhập định bảy ngày mà tịch, thọ sáu mươi hai tuổi.

Thiền sư Trí Oai trước đây có ba đời bàng xuất đệ tử nổi pháp Thiền sư Huyền Đĩnh ở chùa An quốc ở Tuyên Châu:

Không biết người ở đâu, đã từng vào một ngày ở Trường An đến giảng kinh Hoa Nghiêm, có một vị Tăng đến hỏi Ngũ Tổ rằng: Chân tánh duyên khởi nghĩa ấy thế nào? Tổ im lặng. Lúc đó Sư đứng hầu một bên mới nói rằng: Này Đại đức, chính lúc khởi một niệm hỏi ấy là trong chân tánh duyên khởi. Vị tăng sau lời nói liền đại ngộ. Lại có người

1 hỏi Nam tông từ đâu mà lập? Sư đáp Tâm tông
2 chẳng có Nam Bắc.

3 - *Thiền sư Huyền Tổ ở Hạc Lâm Nhuận*
4 *Châu:*

5 Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Mã.
6 Trong niên hiệu Như Ý đời Đường Sư thọ nghiệp
7 tại chùa Trường Thọ ở Giang Ninh. Về già tham
8 kiến ngài Trí Oai Thiền sư bèn ngộ Chân tông. Sau
9 chùa Hạc Lâm tại Kinh Khẩu. Một hôm có người
10 đồ tể đến gặp Sư mời về nhà cúng dường. Sư vui
11 vẻ đến nơi. Chúng đều nghi ngờ, Sư bảo: Phật tánh
12 bình đẳng hiển ngu như nhau nhưng người đáng
13 được độ thì ta liền đến độ, đâu có gì khác nhau. Có
14 vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Sư nói
15 hiểu tức chẳng hiểu, nghi tức chẳng nghi. Sư lại
16 nói: Chẳng hiểu thì chẳng nghi, chẳng nghi thì
17 chẳng hiểu. Lại có vị Tăng gõ cửa, Sư hỏi: Ai đấy?
18 Đáp: Là Tăng. Sư nói: Chẳng phải chỉ là Tăng,
19 Phật đến cũng không dính. Thưa: Phật đến sao
20 không dính mặc Sư nói không có chỗ ông ghé nghỉ
21 ngơi - Ngày 11 tháng 11 niên hiệu Thiên Bảo năm
22 thứ mười một lúc nửa đêm, Sư không bệnh mà tịch,
23 thọ tám mươi lăm tuổi, xây tháp thờ ở núi Hoàng
24 Hạc. Vua sắc chỉ ban húy hiệu là Đại Tân Thiền
25 sư, tháp hiệu Đại Hòa Bảo Hàng.

26 - *Thiền sư Sùng Tuệ, ở núi Thiên Trụ Thư*
27 *Châu:*

1 Người ở Bành Châu, họ Trần. Niên hiệu Càn
2 Nguyên đời Đường lúc đầu Sư đến núi Thiên Trụ
3 ở Thục Châu xây chùa. Niên hiệu Vĩnh Thái năm
4 thứ nhất vua sắc ban hiệu là chùa Thiên Trụ. Có vị
5 Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Thiên trụ? Sư nói: Núi
6 Chủ Bộ cao khó thấy mặt trời. Trước ngọn Ngọc
7 cảnh dễ hiểu người.

8 - Hỏi: Khi Đạt-ma chưa đến xứ này thì có Phật
9 pháp hay không? Sư đáp: Thời vị lai đã bỏ việc nay
10 lấy gì sinh. Thưa rằng: Chẳng hiểu gì xin Sư giảng
11 rõ. Sư nói: Vạn cổ bầu trời cao rộng, lúc nào cũng
12 có gió trăng. Hỏi lâu lại nói Xà-Lê hiểu chẳng. Tự
13 mình phần trên làm sao sinh. Can hệ gì Đạt-ma kia
14 đến hay chưa đến làm gì. Người khác đến rất giống
15 ông thầy bói. Thấy ông chẳng hiểu cho ông một
16 chùy mà phá tan lời văn kỳ quái). Vừa sinh lạnh dữ
17 ở phần trên ông tất cả tự xem. Vị Tăng hỏi: Thế
18 nào là người hiểu bói toán? Sư nói khi ông vừa ra
19 khỏi cửa liền chẳng trúng. - Lại hỏi: Thế nào gia
20 phong của Thiên trụ? Sư nói: Khi có mây trắng đến
21 thì đóng cửa. Lại không có gió trăng bốn núi sông.
22 Hỏi: Tăng chết rồi thì ở đâu? Sư nói: Núi Tiềm cao
23 vót ngọn xanh rì, sông thư trắng sáng màu rực rỡ -
24 Hỏi: Thế nào là Phật Đại Thông Trí Thắng? Sư nói:
25 Nhiều kiếp đến nay không hề bít lấp chẳng phải
26 Phật Đại Thông Trí Thắng thì là cái gì? - Hỏi: Vì
27 sao Phật pháp chẳng hiện tiền? Sư nói: Chỉ vì ông
28 không hiểu cho nên thành chẳng hiện tiền. Nếu ông

hiếu rồi thì không có Phật Đạo để thành. - Hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói: Mây trắng tự che núi xanh, chim ong bay sân hoa - Hỏi: Từ trên các Thánh có nói năng gì? Sư nói: Nay Ông thấy ta có nói năng gì. - Hỏi: Trong tông môn thỉnh Sư lên tiếng? Sư nói: Trâu đá rống dài ngoài chân không, ngựa gồ hý vang ản núi. - Hỏi: Chỗ lợi người của Hòa-thượng như thế nào? Sư nói: Một cơn mưa thấm khắp sắc đẹp của ngàn núi. - Hỏi: Thế nào là người trong núi Thiên trụ? Sư nói: Riêng mình đến ngàn đánh núi, dạo chơi khắp suối chín khúc. - Hỏi: Thế nào là ý từ phương Tây đến? Sư nói: Vượn trắng ôm con đến núi xanh, ong bướm ngậm hoa mà hút nhụy. Sư ở núi giảng Đạo suốt hai mươi hai năm. Ngày 22 tháng 7 niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười bốn thì Sư thị tịch. Xây tháp thờ ở phía Bắc chùa để an táng toàn thân.

Thiền sư Huyền Tổ chùa Hạc Lâm Nhuận Châu trước đây có đệ nối pháp:

- Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn, thuộc Hàng Châu.

Người ở Côn Sơn Tô Châu, họ Chu. Xưa theo Nho học, năm hai mươi tám tuổi thì gặp Thiền sư Huyền Tổ, bảo rằng: Xem thấy ông thần khí ôn hòa thật là pháp bảo. Sư cảm ngộ nhận xin làm đệ tử. Huyền Tổ đích thân cạo tóc và dặn rằng: Ông đi theo con sông gặp núi Kính thì dừng. Sư bèn đi về Nam đến Lâm An thấy một ngọn núi ở phía Đông

1 Bắc nhân hỏi tiểu phu thì đáp đó là Kính Sơn, bèn
2 đến ở đó. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói:
3 Trên núi có cả chếp, đáy nước có bụi cỏ bông. Mã
4 Tổ sai người đưa thư đến, trong thư vẽ một hình
5 tròn. Sư bèn vạch một nét trong vòng tròn rồi gấp
6 thư gởi lại. Có vị Tăng hỏi Thế nào là ý Tổ sư từ
7 tây-trúc đến? Sư nói: Ông hỏi không đúng. Lại hỏi:
8 Thế nào là đúng, thì đáp đợi ta diệt độ rồi sẽ nói
9 cho ông biết - Mã Tổ sai đệ tử là Trí Tạng đến hỏi:
10 Trong mười hai giờ (24 giờ) lấy gì làm cảnh? Sư
11 nói: Đợi ông trở về sẽ có tin. Trí Tạng nói: Tôi
12 đang trở về. Sư nói: Truyền lời thì phải hỏi lấy Tổ
13 Tào Khê (Lục tổ) - Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba
14 đời Đường, Đường Đại Tông mời Sư vào Triều
15 kính lễ. Một hôm Sư ở trong sân thấy vua liền đứng
16 dậy. Vua hỏi: Sư vì sao mà đứng? Sư nói: Thí chủ,
17 đâu được trong bốn oai nghi mà thấy bản đạo. Vua
18 rất vui bảo Trung Quốc Sư rằng: Muốn ban cho
19 Khâm Sư một danh hiệu. Trung vui mừng dâng
20 chiếu bèn ban hiệu là Quốc Nhất. Sau từ biệt vua
21 trở về núi. Vào tháng 12 niên hiệu Trinh Quán năm
22 thứ tám Sư đang nói pháp thì mất thọ bảy mươi
23 chín tuổi. Vua sắc ban thụy hiệu là Đại Giác Thiên
24 sư.

25 Thiên sư Đạo Khâm ở Kính Sơn thuộc hàng
26 Châu trước đây có Đệ tử Đệ tử nổi pháp:

27 Thiên sư Đạo Lâm ô Sào ở Hàng Châu.

28 Người ở Phú Dương thuộc Bôn quận, họ Phan.

1 Mẹ là bà họ Chu thấy ánh sáng chạy vào miệng bèn
2 có thai. Khi sinh ra thì mùi thơm lạ đầy nhà bèn đặt
3 tên là Hương Quang. Chín tuổi xuất gia, năm hai
4 mươi một tuổi thọ giới cụ túc tại chùa Quả Nguyên
5 ở Kinh Châu. Sau đến nơi Pháp sư Phục Lễ ở Chùa
6 Tây Minh tại trường An mà học kinh Hoa Nghiêm
7 và Luận Khởi Tín. Phục lễ lấy tụng Chân Vọng dạy
8 tu thiền- na. Sư hỏi rằng: Trước hết quán cái gì,
9 dụng tâm như thế nào? giây lâu Phục lễ không nói.
10 Sư lay ba lay mà lui ra. Vua Đường Đại tông ban
11 chiếu mời Thiền sư Quốc Nhất ở Kính Sơn vào
12 triều. Sư đến yết kiến bèn được chánh pháp. Khi
13 trở về Nam trước là chùa Vĩnh Phước Cô Sơn, có
14 tháp Bích Chi Phật, lúc đó đạo tục cùng làm pháp
15 hội. Sư chống tích trượng mà vào, có Pháp sư Thao
16 Quang ở chùa Linh Ẩn hỏi rằng: Pháp hội này lấy
17 gì làm tiếng? Sư nói: Không có tiếng ai biết là hội.
18 Sau thấy núi Tàn Vọng có cây thông lớn cành lá
19 sum xuê tròn như cái lọng bèn leo lên đó mà ở, nên
20 người ta gọi là Thiền sư Ô Sào. Lại có ổ chim
21 Thước (khách) ở đó rất quen thuộc với người, nên
22 gọi là Hòa- thượng Thước Sào. Có thị giả là Hội
23 Thông bỗng một hôm đến từ giã Sư mà đi. Sư hỏi:
24 Nay ông đi đâu? Đáp: Hội thông vì pháp xuất gia,
25 vì Hòa-thượng không dạy dỗ gì nên đến các nơi
26 khác mà học Phật pháp. Sư nói: Nếu là Phật pháp
27 thì ta ở đây cũng có chút ít. - Hỏi: Phật pháp của
28 Hòa-thượng ra sao? Sư bèn lấy lông tơ vải áo đang

1 mặc mà thôi. - Hội thông hiểu được ý sâu kín.
 2 Trong niên hiệu Nguyên Hòa, Bạch Cư Dị ra trấn
 3 thủ ở Quận Tư, nhân vào núi lễ Sư bèn nói Sư rằng:
 4 Thiên sư ở chỗ rất nguy hiểm. Sư đáp: Thái Thú
 5 nguy hiểm càng hơn. Bạch hỏi: Đệ tử vị trấn giữ
 6 sông núi sao có nguy hiểm. Sư nói: Củi lửa giao
 7 nhau tánh biết không dừng, sao chẳng nguy hiểm.
 8 Lại hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư đáp: Các
 9 điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm. Bạch Cư
 10 Dị nói: trẻ ba tuổi cũng nói được. Sư đáp: Trẻ ba
 11 tuổi nói được mà người già tám mươi không làm
 12 được. Bạch bèn đánh lễ. Sư vào ngày mùng 10
 13 tháng 2 niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư, bảo
 14 thị giả rằng: Nay ta báo đã hết, nói xong thì ngồi
 15 mà hóa. Thọ tám mươi bốn tuổi, tuổi lập sáu mươi
 16 ba.

17 Thiên sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu đây có
 18 đệ tử Đệ tử nổi pháp

19 - *Thiên sư Hội Thông, chùa Chiêu Hiền ở*
 20 *Hàng Châu.*

21 Người ở Bốn quận, họ Ngô vốn tên Nguyên
 22 Khanh hình tướng khôi ngô tuổi nhỏ mà rất thông
 23 minh. Đời Đường Đức Tông làm Lục cung Sứ.
 24 Vương tộc đều thích. Mùa xuân thấy cung Chiêu
 25 Dương hoa nở rộ bèn đến ngắm xem rất lâu. Bỗng
 26 nghe trên hư không có tiếng nói: Tướng hư huyền
 27 nở tàn không dừng có thể làm hại gốc lành. Sao
 28 Nhân giả lại ưa thích. Sư sức tỉnh nghĩ là tuổi trẻ

1 sùng thiện quá lắm ắt sinh chán sợ. Vua một hôm
2 dạo cung hỏi: Sao khanh chẳng vui? Tâu rằng:
3 Thần từ nhỏ không ăn mặn chỉ muốn theo Phật.
4 Vua nói trầm xem khanh như Côn Trọng nhưng
5 giàu sang muốn hơn người là không trái với khanh
6 chỉ xuất gia thì không được. Sau đó, vua thấy dung
7 mạo tiều tụy liền ban chiếu sai làm Vương Tân
8 Tướng. Tâu rằng: Người này nối tiếp làm hưng
9 thịnh Tam bảo. Vua bảo Sư rằng: Như khanh xin
10 chọn ngày xa gần mà tâu lại. Sư rất tạ ân. Vừa được
11 tin nhà nói mẹ bệnh bèn xin về thăm viếng. Vua
12 ban thưởng rất hậu. Sai Hữu Ty đưa tiễn Sư. Đến
13 nhà chưa bao lâu gặp Pháp sư Thao Quang khuyên
14 gắng bèn gặp Ô Sào nguyện làm thí chủ cùng lập
15 am xây chùa. Chùa thành bèn thưa rằng: Đệ tử bảy
16 tuổi đã ăn chay, mười một tuổi thọ năm giới, nay
17 hai mươi hai tuổi vì xuất gia mà từ quan, xin Hòa-
18 thượng trao cho tăng tướng. Đáp rằng: Thời nay
19 làm Tăng có người khổ nhọc làm nhiều việc lăm
20 dụng. Sư nói: Vốn trong sáng chẳng cần mài giũa,
21 căn bản sáng tỏ không tùy theo soi chiếu. Bảo rằng:
22 Nếu ông thể tịnh trí diệu viên vốn tự trống vắng
23 (không tịch thì đó là chân xuất gia rồi, cần gì phải
24 nhờ tướng bên ngoài). Ông chính là Bồ tát Tại Gia,
25 giới thí đều tu như bạn bè của Tạ Linh Vân kia. Sư
26 nói đúng thế, lý tuy như thế nhưng với sự nào có
27 ích gì. Nếu được nhiếp thọ thì thể vâng theo lời Sư
28 dạy. Ba lần thỉnh Như thế đều không chịu ừ. Lúc

1 đó Thao Quang bền kiên quyết thừa Ô Sào rằng:
2 Cung sứ chưa hề cưới cũng không nuôi thị nữ.
3 Thiên sư nếu vẫn không thừa tiếp thì ai được độ. Ô
4 Sào liền xuống tóc và truyền Giới cụ túc cho. Sư
5 thường ăn chay giờ mẹo ngày đêm tinh tiến tụng
6 kinh Đại thừa mà tu Tam-muội An Ban. Vừa cổ từ
7 tạ để đi du phương, Ô Sào lấy lông vải (thỏ) mà
8 ngộ chỉ. Lúc đó gọi là Bồ ma thị giả (Thị giả lông
9 vải). Đến khi Ô Sào qui tịch hai mươi năm thì
10 Đường Võ Tông phá chùa, Sư cùng Tăng chúng
11 lay từ Linh tháp mà đi xa, không biết cuối cùng ra
12 sao.

13 Thiên sư Tuệ Trung trước đây có hai đời đệ tử
14 Đệ tử nối pháp: Thiên sư Duy Tắc ở hang Phật
15 Quật núi Thiên Thai.

16 Người ở Kinh Triệu, họ Trương Tôn. Lúc nhỏ
17 gặp Thiên sư Trung ở Ngưu Đầu mà đại ngộ huyền
18 chỉ, sau ẩn vào ngọn phía Tây của Bạo Bồ ở Thiên
19 Thai. Trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường,
20 giảng kinh dần thanh. Lúc đầu chỉ hang núi đang ở
21 là Phật Quật. Một hôm dạy chúng rằng: Trời đất
22 không có vật, ta cũng không có vật, nhưng chưa
23 từng không có vật, vậy thì bậc Thánh như bóng
24 trăm năm như mộng, thì cái gì là sinh tử. Bậc chí
25 nhân do đó mà riêng xét chiều mà làm chủ muôn
26 vật. Ta biết như thế. Các ông có biết chăng? Có vị
27 tăng hỏi: Thế nào là mũi tên Na-la-diên? Sư nói:
28 Là trúng đích. Bỗng một hôm bảo đệ tử rằng: Các

1 ông nên cố gắng, ta đâu có nói gì! Hai hôm sau,
2 giữa đêm Sư ngồi yên mà thị tịch, thọ tám mươi
3 tuổi, tuổi lập năm mươi tám.

4 Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên
5 Thai đệ tử Đệ tử nói pháp Thiên Thai Sơn.

6 Thiền sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai.

7 Đã từng có vị Tăng ở viện Hoa Nghiêm là Kế
8 Tông hỏi rằng: Thấy tánh thành Phật nghĩa ấy thế
9 nào? Sư nói: Tánh thanh tịnh xưa nay rộng sáng
10 không hề lay động, chẳng thuộc có không, tịnh uế,
11 dài ngắn, lấy bỏ, tự thể thường như thế. Thấy rõ
12 như thế thì gọi là thấy tánh. Tánh tức Phật, Phật tức
13 tánh, cho nên nói thấy tánh thành Phật. - Hỏi: Tánh
14 đã thanh tịnh thì chẳng thuộc có không, vì sao lại
15 có thấy? - Sư nói: Thấy không chỗ thấy - Hỏi:
16 Không chỗ thấy vì sao lại có thấy? Sư nói: Chỗ
17 thấy cũng không. - Hỏi: Như thế khi thấy là ai
18 thấy? Sư nói: Không có người tự nhiên thấy - Hỏi:
19 rốt ráo lý ấy ra sao? Sư nói: Ông biết chẳng vọng
20 suy nghĩ là có tức có, năng sở được gọi là mê, theo
21 thấy mà sinh hiểu thì rơi vào sinh tử. Người thấy
22 rõ (minh kiến) thì chẳng như thế. Suốt ngày thấy
23 mà không hề thấy, cầu chỗ thấy thể tướng chẳng
24 thật có năng sở đều mất thì gọi là thấy tánh. Hỏi:
25 Tánh này ở khắp tất cả chỗ chẳng? Sư nói: Không
26 chỗ nào chẳng khắp. Hỏi: Phạm phủ có chẳng? Sư
27 nói: Trước nói không chỗ nào chẳng khắp há phạm
28 phủ mà không đủ ư? - Hỏi: Vì sao chư Phật Bồ tát

không bị sinh tử trôi buộc, mà riêng phàm phu lại bị khô này, thì đâu là khắp được? Sư đáp: Phàm phu ở trong tánh thanh tịnh chấp có năng sở liền rơi vào sinh tử. Còn chư Phật Đại sĩ khéo biết trong tánh thanh tịnh chẳng thuộc có không, tức năng sở chẳng lập - Hỏi: Nếu nói như thế thì có người liễu và chẳng liễu? Sư nói: Liễu còn chẳng thật có, há có người tự nhiên liễu ư? - Hỏi: Lý rốt ráo ra sao? Sư đáp: Ta nói tóm tắt, ông ở ngay niệm này trong tánh thanh tịnh không có Thánh phàm, cũng không có người liễu và người không liễu. Hai loại Phàm và Thánh đều là tên gọi, nếu theo tên mà sinh hiệu thì liền rơi vào sinh tử. Nếu biết là giả danh không thật, thì tức là không có tên gọi này. Lại bảo đây là chỗ rất rốt ráo, nếu nói ta có thể thấy liễu mà người kia không có thể thấy liễu thì là bệnh lớn, thấy có tịnh uế, phàm Thánh cũng là bệnh lớn. Nếu hiểu không có phàm Thánh thì thuộc về bác không có nhân quả. Thấy có tánh thanh tịnh để nương tựa cũng là bệnh lớn, hiểu không có chỗ nương tựa cũng là bệnh lớn. Nhưng trong tánh thanh tịnh tuy không có lay động mà lại đầy đủ các phương tiện ứng dụng bất hoại và hưng vận lòng từ bi chỗ hưng vận như thế tức hoàn toàn là tánh thanh tịnh, có thể gọi là thấy tánh thành Phật. Kế Tông vui mừng lay tạ mà lui.

Tổ thứ 32: ĐẠI SƯ HOẢNG NHÃN: Đời thứ

nhất bàng xuất đệ tử Đệ tử nổi pháp.

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông.

Người ở phủ Khai Phong, họ Lý. Thuở nhỏ học Nho lâu thông các sách, bỗng bỏ ái đi xuất gia tìm thầy học đạo. Đến chùa Đông Sơn ở Song Phong thuộc Kỳ Châu, gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn lấy ngôi thiền làm cốt yếu (sự nghiệp) bèn khen phục rằng: Đây mới thật là thầy ta. Bèn tâm thề khổ nhọc gánh nước bữa cùi tự phục dịch mà cầu đạo. Hoằng Nhẫn thâm biết nên càng chú trọng dạy dỗ, bảo rằng: Ta độ nhiều người nhưng ngộ giải thì không ai bằng ông. Khi Tổ Hoằng Nhẫn đã tịch, Thần Tú bèn đến trụ núi Đương Dương ở Giang Lăng. Đường Võ Hậu nghe tiếng Sư bèn mời vào kinh, ở trong Nội đạo tràng mà cúng dường, càng đặc biệt kính lễ, cho lập chùa Độ Môn ở núi cũ mà biểu thị cho đức độ của Thần Tú. Lúc đó Vương công sĩ thứ đều bái phục. Đến lúc Đường Trung Tông lên ngôi thì càng trọng vọng Sư, Đại thân Trương Thuyết đã từng hỏi pháp yếu và xin làm đệ tử. Sư có bài kệ dạy chúng rằng:

Tất cả Phật pháp

Tự tâm vốn có

Cầu vật ngoài tâm

Bỏ cha đi hoang.

Niên hiệu Thần Long năm thứ hai, Ngài ở chùa Thiên Cung ở Đông Đô mà viên tịch. Vua ban thụy

là Đại Thông Thiên sư, đầy đủ nghi lễ an táng ở Long Môn. Vua tiến đến cầu, các Vương công sĩ thứ cùng đưa đến huyệt. Trương Thuyết và Trung Sĩ Lô Hồng làm bia. Môn nhân là Phổ Tịch, Nghĩa Phước v.v... đều được triều đình và thôn quê kính trọng.

2. Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc.

Người ở Chi Giang thuộc Kinh Châu, họ Vệ. Vua Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy năm giữ thiên hạ, riêng độ tăng ni, khen sư là cây vô danh. Sư bèn tuần du các hang núi. Trong niên hiệu Đại Nghiệp mộ người khai thông sông ngòi, người đói khát rất nhiều, Sư đi khát thực mà cứu rất đông. Vua Tùy Dạng Đế mời, Sư không đến, trốn vào núi Thái Hòa. Khi vua đến Giang Đô trong nước nhiều nhường, bèn chống tích trượng lên chùa Hoành Nhạc tu hạnh đầu đà. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường Sư đến Huỳnh Mai yết kiến Tổ Hoằng Nhãn nhận được tâm yếu. Niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất bèn đến Thạch Bích ở núi Chung Nam mà ở đấy. Vua Đường Cao Tông mời Sư cũng không đến. Sư trải khắp các danh tích, đến Tùng Thiếu thì bảo rằng: Ta mất ở đây. Từ đó người tu thiên càng hội họp, có hai vị Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn rằng: Thế nào là ý của Tổ sư ở Tây Trúc đến? Sư đáp: Sao không hỏi ý mình? Thừa rằng: Ý mình như thế nào? Sư nói nên quán tác dụng ngầm. Hỏi: Thế nào là tác dụng

1 ngằm? Sư nháy mắt mấy cái mà biểu thị. Nhưng
2 sau lời nói thì biết về mà không đến nơi khác. Hoài
3 Nhượng duyên chưa chín bèn từ giả mà đến Tào
4 Khê. Võ Hậu mời Sư về triều đãi lễ thầy trò, cùng
5 tôn trọng như Thiên sư Thần Tú. Võ Hậu có hỏi Sư
6 về Giáp Tử. Sư nói không nhớ. Võ Hậu hỏi sao
7 không nhớ. Sư đáp: Thân sinh tử như cuộc tuần
8 hoàn, hoàn hết và không khởi thì nhớ làm gì.
9 Huống chi tâm này rong chạy mãi không dừng,
10 thấy bọt nước sanh diệt hắt là luống dối. Từ sơ
11 thức (thức đầu Tiên) cho đến tướng động, khi diệt
12 cũng chỉ như thế, có năm tháng nào mà nhớ, Võ
13 Hậu nghe xong gật đầu tin nhận. Đến niên hiệu
14 Thần Long năm thứ hai, vua Đường Trung Tông
15 ban cho y ca sa tím, Sư độ được 14 vị đệ tử, vẫn
16 vào cung cấm được cúng dường ba năm, vua lại
17 ban cho một ma-nạp. Sư từ giả Tung Nhạc. Năm
18 đó ngày mồng 3 tháng 3 Sư dặn dò các đệ tử rằng:
19 Ta chết rồi hãy mang thầy ta vào rừng đợi lửa rừng
20 thiêu đốt. Bỗng lúc đó có Vạn Hồi Công đến thăm
21 thì tha thiết nắm tay bàn nói, người đứng hầu bên
22 cạnh lắng nghe mà chẳng hiểu gì. Đến ngày mồng
23 8 thì đóng cửa ngòi yên mà thị tịch thọ một trăm
24 hai mươi tám tuổi (sinh năm Nhâm Dần, niên hiệu
25 Khai Hoàng thứ hai đời Tùy, mất vào niên hiệu
26 Cảnh Long thứ ba Đường, Kỷ Dậu, đời gọi là Lão
27 An Quốc sư). Đệ tử vâng lời đặt thầy trong rừng,
28 quả nhiên lửa rừng tự thiêu, xá-lợi thu được tám

mười hạt, có năm hạt màu đỏ tía giữ ở trong cung. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, đệ tử xây tháp thờ.

3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn thuộc Viên Châu:

Người ở Phàn Dương, là con cháu của Trần Tuyên Đế, nước mất nên lưu lạc chốn dân gian vì là cháu vua nên được (xem trọng) do đó có hiệu là Tướng quân. Thuở nhỏ Sư xuất gia ở chùa Vĩnh Xương mộ đạo rất chí thiết. Bèn đến nương Pháp Hội của Ngũ Tổ mà hết lòng nghiên tầm. Lúc đầu chưa hiểu, khi nghe Tổ ngâm giáo y pháp cho Lô Hành Giả (Lục tổ Tuệ Năng) thì liền dẫn mấy mươi người đồng tâm ý đuổi theo tìm đến núi Đại Tẩu. Sư đi trước nhất, những người kia chưa đến. Lô Hành Giả thấy Sư bèn chạy đến đề y bát trên tảng đá bằng, bảo rằng: Y này biểu thị cho lòng tin, lại dùng sức mà tranh giành ư? Ông cứ lấy đi. Sư bèn cầm lên, nhưng nặng như núi không thể nâng lên được, bèn do dự khiếp sợ thưa: Con đến đây cầu pháp chứ không phải cầu y, xin hành giả chỉ dạy cho con. Lục Tổ nói chính lúc không nghĩ thiện không nghĩ ác là mặt mũi xưa nay của Thượng Tọa Minh. Ngay lời nói ấy thì Sư Đại ngộ, toàn thân ướt đẫm mồ hôi, khóc lạy thưa rằng: Ngoài mặt ngữ mật ý trên, còn có ý chỉ nào khác chăng? Lục Tổ nói: Nay ta nói với ông thì không phải mật nữa, nếu ông chiếu soi lại lấy mình mà nhìn, thì mật liền

ở bên ông. Sư nói: Con trước nay ở bên ngài Huỳnh
Mai theo chúng, nhưng chưa tự xét mình mà nhìn,
nay xin chỉ trao chỗ vào, như người uống nước
nóng lạnh tự biết. Nay hành giả tức là thầy con.
Lục Tổ nói: Như thế thì ta cùng ông đồng thầy là
ngài Huỳnh Mai, hãy tự khéo giữ gìn. Sư lại hỏi:
Sau này con nên về đâu? Tổ nói gặp Viên thì dừng
gặp Mông thì ở. Sư bèn lễ tạ, rồi đến một chân núi
bảo mọi người rằng: Leo lên chót vót mà xa trông
thì chồng chất không dấu vết hãy tìm đường khác
cũng thế. Sư trở về, bèn một mình đến Đài Bồ
Thủy ở Lô Sơn, ở đó ba năm. Sau mới đến Mông
Sơn ở Viên Châu mà rộng hoàng hóa. Lúc đầu tên
là Tuệ Minh, vì tránh chữ Tuệ của Tổ Tuệ Năng
nên gọi là Đạo Minh. Sư dặn dò các đệ tử đều đến
Lãnh Nam mà tham vấn Lục Tổ.

*** Đệ tử nổi pháp Thiền sư Thần Tú Bắc
Tông (Đời thứ hai của Tổ Hoằng Nhẫn)**

1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài.

Người ở An Lục, họ Tào. Thuở nhỏ thọ nghiệp
với Thiền sư Lãng ở Viện Minh Phước. Trước
giảng kinh luận, sau tham thiền. Khi tới Bắc tông,
Thiền sư Tú hỏi: Chỗ mây trắng tan ra sao? Sư nói:
Không hiểu. Tú lại hỏi: Đến chỗ này sau thế nào?
Sư đáp: Chánh thấy một cảnh có năm lá. Tú làm
thịnh chấp nhận. - Vào thất đứng hầu đối đáp hầu

1 như không sai lầm. Bèn tìm đến Thượng Đảng Hàn
2 Lãnh mà ở. Được mấy năm chúng đông cả ngàn.
3 Sau, Sư hoằng hóa ở Ngũ Đài hơn hai mươi năm
4 sau thì nhập diệt, thọ tám mươi một tuổi vào ngày
5 mùng 03 tháng 09 niên hiệu Khai Nguyên thứ 15
6 đời Đường. An táng toàn thân trong tháp.

7 **2. Thiên sư Trí Phong ở núi Trung Điều** 8 **thuộc Phủ Hà Trung:**

9 Họ Ngô, trước học luận Duy Thức bị đánh mắc
10 bởi Danh Tướng, bị người hiểu gạn hỏi: Nổi giận
11 mà bỏ giảng, đi đến núi Võ Đang, gặp Thiên sư Tú
12 thì tâm nghi sớm loại trừ. Nghĩ nuôi mầm Thánh
13 bèn từ giả mà đi, đến ở núi An Phong tại Bồ Tân
14 mười năm chẳng xuống núi chỉ ăn rau cỏ uống
15 nước suối. Thục Châu Mục Vệ Văn Thăng mời sư
16 về thành nội, xây dựng viện Tân An Quốc mà ở.
17 Đạo tục kéo đến không ngớt. Sứ quân hỏi rằng:
18 Nay ta ngày sau thế nào? Sư nói: Mặt trời từ mưa
19 ra, chiêu cây toàn không bóng. Sứ quân mới đầu
20 không thể nào hiểu được, chấp tay vái chào mà lui,
21 sau đó lựa chọn hiểu ra mà cảm thấy thoải mái thư
22 thái. Sư qua lại núi Trung Điều ở hơn hai mươi
23 năm, người được Đạo đông vô số. Sau khi Sư mất
24 thì đệ tử xây tháp thờ ở phía Bắc thành của Châu.

25 **3. Thiên sư Hàng Ma tạng ở Duyên Châu:**

26 Người ở Triệu quận, họ Vương, cha là làm hào
27 Duyên (quan chức nhỏ). Sư 7 tuổi đã xuất gia. Lúc

đó ở Thục Dĩ có nhiều yêu quái ưa mê hoặc người, Sư một mình chế phục không chút sợ sệt, nên được gọi là Hàng Ma. Liền nương Thiền sư Minh Tấn ở viện Quảng Phước mà xuất gia siêng tu. Sau khi thọ pháp gặp Bắc Tông Thần Tú thanh hành bèn thề qui y. Tú sư hỏi: Ông tên Hàng Ma ở đây không có ma núi quỷ cây thì ông lại làm ma ư? Sư nói: Có Phật thì có ma. Tú nói: Nếu ông là ma thì ở cảnh giới không nghĩ bàn. Sư nói: Là Phật cũng không sao có cảnh giới. Tú huyền ký rằng: Ông với gò Thiệu Hạo có duyên Sư bèn tìm vào núi Thái, có rất nhiều người học theo về. Một hôm sư bảo các đệ tử rằng: Ta đã già yếu, vật cuối cùng có chỗ về. Nói xong thì mất, thọ chín mươi một tuổi.

4. Thiền sư Đạo thọ ở Thọ Châu:

Người ở Đường Châu, họ Văn, thuở nhỏ tìm tòi kinh sách, đến năm mười tuổi nhân gặp được vị cao tăng khuyên dạy nên thệ xuất gia, lễ Tuệ văn ở núi Minh Nguyệt thuộc bốn bộ làm thầy. Sư then lớn tuổi mới cầu pháp bèn gắng chí đi khắp không đâu chẳng đến. Sau trở về Đông Lạc gặp Thiền sư Tú. Sau lời nói biết có hiểu chút ít sẽ thành pháp khí. Bèn đến núi Tam Phong ở Thọ Châu, cất am tranh mà ở. Thường có người quê mặc áo lụa trắng lời lẽ chất phác, nói chuyện kỳ lạ đùa cười và hóa hiện các hình Phật Bồ tát, La-hán Thiên Tiên v.v... hoặc phát ra ánh sáng lạ hoặc tạo tiếng vang, Sư và học trò thấy việc đều chẳng lường. Như thế mười

năm thì dứt bật không hình bóng. Sư bảo chúng rằng: Các người quê có nhiều hình sắc khéo léo mê hoặc người để làm mất cái chẳng thấy chẳng nghe của Lão Tăng chỉ có Lão Tăng chẳng thấy chẳng nghe, tài khéo ấy chẳng còn mà chẳng thấy chẳng nghe của ta thì không hết. Niên hiệu Bảo Lịch năm thứ nhất đời Đường bị bệnh mà mất, thọ chín mươi hai tuổi, tháng giêng năm sau thì xây tháp.

5. Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương Hoài Nam:

Người ở Quang Châu, họ Nhuế. Lúc đầu cất am mà ở. Thái Thú Vệ Văn Khanh mời Sư đến chùa Trường Thọ ở bốn châu mở pháp Hội nhóm họp đồ chúng. Văn Khanh hỏi: Tương lai Phật pháp hưng suy ra sao? Sư đáp: Vật chân thật không xưa không nay cũng không khuôn phép. Pháp hữu vi bốn tướng đối dời. Pháp sẽ bị vui lấp, ông đợi sẽ thấy. Sư chín mươi ba tuổi thì mất. Ngày mùng 07 tháng 09 năm Giáp Tý Niên hiệu Hội Xương thứ tư đời Đường thì nhập tháp.

*** Đệ tử nổi pháp Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc**

1. Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh:

Từ Tung Sơn bỏ thừa hởi đến Khoáng Giao. Lúc đó thường gọi Hòa-thượng là Đăng Đăng,

1 trong niên hiệu Thiên Sách Vạn Tuế thời nhà
2 Đường, Thiên Hậu ra chiếu mời vào trước điện. Sư
3 nhìn Thiên Hậu hồi lâu rồi nói: Hiểu chăng? Hậu
4 nói chẳng hiểu. Sư nói: Lão tăng giữ giới không
5 nói. Nói xong thì bước ra. Hôm sau dâng khúc ca
6 ngắn có mười chín đoạn, Thiên Hậu xem mà vui
7 ban thưởng rất hậu, Sư đều không nhận. Lại khiến
8 viết bài ca mà truyền khắp trong nước. Lời ca đều
9 diễn bày chân lý để khuyên răn thời tục, chỉ có bài
10 Liễu Nguyên Ca là thanh hành ở đời.

11 ***2. Hòa thượng Phá Táo Đạo ở Tung Nhạc.***

12 Không xưng tên tuổi, ngôn hạnh (lời nói và
13 việc làm) khó lường, ẩn cư ở Tung Nhạc. Sơn Đảo
14 có miếu rất linh, trong điện thờ chỉ có một cái bếp
15 lò, xa gần đến cúng tế không ngớt nấu nướng giết
16 hại sinh mạng rất nhiều. Một hôm Sư dẫn Thị Tăng
17 đi vào miếu, lấy tích trượng đập vào bếp ba cái bảo:
18 Ôi, Táo này, chỉ là đất sét nắn thành Thánh từ đâu
19 đến, linh từ đâu khởi, tại sao lại hưởng vật mạng
20 cúng của người ta. Lại đập ba cái thì bếp nghiêng
21 rớt xuống đất. Phút chốc thì có một người mặc áo
22 xanh đầu đội mũ bông lạy trước Sư. Sư hỏi: Người
23 là ai. Đáp: Con là Thân Táo trong miếu này từ lâu
24 chịu nghiệp báo, hôm nay được Sư nói pháp vô
25 sinh mà được thoát chỗ này sinh lên cõi trời, nên
26 đến đây lễ tạ. Sư nói: Đó là ông vốn có tánh không
27 phải ta nói ép. Thân Táo lạy lễ và biến mất, Thiếu
28 tuyền thị Tăng v.v... đều hỏi Sư rằng: Chúng con

1 là những người ở lâu bên Hòa-thượng mà chưa hề
2 nghe Thầy khổ công dạy bảo, còn Thần Táo được
3 ý chỉ thẳng tắt nào mà được sinh lên cõi trời. Sư
4 nói: Ta chỉ nói ông ta là do đất sét tạo thành, ngoài
5 ra cũng không có đạo lý nào vì ông ta. Thị Tăng
6 đứng yên không nói, Sư hỏi hiểu chẳng? Chủ sự
7 thưa không hiểu. Sư nói: Tánh vốn có vì sao chẳng
8 hiểu. Thị Tăng bèn đánh lễ. Sư nói rơi xuống rơi
9 xuống, nát ra nát ra (bể tan bể tan). Sau có Thiên
10 sư Nghĩa Phong đem thưa với Quốc sư An, Quốc
11 sư than rằng: Người này hiểu hết các vật đồng nhất
12 như ta, có thể nói rằng: Trăng sáng trên không đều
13 thấy. Khó gặp ngữ mạch ấy. Thiên sư Nghĩa Phong
14 liền khoanh tay cúi đầu hỏi rằng: Chẳng hay ai gặp
15 ngữ mạch khác? Quốc sư nói không biết - Lại có
16 Tăng hỏi: Khi mọi vật vô hình thì ra sao? Sư nói:
17 Lễ tức chỉ là ông mà không phải ta, bất lễ (chẳng
18 lay) chỉ có ta mà chẳng phải ông. Vị Tăng ấy bèn
19 lễ tạ. Sư nói: Vật vốn có là vật chẳng phải vật. Do
20 đó mà Đạo tâm chuyển được vật tức đồng Như lai.
21 Lại có vị tăng hỏi: Thế nào là người tu hạnh lành?
22 Sư nói: Cảm thương mặc giáp. Thế nào là người
23 làm hạnh ác? Sư nói: Tu thiên nhập định. Tăng
24 thưa: Con căn cơ còn cạn, thỉnh sư chỉ thẳng. Sư
25 nói: Ông hỏi ta ác, ác chẳng từ thiện, ông hỏi ta
26 thiện, thiện chẳng từ ác. Hồi lâu lại hỏi: Hiểu
27 chẳng? Tăng thưa: Không hiểu. Sư nói: Người ác
28 không có niệm lành, người lành không có tâm ác.

1 Do đó nói thiện ác như mây nổi, đều không có chỗ
2 khởi diệt. Vị tăng ấy sau đó liền đại ngộ

3 - Có vị tăng từ núi Ngưu Đầu đến. Sư hỏi: Ông
4 đến từ pháp Hội nào? Tăng đèn gần chấp tay đi
5 nhiều quanh Sư một vòng rồi lui ra. Sư nói: Ở Hội
6 Ngưu Đầu chẳng thể có người này. Tăng bèn trở
7 lại chấp tay hướng bên Sư. Sư nói quả nhiên quả
8 nhiên! Tăng liền hỏi: Sư ứng vật chẳng do thời
9 khác là sao? Sư nói: Tranh được chẳng do khác.
10 Tăng hỏi: Cái gì là thuận chánh về nguồn? Sư nói:
11 Về nguồn sao thuận? Tăng nói: Không phải Hòa-
12 thượng làm lẫn chiêu lỗi. Sư nói: Cũng là Đạo lý
13 chưa thấy bốn tổ, thấy rồi thì thông tương lai. Tăng
14 liền đi nhiều một vòng rồi lui ra. Sư nói: Đạo thuận
15 chánh xưa nay vẫn thế. Tăng đánh lễ - Lại Tăng thì
16 đứng hầu lâu. Sư bảo: Tổ tông Phật Phật chỉ nói như
17 người. Bồn tánh bồn tâm chẳng có đạo lý khác.
18 Hiểu lấy hiểu lấy. Tăng lễ tạ, Sư bèn lấy phát trần
19 đánh bảo rằng: Một chỗ như thế, ngàn chỗ cũng
20 thế. Tăng liền chấp tay đến trước Sư dạ một tiếng.
21 Sư nói: Lại chẳng tin, lại chẳng tin. Tăng hỏi: Thế
22 nào là kẻ Đại xiển đề? Sư nói: Tôn trọng lễ bái. Lại
23 hỏi: Thế nào là người Đại tinh tiến? Sư nói: Hủy
24 nhục sân giận. - Sau chẳng biết Sư mất ở đâu?

25 **3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc:**

26 Người ở Y Khuyết, họ Lý, xuất gia từ nhỏ. Niên
27 hiệu Vĩnh Thuận năm thứ hai đời Đường, Sư thọ
28 giới cụ túc ở chùa Lệ Nhân cư. Học tập Tỳ ni

1 không mệt mỏi. Sau yết kiến An Quốc sư dùng
2 chân tông ấn khả mà đốn ngộ huyền chỉ, liền chọn
3 am tranh ở núi Bàn Ổ. Một hôm có Dị nhân đội
4 mào mặc áo kép quân cụt đi đến. Người theo sau
5 rất đông, dáng nhẹ nhàng thong dong đến ra mắt
6 Đại sư. Sư thấy hình dáng kỳ vĩ phi thường bèn bảo
7 rằng: Mau đến đây nhân giả. Bèn hàm hồ mà đến
8 nói sư đâu biết ta? Sư nói: Ta xem chư Phật và
9 chúng sinh bình đẳng ta nhìn qua há phân biệt ư?
10 Ông ấy bảo ta là thần núi này, có thể khiến người
11 sống chết, Sư sao có thể nhìn qua ta. Sư nói: Ta
12 vốn chẳng sinh, ông đâu thể chết. Ta thấy thân
13 cùng không như nhau, thấy ông cùng ta như nhau.
14 Ông có thể phá hoại không và ông ư? Nếu có thể
15 phá hoại không và ông thì ta không sinh không
16 diệt. Ông còn chẳng thể như thế thì sao có thể làm
17 ta sống chết. Thần cúi đầu thưa: Tôi cũng thông
18 minh chánh trực như các thần khác, đâu biết Sư có
19 trí tuệ biện luận rộng lớn? Nguyên xin trao cho
20 chánh giới để khiến tôi vượt (thoát) đời. Sư nói:
21 Ông đã xin giới tức là đã thọ giới rồi. Vì sao ? vì
22 ngoài giới không có giới thì là giới nào? Thần nói
23 lý này tôi nghe mịt mù. Chỉ cầu giới của Sư, tôi xin
24 làm đệ tử. Sư liền bày chỗ ngồi cầm lò hương ngay
25 nơi bàn mà bảo rằng: Ta trao cho ông năm giới,
26 nếu giữ được thì nói được nếu không giữ được thì
27 nói không. Thần nói xin vâng lời. Sư nói: Ông
28 chẳng dám được không? Thưa: Cũng có cưới vợ.

1 Sur bảo: Không phải nói cái đó, mà là không có
2 giảng lược được. Thần nói: Giữ được. Sur nói: Ông
3 chẳng trộm cắp được chăng? Thần đáp: Tôi có
4 thiếu gì mà phải trộm cắp. Sur nói: Không phải vậy,
5 mà là thiết đã thì phước nhiều còn không cùng thì
6 Họa thiện

7 Thần nói: Được. Sur hỏi: Ông không sát sinh
8 được chăng? Thần nói: Thật nắm quyền hành làm
9 sao chẳng giết? Sur nói: Không phải vậy, mà có lạm
10 quyền sai lầm nghi lộn, Thần nói được. Sur hỏi ông
11 không nói dối được chăng? Thần nói: Tôi ngay
12 thẳng đâu có dối? Sur nói không phải thế, mà trước
13 sau chẳng hợp lòng trời Thần nói được. Sur hỏi ông
14 không bị hư bại vì rượu được chăng? Thần đáp
15 được. Sur nói: Như thế đó là giới Phật - Lại nói vì
16 có tâm vâng trì giữ gìn mà không có tâm câu chấp
17 (chấp chặt), vì có tâm vì vật mà không có tâm
18 tưởng thân mình. Nếu làm được như thế thì trước
19 trời đất sinh ra mà không là Tinh, sau trời đất chết
20 đi mà không là giả, suốt ngày biến hóa mà chẳng
21 là động rớt ráo vắng lặng mà chẳng thôi dứt. Ngộ
22 đây thì tuy có cưới cũng không lỗi về vợ tuy có
23 hưởng cũng không phải là lấy, tuy bính mà không
24 phải là quyền. Tuy làm mà không phải cố, tuy say
25 mà không tối tăm. Nếu vô tâm với muôn vật thì la
26 dục chẳng phải là dâm phước dâm họa thiện chẳng
27 phải là trộm. Lạm lạm nghi lộn chẳng phải là sát,
28 trước sau trái trời mà không phải là dối, hôn hoang

1 điên đảo không phải là say, đó gọi là vô tâm, vô
2 tâm thì không giới, không giới thì không tâm,
3 không Phật không chúng sinh, không ông và không
4 tôi, không ông thì cái gì là giới. Thần đáp: Tôi thần
5 thông thua Phật. Ông thần thông năm câu được,
6 năm câu không được. Phật thì bảy câu được ba câu
7 không được, Thần sừng sốt tránh chiếu quì xuống
8 thưa rằng: Con xin được nghe. Sư nói: Ông có thể
9 lệ Thượng Đế đi hướng Đông mà chiếu bảy sao
10 hướng Tây chẳng? Đáp: Không được. Sư nói: Ông
11 có thể cướp Địa kỳ dung năm nhạc mà kết bốn biển
12 chẳng? Đáp: Không được. Sư nói đó là năm câu
13 không được. Còn Phật được không tất cả tướng
14 thành trí muôn pháp mà chẳng thể dứt diệt định
15 nghiệp Phật có thể biết tánh quân hữu thấy rõ việc
16 ức kiếp mà không thể hóa đạo người không duyên,
17 Phật có thể độ vô lượng hữu tình mà không thể độ
18 hết thế giới chúng sinh, đó là ba thứ không được.
19 Định nghiệp cũng chẳng ràng buộc lâu, kẻ vô
20 duyên cũng chỉ một hạn kỳ, thế giới chúng sinh
21 vốn không thêm bớt. Lại không một người có thể
22 chủ có pháp. Có pháp không chủ, gọi là không
23 pháp, không pháp không chủ gọi là không tâm.
24 Như ta hiểu pháp cũng không có thần thông, chỉ
25 dùng vô tâm mà thông hiểu tất cả pháp nhĩ. Thần
26 nói: Thật là cạn cợt tối tăm chưa nghe Nghĩa
27 không. Sư đã trao giới cho con con xin vâng giữ.
28 Nay xin báo, Từ Đức công hiệu tài năng của tôi.

1 Sư nói: Ta quán thân không vật, quán pháp vô
2 thường then là lại có muốn gì. Thần nói: Sư sẽ
3 khiến tôi làm việc thế gian, mở mang tiểu thần
4 công cho con khiến đã phát tâm, mới phát tâm,
5 chưa phát tâm, chẳng tin tâm sẽ tin tâm, năm hạng
6 người ấy thấy dấu thần của con. Biết có Phật có
7 thần có làm được và không làm được, có tự nhiên,
8 có không phải tự nhiên. Sư nói: Không phải thế,
9 không phải thế. Thần nói: Phật cũng khiến thần hộ
10 pháp. Sao Sư lại phản Phật? Xin tùy ý dạy bảo. Sư
11 bắt đắc dĩ nói rằng: Vùng núi ở Đông Nham trơ trọi
12 không có cây cối, còn vùng núi phía Bắc thì đầy
13 đầy. Ông có thể dời cây ở núi Bắc về núi Đông
14 được chăng? Thần nói: Con xin vâng lời. Nhưng
15 giữa đêm khuya sẽ có tiếng động ồn ào xin Sư chớ
16 sợ. Rồi đánh lễ mà lui. Sư đưa ra cửa và nhìn theo
17 thì thấy rõ ràng oai vệ của 1 vị vua bỗng ẩn vào
18 mây khói trên trời mà biến mất. Đêm ấy quả nhiên
19 có sấm chớp gió bão dữ dội, nhà cửa cây cối lay
20 động chim chóc kêu thảng thốt, Sư bảo chúng chớ
21 sợ, Thần giao ước với ta. Đến sáng thì cây phía Bắc
22 đã đầy khắp phía Đông sum suê thẳng hàng. Sư
23 bảo môn đồ sau khi ta mất rồi chớ nói cho ai biết,
24 nếu nói thật thì người cho ta yêu mị. Niên hiệu
25 Khai Nguyên năm thứ tư là năm Bính Thìn Sư dặn
26 dò môn nhân rằng: Trước ta ở núi phía Đông chùa.
27 Ta mất rồi thì đặt hài cốt ta ở đấy. Nói xong thì an
28 nhiên mà hóa. Thọ bảy mươi ba tuổi, đệ tử xây tháp

thờ.

*** *Đệ tử nói pháp Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn (Đời thứ ba của Tổ Hoàng Nhấn).***

1. Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam.

Người ở Bình Nguyên, họ Chu, thợ nghiệp với Pháp sư Thuyên Trừng ở chùa Diên Hòa thuộc bốn châu. Đắc pháp với Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn. Đã được quyết liễu chân thuyên bèn vào núi Thái Nhất. Người đến học đầy nhà. Trong niên hiệu Đại Hòa đời Đường, vua Văn Tông thích ăn con hào, các quan lại ở dọc bờ sông biển đều đem dâng. Một hôm trong bữa ăn thì có con hào không hả miệng. Vua cho là điềm lạ bèn đốt hương khấn vái, bỗng biến thành hình Bồ tát phạm tướng đầy đủ, liền lấy hộp vàng và đàn hương đựng lại bọc gấm bên ngoài mà tặng chùa Hưng Thiện khiến Tăng chúng chiêm lễ. Nhân hỏi các quan thần đây là điềm gì? Có người tâu trong núi Thái nhất có Thiền sư Duy Chánh, hiểu sâu Phật pháp đọc rộng các sách. Vua bèn mời vào hỏi việc ấy. Sư tâu: Thần nghe vật chẳng ứng suông, đây xin bệ hạ hãy tín tâm. Bởi kinh có nói đáng dùng thân này mà độ thì hiện thân này nói pháp. Vua hỏi thân Bồ tát đã hiện mà chưa nghe nói Pháp sư hỏi: Bệ hạ thấy đây là thường hay phi thường, tin hay không tin. Vua nói việc rất hiếm lạ, trăm rất tin. Sư tâu: Bệ hạ đã nghe nói

pháp rồi. Lúc đó vua rất vui mừng được điều chưa từng có, ra chiếu khiến các chùa viện trong nước đều lập tượng Quán Âm. Để đáp tạ điều lành khác lạ, bèn giữ Sư ở lại trong nội Đạo Tràng. Nhiều lần Sư giả từ về núi, vua lại ra chiếu mời vua ở chùa Thánh Thọ. Đến khi Đường Võ Tông lên ngôi thì Sư bỗng vào núi Chung Nam mà ẩn. Có người hỏi lý do. Sư nói: Ta tránh oán cừu. Sau mất tại nhà trong núi thọ tám mươi bảy tuổi. Khi trà-tỳ thu được bốn mươi chín hạt xá-lợi, vào ngày mùng 04 tháng 09 niên hiệu Hội Xương năm thứ ba đưa vào tháp kính thờ.

**** Đệ tử nổi pháp Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu (Đời thứ tư của Tổ Hoằng Nhãn).***

1. Thiền sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường thuộc Ích Châu.

Lúc đầu đắc pháp với Thiền sư Vô Tướng, bèn đến ở Bạch Nhai tại Nam Dương chuyên việc yên tĩnh trải qua nhiều năm, người Học đến thỉnh Sư không ngớt. Từ đó bèn dạy rằng, tuy rộng diễn giảng ngôn giáo nhưng chỉ lấy Vô Niệm làm tông. Đường Tương quốc là Đỗ Hồng ra cai trị nghe tiếng Sư bèn đến chiêm lễ. Tháng 9 Niên hiệu Đại Lịch năm thứ nhất, sai sứ đến núi mời Sư về. Lúc đó Tiết Độ Sứ Thôi Ninh cũng khiến các Tăng đồ ở các chùa từ xa đến đón rước. Ngày mùng 1 tháng

1 10 thì đến chùa Không Tuệ. Bấy giờ Tướng quốc
2 Đỗ Công cùng các tướng soái và các vị Tam học
3 Thạc Đức (các bậc cao đức có đủ ba học câu hội
4 về chùa đánh lễ xong, công hỏi có nghe Sư trước ở
5 đây rồi sau đi về đâu. Đáp rằng: Vô trụ tởi tánh
6 thích nơi thôn dã có nhiều sông núi, từ Hạ Lan Ngũ
7 Đài đi khắp các thắng cảnh, từng theo thầy ở Đại
8 từ ở quý Phong giảng tới thượng thừa, liền từ xa
9 tìm đến quy y, không xứng đáng dự vào pháp tịch.
10 Sau đến ở núi Trì Bạch được nhiều năm. Nay được
11 Tướng Công mời chẳng dám không theo. Tướng
12 Công nói: Đệ tử có nghe Hòa-thượng Kim có nói
13 không nhớ, không niệm, chớ vọng ba câu pháp
14 môn phải chăng? Sư đáp: Đúng. Công nói: Ba câu
15 ấy là một hay là ba. Sư nói không nhớ là giới không
16 niệm là định, chớ vọng là tuệ. một tâm không sinh
17 đủ giới định tuệ, không phải một không phải ba
18 Công nói: Câu sau chữ chớ vọng có phải là từ tâm
19 mà quên chăng? Sư đáp; từ con gái thì đúng hơn
20 Công nói: Có chứng cứ gì. Đáp: Kinh Pháp Cú nói:
21 Nếu khởi tâm tinh tiến là vọng, không phải tinh
22 tiến, nếu tâm thường chẳng vọng là tinh tiến không
23 bờ bến. Công nghe mà nghi tình rửa sạch. Lại hỏi:
24 Sư lại dùng ba câu ấy mà dạy người chăng? Đáp:
25 Với người sơ tâm mới học thì phải khiến dứt niệm
26 lắng dừng sáng thức, nước trong thì ảnh hiện, ngộ
27 niệm vô thể thì vắng lặng hiện tiền, ngay cả vô
28 niệm cũng chẳng lập. Lúc đó cây trước sân có quạ

1 kêu. Công hỏi: Sư có nghe chẳng? Sư nói: Có nghe.
2 Quạ bay đi, lại hỏi Sư có nghe chẳng? Sư nói: Có
3 nghe. Công nói: Quạ bay đi rồi không còn tiếng sao
4 nói là nghe. Sư bèn bảo khắp đại chúng: Phật ra đời
5 khó gặp, chánh pháp khó nghe, tất cả hãy lắng nghe
6 kỹ. Nghe và không nghe chẳng liên quan gì đến
7 tánh nghe. Xưa nay không sinh đâu từng có diệt.
8 Khi có tiếng là thanh trần tự sinh, khi không tiếng
9 là thanh trần tự diệt mà tánh nghe này không theo
10 tiếng mà sinh ra cũng không theo tiếng mà diệt
11 mất. Ngộ tánh nghe này thì không bị thanh trần
12 chuyển. Phải biết nghe không sinh diệt, nghe
13 không tới lui. Tướng Công cùng các lie^u thuộc và
14 đại chúng đánh lễ. - Lại hỏi: Thế nào là Đệ nhất
15 nghĩa, đệ nhất là từ thứ lớp nào mà vào? Sư nói:
16 Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp, cũng không có ra
17 vào. Thế đế thì tất cả là có, còn Đệ nhất nghĩa thì
18 (tất cả là) không, các pháp đều là tánh vô tánh nên
19 nói là Đệ nhất nghĩa Phật nói: Pháp có gọi là Tục
20 đế, tánh không là Đệ nhất nghĩa. Công nói: Như lời
21 Sư chỉ dạy thật chẳng thể nghĩ bàn. Công lại nói:
22 Đệ tử tánh thức cạn cợt yếu kém. Nhân xưa rảnh
23 rồi con có soạn chương số khởi tín luận 2 quyển có
24 thể được gọi là Phật pháp chẳng? Sư đáp: Soạn
25 chương số đều dùng để biết tâm suy lường phân
26 biệt hữu vi có làm có tạo mà khởi tâm động niệm
27 có thể tạo thành. Ý theo luận văn có nói phải biết
28 tất cả pháp từ xưa nay là tướng nói năng, là tướng

1 danh tự lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng
2 không có đôi khác. Chỉ có một tâm cho nên gọi là
3 chân như. Nay Tướng Công chấp dính vào tướng
4 nói năng, tướng danh từ, tướng tâm duyên, đã chấp
5 chặt các thứ tướng ấy thì làm sao gọi là Phật pháp.
6 Tướng Công đành lễ thừa rằng: Đệ tử có hỏi các
7 Đại đức cung phụng đều khen đệ tử là chẳng thể
8 nghĩ bàn. Phải biết đó đều chỉ theo tình người. Nay
9 Sư từ lý mà giải thích hợp pháp tâm địa thật là chân
10 lý chẳng thể nghĩ bàn. - Công lại hỏi: Thế nào là
11 chẳng sinh, thế nào là chẳng diệt, thế nào là được
12 giải thoát. Sư nói: Thấy cảnh mà tâm không khởi
13 là chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng diệt. Đã không
14 có sinh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay
15 đó giải thoát. Không sinh gọi là không niệm, không
16 niệm thì không diệt, không niệm thì không buộc
17 ràng, không niệm thì không thoát. Tóm lại thì biết
18 tâm tức lìa niệm, thấy tánh tức giải thoát. Lìa ngoài
19 biết tâm thấy tánh mà có pháp môn chứng vô
20 thượng Bồ đề, thì không có việc đó. Công hỏi: Sao
21 gọi là biết tâm thấy tánh? Sư nói: Tất cả người học
22 đạo theo niệm mà trôi nổi bởi vì không biết chân
23 tâm, chân tâm là niệm sinh cũng chẳng thuận theo
24 sinh, niệm diệt thì cũng chẳng nương vào vắng
25 lặng, chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn,
26 không lấy không bỏ, không chìm không nổi, vô vi
27 vô tướng sống động lao nhao bình thường tự tại,
28 tâm thể này rốt ráo chẳng thật có, không thể thấy

1 biết thì, gặp đâu cũng đều như, đều là thấy tánh.
2 Công và Đại chúng đánh lễ vui mừng khen ngợi
3 mà lui ra. Sau Sư ở chùa Bảo Đường mà thị tịch.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 5

Tổ thứ 33 (6): Đại Sư Tuệ Năng

- Tổ thứ 33: Đại Sư Tuệ năng có 43 vị đệ tử nói pháp (19 vị thấy có ghi lục, 10 vị bàng xuất).

1. Tam tạng Quật Đa ở Tây Ấn-độ

2. Thiền sư Pháp Hải ở Thiều Châu

3. Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu

4. Thiền sư Hiếu Liễu ở Biển Thiệm

5. Thiền sư Trí Hoàng ở Hà Bắc

6. Thiền sư Pháp Đạt ở Hồng Châu

7. Thiền sư Trí Thông ở Thọ Châu

8. Thiền sư Chí Triệt ở Giang Tây

9. Thiền sư Trí Thường ở Tín Châu

10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng Châu

11. Hòa-thượng chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu

Ấn Tông

12. Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu

13. Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc

14. Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác ở Ôn Châu

- 1 15. Thiền sư Bồn Tịnh ở núi Từ Không
- 2 16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ Châu
- 3 17. Thiền sư Linh Thao ở Tào Khê
- 4 18. Thiền sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch
- 5 thuộc Tây Kinh
- 6 19. Thiền sư Thần Hội ở chùa Hà Trạch thuộc
- 7 Tây Kinh Mười chín vị trên đây có ghi lục.
- 8 20. Thiền sư Kỳ Đà ở Thiệu Châu
- 9 21. Thiền sư Tịnh An ở Võ Châu
- 10 22. Thiền sư Tung Sơn ở Tầm
- 11 23. Thiền sư Đinh Chân ở núi La Phù
- 12 24. Thiền sư Kiên Cố ở Nam Nhạc
- 13 25. Thiền sư Đạo Tiến ở núi Chế Không
- 14 26. Thiền sư Thiện Khoái
- 15 27. Thiền sư Duyên Tổ ở Thiệu Sơn
- 16 28. Thiền sư Tông Nhất
- 17 29. Thiền sư Thiện Hiện Tản Vọng ở núi Cối
- 18 Kê
- 19 30. Thiền sư Phạm Hạnh ở Nam Nhạc
- 20 31. Thiền sư Tự Tại ở Tinh Châu
- 21 32. Thiền sư Hàm Không ở Tây Kinh
- 22 33. Thiền sư Thái Tường ở Hiệp Sơn
- 23 34. Thiền sư Pháp Tịnh ở Quang Châu
- 24 35. Thiền sư Biện Tài ở núi Thanh Lương
- 25 36. Ngô Đầu Đà ở Quảng Châu
- 26 37. Thiền sư Đạo Anh

38. Thiền sư Trí Bồn

39. Thiền sư Pháp Chân ở Thanh Uyển Quảng Châu

40. Thiền sư Huyền Giai

41. Thiền sư Đàm Thối

42. Thử Sử Vi Cứ ở Thiều Châu

43. Bồ tát Nghĩa Hưng Tôn. (24 vị trên đây không có cơ duyên- ngữ cú không ghi lục)

Tổ thứ 33 (6) - ĐẠI SƯ TUỆ NĂNG: Sư họ Lô, trước là người ở Phạm Dương. Cha là Hành Thao trong niên hiệu Võ Đức làm Tả Hoạn ở Nam Hải, mà hộ khẩu ở Tân Châu. Ba tuổi cha mất bà mẹ thủ tiết nuôi con. Khi lớn thì nhà rất nghèo, phải đốn củi độ nhật. Một hôm gánh củi đến trong chợ nghe khách đọc kinh Kim cang. Sùng sốt hỏi khách rằng đây là pháp gì, có được từ ai? Khách đáp: Đây là kinh Kim cang có được từ Đại sư Hoằng Nhãn ở Huỳnh Mai. Sư liền thưa mẹ ý vì pháp tìm thầy, thẳng đến Thiều Châu, gặp bậc cao hạnh là Lưu Chí Lực kết làm bạn. Ni Vô Tận Tạng chính là cô của Chí Lực, thường đọc kinh Niết-bàn. Sư nghe qua liền giải thích rõ ràng về nghĩa ấy. Ni bèn cảm quyền hỏi chữ. Sư nói chữ thì tôi không biết, còn nghĩa thì xin cứ hỏi. Ni nói chữ chẳng biết làm sao

1 biết nghĩa được. Sư nói lý mâu của chư Phật không
2 liên quan đến chữ nghĩa. Ni kinh dị bảo các người
3 lớn tuổi trong làng rằng: Đây là người hiểu đạo nên
4 thỉnh cúng dường. Do đó mọi người tranh nhau đến
5 chiêm lễ. Ở gần đó có nơi trước đây là chùa cổ Bảo
6 Lâm, mọi người bàn nên mời Sư về ở, bốn chúng
7 sửa sang trở thành chỗ ở tốt. Một hôm Sư thăm
8 nghĩ ta cầu Đại pháp há giữa đường mà ngưng.
9 Sáng hôm sau bèn đến một hang đá ở phía Tây
10 huyện Xương Lạc gặp Thiên sư Trí Viễn. Sư bèn
11 thưa hỏi. Viễn nói: Ông xem cốt cách phi thường.
12 Tôi nghe ở Tây Vực có Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền tâm
13 ấn cho ngài Huỳnh Mai, ông nên đến đó mà tham
14 cứu. Sư bèn từ giả thẳng đến Đông Thiên Huỳnh
15 Mai, đó là niên hiệu Hàm Hạp đời Đường năm
16 thứ 2. Đại sư Hoằng Nhãn vừa thấy Sư liền ngầm
17 biết. Sau truyền cho y pháp khiến lánh mình trong
18 bốn hội Hoài Tập. Đến ngày mùng 8 tháng giêng
19 năm Bính tý niên hiệu Nghi Phụng năm thứ nhất
20 thì đến Nam Hải gặp Pháp sư Ấn Tông ở chùa Pháp
21 Tánh giảng kinh Niết-bàn. Sư ở ngoài hành lang,
22 đêm nghe gió thổi phướn khua, có hai vị tăng tranh
23 luận một người bảo phướn động, người kia bảo gió
24 động, cả hai vị không ai khế lý. Sư nói có thể cho
25 kẻ hèn hạ này góp lời bàn luận được chăng, cả gió
26 và phướn đều không động mà do tâm động vậy. Ấn
27 Tông trộm nghe lời ấy thì sừng sốt lấy làm lạ. Sáng
28 hôm sau đón Sư vào thất, đem nghĩa gió phướn ra

1 bàn. Sư nói lý đầy đủ. Ấn Tông lập tức đứng dậy
 2 bảo Hành giả nhất định là người phi thường, thầy
 3 Ngài là ai? Sư không trốn lánh nữa bèn kể thật
 4 nguyên do đắc pháp. Do đó Ấn Tông xin làm đệ tử
 5 mà học thiền yếu. Bèn bảo bốn chúng rằng: Ấn
 6 Tông hoàn toàn là phàm phu nay gặp Nhục Thân
 7 Bồ tát là Lô cư sĩ đây. Do đó xin trình bày tín y để
 8 mọi người chiêm lễ. Đến ngày rằm tháng giêng thì
 9 Hội các danh đức đến cạo tóc cho Sư, đến mùng 8
 10 tháng 2 thì ở chùa Pháp Tánh, Luật sư Trí Quang
 11 trao cho Mãn phần giới. Giới đàn này do Tam tạng
 12 Cầu-Na-Bạt-Đà đời Tông lập ra. Tam tạng có ghi
 13 rằng: Sau sẽ có Nhục Thân Bồ tát thọ giới ở giới
 14 đàn này. Lại cuối đời Lương có Tam tạng Chân đế
 15 ở bên giới đàn này mà trồng 2 cây Bồ đề, gọi chúng
 16 bảo rằng: Sau một trăm hai mươi năm sẽ có bậc
 17 Đại khai sĩ ở dưới gốc cây này mà giảng nói Vô
 18 Thượng Thừa vô lượng chúng Sư thọ giới cụ túc
 19 rồi bèn ở dưới gốc cây mà diễn nói pháp môn Đông
 20 sơn đúng như lời đoán xưa. Ngày mùng 8 tháng 2
 21 năm sau bỗng bảo chúng rằng: Ta không muốn ở
 22 đây nữa hãy trở về chỗ ẩn cũ. Lúc đó Ấn Tông cùng
 23 Đạo tục cả ngàn người đưa sư về chùa Bảo Lâm.
 24 Thứ Sử Thiệu Châu là Vi Cự thỉnh Sư ở chùa Đại
 25 Phạm chuyển diệu pháp luân, cùng thọ giới Vô
 26 Tướng Tâm Địa. Môn nhân ghi chép thành Đàn
 27 kinh lưu hành rất thanh hành trên đời. Rồi Sư trở
 28 về Tào Khê rưới cơn mưa Đại pháp. Người theo

1 học không dưới số ngàn. Vua Đường Trung Tông
2 niên hiệu Thần Long năm thứ nhất ban chiếu nói
3 rằng: Trẫm thỉnh hai Sư An, Tú vào trong cung
4 cúng dường. Vua rảnh rang nghiên cứu Nhất thừa
5 hai sư đều nhún nhường rằng: Ở Phương Nam có
6 Thiền sư Tuệ Năng ngầm thọ được y pháp của Đại
7 sư Nhân có thể đến đó. Nay sai nội thị là Tiết Giản
8 mang chiếu đến đón xin Sư từ niệm mau đến kinh
9 thành. Sư bèn dâng biểu từ chối vì bệnh nguyên
10 trọn đời ở chôn núi rừng. Tiết Giản thưa: Các vị
11 Thiền đức ở kinh thành đều nói: Muốn hiểu được
12 đạo cần phải ngồi thiền tu định, nếu chẳng nhờ
13 thiền định mà được giải thoát thì không có việc ấy.
14 Chẳng hay sư nói Pháp ra sao? Sư nói: Đạo do tâm
15 ngộ đâu phải ở ngồi. Kinh nói: Nếu thấy Như lai
16 hoặc ngồi hoặc nằm là thực hành Đạo tà, vì sao? vì
17 không từ đâu đến, chẳng từ đâu đi. Nếu không sinh
18 diệt là thiền thanh tịnh của Như lai, các pháp vắng
19 lặng là ngồi thanh tịnh của Như lai. Rốt ráo không
20 chứng há là ngồi ư? Giản nói: Đệ tử trở về chắc
21 chắc Chúa Thượng sẽ hỏi xin Hòa- thượng từ bi
22 chỉ rõ tâm yếu. Sư nói: Đạo không có sáng tối, sáng
23 tối là nghĩa thay nhau sáng suốt vô tận cũng là có
24 tâm. Giản nói sáng là dụ cho trí tuệ, ám (tối) là dụ
25 cho phiền não, nếu người tu Đạo không dùng trí
26 tuệ mà chiếu phá phiền não thì sinh tử vô thi dựa
27 vào đâu mà thoát ra. Sư nói: Nếu dùng trí tuệ mà
28 chiếu phá phiền não thì đây là cơ Dê nai trẻ con

1 của Nhị thừa. Bậc Thượng trí đại căn đều chẳng
2 như thế. Giản hỏi: Thế nào là kiến giải của Đại
3 thừa? Sư nói: Minh và vô minh tánh chẳng hai,
4 tánh không hai tức là tánh thật. Tánh Thật ở phàm
5 phu chẳng giảm bớt, ở Hiền Thánh chẳng thêm, ở
6 phiền não chẳng loạn. Ở Thiên định chẳng vắng
7 lặng, chẳng đoạn chẳng thường chẳng tới chẳng lui
8 (đến đi), chẳng ở giữa và chẳng trong ngoài, chẳng
9 sinh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ bất
10 biến gọi là Đạo. Giản nói: Sư nói chẳng sinh chẳng
11 diệt có khác gì ngoại Đạo. Sư nói: Chẳng sinh
12 chẳng diệt của ngoại Đạo nói là đem diệt mà ngăn
13 sinh, đem sinh mà chỉ bày diệt, diệt cũng chẳng
14 diệt, sinh lại nói không sinh. Còn chẳng sinh chẳng
15 diệt của ta nói, là xưa vốn không sinh nay cũng
16 chẳng diệt, do đó mà khác ngoại đạo. Nếu ông
17 muốn biết tâm yếu, chỉ cần tắt cả thiện ác đều
18 chẳng nghĩ bàn, tự nhiên được vào tâm thể thanh
19 tịnh lặng lẽ thường tịch diệu dụng hà sa. Giản được
20 chỉ giáo bỗng nhiên đại ngộ, lạy tạ trở về kinh dâng
21 biểu tâu lại lời Sư nói. Vua ban chiếu tạ ân Sư và
22 ban cho Ca Sa Ma-nạp, năm trăm xấp lụa, một bình
23 bát báu. Ngày 19 tháng 12, vua ban sắc đổi chùa
24 Cổ Bảo Lâm thành chùa Trung Hưng ba năm sau
25 ngày 18 tháng 11 vua lại ra sắc lệnh cho Thứ sử
26 Thiệu Châu ban tặng biển Ngạch là chùa Pháp
27 Tuyên, chỗ cũ Sư ở tại Tân Châu là chùa Quốc An.
28 Một hôm Sư bảo chúng rằng: Nay các Thiện tri

thức, các ông nên tịnh tâm mà lắng nghe ta nói pháp: Mọi người tự tâm mình là Phật, chớ có hồ nghi, ngoài ra không có một vật nào khác, đều là tâm mình sinh ra muôn thứ pháp. Vì vậy kinh nói Tâm sinh thì các pháp sinh tâm diệt thì các pháp diệt. Nếu muốn thành tựu chủng trí thì phải đạt được Tam-muội Nhất tướng, Tam- muội Nhất hạnh, nếu đối tất cả chỗ mà chẳng trụ tướng, đối với tướng ấy chẳng sinh yêu ghét cũng không lấy bỏ, chẳng nghĩ các việc lợi ích thành hoại v.v... mà an nhàn điềm tĩnh hư dung lặng bật, gọi là Tam-muội Nhất tướng. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm, thuần nhất chân tâm bất động đạo tràng chân thành Tịnh độ, gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nếu người có đủ hai Tam-muội này, như đất có hạt giống có thể chứa chất nuôi lớn thành tựu trái hạt. Nhất tướng, Nhất hạnh cũng giống như thế. Nay ta nói pháp cũng như lúc mưa lớn thấm nhuần mặt đất. Phật tánh các ông ví như những hạt giống, gặp sương này thấm thì sẽ nảy mầm, nhờ ý chỉ ta quyết sẽ được Bồ đề, hành giả nương theo chắc chắn chứng được diệu quả. Niên hiệu Tiên Thiên năm thứ nhất bảo các đồ chúng rằng: Ta then nhận được y pháp của Đại sư Hoằng Nhẫn. Nay nói pháp cho các ông mà chẳng trao lại y ấy. Bởi các ông tin căn thuần thực chắc chắn không nghi, có khả năng nhận được việc lớn, hãy nghe kệ ta:

Đất tâm ngâm hạt giống

*Mưa khắp đều sinh sôi
Đón ngộ hoa tình rồi
Quả Bồ đề tự thành.*

Sư nói kệ xong lại bảo: Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng thế. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có các tướng. Các ông cần thận chớ quán tịnh và không tâm ấy. Tâm này vốn thanh tịnh không thể lấy bỏ, ai nấy đều tự cố gắng tùy duyên cho tốt - Sư nói pháp lợi sinh suốt bốn mươi năm. Năm ấy ngày mùng 6 tháng 7 Sư bảo đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, xây tháp Báo Ân rất nhiều công sức đẹp đẽ. Lại có vị Tăng đất Thục tên là Phương Biện đến yết kiến Sư thưa rằng giỏi đắp tượng. Sư nghiêm sắc mặt nói thử đắp xem. Phương Biện không hiểu ý bèn đắp tượng Sư cao bảy tấc rất đẹp. Sư xem bảo: Ông giỏi tánh đắp tượng mà không giỏi tánh Phật, lấy y mà đắp lễ Tăng lay tạ lui ra. Ngày mùng 1 tháng 7 niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Sư bảo học trò rằng: Ta muốn về Tân Châu, các ông mau sửa soạn thuyền. Lúc đó đại chúng rất yêu mến Sư xin Sư chớ đi. Sư nói chư Phật ra đời cũng thị hiện Niết-bàn, có đến đã có đi, lý thường như thế. Ta với hình hài này trở về ắt có chỗ. Chúng thưa Sư từ đây đi sớm muộn cũng phải trở về. Sư nói: Lá rụng về cội, không có ngày trở về. Lại hỏi: Sư đi rồi Pháp Nhãn truyền cho ai? Sư nói: Có đạo giả được vô tâm là thông. - Lại hỏi: Về sau có nạn chăng? Đáp: Ta mất được năm, sáu

1 năm sẽ có một người đến lấy đầu ta. Nghe ta dặn
2 đây: Trên đầu thờ cha mẹ, miệng để ăn, gắp nạn là
3 măn, Dương liễu là quan. Lại nói: Ta mất rồi bảy
4 mươi năm sẽ có hai vị Bồ tát từ phương Đông đến,
5 một tại gia, một xuất gia đồng thời mở mang xây
6 dựng tông ta, nhóm họp chùa chiền nối tiếp làm
7 hưng thịnh dòng pháp. Nói xong bèn về chùa Quốc
8 Hưng ở Tân Châu, tám gọi rồi ngồi kiết già mà hóa.
9 Mùi thơm lạ ngào ngạt ráng trắng đầy trời, bấy giờ
10 là ngày mồng 3 tháng 8 năm ấy. Lúc đó hai quận
11 Thiệu và Tân đều tu bổ linh tháp đạo tục lưỡng lự
12 không định được chỗ. Thứ sử hai quận bèn đốt
13 hương khấn rằng: Khói hương sẽ dẫn chỗ mà Sư
14 muốn về. Lúc đó lò hương rung động thẳng về Tào
15 Khê. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp, thọ bảy mươi
16 sáu tuổi. Lúc đó Thứ sử Thiệu Châu là Vi Cứ soạn
17 bia. Môn nhân nhớ việc lấy đầu, liền lấy lá sắt bao
18 quanh cổ Sư. Trong tháp có để tín y của Tổ Đạt-
19 ma truyền lại và Ma-nạp, bát báu của vua Đường
20 Trung Tông ban tặng cùng tượng của Phương Biện
21 đắp... đều đủ. Chủ tháp là Thị giả Thi Chi. Ngày
22 mồng 3 tháng 8 năm Nhâm Tuất niên hiệu Khai
23 Nguyên năm thứ mười, nửa đêm bỗng nghe trong
24 tháp có tiếng kéo sắt. Tăng chúng kinh sợ thấy 1
25 hiệu tử từ trong tháp chạy ra. Tìm xem thì thấy cổ
26 Sư bị thương. Dem trình việc trộm lên huyện,
27 huyện lệnh là Dương Khản, Thứ Sử là Liễu Vô
28 Thiêm được tin bèn đem gông đến giam năm ngày

1 ở thôn Thạch Giác, bắt được tên trộm, đưa lên
2 Thiều Châu hỏi tội thì khai là tên Trương Tịnh
3 Mãn, người Huyện Lương ở Nhữ Châu, ở chùa
4 Khai Nguyên ở Hồng Châu, nhận vàng của tăng
5 Tân la và hai mươi ngàn đồng để lấy đầu Lục Tổ
6 đem về Hải Đông cúng dường. Liễu Thử sử nghe
7 cáo trạng chưa xử tội liền đích thân đến Tào Khê
8 hỏi Linh Thao là đệ tử thượng túc của Sư rằng: Xử
9 đoán ra sao? Thao nói: Nếu nói theo pháp nước thì
10 phải tru diệt (giết cả ba họ) nhưng vì Phật dạy từ bi,
11 oan thân đều bình đẳng, huống chi là họ muốn cúng
12 dường thì tội nên tha thứ. Liễu Thử vui mừng nói:
13 Mới biết cửa Phật rộng lớn bèn tha tội. Niên hiệu
14 Thượng Nguyên năm thứ nhất vua Đường Túc
15 tông sai sứ đến thỉnh y Bát của Sư về cung nội cúng
16 dường. Đến ngày mồng 5 tháng 5 niên hiệu Vĩnh
17 Thái năm thứ nhất, vua Đường Đại tông năm mộng
18 thấy Lục tổ Đại sư thỉnh y bát. Ngày mồng 07 sai
19 Thử sử Dương Hàm rằng: Trẫm mộng thấy Thiên
20 sư Tuệ Năng xin thỉnh ca sa truyền pháp trở về Tào
21 Khê. Nay sai Trần quốc Đại tướng quân Lưu Sùng
22 Cảnh đánh lễ mà đưa, trẫm gọi đó là quốc bảo,
23 khanh hãy nên ở chùa cũ đúng pháp để lại, mà
24 khiến tăng chúng nổi truyền tông chỉ và nghiêm
25 khắc giữ gìn chớ để hư mất. Sau có người trộm cắp
26 thì đều bắt được ngay, có đến bốn tên như thế. Vua
27 Đường Hiến Tông ban thụy là Đại giám Thiên sư,
28 Thập hiệu Nguyên Hòa Linh Chiêu - Đầu niên hiệu

1 Khai Bảo đời Hoàng Tông, Vương sư đi đánh dẹp
2 Nam Hải, tàn binh của họ Lưu làm loạn, tháp miếu
3 của Sư đều bị ly tan mà chân thân thì tăng coi tháp
4 giữ gìn không chút tổn hại. Các tháp miếu được
5 sửa sang đẹp đẽ nhưng chưa xong gặp lúc Đường
6 Thái Tông lên ngôi lưu tâm nhiều đến Thiên môn
7 lại càng đẹp đẽ tráng lệ. Đại sư thị tịch từ năm Quý
8 sửu niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai đời Đường
9 đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ
10 nhất thì được 292 năm, người đặc pháp trừ Ấn
11 Tông ra có ba mươi ba vị, mỗi vị hoằng hóa một
12 phương đều nêu làm dòng chánh, ngoài ra thì ẩn
13 giấu tung tích nhiều không kể xiết. Nay các nhà
14 truyền ký chỉ lược ghi có mười vị gọi là bàng xuất.

15 ***1. Tam tạng Quạt Đa ở Tây Vực:***

16 Người Thiên Trúc, đi về phía Đông đến Thiều
17 Dương gặp Lục Tổ, sau lời nói liền khế ngộ. Sau
18 đi qua Ngũ Đài đến thôn Lịch huyện Định Tương
19 thấy có một vị tăng cất am mà ngồi. Tam tạng hỏi:
20 Ông ngồi một mình làm gì? Đáp: Quán tịnh. Tam
21 tạng hỏi: Người quán là ai, tịnh là vật gì? Vị tăng
22 ấy đánh lễ hỏi lại: Lý này là sao? Tam tạng nói:
23 Ông sao chẳng tự quán tự tịnh lấy mình. Vị Tăng
24 ấy hoang mang chẳng biết đáp sao. Tam tạng nói:
25 Ông từ môn nào ra? Đáp: Từ Đại sư Thần Tú. Tam
26 tạng nói: Ta ở Tây Vực Dị Đạo căn cơ thấp kém
27 nhất cũng không rơi vào cái thấy này. Ngồi tro trọi

với Đạo nào có ích gì? Vị Tăng ấy liền hỏi Tam tạng rằng: Thầy ông là ai? Tam tạng nói: Thầy tôi là Lục tổ, sao ông không mau đến Tào Khê mà thưa hỏi chân yếu. Vị Tăng bèn bỏ am đến tham kiến Lục tổ trình bày đủ mọi việc trước. Lục Tổ dạy bảo cùng phù hợp với Tam tạng. Vị Tăng ấy tin vào, Tam tạng sau không biết mất ở đâu.

2. *Thiền sư Pháp Hải Thiền Châu:*

Người ở Khúc Giang. Trước gặp Lục Tổ hỏi rằng: Tức tâm tức Phật, xin chỉ bảo cho. Tổ nói: Niệm trước chẳng sinh là tức tâm, niệm sau chẳng diệt là tức Phật thành tất cả tướng là tức tâm, lìa tất cả tướng là tức Phật. Nếu ta nói đầy đủ thì cùng kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe ta nói kệ:

*Tức tâm là tuệ Tức Phật là Định
Định tuệ đều trì Trong ý thanh tịnh
Ngộ pháp môn này Do ông tập tánh
Dung vốn không sinh Song tu là chánh.*

Pháp Hải tin nhận bèn dùng kệ khen rằng:

*Tức tâm vốn là Phật
Chẳng ngộ tự khuất phục
Ta biết nhân Định tuệ
Cùng tu lìa các vật.*

3. *Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu:*

Người ở Thái Hòa thuộc Cát Châu. Thuở nhỏ, ở chùa Ngọc Tuyên núi Đương Dương ở kinh Nam mà thờ Thiền sư Thần Tú. Sau nhân hai tông thanh

hành, đồ chúng của Thần Tú thường chê Nam
Tông (Tông của Lục Tổ) rằng: Đại sư Tuệ Năng
không biết 1 chữ thì có tài năng gì? Tú nói: Vị ấy
được trí vô sư ngộ sâu Thượng thừa ta đây chẳng
bằng. Và thầy ta là Ngũ Tổ riêng trao y pháp cho
ông ấy há là uổng công ư? Ta tiếc không thể đi xa
mà gần gũi vì lương chịu ân nước. Các ông không
trở ngại vì việc này hãy nên đến Tào Khê mà chất
vấn, ngày kia về nói lại cho ta nghe. Sư nghe lời
nói ấy liền lễ tạ mà đến Thiệu Dương, theo chúng
tham vấn không nói mình từ đâu đến. Lúc đó Lục
tổ bảo chúng rằng: Nay có kẻ trộm pháp lén đến
Hội này. Sư ra lễ bái nói rõ mọi điều. Tổ hỏi: Thầy
ông lấy gì dạy chúng? Đáp rằng: Thầy tôi thường
dạy đại chúng khiến trụ tâm quán tịnh ngồi mãi
chẳng nằm. Tổ nói: Trú (dừng) tâm quán tịnh là
bệnh chứ không phải thiền, ngồi hoài thì ép thân
với lý có ích gì. Hãy nghe kệ ta:

*Sống mà ngồi chẳng nằm
Chết rồi nằm chẳng ngồi
Vốn là đầu lâu thú
Làm Sao lập công tội.*

Sư hỏi: Chẳng hay Đại sư dùng pháp gì dạy
người.

Tổ nói: Nếu Ta có một pháp nào cho người thì
tức là dối gạt ông.

Chỉ là tùy cách mà mở trói mượn gọi là Tam-

muội, hãy nghe ta nói kệ:

Tất cả Giới tự tánh vô tâm

Tất cả tuệ tự tánh vô ngại

Tự Kim cương chẳng tâm chẳng bớt

Vốn Tam-muội thân đến thân đi.

Sư nghe kệ rồi ăn năn tạ lỗi, liền thề qui y và trình một bài kệ:

Thân năm uẩn huyễn

Huyễn sao rốt ráo

Trở về chân như

Pháp lại bất tịnh.

Tổ nói đúng. Rồi trở về Ngọc Tuyền.

4. Thiền sư Hiếu Liễu ở núi Biền Thiềm.

Truyện ký không ghi chép, chỉ biết là môn nhân của Bắc Tông (Thần Tú). Hốt Lôi Trùng soạn bia tháp rất thịnh hành ở đời. Lược nói rằng: Sư ở núi Biền Thiềm, pháp hiệu là Hiếu Liễu, là đích tự (người Đệ tử nối pháp chính thức) của Lục Tổ. Sư được tâm vô tâm, liễu tướng vô tướng. Vô tướng là sum la hoa mắt, vô tâm là phân biệt lừng lẫy dứt hết một tiếng một vang, vang không thể truyền đi khắp tiếng nói chẳng thể cùng khắp. Sư tự được không của không không mà bất không đối với không. Nay ta vì có của có có mà không có đối với có; Có của chẳng có thì tới lui chẳng thêm, không của chẳng không thì Niết-bàn chẳng bớt. Than ôi! Sư ở đời, Tào Khê sáng, Sư vắng lặng, thuyên pháp

1 nghiêng. Sư nói vô thuyết, chữ Hoàn đầy. Sư chỉ
2 mê đồ, thừa cơ Liễu nghĩa núi Biền Thiêm sắc phủ
3 sắc này, hang trống cũng còn lưu tên Liễu Liễu.

4 **5. Thiên sư Trí Hoàng ở Hà Bắc.**

5 Lúc đầu tham vấn ở pháp tòa của Ngũ tổ tuy có
6 học hỏi nhưng vẫn theo tiệm hạnh. Sau về Hà Bắc
7 cất am ngồi yên hơn hai mươi năm không biếng
8 lười. Sau gặp môn nhân của Lục tổ khuyên Sư nên
9 đến đó mà siêng cầu pháp yếu. Sư bèn bỏ am đến
10 tham vấn Lục tổ. Tổ thương xót ở xa tới liền mở
11 mang chỉ quyết. Sư sau lời Tổ nói liền rỗng rang
12 khế ngộ, tâm đã được từ hai mươi năm trước đều
13 không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc các đàn việt
14 (tín chủ) sĩ thứ (quan dân) bỗng nghe trên hư không
15 có tiếng nói rằng: Thiên sư Hoàng hôm nay đắc
16 đạo. Sau trở về Hà Bắc mà khai hóa bốn chúng.

17 **6. Thiên sư Pháp Đạt ở Hồng Châu.**

18 Người ở Phong Thành thuộc Hồng Châu, bảy
19 tuổi xuất gia tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi thọ Giới
20 cụ túc đến lễ Tổ sư mà đầu không đụng đất. Tổ
21 trách rằng: Lạy chẳng đụng đất chỉ bằng đừng lạy,
22 trong tâm ông hẳn có chứa một vật là gì? Sư nói:
23 Đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Tổ nói: Nếu
24 ông tụng đến muôn bộ được ý kinh ấy chẳng xem
25 là cao quý thì cùng đi với ta. Nay ông mang sự
26 nghiệp này mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ ta nói:

27 *Lạy vốn bỏ ngã mạn*

1 *Nếu đầu chẳng đưng đất*
2 *Có ngã tội liền sinh*
3 *Mất công phước không sánh.*

4 Tổ lại hỏi: Ông tên gì? - Thừa con tên Pháp Đạt
5 Tổ nói: Tên ông là Pháp Đạt, không hề có pháp nào
6 để đạt. Lại nói kệ rằng:

7 *Ông nay tên Pháp Đạt*
8 *Siêng tụng chưa dừng nghỉ*
9 *Không tụng chỉ theo tiếng*
10 *Minh tâm gọi Bồ tát*
11 *Ông nay vì có duyên*
12 *Nay ta nói ông nghe*
13 *Chỉ tin Phật không nói*
14 *Hoa sen từ miệng ra.*

15 Sư nghe kệ xong thì hồi lỗi nói rằng: Từ nay về
16 sau phải khiêm cung tất cả, cúi mong Hòa-thượng
17 Đại từ nói lược nghĩa lý trong kinh. Tổ hỏi: Ông
18 nghĩ kinh này lấy gì làm Tông? Sư nói: Đệ tử ngu
19 độn từ xưa nay chỉ y văn tụng niệm đâu biết Tông
20 thú. Tổ nói: Ông thử đọc cho ta nghe 1 biến, ta sẽ
21 giải thích cho ông nghe. Sư liền lớn tiếng đọc kinh
22 đến phẩm Phương Tiện. Tổ nói ngưng. Kinh này
23 lấy nhân duyên xuất thế làm tông đầu nói nhiều thứ
24 thí dụ cũng không vượt ngoài đây. Nhân duyên gì,
25 ấy chỉ là một việc lớn, tức là Phật tri kiến. Các ông
26 cẩn thận chớ làm hiểu ý kinh mà thấy Đạo khác.
27 Khai thị ngộ nhập tức là Phật tri kiến, bọn chúng
28 ta không có phần. Nếu hiểu theo đây tức là hủy

1 kinh chê Phật, đã là Phật rồi thì sẵn có tri kiến, cần
2 gì phải khai mở. Nay Ông phải tin tri kiến Phật
3 chính là tự tâm ông chứ không phải thể nào khác,
4 vì tất cả chúng sinh tự che sáng suốt. Tham ái trần
5 cảnh duyên ngoài trong nhiều, cam chịu trôi lăn,
6 lại nhọc nhằn từ Tam-muội khởi các thứ nhiều lời
7 đặng miệng dạy khuyên nghỉ ngơi chấm dứt, chớ
8 nên hướng bên ngoài mà cầu, vì cùng Phật chẳng
9 hai. Cho nên nói khai tri kiến Phật. Ông chỉ nhọc
10 nhằn đọc tụng cho là khóa lễ công đức, khác nào
11 trâu mao mển đuôi. Sư nói: Nếu thế chỉ được hiểu
12 nghĩa mà không tụng kinh. Tổ nói: Kinh có lỗi gì
13 đâu chướng niệm ông, chỉ vì mê ngộ ở người, tổn
14 ích do ông. Hãy nghe kệ ta:

15 *Tâm mê Pháp Hoa chuyển*
16 *Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa*
17 *Tụng lâu chẳng sáng mình*
18 *Làm oán thù với nghĩa*
19 *Vô niệm niệm liền chánh*
20 *Có niệm niệm thành tà*
21 *Có không đều chẳng chấp*
22 *Thường ngồi xe Trâu trắng.*

23 Sư nghe kệ xong lại thưa rằng:

24 Kinh nói các Đại Thanh văn cho đến các Bồ tát
25 đều phải hết sức suy nghĩ so lường còn chẳng thể
26 biết được trí Phật. Nay khiến phàm phu chỉ cần ngộ
27 tự tâm thì gọi là tri kiến Phật, tự chẳng phải là kẻ
28 thượng căn chưa khởi nghi chê. Lại kinh nói ba xe,

1 xe trâu lớn khác xe trâu trắng thế nào xin Hòa-
 2 thượng nói rõ. Tổ nói: Ý kinh rõ ràng ông tự mê
 3 tối. Các vị ba thừa không thể lường biết được trí
 4 Phật là do suy lường, vì càng cố sức suy nghĩ thì
 5 càng viễn vong mơ hồ. Phật vốn là phạm phu nói
 6 không phải là Phật nói: Lý này nếu chẳng chịu tin,
 7 thì từ người khác mà thôi tịch. Thật chẳng biết ngồi
 8 xe Trâu trắng ở ngoài cửa mà tìm ba xe, huống văn
 9 kinh rất sáng Đạo của ông, không hai cũng không
 10 ba, ông sao chẳng tỉnh. Ba xe là giả mượn ở thời
 11 xưa còn Nhất thừa thật ở lúc này. Chỉ khuyên ông
 12 bỏ giả về thật. Sau khi về thật thì thật cũng không
 13 tên gọi. Nên biết chỗ có của báu đều thuộc về ông
 14 do ông thọ dụng tận hưởng. Lại không nghĩ cha,
 15 nghĩ con, cũng không có nghĩ ngại, gọi là trì kinh
 16 Pháp Hoa. Từ kiếp này đến kiếp khác tay không hề
 17 mở quyển kinh mà từ ngày đến đêm không lúc nào
 18 chẳng tụng niệm. Sư đã được chỉ dạy mở mang nên
 19 rất vui mừng dùng kệ khen rằng:

20 *Kinh tụng ba ngàn hộ*
 21 *Một câu Tào Khê mất*
 22 *Chưa rõ ý ra đời*
 23 *Thật uống sống nhiều đời*
 24 *Giả lập Dê nai trâu*
 25 *Khéo bày trước, giữa, sau*
 26 *Ai biết trong nhà lửa*
 27 *Vốn là vua của pháp.*

28 Tổ nói: Ông sau này mới đáng gọi là Tăng tụng

1 kinh. Sư từ đó hiểu được Huyền chỉ, cũng chẳng
2 ngót tụng trì.

3 **7. Thiên sư Trí Thông ở Thọ Châu:**

4 Người ở An Phong Thọ Châu. Trước xem kinh
5 Lăng-già cả ngàn lượt mà không hiểu rõ ba thân
6 bốn trí, bèn lạy Tổ xin giải nghĩa. Tổ nói: Ba thân
7 gồm Thanh tịnh pháp thân là tánh của ông, Viên
8 mãn báo thân là trí của ông, Thiên bá ức hóa thân
9 là hạnh của ông. Nếu lìa bốn tánh mà nói ba thân
10 riêng thì tức gọi có thân mà không trí. Nếu ngộ ba
11 thân chẳng có tự tánh, thì gọi là bốn trí Bồ đề, hãy
12 nghe nói kệ:

13 *Tự tánh đủ ba thân*
14 *Phát minh thành bốn trí*
15 *Chẳng lìa duyên thấy nghe*
16 *Siêu nhiên lên Phật Địa*
17 *Nay ta vì ông nói*
18 *Tin chắc mãi không mê*
19 *Chớ học chạy cầu tìm*
20 *Suốt ngày nói Bồ đề.*

21 Sư nói: Nghĩa bốn trí con xin được nghe. Tổ
22 nói: Đã hiểu ba thân liền rõ bốn trí, sao lại hỏi. Nếu
23 lìa ba thân mà nói bốn trí riêng thì đây gọi là có trí
24 mà không thân, tức ở đây có trí lại thành vô trí. Lại
25 nói kệ rằng:

26 *Trí Đại viên cảnh tánh thanh tịnh*
27 *Trí Bình đẳng tánh tâm không bệnh*

Trí Diệu quan sát thấy chẳng công
 Trí Thành sở tác đồng viên cảnh (gương
 sáng),
 Năm, tám, sáu, bảy quả nhân chuyển
 Chỉ dùng có tên không thật tánh
 Nếu ở chỗ chuyển chẳng lưu tình
 Ôn ào mãi mãi định Na-già.

Sư lễ tạ dùng kệ khen rằng:

Ba thân vốn thể ta
 Bốn trí vốn tâm minh
 Thân trí đều vô ngại
 Ứng vật mà tùy hình
 Khởi tu đều vọng động
 Giữ chắc chẳng chân tình
 Lời diệu, nhờ thầy hiểu
 Mất hẳn tên ô nhiễm.

8. Thiên sư Chí Triệt ở Giang Tây.

Người ở Giang Tây, tên là Trương Hạnh
 Xương. Thuở nhỏ tánh hào hiệp giúp người, từ khi
 Nam Bắc phân hóa, hai tông chủ tuy mất mình
 người, nhưng đồ chúng thì tranh nhau thương ghét.
 Lúc đó môn nhân Bắc Tông tự lập Thiên sư Tú làm
 Lục Tổ (Tổ thứ 6), mà kỵ vì việc Đại sư Tuệ Năng
 được truyền y thì thiên hạ đều biết. Nhưng Tổ là
 Bồ tát biết trước việc ấy nên để mười lượng vàng
 ở Phương trượng. Lúc đó Hạnh Xương nhận lời
 dặn dò môn nhân của Bắc Tông, dắt dao nhọn vào

1 phòng Tổ định ám hại. Tổ đưa cổ ra Hạnh Xương
2 quở chém ba lần mà không xây sát. Tổ nói: Kiếm
3 Chánh thì chẳng tà, tà kiếm chẳng chánh, chỉ phụ
4 vàng ông mà không phụ mạng ông. Hạnh Xương
5 sợ quá ngất đi hồi lâu tỉnh lại cầu xin sám hối mong
6 được xuất gia. Tổ bèn cho vàng và nói ông đi đi,
7 sợ đồ chúng lại hại ông. Vài hôm khác ông nên đổi
8 hình dạng mà đến, ta sẽ nhiếp thọ. Hạnh Xương
9 tuân lời, sau vào Tăng xuất gia giữ giới tinh tiến.
10 Một hôm nhớ lời Tổ dạy liền từ xa đến lễ gặp. Tổ
11 nói: Ta từ lâu nhớ đến ông, sao ông đến muộn thế.
12 Thưa rằng: Hôm trước được Hòa-thượng tha tội,
13 nay con xin xuất gia khổ hạnh cũng khó báo ân sâu
14 chỉ mong truyền pháp độ sinh. Đệ tử từng đọc kinh
15 Niết-bàn nhưng chưa hiểu nghĩa thường và vô
16 thường xin Hòa-thượng từ bi nói lược. Tổ nói: Vô
17 thường tức là Phật tánh, thường tức là tâm phân
18 biệt tất cả các pháp thiện ác. Thưa: Lời Hòa-thượng
19 nói trái với văn kinh. Tổ nói: Ta truyền tâm ấn Phật
20 đâu dám trái với kinh Phật. Thưa: Kinh nói Phật
21 tánh là thường, Hòa-thượng lại nói vô thường, các
22 pháp thiện ác cho đến tâm Bồ đề đều là vô thường,
23 Hòa-thượng lại nói là thường, đây là trái nhau,
24 khiến người học càng thêm nghi vực. Tổ nói: Kinh
25 Niết-bàn xưa kia ta có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc
26 qua một lượt liền giảng nói cho ni ấy nghe: Không
27 có một chữ một nghĩa nào chẳng hợp với văn kinh.
28 Cho đến vì ông không nói khác. Thưa: Đệ tử sức

hiếu biết cạn cợt mê tối, nguyện Hòa-thượng cạn
 kẻ chỉ rõ. Tổ nói: Ông biết chẳng, nếu Phật tánh là
 thường thì nói các pháp thiện ác nào cùng kiếp
 cũng không có một người phát tâm Bồ đề, cho nên
 ta nói là vô thường chính là Đạo chân thường mà
 Phật nói. Lại, nếu tất cả các pháp vô thường thì tất
 cả mọi vật đều có tự tánh chịu đựng sinh tử. Mà
 tánh chân thường không có sự thay đổi, cho nên ta
 nói là thường. Chính là Phật nói nghĩa chân vô
 thường. Phật vì phạm phu ngoại đạo chấp tà
 thường, các người Nhị thừa thì đối với thường mà
 chấp vô thường, chung thành, tám điên Đảo. Trong
 giáo liễu nghĩa của Niết-bàn thì phá Thiên kiến ấy
 mà nói rõ ràng chân thường, chân ngã, chân tịnh.
 Nay ông y theo lời trái nghĩa vì đoạn diệt vô
 thường và xác định tử thường mà hiểu lầm lời nói
 mâu nhiệm sau cùng của Phật, dẫn xem ngàn lần
 nào có ích gì. Hạnh Xương bỗng như say vừa tỉnh
 lại, bèn nói kệ rằng:

*Nhân giữ tâm vô thường
 Phật nói có tánh thường
 Nếu chẳng biết phương tiện
 Như ao xuân chấp sỏi
 Nay con chẳng thi công
 Phật tánh mà thấy trước
 Chẳng phải thầy trao cho
 Ta cũng không được gì.*

Tổ nói ông nay đã thấu suốt, nên đặt tên là Chí

Triệt. Sư lễ tạ mà đi.

9. Thiên sư Trí Thường ở Tín Châu:

Người ở Quý Khê thuộc bốn châu. Tuổi nhỏ xuất gia chí cầu thấy tánh. Một hôm tham vấn Lục tổ, Tổ hỏi: Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì? Sư nói: Con là người ở núi Bạch Phong huyện Kiến Xương, Hồng châu, lễ Hòa-thượng Đại Thông mong chỉ bày về nghĩa thấy tánh thành Phật, nhưng chưa quyết vẫn còn hồ nghi. Đến Cát Châu thì có người chỉ mê khiến con đến tham yết Hòa-thượng, cúi mong từ bi nhiếp thọ. Tổ nói kia có ngôn cú gì thử nói ta nghe ta sẽ chứng minh cho ông. Sư nói: Trước đến đó ba tháng chưa được khai thị, vì pháp rất tha thiết nên nửa đêm một mình vào phương trượng lễ bái sư khẩn cầu. Sư Đại Thông bèn bảo: Ông thấy hư không chẳng? Thưa: Thấy. Đại thông hỏi: Ông thấy hư không có tướng mạo gì chẳng? Con đáp: Hư không vô hình, đâu có tướng mạo gì. Đại thông nói: Bốn tánh của ông cũng như hư không phản quán tự tánh rốt ráo không có một vật gì để thấy, đó gọi là chánh kiến, không một vật để biết, đó gọi là Chân Tri. Không có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy Bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng, gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là thể giới Cực Lạc, cũng gọi là tri kiến Như lai. Đệ tử này tuy nghe lời ấy cũng chưa quyết liễu. Xin Hòa-thượng chỉ dạy khiến cho không còn nghi ngờ dính

mắc. Tổ nói: Thầy ấy nói cũng còn thấy biết khiến ông chưa liễu. Nay ta chỉ ông một kệ:

*Chẳng thấy một pháp còn không thấy,
Giống như mây nổi che mặt trời
Chẳng biết một pháp giữ không biết
Lại như hư không có ánh chớp
Tri kiến này nháy mắt liền khởi,
Nhận làm đâu hiểu được phương tiện
Ông phải một niệm tự biết lỗi
Tự mình linh quang thường thấy rõ.*

Sư nghe kệ rồi tâm ý rộng sáng, bèn nói một kệ rằng:

*Không đâu khởi trí giải
Chấp tướng cầu Bồ đề
Tĩnh ngộ còn một niệm
Đâu vượt lúc mê xưa
Tự tánh nguồn giác thể
Tùy chiếu uổng trôi lăn
Chẳng vào thất Tổ sư
Mịt mù ở hai đầu.*

10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng Châu.

Người ở Nam Hải. Lúc đầu tham vấn Lục Tổ rằng: Đệ tử từ khi xuất gia xem kinh Niết-bàn hơn mười năm nhưng chưa biết đại ý, xin Hòa-thượng dạy bảo. Tổ hỏi: Ông chưa hiểu chỗ nào? Đáp: "Các hạnh vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, vắng lặng là vui", đệ tử thắc mắc ý nghĩa

1 này. Tổ nói: Ông nghi gì? Vì sao nghi? Thừa rằng:
2 Tất cả chúng sinh đều có hai thân là sắc thân và
3 pháp thân. Sắc thân thì vô thường có sinh có diệt.
4 Pháp thân thì thường vô tri vô giác. Kinh nói: Sinh
5 diệt diệt rồi vắng lặng là vui, không biết là thân nào
6 vắng lặng, thân nào được vui. Nếu sắc thân, thì khi
7 sắc thân diệt, bốn đại phân tán, toàn là khổ. Khổ
8 thì không thể nói vui. Nếu pháp thân vắng lặng thì
9 tức đồng với cỏ cây ngói đá, ai được vui. Lại pháp
10 tánh là thể sinh diệt, năm uẩn là dụng của sinh diệt.
11 Một thể năm dụng sinh diệt là thường. Sinh thì từ
12 thể khởi dụng diệt thì nhiếp dụng về thể. Nếu lại
13 sinh thì tức là loại hữu tình không đoạn không diệt.
14 Nếu chẳng còn sinh thì tức là về mãi với vắng lặng,
15 đồng với vật vô tình. Như thế thì tất cả các pháp bị
16 Niết-bàn cấm chế, hàng phục, còn chẳng được sinh
17 sao có vui? Tổ nói: Ông là Thích Tử (con Phật) sao
18 quen thói đoạn thường tà kiến của ngoại đạo mà
19 bàn luận pháp tối thượng thừa theo chỗ ông hiểu,
20 thì ngoài sắc thân riêng có pháp thân là sinh diệt
21 cầu về vắng lặng. Lại suy Niết-bàn Thường lạc nói
22 là có thân nhận lấy. Đó chính là chấp sinh tử tham
23 đắm vui đời. Nay Ông phải biết, Phật vì tất cả
24 người mê nhận năm uẩn hòa hợp làm tướng tự thể,
25 phân biệt tất cả các pháp là tướng ngoại trần, ham
26 sinh ghét chết, niệm niệm đòi đời, chẳng biết mộng
27 huyễn hư giả luống chịu luân hồi. Lấy thường lạc
28 của Niết-bàn trở lại làm tướng khổ, suốt ngày tìm

cầu. Phật thương người này nên chỉ bày chân lạc
 Niết-bàn, sát na không có tướng sinh, sát-na không
 có tướng diệt, lại không sinh diệt để diệt. Cho nên
 vắng lặng thấy trước, ngay lúc thấy trước cũng
 không nghĩ là thấy trước mới gọi là thường lạc, cái
 vui này không có người nhận cũng không có người
 chẳng nhận, há lại có tên gọi một thể năm dụng,
 huống lại nói Niết-bàn cấm phục các pháp khiến
 chẳng bao giờ sinh ra? Đây chính là chê Phật hủy
 pháp. Hãy nghe kệ của ta:

*Đại Niết-bàn Vô thượng
 Tròn sáng thường tịch chiếu
 Phàm phu gọi là chết
 Ngoại đạo chấp là đoạn
 Những người cầu Nhị thừa
 Cho là vô vi tác
 Đều thuộc tâm chấp trước
 Sáu mươi hai kiến gốc
 Dối lập tên luống dối
 Sau làm nghĩa chân thật
 Chỉ có người quá lượng
 Thông đạt chẳng lấy bỏ
 Vì biết pháp năm uẩn
 Cho đến Ngã trong uẩn
 Ngoài hiện các hình sắc
 Mỗi mỗi tướng âm thanh
 Bình đẳng như huyễn mộng
 Chẳng khởi thấy phàm Thánh*

1 *Chẳng nên chấp Niết-bàn*
 2 *Hai bên ba mé dít*
 3 *Thường nên dùng các căn*
 4 *Mà chẳng khởi tướng dùng*
 5 *Phân biệt tất cả pháp*
 6 *Chẳng khởi tướng phân biệt*
 7 *Kiếp lửa đốt đáy biển*
 8 *Gió trống núi đập nhau*
 9 *Chân thường vắng lặng vui*
 10 *Tướng Niết-bàn như thế*
 11 *Nay ta gượng nói năng*
 12 *Khiến ông bỏ tà kiến*
 13 *Ông chớ theo lời hiểu*
 14 *Cho ông biết chút ít.*

15 Sư nghe kệ xong vui mừng đánh lễ mà lui.

16 ***11. Hòa-thượng Ấn Tông chùa Pháp Tánh ở*** 17 ***Quảng Châu.***

18 Người ở quận Ngô, họ Ấn. Theo thầy xuất gia
 19 tinh chuyên Niết- bàn Đại Bộ (kinh Đại Niết-bàn).
 20 Niên hiệu Hàm Hạng năm thứ nhất đời Đường, Sư
 21 đến kinh đô, vua ban sắc mời ở chùa Đại kính Ái,
 22 Sư cố từ chối mà đến Kỳ Xuân gặp Đại sư Hoằng
 23 Nhãn. Sau ở chùa Pháp tánh tại Quảng Châu mà
 24 giảng kinh Niết-bàn. Khi gặp Lục Tổ là Đại sư Tuệ
 25 Năng mới ngộ Huyền chỉ bèn được truyền làm
 26 Pháp sư. Sư lại thu nhặt các lời thiết yếu của các
 27 bậc thấu suốt từ đời Lương đến đời Đường biên

1 soạn thành tâm yếu Tập truyền bá rất thanh hành
2 trên đời. Ngày 11 tháng 2 niên hiệu Tiên Thiên
3 năm thứ hai. Sư mất ở chùa Diệu Hỷ ở núi Cối Kê,
4 thọ tám mươi bảy tuổi. Vương Sư Càn ở Cối Kê
5 soạn bài minh trên tháp

6 *12. Thiên sư, Hành Tư ở Thanh Nguyên Cát* 7 *Châu.*

8 Sư người An Thành, ở bốn châu họ Lưu. Tuổi
9 nhỏ xuất gia. Mỗi khi mọi người luận Đạo thì Sư
10 chỉ làm thỉnh. Sau nghe có pháp tịch ở Tào Khê
11 bèn đến tham lễ hỏi rằng: Phải làm thế nào để
12 không bị rơi vào giai cấp. Tổ hỏi: Ông đã từng làm
13 gì? Sư nói: Thánh Đế cũng chẳng làm. Tổ nói: Rơi
14 vào giai cấp nào. Sư nói: Thánh Đế còn chẳng có
15 làm sao có cấp bậc. Tổ biết là Thâm Khí. Trong
16 hội người học rất đông mà Sư đứng đầu. Cũng như
17 Nhị tổ không nói Thiêu Lâm là được tủy. Một hôm
18 Tổ (Lục tổ) gọi Sư bảo rằng: Từ trước y pháp được
19 thầy trao cho. Y là để nói lên lòng tin còn pháp là
20 ấn tâm. Nay ta có được người đâu lo chẳng tin. Khi
21 ta được y đến nay thì gặp rất nhiều tai nạn, hướng
22 chỉ đời sau tranh giành càng dữ. Y để trấn giữ sơn
23 môn, ông nên phân hóa một phương đừng khiến
24 cho chám dứt. Sư được pháp rồi bèn đến ở chùa
25 Tịnh cư núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu. Khi
26 sắp thị tịch Lục Tổ có Sa di Hy Thiên hỏi rằng:
27 Hòa-thượng trăm tuổi rồi không biết Hy Thiên sẽ

1 nương tựa ai? Tổ nói: Suy nghĩ đi. Đến khi Tổ mất
2 thì Hy Thiên thường ở chỗ vắng mà ngồi lặng lẽ
3 như quên sống. Đệ nhất tọa hỏi rằng: Thầy ông đã
4 mất ngồi không đây làm gì? Thiên nói: Con theo
5 lời di chúc mà suy nghĩ tìm kiếm... Đệ nhất tọa nói:
6 Ông có sư huynh là Hòa-thượng Hành Tư, nay
7 đang ở Cát Châu, nhân duyên ông là ở đó. Tổ nói
8 rất rõ mà ông tự mê thôi. Sư nghe xong bèn lạy từ
9 Tháp Tổ thẳng đến chùa Tịnh cư. Sư hỏi: Ông ở
10 đâu mà đến đây. Hy Thiên thưa: Ở Tào Khê. Sư
11 hỏi: Đã được cái gì rồi? Thiên nói: Chưa đến Tào
12 Khê cũng chẳng mất. Sư hỏi: Thì đến Tào Khê làm
13 gì? Thiên nói: Không đến Tào Khê sao biết chẳng
14 mất. Thiên lại hỏi: Đại sư Tào Khê có biết Hòa-
15 thượng chăng? Sư hỏi: Nay Ông biết ta chăng?
16 Thưa: Biết làm sao biết được? Sư nói: Các sùng
17 tuy nhiều nhưng một sùng lân là đủ. Thiên lại hỏi:
18 Hòa-thượng xuống núi đến nay bao lâu? Sư nói: Ta
19 chẳng biết. Sư hỏi ông rời Tào Khê lâu chưa. Đáp:
20 Hy Thiên chẳng từ Tào Khê đến. Sư nói: Ta cũng
21 biết chỗ ông đi. Thưa rằng: Hòa-thượng may là Đại
22 nhân chẳng vội vàng- Một hôm Sư hỏi Thiên rằng:
23 Ông từ đâu đến đây. Đáp: Ở Tào Khê. Sư đưa cây
24 phát trần lên hỏi Tào Khê lại có cái này chăng?
25 Đáp: Không phải chỉ Tào Khê, Tây Thiên cũng
26 không. Sư hỏi: Ông chưa từng đến Tây Thiên
27 chăng? Đáp: Nếu đến liền có. Sư nói: Chưa hiểu
28 Đạo. Thưa: Hòa-thượng cũng lấy một nửa Đạo chớ

1 toàn nhờ người Học này. Sư nói: Không từ chối
2 Đạo ông sợ sau này không có người gánh vác - Sư
3 sai Hy Thiên đem thư đến Hòa-thượng Hoài
4 Nhượng ở Nam Nhạc, dặn rằng: Ông đưa thư rồi
5 mau trở về. Ta có cái búa chẻ cho ông ở núi. Thiên
6 đến chưa kịp trình thư liền hỏi: Chẳng mền các
7 Thánh chẳng trọng tánh linh của mình lúc đó ra
8 sao? Hoài Nhượng nói: Ông hỏi cao quá sao không
9 hỏi thấp xuống? Thiên nói: Thà chịu suốt kiếp đắm
10 chìm chớ không mộ các Thánh giải thoát. Nhượng
11 liền thôi. Thiên về đến chùa . Sư hỏi: Ông đi chưa
12 lâu đã đưa thư chưa? Thiên nói: Tin cũng chẳng
13 thông mà thư cũng chẳng đưa. Sư hỏi: Làm sao
14 sinh, sinh ra cái gì? Hy thiên kể lại lời nói trước,
15 lại thưa khi ra đi Hòa-thượng hứa cho cái búa chẻ,
16 liền xin lấy. Sư đưa một chân. Thiên liền đánh lễ,
17 rồi từ giã mà đến Nam Nhạc - Thần Hội ở Hà Trạch
18 đến tham vấn. Sư hỏi: Từ đâu đến? Hội thưa: Từ
19 Tào Khê. Sư hỏi ý chỉ Tào Khê ra sao. Hội đứng
20 nghiêm lại. Sư nói: Còn vương ngói gạch liền hỏi
21 Hòa-thượng nay không có vàng ròng cho người u.
22 Sư nói: Nếu có cho, ông để ở đâu? Có vị tăng hỏi:
23 Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói: Gạo Lô lã
24 giá bao nhiêu? Sư đã trao pháp ở Thạch Đầu. Năm
25 Canh Thìn niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai
26 mươi tám đời Đường, ngày 13 tháng 12, Sư lên tòa
27 cáo từ chúng rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua Đường
28 Hy Tông ban thụy là Hoảng Tế Thiên sư, tháp hiệu

là Qui Chân.

13. Thiền sư, Hoài Nhượng ở Nam Nhạc.

Sư họ Đỗ, người Kim Châu. Năm mười lăm tuổi đến chùa Ngọc Tuyên ở Kinh Châu, nương Luật sư Hoằng Cảnh mà xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc học tập Tạng Tỳ-ni. Một hôm tự than rằng: Người xuất gia phải pháp vô vi. Lúc đó, bạn đồng học là Thản Nhiên biết chí Sư cao xa, khuyên Sư đến gặp Hòa-thượng An ở Tung Sơn. An mở mang cho, bèn đến thẳng Tào Khê tham vấn Lục Tổ. Tổ hỏi: Từ đâu đến. Thưa từ Tung Sơn đến. Tổ hỏi Đến để làm gì? Thưa rằng: Giống như một vật thì không đúng. Tổ hỏi: Lại có thể tu chứng chăng? Thưa: Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được. Tổ nói: Chỉ chẳng nhiễm ô này là chỗ chur Phật hộ niệm. Ông đã như thế ta cũng như thế. Bát-nhã Đa-la ở Tây Thiên có lời sấm. Dưới chân ông có một con ngựa khỏe đạp chết người thiên hạ và ở tâm ông chẳng cần, nói mau! Sư rỗng rang khế hội, bèn ở làm thị giả suốt mười hai năm. Niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai đời Đường mới đến Hoành Nhạc ở Chùa Bát Nhã. Trong niên hiệu Khai Nguyên có Sa môn Đạo Nhất (là Đại sư Mã Tổ), ở viện truyền pháp thường ngày ngồi thiền. Sư biết là pháp khí, đến hỏi rằng: Đại đức ngồi thiền để làm gì? Đạo Nhất đáp: Muốn thành Phật. Sư bèn lấy một cục gạch đến hòn đá trước am mà mài. Đạo

1 Nhất hỏi: Sư mãi làm gì?

2 Sư nói mãi để làm gương. Đạo Nhất nói mãi
3 gạch làm gương sao được? Sư nói ngồi thiền thành
4 Phật sao được. Đạo Nhất hỏi làm sao mới đúng?
5 Sư nói: Như người ngồi xe, xe không đi, vậy đánh
6 xe là đúng, hay đánh trâu là đúng? Đạo Nhất không
7 đáp được. Sư nói: Ông học ngồi thiền hay học ngồi
8 thành Phật. Nếu học ngồi thiền thì thiền không phải
9 ngồi nằm, nếu học ngồi thành Phật thì Phật chẳng
10 phải tướng định. Đối với pháp vô trụ không nên lấy
11 bỏ nếu ông ngồi thành Phật tức là giết Phật, nếu
12 chấp tướng ngồi thì không hiểu lý ấy. Đạo Nhất
13 nghe chỉ bày như được uống đê hồ, lễ bái sư hỏi
14 rằng: Dụng tâm thế nào thì hợp với Tam-muội Vô
15 tướng? Sư nói: Ông học pháp môn tâm địa như
16 gieo hạt giống. Ta nói pháp yếu ví như ao trời kia,
17 ông duyên hợp nên sẽ thấy được đạo ấy. Lại hỏi:
18 Đạo chẳng phải sắc tướng làm sao nói thấy được.
19 Sư nói tâm địa pháp nhãn có thể thấy được Đạo.
20 Tam-muội Vô tướng cũng giống như thế Đạo Nhất
21 nói: Có thành hoại chăng? Sư nói: Nếu dùng thành
22 hoại tụ tán mà thấy Đạo thì không phải thấy Đạo,
23 hãy nghe kệ ta:

24 *Đất tâm ngâm hạt giống*
25 *Gặp mưa đều nảy mầm*
26 *Hoa Tam-muội vô tướng*
27 *Nào hoại, đâu có thành.*

28 Đạo Nhất tâm ý được khai ngộ rộng sáng, bèn

1 hầu thầy mười năm, ngày càng thêm sâu xa. Đệ tử
2 nhập thất gồm có sáu vị Sư đều ấn khả cho rằng:
3 Các ông là sáu người cùng chứng đạo ta mỗi vị khế
4 một đường. Một người được mày ta, giỏi oai nghi
5 Thường Hạo, một người được mắt ta, giỏi trông
6 nhìn (Trí Đạt). Một người được tai ta, giỏi nghe lý
7 (Thản Nhiên), một người được được mũi ta, khéo
8 biết mùi (Thần Chiếu), một người được lưỡi ta, nói
9 năng khéo léo (Nghiêm Tuân), một người được
10 tâm ta, giỏi điều xưa nay (Đạo Nhất).

11 Lại nói tất cả pháp đều từ tâm sinh, tâm không
12 có sở sinh, pháp không có năng trụ, nếu hiểu tâm
13 địa mà được vô ngại. Không gặp hạng Thượng căn
14 thì cẩn thận chớ nói - Có một Đại đức hỏi như lấy
15 gương đúc tượng (gương xưa bằng đồng) tượng
16 thành thì gương sáng ở đâu? Sư hỏi: Như Đại đức
17 tướng mạo lúc còn bé ở đâu? Hỏi rằng: Như tượng
18 thành rồi vì sao không soi chiếu? Sư nói: Dầu là
19 không soi sáng chứ chớ nói dối là một điểm không
20 có. Sau Đại sư Mã Tổ hoằng hóa ở Giang Tây. Sư
21 hỏi chúng rằng: Đạo nhất có nói pháp cho chúng
22 hay chăng? Chúng thưa: Đã nói pháp cho chúng.
23 Sư hỏi: Sao chưa thấy người đem tin đến). Chúng
24 không đáp, nhân sai một tăng đi hỏi thì đáp đợi khi
25 ông ấy lên tòa. Chỉ hỏi cái gì sinh làm sao sinh? .
26 Đạo ấy dùng ngôn ngữ gì để ghi nhận tương lai?
27 Tăng đi hoàn toàn theo ý sư trở về bạch rằng: Mã
28 Tổ nói: Từ khi Hồ loạn sau ba mươi năm không hề

1 thiếu ăn tương muối Sư cho là đúng. Niên hiệu
 2 Thiên Bảo năm thứ ba ngày 11 tháng 8 Sư viên tịch
 3 ở Hoành Nhạc. Vua ban thụy là Đại Tuệ Thiên sư,
 4 tháp hiệu là Tối Thắng Luân.

5 ***14. Thiên sư Vĩnh Gia, Huyền Giác ở Ôn*** 6 ***Châu.***

7 Người ở Vĩnh Gia, họ Đới. Tuổi nhỏ xuất gia
 8 xem khắp ba tạng, hiểu rành Thiên Thai chỉ quán
 9 là pháp môn viên diệu. Trong bốn oai nghi luôn
 10 ngâm thiên quán. Sau nhờ Thiên sư Lăng ở Tả Khê
 11 khích lệ, đã cùng Thiên sư Sách ở Đông Dương
 12 đồng đến Tào Khê. Lúc đầu đến chông tích trượng
 13 mang bình đi nhiễu quanh tổ ba vòng. Tổ nói phạm
 14 Sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh
 15 đại đức từ nơi nào đến mà quá ngã mạn như thế?
 16 Sư nói sinh tử là việc lớn vô thường nhanh chóng.
 17 Tổ hỏi sao không thể nhận lấy vô sinh liễu rõ
 18 không chóng. Thưa rằng: Thể tức vô sinh, liễu vốn
 19 không chóng. Tổ nói đúng thể đúng thế. Lúc đó,
 20 đại chúng đều ngạc nhiên. Sư mới đủ oai nghi mà
 21 tham lễ phút chốc cáo từ. Tổ nói: Trở về chóng thế.
 22 Sư nói: Vốn tự không động há có chóng? Tổ nói ai
 23 biết chẳng động? Sư nói: Nhân quả tự sinh phân
 24 biệt. Tổ nói ông rất được ý Vô sinh. Thưa rằng: Vô
 25 sinh há có ý ư? Tổ nói: Vô ý thì ai phân biệt. Đáp:
 26 Phân biệt cũng chẳng phải ý. Tổ khen: Lành thay!
 27 Lành thay. Bèn ở lại một đêm, do đó đời gọi là

1 Nhất túc giác. Sách công bèn giữ Sư lại sáng hôm
2 sau xuống núi trở về Ôn Giang. Người Học đến rất
3 đông gọi là Chân Giác Đại sư. Sư có soạn một bài
4 chứng Đạo ca và Thiên Tông Ngộ Tu Viên Chỉ từ
5 cạn đến sâu. Thứ sư Khánh Châu là Ngụy Tinh,
6 góp nhặt biên soạn lời tựa làm thành mười bài, đặt
7 tên là Vĩnh Gia Tập truyền bá trên đời rất thịnh
8 hành, đại ý như sau:

9 - Thứ một: Mộ đạo chí nghi: Muốn tu Đạo
10 trước phải lập chí và phép tắc thờ thầy, sáng tỏ quy
11 củ phép tắc. Nên thứ nhất là nói về nghi thức Mộ
12 đạo.

13 - Thứ hai: Giới ý kiều xa. Trước tuy lập chí tu
14 Đạo phải giới biết nghi quỹ, nếu ba nghiệp kiều xa
15 vọng tâm quấy động thì sao định được cho nên thứ
16 hai là nói về giới cấm ý kiều xa.

17 - Thứ ba: Tịnh tu ba nghiệp. Trước cấm ý kiều
18 xa lược nêu cương yếu. Nay xét trách kỹ lưỡng
19 khiến lỗi không sinh, nên thứ ba nói về Tịnh tu ba
20 nghiệp là ngăn ngừa thân miệng ý.

21 - Thứ bốn: Xa-ma-tha tụng. Đã kiểm trách thân
22 miệng khiến lỗi thô chẳng sinh, kế phải vào môn
23 tu Đạo lần lượt chẳng ngoài Định tuệ.

24 Năm thứ khởi tâm, sáu thứ phân biệt nên thứ tư
25 nói Xa-ma-tha tụng.

26 - Thứ năm: Tỳ-bà-xá-na tụng. Không giới thì
27 không thiền, không thiền thì không tuệ, trên đã tu

1 định, định lâu thì tuệ sáng nên thứ năm nói Tỳ-Bà-
2 Xá Na tụng.

3 - Thứ sáu: Ưu-tất-xoa tụng. Riêng tu định, định
4 lâu thì hôn trầm. Riêng học tuệ, tuệ nhiều thì tâm
5 động nên thứ sáu là Ưu-tất-xoa tụng, bằng nhau cả
6 định tuệ không để trầm động. Khiến định tuệ bình
7 đẳng bỏ cả hai bên.

8 - Thứ bảy: Ba thừa tiệm thứ. Định tuệ đã bằng
9 nhau thì tịch mà thường chiếu, ba quán một tâm
10 sao nghi chẳng sót, sao chiếu chẳng tròn. Tự hiểu
11 tuy sáng mà thương người khác chưa ngộ. Ngộ có
12 cạn sâu, nên thứ bảy là nói ba thừa tiệm thứ

13 - Thứ tám: Sự lý chẳng hai. Ba thừa ngộ lý,
14 không lý nào chẳng cùng tận cùng tận lý do Sự,
15 liễu sự tức Lý. Nên thứ tám là nói Sự lý chẳng hai.
16 Tức Sự mà chân, dùng để trừ bỏ kiến chấp trái
17 ngược.

18 - Thứ chín: Thư khuyên bạn: Sự Lý đã dung
19 nhau, nội tâm tự sáng. Lại xa thương người học
20 luống uổng ngày giờ, nên thứ chín là viết thư
21 khuyên bạn.

22 - Thứ mười: Văn Phát nguyện: Khuyên bạn tuy
23 là chuyên tâm thương người khác, nhưng ở một
24 tình cũng chưa khắp nên thứ mười là văn Phát
25 nguyện, thề độ tất cả.

26 Lại còn mười môn Quán tâm, trước thì nói đến
27 pháp nhĩ, kế nêu quán thể, ba là nói tương ưng, bốn

là cảnh cáo kẻ khinh thường người trên, năm là khuyên nhắc người lười biếng, sáu lại nêu quán thể, bảy là nói phải quấy, tám phân chọn thuyên chỉ, chín là gặp việc thành quán, mười là khéo Khế hợp với nguồn Huyền).

1. Nói về pháp nhĩ, tâm tánh có nguồn, hư thông động tịnh đều chẳng hai, chân như dứt hết nghĩ suy tính toán, chẳng hề khác nhau. Các hoặc thấy có lằng xằng biết đến cùng) thì chỉ một vắng lặng, nguồn linh chẳng hình dáng, soi xét thì ngàn thứ khác nhau không. Tên Pháp Nhãn tự lập, một vắng lặng chẳng khác. Đây còn gọi là Tuệ nhãn, lý lượng đều tiêu, công đức của Phật Nhãn viên mãn ấy là ba Đế một cảnh, Lý pháp thân thường thanh tịnh, ba trí một tâm Bát Nhã sáng luôn chiếu. Cảnh và trí ngậm hợp ứng giải thoát tùy cơ, chẳng dọc chẳng ngang, viên với Đạo huyền hội. Cho nên biết ba đức diệu tánh rõ ràng như thế không trái một tâm. Rộng sâu khó nghĩ bàn sao xuất yếu mà chẳng lộ. Đó là dùng tức tâm làm đạo, có thể gọi là tìm sông mà được nguồn.

2. Nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không mà chẳng không, chẳng phải không mà chẳng phải chẳng không.

3. Nói về tương ưng - Tâm cũng không tương ưng thì chê khen đâu có buồn đâu có vui. Thân tương ưng với không thì cạo cắt xúc hương thơm có gì khổ có gì vui. Ý báo tương ưng với không thì

ban cho hay cướp lấy đâu có được đâu có mất. Tâm tương ưng với không chẳng không thì di kiến đều mất từ bi cứu khắp. Thân tương ưng với không chẳng không, thì trong giống như cây khô mà ngoài hiện rõ oai nghi. Ý báo tương ưng với không và chẳng không thì vắng bật tham cầu của cải chu cấp. Tâm tương ưng với không và chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì thật tướng mới sáng mở bày tri kiến Phật. Thân tương ưng và không chẳng không, chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì một trần vào chánh thọ, các trần Tam-muội khởi - Ý Báo cùng không chẳng không tương ưng chẳng phải chẳng phải chẳng không thì hóa sinh lên hương gác báu cõi trang nghiêm.

4. Cảnh cáo kẻ thượng mạn: Nếu chẳng như thế thì chưa tương ưng.

5. Răn kẻ biếng lười - Nhưng vượt biển thì phải lên thuyền, chẳng có thuyền làm sao vượt được. Tu tâm thì phải vào quán chẳng có quán làm sao sáng tâm. Tâm còn chưa sáng thì lúc nào mới tương ưng, hãy suy nghĩ chớ cậy mình.

6. Lại nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không chẳng không, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng biết tức niệm tức không chẳng không, chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không.

1 7. Nói về đúng sai - Tâm chẳng phải có, tâm
2 chẳng phải không, tâm đều là có, tâm đều không,
3 là có là không thì rời vào đúng, chẳng phải có
4 chẳng phải không thì rơi vào sai. Như thế chỉ là phi
5 của thị phi, mà chưa của phi là phi mà là thị của
6 phi nay lấy hai phi, chứ phá hai thị. Thị phá phi thì
7 thị cũng là phi. Lại lấy hai phi mà phá lưỡng phi.
8 Phi mà phá phi thì phi tức là thị. Như thế chỉ là phi
9 là phi mà thị của phi, không phải là chẳng phi
10 chẳng chẳng phi, chẳng thị chẳng chẳng thị. Hoặc
11 của thị phi nhỏ nhất khó thấy, tinh thần phải nghĩ
12 suy kỹ lưỡng mà nghiên cứu.

13 8. Phân biệt thuyên chỉ: Nhưng chỉ lý không lời
14 giả mượn lời nói để nói rõ ý chỉ. Chỉ tông không
15 phải quán, nhờ tu quán mà hiểu rõ Tông. Nếu ý chỉ
16 chưa sáng thì lời chưa trúng đích. Nếu tông chưa
17 rõ thì quán chưa sâu. Quán sâu sẽ hiểu rõ tông ấy.
18 Lời nói đích xác sẽ sáng tỏ ý chỉ, chỉ của Tông đã
19 sáng tỏ, thì chỉ của quán sao chẳng còn hoài.

20 9. Gặp việc thành quán. Giảng nói ngôn từ lại
21 nêu quán thể. Muốn sáng tỏ tông chỉ không gì khác
22 là nói quán. Có đuôi mới dòi, có dòi thì nói lý
23 chẳng sai, chẳng sai thì quán chỉ chẳng khác.
24 Chẳng khác thì chỉ tức là lý. Lý chẳng sai tức là
25 Tông. Chỉ một mà hai tên. Nói quán thì sáng tỏ chỗ
26 dặt dấn.

27 10. Khéo khéo hợp nguồn huyền) người ngộ tâm
28 thà chấp quán mà mê chỉ cho người thấu giáo đầu

lại y cứ theo lời mà lầm lý. Lý sáng thì dứt đường nói năng sao nói là có thể bàn luận. Chỉ rõ thì mất chỗ tâm hành. Sao quán lại hay suy tư. Tâm và lời chẳng thể nghĩ và bàn thì có thể gọi là khéo Khế hợp Hoàn trung?

Vào niên hiệu Tiên Thiên 2 ngày mười bảy tháng 10 sư ngồi yên mà thị tịch. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp ở phía Nam của Tây Sơn. Vua ban thụy là Vô Tướng Đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang. Niên hiệu Thuần Hóa vua Tống Thái Tông ban chiếu cho Sư trụ ở Bồn Châu sửa sang lại khám tháp.

15. Thiền sư Bồn Tịnh ở núi Từ Không.

Người ở Giáng Châu, họ Trương. Tuổi nhỏ đã mặc áo Đạo (xuất gia) được thọ ký ở thất Tào Khê, thuộc chùa Vô Tướng, núi Từ Không. Niên hiệu Thiên Bảo thứ ba, Vua Đường Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi hái dây Thường xuân, nhân đến Trượng thất đánh lễ hỏi rằng: Đệ tử kính mến Ngài đã lâu, nguyện Hòa-thượng từ bi lược bày chỉ dạy. Sư nói phẩm Thiền tông trong thiên hạ, người học cao đều hội ở Kinh đô. Thiền Sư nên về triều mà học hỏi bản đạo e núi gần nước không chỗ dụng tâm. Quang Đình than khóc lạy cầu. Sư nói: Đừng lễ bản đạo Thiền Sư vì cầu Phật hay hỏi Đạo? Thừa rằng: Đệ tử trí thức tối tăm, chẳng hay Phật và Đạo bàn luận ra sao? Sư

1 nói: Nếu muốn cầu Phật thì tức tâm là Phật, nếu
2 muốn hiểu Đạo thì vô tâm là Đạo. Thừa: Thế nào
3 là tức tâm là Phật? Sư nói: Phật nhờ vào tâm mà
4 ngộ tâm do Phật mà sáng tỏ, nếu ngộ vô tâm thì
5 Phật cũng chẳng có. Thừa rằng: Thế nào là vô tâm
6 là Đạo? Sư nói: Đạo vốn vô tâm, nên vô tâm gọi là
7 Đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là Đạo. Quang
8 Đình đánh lễ tin nhận. Khi trở về triều thì Đình kể
9 lại mọi việc cho vua nghe. Vua liền sai Quang Đình
10 mời Sư ngày 13 tháng 12 về kinh ở (chùa) Bạch
11 Liên. Năm sau ngày rằm tháng giêng vua mời hai
12 hàng danh Tăng thạc học vào Nội đạo tràng luận
13 bàn Phật lý với Sư. Lúc đó, Thiền sư Viên lớn tiếng
14 bảo Sư rằng: Nay đối trước Thánh thượng mà so
15 lường tông chỉ, thì nên hỏi thẳng đáp thẳng chớ nên
16 nhiều lời. Như chỗ Thiền sư thấy thì cái gì là Đạo?
17 Sư đáp vô tâm là Đạo. Viên nói: Đạo do tâm mà
18 có, đâu được nói vô tâm là Đạo? Sư nói: Đạo vốn
19 không có tên gọi nhân tâm gọi là Đạo.

20 Tên Tâm nếu có thì Đạo chẳng dối - đã không
21 hiểu tâm thì Đạo dựa vào đâu mà lập, cả hai đều
22 luống dối thì cùng là giả danh. Viên hỏi: Thiền sư
23 thấy có thân tâm là Đạo chẳng? Sư đáp: Thân tâm
24 của Sơn tăng xưa nay vốn là Đạo. Hỏi: Vừa nói vô
25 tâm là Đạo, nay lại nói thân tâm xưa nay là Đạo,
26 há chẳng trái nhau? Sư nói: Vô tâm là Đạo, tâm
27 mất Đạo không. Tâm Đạo như một nên nói vô tâm
28 là Đạo. Thân tâm xưa nay là Đạo, Đạo cũng vốn là

thân tâm, thân tâm vốn đã là không thì Đạo và
 nguồn cũng không có. Hỏi: Xem Thiên sư hình
 chất rất nhỏ bé sao lại hội lý này. Sư nói: Đại đức
 chỉ thấy tướng của Sơn tăng mà chẳng thấy vô
 tướng của Sơn tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của
 Đại đức. Kinh nói: Tất cả các tướng đều là luống
 dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì tức
 là ngộ Đạo ấy. Nếu cho tướng là thật thì cùng kiếp
 cũng chẳng thể ngộ Đạo - Hỏi: Nay thỉnh Thiên sư
 đối với tướng mà nói vô tướng. Sư nói: Kinh Tịnh
 danh nói: Bốn đại vô chủ, thân cũng Vô ngã. Vô
 ngã mà thấy thì tương ưng với Đạo. Nếu Đại đức
 cho bốn đại có chủ là ngã, nếu có ngã mà thấy thì
 cùng kiếp cũng chẳng thể (hiểu) Đạo. Viễn sư nghe
 lời ấy thì thất sắc mà rời tòa Sư bèn có kệ rằng:

*Bốn Đại vô chủ lại như nước,
 Gặp cong thẳng mà không kia đây
 Hai chỗ Tịnh uế chẳng sinh tâm
 Ứng quyết đâu hiểu có hai ý
 Gặp cảnh chỉ giống nước vô tâm
 Ở đời ngang dọc có việc gì.*

Lại nói: Một đại như thế, bốn đại cũng thế. Nếu
 nói bốn đại vô chủ liền ngộ vô tâm, nếu hiểu vô
 tâm thì tự nhiên khế hợp với Đạo.

- Lại có Thiên sư Chí Minh hỏi rằng: Nếu hiểu
 rõ vô tâm là Đạo, vậy gạch đá vô tâm cũng là Đạo.
 Lại nói thân tâm xưa nay là Đạo, thì bốn loài mười
 loại đều có thân tâm, cũng phải là Đạo ư? Sư nói:

1 Nếu Đại đức lấy thấy nghe hay biết mà hiểu thì
2 cách xa Đạo, tức là người cầu thấy nghe hay biết,
3 không phải là người cầu Đạo. Kinh nói: Không có
4 mắt tai mũi lưỡi thân ý, 6 căn còn không thì thấy
5 nghe hay biết dựa vào đâu mà lập. Cùng tận gốc rễ
6 chẳng có chỗ nào có tâm sao có thể chẳng giống
7 với cỏ cây gạch đá. Chí Minh đuổi lý mà lui. Sư lại
8 có kệ rằng:

9 *Thấy nghe hay biết không chương ngại*
10 *Thanh hương vị xúc thường Tam-muội*
11 *Như chim chỉ bầy trong hư không,*
12 *Chẳng lấy chẳng bỏ chẳng yêu ghét*
13 *Nếu hiểu chỗ ứng vốn vô tâm,*
14 *Mới được gọi là Quán Tự Tại.*

15 - Lại có Thiên sư Chân hỏi rằng: Đạo đã vô
16 tâm, Phật có tâm chẳng, Phật và Đạo là một hay
17 hai? Sư nói: Chẳng phải một cũng chẳng phải khác.
18 Hỏi: Phật độ chúng sinh là có tâm, Đạo không độ
19 người là vô tâm, một độ một không độ sao được là
20 chẳng hai? Sư nói: Nếu nói Phật độ chúng sinh còn
21 Đạo không độ đây là Đại đức vọng sinh hai kiến
22 (thấy có hai cái khác nhau). Như sơn Tăng thì
23 không phải thế. Phật là hư danh, Đạo cũng vọng
24 lập, cả hai đều chẳng thật, mà đều là giả danh.
25 Trong một giả sao lại chia hai. - Hỏi: Phật và Đạo
26 đều từ giả danh, đương khi đặt tên thì ai lập. Nếu
27 có người lập đâu được nói không. Sư nói Phật và
28 Đạo do tâm mà lập, suy cho cùng lập tâm thì tâm

cũng không. Tâm đã là không thì liền ngộ cả hai đều chẳng thật. Biết là như huyền tức ngộ vốn không mà cưỡng lập ra Phật và Đạo có hai tên. Đây là kiên giải chỗ thấy của người Nhị thừa. Sư bèn nói vô tu vô tu, kệ rằng:

*Thấy Đạo mới tu Đạo
Chẳng thấy thì tu gì
Tánh Đạo như hư không
Hư không làm sao tu
Người quán khắp tu Đạo
Tắt lửa mà tìm bọt
Chỉ là chơi tượng gỗ
Đứt dây hết cử động.*

- Lại có Thiên sư pháp không hỏi rằng: Phật cùng Đạo đều là giả danh, thì mười hai phân giáo cũng phải không thật, vì sao từ trước các bậc tôn túc đều nói tu đạo? - Sư nói: Đại đức hiểu lầm ý kinh. Đạo vốn không tu, Đại đức ép là tu, Đạo vốn không làm, Đại đức ép làm, Đạo vốn không việc, ép sinh nhiều việc, Đạo vốn không biết thì ép là biết. Sự thấy biết này trái với đạo. Các tôn túc từ trước chẳng phải như thế, là tự Đại đức chẳng hiểu, xin hãy nghĩ lại. Sư lại có kệ rằng:

*Đạo thể vốn không tu,
Chẳng tu tự hợp Đạo
Nếu khởi tâm tu Đạo,
Người này chẳng hiểu Đạo
Bỏ đi một chân tánh,*

*Mà vào chợ ồn ào
Bỗng gặp người tu đạo
Chẳng hướng Đạo bậc nhất.*

- Lại có Thiền sư An hỏi rằng: Đạo đã nói giả danh, Phật bảo là dối lập, mười hai phần giáo cũng là tiếp vật độ sinh, tất cả là dối thì cái gì là chân? Sư nói: Vì có vọng nên dùng chân mà đối vọng, suy cho cùng thì tánh vọng vốn không, chân có. Cho nên biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị không thật thể, xét cùng cội gốc thì tất cả đều không. - Hỏi: Đã nói tất cả là dối thì dối cũng đồng với chân, chân vọng chẳng khác thì là vật gì? Sư nói: Nếu nói vật gì thì vật gì cũng vọng. Kinh nói: Không tương tự, không so sánh dứt đường nói năng như chim bay trong hư không - Thiền sư An then phục chỗ không biết của mình. Sư lại có kệ:

*Tìm chân chân vô tướng
Tìm vọng vọng vô hình
Quán lại xét cùng tâm
Biết tâm cũng giả danh
Hiểu Đạo cũng như thế
Rớt cuộc cũng chỉ thế.*

- Lại có Thiền sư Đạt Tánh hỏi rằng: Thiền là rất vi rất diệu chân vọng đều mất, Phật Đạo đều quên, tu hành tánh không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều là giả danh. Khi hiểu như thế thì chẳng thể đoạn dứt hai căn thiện ác của chúng sinh. Sư nói: Hai căn thiện ác đều do tâm mà

1 có, xét nếu tâm có thì các căn cũng chẳng dối, xét
 2 tâm đã không thì căn do đâu mà lập. Kinh nói:
 3 Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, nghiệp
 4 duyên thiện ác vốn không có thật. Sư lại có kệ rằng:

*Thiện đã từ tâm sinh
 Ác há là tâm có
 Thiện ác là duyên ngoài
 Ở tâm thật chẳng có
 Bỏ ác đi về đâu
 Lấy thiện khiến ai giữ
 Thương thay kẻ thấy hai
 Dính duyên hai đầu chạy
 Nếu ngộ vốn vô tâm
 Mới hối lỗi từ trước.*

15 - Lại có quan Cận thân hỏi: Thân này từ đâu
 16 đến, trăm tuổi rồi thì về đâu? - Sư nói: Như người
 17 nằm mộng thì từ đâu mà đến, thức rồi thì đi về đâu?
 18 Đáp rằng: Khi mộng thì chẳng thể nói là không,
 19 khi thức thì chẳng thể nói có, tuy có có không mà
 20 tới lui không có chỗ. Sư nói: Thân của Bàn Đạo
 21 đây cũng như mộng. - Lại nói kệ:

*Thấy đời như giấc mộng
 Trong mộng thật là ôn
 Bỗng thức, mọi thứ hết
 Đồng lúc ngủ thức dậy
 Người trí hiểu tỉnh mộng
 Kẻ mê tin mộng ôn
 Hiểu mộng như hai phần*

1 *Một ngộ không ngộ khác*
2 *Giàu sang cùng nghèo hèn*
3 *Lại cũng không đường khác.*

4 Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai, ngày 5
5 tháng 5 thì Sư viên tịch. Vua ban thụy là Đại Hiệu
6 Thiền sư.

7 **16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ Châu.**

8 Sư người Kim Hoa ở Vụ Châu - xuất gia du
9 phương đến Hà Sóc. Có Thiền sư Trí Hoàng từng
10 đến yết kiến Ngũ tổ Huỳnh Mai, ở đó hai mươi
11 năm tự bảo là chánh thọ. Sư biết sở đắc của Hoàng
12 chưa chân thật, bèn đến hỏi rằng: Ông ngồi đây làm
13 gì? Hoàng nói: Nhập định. Sư hỏi: Ông nói nhập
14 định vậy có tâm hay không có tâm. Nếu có tâm thì
15 tất cả các loài biết cử động đều phải được định, nếu
16 không tâm thì tất cả cỏ cây ngói gạch cũng phải
17 được định. Đáp: Khi chính lúc tôi vào định thì
18 chẳng thấy có tâm hữu vô. Sư nói: Đã chẳng thấy
19 có tâm hữu vô thì tức là thường định, sao lại có
20 xuất nhập, nếu có xuất nhập thì không phải đại
21 định. Hoàng im lặng hồi lâu không đáp lại hỏi Sư
22 là Đệ tử nối pháp của ai. Sư nói: Thầy ta là Lục tổ
23 Tào Khê. Hỏi: Lục tổ lấy gì làm Thiền định. Sư
24 nói: Thầy ta bảo lặng lẽ viên tịch thể dụng như như,
25 năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có, chẳng xuất
26 chẳng nhập chẳng định chẳng loạn, thiền tánh vô
27 trụ, lìa trụ Thiền tịch. Thiền tánh vô sinh, lìa sinh

Thiền tướng. Tâm như hư không cũng không có lượng của hư không. Hoàng nghe lời ấy bèn vội vàng đến Tào Khê xin quét sạch nghi mê. Mà ý Tổ thì rất ngầm hợp với Sư, Hoàng mới khai ngộ. Sau Sư về Kim Hoa mở rộng pháp tịch (tòa giảng kinh).

17. Thiền sư Linh Thao ở Tào Khê.

Người Cát Châu, họ Trương nương Lục tổ xuất gia, không hề rời thầy nửa bước. Khi Tổ viên tịch bèn lãnh việc trông coi tháp y. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư, vua Đường Huyền Tông mến đức Sư ban chiếu mời về cung. Sư từ bệnh không đến. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất vua Đường Túc Tông sai sứ đem pháp y của Lục Tổ vào cung cúng dường. Lại sai Sư theo y vào triều. Sư cũng lại từ bệnh. Sau Sư mất ở Bồn Sơn thọ chín mươi lăm tuổi. Vua ban thụy là Đại Hiệu Thiền sư.

18. Quốc sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch thuộc Tây Kinh.

Người ở Chư Ký thuộc Việt Châu, họ Nhiễm, từ khi thọ Tâm ấn thì ở hang Đẳng Tử núi Bạch Nhai ở Nam Dương, hơn bốn mươi năm không hề xuống núi. Đạo hạnh Sư vang đến kinh đô thôn dã. Niên hiệu Thượng nguyên năm thứ hai, vua Đường Túc Tông sai Trung sứ Tôn Triều Tấn mang chiếu mời Sư về kinh kính lễ Sư như thầy trò. Trước Sư trụ Tây Thiên viện ở chùa Thiên Phước. Khi vua Đường Đại Tông lên ngôi lại mời Sư về ở chùa

1 Quang Trạch, có mười sáu năm tùy cơ nói pháp.
2 Lúc đó có Đại Nhĩ Tam tạng ở Tây Thiên mới đến
3 kinh đô nói rằng: Đạt được Tuệ nhân tha tâm. Vua
4 ban sắc khiến cùng với Quốc sư thử nghiệm, Tam
5 tạng vừa mới thấy Sư liền đánh lễ đứng hầu bên
6 phải. Sư hỏi: Ông có được tha tâm thông hay
7 chẳng? Đáp rằng chẳng dám. Sư hỏi: Ông nói Đại
8 lão tăng nay đang ở đâu? Đáp: Hòa-thượng là thầy
9 một nước đâu được ở Tây Xuyên mà tranh độ. Sư
10 lại hỏi: Ông nói Đại Lão Tăng nay ở đâu? Thì nói
11 Hòa-thượng là thầy một nước đâu được ở trên cầu
12 Thiên Tân mà coi khỉ làm xiếc. Hỏi: Lần thứ ba thì
13 nói giống trước. Tam tạng hỏi lâu chẳng biết chỗ
14 đi. Sư hét lớn chớ giả hồ tinh, tha tâm thông ở đâu?
15 Tam tạng không đáp được. - Một hôm Sư gọi Thị
16 giả, Thị giả lên tiếng dạ, như thế ba lần đều dạ. Sư
17 bảo: Chớ nói ta phụ ông, mà ông đã phụ ta.

18 Ngài Nam Tuyên đến tham vấn, Sư hỏi từ đâu
19 đến?

20 Đáp: Từ Giang Tây đến. Sư hỏi: Có đem được
21 Mã Sư thật sự đến chăng?

22 Đáp: Chỉ như thế. Sư nói: Ở sau lưng ông đó
23 Nam Tuyên bèn thôi.

24 Ngài Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiều quanh
25 giòng Thiên của Sư ba vòng rồi đứng rung tích
26 trượng trước Sư.

27 Sư hỏi: Đã như thế thì cần gì phải gặp Bản đạo.

1 Ma Cốc lại rung tích trượng. Sư hét lớn: Này Dã
2 Hồ tinh, đi ra!.

3 Sư thường dạy chúng rằng: Người học Thiên
4 tông phải vâng lời Phật dạy Nhất thừa liễu nghĩa tự
5 khế hợp với nguồn tâm, với người chẳng liễu nghĩa
6 thì chẳng nên nói với họ. Như giòi trong thân sư tử
7 làm thầy người mà rơi vào chốn danh lợi riêng bày
8 dị đoan thì mình và người nào có ích gì. Như người
9 thợ giỏi trong đời thì không bị dao búa làm đứt tay,
10 sức chở mang của loài voi thì sức lừa không chịu
11 nổi.

12 - Có vị tăng hỏi: Có được thành Phật chẳng? Sư
13 nói Phật và chúng sinh một lúc buông bỏ hết sẽ là
14 chỗ giải thoát. Hỏi: Làm sao sinh được tương ưng?
15 Sư nói: Thiện ác chẳng nghĩ thì tự thấy Phật tánh.
16 Hỏi: Có được chứng pháp thân chẳng? Sư nói vượt
17 cảnh giới Tỳ-lô. - Hỏi: Thanh tịnh pháp thân làm
18 sao được sinh? Sư nói: Chẳng đắm trước Phật mà
19 cầu. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói tức tâm là Phật.
20 Hỏi: Tâm có phiền não không? Sư nói: Tánh phiền
21 não tự là. Hỏi: Há chẳng dứt ư? Sư nói: Dứt phiền
22 não thì gọi là Nhị thừa, phiền não chẳng sinh gọi
23 là Đại Niết-bàn. Hỏi: Ngồi thiền khán tịnh để làm
24 gì?. Sư nói: Chẳng cầu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm
25 mà xem tướng Tịnh. - Lại hỏi: Thiền sư thấy hư
26 không mười phương là pháp thân chẳng? Sư nói:
27 Dùng tướng tâm mà lấy là kiến điên đảo. Hỏi: Tức
28 tâm là Phật thì có thể tu muôn hạnh chẳng? Sư nói:

1 Các Thánh đều có hai nghiêm chẳng lẽ bác không
2 có nhân quả ư? Lại nói: Nay ta đáp ông cùng kiếp
3 cũng không hết được nói nhiều cách Đạo càng xa.
4 Vì vậy mà nói, thuyết pháp có chỗ được thì đó là
5 tiếng kêu của Dã can thì nói pháp không chỗ được,
6 đó là tiếng sư tử gầm thét.

7 - Hành giả Trương Phần ở Nam Dương hỏi: Có
8 lúc Hòa-thượng nói vô tình nói pháp, con chưa
9 hiểu rõ, xin Hòa-thượng chỉ dạy. Sư nói: Nếu ông
10 hỏi vô tình nói pháp thì phải hiểu rõ vô tình đó mới
11 được nghe ta nói pháp, ông chỉ nghe lấy vô tình nói
12 pháp mà thôi Bí thừa: Chỉ y cứ như nay trong
13 phương tiện hữu tình thế nào là nhân duyên vô
14 tình? Sư nói: Như nay trong tất cả mọi động dụng
15 chỉ hai dòng phạm Thánh đều không có chút khởi
16 diệt, liền là xuất thức chẳng thuộc có không mà
17 lừng lẫy thấy biết, chỉ nghe vô tình thức mà chấp
18 chặt. Do đó Lục tổ nói: Sáu căn đối cảnh phân biệt
19 chẳng phải thức. - Có vị Tăng đến tham lễ. Sư hỏi:
20 Có sư nghiệp gì? Đáp: Là giảng kinh Kim cang. Sư
21 hỏi: Hai chữ đầu Tiên là gì? Đáp: Như thị. Sư hỏi:
22 Là thế nào? Tăng không trả lời.

23 - Có người hỏi: Thế nào là giải thoát? - Sư nói:
24 Các pháp không đến nhau là giải thoát. Hỏi: Làm
25 sao cắt đứt? Sư nói: Vừa nói với ông các pháp
26 không đến với nhau thì còn cắt đứt cái gì? - Sư thấy
27 có vị tăng đến bèn đưa tay vẽ một vòng tròn, trong
28 vòng tròn viết chữ nhật (mặt trời), Tăng không đáp

1 được. - Sư hỏi Thiền sư Bồn Tịnh rằng: Ông từ đây
2 trở đi thấy lời lẽ kỳ lạ thì sao? Tịnh đáp: Không
3 một niệm ưa thích. Sư nói: Ấy là việc trong nhà
4 ông. - Vua Đường Túc Tông hỏi: Sư được pháp gì?
5 Sư đáp: Bệ hạ có thấy trên hư không một áng mây
6 trôi chẳng? Vua nói: Thấy. Sư nói: Dính vào đỉnh
7 đóng, dính vào treo máng. Lại hỏi: Thế nào là mười
8 thân Điều ngự? Sư bèn đứng dậy, hỏi hiểu chẳng?
9 Vua đáp: Không hiểu. Sư nói Đưa Tịnh Bình cho
10 Lão tăng). - Vua lại hỏi: Thế nào là Tam-muội Vô
11 tránh? Sư nói: Đạp trên đánh Tỳ Lô mà đi. Vua hỏi:
12 Ý này ra sao? Sư nói: Chớ cho pháp thân của mình
13 thanh tịnh. Vua lại hỏi Sư, Sư đều không nhìn. Vua
14 nói: Trẫm là vua nước Đại Đường, vì sao Sư không
15 đoái nhìn. Sư nói: Lại thấy hư không chẳng? Vua
16 đáp: Thấy. Sư hỏi: Nó có xoay nhìn Bệ hạ chẳng?
17 - Ngự Quân Dung hỏi: Sư ở núi Bạch Nhai trong
18 mười hai giờ tu Đạo như thế nào? Sư gọi đồng tử
19 đến, xoa đầu bảo: Tỉnh tỉnh mau lên tỉnh tỉnh, rõ
20 ràng mau lên rõ ràng, sau chớ để người gạt. - Sư và
21 Tử Lân Cung Phụng luận nghĩa. Đã ngồi rồi Cung
22 Phụng nói: Thỉnh Sư lập nghĩa tôi sẽ phá. Sư nói:
23 Đã lập nghĩa xong. Cung Phụng hỏi: Nghĩa gì? Sư
24 nói: Quả nhiên chẳng thấy, chẳng phải là cảnh giới
25 của ông, liền rời chỗ ngồi. - Một hôm Sư hỏi: Tử
26 Lân Cung Phụng rằng: Phật là gì? Đáp: Là giác. Sư
27 hỏi: Phật có từng mê chẳng? Đáp: Không hề mê.
28 Sư nói: Dùng giác làm gì chẳng đáp - Lại hỏi: Thế

1 nào là thật tướng? Sư nói: Dem hư không đến đây.
2 Đáp: Hư không chẳng có. Sư nói: Đấy hư không
3 còn chẳng thật có, hỏi thật tướng làm gì? - Có vị
4 tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói:
5 "Trong nhà Văn-Thù có muôn vị Bồ tát. Thưa:
6 Người học chẳng hiểu. Sư nói: Đại bi có ngàn tay
7 mắt - Đam Nguyên hỏi: Trăm năm sau có người
8 hỏi việc rốt lại thì làm sao sinh? Sư nói: Mong tự
9 đáng thương sinh, cần phải tự giữ mình bùa chú
10 làm gì? - Sư thấy việc hóa duyên đã xong thời Niết-
11 bàn đã đến. Bèn từ giả vua Đường Đại Tông. Vua
12 hỏi Sư diệt độ rồi đệ tử phải nhớ điều gì? Sư bảo:
13 Hãy tạo một ngôi tháp không vá vấu. Vua nói: Xin
14 vẽ hình tháp. Sư hỏi lâu mới nói hiểu chăng? Vua
15 đáp không hiểu. Sư nói: Bàn Đạo mất rồi có Thị
16 giả là ứng chân, liền biết việc này. Niên hiệu Đại
17 Lịch năm thứ mười ngày mùng 09 tháng 12 Sư
18 nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch. Đệ tử đem
19 linh thể Sư về hang Đảng Tử mà xây tháp thờ. Vua
20 ban thụy là Đại Chứng Thiên sư. Sau vua Đại Tông
21 mới Ứng Chân vào triều kể lại việc trước. Hỏi lâu
22 chân nói: Thánh thượng hiểu chăng? Vua đáp
23 không hiểu. Chân bèn nói kệ:

24 *Tương ở Nam, Đàm ở Bắc.*

25 *Trong có vàng ròng đầy cả nước*

26 *Dưới cây không bóng hợp cùng thuyền,*

27 *Trên điện lưu ly không tri thức.*

28 *Sau Ứng Chân trụ ở núi Đam Nguyên.*

19. Thiên sư Thần Hội ở Hà Trạch thuộc Tây Kinh.

Người ở Tương Dương, họ Cao, mười bốn tuổi làm Sa di đến ra mắt Lục Tổ. Tổ hỏi: Tri thức từ xa đến rất khó khăn có mang Bồn đến chăng, nếu có Bồn thì hợp với Thức chủ, thử nói xem? - Sư nói lấy vô trụ làm Bồn, thấy tức là chủ. Tổ nói: Này Sa di điều đó chớ nên nói nữa. Rồi lấy gậy đánh. Khi bị đánh Sư thầm nghĩ rằng: Đại Thiện tri thức nhiều kiếp khó gặp nay đã gặp được đâu tiếc thân mạng. Từ đó bèn làm thị giả. Một hôm khác Tổ bảo chúng rằng: Ta có một vật không đầu không đuôi không tên họ, không phải trái các ông có biết chăng? Sư bèn lên tiếng: Đó là gốc của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội. Tổ nói: Ta vừa nói với ông là không có tên họ, sao ông bảo là nguồn gốc Phật tánh? Sư lễ bái mà lui ra - Sư tìm đến Tây kinh thọ giới. Trong niên hiệu Cảnh Long đời Đường trở về Tào Khê. Tổ mất rồi trong hai mươi năm, Đốn chỉ của Tào Khê bị phế bỏ ở Kinh Ngô, Tiệm Môn của Tung Nhạc, thanh hành ở Tần Lạc. Sư bèn vào kinh. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tư mới định lại hai tông (Đốn tông của Tuệ Năng thuộc Nam Tông và Tiệm Tông của Thần Tú thuộc Bắc Tông) mà hiển bày tông ký thịnh hành ở đời. Một hôm có tin quê báo cha mẹ mất, Sư bèn vào điện gõ chày bạch rằng: Cha mẹ đều mất, thỉnh

Đại chúng niệm Ma-ha Bát-Nhã. Chúng vừa nhóm
 họp thì Sư gõ chày bạch rằng: Làm phiền đại
 chúng. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất
 ngày 13 tháng 05, Sư giữa đêm an nhiên thị tịch
 thọ bảy mươi lăm tuổi. Năm sau xây tháp thờ ở
 Long Môn Lạc kinh vua ban sắc đề ở Tháp là chùa
 Bảo Ứng. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm, vua lại
 ban hiệu là Chân Tông Bát-Nhã Truyền Pháp
 Đường, năm thứ bảy lại bản đề tháp là Bát Nhã Đại
 sư.

- Có vị Tăng nêu kệ của Thiên sư Ngọa Luân
 rằng:

*Ngọa Luân có tài khéo
 Dứt được trăm tư tưởng
 Đối cảnh tâm không khởi
 Bỏ đề ngày càng lớn.*

Lục Tổ nghe rồi bảo: Bài kệ này chưa sáng tâm
 địa, nếu thực hành theo đó thì càng gây nhân ràng
 buộc. Bèn nêu một bài kệ rằng:

*Tuệ Năng không tài khéo
 Chẳng dứt trăm tư tưởng
 Đối cảnh tâm thường khởi
 Bỏ đề làm sao lớn.*

Hai bài kệ này thường thấy chép ở nhiều nơi
 nói, nên phụ vào ở cuối quyển, Ngọa Luân không
 phải là tên gọi mà là chỗ ở).

1

2



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 6

Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc.

Đời thứ nhất có 9 vị (một người có thấy ghi lục)
Thiền sư Đạo nhất ở Giang Tây
(một người thấy có ghi lục, họ Mã tổ đương thời gọi là Mã Tổ)

Thiền sư Thường Hạo ở Nam Nhạc
Thiền sư ở Trí Đạt
Thiền sư Thản Nhiên
Thiền sư Thần Chiếu ở Hồ Châu Quốc Bồn
Như

Thiền sư vị Tân La
Dương Châu, Nghiêm Tuấn Thiền sư ở Đại Minh ở chùa

Thiền sư Huyền Thạnh
Thiền sư Pháp Không ở Đông Vực
(8 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đời thứ hai, có ba mươi bảy vị

(đệ tử nổi pháp của Mã Tổ, 14 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Đại Châu tuệ Hải ở Việt Châu

Thiền sư Pháp Hội ở núi Lặc Đàm Trợ thuộc Hồng Châu

Thiền sư Trí Kiên ở Thái Sơn thuộc Trì Châu

Thiền sư Duy Kiến Lặc Đàm thuộc Hồng Châu

Thiền sư Đạo Hạnh ở Minh Khê thuộc Lễ Châu

Thiền sư Tuệ Tạng ở Thạch Cung thuộc Phủ Châu

Thiền sư Đạo Thông ở núi Tử Ngọc thuộc Đường Châu

Thiền sư Lan Nhượng ở Bắc Giang Tây

Thiền sư Như Mãn ở Phật Quang thuộc Lạc Kinh

Thiền sư Đạo Minh ở Nam Nguyên thuộc Viên Châu

Thiền sư Tự Mãn ở Lệ Thôn thuộc Hân Châu

Thiền sư Hồng An ở Trung Áp thuộc Lãng Châu.

Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách trượng thuộc Hồng Châu.

(Phụ: Thiền môn quy thức; 13 vị trên đây thấy có ghi lục).

Thiền sư hạo Anh Thiền sư Sùng Thái

Thiền sư Tiêu Nhiên ở núi Vương Lão

1 Thiền sư Sách Chùa Phục Thê ở Hoa Châu
 2 Thiền sư Trí Thông ở tháp Tùng Tư thuộc Lễ
 3 Châu.

4 Thiền sư Thần Giám ở núi Vân Tú thuộc
 5 Đường Châu.

6 Thiền sư Trí Thông ở chùa Thê Linh thuộc
 7 Dương Châu

8 Thiền sư Trí Tạng ở Khanh Châu

9 Thiền sư Hoài Thao ở Kinh Triệu Thiền sư
 10 Pháp tạng ở xử châu

11 Thiền sư Hoài Tắc ở phủ Hà Trung

12 Thiền sư Minh Cán ở Thường Châu

13 Thiền sư Hồng Đàm ở Ngạc Châu

14 Thiền sư Hoài Thản ở Tượng Nguyên

15 Thiền sư Nguyên Lễ-Thanh Liên ở Lộ Phủ

16 Thiền sư Bảo Khánh ở Phủ Hà Trung

17 Thiền sư Chí Hiền ở Cam Tuyền

18 Thiền sư Đạo Ngộ ở núi Đại Hội.

19 Thiền sư Pháp Nhu ở Lộ Phủ

20 Thiền sư Giác Bình Chùa Hàm Thông ở Kinh
 21 Triệu

22 Thiền sư Thắng Biện ở Nghĩa Hưng

23 Thiền sư Khánh Vân ở Hải Lăng

24 Thiền sư Huyền Hư chùa Khai Nguyên ở Hồng
 25 Châu.

26 (23 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú

không ghi lục)

Thiền sư ở Hoài Nhượng đời thứ nhất

THIỀN SƯ ĐẠO NHẤT Ở GIANG TÂY

Người ở Thập phương thuộc Hán Châu, họ Mã, dung mạo kỳ dị, dáng trầu đi hồ nhìn, lưỡi dài quá mũi, dưới chân có hai đường văn xoay tròn. Tuổi nhỏ nương Hòa thượng Đường ở Tư Châu mà xuống tóc. Thọ giới cụ túc từ Luật sư viên ở Du Châu. - Trong năm Khai Nguyên đời đường tu tập Thiền Định tại viện Truyền Pháp ở Hoàn Nhạc, gặp Hòa thượng Hoài Nhượng cùng tham học có 9 vị nhưng chỉ có Sư ngậm được Tâm Ấn.

Mới đầu từ núi Phật Tích ở Kiến Dương dời đến Lâm Xuyên, kế đến núi Tập Công ở Nam Khang. Trong năm Đại Lịch tên tuổi phụ thuộc ở Tịnh Xá Khai Nguyên. Lúc đó vị, Liên Soái Lộ Từ Cung, nghe phong thái mà ngưỡng mộ đích thân đến thọ tông chỉ. Từ đó người học 4 phương đến rất đông. Một hôm bảo chúng rằng: Các ông đều nên tin tự tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Đại sư Đạt Ma từ Nam Thiên Trúc đích thân đến Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm giúp các ông khai ngộ. Lại dẫn văn kinh lãng Già để an tâm địa cho chúng sinh, sợ các ông điên đảo không tự tin. Phát tâm này tất cả đều có. Cho nên kinh lãng Già nói: Phật nói Tâm là Tông, vô môn

là pháp môn. Lại nói hễ cầu pháp, thì không có chỗ cầu ngoài tâm không có Phật khác, ngoài Phật không có tâm khác chẳng lấy thiện chẳng bỏ ác, Tịnh uế 2 bên đều chẳng nương cậy hiểu tội tánh không niệm niệm chẳng thật có. Vì không có tự tánh nên 3 cõi duy tâm, sum la vạn tượng được ấn 1 pháp. Phàm chỗ thấy sắc đều là thấy tâm, tâm chẳng tự tâm do sắc mà có. Các ông chỉ tùy lúc nói năng, tức sự tức lý đều vô ngại. Bồ đề Đạo quả cũng lại như vậy. Ở tâm chỗ sinh thì gọi là sắc, vì biết sắc không cho nên sinh thì chẳng sinh. Nếu hiểu tâm này thì mới có thể tùy thời mà mặc áo ăn cơm, nuôi lớn mầm Thánh mặc tình qua thời thì có việc gì. Các ông nghe lời ta dạy, hãy nghe kệ ta.

Tâm địa tùy lúc nói

Bồ đề cũng tự an

Sự lý đều vô ngại

Đời sau tức chẳng sinh

Có vị Tăng hỏi: Vì sao Hòa thượng nói tức tâm tức Phật. Sư nói là ngăn đưa bé khóc vị. Vị Tăng hỏi: Khi nín khóc thì sao? Sư nói không tâm không Phật. Vị Tăng nói: Trừ 2 loại người này đến thì chỉ bày thế nào? Sư nói: Đạo ấy không phải vật. Vị Tăng nói: Bỗng gặp người trong hai loại ấy đến thì lúc đó thế nào? Sư nói: Lại dạy người ấy hiểu được Đại đạo. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý ở Tây Trúc đến? Sư nói: Tức nay là ý gì? - Bàng cư sĩ hỏi: Như nước không gân xương mà hơn hẳn thuyền muôn học, lý

1 này thế nào? Sư nói: Ngăn trong đó không nước
2 cũng không thuyền, nói gì gân xương - Một hôm
3 Sư lên điện, hỏi lâu Bách Trượng cúi mặt đứng
4 trước toà, sư liền xuống điện Bách Trượng hỏi: Thế
5 nào là chỉ thú của Phật pháp? Sư nói: Chính là chỗ
6 ông bỏ thân mạng. Sư hỏi Bách Trượng: Ông dùng
7 lấy pháp nào chỉ vị? Bách Trượng dựng đứng phát
8 trần. Sư nói: Chỉ lúc đó là thường có. Bách Trượng
9 ném phát trần. Có vị Tăng hỏi: Làm sao được hợp
10 Đạo? Sư nói: Ta sớm chẳng hợp đạo. Vị Tăng hỏi:
11 Thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Sư liền đánh rồi bảo:
12 Ta nếu chẳng đánh ông thì mọi người cười ta. - Có
13 vị Tăng nhỏ đi hành cước trở về vẽ 1 vòng tròn ở
14 trước Sư, lên đó lạy Sư rồi đứng yên. Sư hỏi: Ông
15 chẳng muốn làm Phật ư? Đáp: Con chẳng hiểu ẩn
16 phải. Sư nói: Ta chẳng bằng ông vị Tăng nhỏ (tiểu
17 sư) không đáp được. - Đặng Ân Phong từ giả Sư,
18 Sư hỏi đi đâu? Thưa: Đi Thạch Đầu. Sư nói đường
19 Thạch Đầu trơn trượt. Thưa rằng: Có gậy trúc theo
20 mình gập chỗ đông thì múa giỡn, rồi đi. Vừa đến
21 Thạch Đầu đi nhiều quanh Thiên sàng 1 vòng rồi
22 rung tích trượng 1 cái, hỏi đây là tông chỉ gì?
23 Thạch Đầu nói: Trời xanh trời xanh. Ân Phong
24 không nói gì, trở về thuật lại cho Sư nghe. Sư nói:
25 Ông lại đến đó, thấy ông ấy nói trời xanh thì ông
26 rên hừ hừ. Ân Phong lại đến Thạch Đầu liền hỏi y
27 như trước là tông chỉ gì? Thạch Đầu bèn rên hừ hừ.
28 Ân Phong không nói trở về. Sư bảo: Ông đến đó

1 nói Thạch Đầu đường trơn - Có vị Tăng ở trước Sư
2 vẽ 4 nét, 1 nét dài ở trên, 3 nét ngắn ở dưới, hỏi
3 rằng: Không được nói 1 dài 3 ngắn là 4 chữ này
4 xin Hòa thượng đáp. Sư liền vạch đất vẽ 1 nét bảo:
5 Chẳng được nói dài ngắn, đáp ông xong. - Có 1 vị
6 Tăng giảng đến hỏi rằng: Chẳng biết Thiên tông
7 truyền trì pháp gì? Sư hỏi lại: Tọa chủ truyền trì
8 pháp gì? Ông ấy đáp: Thẹn là giảng được kinh luận
9 hơn 20 năm. Sư hỏi: Không phải là con của Sư Tử
10 chẳng? Thưa: Chẳng dám. Sư rên hừ hừ. Ông ấy
11 nói: Đây là pháp. Sư nói: Là pháp gì? Thưa: Pháp
12 sư tử ra khỏi hang - Sư bèn làm thỉnh. Ông ấy nói
13 đây cũng là pháp. Sư nói: Là pháp gì? Thưa là pháp
14 Sư Tử ở trong hang. Sư hỏi chẳng ra chẳng vào là
15 pháp gì? Vị Tăng không đáp bèn từ giã ra khỏi cửa.
16 Sư lại gọi: Tọa chủ. Vị Tăng quay đầu lại. Sư hỏi:
17 Là gì? Vị Tăng cũng chẳng đáp. Sư nói: Đó là Sư
18 độn y. Hồng Châu Liêm Sứ hỏi đệ tử ăn uống rượu
19 thịt là phải hay không ăn uống rượu thịt là phải?
20 Sư nói nếu ăn uống là hưởng lộc, nếu không ăn
21 uống là hưởng phước. Sư có một trăm ba mươi
22 chín vị đệ tử nhập thất, đều là tông chủ 1 phương
23 chuyển hóa vô cùng. Vào năm Trinh Nguyên giữa
24 thứ tư, tháng giêng, Sư lên núi Thạch Môn ở Kiến
25 Xương, đi kinh hành trong rừng mà, thấy có một
26 hang trống bằng phẳng bảo thị giả rằng: 1 tháng
27 nữa thân xác ta sẽ về đây. Nói xong liền trở về. Đến
28 ngày 4 tháng 2 quả nhiên sư bị bệnh nhẹ tám gôi

xong ngồi kiết già mà tịch. Trong năm Nguyên Hòa vua truy ban hiệu là Đại Tịch Thiên sư ở Tháp hiệu là Đại Trang Nghiêm. Ngày nay Ảnh Đường còn ở huyện Hải Hôn.

*** Đệ tử nổi pháp ngài Mã Tổ đời thứ 2 của
Hoài Nhượng.**

1. Việt Châu, tuệ Hải Thiên sư ở Đại Châu:

Người ở Kiến Châu, họ Chu, thợ nghiệp với Hòa thượng Đạo Trí tại chùa Đại Vân ở Việt châu. Lúc đầu đến Giang Tây tham vấn Mã Tổ. Tổ hỏi: Từ đâu đến. Thưa: Ở chùa Đại vân tại Việt Châu đến. Tổ hỏi: Đến đây cầu việc gì? Thưa: Con đến cầu Phật pháp. Tổ nói: Kho báu trong nhà không đoái hoài, bỏ nhà đi lung tung làm gì. Ta trong đó 1 vật cũng không có, cầu Phật pháp làm gì - Sư bèn lễ bái hỏi rằng: Cái gì là kho báu của nhà tuệ Hải? Tổ nói: Tức nay ông hỏi ta là kho báu của ông, tất cả đều đầy đủ không chút thiếu sót sử dụng tự tại, đâu cần tìm cầu bên ngoài? - Sư sau lời nói liền tự biết bốn tâm không do tri giác rất vui mừng lay tạ. Sư thờ Tổ suốt 6 năm. Sau thầy thợ nghiệp (Thầy cũ) của Sư vì tuổi già nên Sư phải về nuôi dưỡng, bèn dấu tung tích giả dạng đại khờ. Sư tự soạn luận Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn 1 quyển đầy đủ pháp môn. Cháu của Sư là Huyền Yếu lén lấy qua sông đem trình Mã Tổ. Tổ xem xong bảo chúng rằng: Việt Châu có Đại châu sáng suốt được đầy đủ, tự

1 tại không ngăn ngại. Ở trong chúng cũng có người
2 biết Sư họ Chu, thay tìm hiểu mà biết được, cùng
3 nhau đến Việt Châu tìm hỏi để nương tựa. Sư nói
4 rằng: Khánh thiên đến nhưng tôi không biết thiên,
5 cũng không có một pháp nào có thể chỉ bày cho
6 người, vì vậy không phiền đến mọi người đứng lâu,
7 mà tự mình nghỉ ngơi đi! Lúc ấy người học đến
8 càng nhiều, ngày đêm thừa thĩnh. Sự việc không
9 thể khác được, cho nên hễ hỏi thì đáp, biện giải
10 không ngăn ngại. Lúc ấy có mấy người Pháp sư
11 đến lễ bái, nói rằng: Muốn nêu ra một câu hỏi, Sư
12 có trả lời hay không? Sư nói: Đàm sâu bóng trắng
13 tùy ý hiện bày. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói: Đàm
14 trong veo đôi diện không phải Phật mà là ai?
15 Chúng đều không biết. Hỏi lâu vị Tăng ấy lại hỏi:
16 Sư nói pháp gì để độ người? Sư nói: Bản đạo chưa
17 từng có một pháp nào để độ người. Hỏi: Những
18 Thiên Sư toàn như vậy sao? Sư lại hỏi rằng: Đại
19 Đức nói pháp gì để độ người? Đáp: Giảng kinh
20 Kim Cang Bát Nhã. Sư hỏi: Giảng bao nhiêu lần
21 rồi? Đáp: Hơn 20 lần. Sư hỏi: Kinh này là do ai nói
22 ra? Vị tăng lên tiếng chống: Thiên sư đua cợt nhau,
23 lẽ nào không biết là Phật nói ra hay sao? Sư nói:
24 Nếu nói Như lai có pháp nói ra, thì đó là phỉ báng
25 Phật là người không hiểu nghĩa mà Phật đã nói.
26 Nếu nói kinh này không phải là Phật nói ra, thì đó
27 là phỉ báng kinh, xin đại đức nói thử xem! Vị tăng
28 không trả lời. Lát sau Sư lại hỏi: Trong kinh nói:

"Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người này hành tà đạo, không thể thấy Như lai". Đại đức lại nói thế nào là Như lai? Vị Tăng nói: Đến đây thì tôi hết mê lầm. Sư nói: Xưa nay chưa ngộ nói gì là hết mê? Vị tăng nói: Xin Thiên sư giải thích cho! Sư nói: Đại đức giảng kinh hơn 20 lần, lại chưa biết Như lai ư? Vị tăng lại lễ lạy, xin Sư thương tình chỉ bày rõ ràng. Sư nói: Như lai đó là các pháp như nghĩa, sao có thể quên mất? Thưa rằng: Đúng vậy, là các pháp như nghĩa. Sư nói: Đại đức đúng mà cũng chưa đúng. Vị tăng nói: Văn kinh rõ ràng lẽ nào chưa đúng? Sư nói: Đại đức có như hay không? Thưa rằng: Như. Sư nói: Gỗ đá có Như hay không? Thưa rằng: Như. Sư nói: Như của Đại đức giống với Như của gỗ đá hay không? Thưa rằng: Không hai. Sư nói: Đại đức đâu khác với gỗ đá? Vị tăng không trả lời.

Hồi lâu liền hỏi: Thế nào là được đại Niết-bàn?

Sư nói: Không tạo nghiệp sinh tử.

Hỏi: Thế nào là nghiệp sinh tử?

Sư nói: Cầu đại Niết-bàn là nghiệp sinh tử, bỏ như lấy sạch là nghiệp sinh tử, có được có chứng là nghiệp sinh tử, chẳng thoát môn đối trị là nghiệp sinh tử.

Hỏi: Thế nào thì được giải thoát?

Sư nói: Vốn tự không bị buộc ràng không cần mở trói dùng ngay làm ngay là không gì sánh

1 bằng? Vị Tăng nói: Như Hòa thượng Thiên sư thật
2 là ít có, bèn lễ tạ mà lui.

3 Có hành giả hỏi: Tức tâm tức Phật, cái gì là
4 Phật. Sư hỏi ông nghi cái gì, chẳng phải là Phật chỉ
5 ra xem? Vị Tăng chẳng đáp được. Sư nói: Thấu
6 suốt thì khắp cảnh đều phải, chẳng ngộ thì mãi mãi
7 trái sót. Có Luật sư Pháp Minh nói với Sư rằng:
8 Phần lớn Thiên sư ở đều rơi vào không. Sư nói tức
9 tọa chủ chẳng lạc vào không. Pháp Minh kinh sợ
10 nói sao rơi vào không được. Sư nói: Kinh luận là
11 giấy mực chữ nghĩa, giấy mực chữ nghĩa đều
12 không. Nếu ở trên tiếng mà lập ca danh cú các pháp
13 thì đều là không. Tọa chủ chấp chặt vào giáo thể
14 há chẳng rơi vào không. Pháp Minh nói: Thiên sư
15 rơi vào không chẳng? Sư nói: Chẳng rơi vào
16 không. Hỏi: Sao chẳng rơi vào không? Sư nói: Chữ
17 nghĩa đều từ trí tuệ mà sinh, đại dụng hiện tiền sao
18 có thể rơi vào không. Pháp Minh nói: Cho nên biết
19 một pháp chẳng đạt chẳng gọi đều đạt Sư nói: Luật
20 sư chẳng chỉ rơi vào không mà còn dùng làm danh
21 ngôn. Pháp Minh nghiêm sắc hỏi chỗ nào là làm?
22 Sư nói: Luật sư chưa phân biệt rõ tiếng Thiên Trúc
23 và Trung Hoa, làm sao giảng nói. Thưa: Xin Thiên
24 sư ở chỉ rõ chỗ Pháp Minh làm. Sư nói há chẳng
25 biết Tất Đạt là tiếng Phạm. Luật sư tuy biết lỗi
26 nhưng tâm còn giận (Tiếng phạm nói đủ là Tất bà
27 hạt thích tha tất đà, Hán dịch là tất cả nghĩa đã
28 thành, xưa gọi là Tất đạt đa, là sai tiếng Phạm).

Lại hỏi: Kinh luật luận là lời Phật nói. Nay đọc tụng y giáo vâng làm sao chẳng thấy tánh? Sư nói: Như chó điên rượt cục đất, sư tử cắn người, kinh luật luận tự tánh dụng, đọc tụng là tánh pháp. Pháp Minh nói: Phật A Di Đà có cha mẹ và họ chăng? Sư nói: A Di Đà họ là Kiều Thi Ca, cha tên là Nguyệt Thiện, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan.

Hỏi: Nói từ văn giáo nào? Sư nói: Trích từ Đà La Ni tập. Pháp Minh lễ tạ khen ngợi mà lui. Có Tam tạng Pháp sư hỏi: Chân như có thay đổi chăng? Sư đáp: Có thay đổi. Tam tạng hỏi: Thiên sư ở làm chăng? Sư hỏi Tam tạng: Có chân như chăng? Đáp: Có. Sư nói: Nếu không thay đổi quyết định là phạm vị Tăng. Há chẳng nghe Thiên tri thức là thầy 3 độc thành 3 tụ tịnh giới, thầy 6 thức thành 6 thần thông, thầy phiền não thành Bồ đề thầy vô minh thành Đại trí chân như. Nếu không có thay đổi Tam tạng tự nhiên thật là ngoại đạo vậy. Tam tạng nói: Nếu thế thì chân như có thay đổi. Sư nói: Nếu chấp chân như có thay đổi thì cũng là ngoại đạo. Nói rằng: Thiên sư ở vừa nói chân như có thay đổi, nay lại nói không thay đổi, thì thế nào là đúng? Sư nói: Nếu người thấy tánh rõ ràng thì như châu ma ni hiện sắc, nói thay đổi cũng được mà nói không thay đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh nghe nói chân như thay đổi thì liền hiểu là thay đổi, nghe nói không thay đổi thì liền hiểu chẳng thay đổi. Tam tạng nói: Cho nên

1 Nam Tông thật chẳng thể lường được. Có Đạo Lưu
2 hỏi: Thế gian có pháp nào được tự nhiên chẳng?
3 Sư nói: Có. Hỏi: Pháp nào quá được. Sư nói: Là vị
4 hay biết tự nhiên. Hỏi: Nguyên khí là Đạo chẳng?
5 Sư nói: Nguyên khí là nguyên khí, Đạo là Đạo.
6 Hỏi: Nếu Thế thì phải có 2. Sư nói: Vị biết không
7 hai người. Lại hỏi: Thế nào là tà thế nào là chánh?
8 Sư nói: Tâm theo vật là tà, tâm theo tâm là chánh.
9 Có Luật sư Nguyên đến hỏi: Hòa thượng tu Đạo có
10 dụng công chẳng? Sư nói: Dụng công. Hỏi: Dụng
11 công thế nào? Sư nói: Đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ.
12 Hỏi: Tất cả mọi người đều thế thì giống với Sư
13 dụng công chẳng? Sư nói: Khác nhau. Hỏi: Sao
14 khác nhau Sư nói: Khi ăn cơm thì nó chẳng chịu ăn
15 cơm mà trăm việc tính toán, khi ngủ thì chẳng chịu
16 ngủ mà mưu đồ ngàn thứ, do đó mà khác nhau.
17 Luật sư đuối lý. Có Đại đức Uẩn Quang hỏi: Thiên
18 sư ở tự biết chỗ sinh chẳng? Sư nói: Không hề chết
19 điều cần nói sinh. Biết sinh tức là pháp vô sinh
20 không lìa pháp sinh mà nói có vô sinh. Tổ sư nói:
21 Sẽ sinh tức chẳng sinh. Hỏi: Người chẳng thấy tánh
22 cũng có thể như vậy chẳng? Sư nói: Tự không thấy
23 tánh chẳng phải vô tánh vì sao thế thấy tức là tánh,
24 không tánh thì không thể thấy. Thức (biết) tức là
25 tánh nên gọi thức tánh Liễu (hiếu) tức là tánh nên
26 gọi liễu tánh. sinh ra muôn pháp nên gọi là pháp
27 tánh, cũng gọi là pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói:
28 Nói pháp là nói tâm chúng sinh, vì tâm sinh nên tất

1 cả pháp sinh. Nếu tâm không sinh thì pháp không
2 từ đâu sinh, cũng không có (tên gọi). Người mê
3 không biết pháp thân chẳng có hình tượng ứng với
4 vật mà hiện hình. Bèn nói trúc xanh đều là pháp
5 thân, hoa vàng đều là Bát Nhã. nếu Hoa vàng là
6 Bát Nhã thì Bát Nhã đồng với vô tình. nếu Trúc
7 xanh là pháp thân thì pháp thân liền đồng với cây
8 cỏ. Như người ăn măng tre thì nói chung là ăn pháp
9 thân. Lời như vậy, đâu kể hết, đối diện mê Phật thì
10 nhiều kiếp mong cầu, trong pháp toàn thể mà mê
11 thì tìm kiếm bên ngoài. Do đó người hiểu đạo thì
12 đi đứng nằm ngồi đều là đạo, vị ngộ pháp thì dọc
13 ngang tự tại không gì chẳng là pháp. Đại đức lại
14 hỏi: Thái hư có thể sinh ra Linh Trí chẳng? Chân
15 tâm có duyên với thiện ác chẳng? Người tham dục
16 là Đạo chẳng? Người chấp phải chấp quấy hậu tâm
17 có thông chẳng? Vị gặp cảnh sinh tâm có Định
18 chẳng? Người tịch mịch (lặng bật) có tuệ chẳng?
19 Người kiêu ngạo có Ngã chẳng? Vị chấp không
20 chấp có có Trí chẳng? Người tìm văn làm chứng,
21 người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật,
22 vị chấp tâm là Phật, trí này có xứng Đạo chẳng?
23 Sinh Thiên sư ở chỉ tất cả rõ. Sư nói: Thái Hư
24 không sinh Linh Trí, chân tâm không duyên thiện
25 ác, vị (ham muốn sâu) thì cơ cạm, phải quấy tranh
26 nhau thì chưa thông, vị gặp cảnh sinh tâm thì ít
27 định. Kẻ vắng lặng quên cơ thì tuệ chìm. Kẻ kiêu
28 ngạo công cao thì Ngã mạnh. Kẻ chấp không chấp

1 có là ngu, kẻ tìm văn làm chứng thì càng vướng.
2 Kẻ khổ hạnh cầu Phật là đều mê, kẻ lìa tâm cầu
3 Phật là ngoại Đạo. Kẻ chấp tâm là Phật là ma. Sư
4 nói: Rốt ráo là Đại đức, không phải là rốt ráo đều
5 không có. Đại đức nói: Nếu thế thì rốt ráo đều
6 không có. Đại đức vui mừng lễ tạ mà lui ra.

7 **2. Thiên sư Pháp Hội ở lạc Đàm thuộc Hồng** 8 **Châu Trì Châu.**

9 Thiên sư Pháp Hội ở lạc Đàm thuộc Hồng Châu
10 hỏi Mã Tổ: Thế nào là ý của Tổ sư Tây Trúc đến?
11 Tổ nói: Tới gần đây nói nhỏ. Khi Sư đến gần thì
12 Mã Tổ đánh mạnh 1 cái và bảo 6 cái lỗ tai chẳng
13 cùng tính chuyện đến, thôi ngày mai hãy đến. hôm
14 sau Sư lại vào Pháp Đường thưa: Xin Hòa thượng
15 nói. Tổ bảo: Đi đi, đợi Lão Tăng khi lên pháp
16 đường thì lại đến, sẽ chứng minh cho ông. Sư bèn
17 ngộ bảo rằng: Tạ ân Đại chúng chứng minh. Bèn
18 đi nhiều quanh pháp Đường 1 vòng rồi đi.

19 **3. Thiên sư Trí Kiên ở Sam Sơn, Trì Châu.**

20 Lúc đầu cùng qui tông, Nam Tuyên hành cước,
21 giữa đường gặp 1 con hổ thì mọi người đều đi qua
22 bên hổ Nam Tuyên hỏi Qui Tông rằng: Vừa rồi
23 thấy hổ giống cái gì. Tông nói giống con mèo.
24 Tông lại hỏi Sư, Sư nói giống con chó. Quy Tông
25 lại hỏi Nam Tuyên, Tuyên nói: Tôi thấy là một con
26 sâu lớn. Sư ăn cơm Nam Tuyên nhặt cơm sống nói
27 là sống. Sư nói không sống Nam Tuyên nói: Không

1 sống cũng là mặt Nam Tuyền đi mấy bước. Sư gọi
2 Trưởng lão, Trưởng lão. Nam Tuyền quay đầu lại
3 hỏi cái gì. Sư bảo chớ nói là vụn vặt. Một hôm mời
4 tất cả nhặt rau đuôi chồn, Nam Tuyền cầm 1 nhánh
5 nói: Cái này cũng dường rất tốt. Sư nói: Không chỉ
6 cái ấy trăm mùi ngon ngọt cũng không đoái hoài.
7 Nam Tuyền nói: Tuy là như vậy nhưng mà các thứ
8 này cần phải thưởng thức nó mới được. Có vị Tăng
9 hỏi: Thân này xưa nay thế nào? Sư nói: Cả cõi đời
10 này không có thứ giống nó.

11 **4. Thiền sư Duy Kiến ở lạc Đàm, Hồng** 12 **Châu.**

13 Một hôm sư ngồi thiền ở sau Pháp Đường của
14 Mã Tổ. Tổ thấy bèn thổi vào tai Sư. Thổi lần thứ 2
15 thì Sư xuất định, thấy Hòa thượng thì lại nhập định.
16 Tổ trở về phương trượng, sai thị giả đem cho Sư 1
17 chén trà. Sư chẳng đoái hoài, liền tự về thất.

18 **5. Thiền sư Đạo Hành ở Minh Khê, lễ Châu.**

19 Sư có lúc bảo rằng: Ta bị bệnh nặng thế gian
20 này không trị được. Sau có vị Tăng hỏi Tiêu Tào
21 Sơn, theo người xưa có nói, tôi có bệnh nặng không
22 phải là do thuốc men thế gian mà chữa trị được,
23 không biết gọi là bệnh gì vậy? Tao nói chưa nhóm
24 mà sao được chẳng bệnh. Hỏi: Tất cả chúng sinh
25 lại có bị bệnh này chẳng? Tao nói: Mọi người đều
26 có. Hỏi: Vị vị đều có. Vậy Hòa thượng có bị bệnh
27 này chẳng? Tao nói: Tìm chỗ sanh khởi chẳng

1 được. Hỏi: Tất cả chúng sinh làm thế nào chẳng
2 bệnh. Tao nói: Nếu Chúng sinh bệnh thì chẳng phải
3 chúng sinh. Hỏi: Chẳng biết chư Phật có bệnh này
4 hay không Tao nói: Có. Hỏi: Đã có làm sao chẳng
5 bệnh? Tao nói phải luôn tỉnh tỉnh. Vị Tăng hỏi: Tu
6 hành thế nào? Sư nói: Ôi, cái ông Sư này chẳng
7 phải khách vị Tăng hỏi: rốt ráo ra sao? Sư nói nhót
8 lại chẳng được. Vị Tăng lại hỏi: Thế nào là nẻo
9 chánh tu hành? Sư nói: Niết-bàn hậu phải. Vị Tăng
10 hỏi: Thế nào là Niết-bàn hậu phải. Sư nói chẳng
11 rửa mặt. Vị Tăng nói: Để tử chẳng hiểu. Sư nói
12 không có mặt để rửa.

13 **6. Thiên sư Tuệ Tạng ở Thạch Cung Phủ** 14 **Châu.**

15 Xưa Sư làm nghề thợ săn ghét thấy Sa Đệ tử
16 đuổi bầy nai con qua trước am Mã Tổ. Tổ đi ngược
17 lại Tạng hỏi: Hòa thượng có thấy nai chạy qua đây
18 chẳng? Tổ hỏi: Ông là ai? Đáp là thợ săn. Tổ hỏi:
19 Ông biết bắn tên chẳng? Đáp: Bắn bắn. Tổ hỏi: một
20 mũi tên ông bắn trúng mấy đích? Đáp: một mũi
21 trúng 1 cái. Tổ hỏi ông không biết bắn. Hỏi: Hòa
22 thượng biết bắn tên chẳng? Tổ nói biết bắn. Hỏi:
23 Hòa thượng một mũi tên bắn trúng mấy đích Tổ
24 nói một mũi tên bắn trúng 1 bầy. Đáp: Kia đây là
25 mạng đâu cần bắn 1 bầy. Tổ nói ông đã biết Thế
26 sao không tự bắn. Thừa: Nếu dạy con tự bắn thì
27 không chỗ hạ thủ. Tổ nói lão này vô minh phiền

1 nào nhiều kiếp ngày nay sớm dứt. lúc Tạng đó
 2 quăng hết cung tên tự lấy dao bén cắt tóc lạy Tổ
 3 xuất gia. Một hôm đang ở trong nhà bếp nấu
 4 nướng, Tổ hỏi làm gì đó? Đáp: Chăn trâu. Tổ hỏi
 5 chăn thế nào? Đáp: Một khi vào cỏ thì nắm mũi
 6 kéo lại. Tổ nói: Ông thật chăn trâu. Sư bèn thôi.
 7 Sau Sư thường đem việc cung tên ra tiếp cơ (làm
 8 sao mặc tình bắt hư không). Sư hỏi Tây Đường
 9 rằng: Ông biết bắt được hư không chẳng? Tây
 10 Đường nói: Bắt được. Sư hỏi làm sao bắt? Tây
 11 Đường đưa tay nắm hư không. Sư hỏi nắm hư
 12 không làm gì. Tây Đường hỏi Sư huynh làm sao
 13 bắt Sư kéo mũi Tây Đường kéo mạnh. Tây Đường
 14 đau quá la lớn tên giết vị mũi ta muốn sứt. Sư nói:
 15 Mặc tình mà bắt hư không đi. Chúng vị Tăng đến
 16 tham vấn. Sư hỏi vừa đến sao lại đi đâu? Có vị
 17 Tăng nói còn ở đây. Sư hỏi ở đâu? Vị Tăng ấy búng
 18 ngón tay 1 tiếng. Vị Tăng đến lễ bái. Sư hỏi có đem
 19 cái gì đến chẳng? Vị Tăng nói còn ở đây. Sư hỏi ở
 20 đâu. Vị Tăng búng ngón tay 3 tiếng. Hỏi làm sao
 21 khỏi được sinh tử? Sư hỏi muốn khỏi làm gì. Vị
 22 Tăng nói làm sao thoát được. Sư nói Thế sao chẳng
 23 sinh tử.

24 **7. Thiên sư Đạo Thông, ở núi Tử Ngọc** 25 **Đường Châu.**

26 Sư là người ở Lô Giang, họ Hà. Thuở nhỏ theo
 27 cha trấn thủ ở huyện Nam An ở Tuyên Châu, do đó

1 xuất gia. Đầu năm Thiên Bảo đời Đường, Mã Tổ
2 hoằng hóa tại Kiến Dương ở tại núi Phật Tích, Sư
3 đến yết kiến, liền dời về núi Tập Công ở Nam
4 khang, Sư cũng đi theo. Đến tháng 2 Năm Trinh
5 Nguyên 4, Mã Tổ sắp qui tịch gọi Sư bảo rằng:
6 Phàm đá ngọc núi đẹp càng có ích cho Đạo nghiệp
7 của ông gặp thì nên ở. Sư không hiểu lời nói ấy.
8 Mùa Thu đó cùng với Thiên Sư Tự tại ở núi Phục
9 Ngưu đồng đến Lạc Dương. Khi trở về đến phía
10 Tây Đường Châu thì thấy có 1 núi, 4 mặt núi non
11 cao vút đẹp lạ. Nhân hỏi vị làng thì bảo là núi Tử
12 Ngọc Sư bèn leo lên đỉnh thì thấy có tảng đá vuông
13 phẳng óng ánh sắc tím, bèn khen rằng. Đây là ngọc
14 tía. Mới nhớ lại lời Tiên sư đã dự đoán trước. Bèn
15 cất am tranh mà ở. Sau học trò đến đông. Có vị
16 Tăng hỏi: Làm sao ra khỏi 3 cõi? Sư hỏi: Trong đó
17 ông ở bao lâu rồi. Vị Tăng hỏi: Làm sao ra được?
18 Sư nói núi xanh chẳng ngại mây trắng bay. Vu
19 Địch Tướng Công hỏi: Thế nào là gió đen thổi ghe
20 thuyền chìm vào trong nước quỷ La sát? Sư nói: Vu
21 Địch làm khách hỏi để làm gì Vu công thất sắc. Sư
22 bèn chỉ rằng: Cái đó là trôi nổi vào nước quỷ la sát.
23 Vu lại hỏi: Thế nào là Phật? Sư gọi Vu Địch, Vu
24 Địch liền dạ Sư nói lại chẳng tìm riêng cầu.

25 Năm Nguyên Hòa thứ 8, đệ tử là Kim Tạng đến
26 tham vấn Bách trượng trở về lạy Sư, Sư nói: Ông
27 về đây à, núi này có chủ rồi. Do đó phó chúc cho
28 Kim Tạng xong, liền cầm tích trượng đi thẳng đến

1 Trương Châu, Đạo tục ra đón. Đến ngày rằm tháng
2 07 không bịnh mà thị tịch thọ tám mươi ba tuổi.

3 **8. Thiền sư ở Nhượng ở Bắc Lan Giang Tây.**

4 Trưởng lão Hồ Đường Lượng hỏi: Nhờ có Sư
5 huynh được chân dung của Tiên sư nên tạm xin
6 được chiêm lễ. Sư đưa 2 tay vạch bụng cho xem
7 Lương liền đánh lễ. Sư nói chớ lạy chớ lạy. Lượng
8 nói: Sư huynh lầm rồi, tôi chẳng lạy Sư huynh. Sư
9 nói: Ông lạy Chân dung Tiên Sư. Lượng hỏi: Vì
10 sao dạy tôi đừng lạy? Sư nói sao hiểu lầm?

11 **9. Thiền sư Như Mãn ở Phật Quang, Lạc** 12 **Kinh.**

13 Vua Đường Thuận Tông hỏi: Phật từ nơi nào
14 đến, chết rồi đi về đâu? Đã nói thường ở đời, vậy
15 nay Phật ở đâu? Sư đáp: Phật từ vô vi đến, diệt rồi
16 về vô vi, pháp thân đồng hư không thường ở chỗ
17 vô tâm, có niệm về vô niệm, có trụ về vô trụ, đến
18 vì chúng sinh mà đến, đi vì chúng mà đi, biến chân
19 như thanh tịnh, trống vắng thể thường trụ. Người
20 trí khéo suy nghĩ, chớ nên sinh nghi lo. Vua lại hỏi:
21 Phật ở cung vua sinh, diệt ở Song Lâm diệt, ở đời
22 49 năm, lại bảo không nói pháp, núi sông và biển
23 lớn, trời đất và nhật nguyệt, thời đến đều mất hết,
24 ai nói chẳng sinh diệt. Nghi tình còn như Thế. Vị
25 trí khéo phân biệt. Sư đáp: Phật thể vốn vô vi, mê
26 tình vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không,
27 không hề có sinh diệt, có duyên Phật ra đời, không

duyên Phật nhập diệt, nơi nơi độ chúng sinh, giống
như trăng trong nước, không thường cũng không
đoạn, không sinh cũng không diệt, sinh cũng
không hề sinh, diệt cũng không hề diệt, thấy rõ chỗ
không tâm, tự nhiên không pháp nói. Vua nghe thì
rất vui mừng càng kính trọng Thiên Tông.

10. Thiên sư Đạo Minh ở Nam Nguyên, Viên Châu.

Sư lên Pháp Đường nói rằng: "Quất ngựa 1 roi,
nói với người 1 lời. Có việc sao chẳng ló đầu ra,
không việc đều nên cẩn thận". Rồi xuống tòa. Có
vị Tăng hỏi 1 lời làm sao sinh. Sư mới thè ra nuốt
vào rồi nói đợi ta có tướng lưỡi rộng dài thì sẽ nói
cho ông nghe.

Động Sơn đến tham vấn sư bèn lên pháp tòa,
Sư nói: Đã thấy nhau rồi. Động Sơn liền bỏ đi. Đến
sáng hôm sau đến hỏi: Hôm qua đã được Hòa
thượng Từ Bi, làm sao biết được chỗ ấy đã thấy
con? Sư nói tâm tâm không sen hờ, chạy vào biển
tánh. Động Sơn nói đã bỏ qua rất lâu Động Sơn bèn
từ tạ mà đi. Sư nói: Học nhiều Phật pháp nhiều làm
lợi ích. Động Sơn nói: Học nhiều Phật pháp thì
khỏi hỏi, còn rộng làm lợi ích là sao? Sư nói: Một
vật chớ trái là đó. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Phật?
Sư đáp: Chẳng thể nói Thế là đó.

11. Thiên sư Tự Mãn ở Lệ Thôn Hân Châu.

Sư lên pháp tòa nói rằng: Xưa nay chẳng đổi

1 khác, pháp ấy Thế, có sao đâu. Tuy Thế, việc lớn
 2 đó có vị không làm. Lúc đó Có vị Tăng hỏi: Chẳng
 3 lạc vào xưa nay xin sư nói. Sư nói biết rõ ông
 4 không làm. Vị Tăng sắp nói, thì Sư bảo Biết là ông
 5 sẽ nói Lão Tăng rơi vào xưa nay. Vị Tăng hỏi: Thế
 6 nào là đúng? Sư nói: Cá nhảy Bích Hán thêm bậc
 7 khó bay. Vị Tăng hỏi làm sao khỏi lỗi này? Sư nói:
 8 Nếu là hình rỗng thì ai nói cao thấp. Vị Tăng ấy lễ
 9 bái, Sư nói khổ thay cong thay, vị nào giống ta?
 10 Một hôm Sư bảo chúng rằng: Trừ đi ngày sáng đêm
 11 tối lại nói cái gì mà được cần thận. Lúc đó Có vị
 12 Tăng hỏi: Thế nào là câu không tranh cãi? Sư nói:
 13 ồn ào náo động trời đất.

14 *12. Thiên sư Hồng Ân ở Trung Ấp, Lãng* 15 *Châu.*

16 Ngưỡng Sơn lúc mới thọ giới đến tạ giới. Sư
 17 thấy đến ở trước giường thiên bèn vỗ tay nói hòa
 18 hòa. Ngưỡng Sơn liền đến đứng ở phía Đông Lại
 19 qua phía Tây, rồi đến ở giữa. Tạ giới rồi lui ra mà
 20 đứng. Sư nói: Chỗ nào được Tam-muội này.
 21 Ngưỡng Sơn nói: Ở Tào Khê dạy cái ấn này cho vị
 22 đến học). Sư hỏi: Ông nói Tào Khê dùng Tam-
 23 muội này tiếp ai? Ngưỡng Sơn nói: Dùng Tam-
 24 muội này dẫn dắt Nhất tức giác. Ngưỡng Sơn lại
 25 hỏi Hòa thượng chỗ nào được Tam-muội này. Sư
 26 nói: Ta ở chỗ Mà Đại sư học được Tam-muội này.
 27 Hỏi: Làm sao được thấy tánh? Sư nói: Ví như ngôi

nhà, nhà có sáu cửa sổ, trong có 1 con khỉ, chạy
bên Đông gọi núi núi núi núi, thuận theo như thế ở
sáu cửa đều gọi đều ứng. Ngưỡng Sơn lễ tạ đứng
dậy nói: Được Hòa thượng thí dụ đều hiểu. Chỉ có
1 việc nếu con khỉ trong nhà ngủ thì con khỉ bên
ngoài muốn thấy phải làm sao? Sư xuống giường
Thiền cầm tay Ngưỡng Sơn mà múa và bảo núi núi
cùng người thấy nhau rồi. Thí như con sâu làm ổ
trên mi mắt của con ruồi ở 10 đầu ngã tư mà kêu
rằng. Đất rộng người thừa thì gặp nhau là ít.

13. Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng, Hong Châu.

Sư vị Trường Lạc, Phước Châu. Tuổi nhỏ xuất
gia ba Học đều luyện. Thuộc Đại Tịch xiển hóa ở
Nam Khang, bèn chuyên tâm nương nhờ. Cùng
Thiền sư Trí Tạng ở Tây Đường chung hiệu là
Nhập Thất. Lúc đó 2 Đại sĩ nổi tiếng ngang nhau
Một đêm 2 Đại sĩ theo hầu mã Tổ ngắm trăng. Tổ
hỏi: Chính lúc này làm gì? Tây Đường nói: Chính
nên cúng dường. Sư nói chính nên tu hành: Tổ nói
kinh vào Tạng Thiền về biển. Mã Tổ thương
Đường đại chúng nhóm họp tổ mới lên ngôi hội
lâu. Sư bèn đem quyền đến trước tòa Tổ mà lễ bái.
Tổ bèn xuống tòa. Một hôm Sư đến chỗ Mã Tổ.
Pháp Tháp Tổ ở góc giường Thiền mà cầm phát
trần chỉ bày. Sư nói: Chỉ cái đó là có riêng. Tổ bèn
bỏ chỗ cũ nói rằng: Sau này Ông sẽ làm gì cho vị.

1 Sư bèn phát trần cây đưa ra Tổ nói: Chỉ cái ấy là
2 riêng có. Sư bèn để phát trần vào chỗ cũ, rồi đứng
3 hầu. Tổ hét. Từ đây tiếng sấm sét gầm thét. Quả
4 nhiên có thí chủ đến xin Sư về ở Tân Ngô giới ở
5 Hồng châu, tại núi Đại hùng, núi non cao vút nên
6 lấy hiệu là Bách Trương. Ở chưa được tháng thì vị
7 đến tham vấn rất đông. Trong đó có qui sơn Hoàng
8 bá đứng đầu. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Phật
9 pháp chẳng phải là việc nhỏ. Lão Tăng xưa được 1
10 tiếng hét của Mã Đại sư mà cả 3 ngày tai điếc phải
11 mờ. Hoàng bá nghe xong thì thè lưỡi nói con chẳng
12 biết Mã Tổ, lại chẳng thấy mã Tổ. Sư nói: Ông từ
13 nay đệ tử nối pháp nghiệp Mã Tổ. Hoàng bá nói
14 con không đệ tử nối pháp Mã Tổ. Hỏi vì sao Thưa:
15 Từ nay về sau con chôn con cháu. Sư nói: Thế Thế.
16 Một hôm Có vị Tăng khóc vào Pháp Đường. Sư
17 hỏi sao thế? Đáp: Cha mẹ đều mất xin sư chọn
18 ngày. Sư nói: Ngày mai đến 1 lúc chôn luôn. Sư
19 lên Pháp Đường nói: Đều nhân cổ họng môi mép,
20 mau nói tương lai. Qui Sơn nói: Con chẳng nói xin
21 Hòa thượng nói chẳng từ cùng ông nói, rất lâu sau
22 này chôn con cháu ta. Ngũ Phong nói: Hòa thượng
23 cũng đều thế ư? Sư nói: Không có vị chẻ trán trông
24 ông. Vân Nhàm nói: Con có chỗ nói xin Hòa
25 thượng nêu. Sư nói: Đều nhân cổ họng môi mép,
26 mau nói tương lai. Vân Nham nói: Sư nay có vậy.
27 Sư nói chôn con cháu ta. Sư bảo chúng rằng: Ta
28 cần 1 vị truyền lời cho Tây Đường, ai đi được? Ngũ

1 Phong nói: Con đi. Sư hỏi: Ông làm sao truyền lời?
2 Ngũ Phong nói: Đợi thấy Tây đường liền nói. Sư
3 hỏi nói cái gì? Ngũ Phong nói: Đến nói giống Hòa
4 thượng. Sư cùng Qui Sơn làm việc, Sư hỏi có lừa
5 chẳng? Quy Sơn nói: Có. Sư hỏi: Ở đâu. Quy Sơn
6 cầm 1 cây gỗ thổi 3 lượng khí qua Sư. Sư nói: Như
7 sâu kêu gỗ. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư hỏi ông là ai.
8 Vị Tăng nói là A, B... Sư hỏi ông biết A, B chẳng?
9 Vị Tăng nói: Rất rõ ràng. Sư bèn đưa phát trần lên
10 hỏi: Ông thấy chẳng vị Tăng nói thấy. Sư chẳng
11 nói gì. Nhân đó khắp được xin đem cháo xuống
12 đất. Bỗng có 1 vị Tăng nghe tiếng kiếng ăn cơm
13 bèn bung cháo lên cười lớn mà về. Sư nói: Giỏi
14 thay, đây là Quán Âm vào làng. Sư trở về viện bèn
15 gọi vị Tăng ấy hỏi rằng: Vừa đến thấy gì, lý lẽ gì?
16 Đáp: rằng: Vừa đến chỉ nghe tiếng trống báo giờ
17 trở về ăn cơm mà đến. Sư cười, lại hỏi: Y kinh giải
18 nghĩa oan cho Phật ba đời, lìa kinh 1 chữ đồng như
19 ma nói là sao? Sư nói: Cố giữ động dụng là cho
20 oan Phật, ba đời ra riêng câu tức đồng ma nói.
21 Nhân Sư hỏi Tây Đường rằng: Có hỏi có đáp chẳng
22 hỏi chẳng đáp lúc đó là sao? Tây Đường nói: Sợ
23 phỏng thì làm gì? Sư nghe bèn bảo từ đâu đến nghi
24 lão huynh ấy? Vị Tăng nói xin Hòa thượng nói: Sư
25 nói: 1 hợp tướng chẳng thể được. Sư bảo chúng
26 rằng: Có 1 vị mãi mãi chẳng ăn cơm chẳng nói đói,
27 có 1 vị trọn ngày ăn cơm nói chẳng no. Chúng đều
28 không đáp. Vân Nham hỏi: Hòa thượng mỗi ngày

1 khu khu là ai. Sư nói: Có 1 vị cầu. Nham hỏi: Vì
2 sao mà không dạy hấn tự làm? Sư nói: Nó không
3 gia hoạt. Vị Tăng hỏi: Thế nào là Đại thừa Đốn ngộ
4 Pháp Môn? Sư nói: Ông hãy dứt hết các duyên,
5 nghĩ hết muôn sự, thiện và bất thiện, thế và xuất
6 thế gian, tất cả các pháp đều chớ ghi nhớ, chớ
7 chuyên niệm, bỏ hết thân tâm khiến nó tự tại, tâm
8 như gỗ đá không chỗ phân biệt. Tâm không hoạt
9 động (sở hành), tâm địa trống vắng thì huệ nhật tự
10 hiện như mây tan thì mặt trời xuất hiện. Tương tự
11 đều hết tất cả phan duyên, tham sân ái thủ, tình cấu
12 tịnh đều sạch hết. Đối với 5 dục 8 phong chẳng bị
13 thấy nghe hiểu biết buộc ràng chẳng bị các cảnh
14 mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, là
15 vị giải thoát. Đối với tất cả cảnh, tâm không bình
16 hoan, chẳng nhiếp chẳng tan, thấu suốt tất cả thanh
17 sắc không có trệ ngại, gọi đó là Đạo nhân. Chỉ
18 không bị tất cả thiện ác cấu tịnh, các phước trí phải
19 vì thế gian cột trói, liền gọi là Phật huệ. Thi phi tốt
20 xấu, lý hay phi lý các tri kiến đều hết, chẳng bị
21 buộc ràng, xử tâm tự tại, gọi là mới phát tâm Bồ đề
22 liền lên Phật Địa. Tất cả các pháp vốn chẳng tự
23 không, chẳng tự nói là sắc, cũng chẳng tự nói thi
24 phi cấu tịnh, cũng không có vị tâm ràng buộc, chỉ
25 do vị tự hư vọng chấp vướng hiểu đủ mọi thứ, khởi
26 bao nhiêu tri kiến. Nếu tâm cấu tịnh hết, chẳng trụ
27 vào buộc ràng, chẳng trụ vào giải thoát, không tất
28 cả phải vi vô vi, hiểu rõ tâm lượng bình đẳng. Ở

1 trong sinh tử mà tâm luôn tự tại, rốt ráo chẳng cùng
2 trần lao hư huyễn uẩn giới sinh tử, các nhập hòa
3 hợp. Xa vắng không nương, tất cả không vương
4 víu đi ở vô ngại, tới lui sinh tử như cửa mở toang.
5 Nếu gặp các thứ khổ vui không xứng ý mà tâm vẫn
6 không lui sụt, chẳng nghĩ tiếng tăm ăn uống, chẳng
7 tham tất cả công đức lợi ích, chẳng vương dính
8 pháp đời, tâm tuy chịu bao khổ vui mà không ô
9 nhiễm. Kêu qua loa để sống mặc sơ sài để chống rét.
10 Ngơ ngác như ngu như đần giống như có chút ít
11 thân phận. Ở trong sinh tử mà rộng học hiểu cầu
12 phước cầu trí ở lý vô ích liền bị gió giải cảnh thổi
13 bay mà về với biên sinh tử. Phật là vị không cầu,
14 cầu thì trái lý, là lý không cầu, nếu cầu liền mất.
15 Nếu lấy (giữ) ở không cầu lại đồng với có cầu,
16 pháp này không thật không hư, nếu hay 1 đời mà
17 tâm như gỗ đá, không bị nhận chìm ám giới 5 dục
18 8 phong, thì nhân sinh tử dứt đi đứng tự do, chẳng
19 bị tất cả nhân phải vì trói buộc. Lúc khác cùng với
20 thân không trói buộc mà đồng lợi vật, đem tâm
21 không trói buộc ứng với tất cả tâm, lấy tuệ không
22 trói buộc mà cởi mở các trói buộc. Cũng đúng bệnh
23 mà cho thuốc.

24 Có vị Tăng hỏi: Như nay thọ giới, thân khẩu đã
25 thanh tịnh rồi, đủ các thiện có được giải thoát
26 chẳng? Đáp: Chỉ giải thoát 1 phần nhỏ, chưa được
27 tâm giải thoát, chưa được giải thoát tất cả. Hỏi thế
28 nào là tâm giải thoát? Đáp: Chẳng cầu Phật chẳng

1 cầu hiểu biết, tình cầu tình dứt hết, cũng chẳng giữ
2 vô cầu này là phải, cũng chẳng trụ vào chỗ dứt hết,
3 cũng chẳng sợ địa ngục trời buột, chẳng ham vui
4 của thiên đường. Tất cả các pháp chẳng cầu chấp,
5 mới gọi là giải thoát vô ngại, tức thân tâm và tất cả
6 đều gọi giải thoát. Ông chớ nói có ít phần giới thiện
7 mà cho là đủ. Có rất nhiều môn vô lậu giới định
8 huệ, đều chưa mảy may bước đến, phải nỗ lực
9 mạnh mẽ sớm làm, chớ đợi tai điếc mắt mờ đầu
10 bạc mặt nhăn, già yếu đến thân mà trong phải ứa
11 lệ, trong tâm sợ sệt chưa có chỗ đi, đến lúc nào sửa
12 sang tay chân chẳng được, dẫu có phước trí học
13 nhiều nhưng chẳng thể cứu nhau vì tâm nhãn chưa
14 mở mang, chỉ duyên niệm các cảnh mà không biết
15 phản chiếu. Lại chẳng thấy Phật đạo, các ác nghiệp
16 đã tạo ra cả 1 đời đều hiện ra trước phải, hoặc
17 mừng hoặc sợ, 5 uẩn 6 đạo hiện tiền đều thấy rõ,
18 nhà cửa cao đẹp thuyền ghe xe cộ đều chiếu sáng
19 rực rỡ. Nếu tự tâm tham ái thì chỗ thấy đều đẹp,
20 tùy chỗ thấy mà thọ sinh chẳng được tự do, rồng
21 súc hèn hạ cũng đều chưa định. Hỏi thế nào là được
22 tự do? Đáp: Như nay đối với 5 dục 8 gió tình không
23 lấy bỏ, cầu tịnh đều quên, như mặt trăng, mặt trời
24 trên không chẳng duyên mà chiếu, tâm như gỗ đá.
25 Cũng như loài hương tượng dứt dòng mà lội qua
26 sông không trở ngại, đây thì trời người thiên
27 đường, địa ngục đều không nhiếp. Lại chẳng đọc
28 kinh xem giáo nói năng đều phải uyển chuyển quay

1 về với chính mình. Chỉ là tất cả ngôn giáo, chỉ nói
2 như nay giác tánh của mình đều chẳng bị chuyển
3 bởi tất cả các cảnh phải vô. Đó là Đạo sư có thể
4 chiếu phá tất cả cảnh pháp hữu vô. Đó là kim cang
5 tức có phần tự do độc lập. Nếu chẳng thế sao được.
6 Dẫn khiến đọc tụng 12 kinh Di Đà thì chỉ thành
7 người Tăng thượng mạn, trở lại phỉ báng Phật
8 không phải là tu hành. Đọc kinh xem giáo nêu theo
9 thế gian thì là việc tốt lành. Nếu ở bên người rõ
10 ràng lý lẽ thì đây là vị ủng tắc (còn bị chướng, bị
11 trói cột). Vị Thập Địa thoát mà không đi lại trở vào
12 sông sinh tử, chỉ không cần tìm hiểu câu chữ lời
13 nói, vì tìm biết thuộc tham, tham thì trở thành bệnh.
14 Như nay chỉ lìa các pháp hữu vô, thấu suốt ngoài 3
15 cú thì tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật
16 sao lò Phật chẳng hiểu lời, chỉ sợ không phải là
17 Phật, bị các pháp hữu vô chuyển, không được tự
18 do. Đó là vì lý chưa lập trước có phước trí mang đi
19 như hèn khiến sang, chẳng bằng ở lý trước lập sau
20 mới có phước trí. Gặp lúc thì làm được như nắm
21 đất thành vàng, thây nước biển thành tô lạc, phá
22 núi Tu Di thành bụi, ở 1 nghĩa làm vô lượng nghĩa,
23 ở vô lượng nghĩa làm 1 nghĩa. Sư lúc đó nói pháp
24 xong, Đại chúng xuống Pháp đường, bèn gọi lại,
25 đại chúng quay đầu, Sư hỏi: Đó là cái gì. Ngày 17
26 tháng giêng Năm Đường Nguyên Hòa thứ 9 thì Sư
27 thị tịch, thọ 95 tuổi. Năm Trường Khánh 1, vua ban
28 Thụy là Đại Trí Thiên sư ở, thụy hiệu Đại Bảo

1 Thắng Luân.

2 Thiền Môn qui thức. Bách Trượng Đại Trí
3 Thiền sư ở. Vì Thiền tông bắt đầu từ Thiếu Thất
4 (Tổ Đạt Ma ở Thiếu Lâm Tự) truyền đến Tào Khê
5 đến nay, phần nhiều luật ở chùa tuy là viện riêng
6 song nói pháp trụ trì không hợp qui tắc nên thường
7 mong có qui tắc ấy. Bèn bảo của Tổ muốn khắp
8 giáo hóa để đời sau không mất, há cùng giáo Tiểu
9 thừa tùy làm. Có người nói luận Du Già, kinh Anh
10 Lạc là giới luật Đại thừa sao chẳng làm theo. Tổ
11 nói: Tông ta không hạn cục theo Đại Tiểu thừa,
12 cũng không không khác Đại Tiểu thừa mà phải
13 lộng chiết trung các qui tắc theo. Do đó có sáng ý
14 lập Thiền tông ở riêng, phạm vị đủ Đạo Nhân có
15 Tôn Đức thì gọi là Trưởng lão. Như ở Tây Vực
16 Đạo cao lập lớn thì (như) gọi tu Bồ đề. Đã là hóa
17 chủ thì phải ở phương trượng đồng gọi Thất Tịnh
18 Danh không phải là thất riêng không lập điện Phật
19 chỉ có Thọ (cây) Pháp Đường là biểu thì Phật Tổ
20 trao lại cho vị đương đại làm tôn quý, chỗ khen học
21 chúng không nhiều ít không cao thấp. Tất cả đều
22 Thiền đường an bài theo hạ lập, lập 1 cái giường
23 lớn để mặc áo và quai thạp đạo cụ, nằm phải phải
24 gối đầu ở mép giường nằm nghiêng hông phải mà
25 ngủ thế Cát Tường, vì ngồi thiền đã lâu nên nằm
26 yên dưỡng hơi mà thôi (chứ không thật ngủ cho
27 sướng thân), đủ 4 oai nghi. Trừ khi vào Thiền Thất
28 xin ích (hỏi học) mặc tình học tập siêng lười hoặc

1 cao thấp không theo chuẩn mực. Trong viện ấy đại
2 chúng sáng học chiều hợp. Trưởng lão lên Pháp
3 Đường thì cùng lên ngồi chủ việc đồ chúng đứng
4 có hàng ngũ nghe rõ. Khách chủ hỏi đáp trình bày
5 tông yếu, thì theo pháp mà đứng. Ăn uống phải
6 theo 2 thời mỗi ngày cần phải tiết kiệm biểu thị cho
7 pháp thực đều hưởng. Hạnh khắp xin pháp trên
8 dưới đều gắng sức. Đặt 10 việc gọi là Liêu Xá
9 (phòng nhà), mỗi liêu xá có 1 vị đứng đầu quản chế
10 nhiều vị, quản chế công việc cho êm thắm. Nếu có
11 vị giả danh lén vào phá chúng gây ồn náo thì vị
12 Duy Na kiểm tra xử lý đuổi ra khỏi viện, cốt để an
13 chúng. Nếu có kẻ sai phạm thì lấy gậy mà đánh,
14 tập hợp chúng đốt đốt y bát đạo cụ đuổi đi từ ngõ
15 riêng mà ra để biết nhục. Biết rõ điều luật này có 4
16 lợi ích: 1 là không làm ô nhiễm chúng, sinh tâm
17 kính tín; 2 là chẳng phá hủy hình tướng vị Tăng,
18 tuân theo luật Phật; 3 là chẳng quấy rối công môn,
19 tranh chấp kiện cáo cãi vả, 4 là không rò rỉ ra ngoài
20 với thí chủ việc xấu của Tông cang.

21 Hạnh riêng của Thiên môn do ngài Bách trượng
22 lập ra đầu Tiên, nay lược nêu đại yếu để người sau
23 hiểu qua khiến không quên gốc. Ngoài ra pháp tắc
24 qui cũ các sơn môn đều đầy đủ.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 7

Thiền sư Hoài Nhượng trong đời thứ 2 có 45 vị. Đệ tử nổi pháp Mã Tổ (18 vị có Ngũ lục)

1. Thiền sư Tổng Ấn ở núi Tam Giác Đàm Châu

2. Thiền sư Bảo Vân ở núi Lỗ Tổ Trì Châu

3. Thiền sư Thường Hưng ở Lạc Đàm Hồng Châu

4. Thiền sư Trí Tạng ở Tây Đường Kiên Châu

5. Thiền sư Hoài Uẩn ở chùa Chương Kính Kinh Triệu

6. Thiền sư Minh Triết ở Bách Nham Định Châu.

7. Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga Hồ Tín Châu

8. Thiền sư Tự Tại ở núi Phục Ngưu

9. Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn U Châu

10. Thiền sư Thái Dục ở núi Phù Dung Tỳ lăng

11. Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc Bô Châu

12. Thiền sư Tề An ở Diêm Quan Hàng Châu

13. Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết Vụ châu

- 1 14. Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai Minh
- 2 Châu
- 3 15. Thiền sư Duy Khoan ở Điện Thiện Kinh
- 4 Triệu
- 5 16. Thiền sư ở Như Hội Hồ Nam
- 6 17. Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc Châu
- 7 18. Thiền sư Trí Thường ở Chùa Quy Tông Lô
- 8 Sơn
- 9 19. Thiền sư Thanh Hạ ở núi Chử Kính Thiều
- 10 Châu
- 11 20. Thiền sư Duy Kiến ở núi Tử Âm
- 12 21. Thiền sư Hồng Duệ ở Phong Sơn
- 13 22. Thiền sư Thần Ngoạn ở Luyện Sơn,
- 14 23. Thiền sư Đạo Viên ở Quật Sơn
- 15 24. Thiền sư Ngọc Đài ở Duy Nhiên
- 16 25. Thiền sư Đàm Ký ở Khôi Sơn-Trì Châu
- 17 26. Thiền sư bảo Tích ở Kinh Châu chùa Tâm
- 18 27. Thiền sư Pháp Tạng ở Phủ Hà Trung
- 19 28. Thiền sư Lương Tân ở chùa Từ Bi Hán
- 20 Nam
- 21 29. Thiền sư sùng ở Phủ Kinh triệu
- 22 30. Thiền sư Nam Nhạc ở Trí Châu
- 23 31. Thiền sư Pháp Tuyên ở Bạch Hồ
- 24 32. Thiền sư Duy Trực ở Kim Quật
- 25 33. Thiền sư Thường Triệt ở Bách Nham Thai
- 26 Châu

34. Thiền sư ở Huy Càn Nguyên
 35. Thiền sư ở Đạo Nham Tề Châu
 36. Thiền sư Thường Kiên ở Tương Châu
 37. Thiền sư Tịnh Tông ở Vân Thủy
 38. Thiền sư Bảo Trinh ở Kinh Nam
 39. Thiền sư Linh Thoan ở Chùa Vĩnh Thái-Kinh Châu
 40. Thiền sư Viên Sướng ở núi Long Nha Đàm Châu
 41. Thiền sư Đạo Phương ở Song Lãnh Hồng Châu
 42. Thiền sư Tu Quảng ở núi La Phù
 43. Thiền sư Định Khánh ở Hiện Sơn
 44. Thiền sư Duy kiến ở Động Tuyên Việt Châu
 45. Thiền sư Phổ Mãn ở Quang Minh
- (27 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục).

*** Đệ tử nổi pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng**

1. Thiền sư Tổng Ấn ở núi Tam Giác, Đàm Châu.

Có vị Tăng hỏi thế nào là Tam bảo. Sư nói: Lúa nếp đậu, thừa rằng: Học trò chẳng hiểu. Sư nói: Đại chúng vui vẻ vâng làm. Sư lên Pháp Đường nói nếu

luận việc này, chê bỏ trên lông mày sớm đã sai lầm. Ma Cốc liền hỏi chê bỏ trên lông mày không cần nói thế nào là việc này? Sư nói sai lầm. Ma Cốc bèn kéo thiên sàng lên. Sư liền đánh Ma Cốc không nói gì.

2. Thiên sư Bảo Vân ở núi Lô Tổ, Trì Châu.

Hỏi: Thế nào là Thầy chư Phật? Sư nói: Trên đầu có mũ báu thì không phải vị Tăng hỏi thế nào là phải. Sư nói: Trên đầu không có mũ báu. Động Sơn đến tham lễ, lạy xong đứng hầu 1 bên, chút sau liền lui ra. Rồi lại vào. Sư hỏi: Vì sao, vì sao Thế? Động Sơn nói rất có vị không chịu. Sư nói làm sao tin lời luận của ông. Động Sơn bèn ở hầu sư mấy tháng. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là nói chẳng nói? Sư hỏi miệng ông ở đâu. Vị Tăng nói không có miệng. Sư hỏi lấy gì ăn cơm? Vị Tăng không đáp được. (Động Sơn đáp thay: Nó không đói, ăn cơm làm gì). Bình thường lúc thấy vị Tăng đến Sư xoay mặt vào vách, Nam Tuyên nghe việc bèn nói: Tôi thì bình thường hướng về vị Tăng mà nói, hướng về Phật chưa ra đời mà hiểu lấy, còn chẳng được 1 cái hay nửa cái ông ấy vì sao mà bỏ xa năm tháng theo con lừa?

3. Thiên sư Thường Hưng ở lạc Đàm, thuộc Hồng Châu.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là khách môn hạ của Tào Khê. Sư nói về phía Nam đến Yên. Vị Tăng

1 nói đề tử không hiểu. Sư nói nuôi Vũ hầu gió thu.
2 Vị Tăng hỏi: Thế nào là việc cuối cùng của Tông
3 thừa. Sư nói: Mưa thu cỏ rời ra. Lại Nam Tuyên
4 đích thân đến gặp Sư xoay mặt vào vách liền vỗ
5 lưng Sư. Sư hỏi: Ông là ai? Đáp: Phổ Nguyện. Sư
6 hỏi là sao? Đáp: Tầm thường. Sư nói: Sao Ông
7 nhiều chuyện.

8 **4. Thiền sư Trí Tạng ở trụ tây Đường, Kiền** 9 **Châu.**

10 Sư người ở Kiền Hóa, họ Liêu. 8 tuổi theo thầy,
11 25 tuổi thọ cụ túc giới. Có thầy tướng xem thấy
12 biểu hiệu khác thường bảo rằng: Thầy cốt khí phi
13 phạm thường phụ giúp Pháp Vương. Sư bèn đến
14 núi Phật tích tham lễ Sư đại tịch, cùng là bạn học
15 với Thiền sư Hoài Hải ở Bách Trượng, đều được
16 ấn ký. Một hôm Đại tịch sai Sư đến Trường An đưa
17 thư cho Quốc Sư Trung. Quốc Sư hỏi: Thầy ông
18 nói pháp gì? Sư từ Đông đi qua Tây mà đứng. Quốc
19 Sư nói: Chỉ riêng có cái đó thôi à? Sư lại qua Đông
20 mà đứng. Quốc Sư hỏi: Cái đó là của Mã Sư, Nhân
21 giả làm gì? Sư nói: Sớm giống Hòa thượng thôi.
22 Lại sai đưa thư đến Kính Sơn và Quốc Nhất Thiền
23 sư ở thuộc dòng đệ tử nổi pháp pháp của Liên Sư,
24 xin Đại Tịch về phủ mà hoằng hóa. Sư trở về quận
25 thì được Đại tịch trao cho y ca sa khiến người học
26 gần gũi Có vị Tăng hỏi Mã Tổ xin Hòa thượng là
27 4 cú dứt trăm lỗi, chỉ thẳng cho con ý Tây Trúc

1 đến? Tổ nói: Ta hôm nay không tâm tình, ông đi
2 hỏi Trí Tạng. Vị Tăng ấy bèn đến hỏi Sư. Sư nói
3 sao ông không hỏi Hòa thượng. Vị Tăng nói Hòa
4 thượng bảo tôi đến hỏi Thượng tọa. Sư lấy tay sờ
5 đầu bảo: Hôm nay đầu đau (nhứt đầu), ông đến hỏi
6 Hải Sư huynh. Vị Tăng đến hỏi Hải (Bách
7 Trượng), hải nói tôi tới đây chẳng hiểu. Vị Tăng
8 bèn đem câu hỏi (câu chuyện) hỏi Mã Tổ, tổ nói:
9 Tạng đầu trắng, Hải đầu đen. Mã Tổ 1 hôm hỏi Sư
10 rằng: Sao ông chẳng xem kinh. Sư hỏi kinh há khác
11 chẳng? Tổ nói tuy nhiên Thế, ông về sau vì vị cũng
12 phải được. Đáp: Trí Tạng con bệnh nghĩ tự nuôi,
13 dám nói vì vị. Tổ nói: Ông cuối Năm phải hưng
14 thịnh ở đời. Mã Tổ tịch rồi, Năm Đường Trinh
15 Quán 7 Sư được chúng xin mở Pháp đường. Lý
16 Thượng Thư Cao từng hỏi vị Tăng: Mã Đại sư có
17 nói giáo gì? Vị Tăng đáp: Đại sư hoặc nói tức tâm
18 tức Phật hoặc nói phi (chẳng) tâm phi (chẳng) Phật.
19 Lý nói đều lỗi ở 1 bên. Lý đến hỏi Mã Đại sư có
20 nói giáo gì. Sư gọi Cao! Cao dạ. Sư nói trống sừng
21 động! Ché Không Thiên sư ở bảo Sư mặt trời mọc
22 sáng sớm. Sư nói: Đúng lúc. Sư ở Tây Đường. Sau
23 có 1 Tục sĩ đến hỏi: Có thiên đường đệ nhất chẳng?
24 Sư nói: Có. Hỏi có Phật pháp vị Tăng Bảo chẳng?
25 Sư đáp: Có. Lại có nhiều vị đến hỏi đều đáp có.
26 Hỏi Hòa thượng nói chẳng làm chứ? Sư hỏi: Ông
27 có từng hỏi các tôn túc chẳng. Đáp: Con từng đến
28 hỏi Kính Sơn Hòa thượng. Sư hỏi Kính Sơn nói với

ông thế nào? Đáp: Ngài nói tất cả đều không. Sư hỏi: Ông có vợ chẳng? Đáp: Có. Sư hỏi Kính Sơn Hòa thượng có vợ chẳng? Đáp: Không. Sư nói: Hòa thượng Kính Sơn ở nói không là đúng. Tục sĩ lay tạ mà lui. Ngày mồng 8 tháng 4 Năm Nguyên Hòa 9 thì Sư tịch thọ 80 tuổi, lập 55. Vua Hiến Tông ban Thụy là Đại tuyên giáo Thiền sư ở, tháp hiệu Nguyên Hòa chứng chân. Đến đời vua Mục Tông lại ban Thụy là Đại Giác Thiền sư ở.

5. Thiền sư Hoài Vân ở chùa Chương Kính phủ Kinh Triệu.

Sư vị Đồng An ở Tuyên Châu, họ Tạ, được Đại tịch trao tâm ấn. Lúc đầu ở Bách Nham, Định Châu, kế đến ở núi trung điều. Năm đầu Đường Nguyên Hòa thứ nhất vua Hiến Tông ban chiếu mời Sư ở chùa Thượng Huyền, người học tìm đến rất đông. Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Chí lý phải quên lời, người đương thời không biết, chỉ quen theo việc khác cho là công năng, mà không biết tự tánh vốn chẳng phải trần cảnh, đó là môn Đại giải thoát vi diệu. Nếu có soi biết thì chẳng nhiễm chẳng ngại, sáng suốt Thế không hề nghi ngờ. Từ kiếp xưa đến nay chắc chắn không thay đổi, cũng như mặt trời xa gần đều chiếu, tuy đến các sắc mà không cùng tất cả hòa hợp, được linh rất sáng không nhờ rèn đúc. Vì chẳng hiểu nên chấp chặt ở hình tướng vật tượng. Chỉ như nháy (bịnh)

1 phải vọng khởi hoa đốm, uổng công cực nhọc
2 nhiều kiếp. Nếu hay phản chiếu (tự xét) thì không
3 có vị thứ 2, mọi hành động việc làm đều không
4 thiếu (trái) thật tướng. Có vị Tăng hỏi tâm pháp
5 đều mất sẽ đi về đâu? Sư nói: (?). Thưa: Xin sư
6 không phản lời nói. Sư nói: Tức không câu phản.
7 Hòa thượng Bách trượng sai 1 vị Tăng đến rình đợi
8 khi Sư lên Pháp đường xong liền trái tọa cụ lay Sư
9 xong đứng dậy cầm chiếc hài lấy vạt áo lau bụi
10 xong rồi đập lên. Sư nói: Lão Tăng tội lỗi. Có
11 người hỏi: Tổ sư Truyền Tâm Địa Pháp Môn là tâm
12 chân như hay tâm vọng tưởng, là tâm không phải
13 chân không phải vọng hay là tâm ngoài giáo 3 thừa
14 riêng lập? Sư hỏi: Ông có thấy không trước phải
15 chẳng? Đáp: Tin biết luôn ở trước phải mà vị tự
16 không thấy. Sư nói: Ông chớ nhận ảnh tượng. Đáp:
17 Hòa thượng làm sao? Sư lấy tay khoát khoát
18 khoảng không 3 lượt bảo: Làm sao là thế. Sư nói:
19 Ông sau hội này mà ở lại đây. Có 1 vị Tăng đi
20 nhiều quanh Sư 3 vòng chống tích trượng mà đứng.
21 Sư nói đúng đúng. Vị Tăng ấy bèn đến ngài Nam
22 Tuyền cũng đi nhiều 3 vòng chống tích trượng mà
23 đứng. Nam Tuyền nói không đúng, không đúng.
24 Đây là sức gió chuyển thổi chung thành hoại. Vị
25 Tăng nói ngài Chương Kính nói đúng, sao Hòa
26 thượng nói không đúng? Nam tuyền nói: Chương
27 Kính đúng đúng mà ông không đúng. Có 1 tiểu Sư
28 đi hành cước về, Sư hỏi ông rời đây mấy năm rồi?

1 Đáp: Rời Hòa thượng trước sau 8 năm. Sư hỏi:
 2 Làm được cái gì? Tiểu Sư vạch trên đất 1 vòng
 3 tròn. Sư nói chỉ có cái đó thôi ư? Tiểu Sư liền xóa
 4 vòng tròn. Sau lễ Sư Tăng hỏi: Trong thân 4 đại 5
 5 uẩn thì cái gì là Phật tánh xưa nay? Sư bèn gọi tên
 6 vị Tăng, vị Tăng dạ. Hồi lâu sư bảo: Ông không có
 7 Phật tánh. Năm Đường Nguyên Hòa 13, ngày 22
 8 tháng 12 sư thị tịch. Dựng tháp Sư ở Bá Thủy vua
 9 ban Thụy là Đại Giác Thiên sư ở, tháp hiệu là Đại
 10 bảo Tướng.

11 **6. Thiên sư Minh Triết ở Bách Nham, Định** 12 **Châu:**

13 Từng thấy Hòa thượng Dược Sơn ở xem kinh,
 14 nhân đó nói rằng: Hòa thượng chớ gạt người tốt.
 15 Dược Sơn đề kinh xuống hỏi: Còn sớm hay đã
 16 muộn? Sư nói đúng ngo. Dược Sơn nói cũng có
 17 văn thái. Sư nói con cũng không. Dược Sơn nói
 18 Lão huynh rất thông minh. Sư nói: Con làm sao,
 19 Hòa thượng làm sao? Dược Sơn nói què què, thiếu
 20 thiếu trăm râu ngàn vụng, sao cho qua thời.

21 **7. Thiên sư Đại Nghĩa ở Nga Hồ Tín châu.**

22 Sư vị tự Giang, Cù Châu, họ Từ. Lý Cao từng
 23 hỏi sư rằng: Đại Bi dùng ngàn tay ngàn mắt để làm
 24 gì? Sư nói: Nay vua dùng ông để làm gì? Có 1 vị
 25 Tăng xin làm (bỏ) tháp. Lý Thượng Thư hỏi: Trong
 26 giáo chẳng cho đem thầy để dưới tháp thì làm sao?
 27 Vị Tăng không đáp được bèn đến hỏi sư. Sư nói đó

1 là Đại Xiển Đề. Vua Đường Hiến Tông mời Sư vào
2 cung ở điện Lâm Đức mà nghị luận. Có 1 Pháp sư
3 hỏi: Thế nào là tứ đế? Sư nói Thánh thượng 1 Đế,
4 3 Đế sao có. Lại hỏi: Dục giới không có thiên, thiên
5 ở sắc giới, cõi này dựa vào đâu mà lập thiên. Sư
6 nói Pháp sư chỉ biết dục giới không có thiên, mà
7 không biết thiên giới không có dục. Pháp sư hỏi:
8 Thế nào là thiên? Sư lấy tay điểm trên không. Pháp
9 sư không đáp được. Vua hỏi: Pháp sư giảng vô
10 cùng kinh luận chỉ có 1 điểm ấy còn chẳng làm sao.
11 Sư liền hỏi các Thạc Đức (Cao Đức) rằng: Đi đứng
12 nằm ngồi rốt ráo lấy gì làm Đạo? Có người đáp:
13 Biết là Đạo. Sư nói không thể lấy trí mà biết, không
14 thể dùng thức mà biết, sao được biết là Đạo. Có
15 người nói: Không phân biệt là Đạo. Sư nói hay
16 khéo phân biệt các pháp tướng, ở Độ nhất nghĩa mà
17 không động, sao được không phân biệt là Đạo. Có
18 người nói: 4 Thiên 8 Định là Đạo. Sư nói thân Phật
19 vô vi chẳng rơi vào các số, sao lại ở 4 thiên 8 định
20 ư? Chúng đều cứng hòng. Sư lại nêu vua Thuận
21 Tông hỏi Thi Lợi Thiên sư ở rằng: Đại địa chúng
22 sinh làm sao được thấy tánh thành Phật? Thi Lợi
23 nói: Phật tánh như trăng trong nước có thấy được
24 mà lấy không được, nhân đó bảo vua rằng: Phật
25 tánh không phải thấy mà tâm thấy, trăng trong
26 nước làm sao nắm được. Vua bèn hỏi: Thế nào là
27 Phật tánh? Sư đáp: Chẳng lìa chỗ hỏi của bệ hạ.
28 Vua làm thỉnh khê hợp chân tông, càng thêm cung

1 kính. Năm Nguyên Hòa 13, ngày mồng 7 tháng
2 giêng thì Sư tịch, thọ 74 tuổi. Vua ban thụy là
3 Tuệ Giác Thiên sư ở, tháp hiệu là kiến tánh.

4 **8. Thiên sư Tự Tại ở núi Phục Ngưu, Y** 5 **Khuyết.**

6 Sư vị Ngô Hưng họ Lý. Lúc đầu nương Thiên
7 sư Quốc Nhất ở Kính Sơn mà thọ cụ giới. Sau ở
8 Nam Khang gặp ngài Đại Tịch mà phát minh tâm
9 địa. Nhân vì Đại ịch mà đưa thư cho Quốc Sư
10 Trung. Quốc Sư hỏi rằng: Mã Đại sư lấy gì chỉ
11 chúng? Đáp rằng tức tâm tức Phật. Quốc Sư hỏi:
12 Nói lời gì đó? Hồi lâu lại hỏi: Ngoài đây lại có nói
13 giáo gì? Sư nói phi tâm phi Phật. Có người hỏi
14 chẳng phải tâm chẳng phải Phật hay chẳng là vật?
15 Quốc Sư nói cũng giống một chút Sư nói. Mã Đại
16 sư ra sao, không biết Hòa thượng với câu hỏi này
17 thì thế nào? Quốc Sư nói: 3 điểm như nước chảy,
18 cong tợ lưỡi liềm cắt cỏ. Sư sau về ở núi Phục
19 Ngưu. Một hôm bảo chúng rằng: Tức tâm tức Phật
20 là câu không bệnh mà câu bệnh, phi tâm phi Phật là
21 câu thuốc để trị bệnh. Vị Tăng hỏi: Thế nào là câu
22 thoát sái đẽ (Thế nào là tự tại?) Sư nói: Truyện xưa
23 nay ở núi Phục Ngưu. Sau Sư tịch ở chùa Khai
24 Nguyên tại Tuy Châu thọ 81 tuổi.

25 **9. Thiên sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, U Châu.**

26 Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói Ra! Vị
27 Tăng nói Đệ tử chưa hiểu ý chỉ. Sư nói đi! Sư lên

1 Pháp đường dạy chúng rằng: Tâm nếu vô sự, thì
2 muôn tượng chẳng sinh, ý dứt huyền cơ, tiêm trần
3 (mây may) nào lập. Đạo vốn không thể, nhân Đạo
4 mà lập tên, Đạo vốn không tên, nhân tên mà được
5 gọi. Nếu nói tức tâm tức Phật, thời này (lúc này)
6 chưa vào huyền vi. Nếu nói phi tâm phi Phật, thì
7 cũng chỉ là dấu chân mà thôi. Một nẻo Hướng
8 Thượng (tu thiền?) ngàn Thánh chẳng truyền, kẻ
9 học nhọc nhằn như vượn bắt bóng. Phàm Đại Đạo
10 không có giữa thì ai là trước sau. Lặng bật dứt sạch
11 thì cần gì phải suy lường. Đã không như đây thì
12 Đạo sao lại nói, phàm mặt trăng tâm riêng chiếu
13 ánh sáng lẫn át (nuốt) cả muôn tượng, ánh sáng
14 chẳng chiếu cảnh mà cảnh cũng chẳng còn, ánh
15 sáng và cảnh đều mất thì còn là vật gì. Nay các
16 thiền đức, ví như quăng kiếm lên không, dấu tới
17 hay không tới thì khoảng không chẳng vết tích
18 kiếm nhọn kia cũng không thiếu? Nếu hay Thế mà
19 tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức vị,
20 vị và Phật không khác thì mới là Đạo vậy. Nay các
21 Thiền Đức, ở trong đó mà học Đạo giống như đất
22 mọc núi chẳng cần biết núi cao vót, như đá ngậm
23 ngọc chẳng cần biết ngọc không vết. Phải Thế mà
24 xuất gia. Nên Đạo sư nói pháp vốn chẳng ngại
25 nhau, 3 đời cũng lại Thế. Vị vô vi vô sự cũng là
26 nạn (khó) khóa vàng. Do đó mà nguồn linh riêng
27 chiếu, Đạo dứt không sinh. Đại trí chẳng sáng,
28 chân không chẳng dấu vết. Thật như phàm Thánh

đều là mộng nói (lời mộng), Phật và Niết-bàn đều là lời thêm. Nay các Thiên Đức lại phải tự xem không vị thay thế 3 cõi không pháp thế chỗ nào mà cầu tâm, 4 đại vốn không Phật y đâu mà trụ. Tuyên ky (đồ xem thiên văn) chẳng động lặng lẽ không lời. Xem mặt nhìn nhau toàn không việc khác. Hãy cẩn thận.

Khi Sư sắp tịch bảo chúng rằng: Có ai vẽ (mô trái) được cái chân (hình thể của ta) của ta chăng? Chúng đều vẽ (trái) chân trình Sư, sư đều đánh. Đệ tử là Phổ Hóa nói rằng: Con vẽ (mô trái) được. Sư hỏi sao không trình là giống Lão Tăng Phổ Hóa liền đánh câu đầu mà đưa ra. Sư nói: Gả này về sau như gió bão mà tiếp vị đây. Khi Sư tịch rồi thì vua ban thụy là Ngưng Tịch Đại sư, tháp hiệu Chân Tế.

10. Thiên sư Thái Dục ở núi Phù dung, Tỳ lăng.

Sư người ở Kim lăng, họ Phạm. Năm 12 tuổi lay Thiên sư Trung ở đời thứ 6 ở núi Ngưu Đầu mà cạo tóc (xuất gia), Năm 23 tuổi ở chùa An Quốc Kinh Triệu mà thọ cụ giới. Sau gặp Đại Tịch ngầm truyền ý Tổ. Năm Đường Nguyên Hòa 13, Sư về ở tại núi Phù Dung, Nghĩa Hưng, Tỳ lăng. Một hôm nhân ngồi ăn với bồng Cư sĩ. Cư sĩ sau Sư nói: Sinh tâm nhận của thí của Tịnh Danh sớm quở trách bỏ 1 cơ hội này Cư sĩ cam tâm chăng? Cư sĩ nói: Lúc bấy giờ Thiện Hiện lẽ nào không làm nhà? Sư nói:

1 Không liên quan đến việc khác. Cư sĩ nói: Cơm
2 đến bên miệng thì bị nó (đó) cướp đi. Sư bèn bỏ
3 ăn. Cư sĩ nói không tiêu 1 câu. Cư sĩ lại hỏi Sư: Mã
4 Đại sư chấp thật vào chỗ vì vị, lại giao phó cho
5 thầy ta chẳng? Sư nói: Tôi còn chưa thấy ông ta
6 làm sao biết ông ta chấp thật. Cư sĩ nói: Chỉ sự thấy
7 biết này cũng không phải là chỗ đẹp bỏ. Sư nói: Cư
8 sĩ cũng chẳng được 1 mực nói thế. Cư sĩ nói: 1 mực
9 nói thế. Sư lại mất Tông. Nếu làm 2 hướng, 3
10 hướng, Sư lại mở được miệng chẳng? Sư nói:
11 Giống như mở miệng mà chẳng được thì có thể gọi
12 là thật. Cư sĩ vỗ tay mà ra. Trong Niên hiệu Bảo
13 Lịch, Sư về Tề Vân mà thị tịch, thọ 80 tuổi, lập 58.
14 Năm Đại Hòa 2 thì vua ban Thụy là Đại Bảo Thiên
15 sư ở, tháp hiệu lăng Già.

11. Thiên sư ở Bảo Triệt, ở núi Ma Cốc, Bồ Châu.

18 Một hôm, theo Mã Tổ, kẻ hỏi rằng: Thế nào là
19 Đại Niết-bàn? Tổ nói gấp. Sư hỏi gấp cái gì. Tổ nói
20 xem nước. Sau đó Sư cùng Đôn Hà dạo núi, thấy
21 cá trong nước thì lấy tay chỉ. Đôn Hà nói thiên
22 nhiên thiên nhiên. Hôm sau Sư lại hỏi Đôn Hà:
23 Hôm qua ý thế nào? Đôn Hà bèn buông mình nằm
24 xuống. Sư nói: Trời xanh. Lại cùng Đôn Hà đến
25 núi Ma cốc. Sư nói: Tôi vào ở trong đó. Đôn Hà
26 nói: Ở thì tạm thời vẫn theo, có cái đó cũng không.
27 Sư nói cẩn thận. Có vị Tăng hỏi: 12 phần giáo tôi

chẳng nghi, thế nào là ý Tổ sư ở Tây Trúc đến? Sư bèn đứng dậy lấy gậy múa (xoay) quanh thân 1 vòng rồi đưa lên 1 chân, hỏi: Hiểu chẳng? Vị Tăng không đáp được. Sư bèn đánh. Vị Tăng hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Sư làm thinh. Đàm Nguyên hỏi 12 mặt của Quán Âm là phàm hay Thánh? Sư nói là Thánh. Đàm Nguyên đánh sư 1 tát. Sư nói biết ông chẳng đến được cảnh giới ấy.

12. Thiền sư Tề An ở Viên Hải Xương, Trấn Quốc-Diêm Quan thuộc Hàng Châu.

Sư người ở quận Hải Môn, họ Lý. Khi sinh ra Sư có ánh sáng thân chiếu rọi trong nhà, lại có Tăng lạ đến bảo rằng lập tràng vô thắng khiến Phật Nhật hội chiếu, há chẳng phải là người sao? Bèn nương Thiền sư Vân Tông ở Bồn quận mà xuất gia thọ cụ túc giới. Sau nghe ngài Đại Tịch hành hóa ở núi Tập công bèn chống tích trượng mà đến. Sư có tướng kỳ lạ, Đại Tịch vừa thấy thì biết là Thâm khí, bèn bảo vào thất ngàm truyền chánh pháp. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là bản thân của Phật Lô Xá Na? Sư nói đem cho tôi cái bình đồng kia. Vị Tăng bèn đem Tịnh Bình đến. Sư bảo đem đặt vào chỗ cũ. Vị Tăng đặt bình vào chỗ cũ xong, liền đến lại hỏi Sư câu ấy. Sư nói Cổ Phật đã qua lâu rồi. Có giảng vị Tăng chuyên giảng thuyết đến tham vấn. Sư hỏi Tọa chủ đã làm nghiệp gì? Đáp: Giảng kinh Hoa Nghiêm. Sư hỏi: Có mấy thứ pháp giới. Đáp: Nói

1 rộng thì lớp lớp vô tận, lược nói thì có 4 thứ pháp
2 giới. Sư dựng cây phát trần hỏi: Cái này là pháp
3 giới thứ mấy? Tọa chủ trầm ngâm suy nghĩ câu trả
4 lời. Sư nói: Suy tư nghĩ ngợi mà biết mà hiểu là kế
5 sống của loài quỷ là ngọn đèn con dưới ánh mặt
6 trời, quả nhiên mất ánh sáng. Có vị Tăng hỏi ngài
7 Đại Mai thế nào là ý Tây Trúc đến? Ngài Đại Mai
8 nói Tây Trúc đến không có ý. Sư nghe bèn nói: 1
9 cái quan tài 2 thầy chết! Sư gọi thị giả bảo rằng:
10 Dem cái quạt tể giác ra đây. Thị giả nói: Hư rồi. Sư
11 nói: Quạt hư thì đưa tể giác cho ta. Thị giả không
12 đáp được. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Hư không
13 làm trống, núi Tu Di làm chày, vị nào đánh được.

14 Chúng không đáp được. Có Thiền sư Pháp
15 Không đến xin hỏi các nghĩa trong kinh, Sư mỗi
16 mỗi đều đáp xong, liền bảo: Từ khi Thiền sư ở đến
17 đây bản đạo chưa được làm chủ nhân. Pháp không
18 nói xin Hòa thượng làm chủ nhân. Sư nói: Hôm
19 nay tôi rồi, về chỗ cũ đi, ngày mai đến. Pháp không
20 liền đi. Sáng hôm sau Sư sai Sa di ra khuất phục?
21 Thiền sư Pháp Không. Pháp không đến, Sư ngoái
22 nhìn Sa di bảo: Này, Sa di không biết việc kia ra
23 khuất phục Thiền sư Pháp Không. Liền khuất phụ
24 được. Vị giữ Pháp Đường đến, pháp không chẳng
25 nói gì. Pháp Hân Viện chủ đến tham vấn. Sư hỏi:
26 Ông là ai? Đáp: Pháp thân. Sư nói: Tôi chẳng biết
27 ông. Hân chẳng nói gì. Sau Sư không bệnh mà ngồi
28 yên thị tịch. Vua ban Thụy là Ngộ Không Thiền

1 SƯ.

2 **13. Thiên sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết, Vụ**
 3 **Châu.**

4 Sư vị Tỳ lăng họ Tuyên. Lúc đầu đến yết kiến
 5 Mã Đại sư Dự Chương. Mã tiếp nhân đó cạo tóc và
 6 thọ cụ giới. Sau đến yết kiến Hòa thượng thiện ở
 7 Thạch Đầu, trước tự ước rằng: Nếu 1 lời nói khế
 8 hợp nhau ta sẽ ở đây, không phải thế thì đi. Thạch
 9 Đầu biết là pháp khí bèn cẩn thận khai thị. Sư
 10 không hiểu ý bèn cáo từ mà đi. Khi ra đến cửa.
 11 Thạch Đầu gọi lớn Xà Lê! Sư ngoái đầu nói từ sinh
 12 ra đến già chỉ là cái ấy, ông chớ. Sau lời nói Sư đại
 13 ngộ, bèn đập gãy cây gậy mà ở lại đây. Năm
 14 Đường Trinh Nguyên 1, Sư vào núi Thiên Thai ở
 15 tại Đạo Tràng Bạch Sa, rồi đến ở Ngũ Tiết. Có vị
 16 Tăng hỏi: Vật nào lớn nhất trời đất? Sư nói: Không
 17 ai biết được nó. Vị Tăng hỏi: Lại chạm trở mài giữa
 18 cũng không? Sư nói: Ông thử ra tay xem? Vị Tăng
 19 hỏi: Trong môn này việc trước sau thế nào? Sư nói:
 20 Ông nói việc trước mắt đến lúc thành tựu thì có thể
 21 trải qua lâu mau? Vị Tăng nói Đệ tử không hiểu.
 22 Sư nói trong đây không có câu hỏi của ông. Vị
 23 Tăng nói há Hòa thượng không chỗ tiếp vị ư? Sư
 24 nói đợi ông cầu ta liền tiếp. Vị Tăng nói xin Hòa
 25 thượng tiếp đi. Sư hỏi: Ông thiếu cái gì? Vị Tăng
 26 hỏi: Làm sao được vô tâm? Sư nói: Xô núi lật biển
 27 vẫn yên tĩnh, đất động ngủ yên há tính suy. Ngày

23 tháng 3 Năm Nguyên Hòa 13 Sư tắm gội đốt hương ngồi nghiêm bảo chúng rằng: Pháp thân thị tịch bày ra có tới lui, ngàn Thánh đồng nguồn muôn linh về 1. Ta nay bọt tan mà giả có hưng suy chớ nên nhọc thân hãy giữ chánh niệm. Nếu tuân giữ lời này là thật báo ân ta. Nếu ai trái lời ta thì không phải con ta. Lúc đó Có vị Tăng hỏi Hòa thượng sẽ đi về đâu? Sư nói không có chỗ đi. Hỏi: Sao con không thấy? Sư nói không phải phải thấy. Nói xong thì an nhiên mà tịch. Sư thọ 72 tuổi, lập được 41.

14. Thiền sư Pháp Thường, ở núi Đại Mai, Minh Châu.

Sư người ở Tương Dương, họ Trịnh. Tuổi Nhỏ theo Thầy ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Châu. Lúc đầu tham vấn ngài Đại Tịch hỏi rằng: Thế nào là Phật. Ngài Đại Tịch nói: Tức tâm là Phật thì Sư liền đại ngộ. Trong Năm Đường Trinh Nguyên Sư ở núi Thiên Thai, phía Nam Dư Diêu 70 dặm có rất nhiều mai Lúc đó dưới Hội Diêm quan có 1 vị Tăng vào núi vác gậy mò đường đến am Sư hỏi rằng: Hòa thượng ở núi này bao lâu rồi? Sư nói: Chỉ thấy 4 núi xanh rồi vàng. Lại hỏi: Xuống núi thì đi đường nào? Sư nói đi theo con suối. Vị Tăng trở về kể lại với Diêm quan. Diêm quan nói: Khi ta ở Giang Tây có thấy một người Tăng, sau đó không biết tin tức, có phải là vị Tăng này chăng? Bèn

1 khiến vị Tăng đi thỉnh Sư ra. Sư có kệ rằng:

2 *Cỏ úa cây khô dựa rừng lạnh mấy độ gặp*
3 *xuân chẳng đổi tâm.*

4 *Tiền phu có gặp không thêm ngó người Sinh*
5 *đâu được khổ theo tìm.*

6 Ngài Đại Tịch nghe Sư ở núi bèn sai một người
7 Tăng đến hỏi rằng: Hòa thượng gặp mã Sư được
8 cái gì mà ở núi này? Sư nói Mã Sư nói với ta tức
9 tâm tức Phật tôi liền ở đây. Vị Tăng nói Phật pháp
10 của Mã Sư gần đây lại khác. Sư hỏi khác thế nào?
11 Vị Tăng nói gần đây lại nói phi tâm phi Phật. Sư
12 nói: Lão già ấy mê hoặc vị không có ngày nghỉ.
13 mặc ông ấy phi tâm phi Phật ta chỉ luôn tức tâm
14 tức Phật. Vị Tăng ấy trở về nói lại cho. Nghe Tổ
15 nói này đại chúng Mai đã chín. Từ đó người học
16 dần đến với Sư, Đạo sư càng nổi tiếng. Sư lên Pháp
17 Đường dạy chúng rằng: Các ông mỗi người phải tự
18 hồi tâm đạt gốc chớ theo ngọn, chỉ cần được gốc
19 thì ngọn tự đến. Nếu muốn biết gốc thì phải hiểu
20 rõ tự tâm. Tâm này vốn là cội gốc của tất cả pháp
21 thế gian và xuất thế gian. Tâm sinh thì các pháp
22 sinh, tâm diệt thì các pháp diệt. Tâm lại chẳng
23 nương vào tất cả thiện ác mà sinh muôn pháp, vốn
24 tự như như. Có vị Tăng hỏi thế nào là đại ý Phật
25 pháp? Sư nói: Hoa Bồ Nhụy Liễu kim tre sợi mè!
26 Giáp Sơn và Định Sơn vừa đi vừa nói chuyện. Định
27 Sơn bảo: Trong sinh tử không có Phật thì chẳng
28 phải sinh tử. Giáp Sơn nói: Trong sinh tử có Phật

1 thì chẳng mê sinh tử. Hai người lên núi tham lễ Sư.
2 Giáp Sơn liền nêu ra việc rồi hỏi Sư rằng không
3 biết chỗ thấy của hai người ai thân hơn. Sư nói 1
4 thân 1 sơ. Giáp Sơn hỏi ai thân. Sư nói về đi, mai
5 đến. Hôm sau Giáp Sơn lại lên núi hỏi Sư. Sư đáp:
6 Kẻ thân thì không hỏi, kẻ hỏi thì không thân. Bỗng
7 một hôm Sư gọi chúng bảo: Đến chẳng có thể kìm
8 nén đi chẳng nên đuổi theo. Trong thông dong hỏi
9 lại nghe tiếng chuột kêu. Sư nói: Tức vật này chẳng
10 phải vật khác. Các ông nên khéo giữ gìn. Ta đi đây.
11 Nói xong thì thị tịch, thọ 88 tuổi, lập được 69.
12 Thiên sư Trí Giác ở Diên Thọ khen rằng:

*Sư trước được đạo
Tức tâm là Phật
Sau cùng chỉ chúng
Vật chẳng vật khác
Xét cùng muôn pháp
Thấu xương ngàn Thánh
Chân hóa chẳng đời
Đâu ngại dứt mất.*

**15. Thiên sư Duy Khoan, trụ chùa Hưng
Thiện thuộc Kinh Triệu.**

13 Sư người ở Tín An thuộc Cù Châu, họ Chúc.
14 Năm 13 tuổi thấy vị sát sinh thì bỏ ăn thịt cá, bèn
15 xin xuất gia ban đầu học Tỳ Ni tu chỉ quán, sau
16 tham vấn ngài Đại Tịch mà được tâm yếu. Năm
17 Trinh Nguyên 6 mới đi hành hóa ở Ngô Việt. Năm

1 thứ 8 thì đến núi Phan Dương, có thần xin thọ 8
2 giới. Năm thứ 13 thì ngụ ở chùa Thiếu Lâm Tung
3 Sơn. Có vị Tăng hỏi thể nào là Đạo? Sư đáp núi
4 lớn tốt. Vị Tăng nói đệ tử hỏi đạo, sao sư nói núi
5 đẹp. Sư nói ông chỉ biết núi đẹp không hề biết Đạo.
6 Hỏi: Con chó có Phật tánh chăng? Sư nói có. Vị
7 Tăng hỏi: Hòa thượng lại có chăng? Sư nói ta
8 không. Có vị Tăng nói: Tất cả chúng sinh đều có
9 Phật tánh vì sao chỉ có Hòa thượng không? Sư nói
10 ta không phải tất cả chúng sinh. Vị Tăng nói đã
11 không phải chúng sinh thì là Phật phải chăng? Sư
12 nói không phải Phật. Vị Tăng nói rốt ráo là vật gì.
13 Sư nói: Cũng chẳng là vật. Vị Tăng nói có thể thấy
14 được nghĩ được chăng? Sư nói nghĩ chẳng tới bàn
15 chẳng được, cho nên nói chẳng thể nghĩ bàn. Năm
16 Nguyên Hòa thứ 4 thì vua Đường Hiến Tông mời
17 sư vào triều. Bạch Cư Dị có đến Sư hỏi rằng: Đã
18 nói Thiền sư ở lấy gì nói pháp? Sư nói Bồ đề Vô
19 thượng đầy đủ ở thân là luật, nói ở miệng là pháp,
20 làm ở tâm là thiền, ứng dụng cả ba thứ làm một. Ví
21 như sông ngòi lớn nhỏ do nơi chốn ở mà đặt tên,
22 tên tuy chẳng một mà tánh nước không hai. Luật
23 tức là pháp, pháp chẳng lìa thiền. Vì sao trong đó
24 mà vọng khởi phân biệt? Lại hỏi: Đã không phân
25 biệt thì lấy gì mà tu tâm? Sư nói tâm vốn không tổn
26 thương, vì sao phải (tu sửa), bất luận câu hay tịnh
27 tất cả chớ nên khởi niệm. Lại hỏi: Câu thì chẳng
28 nên niệm (nghĩ, nhớ) còn tịnh mà không niệm ư?

1 Sư nói như trên con người của vị một vật chẳng thể
2 ở đó, mặt vàng vốn rất quý nhưng rơi vào mắt thì
3 liền bệnh. Lại hỏi không tu không niệm thì có khác
4 gì phàm phu? Sư nói: Phàm phu thì vô minh, Nhị
5 thừa thì chấp trước, là 2 bệnh này gọi là chân tu.
6 Chân tu là không được siêng không được quên,
7 siêng thì gần với chấp trước, quên thì rơi vào vô
8 minh. Đây là tâm yếu. Có vị Tăng hỏi Đạo ở đâu/
9 sư nói chỉ ở trước mắt. Hỏi vì sao tôi chẳng thấy?
10 Sư nói vì ông có ngã do đó chẳng thấy. Hỏi: Con
11 có ngã nên chẳng thấy, Hòa thượng có thấy chăng?
12 Sư nói có ông có ngã nên dần dần chẳng thấy. Hỏi
13 không ta không ông có thấy chăng? Sư nói không
14 ông không ta thì ai cầu thấy. Ngày tối trời tháng 2
15 Năm Nguyên Hòa năm thứ 12, Sư lên Pháp Đường
16 nói pháp xong thì hóa, thọ 63 tuổi, lập được 39.
17 Dem về chôn ở Bá lăng Tây Nguyên. Vua ban
18 Thụy là Đại Triệt Thiên sư ở, tháp hiệu là Nguyên
19 Hòa Chánh chân.

20 ***16. Thiên sư Như Hội ở chùa Đông thuộc*** 21 ***Hồ Nam.***

22 Sư người ở Khúc Giang thuộc Thủy Hưng.
23 Trước yết kiến ngài Kính Sơn, sau tham vấn ngài
24 Đại Tịch. Khi học chúng đã đông, chiếc giường
25 trong Tăng đường bị sụp gãy, lúc ấy gọi Sư là chiết
26 Sàng Hội (Hội bị gãy giường). Từ khi ngài Đại
27 Tịch mất rồi thì Sư thường lo môn đồ lấy câu tức

1 tâm tức Phật mà ghi nhớ đọc tụng mãi không thôi.
2 Lại bảo Phật nào có trụ mà bảo là tức tâm. Tâm chỉ
3 như thợ vẽ mà bảo là tức Phật. Bèn dạy chúng rằng:
4 Tâm chẳng phải là Phật, trí chẳng phải là Đạo.
5 Kiềm đã ở xa chỗ khắc thuyền. Lúc đó gọi Đông
6 Tụ là Hang Thiên. Tướng quốc Thôi Công Quân ra
7 làm quan sát Sứ ở Hồ Nam gặp sư hỏi rằng: Sư đã
8 được gì? Sư nói: Được thấy tánh nên Sư đang bị
9 bệnh mắt tướng công châm chọc rằng. Ông chê: Đã
10 nói thấy tánh thì sao bị bệnh mắt? Sư nói thấy tánh
11 không phải là phải thì phải bệnh có hại gì? Ông cúi
12 đầu (lạy) tạ. Sư hỏi Nam Tuyên rằng: Vừa từ đâu
13 đến đây? Đáp: Ở Giang Tây. Sư hỏi: Đem được
14 chân của mã Sư đến đây chẳng? Tuyên đáp; chỉ có
15 cái ấy. Sư nói Đã rơi sau lưng. Bèn không đáp
16 được. Thôi Tướng Công vào chùa lấy chim sẻ
17 phóng ra uế, trên đầu Phật bèn hỏi Sư rằng: Chim
18 sẻ có Phật tánh không? Sư đáp có. Thôi hỏi: Sao
19 lại phóng ra uế trên đầu Phật ? Sư hỏi: Sao nó
20 không phóng ra uế trên đầu hạc? Ngưỡng Sơn đến
21 tham vấn. Sư hỏi: Đã (gặp) nhau rồi lại chẳng cần
22 đến. Ngưỡng Sơn nói sao gặp nhau chẳng thường?
23 Sư trở về phương trượng đóng cửa. Ngưỡng Sơn
24 về thuật lại với Qui Sơn, Qui Sơn nói ông im lặng
25 là tâm hạnh gì? Ngưỡng Sơn nói: Nếu chẳng phải
26 thì sao biết được ông ấy. Lại có người hỏi Sư rằng:
27 Con định xin Hòa thượng đến mở Pháp Đường có
28 được chăng? Sư nói: Đợi đem chất nóng trong đá

1 liền được. Người ấy không đáp được. Năm Đường
2 Trường Khánh tức là năm Quý mão ngày 19 tháng
3 08 Sư thị tịch thọ 80 tuổi. Vua ban thụy là Truyền
4 Minh Đại sư, tháp hiệu Vĩnh Tế.

5 **17. Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc Châu.**

6 Sư người ở uất Thị họ Lý. Lúc đầu xuất gia ở
7 núi Tập Công, tham với Mã Đại sư được mật
8 truyền tâm yếu. Sau đến ở Độ Môn Tùy Châu. Đã
9 từng gặp Châu Mục Vương Thường Thị. Sư từ giả
10 Tướng Công bước ra cửa. Sau đó Vương gọi: Hòa
11 thượng. Sư quay đầu lại, Vương gõ cột 3 cái. Sư
12 lấy tay vẽ hình tròn. Lại 3 lần Thế (khoát tay 3 cái)
13 rồi đi. Sau Sư ở chùa Đại Tịch ở Võ Xương. Một
14 hôm đại chúng tham vấn buổi chiều, Sư thấy mọi
15 người đến, không hỏi vị đến trước mà bảo chúng
16 rằng: Đại chúng vừa đến tiếng động đi đâu? Có
17 một vị Tăng đứng dậy chỉ đầu. Sư nói: Cần trọng.
18 Vị Tăng ấy sáng hôm sau lại đến tham vấn, Sư bèn
19 nằm xoay mặt vào vách, rên hừ hừ bảo rằng 3 ngày
20 nay ta không an vui lắm, Đại Đức có đem thuốc
21 theo chăng, cho Lão Tăng chút ít. Vị Tăng lấy tay
22 vỗ Tinh Bình nói: Cái Tinh Bình này ở đâu mà
23 đến? Sư nói: Cái đó từ Lão Tăng đến, Đại Đức đến
24 chỗ nào? Vị Tăng đáp cũng là chỗ Hòa thượng đến,
25 cũng là con đến. Niên hiệu đời Đại Hòa năm thứ 4,
26 tháng 10 Sư thị tịch, thọ 82 tuổi.

27 **18. Thiền sư Trí Thường trụ chùa Qui Tông**

ở Lô Sơn.

Sư lên Pháp đường nói rằng: Từ xưa các Cổ đức chẳng phải không hiểu biết bậc cao thượng kia chẳng đồng kẻ tầm thường. Nay thì chẳng thể tự thành tự lập, uổng, phí thời gian. Các ông chớ dụng tâm lắm. Không ai thay thế các ông, cũng không có chỗ các ông dụng tâm, chớ tìm cầu ở khác. Từ trước chỉ là nương người khác mà hiểu. Nói ra đều ngăn trệ, ánh sáng không thấu qua, chỉ vì trước phải có vật. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là huyền chỉ? Sư nói không có người hiểu được. Vị Tăng nói: Hướng thế nào? Sư nói có hướng liền trái. Vị Tăng nói chẳng hướng thì sao? Sư nói ai cầu huyền chỉ? Lại nói: Bỏ chỗ không dụng tâm của ông đi. Vị Tăng nói há không có môn phương tiện khiến người học được vào. Sư nói lực diệu trí của Quán Âm có thể cứu khổ thế gian. Vị Tăng hỏi thế nào là lực diệu trí của Quán Âm? Sư gõ vào nắp vạc 3 lần rồi hỏi: Ông có nghe chẳng? Vị Tăng nói: Nghe. Sư nói: Sao ta chẳng nghe. Vị Tăng không đáp. Sư dùng gậy đuổi đi. Sư và Nam Tuyên cùng đi. Sau một hôm từ biệt uống trà xong Tuyên hỏi: Từ trước đã cùng Sư huynh bàn bạc ngữ cú kia đây đã biết, sau nếu có người hỏi việc rốt ráo thì thế sao. Sư nói: Đó là 1 cái giường trong một am cao vót Tuyên nói am tranh cao vót đã đặt việc rốt ráo ra sao? Sư bèn đập âm trà mà đứng dậy. Tuyên hỏi: Sư huynh uống trà đi, Phổ Nguyễn không hề uống

1 trà. Sư nói: Nói lời ấy giọt nước tiêu không được.
2 Vị Tăng hỏi việc đã lâu xa dụng tâm thế nào. Sư
3 nói da trâu ý cột sừng, cột sừng kêu chiêm chiếp,
4 phàm tai nghe chẳng nghe, nói Thánh cười ha ha!
5 Sư nhân Tục Quan đến bàn lấy mũ đội 2 lần, rồi
6 hỏi: Hiểu chẳng? Tục quan nói chẳng hiểu. Sư nói
7 chớ lo đầu Lão Tăng không đội mũ được. Sư vào
8 vườn hái rau. Vẽ một vòng tròn quanh một cây bảo
9 chúng rằng: Không được chạm vào cái ấy. Chúng
10 chẳng dám động vào. Lát sau sư lại đến thấy rau
11 vẫn còn, bèn lấy gậy đuổi chúng vị Tăng bảo rằng
12 cả đám người này không một ai có trí tuệ sao? Sư
13 hỏi 1 vị Tăng mới đến từ đâu tới. đáp: Con phượng
14 bay đến. Sư hỏi có đem cái đó đến chẳng? Vị Tăng
15 nói có đem đến. Sư hỏi ở đâu? Vị Tăng dùng tay
16 làm ra vẽ bụng đầu lên trình. Sư bèn đưa tay nhận
17 lấy rồi ném sau lưng. Vị Tăng không nói gì. Sư bảo
18 con chồn hoang này! Sư đang cắt cỏ, có một người
19 giảng vị Tăng đến tham vấn, bỗng có 1 con rắn bò
20 ngang Sư liền dùng bừa chặt đứt. Vị Tăng nói:
21 Nghe danh Tiếng đã lâu vốn là Sa môn thô hạnh
22 này. đáp: Tọa chủ về phòng uống trà đi. Vân Nham
23 đến tham vấn. Sư làm ra vẽ kéo dây cung. Nham
24 hỏi lâu ra làm vẽ dùng kiếm chém đứt. Sư nói đến
25 chậm quá. Có vị Tăng đến từ giả Sư. Sư gọi đến
26 gần bảo. Ta nói Phật pháp cho ông nghe. Vị Tăng
27 đến trước. Sư nói: Ông và mọi người đều có việc,
28 lúc khác ông hãy đến lúc đó không ai biết ông bấy

1 giờ trong đường lạnh khéo làm. Sư lên Pháp
2 Đường bảo rằng: Nay muốn nói Thiền, các ông hãy
3 đến gần đây. Đại chúng đến gần. Sư nói: Các ông
4 có nghe hạnh Quán Âm khéo ứng ở mọi nơi. Có vị
5 Tăng hỏi: Thế nào là Hạnh Quán Âm? Sư bèn búng
6 ngón tay bảo: Các vị có nghe chẳng? Vị Tăng nói
7 nghe. Sư bảo: Một đám vị ở trong đó mà tìm kiếm
8 cái gì. Rồi lấy gậy đuổi đi và cười lớn mà trở về
9 phương trượng. Có vị Tăng hỏi kẻ sơ tâm làm sao
10 được chỗ vào? Sư đưa gõ vào nắp vạc ba cái lên 3
11 lần rồi hỏi: Có nghe chẳng? Vị Tăng nói nghe. Sư
12 nói sao ta chẳng nghe. Sư lại gõ 3 cái rồi hỏi có
13 nghe chẳng? Vị Tăng nói không nghe. Sư bảo sao
14 ta lại nghe. Vị Tăng không đáp được Sư nói sức
15 Lực diệu trí của Quán Âm có thể cứu khổ thế gian.
16 Thứ Sử Giang Châu là Lý lặc hỏi Sư rằng: Trong
17 giáo nói về núi Tu di chứa hột cải thì con chẳng
18 chẳng nghi, còn hột cải chứa núi Tu Di chẳng phải
19 là nói dối ư? Sư nói: Có người đồn Sứ quân đọc
20 hàng vạn quyển sách phải không? Lý đáp: Đúng.
21 Sư nói: Sờ từ đầu đến chân chỉ lớn bằng trái dừa
22 thì vạn quyển sách chứa ở thì đâu? Lý cúi đầu mà
23 lui. Hôm khác Lý Bột lại hỏi: Đại Tạng giáo nói
24 được việc gì sư đưa năm tay lên hỏi hiểu chẳng?
25 Lý nói không hiểu. Sư nói: Cái đó chỉ năm tay to
26 mà không hiểu. Lý nói: Xin Sư chỉ dạy. Sư nói:
27 Gặp người thì giữa đường trao cho, nếu không gặp
28 thì Thế đế truyền khắp. Sư vì mắt có bệnh mà lấy

thuốc chà xác đến đôi vành mặt đều đỏ. Nên thế
gian: Gọi là Xích nhãn qui tông. Sau Sư thị tịch
vua ban Thụy hiệu là chí chân Thiên sư.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 8

* Thiền sư Hoài Nhượng sau đời thứ 2, có 56 vị. Đề tử nổi Pháp Mã Tổ (43 vị thấy có ghi lục)

1. Thiền sư Vô Nghiệp ở phần châu
2. Thiền sư Quảng Trùng ở Đại Đồng lễ châu
3. Thiền sư Phổ Nguyên ở Nam Tuyên Trì Châu
4. Thiền sư Đặng Ân Phong ở Ngũ Đài
5. Hòa thượng Phật Áo ở Ôn Châu
6. Hòa thượng Ô Cữu
7. Hòa thượng Đại Thiện ở núi Thạch Sương Đàm Châu
8. Hòa thượng Thạch Cữu
9. Hòa thượng Bồn Khê
10. Hòa thượng Thạch Lâm
11. Tọa Chủ Lượng ở Tây Sơn Hồng Châu
12. Hòa thượng Hắc Nhãn
13. Hòa thượng Mễ Lãnh
14. Tề Phong Hòa thượng
15. Đại Dương Hòa thượng

- 1 16. Hòa thượng Hồng Loa núi
- 2 17. Thiền sư Quy Dương Vô Liễu ở Tuyên
- 3 Châu
- 4 18. Hòa thượng Lợi Sơn
- 5 19. Hòa thượng Nhữ Nguyên ở Thiệu Châu
- 6 20. Hòa thượng Tùng Sơn
- 7 21. Hòa thượng Tắc Xuyên
- 8 22. Thiền sư Tây Viên Tây Viên-Nam Nhạc
- 9 23. Hòa thượng Bách Linh
- 10 24. Hòa thượng Kim Ngưu ở trấn châu
- 11 25. Hòa thượng Động An
- 12 26. Hòa thượng đả Địa ở Hân Châu
- 13 27. Hòa thượng Tú Khê ở Đàm Châu
- 14 28. Thiền sư Phong Thần Tạng ở núi Mã Đầu
- 15 Từ Châu
- 16 29. Thiền sư Thiện Giác ở Hoa Lâm Đàm Châu
- 17 30. Hòa thượng Thủy Đường ở Đình Châu
- 18 31. Hòa thượng Cổ Tự
- 19 32. Hòa thượng Tì Thọ ở Giang Tây
- 20 33. Hòa thượng Thảo Đường ở Kinh Triệu
- 21 34. Thiền sư Chân Thúc ở núi Dương Kỳ-Viên
- 22 Châu
- 23 35. Hòa thượng Mông Khê
- 24 36. Hòa thượng Hắc Giản ở Lạc Kinh
- 25 37. Hòa thượng Hưng Bình ở Kinh Triệu
- 26 38. Hòa thượng Tiêu Dao

39. Hòa thượng Phước Khê
 40. Hòa thượng Thủy Lão ở Hồng Châu
 41. Hòa thượng Phù Bôi
 42. Hòa thượng Long Sơn ở Đàm Châu
 43. Cư sĩ Bàng Uẩn ở Tương Châu (43 vị trên đây thấy có ghi lục)
 44. Thiền sư Minh Giác ở núi Thiên Mục
 45. Thiền sư Hành Minh ở núi Vương Ốc
 46. Thiền sư Trí Tạng ở Kinh Triệu
 47. Thiền sư Hy Đảnh ở núi Đại Vương
 48. Thiền sư Định giác ở Côn Sơn Tô Châu
 49. Đại sư Hồng Sơn ở Tuy Châu
 50. Thiền sư Nguyên Đề ở Liên Châu
 51. Thiền sư Vô Liễu ở Tuyên Châu
 52. Thiền sư tuệ Trung ở Tuyên Châu
 53. Thiền sư Hoài Không ở núi An Phong
 54. Thiền sư Đạo Hạnh ở núi La Phù
 55. Thiền sư Pháp tạng ở Lô Sơn
 56. Thiền sư Ninh Bôn ở núi Lữ Hậu
- (13 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục)

*** Đệ tử nổi pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng.**

1. Thiền sư Vô Nghiệp ở Phần Châu:

Sư người ở Thượng Lạc thuộc Thương Châu,

1 họ Đỗ. Lúc xưa mẹ là bà Lý nghe trên hư không có
2 tiếng nói cho ở nhờ được chẳng? Bèn thức giấc mà
3 có thai. Đêm sinh sư có ánh sáng lạ đầy nhà. Tuổi
4 nhỏ, đi thì nhìn thẳng, ngồi thì kiết già. 9 tuổi đến
5 nương Thiền sư Chí Bồn chùa Khai Nguyên mà
6 thọ kinh Đại thừa. 5 hạnh đều tụng thuộc không
7 sót. 12 tuổi cạo tóc, 20 tuổi thọ giới cụ túc với Luật
8 sư U ở Tương Châu. Học tập Luật Tứ Phần sơ vừa
9 xong thì có thể giảng nói, thường vì chúng vị Tăng
10 giảng kinh Niết-bàn, mùa Đông mùa Hạ đều không
11 bỏ. Sau nghe Thiền môn của Mã Đại sư hưng thịnh
12 bèn đến chiêm lễ. Mã Tổ thấy Sư có hình dạng kỳ
13 lạ, tiếng nói như chuông, bèn bảo Phật Đường
14 nguy nga trong ấy không có Phật. Sư quì lạy mà
15 hỏi: Học văn 3 thừa con đã hiểu qua ý chỉ, thường
16 nghe Thiền môn tức tâm là Phật thật chưa được rõ.
17 Mã Tổ nói: Chỉ chưa hiểu rõ tâm, lại không có một
18 vật khác. Sư lại hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc
19 sang mật truyền tâm ấn? Tổ nói Đại Đức đang ở
20 trong ồn ào, lúc khác hãy đến. Sư bèn lui ra. Tổ
21 gọi: Đại Đức! Sư quay đầu lại, Tổ hỏi: Cái gì đó?
22 Sư bèn ngộ mà đánh lễ. Tổ nói: Gã ngu độn lễ bái
23 làm gì?

24 Từ khi được ý chỉ bèn tìm đến Tào Khê lạy tháp
25 Tổ và đến Lô Nhạc, Thiên Thai tìm khắp các
26 Thánh Tích. Từ vùng Lạc đến vùng Ung nghỉ tại
27 chùa Tây Minh, vị Tăng chúng đều thỉnh cầu đảm
28 nhận địa vị Đại đức của hai vùng. Sư nói đây không

1 phải chí ta. Sau Sư đến Thượng Đảng. Tiết Độ Sứ
2 là Lý bảo Chân kính trọng danh hạnh của Sư mà
3 sớm chiều cung phụng. Sư thường có vẻ mỗi một,
4 bảo vị rằng: Ta vốn lánh nơi đông đúc, nay lại bận
5 rộn tiếp quý vị, há là tâm ta ư? Rồi lên núi Bảo
6 Phục. Không bao lâu thì Sư đến ở chùa Kim Các
7 tại Thanh Lương, đọc lại Đại Tạng qua 8 năm thì
8 xong. Lại xuống Nam đến Tây Hà. Thứ Sử Cần
9 Thục Triền mời Sư ở Tịnh xá Khai Nguyên. Sư
10 bảo: Duyên ta ở đây. Do đó mà giảng Đại pháp gần
11 20 năm, Đạo tục ở hai vùng Tịch châu và phần
12 Châu đều được cảm hóa. Những người học đến
13 hỏi, Sư nhiều lần đáp rằng: Đừng vọng tưởng. Vua
14 Đường Hiến Tông nhiều lần sai sứ mời vào triều,
15 sư đều từ bệnh mà chẳng đến. Khi vua Đường Mục
16 Tông lên ngôi, thường nghĩ việc chiêm lễ bèn sai
17 Tăng hai vùng như Lục Linh Phụ v.v... mang chiếu
18 đón rước đến đánh lễ thưa rằng: Hoàng thượng lúc
19 này ân chỉ khác nhau xin Hòa thượng tạm thuận
20 theo ý trời không nên nói bệnh. Sư mỉm cười bảo
21 Bản đạo có đức độ gì mà dám làm phiền chúa
22 thượng. xin Hãy về trước, tôi đi đường khác. Rồi
23 tắm gội cạo tóc, nửa đêm bảo đệ tử là Huệ Âm
24 v.v... rằng: các ông đã thấy nghe tánh giác tri đồng
25 tuổi với Thái hư chẳng sinh chẳng diệt, tất cả cảnh
26 giới vốn tự vắng lặng, không một pháp nào thật có
27 người mê không hiểu biết thì bị cảnh mê hoặc, một
28 khi bị cảnh mê hoặc rồi thì trôi lăn mãi không cùng.

Các ông nên biết. Tâm tánh vốn tự có không do tạo tác, giống như kim cương không thể phá hoại. Tất cả các pháp như bóng như tiếng vang không có thật, cho nên kinh nói.

*Chỉ có một sự thật
Hai khác chẳng phải chân
Luôn biết tất cả không
Chẳng một vật tình này.*

Đó là chỗ dụng tâm của chư Phật, các ông nên siêng thực hành! Nói xong thì ngồi kiết già mà hóa. Ngày lễ trà tỳ mây lành 5 sắc mùi thơm lạ xông khắp, nhật được xá lợi óng ánh như ngọc châu, đệ tử đem giữ trong kim quan. Năm Trường Khánh thứ 3, ngày 21 tháng 12 thì đem chôn ở tháp đá, thọ 62 tuổi, lập được 42. Vua ban thụy là Đại Đạt Quốc sư, Tháp hiệu là Trùng Nguyên.

2. Thiền sư Quảng Trùng ở Đại Đồng, thuộc Lễ Châu:

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là 6 căn diệt mất. Sư nói: Vung kiếm lên hư không chẳng tổn thương vật. Hỏi: Thế nào người xưa nay? Sư nói cũng ngồi mà chẳng biết nhau. Vị Tăng nói: Vì sao đệ tử lễ tạ mà đi? Sư nói: Ngắm viết sâu thương gởi cho ai?

3. Thiền sư Phổ Nguyên ở Nam Tuyên, Trì Châu.

Sư vị Tân Trịnh, Trịnh Châu, họ Vương Năm Đường Chí Đức năm thứ hai Sự thọ nghiệp với

1 Thiên sư Đại Tuệ ở núi Đại Quý. Năm 30 tuổi đến
2 Tung Nhạc thọ giới. Lúc đầu học Tướng Bộ Cự
3 Chương nghiên cứu Tỳ ni. Sau đến các pháp tòa
4 nghe kinh Hoa Nghiêm, Lăng Già. Vào Trung Quán
5 Bách Môn mà tinh luyện huyền nghĩa. Sau đến thất
6 ngài Đại Tịch mà đốn nhiên quên nôm, được Tam-
7 muội Du hý. Một hôm nấu cháo cho chúng Tăng,
8 Mã Đại sư hỏi trong chậu là cái gì? Sư hỏi: Cái đó
9 cụ nói là cái gì? Từ đó kẻ đồng học chẳng dám hỏi
10 chơi. Năm Trinh Nguyên năm thứ 11 dừng nghỉ tại
11 Trì Dương, tự mình làm thiền trai hơn 30 Năm
12 chẳng xuống núi Nam Tuyền. Đầu năm Đại Hòa,
13 Tuyên Thành Liêm Sứ là Lục Công Hoàn nghe
14 Đạo phong của Sư bèn cùng giám quân đồng xin
15 Sư xuống núi, tiếp đãi bằng lễ thầy trò. Sư bèn mở
16 rộng huyền cương. Từ đó học chúng hàng trăm vị,
17 các nơi đều xem là bậc tài giỏi. Một hôm Sư dạy
18 chúng rằng Đạo ấy như như sớm là thay đổi. Thời
19 nay Sư Tăng phải ở trong dị loại mà làm. Qui Tông
20 nói: Làm hạnh súc sinh mà không quả báo súc sinh.
21 Sư hỏi 8 chàng mạnh lại đi đâu. Lúc khác Sư bảo:
22 Hôm qua Văn Thù Phổ hiền canh 3, mỗi người
23 lãnh 20 gậy đuổi ra khỏi viện. Triệu Châu hỏi: Hòa
24 thượng liền chuẩn đánh gậy dạy ai? Sư nói: Lại nói
25 Vương lão Sư đi đâu. Triệu Châu bèn lễ bái mà lui
26 ra. Sư định sáng hôm sau đi dạo trang xá. Đêm ấy
27 thần thổ địa báo trước Trang chủ. Trang chủ chuẩn
28 bị đầy đủ. Sư đến hỏi: Sao biết Lão Tăng đến mà

1 bày nói Thế. Trang chủ nói đêm qua Thần Thổ Địa
2 báo trước Hòa thượng hôm nay đến. Sư nói Vương
3 lão sư tu hành không có năng lực bị quỷ thần nhìn
4 thấy. Có vị Tăng hỏi Hòa thượng đã là Thiện tri
5 thức vì sao bị quỷ thần nhìn thấy. Sư nói Thổ Địa
6 lại bỏ một phần cơm. Lúc khác Sư nói: Giang Tây
7 Mã Tổ nói tức tâm tức Phật, còn Vương lão sư sao
8 chẳng nói không thể là tâm, không phải là Phật,
9 không phải là vật, sao nói lại có lỗi gì? Triệu Châu
10 lẽ bái mà lui. Lúc đó một người Tăng theo hỏi
11 Triệu Châu rằng Thượng tọa lẽ bái rồi có ý gì?
12 Triệu Châu đáp: Ông đi hỏi Hòa thượng. Vị Tăng
13 lên hỏi: Vừa rồi xét Thượng tọa ý thế nào? Sư nói:
14 Ông ấy hiểu được ý chỉ của Lão Tăng. Một sư bung
15 bát lên Pháp đường. Hòa thượng Hoàng bá ở ngồi
16 hàng ghế đầu thấy Sư không đứng dậy. Sư hỏi:
17 Trưởng lão hành Đạo trong Năm nào? Hoàng bá
18 đáp: Thời Phật không Vương. Sư nói cũng là cháu
19 của Vương lão sư ở đây. Một hôm Sư hỏi Hoàng
20 bá rằng vàng ròng làm thế giới, bạc trắng làm xóm
21 làng đây là chỗ ở của người nào? Hoàng bá đáp là
22 nói ở của Thánh Nhân. Sư nói: lại có 1 vị ở cõi
23 nước nào? Hoàng bá liền đứng khoanh tay. Sư nói:
24 Nói không được sao chẳng hỏi Vương lão sư?
25 Hoàng bá liền hỏi: Lại có một người ở cõi nước
26 nào? Sư nói đáng tiếc. Lúc khác Sư lại hỏi Hoàng
27 bá: Định huệ các học lý này ra sao? Hoàng bá nói:
28 Trong suốt mười hai thời giờ chẳng ngưng tựa một

1 vật. Sư nói chẳng phải là chỗ thấy của Trưởng lão
2 sao? Hoàng bá nói: Chẳng sám. Sư nói: Giá nước
3 ép trái cây hãy để đó, tiền giày cỏ dạy ai trả. Sư
4 thấy vị Tăng chặt cây, bèn gõ ngò cây ba lần. Vị
5 Tăng bỏ búa trở về vị Tăng Đường. Sư thì về Pháp
6 Đường. Hồi lâu lại vào Tăng Đường thấy vị Tăng
7 ấy ngồi với y bát. Sư nói: Tên lòng gặt giết vị. Vị
8 Tăng hỏi Sư về trượng thất lấy chỉ nam đâu? Sư
9 nói đêm qua canh 3 mất trâu. Trời sáng thì mất lửa.
10 Sư nhân 2 nhà Đông Tây đều giành nhau con mèo.
11 Sư gặp bạch chúng rằng: Nói được thì cứu sống
12 mèo, nói không được thì chém chết mèo. Chúng
13 không đáp được, Sư bèn chém chết mèo. Lúc ấy
14 Triệu Châu từ ngoài đi vào. Sư nêu câu chuyện
15 trước. Triệu Châu bèn cởi giày đặt trên đầu mà
16 bước ra. Sư nói: Hồi nãy nếu có ông vừa ở đây sẽ
17 cứu được con mèo. Sư ở phương trượng ngồi hơ
18 lửa Sam Sơn. Sư nói không cần chí Đông chí Tây
19 ngay việc này nói đi. Sam Sơn dựng cây củi đang
20 cháy lên đứng khoanh tay. Sư nói tuy là như vậy,
21 nhưng hãy còn cánh một sợi chỉ so với vương lão
22 sư. Có vị Tăng tham hỏi đứng khoanh tay đứng. Sư
23 nói còn thế tục lắm. Vị Tăng ấy bèn chấp tay Sư
24 nói: Lại quá vị Tăng. Vị Tăng không đáp được. Có
25 1 vị Tăng rửa bát, Sư bèn giật bát. Vị Tăng ấy đứng
26 tay không Sư nói bát ở trong tay ông đó, ông nói
27 thì thàm (lầm bầm) cái gì? Vị Tăng không đáp
28 được. Sư bước vào vườn rau thấy 1 vị Tăng, Sư lấy

1 miếng ngói mà ném vị Tăng quay đầu lại, Sư bèn
2 giơ lên 1 chân. Vị Tăng không đáp được. Sư liền
3 trở về phương trượng. Vị Tăng ấy theo vào hỏi
4 rằng: Hòa thượng vừa ném miếng ngói vào con há
5 chẳng phải là cảnh giác con? Sư nói: Đưa chân lên
6 làm gì? Vị Tăng không đáp được. Sư dạy chúng
7 rằng: Vương lão sư này bán mình, ai mua? Một
8 người Tăng nói con mua Sư nói nó không mắc
9 không rẻ ông mua làm gì. Vị Tăng không đáp
10 được. Sư cùng Qui Tông, Ma Cốc đồng đi tham lễ
11 Quốc Sư Nam Dương. Sư trước ở trên đường vẽ
12 một vòng tròn bảo nói được thì đi. Qui Tông bèn
13 vào ngồi giữa vòng tròn. Ma Cốc làm cô gái lạy
14 xuống. Sư hỏi: Sao chẳng đi. Qui Tông nói tâm nào
15 đi. Sư bèn gọi về trở về không đi tham lễ Quốc Sư
16 nữa. Sư hỏi Thần núi làm gì, đáp là đánh lưới. Sư
17 hỏi tay đánh hay chân đánh? Thần núi thưa: Xin
18 Hòa thượng nói. Sư nói rõ ràng nhớ lấy giống y
19 như tác giả? Có một tọa chủ từ giả Sư, Sư hỏi đi
20 đâu? Đáp: Xuống núi. Sư nói thứ nhất chẳng được
21 chê bai Vương Lão Sư. Đáp: Sao dám chê bai Hòa
22 thượng. Sư bèn phun nước hỏi: Nhiều ít Tọa chủ
23 liền ra đi. Một hôm sư đóng cửa phương trượng,
24 lấy tro bỏ quanh ngoài cửa bảo: Nếu có người nói
25 được thì mở cửa. Có người đáp nhưng chưa đúng
26 ý sư. Triệu Châu đáp: Trời xanh. Sư bèn mở cửa.
27 Sư ngắm trăng Có vị Tăng hỏi: Lúc nào giống
28 được, cái ấy. Sư nói Vương lão sư 20 Năm trước

1 cũng đâu đến. Vị Tăng hỏi: Nay thì làm gì? Sư bèn
2 trở về Phương trượng. Lục Hoàn Đại Phu hỏi rằng:
3 Đệ tử từ 6 hộp lại, trong đó lại có thân chăng? Sư
4 nói ghi nhớ rõ ràng hoàn toàn giống như người
5 làm. Lúc lại bảo sư rằng: Hòa thượng rất chẳng thể
6 nghĩ bàn đến thế giới nào cũng đều thành tựu. Sư
7 nói: Vừa rồi đều là phần việc của đại phu. Ngày
8 khác Lục bảo Sư rằng: Đệ tử cũng hiểu sơ Phật
9 pháp. Sư liền hỏi Đại phu trong cả 12 giờ thì làm
10 gì. Lục nói: Tác tư không đeo mang. Sư nói: Hãy
11 còn là dạng dưới thêm. Sư lại nói: Chẳng thấy Đạo,
12 có Đạo Quân vương chẳng thu nạp quan có trí. Sư
13 lên Pháp Đường rồi Lục đại phu nói: Xin Hòa
14 thượng vì chúng nói pháp. Sư nói: Bảo Lão Tăng
15 nói gì). Lục nói: Há Hòa thượng không có phương
16 tiện? Sư hỏi: Nói nó thiếu cái gì. Lục nói vì sao có
17 6 Đường 4 sinh Sư nói: Lão Tăng không dạy nói
18 Lục Đại phu cùng Sư gặp người, Lục giờ hột sức
19 sắc lên bảo rằng: Làm gì chẳng làm gì, làm sao tin
20 là trúng được. Sư cầm hột sức sắc lên bảo: 18 cái
21 đầu thú! Lại có người hỏi: Trong nhà đệ tử có 1
22 tảng đá khi thì ngồi hoặc nằm trên ấy, nay đem tạc
23 tượng Phật được chăng? Sư nói được. Đại phu nói:
24 Chở chẳng được chăng? Sư nói có được chẳng
25 được! Triệu Châu hỏi: Đạo chẳng phải vật ngoài,
26 vật ngoài chẳng phải Đạo, thế nào là vật ngoài
27 Đạo? Sư liền đánh. Triệu Châu cầm gậy giơ lên
28 nói: Từ nay về sau chớ đánh lầm người. Sư nói:

1 Rong rã khó phân biệt, đệ tử khó gặt thầy rồi gọi
2 Viện chủ! Viện chủ: Dạ! Sư nói Phật 90 ngày ở cõi
3 Trời Đạo Lợi vì mẹ nói pháp. Lúc đó vua Ưu Điền
4 nhớ Phật, xin Mục Liên vận thần thông 3 lần đưa
5 thợ lên đó tạc tượng Phật, chỉ tạc được 31 tướng,
6 vì sao tướng Phạm Âm tạc chẳng được? Viện chủ
7 hỏi Thế nào là tướng Phạm Âm? Sư nói kẻ lường
8 gạt giết người. Sư hỏi Duy Na rằng: Hôm nay xin
9 khắp làm gì? Đáp rằng kéo cối xay Sư nói: Cối xay
10 từ ông mà kéo không được đung vào cái cây ở
11 chính giữa cối. Duy Na không đáp được. Một hôm
12 có vị Đại Đức hỏi Sư rằng: Tức tâm là Phật chẳng
13 được phi tâm phi Phật cũng chẳng được, vậy ý Sư
14 thế nào? Sư đáp: Nay Đại Đức lại tin tức tâm là
15 Phật xong, còn nói gì được và chẳng được. Chỉ như
16 Đại Đức ăn cơm xong từ trên nhà Đông xuống nhà
17 Tây chẳng thể hỏi vị được hay chẳng được vậy.
18 Khi Sư ở am có 1 vị Tăng đến, Sư nói tôi sắp lên
19 núi đợi đến giờ trai thì tự làm cơm mà kêu trước
20 xong, đem 1 phần lên trên núi. Ít lâu sau vị Tăng
21 ấy tự kêu, cùng lúc bỏ hết việc nhà đến giường
22 nằm. Sư đợi không thấy đến, liền về am thì thấy vị
23 Tăng ấy nằm, Sư cũng đến nằm 1 bên. Sư bèn đứng
24 dậy đi, Sư đứng sau bảo: Khi trước tôi đến ở am
25 này, đủ 1 Đạo giả lạnh lợi, đến nay chẳng thấy. Sư
26 cầm quả cầu lên hỏi: Cái này sao giống cái ấy. Vị
27 Tăng đáp chẳng giống. Sư nói: Thấy cái này ở đâu
28 mà nói chẳng giống? Vị Tăng nói: Nếu hỏi tôi chỗ

1 thấy thì Hòa thượng hãy buông vật trong tay. Sư
2 nói: Cho ông vốn có một con mắt. Lục Hoàn Đại
3 phu nói với Sư rằng: Pháp Triệu sư rất kỳ lạ Nói
4 muôn vật đồng gốc là chẳng phải 1 thể. Sư chỉ hoa
5 mẫu đơn trước sân nói này đại phu, khi người thấy
6 cây hoa này giống như trong mộng. Lục không
7 hiểu gì. Lục lại hỏi Thiên Vương ở địa vị nào? Sư
8 nói nêu là Thiên vương tức không phải địa vị. Lục
9 nói: Đệ tử nghe nói Thiên vương là ở Sơ địa? Sư
10 nói: Đáng dùng thân Thiên vương để độ thì liền
11 hiện thân Thiên vương mà nói pháp. Lục từ giả trở
12 về Tuyên Thành. Sư hỏi Đại phu đến đó lấy gì trị
13 dân? Lục nói dùng trí tuệ trị dân. Sư nói: Vì sao
14 chỗ ấy tất cả sinh linh đều bị gặp phải tình cảnh
15 lầm than khốn khổ? Sư đến Tuyên Châu. Lục Đại
16 phu ra đón rước, chỉ cửa thành nói rằng: Mọi người
17 đều bảo làm cửa hình tròn chẳng hay Hòa thượng
18 bảo làm cửa hình gì. Sư nói: Nếu Lão Tăng nói sợ
19 nhục phong hóa của Đại phu. Lục nói: Khi Bồ
20 nhiên giặc đến thì biết làm sao? Sư nói Vương lão
21 sư tội lỗi. Lục lại hỏi: Đại Bi Bồ tát dùng ngàn tay
22 ngàn mắt để làm gì? Sư nói: Như Quốc gia dùng
23 Đại phu để làm gì?

24 Sư thiết trai cúng dường mã Đại sư, hỏi chúng
25 rằng: Mã Đại sư có đến chẳng? Chúng không đáp.
26 Động Sơn nói đợi có bạn liền đến. Sư nói: Ông tuy
27 là vị hậu sinh, mà rất ưa trở tài. Động Sơn nói: Hòa
28 thượng chớ giấu tài làm gì. Sư giặt áo kể có vị Tăng

1 hỏi Hòa thượng cũng có cái ấy. Sư đưa áo lên nói:
2 Mặc cái ấy ra sao. Sư hỏi vị Tăng Lương Khâm
3 rằng: Ở kiếp không có Phật chẳng? Đáp: Có, Sư
4 hỏi: Ai vậy? Đáp: Lương Khâm. Sư hỏi ở cõi nước
5 nào thì không đáp. Có vị Tăng hỏi Tổ, Tổ truyền
6 nhau thì truyền cái gì? Sư nói 1 2 3 4 5. Hỏi thế
7 nào là đáy gốc của người xưa. Sư bảo đợi có liên
8 nói. Vị Tăng hỏi: Vì sao Hòa thượng nói dối. Sư
9 bảo ta chẳng nói dối. Lô hành giả mới nói dối. Hỏi
10 trong mười hai canh giờ lấy gì làm cảnh, hai sư nói:
11 Sao chẳng hỏi Vương lão sư ? Vị Tăng nói hỏi rồi.
12 Sư nói lại từng cùng ông làm cảnh sao? Có vị Tăng
13 hỏi: Hoa sen xanh chẳng theo lúc gió lửa mà tan là
14 sao? Sư nói không có gió lửa chẳng theo là sao? Vị
15 Tăng không đáp. Sư liền hỏi: Khi chẳng nghĩ thiện
16 chẳng nghĩ ác nghĩ chung chẳng sinh là mặt mũi
17 xưa nay của ta chẳng? Vị Tăng nói: Không cho nó
18 lộ ra. Sư hỏi tọa chủ rằng: Ông giảng kinh cho ta
19 nghe được chẳng? Đáp: Tôi giảng kinh cho Hòa
20 thượng nghe, Hòa thượng phải nói thiên cho tôi
21 nghe mới được. Sư nói không thể đem đạn vàng
22 mà đổi lấy đạn bạc được. Tọa chủ nói: Tôi chẳng
23 hiểu. Sư nói: Ông nói trên hư không có 1 đám mây
24 là đóng đỉnh treo nó hay dây cột nó? Hỏi trong hư
25 không có 1 viên ngọc làm sao lấy nó? Sư nói: Chẻ
26 tre làm thang bắc lên hư không mà lấy? Vị Tăng
27 hỏi: Trong hư không làm sao bắc thang? Sư hỏi:
28 Ông định làm sao lấy? Vị Tăng từ giã hỏi rằng:

Con đến các nơi, nếu có người hỏi Hòa thượng những ngày gần đây làm gì, con trả lời thế nào? Sư nói: Nói với họ ngày gần đây ta thôi đánh nhau. Vị Tăng hỏi làm gì. Sư đáp: 1 võ 2 mất. Hỏi khi cha mẹ chưa sinh thì mũi ở đâu? Sư hỏi: Vậy cha mẹ đã sinh thì mũi ở đâu. Khi Sư sắp tịch, Đề nhất tọa hỏi Hòa thượng khi mất sẽ đi đâu? Sư nói: Làm con bò đực ở dưới núi. Vị Tăng hỏi con theo Hòa thượng được chăng? Sư nói: Nếu ông theo ta thì ngậm 1 cây cỏ đến đây. Sư thị hiện bị bệnh. Năm Đại Hòa năm thứ 8 (giáp dần) ngày 25 tháng 12, buổi sáng Sư bảo học trò rằng: Sao mù đèn huyền cũng lâu rồi, chớ bảo ta có tới lui. Nói xong thì tịch, thọ 87 tuổi, lập được 58. Mùa xuân năm sau thì nhập tháp.

4. Thiền sư Ấn Phong ở núi Ngũ Đài.

Sư người ở Võ, Phúc Kiến, họ Đặng. Thuở nhỏ không thông minh lắm cha mẹ cho xuất gia. Lúc đầu đến chỗ Mã Tổ nhưng chưa có thể tỏ ngộ. Sau lại đến Thạch đầu, hai phen vẫn chưa thấy gì. Cuối cùng lại về với Mã Đại sư mà được khế hội. Khi Sư ở Thạch Đầu, hỏi rằng: Thế nào là được hợp đạo? Thạch Đầu nói: Ta cũng chẳng hợp Đạo. Sư hỏi rốt ráo thế nào? Thạch Đầu nói: Ông bị cái đó bao lâu rồi. Một hôm Hòa thượng Thạch Đầu cắt cỏ, Sư ở bên trái khoanh tay mà đứng. Thạch Đầu ném cái liềm trước mặt Sư mà cắt 1 cây cỏ. Sư hỏi

1 Hòa thượng có cắt được cái đó không? Thạch Đầu
2 giơ cái liềm lên. Sư tiếp lấy cái liềm và làm ra vẻ
3 cắt cỏ. Thạch Đầu nói: Ông chỉ cắt được cái đó mà
4 chẳng biết cắt được cái này ư. Sư không đáp được.
5 Một hôm Sư đẩy xe đất, Mã Đại sư ngồi xoạc chân
6 trên đường. Sư nói xin Thầy rút chân lại. Đại sư
7 nói: Ta xoạc ra thì chẳng rút lại, Sư nói đã tiến thì
8 không lùi rồi đẩy xe cán qua. Chân Đại sư bị
9 thương, Đại sư về Pháp Đường cầm búa nói: Vừa
10 rồi cán chân Lão Tăng bị thương sao còn đến đây?
11 Sư bèn đưa cỏ ra trước Đại sư. Đại sư bèn ném búa.
12 Sư đến Nam Tuyên thấy chúng vị Tăng tham vấn.
13 Nam Tuyên chỉ Tịnh Bình nói: Cái bình đồng này
14 là cảnh, trong bình có nước, chẳng được đựng đến
15 cảnh mà đem nước lại cho Lão Tăng. Sư bèn cầm
16 tịnh bình đến trước mặt Nam Tuyên mà đổ nước
17 xuống. Nam Tuyên bèn thôi. Sau Sư đến Qui Sơn,
18 để y bát trên đầu thượng tọa. Qui Sơn nghe Sư thúc
19 đến bèn đủ oai nghi mà đón nước, Sư thấy đến bèn
20 giả nằm ngủ. Qui Sơn liền trở về phương trượng.
21 Sư bèn bỏ đi. Lát sau Qui Sơn hỏi thị giả: Sư thúc
22 ở đâu? Đáp: Đi rồi. Qui Sơn hỏi khi đi có nói gì
23 không? Đáp: Chẳng nói gì cả. Qui Sơn nói: Chớ
24 bảo là không nói, tiếng ấy như sấm vang! Mùa
25 đông Sư ở núi Tung Nhạc, mùa hạ nghỉ ở Thanh
26 Lương. Trong Năm Đường Nguyên Hòa còn lên
27 núi Ngũ Đài. Đường đi ra đất Hoài Tây Thuộc Ngô
28 Nguyên Tế đem binh chống lệnh vua. Quan quân

1 và giặc đánh nhau chưa phân thắng bại. Sư nói ta
2 đến để giải cứu nạn này. Bèn quăng tích trượng lên
3 hư không phi thân bay đến, quân 2 bên thấy vậy thì
4 tâm đánh nhau liền dứt. Sư đã hiện bày thần dị lo
5 sợ thành việc mê hoặc mọi người bèn ẩn vào Ngũ
6 Đài ở hang kim cang. Trước lúc sắp mất Sư hỏi
7 chúng rằng: Vị các nơi khi thiên hóa hoặc ngồi
8 hoặc nằm ta đều thấy, còn đứng mà hóa thì không.
9 Chúng đáp: Có. Sư hỏi lại có đứng ngược chằng
10 (lộn đầu xuống đất). Chúng đáp không hề có. Sư
11 bèn đứng ngược mà hóa. Nhưng áo quần vẫn ôm
12 sát vào người. Lúc đó chúng bàn việc Trà tỳ thì vẫn
13 sừng sững bất động. Xa gần đến chiêm lễ đều khen
14 ngợi, không ngớt. Sư có cô em gái làm Ni, lúc đó
15 đến bên Sư than rằng: Lão huynh khi sống chẳng
16 theo pháp luật, chết rồi còn mê hoặc người sao?
17 Bèn đưa tay xô thì ngã xuống. Sau đó trà tỳ, nhặt
18 xá lợi mà xây tháp thờ.

19 **5. Hòa thượng Phật Áo ở Ôn Châu.**

20 Bình thường, khi thấy người đến thì sư chống
21 gậy xuống đất nói rằng: Trước Phật cũng như thế,
22 sau Phật cũng như thế. Có vị Tăng hỏi:

23 Ngay lúc ấy thì làm sao? Sư vẽ 1 vòng tròn. Vị
24 Tăng giả làm cô gái lạy xuống, Sư bèn đánh. Vị
25 Tăng hỏi thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói giặc,
26 giặc. Vị Tăng hỏi thế nào là dị hoại? Sư giơ chén
27 lên gọi: Hoa nô, Hoa nô ăn cơm đi?

6. Hòa thượng Ô Cữu.

Có 2 thượng tọa là Huyền và Thiệu từ Giang Tây đến tham vấn Sư. Sư hỏi: 2 Thiền Bá từ đâu đến vị Tăng nói từ Giang Tây đến. Sư liền cầm gậy đánh. Huyền nói từ lâu đã biết Hòa thượng có cơ yếu này. Sư nói ông đã chẳng hiểu. Vị Tăng đứng sau chỉ đứng nhìn. Khi vị Tăng đứng sau định đến gần thì Sư liền đánh và bảo rằng tin biết cùng 1 lỗ không khác đất (Tham Đường đi).

7. Hòa thượng Đại thiện ở núi Thạch Sương Đàm Châu.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói ngày xuân gà gáy. Vị Tăng nói đệ tử chẳng hiểu. Sư nói Trung Thu chó sủa. Sư lên Pháp Đường nói: Đại chúng ra đây ra đây, Lão Tăng có pháp yếu trăm Năm sau chẳng lụy ông. Chúng thưa: Xin Hòa thượng nói. Sư nói: Chẳng tiêu 1 đồng lửa. Đông Sơn hỏi: Trước ghé 1 đũa bé thật là biết việc, như nay chẳng thấy đi đâu? Sư nói: Lửa cháy trên hồ chẳng được, trở về thế giới Thanh Lương đi.

8. Hòa thượng Thạch Cữu:

Từ trước tham vấn Mã Tổ, Tổ hỏi từ đâu tới? Sư nói: Từ Ô Cữu đến. Tổ hỏi: Ô Cữu những ngày gần đây có câu nói gì? Sư nói: Mấy người ở đây mịt mù. Tổ nói: Mịt mù hãy gác lại, lặng yên 1 câu là thế nào? Sư bước đến trước Sư 3 bước. Tổ nói

ta có 7 gậy gỏi đánh Ô Cữu, ông có chịu chăng?
Sư nói Hòa thượng ăn đòn trước, con chịu sau. Rồi
trở về Ô Cữu.

9. Hòa thượng Bồn Khê:

Bàng Cư sĩ hỏi rằng: Đơn Hà đánh thị giả có ý
gì? Sư nói Đại Lão ông thấy chỗ hay dở của vị. Cư
sĩ nói: Vì tôi và ông đồng tham nên mới dám hỏi.
Sư nói sao không từ đầu cùng bàn bạc. Cư sĩ nói:
Đại Lão ông chẳng thể nói chuyện với Sư về việc
phải quấy của vị. Sư nói nghĩ ông tuổi đã già. Cư
sĩ nói tội quá, tội quá!

10. Hòa thượng Thạch Lâm:

Một hôm Bàng Cư sĩ đến. Sư bèn chống phát
trần nói: Chẳng rơi vào Cơ của Đơn Hà thử nói 1
câu Cư sĩ giật lấy cây phát trần rồi đưa lên 1 nắm
tay. Sư nói chính là Cơ của Đơn Hà. Cư sĩ nói cùng
ta chẳng rơi xem. Sư nói Đơn Hà sợ cam còn Bàng
ông sợ điếc. Cư sĩ nói khớp rồi, khớp rồi! Sư không
nói. Cư sĩ hỏi vừa nói cái gì đó Sư cũng làm thình.
Một hôm Sư hỏi: Cư sĩ rằng: Tôi có mượn câu hỏi,
Cư sĩ không tiếc câu nói. Cư sĩ bảo: Xin nói đi. Sư
nói: Xưa nay là tiếc câu nói. Cư sĩ nói: Cái đó hỏi
thì bất giác là lạc vào tiện nghi khác. Sư bèn bịt tai
mà thôi. Cư sĩ nói: Tác gia, tác gia.

11. Tọa chủ Lượng ở Tây sơn thuộc Hồng Châu:

Vốn người ở đất Thục, chuyên về giảng kinh luận. Nhân tham vấn Mã Tổ, Tổ hỏi nghe nói tọa chủ giảng được kinh luận phải không? Lượng nói: Chẳng dám. Tổ hỏi lấy gì mà giảng? Lượng nói: đem tâm mà giảng. Tổ nói tâm như thợ tài, ý như hòa với tài làm sao hiểu mà giảng được kinh. Lượng cãi lại: Tâm đã giảng chẳng được thì hư không giảng được chẳng? Tổ nói tức là hư không giảng được. Lượng không chịu liền định xuống thêm. Tổ gọi Tọa chủ. Lượng quay đầu lại bỗng nhiên đại ngộ liền lễ bái. Tổ nói, Sư độn y kia lễ bái làm gì? Lượng trở về chùa bảo thánh chúng rằng: Tôi giảng kinh luận nói là không ai bằng. Nay bị 1 câu hỏi của Mã Đại sư thì công phu bình sinh đều tiêu tan hết rồi. Bèn ẩn vào Tây Sơn không còn tin tức gì.

12. Hòa thượng Hắc Nhãn.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là chẳng phải thầy xuất thế? Sư đáp: Cây gậy của thiện tai.

Hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Sư nói: 10 Năm lão bán than chẳng biết chấm khắc bên đòn cân?

13. Hòa thượng Mã Lãn.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là việc của nạp y? Sư nói: Xấu xa mặc ông ganh, chẳng đeo sắc rắng mây. Khi Sư sắp mất có để lại 1 bài kệ rằng:

Tổ Tổ chẳng nghĩ bàn

*Chẳng hứa mãi ở đời
Đại chúng khéo suy tư
Rốt ráo chỉ cái ấy.*

14. Hòa thượng Tê Phong.

Một hôm Bàng cư sĩ vào viện.

Sư nói: Người tục thường vào vị Tăng viện dò xét cái gì?

Cư sĩ quay đầu nhìn 2 bên hỏi ai nói gì, ai nói gì?

Sư bèn hét lớn. Cư sĩ nói: Ở trong đó.

Sư nói: Không phải là Đương Dương nói chẳng?

Cư sĩ nói: Sau lưng kia.

Sư quay đầu nói xem xem.

Cư sĩ nói: Giặc cỏ thua, giặc cỏ thua.

Sư không đáp.

Cư sĩ lại hỏi: Đây cách phong Đảnh mấy dặm?

Sư hỏi: Ở đâu đến đây.

Cư sĩ nói: Cao và cứng rất đáng sợ chẳng được hỏi.

Sư hỏi nhiều ít.

Cư sĩ nói: 1, 2, 3.

Sư nói 4, 5, 6.

Cư sĩ hỏi sao chẳng nói 7?

Sư nói vừa nói 7 lại có 8.

Cư sĩ nói được đây được đây.

1 Sư nói mặc tình thêm 1.

2 Cư sĩ bèn hét mà đi.

3 Sư đi theo sau cũng hét.

4 ***15. Hòa thượng Đại Dương.***

5 Trong lần Thiền sư y tham vấn. Sư nói Thiền y
6 gần đây có một số Thiền sư ở lấy việc trước mà
7 dạy người, lấy việc trước mắt làm người ấy, lại hội
8 văn thể khi chưa bói cũng không. Y nói: Con trong
9 ấy có 1 câu hỏi, hỏi Hòa thượng chẳng biết được
10 không? Sư nói: Đáp ông đã rõ chớ nói được không.
11 Y nói lại biết được trước mắt cũng chưa. Sư hỏi
12 trước mắt biết làm gì .Y nói: Lại cần gặp người
13 xem xét. Sư hỏi ai? Y nói: Con. Sư bèn hét lớn. Y
14 lui bước mà đứng. Sư nói: Ông chỉ biết ngó trước
15 mà chẳng biết nhìn sau. Y nói: Tuyệt lại thêm
16 sương. Sư nói: Kia đây không tiện nghi.

17 ***16. Hòa thượng núi Hồng Loa, thuộc U*** 18 ***Châu.***

19 Có bài tụng dạy Đệ tử rằng:

20 Núi Hồng Loa ở gần mọi Di Người được độ
21 phần nửa là sao Cùng nói hỏi hoàn toàn hiểu Đáng
22 thương chỉ hiểu có cái này.

23 ***17. Thiền sư Vô Liễu, trụ núi Qui Dương*** 24 ***Tuyền Châu.***

25 Sư người Hồng Đường Hồ Công, thuộc huyện
26 Phủ Điền họ thẩm. Năm 7 tuổi cha dặt vào Viện

Bạch Trọng xem như ở nhà, bèn xuất gia. Đến 18 tuổi thì xuống tóc thọ giới cụ túc ở chùa Linh Nham. Sau tham vấn với Thiền sư ở Đại Tịch mà thông đạt kế thừa nghiệp Tổ, liền trở về Bồn viện. Ở phía Bắc viện đường hái củi mất dấu. Một hôm Sư chống gậy vạch cỏ rậm mà đi, gặp con rùa lớn có 6 mắt, lát sau mà mất. Bèn cất am ở núi này, do đó đời gọi là Hòa thượng Qui Dương. Một hôm có con hổ đuổi con nai chạy vào am. Sư lấy gậy đuổi con hổ mà bảo vệ nai. Khi sắp tịch có nói kệ rằng:

*Tám mươi Năm lo việc Đông Tây
Đến nay chẳng cần ông đầu bạc
Chẳng dở chẳng hay chẳng lớn bé
Lại cùng mọi người tánh giống nhau
Không đến không đi cũng không trú
Hiếu rõ xưa nay tự tánh không.*

Nói kệ xong thì an nhiên thị tịch. Chôn ở chánh đường gần hai mươi Năm, bị suối núi làm chìm mất, học trò mở tháp ra thì thấy toàn thân nổi trong nước. Mân Vương nghe biết, sai sứ rước vào sân phủ cúng dường. Bỗng nghe mùi hôi thúi từ xa. Vương đốt hương khấn vái rằng: Có thể dời Qui Dương về chỗ cũ mà xây tháp thờ chăng, khấn xong thì mùi thơm lạ xông khắp, cả thành đều đến chiêm lễ. Bồn Đạo dâng thụy là Chân Tịch Đại sư, tháp hiệu Linh Giác. Sau đệ tử là tuệ Trung gặp Trùng Thái mất ở Bạch y, bèn chôn ở phía Đông tháp Sư cách hai trăm bước, gọi là Tháp Đông. Nay

ở Qui Dương có hai chân thân, dân chúng nương
cậy như sự cảm hóa để lại của Tăng già. Còn tuệ
Trung thì đắc pháp với Hòa thượng Thảo Am như
trong chương này có nói rõ.

18 Hòa thượng Lợi Sơn.

Có vị Tăng hỏi: Các Sắc về không, còn không
thì về đâu? Sư nói: Cái lưỡi chẳng lọt ra khỏi
miệng. Vị Tăng hỏi: Vì sao chẳng ra khỏi miệng?
vị Sư nói: Trong ngoài như một. Vị Tăng hỏi:
Chẳng trái qua Tăng kỳ mà được pháp thân, xin sư
chỉ thẳng. Sư nói: Con đệ tử nổi pháp nghiệp cha.
Vị Tăng hỏi phải hiểu thế nào? Sư nói: Đầy ải giết
chóc chẳng lập bày. Vị Tăng hỏi vì sao Đại chúng
có chỗ nương cậy. Sư nói: Đại chúng đã bỏ, pháp
thân làm gì? Vị Tăng không đáp được. Sư nói: Ông
hỏi đi ta đáp. Vị Tăng liền hỏi: Thế nào là pháp
thân? Sư nói là hoa đóm trong hư không, ánh nắng
như nước vị Tăng hỏi: Thế nào là ý tổ sư từ Tây
Trúc đến. Sư nói chẳng thấy Thế nào. Vị Tăng hỏi
vì sao như vậy. Sư bảo chỉ vì như vậy.

19. Hòa thượng Nhữ Nguyên ở Thiệu Châu.

Sư lên Pháp đường nói rằng: Ý Tây Trúc đến
rõ ràng chẳng ngại gì khó nói. Đại chúng không có
ai nói được đi ra thử nói xem. Có một người Tăng
ra vừa lạy thì Sư liền đánh bảo: Lúc nào ló đầu ra?
Khi Sư thấy Ngưỡng Sơn còn làm Sa di ngồi tụng
kinh, Sư hét rằng: Sa di này tụng kinh giống như

tiếng khóc. Ngưỡng Sơn nói tuệ Tịch tụng kinh giống như khóc, chẳng biết Hòa thượng ra sao. Sư bèn quay đầu nhìn lại mà thôi.

20. Hòa thượng Tùng Sơn:

Một hôm Sư mời Bàng cư sĩ uống trà. Cư sĩ đưa cái khay trà lên nói: Mọi người đều có phần, vì sao nói không được. Sư nói: Chỉ vì mọi người đều có, do đó nói chẳng được. Cư sĩ nói: Vì sao huynh nói được? Sư nói: Chẳng thể không nói. Cư sĩ nói rõ ràng rõ ràng! Sư liền uống trà. Cư sĩ hỏi: Sư huynh uống trà sao chẳng mời khách? Sư hỏi ai? Cư sĩ nói: Ông Bàng. Sư nói đâu cần mời. Sau Đơn Hà nghe việc bảo rằng: Nếu không phải Tùng Sơn thì mấy ai bị ông họ Bàng kia làm loạn mất. Cư sĩ nghe nói bèn nhờ người nhắn với Đơn Hà rằng: Sao chẳng hiểu khi chưa giờ cái khay trà lên?

21. Hòa thượng Tắc Xuyên:

Bàng cư sĩ gặp Sư, Sư nói có nhớ lúc xưa khi gặp Thạch Đầu nói lý chẳng? Cư sĩ nói: Cũng được Sư nhắc lại. Sư nói: Tình biết tham lâu việc đã lớn. Cư sĩ nói: Ôi Lão sư đã già chẳng phải chỉ Bàng ông. Sư nói: 2 cái đó đồng thời đâu có khác nhau. Cư sĩ nói: Bàng ông nhanh nhạy thắng Sư. Sư nói: Chẳng phải hơn ta chỉ là sau ông 1 cái khăn bịt đầu. Cư sĩ nói: rất giống với Sư. Sư liền cười lớn. Một hôm Sư vào vườn hái trà. Bàng Cư sĩ nói pháp giới chẳng dung thân, Sư có thấy ta chẳng? Sư nói

chẳng phải lão sư sợ đáp lời ông. Cư sĩ nói: Có hỏi
có đáp vì là (bình) thường. Sư bèn hái trà chẳng
thêm nghe. Cư sĩ nói: Chớ lạ vì rồi nêu ra tất cả
mọi điều trước người sáng mắt hỏi dễ dàng. Sư
cũng chẳng thêm ngó. Cư sĩ hét cái lão già chẳng
có lẽ nghi ngại ta Sư liền ném giỗ trà trở về phương
trượng.

22. Thiền sư Đàm Tạng ở Lan Nhã Tây Viên Nam Nhạc.

Sư vốn được tâm ấn từ Thiền sư Đại Tịch. Sau
yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu mà được rộng
sáng thấu suốt. Năm Đường Trinh Nguyên năm
thứ hai, Sư lên ở trên đỉnh Hoành Nhạc cao vót nên
ít vị tham vấn. Vì chân đen bèn dời về ở Tây Viên,
mà bạn Thiền rất đông. Một hôm Sư đào ao. Vị
Tăng hỏi sao không sai Sa di. Sư bèn vỗ tay 3 cái.
Sư có nuôi một con chó khôn. Hằng đêm đi kinh
hành, con chó ngậm áo Sư. Sư liền về phòng, lại
nằm giữ bên cửa mà sữa. Bỗng chó nhiều lần sữa
dữ. Sáng hỏi ra thì phía Đông nhà bếp có con rắn
lớn dài mấy trượng, há miệng phun khí độc phù
phù. Thị giả mời sư tránh đi. Sư nói chết đâu trốn
được. Nó đem độc đến thì ta lấy từ bi mà nhận, độc
không có tánh thật, kích phát thì gượng ép, từ đâu
vô duyên oan thân một đường. Nói xong thì rắn
dữ cúi đầu từ từ bò đi bỗng nhiên chẳng thấy. Lại
1 hôm có bọn trộm vào. Con chó cũng ngậm áo Sư.

1 Sư bảo trộm rằng: Trong am tranh có vật gì vừa ý
2 thì cứ lấy không hề tiếc. Trộm cảm lời nói mà cúi
3 đầu bỏ đi.

4 **23. Hòa thượng Bách Linh:**

5 Một hôm giữa đường gặp Bàng cư sĩ. Sư hỏi:
6 Ngày xưa Cư sĩ từ ngài Nam Nhạc được câu có ý
7 nghĩa đã từng nêu với người chưa? Cư sĩ nói nêu
8 rồi. Sư hỏi với ai. Cư sĩ lấy tay chỉ trả đáp ông
9 Bàng. Sư nói: Thật là Diệu Đức không sinh buồn
10 cho Cư sĩ chẳng tới. Cư sĩ liền hỏi: Sư được Lực
11 cú ai biết. Sư liền đội nón mà đi. Cư sĩ nói khéo mà
12 đi đường. Sư đi một mạch không ngó lại.

13 **24. Hòa thượng Kim Ngưu ở Trấn Châu.**

14 Sư tự làm com cúng dường chúng Tăng. Mỗi
15 khi đến giờ trai thì đem 1 thùng com đến trước trai
16 đường múa mà gọi rằng Bò tát ra ăn com. Vừa múa
17 tay và cười lớn ngày nào cũng thế.

18 **25 Hòa thượng Động An:**

19 Có vị Tăng từ giả Sư, Sư nói: Đi đâu? Vị Tăng
20 nói: Vốn chẳng có chỗ đi. Sư nói lành thay Xà Lê.
21 Vị Tăng nói chẳng dám chẳng dám. Sư nói đến các
22 nơi nêu rõ. Có vị Tăng đứng hầu. Sư hỏi hôm nay
23 là mấy. Vị Tăng nói chẳng biết. Sư nói: Ta nhớ \ vị
24 Tăng hỏi hôm nay là mấy. Hôm nay là đêm tối trời.

25 **26. Hòa thượng Đả Địa ở Hân Châu.**

26 Sư từ Giang Tây lãnh ý chỉ, tự giấu tên gọi của

1 mình, những người học đến hỏi chỉ lấy gậy đập
2 xuống đất mà chỉ bày. Lúc đó người ta gọi là Hòa
3 thượng Đã Địa. Một hôm bị vị Tăng Tạng vác gậy
4 đến và hỏi, Sư chỉ hả miệng. Vị Tăng hỏi các Đệ
5 tử mỗi khi Hòa thượng có vị đến hỏi thì liền đập
6 xuống đất ý chỉ ra sao? Đệ tử bèn lấy khúc củi ở
7 dưới bếp ném vào cái chỗ.

27. Hòa thượng Tú Khê ở Đàm Châu.

8 Một hôm Cốc Sơn hỏi: Thanh sắc thuần chân
9 thể nào là Đạo. Sư nói: Loạn đạo làm gì. Cốc sơn
10 từ Đông chạy sang đứng ở bên tây. Sư nói: Nếu
11 không như thế tức là việc họa. Cốc Sơn liền chạy
12 qua bên Đông. Sư bèn xuống giường Thiền mới đi
13 2 bước thì bị Cốc Sơn tóm ngực áo hỏi Thanh sắc
14 thuần chân thì thế nào? Sư liền đánh Cốc Sơn. Cốc
15 Sơn nói: 10 Năm sau cần người đến uống trà cũng
16 không có. Sư nói: Vậy ông già Cốc Sơn làm gì?
17 Cốc Sơn cười lớn ha ha 3 tiếng.

28. Thiền sư Thần Tạng ở núi Mã Đầu thuộc Từ Châu.

19 Sư lên Pháp Đường gọi chúng bảo rằng: Biết
20 mà không biết chẳng phải không biết mà nói không
21 biết.

29. Thiền sư Thiện Giác, ở Hoa Lâm thuộc Đàm Châu.

24 Sư thường cầm tích trượng ban đêm đi ra nơi
25
26

1 chân rùng, cứ 7 bước 1 lần rung tích trượng và lần
 2 xưng niệm danh hiệu Quán Âm Thiện Hội ở Giáp
 3 Sơn cất am hỏi rằng: Xa nghe Hòa thượng niệm
 4 Quán Âm phải chăng? Sư nói đúng. Giáp Sơn nói:
 5 Cõi ngựa thì đầu thế nào? Sư đáp: Ló đầu thì từ
 6 ông cỡi, chẳng ló đầu thì cỡi cái gì? Vị Tăng tham
 7 vấn bèn trải tọa cụ. Sư nói chậm chậm. Vị Tăng
 8 hỏi Hòa thượng thấy gì? Sư nói đáng tiếc cho phá
 9 lầu chuông. Vị Tăng ấy do đó mà ngộ. Một hôm
 10 Quán sát sư Bùi Hưu hỏi rằng: Sư có thị giả chăng?
 11 Sư nói có 1, 2 đứa. Chú Bùi Hưu hỏi ở đâu? Sư bèn
 12 gọi lớn Đại không, Tiểu không! Lúc đó có 2 con
 13 hồ từ sau am chạy ra. Bùi thấy sợ quá Sư bảo 2 con
 14 hồ: Có khách, đi đi. 2 con hồ gầm gừ rồi bỏ đi. Bùi
 15 Hưu hỏi Sư làm hạnh nghiệp gì mà cảm được Thế
 16 như vậy? Hỏi lâu Sư bèn, hỏi: Hiểu chăng? Đáp
 17 không hiểu. Sư nói Sơn Tăng thường niệm Quán
 18 Âm.

19 **30. Hòa thượng Thủy Đường ở Thịnh Châu.**

20 Sư tra hỏi Qui Tông: Ông là người ở đâu? Qui
 21 Tông nói: Người ở Trần Châu. Sư hỏi bao nhiêu
 22 tuổi. Qui Tông nói 22. Sư nói: Khi Xà Lê chưa sinh
 23 thì Lão Tăng đã qua lại. Qui Tông hỏi Hòa thượng
 24 khi nào sinh thì Sư dựng đứng cây phát trần. Qui
 25 Tông hỏi cái đó há có sinh. Sư nói hiểu được tức
 26 vô sinh. Qui tông nói chưa hiểu ở Sư không nói.

27 **31. Hòa thượng Cổ Tự**

Đơn Hà tham vấn Sư trải qua một đêm đến sáng. Sáng ra nấu cháo chín. Hành giả chỉ múc đầy 1 bát cho Sư lại múc đầy 1 bát tự ăn không hề ngó đến Đơn Hà. Đơn Hà cũng múc đầy 1 bát mà ăn. Hành giả nói: 5 canh ngủ dậy sớm, lại có người đi đêm. Đơn Hà hỏi Sư sao không dạy hành giả chớ nên vô lễ? Sư nói trên: Đất sạch chẳng nên làm dơ bẩn người trong nhà về việc nam nữ. Đơn Hà nói sao không hỏi tội lão già ấy.

32. Hòa thượng Tỳ thọ ở Giang Tây.

Trong lúc nằm, Đạo Ngô liền đến trước Sư kéo mền đắp. Sư hỏi làm gì? Đạo Ngô nói đắp mền. Sư hỏi nằm là đúng hay ngồi là đúng. Đạo Ngô nói không ở 2 chỗ ấy. Sư nói vậy nề hà gì đắp mền. Đạo Ngô nói: Chớ nói loạn. Sư đến hơi lửa. Đạo Ngô hỏi làm gì đó? Sư nói hòa hợp Đạo Ngô hỏi: Vì sao phải trốn thoát? Sư nói cách cổng làng bao xa? Đạo Ngô liền phát tay áo mà đi. Một hôm Đạo Ngô từ ngoài về. Sư hỏi từ đâu đến. Đạo Ngô nói ở gần đến. Sư nói dùng cái sàng gạo 2 mảnh da kia làm gì. Đạo Ngô nói mượn. Nó từ ông mà mượn không làm sao sinh? Đạo Ngô nói: Chỉ vì có cho nên mượn.

33. Hòa thượng Thảo Đường ở Kinh Triệu.

Từ khi nghỉ tham vấn với ngài Đại Tịch bèn đến Hải Xương. Hòa thượng Hải Xương hỏi: Từ đâu đến. Sư nói: Từ Đạo Tràng đến. Xương hỏi nơi

đó ở đâu: Khi chưa có 1 pháp thì thân này ở đâu.
Sư bèn vẽ 1 vòng tròn bên trong có chữ thân.

34. Thiên sư Chân Thực trụ núi dương Ky, ở Viên Châu.

Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Chúng
linh 1 nguồn mượn gọi là Phật, thể mất hình tiêu
mà chẳng mất, dòng vàng chảy khắp mà thường
còn. Biển tánh không gió sóng vàng tự lan. Tâm
linh dứt dấu muôn trượng cùng chiếu hiểu được lý
này thì không nói mà trải khắp sa giới. Không dụng
mà công ích huyền hóa. Như thế nào là rời bỏ giác
trở lại hợp với trần lao, ở trong cõi âm mà tùy tiện
tự mình giam nhốt. Sư mới lên núi này ở yên cho
đến thành viện, nhóm hợp đồ chúng giảng nói pháp
đã hơn 40 Năm. Vào Năm Đường Nguyên Hòa
năm thứ 15, ngày 13 tháng giêng thì Sư qui tịch.
Làm lễ Trà Tỳ thu nhặt xá lợi được 700 hạt xây
tháp dưới ngọn Đông Phong để thờ.

35. Hòa thượng Mông Khê.

Có vị Tăng hỏi khi một niệm không sinh thì thế
nào? Sư nín lặng hồi lâu. Vị Tăng bèn lễ bái. Sư
nói: Ông hiểu cái gì sinh? Vị Tăng nói: Con hoàn
toàn không thể không hỏi. Sư nói: Ông tin là
đến được. Vị Tăng hỏi: Bỏ phận sự phải thế nào
thì xong? Sư nói: Sao ông không hỏi? Vị Tăng nói
xin Sư đáp lời. Sư nói: Ông lại hỏi là tốt. Vị tăng
cười lớn mà đi ra. Sư nói: Chỉ có Sư Tăng ấy lạnh

1 lợi. Có vị Tăng từ ngoài đến. Sư liền hét vị Tăng
2 nói: Lý do vì sao? Sư nói: Cũng phải gậy đánh. Vị
3 Tăng nói cẩn thận, rồi đi ra. Sư nói: rất được tự tại.

4 **36. Hòa thượng Hắc Giản ở Lạc kinh:**

5 Có vị Tăng hỏi thế nào là mật thất? Sư nói: Cắt
6 tại năm đường. Vị Tăng hỏi: Thế nào là người
7 trong mật thất? Sư bèn lấy tay đâm ngực.

8 **37. Hòa thượng Hưng Bình ở Kinh Triệu.**

9 Nhuận Sơn đến lễ bái. Sư nói: Chớ lạy Lão hủ
10 Động Sơn nói lạy không phải Lão hủ. Sư nói không
11 phải Lão hủ chẳng nhận lạy. Động Sơn nói nó cũng
12 chẳng ngưng. Động Sơn hỏi: Thế nào là tâm cô
13 Phật. Sư nói: Tức là tâm ông. Động Sơn nói tuy thế
14 cũng là chỗ tôi nghi. Sư nói: Sao không hỏi lấy
15 người gỗ. Động Sơn nói: Con có 1 câu không nhờ
16 miệng các Thánh. Sư nói: Ông thử nói xem. Động
17 Sơn nói chẳng phải là con. Động Sơn từ giả, Sư
18 hỏi: Đi đâu? Động Sơn nói: Theo dòng không định
19 nghỉ. Sư nói: Pháp thân theo dòng hay báo thân
20 theo dòng. Động Sơn nói: đều không nên hiểu Thế.
21 Sư bèn vỗ tay.

22 **38. Hòa thượng Tiêu Dao.**

23 Một hôm Sư ngồi trên giường Thiền, có vị
24 Tăng ở Lộc Tây đến hỏi: Niệm niệm phan duyên
25 tâm tâm vắng bật. Sư nói: Hôm qua hỏi muện có
26 người nói gì? Tây nói Đạo ấy thế nào? Sư nói

không biết. Tây nói xin Sư nói. Sư lấy phát trần
tánh vào miệng. Tây liền lui ra. Sư bảo Đại chúng
rằng: Trên đầu có một con mắt.

39. Hòa thượng Phước Khê.

Có vị Tăng hỏi khi gương xưa không dấu vết
thì sao? Sư im lặng hồi lâu. Vị Tăng hỏi ý Sư thế
nào? Sư nói: Sơn Tăng tại ở sau lưng vị Tăng lại
hỏi như trước. Sư nói: Cũng bắt chước ông kia. Vị
Tăng hỏi: Thế nào là mình? Sư nói: Ông hỏi cái gì?
Vị Tăng hỏi: Há không có phương tiện. Sư nói:
Ông vừa đến hỏi cái gì? Vị Tăng nói: Đâu được
điên đảo. Sư bảo: Hôm nay rất đáng ăn gậy của
Sơn Tăng. Vị Tăng hỏi: Duyên tan thì về không
còn không thì về đâu? Sư nói: Này vị Tăng (A, B...)
vị Tăng: Dạ. Sư hỏi: Không ở đâu? Vị Tăng nói:
Xin sư nói: Ba Tư ăn hồ tiêu.

40. Hòa thượng Thủy Lão ở Hồng Châu:

Lúc đầu tham vấn Mã Tổ thế nào là ý từ Tây
Trúc đến? Tổ bèn đập vào bụng té nhào, Sư liền
đại ngộ bèn đứng dậy vỗ tay cười ha hả bảo rằng:
lạ thay trăm ngàn Tam-muội, vô lượng nghĩa, mầu
chỉ một 1 sợi lông trên đầu liền biết được cội
nguồn. Rồi lễ bái mà lui. Sau Sư bảo chúng rằng từ
khi ăn 1 đập của Mã Tổ cho đến nay cười chẳng
thôi. Có vị Tăng vẽ 1 vòng tròn dùng tay nắm thân
sư, sư bèn khoát tay 3 cái, cũng vẽ 1 vòng tròn chỉ
cho vị Tăng ấy. Vị Tăng liền lễ bái, Sư đánh bảo

1 rằng: Cái lão đầu (trống không) này. Có người hỏi:
2 Thế nào là hạnh Sa môn. Sư nói: Động thì hiện
3 bóng, giác thì bằng sinh. Hỏi: Thế nào là Đại ý Phật
4 pháp? Sư bèn vỗ tay cười ha ha. tiếp cơ đại đề là
5 như vậy.

6 **41. Hòa thượng Phù Bôi.**

7 Có lãng Hành Bà đến lễ bái Sư, Sư cùng ngồi
8 uống trà. Hành Bà hỏi: nói Hết sức mà chẳng được
9 câu, lại giao cho ai. Sư nói Phù Bôi chẳng nói thừa.
10 Bà nói tôi chẳng nói gì Sư bèn nêu 2 câu trước hỏi
11 lại Bà, Bà khoanh tay khóc rằng: Trong trời xanh
12 lại có oan khổ. Sư không nói gì. Bà nói: Lời chẳng
13 biết riêng chánh, Lý chẳng biết riêng tà, vì vị họa
14 liền sinh. Sau Có vị Tăng nêu câu ấy hỏi Nam
15 Tuyền, Nam Tuyền nói: Khổ thay Phù Bôi bị Lão
16 bà bẻ gãy. Sau Bà nghe lời nam Tuyền nói cười
17 bảo rằng: Vương Lão Sư cũng thiếu cơ mưu Có
18 Thiền khách Trùng Nhất ở U Châu gặp Hành Bà
19 bèn hỏi sao nói Nam Tuyền nói thế cũng thiếu cơ
20 quan Bà bèn khóc bảo đáng thương đáng buồn
21 thay. Thiền khách không nói gì. Bà bèn hỏi hiểu
22 chẳng? Thiền khách chấp tay mà lui. Bà nói Thiền
23 hòa chết đứng như sợi tay tựa hạt thóc. Sau Thiền
24 khách Trùng Nhất nêu câu chuyện Thế với Triệu
25 Châu, Châu nói: Tôi như thấy Lão Bà Thái ấy hỏi
26 thì bảo miệng câm. Trùng Nhất hỏi Triệu Châu
27 rằng: chẳng hay Hòa thượng hỏi thế nào? Triệu

Châu lấy gậy đánh bảo giống lão chết tiệt ấy chẳng đánh đợi lúc nào, và đánh liền mấy gậy. Bà lại nghe Triệu Châu nói thế bảo: Triệu Châu đáng ăn gậy của Bà. Sau vị Tăng nêu lời đó với Triệu Châu, Châu khóc nói: Đáng thương Đáng buồn thay! Bà nghe lời ấy của Triệu Châu bèn chấp tay khen rằng: Triệu Châu mắt phát ra ánh sáng chiếu phá 4 thiên hạ. Sau Triệu Châu dạy vị Tăng đi hỏi Bà rằng: Thế nào là phải Triệu Châu? Bà bèn đưa nắm tay lên. Triệu Châu nghe liền làm bài tụng đưa lẳng Hành Bà rằng:

*Đương cơ trước mặt nêu
Trước mặt Đương Cơ bịnh
Đáp ông lẳng Hành bà
Tiếng khóc sao được mắt.*

Bà bèn làm Tụng đáp Triệu Châu rằng:

*Tiếng khóc Sư đã hiểu
Đã hiểu còn ai biết.
Lúc này nước Ma Kiệt
Chôn mấy cơ trước mắt.*

42. Hòa thượng Long Sơn ở Đàm Châu

(cũng gọi là Hòa thượng Ân Sơn)

Sư hỏi vị Tăng ở đâu tới? Vị Tăng nói từ Lão Túc đến. Sư hỏi: Lão Túc có câu nói gì không? Vị Tăng nói: Nói thì ngàn câu muôn câu, chẳng nói thì 1 chữ cũng không. Sư hỏi: Thế nào là con ruồi thả trứng. Vị Tăng lễ bái. Sư liền đánh khi Hòa

1 thượng Động Sơn giới đi hành cước mò đường đến
2 núi nhân đó tham lễ xong. Sư hỏi: Núi này không
3 có đường Xà Lê vừa ở đâu đến. Động Sơn nói
4 không đường thì đặt Hòa thượng từ đâu vào. Sư
5 nói ta không hề đi vân thi. Động Sơn nói: Hòa
6 thượng ở núi này lâu chưa Sư nói: Xuân thu chẳng
7 dính líu. Động Sơn hỏi: Núi này ở trước hay Hòa
8 thượng ở trước 2 Sư nói chẳng biết. Động Sơn hỏi:
9 Vì sao chẳng biết? Sư nói: Ta chẳng vì trời người
10 mà đến. Động Sơn hỏi: Thế nào là chủ trong
11 khách? Sư nói nhiều Năm chẳng ra khỏi cửa. Động
12 Sơn hỏi: Thế nào là chủ trong khách? Sư nói: Năm
13 dài không ra khỏi cửa. Động Sơn hỏi: Thế nào là
14 khách trong chủ? Sư nói: Trời xanh che mây trắng.
15 Động Sơn hỏi: Chủ khách cách nhau bao nhiêu?
16 Sư nói: Sóng trên nước Trường Giang. Động Sơn
17 hỏi: Khách chủ gặp nhau có nói lời nào? Sư nói gió
18 mát quét trắng sáng. Động Sơn lại hỏi Hòa thượng
19 thấy Đạo lý gì mà ở núi này? Sư nói: Ta thấy 2 con
20 trâu bùn đấu nhau xuống biển cho đến nay không
21 có tin tức. Sư có bài tụng rằng:

*Nhà cỏ 3 gian từ đây ở
Một tia sáng thần muôn cảnh nhàn
Chớ đem phải quấy đến ta nói
Phù sinh xuyên tạc chẳng liên quan.*

43. Cư sĩ Bàng Uẩn ở tương châu.

Ông người ở huyện Hoàn Dương thuộc xung

Châu, tự là Đạo Huyền, ở đời theo nghiệp Nho. Nhưng Cư sĩ sớm ngộ trần lao chí cầu chân đế. Niên hiệu đời Đường Trinh Nguyên, đầu Tiên ông yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu quên lời hiệu ý chỉ. Lại làm bạn với Thiền sư ở Đôn Hà. Một hôm Thạch Đầu hỏi: Ông từ ngày gặp Lão Tăng đến nay làm việc dụng sự thế nào Đáp rằng: Nếu hỏi làm việc dụng sự thì không có chỗ mở miệng Ông lại trình 1 bài kệ rằng:

*Ngày dùng việc chẳng khác
Chỉ ta tự ngẫu hài
Mỗi việc không lấy bỏ
Chỗ chỗ chớ bày trái
Đỏ tím ai gọi tên
Gò núi sạch cả bụi
Thần thông và diệu dụng
Gánh nước và chẻ củi.*

Thạch Đầu ngạc nhiên hỏi ông là Đạo hay tục? Cư sĩ đáp: Xin theo chỗ mến mộ mà không xuống tóc. Sau ông đi Giang Tây tham vấn Mã Tổ rằng: Chẳng làm bạn với muôn pháp là người gì? Tổ nói: Đợi ông một mình uống hết nước sông Giang Tây sẽ nói cho ông. Nghe sau lời nói Cư sĩ liền sớm ngộ huyền yếu. Bèn ở lại tham học 2 Năm. Có bài kệ rằng:

*Có trai chẳng cười
Có gái chẳng gả
Cả nhà luôn đoàn tụ*

Cùng nói chuyện vô sinh.

Từ đó cơ biến nhanh chóng các nơi nghe tiếng. Thường đến các giảng Đường tùy hỷ kinh kim cương đến chỗ Vô ngã vô nhân, bèn hỏi rằng tọa chủ đã Vô ngã vô nhân thì ai giảng ai nghe. Tọa chủ không đáp được. Cư sĩ nói: Con tuy chỉ là người tục biết thô mà tin tưởng. Tọa chủ nói: Chỉ như ý Cư sĩ thì làm sao. Cư sĩ bèn nêu 1 bài kệ:

*Vô ngã lại vô nhân
Làm gì có thân sơ
Khuyên ông thôi ngồi mãi
Chẳng giống thẳng cầu chân
Tánh Bát Nhã kim cương
Ngoài dứt mọi trần ai
Con nghe và tin nhận
Đều là bày giả danh.*

Tọa chủ nghe kệ thì vui mừng khen ngợi rằng: Chỗ đến của Cư sĩ, Lão Túc đã qua nhiều lần. Lại hỏi đều tùy cơ mà ứng tiếng không phải là khuôn phép suy lường mà chấp chặt. Trong Năm Nguyên Hòa Cư sĩ lên phía Bắc Tương Hán tùy chỗ mà ở, hoặc ở Lộc Môn-Phụng Lĩnh hoặc ở xóm làng chợ búa. Lúc đầu ở Đông Nham, sau ở nhà nhỏ tại thành Quách Tây. Ông có một người con gái tên Linh Chiếu thường đi theo cha chở trúc đan mảnh để bán mà cũng dường sớm chiều. Có kệ rằng:

Tâm như cảnh cũng như

Không thật cũng không hư
 Có cũng chẳng màng
 Không cũng chẳng lo
 Không phải Thánh hiền
 Hết việc phàm phu - Dễ càng Dễ.
 Ngay năm uẩn này có chân trí
 Thế giới Mười phương cùng Nhất thừa
 Vô tướng pháp thân đâu có 2
 Nếu bỏ phiền não vào Bồ đề
 Chẳng biết phương nào có Phật địa.

Khi Cư sĩ sắp mất, sai con gái Linh Chiêu ra
 xem mặt trời sớm muộn, đến giờ Ngọ thì vào báo.
 Cô con gái vội vàng báo rằng: Ngày đã giữa trưa
 nhưng có Nhật thực. Cư sĩ bèn ra ngó xem. Cô con
 gái bèn lên chỗ cha ngồi chấp tay mà hóa. Cư sĩ
 cười bảo: Con gái ta nhanh hơn ta. Thế là lại 7 ngày
 sau. Châu Mục Vu Công đến thăm bệnh. Cư sĩ bảo
 rằng: Chỉ nguyên không các cái có. Cần thận chớ
 cho là thật các cái không. Cái đẹp ở thế gian chỉ là
 bóng dáng tiếng vang. Nói xong thì nằm gối trên
 đùi Vu Công mà hóa. Ông dặn đốt thân. Đạo tục
 Các nơi đều thương tiếc, gọi là Thiên Môn Bàng
 cư sĩ tức là Tỳ da Tịnh Danh Ông có thơ kệ hơn
 300 bài lưu truyền ở đời.



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 9

Thiền sư Hoài Nhượng trong đời thứ 3 có 56 vị.

Đệ tử nổi pháp Thiền sư Hoài Hải Bách Trượng ở Hồng Châu có 30 vị (13 vị thấy có ghi lục):

1. Thiền sư Linh Hựu ở Quy Sơn-Đàm Châu
2. Thiền sư Hoàn Trung ở Đại Từ-Hàng Châu
3. Thiền sư Hoàn Trung ở Đại Từ-Hàng Châu
4. Thiền sư Phổ Ngạn ở núi Thiên Thai
5. Thiền sư Thường Quán ở Quân Châu
6. Thiền sư Tánh Không ở Thạch Sương Đàm Châu
7. Thiền sư Đại Am ở Phước Châu
8. Thiền sư Thần tán ở Cổ Linh
9. Thiền sư Thông ở Hòa An, Quảng Châu
10. Thiền sư Đài ở Long Vân Giang Châu
11. Thiền sư Đạo ở Vệ Quốc Lạc Kinh
12. Hòa thượng Vạn Tuế ở Trấn Châu
13. Hòa thượng Niết-bàn ở núi Bách Trượng (14 vị trên đây thấy có ghi lục)

- 1 14. Hòa thượng Đông Sơn ở Hồng Châu
- 2 15. Thiền sư Vô Úy ở Cao An
- 3 16. Thiền sư Đạo Khoáng ở Nham Đông
- 4 17. Thiền sư Tổ ở Hình Châu
- 5 18. Thiền sư Cát Bồn ở Đường Châu
- 6 19. Thiền sư tuệ Thâm ở núi Tiểu Thừa
- 7 20. Thiền sư Chiêu Nhất ở chùa tuệ chiếu
- 8 Dương Châu
- 9 21. Thiền sư Giám Thâm ở La Phù Trinh Châu
- 10 22. Thiền sư Phạm Vân ở núi cửu liên Hồng
- 11 Châu
- 12 23. Thiền sư Thao ở Lô Sơn Giang Châu
- 13 24. Thiền sư Khế Chân ở chùa Vũ Tích Việt
- 14 Châu
- 15 25. Thiền sư Thiên Tánh ở Bao Sơn Quân Châu
- 16 26. Thiền sư Bửu Ngạn ở núi đại mai Minh Châu
- 17 27. Thiền sư Tạng Thuật ở Liêu Sơn Hồng
- 18 Châu
- 19 28. Thiền sư Đạo Phương ở núi kỳ xà Thăng
- 20 Châu
- 21 29. Hòa thượng Thanh Điền
- 22 30. Hòa thượng Đại Vu (16 vị trên đây không
- 23 có duyên-ngũ cú không ghi lục)
- 24 - Đệ tử nổi pháp của Thiền Sư ở Tây Đường-
- 25 Kiền Châu trước đây có 4 vị:
- 26 1 Thiền sư Xứ Vi ở. Kiền Châu (1 vị thấy ghi

lục).

2. Thiền sư Đạo nghĩa ở Kê Lâm

3. Thiền sư Tuệ ở Tân La

4. Thiền sư Hồng Trục ở Tân La (3 vị trên đây không có cơ duyên- ngữ cú không ghi lục)

- Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc-Bồ Châu trước đây có 2 vị:

1. Thiền sư Lương Toại ở Thọ Châu (1 vị thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Vô Nhiễm ở nước Tân La (1 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đệ tử nổi pháp Thiền sư Như Hội ở Chùa Đông-Hồ Nam trước đây có 4 vị:

1. Thiền sư tuệ Siêu ở Thục Sơn Hồ Châu (1 vị thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Cảnh Chư ở Thục Châu

3. Thiền sư Quang Triệu ở chùa Trang Nghiêm

4. Thiền sư Chiêu ở núi Mạch Phổ Đàm Châu (3 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục).

- Đệ tử nổi pháp của Thiền Sư Hoài uân ở chùa Chương kính-Kinh Triệu trước đây có 16 vị:

1. Thiền sư Hoàng Biện ở chùa Tiến Phước Kinh Triệu

2. Thiền sư Trí Chân ở núi Qui Sơn Phước Châu

3. Thiền sư Hoài Chính ở Lăng Châu,
4. Thiền sư Thao ở Kim Châu
5. Hòa thượng Cổ Đề ở Lăng Châu
6. Hòa thượng Công Kỳ ở Hà Trung (6 vị trên đây thấy có ghi lục).
7. Thiền sư Nhân Vân ở Bách Lâm
8. Thiền sư Huyền Triết ở Tuyên Châu
9. Thiền sư Bảo Kiên ở Hà Trung
10. Thiền sư Đạo Chí ở Tây Kinh
11. Thiền sư Thần Hộ ở Giáng Châu
12. Thiền sư Trí Tạng ở Tây Kinh
13. Thiền sư Vô Tích ở Hứa Châu
14. Thiền sư Duy Túc ở Thọ Châu
15. Thiền sư Huyền Dục ở vị Tân La
16. Thiền sư Giác Thê ở nước Tân La. (10 vị trên đây không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục)

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hoài Hải-Bách
Trượng trước đây,
đời thứ 3.**

1. Thiền sư Linh Hựu ở Qui Sơn, Đàm Châu.

Sư người ở Trương Khê ở Phước Châu, họ Triệu. Năm 15 tuổi từ giã cha mẹ đi xuất gia, nương Luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bốn quận mà cạo tóc, thọ giới ở chùa Long Hưng

1 tại Hàng Châu mà. Thông suốt kinh Luật Đại Tiểu
2 thừa. Năm 23 tuổi Sư đến Giang Tây tham vấn
3 Thiên sư Đại Trí ở Bách Trượng Ngài Bách
4 Trượng vừa thấy Sư liền cho vào thất. Bèn ở đó
5 đứng đầu số người tham học. Một hôm đứng hầu,
6 ngài Bách Trượng hỏi: Ai sư đáp Linh Hựu. Ngài
7 Bách Trượng hỏi: Ông bươi trong lò xem có lửa
8 chẳng? Sư bươi ra thưa: Không có. Ngài Bách
9 Trượng đứng dậy bươi sâu thì có chút lửa, cầm lên
10 dạy rằng: Đây không phải là lửa? Sư phát ngộ, lễ
11 tạ, trình bày chỗ hiểu của mình. Ngài Bách Trượng
12 nói: Đây chỉ là lối rẽ tạm thời mà thôi. Kinh nói
13 muốn thấy Phật tánh phải xem thời tiết nhân
14 duyên. Thời tiết đã đến như mê bỗng ngộ, như
15 quên chợt nhớ mới biết là vật của mình không từ
16 người khác mà được. Cho nên Tổ Sư nói rằng: Ngộ
17 xong đồng chưa ngộ, vô tâm được vô pháp, chỉ là
18 không có tâm luống dối phạm Thánh v.v... Xưa
19 nay, tâm pháp vốn tự đầy đủ. Nay Ông đã khéo Thế
20 hỷ tự giữ gìn. Lúc đó Tư Mã Đầu Đà từ Hồ Nam
21 đến. Ngài Bách Trượng gọi bảo rằng: Lão Tăng
22 muốn đến Qui Sơn được chẳng? Đáp rằng: Qui
23 Sơn rất lạ có thể qui tụ cả một ngàn năm trăm
24 chúng, nhưng không phải chỗ Hòa thượng ở. Ngài
25 Bách Trượng hỏi sao vậy? Đáp rằng: Hòa thượng
26 là vị xương, còn kia là núi thịt nếu ở thì đồ chúng
27 không đầy một ngàn. Ngài Bách Trượng hỏi trong
28 chúng của ta có ai ở được chẳng. Đáp rằng: Đợi

1 xem qua. Ngài Bách Trọng liền bảo: Thọ Giả gọi
2 Đệ nhất Tọa đến (tức Hòa thượng Hoa Lâm) hỏi
3 người này thế nào? Đầu Đà bảo tăng háng một
4 tiếng, đi vài bước. Đáp rằng người này không
5 được. Lại bảo mời Diên Tọa đến (tức Sự linh Hựu).
6 Đầu Đà nói người này chính là chủ Qui Sơn. Đêm
7 ấy ngài Bách Trọng gọi Sư vào thất dặn rằng: Ta
8 hóa duyên ở đây, còn thắng cảnh qui sơn ông sẽ ở
9 đó mà đệ tử nối pháp Tông ta rộng độ người học
10 sau. Lúc đó Hoa Lâm nghe nói liền bảo tôi ở ngôi
11 thượng thủ, ông Hựu kia đâu được trụ trì. Ngài
12 Bách Trọng nói: Nếu ở giữa chúng mà nói ra 1
13 câu xuất sắc thì cùng đến trụ trì. Bèn chỉ Tịnh Bình
14 hỏi: Chẳng được gọi là Tịnh Bình ông gọi là cái
15 gì? Hoa Lâm nói: Không thể gọi thì là Mộc. Ngài
16 Bách Trọng không chịu, bèn hỏi Sư, Sư đáp rớt
17 tịnh bình. Ngài Bách Trọng cười bảo: Đệ Nhất
18 Tòa thua ở núi ấy, bèn sai Sư đến ở Qui Sơn. Núi
19 ấy cao vót vắng xa hơi vị. Sư làm bạn với khỉ vượn
20 cùng kê rau quả. Cư dân dưới núi dần dần hay
21 biết cùng đến xây cất nhà cửa. Lý cảnh Nhượng tâu
22 vua ban hiệu là chùa Đồng Khánh. Tướng Quốc
23 Bùi Hưu từng đến hỏi học Huyền Áo. Do đó khách
24 học thiền trong thiên hạ đến càng đông. Sư lên
25 Pháp Đường dạy chúng rằng: Tâm vị tu Đạo phải
26 ngay thẳng không dối trá, không mặt không lưng
27 không làm việc gian dối trong mọi lúc đều nhìn
28 nghe bình thường mà không cong vậy cũng chẳng

1 phải lấp tai ngơ chỉ cần tình không theo vật. Liên
2 được từ trên các Thánh nói là bền đực tội lỗi, nếu
3 không Thế thì nhiều tình biết ác sẽ là việc tập
4 tướng. Ví như nước mùa Thu lắng dừng trong suốt
5 mà không lắng bật, lắng mà không ngại, gọi là Đạo
6 nhân cũng gọi là người vô sự. Lúc đó Có vị Tăng
7 hỏi: Người đốn ngộ có tu chẳng? Sư nói nếu thật
8 ngộ thì lúc được bản tha tự biết, tu và chẳng tu là
9 lời nói 2 đầu. Như nay tâm đầu Tiên tuy từ duyên
10 mà được, một niệm sớm ngộ tự lý, thì cũng còn tập
11 khí nhiều kiếp từ vô thủy chưa sớm thanh tịnh thì
12 phải dạy họ dứt sạch hiện nghiệp lưu thức, thì tức
13 là tu chẳng nói riêng có pháp dạy họ tu hành thú
14 hướng từ nghe mà nhập vào lý, nghe lý sâu mầu
15 tâm tự sáng suốt không ở nơi mê lầm. Dầu có trăm
16 ngàn diệu nghĩa phô bày, lúc đó áo khoát sẽ được
17 tự cởi mà làm cách sống. Tóm tắt trong lý thật tế
18 chẳng nhận một trần, trong vạn hạnh môn chẳng
19 bỏ một pháp. Nếu cũng 1 đường bước vào thì tình
20 phạm Thánh dứt hết, thể bày chân thường, lý sự
21 chẳng 2 tức Như như Phật). Ngưỡng Sơn hỏi: Thế
22 nào là ý từ Tây Trúc đến? Sư nói thật là cái lòng
23 đèn Ngưỡng Sơn nói đừng chỉ cái ấy là cái gì? Sư
24 nói: Cái ấy là cái gì? Ngưỡng Sơn nói là cái lòng
25 đèn. Sư nói quả nhiên chẳng hiểu. Một hôm Sư gọi
26 chúng bảo rằng: Như có nhiều vị chỉ được Đại Cơ
27 mà chẳng được Đại dụng. Ngưỡng Sơn đem lời nói
28 này hỏi am chủ dưới núi rằng: Câu nói của Hòa

1 thượng ý chỉ Thế nào? Am chủ nói hãy nêu ra xem.
2 Ngưỡng Sơn bèn nhắc lại thì bị am chủ đập cho
3 một cái té nhào. Dem về nhắc lại với Sư, Sư cười
4 lớn. Sư ngồi trong Pháp Đường, thủ kho gỗ bản
5 mỗ, hỏa đầu mỗi lửa vỗ tay cười lớn. Sư bảo trong
6 chúng cũng có người như thế kêu lại hỏi: Làm gì
7 đó. Hỏa Đầu nói: Con chẳng kêu cháo do đó đói
8 bụng nên vui mừng. Sư bèn gặt đầu. xin Khấp hái
9 trà. Sư bảo Ngưỡng Sơn: Suốt ngày hái trà chỉ nghe
10 tiếng ông chẳng thấy hình dáng ông. Xin hiện
11 nguyên hình cho thấy. Ngưỡng Sơn lay cây trà. Sư
12 nói ông chỉ được cái dụng mà không được cái thể.
13 Ngưỡng Sơn nói: chẳng hay Hòa thượng ra sao. Sư
14 im lặng hồi lâu. Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng chỉ
15 được cái thể mà không được cái dụng. Sư nói: Cho
16 (tha cho) ông 20 gậy. Sư lên Pháp Đường Có vị
17 Tăng ra hỏi: Xin Hòa thượng vì chúng nói pháp.
18 Sư nói: Ta vì ông được thấu suốt nhân. Vị Tăng lễ
19 bái - Sư bảo Ngưỡng Sơn rằng: Ông Tịch chứng
20 Đạo nhanh không vào âm giới. Ngưỡng Sơn nói
21 tuệ Tịch, Tín cũng chẳng lập. Sư hỏi còn ông tin
22 mà chẳng lập hay không tin mà chẳng lập. Ngưỡng
23 Sơn nói chỉ là tuệ Tịch còn tin ai. Sư nói: Nếu thể
24 tức là Định tánh Thanh văn. Ngưỡng Sơn nói: Tuệ
25 Tịch thì Phật cũng chẳng thấy. Sư hỏi Ngưỡng Sơn
26 kinh Niết-bàn 49 quyển, bao nhiêu Phật nói bao
27 nhiêu ma nói. Ngưỡng Sơn nói: Toàn bộ là Ma nói.
28 Sư hỏi về sau không có người thì ông làm sao

1 Ngưỡng Sơn nói tức là việc tuệ Tịch ước hẹn biết
2 đi chỗ nào. Sư nói: Chỉ quý mắt ông Chánh không
3 nói bước ông đi Ngưỡng Sơn quăng áo đứng dậy
4 hỏi sư: Chính lúc ấy Hòa thượng làm gì? Sư nói:
5 Chính lúc ấy ta ở trong ấy không làm gì cả.
6 Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng có thân mà không có
7 dụng. Sư im hồi lâu rồi dậy hỏi: Chính lúc đó ông
8 làm gì? Ngưỡng Sơn chánh lúc ấy Hòa thượng thấy
9 nó không? Sư nói: Ông có dụng mà không thân. Sư
10 bỗng hỏi Ngưỡng Sơn: Mùa xuân Ông có lời chưa
11 tròn, nay thử nói xem. Ngưỡng Sơn nói chính lúc
12 đó rất kỳ sự tráo ngược Sư nói: Ngừng lao tù sinh
13 ra trí. Một hôm Sư gọi Viện chủ. Viện chủ đến. Sư
14 hỏi ta gọi Viện chủ ông đến làm gì? Viện chủ
15 không đáp được (Tào Sơn đáp thay: Cũng biết Hòa
16 thượng không gọi con). Lại bảo thị giả gọi Đệ Nhất
17 Tòa. Đệ Nhất Tòa đến. Sư hỏi ta gọi Đệ Nhất Tòa
18 ông đến làm gì. Cũng không đáp được. Sư hỏi vị
19 Tăng mới đến tên gì. Vị Tăng thưa tên Nguyệt
20 Luân. Sư vẽ một vòng tròn hỏi cái gì giống cái ấy?
21 Vị Tăng nói: Sao Hòa thượng nói thế) các nơi đều
22 có vị chẳng chịu ở. Sư nói: Bàn đạo thì Thế Xà Lê
23 thì sao vị Tăng hỏi lại có thấy Nguyệt Luân sao. Sư
24 hỏi Xà Lê nói gì, trong đây có vị không chịu các
25 phương. Sư hỏi Vân Nham rằng: Nghe ông từ lâu
26 ở Dược Sơn phải chăng? Nham nói phải. Sư hỏi:
27 Tướng của Đại Nhân Dược Sơn thế nào? Vân
28 Nham nói Niết-bàn hậu hữu. Sư hỏi Niết-bàn hậu

1 phải ra sao? Vân Nham nói: Nước vậy chẳng dính.
2 Vân Nham liền hỏi Sư: Tướng Đại nhân Bách
3 Trọng thế nào? Sư nói nguy nga đường bệ sáng
4 láng đỏ rực, trước tiếng chẳng phải tiếng, sắc sau
5 chẳng phải sắc, trâu sắt trên con muỗi, không có
6 chỗ dưới miệng ông. Sư đưa Tịnh bình cho
7 Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn định tiếp. Sư bèn co tay
8 lại, hỏi vì sao? Ngưỡng Sơn hỏi Hòa thượng lại
9 thấy cái gì? Sư nói nếu thế cần gì phải tìm ông
10 Ngưỡng Sơn nói: Tuy Thế nhưng trong Đạo nhân
11 nghĩa cùng Hòa thượng đưa bình lấy nước cũng là
12 bốn phận. Sư bèn đưa Tịnh bình cho Ngưỡng Sơn.
13 Sư cùng đi với Ngưỡng Sơn, chỉ cây Bách hỏi
14 trước mặt là cái gì? Ngưỡng Sơn nói cái ấy là cây
15 Bách Sư bèn chỉ sau lưng Điền ông nói sau ông này
16 cũng có 500 chúng. Sư hỏi Ngưỡng Sơn: Từ đâu
17 về? Ngưỡng Sơn nói: Ở Điền Trung về. Sư hỏi lúa
18 tốt cắt chưa. Ngưỡng Sơn nói cắt tốt. Sư nói: Thấy
19 xanh thấy vàng hay thấy chẳng xanh chẳng vàng.
20 Ngưỡng Sơn nói: Sau lưng Hòa thượng là gì? Sư
21 nói ông lại thấy ư? Ngưỡng Sơn cầm bông lúa nói:
22 Hòa thượng đâu có hỏi cái ấy? Sư nói: Đây là
23 ngồng chưa chọn sữa. Tháng đông Sư hỏi Ngưỡng
24 Sơn: Trời lạnh hay vị lạnh? Ngưỡng Sơn nói Đại
25 gia ở trong ấy. Sư hỏi sao chẳng nói thẳng. Ngưỡng
26 Sơn nói vừa đến cũng chẳng cong, Hòa thượng thế
27 nào? Sư nói thẳng cần theo dòng. Có vị Tăng đến
28 lễ bái, Sư làm thế đứng dậy. Vị Tăng nói sao Hòa

1 thượng không đứng dậy? Sư nói Lão Tăng không
2 hề ngồi. Vị Tăng nói con cũng không hề lay. Sư
3 nói vì sao chẳng lay. Vị Tăng không đáp được
4 (Đồng An đáp thay: Hòa thượng chẳng làm lạ).
5 Dưới Hội Thạch Sương có 2 thiền khách đến, nói:
6 Trong đây không có một người hiểu) thiền. Sau xin
7 khắp chẻ củi. Ngưỡng Sơn thấy 2 thiền khách hết
8 củi, bèn đem 1 khúc củi lớn đến hỏi: Lại nói được
9 chẳng? Cả 2 đều không đáp được. Ngưỡng Sơn bảo
10 chớ nói không người hiểu thiền tốt. Trở về hể lại
11 với Qui Sơn nói: Hôm nay 2 thiền khách bị tuệ
12 Tịch khám phá Sư nói chỗ nào bị ông (ông ấy)
13 khám phá. Ngưỡng Sơn liền thuật chuyện trước.
14 Sư nói: Ông Tịch lại bị ta khám phá. Sư ngủ,
15 Ngưỡng Sơn hỏi thăm, sư quay mặt vào vách.
16 Ngưỡng Sơn nói Hòa thượng đâu được Thế? Sư
17 ngồi dậy nói: Ta vừa có 1 mộng, ông thử vì ta đoán
18 lý do xem. Ngưỡng Sơn liền đem đến Sư một chậu
19 nước rửa mặt. Chút sau Hương Nghiêm cũng đến
20 hỏi thăm. Sư nói ta vừa được một mộng Tịch Tử
21 nguyên liễu ông lại đoán lý do cho ta. Hương
22 Nghiêm bèn rót chớ sư 1 chén trà. Sư nói 2 ông
23 (hiểu biết) hơn Xá Lợi Phất. Có vị Tăng nói chẳng
24 làm 1 nón trên đầu Qui Sơn thì không do đâu mà
25 đến được thôn Dao, thế nào là cái nón trên đầu Qui
26 Sơn? Sư liền đập một cái. Sư lên Pháp Đường dạy
27 chúng: Lão Tăng chết rồi sẽ làm 1 con trâu nước
28 đực ở dưới núi. Sư nằm nghiêng bên trái viết 5 chữ:

1 Ta là Tăng Qui Sơn. Lúc đó người đời gọi Tăng
2 Qui Sơn là con trâu nước đực, lại gọi con trâu nước
3 đực là Tăng Qui Sơn. Lại bảo Tăng Qui Sơn gọi
4 cái gì là được.

5 Sư diễn bày Tông giáo hơn 40 Năm, kẻ thấu
6 suốt rất đông. Vào thất có 41 đệ tử. Năm Đường
7 Đại Trung thứ 7, ngày mùng 9 tháng giêng, Sư súc
8 miệng trái tọa cụ ngồi vui vẻ mà tịch, thọ 83 tuổi,
9 lập được 64, tháp ở tại núi ấy Vua ban Thụy là Đại
10 Viên Thiên sư Tháp hiệu thanh tịnh.

11 **2. Thiên sư Hy Vận ở núi Hoàng bá Hồng** 12 **Châu.**

13 Sư người ở Mân (Phúc Kiến). Thuở nhỏ xuất
14 gia tại hoàng bá ở Bồn Châu giữa trán nổi cao lên
15 cục thịt. Lời nói êm rõ, ý chí thanh cao. Sau đến
16 núi Thiên Thai gặp 1 vị Tăng cùng nói cười như đã
17 quen từ lâu, ai nhìn thì ánh sáng từ mắt phát ra. Bèn
18 cùng vị Tăng đi qua khe thì nước lụt dữ dội, Sư
19 mang nón chống gậy dừng lại vị Tăng ấy dẫn Sư
20 lội qua. Sư nói Huynh muốn qua tự qua. Vị Tăng
21 vén áo đi trên sóng như đi trên đất bằng, quay đầu
22 lại bảo qua đi qua đi. Sư nói: Ôi cái ông tự liễu này,
23 tôi mà biết sớm sẽ chặt chân ông. Vị Tăng ấy khen
24 rằng: Chân Đại thừa pháp khí, ta thật chẳng bằng.
25 Nói xong thì biến mất. Sau Sư dạo đến kinh Đô.
26 Bởi vì người động viên bèn đến tham vấn ngài
27 Bách Trượng rằng: Từ khi Ngài nói Tông đã chỉ

1 bày gì?. Bách Trọng lặng hồi lâu. Sư nói: Không
2 thể dạy người sau dứt mắt. Bách Trọng nói sắp
3 bảo ông là người ấy, bèn đứng dậy vào phương
4 trượng. Sư đi theo sau bảo rằng: Con riêng đến.
5 Bách Trọng nói: Nếu thế thì sau này chớ cô phụ
6 ta. Một hôm Bách Trọng hỏi Sư: Từ đâu đến?
7 Đáp hái nấm dưới núi Đại Hùng đến? Bách Trọng
8 hỏi có thấy con sâu lớn chẳng? Sư liền gầm tiếng
9 hổ. Bách Trọng cầm búa ra đánh chém. Sư liền
10 tát Bách Trọng một cái. Bách Trọng ngâm nga
11 cười lớn rồi trở về. Sư lên Pháp đường bảo chúng
12 rằng: Dưới núi Đại Hùng có con sâu lớn các ông
13 nên nhìn kỹ. Lão già Bách Trọng hôm nay tự gặp
14 phải một con. Khi Sư ở Nam Tuyền xin khắp lật
15 rau. Nam Tuyền hỏi đi đâu. Đáp: Đi lật rau. Nam
16 Tuyền nói: Chọn cái gì? Sư đưa con dao lên. Tuyền
17 nói: Đại gia tất cả rau đi. Một hôm Nam Tuyền bảo
18 Sư rằng: Lão Tăng ngẫu hứng thuật bài ca chặn
19 trâu, xin Trưởng lão họa vận. Sư nói: Ta tự có thầy
20 rồi. Sư từ tạ Nam Tuyền, tiến ra cửa đưa Sư nói:
21 bảy cái nói: Trưởng lão tài vật của thân khá lớn mà
22 cái nón quá nhỏ. Sư nói tuy Thế mà cả Đại Thiên
23 thể giới đều ở trong đó. Nam Tuyền nói với Vương
24 Lão Sư cao tột, Sư liền đội nón mà đi. Sau Sư ở
25 chùa Đại An ở Hồng Châu, hải chúng đến rất đông.
26 Tướng Quốc Bùi Hưu trấn giữ Uyển lã, lập thiền
27 uyển lớn xin Sư nói pháp. Vì Sư rất thích núi cũ
28 nên gọi Sư là Hoàng bá. Lại xin sư đến quận để

giải thích một bài nói về Sư. Sư nhận lấy đề ở chỗ
ngồi không mở ra đọc. Sư yên lặng hồi lâu hỏi hiểu
chăng? Bùi Hưu nói chưa hiểu Sư nói: Nếu theo
hình thức giấy mực mà hiểu như ông ấy thì làm sao
có tông ta. Bùi bèn tặng một bài thơ rằng:

*Từ khi Đại sĩ truyền tâm ấn
Ngạch có châu tròn thân bảy thước
Mang gậy mười Năm ở Thục Thủy
Phù Bội ngày nay vượt bến chương
Một ngàn Long tượng theo cao bước
Muôn dặm hương hoa kết thắng nhân
Nghĩ muốn thờ thầy làm đệ tử
Chẳng biết đem pháp trao người nào.*

Sư cũng không có sắc vui. Từ đó cửa Hoàng bá
tiếng tăm vang xa. Một hôm Sư lên Pháp đường,
đại chúng nhóm họp bèn bảo rằng: Các ông muốn
cầu gì, nhân đó lấy gậy đuổi đi hết, bảo rằng: Toàn
là bọn uống rượu cặn như thế mà đi hành cước gây
cười cho người chỉ thấy chỗ 800 - 1000 người liền
đi chẳng thể tính chuyện ồn ào đông đúc. Khi Lão
Tăng đi hành cước hoặc gặp dưới rể cỏ có 1 lão ấy,
liền đập trên đầu 1 chùy mà nhìn kỹ, nếu biết đau
đớn đúng sợ thì túi đựng đầy túi gạo mà cũng
dừng. Trong đó có thể giống ông dễ dàng Thế,
chỗ nào có việc ngày nay. Các đã gọi là hành cước,
cũng cần mang tinh thần ấy biết rõ trong nước Đại
Đường không có Thiên sư ở chăng? Lúc đó có 1 vị
Tăng ra hỏi rằng: Các Tôn Túc nơi đều nhóm họp

1 chúng mà khai hóa, vì sao nói không có Thiên sư
2 ở. Sư nói: Không nói chẳng có Thiên sư ở chỉ nói
3 không có sư, xà lê chẳng thấy. Sau Mã Đại sư có
4 88 vị ngồi Đạo Tràng, được Chánh nhãn của Đại
5 sư chỉ có 2, 3 vị, Hòa thượng Lô sơn là 1. người
6 xuất gia phải biết có phận sự từ trước đến. Lại như
7 sau Tứ tổ có Ngưu Đại sư Đầu pháp Dung nói
8 ngang nói dọc. Cũng chẳng hay dưới cửa? Có phải
9 nào này mới phân biệt được Tông Đẳng tà chánh.
10 Lại người trong việc không thể lãnh hội được, chỉ
11 biết học lời nói, mang đây da đến đâu đều nói mình
12 hiểu Thiên, còn giúp ông được gì về sinh tử, khinh
13 chê các Lão túc thì đọa địa ngục nhanh như tên bắn.
14 Ta mới thấy vào cửa liền biết được ông rồi. Lại biết
15 chẳng, phải gấp cố gắng việc không dễ dàng, kêu
16 mặc qua ngày sống uống 1 đời, người sáng mắt
17 cười chê. Ông lâu sau này đều bị kẻ tục tính bán
18 đem đi, phải tự xem xa gần là mặt mũi ai, nếu hiểu
19 thì liền hiểu, nếu không hiểu thì tan đi. Hỏi thế nào
20 là ý Tây Trúc đến? Sư bèn đánh. Từ các chỗ thi
21 thiết đều độ Thượng cơ, bậc Trung hạ chớ nhìn
22 vào. Trong Năm Đại Trung Sư mất ở tại núi này.
23 Vua ban Thụy hiệu là Đoạn Tế Thiên sư Thập hiệu
24 đề Quảng Nghiệp.

3. *Thiên sư Hoàn trung ở núi Đại Từ, Hàng Châu.*

25 Sư người ở Bồ Bản, họ Lô. Xương đánh đầu

1 tròn cao, tiếng vang như chuông. mẹ mất Thuở
2 nhỏ. Từ Sư ở mộ 3 Năm để tang, khi hết tang lo
3 việc báo ân Sư bèn đến Đồng xuất gia ở chùa Tử
4 Tịch Châu Sư lại Tung Nhạc thọ giới học luật. Sau
5 tham vấn ngài Bách Trọng mà nhận được tâm ấn.
6 Rồi đến chùa Thường Lạc ở Nam Nhạc lạc ở cát
7 am tranh ở trên đỉnh núi. Một hôm Nam Tuyền đến
8 hỏi thế nào là chủ trong am? Sư đáp trời xanh trời
9 xanh. Nam Tuyền nói trời xanh tạm thời gác lại,
10 thế nào là chủ trong am? Sư nói: Hiểu liền hiểu
11 chẳng lo đầu đầu. Nam Tuyền bèn phủi tay áo đi
12 ra. Sau Sư ở phía Bắc núi Đại từ tịnh Triết Giang,
13 lên Pháp Đường bảo rằng: Sơn Tăng chẳng hiểu lời
14 đáp chỉ cần biết bịnh. Có 1 vị Tăng ra đứng trước
15 Sư. Sư liền xuống tòa trở về phương trượng. Triệu
16 Châu hỏi: Bát Nhã lấy gì làm thể. Sư nói Bát Nhã
17 lấy gì làm thể. Triệu Châu cười lớn mà ra. Hôm sau
18 Sư thấy Triệu Châu quét đất, hỏi Bát Nhã lấy gì
19 làm thể. Triệu Châu ném chổi vỗ tay cười lớn, Sư
20 liền trở về phương trượng. Có vị Tăng đến từ già
21 Sư hỏi đi đâu? Vị Tăng nói tạm đi Giang Tây. Sư
22 nói: Ta làm phiền ông việc được chăng? Vị Tăng
23 hỏi Hòa thượng có việc gì? Sư nói: Mang Lão Tăng
24 đi. Vị Tăng nói: Lại có lỗi với Hòa thượng là không
25 mang Hòa thượng đi được. Sư liền thôi. Vị Tăng
26 ấy sau kể lại việc ấy với Động Sơn, Sơn nói: Xà lê
27 đâu hợp Đạo. Vị Tăng nói: Hòa thượng thì sao
28 Động Sơn nói được. Động Sơn lại hỏi vị Tăng ấy

1 rằng: Có đại từ riêng câu nói gì? Vị Tăng nói có
2 lúc dạy chúng rằng: Nói được 1 trượng chẳng bằng
3 làm được 1 thước, nói được 1 thước chẳng bằng
4 làm được 1 tác. Động Sơn nói: Ta chẳng nói gì vì
5 Tăng hỏi làm sao. Động Sơn nói: Nói và làm chẳng
6 được, làm và nói chẳng được. sau khi Đường Võ
7 Tông phá bỏ Đạo Phật, Sư mặc áo ngắn mà lánh.
8 Đến Đại Trung Năm Nhâm Thân lại cạo tóc mà
9 rộng bày tông chỉ. Năm Hàm thông thứ 3, ngày
10 rằm tháng 2 Sư không bệnh mà mất thọ 83 tuổi, lập
11 được 54. Vua Đường Hy Tông ban Thụy là Tánh
12 không Đại sư, tháp hiệu là Định tuệ.

13 **4. Thiền sư Phổ Ngạn ở Bình Điền thuộc núi** 14 **Thiên Thai.**

15 Sư người ở Hồng Châu, ở dưới cửa của Bách
16 Trượng mà được ý chỉ. Sau nghe ở Thiên Thai có
17 nhiều Thánh hiền, nghĩ muốn đến phương xa mà
18 tìm dấu vết. Bèn cất am tranh ở dưới rừng yên vắng
19 ngày tháng qua 4 chúng nhiều người biết nên lập
20 thành tịnh xá đặt tên là Thiền viện Bình Điền. Có
21 lúc gọi chúng bảo: Thần quang không mê muội vạn
22 cổ xán lạn. Vào cửa này chớ chấp hiểu biết. Có vị
23 Tăng đến tham vấn.

24 Sư bèn đánh 1 gậy. Vị Tăng ấy đến gần nắm
25 lấy gậy.

26 Sư nói: Lão Tăng vừa rồi rất vội vã. Vị Tăng
27 liền đánh Sư 1 gậy.

Sư nói: Tác gia, tác gia. Vị Tăng lễ bái.

Sư cầm gậy nói: Xà lê này vội gấp. Vị Tăng cười to.

Sư nói: Sư Tăng ấy hôm nay hồng lớn.

Bèn có kệ dạy chúng rằng:

*Đại Đạo rộng lớn
Thường một chân tâm
Thiện ác chó nghĩ
Thần thanh vật biểu
Tùy duyên ăn uống
Lại còn làm gì.*

Sư mất ở viện ấy. Nay Sơn môn ấy cũng còn di tháp đời Tống tu bổ lại đẹp hơn, ban biển Ngạch là Thọ Xương. Thiền sư Ngạn tức là Hòa thượng khai sơn Thọ Xương.

5. Thiền sư Thường Quán ở Ngũ Phong Quân Châu:

Có vị Tăng hỏi: Cảnh ở Ngũ Phong thế nào? Sư nói rất hiểm trở. Vị Tăng hỏi: Người trong cảnh thế nào? Sư nói: Rất lạnh. Có vị Tăng từ già, Sư hỏi: Xà lê đi đâu? Vị Tăng nói đi Đài Sơn. Sư dựng 1 ngón tay nói: Nếu thấy Văn Thù rồi thì tới lui trong ấy nhìn thấy lẫn nhau. Vị Tăng không đáp được. Sư hỏi 1 vị Tăng: Ông có thấy trâu chăng? Vị Tăng nói thấy. Sư hỏi: Thấy sừng bên trái hay bên phải. Vị Tăng không đáp được. Sư tự đáp thay rằng: Thấy không trái phải. Lại Có vị Tăng từ già, Sư nói

Ông đi các nơi chớ chê Lão Tăng ở trong ấy. Vị
Tăng đáp: Con chẳng nói Hòa thượng ở trong ấy.
Sư hỏi: Ông nói Lão Tăng ở đâu? Vị Tăng dựng 1
ngón tay. Sư nói: Đó là sớm chê Lão Tăng.

6. Thiền sư Tánh không ở núi Thạch Sương, ở Đàm Châu.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến?
Sư nói: Nếu người ở trong giếng sâu ngàn thước
nhờ tác dây mà ra được thì người này đáp được ý
từ Tây Trúc đến của ông. Vị Tăng nói: Gần đây ở
Hồ Nam có Hòa thượng Sương ra đời cũng là
người Đông nói lời Tây. Sư gọi Sa di bảo hãy kéo
bỏ cái áo thầy chết đi. Sa di sau nêu câu chuyện ấy
hỏi Đàm Nguyên: Thế nào là người lên khỏi giếng.
Đàm Nguyên tôi kẻ ngu, có ai ở dưới giếng. Sau
hỏi Qui Sơn thế nào là người ra khỏi giếng? Qui
Sơn liền gọi tuệ Tịch tịch liền dạ Qui Sơn nói: ra!
Khi ở Ngưỡng Sơn có nêu câu nói ấy bảo chúng
rằng: Ta ở Đàm Nguyên mà được tên, ở Qui Sơn
mà được đất.

7. Thiền sư Đại An ở Phước Châu.

Sư là người Phước châu, họ Trần, thuở nhỏ ở
núi Hoàng bá mà thọ nghiệp học tập Luật thừa.
Từng nghĩ rằng: Ta tuy siêng năng khổ nhọc mà
chưa nghe được Lý Huyền Cực. Bèn 1 mình chống
gậy đi các nơi. Khi đến Hồng Châu trên đường ra
Thượng Nguyên gặp 1 cụ già gọi Sư bảo rằng: Sư

1 đến Nam Xương sẽ có chỗ được. Sư vội đến ngài
2 Bách Trọng lễ mà hỏi rằng: Đệ tử muốn cầu biết
3 Phật thế nào là đúng. Sư nói: Giống như cửi trâu
4 mà tìm trâu. Sư hỏi biết rồi Thế nào? Bách Trọng
5 nói như vị cửi trâu đến nhà. Sư nói không biết trước
6 sau bao nhậm ra sao? Bách Trọng nói như vị chăn
7 trâu cầm gậy nhìn không cho phạm lúa thóc của vị.
8 Sư từ đó hiểu ý chỉ nên không tìm cầu nữa. Vị đồng
9 tham với Sư là Thiền sư Hựu ở sáng lập ra Qui Sơn.
10 Sư đến trợ Đạo. Khi Thiền sư Hựu ở qui tịch thì
11 chúng xin Sư tiếp làm trụ trì. Sư lên Pháp Đường
12 bảo rằng: Các ông đều đến tìm cầu cái gì, nếu
13 muốn thành Phật thì các ông tự là Phật mà bỏ đi
14 tìm, gấp gấp như nai khát nước bị trời nắng rượt
15 đuổi lúc nào mới được tương ưng. Ông muốn thành
16 Phật thì tâm ông đừng nhiều điên đảo phan duyên
17 vọng tưởng ác giác cầu dục bất tịnh như tâm các
18 chúng sinh, thì ông la tâm đầu Tiên biết Phật, lại
19 hướng về chỗ nào mà riêng dẹp bỏ lý do. Sư bèn ở
20 yên tại Qui Sơn hơn 30 Năm, ăn cơm Qui Sơn ủa
21 đá ở Qui Sơn, chẳng học thiền Qui Sơn, chỉ khán
22 1 con trâu đực nếu lạc đường vào cỏ liền dụng ra
23 nếu phạm vào lúa mạ của người thì phải đánh roi
24 điều phục. Đã lâu đáng thương sống chịu vị nói
25 năng. Như nay đổi thành con trâu trắng thường ở
26 trước mặt, suốt ngày ra đường nằm dưới đất đuổi
27 cũng chẳng đi. Các ông phải tự có ngọc báu vô giá,
28 từ mắt phát ra ánh sáng chiếu khắp sông núi đất

1 liền, từ tai phát ra ánh sáng thu nhận tất cả âm
2 thanh thiện ác, sáu cửa ngày đêm thường phát ra
3 ánh sáng, cũng gọi là Tam-muội phóng quang. Các
4 ông tự chẳng biết lấy hình ảnh trong thân 4 đại,
5 trong ngoài (giữ gìn) chẳng cho nghiêng đổ, như
6 người gánh nặng đi qua cầu khỉ chênh vênh cũng
7 chẳng té ngã. Lại là vật gì giữ gìn cho được. Thế
8 ông tìm mảy may chẳng thấy. Cho nên Hòa thượng
9 Chí Công nói: Trong ngoài tìm kiếm đều không có
10 thì thiết trên cảnh thì trở thành tự nhiên to lớn có
11 người hỏi, tất cả việc ra làm chính là dụng của.
12 Pháp thân thế nào là pháp thân. Sư nói: Tất cả việc
13 ra làm là của dụng pháp thân. Vị Tăng nói: Là 5
14 uẩn thế nào là thân xưa nay? Sư nói: Địa, thủy, hỏa,
15 phong, thọ, tưởng, hành, thức. Vị Tăng nói: Cái đó
16 là 5 uẩn. Sư nói: Cái đó khác 5 uẩn. Hỏi lúc âm này
17 chết, âm kia chưa sinh thì sao? Sư nói nếu hiểu âm
18 này thì biết âm kia. Lại hỏi khi Đại dụng hiện tiền
19 chẳng còn qui tắc là sao? Sư đáp: Ông dụng được
20 thì dùng. Vị Tăng phanh ngực đi nhiều Sư 3 vòng.
21 Sư nói: Việc hướng thượng sao chẳng nói ấy. Vị
22 Tăng định mở miệng. Sư liền đánh bảo rằng: Gã
23 chồn hoang kia đi ra mau. Có vị Tăng lên Pháp
24 Đường quay nhìn Đông Tây chẳng thấy Sư, bèn
25 bảo: Ôi Pháp Đường này chỉ là không người. Sư từ
26 trong cửa đi ra nói: thế nào? Vị Tăng không đáp
27 được. Hòa thượng Vân Phong nhân vào núi hại
28 được 1 cành cây hình giống con rắn, ở lưng có đề

1 rằng: Vốn tự thiên nhiên chẳng nhờ chạm trổ xin
 2 gởi cho Sư. Sư nói: Vật này ở núi lại không có vết
 3 búa của người. Có người hỏi: Phật ở đâu? Sư nói:
 4 Chẳng lìa tâm. Lại hỏi: Song Phong Thượng Nhân
 5 có chỗ được gì? Sư nói: Pháp không có chỗ được,
 6 nếu có chỗ được thì được vốn không được. Có vị
 7 Tăng hỏi: Quân Hoàng Sào đến Hòa thượng đi trốn
 8 ở đâu? Sư nói 5 uẩn trong núi. Vị Tăng hỏi bỗng bị
 9 bắt trói lúc đó ra sao? Sư nói: Nào loạn tướng
 10 quân? Sư hoảng hóa ở Mân Thành hơn 20 Năm.
 11 Năm Đường Trung Hòa thứ 3, ngày 22 tháng 10,
 12 về chùa Hoàng bá bị bệnh mà mất. Tháp xây ở núi
 13 lăng già. Vua ban Thụy là Viên Trí Thiên sư ở,
 14 tháp hiệu Chứng Chân.

15 **8. Thiên sư Thần Tán ở Cổ Linh, Phước** 16 **Châu.**

17 Sư trú chùa Đại Trung ở châu này sau khi thọ
 18 nghiệp thì đi hành cước gặp ngài Bách Trọng mà
 19 được khai ngộ, rồi trở về chùa xưa. Thầy thọ
 20 nghiệp hỏi rằng: Ông rời ta ra ngoài được sự
 21 nghiệp gì? Đáp: Điều không có sự nghiệp. Bèn sai
 22 làm việc. Một hôm ngài tắm rửa, sai Sư kỳ cọ. Sư
 23 bèn vỗ lưng nói: Ôi điện Phật mà Phật chẳng
 24 Thánh. Thầy quay đầu nhìn Sư bảo Phật, tuy chẳng
 25 Thánh nhưng lại phát ra ánh sáng. Một hôm thầy
 26 của Sư xem kinh bên cửa sổ, có con ong đâm đầu
 27 vào kính cửa sổ tìm cách bay ra. Sư thấy vậy nói:

1 Thế giới rộng rãi chẳng chịu ra, lại chui giấy cũ
2 nhiều Năm mới ra được. Ông thầy bỏ kinh xuống
3 hỏi: Ông đi hành cước gặp ai mà ta thấy trước sau
4 ông nói năng lạ thường. Sư đáp: Con được Hòa
5 thượng Bách Trượng chỉ chỗ, nay muốn đáp lại từ
6 đức của thầy mà thôi. Vị thầy do đó mời chúng
7 dùng trai, rồi xin Sư nói pháp. Sư lên pháp tòa nói
8 về môn phong của ngài Bách Trượng bèn nói: Linh
9 quang soi chiếu vượt thoát căn trần, thể bày chân
10 thường chẳng câu chấp văn tự (chữ nghĩa), tâm
11 tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng
12 duyên thì tức là Phật như như. Vị thầy qua lời nói
13 liền cảm ngộ bảo rằng biết bao giờ Lão Tăng được
14 nghe điều rốt ráo. Sau Sư ở Cổ Linh nhóm họp đồ
15 chúng được mấy Năm. Khi sắp qui tịch thì Sư cạo
16 tóc tắm gội đánh chuông bảo chúng rằng: Các ông
17 có biết Tam-muội Vô Thình chẳng? Chúng nói
18 không biết. Sư nói các ông lắng nghe chớ suy nghĩ
19 gì khác. Chúng đều lắng nghe, thì Sư an nhiên thị
20 tịch, tháp thờ sư vẫn còn ở núi ấy.

21 *9. Thiền sư thông ở chùa Hòa An Quảng* 22 *Châu.*

23 Sư thọ nghiệp tại chùa Song Lâm ở Vu Châu.
24 Còn nhỏ đã ít nói, người lúc ấy gọi là "Nói chẳng
25 thông". Nhân lễ Phật có thiền giả hỏi rằng: Tọa chủ
26 lễ? Sư nói: Lễ Phật. Thiền giả bèn chỉ Tượng hỏi
27 rằng: Cái này là vật gì? Sư không đáp. Đến đêm

1 đáp y đầy đủ oai nghi lễ Thiên giả hỏi rằng: Hồi
 2 sáng câu hỏi có ý chỉ gì con chẳng hay? Thiên giả
 3 nói: Tọa chủ mấy hạ rồi? Sư nói 10 hạ. Thiên giả
 4 nói: Có hiểu xuất gia chưa? Sư càng mờ mịt. Thiên
 5 giả nói nếu cũng chưa hiểu thì trăm hạ có kêu thua
 6 gì. Thiên giả bèn bảo Sư đến tham vấn Mã Tổ. Khi
 7 đi đến Giang Tây thì Mã Tổ đã thị tịch, bèn yết
 8 kiến ngài Bách Trượng thì sớm mở nghi tình. Có
 9 người hỏi: Sư có phải là Thiên sư hay chăng? Sư
 10 nói: Bần đạo chẳng hề học thiên. Sư im lặng hồi
 11 lâu rồi gọi người ấy. Người ấy dạ. Sư bèn chỉ cây
 12 cọ. Một hôm Sư khiến Ngưỡng Sơn đem cái
 13 giường đến. Sư nói đưa nó về chỗ cũ. Ngưỡng Sơn
 14 làm theo. Sư nói: Cái giường kia là vật gì? Ngưỡng
 15 sơn nói: Không vật. Sư nói đó là vật gì. Ngưỡng
 16 Sơn nói không vật. Sư bèn kêu Tuệ Tịch. Ngưỡng
 17 Sơn dạ. Sư nói: Đi!

10. Thiên sư Đài ở Long Vân Giang Châu.

18 Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc
 19 đến: Sư đáp: Đêm qua Lão Tăng đã mất trâu.

11. Thiên sư Đạo ở Viện Vệ Quốc Kinh Triệu:

20 Có vị Tăng đến tham vấn, Sư hỏi: Từ đâu đến?
 21 Vị Tăng nói ở phía sông Tương Nam đến. Sư hỏi:
 22 Nước Sông Hoàng Hà trong chưa. Vị Tăng không
 23 đáp được. Sư bị bệnh có người đến tham. Sư chẳng
 24 ra. Người ấy nói: Từ lâu nghe Hòa thượng đạo đức.

1 Bổng thừa pháp thể khiến hòa, xin Hòa thượng cho
2 gặp. Sư lấy cái bát gỗ đựng cái bát đá sai thị giả
3 bung ra trình, người ấy không đáp được.

4 **12. Hòa thượng Vạn Tuế Trấn Châu.**

5 Có vị Tăng hỏi: Đại chúng nhóm họp bàn luận
6 việc gì? Sư nói: Phẩm Tựa thứ nhất.

7 **13. Thiền sư Duy Chánh ở núi Bách Trượng** 8 **ở Hồng Châu.**

9 Một hôm Sư gọi vị Tăng bảo rằng: Ông cày
10 ruộng dùng ta, ta nói đại nghĩa cho ông nghe đang.
11 Vị Tăng cày ruộng xong về xin Sư nói đại nghĩa
12 Sư bèn rộng 2 tay. Có lão Túc thấy ánh nắng chiếu
13 qua cửa sổ, hỏi Sư rằng: Là cửa sổ đến mặt trời hay
14 mặt trời đến cửa sổ? Sư nói trong phòng Trương
15 lão có khách về rồi. Sư hỏi Nam Tuyên rằng: Thiện
16 tri thức các nơi có người không nói tương tự với
17 pháp này hay không? Nam Tuyên nói có. Sư nói:
18 Là thể nào? Đáp: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật.
19 Sư nói: Như thế thì nói tương tự với người rồi. Đáp
20 tôi là sao?

21 Sư hỏi: Sư bá làm gì? Đáp: Ta lại chẳng phải là
22 Thiện tri thức sao biết có nói không nói pháp nào.
23 Sư nói: Con chẳng hiểu xin Sư bá nói. Đáp: Ta đại
24 sát vì ông nói xong. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là
25 Phật Phật đạo bằng nhau? Sư đáp định. Sư trên
26 đường vào kinh gặp quan mời ăn uống, bỗng thấy
27 con lừa hí vang. Quan gọi Đầu Đà thì Sư ngẩng

đầu, quan chỉ lừa, Sư liền chỉ quan nhân.

14. Hòa thượng Tuệ ở Đông Sơn Hồng Châu.

Sư dạo núi ấy thấy 1 hang núi. Vị Tăng hỏi: Hang này có chủ hay không? Sư nói có. Vị Tăng hỏi là ai? Sư nói 3 nhà trong thôn tìm cái gì. Vị Tăng ấy vào hỏi thế nào là chủ trong hang núi. Sư hỏi lại gấp lắm chẳng? Có vị Sư nhỏ hành cước về. Sư hỏi: Ông rời ta ra ngoài bao lâu rồi. Sư nhỏ nói: 10 Năm. Sư nói không cần chỉ Đông chỉ Tây thẳng đường tương lai Tiểu Sư nói đối với Hòa thượng chẳng dám nói sai. Sư hét gã đánh đánh đòn. Một hôm Hòa thượng Thanh Điền cùng Thượng Tọa Thao nấu trà. Sư gõ vào giường ba tiếng. Thao cũng gõ ba tiếng đưa 3 lần. Sư nói Lão Tăng đưa có sư khéo léo, Thượng Tọa gõ có đạo lý gì? Thao nói: Con gõ có cái phương tiện, Hòa thượng đưa cái gì? Sư đưa cái chén. lên Thao nói: Đây Thiện tri thức mắt cần gì. Nấu trà xong Thao hỏi Hòa thượng vừa đưa cái chén là ý gì. Sư nói chẳng thể có riêng. Hòa thượng Đại Vu cùng Nam Dụng đến nhà uống trà thấy 1 vị Tăng ở trước không xét, Dụng nói: Ta đã không nhận ông, ông cũng chẳng thấy ta, chẳng biết là ai? Vị Tăng không đáp. Sư nói: Không có thể không duyên có mà hỏi người ta như thế. Dụng nói Đại Vu cũng không đáp. Sư bèn nắm lấy vị Tăng ấy bảo ông sao làm lụy ta, cũng

phải đánh một tát. Dụng mỉm cười bảo Trăng sáng và trời xanh. Thị giả đến tham Sư hỏi Kim cang Chánh Định tất cả đều thế, Thu đi Đông đến làm gì sinh Thị giả nói chẳng ngại Hòa thượng mượn hỏi. Sư nói tức nay tức được trở đi làm gì. Thị giả nói ai dám hỏi đến con. Sư hỏi Đại Vu được cái gì Thị giả đáp cũng muốn người khác xem xét. Sư nói giúp đỡ Tông sư chẳng bỏ vinh dự. Thị giả liền đánh lễ.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Tạng ở Tây
Đường Kiền
Châu trước đây.**

1. Thiền sư Xử Vi ở Kiền Châu.

Vị Tăng hỏi: 12 phần giáo của 3 thừa, thể lý được diệu là đồng hay khác cùng ý Tổ Sư? Sư nói: Đó cần phải hướng 6 câu, bên ngoài không được chuyển theo thanh sắc khác mà. Vị Tăng nói: Thế nào là 6 câu. Sư nói: Nói im lặng, chẳng nói chẳng im lặng, đều là chung chẳng là, ông hợp làm sao? Vị Tăng không đáp được. Sư hỏi Ngưỡng Sơn: Ông tên gì? Đáp: Tuệ Tịch. Sư hỏi cái gì là tuệ cái gì là Tịch? Đáp: Chỉ ở trước mắt. Sư nói: Cũng còn có trước sau. Tịch đáp trước sau tạm thời gác lại, Hòa thượng thấy cái gì. Sư đáp: Uống trà đi.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Triệt ở núi**

Ma Cốc, Bồ Châu.

1. Thiền sư Lương Toại ở Thọ Châu.

Lúc đầu Sư đến tham vấn Ma Cốc. Ma Cốc gọi Lương Toại, Sư: đáp dạ! 3 lần gọi Thế 3 lần dạ. Ma Cốc nói Sư độn y. Sư mới tỉnh ngộ thưa rằng: Hòa thượng chớ lừa Lương Toại. Nếu không đến lễ Hòa thượng thì sông uống 1 đời. Ma Cốc liền ấn khả.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Như Hội ở chùa
Đông thuộc
Hồ Nam trước đây.**

1. Thiền sư tuệ Siêu ở Thự Sơn thuộc, Cát Châu.

Động Sơn đến lễ bái, Sư nói: Ông đã ở 1 nơi lại đến trong ấy làm gì? Đáp: Lương giá không có nghi gì chỉ đến thăm Hòa thượng. Sư gọi Lương Giá, Giá dạ! Sư hỏi là cái gì? Giá không đáp được. Sư nói: Ông Phật đẹp nhưng không lửa sáng.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hoài Uẩn
chùa Chương Kính ở, Kinh Triệu.**

1. Thiền sư Hoảng Biện ở chùa Đại Tiến Phước Tự, Kinh Triệu.

Vua Đường Tuyên Tông hỏi: Thiện Tông sao có tên Nam Bắc. Sư đáp: Thiền môn vốn không

1 Nam Bắc, xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn giao
2 cho Đại Ca-diếp, lần hồi truyền đến Tổ 28 là Bồ đề
3 Đạt Ma tổ đạo đến xứ này là Tổ thứ nhất, đến Tổ
4 thứ 5 là Hoằng Nhẫn mở pháp Đông Sơn thuộc Kỳ
5 châu. Lúc đó có 2 đệ tử: 1 là tuệ Năng lãnh y pháp
6 ở Lãnh Nam làm Tổ thứ 6; 1 là Thần Tú ở phía Bắc
7 mà hoằng hóa, sau đó đệ tử của Thần Tú là Phổ
8 Tịch lập thầy của mình làm Tổ thứ 6, mà tự xưng
9 là Tổ thứ 7. Pháp được tuy 1 mà mở mang phát ngộ
10 có Đôn Tiệm khác nhau, cho nên nói Nam Đôn,
11 Bắc Tiệm. Không phải là Thiên tông vốn có tên
12 Nam Bắc. Vua hỏi thế nào gọi là Giới Sư? Đáp
13 rằng: Phòng lỗi ngăn ác gọi là giới. Vua hỏi sao gọi
14 là Định? Đáp: 6 y dụng cảnh tâm không duyên theo
15 gọi là Định. Vua hỏi: Thế nào là tuệ? Đáp rằng:
16 Tâm cảnh đều không chiếu soi không mê hoặc gọi
17 là tuệ. Vua hỏi: Thế nào là phương tiện? Đáp:
18 Phương tiện là môn dấu thật che tướng quyền xảo
19 khéo léo, tìm cách tỉ mỉ dẫn dắt kẻ trung hạ, gọi là
20 phương tiện. Nếu vì bậc thượng y nói bỏ phương
21 tiện chỉ nói Đạo vô thường, thì đây cũng là phương
22 tiện. Cho đến Tổ Sư nói năng huyền hoặc quên
23 công dứt lời thì cũng đều là phương tiện. Vua hỏi:
24 Thế nào là tâm Phật? Đáp: Phật là tiếng Thiên
25 Trúc, Đường gọi là Giác, tức là vị có trí tuệ giác
26 chiếu là tâm Phật. Tâm là tên khác của Phật. Có
27 trăm ngàn hiệu khác, thể chỉ là 1, vốn không hình
28 dạng, không có tướng xanh vàng đỏ trắng nam nữ.

1 Ở trời mà không phải trời, ở người mà không phải
2 người mà hiện trời hiện người, hoặc nam hoặc nữ,
3 chẳng đầu chẳng cuối không sinh không diệt, nên
4 gọi là tánh linh giác. Như Bệ hạ hàng ngày ứng
5 muôn cơ tức tâm Phật của Bệ hạ. Dù cho ngàn Phật
6 cùng truyền mà không có niệm riêng nào có chỗ
7 được (sở đắc). Vua hỏi: Như nay có người niệm
8 Phật là sao? Đáp: Như Lai ra đời làm Thiện tri thức
9 của trời người, tùy y khí mà nói pháp. Vì người
10 thượng căn thì khai mở Tối thượng thừa, đốn ngộ
11 chí lý, còn kẻ trung hạ y thì chưa sớm hiểu. Do đó
12 Phật vì Vi Đề Hy mà quyền mở 16 quán môn,
13 khiến niệm Phật sinh về Cực Lạc cho nên kinh nói:
14 Tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật. Ngoài tâm không
15 Phật, ngoài Phật không tâm. Vua hỏi có vị tri kinh
16 niệm Phật trì chú cầu Phật là Thế nào? Đáp: Như
17 Lai các thứ mở mang khen ngợi đều là Nhất thừa
18 tối thượng. Như trăm sông suối đều chảy về biển,
19 các số khác nhau Thế đều về biển Tát Bà Nhã. Vua
20 hỏi: Tổ sư đã khế hội tâm ấn. Như kinh Kim cang
21 nói thì pháp vô sở đắc là thế nào? Đáp: Phật hóa
22 độ thật ra không có 1 pháp ban cho người mà chỉ
23 bày cho mọi người đều tự tánh đồng 1 pháp Bảo
24 Tàng. Lúc đó đức Như Lai Nhiên Đăng chỉ ấn
25 chứng pháp vốn có của Đức Thích ca mà không có
26 gì đạt được mới khế hợp với bản ý của Nhiên đấng.
27 Cho nên kinh nói: Không ngã không nhân không
28 chúng sinh không thọ giả là pháp bình đẳng, tu tất

cả pháp lành mà không chấp tướng. Vua hỏi Thiền sư ở đã hiểu ý Tổ lại còn lễ Phật tụng kinh chẳng. Đáp: Sa môn là con Phật lễ Phật tụng kinh. Bởi là trụ trì thường pháp (giữ gìn pháp thường) có 4 cách báo ân, Song y theo giới Phật mà tu thân, tham tìm tri thức, tiêm tu phạm hạnh, đập vào dấu vết chỗ làm của Như Lai. Vua hỏi: Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu? Đáp: Đốn biết tự tánh đồng hàng (bậc với Phật). Nhưng vì có tập nhiễm từ vô thủy nên nhờ tiệm tu mà đối trị khiến thuận tánh khởi dụng, như vị ăn cơm chẳng phải 1 miếng mà no. Ngày ấy Sư Hoằng Biện đối đáp qua 7 khắc. Vua ban cho y tía đặt hiệu là Thiền sư Viên Trí. Lại ra lệnh khắp thiên hạ đều sửa sang các tháp Tổ và đều khiến giữ gìn.

2. Thiền sư Trí chân ở Qui Sơn, Phước Châu.

Sư người ở Dương Châu, họ Liễu, thọ nghiệp tại chùa Hoa Lâm ở phước Châu (Năm Đường Nguyên Hòa 1, Sư dời về Nhuận Châu ở thọ giới chùa Thiện Hương chẳng học kinh luận chỉ mến Thiền Na. Trước yết kiến Thiền sư Hoài Uẩn. Hoài Uẩn hỏi: Từ đâu đến, Chân đáp: Đến không chỗ đến, đi không chỗ đi. Hoài Uẩn tuy làm thỉnh nhưng, Chân cũng tự ngộ. Liền tìm đến Vụ Châu ở núi Ngũ Tiết gặp Thiền Bá Chánh Nguyên. Năm Trùng Khánh thứ 2 cùng dạo đến Kiến Dương.

Người ở thọ quận là Diệp Phần xin Sư ở Đông Thiên. Đến Năm Khai Thành 1 thì Sư sang ở Phước Châu. Người ở ấp Trường Khê là Trần Lượng Huỳnh Du xin Sư ở Qui Sơn mà khai sáng. Một hôm Sư dạy chúng rằng: Mọi cử động nhìn nghe không ra ngoài con người hiện tại 1 niệm tịnh tâm xưa nay là Phật. Bèn nói kệ rằng:

*Tâm vốn dứt trần đâu cần rửa
Trong thân không bệnh cần gì thuốc
Muốn biết Phật ấy, chẳng phải thân
Gương sáng treo cao khi chưa chiếu.*

Sau gặp lúc vua Đường Võ Tông dẹp chùa đuổi vị Tăng ni, Sư có hai bài kệ dạy chúng rằng:

*1) Trăng sáng phân hình ở mọi nơi
Bạch y bèn thành người hiểu không
Ai nói người tục ngại tu Đạo
Kim túc từng là thân trưởng giả.
2) Dưới rừng nhàn Tiên ngồi tu thiền
Từng bị Ca Vương chặt tay chân
Huống ta triều này không việc ấy
Ngày nay Đạo suy có gì lo.*

Khi gặp vua Đường Tuyên Tông Trung Hưng Sư không mặc áo Đạo nữa. Năm Hàm Thông thứ 6 thì Sư mất ở (núi này), thọ 84 tuổi, lập được 60. Vua ban Thụy là Qui Tịch Thiên sư ở, tháp hiệu Bí Chân.

3. Thiền sư Hoài Chánh ở Đông Áp, Lãng

Châu.

Ngưỡng Sơn đến tham vấn. Sư hỏi: Ông là người ở đâu? Ngưỡng Sơn nói: người ở Quảng Nam. Sư hỏi Ta nghe Quảng Nam có trấn hải minh châu phải chăng? Ngưỡng Sơn nói đúng. Sư hỏi: Châu ấy hình dạng Thế nào? Ngưỡng sơn nói trắng sáng liên hiện. Sư hỏi: Ông có đem được đến đây chăng? Ngưỡng Sơn nói đem đến được. Sư hỏi sao không trình cho Lão Tăng xem. Ngưỡng Sơn nói hôm qua đến Qui Sơn cũng đến tuệ Tịch đòi lấy châu này mà đã không có lời để đáp, không có lý để có thể bày. Sư nói rõ thật là sư tử con gầm tiếng sư tử lớn.

4. Thiền sư Thao ở Kim Châu.

Một hôm xin Hòa thượng Mễ thọ trai mà không sắp đặt chỗ ngồi. Hòa thượng Mễ đến trải tọa cụ mà lễ bái. Sư xuống giường thiền. Mễ bèn lên chỗ Sư mà ngồi, còn Sư trải chiếu ngồi dưới đất. Thọ trai xong thì Mễ liền đi. Thị giả thưa với Sư: Hòa thượng được mọi người kính trọng, hôm nay chỗ ngồi bị người khác chiếm. Sư nói 3 ngày trở lại được cứu. Quả nhiên 3 ngày sau Mễ đến bảo rằng: Hôm trước gặp giặc.

5. Hòa thượng Cổ Đê ở Lăng Châu.

Bình thường thấy vị Tăng đến đều nói: Đi đi, ông không có Phật tánh vị Tăng không đáp được, hoặc có người đáp thì không hiểu ý chỉ. Một hôm

Ngưỡng Sơn tuệ Tịch đến tham vấn. Sư nói đi đi, ông không có Phật tánh. Tịch vòng tay đến trước dạ. Sư cười đáp: Ông ở đâu được Tam-muội này? Tịch nói con từ Qui Sơn mà được. Tịch hỏi: Hòa thượng từ ai mà được. Sư nói ta từ Chương Kính mà được.

6. Hòa thượng Công Kỳ ở Hà Trung.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo, thế nào là Thiền Sư nói. Có tên gọi không phải Đại Đạo, phải quấy đều chẳng phải Thiền. Muốn biết ý trong đó, lá vàng ngăn tiếng tiền.

* Truyền tâm pháp yếu của Thiền sư Hy Vận ở Hoàng bá. (Do Bùi Hưu ở Hà Đông biên tập)

Có Đại Thiền sư hiệu Hy Vận ở dưới Thửu Phong núi Hoàng Bá- huyện Cao An thuộc Hồng Châu, chính là cháu đích tôn của Lục Tổ Tào Khê, con của Bách Trượng cháu của Tây đường, chuyên tu Tối thượng thừa, được ấn lìa văn tự. Chỉ truyền 1 tâm không còn pháp nào khác, tâm thể cũng không muôn duyên dứt bật. Như vàng mặt trời sáng rực rỡ trên không sạch trong không chút bụi nhơ. Chứng thì không mới cũ cạn sâu, nói thì không lập nghĩa giải, chẳng lập Tông chủ, chẳng mở cửa nẻo, ngay đây là đó động niệm thì trái, sau mới là Bốn Phật. Cho nên lời ấy đơn giản, lúc ấy thẳng thắn, đạo ấy cao vời, hạnh ấy lẻ loi. Người học bốn phương tìm núi mà đến, thấy tướng mà

1 ngộ. Hải chúng Tới lui hơn ngàn vị. Tôi vào Năm
2 Hội Xương thứ 2, ở Chung lăng. Từ núi rước đến
3 châu nghỉ ở chùa Hưng Long, sớm tối hỏi Đạo.
4 Năm Đại Trung 2 ở tại Uyển lăng, lại lễ rước về Sở
5 Bộ mời ngụ chùa Khai Nguyên, sớm chiều thọ
6 pháp. Bèn lui về mà ghi lại thì 10 điều chỉ được 2-
7 3. Chuyên vì tâm ẩn chẳng dám phát dương. Nay
8 sợ tinh nghĩa nhập thần đời sau chưa nghe mà đem
9 ra trao cho môn hạ. Vị Tăng Thái Châu Pháp Kiến
10 về chùa Quảng Đường ở núi cũ, mời các Trưởng
11 lão và pháp chúng hỏi rõ các điều nghe thấy về Sư
12 ngày xưa giống hay khác ra sao? Bây giờ là ngày
13 08 tháng 10 Niên hiệu Đường Đại Trung thứ 11
14 kính ghi.

15 Chư Phật cùng tất cả chúng sinh chỉ là 1 tâm
16 không còn có pháp nào khác. Tâm này từ vô thi
17 đến nay không hề sinh cũng không hề diệt, chẳng
18 xanh chẳng vàng không hình không tướng, chẳng
19 thuộc có không, chẳng kể mới cũ không phải dài
20 ngắn, không phải lớn nhỏ, vượt ngoài tất cả hạn
21 lượng, danh ngôn, dấu vết, đối đãi. Đương thể thì
22 đứng, động niệm liền sai. Cũng như hư không
23 chẳng có bờ cõi, chẳng thể suy lường. Chỉ 1 tâm
24 này tức là Phật, Phật cùng chúng sinh không có
25 khác nhau. Chỉ là chúng sinh chấp tướng cầu bên
26 ngoài mà trở thành sai, khiến lầy Phật tìm Phật đem
27 tâm bắt tâm, cùng kiếp trọn đời cũng không thể
28 được. Chẳng biết dứt niệm quên nghĩ thì Phật tự

hiện tiền.

- Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Phật, Phật tức là tâm. Khi làm chúng sinh thì tâm này chẳng bớt khi thành Phật thì tâm này chẳng thêm. Cho đến Lục Độ vạn hạnh, hà sa công đức, vốn tự đầy đủ không nhờ tu thêm. Gặp duyên thì bỏ, duyên dứt thì vắng lặng. Nếu chẳng quyết định tin đây mà muốn trước tướng tu hành để cầu công dụng thì đều là vọng tưởng cùng Đạo trái nhau. Tâm này tức là Phật mà không có Phật khác cũng không có tâm khác. Tâm này sạch sáng cũng như hư không. Chẳng 1 điểm hình tướng, dấy tâm động niệm liền trái pháp thể, tức là trước tướng. Mà từ vô thủy đến nay không có trước tướng (chấp vào tướng). Phật tu Lục Độ Vạn hạnh là muốn cầu thành Phật tức là thứ lớp, mà từ vô thủy đến nay không có Phật thứ lớp. Chỉ ngộ 1 tâm, lại không có 1 tí pháp nào có thể được. Đây thì là chân Phật, Phật cùng chúng sinh 1 tâm không khác. Cũng như hư không chẳng tạp chẳng hoại. Như vàng thái dương khắp chiếu 4 thiên hạ. Khi mặt trời chiếu thì sáng khắp thiên hạ mà hư không chẳng thêm sáng. Khi mặt trời lặn thì tối khắp thiên hạ mà hư không cũng chẳng tối thêm. Cảnh sáng tối tự tướng nó cướp nhau. Tánh của hư không rộng rang không thay đổi. Phật cùng chúng sinh và tâm cũng thế. Nếu xem Phật là tướng thanh tịnh sáng suốt giải thoát, xem chúng sinh là tướng nhơ bẩn

tôi đen sinh tử, người này có cái hiểu Thế thì trái
hà sa kiếp cũng trọn không được Bồ đề, ấy là vì
trước tướng. Chỉ 1 tâm này lại không có mấy may
chút pháp nào có thể được, tức là Phật. Nay người
học Đạo chẳng hiểu (ngộ) tâm thể này, liền ở trên
tâm mà sinh tâm hướng ngoại mà cầu Phật, trước
tướng mà tu hành đều là ác pháp, chẳng phải Đạo
Bồ đề.

- Cúng dường mười phương chư Phật chẳng
bằng cúng dường cho 1 vị vô tâm chẳng thể được.
Vô tâm là không tất cả tâm, là thể như như, trong
ngoài như gỗ đá chẳng động chẳng chuyển. Trong
ngoài như hư không chẳng ngăn chẳng ngại không
năng không sợ, không nơi chốn, không hình tướng,
không được mất. Tới thì chẳng dám vào. Pháp này
sợ lạc vào không, chẳng nơi nương tựa cho nên
trông bờ bên mà lui. Đáng lý Văn Thù, đáng hạnh
Phổ Hiền, lý là lý chân không vô ngại, Hạnh là
hạnh là tướng vô tận. Đáng Đại từ của Quán Âm,
đáng Đại trí của Thế Chí, là Duy Ma Tịnh Danh.
Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng chẳng
khác gọi là Tịnh Danh, là biểu thị của các Đại Bồ
tát, vị đều có chẳng lìa một tâm, ngộ thì tức là
đúng. Nay người học Đạo chẳng hướng trong tâm
mình mà ngộ, bèn ở ngoài mà cầu, mà trước tướng
lấy cảnh thì đều cùng Đạo trái nhau. Hằng hà sa
Phật nói là cát. Cát này chư Phật Bồ tát, các trời
Thích Phạm bước lên mà đi, cát cũng chẳng vui.

1 Trâu dê trùng kiến giậm đạp mà đi, cát cũng chẳng
2 giậm. Trâu bảo thỏ nòng, cát cũng chẳng tham.
3 Cút đá hôi tanh cát cũng chẳng ghét.

4 - Tâm này tức là tâm của vô tâm, là tất cả
5 tướng. Chúng sinh và chư Phật lại không khác
6 nhau. Chỉ có thể vô tâm thì đều là rốt ráo. Nếu
7 Người học Đạo chẳng ngay đây mà vô tâm thì dù
8 nhiều kiếp tu hành cũng không thành Đạo. Vì bị
9 công hạnh 3 thừa trói buộc chẳng được giải thoát.
10 nhưng chứng tâm này có chậm mau. Có người
11 nghe pháp 1 niệm liền được vô tâm, có người đến
12 Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng
13 mới được vô tâm. Có người cho đến Thập địa nói
14 được vô tâm. Dài ngắn được vô tâm liền trụ, lại
15 không thể tu, lại không thể chứng. Thật không có
16 chỗ được, chân thật chẳng dối một niệm mà được
17 cùng với thập địa mà được thì công dụng ngang
18 nhau không có cạn sâu, chỉ là trải nhiều kiếp chịu
19 khổ nhọc 1 cách vô ích mà thôi. Vì làm thiện làm
20 ác đều là trước tướng. Trước tướng gây ác thì uổng
21 chịu luân hồi. chấp tướng tạo thiện thì uổng chịu
22 khổ nhọc. Tóm lại không bằng sau lời nói mà tự
23 mình nhận lấy Bốn pháp. Pháp này tức tâm, ngoài
24 tâm không pháp. Tâm này tức pháp, trong pháp
25 không tâm. Tâm tự không tâm cũng không cả
26 không có tâm. Lấy cái tâm không tâm này thì tâm
27 liền thành có, chỉ ngầm khế hợp mà dứt hết các suy
28 lường nghĩ ngợi. Cho nên kinh nói ngôn ngữ đạo

1 đoạn, tâm hành xứ diệt (dứt đường nói năng bật
2 chỗ nghĩ ngợi). Tâm này là nguồn gốc thanh tịnh
3 của Phật, mọi người đều có. Các loài súc vật máy
4 động (biết cử động) cùng chư Phật Bồ tát đồng 1
5 thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo
6 các thứ nghiệp, quả thật ở Phật chẳng có 1 vật nào,
7 trống rỗng thông suốt lặng bật sáng diệu an lạc mà
8 thôi. Tự mình tỏ ngộ sâu sắc. Ngay đây là trọn vẹn
9 đầy đủ không hề thiếu sót. Dẫu 3 A Tăng kỳ tinh
10 tiến tu hành trải qua các ngôi vị, và 1 niệm khi
11 chứng chỉ là chứng Phật xưa nay của mình hướng
12 lên không thêm được 1 vật nào. Trải xem dụng
13 công nhiều kiếp đều là trong mộng vọng làm. Cho
14 nên Như Lai nói: Ta đối với A nậu Bồ đề thật
15 không chỗ được. Nếu vọng có sở đắc thì Phật
16 Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta. Lại nói: Pháp
17 ấy bình đẳng không có cao thấp, đó gọi là Bồ đề,
18 tức là tâm vốn xưa nay thanh tịnh này. Cùng với
19 chúng sinh chư Phật thế giới núi sông, có tướng
20 không tướng khắp cùng mười phương cõi, tất cả
21 đều bình đẳng không có tướng kia đây. Tâm vốn
22 xưa nay thanh tịnh này thường tự tròn sáng khắp.
23 Người đời không ngộ mà chỉ nhận lấy thấy nghe
24 hiểu biết là tâm nên bị thấy nghe hiểu biết ngăn
25 che. Do đó khi thấy tính mình bản thể thì ngay ở
26 vô tâm mà bản thể tự hiện. Như vàng mặt trời sáng
27 rực trên hư không chiếu khắp mười phương không
28 chướng ngại. Cho nên người học Đạo chỉ nhận

1 thấy nghe hiểu biết làm động tác không tức thấy
 2 nghe hiểu biết, tức đương tâm dứt mất chỗ vào, chỉ
 3 đối với thấy nghe hiểu biết mà nhận ra bản tâm,
 4 nhưng bản tâm lại không thuộc thấy nghe hiểu biết,
 5 cũng chẳng là thấy nghe hiểu biết, chỉ dừng ở trên
 6 thấy nghe hiểu biết mà khởi lên kiến giải, không
 7 thấy nghe hiểu biết mà động niệm cũng chẳng là
 8 thấy nghe hiểu biết mà tìm tâm, cũng chẳng là thấy
 9 nghe hiểu biết mà lấy pháp. Chẳng tức chẳng là
 10 chẳng trụ chẳng trước. Dọc ngang tự tại không đâu
 11 là chẳng phải Đạo tràng.

12 - Người đời nghe nói chư Phật đều truyền tâm
 13 pháp, bèn bảo trong đó có 1 pháp tâm riêng để
 14 chứng, bèn đem tâm mà tìm pháp mà chẳng biết
 15 tâm tức là pháp, pháp tức là tâm. Chẳng thể đem
 16 tâm để tìm cầu tâm trải qua ngàn muôn kiếp không
 17 bao giờ có ngày được. Chẳng bằng ngay đây mà vô
 18 tâm liền là pháp ấy. Như lực sĩ khi được châu chỉ
 19 là được hạt châu trên trán hướng ra ngoài mà tìm
 20 không bao giờ được. Người trí chỉ rõ ngay lúc này
 21 mà tự thấy châu ấy như cũ. Người học Đạo mê bản
 22 tâm mình mà không nhận mình là Phật, bèn hướng
 23 ra ngoài mà khởi công dụng hạnh tìm cầu. nương
 24 vào ngôi vị chứng quả thứ lớp, trải qua nhiều kiếp
 25 siêng cầu nhưng chẳng thành Đạo. Chẳng hằng
 26 ngay đây vô tâm thì quyết định biết tất cả pháp vốn
 27 không thật có cũng không có chỗ đạt được không
 28 trú không nương, không năng không sở. Chẳng

động vọng niệm liền chứng Bồ đề. đến khi chứng
Đạo thì chỉ chứng bản tâm Phật. Trải qua nhiều
kiếp dụng công đều là luống tu Như khi lực sĩ được
châu thì chỉ được châu trên trán, không liên quan
gì với sức tìm cầu ở bên ngoài. Phật nói ta A nậu
Bồ đề thật không có chỗ được. Vì sợ người không
tin nên dẫn 5 nhãn thấy 5 lời, là nói chân thật chẳng
dối là Đệ nhất nghĩa đế.

- Người học Đạo chớ nghi. 4 đại là thân, 4 đại
Vô ngã, ngã cũng vô chủ. Cho nên biết thân này
Vô ngã cũng vô chủ. 5 ấm Vô ngã cũng vô chủ,
cho nên biết tâm này Vô ngã cũng vô chủ. Sáu căn
6 trần 6 thức hòa hợp sinh diệt cũng lại như vậy.
Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ
có bản tâm thanh tịnh. Có thức thực và
có trí thực. Thân 4 đại đối ghê là bệnh, tùy việc mà
nuôi dưỡng không nên tham đắm thì gọi là Trí
thực. Còn mặc tình mùi vị ngon dở vọng sinh phân
biệt chỉ cầu vừa miệng mà không chán lìa thì gọi
là thức thực. Về Thanh văn do tiếng mà được ngộ
nên gọi là Thanh văn. Chỉ không hiểu tâm mình chỉ
đối với thanh giáo mà khởi hiểu. Hoặc nhân thân
thông hoặc do tướng lạ, nói năng vận động, nghe
có Bồ đề Niết-bàn, 2 A vị Tăng kỳ kiếp tu thành
Phật Đạo, đều được thuộc Đạo Thanh văn gọi đó
là Thanh văn. Phật chỉ ngay đây hiểu nhanh tâm
mình xưa nay là Phật. Không có một pháp nào có
thể, không có 1 hạnh nào để. Đây là Đạo vô

1 thường, đây là Phật chân như. Người học Đạo chỉ
2 sợ một niệm có thì liền ngăn cách Đạo. Niệm niệm
3 không tướng, niệm niệm không làm thì tức là Phật.
4 nếu Người học Đạo muốn được thành Phật thì tất
5 cả Phật pháp đều không cần học, mà chỉ học không
6 cầu không chấp trước. Không cầu thì tâm không
7 sinh, không chấp trước thì tâm không nhiễm, (vô
8 sinh vô nhiễm?) tức là Phật. 8 muôn 4 ngàn pháp
9 môn đối trị 8 muôn 4 ngàn phiền não là môn giáo
10 hóa tiếp dẫn, vốn không có một pháp, lìa tức là
11 pháp, biết lìa tức là Phật. Chỉ vì tất cả phiền não là
12 không có pháp nào có thể được.

13 - Người học Đạo muốn biết được yếu quyết, thì
14 chỉ dừng ở trên tâm mà đắm trước một vật nào. Nói
15 pháp thân Phật cũng như hư không. Đây là dụ pháp
16 thân tức là hư không, hư không tức là pháp thân vì
17 thường bảo pháp thân thấy khắp hư không trong hư
18 không có chứa pháp thân, mà không biết hư không
19 tức là pháp thân, pháp thân tức là hư không. Nếu
20 định nói có hư không, tức hư không chẳng phải là
21 pháp thân. Nhất định nói có pháp thân, tức pháp
22 thân chẳng phải là hư không. Chỉ chẳng hiểu biết
23 về hư không thì hư không liền (tức) là pháp thân,
24 chẳng hiểu biết về pháp thân thì pháp thân tức là
25 hư không. Hư không cùng pháp thân không có
26 tướng khác. Sinh tử Niết-bàn không có tướng khác,
27 phiền não Bồ đề không có tướng khác, lìa tất cả
28 tướng thì tức là Phật. Phạm phu chấp cảnh, người

1 tu Đạo chấp tâm, tâm cảnh đều mất thì chính là
2 chân pháp. Quên cảnh thì dễ mà quên tâm thì rất
3 khó. Người chẳng dám quên tâm là sợ lạc vào
4 không chẳng có gì hết. Chẳng biết không vốn là
5 chẳng không chỉ là 1 chân giới (cõi chân). Tánh
6 Linh giác này từ vô thủy đến nay cùng hư không
7 đồng tuổi thọ, không hề sinh cũng không hề diệt,
8 không hề có cũng không hề không, không hề như
9 cũng không hề sạch, không hề ồn cũng không hề
10 lặng, không hề trẻ cũng không hề già, không
11 phương hướng cũng không trong ngoài, không số
12 lượng không hình tướng không sắc tượng không
13 tiếng nói, không thể tìm không thể cầu, không thể
14 lấy trí mà hiểu biết, không thể lấy nói năng mà
15 phân biệt. Không thể lấy cảnh vật mà hiểu, không
16 thể lấy công dụng mà đến. chư Phật Bồ tát cùng tất
17 cả chúng sinh loài bồ bay máy động đồng tánh Đại
18 Niết-bàn. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức
19 là pháp. Một niệm lìa chân thì đều là vọng tưởng.
20 Chẳng thể lấy tâm mà lại cầu tâm, chẳng thể lấy
21 Phật mà lại cầu Phật, chẳng thể lấy pháp mà lại cầu
22 pháp. Cho nên vị tu Đạo ngay đây vô tâm mà ngầm
23 khế hợp, định tâm liền sai. Dùng tâm truyền tâm
24 đây là Chánh kiến (thấy đúng?). Cần thận chớ
25 hướng bên ngoài đuổi theo cảnh làm tâm, là nhận
26 giặc làm con. Vì có tham, sân, si liền lập giới Định
27 tuệ. Vốn không có phiền não sao có Bồ đề. Cho
28 nên Tổ Sư nói: Phật nói một pháp là để trừ tất cả

tâm, nay ta không có tất cả tâm thì cần gì tất cả pháp. Trên Phật xưa nay vốn thanh tịnh không đắm trước một vật nào. Ví như hư không dầu lấy vô lượng thứ trân bảo để trang nghiêm thì nó trọn cũng không dính mắc. Phật tánh đồng với hư không, dầu lấy vô lượng công đức trí tuệ để trang nghiêm mà trọn cũng không thể dính mắc. Chỉ vì mê Bỏn tánh nên trở thành chẳng thấy mà thôi.

- Nói về pháp môn Tâm địa thì muôn pháp đều nương vào tâm này mà lập vô gặp cảnh liền có, không cảnh liền không. Chẳng thể ở trên tịnh tánh mà trở thành hiểu biết về cảnh. Nói Định huệ là dùng để soi chiếu tinh táo mà vắng lặng. Thấy nghe hiểu biết đều là đối với cảnh mà hiểu. Tạm làm người hành Trung Hạ nói thì liền được. Nếu muốn thân chứng thì đều không thể hiểu Thế, vì đều là bị cảnh trói buộc. Pháp có chỗ mất, mất là ở chỗ có. Chỉ cần đối tất cả pháp mà không thấy có thì thấy pháp.

- Từ khi Đại sư Đạt ma đến Trung Quốc, chỉ nói một tánh, chỉ truyền một pháp. Đem Phật truyền Phật chẳng nói Phật khác, đem pháp truyền pháp chẳng nói pháp khác. Pháp là pháp chẳng thể nói, Phật tức Phật chẳng thể lấy, chính là tâm thanh tịnh xưa nay. Chỉ một việc này, nếu có việc thứ 2 khác thì chẳng phải thật. Bát Nhã là huệ, huệ này tức là gốc vô tướng.

- Phàm phu chẳng hướng về Đạo, chỉ tùy theo

1 sáu tình mà đi vào sáu đường. Tức học Đạo rồi,
2 một niệm tính kể sinh tử liền rơi vào đường của các
3 ma, một niệm khởi các kiến chấp liền rơi vào ngoại
4 đạo. Thấy có sinh mà hướng về diệt liền rơi vào
5 Thanh văn Đạo. Chẳng thấy có sinh chỉ thấy có diệt
6 tức là Duyên giác Đạo. Pháp vốn chẳng sinh nay
7 cũng chẳng diệt. Chẳng khởi 2 chấp chẳng chán
8 chẳng ham, tất cả các pháp chỉ là 1 tâm, sau đó mới
9 chính là Phật thừa. Tất cả mọi người phàm đều
10 đuổi theo cảnh mà sinh tâm, tâm liền ham chán.
11 Nếu muốn không cảnh thì phải quên tâm ấy. Tâm
12 quên thì cảnh không, cảnh không thì tâm mất
13 Chẳng quên tâm mà chỉ trừ cảnh thì cảnh chẳng thể
14 trừ, chỉ càng lằng xằng rối rắm mà thôi. Cho nên
15 muôn pháp chỉ là tâm, tâm cũng chẳng thật có thì
16 lại cầu cái gì? Người học pháp Bát Nhã chẳng thấy
17 1 pháp có thể được. Ý dứt 3 thừa chỉ 1 chân thật,
18 chẳng thể chứng được. Bảo rằng: Ta chứng ta được
19 đều là người Tăng thượng mạn. trong hội Pháp
20 Hoa phỉ áo mà đi đều là hạng người này. Cho nên
21 Phật nói: Ta đối với Bồ đề thật không chỗ được
22 ngấm khế hợp mà thôi.

23 - Người bình thường muốn tu chứng, chỉ quán
24 5 uẩn đều không, 4 đại Vô ngã chân tâm không
25 tướng chẳng đến chẳng đi. Lúc sinh thì tánh cũng
26 không đến, khi chết tánh cũng không đi. Trong
27 sáng tròn đầy vắng lặng tâm cảnh như một Chỉ
28 được như vậy thì ngay đó mà hiểu nhanh. Chẳng

1 bị 3 đời ràng buộc, liền trở thành người xuất thế.
2 Tất cả chẳng được có phần mảy may tiến đến. Nếu
3 thấy tướng lành như chư Phật đến rước và các thứ
4 hiện tiền cũng vô tâm theo nó đi qua. Nếu thấy các
5 tướng ác thì tâm cũng không sợ. Chỉ tự quên tâm
6 đồng ở pháp giới thì liền được tự tại.

7 Nói đến Hóa Thành, là Nhị thừa, Thập địa cho
8 đến Đẳng giác, Diệu giác... đều là quyền lập giáo
9 để tiếp dẫn, đều là Hóa thành. Nói đến Bảo Sở,
10 chính là vật báu của tự tánh chân tâm Bản Phật vật
11 báu này không thuộc vào suy lường thường tình,
12 chẳng thể kiến lập. Không Phật không chúng sinh,
13 không năng không sở thì chỗ nào có Thành. Nếu
14 hỏi đây đã Hóa Thành thì chỗ nào là bảo sở bảo sở
15 chẳng thể chỉ, nếu chỉ tức là có bảo sở, không phải
16 là chỗ chân thật. Cho nên nói ở gần mà thôi. Ở gần
17 là chẳng thể nói định lượng, chỉ phải thể hội khế
18 hợp. Kẻ xiển Đề là không có lòng tin. Tức tất cả
19 chúng sinh sáu đường cho đến Nhị thừa chẳng tin
20 có Phật đều gọi là Đạo thiện căn xiển Đề. Bỏ tất tin
21 sâu Phật pháp không thấy có Đại thừa Tiểu thừa,
22 Phật dùng chúng sinh đồng một pháp tánh, nên gọi
23 là xiển Đề thiện căn. Đại để nhờ nghe giáo mà ngộ
24 thì gọi là Thanh văn. Quán nhân duyên mà ngộ thì
25 gọi là Duyên giác. Nếu chẳng hướng vào tự tâm
26 mà ngộ thì dù đến thành Phật cũng gọi là Phật
27 Thanh văn. Người học đạo Phật đối với pháp mà
28 ngộ, chẳng ở tâm mà ngộ, thì dù trải nhiều kiếp tu

hành cũng không bao giờ là Bộn Phật Nếu chẳng ở tâm ngộ mà ở pháp ngộ thì tức là kinh tâm mà trọng pháp, bèn thành dạy theo cục đất vì quên mất Bộn tâm. Nếu chỉ khế hợp bộn tâm thì chẳng cần cầu pháp vì tâm tức là pháp.

- Người bình thường phần nhiều đều nói cảnh ngại tâm, sự ngại lý, thường muốn trốn cảnh để tâm yên, dẹp sự để lý còn. Chẳng biết đó chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự. Chỉ cần khiến tâm không thì cảnh tự không, chỉ khiến lý lặng thì sự tự lặng, chớ dụng tâm trái người bình thường phần nhiều chẳng chịu không tâm mà sợ rơi vào không. Chẳng biết tự tâm vốn không, vị ngu trừ sự mà chẳng trừ tâm, vị trí trừ tâm mà không trừ sự. Tâm Bồ tát như hư không tất cả đều bỏ, làm được phước đức gì đều chẳng nên tham đắm nhưng bỏ có 3 bậc, trong ngoài thân tâm tất cả đều bỏ. Cũng như chẳng không có chỗ dính mắc. Sau mới tùy phương ứng với vật mà năng sở đều quên. Đó gọi là Đại xả Nếu 1 bên hành đạo bố đức, 1 bên dứt bỏ hết không mong cầu gì, tâm này gọi là trung xả. Nếu rộng tu các điều thiện mà có sự mong cầu nghe pháp biết không bèn chẳng mê đắm trước, đó gọi là Tiểu xả. Bỏ lớn như ngọn đuốc ở trước mặt liền không mê ngộ. Nếu bỏ vừa thì như ngọn đuốc ở bên mình hoặc hoặc sáng hoặc tối. Nếu bỏ nhỏ thì như ngọn đuốc ở sau lưng không thấy hằm hỏ. tâm như Bồ tát hư không tất cả đều bỏ. Tâm quá khứ không

1 thấy có là bỏ quá khứ. Tâm hiện tại không thể được
2 là bỏ hiện tại. Tâm vị lai không thể được là bỏ vô
3 lượng. Đó gọi là 3 đời đều bỏ. Từ khi Như Lai giáo
4 pháp cho Ca-diếp đến nay. Lấy tâm ấn tâm, tâm
5 tâm không khác, ấn dính vào không thì ấn chẳng
6 thành văn. Ấn dính vào vật thì ấn chẳng thành
7 pháp. Cho nên dùng tâm ấn tâm tâm không đổi,
8 năng ấn sở ấn đều khó khế hội nên vị được thì ít.
9 Nhưng mà tâm tức không tâm được tức không
10 được.

11 Phật có 3 thân pháp thân là nói tự tánh linh
12 thông. Báo thân là nói tất cả thanh tịnh. Hóa thân
13 là nói sáu độ vạn hạnh. Phép thân nói pháp thì
14 chẳng dùng lời lẽ tiếng nói hình tướng văn tự,
15 chẳng có chỗ nói chẳng có chỗ chứng, tự tánh linh
16 thông mà thôi. Cho nên nói không có pháp nào để
17 nói đó gọi là nói pháp. Còn báo thân, hóa thân thì
18 đều tùy cơ cảm mà hiện ra nói pháp, cũng tùy sự
19 ứng với căn để mà nhiếp hóa thì đều không phải là
20 chân pháp, cho nên nói báo hóa không phải là chân
21 Phật, cũng không phải là vị nói pháp.

22 Nói về Đồng là 1 Tinh minh mà chia làm sáu
23 hòa hợp. 1 Tinh minh là 1 tâm, sáu hòa hợp là 6
24 căn đều hợp trần. Mắt hợp với sắc, tai hợp cùng,
25 mũi hợp, lưỡi hợp với Thanh mũi hợp với hương,
26 lưỡi hợp với vị, thân hợp với xúc, ý hợp với pháp
27 giữa căn và trần ra 6 thức, thành 18 giới. Nếu hiểu
28 biết 18 giới là không thật có, thì cột sáu hòa hợp

1 thành một Tinh minh. Một Tinh minh tức là tâm.
 2 Người học Đạo đều biết điều này. Nhưng chỉ vì
 3 không tránh khỏi việc hiểu 1 Tinh minh sáu hòa
 4 hợp, bèn bị pháp trói buộc mà không khế hội bốn
 5 tâm. Như Lai hiện ra đời muốn nói pháp Nhất thừa,
 6 mà chúng sinh không tin chê bai nên bị chết chìm
 7 ở biển khổ. Nếu chẳng nói thì Phật rơi vào xan
 8 tham. Chẳng vì chúng sinh mà bố thí tất cả diệu
 9 Đạo, bèn phương tiện nói 3 thừa. Thừa có lớn nhỏ,
 10 được có sâu cạn, đều không phải bốn pháp. Cho
 11 nên nói chỉ có Đạo Nhất thừa này, hai thừa còn lại
 12 thì chẳng phải chân. Nhưng hoàn toàn chưa thể nào
 13 hiện bày pháp về 1 tâm. Cho nên mời Ca-diếp cùng
 14 ngồi trên pháp tòa, riêng trao cho pháp 1 tâm là
 15 nói năng: Một nhánh pháp này nay riêng thực hành
 16 nếu khế ngộ được thì liền đến Phật Địa.

17 Kệ Truyền Tâm của Tướng Quốc Bùi Hưu.

18 Ở Uyển lăng và Chung lăng tôi đều đích thân
 19 được Thiên sư Hy Vận-hoàng bá truyền hết tâm
 20 yếu, bèn làm kệ Truyền Tâm như vậy:

21 *Tâm chẳng thể truyền*
 22 *Lấy khế làm truyền*
 23 *Tâm chẳng thể thấy*
 24 *Lấy vô làm thấy*
 25 *Khế cũng không khế*
 26 *Không cũng chẳng không*
 27 *Hóa thành chẳng ở*
 28 *Trán mê có châu*

1 *Châu là cưỡng gọi*
 2 *Thành đâu có hình*
 3 *Tức tâm tức Phật*
 4 *Phật tức vô sinh*
 5 *Ngay đây chính là*
 6 *Chớ cầu chớ xây*
 7 *Khiến Phật tìm Phật*
 8 *Càng phí công trình*
 9 *Tùy pháp sinh hiểu*
 10 *Liền vào côi ma*
 11 *Phàm Thánh chẳng phân*
 12 *Bèn lìa nghe thấy*
 13 *Vô tâm như gương*
 14 *Với vật không tranh*
 15 *Vô niệm giống không*
 16 *Chẳng vật chẳng chứa*
 17 *Pháp ngoài 3 thừa*
 18 *Nhiều kiếp mong gặp*
 19 *Nếu được như vậy*
 20 *Là bậc xuất thế.*

21 Có nghe: Đại sĩ Hà Đông chính mắt thấy Đạo
 22 sư Cao An truyền tâm yếu. Ở đời này làm kẻ mà
 23 chỉ bày sau, sớm mở mang điếc cho vị mù, rực sáng
 24 như Đan Thanh. Tôi tiếc vì sẽ bị phân tán nên chép
 25 vào 1 bài này. Năm Mậu Tý, năm khánh lịch Nam
 26 Tông, tự là Thiên Chân kính ghi

27
 28 (Trong bài này có sửa đổi 11 chỗ, lạc mất 3 chữ,

thêm vào 9 chữ.

Có tra cứu ghi chép của 4 nhà. Nay chép riêng
đây bài này.)



CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 10

Thiền sư Hoài Nhượng sau đời thứ 3 có 61 vị.

* Đệ tử nói pháp Thiền sư Phổ Nguyên Nam Tuyên ở Trì Châu có 17 vị (12 người thấy có ghi lục).

1. Thiền sư Cảnh Sầm ở Hồ Nam Trường Sa
2. Thiền sư Đàm Chiêu ở Kinh Nam Bạch Mã
3. Thiền sư Sư Tổ ở Vân Tế núi Chung Nam
4. Thiền sư Nghĩa Đoan ở hạ đường hương nghiêm thuộc Đặng Châu,
5. Thiền sư Tùng Thâm ở Đông Viện Triệu Châu
6. Thiền sư Nhân ở Linh Thử Trì Châu
7. Hòa thượng ở núi Thù Du Ngạc Châu
8. Thiền sư Lợi Tung ở Tử Hồ Cù Châu
9. Hòa thượng, Tung Sơn ở Lạc Kinh
10. Hòa thượng Nhật Tử
11. Hòa thượng Tô Châu Tây Thiên
12. Thụ Sử Lục Hoàn ở Tuyên Châu,
13. Hành Giả Cam Chí Trì Châu (13 vị trên đây

thấy có ghi lục)

14. Thiền sư Tồn Chế ở Tư Sơn

15. Thiền sư Đạo Hoàng ở Giang lăng

16. Huyền Cự Thiền sư ở Tuyên Châu

17. Thiền sư Đạo Quân ở nước Tân La

(4 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Tề An ở Diêm Quan-Hàng Châu có 8 vị (3 người thấy có ghi lục)

1. Thiền sư Đạo thường ở Quan Nam Tương Châu,

2. Thiền sư Huyền Chân ở Song Lãnh Hồng Châu,

3. Thiền sư Giám Tông ở Kính Sơn Hàng Châu (ba người thấy có ghi lục)

4. Hoàng đế Tuyên Tông đời Đường

5. Thiền sư Đàm Tinh ở Bạch Vân

6. Thiền sư Văn Cử ở Lạc Thủy Lộ Phủ

7. Thiền sư Phẩm Nhật ở Tân La

6. ở Thiền sư Kiến Tông Thọ Châu, (5 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục).

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết-vụ Châu có 4 vị (1 người thấy có ghi lục)

1. Thiền sư Chánh Nguyên ở núi Qui Sơn-

Phước Châu (1 người thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Hiếu Phương ở Chùa Cam Tuyền

3. Thiền sư Tạng Hoán ở chùa Thê Tâm Minh Châu

4. Thiền sư Nguyên Toại ở Chùa Cam Tuyền
(3 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Như mẫn ở chùa Phật Quang-Lạc Kinh có 1 vị: 1. Thứ sử Bạch Cư Dị ở Hàng Châu (1 người thấy có ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai-Minh Châu có 3 vị:

1. Thiền sư Ca Trí ở nước Tân La

2. Hòa thượng Thiên Long ở Hàng Châu (2 vị trên đây thấy có ghi lục)

3. Thiền sư Trung Ngạn ở Tân La (1 người này không có cơ duyên- ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp Thiền sư Linh Thoan ở chùa Vĩnh Thái-Kinh Châu có 5 vị

1. Thiền sư Giới Hư ở Thượng Lâm Hồ Nam

2. Hòa Thượng Bí Ma Nham ở núi Ngũ Đài

3. Hòa thượng Kỳ Lâm Hồ Nam (3 vị trên đây thấy có ghi lục)

4. Thiền sư Văn Chất ở núi Lữ Hậu

5. Thiền sư Pháp Hà ở Tô Châu (2 vị trên đây

không có cơ duyên- ngữ cú không ghi lục).

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Tích ở Bàn sơn-U Châu có 2 vị

1. Hòa thượng Trần Thủ Phổ Hóa

2. Hòa thượng Trần Châu Thượng Phương ở Trần Châu (1 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Duy Khoan ở Chùa Hưng Thiện- Kinh triệu có 6 vị:

1. Thiền sư Pháp Trí ở Kinh Triệu

2. Thiền sư Kinh Triệu ở Vô Biểu

3. Thiền sư Kinh Triệu ở tuệ Kiến

4. Thiền sư Kinh Triệu ở Nguyên Tịnh

5. Thiền sư Kinh Triệu ở tuệ Quang

6. Thiền sư Kinh Triệu ở Nghĩa Tông.

(6 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Tịnh Tông ở Vân Thủy (có 2 vị)

1. Thiền sư Thần Chiếu ở Tiểu Mã Hoa Châu

2. Thiền sư Đạo Viên ở Hoa Châu.

(2 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Thiền Sư Viên Sướng ở núi Long Nha-Đàm Châu có 2 vị:

1. Thiền sư Tạng Dị ở Gia Hòa (1 người thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Dương Trường ở Tạng Khu

(1 vị không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Quốc sư Vô Nghiệp ở Phần Châu (có 2 vị)

1. Thường Trinh Thiền sư ở Trấn Châu

2. Thiền sư ở Trấn Châu Phụng Tiên nghĩa.

* Đệ tử nổi pháp ngài Lô Sơn Qui Tông Thiền sư ở (Trí Thường có 6 vị)

1. Thiền sư Linh Huấn ở núi Phù Dung Phước Châu,

2. Hòa thượng Cao Đình ở huyện Cốc Thành Hán Nam

3. Hòa thượng Đại Mao người nước Tân La

4. Thiền sư Trí Thông ở Ngũ Đài (4 vị này có ghi lục)

5. Thiền sư Đại Ngu ở Cao An Hồng Châu

6. Giang Châu Thứ sử Lý Bột (2 người này không có Ngũ lục).

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Vân ở Lỗ Tổ (có 1 vị)

1. Hòa thượng Vân Thủy.

* Đệ tử nổi pháp ngài Đạo Thông Thiền sư ở núi Tử Ngọc (có 1 vị)

1. Tiết Độ Sứ Vu Định Tương Châu thờ nhà Đường. (1 vị này không có cơ duyên-ngũ cú không ghi lục)

* Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Trí Tạng ở chùa

Hoa Nghiêm (có 1 vị)

1. Hòa thượng Tề An ở Huỳnh Châu (1 vị này thấy có ghi lục)

*** Thiền sư Hoài Nhượng ở - Đời thứ 3.**

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Phổ Nguyên
Nam Tuyên ở Trì Châu.**

***1. Cảnh Sầm hiệu Đại sư Chiêu Hiền ở
Trường Sa Hồ Nam.***

Bắt đầu ở Lộc Uyển là đời thứ nhất. Sau đó ở chỗ không nhất định. Sư chỉ theo duyên tiếp vật, tùy xin mà nói pháp. Nên mọi người lúc ấy gọi là Hòa thượng Trường Sa. Sư lên Pháp Đường nói: Nếu Tôi 1 bề mở mang Tông giáo thì Trong Pháp Đường cở cao một trượng, việc ta chẳng được, do đó mà tôi nói với các ông rằng: Tất cả thế giới mười phương đều là mắt Sa môn, tất cả thế giới mười phương đều là toàn thân Sa môn, hết cả thế giới mười phương đều là ánh sáng của mình, tất cả thế giới mười phương đều ở trong ánh sáng của mình, tất cả thế giới mười phương không 1 ai chẳng phải là mình. Tôi nói với các ông rằng: 3 đời chư Phật cùng hết cả pháp giới chúng sinh là ánh sáng Ma-ha Bát Nhã. Khi ánh sáng chưa phát ra thì các ông hướng vào đâu mà phó thác. khi ánh sáng chưa phát thì còn không có tin tức của Phật của

chúng sinh, chỗ nào mà được núi sông cõi nước đến. Lúc đó Có vị Tăng hỏi rằng: Thế nào là mắt Sa môn? Sư nói dài dài ra mãi chẳng được. Lại nói thành Phật thành Tổ ra chẳng được, 6 đường luân hồi ra chẳng được. Vị Tăng nói: Chẳng hay ra cái gì chẳng được. Sư nói: Ngày thấy mặt trời đêm thấy sao. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng hiểu. Sư nói: Núi diệp cao màu xanh càng xanh. Vị Tăng hỏi: Trong giáo nói: mà thường ở tòa Bồ đề này, thế nào là tòa. Sư nói Lão Tăng đang ngồi ở vị Đại Đức. Có vị Tăng hỏi thế nào là Đại Đạo? Sư nói suốt đời mắt ông. Vị Tăng hỏi chư Phật là ai. Sư nói từ vô thủy kiếp đến nay nhờ ai che mắt. Vị Tăng hỏi khi chưa có chư Phật về trước thì Sư làm gì? Sư nói: Lỗ tổ mở Pháp Đường cùng Sư Tăng nói Đông nói Tây. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng dựa vào đất đai thời giờ thì thế nào? Sư nói: Ông hướng vào đâu ma an thân lập mạng. Vị Tăng hỏi tức dựa vào đất đai và thời gian thì ra sao? Sư nói: Hãy ra khỏi cái thấy chết. Vị Tăng hỏi: Thế nào là dị loại Sư nói: Thước ngắn mà tác dài. Vị Tăng hỏi: Thế nào là thầy chư Phật Sư nói chẳng thể trải qua bể thẳng mà làm cong chẳng? Vị Tăng nói xin Hòa thượng hướng thượng mà nói Sư nói: Xà Lê mắt mù tai điếc là sao? Sư sai một vị Tăng đi hỏi người đồng tham là Hòa thượng hỏi rằng:

Hòa thượng thấy Nam Tuyên sau này Thế nào? Hội im lặng hồi lâu. Vị Tăng hỏi: Khi chưa thấy

Nam Tuyền về trước thì Hòa thượng thế nào? Hội nói: Chẳng thể có ghi khác nữa. Vị Tăng trở về nói lại cho Sư. nghe Sư bèn nói 1 kệ rằng:

*Người đầu rào trăm trượng chẳng động
Tuy vào được cũng chưa là chân
Đầu sào trăm trượng phải tiến bước
Thế giới mười phương là toàn thân.*

Vị Tăng hỏi: Như đầu sào trăm Trượng làm sao tiến bước. Sư nói: Núi Lãng Châu, nước lễ Châu. Vị Tăng nói: Xin sư nói. Sư nói: Rộng hoàng hóa trong 4 biển 5 hồ.

Có khách đến gặp Sư gọi lớn "Thượng thư"! Người ấy dạ! Sư nói chẳng phải là bốn mạng Thượng thư. Người ấy đáp: Chẳng thể lìa mà lại ngay bây giờ chỉ đối riêng có chủ nhân thứ 2. Sư nói: Gọi Thượng thư làm chi tôn được chẳng? Người ấy đáp đó chẳng chỉ đối thời chẳng phải là đệ tử và chủ nhân chẳng? Sư nói không phải chỉ đối hay chẳng đối, từ vô thủy kiếp đến nay là cội gốc sinh tử. Có kệ rằng:

*Người học Đạo mà chẳng biết chân
Chỉ vì từ xưa nhận thức thân
Vô thủy kiếp nay gốc sinh tử
Người si gọi là thân xưa nay.*

Có Tú tài xem kinh Phật Danh hỏi rằng: Trăm ngàn chư Phật chỉ thấy danh hiệu của các ngài chẳng hay ở cõi nước nào có còn hóa vật hay

không? Sư nói: Lâu Hoàng Hạc Thôi Hiệu đề, sau Tú tài có từng đề chưa? Đáp: Không hề. Sư nói: Được nhàn tản đề 1 bài có ngại gì? Vị Tăng hỏi: Nam Tuyên thiên hóa đi đến nơi nào? Sư đáp nhà Đông làm lừa, nhà Tây làm ngựa. Vị Tăng hỏi: Ý này Thế nào? Sư đáp muốn cỡi thì cỡi muốn xuống thì xuống. Vị Tăng Hạo Nguyệt hỏi: Thiện tri thức trong thiên hạ chứng được 3 đức Niết-bàn chưa? Sư hỏi Đại Đức hỏi Niết-bàn trong quả hay Niết-bàn trong nhân? Đáp hỏi Niết-bàn trong quả. Sư nói: Thiên hạ Thiện tri thức chưa chứng. Hỏi: Vì sao chưa chứng? Sư đáp vì công chưa bằng với các Thánh. Hỏi: Công chưa bằng các Thánh sao gọi là Thiện tri thức. Sư nói thấy sáng Phật tánh cũng được gọi là Thiện tri thức. Hỏi chẳng hay công bằng với Đạo nào thì gọi là chứng Đại Niết-bàn. Sư có bài kệ rằng:

*Ma-ha Bát Nhã chiếu
Pháp giải thoát sâu xa
Pháp thân thể vắng lặng
Ba một Lý viên thường
Muốn biết chỗ công bằng
Đây gọi Thường tịch quang.*

Lại hỏi: Quả của 3 đức Niết-bàn đã được chỉ bày, vậy thế nào là Niết-bàn trong nhân? Sư nói: Chính là. Đại Đức Lại hỏi: Trong giáo huyền ý là có chẳng? Sư hỏi: Đại Đức nói gì? Hỏi: Huyền ý đó có hay không có? Sư đáp: Đại Đức nói gì? Hỏi:

Như thế thì huyễn ý là không có cũng không không chẳng? Sư nói: Đại đức là nói gì? Hỏi: Như con trình bày ba lần đều không khế hội huyễn ý, chân hay Hòa thượng nói thế nào về huyễn ý trong giáo. Sư hỏi Đại Đức có tin là tất cả pháp, chẳng thể nghĩ bàn chẳng? Đáp: Thật lời Phật nói đâu dám chẳng tin. Sư hỏi: Đại Đức nói tin, vậy trong 2 tin thì là tin nào? Đáp: Con nói trong 2 tin gọi là duyên tin. Sư nói: Y vào giáo môn nào được sinh duyên tin. Đại Đức nói: Y cứ vào Hoa Nghiêm nói Bồ tát Ma-ha Tát lấy trí tuệ vô chướng vô ngại mà tin tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Lại Hoa Nghiêm nói: Chư Phật Thế Tôn đều biết pháp thế gian và pháp tánh chư Phật không khác nhau, quyết định chẳng 2. Lại Hoa Nghiêm nói: Phật pháp và pháp thế gian thấy chân thật tất cả không khác nhau. Sư nói: Đại Đức nêu duyên tin giáo môn rất có chỗ đến, nghe Lão Tăng cùng Đại Đức nói ý huyễn trong giáo. Nếu người thấy huyễn xưa nay vốn là chân, đó gọi là người thấy Phật. Viên thông pháp pháp không sinh diệt, không diệt không sinh là thân Phật. Lại hỏi: Con giun đứt làm 2 đoạn, 2 đoạn đều bò đi là Phật tánh ở (đoạn) nào. Sư nói động và chẳng động là cảnh giới nào vị Tăng bảo: Nói chẳng có sách vở, chẳng phải lời người trí nói. Chỉ như Hòa thượng nói động thì xuất phát từ kinh nào? Sư nói rõ ràng lời nói không liên quan đến sách vở, chẳng phải người trí nói, pháp há chẳng

thấy kinh Thủ lã¹ng Nghiêm nói: Phải biết mười phương vô biên bất động hư không cùng với chỗ động của đất nước lửa gió gọi là 6 đại, tánh thật viên dung đều là Như Lai tạng vốn không sinh diệt. Sư có kệ rằng:

*Rất sâu xa lại rất sâu xa,
Thân người pháp giới chính là tâm.
Mê thì mê tâm vì các sắc,
Khi ngộ cánh giới là chân tâm
Thân giới hai trần không thật tướng,
Rõ ràng hiểu đây gọi tri âm.*

Lại hỏi: Thế nào là Đà la ni? Sư chỉ bên phải giường thiền bảo: Cái này Sư Tăng tụng được: Lại hỏi có riêng người tụng được chăng?

Lại chỉ bên trái giường thiền bảo: Cái này Sư Tăng cũng tụng được. Hỏi: Vì sao tôi chẳng nghe. Sư nói: Đại Đức há chẳng nghe nói. Chân tụng thì không có tiếng vang, chân nghe thì không nghe thấy gì. Vị Tăng nói: Đó thì tiếng chẳng vào tánh pháp giới. Sư nói là sắc mà cầu xem không phải chánh kiến, là tiếng mà cầu nghe ấy là nghe tà. Hỏi: Vì sao không là sắc là chánh kiến, không là tiếng là chân nghe? Sư bèn nói kệ:

*Đầy mắt không phải sắc
Đầy tai không phải tiếng
Văn Thù thường thấy hết
Quán Âm bít lỗ tai*

*Đủ ba nguồn một thể
Thấu bốn góc đồng chân
Đây nhà pháp giới tánh
Không Phật cũng không người.*

Vị Tăng hỏi: Nam Tuyên nói: Con cáo con bò đực lại biết có, chư Phật 3 đời không biết có. Vì sao chư Phật 3 đời chẳng biết có? Sư nói: Cũng như ông khi chưa vào lộ uyển. Vị Tăng nói: Con cáo con bò đực vì sao biết có. Sư nói: Ông sao lạ gì chúng. Vị Tăng hỏi: Hòa thượng kế thừa người nào? Sư nói: Ta không có người có thể kế thừa. Vị Tăng hỏi: Lại có tham học hay không? Sư nói ta tự tham học lấy. Vị Tăng hỏi ý sư thế nào? Sư có kể rằng:

*Hư không hỏi muôn tượng
Muôn tượng đáp hư không
Người nào thân được nghe
Mộc Xoa tóc trái đào*

Vị Tăng hỏi: Thế nào là tâm bình thường? Sư nói: Muốn ngủ thì ngủ muốn ngồi thì ngồi. Vị Tăng nói: Đệ tử không hiểu. Sư nói: Nóng thì chọn mát lạnh thì hơ lửa. Vị Tăng hỏi một đường hướng thượng xin Sư nói. Sư nói: 1 lỗ kim sợi chỉ 3 thước. Vị Tăng hỏi phải hiểu thế nào? Sư nói: Ích Châu có vải, Dương Châu có lụa. Vị Tăng hỏi: Động là giống Pháp vương Tịch là cội rễ Pháp vương, thế nào là Pháp vương? Sư chỉ cây cột bảo: Sao không hỏi Đại sĩ. Nhân trước sân ngó mặt trời, Ngường

Sơn nói: Mọi người đều có việc ấy, chỉ là dùng không được. Sư nói: Xin ông dụng. Ngờng Sơn hỏi làm sao dụng? Sư bèn đập té Ngờng Sơn. Ngờng Sơn nói: Ngay đây giống con sâu lớn ấy. Từ đó các nơi đều gọi Sư là Sâu Đại Trùng vị Tăng hỏi: Người xưa nay có thanh Phật không? Sư nói: Ông có thấy vua nước Đại Đường tự làm ruộng cấy lúa chăng? Vị Tăng nói: Chẳng hay vị nào thành Phật. Sư nói là ông thành Phật. Vị Tăng không đáp. Sư hỏi: Hiểu chăng? Vị Tăng nói không hiểu. Sư nói: Như người do đất mà té thì từ đất mà ngồi dậy, đất nói gì Tam Thánh khiến Thượng Tọa Tú hỏi rằng: Nam Tuyền thiên hóa đi về đâu? Sư đáp: Thạch Đầu còn làm Sa di tham kiến Lục tổ Tú nói: Không hỏi Thạch Đầu gặp Lục Tổ mà hỏi Nam Tuyền khi thiên hóa đi về đâu? Sư nói: Giáo ấy tìm hiểu đi. Tú nói: Hòa thượng tuy có thông lạnh ngàn thước, lại không mọc lên tre đá Sư làm thình. Tú nói: Tạ ơn Hòa Thượng đáp lời! Sư cũng làm thình Thượng tọa Tú kể lại với Tam Thánh. Tam Thánh nói: Nếu thật thế thì cũng hơn Lâm Tế 7 bước, song phải đợi ta thử nghiệm xem. Đến sáng hôm sau thì Tam Thánh lên hỏi: Vừa nghe Hòa thượng đêm qua đáp 1 lời về Nam Tuyền thiên hóa có thể nói là sáng rực cả từ trước đến nay xưa nay hiếm thấy. Sư cũng làm thình. Vị Tăng hỏi thế nào là Văn Thù. Sư nói là vách tường ngói gạch là đó. Lại hỏi thế nào là Quán Âm. Sư nói tiếng tăm nói năng là

đó. Lại hỏi thế nào là Phổ Hiền. Sư nói tâm chúng sinh là đó. Lại hỏi Thế nào là Phật? Sư nói sắc thân chúng sinh là đó. Vị Tăng nói hà sa chư Phật, thế đều đồng đâu có các thứ danh tự (tên gọi). Sư nói: Từ phải ngược về nguồn gọi là Văn Thù, từ tai ngược về nguồn gọi là Quán Âm, từ tâm ngược về nguồn gọi là Phổ Hiền. Văn Thù là trí của Phật. Diệu quán sát Quán Âm là Vô Duyên Đại từ của Phật, Phổ Hiền là Diệu hạnh vô vi của Phật. Tam Thánh là Diệu dụng của Phật, Phật là chân thể của Tam Thánh. Dụng thì có hà sa giả danh. Thể thì tên chung là 1 Bạc Già Phạm. Vị Tăng hỏi: Sắc tức là không, không tức là sắc, lý này thế nào? Sư nói kệ rằng:

*Chỗ ngại chẳng vách tường
Chỗ thông chẳng hư không
Nếu người hiểu như Thế
Tâm sắc xưa nay đồng.*

Lại nói kệ rằng:

*Phật tánh rõ ràng bày hiện
Trụ tánh hữu tình khó thấy
Nếu ngộ chúng sinh Vô ngã
Mặt mình nào khác mặt Phật.*

Vị Tăng hỏi: Thức thứ 6, thứ 7 và thức thứ 8 rốt ráo không thể vì sao có thể gọi là chuyển thức thứ 8 là trí Đại viên cảnh? Sư có kệ rằng:

Bảy sinh nương một diệt

*Một Diệt giữ bảy sinh
 Một Diệt diệt cũng diệt
 Sáu bảy mãi không dòi.*

Lại có vị Tăng hỏi: Con giun đứt làm 2 đoạn, 2 đoạn đều bò đi, chẳng hay Phật tánh ở đoạn nào? Sư nói vọng tưởng làm gì. Vị Tăng hỏi: Sao nó cử động được. Sư nói: Ông há chẳng biết gió lửa chưa tan. Vị Tăng hỏi Thế nào mà chuyển được núi sông cõi nước về mình? Sư hỏi làm sao chuyển được mình thành núi sông cõi nước? Vị Tăng nói: Không hiểu. Sư nói: Dưới thành Hồ Nam nuôi tốt dân, lúa rẻ củi nhiều no đủ bốn xóm. Vị Tăng ấy không đáp được. Sư có kệ rằng:

*Ai hỏi núi sông chuyển
 Núi sông chuyển vì ai
 Viên thông chẳng hai bờ
 Pháp tánh vốn không về.*

Có Đại Đức giảng Hoa Nghiêm hỏi: Hư không nhất định có hay nhất định không? Sư nói: Nói có cũng được mà nói không cũng được. Khi hư không có thì chỉ giả có, còn khi hư không là không thì chỉ giả không. Hỏi như chỗ đều Hòa thượng nói thì có giáo văn nào làm chứng. Sư nói: Đại Đức há chẳng nghe kinh Thủ lăng Nghiêm có nói: Hư không Mười phương sinh trong tâm ông cũng như mảy mây bay trong hư không, há chẳng phải khi hư không sinh thì chỉ sinh giả danh Lại nói: Ông 1 người phát chân về nguồn thì hư không mười

phương đều tiêu mất, há chẳng phải là hư không khi diệt thì chỉ diệt giả danh Do đó Lão Tăng nói có là giả có, không là giả không. Lại hỏi kinh nói như trong Tịnh lưu ly hiện ra tượng vàng ròng ý này ra sao? Sư nói: Vì Tịnh lưu ly là thể pháp giới, vì tượng vàng ròng là thể trí vô lậu. Thể hay sinh ra trí, trí hay đạt hay. Cho nên nói như trong tịnh lưu ly hiện ra tượng vàng ròng. Hỏi: Như thế nào là hành xứ của người Thượng thượng? Sư nói: Như mắt người chết. Hỏi: Khi người Thượng thượng gặp nhau thì như thế nào? Sư nói như tay vị chết. Hỏi vì sao Thiện Tài trải vô lượng kiếp đến các thế giới trong thân Phổ Hiền mà không khắp? Sư hỏi: Ông từ vô lượng kiếp đến nay có đi được khắp chăng? Hỏi: Thế nào là thân Phổ Hiền? Sư đáp: Trong điện Hàm Nguyên lại tìm Trường An. Hỏi Thế nào là tâm của Đệ tử? Sư nói: Khắp hết thế giới mười phương là tâm ông. Hỏi: Thế thì đệ tử không có chỗ để thân? Sư nói: Là chỗ ông để thân đây. Hỏi chỗ nào để thân? Sư nói: Biển lớn nước sâu lại càng sâu. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng hiểu. Sư nói: Ròng cá ra vào mặc sức lên xuống. Hỏi: Có người hỏi Hòa thượng liền tùy nhân duyên mà đáp, đều không có ai hỏi Hòa thượng Thế nào? Sư đáp: Một thì ngủ, khỏe thì dậy. Hỏi: Dạy đệ tử hướng vào chỗ nào mà hiểu, Sư nói: Hạ nóng thì cởi trần, Đông lạnh thì đắp mền. Hỏi: vị Tăng mất rồi đi về đâu? Sư có kệ rằng:

*Chẳng biết thể kim cang
Thì gọi là duyên sinh
Mười phương chân vắng lặng
Ai ở lại ai đi*

Ngài Nam Tuyền có bài kệ chân tán rằng:

*Rạng rỡ Nam Tuyền
Nguồn cội ba đời
Kim cang thường trú
Mười phương vô biên
Sinh Phật vô tận
Hiện xong lại về.*

Nam Tuyền có bài kệ ở lâu hợp cơ rằng:

*Ngày nay về quê vào đại môn
Nam Tuyền thân nói khắp trời đất
Pháp pháp rõ ràng đều ông cha
Quay đầu tui then với cháu con.*

Sư đáp rằng:

*Ngày nay đầu cơ việc chó nói
Nam Tuyền chẳng nói khắp trời đất
Về quê toàn là việc con cháu
Ông cha từ xưa chẳng vào cửa.*

Sư lại có kệ khuyên học rằng:

*Đầu vào vạn tượng chưa nghỉ ngơi
Rõ ràng có nẻo ý
Thiền sư ở muốn hiểu Nam Tuyền đi
Đây phải núi xanh muôn thứ thu.*

Nhân Hòa thượng Lâm Tế nói: Trên cục thịt đỏ

có vị chân nhân hay không, Sư có bài kệ rằng:

*Muôn pháp nhất như một chẳng phân
biệt*

Như một ai chọn ai chẳng chọn

Tức nay sinh tử vốn Bồ đề

Như Lai ba đời đồng phải ấy.

Sư rằng vị chặt phá thông trúc, kệ rằng:

Trúc ngàn Năm, tòng muôn Năm

Cành cành lá lá đều đồng nhau Báo

Khắp bốn phương kẻ huyền học

Động tay đâu cũng đều cha ông.

2. Ngài Kinh Nam Thiên sư Bạch Mã Đàm Chiếu ở thường nói rằng:

Sống vui, sống vui, khi chết thì kêu khổ khổ lại bảo: Vua Diêm La đến bắt ta. Viện Chủ hỏi: Hòa thượng lúc đó bị Tiết Độ sứ ném xuống nước mà thần sắc không động, bây giờ sao lại sợ sệt Thế? Sư đưa cái gối lên hỏi: Ông nói lúc đó là đúng hay ngày nay đúng? Viện Chủ không đáp được.

3. Sư Tổ Thiên sư ở Vân Tế, núi Chung Nam.

Lúc đầu khi ở Nam Tuyền có hỏi: Châu ma ni vị chẳng biết, ở trong Như Lai vị Tăng mà thu được, thế nào là vị Tăng? Nam Tuyền nói: Cùng ông lui tới là vị Tăng. Sư hỏi: Không lui tới thì sao? Nam Tuyền nói cũng là Tăng. Lại hỏi: Thế nào là châu? Nam Tuyền gọi lớp "Sư Tổ". Sư "dạ"! Nam

Tuyên nói: Đi đi, ông không hiểu lời ta. Sư từ đó kính tin mà vào.

4. Thiên sư Nghĩa Đoan trụ Hạ Đường Hương Nghiêm, ở Đặng Châu.

Sư dạy chúng rằng: Huynh đệ kia đây chưa dứt, có sự tướng gì cần bàn bạc. Ta 5, 3 ngày nữa sẽ đi. Như nay người học cần phải dứt hết lúc này, chớ ư cái gì khác hơn là vị vô sự. Huynh đệ dầu học được các nghĩa lý khác nhau, nhưng không bao giờ thay được kiến giải của mình, phải cố gắng hết sức mình mới được. Chớ ghi nhớ các chương cú hay họ chỉ càng rắc rối. nếu Các ông muốn tương ưng chỉ cần cung kính hết sức chớ dừng nghỉ mảy may, thẳng tựa hư không mới có chút phần, vì hư không cột khóa, không vách ngăn, rơi vào chỗ không hình tướng không có phải tâm.

- Có vị Tăng hỏi: Người xưa khi gặp nhau thì thế nào? Sư nói Lão Tăng chẳng hề thấy người xưa nào khác. Vị Tăng hỏi ngày nay nhân lúc còn sống mà ham muốn Thế Sư nói có chỗ ham muốn nào đâu. Vị Tăng hỏi con chẳng hỏi việc nhân xin Hòa thượng đáp. Sư nói: Lại từ tạ mà tìm cái gì? Vị Tăng nói không phải việc nhân. Sư bảo: Ông dạy ta nói. Sư lại nói: Huynh đệ, Phật là trần pháp cũng là trần, suốt ngày tìm cầu có lúc nào ngưng nghỉ. Chỉ trong lúc không có điều đeo tình, tình không đeo vật không thiện để lấy, không ác để bỏ, chớ

bảo bị cái khác cột trối, mới là chỗ học.

- Có vị Tăng hỏi: Khi con từ giả 1 vị Túc người ấy có dạy con rằng khi đi thì gân bạn bè nương Đạo phải, chẳng hay ý của Lão Túc ra sao? Vừa lễ bái thì Sư nói: Lễ bái mặc tình chớ nhận tứ làm ông. Vị Tăng hỏi Thế nào là cắt ngang nguồn cội? Sư bèn ném gậy vào phương trượng.

- Một hôm Sư bảo chúng rằng: Nói thì chê, im thì điên, im và nói hướng thượng có nẻo ở đó. Lão Tăng miệng hẹp không nói cho ông nghe được. Rồi xuống Pháp đường. Vị Tăng hỏi 1 câu Thế nào? Sư nói trong đây 1 câu cũng không. Vị Tăng hỏi: Chánh nhân vì sao vô sự? Sư nói Ta không hề dừng nghỉ. Lại nói nếu như có nhiều lớp thì lột cho sạch hết chẳng dừng. Lúc quyền thì bày ra cũng là phương tiện tiếp người nếu như là việc bên kia thì điều này không có.

5. Thiền sư Tùng Thâm ở viện Quán Âm, thuộc Triệu Châu.

Sư là người ở Hách Hương thuộc Tào Châu, họ Hách thuở nhỏ ở viện Hộ Thông tại triệu châu theo thầy cạo tóc mặc áo Đạo nhưng chưa thọ giới, bèn đến Trì Dương tham vấn Nam Tuyền. Gặp lúc Nam Tuyền đang an nghỉ mà hỏi rằng: Vừa rồi chỗ nào? Sư nói: Vừa rời viện Thụy Tượng. Hỏi: Còn thấy Thụy Tượng chẳng? Sư nói không thấy Thụy Tượng chỉ thấy Như Lai nằm.

Hỏi: Ông là Sa di có chủ hay không chủ? Đáp: Sa di có chủ? Hỏi: Chủ ở đâu? Đáp: Tháng giữa Đông rét dữ chúc Hòa thượng tôn thể muôn phúc. Nam Tuyền biết là pháp khí nên cho nhập thất. Một hôm Sư hỏi Nam Tuyền: Thế nào là Đạo? Nam Tuyền nói: Tâm bình thường là Đạo. Sư hỏi: Lại có thể đến được chăng? Nam Tuyền nói: Muốn hướng đến liền trái. Sư hỏi: Khi không muốn hướng đến thì làm sao biết là Đạo. Nam Tuyền nói Đạo không thuộc biết hay không biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu là thật thấu suốt Đạo chẳng nghĩ thì cũng như Thái hư rỗng rang trống không, đâu thể cưỡng là phải hay không phải Sau lời nói thì Sư ngộ lý. Bèn đến Đàn lưu ly ở Tung Nhạc mà thọ giới. Rồi trở về Nam Tuyền. Một hôm khác hỏi Nam Tuyền rằng biết có người nào đến chỗ nào thì nghỉ dứt Nam Tuyền nói: Xuống núi làm trâu đi! Sư nói: Tạ Đêm qua canh 3 trắng đến cửa sổ Sư châm 1 mồi lửa. Một hôm đóng cửa đốt sáng đầy nhà rồi kêu to: Cứu lửa, cứu lửa. Lúc đó Đại chúng đều chạy đến. Sư nói nói được thì mở cửa. Chúng đều không đáp được. Nam Tuyền đem chìa khóa đến cửa sổ trao cho Sư, sư bèn mở cửa. Lại khi Sư đến Hoàng bá. Hoàng bá thấy đến thì liền đóng cửa phượng trọng lại. Sư bèn cầm lửa vào trong Pháp đường kêu lớn cứu lửa, cứu lửa. Hoàng bá mở cửa nắm Sư lại bảo nói, nói! Sư nói: Giặc qua rồi mới giương cung bắn! Sư lại đến Bảo

Thọ. Bảo Thọ thầy sư đến bèn ở trên giường thiền ngồi xoay mặt vào vách. Sư trải tọa cụ lễ bái. Bảo Thọ xuống giường Thiền sư ở bèn lui ra. Sư lại đến Diêm Quan bảo: Xem tên. Diêm Quan nói: Qua rồi. Sư nói trúng! Sư lại đến Giáp Sơn chống gậy vào Pháp Đường. Giáp Sơn hỏi làm gì? Đáp: Dò nước. Giáp Sơn nói 1 giọt cũng không, tham cái gì? Sư bèn chống gậy lui ra. Sư đến núi Ngũ Đài, có 1 Đại Đức làm kệ giữ Sư lại:

*Núi xanh chỗ nào chẳng Đạo Tràng
Đâu cần xách gậy lễ Thanh Lương
Trong mây đâu có lông vàng hiện
Chánh nhãn lúc xem chẳng tốt lành.*

Sư hỏi: Thế nào là Chánh nhãn. Đại Đức không đáp được. Sư từ đó hoằng hóa ở đất Bắc. Chúng xin Sư đến ở Quán Âm Triệu châu. Sư lên Pháp đường dạy chúng rằng: Như hạt ngọc ở trong tay, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Lão Tăng cầm 1 cọng cỏ làm thân vàng trượng sáu, lấy thân vàng trượng sáu làm (cọng) cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật vị Tăng hỏi: Chẳng hay Phật là phiền não của ai Sư nói phiền não của tất cả mọi người. Vị Tăng hỏi làm sao khỏi được? Sư hỏi muốn phải làm sao? Sư quét đất. Có người hỏi rằng: Hòa thượng là Thiện tri thức vì sao có trần? Sư đáp bên ngoài đến vị Tăng lại hỏi thanh tịnh già làm vì sao có trần? Sư đáp lại một chút.

Lại có vị cùng Sư dạo trong vườn thấy con thỏ

sợ hãi bỏ chạy bèn hỏi: Hòa thượng là Đại Thiện tri thức vì sao tỏ thấy sợ? Sư nói vì Lão Tăng ưa giết vị Tăng hỏi khi hoa giác chưa nở thì làm sao phân biệt trình thật. Sư nói: Mở ra. Vị Tăng hỏi là trình hay thật? Sư nói: Trình là thật, thật là trình. Vị Tăng hỏi vị nào có phần thượng sự. Sư đáp: Lão Tăng có phần Xà lê có phần. Vị Tăng hỏi: Con chẳng nhận thì làm sao? Sư giả bộ không nghe. Vị Tăng không đáp được. Sư bảo đi đi. Viện của Sư có cây cột đá bị gió thổi gãy. Vị Tăng hỏi cột Đà la ni đi làm phàm hay đi làm Thánh Sư đáp cũng chẳng làm phàm cũng chẳng làm Thánh. Vị Tăng hỏi cuối cùng làm gì? Sư nói rơi xuống đất. Sư hỏi 1 tọa chủ: Giảng kinh gì? Đáp: Giảng kinh Niết-bàn. Sư nói: Hỏi 1 đoạn nghĩa được chăng? Đáp: Được. Sư lấy chân đạp vào hư không, thôi 1 hơi hỏi: Là nghĩa gì Tọa chủ nói trong kinh không có nghĩa này. Sư nói là nghĩa 500 lực sĩ bày đá mà nói không có. Đại chúng buổi tối tham vấn, Sư nói rằng: Đêm nay đáp hỏi đi. Có ai hiểu câu hỏi thì ra. Lúc đó có 1 vị Tăng ra lễ bái. Sư nói: Đây như so với ném gạch mà dẫn đến ngọc rồi dẫn đến được cái đục. Có vị Tăng đến núi Ngũ Đài hỏi 1 bà lão rằng đường nào ra Ngũ đài Bà lão đáp: Cứ đi thẳng. Vị Tăng liền đi. Bà lão nói lại cứ thế mà đi Vị Tăng bèn kể lại sự việc với Sư. Sư nói đợi ta khám phá bà lão. Sáng hôm sau Sư liền đến hỏi: Đường lên núi Ngũ Đài đi ngã nào? Bà lão nói cứ đi thẳng liền

đi. Lão bà nói lại cứ thế mà đi. Sư trở về viện bảo vị Tăng rằng: Ta vì ông khám phá bà lão ấy rồi. Vị Tăng hỏi vị nào lại đây Sư còn tiếp chăng? Sư nói tiếp. Vị Tăng hỏi: Không đến đây thì sư vẫn tiếp chăng? Sư nói: Tiếp Vị tăng nói: Người ấy đến đây thì sư tiếp không đến đây thì làm sao tiếp? Sư nói: Ngừng lại đi không cần nói nữa, pháp ta mầu nhiệm khó lường. Sư ra viện giữa đường gặp bà lão hỏi Hòa thượng ở đâu? Sư nói ở phía Tây viện đông tại Triệu Châu. Bà lão không nói. Sư trở về viện hỏi chúng vị Tăng, thì chúng vị Tăng cùng bảo cái đó là chữ Tây, hoặc nói chữ Đông tây, hoặc nói chữ ở trọ Sư nói: Các ông đều làm phán quan Diêm Thiết được. Vị Tăng hỏi Hòa vì sao thượng nói thế. Sư nói vì các ông đều biết chữ. Vị Tăng hỏi: Thế nào là báu trong đây Sư nói ngậm miệng lại. Có vị Tăng mới đến bảo Sư rằng: Con từ Trường An đến vác ngang 1 cây gậy không vướng vào 1 ai. Sư nói: Là do Đại Đức vác gậy ngán. Vị Tăng không đáp được. Có vị Tăng vẽ được hình Sư đem trình Sư, Sư nói: ông nói giống ta hay chẳng giống ta, nếu giống ta thì là đánh giết Lão Tăng, còn không giống ta thì đốt hình đi. Vị Tăng không đáp được. Sư đưa cao ngọn lửa hỏi vị Tăng rằng: Lão Tăng gọi là lửa, ông gọi là gì? Vị Tăng không đáp được. Sư nói: Chẳng biết huyền chỉ nhọc công niệm tịnh. Có vị Tăng mới đến tham vấn. Sư hỏi: Từ đâu đến? Vị Tăng nói từ phương Nam đến. Sư

hỏi Phật pháp đều ở phương Nam ông đến trong ấy làm gì? Vị Tăng hỏi: Phật pháp há có phương Bắc chẳng? Sư nói: Ông từ Vân Cư Tuyết Phong ở đến chỉ là gã gánh vác ấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói: Trong điện đó. Vị Tăng hỏi: Trong điện kia há không phải là cái tượng nắn khảm đất? Sư nói đúng. Vị Tăng hỏi thế nào là Phật? Sư nói trong điện đó. Vị Tăng nói: đệ tử mê muội xin Sư chỉ bày. Sư đáp ăn cháo chưa. Vị Tăng nói ăn cháo rồi. Sư nói rửa bát đi. Vị Tăng ấy bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Sư lên Pháp Đường nói vừa có phải quấy thì lảng xãng mất tâm. Lại có lời đáp không! Sau Có vị Tăng trình rằng bên lác bên lác gõ rằng. Lại nêu bày với Vân Cư. Vân Cư nói: Cần gì vị Tăng trở về nói lại với Sư. Sư nói phương Nam có người tan thân mất mạng. Vị Tăng nói: xin Hòa thượng nêu. Sư vừa nêu lời nói trước. Vị Tăng chỉ vị Tăng bên nói: Sư Tăng đó ăn cơm xong nói lời ấy. Sư bèn thôi. Vị Tăng hỏi: Từ lâu nghe tiếng cầu đá Triệu Châu, đến nơi chỉ thấy cướp bóc. Sư nói: Ông chỉ thấy cướp bóc mà không thấy cầu Triệu Châu. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cầu Triệu Châu? Sư nói: Đến đây! Lại có vị Tăng hỏi giống như trước sư cũng trả lời như trước. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cầu Triệu Châu? Sư nói độ lừa độ ngựa. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cướp bóc? Sư đáp ai cũng độ người. Sư nghe Sa di hét mà tham vấn, bèn bảo thị giả rằng:

*Bảo nó đi. Thị giả bảo đi.
Sa di liền cẩn thận mà đi.
Sư nói Sa di được vào cửa
Thị giả ở ngoài cửa.*

- Sư hỏi vị Tăng mới đến: Ở đâu đến? Vị Tăng nói từ Nam đến. Sư hỏi lại biết có cửa ải Triệu Châu chẳng? Vị Tăng nói: Biết có chẳng quan hệ gì Sư nói: Cái lão bán muối ấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến? Sư xuống giường thiền đứng. Vị Tăng hỏi: Phải chẳng là cái ấy ? Sư nói Lão Tăng chưa có lời ấy. Sư hỏi đầu bếp: Hôm nay kêu rau sống hay rau chín. Đầu bếp đem rau ra trình. Sư nói vị biết ân thì ít kẻ phụ ân thì nhiều. Vị Tăng hỏi: Trong kiếp không còn có người tu hành chẳng Sư hỏi: Ông gọi cái gì là kiếp không? Vị Tăng không đáp. Vị Tăng hỏi: Thế nào là huyền trong huyền? Sư nói: Ông từ huyền đến bao lâu? Vị Tăng nói: Huyền đã lâu rồi. Sư nói: Nếu Xà lê không gặp Lão Tăng bao lâu sẽ bị huyền giết. Vị Tăng hỏi: Muôn pháp về 1, 1 về đâu? Sư nói: Lão Tăng ở tại Thanh Châu làm được 1 sắp vải màu nặng 7 cân. Vị Tăng hỏi: Đêm rồi Đâu suất ngày xuống Diêm phù. Ở trong đó vì sao ma ni chẳng hiện. Sư hỏi: Nói cái gì. Vị Tăng ấy lại hỏi. Sư nói: Phật Tỳ-bà-thi sớm lưu tâm, thẳng đến như nay chẳng được diệu. Sư hỏi viện chủ: Từ đâu đến? Đáp rằng: Đến đây sông. Sư nói: Con quạ về sao bay đi? Viện chủ nói: Vì sợ con. Sư nói: Ông 10

Năm biết việc chỉ (nói) lời ấy. Viện chủ liền hỏi: Vì sao Qua bay đi? Sư nói: Viện chủ không có tâm giết. Sư đưa bát lên nói: 30 Năm sau nếu thấy Lão Tăng thì giữ lấy mà cúng dường, nếu chẳng thấy thì đập vỡ đi. Một vị Tăng ra hỏi 30 Năm sau dám nói thấy được Hòa thượng. Sư bèn đập vỡ bát. Có vị Tăng từ giả, Sư hỏi: Đi đâu? Vị Tăng nói: Đi Tuyết Phong. Sư nói: Nếu Tuyết Phong bỗng hỏi ông. rằng: Hòa thượng có lời nói gì. thì: Ông làm sao đáp? Vị Tăng đáp: Con nói không được, xin Hòa thượng nói. Sư nói: Đông thì nói lạnh, Hạ thì nói nóng. Lại nói: Tuyết Phong lại hỏi ông việc rớt ráo thế nào? Vị Tăng ấy lại nói: Con nói không được. Sư bảo: Chỉ nói đích thân từ Triệu Châu đến không nói lời người khác truyền. Vị Tăng ấy đến kể lại đầy đủ cho Tuyết Phong nghe. Tuyết Phong nói: Phải là Triệu Châu mới được Thế. Huyền Sa nghe bảo rằng: Triệu Châu lớn nhỏ đều bại thiếu sót - chẳng biết - vị Tăng hỏi thế nào là 1 câu nói của Triệu Châu. Sư nói Lão Tăng nửa câu cũng không. Vị Tăng hỏi: Há Hòa thượng không có. Sư nói: Lão Tăng chẳng phải là 1 câu. Vị Tăng hỏi thế nào là xuất gia? Sư nói: Chẳng ham công danh không làm cầu thả. Vị Tăng hỏi: Khi lắng trong dứt sạch là thế nào? Sư nói: Trong đó không vương 1 khách làm chủ. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ Sư? Không vì vị Sư bèn giơ gậy vào giường thiền. Vị Tăng hỏi:

Chỉ cái đó không phải chăng? Sư nói: Lão Tăng từ nhỏ xuất gia không hề hoa mắt. Vị Tăng hỏi hà không phải là vị. Sư nói: Mong ông thường viên tướng Tỳ Lô. Có người hỏi Hòa thượng có vào địa ngục không? Sư nói: Lão Tăng cuối cùng cũng vào. Hỏi: Đại Thiện tri thức vì sao lại vào địa ngục? Sư nói: Nếu không vào địa ngục thì ai giáo hóa ông. Một hôm Chân Định Soái Vương Công dắt các con vào viện. Sư ngồi mà hỏi rằng: Đại vương hiểu chăng? Vương nói: Không hiểu. Sư nói từ nhỏ trì trai thân đã già, thấy người không sức xuống giường thiền. Vương công càng kính trọng. Sáng hôm sau sai khách tướng truyền lời, Sư xuống giường Thiền mà nhận. lát sau Thị giả hỏi: Hòa thượng thấy Đại vương đến sao không xuống giường thiền. Nay quân tướng đến lại xuống? Sư nói: Không thể biết được. Người bậc thượng ở trên giường mà tiếp; người bậc trung xuống giường thiền mà tiếp; người bậc hạ ra ngoài cổng tam môn mà tiếp. Sư gởi cây phát trần cho Vương công nói rằng: Như hỏi chỗ nào được đến, chỉ nói Lão Tăng bình sinh dùng không hết. Sư nói huyền ngôn khắp thiên hạ. Lúc đó gọi Triệu Châu môn phong đều sợ sệt tin phục. Năm Đường Càn Nguyên y thứ 4, ngày mùng 2 tháng 11, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà tịch, thọ 120 tuổi. Sau vua ban Thụy hiệu là Chân Tế Đại sư.

6. Thiền sư Nhàn ở Linh Thứu Trì Châu.

Sư gọi chúng bảo rằng: Đây là phận sự của các ông, nếu bảo Lão Tăng nói thì tức là vẽ rắn có chân. Đây là Đốn giáo của các Thượng tọa. Có vị Tăng hỏi: Việc vẽ rắn thêm chân thì chẳng luận, thế nào là bốn phận sự? Sư nói: Xà Lê thử nói xem. Vị Tăng lại định hỏi thì Sư nói: Vẽ rắn làm gì? Hòa thượng Minh Vĩnh hỏi: Thế nào là lập tức đạt được pháp thân? Sư nói: 1 lần xem thấu mây ngoài Long môn, chớ làm Hoàng Hà chỉ trán cá. Ngưỡng Sơn hỏi: Vắng bật không lời làm sao nghe thấy? Sư nói: Nhiều nước mưa nổi dài trước tháp. Vị Tăng hỏi: Khi 2 cái đó không lời thì thế nào? Sư nói là thường. Vị Tăng hỏi lại có cái gì hơn thường chẳng? Sư đáp: Có. Vị Tăng nói: Xin sư khởi xướng. Sư nói: Huyền châu tự sáng rõ, đâu cần ánh sáng ngoài vách. Vị Tăng hỏi: Ngày nay cúng dường Đại sư Vô Nhiễm ở Tây Xuyên chẳng biết Đại sư có đến chẳng? Sư đáp vốn tự không chỗ đến, nay há theo gió mà chuyển vị Tăng nói: Như thế thì đâu cần cúng dường. Sư nói công sức hữu vi hợp với nghĩa không đổi.

7. Hòa thượng ở núi Thù Du Ngạc Châu.

Lúc đầu ở viện Hộ Quốc tại Tùy Châu, là đời thứ nhất. Hòa thượng hỏi: Thế nào là Đạo. Sư nói: Đừng đóng đinh vào trong hư không Quán nói hư không là cọc. Sư bèn đánh. Quán nắm gậy bảo:

Chớ đánh con, sau này đánh lầm người. Sư bèn thôi. Hòa thượng Thâm ở Triệu Châu trước đến Vân Cư. Vân Cư hỏi: Lão Lão Đại Đại Hán sao không tìm chỗ ở? Thâm nói làm sao ở được Vân Cư nói trước núi có nền chùa xưa. Thâm nói Hòa thượng tự ở đây. Sau đến chỗ Sư. Sư nói: Lão Lão Đại Đại Hán sao không ở đi. Niệm hỏi: Ở chỗ nào. Sư nói Lão Lão Đại Đại Hán chỗ ở cũng không biết. Niệm nói: 30 Năm chơi cỡi ngựa, ngày nay bị lừa đánh. Chúng vị Tăng đứng hầu, Sư nói: Chỉ đứng yên đó không nói, 1 chỗ buồn. Có vị Tăng định hỏi, Sư bèn đánh, bảo rằng đã vì chúng hết sức, rồi vào phương trượng. Có hành giả đến tham, Sư hỏi: Có đi gặp Triệu Châu chăng? Hỏi: Hòa thượng dám nói chăng? Sư bảo: Không phải chỉ Thù Du mà tất cả mọi người đều nói không được. Hỏi: Hòa thượng tha lỗi cho con. Sư nói trong đó từ trước chẳng chung cho nhân tình. Lại nói: Xin phát tâm từ bi. Sư lại đánh bảo. Tỉnh rồi sau sẽ vì ông.

8. Thiền sư Lợi Tung ở núi Tử Hồ, Cù Châu.

Sư người ở Thiên Châu họ Chu. Xuất gia tại chùa Khai Nguyên ở u châu, theo năm mà thọ giới cụ túc Sau vào thất của Nam Tuyên. Rồi lại cất am tranh tại núi Mã đề ở Cù châu. Năm Đường Khai Thành thứ 2 năm thời Đường, người trong ấp lập

viện Tử Hồ dưới núi mời Sư đến ở. Niên hiệu Hàm Thông thứ 2 vua ban ngạch là Thiên Viện An Quốc. Một hôm Sư lên Pháp đường dạy chúng rằng: Ở Tử Hồ có 1 con chó trên lấy đầu người, giữ lấy tâm người, dưới lấy chân người, định nghĩ bần liên tan thân mất mạng. Có vị Tăng hỏi thế nào 1 con chó ở Tử Hồ. Sư nói: Gâu gâu! Có 2 vị Tăng ở dưới Lâm Tế đến tham vấn đang vén rèm lên Sư nói: Xem chó. 2 vị Tăng xoay đầu lại Sư liền trở về phương trượng. Sư cùng Hòa thượng Thắng Quan vườn, Sư bỗng chống cuộc nhìn Thắng Quang và bảo: Sự thì chẳng phải không có, mà tâm nghĩ đến liền sai. Quang bèn lễ bái định hỏi. Sư bèn đáp cho 1 đáp rồi trở về Viện. Có 1 Ni đến tham. Sư hỏi: Có không phải là Lưu Thiết Ma? Ni đáp không dám. Sư bảo quay sang trái, quay sang phải xem. Ni đáp: Hòa thượng chó điên đảo. Sư liền đánh nửa đêm Sư ở vị Tăng đường hô lớn có giấc! Chúng đều kinh sợ chạy ra. Sư đến sau Tăng đường ôm chặt cứng 1 vị Tăng gọi to: Duy na bắt được rồi, bắt được rồi! Vị Tăng nói không phải con. Sư nói phải mà, chỉ là ông không chịu nhận thôi! Sư có kệ dạy chúng rằng:

*Ba mươi Năm đến ở Tử Hồ
Hai thời cơm cháo khí lực thô
Mỗi ngày lên núi năm, ba chuyến
Xin hỏi nào ai có hiểu không.*

Sư ở Tử Hồ nói pháp 45 Năm. Trong niên hiệu

Quảng Minh, Sư không bệnh mà tịch thọ 81 tuổi, lập được 61. Nay núi ấy vẫn còn tháp thờ Sư.

9. Hòa thượng Tung Sơn ở Lạc Kinh.

Có vị Tăng hỏi: Khi đường xưa bằng phẳng là sao? Sư đáp: Không đi tới. Vị Tăng hỏi: Vì sao không đi tới? Sư đáp: Không có chỗ ngăn che. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Tung Sơn? Sư đáp: Mặt trời mọc ở hướng Đông, mặt trăng lặn về Tây. Nói: Đệ tử không hiểu. Sư nói: Đông Tây cũng chẳng hiểu. Vị Tăng hỏi: Khi 6 thức đều sinh là sao? Sư đáp khác. Vị Tăng hỏi: Vì sao Thế? Sư nói giống nhau.

10. Hòa thượng Nhật Tử.

Á Khê đến tham. Sư ra bộ đứng dậy. Á Khê hỏi: Lão quỷ núi ấy cũng thấy ta. Sư nói: Tội quá tội quá, vừa đến mất đối đáp. Á Khê muốn nói thì Sư bèn hét. Á Khê nói: Trước trận lớn không đề phòng khó chống cự. Sư nói: Phải phải. Á Khê nói chẳng phải chẳng phải.

11. Hòa thượng Tây Thiên ở Tô Châu.

Có vị Tăng hỏi: 3 thừa 12 phần giáo thì chẳng nói, thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc đến? Sư đưa cây phát trần lên. Vị Tăng ấy không lễ bái, lại đi tham vấn Tuyết Phong. Tuyết Phong hỏi từ đâu đến. Vị Tăng nói: Từ chiết Trung đến. Tuyết Phong hỏi: Mùa hạ này ở đâu? Đáp: Ở Tây thiên tại Tô

châu. Tuyết Phong hỏi: Hòa thượng có an chăng? Đáp khi đi thì muôn phước. Tuyết Phong hỏi sao không thông dong? Đáp: Phật pháp chẳng rõ. Tuyết Phong nói: Có việc gì? Vị Tăng nêu lời nói trước. Tuyết Phong hỏi ông sao chẳng chịu. Vị Tăng nói là cảnh. Tuyết Phong hỏi ông thấy mọi người nam nữ trong thành Tô Châu chăng? Đáp: Thấy. Tuyết Phong hỏi ông thấy rừng cây trên đường chăng? Đáp: Thấy. Tuyết Phong nói hễ thấy mọi người nam nữ cây cối đất đai... thì đều là cảnh, Ông lại chịu chăng? Đáp: Chịu. Tuyết Phong nói thì như đưa cây phát trần lên, sao ông không chịu. Vị Tăng bèn lễ bái thưa: Đệ tử chỉ lấy lời nói ra, xin Sư từ bi chỉ dạy. Tuyết Phong nói hết cả (trời đất) đều là mắt ấy, ông ngồi ở đâu? Vị Tăng không đáp được.

12. Thứ sử Lục Hoàn ở Tuyên Châu.

Trước hỏi Nam Tuyên rằng: Người xưa nuôi trong bình 1 con ngỗng, con ngỗng dần lớn lên chui ra khỏi bình không được. Như nay không được đập bể bình, không được giết ngỗng, Sư làm sao lấy ra được? Nam Tuyên gọi lớn "Đại phu"!, Lục: Dạ! Nam Tuyên nói ra rồi!

Lục từ đó khai ngộ. Khi Nam tuyên thị tịch, viện chủ hỏi rằng: Đại phu sao chẳng khóc Tiên sư. Lục bảo: Viện chủ nói được thì tôi khóc ngay. Viện chủ không nói được.

13. Hành giả Cam Chí ở Trì Châu.

Mang xâu tiền đi vào Tăng đường, ở trước mặt đệ nhất tòa nói rằng: Xin thượng tọa cho tiền. Thượng tọa đáp tài thí vô tận, pháp thí vô cùng. Cam nói: Nói thế thì sao có được tiền của tôi? Lại mang đi ra. Thượng tọa không đáp được. Lại ở ngài Nam Tuyên cúng cháo nói rằng: Xin Hòa thượng niệm tụng. Nam Tuyên nói: Hành giả Cam Chí cúng cháo, xin đại chúng vì con cáo hoang con trâu đực trắng mà niệm Ma-ha Bát nhã ba la mật. Cam bèn lễ bái rồi lui ra. Ngài Nam Tuyên vào nhà bếp đập bẻ cái chảo. Hòa thượng Tuyết Phong đến, Cam đóng cửa hô lớn xin Hòa thượng vào. Tuyết Phong ở cách bờ rào ném áo vào. Cam bèn mở cửa, lễ bái. Có vị Tăng Trú Am đến hóa duyên xin vật. Cam bảo: Nếu nói được liền cho. Bèn viết chữ tâm rồi hỏi chữ gì? Vị Tăng nói chữ tâm. Lại hỏi vợ là chữ gì. Vợ đáp chữ tâm. Cam nói vợ ta cũng hợp với Trú Am. Vị Tăng không đáp được. Cam cũng không cho. Lại hỏi một Tăng, hỏi: Từ đâu đến? Vị Tăng nói từ Qui Sơn đến. Cam nói: Từng có Tăng hỏi Qui Sơn thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Qui Sơn đưa cây phát trần lên, Thượng tọa có hiểu ý Qui Sơn là thế nào chăng? Vị Tăng đáp mượn việc mà làm sáng tâm, nương vật mà bày rõ lý. Cam nói hãy trở về Qui Sơn đi nhé.

*** Đệ tử nói pháp của Thiền sư Tề An ở Diêm**

Quan, Hàng Châu trước đây.

1. Thiền sư Đạo Thường ở Quang Nam, Tương Châu.

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến Sư đưa gậy lên hỏi: Hiểu không? Vị Tăng nói không hiểu Sư bèn hét đi ra! vị Tăng hỏi Thế nào là nguồn Đại Đạo? Sư thoi cho một tấm. Mỗi khi thấy vị Tăng đến tham lễ thì phần nhiều Sư cầm gậy đuổi chạy. Hoặc nói chậm 1 khắc, hoặc nói đánh động trống Quan Nam. Mà lúc đó Bối Tiên có xướng họa.

2. Thiền sư Huyền Chân ở Song Lãn, Hồng Châu.

Trước hỏi ngài Đạo Ngô rằng Bồ tát không có thần thông vì sao dấu chân khó tìm. Đạo Ngô nói kẻ đồng đạo mới biết. Sư hỏi Hòa thượng có biết chăng. Đáp: Không biết. Sư hỏi vì sao không biết? Đáp: Đi đi, chẳng biết lời ta nói. Sau Sư ở Diêm quan mà khế hội.

3. Thiền sư Giám Tông ở Kinh Sơn, Hàng Châu.

Sư là người ở Trường Thành Hồ Châu, họ Tiền nương Đại Đức Cao Nhân tại chùa Khai Nguyên ở hàng châu mà xuất gia, học thông kinh Tịnh Danh Tư Ích. Sau đến yết kiến ngài Đại sư Ngô Không mà cởi bỏ hết nghi ngờ. Năm Đường Hàm Thông

3 thì ở tại Kính Sơn mà mở bày Thiền giáo. Có 1 tiểu Sư (vị Tăng trẻ) là Hồng Cẩn vì giảng luận mà tự khoe khoang. Sư gọi bảo rằng chánh pháp của Phật tổ thẳng dứt khoát mất lời, ông coi như cát biển đối với lý nào ích gì, chỉ có thể không giữ lấy tri kiến, dứt mất duyên ngoại, lìa tất cả tâm thì tức là chân tánh của ông. Yên nghe mà mù tịt, lễ lạy già từ, du phương, đến chỗ ngài Qui Sơn thì mới ngộ được Huyền chỉ. Bèn thờ Qui Sơn làm thầy. Hàm Thông thứ 7 nhằm năm Bính Tuất ngày 5 tháng 3 nhuận thì Sư tịch. Vua ban Thụy hiệu là Vô Thượng Đại sư, tức là Kính Sơn đời thứ 2 vậy.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết trước đây.**

1. Thiền sư Chánh Nguyên ở Qui Sơn Trường Khê.

Thuộc Phước Châu. Sư người ở Nam Lăng thuộc Tuyên Châu, họ Thái. Thuở nhỏ chán tục xuất gia, ở Tịch Sơn phước châu mà cạo tóc. Niên hiệu Đường Nguyên Hòa năm thứ 12 nhằm năm Đinh Dậu, đến thọ giới cụ túc tại chùa càn nguyên ở kiến châu. Sau đó tìm đến thất của Mặc sư ở núi Ngũ Tiết mà quyết trạch Huyền Vi. Sau ở Qui Sơn là đời thứ 2. Sư từng thuật 2 bài kệ, bài 1 và 2.

1) Biển xanh mấy độ thành ruộng dâu Chỉ có hư không lặng trong veo Người đã đến bờ thôi luyến bè

Chưa hề qua sông phải đợi thuyền.

2) Tìm thầy nhận được nguồn bốn tâm Hai bờ đều Huyền, một chẳng toàn Là Phật chẳng cần thứ tìm Phật nữa Chỉ nhờ như thế liền quên duyên.

Năm Cảnh thông 10 Sư mất ở núi này, thọ 78 tuổi lập được 54. Vua ban Thụy là Tánh Không Đại sư, tháp hiệu tuệ Quán.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Như Mãn ở
chùa Phật Quang,
Lạc Kinh trước đây.**

1. Thứ sử Bạch Cư Dị, tự Lạc Thiên, ở Hàng Châu đời Đường.

Từ lâu tham vấn ngài Phật Quang mà được tâm pháp, gồm học Bảo Giới Kim cang của đại thừa. Vào năm Nguyên Hòa ông đến trụ Pháp Đường Hưng Thiện ở Kinh Triệu mà làm Tứ Ván. 15 Năm ông cai trị ở Hàng Châu chê Hòa thượng Ô Sào có kệ tụng hỏi đáp. Có viết thư cho Pháp sư Tế, dùng Đại tuệ Vô Thượng của Phật mà giảng nói giáo lý, có theo có cao thấp ứng bệnh khác nhau, cùng 1 vị bình đẳng mà nói trái nhau. Ông lại dẫn 6 kinh Duy Kim cang Tam-muội v.v... mở mang hai nghĩa mà vẫn nạn. Lại lấy 5 uẩn 12 duyên nói danh sắc trước sau không cùng loại, lập lý mà nêu ra các chỗ gút mắc sâu kín thì làm cho thông suốt sáng tỏ. Nhưng chưa thấy Pháp sư trả lời. Sau cũng ít có người đáp.

Lại nhận ở thiền sư Ngưng Đông Đô về ở 8 Tiệm, bèn rộng ở 1 lời mà làm 1 kệ để giải thích chỉ thú từ cạn đến sâu lần lượt như xâu chuỗi. chỗ ông trần nhậm phần nhiều đều hỏi Tổ Đạo học Sư Vô Thường. Sau vì tân khách phân ly Đông Đô, đem hết bổng lộc của mình mà sửa sang chùa Hương Sơn Tự ở Long môn. Chùa sửa xong bèn tự soạn bài ký. Hễ làm văn liên quan đến giáo hóa thì đều khen Phật thừa sẽ thấy nêu trong tập sách này ghi rõ việc làm quan của ông theo thứ tự về tất cả năm tháng thì sử truyện còn lưu giữ...

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai trước đây.**

1. Thiền sư Ca Trí ở nước Tân La:

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc đến? Sư nói: Đợi trong đầu ông đến ta sẽ nói cho ông nghe. Vị Tăng hỏi thế nào là ý chỉ của Đại Mai? Sư nói: Sữa đặc ban cho lúc ném đi.

2. Hòa thượng Thiên Long ở Hàng Châu.

Sư lên Pháp Đường nói: Đại chúng chờ đợi Lão Tăng đi lên thì đi lên đi xuống thì đi xuống, mọi người đều có biển tánh Hoa Tạng đầy đủ công đức sáng suốt vô ngại, tất cả đều cần thận tìm hiểu lấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý của Tổ sư? Sư dựng thẳng cây phát trần. Vị Tăng hỏi: Thế nào là được

ra khỏi 3 cõi. Sư hỏi nay ông đang ở đâu?

*** Độ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Thụ ở
chùa
Vĩnh Thái trước đây.**

1. Thiền sư Giới Linh ở Thượng Lâm, Hồ Nam.

Trước Sư tham vấn ngài Qui Sơn, Ngài hỏi: Đại Đức đến đây làm gì? Sư nói: Giáp trụ toàn đủ. Ngài Qui Sơn nói: Tất cả từ bỏ rồi đến cho Đại đức cùng gặp. Sư nói: Từ bỏ rồi. Qui Sơn hét bảo: Giặc còn chưa đánh hết làm sao? Sư không đáp được. Ngưỡng sơn đáp thay rằng:

Xin Hòa thượng che 2 bên Qui Sơn vòng tay vái chào nói: Vâng, vâng! Sau Sư tham vấn ngài Vĩnh Thái mới nói cho biết ý chỉ.

2. Hòa thượng Bí Quảng Nham ở núi Ngũ đài.

Sư thường cầm 1 cái đĩa gỗ. Mỗi khi thấy vị Tăng đến lễ bái thì liền lấy cái đĩa đeo vào cổ bảo rằng: Đó là ma quỷ dạy ông xuất gia, đó là ma quỷ dạy ông hành cước. Nói được thì xoa cũng chết, nói không được thì xoa cũng chết. nói Mau. Học vị Tăng ít có người đáp được.

3. Hòa thượng Kỳ Lâm ở Hồ Nam.

Sư thường hét bảo Văn Thù, Phổ Hiền đều là tinh mị, tay cầm kiếm gỗ bảo hàng ma. Vừa Có vị

Tăng tham lễ, bèn nói: Ma đến! Ma đến! Rồi múa kiếm loạn xa mà vào phương trượng. suốt trong mười hai Năm. Sau bỏ kiếm không nói. Vị Tăng hỏi 12 Năm trước vì sao hàng ma. Sư nói: Giặc cướp không đánh nhà nghèo. Vị Tăng hỏi sau 12 Năm vì sao không hàng ma? Sư nói giặc cướp không đánh nhà nghèo.

*** Đệ tử nổi pháp của Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn,
U Châu trước đây.**

1. Hòa thượng Phổ Hóa ở Trấn Châu.

Không biết Sư người ở đâu. Sư thờ ngài Bàn Sơn mà ngầm được chân quyết rồi giả điên mà nói năng vô độ. Đến khi Bàn Sơn thị tịch bèn hành hóa ở đất Bắc. Hoặc ở thành thị hoặc ở nghĩa địa gõ một cái chuông mà nói rằng: Sáng đến cũng đánh, tối đến cũng đánh. Một hôm ngài Lâm Tế sai vị Tăng nắm lại nói: Không sáng không tối lúc đó thế nào? Đáp rằng: Những ngày sắp tới trong viện Đại Bi có trai hội. Hễ thấy người không cao không thấp đều gõ 1 tiếng mõ. Lúc đó người đời gọi Sư là Hòa thượng Phổ Hóa. Hoặc đem mõ đến tai người gõ, hoặc đeo ở lưng có người ngoái đầu lại liền chìa tay ra nói cho tôi 1 đồng. Phi thời gặp thức ăn thì cũng cắn. Đã từng chiều tôi đi vào viện ngài Lâm Tế mà ăn cơm rau sống. Ngài Lâm Tế nói: Lão ấy giống 1 cái đầu lừa! Sư liền hí vang tiếng lừa. Lâm

Tế bèn thôi. Sư nói: Tên đầy tớ Lâm Tế chỉ có một con mắt. Sư thấy Mã bộ sứ đi ra quát tháo, Sư cũng quát tháo và làm thế như đang đánh nhau. Mã Bộ sứ sai người đánh 5 gậy. Sư nói: Hình như thì hình như, đúng thì không đúng. Sư thường ở chốn chợ búa gõ mõ mà hô rằng: Tìm cái bỏ chỗ không thể được. Lúc đó Đạo Ngộ gặp Sư giữ lại hỏi rằng: Ông định bỏ chỗ nào Sư hỏi ông từ đâu đến? Đạo Ngộ không đáp. Sư kéo tay rồi đi. Một hôm sư vào viện ngài Lâm Tế. Lâm Tế nói giặc giặc! Sư cũng nói giặc giặc! Rồi cùng vào vị Tăng Đường. Lâm Tế chỉ Thánh vị Tăng hỏi là phạm hay Thánh.

Sư nói là Thánh. Lâm Tế bảo: Nói lời ấy. Sư bèn gõ mõ nói: Hà Dương mẹ con mới, tháp gỗ, Lão bà thiên, đưa đầy tớ Lâm Tế chỉ có một con mắt. Năm Đường Hàm Thông 1 Sư sắp thị tịch bèn vào chợ gọi người bảo rằng: "Cho ta 1 áo dài". Người cho áo khoát hoặc áo vải đều không nhận, gõ mõ mà đi. Lúc đó Lâm Tế sai vị đưa cho 1 quan tài. Sư cười bảo: "Thằng đầy tớ Lâm Tế nhiều lời", rồi nhận. Và nói lời từ tạ rằng Phổ Hóa tôi ngày mai đi về cửa Đông mà chết. Người trong quận cùng kéo nhau đưa Sư ra khỏi thành. Sư hét lớn hôm nay chôn không được tốt. Bèn bảo ngày thứ 2 ta ở cửa Nam mà thiên hóa. Người cũng chiều theo. Sư lại bảo ngày mai ra cửa Tây mới tốt. Mọi người kéo ra dần dần thừa đi. Sư ra đó rồi lại trở về. Mọi người có ý chán dần. Đến ngày thứ 4 thì tự vác

quan tài ra ngoài cửa Bắc, gõ chuông vào quan tài mà chết. Người trong quận chạy ra ngoài thành mở quan tài ra nhìn thì không thấy gì. Chỉ nghe tiếng chuông xa dần. Không lường được lý do.

*** Đệ tử nói pháp của Thiền sư Viên Sướng ở núi Long Nha trước đây.**

1. Thiền sư Tạng Dực ở Gia Hòa.

Sư là vị ở Tín An Cù Châu, họ Trình. Trong niên hiệu Đường Nguyên Hòa Sư từ biệt cha mẹ đến chùa Nhạc Lộ ở trường Sa chùa lễ Luật Sư Linh Trí mà xuất gia. Năm Trường Khánh 3, Sư ở chùa Khai Nguyên ở Vô lăng mà thọ giới cụ túc Nhân nghe Luật bộ, bèn bảo bạn đồng học rằng: Giáo môn quá rườm rà, phải tìm cửa chung. Bèn đến gặp Thiền sư Sướng ở núi Long Nha. Ngài Long Nha bảo rằng: Uẩn giới không thật, Phật và (chúng sinh) không phải ta. Ông chánh gốc tên gì, từ ai mà được. Sư sau lời nói ấy thì lãnh ngộ. Bèn trở về Kha Sơn mà lánh nạn vua Đường Võ đuổi vị Tăng Ni. Sau sư ở Long Hưng mà giáo hóa rộng. Năm Càn Phù thứ 6 trong tháng 3 thì Sư tịch thọ 82 tuổi lập được 56.

*** Đệ tử nói pháp của Thiền sư Trí Thường ở chùa**

Qui Tông trước đây.

1. Thiên sư Linh Huân ở núi Phù Dung, Phước Châu.

Lúc đầu Sư tham vấn ngài Qui Tông, hỏi rằng: Thế nào là Phật. Qui Tông nói: Ta nói với ông, ông tin chẳng? Sư nói: Hòa thượng nói lời thành thật đâu dám chẳng tin. Tông nói chính ông là Phật Sư hỏi: Làm sao giữ gìn? Tông nói: Một khi lóa mắt thì hoa đốm rơi đây. Sư từ giả ngài Qui Tông. Tông hỏi ông đi đâu? Sư nói về Lãnh Trung. Tông nói:

Ông ở đây nhiều Năm buộc áo xong liền đến vì ông mà nói Phật pháp Nhất thừa. Sư bèn buộc áo lên Pháp Đường. Tông nói đến gần đây. Sư bèn đến gần Tông nói: Lúc lạnh giữa đường khéo làm. Sư nghe câu nói ấy liền quên ngay hiểu trước. Sau Sư tịch được vua ban Thụy là Hoàng Chiếu Đại sư, thụy hiệu là Viên Tướng.

2. Hòa thượng Cao Đình ở huyện Cốc Thành, Hán Nam.

Có vị Tăng từ Giáp Sơn đến lễ bái. Sư liền đánh. Vị Tăng nói: Riêng đến lễ bái, sao Sư đánh? Vị Tăng ấy lại lễ bái. Sư lại đánh đuổi đi. Vị Tăng trở về kể lại cho Giáp Sơn. Nghe Giáp Sơn hỏi: Ông hiểu không? Vị Tăng nói không hiểu. Giáp Sơn nói: Trách ông không hiểu, nếu hiểu thì miệng của Giáp Sơn này sẽ câm.

3. Hòa thượng Đại Mao người nước Tân la.

Sư lên Pháp Đường nói: Muốn biết thầy chư Phật thì xưa nay trong tâm vô minh mà biết lấy. Muốn biết tánh thường trú không tàn rụi thì hướng về sự đổi dời của muôn cây biết lấy, vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Đại Mao? Sư nói: Chẳng lộ mũi nhọn. Vị Tăng hỏi: Vì sao chẳng lộ kim? Sư nói không tương xứng.

4. Thiền sư Trí Thông ở núi Ngũ Đài.

Trước đến gặp ngài Qui Tông. Bỗng 1 đêm đi tuần Đường (nhà thiền) kêu lớn: Ta đã đại ngộ. Chúng đều kinh hãi. Sáng hôm sau Qui Tông lên Pháp Đường nhóm họp chúng hỏi rằng: Đêm qua vị Tăng nào đại ngộ bước ra đi. Sư bước ra thưa Trí Thông. Qui Tông hỏi: Ông thấy đạo lý gì nói là đại ngộ thử nói ta xem. Sư đáp Sư cô tự nhiên là cô gái làm ra. Qui Tông im lặng lấy làm lạ. Sư bèn từ giả. Qui Tông đưa ra cửa đưa cho cái nón. Sư lấy nón đội lên đầu mà đi không hề quay đầu lại. Sau Sư ở chùa Pháp Hoa ở Đài Sơn. Khi qua đời Sư có bài kệ rằng:

*Đưa tay sờ (Nam Đầu)
Quay mình dựa Bắc Thần
Thò đầu thấy ngoài trời
Ai là người như ta.*

*** Đề tử nổi pháp của Thiền sư Trí Tạng ở chùa**

Hoa Nghiêm trước đây.

1. Hòa thượng Tế An ở Huỳnh Châu.

Sư dạy chúng rằng: "Nói chẳng lạc câu Phật tổ chẳng bày. Huyền vận chẳng rơi, ai người biết được". Vị Tăng hỏi: Thế nào là biết được Phật mình? Sư nói: "1 lá lúc sáng tiêu không hết. Gió từng vận hết oán không người". Vị Tăng nói: Thế nào là Phật mình? Sư nói: Trước cỏ tuân mã thật khó cùng. Diệu hết lại cần sức sinh đi. Có người hỏi Đại sư bao nhiêu tuổi? Sư nói 5, 6, 4, 3 chẳng được loại. Há đồng 1, 2 thật khó cùng. Sư có bài tụng:

Trong lửa dữ dần người có nẻo Gió thoảng trên đầu, bốc lên cao

Trần thường nhiều kiếp sai khác nhau Mặt trời không nói chiếu khắp nơi Sau Sư ở tại Phụng Tường.

